Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 19
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 10-30-96
Tap chi cong san : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

19
10-1996

Digitized by Google

VIETNAM MOTORS

19-8-1991 19-8-1996

Lớn mạnh cùng nền công nghiệp xe hơi Việt Nam

Với chúng tôi, vinh dự lớn nhất là được cung cấp cho Khách Hàng các sản phẩm đa dạng nhất, chất lượng cao nhất cùng với các dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhất.

BMW mazda KIA

Trụ sở chính tại Hà Nội :
Km 9 đường Nguyễn Trãi, Q. Đống Đa. Tel 8543452 - 8543325 Fax : 8544682
Trung tâm bán - bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại Hà Nội :
198 B Tây Sơn, Q. Đống Đa. Tel : 8534121 - 8534122 Fax : 8534121
Trung tâm giới thiệu và bán xe BMW tại Hà Nội :
109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm. Tel : 8221168 - 8221180 Fax : 8221180
Chi nhánh - Trung tâm bán, bảo hành bảo dưỡng xe BMW tại t/p Hồ Chí Minh :
134 Nguyễn Biểu, Q. 5 Tel : 8362766 - 8362759 Fax : 8362768
Trung tâm bán và bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại t/p Hồ Chí Minh :
22 đường Cộng Hòa, Q. Tân Bình Tel : 8453304 - 8453305 Fax : 8453302

Và tất cả các đại lý của VMC trên toàn quốc


BMW 525i


BMW 320i


MAZDA E2000



MAZDA 626



MAZDA 323


MAZDA 323

NHÂN DỊP năm 5 THÀNH LẬP

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT


KIA CERES


MAZDA B2200

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, Xí nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình - Vietnam Motors Corporation (VMC) sẽ áp dụng mức giá khuyến mại đặc biệt cho kiểu xe MAZDA 323 do Liên doanh lắp ráp. Với mỗi xe, Quý vị sẽ được giảm 30.000.000 đồng. Chương trình kéo dài từ ngày 19-8-1996 đến ngày 31-10-1996. Kính mời Quý Khách Hàng đến tham quan các trung tâm và các đại lý của VMC trên toàn quốc. Tại đây chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị mọi thông tin chi tiết.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 505

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VÕ NGUYÊN GIÁP - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Những luận điểm sáng tạo lớn	3
	LÊ HUY NGỌ - Một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng	12
	NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Hội nông dân Việt nam với việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	17
	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Thống nhất ý chí và hành động theo định hướng tư tưởng chính trị của Đại hội VIII	20
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHẠM VĂN CHÚC - Cương lĩnh của Lê-nin về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước riêng biệt với nền kinh tế tiểu nông	24
	TRƯƠNG HỮU HOÀN - Vì sao chúng ta chủ trương bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ?	29
	LÊ HỮU TẦNG - Về công bằng xã hội	33
	NGUYỄN VÕ NGOẠN - Chính sách hối đoái ở nước ta	37
	CAO DUY HẠ - Tìm hiểu "thị trường lách" và vai trò của nó đối với nền kinh tế	41
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THẾ TRÀM - Từ thực tiễn quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước ở Tây nguyên	44
	ĐỖ HỮU THÍCH - Một số kinh nghiệm của Thanh hóa trong việc chỉ đạo phòng, chống bão lụt, khắc phục hậu quả thiên tai	47
	LÝ KHAI PHÀ - Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lai châu khắc phục hậu quả lũ lụt	50
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	TRÀ HẢI - Điều cốt lõi của bản sắc văn hóa Việt nam	52
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN VĂN LỘC - "Làm lớn"	54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN KIM LÂN - Học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ 50 năm qua (1946 - 1996)	55
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Môi trường. Bảo vệ môi trường	58
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Trao đổi ý kiến về nền khoa học công nghệ Việt nam	59

Bìa 1 : *Cổng Tam quan đền An Dương Vương - Đông anh - Hà nội* Ảnh : NHẤT LINH

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО НГУЕН ЗАП - Идеи Хо Ши Мина выдающиеся творческие положения. ЛЕ ТХУ НГО - Некоторые проблемы метода руководства партии. НГУЕН ДЫК ЧИЕУ - Вьетнамская Крестьянская Ассоциация в деле развития сельского хозяйства и формирования новой деревни. ЧАН СУАН ЧЫОНГ - Объединение волей и действий под политико-идеологической ориентацией 8ого Съезда Партии. ФАМ ВАН ТЮК - Ленинский тезис о переходе к социализму отдельной, мелько-сельскохозяйственной страны. ЧЫОНГ ХЫУ ХОАН - Почему мы выступаем за минование периода капиталистического развития. ЛЕ ХЫУ ТАНГ - О социальной справедливости. НГУЕН ВО НГОАН - Наш курс в области обмена иностранной валюты. НГУЕН ТХЕ ЧАМ - Опыты практики финансового управления в государственных предприятиях в Тай Нгуене. ЧА ХАЙ - Суть культурного своеобразия Вьетнама. НГУЕН КИМ ЛАН - Американская военная доктрина и стратегия за 50 прошедших лет.

CONTENTS

VÕ NGUYÊN GIÁP - Ho Chi Minh's Thoughts - Great creative tenets. LÊ HUY NGỌ - Some problems about the Party's method of leadership. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - Vietnam Peasants' Association and the task of agricultural development and new rural building. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Unification of will and act in the politico-ideological orientation of the VIIIth Congress of the Party. PHẠM VĂN CHÚC - Lenin's political theses on transition to Socialism by a separate country with small agricultural economy. TRƯƠNG HỮU HOÀN : Why we stand for the missing of the period of capitalist development? LÊ HỮU TẦNG - About social justice. NGUYỄN VÕ NGOẠN - Foreign currency policies of our country. NGUYỄN THẾ TRÀM - From the situation of financial management in State - run enterprises in Westem Highlands. TRÀ HẢI - The essense of Vietnam's cultural identities. NGUYỄN KIM LÂN - The US military doctrines and strategies over the 50 years (1946 - 1996)

SOMMAIRE

VÕ NGUYÊN GIÁP - La pensée de Ho Chi Minh - ses grands points de vue créatifs. LÊ HUY NGỌ - Quelques problèmes relatifs au mode de direction du Parti. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - L'association des paysans vietnamiens et le développement de l'agriculture et l'édification d'une nouvelle campagne. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Toujours dans une même unité de volonté et d'actions selon l'orientation politique du VIIIe Congrès du Parti. PHẠM VĂN CHÚC - La thèse de Lénine sur la transition au socialisme d'un pays isolé à économie de petite agriculture. TRƯƠNG HỮU HOÀN - Pourquoi décidons nous de nous passer de l'étape capitaliste ?. LÊ HỮU TẦNG - Sur la justice sociale. NGUYỄN VÕ NGOẠN - La politique des changes dans notre pays. NGUYỄN THẾ TRÀM - Sur la pratique de la gestion financière dans les entreprises d'Etat au Tay Nguyen. TRÀ HẢI - L'essentiel de l'identité culturelle vietnamienne. NGUYỄN KIM LÂN - Doctrine et stratégie militaires des Etats-Unis durant les 50 dernières années (1946 - 1996).

SUMARIO

VÕ NGUYÊN GIÁP - El pensamiento Ho Chi Minh - Grandes argumentos creadores. LÊ HUY NGỌ - Algunos problemas sobre el método de dirección del Partido. NGUYỄN ĐỨC TRIỀU - La Asociación de los Campesinos vietnamitas con el desarrollo agrícola y la construcción del campo nuevo. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Unificar la voluntad y la acción en orientación de la ideolo gía política del VIII Congreso. PHẠM VĂN CHÚC - La tesis de V.I. Lenin sobre la transición al socialismo de un país aislado de la economía de pequeña agricultura. TRƯƠNG HỮU HOÀN - ¿Por qué preconizamos pasar la etapa de desarrollo capitalista ? LÊ HỮU TẦNG - Sobre la justicia social. NGUYỄN VÕ NGOẠN - La política de cambios en Vietnam. NGUYỄN THẾ TRÀM - De la realidad de la gestión financiera en las empresas estatales en la Altiplanicie Tây Nguyên. TRÀ HẢI - El núcleo de la identidad cultural vietnamita. NGUYỄN KIM LÂN - La doctrina y la estrategia militares norteamericanas en los 50 años transcurridos (1946 - 1996).

目錄

●武元甲：胡志明思想中的一些大的創造性論點 ● 黎輝午：有關黨的領導方式的一些問題 ● 阮德朝：越南農會與發展農業及建設新農村 ● 陳春長：按照黨八大既定的政治思想方向統一意志和行動 ● 范文祝：列寧關于從單一的小農經濟國家過渡到社會主義的綱領 ● 張友環：爲什麼我們主張不經過資本主義發展階段 ● 黎友屬：關于社會公平問題 ● 阮武玩：我國的匯兌政策 ● 阮世湛：西原省國有企業從財政管理實踐中得出的一些問題 ● 茶海：越南文化本色的最根本問題 ● 阮金麟：50年美國的軍事學說及其戰略(1946年至1996年)

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NHỮNG LUẬN ĐIỂM SÁNG TẠO LỚN

VÕ NGUYÊN GIÁP

NHÂN dân Việt nam và nhân dân tiến bộ trên thế giới ca ngợi Hồ Chí Minh, công nhận tư tưởng Hồ Chí Minh đã có vai trò quyết định đối với sự phát triển của cách mạng Việt nam và góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vậy tư tưởng Hồ Chí Minh là gì ? Nó gồm những nội dung cơ bản gì ? Những tinh hoa tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần vào kho tàng tư tưởng chính trị - xã hội - nhân văn của thời đại ? Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lê-nin - đỉnh cao của tư tưởng nhân loại, nhưng nó đã phát triển sáng tạo và làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở những vấn đề nào ? v.v..

Giải đáp một cách khoa học những câu hỏi nêu trên không phải giản đơn và dễ đi đến nhất trí.

Từ sau Đại hội VII, tiếp đến sự triển khai nghiên cứu chương trình cấp nhà nước "Về tư tưởng Hồ Chí Minh", vấn đề xác định tư tưởng Hồ Chí Minh là gì và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, đã trở thành một vấn đề, một phạm trù xuất phát của công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, một vấn đề mà các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà lãnh đạo quản lý đều đề cập đến từ những góc độ, những cách tiếp cận khác nhau.

Đến nay, theo thống kê sơ bộ, đã có hơn 60 định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh và có nhiều cách trình bày về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Cách tiếp cận và khái quát nêu trong bài này cũng chỉ mong đưa ra được một định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh và một cách tiếp cận nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh tương đối hợp lý, có thể chấp nhận trong điều kiện nghiên cứu hiện nay.

Trước hết, cần làm rõ khái niệm "*tư tưởng*" trong mệnh đề : "*Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động cho Đảng ta và nhân dân ta*".

Khái niệm "*tư tưởng*" ở đây không phải dùng với nghĩa tinh thần - tư tưởng, ý thức tư tưởng của một cá nhân, một cộng đồng, mà với nghĩa là "*học thuyết*", là một hệ thống những quan điểm, quan niệm, luận điểm được xây dựng trên một nền tảng triết học (thế giới quan và phương pháp luận) nhất quán, đại biểu cho ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc, được hình thành trên cơ sở hiện thực thực tiễn nhất định và trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn, cải tạo hiện thực.

Khi định nghĩa về nhà tư tưởng, Lê-nin đã lưu ý : một người xứng đáng là nhà tư tưởng khi nào biết giải quyết trước người khác tất cả những vấn đề chính trị - sách lược, các vấn đề về tổ chức, về những yếu tố vật chất của phong trào không phải một cách tự phát.

Với khái niệm *tư tưởng* như vậy, vấn đề lớn đặt ra là : Hồ Chí Minh đã có những *luận điểm sáng tạo lớn gì ?*

C. Mác tâm đắc với luận điểm của nhà triết học duy vật Pháp Hen-vê-xi-u-xơ và đã nhắc lại trong tác phẩm của mình : "Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ nhân của nó, và nếu không có những người như thế, thì, như Hen-vê-xi-u-xơ đã nói thời đại sáng tạo ra con người như thế" (1).

Mác - Ăng-ghen - Lê-nin - Hồ Chí Minh và những lãnh tụ cách mạng lớn khác là những vĩ nhân, có chung một mục tiêu, một lý tưởng là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người ; xây dựng một chế độ xã hội mang bản chất nhân đạo cao cả, một chế độ xã hội tốt đẹp, ở đó "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người", như Mác - Ăng-ghen đã nêu trong *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"*.

Tuy nhiên, bất cứ lý thuyết, học thuyết, chủ nghĩa nào cũng nằm trong dòng chảy của tư duy

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, t 1, tr 284

Digitized by Google

nhân loại, đều kế thừa, phát triển trên tinh thần phủ định biện chứng những thành tựu trước đó và phải gắn với mảnh đất hiện thực, phản ánh sự vận động của hiện thực.

Tùy theo bối cảnh lịch sử, đặc điểm của hoàn cảnh thực tiễn, môi trường hoạt động đấu tranh và phẩm chất cá nhân, mỗi người có những cống hiến riêng, đóng góp cho kho tàng lý luận chung và để lại dấu ấn nhất định vào sự vận động, phát triển của thời đại, của giai cấp, của dân tộc.

C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăng-ghen (1820 - 1895) sinh ra ở Đức, sống và hoạt động ở những nước tư bản phát triển châu Âu (Đức, Anh, Pháp), trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, mâu thuẫn về xã hội và cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản nổi lên gay gắt. Cuộc đấu tranh ấy đòi hỏi phải có lý luận mới để chỉ đạo, thúc đẩy xã hội phát triển theo đúng quy luật khách quan của nó. Mác - Ăng-ghen đã kế thừa những trào lưu tư tưởng lúc bấy giờ, chủ yếu là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Trải qua quá trình nghiên cứu, đấu tranh về tư tưởng, lý luận và tham gia đấu tranh chính trị - xã hội, hai ông đã thực hiện một bước chuyển biến nhảy vọt về lý luận : Hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên cơ sở kế thừa có chọn lọc tư tưởng biện chứng của Hê-ghen và quan điểm duy vật của Phơ-bach, chuyển từ lập trường *Dân chủ cách mạng* sang lập trường *Cộng sản,* sáng lập ra học thuyết cách mạng và khoa học của giai cấp vô sản gồm ba bộ phận cấu thành là *triết học, kinh tế chính trị học* và *chủ nghĩa xã hội khoa học.* Hai ông đã vạch rõ bản chất bóc lột và quy luật vận động, phát triển, và tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, vạch rõ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và con đường đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và quần chúng lao động chống giai cấp tư sản - con đường cách mạng vô sản để thủ tiêu xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Cùng với việc sáng tạo lý luận cách mạng và khoa học thấm đượm tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghen đã dấn mình vào thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản. Hai ông đã viết bản *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"* bất hủ, nêu lên khẩu hiệu nổi tiếng : "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại", tổ chức ra "Đồng minh của những người cộng sản" (tức Quốc tế I) và dự đoán cách mạng vô sản sẽ diễn ra đồng thời ở nhiều nước.

Học thuyết Mác đã trở thành vũ khí tinh thần của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động và đã không ngừng phát triển, hoàn thiện trong cuộc đấu tranh ấy.

Con đường cách mạng mà Mác - Ăng-ghen vạch ra là : *Giải phóng giai cấp, đi đến giải phóng nhân loại.*

V.I. Lê-nin (1870 - 1924) sinh ra và hoạt động chủ yếu ở nước Nga rộng lớn, chủ nghĩa tư bản phát triển ở mức trung bình ; trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản phát triển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, trên thế giới đã xuất hiện và phát triển ngày càng gay gắt mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

Lê-nin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. Cống hiến lớn của Lê-nin là nghiên cứu những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc, phát hiện quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, đi đến luận điểm nổi tiếng : Cách mạng có thể thắng lợi trong một số nước, thậm chí ở một nước, nơi tập trung mâu thuẫn và là chỗ yếu của dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Lê-nin đã trực tiếp lãnh đạo thành công Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử loài người.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, một mặt Lê-nin xúc tiến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở Nga và đã có những phát triển sáng tạo trong lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quyết định của Lê-nin chuyển từ chính sách cộng sản thời chiến sang chính sách kinh tế mới (NEP) là một sáng tạo lớn trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, phù hợp với thực tiễn nước Nga lúc bấy giờ.

Lê-nin lại có những cống hiến lớn trong thúc đẩy phong trào cách mạng vô sản và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thế giới ; đã đẩy lùi ảnh hưởng của xu hướng cơ hội trong Quốc tế II về vấn đề cách mạng vô sản ; phê phán quan điểm tư sản về vấn đề dân tộc ; đánh giá cao vai trò các dân tộc phương Đông.

Digitized by Google

Lê-nin đã thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III), tạo điều kiện thúc đẩy sự ra đời của nhiều đảng cộng sản trên thế giới. Như vậy, Lê-nin đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác, tiến hành cách mạng vô sản Nga thành công, *đi từ giải phóng giai cấp, đến giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại*, với khẩu hiệu : "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức liên hiệp lại".

Điều cần nói rõ là các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê-nin không bao giờ tự cho học thuyết của mình là "chân lý tuyệt đối", là "tuyệt đỉnh". Các ông đều nhấn mạnh bản chất "phê phán", "cách mạng" và tác dụng "kim chỉ nam" của học thuyết mà các ông đã đề ra.

Lê-nin đã từng nói : "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm ; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống" (2).

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên ở Việt nam, một nước phong kiến, nông nghiệp lạc hậu ở phương Đông, bị chủ nghĩa thực dân xâm lược và nô dịch từ cuối thế kỷ XIX. Việt nam vốn là một dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân ái, có nền văn hiến lâu đời. Từ khi Pháp xâm lược, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục, sôi nổi, nhưng con đường cứu nước đang bế tắc chưa có lối ra.

Thời đại Người lớn lên và hoạt động cũng là thời đại chủ nghĩa đế quốc thực dân bành trướng mạnh mẽ, tranh cướp thuộc địa, thị trường, dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới, tàn sát hàng trăm triệu người. Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản càng mở rộng ; mâu thuẫn giữa các nước và tập đoàn đế quốc chủ nghĩa với nhau càng phát triển ; mâu thuẫn giữa nhân dân bị áp bức ở các nước thuộc địa, phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc, thực dân ngày càng gay gắt. Từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, đã xuất hiện mâu thuẫn mới - mâu thuẫn giữa nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên với hệ thống tư bản chủ nghĩa. Thế giới bước vào thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thời đại của cách mạng vô sản, của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn của Việt nam và của thế giới, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và các Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, vạch ra con đường cách mạng đầy sáng tạo của Việt nam : *Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người*, với khẩu hiệu : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công".

Hồ Chí Minh một mặt khẳng định tính chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Mặt khác, trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn xã hội Việt nam và các nước phương Đông, Người đã sớm phát hiện ở phương Đông có những đặc điểm khác với các nước phương Tây mà thời Mác chưa có điều kiện nghiên cứu. Hồ Chí Minh đã bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng những luận điểm mới rất quan trọng.

Trong Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924, Người viết : "Cuộc đấu tranh giai cấp không giống như ở phương Tây"... "Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

"Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào ? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì ? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại...

"Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô Viết đảm nhiệm (ban thuộc địa của chúng tôi vừa nhận được thư mời chúng tôi tham gia công tác này)" (3).

Từ phương pháp tiếp cận đúng đắn, mạnh dạn, khoa học trong kế thừa và phát triển học thuyết Mác - Lê-nin, đồng thời bám sát đặc điểm của thực tiễn Việt nam và thế giới, Hồ Chí Minh đã có những luận điểm sáng tạo góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất là những vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ mới và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước phương Đông, thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu...

---

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1978, t 4, tr 232

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 1, tr 464 - 465

Digitized by Google

Những luận điểm ấy của Hồ Chí Minh rất phong phú, bao quát nhiều mặt, nhiều lĩnh vực. Ở đây chỉ nêu lên những luận điểm sáng tạo lớn :

1 - Hồ Chí Minh là *nhà yêu nước Việt nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Lê-nin - chủ nghĩa Mác - Lê-nin và cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga.* Từ đó, Người thấy rõ : *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"* ; và *"Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại,* đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên trái đất, việc làm cho mọi người, niềm vui hòa bình, hạnh phúc...". Kết luận ấy đã tạo ra một bước ngoặt quyết định đối với con đường cứu nước của dân tộc Việt nam, nâng chủ nghĩa yêu nước Việt nam lên một chất lượng mới, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Hồ Chí Minh là *nhà yêu nước Việt nam đầu tiên đã trở thành người cộng sản chân chính ; là người cộng sản một nước thuộc địa trở thành một trong những người sáng lập Đảng cộng sản chính quốc - Đảng cộng sản Pháp, một cán bộ quan trọng của Quốc tế Cộng sản,* vừa đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc mình, vừa đấu tranh cho phong trào cách mạng vô sản và giải phóng dân tộc trên thế giới. *Người đã có công đầu trong truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam,* gieo hạt giống cộng sản và trực tiếp *chuẩn bị những nhân tố chính trị và tổ chức* bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt nam. *Người đã có công lớn trong truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phát triển phong trào cách mạng, nhất là phong trào nông dân, phong trào cộng sản ở các nước Đông - Nam châu Á.*

2 - Hồ Chí Minh là người dân thuộc địa và là người cộng sản đầu tiên *có cống hiến to lớn về nghiên cứu chủ nghĩa thực dân và vấn đề giải phóng dân tộc.*

Ngay từ những bài báo đầu tiên của Người viết năm 1919, cho đến những bài báo viết vào những năm 1926 - 1927, Người đều tập trung vạch trần bản chất và tội ác của chủ nghĩa thực dân ; nêu rõ nỗi đau khổ của kiếp người dân mất nước, nguyện vọng khát khao được giải phóng, cuộc đấu tranh phản kháng của các dân tộc thuộc địa, không chỉ ở Việt nam, Đông dương, mà ở hầu hết các thuộc địa của Pháp, Anh, Hà lan, Bồ đào nha,... ở khắp các châu lục.

Những bài báo do Người viết, được sưu tập, chỉnh lý thành tập *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* xuất bản năm 1925 và *"Đây công lý của thực dân Pháp ở Đông dương"* xuất bản về sau, đã có ảnh hưởng sâu rộng và được dư luận đánh giá là những tài liệu "có một không hai" về chủ nghĩa thực dân. Có nhà nghiên cứu đã viết : "Sự phân tích về chủ nghĩa thực dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt hẳn những gì mà những nhà lý luận mác xít đề cập đến" (4).

Để đập tan huyền thoại về "khai hóa văn minh" đối với các thuộc địa ; phê phán nhận thức sai lầm về các thuộc địa là "những vùng đất yên bình trên nắng dưới cát với dừa xanh", Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất bóc lột, bạo lực của chủ nghĩa thực dân. Người đã khái quát : *"Lịch sử bất cứ cuộc xâm chiếm thuộc địa nào thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu của người bản xứ".* Và "Các thuộc địa là hiện thân của chế độ dã man, tàn bạo của bọn thực dân đối với hàng triệu dân bản xứ".

Theo Người, *tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản đế quốc phần lớn đều lấy ở các thuộc địa* : Thuộc địa "là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó" (5).

Người phân tích, ngày nay chủ nghĩa tư bản đế quốc đã *tiến tới như một khoa học thống trị vô sản chính quốc và vô sản thuộc địa* : "Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng" (6).

Người đưa ra luận điểm nổi tiếng : *"Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa* với một cái vòi bám vào giai cấp vô sản chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản các nước thuộc địa". Và : "Nếu người ta muốn giết con vật ấy, *người ta phải đồng thời cắt cả hai cái vòi.* Nếu

(4) Xem : *Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại*, NXB Lao động - QĐND, 1992, tr 58, 63

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 243

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 246

Digitized by Google

người ta cắt một cái mà thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản ; con đỉa vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt sẽ tiếp tục mọc ra". Từ đó Người vạch rõ chủ nghĩa thực dân không chỉ là kẻ thù của các dân tộc bị áp bức, mà đồng thời là kẻ thù của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chính quốc.

Cũng từ luận điểm nổi tiếng đó và quán triệt sâu sắc quan điểm của Lê-nin về mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa, trong các Đại hội của Đảng cộng sản Pháp và Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Người *kiên quyết đấu tranh phê phán những người cộng sản chính quốc coi nhẹ vấn đề thuộc địa, không quan tâm đến cách mạng ở thuộc địa*. Trong thư gửi Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, Người nêu vấn đề : "Phân bộ Pháp, phân bộ Anh và những phân bộ các nước thực dân khác đã làm gì cho các thuộc địa của chủ nghĩa tư bản nước họ ? Những chiến sĩ của các phân bộ ấy có hiểu thuộc địa là như thế nào không ?".

Người đã trả lời là "không" và thẳng thắn phê phán Đảng cộng sản Pháp : "Là một đảng viên Đảng cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Đảng cộng sản Pháp chúng tôi làm ít và rất ít cho các nước thuộc địa [7].

Trong thực tế, từ 1925, Đảng cộng sản Pháp đã có những chuyển biến rõ rệt trong thái độ chống chủ nghĩa thực dân. Nhà sử học Pháp Sác-lơ Phuốc-ni-ô cho rằng thời kỳ Đảng cộng sản mới thành lập, trong đấu tranh chống di sản của Quốc tế II, "Nguyễn Ái Quốc đã có đóng góp quan trọng vào việc hình thành truyền thống chống chủ nghĩa thực dân - một truyền thống làm vẻ vang cho Đảng cộng sản Pháp" và kết luận : "Vậy thì hẳn rằng : Nguyễn Ái Quốc phải được coi là một trong những thầy của Đảng cộng sản Pháp về những vấn đề thuộc địa" [8].

Hồ Chí Minh là người chiến sĩ tiên phong *lên án* chủ nghĩa thực dân đế quốc và cũng là người đã *thi hành bản án* chôn vùi chủ nghĩa thực dân ở Việt nam, mở đầu cho thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

3 - *Hồ Chí Minh đã nêu luận điểm đặc biệt sáng tạo : Cách mạng ở các nước thuộc địa có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc và tác động trở lại, thúc đẩy cách mạng chính quốc. Nhân dân Việt nam hoàn toàn có thể chủ động đứng lên, "đem sức ta mà giải phóng cho ta". Không ỷ lại chờ đợi cách mạng chính quốc.*

V.I. Lê-nin là người đã sớm thấy sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc và là người đã viết *Đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, trong đó nhấn mạnh tư tưởng phải kết hợp chặt chẽ phong trào cách mạng ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa ; các nước làm cách mạng vô sản thành công phải giúp đỡ cách mạng ở các nước thuộc địa, nhất là các nước kinh tế lạc hậu, còn nhiều tàn tích phong kiến...

Tuy nhiên, cũng như những người lãnh đạo Quốc tế cộng sản lúc bấy giờ, Lê-nin đặt cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc, là "hậu bị quân" của cách mạng vô sản chính quốc, và cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể thắng lợi khi cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi.

Tuyên ngôn thành lập Quốc tế cộng sản (3-1919) viết : "Việc giải phóng các thuộc địa chỉ có thể tiến hành với việc giải phóng giai cấp công nhân ở chính quốc..." ; "công nhân và nông dân không chỉ ở An-giê-ri, Băng-gan, mà cả ở Ba tư hay Ac-mê-ni chỉ có thể được độc lập khi nào công nhân ở Anh và ở Pháp lật đổ chính phủ "Lôi-giooc" và "Clê-măng-xô" giành chính quyền về tay mình" [9].

Nguyễn Ái Quốc tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế III. Nhưng vốn là người dân thuộc địa và là người cộng sản lăn lộn trong phong trào thuộc địa và nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa thực dân, Người đã đề ra những luận điểm về tính chủ động, tích cực của cách mạng giải phóng dân tộc, của nhân dân các nước thuộc địa, bổ sung vào những luận điểm chung lúc bấy giờ. Theo Nguyễn Ái Quốc, cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa không hoàn toàn phụ thuộc vào cách mạng vô sản chính quốc, mà nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc có thể *"chủ động đứng lên, đem sức ta mà giải phóng cho ta", giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc.*

---

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 278

(8) Thêm một số tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp thời kỳ 1917 - 1924 của Nguyễn Phan Quang-NXB TP Hồ Chí Minh 1988 - trang 137

(9) *Lê-nin và Quốc tế cộng sản* - NXBCTQG Mát-xcơ-va 1970, tr 143 - 144 (Nga văn).

Digitized by Google

Trong *Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp các thuộc địa* (1921) Người viết : *"Công cuộc giải phóng của anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em"*. Đến "Đường Cách mệnh" (1927) Người lại chỉ rõ : "Muốn người ta giúp cho, thì trước hết mình phải tự giúp mình đã". Và Người dự báo : "Việt nam dân tộc cách mạng thành công thì tư bản Pháp yếu ; tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh càng dễ". Năm 1945, Nhật đầu hàng đồng minh, thời cơ cách mạng đã đến, Người kêu gọi : "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".

Luận điểm sáng tạo nêu trên của Hồ Chí Minh mang tính cách mạng và khoa học đúng đắn, dựa trên những luận cứ đã được Người khảo sát, chứng minh.

Về phía chủ nghĩa tư bản, Người *nhận thức sâu sắc vai trò của thuộc địa đối với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa đế quốc* : Chủ nghĩa tư bản đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa". Bởi vậy, "chủ nghĩa tư bản chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng của lâu dài đế quốc chủ nghĩa.

Về phía phong trào giải phóng dân tộc, Người *nhận thức rõ tiềm năng cách mạng của các dân tộc bị áp bức là rất to lớn*, nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một *"lực lượng khổng lồ"* khi được giáo dục, giác ngộ, tổ chức, lãnh đạo. Ngay từ năm 1921, Người đã viết : "Người châu Á tuy bị phương Tây coi là lạc hậu - họ vẫn hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại" (10).

Người dự báo : "Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của vài tên thực dân lòng tham không đáy, *họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện sống còn của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ anh em phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn*" (11).

Cũng từ đánh giá đó, Người đi đến khẳng định : "Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc phần lớn vào các thuộc địa". Do đó *phong trào cách mạng ở các thuộc địa là "một cái cánh của cách mạng vô sản thế giới"*.

Về Việt nam và Đông dương, Người nhận định : Ngay dưới ách áp bức, bóc lột tàn khốc của chủ nghĩa thực dân, *người Đông dương không chết, người Đông dương vẫn sống, sống mãi*. Sự đầu độc của bọn thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của họ... Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi" (12). Trong *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng cộng sản Việt nam*, Người viết : "Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng *có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết*. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh..." (13).

Như vậy, luận điểm về khả năng giành thắng lợi của cách mạng thuộc địa trước cách mạng chính quốc và nhân dân thuộc địa có thể đứng lên tự giải phóng cho mình là một sáng tạo có tầm quan trọng to lớn của Hồ Chí Minh, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá sáng tạo đó ngang với sáng tạo của Lê-nin khi Lê-nin đưa ra luận điểm : "Cách mạng vô sản có thể thành công trong một số nước, thậm chí trong một nước là nơi tập trung mâu thuẫn" để thay cho luận điểm của Mác : "Cách mạng vô sản chỉ có thể thành công đồng thời ở các nước".

Luận điểm sáng tạo đó của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn rất quan trọng. Đó là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc và Đảng ta tin tưởng và quyết tâm tổ chức lãnh đạo nhân dân Việt nam đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng khỏi ách đế quốc xâm lược và khỏi nghèo nàn lạc hậu. Đó cũng chính là cơ sở của tinh thần *độc lập tự chủ, tự lực tự cường* của nhân dân Việt nam trong sự nghiệp cách mạng. Nhờ tinh thần đó mà cách mạng Việt nam giành được những thắng lợi vĩ đại. Thực tế là sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt nam không phải giải quyết ở Pa-ri, (thủ đô nước Pháp) như có lãnh tụ cộng sản Pháp đã khẳng định, mà là ở Việt nam, là do kết quả của cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân Việt nam. Cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam đã thành công trước cách mạng vô sản ở Pháp, Mỹ và đã góp phần

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 35
(11) (12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 28, 35, 36
(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 9

Digitized by Google

thúc đẩy phong trào giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, Mỹ và các nước khác...

4 - Nắm vững học thuyết về cách mạng vô sản và học thuyết giai cấp, đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xuất phát từ đặc điểm của xã hội Việt nam là một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt nam là mâu thuẫn giữa toàn dân Việt nam với chủ nghĩa đế quốc thực dân và bè lũ tay sai, Hồ Chí Minh đã nêu lên luận điểm sáng tạo về con đường cách mạng Việt nam. Đó là một *cuộc cách mạng không ngừng, từ cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội* không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hay nói cách khác, cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ba nội dung cách mạng ấy xen kẽ vào nhau và liên tục phát triển. Khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ thì hòa bình phát triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa không qua một cuộc đảo lộn về chính trị giành chính quyền như cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển. Hồ Chí Minh đã *giải quyết đúng và sáng tạo mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp ; độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong quá trình phát triển của cách mạng Việt nam.*

Theo Người, đối với Việt nam không phải giải quyết vấn đề giai cấp rồi mới giải quyết được vấn đề dân tộc như ở các nước tư bản phát triển phương Tây. Mà ngược lại, chỉ có giải phóng dân tộc mới giải phóng được giai cấp, giải phóng dân tộc đã bao hàm một phần giải phóng giai cấp và tạo tiền đề cho giải phóng giai cấp.

Mục đích trước mắt và là mục đích cao nhất trong giai đoạn đầu của quá trình cách mạng không ngừng là phải giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho Tổ quốc, để từ đó đưa dân tộc đến tự do, ấm no, hạnh phúc (*).

Động lực phát triển của xã hội không phải chủ yếu là đấu tranh giai cấp giữa giai cấp bị bóc lột và bóc lột (nông dân với địa chủ phong kiến, vô sản với tư sản...) như ở các nước phong kiến hay tư bản phát triển, mà cùng với sự tồn tại của mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc, nổi lên mâu thuẫn dân tộc và đấu tranh dân tộc giữa toàn dân tộc với chủ nghĩa thực dân đế quốc và bè lũ tay sai. Do đó, theo Người, "*chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước*" và đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và trí thức là một chiến lược cách mạng, là lực lượng to lớn của cách mạng Việt nam.

"Chủ nghĩa dân tộc" theo Hồ Chí Minh, hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản hay của Quốc tế II, mà là chủ nghĩa dân tộc chân chính, theo lập trường chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

5 - Thấu hiểu sâu sắc nỗi đau của đất nước đã từng bị phân tranh và chia cắt trong lịch sử, Hồ Chí Minh là *người đã nêu cao tư tưởng thống nhất đất nước.* "Nước Việt nam là một, dân tộc Việt nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi". Người luôn đấu tranh chống lại mọi thủ đoạn xảo quyệt chia để trị của kẻ thù. Bác Hồ luôn quan tâm giáo dục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm đoàn kết dân tộc, thống nhất Tổ quốc, Nam Bắc một nhà cho đảng viên, cán bộ, cho đồng bào các dân tộc và nhân dân cả nước.

Sau thắng lợi Điện Biên Phủ lịch sử, với hiệp định Giơ-ne-vơ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam còn ở dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đối với Bác, giải phóng miền Nam ruột thịt không những là nhiệm vụ chính trị thiêng liêng mà còn là tình cảm sâu nặng. Người nói "Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi". Hồ Chí Minh và Đảng ta đã *đề ra* luận điểm sáng tạo lớn : *một nước, một Đảng, cùng một lúc thực hiện hai chiến lược cách mạng,* vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, động viên đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

6 - Hồ Chí Minh là nhà chiến lược thiên tài, đồng thời là *nhà tổ chức vĩ đại.* Không những Người có hoài bão, lý tưởng lớn đối với vận mệnh quốc gia, dân tộc, tiền đồ nhân loại, mà Người còn có quyết tâm lớn là cùng với nhân dân ta và loài người tiến bộ, biến hoài bão ấy, lý tưởng ấy

(*) Ngay từ năm 1926, trong bài "Người cách mạng kiểu mẫu", Người đã nêu 12 yêu cầu đối với người cách mạng kiểu mẫu. Trong đó yêu cầu thứ hai nêu : "Hy sinh tiền bạc thời gian và cả máu vì lợi ích các dân tộc bị áp bức ; tóm lại, phải vị tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm "TỔ QUỐC TRÊN HẾT" ở mọi nơi và mọi lúc" : Hồ Chí Minh - *Toàn tập* - Nxb chính trị quốc gia, Hà nội, 1995 - t 2, tr 449

Digitized by Google

thành hiện thực. Vì vậy, Người hết sức coi trọng *vấn đề tổ chức, coi tổ chức là vấn đề có ý nghĩa quyết định.*

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Người đã có *những luận điểm sáng tạo* phù hợp với đặc điểm cụ thể của Việt nam ta về *tổ chức lực lượng cách mạng* - những nhân tố cơ bản bảo đảm cho thắng lợi. Đó là :

- Những luận điểm về Đảng cộng sản ở một nước nông nghiệp lạc hậu, tuyệt đại bộ phận dân cư là nông dân, và những luận điểm về Đảng cầm quyền.

- Những luận điểm về chiến lược đại đoàn kết và chính sách mặt trận dân tộc thống nhất, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Những luận điểm về Nhà nước của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân ; về Nhà nước pháp quyền, quản lý bằng pháp chế xã hội chủ nghĩa đi đôi với giáo dục nghĩa vụ và trách nhiệm, đạo đức của người công dân.

- Những luận điểm về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

7 - Hồ Chí Minh đã nắm vững tư tưởng bạo lực cách mạng trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ đất nước. Người đã có *những quan điểm sáng tạo về lực lượng bạo lực cách mạng và hình thức đấu tranh cách mạng*, về sự thống nhất giữa tư tưởng bạo lực và lòng nhân ái, tinh thần nhân văn ; Người không hề bỏ qua một cơ hội nào, dù nhỏ đến mấy, để tranh thủ khả năng hòa bình và phát triển của cách mạng.

Xuất phát từ mục tiêu chính trị *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* của cách mạng Việt nam, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã kế thừa truyền thống và kinh nghiệm đánh giặc giữ nước đặc sắc của dân tộc ta, vận dụng sáng tạo tư tưởng quân sự của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, tiếp thu tinh hoa lý luận và kinh nghiệm quân sự của thế giới, đề ra đường lối quân sự ngày càng hoàn chỉnh.

Những nội dung sáng tạo nổi bật là : động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, khởi nghĩa và chiến tranh toàn dân, xây dựng căn cứ địa cách mạng... xây dựng nên *học thuyết quân sự Việt nam trong thời đại Hồ Chí Minh.*

8 - Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến *vấn đề con người* ; tất cả vì con người, do con người. Thương yêu, tôn trọng, tin tưởng con người, bồi dưỡng và phát triển mọi tài năng của con người. *Muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa.* Đó chính là *chủ nghĩa nhân văn hiện thực,* cao cả của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh cũng là nhà lãnh đạo hết sức *coi trọng vai trò của đạo đức và văn hóa* ; coi đạo đức, văn hóa là động lực và mục tiêu của sự nghiệp xây dựng con người mới, chế độ mới. Người nhấn mạnh đạo đức là gốc của người cách mạng ; văn hóa là tâm hồn, là bản sắc, là trình độ tiến hóa của dân tộc. Người đã có nhiều cống hiến vào lý luận đạo đức học mới và lý luận văn học mới. Bản thân Người là hiện thân của chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cộng sản ; là tấm gương mẫu mực về đạo đức mới và là nhà văn hóa kiệt xuất của Việt nam và thế giới.

9 - Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã nắm vững và vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà hạt nhân là phép biện chứng duy vật, kết hợp với những đặc điểm, những nhân tố biện chứng của tư duy phương Đông và tư duy Việt nam. Trong quá trình xem xét, giải quyết những vấn đề của thực tiễn cách mạng Việt nam và thế giới, Người *đã bổ sung, phát triển phương pháp luận Mác - Lê-nin, hình thành nên phương pháp luận Hồ Chí Minh với những nét đặc sắc riêng biệt.* Nắm vững phương pháp luận Hồ Chí Minh có ý nghĩa thực tiễn cực kỳ quan trọng trong xem xét và giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt nam và trong việc bồi dưỡng lập trường, phương pháp cho mỗi người Việt nam, nhất là đảng viên và cán bộ.

Lĩnh vực hoạt động của Hồ Chí Minh rất rộng lớn, phong phú, nhiều mặt, không chỉ chính trị mà còn kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, pháp luật... Không gian hoạt động của Người không chỉ ở Việt nam, Đông dương mà còn ở nhiều nước thuộc các châu lục khác nhau. Thời gian hoạt động của Người cũng trải dài trên nửa thế kỷ vào những thời điểm sôi động nhất của lịch sử cách mạng Việt nam và của đấu tranh giai cấp, dân tộc của thời đại mới. Do đó những sáng tạo, những đóng góp của Người vào kho tàng lý luận cách mạng Việt nam và thế giới là vô cùng phong phú.

Những luận điểm nêu trên của Hồ Chí Minh mới chỉ là những sáng tạo nổi bật và là những đóng góp lớn không những đối với lý luận cách

Digitized by Google

mạng Việt nam mà còn đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới.

Nhiều lãnh tụ cách mạng, nhiều nhà nghiên cứu khoa học, kể cả những nhà khoa học không phải là cộng sản trên thế giới, đã có những đánh giá, những nhận xét đúng đắn, sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh :

Đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô, Chủ tịch Đảng cộng sản Cu ba phát biểu : "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin bài học và con đường tìm ra giải pháp cho tất cả các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột. Đồng chí Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập tự do và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp áp bức, bóc lột. Người đã tìm ra con đường kết hợp giữa tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát họ khỏi sự bóc lột xã hội. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điều then chốt trong học thuyết của Người" (14).

Đồng chí Gớt-hôn, Tổng bí thư Đảng cộng sản Mỹ đã viết : "Đồng chí Hồ Chí Minh là một lãnh tụ và là một nhà mác xít - lêninnít vĩ đại của thế giới. Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử. Chính vì vậy mà đồng chí làm ra lịch sử" (15).

Giăng La-cu-tuya (Pháp) trong tác phẩm "Hồ Chí Minh" đã đánh giá : "Trên thế giới hiện nay không có lãnh tụ nào đối với nhân dân mình vừa là người phát sinh, vừa là người bảo vệ ; vừa là nguồn gốc, vừa là phương hướng ; vừa là tư tưởng, vừa là thực hành ; vừa là dân tộc, vừa là cách mạng ; vừa là người Bác nhân hậu, vừa là vị tướng cầm quân... Qua những lời dạy của Người,... các chân lý lớn của thời đại được diễn đạt trong những lời giản dị và hàm súc" (16)

Pôn Muy-sơ, trong tác phẩm "Hồ Chí Minh - Việt nam - Châu Á" đã viết : "Hồ Chí Minh là người mang tính cách Á đông nhất, nhưng cũng là người cởi mở nhất với tư tưởng phương Tây. Ở đây, nổi bật lên trên một bối cảnh được dò xét đến tận đáy thẳm sâu, hình ảnh của một nhà kiến thiết lớn nhất của thời đại ngày nay... một nhân vật đã đem trở lại cho lục địa này niềm kiêu hãnh và sự hùng mạnh của nó" (17).

T.N. Ca-un - Chủ tịch Trung tâm nghiên cứu về Đông dương của Ấn độ đã viết : "Bác Hồ, cách gọi trìu mến của chúng tôi ở Ấn độ, đã kết hợp được trong bản thân Người những đặc tính lớn của Mác, Lê-nin, Ma-hát-ma Găng-đi và Gia-oa hat-lan Nê-ru" (18).

Đa-vít Ham-bơ-xtam (Mỹ) trong tác phẩm của mình lấy tên là "Hồ" có viết : "Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này- hơi giống Găng-đi, hơi giống Lê-nin, hoàn toàn Việt nam. Có lẽ hơn bất kỳ một người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc của ông và đối với cả thế giới, Ông là hiện thân của một cuộc cách mạng".

Khái quát lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là gì ?

"Tư tưởng Hồ Chí Minh là lý luận về - *con đường cách mạng Việt nam* : Thực hiện *cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội*, không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhằm xây dựng một nước Việt nam *hòa bình, độc lập, thống nhất dân chủ và giàu mạnh*, góp phần vào cách mạng thế giới".

Đó là tư tưởng cách mạng không ngừng mà cốt lõi là *giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội (giai cấp), giải phóng con người.*

Nói ngắn gọn, tư tưởng Hồ Chí Minh là "*độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*".

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và bước phát triển mới chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt nam ; là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa Việt nam, tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, được khái quát từ thực tiễn đấu tranh cách mạng Việt nam và thế giới cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt nam trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng ta, nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng Việt nam, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam ❑

---

(14) Báo *Nhân dân* ngày 17/9/1969

(15) Phát biểu tại Hà nội ngày 12/9/1973

(16) "Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay" Trường đại học sư phạm I và Viện TTKHXH Hà nội, 1993, tr 51, 113

(17) "Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay" - Trường đại học sư phạm I và Viện TTKHXH Hà nội 1993 - trang 51 và 113

(18) *Hội thảo Quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt nam xuất bản, 1990, tr 38

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

LÊ HUY NGỌ *

I

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng, cùng với việc xây dựng đường lối và tổ chức, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác tổ chức thực tiễn và cải tiến phương thức lãnh đạo. Nhìn lại lịch sử của Đảng, nhất là lịch sử 50 năm cầm quyền, chúng ta thấy ở mỗi thời kỳ, tùy theo yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, Đảng ta có những phương thức lãnh đạo phù hợp, sáng tạo, hiệu quả.

Thời kỳ lãnh đạo chiến tranh giải phóng dân tộc (trước năm 1975) : Do những yêu cầu gay gắt, tính chất khẩn trương của nhiệm vụ cách mạng, trong tinh thần : "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", phương thức lãnh đạo của Đảng ta là *toàn diện, tuyệt đối và trực tiếp*. Trong hoàn cảnh chiến tranh, Đảng chẳng những đề ra chủ trương, đường lối mà còn trực tiếp tổ chức lực lượng, bố trí cán bộ, chỉ đạo từng địa bàn chiến lược, từng phong trào cách mạng của quần chúng, bảo đảm cho đường lối của Đảng được thực hiện thống nhất, nghiêm ngặt, khẩn trương, và giành thắng lợi.

Với phương thức lãnh đạo này - cùng với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Thời kỳ 1976 - 1986 : Trong cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp của mô hình kinh tế có hai thành phần chủ yếu là quốc doanh và tập thể, sự lãnh đạo của Đảng mang tính tập trung cao nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một nước chậm phát triển sau chiến tranh lâu dài, cố gắng tìm tòi cơ chế lãnh đạo mới ; đó là cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ".

Với phương thức này, Đảng đã lãnh đạo phát huy sức mạnh vật chất của cả nước, quy tụ tất cả các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với nền kinh tế kế hoạch hóa và điều hành tập trung. Đảng lãnh đạo định ra đường lối, mục tiêu và cả các biện pháp lớn trên các lĩnh vực ; đồng thời phát huy vai trò của nhà nước, quyền làm chủ tập thể của nhân dân, lãnh đạo xây dựng các hình thức tổ chức làm chủ tập thể. Song, do cơ chế quản lý lúc đó không thật phù hợp với hoàn cảnh mới của đất nước và trên một số công tác lớn Đảng vẫn áp dụng phương thức chỉ đạo trong chiến tranh, chậm nhận ra đòi hỏi phải có phương thức lãnh đạo mới cho thời kỳ hòa bình xây dựng, đội ngũ cán bộ đã quen với phong cách cũ, nên vai trò của Nhà nước có phần thụ động, trách nhiệm quản lý không thật rõ. Sự trì trệ trong đời sống kinh tế dẫn đến sự chậm trễ trong hệ thống tổ chức. Tình trạng bao biện, buông lỏng lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các cơ quan nhà nước và đoàn thể diễn ra ở nhiều nơi.

Thời kỳ từ năm 1986 đến nay : Với việc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước và mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới, hệ thống chính trị đã có bước phát triển mới, Nhà nước tiến hành quản lý đất nước bằng pháp luật. Các tổ chức chính trị xã hội phát triển mạnh mẽ, đa dạng hóa cả

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

về tổ chức và phương thức hoạt động ; hơn 140 hội quần chúng, hội nghiệp đoàn, hội từ thiện mới ra đời hoạt động năng động và phong phú. Tình hình đó đòi hỏi Đảng phải có phương thức lãnh đạo phù hợp, bảo đảm vừa phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa xây dựng nhà nước thật sự vững mạnh, quản lý xã hội có hiệu quả ; lãnh đạo các tổ chức xã hội, các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách, pháp luật của nhà nước. Và trên thực tế, phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới theo hướng : Đảng cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền, nhà nước thực thi quyền lực của dân, do dân, vì dân.

Trong thành tựu của công cuộc đổi mới mấy năm qua có đóng góp của sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, bên cạnh các chuyển biến tích cực, phương thức lãnh đạo của Đảng còn nhiều hạn chế, lúng túng, chưa khắc phục được một cách căn bản tình trạng Đảng vừa bao biện, vừa buông lỏng, hạ thấp vai trò lãnh đạo. Sự chậm trễ trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở không ít nơi đã gây khó khăn trong hoạt động của hệ thống chính trị, làm giảm hiệu lực và vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước. Phần nhiều cán bộ công tác trong hệ thống chính trị chỉ muốn sử dụng quyền lực, coi nhẹ công tác giáo dục, thuyết phục quần chúng. Một số nơi có tình trạng lủng củng, mất đoàn kết nội bộ mà nguyên nhân ban đầu là sự va chạm về phương pháp lãnh đạo, chế độ công tác.

Sự chậm trễ và những khuyết điểm trên có thể do những *nguyên nhân chủ yếu* sau đây :

- Do điều kiện của lịch sử, do đặc điểm hoạt động của Đảng cầm quyền, trọng trách mới mẻ và nặng nề, Đảng chưa có nhiều kinh nghiệm, mặt khác có lúc, có nơi còn chưa thật coi trọng đúng mức việc tổ chức và xây dựng phương thức lãnh đạo phù hợp trong điều kiện có chính quyền. Bản thân Đảng (chủ thể lãnh đạo) và hệ thống nhà nước, các đoàn thể và cả xã hội (đối tượng lãnh đạo của Đảng) đang trong quá trình đổi mới, nhiều vấn đề mới nảy sinh, các đoàn thể chính trị, các hội quần chúng, các tổ chức nhân dân phát triển nhanh. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa còn đang trong quá trình tìm tòi cả về mô hình tổ chức, khuôn khổ pháp lý và xây dựng đội ngũ viên chức cách mạng.

- Từ trước tới nay, Đảng mới đặt vấn đề đổi mới cách thức, lề lối làm việc, cải tiến phương pháp lãnh đạo, phong cách công tác của cán bộ, chưa đặt vấn đề hình thành, đổi mới ở tầm phương thức lãnh đạo, chưa thấy hết phương thức lãnh đạo - cùng với công tác tổ chức cán bộ - cũng là một nội dụng cốt yếu của công tác xây dựng Đảng.

Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng rất phong phú của Đảng ta trong 66 năm qua, bước đầu chúng ta có thể hiểu : *Phương thức lãnh đạo là hệ thống các hình thức, các phương pháp Đảng vận dụng để đưa nội dung lãnh đạo tác động vào hệ thống chính trị - xã hội nhằm đạt mục tiêu lãnh đạo của Đảng.* Phương thức lãnh đạo phụ thuộc vào các yếu tố sau :

Một là, phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng trong mỗi thời kỳ và với từng lĩnh vực khác nhau. Lịch sử lãnh đạo của Đảng ta cho thấy, ở mỗi giai đoạn cách mạng có nhiệm vụ chính trị khác nhau, phải có phương thức lãnh đạo thích hợp ; và trên mỗi lĩnh vực khác nhau về kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, an ninh, đối ngoại, dân vận,... đòi hỏi Đảng phải có phương thức lãnh đạo phù hợp với đặc điểm của các lĩnh vực đó. Đồng thời, ở mỗi cấp (trung ương, tỉnh, thành, quận, huyện và cơ sở) Đảng cần có cách lãnh đạo phù hợp với trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cấp mới đạt được kết quả.

Hai là, phương thức lãnh đạo của Đảng phải đáp ứng và phù hợp sự phát triển của hệ thống chính trị và trình độ dân chủ của xã hội (đối tượng lãnh đạo). Đối tượng lãnh đạo của Đảng là hệ thống chính trị và cả xã hội. Các đối tượng đó vận động và phát triển không ngừng cả về tổ chức và phương thức hoạt động, và theo đó nền dân chủ xã hội cũng phát triển theo. Vì vậy, phương thức lãnh đạo của

Digitized by Google

Đảng cũng phải phát triển, đáp ứng yêu cầu về sự phát triển hệ thống chính trị và nền dân chủ xã hội.

Ba là, phương thức lãnh đạo vừa tùy thuộc, vừa phản ánh sự trưởng thành của tổ chức và của đội ngũ cán bộ (chủ thể lãnh đạo). Mối liên hệ thường xuyên của Đảng đối với xã hội là thông qua đội ngũ cán bộ và tổ chức của Đảng. Đảng thông qua tổ chức và cán bộ để đưa đường lối đến với nhân dân, với xã hội. Nói cách khác, Đảng lãnh đạo xã hội, lãnh đạo hệ thống chính trị thông qua tổ chức đảng và từng cá nhân cán bộ, đảng viên. Vì vậy, trình độ tổ chức và cán bộ có tác động đến sự hình thành phương thức lãnh đạo của Đảng.

Bốn là, phương thức lãnh đạo phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học quản lý và phương tiện kỹ thuật phục vụ sự lãnh đạo. Đó là sự vận dụng cơ sở khoa học về điều khiển học, tâm lý học, xã hội học, tin học và các phương tiện kỹ thuật giáo dục và truyền thông... vào công tác và nghệ thuật lãnh đạo của Đảng. Từ trước tới nay, chưa bao giờ chúng ta có điều kiện sử dụng khoa học kỹ thuật, tin học để nâng cao hiệu quả lãnh đạo như ngày nay.

Năm là, bản lĩnh, trình độ và phong cách của người lãnh đạo tổ chức đảng có ảnh hưởng lớn đến phương pháp lãnh đạo của cấp ủy. Người lãnh đạo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực trí tuệ, có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ thì những quyết định của Đảng chẳng những được thực hiện tốt mà còn có thể phát huy tính năng động, sáng tạo của tập thể. Ngược lại, người lãnh đạo yếu kém lại độc đoán, chuyên quyền thì sự lãnh đạo tập thể của cấp ủy sẽ khó được thực hiện có kết quả và có khi dân chủ chỉ là hình thức ; sức mạnh của cả một tổ chức và tập thể cấp ủy bị lu mờ, năng lực của mỗi cấp ủy viên khó được phát huy.

II

MỘT phương thức lãnh đạo đúng là phương thức vừa bảo đảm thực hiện tốt định hướng chính trị, vừa phát huy được tính chủ động, tinh thần sáng tạo, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nhân dân, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất mục tiêu đề ra.

Phương thức lãnh đạo là một khoa học và nghệ thuật. Việc xây dựng và hoàn thiện nó không thể nôn nóng, vội vã ; trái lại phải rất thận trọng, tiến hành thường xuyên, liên tục, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Trong quá trình đó, cần quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây :

1 - Mục tiêu của xây dựng, đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước, nâng cao tính tích cực sáng tạo của các đoàn thể nhân dân, động viên đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của cả xã hội phấn đấu thực hiện có hiệu quả đường lối chính trị của Đảng.

2 - Nghiên cứu và hoàn thiện phương thức lãnh đạo không chỉ đơn thuần là cải tiến lề lối làm việc mà phải coi nó là một bộ phận của toàn bộ hệ thống lý luận khoa học về xây dựng Đảng của giai cấp công nhân theo nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng phương thức lãnh đạo với quá trình xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ, kiểm tra, giữ vững kỷ cương kỷ luật, mở rộng dân chủ tập thể và đề cao trách nhiệm cá nhân.

3 - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng không chỉ là công việc của riêng hệ thống tổ chức đảng mà là công việc của cả hệ thống chính trị - xã hội. Bởi vậy, bên cạnh việc áp dụng các tri thức khoa học về lãnh đạo, quản lý tiên tiến trên thế giới còn phải đi đúng đường lối giai cấp, đường lối quần chúng của Đảng, dựa vào kinh nghiệm, sáng kiến của nhân dân để xây dựng phương thức lãnh đạo phù hợp với hoàn cảnh cách mạng Việt nam, phù hợp với con người Việt nam.

Digitized by Google

Trên những quan điểm đó, trong quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, cần chú ý đồng bộ các công việc chủ yếu sau đây :

- Thường xuyên chăm lo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức về định hướng chính trị, tạo ra *tiềm năng và tính tích cực chính trị* của xã hội và nhân dân để trong điều kiện bình thường cũng như ở những bước ngoặt cách mạng, nhân dân đều có thể tiếp thu và thực hiện chủ động, sáng tạo đường lối của Đảng.

Tính khoa học, sự đúng đắn và hiệu quả thực tế việc thực hiện các đường lối chủ trương mà Đảng đề ra, đó là tấm gương tốt nhất, có hiệu quả nhất trong việc giáo dục thuyết phục quần chúng. Kết quả thực hiện chỉ thị 100, chủ trương "xóa đói giảm nghèo" và các chính sách đổi mới của Đảng trong thời gian vừa qua là những bài học kinh nghiệm tốt về sự lãnh đạo của Đảng ; có sức thuyết phục, tập hợp quần chúng trong các phong trào cách mạng. Với ý nghĩa đó, việc tổng kết thực tiễn, xây dựng mô hình thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng chẳng những là công việc cần làm thường xuyên mà còn là yếu tố bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đòi hỏi phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ cương, phát huy dân chủ và trí tuệ sáng tạo của tập thể và từng cá nhân. Mỗi đảng viên, dù hoạt động ở cương vị nào, đều phải đề cao trách nhiệm lãnh đạo chính trị. Càng đi sâu vào đổi mới phương thức lãnh đạo, càng phải coi trọng trách nhiệm lãnh đạo chính trị của Đảng. Người đảng viên vừa chủ động, sáng tạo trong hoạt động, vừa phải đề cao tính đảng và trách nhiệm chính trị trước quần chúng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo là để thống nhất ý chí và hành động nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu của cách mạng, vì vậy phải đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ, lãnh đạo xây dựng hệ thống tổ chức chính trị. Thông qua các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước, đoàn thể và các tổ chức xã hội để lãnh đạo thống nhất ý chí và hành động, bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối chính sách.

Để đổi mới phương thức lãnh đạo, cần tập trung vào những vấn đề :

- Nâng cao trình độ công tác lý luận và tổng kết thực tiễn, bảo đảm cho Đảng có đầy đủ cơ sở khoa học để xây dựng đường lối chính trị đúng đắn. Đó là sự bảo đảm quan trọng nhất đối với một đảng cầm quyền. Cần quan tâm xây dựng các cơ quan lý luận đủ sức nghiên cứu những vấn đề lý luận, quan điểm, đường lối, từng bước làm sáng tỏ và sâu sắc hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.

- Cải tiến việc ra các nghị quyết, quyết định. Cấp ủy và tổ chức đảng chỉ ra nghị quyết khi thấy thật cần thiết, lựa chọn đúng vấn đề, và có sự chuẩn bị về cơ bản cho việc thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết. Những điều đã nói nhiều, đã khẳng định rồi thì cần chỉ đạo thực hiện cho bằng được. Khi ra nghị quyết cần lấy ý kiến của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, cán bộ (kể cả các đồng chí đã nghỉ hưu) đóng góp ý kiến để nghị quyết có nội dụng thiết thực. Đồng thời với việc chuẩn bị nghị quyết, các cơ quan nhà nước cần soạn thảo các kế hoạch, biện pháp, các văn bản pháp quy để tổ chức thực hiện.

- Để tổ chức thực hiện tốt, Đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa và thể chế hóa nghị quyết của Đảng thành các chính sách, kế hoạch, pháp luật của Nhà nước. Cải tiến việc triển khai học tập, quán triệt nghị quyết sao cho thiết thực, hiệu quả. Đối với mỗi nghị quyết, tùy theo tính chất mà quán triệt quan điểm, chủ trương cho những đối tượng có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Điều quan trọng nhất trong việc tổ chức thực hiện là phải làm rõ trách nhiệm lãnh đạo tập thể, nhưng nhất thiết phải có cá nhân phụ trách.

- Các cấp ủy phải tăng cường và nắm chắc nhiệm vụ kiểm tra, lãnh đạo các đoàn thể tổ chức nhân dân giám sát việc thực hiện và bảo

Digitized by Google

vệ luật pháp. Công tác kiểm tra phải thành chế độ ; kiểm tra có chương trình, kế hoạch. Bên cạnh việc kiểm tra tư cách đảng viên, kiểm tra chấp hành Điều lệ Đảng, vấn đề rất quan trọng là phải kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, kịp thời biểu dương những việc làm tốt, phát hiện những thiếu sót, lệch lạc để chấn chỉnh uốn nắn, tổng kết kinh nghiệm để bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng.

- Để bảo đảm cho các tổ chức đảng hoạt động có hiệu quả phải từng bước thể chế hóa hoạt động của tổ chức đảng, bao gồm các việc : xây dựng cơ cấu tổ chức ; xác định chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động của cấp ủy, các cơ quan của Đảng để hoạt động nhịp nhàng và có hiệu quả.

- Đảng quan tâm đào tạo đội ngũ các nhà hoạt động chính trị ; đội ngũ các chuyên gia chính trị hoạt động trên các lĩnh vực tư tưởng, dân vận, khoa học, văn học nghệ thuật, tổ chức, cán bộ, kiểm tra... Đó là những cán bộ vừa có bản lĩnh chính trị, có hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực hoạt động, có kỹ năng hoạt động chính trị như dự báo tình huống, khả năng tổng kết công tác, ra quyết định, nghiệp vụ tuyên truyền phổ biến nghị quyết của Đảng ; phương pháp tổ chức các cuộc họp, hội thảo...

Bồi dưỡng phong cách lãnh đạo chính trị cho các cán bộ lãnh đạo và các chuyên gia công tác đảng là một yêu cầu cấp thiết. Người cán bộ lãnh đạo chính trị luôn luôn đứng trước sự đòi hỏi và sự giám sát của nhân dân. Hiệu quả hoạt động của họ không những phụ thuộc vào chủ trương của Đảng, mà còn phụ thuộc vào phong cách công tác và phẩm hạnh cá nhân của cán bộ, đảng viên.

- Ngày nay, với sự phát triển mới về khoa học - công nghệ, tin học, phương tiện thông tin nghe nhìn, máy tính... đã mở ra một khả năng mới vô cùng to lớn và có hiệu quả nhanh cho công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức cán bộ, kiểm tra. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả lãnh đạo, người lãnh đạo phải am hiểu và biết tận dụng tối đa những thành tựu khoa học mới cho công tác lãnh đạo của Đảng. Ví dụ, biết vận dụng điều khiển học và tâm lý học trong công tác tổ chức cán bộ. Biết sử dụng phương tiện nghe nhìn trong việc truyền đạt nghị quyết ; sử dụng máy tính trong việc quản lý cán bộ, sử dụng máy đếm trong việc bầu cử ; v.v.. Các tổ chức đảng phải quan tâm và dành ngân sách cần thiết đầu tư cho chương trình tin học và hiện đại hóa phương tiện lãnh đạo, coi đây là phương hướng đầu tư có hiệu quả trong công tác lãnh đạo.

- Phương thức lãnh đạo là vấn đề mới mẻ, rộng lớn, tác động trực tiếp hàng ngày đến sự lãnh đạo của các tổ chức, các cán bộ của Đảng. Vì vậy, phải tiếp tục mở rộng việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm, xây dựng một hệ thống các quan điểm, phương pháp về đảng cầm quyền và xây dựng các phương thức lãnh đạo cụ thể trên từng lĩnh vực trọng yếu, ở từng cấp từ trung ương đến địa phương, cơ sở, từng cơ quan nhà nước và từng đoàn thể chính trị - xã hội. Nghiên cứu, rút kinh nghiệm xây dựng quy chế làm việc của đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng. Gấp rút xác định phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở, nhất là ở các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, cơ quan khoa học kỹ thuật, đơn vị văn hóa - nghệ thuật để bảo đảm cho trên tất cả các lĩnh vực Đảng đều có những định hướng lãnh đạo đúng.

Tại Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) bàn về một số nhiệm vụ "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng", đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười khẳng định : "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là vấn đề bức thiết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời trách nhiệm và hiệu lực quản lý điều hành của Nhà nước, nâng cao vai trò của các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị"... Đó thực sự là vấn đề của Đảng - một Đảng cầm quyền trong hoàn cảnh mới ❑

Digitized by Google

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

NGUYỄN ĐỨC TRIỀU *

I

NÔNG dân nước ta là quân chủ lực của các thời kỳ cách mạng. Nông dân vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần lao động cần cù và sáng tạo, có ý thức cộng đồng cao, coi trọng tình làng nghĩa xóm, coi trọng đạo đức nhân ái. Từ ngày có Đảng, giai cấp nông dân một lòng, một dạ đi theo Đảng và Bác Hồ, đã cùng với giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức và đồng bào cả nước đưa cách mạng Tháng Tám đến thắng lợi. Trong cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ của dân tộc chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, nông dân là lực lượng đông đảo đã góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại giải phóng dân tộc, đem lại độc lập và thống nhất cho Tổ quốc. Trong hòa bình xây dựng, nông dân đã cùng với công nhân đem hết sức mình lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt trong 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, với chính sách đổi mới của Đảng, sự đầu tư của Nhà nước và tinh thần lao động cần cù sáng tạo của mình, giai cấp nông dân đã cùng với nhân dân cả nước lập được thành tựu to lớn trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đưa sản lượng lương thực lên 27,5 triệu tấn (năm 1995), đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và bộ mặt nông thôn được cải thiện rõ rệt. Thành tựu ấy đã góp phần quan trọng đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Hiện nay, nông dân chiếm gần 80% dân số, với 28 triệu lao động, chiếm 75% lao động cả nước. Vì thế, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là tiền đề quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và góp phần to lớn ổn định chính trị - xã hội, đất nước.

Nhìn vào thực trạng kinh tế nông thôn và đời sống nông dân hiện nay, có thể nêu lên một số nét chính sau đây :

Về kinh tế nông thôn : Trong 10 năm qua, nông nghiệp phát triển với nhịp độ trung bình hằng năm là 4,6%. Nổi bật nhất là đã giải quyết được vấn đề lương thực. Từ chỗ hằng năm phải nhập 70 - 80 vạn tấn gạo, đến nay nước ta không những đủ lương thực, có dự trữ mà còn xuất khẩu từ 1,5 đến 2 triệu tấn gạo. Bên cạnh sản xuất lương thực, các ngành khác như : thủy sản, lâm nghiệp đều có bước phát triển quan trọng. Kinh tế nông thôn đã góp phần to lớn vào việc tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu của đất nước. Tuy vậy, kinh tế nông thôn còn nhiều mặt yếu kém, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Gần 80% số hộ nông thôn vẫn dựa vào nguồn thu nhập chính là nông nghiệp. Ở các tỉnh miền núi và đồng bằng sông Hồng tỷ lệ này khoảng 91%. Trong nông nghiệp, năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp, hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp hơn nhiều so với các ngành khác ; công nghiệp chế biến thực phẩm, nông sản còn yếu kém, công nghệ lạc hậu. Trình độ sản xuất nông nghiệp của nước ta còn có khoảng cách đáng kể so với nhiều nước trong khu vực.

Về đời sống nông dân, nhờ kinh tế nông thôn tăng trưởng, đời sống nông dân đã được cải thiện. Số đông nông dân có đủ lương thực, thực phẩm ; điều kiện ăn ở, sinh hoạt, đi lại, học hành, chữa bệnh được cải thiện. Hiện nay đã có 58% số hộ có nhà ở tốt, 52% số hộ đã có điện sinh hoạt, 42% số hộ được dùng nguồn nước sạch, gần 50% số hộ có phương tiện nghe nhìn; các dịch vụ y tế, giáo dục sau nhiều năm xuống cấp nay đang được phục hồi và cải thiện. Tuy vậy, đời sống nông dân nước ta còn thấp, thu nhập bình quân tính theo đầu người mới chỉ đạt gần 100 USD/năm (bằng 1/2 thu nhập bình quân đầu người của cả nước), trong đó có trên 20% số hộ nghèo. Khoảng cách giàu nghèo trong nông thôn, giữa các vùng và giữa nông thôn và thành thị ngày càng tăng. Trình độ dân trí ở nông thôn còn thấp. Chỉ có 3,5% lực lượng lao động ở nông thôn được đào tạo và có tay nghề, còn lại là lao động giản đơn ; tỷ lệ con em nông dân vào cấp III và đại học ngày càng thấp ; tỷ lệ thất học còn cao (ở Tây nguyên : 26,6%, ở đồng bằng sông Cửu long : 31%...). Các hủ tục và tệ nạn

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch thường trực Trung ương Hội nông dân Việt nam

Digitized by Google

xã hội có chiều hướng gia tăng, việc cưới, việc tang, lễ hội quá tốn kém và lãng phí ; nạn số đề, cờ bạc, nghiện hút đang thâm nhập mạnh mẽ, ảnh hưởng tới trật tự - xã hội ở nông thôn...

Cơ sở hạ tầng ở nông thôn phát triển chậm là trở ngại lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nông dân. Đường giao thông nông thôn mới có 4% được rải nhựa, 14% rải đá ; 5 huyện và 721 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm. Hệ thống thông tin nông thôn có nhiều thay đổi lớn, 332 huyện có điện thoại tự động, nhưng bưu điện mới phục vụ được 75% dân cư. Vốn cho nông dân sản xuất, nhà nước chỉ cung cấp được 22,5% còn lại là do các nguồn của tư nhân.

Đây là những vấn đề rất khó khăn cho quá trình phát triển nông thôn, đặc biệt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh : **"Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là :** Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn" (1). Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn bao gồm các mặt : "Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh, có cơ cấu hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong, ngoài nước ; thực hiện thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa... ; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với công nghệ ngày càng cao, gắn với nguồn nguyên liệu và liên kết với công nghiệp ở đô thị ; phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới bao gồm tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp khai thác và chế biến các nguồn nguyên liệu phi nông nghiệp, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân ; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại" (2).

Đại hội VIII còn chỉ ra các chính sách cụ thể đối với giai cấp nông dân, nhằm tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nông dân : "Thực hiện tốt chính sách giao đất, khoán rừng ; ngăn chặn và khắc phục tình trạng nông dân không có ruộng đất sản xuất ; giúp đỡ về vốn, kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghiệp chế biến và các nghề tiểu, thủ công. Phát triển tín dụng nông thôn, mở rộng việc cho nông dân nghèo vay vốn sản xuất, chống nạn cho vay nặng lãi, mua lúa non, buôn bán trái phép ruộng đất. Giúp đỡ nông dân phát triển các hình thức kinh tế hợp tác. Có chính sách bảo hộ sản xuất cho nông dân" (3).

II

NHỮNG năm qua, hoạt động của Hội nông dân đã có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, tạo đà cho Hội tiến lên thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Về tổ chức, Hội đã tập hợp được hàng triệu lao động chủ chốt của hộ nông dân cùng với đông đảo nông dân lao động khác vào Hội. Xây dựng đơn vị tổ hội hoặc chi hội thành đơn vị hành động theo nghề nghiệp hoặc liền canh, liền cư với quy mô và hình thức phù hợp với từng vùng, từng địa phương, từng ngành nghề. Hoạt động của Hội lấy nội dung kinh tế-xã hội làm trọng tâm, kết hợp chặt chẽ với hoạt động chính trị, thực hiện vai trò nòng cốt trong phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Đến nay, Hội nông dân Việt nam có gần 7 triệu hội viên, chiếm 32,1% lao động nông nghiệp và 65,1% hộ nông dân, với 78 899 chi hội, trong đó có 5 424 chi hội theo nghề nghiệp (chiếm 16,05%) và 153 910 tổ hội. Từ sau Đại hội Hội nông dân lần thứ II (1993) đến nay, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ Hội, nhất là cán bộ cơ sở được đặc biệt quan tâm. Đến nay đã có 75,74% chủ tịch hội nông dân xã, hầu hết cán bộ huyện, tỉnh, thành và trung ương hội đã được dự các lớp tập huấn hằng năm. Tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Hội đã có nhiều đổi mới, tiến bộ. Vai trò của Hội ngày càng rõ. Hội thật sự là nòng cốt trong phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu do Hội nông dân làm nòng cốt ngày càng phát triển cả về bề rộng và chiều sâu. Từ năm 1981, Hội nông dân Việt nam cùng với ngành nông nghiệp đã hướng dẫn, tổ chức phong trào này ngày càng đi vào hoạt động có nền nếp, đạt hiệu quả thiết thực. Hằng năm hoặc 2 năm một lần các địa phương tổ chức hội nghị nông dân sản xuất giỏi từ cơ sở đến tỉnh, thành. Có nơi như Thanh hóa đã tổ chức hội nghị này lần thứ 10, nhiều tỉnh, thành khác đã tổ chức 4 đến 5 lần. Một số tỉnh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 86

(2) Sđd, tr 87

(3) Sđd, tr 123 - 124

Digitized by Google

như Lai châu, Hà bắc, Bắc thái, Quảng bình, Gia lai... còn tổ chức nông dân sản xuất giỏi theo từng ngành nghề khác nhau, gắn với các phong trào kinh tế - xã hội khác như xóa đói giảm nghèo, dân số kế hoạch hóa gia đình, xóa mù chữ, chống tệ nạn xã hội... Tính trong 33 tỉnh, thành, từ năm 1990 đến nay, Hội nông dân đã công nhận 3 triệu hộ nông dân đạt danh hiệu nông dân sản xuất giỏi. Đó là những hộ gia đình có thu nhập cao (hàng chục triệu đến hàng trăm triệu đồng/năm), do biết làm ăn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ; là những gia đình đoàn kết giúp đỡ các hộ nghèo về kinh nghiệm sản xuất, vốn, vật tư, giống, việc làm ; là những gia đình văn hóa, chấp hành tốt chính sách, pháp luật và tích cực xây dựng Hội, góp phần tích cực thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới.

Trong quá trình đổi mới của mình, Hội đã kịp thời nắm bắt được yêu cầu của nông dân và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Đại hội lần thứ II của Hội đã xác định một trong 5 nhiệm vụ cơ bản của Hội là : "Tổ chức hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, tăng cường lực lượng sản xuất, xây dựng nông thôn mới". Đây là nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ và cực kỳ khó khăn của Hội. Nhưng do định hướng đúng nên thực tế những năm qua, các cấp hội đã có nhiều hình thức hoạt động dịch vụ hỗ trợ phong phú, thiết thực trên nhiều lĩnh vực : vốn, kỹ thuật, vật tư, thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm... Thành công nổi bật là việc ra đời *Quỹ hỗ trợ nông dân* thuộc Hội nông dân Việt nam (tháng 3 - 1996). Đến nay, quỹ đã được thành lập và hoạt động trong phạm vi cả nước. Quỹ hỗ trợ nông dân không nhằm mục đích lợi nhuận, mà hỗ trợ vốn cho nông dân, trước hết là nông dân nghèo. Quỹ không phải là tổ chức kinh doanh tiền tệ mà là tổ chức dịch vụ hỗ trợ do hội nông dân các cấp tổ chức nhằm mục đích : "Làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm" như lời căn dặn của Bác Hồ. Nguồn vốn của quỹ bao gồm sự ủng hộ, cho mượn, cho vay với lãi suất thấp của nông dân, đồng bào cả nước, Việt kiều, các tổ chức quốc tế (chính phủ và phi chính phủ), và một phần vốn hỗ trợ của nhà nước theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm. Hoạt động của quỹ ở cơ sở dựa vào tổ hội hoặc chi hội là đơn vị xem xét hỗ trợ vốn, nơi bàn cách làm ăn, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, chuyển giao kỹ thuật và cùng chịu trách nhiệm hoàn lại vốn và trả phí cho quỹ.

Cùng với những hoạt động nói trên, để phát huy vai trò nòng cốt của mình, đặc biệt là trong phong trào nông dân thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn, Hội nông dân đang nghiên cứu các vấn đề để thực hiện Luật đất đai, bảo đảm cho người nông dân làm ruộng có đất sản xuất ; nghiên cứu và tổ chức các hình thức hợp tác mới với việc xây dựng tổ hội nông dân thành đơn vị hợp tác ; nghiên cứu đề xuất với nhà nước về chính sách bảo hộ sản xuất và bảo hiểm xã hội, trước mắt là chính sách đối với một số cây trồng vật nuôi chính ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nông dân ; chính sách bảo hiểm tuổi già, bệnh tật, tai nạn... của nông dân ; thành lập các hội bảo trợ, các trung tâm tư vấn cho nông dân, nhằm hỗ trợ nông dân về thông tin kinh tế-xã hội, giá cả, thị trường và nâng cao dân trí... Hội mở rộng quan hệ với nông dân và tổ chức nông dân các nước trong khu vực và trên thế giới ; xúc tiến việc xin phép, tổ chức đưa nông dân đi học, làm việc, lao động và tham quan, du lịch ở nước ngoài, nhằm mở rộng hiểu biết, trao đổi hợp tác với nhau.

Hoạt động của Hội nông dân gắn liền với các chương trình của nhà nước về phát triển nông thôn, như : phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nhà ở, hệ thống dịch vụ hỗ trợ sản xuất, giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội, phát triển văn hóa, phát triển cộng đồng, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn... Hội nông dân thực hiện các chương trình phát triển nông thôn bằng các công việc của Hội, tổ chức tập hợp nông dân hăng hái tham gia và vận động nông dân xây dựng các chương trình, dự án của địa phương mình (thôn, xóm, xã) với sự hỗ trợ của nhà nước theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm".

Để có cơ sở vững chắc cho sự đổi mới công tác Hội thực hiện vai trò nòng cốt trong phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội, Đảng cần có nghị quyết chuyên đề về nông dân và Hội nông dân Việt nam để cụ thể hóa những định hướng của Đảng nêu trên, và Chính phủ cần có quy chế làm việc với Hội nhằm thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ" ở nông thôn.

Phát triển nông thôn trong giai đoạn cách mạng mới lấy nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm trọng tâm là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hội nông dân Việt nam đã có những bước đi đúng hướng. Tuy còn nhiều lúng túng, khó khăn trong hoạt động, nhưng có Đảng lãnh đạo, được nông dân tin tưởng, nhất định Hội sẽ làm tròn chức năng và phát huy tốt vai trò nòng cốt của mình ❑

Digitized by Google

THỐNG NHẤT Ý CHÍ VÀ HÀNH ĐỘNG THEO ĐỊNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẠI HỘI VIII

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

ĐẠI hội VIII đã tổng kết một bước những vấn đề lý luận cơ bản của sự nghiệp quá độ lên CNXH ở nước ta, đã khẳng định "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời có *định hướng tư tưởng chính trị* đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn đảng và trong nhân dân" (1).

Lịch sử Đảng ta và lịch sử cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cho thấy trong mỗi thời kỳ cách mạng đều có những cuộc tranh luận quan trọng về tư tưởng chính trị, tức là những cuộc tranh luận lý luận liên quan trực tiếp đến đường lối của Đảng. Trong cách mạng dân tộc - dân chủ, có cuộc tranh luận để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các nhân tố dân tộc và giai cấp, giữa các nhiệm vụ phản đế và phản phong, giữa các nội dung dân tộc và dân chủ của cách mạng. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày nay, có cuộc tranh luận về bản chất và nội dung của chủ nghĩa xã hội, về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. .. Lịch sử cũng cho thấy khi nào Đảng ta xác định được định hướng tư tưởng chính trị rõ ràng, phân rõ đúng sai, toàn đảng thống nhất ý chí và hành động, thì cách mạng có bước phát triển nhảy vọt, giành được thắng lợi vẻ vang.

Mười năm đổi mới của nước ta là 10 năm vận động của thực tiễn đổi mới, đồng thời cũng là 10 năm vận động của tư duy lý luận về đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội VIII của Đảng định ra phương hướng, nhiệm vụ của toàn đảng, toàn dân trong thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên cơ sở tổng kết 10 năm đổi mới. Sự tổng kết đó là một sự tổng kết *kép*, cả *về mặt thực tiễn* và cả *về mặt lý luận*. Là một Đảng hành động, Đảng ta qua văn kiện của Đại hội không trình bày riêng biệt hệ quan điểm lý luận đường lối nhưng hệ quan điểm đó là rõ ràng và nhất quán, gắn liền hữu cơ với việc đánh giá tình hình thực tiễn và đề ra các nhiệm vụ thực tiễn.

Đường lối đổi mới của Đảng ta trong 10 năm qua là sự phủ định những sai lầm trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình và cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp ; đó là sự phủ định biện chứng chứ không phải sự phủ định siêu hình, hư vô chủ nghĩa. Đường lối đổi mới thể hiện sự táo bạo, sự sáng tạo có căn cứ khoa học và thực tiễn trong tư duy lý luận và chính trị của Đảng. Tuy có tham khảo

* Trung tướng, giáo sư Giám đốc Học viện chính trị - quân sự

(1) *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 136

Digitized by Google

thực tiễn các nước khác, nhưng Đảng ta xuất phát từ thực tiễn thành công và chưa thành công của một thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta để mở ra một con đường mới đi lên chủ nghĩa xã hội, một con đường chưa có tiền lệ trong lịch sử.

Quả thực là chúng ta có di sản tư tưởng lý luận của Lê-nin về việc sử dụng chủ nghĩa tư bản và kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những nước kinh tế còn lạc hậu. Tuy nhiên, tư tưởng đó chưa được triển khai bao nhiêu trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô. Cho nên quá trình thực hiện đường lối đổi mới ở nước ta không phải đã có khuôn mẫu sẵn, mà phải vừa làm vừa thử nghiệm, vừa rút kinh nghiệm. Trong khi đó trên thế giới, sự khủng hoảng và sau đó là sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã buộc những người cộng sản, trong đó kể cả những người cộng sản Việt nam phải nhận thức lại tư duy của mình về chủ nghĩa xã hội, phải tìm hiểu trở lại di sản các nhà kinh điển, phải đánh giá lại những quan niệm cũng như các hoạt động xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta trong nhiều thập kỷ qua.

Trong điều kiện như vậy, việc trong đảng có những nhận thức và quan niệm khác nhau về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, là hiện tượng tự nhiên ; nó phản ánh sự trưởng thành và phát triển trí tuệ của Đảng. Các quan điểm khác nhau đồng thời tồn tại, cọ xát với nhau ; sự cọ xát có lúc tạo ra kết quả tích cực, tìm ra những kiến giải lý luận đầy đủ hơn, nhưng trong một số trường hợp, một số quan điểm vẫn còn khác nhau, chưa thống nhất được. Những sự khác nhau đó không chỉ trên những vấn đề cụ thể, mà trên cả một số vấn đề cơ bản có ảnh hưởng đến việc hiểu và thực hiện đường lối của Đảng, liên quan đến định hướng phát triển của đất nước. Vậy phải xử lý vấn đề này như thế nào để vừa bảo đảm tự do tư tưởng trong đảng, vừa bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động ?

Trước hết, cần phân biệt rất rõ tự do tư tưởng trong đảng và trong khoa học. Trong khoa học cần thiết phải phân biệt phạm vi tự do tư tưởng giữa khoa học tự nhiên, kỹ thuật và khoa học xã hội nhân văn ; trong khoa học xã hội và nhân văn, phải phân biệt giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với các khoa học xã hội và nhân văn khác. Trong khoa học tự nhiện, kỹ thuật và một số môn khoa học xã hội nhân văn, ý kiến thiểu số không những được bảo lưu mà có thể còn được truyền bá, cần được truyền bá. Nhưng về những vấn đề lý luận có liên quan trực tiếp đến sự thống nhất ý chí và hành động thực hiện đường lối của Đảng thì cần phải có cách xử sự khác. Nếu không, chúng ta sẽ rơi vào chủ nghĩa tự do vô nguyên tắc. Cơ quan lãnh đạo Đảng cần chỉ ra những vấn đề gì được tiếp tục thảo luận rộng rãi, những vấn đề gì phải nói và làm thống nhất theo một định hướng tư tưởng chính trị đã được xác định. Người đảng viên có quan điểm lý luận khác dĩ nhiên được bảo lưu ý kiến của mình, tranh luận tiếp tục ở những diễn đàn khoa học thích hợp, nhưng không được truyền bá ý kiến đó của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc lưu hành truyền tay tán phát các tài liệu tự in.

Do yêu cầu của đấu tranh tư tưởng, lý luận và chính trị hiện nay, một số quan điểm lý luận nào đấy không còn là vấn đề học thuật thuần túy mà đã gia nhập vào phạm vi quan điểm đường lối. Do đó, người đảng viên làm công tác lý luận phải tự giác chấp hành yêu cầu : "Đảng viên có quyền được phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, *không*

(2) *Sđd*, tr 141

Digitized by Google

được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng..." (2) Chẳng hạn quan điểm cương lĩnh của Đảng ta hiện nay là xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vậy thì không thể truyền bá quan điểm cho rằng chúng ta không cần hoặc chưa nên xây dựng chủ nghĩa xã hội ; rằng lý luận thời kỳ quá độ của Mác - Lê-nin là không phù hợp với nước ta. Hoặc trong khi quan điểm của Đảng là phát triển kinh tế nhiều thành phần nhưng phải coi trọng xây dựng kinh tế quốc doanh và hợp tác xã để quốc doanh đóng vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác là nền tảng nền kinh tế quốc dân thì không thể truyền bá quan điểm cho rằng chỉ có mở rộng tối đa kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, thu hẹp kinh tế quốc doanh đến mức tối thiểu thì mới hòa nhập được vào kinh tế thế giới, khắc phục được sự tụt hậu của mình...

Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng phải căn cứ vào cương lĩnh và các văn kiện, nghị quyết của Đảng, thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, bồi dưỡng các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là những vấn đề trực tiếp liên quan đến đường lối, bồi dưỡng đạo đức cách mạng trong bối cảnh lịch sử mới, *bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn đảng, toàn quân, toàn dân.* Đại hội VIII đánh giá : Đến nay, "**con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn**" (3). Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ ra rằng nhiệm vụ công tác lý luận còn rất nặng nề, còn phải trả lời nhiều vấn đề đã, đang và sẽ nảy sinh. "Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề do cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng, làm cho ngày càng sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". (4)

Tôi cho rằng đến nay, thực tiễn đấu tranh dân tộc và giai cấp gay go, phức tạp ở nước ta đã có những biểu hiện rõ ràng, đòi hỏi và đồng thời cho phép chúng ta vạch một đường ranh giới giữa quan điểm đúng và quan điểm sai trên một số vấn đề lý luận chính trị cơ bản và quan trọng. Thực tiễn chứng tỏ, trên vấn đề hệ tư tưởng, không thể có bất cứ sự thỏa hiệp nào. Chúng ta cần và có thể tiếp thu một cách có phê phán những yếu tố tiến bộ đúng đắn của những trào lưu tư tưởng ngoài mác xít để làm giàu cho mình, nhưng không thể có sự nhượng bộ thỏa hiệp về quan điểm và lập trường tư tưởng, không thể dung hòa quan điểm đúng với quan điểm sai trái. Sự dung hòa và thỏa hiệp đó chỉ có hại, làm hỗn loạn chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương tại Đại hội VIII trong phần xây dựng Đảng đã khẳng định : Phải "uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch" (5).

Một vấn đề cần làm rõ là trên mặt trận tư tưởng hiện nay, chúng ta phải xác định phương hướng công tác tư tưởng, tập trung sự phê phán vào hướng nào. Trong lịch sử Đảng ta, sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh bao giờ cũng diễn ra trong cuộc đấu tranh với hai xu hướng lệch lạc : bảo thủ, giáo điều và cơ hội, xét lại ; tả khuynh và hữu khuynh về chính trị. Đối với một đảng ra đời và phát triển trong một môi trường xã hội như nước ta, Đảng ta phải luôn luôn phê phán mọi biểu hiện của tư tưởng tiểu

(3) (4) (5) : *Sđd*, tr 68, 140, 141.

Digitized by Google

tư sản và tư sản, phê phán cả các tàn dư của tư tưởng phong kiến. Trong những năm tháng trước đây, Đảng ta thường phải đấu tranh với cả hai xu hướng : chống hữu và phòng tả ; thường đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống các biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản, đồng thời không coi nhẹ chút nào tư tưởng tư sản và phong kiến. Phương hướng chỉ đạo đó đã tỏ ra đúng đắn và góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng nước ta.

Theo tôi, trong cuộc đấu tranh cách mạng rất phức tạp hiện nay, chúng ta cần có những điều chỉnh quan trọng trong phương hướng đấu tranh tư tưởng. Phải chăng trong khi không coi nhẹ việc khắc phục bệnh bảo thủ, giáo điều, sự xơ cứng trong tư duy lý luận, phải chú ý phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh ? Trong khi vẫn phải tích cực đấu tranh phê phán tư tưởng tiểu tư sản, đặc biệt là các biểu hiện dao động về chính trị, trạng thái vô chính phủ ; phê phán các tàn dư phong kiến gia trưởng cục bộ, bè phái, kém dân chủ, chúng ta phải đặc biệt chú trọng đấu tranh chống tư tưởng tư sản, tư tưởng xã hội dân chủ ? Cuộc đấu tranh giữa hai con đường, hai định hướng phát triển xã hội cũng như cuộc đấu tranh giữa dân tộc ta với âm mưu chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc đòi hỏi sự điều chỉnh đó. Báo cáo của Ban chấp hành trung ương về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội VIII đã khẳng định : "Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những khó khăn trong nước, đã nẩy sinh tư tưởng cơ hội, thực dụng, khuynh hướng sai lầm muốn *đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa hoặc xã hội dân chủ*" (6).

Phải thừa nhận rằng hiện nay ở ta, có một số người đã mất lòng tin vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thậm chí đã mất cả lòng tự hào dân tộc. Họ sùng bái các giá trị phương Tây, nền kinh tế thị trường theo định hướng tư bản chủ nghĩa, nền dân chủ tư sản, nền văn hóa tư sản thấm đượm chủ nghĩa cá nhân cực đoan và lối sống của một xã hội tiêu thụ tha hóa và suy đồi. Họ tuyệt đối hóa mặt thành tích của phương Tây. Trong hoạt động thực tiễn, họ bắt chước một cách thiếu phê phán mọi cách nghĩ và cách làm của phương Tây.

Trào lưu tư tưởng xã hội - dân chủ là một trào lưu quốc tế nhưng giống như con kỳ nhông nó lại biết thay đổi mầu sắc, thích ứng với từng hoàn cảnh thực tế của từng quốc gia. Cái cốt lõi giống nhau cho mọi trào lưu xã hội - dân chủ là tuy vẫn giương ngọn cờ giải phóng giai cấp công nhân, ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, nhưng lại không động chạm đến nền tảng cơ bản tạo nên sự thống trị của tư bản đối với công nhân : giữ nguyên và ca ngợi chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất ; bác bỏ, đả kích nền chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân, sùng bái nền đại nghị tư sản, chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ; đề cao chủ nghĩa tự do cá nhân cực đoan tư sản, đả kích các nguyên tắc tổ chức và cơ chế lãnh đạo của đảng cộng sản. Đáng tiếc là ở ta hiện nay, có một bộ phận không ít người (trên các vấn đề phân biệt hai chế độ xã hội, thái độ đối với kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư bản tư nhân mà thực chất là thái độ đối với chế độ tư hữu và công hữu ; trên vấn đề dân chủ và chuyên chính ; nhân quyền và tự do cá nhân ; nguyên tắc và cơ chế tổ chức của đảng...) cũng nhiễm phải quan điểm mang màu sắc xã hội - dân chủ tuy độ đậm nhạt có khác nhau tùy theo từng người.

Công tác tư tưởng - lý luận của chúng ta không thể không biết đến tình hình đó ❑

(6) Đảng cộng sản Việt nam, *Báo cáo của Ban Chấp hành trung ương khóa VII về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, Hà nội, 1996, tr 10.

Digitized by Google

[illegible]

PHẠM VĂN CHÚC *

VĂN kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khẳng định : "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại ; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội". Từ định hướng vĩ mô quan trọng này có thể thấy một trong những vấn đề lý luận được đặt ra là phải tiếp tục vừa làm sáng tỏ nét đặc thù của con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, đồng thời vừa lĩnh hội đầy đủ, sâu sắc thêm lý luận của Mác và Lê-nin về tính phổ biến của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Từ *"thời kỳ quá độ chính trị và cải biến cách mạng"*...

Trong bức tranh chung phác họa những nét khái quát nhất về các hình thái kinh tế - xã hội, với tư cách là nhà hoạt động thực tiễn cách mạng nhiệt thành của thời đại mình, Mác đặc biệt quan tâm đến bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Chính ở đây, như chúng ta đã biết, ông đề xuất tư tưởng về một "thời kỳ quá độ chính trị" nhằm "cải biến cách mạng" xã hội cũ thành xã hội mới. Có thể nêu vắn tắt những nét chính trong mô hình mác xít về quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản như sau :

1 - Thời kỳ quá độ là thời kỳ đặc biệt trong quá trình vận động và phát triển chung của lịch sử ; một mặt từ tiêu chí hình thái vĩ mô, toàn xã hội nhảy vọt cách mạng về "bản chất" ; mặt khác, bước chuyển này được thực hiện bằng sự tiến triển tiệm tiến ở từng lĩnh vực, từng giai đoạn của những "chất lượng" cụ thể từ cũ sang mới.

2 - Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản "nằm giữa" hai hình thái kinh tế - xã hội đó. Tuy Mác và Ăng-ghen có lần đề cập đến khả năng nước Nga từ chế độ nông nô và chủ nghĩa tư bản trình độ không cao có thể đi thẳng vào quá trình phát triển cộng sản chủ nghĩa, song về đại thể các ông quan tâm tới kiểu quá độ mà xuất phát điểm là chủ nghĩa tư bản phát triển hoàn chỉnh và điển hình. Vì thế, nếu sự vận động và phát triển xã hội ở thời kỳ quá độ là sự sinh thành cái mới, thì đây là việc "sinh nở" ở một "cơ thể" đã từng đạt đến độ sung mãn, với một quá trình "thai nghén" tuần tự, đầy đủ và chín muồi.

3 - Sự "quá độ" ấy diễn ra trên quy mô không gian toàn thế giới, hay ít ra là ở khu vực trung tâm quan trọng, chính yếu nhất của nó. Mà thế giới ở đây là một thế giới tư bản chủ nghĩa về căn bản đã thuần chất và đồng chất, cho nên xét theo trật tự thời gian thì tiến trình

* PTS triết học, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

"quá độ" được triển khai và thực hiện nói chung mang tính đồng loạt và đồng đều.

4 - Mặc dù vậy, ngay thời kỳ quá độ hoàn toàn mang tính "lịch sử tự nhiên" này vẫn bao hàm "những cơn đau đẻ dài", tức là vẫn diễn ra trong khó khăn, gian khổ và không phải sẽ luôn luôn được hoàn tất suôn sẻ, nhanh chóng. Bởi vì, nó khác về chất so với không chỉ vận động xã hội thông thường, mà cả những thời kỳ quá độ khác đã từng có trong lịch sử [1].

5 - Đặc trưng của thời kỳ quá độ này là : nó được mở đầu, chứ không phải kết thúc, bởi cuộc cách mạng xã hội ; sự "quá độ" về tất cả các lĩnh vực diễn ra hoàn toàn không phải bên trong, mà là bên ngoài kiến trúc thượng tầng tư bản. Do đó, xét theo phương thức và lĩnh vực ưu tiên trong tổng thể cơ chế và nội dung "cải biến cách mạng", thì đây là "thời kỳ quá độ chính trị". Nghĩa là, sự vận động, phát triển về chất "trong mọi lĩnh vực kinh tế, đạo đức, tinh thần" của xã hội chỉ có thể diễn ra và được thực hiện với điều kiện tiên quyết là có kiến trúc thượng tầng chính trị mới. Thiếu tiền đề thiết yếu ấy, xã hội quá độ theo định hướng xã hội chủ nghĩa và từng bước định hình chủ nghĩa xã hội hiện thực sẽ nhanh chóng mất đi bản sắc riêng. Điều này được minh chứng rõ rệt bởi thực tế lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu cuối thế kỷ 20, sau Mác đến hơn 100 năm.

... **Đến *"thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ"***

Kế tục sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen, trong thời đại của mình, Lê-nin đã giải quyết "bài toán" quá độ lên chủ nghĩa xã hội với hàng loạt "dữ kiện" mới và bắt tay vào sự nghiệp hiện thực hóa chính những tư tưởng cách mạng và khoa học ấy trên đất nước Xô viết. Tiến trình khách quan tất yếu quá độ từ xã hội tư bản sang xã hội tương lai tới đầu thế kỷ 20 có nhiều đặc điểm mới được Lê-nin nắm bắt một cách nhạy bén và khái quát chính xác như sau :

1 - Chủ nghĩa tư bản với công cụ là chính sách đế quốc thực dân đã ngày càng trở nên quốc tế hóa. Trong tiến trình này đồng thời xuất hiện tình trạng phát triển không đều giữa các quốc gia tư bản. Kết quả tác động tổng hợp của những xu hướng ấy là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản có thể được khởi đầu trước hết chỉ ở một nước riêng biệt.

2 - Địa bàn mà tại đó sẽ bắt đầu quá trình trên có thể không phải là nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất. Cách mạng vô sản có nhiều khả năng nổ ra ở "mắt xích yếu nhất" trong "dây chuyền" hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới, nơi tích tụ, tập trung đến mức cao độ mọi mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu trong hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa : giữa tư bản và vô sản, giữa hình thái tư bản chủ nghĩa và các hình thái tiền tư bản chủ nghĩa, giữa chính quốc và thuộc địa, giữa các nhóm nước tư bản chủ nghĩa với nhau, giữa cường quốc tư bản chủ nghĩa mạnh và những nước thuộc địa, "nhược tiểu", giữa quốc gia tư sản thắng trận và quốc gia tư sản bại trận qua các cuộc chiến khu vực và chiến tranh thế giới...

3 - Từ hai điều kiện khách quan trên, đã xuất hiện mô hình lê nin nít về quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ ở một nước và từ chủ nghĩa tư bản phát triển không cao, thậm chí từ xã hội phi tư bản. Ở đây, giải pháp mang tính nguyên tắc tổng quát và định hướng chiến lược mà Lê-nin đề xuất là : tất yếu cần có một giai đoạn đầu tiên chuẩn bị cho bước quá độ chính thức, hay một "thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ" lên chủ nghĩa xã hội [2].

Nhiệm vụ cơ bản và chủ yếu nhất mà bước "quá độ của quá độ" phải hoàn thành là : a) Bảo vệ và bảo tồn bằng mọi giá (kể cả các biện pháp "đột phá", "nhảy vọt") trong bất kỳ hoàn cảnh nào như một nguyên tắc hàng đầu bất di bất dịch *kiến trúc thượng tầng chính trị*

(1) Xem C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 4, tr 477, 480, 491

(2) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 42, tr 266

Digitized by Google

mới (trước hết là quyền lãnh đạo của chính đảng vô sản, vai trò quản lý của nhà nước xô viết), cùng nền độc lập chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa ; b) Song đây không phải là một giá trị tự thân tuyệt đối, một mục đích độc lập và biệt lập, mà là điều kiện để phát triển dần từng bước, "tiệm tiến" sản xuất kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, điện khí hóa, xây dựng một nền "văn hóa vật chất" (lực lượng sản xuất) mới xã hội chủ nghĩa ngang và vượt tầm các nước tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất. Kết quả này trở thành nền tảng hiện thực vững chắc có tính quyết định cho việc chuyển hẳn sang các "quan hệ cộng sản chủ nghĩa" nói chung, cơ sở hạ tầng kinh tế (quan hệ sản xuất) mới nói riêng một cách trực tiếp và toàn diện trong giai đoạn quá độ tiếp theo.

Từ *"sự thay đổi căn bản và toàn bộ trong biện pháp"*...

Với nhận định tổng quát trên đây về thời kỳ quá độ trong điều kiện mới, Lê-nin đã từng bước đề xuất cương lĩnh chính trị - thực tiễn thích hợp nhằm thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Có thể hệ thống hóa lịch trình và lô gíc tiến triển của công cuộc xây dựng xã hội mới dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Lê-nin như sau :

1 - Từ Cách mạng Tháng Mười đến mùa xuân năm 1918 : về chính trị nhanh chóng xóa bỏ mọi tàn dư của chế độ tư sản và phong kiến cũ, xây dựng chính quyền xô viết. Nhưng trong kinh tế thì chủ trương xây dựng các quan hệ mới từ từ, từng bước, chắc chắn. Chẳng hạn, đã có tư tưởng khái quát về "sự lùi bước" đến chủ nghĩa tư bản nhà nước như là một vấn đề chiến lược quan trọng trong lý luận và thực tiễn, xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với không chỉ một nước lạc hậu về kinh tế, mà cả Quốc tế cộng sản và các nước tiên tiến ở Tây Âu [3].

2 - Từ mùa hè năm 1918 đến mùa xuân năm 1921 : do có nguy cơ chính trị - quân sự trong nước và do khả năng nổ ra cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa khác (Đức, Hung), nên cả trong kinh tế cũng đã thực hiện bước chuyển sang những biện pháp quyết liệt, khẩn trương kiểu "chủ nghĩa cộng sản thời chiến". Đặt trong điều kiện lịch sử - cụ thể, thì đây là quyết định cần thiết, hợp lý và tất yếu. Nhưng sự kéo dài quá mức của nó đã gây hậu quả tiêu cực cả về thực tiễn lẫn nhận thức ; và chỉ theo nghĩa này nó mới là "sự thất bại", vì thế cần đến "một sự rút lui" [4]

3 - Từ mùa xuân năm 1921 : thực hiện "chính sách kinh tế mới" (NEP) với một số nội dung chính như : chuyển từ trưng thu sang đánh thuế lương thực ; mở tô nhượng với tư bản nước ngoài để vừa thu hút kỹ thuật mới và vốn đầu tư, vừa phân hóa các thế lực đế quốc chủ nghĩa (chẳng hạn giữa Mỹ với Nhật) [5] ; cho phép tồn tại các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, trong đó có hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước, chế độ hợp tác xã...

Với NEP, phép biện chứng mác xít - lê nin nít giữa chính trị và kinh tế trong thời kỳ quá độ có một biểu hiện mới đặc sắc, và đã trở thành kiểu mẫu với giá trị lịch sử bền vững về việc giải quyết nhiệm vụ cách mạng chung, tổng hợp và phức hợp. Đó là : dựa trên tiền đề chính trị tương đối vững chắc để chuyển sang giải quyết một cách mềm dẻo nhiệm vụ kinh tế ; và lại dựa vào cơ sở kinh tế mới để củng cố chính "tiền đề" trên, cũng như tiếp tục đẩy nó lên một bước cao hơn, triệt để hơn. Rõ ràng, tổng thể các giải pháp và quyết sách trên gắn bó và thống nhất chặt chẽ với học thuyết mác xít về hình thái kinh tế - xã hội và về thời kỳ quá độ, với toàn bộ hoạt động lý luận và thực tiễn giai đoạn đấu tranh giành chính quyền trước đó của Lê-nin và đảng bôn-sê-vích, và mang tính tất yếu, hợp lý duy nhất đúng đắn xét từ bối cảnh phát sinh lịch sử - cụ thể của chúng. Chẳng hạn, khi chỉ đạo thực hiện NEP, Lê-nin đã dự kiến, về phương diện kinh tế - kỹ thuật thuần túy, sẽ phải tiến hành

(3) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 325, 326, 327
(4) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 199
(5) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 42, tr 52, 67, 116

Digitized by Google

NEP tương đối lâu dài, tuy "không bi quan đến 25 năm", nhưng cũng "khoảng mười năm (1921 - 1931)". Bởi vì chỉ với nền kinh tế tiểu nông, chưa có đại công nghiệp, thì không thể thực hiện ngay việc chuyển sang chủ nghĩa cộng sản được mà phải bắt đầu từ việc tạo ra điều kiện cho bước chuyển đó ; phải chuẩn bị cho không phải là "cuộc chiến cuối cùng", mà là "một trong những trận đánh trước cuộc chiến ấy" ; và tương tự như trong một khóa học, đây chưa phải là "năm cuối cùng", mà là "kỳ thi từ năm thứ ba lên năm thứ tư" (6). Mặt khác, Lê-nin lại khẳng định rằng, phải giới hạn "sự lùi bước", hoặc "không lùi bước thêm nữa", thậm chí "ngừng lùi bước" ..., rằng chỉ có thể tiến hành NEP với điều kiện ngăn chặn được nội chiến và bảo đảm tình hình quốc tế ổn định, không có sự can thiệp từ bên ngoài của các nước đế quốc phương Tây.

... **Đến *"việc giữ vững một kế hoạch kinh tế thống nhất của nhà nước Xô viết"***

Từ diễn biến tình hình với ba giai đoạn kế tiếp, mà thoạt đầu thì tưởng như chúng phủ định lẫn nhau, hoặc giữa chúng có sự thay đổi đến mức "căn bản và toàn bộ" như trên, có thể thấy rõ cả một cương lĩnh lê nin nít về "thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ" lên chủ nghĩa xã hội với nội dung được thể hiện qua những mối quan hệ chính sau đây :

1 - Quan hệ chung - riêng, tổng thể - bộ phận giữa quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ từ một nước riêng biệt với quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Theo Lê-nin, thắng lợi cuối cùng, triệt để, hoàn toàn vững chắc của chủ nghĩa xã hội ở một quốc gia nhất định không thể tách rời thắng lợi của cách mạng vô sản thế giới. Nhưng điều đó không có nghĩa là phải thụ động chờ đợi, hay ngược lại tùy ý đưa ra những "đơn đặt hàng" chủ quan nóng vội về cuộc cách mạng ấy. Đối với những người bôn-sê-vích Nga, điều cần thiết và duy nhất đúng đắn là giữ vững, duy trì, củng cố nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, chấp nhận tô nhượng và mở quan hệ buôn bán với tư bản nước ngoài, sử dụng một số thành phần tư bản trong nước, nêu tấm gương cho giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới (7).

2 - Quan hệ chính trị - kinh tế giữa kiến trúc thượng tầng với cơ sở hạ tầng, giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất. Nếu như nhiệm vụ chính của bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản phát triển đầy đủ sang chủ nghĩa cộng sản là xác lập ngay các "quan hệ cộng sản chủ nghĩa", thì trong mô hình lê nin nít về "quá độ của quá độ", xây dựng lực lượng sản xuất là mục tiêu trực tiếp. Theo ý nghĩa này mà có lúc Lê-nin nhấn mạnh : cần phải nói về chính trị ít đi, bắt tay vào công tác kinh tế thực tiễn, cụ thể nhiều hơn, khi giả định rằng vấn đề chính trị được giải quyết hoàn toàn chắc chắn và đúng hướng, rằng không có sai lầm về chính trị, rằng đã loại bỏ được nguy cơ đe dọa về quân sự - chính trị cả từ bên trong lẫn bên ngoài (8).

3 - Quan hệ nhân - quả giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội. Lê-nin vừa chú trọng vai trò quyết định của công cuộc kiến thiết cơ sở kinh tế - kỹ thuật cho xã hội mới, vừa đề cao ý nghĩa tích cực của việc hình thành một trình độ dân trí cao, khắc phục mọi lề thói lạc hậu, tiêu cực của người tiểu nông và tiểu thương "mu-gích" Nga. Trình độ dân trí ấy không những chỉ thích hợp, tương ứng với một nền sản xuất lớn trong tương lai, mà nó cần phải được hình thành một cách trực tiếp ngay trong hiện tại để làm động lực hỗ trợ, thúc đẩy cho chính quá trình xây dựng và phát triển nền đại công nghiệp. Như vậy, nhiệm vụ xây dựng hòa bình bao gồm việc tạo lập cả "nền văn hóa vật chất" lẫn "nền văn hóa tinh thần" ; đẩy mạnh cả điện khí hóa lẫn công tác giáo dục, học tập ; vừa khẳng định quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân trong hệ thống chính trị, vừa tăng cường rèn luyện và nâng cao năng lực, bản

(6) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 43, tr 398

(7) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 35, tr 292, 475 ; t 37, tr 10, 11, 76, 77, 84

(8) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 42, tr 191 - 192

Digitized by Google

lĩnh ấy bằng các biện pháp củng cố tổ chức đảng, ngăn ngừa tệ quan liêu, tăng cường công tác thanh tra công - nông...

4 - Quan hệ mục tiêu - phương tiện giữa chiến lược với sách lược cách mạng. Xuất phát từ bản chất, đặc trưng của vận động xã hội, từ trình độ lịch sử - cụ thể của các điều kiện vật chất hiện thực và "nhân liệu", cũng như từ tương quan lực lượng thực tế giữa cái cũ và cái mới trong thời kỳ "quá độ của quá độ" lên chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, Lê-nin đã đúc rút hàng loạt nguyên tắc đấu tranh cách mạng tỉnh táo và kiên nhẫn, khôn khéo và có hiệu quả. Chẳng hạn, Người cho rằng, NEP chỉ là biện pháp mới để thực hiện kế hoạch kinh tế thống nhất không thay đổi của nhà nước xô viết ; rằng đó là "sự kết hợp, thống nhất các mặt đối lập" trong quản lý và phát triển xã hội ; rằng phải biết vận dụng những phương pháp cách mạng gắn bó và thống nhất, bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau như : "tấn công" và "lùi bước", "xung kích" và "bao vây", "trọng điểm" và "dàn đều", "xích vệ" và "hòa hoãn", "kiên quyết" và "nhượng bộ", "cách mạng" và "cải lương" [9].

Tóm lại, với tư duy biện chứng sáng tạo đạt đến trình độ mẫu mực, Lê-nin đã vận dụng và phát triển lý luận mác xít về hình thái kinh tế - xã hội thêm một bước quan trọng có ý nghĩa vạch thời đại, đồng thời bắt tay triển khai trong thực tiễn một cương lĩnh hoàn chỉnh với tầm cấp phổ biến về quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ từ một nước riêng biệt có nền kinh tế tiểu nông lạc hậu. Bản chất khoa học và cách mạng, nội dung toàn diện và nhất quán của cương lĩnh ấy thấm nhuần trong tất cả các mặt, các khía cạnh của nó. Sự xem xét sơ lược phiến diện, việc tuyệt đối hóa chỉ một vấn đề nào đó trong nội dung chung thống nhất của cương lĩnh sẽ dẫn đến những ngộ nhận về tiến trình hoạt động thực tiễn và phát triển tư tưởng của Lê-nin. Như thực tế cho thấy, đó cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng về mặt lý luận dẫn đến sự tan rã và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu vừa qua.

Đổi mới và định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam.

Thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công cuộc đổi mới đang diễn ra ở nước ta hiện nay có cơ sở kinh tế - kỹ thuật xuất phát và những điều kiện văn hóa - xã hội mang nét đặc thù. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tiến trình đó vẫn sẽ không thể không tuân thủ những tính quy luật chung của các mô hình "quá độ chính trị" mà Mác đã dự kiến, cũng như "quá độ không từ chủ nghĩa tư bản phát triển cao" đã được Lê-nin bắt tay thực hiện một cách đầy hiệu quả. Ngoài ra, tuy Việt nam đã bước vào thời kỳ mới với quan hệ quốc tế cởi mở, đa phương và đa dạng, song lại không còn có thuận lợi về hậu thuẫn tinh thần và vật chất của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Như vậy, trên cả hai mặt này, "giải pháp" lê nin nít cho yêu cầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội chỉ từ một nước riêng biệt, đơn độc đối mặt với cả thế giới tư bản chủ nghĩa vẫn còn nguyên giá trị thời sự. Rõ ràng, tình hình thực tiễn hiện nay vẫn tiếp tục khẳng định lô gíc lý luận đầy sức sống và tinh thần năng động sáng tạo chói ngời trong cương lĩnh của Lê-nin về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước kinh tế tiểu nông. Đó là : xác lập và củng cố kiến trúc thượng tầng mới, trước hết là thiết chế chính trị đảng, nhà nước xã hội chủ nghĩa ; đẩy mạnh phát triển cơ sở kinh tế - kỹ thuật (lực lượng sản xuất) ; sử dụng cả một số nhân tố tư bản chủ nghĩa trong và ngoài nước để từng bước khắc phục nền kinh tế tiểu nông gia trưởng ; trên tiền đề ấy chuyển sang bước quá độ tiếp theo là trực tiếp cải tạo xã hội chủ nghĩa các quan hệ xã hội nói chung, cơ sở hạ tầng (quan hệ sản xuất) nói riêng, cùng toàn bộ đời sống văn hóa tinh thần của xã hội ; từ đó hình thành chủ nghĩa xã hội hiện thực một cách toàn diện, hoàn chỉnh và vững chắc ❑

(9) Xem : V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 42, tr 259, 260

Digitized by Google

VÌ SAO CHÚNG TA CHỦ TRƯƠNG BỎ QUA GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN TƯ BẢN CHỦ NGHĨA ?

TRƯƠNG HỮU HOÀN *

THEO quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sự phát triển của xã hội loài người đã trải qua 4 phương thức sản xuất và đang bước vào phương thức sản xuất thứ 5 - phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nhưng đối với từng quốc gia, dân tộc, không nhất thiết phải tuần tự trải qua tất cả các phương thức sản xuất đó. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, một quốc gia nào đó có thể bỏ qua một hoặc một vài phương thức sản xuất, để bước vào phương thức sản xuất tiên tiến của thời đại. Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã minh chứng điều đó. Mác - Ăng-ghen - Lê-nin đã từng nói về điều này và còn chỉ rõ những điều kiện để một quốc gia có thể thực hiện sự "bỏ qua" ấy.

Vận dụng quan điểm trên của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhiều nước, trong đó có Việt nam, dù trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp, hoặc rất thấp, đã chủ trương làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Luận cương của Đảng năm 1930 đã nêu ra chủ trương này. Đại hội lần thứ III của Đảng (năm 1960) còn chỉ rõ : Chúng ta "có đủ điều kiện để bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội". Suốt trong nhiều năm, đối với chúng ta, vấn đề "bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội" hầu như là lẽ đương nhiên, là một tất yếu không cần phải bàn cãi. Nhưng những năm gần đây, khi ở một số nước xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế lâm vào khủng hoảng dẫn đến sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, vấn đề này lại được đặt ra để nhận thức lại.

Có ý kiến cho rằng chúng ta không thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa được. Lập luận của loại ý kiến này là : lịch sử loài người là lịch sử phát triển tuần tự tự nhiên, không thể đốt cháy giai đoạn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ là vì nó bị đẻ non, không đúng quy luật. Sự sụp đổ này đã làm cho nhiều người mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, làm mất đi một trong những điều kiện để bỏ qua một phương thức sản xuất. Vả chăng phương thức sản xuất định đạt tới phải là phương thức sản xuất tiên tiến, thể hiện tính ưu việt và thế đi lên của nó trong thời đại ; tiếc thay phương thức sản xuất đó lại đang trong giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng. Còn điều kiện thứ hai để có thể "bỏ qua" là phương thức sản xuất định bỏ qua đã lỗi thời, không còn khả năng tồn tại ; nhưng hiện nay lại không phải thế. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tự điều chỉnh và tạm thời giải quyết được một số mâu thuẫn trong lòng nó, đã lấy lại được sức sống và tỏ ra đang còn khả năng tồn tại. Như vậy là hai trong số ba điều kiện để bỏ qua phương thức

* PTS triết học, Bộ giáo dục đào tạo

Digitized by Google

sản xuất tư bản chủ nghĩa, tiến lên phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, đã không còn. Vì vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, mới có cơ sở vật chất và các tiền đề kinh tế - xã hội cần thiết khác !

Khác với quan điểm trên, Đảng cộng sản Việt nam cho rằng : Với những điều kiện quốc tế và trong nước như hiện nay, chúng ta vẫn có thể xây dựng thành công một chế độ xã hội tốt đẹp - chế độ xã hội chủ nghĩa, không cần phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Quan điểm của Đảng ta dựa trên những cơ sở :

Thứ nhất : Như trên đã nói, lịch sử diễn ra không nhất thiết trường hợp nào cũng phải tuần tự. Dù hai trong ba điều kiện bỏ qua phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã không còn, nhưng đó chỉ là những yếu tố bên ngoài. Yếu tố thực sự quyết định để có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta vẫn còn nguyên vẹn. Đó là Đảng cộng sản Việt nam trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đang là lực lượng duy nhất lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng có đủ khả năng, bản lĩnh, trí tuệ và quyết tâm lãnh đạo nhân dân ta xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa trên đất nước Việt nam.

Thứ hai : Trong tự nhiên cũng như trong xã hội, một nội dung bao giờ cũng có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì vậy, cùng một trình độ của lực lượng sản xuất vẫn có những hình thức quan hệ sản xuất khác nhau phù hợp với nó. Điều đó có nghĩa là, dù cùng ở một trình độ của lực lượng sản xuất, một quốc gia nào đó vẫn có thể xác lập được những quan hệ sản xuất tiến bộ hơn so với các quốc gia khác.

Thứ ba : Thể chế chính trị tiến bộ của một quốc gia có vai trò chủ động tác động tích cực đến việc xây dựng các quan hệ sản xuất và các quan hệ xã hội mang tính chất xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư : Xu hướng quốc tế hóa, liên minh liên kết khu vực, phân công hợp tác quốc tế cùng với trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao mà nhân loại đạt được hiện nay, tạo điều kiện cho mỗi quốc gia có thể "đi tắt, đón đầu" để nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất của mình lên ngang tầm các nước tiên tiến nhất.

Thứ năm : Đối với nước ta hiện nay, trình độ của lực lượng sản xuất ở các ngành, các khu vực kinh tế là không giống nhau và không thuần nhất. Vì vậy, trong quan hệ sản xuất phải có nhiều hình thức để phù hợp với những trình độ khác nhau đó của lực lượng sản xuất. Từ đó tất yếu dẫn đến nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại trong nền kinh tế chung của đất nước. Trong các thành phần kinh tế đó, có thành phần kinh tế quốc doanh dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại diện cho phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Với sự lãnh đạo của đảng cộng sản và sự điều tiết của nhà nước xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế này sẽ được phát triển để giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Vì vậy Đảng ta chủ trương : "phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng

Digitized by Google

hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước" (1).

Như vậy, dù ở điểm xuất phát thấp của lực lượng sản xuất, nhưng với những bước đi sáng tạo, thực hiện đúng yêu cầu của quy luật phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, chúng ta vẫn có thể tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, không nhất thiết phải chờ khi có được lực lượng sản xuất phát triển ở trình độ thật cao - nghĩa là phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, mới bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngoài những điều kiện trên, chúng ta còn có những kinh nghiệm và ít nhiều thành tựu đã đạt được của những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây giúp chúng ta có thêm cơ sở để khẳng định và kiên trì con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khác với những gì diễn ra ở Liên xô trước đây, chúng ta không phủ định sạch trơn từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng, từ kinh tế đến chính trị, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất... để tiến hành "cải tổ", "làm lại" từ đầu. Chúng ta chủ trương *đổi mới tư duy* để nhận thức đúng hơn, rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã đạt được, chúng ta giữ lại những quan hệ sản xuất và những quan hệ xã hội hợp lý để tiếp tục đi lên.

Vậy những yếu tố nào của giai đoạn tư bản chủ nghĩa có thể bỏ qua và những yếu tố nào không thể bỏ qua ?

Theo quy luật phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất thì sự lớn dần lên của lực lượng sản xuất là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của quan hệ sản xuất, và từ đó dẫn đến sự thay đổi của các quan hệ xã hội khác. Sự biến đổi, phát triển của lực lượng sản xuất là quá trình tích lũy dần dần về lượng, khi nhanh, khi chậm, có khi cả một thời gian dài tưởng chừng không có biến đổi, nhưng lại có khi đột biến, "một ngày bằng hai mươi năm". Tuy vậy, không thể có sự gián đoạn trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, nghĩa là không có "những lực lượng sản xuất đã đạt được" ở giai đoạn trước thì không thể có sự phát triển tiếp tục của lực lượng sản xuất ở giai đoạn sau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất là một chuỗi dài liên tục quá trình tiếp nối của giai đoạn sau với giai đoạn trước, của tương lai với hiện tại. Dù thế nào đi nữa *lực lượng sản xuất cũng là cái không thể bỏ qua được trong quá trình phát triển của xã hội.* Điều đó có nghĩa là chúng ta phải tạo ra được những lực lượng sản xuất nhất định làm cơ sở cho sự phát triển của xã hội. Trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao mà nhân loại đạt được hiện nay giúp chúng ta nhanh chóng thực hiện được yêu cầu này.

Như vậy không thể bỏ qua việc phát triển lực lượng sản xuất. Còn quan hệ sản xuất và các quan hệ xã hội có thể bỏ qua được không ? Tất nhiên, theo yêu cầu của quy luật phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, về cơ bản không thể bỏ qua được những quan hệ sản xuất và các quan hệ xã hội tương ứng để xây dựng những quan hệ khác cao hơn (vấn đề này, thực tiễn

(1) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 112

Digitized by Google

xây dựng chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn trước, đã nhắc nhở chúng ta !). Theo chúng tôi, khi được gọi là phù hợp thì ở giai đoạn đó :

- Yếu tố phù hợp của giai đoạn trước đang mất dần đi.

- Yếu tố phù hợp của hiện tại đang là cơ bản.

- Yếu tố phù hợp của giai đoạn tiếp theo đang xuất hiện.

Không thể bỏ qua "ngay lập tức" yếu tố phù hợp của giai đoạn trước, càng không thể bỏ qua yếu tố phù hợp của giai đoạn hiện tại để tập trung phát triển yếu tố phù hợp của tương lai. Làm như thế sẽ khiến cho quan hệ sản xuất "đi quá xa" so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tuy vậy, trong khi thực hiện yêu cầu của quy luật phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, chúng ta vẫn có thể tạo điều kiện hợp lý để yếu tố phù hợp của quan hệ sản xuất ở giai đoạn sau sớm xuất hiện và phát triển cũng trên cơ sở trình độ lực lượng sản xuất hiện tại. Điều đó hoàn toàn có thể thực hiện được và những người cộng sản Việt nam đang vận dụng khả năng này để xây dựng chủ nghĩa xã hội "không qua con đường tư bản chủ nghĩa".

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam sau khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ cũng cho phép chúng ta nhận thức rõ hơn vấn đề : Có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước lạc hậu, trình độ của lực lượng sản xuất thấp, sản xuất nhỏ còn là phổ biến, không qua con đường tư bản chủ nghĩa. Nhưng cũng không thể bỏ qua được tất cả những gì đã đạt được ở giai đoạn tư bản chủ nghĩa về mặt lực lượng sản xuất. Chỉ có thể "bỏ qua chế độ chính trị" và những quan hệ sản xuất nào đó của giai đoạn ấy, tùy điều kiện của mỗi nước. Thực chất vấn đề "bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" là như vậy ❑

Đảng bộ và nhân dân...

(Tiếp theo trang 51)

núi. Do vậy, việc trồng rừng và bảo vệ rừng là cách tốt nhất để hạn chế thiên tai, lũ lụt.

4 - Việc chủ động phòng, chống lũ lụt phải được chuẩn bị chu đáo và có phương án luyện tập thường xuyên, phải có các phương tiện cứu hộ khi mưa lũ xảy ra để hạn chế thiệt hại. Đồng thời phải có phương án sơ tán dân đến nơi an toàn. Tránh tình trạng như ở Mường lay, khi lũ xảy ra, nhiều người thoát khỏi dòng lũ chạy về chân đồi nhưng đó lại là vùng không an toàn, đồi núi sạt vùi lấp làm chết tiếp nhiều người.

Mùa mưa lũ năm 1996 đã gây hậu quả nặng nề và vẫn đang tiếp tục đặt ra cho đảng bộ, nhân dân các dân tộc Lai châu những trở ngại, thách thức hết sức to lớn, đòi hỏi toàn tỉnh phải có sự nỗ lực vượt bậc bằng những việc làm cụ thể, thiết thực để vượt qua. Trong hoạn nạn, khó khăn, đảng bộ, nhân dân các dân tộc Lai châu đã được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ chia sẻ về vật chất, tinh thần của trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành ở trung ương và các tỉnh bạn, đồng bào trong cả nước. Đó là nguồn động lực to lớn tiếp thêm sức mạnh cho đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục vượt khó đi lên, từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ 9, Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra ❑

Digitized by Google

VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

LÊ HỮU TẦNG *

I - CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI

Hai khái niệm *công bằng xã hội* và *bình đẳng xã hội* tuy có nội dung rất gần nhau, dễ bị đồng nhất với nhau, nhưng dẫu sao chúng vẫn là những khái niệm khác nhau.

Khái niệm *bình đẳng* vốn có nghĩa là sự ngang bằng nhau về một phương diện nào đó, giữa hai hay một số sự vật cùng tham gia vào một quan hệ nhất định. Tuy nhiên, khi các sự vật đó thuộc giới vô sinh hay hữu sinh nhưng không phải là con người thì ta thường không dùng khái niệm *bình đẳng*, mà dùng khái niệm *cân bằng* hay *ngang bằng* nhau. Ngay trong quan hệ giữa người với người, nếu sự so sánh diễn ra không phải về phương diện xã hội, mà về các phương diện khác không mang tính chất xã hội, chẳng hạn, đó là sự so sánh về thể lực, trí lực v.v. thì người ta cũng không dùng khái niệm *bình đẳng*, mà dùng khái niệm *cân bằng* hay *ngang bằng* nhau.

Như vậy khi đã không dùng các khái niệm *cân bằng, ngang bằng* mà dùng khái niệm *bình đẳng* tức là ta đã ngầm nói tới *sự bình đẳng xã hội*, tới *sự ngang bằng nhau giữa người với người về một phương diện xã hội nào đấy*, chẳng hạn, về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội v.v..

Còn khi nói tới *sự ngang bằng nhau giữa người với người về mọi phương diện* tức là ta đã nói tới một sự *bình đẳng xã hội hoàn toàn.*

Một trong số những quan hệ bình đẳng xã hội rất quan trọng là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thu. Trong chủ nghĩa xã hội, khi cống hiến lao động ngang nhau thì được hưởng thụ thành quả của lao động ngang nhau và sự bình đẳng đó được gọi là *công bằng xã hội*. Nói cách khác, *công bằng xã hội* chính là sự ngang bằng nhau giữa người với người không phải về mọi phương diện, cũng không phải về một phương diện bất kỳ, mà chính là về một phương diện hoàn toàn xác định : về *phương diện quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi theo nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ (cống hiến) ngang nhau sẽ được hưởng quyền lợi (hưởng thụ) ngang nhau.*

Xét theo nghĩa vừa nói, công bằng xã hội và bình đẳng xã hội có điểm chung, nhưng cũng có điểm khác nhau. Chẳng hạn khi ta nói mọi người đều bình đẳng trước pháp luật thì điều đó có nghĩa là mọi người đều được được đối xử ngang bằng nhau trước pháp luật. Còn khi xét từng vụ việc cụ thể, người có công sẽ được thưởng, người có tội sẽ phải phạt, tội nặng bị phạt nặng, tội nhẹ bị phạt nhẹ, thì một sự đối xử như vậy đối với từng con người được coi là công bằng. Ở đây sự công bằng là sự ngang bằng nhau chỉ về một phương diện : phương diện liên quan đến mối quan hệ tương ứng giữa hành vi và sự đền đáp, giữa vi phạm pháp luật và trách nhiệm trước pháp luật. Như vậy, *công bằng xã hội là một dạng, một biểu hiện cụ thể của bình đẳng xã hội và thực hiện công bằng xã hội chính là thực hiện một phần của bình đẳng xã hội*, là một bước tiến trên con đường lâu dài nhằm dần dần đạt tới bình đẳng xã hội hoàn toàn.

Trong tác phẩm "Phê phán cương lĩnh Gotha" khi bàn về vấn đề phân phối, C. Mác cũng đã có sự phân biệt giữa công bằng xã hội và bình đẳng xã hội. C. Mác vạch rõ rằng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, sau khi đã khấu trừ đi những khoản cần thiết để duy trì sản xuất, tái sản xuất cũng như để duy trì đời sống của cộng đồng, toàn bộ sản phẩm xã hội còn lại sẽ được phân phối theo nguyên tắc : *mỗi người sản xuất sẽ được nhận trở lại từ xã hội một số lượng vật phẩm tiêu dùng trị giá ngang với số lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội* [1]. Đó là một nguyên tắc phân phối công bằng vì ở đây là tất cả những người sản xuất đều có quyền ngang nhau tham dự vào quỹ tiêu dùng của xã hội khi làm một công việc ngang nhau.

* Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 4, tr 474 - 479

Digitized by Google

Mặc dầu nguyên tắc phân phối trên đây được coi là một nguyên tắc rất công bằng nhưng C. Mác cũng chỉ rõ rằng trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, sự phân phối công bằng đó chẳng những chưa loại trừ được, mà vẫn còn chứa trong nó sự chấp nhận một tình trạng bất bình đẳng nhất định giữa các thành viên trong xã hội. C. Mác viết : "Với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia, v.v.." (2).

Qua sự phân tích của C. Mác, chúng ta thấy, công bằng xã hội không đồng nhất với bình đẳng xã hội. Trong khi thực hiện công bằng xã hội, chúng ta vẫn chưa thực hiện được bình đẳng xã hội, và *trong chủ nghĩa xã hội, theo C. Mác, công bằng xã hội được thực hiện, nhưng bất bình đẳng xã hội vẫn tồn tại như một tất yếu không tránh khỏi.* Sự phân biệt rất rạch ròi này của C. Mác trong suốt một thời gian dài, cả cho đến nay có thể nói trong chừng mực nhất định, đã không được chúng ta hiểu đầy đủ. Vì vậy, có một sự lầm lẫn rất đáng tiếc khi hai khái niệm này bị đem đồng nhất với nhau, và sự đồng nhất đó đã ảnh hưởng nhất định đến việc nhìn nhận những biến đổi đang diễn ra trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay.

II - NHỮNG CHUẨN MỰC VÀ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN NHỮNG CHUẨN MỰC CỦA "CÔNG BẰNG XÃ HỘI" TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY Ở NƯỚC TA

Căn cứ vào chỉ dẫn của C. Mác, xuất phát từ cách hiểu đã được trình bày trên đây về mối quan hệ giữa công bằng xã hội và bình đẳng xã hội, ta có thể thấy ngay rằng trong điều kiện hiện nay, khi chúng ta còn đang trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội chứ chưa đạt tới chủ nghĩa xã hội, lại càng chưa đạt tới chủ nghĩa cộng sản, thì sự bình đẳng xã hội hoàn toàn là điều chưa thể có được.

Nhưng còn công bằng xã hội thì sao ? Liệu trong điều kiện hiện nay, khi chưa giàu có, chúng ta có thể thực hiện được công bằng xã hội không ?

Đúng là khi chưa giàu có, chúng ta chưa thể thực hiện được sự bình đẳng hoàn toàn. Bởi vì, muốn đạt được sự bình đẳng hoàn toàn giữa người với người trong phạm vi toàn xã hội thì người ta trước hết phải được bình đẳng hoàn toàn với nhau về phương diện kinh tế. Chỉ có trên cơ sở bình đẳng về kinh tế mới có thể có sự bình đẳng về các phương diện khác. Nhưng muốn có bình đẳng về kinh tế thì tất cả mọi người đều phải có cơ sở kinh tế ngang nhau và do đó có sức mạnh kinh tế ngang nhau. Điều đó chỉ có thể đạt được khi tất cả mọi thành viên trong xã hội đều sống trong dư thừa của cải, dư thừa tới mức nhu cầu của tất cả mọi người đều được thỏa mãn hoàn toàn và vì thế không ai có thể lợi dụng ưu thế của mình về kinh tế để lấn át người khác, gây ra sự bất bình đẳng trên lĩnh vực này hoặc lĩnh vực kia. Một xã hội như vậy chỉ có thể được tạo ra dần dần và, một cách tương ứng, tuy không tương ứng hoàn toàn theo tỷ lệ thuận, sự bình đẳng (theo nghĩa tuyệt đối) giữa người với người cũng chỉ có thể đạt được trong một tương lai xa. Còn ở thời điểm hiện tại và trong một tương lai gần, ta chỉ có thể đạt được sự "bình đẳng bộ phận", "bình đẳng từng phần" mà thôi.

Một trong số những "bình đẳng từng phần" hay "bình đẳng bộ phận" này chính là sự bình đẳng về một phương diện nhất định - về quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ, - tức là công bằng xã hội. Theo chúng tôi, đó chính là cái không những ta *có thể* mà còn *cần* thực hiện ngay khi xã hội chưa giàu có, chưa dư thừa của cải, nghĩa là khi ta chưa có đủ điều kiện để thực hiện bình đẳng xã hội hoàn toàn. Vì sao vậy ? Vì cái chủ yếu của công bằng xã hội, như đã nói trên, chỉ có nghĩa là cống hiến (thực hiện nghĩa vụ) ngang nhau thì hưởng thụ (được hưởng quyền lợi) ngang nhau. Theo nghĩa đó, không nhất thiết phải giàu có mới thực hiện được công bằng, hơn thế nữa, càng chưa giàu có, càng nghèo khó lại càng phải thực hiện công bằng nếu muốn tạo ra bầu không khí hòa thuận, tin yêu lẫn nhau, muốn giữ cho xã hội ổn định.

Cần phải nói rằng việc thực hiện công bằng hiểu theo nghĩa trên đây là vấn đề rất cần được quan tâm hiện nay. Người lao động ở ta sẵn sàng tạm thời chấp nhận sự chưa bình đẳng, nhưng họ đòi hỏi phải có sự công bằng, sẵn sàng chấp nhận những người có tài năng sống khá giả, còn những

(2) *Sđd*, tr. 479

Digitized by Google

người kém cỏi sống nghèo hơn. Kết quả điều tra của chúng tôi tại các tỉnh Quảng nam - Đà nẵng, Minh hải và các TP. Hồ Chí Minh, Hà nội, Hải phòng trong các năm 1993 - 1994 đều khẳng định điều đó. Tại Quảng nam - Đà nẵng, trong tổng số 663 hộ nông dân được điều tra, 91,2% cho rằng sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra hiện nay tại địa phương mình là điều bình thường, kể cả 87,7% số hộ thiếu ăn và 91,3% số hộ nghèo đói. Tại TP. Hồ Chí Minh, trong số 385 công nhân được phỏng vấn qua bảng hỏi, 72,9% coi sự phân hóa giàu nghèo hiện nay là bình thường. Tại 10 xí nghiệp, công ty của hai TP Hà nội và Hải phòng, kết quả điều tra cũng tương tự. Trong tổng số 1 020 công nhân được hỏi ý kiến có 80,7% coi hiện tượng trên là bình thường. Như vậy, có thể nói phần đông người lao động ở ta hiện nay chấp nhận sự cách biệt giàu nghèo đang diễn ra, không coi đó là bất công, nhưng cái họ coi là bất công, không thể chấp nhận được là tình trạng trong đó :

- Giữa lúc những người lao động trung thực, cần mẫn đang phải sống nghèo khó, ngày đêm chật vật mưu sinh thì lại có những kẻ giàu lên quá nhanh bằng những thủ đoạn bất hợp pháp như tham nhũng, buôn lậu, đặc quyền đặc lợi, làm ăn gian dối, lừa đảo... và đang sống trong xa hoa, phè phỡn.

- Cùng là cán bộ, viên chức nhà nước và cùng bỏ công sức lao động, có thể nói là như nhau, nhưng những ai làm ở những ngành nghề có lợi thế nghề nghiệp, hoặc trong những ngành ít nhiều có tính chất độc quyền thì lại có thu nhập lớn hơn nhiều so với những người làm ở các ngành khác.

- Một bộ phận đáng kể dân cư trước đây có nhiều cống hiến cho xã hội - cống hiến sức lực, của cải, và cả xương máu của mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước - nhưng bây giờ đang sống rất khó khăn do không còn hoặc còn ít sức lao động... Khắc phục được những điểm chưa công bằng này chắc chắn sẽ có tác dụng tích cực tới tâm trạng của người lao động, thúc đẩy họ phấn khởi hăng hái sản xuất.

Tuy nhiên, bản thân quan niệm về công bằng xã hội hiện nay cần được hiểu đúng.

Trước hết, cần nhận xét rằng, công bằng xã hội không phải là một khái niệm bất di bất dịch, mà nó mang tính tương đối và phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể. F. Ăng-ghen đã từng nhận xét : "Công bằng của những người Hy lạp và La mã là sự công bằng của chế độ nô lệ. Công bằng của giai cấp tư sản 1789 là những đòi hỏi phải xóa bỏ chế độ phong kiến mà nó coi là bất công" (3). Trong "Phê phán cương lĩnh Gôtha", C. Mác cũng nói tới những quan niệm khác nhau về công bằng tùy thuộc vào các quan hệ kinh tế.

Vì vậy, tách khỏi hoàn cảnh lịch sử cụ thể, trong đó đặc biệt quan trọng là hoàn cảnh kinh tế, mà nói tới công bằng thì cái được coi là công bằng ấy có thể là không hợp lý và do đó ít có khả năng trở thành hiện thực.

Vậy trong hoàn cảnh cụ thể của chúng ta hiện nay, nội dung của khái niệm *công bằng* cần được điều chỉnh, bổ sung như thế nào cho thích hợp ? Theo chúng tôi, cần khẳng định rằng phân phối theo lao động trước sau vẫn là tiêu chí quan trọng bậc nhất của công bằng. Tiêu chí phân phối đó không phải chỉ đúng cho chủ nghĩa xã hội, mà đúng cho cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nếu trước đây chúng ta coi phân phối theo lao động là tiêu chí duy nhất của sự công bằng thì ngày nay trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường, trước nhu cầu bức bách phải thu hút vốn đầu tư để có điều kiện mở rộng và đẩy mạnh sản xuất thì ngoài phân phối theo lao động, việc phân phối theo nguồn vốn, theo tài sản đóng góp vào sản xuất cũng phải được coi là công bằng. Điều đó có lý ở chỗ chúng ta chưa sống trong chủ nghĩa xã hội, mà đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là trong chuỗi tiến hóa của lịch sử, ta đang ở nấc thang thấp hơn chủ nghĩa xã hội. Việc tuyệt đối hóa nguyên tắc phân phối theo lao động lúc này hiển nhiên là không thích hợp.

Ngoài phân phối theo lao động và theo nguồn vốn, để bảo đảm công bằng, trong quá trình phân phối còn phải tính đến nhiều cống hiến *khác* cho xã hội nói chung chứ không phải chỉ cho *sản xuất*. Đây là nét đặc thù của nước ta, một đất nước đã qua các cuộc chiến tranh lâu dài.

Ngay trong phân phối theo lao động, tiêu chí của sự công bằng cũng không nên tuyệt đối hóa.

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*. (tiếng Nga). t 18. tr 273

Digitized by Google

Tiêu chí ấy cũng mang tính tương đối và nó được xác lập qua kiểm nghiệm trong thực tiễn của cuộc sống. Chẳng hạn, trong hệ thống thang bậc lương chính thức của nhà nước ta được thiết lập theo Nghị định 235/HĐBT năm 1985 thì sự chênh lệch giữa mức lương thấp nhất và mức lương cao nhất là 3,5 lần. Còn trong hệ thống thang bậc lương chính thức của nhà nước ta được thiết lập theo Nghị định 25/CP năm 1993 thì sự chênh lệch giữa mức lương thấp nhất và mức lương cao nhất là 10 lần. Trong khi đó, hiện nay, ở một số nơi, ví dụ, xí nghiệp liên doanh MEKO (Hậu giang), mức chênh lệch thu nhập giữa công nhân và giám đốc lên tới 150 lần [4], hoặc tại một xí nghiệp liên doanh ở Hà nội, mức chênh lệch đó vào quãng 350 lần [5]. Trong 4 trường hợp trên đây cái nào là hợp lý, cái nào bất hợp lý ? Câu trả lời thật không đơn giản ! Sự công bằng hay không công bằng ở đây cần được xem xét rất cụ thể và có lẽ bên cạnh sự sàng lọc của thị trường, chúng cần được xem xét căn cứ vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, vào kết quả tác động tích cực hay tiêu cực của mỗi trường hợp phân phối tới nhiệt tình của người lao động và tới bầu không khí chung của tập thể. Dĩ nhiên, chấp nhận một sự chênh lệch, nhất là lại chênh lệch quá đáng trong thu nhập (cho dù sự chênh lệch đó có thể là hợp lý) hiện nay ở chúng ta không phải khi nào cũng dễ dàng. Đã quen sống quá lâu trong hoàn cảnh tương tự nhau, nay về nguyên tắc ai cũng đồng ý phải thực hiện phương thức phân phối theo lao động, theo mức độ cống hiến cho xã hội, nhưng khi đi vào giải quyết cụ thể thì nhiều người thường lại rất muốn cào bằng. Ngay những người quản lý cũng muốn phân phối bình quân cho đỡ phức tạp mỗi khi có cái cần phân phối. Chính trạng thái tâm lý này đang cản trở chúng ta thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội.

Ngoài ra, trong bước quá độ từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường cũng không nên và không thể đòi hỏi thực hiện cho được một sự công bằng tuyệt đối, chính xác ngay lập tức. Song, nói như thế không có nghĩa là chúng ta cam chịu trước những bất công hiện còn đang tồn tại, bởi vì phấn đấu để thực hiện công bằng trên con đường tiến dần tới thực hiện bình đẳng hoàn toàn vẫn là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và lâu dài của chúng ta.

Trong quá trình phấn đấu để đạt mục tiêu vừa nói, nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Cùng với hệ thống chính sách tận dụng những mặt tích cực của cơ chế thị trường nhằm đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế, chúng ta cũng đang tìm mọi biện pháp thích hợp nhằm loại trừ những thu nhập bất hợp pháp, điều tiết những thu nhập hợp pháp giữa các nhóm dân cư khác nhau nhằm làm giảm bớt dần sự chênh lệch giữa các thành viên trong xã hội. Trong số các công cụ mà nhà nước có trong tay để làm việc này, quan trọng nhất là các chính sách thuế và điều tiết ngân sách. Nếu chính sách thuế có thể được dùng chủ yếu để điều tiết bớt thu nhập cao của người giầu thì ngân sách nhà nước, dưới nhiều hình thức chi khác nhau, lại có thể hướng vào chỗ chủ động hỗ trợ về mặt tài chính cho người nghèo. Ở đây hỗ trợ không phải dưới dạng cho không, mà là giúp họ giảm bớt một phần khó khăn, có thêm thu nhập, tự cải thiện cuộc sống của mình, đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Điều quan trọng ở đây là các chính sách cần thực sự hỗ trợ cho người nghèo, san lấp khoảng cách giữa họ và người giầu, đồng thời không được làm triệt tiêu mất động lực cuốn hút mọi người lao vào sản xuất và thông qua đó thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Dĩ nhiên, khi đi vào giải quyết cụ thể thì còn rất nhiều điều phức tạp, khó khăn. Tuy nhiên, nếu tính tới tính tương đối của bình đẳng và công bằng xã hội như đã nói ở trên, chúng tôi nghĩ rằng ngay trong hoàn cảnh hiện nay, khi còn đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta không những *có thể* mà còn *cần* thực hiện cho được công bằng xã hội. Song sự công bằng xã hội ấy, nếu trước đây được thể hiện chỉ trong nguyên tắc *phân phối theo lao động* thì ngày nay cần thể hiện trong nguyên tắc *phân phối theo cống hiến* (cả về lao động, vốn và mọi cống hiến khác) cho xã hội. Làm tốt điều này chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra được một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế ❑

(4) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 11-1991, tr 19
(5) Xem báo *Lao động* ngày 14-3-1996

Digitized by Google

Chính sách hối đoái ở nước ta

NGUYỄN VÕ NGOẠN *

Ở bất kỳ quốc gia nào, chính sách hối đoái cũng được coi như một trong những công cụ quan trọng của chính sách tiền tệ quốc gia. Mục tiêu cơ bản của chính sách tiền tệ quốc gia là ổn định tiền tệ. Muốn làm được việc đó, Ngân hàng trung ương phải có phương thức hữu hiệu để cung ứng tiền tệ cho lưu thông với khối lượng thích hợp bảo đảm kích thích tăng trưởng kinh tế. Chính sách hối đoái có vai trò quan trọng vì có quan hệ trực tiếp tới vấn đề này. Vì vậy, bài viết này đề cập đến chính sách hối đoái trên một số mặt sau :

1 - TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI TRONG TỔNG THỂ CÁC MỐI QUAN HỆ KINH TẾ

Sau khi cơ chế Brét-tơn Út (Bretton Woods) sụp đổ và hình thành cơ chế Gia-mai-ca (Jamaica), một hệ thống tỷ giá thả nổi, gắn với xu thế toàn cầu hóa, đã xuất hiện. Chưa bao giờ xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới diễn ra toàn diện như hiện nay. Cùng với việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế nhiều chiều, quan hệ tài chính tiền tệ và thanh toán quốc tế đa phương, là quá trình phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Như Mác đã chỉ rõ : "Những công nghiệp dân tộc cũ đã bị tiêu diệt và đang ngày càng bị tiêu diệt. Những công nghiệp dân tộc bị thay thế bởi những công nghiệp mới, tức là những công nghiệp mà việc du nhập chúng trở thành một vấn đề sống còn đối với tất cả các dân tộc văn minh, những công nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu đưa từ những miền xa xôi nhất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở tất cả các nơi trên trái đất... Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc..." (1)

Quá trình toàn cầu hóa đang phát triển mạnh trên lĩnh vực các thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính tiền tệ. Tất cả các nước hiện nay đều hướng về các thị trường tài chính tiền tệ quốc tế, theo dõi những biến động của các đồng tiền chủ chốt, để có biện pháp thích hợp, tránh cho mình những tổn thất có thể có do sự xáo động của tỷ giá hối đoái gây ra. Thị trường tài chính tiền tệ quốc tế vượt khỏi tầm khống chế của một quốc gia riêng lẻ, nhưng nó chịu sự tác động của các hoạt động kinh tế và chính sách tiền tệ ở mỗi nước, từ đó hình thành mối quan hệ cung cầu trên thị trường hối đoái. Mối quan hệ cung cầu này bị chi phối bởi nhiều yếu tố như :

- Sức mua và mức độ ổn định của từng đồng tiền ; và chỉ số lạm phát trong thời gian hiện hữu.
- Cán cân thanh toán quốc tế của mỗi quốc gia ;
- Lãi suất hiện tại ;
- Khuynh hướng đầu cơ đối với từng đồng tiền và mức độ đáng tin cậy của từng đồng tiền trên thị trường tiền tệ hiện nay và trong tương lai gần ;
- Khả năng và mức độ can thiệp của mỗi chính phủ trong giai đoạn hiện nay và sau đó.

Là một công cụ của chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái với mối quan hệ phức tạp ấy, được mỗi quốc gia sử dụng để tác động trực tiếp và theo chiều tích cực vào quá trình thực hiện chính sách tiền tệ. Nhờ nó, hệ thống tiền tệ mỗi nước có thể tăng gấp bội sức mạnh.

2 - TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ KINH TẾ VĨ MÔ

Là một bộ phận trong hệ thống công cụ của kinh tế vĩ mô, tỷ giá hối đoái có tác động ngược trở lại đến các mối quan hệ kinh tế, đến cán cân thanh toán quốc tế, đến giá cả nội địa và lưu thông tiền tệ. *Cán cân thanh toán quốc tế* là tài khoản tổng hợp tất cả các đồng ngoại tệ chuyển dịch vào và ra của mỗi quốc gia trong một thời

* PTS, Vụ trưởng, Ngân hàng nhà nước trung ương

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 1, tr 545 - 546

Digitized by Google

kỳ nhất định. Khi đồng ngoại tệ chuyển dịch ra lớn hơn dòng chuyển dịch vào, khi đó xảy ra hiện tượng *thâm hụt* cán cân thanh toán quốc tế. Trường hợp ngược lại là có *thặng dư* cán cân thanh toán. Trong cán cân thanh toán quốc tế, *cán cân vãng lai* là tổng hợp các giao dịch về hàng hóa và dịch vụ được thực hiện giữa một nước với các nước khác, bao gồm tất cả các hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa. Chênh lệch xuất, nhập khẩu *(cán cân ngoại thương)* là thành phần quan trọng nhất của cán cân vãng lai.

Cán cân vốn thực chất là *cán cân tín dụng* của một quốc gia (bao gồm một vế là phần vốn vay và nhận đầu tư từ ngoài nước, và một vế là phần cho vay và đầu tư ra nước ngoài). Hai vế này nằm trong hoạt động tín dụng và đều được thực hiện bằng ngoại tệ, do đó cán cân vốn có vị trí nhất định trong cán cân thanh toán quốc tế. Đối với rất nhiều quốc gia, cán cân vốn không được coi trọng, vì dù trong hiện tại nó có bị thâm hụt, thì nó vẫn có thể cân bằng trong tương lai do thị trường vốn là thị trường dài hạn.

Tỷ giá hối đoái có tác động khá mạnh không chỉ trên các cán cân nói trên, mà còn tác động trực tiếp đến các quyết định của những người sản xuất, người tiêu dùng, các nhà đầu tư và đến giá cả trong một quốc gia. Một tỷ giá hối đoái quá *thấp* (nâng giá bản tệ) có tác dụng khuyến khích nhập khẩu nhưng lại bất lợi cho xuất khẩu. Ngược lại, một tỷ giá hối đoái *cao* (giảm giá bản tệ) sẽ khuyến khích xuất khẩu nhưng lại bất lợi cho nhập khẩu (vì giá hàng nhập tăng). Tỷ giá còn liên quan đến khối tiền tệ cung ứng, đến cán cân thương mại, cán cân thanh toán quốc tế...

3 - TỶ GIÁ VÀ PHÁ GIÁ TIỀN TỆ

Phá giá tiền tệ tuy chỉ là hoạt động kỹ thuật của chính sách tỷ giá, song nó lại mang ý nghĩa cực kỳ quan trọng không chỉ về kinh tế mà cả về chính trị, xã hội. Vì vậy, các nhà kinh tế học và các chính khách có phần nghi ngờ tính chính xác của cụm từ "hoạt động kỹ thuật của chính sách tỷ giá". Họ cho rằng phá giá không hẳn là biện pháp tình thế. Nó có ý nghĩa như một chính sách, bởi vì phá giá đồng tiền không chỉ làm giảm sức mua của đồng tiền quốc gia so với một hoặc nhiều đồng tiền nước khác, mà còn nhằm lấy lại thế cân bằng cho hệ thống giá cả nội địa so với giá hàng xuất khẩu, lập lại thế cân bằng trong cán cân thanh toán quốc tế. Khác với quan điểm trước đây cho rằng phá giá là phương pháp tệ hại, ngày nay các chuyên gia cho rằng phá giá đúng lúc, ngay khi xuất hiện các mất cân đối cơ bản, là phương thức có lợi để lập lại các cân bằng chủ yếu trong nền kinh tế. Tuy nhiên, phá giá không phải là giải pháp duy nhất để lập lại cân bằng, cho nên quan điểm nói trên chưa phải đã hoàn toàn thuyết phục được mọi người.

Có nhiều hình thức phá giá :

- Phá giá *công khai* (phá giá được công bố rộng rãi ở một thời điểm nào đó).
- Phá giá *ngầm*, (phá giá được che đậy bởi các biện pháp kín đáo như : tăng thuế nhập khẩu ; giảm thuế sản xuất hàng xuất khẩu ; hoặc quy định nhiều tỷ giá đối với xuất nhập khẩu).
- Phá giá *tấn công* (phá giá nhằm tăng khả năng cạnh tranh, nếu thấy cần tăng cường xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu).
- Phá giá *tự vệ* (phá giá nhằm ứng phó và phản công lại sự cạnh tranh của nước khác, hoặc để đáp lại các cuộc phá giá của nước khác).
- Phá giá *nóng* (phá giá trong điều kiện mất cân bằng về kinh tế).
- Phá giá *lạnh* (phá giá trong dự kiến có "lạm phát ỳ").

Phá giá tiền tệ quan hệ đến toàn bộ nền kinh tế trong nước, đến thị trường tiền tệ quốc tế, đến thị trường hàng hóa thế giới và cán cân thanh toán quốc tế. Vì vậy, nhiều chính phủ giữ bí mật đến cùng các cuộc thảo luận để đi đến quyết định về phá giá, về thay đổi tỷ giá. Họ hy vọng làm như vậy, thị trường sẽ đỡ bị xáo động và đảo lộn. Ở Anh, chỉ có 3 nhà lãnh đạo cao cấp nhất biết trước cuộc phá giá tháng 11 - 1967. Ở Pháp, quyết định phá giá năm 1969 được công bố vào sáng thứ 7, nghĩa là khi mọi người đã đi nghỉ cuối tuần từ chiều thứ sáu, và theo lệ thường, các thị trường chứng khoán cũng đóng cửa. Cuộc phá giá đồng phrăng CFA của 14 nước châu Phi nói

Digitized by Google

tiếng Pháp được giữ bí mật đến cùng trước khi công bố vào 1 giờ sáng ngày 9-1-1994, nên đã không làm bùng lên làn sóng đầu cơ và không gây hậu quả lớn cho nền kinh tế. Tuy nhiên, cũng có cuộc phá giá được giữ bí mật tuyệt đối, nhưng khi công bố vẫn gây hậu quả nặng nề. Ví dụ, cuộc phá giá đồng pê xô ở Mê-hi-cô ngày 20-12-1994 : từ 3,4 pê-xô lên 7,5 pê-xô/1 đô la Mỹ. Sự mất giá ghê gớm của đồng pê-xô Mê-hi-cô đã kéo theo tình trạng hoảng loạn trên thị trường tài chính quốc tế. Trước hết, các ngân hàng và các nhà đầu tư nước ngoài ào ạt rút vốn khỏi Mê-hi-cô. Tiếp theo, đồng đô la Mỹ bị sụt giá. Rồi đến thị trường tiền tệ ở những nơi cách Mê-hi-cô nửa vòng trái đất - thị trường tiền tệ châu Á - cũng bị chấn động. Các ngân hàng trung ương ở In-đô-nê-xi-a, Hồng kông, Thái lan phải tung ra hàng triệu đô la Mỹ để giữ cho đồng tiền của họ được ổn định. Để cứu vãn nền kinh tế Mê-hi-cô, Quỹ tiền tệ quốc tế phải viện trợ khẩn cấp cho Mê-hi-cô 20 tỉ đô la Mỹ nhưng điều đó lại làm cho đồng đô la bị sụt giá thêm... Phải mất một thời gian dài sau đó, nền kinh tế Mê-hi-cô mới trở lại bình thường.

Chúng ta vừa đề cập đến hình thức "phá giá nóng". Trong thực tế còn có hình thức "phá giá lạnh" được áp dụng khá phổ biến, nhằm theo kịp tỷ lệ "lạm phát ỳ", một loại bệnh kinh niên của nền kinh tế thị trường ở một số nước.

4 - THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ

Là một công cụ của chính sách tiền tệ quốc gia, chính sách tỷ giá được ngân hàng trung ương ở nhiều nước điều hành theo điều kiện của mỗi nước phù hợp với tình hình cụ thể của từng thời kỳ. Ở Việt nam, trong thời kỳ đầu chuyển sang kinh tế thị trường, chính sách tỷ giá đang được thực hiện theo những tiến trình phù hợp với xu thế chung.

a - *Chính sách tỷ giá linh hoạt có quản lý :*

Là một công cụ của chính sách tiền tệ quốc gia, chính sách hối đoái chi phối hoạt động của thị trường ngoại tệ. Vì nền kinh tế nước ta đang hội nhập với nền kinh tế các nước, nên ngoại tệ và thị trường ngoại tệ tác động khá mạnh vào khối lượng tiền tệ lưu thông. Thị trường ngoại tệ mỗi nước đều chứa đựng nội dung và tính chất của thị trường quốc tế, vì vậy mỗi biến đổi nhỏ của tỷ giá hối đoái trên thị trường quốc tế đều ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái ở trong nước, đến số lượng khách hàng ; và ngược lại. Trong điều kiện giao lưu quốc tế hiện nay, việc ấn định một tỷ giá cứng, chính thức, ổn định cho cả một thời kỳ dài, thoát ly sự nhạy bén của thị trường, sẽ dẫn đến tình trạng ngoại tệ ào ạt chuyển dịch vào hoặc ra theo khả năng sinh lời do chênh lệch tỷ giá, làm tổn hại đến nguồn ngoại tệ trong nước. Ngược lại, nếu thả nổi hoàn toàn tỷ giá, để mặc cho thị trường chi phối toàn bộ, thì sẽ làm cho các công cụ khác của chính sách tiền tệ bị giảm hiệu lực.

Một số nước rất có kinh nghiệm trong việc thực hiện chính sách tỷ giá. Trung quốc là nước hết sức thận trọng trong việc thực hiện cơ chế thả nổi tỷ giá. Họ thường công bố tỷ giá chính thức phù hợp với tình hình thị trường để thông qua đó, điều khiển thị trường. Ví dụ, họ từng công bố : tháng 1/1985 là 2,9 nhân dân tệ (NDT)/1 đô la Mỹ ; tháng 10/1985 là 3,2 NDT ; tháng 6-1986 là 3,7 ; tháng 12-1989 là 4,7 ; tháng 11/1990 là 5,2 ; ngày 1/1/1994 là 8,7 ; và 1995 là 8,4 NDT/1 đô la Mỹ. Tuy nhà nước Trung quốc điều chỉnh tỷ giá chặt chẽ, sát sao và linh hoạt theo tình hình biến động của thị trường như vậy, nhưng mỗi lần điều chỉnh đều gây xáo động không nhỏ trong hoạt động kinh tế và lưu thông tiên tệ. Và mỗi lần như vậy, biên độ giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do lại doãng ra hơn.

Một chính sách ngoại hối thích hợp (bao gồm nội dung quản lý đúng hướng theo các mục tiêu kinh tế và tiền tệ của từng giai đoạn) cùng với một tỷ giá linh hoạt phù hợp sẽ tác động mạnh mẽ đến quan hệ kinh tế đối ngoại và hoạt động ngoại thương. Ngày nay, thị trường ngoại tệ ở một nước không thoát ly thị trường quốc tế. Một ngân hàng nước ngoài hoàn toàn có thể thực hiện việc mua bán ngoại tệ ở một ngân hàng nước ta thông qua điện thoại, điện báo hoặc fax. Vì vậy, một chính sách đúng đắn và linh hoạt về

Digitized by Google

tỷ giá sẽ tạo thuận lợi cho việc giao dịch và mua bán ngoại tệ thông qua các ngân hàng theo tỷ giá thị trường. Mục tiêu chủ yếu là : "Tạo dự trữ ngoại tệ ngày càng lớn để có thực lực điều tiết thị trường ngoại hối, làm cho tỷ giá hối đoái phản ánh đúng hơn sức mua thực tế của đồng Việt nam, tiến tới làm cho đồng tiền có khả năng chuyển đổi". (2)

Nhằm thực hiện mục tiêu nói trên, qua nhiều năm tham khảo kinh nghiệm thực tiễn của các nước có điều kiện tương tự, Việt nam ta đang thực hiện một chính sách tỷ giá linh hoạt có điều chỉnh theo phương pháp "phá giá lạnh". Tỷ giá chính thức được Ngân hàng trung ương công bố hằng ngày. Căn cứ vào tỷ giá chính thức đó, các ngân hàng thương mại quy định tỷ giá giao dịch ; tỷ giá này được phép xê xích với biên độ 0,5% so với tỷ giá chính thức. Thực tế cho thấy, chính sách tỷ giá như vậy, là phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, nó chưa gây ra một biến động nào đáng kể về kinh tế và lưu thông tiền tệ.

Khi phân tích quá trình thực hiện chính sách tỷ giá ở nước ta trong những năm gần đây, các nhà khoa học cho rằng việc quy định tỷ giá chính thức của đồng Việt nam ít căn cứ vào tình hình giá cả và chỉ số lạm phát ở trong nước. Thật vậy, năm 1989, mức lạm phát ở Việt nam là 34,7% nhưng tỷ giá giữa đồng Việt nam và đồng đô la Mỹ lại chuyển dịch theo hướng *tăng giá đồng Việt nam* : 1 đô la Mỹ từ chỗ ăn 5 200 chỉ còn ăn 4 600 đồng Việt nam. Năm 1990 và 1991, mức lạm phát đều là 67%/năm, nhưng tỷ giá trên lại khác nhau : 1 đô la Mỹ năm 1990 ăn 7 050 đồng Việt nam, nhưng năm 1991 lại ăn những 12 500 đồng Việt nam. Những năm sau tỷ giá trên cũng không phụ thuộc vào mức lạm phát : năm 1992 lạm phát là 17,5%, tỷ giá là 10 600 đồng/1 đô la Mỹ ; năm 1993 lạm phát là 5,3%, tỷ giá là 10 800 đồng/1 đô la Mỹ ; năm 1994 lạm phát là 14,1%, tỷ giá là 11 050 đồng/1 đô la Mỹ. Như vậy, việc hoạch định và thực thi chính sách tỷ giá ở ta rõ ràng tính đến nhiều yếu tố và nhiều mối quan hệ về kinh tế và lưu thông tiền tệ. Dù sao cần tiếp tục nghiên cứu để rút ra một mô hình đầy đủ và một phương trình chính xác.

b - *Chính sách hối suất đơn*

Hiện nay có rất nhiều lời khuyên nước ta nên học tập một số nước về việc áp dụng chính sách *đa hối suất* (nhiều tỷ giá), nhằm thông qua đó, khuyến khích việc xuất khẩu các mặt hàng truyền thống mà sản xuất đang gặp nhiều khó khăn hoặc có mức cung vượt quá mức cầu (ví dụ với gạo xuất khẩu thì 10 000 đồng Việt nam được 1 đô la Mỹ, với cà phê xuất khẩu thì 10 800 đồng Việt nam mới được 1 đô la Mỹ... ngân hàng cần căn cứ vào đó để tính các tỷ giá khác nhau). Hoặc nước ta ít nhất cũng nên sử dụng chính sách *hai* tỷ giá : tỷ giá *cao* áp dụng cho xuất khẩu các mặt hàng truyền thống và nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu ; một tỷ giá *thấp* áp dụng cho công nghiệp và cho xuất khẩu và nhập khẩu những mặt hàng không cơ bản. Chính sách hai tỷ giá như trên (thực tế là sử dụng chính sách tỷ giá để bù lỗ ngoại thương) đã được Hàn quốc, In-đô-nê-xi-a, Đài loan. .. áp dụng. Nhờ áp dụng chính sách đó, xuất khẩu của họ đã tăng rất mạnh trong hai thập kỷ 60 và 70, và hiện nay họ đã có sức cạnh tranh kinh tế khá mạnh.

Ở nước ta hiện nay chế độ kiểm toán chưa chặt chẽ, chúng ta chưa thể thực hiện một cách chính xác việc kiểm soát các nguồn hàng xuất khẩu. Vì vậy, nếu áp dụng tỷ giá đa hối suất, mua ngoại tệ của các công ty xuất khẩu khác nhau với các tỷ giá khác nhau, sẽ làm cho giá cả ngoại tệ mất ổn định, thậm chí làm nảy sinh hiện tượng gian lận trong các chứng từ thu ngoại tệ. Đối với việc "bù lỗ" cho các mặt hàng cần khuyến khích xuất khẩu, chúng ta có thể thực hiện bằng các chính sách tài chính khác, công cụ khác. Vì vậy cho đến nay và có thể một thời gian dài nữa, chúng ta sẽ vẫn áp dụng chính sách hối suất đơn.

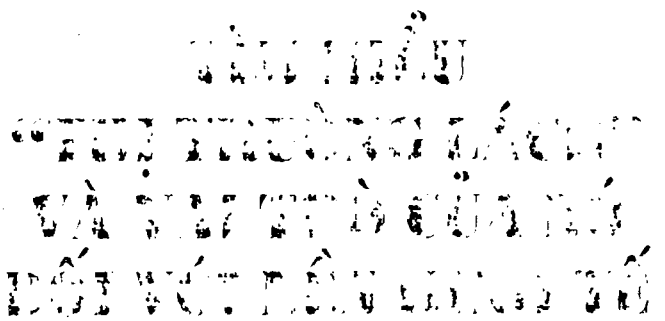
Mọi quốc gia trên thế giới đều thực hiện một nguyên tắc là "lưu thông đồng bản tệ" trong *mức chi*. Có thể nói, Quyết định 396/TTg của Thủ tướng chính phủ chính là nhằm thực hiện nguyên tắc đó ❑

(2) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 24

Digitized by Google

KINH nghiệm nhiều nước cho thấy : mỗi nước, đặc biệt đối với nước kinh tế chưa phát triển, đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa như nước ta, muốn phát triển kinh tế hàng hóa cả về chiều rộng và chiều sâu, không thể chỉ cần mở rộng thị trường nội địa, mà còn phải coi trọng phát triển thị trường ra ngoài nước để hội nhập vào thị trường thế giới.

Trong tình hình kinh tế thế giới với sự cạnh tranh quyết liệt như hiện nay, việc chúng ta chiếm được một chỗ đứng trên thị trường thế giới thật không đơn giản. Bởi vì, nhìn chung hàng hóa của ta sản xuất ra chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường thế giới cả về kiểu mốt, mẫu mã và chất lượng. Tuy nhiên, ta có ưu thế ở một số mặt hàng đặc chủng, đặc sản và một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống mà nhiều nước không có được, trong khi thị trường thế giới có nhu cầu. Nếu biết khôn khéo sử dụng ưu thế đó thì ta vẫn có khả năng chen chân vào thị trường không chỉ của những nước kinh tế phát triển như ta, mà cả của những nước kinh tế phát triển hơn ta.



CAO DUY HẠ *

Vấn đề đặt ra là chúng ta phải có chiến lược ban đầu như thế nào để có được chỗ đứng trên thị trường thế giới ngay trong điều kiện kinh tế còn thấp kém. Xin được tạm gọi chiến lược đó là *chiến lược sử dụng "thị trường lách"* hay "thị trường về một mặt hàng nào đó mà mình có ưu thế hơn hẳn các nước khác".

"Thị trường lách" luôn xuất hiện ở các nước khi nhân dân có nhu cầu *mới* cần thỏa mãn, mà nhu cầu này thì thật muôn hình muôn vẻ trong một thời đại mà sản xuất và tiêu dùng ngày càng mang tính chất quốc tế hóa. Như ở nước ta hiện nay, một số mặt hàng điện tử của Nhật, máy điều hòa nhiệt độ Carrier của Mỹ, đồ dùng gia đình của Thái lan... đã và đang mở rộng chỗ đứng trên thị trường nước ta. Ngược lại, một số mặt hàng đặc chủng, đặc sản của ta như đá quý, quặng giàu chất, nông sản thực phẩm chế biến, hoa quả (sầu riêng, vải thiều...) ; quần áo may sẵn, đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống (khảm trai, sơn mài, sành sứ)... đã và đang giành được chỗ đứng đáng kể trên thị trường nhiều nước, kể cả những nước kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật, Anh, Pháp. Có những ngành hàng giá trị xuất khẩu những năm gần đây đã tăng với tốc độ rất cao. Năm 1995 so với năm 1991, dầu thô tăng 96%, gạo tăng 93%, hàng dệt tăng 82%, hạt điều tăng 194%, tơ tằm tăng 188%. Riêng hàng dệt may, năm 1993 ta xuất sang thị trường EU được 350 triệu USD thì năm 1994 đã xuất sang đó được 550 triệu USD, và năm 1995 - 630 triệu USD. Về nông sản thực phẩm và hải sản chế biến, năm 1995 giá trị xuất ra thị trường thế giới là 750 triệu USD, năm 1996 dự kiến sẽ lên tới 1 tỉ USD. Phải chăng đó chính là kết quả của chiến lược sử dụng quan hệ "thị trường lách" mà chúng ta đã và đang thực hiện để giành và mở rộng chỗ đứng trên thị trường ngoài nước? Hiện nay ta đã có quan hệ mua bán, xuất nhập khẩu với hàng trăm nước trên thế giới, thu về cho đất nước hàng tỉ đô la ở những mặt hàng mà ta có ưu thế nói trên. Tuy nhiên, việc sử dụng "thị trường lách" ở ta còn mang tính tự phát nhiều,

* PTS kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nên chưa khai thác được hết lợi thế. Để khắc phục tình trạng trên, cần có cách tiếp cận mang tính chiến lược.

Việc sử dụng và khai thác "thị trường lách" đối với nước ta hiện nay, có ý nghĩa to lớn về kinh tế, chính trị và xã hội.

Một là, giúp nước ta trong điều kiện kinh tế còn thấp kém có thể hội nhập với thị trường khu vực và thị trường thế giới ; mở rộng dần quan hệ buôn bán với nhiều nước, thu được ngày càng nhiều ngoại tệ về cho đất nước đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, tăng vốn đầu tư phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, phát huy những lợi thế so sánh, giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh trên thị trường, tranh thủ thêm được vốn bên ngoài, tận dụng được các nguồn lực bên trong, nhờ vậy kinh tế phát triển, chính trị ổn định, lại trả được nợ vay, không bị lệ thuộc nước ngoài.

Hai là, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động để nâng cao mức sống ; tăng thêm tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, góp phần tăng tích lũy để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ba là, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả hơn nữa quan hệ xuất nhập khẩu, trên cơ sở đó quản lý tốt xuất khẩu và ngoại tệ, bảo đảm cho nền kinh tế nước ta phát triển tốt hơn.

Bốn là, qua con đường mở rộng giao lưu kinh tế với nước ngoài, làm giàu thêm văn hóa dân tộc, kết hợp hài hòa giữa văn hóa truyền thống của dân tộc với văn hóa hiện đại của thế giới.

Mở rộng thị trường ra ngoài nước để thúc đẩy sản xuất trong nước hướng mạnh vào xuất khẩu, giảm nhập khẩu, là phù hợp với yêu cầu tăng trưởng kinh tế ở nước ta trong giai đoạn trước mắt, nhằm từng bước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, tiến lên văn minh hiện đại.

Thế giới đang diễn ra cuộc cạnh tranh quyết liệt giành giật thị trường và khu vực ảnh hưởng. Trong quan hệ mậu dịch quốc tế đã xuất hiện những thách thức mới, đặc biệt là thách thức về hạ thấp hàng rào thuế quan. Trước sức ép của Mỹ, Nhật đã phải nới lỏng chính sách bảo hộ mậu dịch. Sự kiện đó được xem như mở đầu cho một thời kỳ *mới* : thời kỳ *tự do hóa mậu dịch quốc tế* với sự ra đời của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và việc hạ thấp hàng rào thuế quan ở các nước trên toàn thế giới. Thuế các nước phát triển đánh vào hàng nhập từ các nước đang phát triển, hạ khoảng 1/3 so với mức trước đây ; còn thuế các nước đang phát triển đánh vào hàng nhập từ các nước phát triển thì hạ từ 1/4 đến 1/3 so với mức trước đây. Một sự hạ thấp hàng rào thuế quan như trên, thực ra phần thua thiệt lại rơi vào các nước nghèo, vì họ vốn nhập nhiều hơn xuất. Hơn nữa, số hàng ít ỏi mà họ xuất sang các nước phát triển lại quá thua kém về sức cạnh tranh, trong khi cạnh tranh giữa các nước trên thị trường quốc tế lại tăng gấp bội do hàng rào thuế quan bảo hộ mậu dịch đã hạ thấp.

Trong bối cảnh như thế, để tiếp tục mở rộng thị trường ra ngoài nước qua con đường sử dụng và khai thác "thị trường lách", chúng ta cần làm gì để đạt được kết quả mong muốn?

Trước hết, phải nắm vững đường lối, quan điểm đối ngoại của Đảng và khôn khéo trong khi triển khai thực hiện các chính sách kinh tế về thị trường để khỏi mắc sai lầm và thất bại. Trong đường lối kinh tế đối ngoại, Đảng ta chủ trương : giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa quan hệ với nước ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh vào xuất khẩu để giảm bớt tối đa những thiệt thòi về nhập khẩu trong tình hình kinh tế thế giới hiện nay : đồng thời, thay thế nhập khẩu có hiệu quả.

Digitized by Google

Từ đường lối quan điểm chỉ đạo trên đây của Đảng, trong những năm trước mắt, chúng ta tập trung làm tốt các công việc sau đây :

Một là, xác định đúng mục tiêu kinh tế, địa bàn hoạt động và nhu cầu của thị trường thế giới về các mặt mà ta có ưu thế. Mục tiêu của chúng ta trong những năm tới là nhanh chóng hội nhập với thị trường khu vực và thị trường thế giới, tranh thủ vốn và khoa học công nghệ hiện đại của các nước tiên tiến vào việc thúc đẩy và phát triển kinh tế hàng hóa của nước ta, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh ; thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do đó, từ điều kiện kinh tế của nước ta hiện nay, trước hết cần chú ý sử dụng và khai thác "thị trường lách" ở những nước có hoàn cảnh kinh tế và tập quán thương mại gần gũi với ta, chú ý những mặt hàng chỉ nước ta mới có, mà thị trường thế giới lại có nhu cầu tiêu thụ ngày càng nhiều. Coi trọng địa bàn các nước láng giềng như : Trung quốc, Lào, Cam-pu-chia ; các nước và các khu vực khác ở Đông Á và Đông-Nam Á như : Nhật bản, Hồng kông, Đài loan, Xin-ga-po, Hàn quốc và các nước ASEAN ; các nước thuộc Liên xô cũ và các nước Đông Âu. Từng bước chiếm lĩnh "thị trường lách" ở các nước thuộc Tây Âu, Bắc Âu, Úc... Đó là hướng đi đúng và có khả năng thực thi đối với nước ta hiện nay. Trong những năm trước mắt, nông sản thực phẩm, hải sản chế biến và hàng may mặc ở nước ta vẫn là những mặt hàng xuất khẩu chiến lược để thu ngoại tệ và mở ra thế hội nhập thị trường khu vực và thị trường thế giới.

Hai là, sử dụng cả hai hình thức xuất, nhập, nhưng coi trọng xuất, để khai thác triệt để các mặt tích cực của "thị trường lách" đối với ta.

Ba là, làm thật tốt các mặt sau đây để tạo điều kiện cho việc thực hiện mục tiêu sử dụng và khai thác quan hệ "thị trường lách" đạt được hiệu quả cao nhất :

- Tiếp tục phát triển mạnh thị trường hàng hóa và thị trường dịch vụ trong nước làm chỗ dựa cho việc phát triển thị trường ra ngoài nước. Chú trọng khắc phục tình trạng lộn xộn về nhập lậu và xuất khẩu ngoại ngạch hiện nay ; đưa các hoạt động của thị trường nội địa vào kỷ cương, luật pháp.

- Hình thành thị trường sức lao động có sự quản lý của nhà nước để sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động hiện có.

- Tiếp tục đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng; cho vay và đầu tư đúng chỗ, đúng lúc, đúng độ để kích thích sản xuất phát triển, đặc biệt là đối với những mặt hàng đang có lợi thế xuất ra thị trường thế giới. Chú trọng việc ổn định tỷ giá hối đoái phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền để thúc đẩy xuất khẩu và điều tiết nhập khẩu. Có chính sách quản lý ngoại hối hợp lý và phải chủ động đẩy lùi tình trạng "đô la hóa" trong lưu thông tiền tệ, từng bước làm cho đồng tiền Việt nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ để phục vụ tốt cho công tác xuất khẩu và nhập khẩu.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống giá và công tác quản lý giá, đặc biệt giá những mặt hàng có ưu thế tham gia "thị trường lách", để khuyến khích phát triển sản xuất.

- Chỉnh đốn hoạt động của các tổ chức thương mại thuộc mọi thành phần kinh tế. Đổi mới hệ thống thương nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo ; khắc phục tình trạng chia cắt giữa sản xuất và lưu thông ; bảo đảm lợi ích công bằng và thỏa đáng cho những người làm hàng xuất khẩu có giá trị cao, để khuyến khích họ đầu tư thêm vốn, cải tiến kỹ thuật và mở rộng sản xuất.

- Chú trọng đào tạo những chuyên gia về thị trường và các nhà doanh nghiệp giỏi, có khả năng phát hiện kịp thời và khai thác có hiệu quả "thị trường lách".

Tìm hiểu "thị trường lách" và vai trò của nó đối với nền kinh tế là một vấn đề mới. Nó cần được nghiên cứu và tổng kết đầy đủ dưới nhiều góc cạnh để có thể đưa ra được những kết luận khoa học có giá trị thực tiễn đối với sự nghiệp phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ❑

Digitized by Google

[illegible]

NGUYỄN THẾ TRÀM *

TÂY nguyên có tất cả 511 doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trong đó có 235 doanh nghiệp do trung ương quản lý (chiếm 46%). Do điều kiện địa lý tự nhiên, cơ cấu và phân bố dân cư, nên hệ thống DNNN ở Tây nguyên bố trí phân tán ở các vùng dân cư, vùng trồng cây công nghiệp và nguyên liệu. Số lượng DNNN ở Tây nguyên tập trung nhiều nhất ở tỉnh Gia lai (190), ít nhất ở tỉnh Kon tum (55). Đại bộ phận doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn doanh nghiệp không lớn (48% số doanh nghiệp có vốn lưu động và vốn cố định dưới 1 tỉ đồng, 46% số doanh nghiệp có dưới 100 lao động).

Trong những năm qua, hệ thống doanh nghiệp nhà nước ở các tỉnh Tây nguyên đã phấn đấu tạo ra 39,1% GDP (năm 1993) và 42,4% GDP (năm 1995), đóng góp từ 45% đến 50% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung đã từng bước có tiến bộ. Lãi thực hiện trên doanh số tăng, năm 1993 là 3,91% ; năm 1994 : 4,25% và năm 1995: 4,57%. Lương bình quân cho một công nhân viên (CNV) năm 1994 là : 286 000 đồng/tháng, năm 1995 : 301 000 đồng/tháng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ở các doanh nghiệp nói trên cũng còn có một số hạn chế, nhất là về quản lý tài chính. Phần lớn các doanh nghiệp nộp thuế lợi tức với tỷ lệ còn thấp, tình trạng thất thu thuế chiếm tỷ lệ khá cao (25 - 30%), không ít doanh nghiệp nợ thuế dây dưa năm này qua năm khác. Bình quân vòng quay của đồng vốn là 1,6 vòng/năm. Một đồng vốn mới tạo ra được 0,29 đồng tích lũy, 0,16 đồng nộp ngân sách là thuộc loại thấp. Sự tăng trưởng của DNNN vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn Tây nguyên.

Nguyên nhân của tình hình trên là do:

Một là, các DNNN ở Tây nguyên đang sử dụng một lực lượng công nhân viên về số lượng vượt quá yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, trong đó 68% số cán bộ quản lý doanh nghiệp trưởng thành trong thời kỳ bao cấp, chưa được đào tạo và đào tạo lại một cách có hệ thống ; trình độ tay nghề công nhân còn thấp, trung bình mới ở mức từ bậc 2 đến bậc 3. Máy móc thiết bị phần lớn lạc hậu. Chế độ khấu hao tài sản cố định lỗi thời, thu hồi vốn chậm, chưa thực sự khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ (DNNN vay vốn đầu tư tối đa 3 năm phải trả lãi và gốc, nhưng thời gian khấu hao lại dài làm cản trở việc đầu tư mua sắm thiết bị mới).

Hai là , hầu hết các DNNN ở Tây nguyên đều thiếu vốn nghiêm trọng (phần lớn doanh nghiệp địa phương mới bảo đảm được 12% vốn so với nhu cầu). Song vấn đề tạo vốn, thu hút vốn chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động ở các ngành kinh tế mũi nhọn. Một số doanh nghiệp đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư đổi mới công nghệ, nhưng mới là bước đầu và còn chắp vá, thiếu đồng bộ. 30% DNNN không vay được vốn trung hạn, dài hạn để đầu tư chiều sâu mở rộng quy mô sản xuất, nên buộc các doanh nghiệp phải vay ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư cho các mục đích dài hạn. Hơn 70% DNNN thiếu vốn lưu động (năm 1995 : 40 DNNN ở Kon tum chỉ được cấp chưa đến 0,7 tỉ đồng vốn lưu động) và không được bổ sung tương ứng với khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quản lý vốn còn cứng nhắc và phân tán. Tình trạng thất thoát vốn vẫn rất lớn (20 - 25%), mà phần lớn là do việc chi tiêu tài chính tùy tiện.

* Thạc sĩ kinh tế, phân viện Đà nẵng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Ba là, chính sách thuế và quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ở Tây nguyên vừa sơ hở vừa chồng chéo, trùng lặp. Thuế doanh thu đã được giảm với tỷ lệ từ 20 đến 50% để khuyến khích sản xuất - kinh doanh trong vùng, song hiệu quả đem lại chưa cao. Thuế sử dụng đất nông nghiệp chưa phù hợp với từng loại đất trồng các loại cây khác nhau, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp trồng cà phê có lợi thế hơn so với các loại cây khác, gây ra tình trạng tự phát tăng diện tích trồng cà phê, không có sự định hướng của nhà nước về thị trường tiêu thụ. Khi thực hiện chính sách thuế lợi tức, áp dụng thuế suất còn cao trong khi đại bộ phận các doanh nghiệp ở Tây nguyên có quy mô nhỏ, điều kiện sản xuất kinh doanh khó khăn hơn so với các vùng khác. Mặt khác, nhà nước cũng đã thực hiện nhiều hình thức miễn giảm thuế, đối với các DNNN ở Tây nguyên song quy định không cụ thể dẫn tới chỗ vận dụng tùy tiện. Doanh nghiệp này thì được miễn, còn doanh nghiệp khác lại tìm mọi cách "chạy chọt" để được ưu đãi một khoản nào đó, làm cho mặt bằng về thể chế trong sản xuất không được khách quan.

Bốn là, bản thân các doanh nghiệp chưa thực sự đổi mới và nghiêm túc thực hiện chế độ thống kê, kế toán và nghĩa vụ nộp thuế. Hơn 16% các doanh nghiệp ở Tây nguyên chưa thực hiện tốt công tác sổ sách kế toán, chế độ báo cáo thống kê, hạch toán ; và hầu hết chưa triển khai chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định mới của Bộ tài chính. Năm 1995 có 14% số doanh nghiệp dùng thủ đoạn hạch toán lòng vòng, không đúng tài khoản thanh toán. 26% không kê khai đúng doanh số tính thuế, cố tình hạch toán sai nội dung nghiệp vụ kế toán, giảm doanh thu, giảm lãi, chuyển doanh thu chịu thuế, suất cao sang chịu thuế suất thấp... Việc xếp lương chưa hợp lý. Việc thi đua, khen thưởng không thường xuyên, kịp thời, chủ yếu tập trung một lần vào cuối năm, nên không động viên được tinh thần lao động của công nhân viên. Ngoài ra còn có 21% số doanh nghiệp sử dụng quỹ tiền thưởng không đúng mục đích. Việc quản lý tài chính vừa gò bó, vừa lỏng lẻo, trách nhiệm quyền lợi chưa rõ ràng, sinh ra tư tưởng ỷ lại, trông chờ nhà nước bao cấp dưới mọi hình thức. Công tác tài chính ở các doanh nghiệp còn hạn chế. 41% số cán bộ tài chính ở đây chưa được đào tạo lại một cách có hệ thống về trình độ nghiệp vụ. Vai trò quản lý tài chính nhà nước đối với doanh nghiệp chưa được xác định rõ. Chế độ trách nhiệm của người giám đốc chưa được quy định cụ thể (giám đốc chưa hoàn toàn chịu trách nhiệm trước quyết định của mình). Hệ thống quản lý cồng kềnh chồng chéo nên hiệu quả quản lý thấp, kém hiệu lực. Các bộ, ngành của trung ương chỉ nắm doanh nghiệp thuộc mình quản lý, không quan tâm đến các doanh nghiệp địa phương để tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời về các mặt.

Từ thực trạng nêu trên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất - kinh doanh của các DNNN trên địa bàn Tây nguyên, đặc biệt là quản lý chặt chẽ về mặt tài chính trong cơ chế thị trường, theo tôi trước mắt cần có những giải pháp cụ thể như sau :

1 - Nhà nước cần nhanh chóng rà xét, sắp xếp, kiện toàn lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước, xây dựng mô hình mới về tổ chức bảo đảm có quy mô hợp lý và có khả năng về nguồn lực tài chính đủ sức cạnh tranh. Hiện nay phần lớn DNNN ở Tây nguyên có qui mô quá nhỏ trong cùng một ngành, nghề sản xuất kinh doanh có thể sáp nhập lại thành những doanh nghiệp vừa và lớn. Mạnh dạn đa dạng hóa hình thức sở hữu, cổ phần hóa doanh nghiệp (trên cơ sở xác định các loại hình doanh nghiệp nào cần cổ phần hóa). Coi trọng hơn nữa việc xây dựng doanh nghiệp công ích phục vụ cho đồng bào các dân tộc (về mặt tài chính không nên thực hiện bù lỗ trực tiếp mà áp dụng hình thức gián tiếp thông qua trợ giá để phát huy tính chủ động của cơ sở).

2 - Trong việc huy động và sử dụng vốn, cần quản lý chặt chẽ tài sản nhà nước ở các DNNN, kiểm tra đánh giá tài sản vốn, kể cả tài nguyên và nguồn lực khác để xác định trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn trong các doanh nghiệp. Đây là vấn đề hết sức quan trọng, tạo cơ sở cho các DNNN xác định lỗ thực, lãi thực của doanh nghiệp mình. Nhà nước cần có chiến lược đầu tư vốn, kể cả vốn tín dụng ưu đãi đối với các ngành kinh tế mũi nhọn và các doanh nghiệp vừa và lớn kinh doanh có hiệu quả nhưng đang thiếu vốn. Đồng thời tạo môi trường pháp lý cho các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài và huy

Digitized by Google

động vốn dưới mọi hình thức, kể cả phát hành cổ phiếu, trái phiếu (như các doanh nghiệp cao su, cà phê) ; đồng thời có qui chế giám sát chặt chẽ để bảo đảm lợi ích cho các bên tham gia. Tình trạng chung của các doanh nghiệp ở Tây nguyên hiện nay là khả năng tự tích lũy để đổi mới công nghệ kém, nhà nước cần trực tiếp tham gia và khuyến khích các tổ chức lập quỹ hỗ trợ đầu tư và thực hiện bảo lãnh tín dụng đầu tư đối với các ngành công nghiệp có kỹ thuật cao, công nghiệp khai thác, sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, đầu tư chiều sâu thâm canh cây công nghiệp dài ngày và xây dựng nhà máy chế biến nông, lâm sản... Cho phép các doanh nghiệp được dùng lợi nhuận trước thuế các năm sau để bù lỗ cho các năm trước. Đây là biện pháp hỗ trợ quan trọng để DNNN ở Tây nguyên tạo thêm vốn, hạn chế bớt rủi ro, yên tâm đầu tư. Tăng cường kiểm tra và có biện pháp xử lý kịp thời, đúng mức tình trạng sử dụng lãng phí vốn. Áp dụng biện pháp trừ vào lợi nhuận để lại trước khi trích lập 3 quỹ đối với phần vốn bị hao hụt. Điều chỉnh lại chế độ phân phối lợi nhuận theo hướng dành phần lợi nhuận sau thuế cho tích lũy mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm khuyến khích các doanh nghiệp chăm lo bảo tồn và sử dụng vốn. Cần có chính sách đầu tư, bổ sung vốn cho các doanh nghiệp công ích.

3 - Trong chính sách thuế có quan điểm cho rằng giảm gánh nặng về thuế cho các DNNN ở Tây nguyên (thông qua hình thức miễn giảm thuế) là tạo điều kiện cho các DNNN ở Tây nguyên phát triển. Theo tôi, đây chưa phải là phương án tối ưu. Vấn đề không phải là thu ít hay thu nhiều mà là thu thế nào để khuyến khích sản xuất phát triển tốt. Qua khảo sát 40 doanh nghiệp cho thấy quy định giảm từ 20% đến 50% thuế doanh thu cho các DNNN ở Tây nguyên hiện nay hiệu quả đem lại chưa cao. Giảm thuế doanh thu mà lại tăng lợi tức chịu thuế, ở nhiều doanh nghiệp sau khi đã nộp thuế lợi tức thì số tiền còn lại để tái đầu tư là không đáng kể và không thực sự tạo ra sự biến đổi về chất đối với sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, giảm thuế doanh thu với tỷ lệ cao như vậy sẽ làm tăng thêm sự trì trệ, ỷ lại của các doanh nghiệp. Vì thế chính sách giảm thuế doanh thu với tỷ lệ cao như hiện nay là chưa hợp lý, cần điều chỉnh lại. Nên chăng áp dụng thuế lợi tức ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ (có thể bằng 70% so với mức thuế ở các doanh nghiệp lớn ở miền xuôi). Số thuế lợi tức thu được cần có chính sách tái đầu tư trở lại một cách hiệu quả cho các DNNN. Cần miễn thuế lợi tức đối với doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận của chính doanh nghiệp đó để tái đầu tư. Và để bảo đảm công bằng về thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các nông, lâm trường, nên tính thuế theo giá đất và thuế suất phần trăm thay cho việc tính thuế theo hạng đất và mức thuế bằng thóc. Quy định rõ ràng cụ thể các đối tượng được miễn giảm thuế, thay cho hình thức miễn giảm thuế bình quân.

4 - Trong tổ chức quản lý tài chính, cần tăng cường hơn nữa vai trò của cục quản lý vốn tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp trên địa bàn. Sớm bàn giao các doanh nghiệp do trung ương quản lý cho cục quản lý vốn để có sự giám sát chỉ đạo thống nhất về vốn và tài sản nhà nước. Thường xuyên kiểm tra các khoản chi phí tiền lương, tiền thưởng ở các doanh nghiệp, nhằm ngăn chặn kịp thời tình trạng ăn vào vốn, ảnh hưởng đến nghĩa vụ nộp ngân sách, hoặc sự chênh lệch quá xa về thu nhập của công nhân viên giữa các doanh nghiệp trên địa bàn. Tiêu chuẩn hóa một số khoản chi phí quản lý hành chính theo định mức và định biên cụ thể, thực hiện xét duyệt quyết toán tài chính đúng quy định. Cần phân tích lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận (so với tài sản cố định và so với doanh số) để xác định và so sánh đúng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sở tài chính kết hợp với cục thuế ở các tỉnh cần có kế hoạch bồi dưỡng kịp thời đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài chính ở các doanh nghiệp và đánh giá lại toàn bộ nguồn lực tài chính để có biện pháp quản lý sát sao và hiệu quả hơn. Tăng cường giám sát, đôn đốc, chỉ đạo và hạch toán thống kê, kế toán. Hạn chế đến mức tối đa sự quản lý trực tiếp của cơ quan chủ quản nhằm khuyến khích tinh thần sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp. Xử lý đúng mức đối với giám đốc vi phạm kỷ luật tài chính, như bồi thường, cách chức, truy tố trước pháp luật khi doanh nghiệp do mình phụ trách trốn lậu thuế và không chấp hành các quy định về tài chính của nhà nước ❑

Digitized by Google

Một số kinh nghiệm của Thanh hóa trong việc chỉ đạo phòng, chống bão lụt, khắc phục hậu quả thiên tai

ĐỖ HỮU THÍCH *

THANH hóa là một tỉnh đất rộng, người đông, nằm trong vùng trọng điểm thiên tai, có hơn 102 km bờ biển, 50 con sông lớn nhỏ, trong đó có nhiều con sông có sức tàn phá rất lớn trong mùa mưa, bão như sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Bang... Hàng năm, Thanh hóa chịu ảnh hưởng từ 2 đến 3 cơn bão kèm theo mưa lớn gây úng ngập rất nghiêm trọng. Trong một số năm gần đây, Thanh hóa ít bị thiên tai uy hiếp. Sang năm 1996 này, chỉ trong vòng một tháng từ nửa cuối tháng 7 đến nửa cuối tháng 8, tỉnh đã bị dồn dập 2 cơn bão và một trận áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào. Mưa to, gió lớn, lũ mạnh triền miên, liên tục trên diện rộng lại đúng vào những dịp triều cường đã gây thiệt hại rất nặng về người và của làm cho sản xuất và đời sống trên địa bàn gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Ước tính tổng giá trị thiệt hại lên tới gần 600 tỉ đồng. Hơn 100 nghìn héc ta lúa và hoa màu bị ngập, trong đó có hơn 31 000 ha lúa bị ngập nặng, có khả năng bị mất trắng. Hệ thống thủy lợi, giao thông bị hư hại nặng phải gia cố lại với tổng khối lượng đào đắp, xây lát lại lên tới hàng chục vạn mét khối đất, đá. Hàng vạn nhà dân, phòng học, phòng làm việc bị ngập và hư hại nặng. Hàng trăm người chết và bị thương. Hàng trăm tàu, thuyền bị chìm và vỡ... Với sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của trung ương và các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh, sự chi viện thiết thực, có hiệu quả của trung ương và bè bạn, sự cố gắng, đoàn kết, nỗ lực của nhân dân, Thanh hóa đã vững vàng vượt lên khó khăn, thử thách, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước ổn định sản xuất và đời sống, tiếp tục củng cố lực lượng để chủ động đối phó với những thách thức mới. Có thể nói công tác tổ chức, chỉ đạo phòng chống bão lụt, khắc phục hậu quả thiên tai ở Thanh hóa vừa qua thực sự là những kinh nghiệm quý báu không những mang lại hiệu quả, tác dụng thiết thực trước mắt, mà còn có ý nghĩa cơ bản, lâu dài.

1 - *Chỉ đạo làm tốt phương châm "4 tại chỗ" ngay trước mùa mưa bão.*

"Người tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ đạo tại chỗ", đó là phương châm, là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở Thanh hóa đặc biệt coi trọng, bảo đảm tính tích cực, chủ động, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Đi đôi với việc không ngừng tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều, Thanh hóa luôn chú trọng đầu tư xây dựng mới và cải tạo các công trình thủy lợi, nhất là các công trình có ý nghĩa chiến lược. Nhiều công trình lớn như hồ Yên mỹ, đập Bến mấy, Quảng châu, sông Lý, sông Hoàng, kè E-vích... đã được đầu tư xây dựng và cải tạo, mang lại hiệu quả thiết thực trong việc phục vụ sản xuất, hạn chế tác hại của thiên tai. Trong trận chiến đấu phòng, chống thiên tai, nhờ thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ", đã huy động được sức mạnh tổng hợp của nhân dân vào việc đào đắp, phát hiện, xử lý kịp thời những ẩn họa gây sạt lở, vỡ đê... Riêng năm 1996, nhân kỷ niệm 50 năm ngày "phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai", Thanh hóa đã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là về *Pháp lệnh bảo vệ đê điều*, những quan điểm và phương châm phòng chống thiên tai. Đồng thời, tỉnh thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo các địa phương và cơ sở, vận động các tầng lớp nhân dân làm tốt công tác chuẩn bị, sẵn sàng phòng chống lụt, bão. Do đó, đến hết tháng 5-1996, cả 23 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đều đã ra quân và căn bản hoàn thành khối lượng đắp đê, tu bổ kè, cống. Hàng nghìn vụ vi phạm pháp lệnh bảo vệ đê điều đã được nhân dân đồng tình ủng hộ, bị xử lý hoặc tự xử lý. Nhiều huyện, thị và cơ sở đã chủ động gia cố đê sông lớn theo tiêu chuẩn kiên cố hóa bằng vật liệu cứng, xóa dần các trọng điểm đê xung yếu, tăng cường chất lượng thân đê bằng biện pháp khoan phụt vữa, tôn cao đê kết hợp rải cấp phối mặt đê, tập trung

* PTS. ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy Thanh hóa

Digitized by Google

lấp các hố chân đê, tôn cao, mở rộng đê sông nhỏ, kiên cố hóa đê biển, chuẩn bị vật liệu dự trữ, xây dựng phương án, lực lượng canh đê, hộ đê v.v... Có thể nói tinh thần chuẩn bị phòng chống bão, lụt tốt là điều kiện quan trọng hàng đầu bảo đảm an toàn nền kinh tế - xã hội trong mùa mưa, bão. Do đó, khi mưa bão đến dồn dập, lũ dâng nhanh và cao trên mức báo động 3, lại gặp lúc triều cường, nhưng hầu hết các địa phương và cơ sở ở Thanh hóa đều chủ động triển khai được các phương án phòng chống lụt, bão, hạn chế được thiệt hại do thiên tai gây ra. Toàn bộ các tuyến đê sông lớn và hầu hết các tuyến đê sông nhỏ được giữ vững. Chỉ riêng đê sông Bưởi bị vỡ 2 đoạn do địa hình dốc, nước dâng nhanh và cao hơn nhiều so với đỉnh lũ lịch sử.

2 - Tập trung chỉ đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ, tranh thủ sự chi viện, giúp đỡ từ bên ngoài

Ngay từ khi cơn bão số 2, áp thấp nhiệt đới, rồi cơn bão số 4 chưa ập đến, Ban chỉ huy phòng chống bão lụt Thanh hóa đã có nhiều công điện và biện pháp chỉ đạo các địa phương và cơ sở đề cao cảnh giác, triển khai ngay các bước công tác theo phương án đã định. Các cuộc họp chưa cần thiết đều được tạm hoãn, cả tỉnh dồn sức cho công tác phòng, chống bão, khắc phục hậu quả thiên tai, coi đó là nhiệm vụ đột xuất, trọng tâm, cấp bách. Trong những ngày bão, lũ, cả tỉnh Thanh hóa như một công trường lớn. Lực lượng canh đê, hộ đê gồm hàng vạn lao động được huy động lên các công trường, dồn sức cho các địa bàn trọng điểm, xung yếu. Lực lượng còn lại chủ động tổ chức, hướng dẫn nhân dân sơ tán đến nơi an toàn, chú trọng giữ gìn an ninh trật tự, tích cực ổn định đời sống nhân dân, chống úng cứu lúa. Tại các vùng trọng điểm, ngoài lực lượng tại chỗ của địa phương và cơ sở, tỉnh kịp thời điều động các lực lượng quân đội, công an, cán bộ, công nhân, viên chức, phương tiện, vật tư... đến chi viện. Cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên có mặt ở những địa bàn trọng điểm, xung yếu, kịp thời chỉ đạo xử lý tại chỗ các khâu công việc. Nét nổi bật trong việc tổ chức chỉ đạo phòng chống bão, lụt ở Thanh hóa là trong lúc "nước sôi lửa bỏng" vẫn bình tĩnh, tự tin, vừa phát huy tinh thần tự lực tự cường, sức mạnh tổng hợp tại chỗ, vừa tranh thủ sự chỉ đạo của Trung ương và sự chi viện, giúp đỡ từ bên ngoài, chú trọng cả điểm và diện. Tỉnh giao cho Ban chỉ huy phòng, chống bão lụt và chi cục bảo vệ đê điều phối hợp với các địa phương và cơ sở, chỉ đạo xây dựng và thực hiện ngay phương án hàn gắn những tuyến đê bị sạt lở, nhất là ở các đoạn xung yếu. Đồng thời, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, vật tư, chủ động đối phó với mọi tình huống xấu có thể xảy ra. Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo sâu sát vùng bị ngập úng, tập trung chống úng cứu lúa, chăm sóc tốt diện tích lúa còn lại và chuẩn bị phương án làm vụ đông, bù đắp thiệt hại trong vụ mùa. Lực lượng công an bảo đảm giữ vững an ninh chính trị , trật tự, an toàn xã hội. Ngành giao thông vận tải và lực lượng cảnh sát giao thông khẩn trương cùng lực lượng các địa phương giải quyết ách tắc giao thông, bảo đảm sớm thông xe các tuyến đường, nhất là đường số I và đường lên vùng cao. Sở y tế tích cực cứu chữa người bị nạn, hướng dẫn và cùng nhân dân vùng ngập lụt chủ động phòng chống dịch bệnh, xử lý nước sạch, vệ sinh môi trường, khôi phục sớm hoạt động của các tổ, trạm y tế cơ sở bị lũ lụt tàn phá. Ngành giáo dục - đào tạo nhanh chóng tu sửa trường, lớp, bảo đảm đủ sách, vở cho học sinh bước vào năm học mới đúng ngày khai trường như quy định ; ưu tiên vùng bị thiên tai nặng, khẩn trương phối hợp với các ngành có liên quan đưa hơn 600 giáo viên cấp 1 + 2 lên vùng cao trước ngày 5-9. Về kinh phí, tỉnh đã cấp phát thích đáng để khắc phục nhanh hậu quả lũ lụt, sớm ổn định đời sống và sản xuất ở vùng bị thiệt hại nặng, nhất là một số xã ở các huyện Hậu lộc, Thạch thành. Tỉnh giao cho các ngành, các đơn vị có liên quan khảo sát nắm vững tình hình, đối tượng, có phương án, kế hoạch giải quyết sát đúng, kịp thời. Đồng thời tỉnh phát động phong trào đoàn kết, tương trợ, tranh thủ sự chi viện, giúp đỡ của trung ương và các tỉnh, ngành trong nước và bè bạn, tổ chức quốc tế để có thêm nguồn lực sớm ổn định đời sống vật chất, tinh thần đối với đồng bào vùng bị thiên tai. Với những cách làm đó, Thanh hóa đã phát huy được sức mạnh tổng hợp trong khi giải quyết khó khăn, thử thách lớn. Tình hình đời sống và sản xuất trên địa bàn tỉnh, nhất là ở những vùng bị thiệt hại nặng đang dần dần ổn định và trở lại bình thường.

3 - Đi đôi với việc khắc phục khó khăn trước mắt phải sớm chăm lo giải quyết những vấn đề cơ bản, lâu dài

Qua đợt chiến đấu gay go, quyết liệt với thiên tai lần này, đảng bộ và nhân dân Thanh hóa càng

Digitized by Google

thấm thía hơn trước những thiệt hại, mất mát vừa qua, đang trăn trở trước thực tế khắc nghiệt và phũ phàng của thiên tai. Tỉnh ủy đã dành nhiều cuộc họp thảo luận về công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là trong nông nghiệp, ngư nghiệp và nông thôn.

Đối với sản xuất nông nghiệp, tỉnh ủy xác định để đạt vững chắc mục tiêu 1,1 triệu tấn lương thực trở lên trong năm 1996 và những năm tiếp theo phải nhận thức thật đầy đủ về vấn đề an toàn lương thực, thấy rõ vị trí to lớn của vụ sản xuất đông - xuân, phấn đấu bảo đảm sản lượng ăn chắc vụ này từ 65 đến 70 vạn tấn. Trong đó, phải tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, chuyển đổi mùa vụ cho phù hợp với hoàn cảnh địa lý, khí hậu. Chú trọng giải quyết tốt 2 khâu cơ bản là giống và thủy lợi, nhất là thủy lợi nội đồng theo hướng kiên cố hóa. Trước mắt, tập trung phấn đấu làm một vụ đông lớn với diện tích gieo trồng đạt từ 5 vạn ha trở lên để có sản lượng lương thực quy thóc là 11 vạn tấn. Đây là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, không những góp phần bù đắp thiệt hại do lũ lụt gây ra trong vụ mùa, mà còn thiết thực góp phần chống đói trong thời kỳ giáp hạt đầu năm 1997.

Đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, Ban thường vụ tỉnh ủy xác định cần nhận thức rõ thực trạng trình độ dân trí thấp, quan hệ sản xuất chậm đổi mới, lực lượng sản xuất, nhất là phương tiện đánh bắt hải sản, lạc hậu, yếu kém hiện nay ở vùng này. Đây là một vấn đề lớn cần được tiếp tục chuẩn bị kỹ để xem xét, giải quyết một cách đồng bộ, toàn diện. Trước mắt tỉnh chú trọng tạo chuyển biến một bước về nghề khai thác hải sản xa bờ để vừa bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tốt hơn, vừa nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 12 hợp tác xã đánh cá được củng cố, đổi mới, đó là điều đáng phấn khởi. Tỉnh chỉ đạo các cấp, các ban, ngành có liên quan quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, tạo điều kiện cho vay vốn để một số hợp tác xã đã có đủ điều kiện mua sắm được tàu lớn, trang bị hiện đại vươn ra khơi, đồng thời cũng cần tích cực tính toán chuẩn bị để làm sao Thanh hóa sớm có một số đơn vị mạnh trong nghề khai thác cá biển gắn với phát triển công nghiệp chế biến hải sản và dịch vụ.

4 - Đôi điều kiến nghị

Thiệt hại do đợt thiên tai gây ra ở Thanh hóa thời gian vừa qua là hết sức nghiêm trọng và nặng nề, nhất là thiệt hại về người. Nhiều ngư dân và thuyền nghề của xã Ngư lộc và một số xã ven biển huyện Hậu lộc ra biển đánh cá đã không trở về vì những yếu tố bất ngờ, bất khả kháng... Đó là điều thương tâm, gây xôn xao dư luận và đang là điều day dứt nhất của đảng bộ nhân dân Thanh hóa.

Từ thực tế trên, chúng tôi xin kiến nghị :

- Các cấp, các ngành có liên quan cần quan tâm đầu tư hơn nữa, nhất là về điều kiện phương tiện kỹ thuật cho công tác dự báo khí tượng, thủy văn. Kết hợp các biện pháp thông tin truyền thống với hiện đại để làm sao cho công tác dự báo, thông tin được kịp thời, chính xác, hạn chế đến mức thấp nhất những yếu tố bất ngờ và thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Để bảo đảm an toàn tính mạng cho ngư dân, đi đôi với việc đổi mới, củng cố quan hệ sản xuất, đầu tư đổi mới, nâng cấp phương tiện, trang thiết bị an toàn, cần chú trọng tăng cường công tác kiểm tra an toàn trên biển, nhất là ở cấp cơ sở. Kiên quyết không cho ngư dân ra biển nếu không đủ điều kiện bảo đảm an toàn. Bản thân lao động đi biển cũng cần nêu cao ý thức tự giác, thận trọng, tránh chủ quan, liều lĩnh.

- Đảng và Nhà nước cần kịp thời có các chính sách ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng hay bị thiên tai, nhất là trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cho vay vốn, bảo đảm cho nhân dân có cuộc sống ổn định, yên tâm phấn khởi lao động sản xuất và tổ chức đời sống.

Những kết quả đạt được trong công tác phòng, chống bão lụt, khắc phục hậu quả thiên tai ở Thanh hóa mới chỉ là bước đầu. Nghiêm túc kiểm điểm, đúc rút những kinh nghiệm thành công, chưa thành công và nguyên nhân thiệt hại, đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh hóa tiếp tục nâng cao cảnh giác, củng cố lực lượng, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống trong mùa mưa bão nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra ❑

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC LAI CHÂU KHẮC PHỤC HẬU QUẢ LŨ LỤT

LÝ KHAI PHÀ *

LAI châu là một tỉnh miền núi cao vùng Tây bắc Tổ quốc, có diện tích tự nhiên là 17 139 km^2, số dân trên 54 vạn người thuộc 21 dân tộc anh em. Do kiến tạo tự nhiên, địa hình Lai châu chủ yếu là đồi, núi cao, dốc đứng. Là một tỉnh nằm ở thượng nguồn sông Đà, lại có rất nhiều sông, suối nên hằng năm, vào mùa mưa mùa lũ, thường xảy ra lũ lụt ở nhiều vùng trong tỉnh, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 1990, một trận lũ quét đã xảy ra ở thị xã Lai châu và huyện Mường lay, do nguồn suối Nậm lay và Nậm he tràn về, cuốn trôi và vùi lấp hơn 200 ngôi nhà, làm chết 72 người, tàn phá nhiều tài sản của nhân dân và nhà nước. Giá trị thiệt hại lên đến trên 30 tỉ đồng. Theo nhân dân địa phương thì đây là một trận lũ lịch sử hơn 40 năm mới lại xuất hiện.

Năm 1994, tại huyện ly Mường lay lại xảy ra một trận lũ quét từ khe suối Huổi ló, đã làm sập nhiều công sở và nhà cửa của dân, 12 người đã bị chết do lũ cuốn hoặc bị vùi lấp trong bùn đá.

Nỗi kinh hoàng của người dân thị xã Lai châu và huyện Mường lay chưa qua, những thiệt hại to lớn do các trận lũ năm 1990, 1994 vừa mới được đảng bộ, nhân dân các dân tộc cả tỉnh và thị xã Lai châu, huyện Mường lay khắc phục chưa được bao nhiêu thì tai họa khủng khiếp lại vừa ập đến.

Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới trong các ngày từ 15 đến 19-8-1996 vừa qua, trên địa bàn toàn tỉnh Lai châu đã xảy ra mưa lớn liên tục. Lượng mưa đo được phổ biến trên 200 mm, riêng ở thị xã Lai châu và huyện ly Mường lay có lượng mưa trên 300 mm. Mưa lớn đã gây ra lũ lụt ở nhiều nơi trong tỉnh. Tại huyện Điện biên, từ ngày 16 đến 18-8-1996, lũ lớn đã xảy ra ở 3 xã : Sam mứn, Noong hẹt, Noong luống, mức nước ở đây có chỗ cao tới 3 - 4 m (cao hơn lũ năm 1959 và 1975). Tại huyện Mường lay và thị xã Lai châu, từ 15 giờ ngày 17 đến hết ngày 19-8-1996, lũ quét xảy ra liên tục nhiều đợt với cường độ rất lớn, mức lũ cao hơn các trận lũ năm 1990, 1994 là 1,1 m.

Đợt mưa lũ tháng 8 vừa qua đã gây cho Lai châu những thiệt hại rất lớn về người và của :

- Số hộ có nhà cửa bị ngập là 1 946 hộ, trong đó bị sập và cuốn trôi hoàn toàn 872 hộ. Số người bị ảnh hưởng do lũ lụt là 11 946 người, trong đó 7 215 người không có nhà ở.

- Số lương thực bị ngập và cuốn trôi là 600 tấn, riêng 3 xã của huyện Điện biên thiệt hại 460 tấn; 1 576 ha lúa mùa bị ngập, vùi lấp, trong đó số bị mất trắng là 511 ha lúa ; 300 ha màu và 50 ha mía, nhiều tài sản, hàng hóa, thuốc chữa bệnh... bị phá hủy và cuốn trôi.

- Mưa lũ đã cuốn trôi, vùi lấp, làm chết 89 người, bị thương 28 người, mất tích 10 người ; 234 con trâu, bò, nhiều gia súc, gia cầm khác bị chết hoặc bị cuốn trôi.

- Hơn 92 công trình thủy lợi vừa và nhỏ bị tàn phá, hàng nghìn mét kênh mương bị phá hủy hoàn toàn ; 24 công sở, trường học, bệnh viện bị hủy hoại. Tất cả các tuyến đường giao thông thuộc quốc lộ, tỉnh lộ và đường liên xã bị ách tắc, chia cắt do sạt lở, cuốn trôi. 30 cầu, 150 cống bị phá hủy nặng ; 177 điểm trên các tuyến giao thông bị sạt lở với hơn 1 triệu m^3 đất đá ; có nhiều nơi mặt đường bị sụt hoàn toàn từ 50m - 100 m. Thông tin liên lạc và điện thắp sáng ở thị xã Lai châu, huyện Mường lay và huyện Phong thổ bị hư hỏng nặng. Những thiệt

* Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy Lai châu

Digitized by Google

hại do đợt mưa lũ vừa qua ở Lai châu ước tính đến 89 tỉ đồng.

Ngay sau khi có mưa lớn, ngày 16-8-1996, Ban thường vụ tỉnh ủy đã họp bàn để nhận định và dự báo tình hình lũ lụt có thể xảy ra. Ngày 18-8, tỉnh ủy đã họp với các ngành và đoàn thể bàn giải pháp khắc phục hậu quả lũ lụt. Ngày 20-8, đoàn công tác của tỉnh do đồng chí Nguyễn Văn Minh, ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy, Phó chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng đoàn đã đi bộ trên 30 km theo quốc lộ 12 để kiểm tra tình hình và chỉ đạo việc khắc phục bước đầu do hậu quả lũ lụt gây ra ở thị xã Lai châu và huyện Mường lay. Bước đầu, các cấp, các ngành đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân đào bới, tìm kiếm người bị vùi lấp, mất tích, cứu chữa người bị thương, chôn cất người bị chết, sơ tán nhân dân ra khỏi vùng sạt lở, vùng nước bị ngập và tổ chức bảo vệ tài sản của nhà nước và của nhân dân. Tỉnh đã huy động 20 máy xúc, máy ủi và hàng nghìn lao động để khai thông các tuyến đường bị ách tắc, tổ chức lo lương thực, hàng hóa thiết yếu, thuốc chữa bệnh cho nhân dân vùng bị ngập lụt, tổ chức lo nhà ở cho những người bị mất nhà, sửa chữa bệnh xá điều trị cho nhân dân và trường học để chuẩn bị cho năm học mới. Trong hai ngày 22 và 23-8-1996, đoàn đại biểu của Đảng và Chính phủ do đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ làm trưởng đoàn đã đến Lai châu kiểm tra tình hình khắc phục hậu quả lũ lụt và thăm hỏi đồng bào các dân tộc bị ngập lụt tại thị xã Lai châu, huyện Mường lay và huyện Điện biên. Cũng trong thời gian đó, Bộ quốc phòng đã đưa máy bay trực thăng lên vận chuyển hơn một trăm tấn lương thực, hàng hóa thiết yếu giúp đồng bào vùng bị ngập lụt. Đồng thời, khi biết tin tỉnh Lai châu bị thiệt hại lớn về người và tài sản do lũ lụt gây ra, nhiều cơ quan, ban ngành ở trung ương, các tỉnh bạn và nhiều cá nhân đã có thư, điện thăm hỏi và ủng hộ vật chất, động viên đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lai châu sớm khắc phục hậu quả lũ lụt.

Những sự giúp đỡ, thăm hỏi, động viên kịp thời đó bước đầu đã tạo được sự ổn định tư tưởng cho nhân dân và tạo không khí tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn, khó khăn và quyết tâm sớm khắc phục hậu quả của các trận lũ vừa qua.

Từ thực tiễn thiên tai và việc phòng chống, khắc phục hậu quả lũ lụt những năm vừa qua ở Lai châu, chúng tôi đã rút một số nhận xét bước đầu sau đây :

1 - Phải chủ động đối phó, không thể coi thường sự bất trắc của thiên nhiên, nhất là lũ lụt như cổ nhân thường nói "nhất thủy, nhì hỏa". Không thể chỉ căn cứ vào quy luật hay chu kỳ định sẵn mà cho rằng : rất lâu lũ lớn mới lặp lại một lần như trận lũ năm 1990 (40 năm mới lặp lại một lần). Chỉ 4 năm sau đó thì lũ lại xảy ra ở Mường lay và thị xã Lai châu và hai năm tiếp theo (8-1996) lũ lớn lại tiếp tục xảy ra vẫn ở địa bàn này. Như vậy có thể khẳng định rằng lũ lụt có thể xảy ra bất kỳ lúc nào, khi ở thượng nguồn và địa phương có mưa lớn.

2 - Do địa chấn vùng Tây bắc là trung tâm của các vụ động đất gây nhiều vết nứt và là tỉnh có nhiều núi cao vực sâu nên mưa lũ dễ gây sạt lở. Hơn nữa, việc thăm dò, nghiên cứu địa chất, quy hoạch dân cư thiếu cơ sở khoa học cho nên hầu hết các phường ở thị xã Lai châu và xã Lay nưa, một phần thị trấn Mường Lay là nằm ở lòng suối xưa kia được bồi đắp nên, do vậy khi lũ về suối bị đổi dòng gây thiệt hại lớn. Điều đó đặt ra vấn đề khi xây dựng cơ sở hạ tầng, công sở, khu dân cư... cần được tính toán, khảo sát thăm dò cẩn thận, kỹ càng.

3 - Do hậu quả của việc phá rừng bừa bãi, hầu hết những nơi đất trống, đồi trọc đều bị sạt lở kèm theo lũ lớn là bùn đất và đá, gây thiệt hại lớn. Ở Lai châu vừa qua cũng là do lũ bùn, đất, đá ở các khe-suối cạn của những cánh rừng trơ trọi, nhất là từ thị xã Lai châu đến xã Huổi lèng của huyện Mường lay, còn những nơi có màu xanh của rừng thì không thấy vết sạt lở của

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

Điều cốt lõi của bản sắc văn hóa Việt nam

TRÀ HẢI

LÂU nay tôi được nghe khá nhiều ý kiến tranh luận về "bản sắc văn hóa dân tộc Việt nam". Nhiều kiến giải khác nhau được đưa ra. Người đi vào triết học, người đi vào văn hóa dân gian (Folklore), người đi vào đời sống tâm linh (việc thờ cúng tổ tiên, thần linh, lễ hội...), có người đi vào những di sản vật chất như kiến trúc, điêu khắc đình chùa v.v.. để chứng minh bản sắc văn hóa Việt nam. Một số người khác lại duy danh định nghĩa và thường chứng minh bản sắc văn hóa Việt nam là sự tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để biến thành của Việt nam ; nói cách khác đã "Việt nam hóa" các tôn giáo : Nho, Phật, Lão và cả triết học phương Tây. Những kiến giải nêu trên đều đúng về một phương diện nào đó, nhưng chưa phải đã tìm được cái gốc, cái bản chất của bản sắc văn hóa. Cái ta đang cần tìm phải là *cốt lõi*, cái bản chất của bản sắc văn hóa Việt nam.

Tôi cho rằng một trong những điều cốt lõi nhất của bản sắc văn hóa Việt nam chính là "lòng yêu nước Việt nam".

Tất nhiên, trên thế giới, dân tộc nào cũng có lòng yêu nước. Song lòng yêu nước mỗi dân tộc cũng có chỗ khác nhau, và ở đây tôi nhấn mạnh "bản sắc văn hóa Việt nam là lòng yêu nước Việt nam", bởi lòng yêu nước của dân tộc Việt nam không giống bất kỳ một dân tộc nào khác trên thế giới. Lịch sử thế giới chưa có một dân tộc nao giống như Việt nam : bị nghìn năm Bắc thuộc, mười năm Minh thuộc, gần trăm năm Pháp thuộc, và có lẽ phải kể hai mươi năm Mỹ thuộc trên nửa nước. Lịch sử thế giới chứng minh số phận nhiều dân tộc bị đô hộ rồi bị đồng hóa luôn, chỉ trong thời gian rất ngắn (nghĩa là mất dân tộc). Tính từ đầu Công nguyên đến nay (2000 năm) chưa có một dân tộc nào bị đô hộ đến hơn một nửa thời gian và đã qua 4 lần ở những thời kỳ khác nhau nhưng không những không bị đồng hóa, mà lại vùng dậy tự giải phóng được mình như dân tộc Việt nam.

Thử hỏi có dân tộc nào trên thế giới lại có chung một mộ Tổ và có một ngày giỗ Tổ như ở nước ta? Ngày giỗ Tổ, ở đền Hùng, con cháu cả nước hành hương về để tưởng niệm ông cha, và có những hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, thể hiện rất rõ nét bản sắc văn hóa của mình. Có dân tộc nào trên thế giới lấy từ "đồng bào" làm đại từ chung và trong ứng xử xã hội thì theo đạo lý "nhiễu điều phủ lấy giá gương" hoặc "thương người như thể thương thân". Các dân tộc trên thế giới có lẽ cũng có những truyền thuyết về sự hình thành dân tộc mình. Nhưng theo tôi nghĩ không có dân tộc nào có một truyền thuyết kiểu "bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ" như của Việt nam ? Và mặc dầu ai cũng biết đó chỉ là huyền thoại, vậy mà ai cũng thấy thiêng liêng, ai cũng muốn tin là thật. Trong bản *Tuyên ngôn độc lập* (1945) cũng đã được Bác Hồ mở đầu bằng câu "Thưa đồng bào". Và cảm động hơn khi Bác nhắc lại : "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Có trường hợp như Lý Long Tường - hoàng tử triều Lý sang lập nghiệp tận Hàn quốc gần 800 năm mà giờ đây con cháu vẫn lần theo gia phả và di chúc tìm về cội nguồn. Và những người mới rời Tổ quốc vài chục năm nay đang họp cộng đồng dựng đền thờ Tổ Vua Hùng tại Mỹ. Nhiều người châu Âu hiện đại cho rằng miền đất nào đời sống sung sướng là Tổ quốc. Nhiều quốc gia khác người ta đâu có khái niệm "tổ quốc" thiêng liêng như Việt nam ! Còn ở nước ta ngay từ năm 40 Hai Bà Trưng khi dựng cờ khởi nghĩa đã ra tuyên ngôn :

Một xin rửa sạch quốc thù
Hai xin nối lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba khỏi oan ức lòng chồng.

Như vậy thù riêng chỉ xếp vào hàng thứ ba mà thôi, còn quốc thù mới là trọng !

Đến "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", Lý Thường Kiệt khẳng định rạch ròi bờ cõi tự sách trời. Tổ quốc đây không trìu tượng. Tổ quốc đây là bờ cõi Việt nam do ông cha tạo dựng !

Những áng hùng văn kim cổ ấy ta còn gặp nhiều trong các thế hệ sau như "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo, "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi, Hịch của hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ, Thư trả lời quân Pháp của Nguyễn Quang Bích và đến cách mạng cận đại, Nguyễn Thái Học khi lên đoạn đầu đài còn dõng dạc đọc thơ bằng tiếng Pháp :

Mourir pour Sa patrie
C'est le sort le plus beau
Le plus digne d'envie...

Nghĩa là :

Chết vì Tổ quốc
Cái chết vinh quang
Lòng ta sung sướng trí ta nhẹ nhàng...

Từ thế hệ nho học chuyển sang tân học, người thanh niên Việt nam vốn chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp lại dùng văn hóa Pháp để chống lại bọn thực dân và khi

Digitized by Google

chọn cái chết cũng là chết vì Tổ quốc. Chúng ta có thể kể ra biết bao nhiêu những tấm gương yêu nước, anh dũng hy sinh cho Tổ quốc qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, nhất là sau khi Đảng ta thành lập và lãnh đạo nhân dân làm cách mạng.

Trước khi đặt bút viết bài này, tôi có đọc lại cuốn "*Văn hóa và đổi mới*" của Cố vấn Phạm Văn Đồng. Thật là có lý khi ông viết về đổi mới của văn hóa hôm nay mà không quên nhắc lại lịch sử, ca ngợi thời dựng nước các vua Hùng, đến thời kỳ đấu tranh của dân tộc nghìn năm Bắc thuộc và thời kỳ phong kiến tự chủ. Nhưng ông cũng phê phán triều Nguyễn : "Trong lịch sử nước ta... không bao giờ dân tộc Việt nam gặp cảnh yếu hèn như vậy, mất nước dễ dàng như vậy... Dưới thời Tự Đức lực lượng viễn chinh Pháp chẳng có bao nhiêu, đồng thời chúng gặp phải rất nhiều khó khăn trong lĩnh vực hậu cần. Cái nghịch lý đau buồn là nhà vua đầu hàng và ngăn cấm phong trào đánh giặc cứu nước. Đó thật là một điều ô nhục trong lịch sử nước ta". Và ông kết luận : "Triều đại nhà Nguyễn là những trang sử đau buồn trái với những truyền thống oai hùng của dân tộc Việt nam ta..." (1).

Ngày nay, những mặt trái của cơ chế thị trường cũng như của quá trình hội nhập, mở cửa, quốc tế hóa, đang có tác động một cách tiêu cực đến đời sống văn hóa tinh thần của chúng ta. Nếu chúng ta không tỉnh tường, tỉnh táo, dễ bị vàng thau lẫn lộn. Ai cũng biết Phan Thanh Giản là người yêu nước trung quân, nhưng ông bất lực và đã cam tâm ký hiệp ước cắt đất cho Pháp. Song ông còn biết tự trọng, thấy cái lỗi của mình với dân, với nước. Ta thương ông, lập đền thờ ông, song việc phục hồi tên phố mang tên ông cần hết sức cân nhắc và thận trọng ! Còn có một số nhân vật khác trong phái chủ hòa (thực ra là đầu hàng giặc) có viết được vài ba cuốn sách nay được ai đó xếp hạng "danh nhân" có vội vàng quá không ? Có người còn muốn đề cao Trần Trọng Kim (vì ông có trước tác Nho giáo Việt nam) ; Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, A-lếch-xan Đơ Rốt (Alexandre De.Rhodes), Pê-tơ-ruýt Ký... ca ngợi họ là những người có công, như những người yêu nước. Điều đó thực khó hiểu, khó tin về "thiện ý" và "sự công bằng" của họ.

Mọi người ai cũng phấn khởi khi thấy truyền hình đưa tin Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh vừa dựng đài tưởng niệm các liệt sĩ hy sinh trong trận tiến công vào tòa đại sứ Mỹ (tết Mậu Thân). Việc làm đó ai cũng thấy đúng và đều đồng tình, bởi vì đó là thể hiện sự kính trọng và ghi nhớ công ơn của những người yêu nước, hy sinh vì Tổ quốc, lòng tự trọng dân tộc và đó chính là thể hiện cụ thể bản sắc văn hóa Việt nam.

Trở lại vấn đề A-lếch-xan Đơ Rốt, Pê-tơ-ruýt Ký và một số nhân vật khác, tôi nghĩ ta nên hết sức thận trọng. Ta không phủ định những cống hiến khoa học về một mặt nào đó của họ. Song cứ lấy cái tiêu chí "lòng yêu nước" làm "tia hồng ngoại" mà rọi thì rất dễ phân định. A-lếch-xan Đơ Rốt có công rất lớn về văn hóa, là một trong những người sáng tạo ra chữ Việt la tinh hóa ngày nay. Về mặt khoa học ngôn ngữ ta không quên ơn, nhưng đọc lại "*Bản án chế độ thực dân Pháp*" của Nguyễn Ái Quốc và những tác phẩm của Phan Bội Châu thì ta mới thấy cái nhục mất nước và cái thâm độc về chính sách cai trị và truyền giáo của chủ nghĩa thực dân. Như vậy ông ta có đồng sàng với chủ nghĩa thực dân không ? Hay chí ít cũng là công cụ cho mục tiêu của chúng. Xét theo tiêu chí khoa học theo tôi ta nên dựng bia ghi công, còn dựng tượng đài ông, có lẽ ta nên để tiền của công sức dựng tượng các vị anh hùng dân tộc xả thân cứu nước. Ta không bảo thủ hẹp hòi theo tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Song ta cũng quyết không để lại những dấu ấn mà ngàn năm sau cháu con chúng ta không hiểu nổi.

Nếu Đảng ta nêu vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và lấy lòng yêu nước làm hệ quy chiếu thì tôi tin rằng mây mù sẽ phải tan trong nắng sớm.

*
* *

Tôi cho rằng với chủ đề : "Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc để bước vào thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước", có lẽ không gì bằng phát động lòng yêu nước Việt nam để làm động lực, đặc biệt là trong thế hệ trẻ. Lòng yêu nước ấy sẽ làm được tất cả, hạn chế tiêu cực, đẩy lùi tham nhũng, *đặc biệt là sẽ tự miễn dịch và chống được văn hóa độc hại.* Cần tạo cơ hội cho thanh niên say sưa đi vào nghiên cứu, lao động sáng tạo để phục hưng đất nước. Hãy khơi dậy trong mỗi người lòng tự hào và tự trọng dân tộc, trả hận non sông của một đất nước đã bốn lần bị làm thuộc địa, bị đè đầu cưỡi cổ, và cứ mỗi lần như thế đã kéo lùi lịch sử phát triển dân tộc hàng thế kỷ so với các dân tộc khác.

Hành trang của ta bước vào thế kỷ 21, bước vào hiện đại hóa và công nghiệp hóa, có lẽ về khoa học kỹ thuật, về kinh tế ta còn thua xa bạn bè, song ta tự hào vì ta có một nền văn hóa, có bề dầy văn hóa, mà nền văn hóa ấy được hun đúc từ lòng yêu nước Việt nam. Bản sắc văn hóa Việt nam, cái cốt lõi chính là lòng yêu nước Việt nam ❑

(1) Phạm Văn Đồng : *Văn hóa và đổi mới*. Bộ văn hóa thông tin xuất bản, 1995, tr 27

Digitized by Google

"LÀM LỚN"

NGUYỄN VĂN LỘC

LÂU nay chuyện cán bộ "làm lớn" thường được nhiều người quan tâm bàn luận. Nhiều người khen ông này tuy "làm lớn" nhưng vẫn khiêm tốn, giản dị, vẫn giữ vững những phẩm chất tốt đẹp của nhiều năm về trước. Nhiều người kêu ông nọ vừa "làm lớn" được ít lâu đã trở thành một người khác trước, không còn được bạn bè, đồng nghiệp và tập thể quý mến như trước nữa. Quả là trong vấn đề "làm lớn" đang có nhiều điều đáng suy nghĩ thật.

Nhiều người tuy giữ những chức vụ lãnh đạo, quản lý quan trọng nhưng vẫn luôn luôn sống mẫu mực, để lại cho tập thể, cho những người chung quanh những tình cảm và kỷ niệm tốt đẹp khó quên. Ngay trong hoàn cảnh mới hiện nay, nhiều đồng chí vẫn quen với nếp sống giản dị, vẫn giữ đức cần, kiệm, liêm, chính. Từ nhà ở đến phương tiện đi lại, làm việc, sinh hoạt, cơ quan bố trí, sắp xếp thế nào thì các đồng chí ấy sử dụng như vậy, không hề đòi hỏi gì. Một số người còn từ chối, không nhận những tiêu chuẩn cao như xe ô tô loại sang trọng đắt tiền chẳng hạn. Một số đồng chí thì ngại ngùng cả việc đi dự những buổi chiêu đãi, tiếp tân trừ khi thật cần thiết. Một lần nhân dự bữa cơm ở nhà một người bạn thân, đang lúc nói vui về chuyện "làm lớn", chủ nhà giới thiệu với tôi một người. Anh nói : ông này cũng "làm lớn" đây nhưng rất bình dân, sống chan hòa với bạn bè, với tập thể, nhà cửa tài sản chẳng có gì đặc biệt. Những chuyện về những mẫu người "làm lớn" như vậy hiện nay trong xã hội ta có rất nhiều và rất đáng để cho chúng ta học tập.

Nhưng mặt khác cũng có không ít người khi "làm lớn" thì thay đổi rất nhanh. Có người vừa được đề bạt chưa lâu, cơ quan đang cân nhắc suy tính xem nên bố trí đổi nhà, đổi phòng làm việc cho đồng chí ấy như thế nào cho thích hợp thì đồng chí ấy đã vội vã đốc thúc, nhiều khi với thái độ rất không hay. Có người từ khi "làm lớn" thì tỏ ra khệnh khạng, quan cách, trông đến khó coi. Một số người chỉ thích tiếp xúc, chuyện trò, quan hệ với những người ngang cấp hoặc với cấp trên, còn với những bạn bè đồng nghiệp đã một thời thân thiết, vào sinh ra tử có nhau nhưng đang "giẫm chân tại chỗ" thì mấy ông ấy quên đến là nhanh. Mới cách đó chưa lâu còn hàn huyên tâm sự đủ điều mà bây giờ gặp lại, các "sếp" ấy tỏ ra dửng dưng lạnh lùng như chưa hề quen biết. Điều làm nhiều người thắc mắc là một số người "làm lớn" thường cho mình cái quyền muốn giải quyết công việc thế nào cũng được, có khi nói một đằng làm một nẻo, hoặc thiếu trách nhiệm trước những vấn đề nóng bỏng đang đặt ra trong lĩnh vực công tác của mình phụ trách. Nhưng điều làm cho nhiều người thắc mắc hơn cả là một số người, kể cả một số người tuy chưa phải là "lớn" lắm nhưng giàu lên nhanh quá, cứ như là họ vớ được quyển sách ước hay cây đèn thần A-la-đanh vậy. Họ nổi tiếng là người "chịu chơi", kể cả việc nhậu nhẹt, bồ bịch. Họ không hề bận tâm gì đến những lời bàn tán chê trách về mình. Cũng có người một thời "làm lớn", đến nay không còn "làm lớn" nữa nhưng ông vẫn yêu cầu cơ quan phải giải quyết chế độ này, chế độ nọ ngoài tiêu chuẩn, chính sách và quy định của nhà nước...

Rõ ràng là chung quanh vấn đề "làm lớn" có vô số chuyện, có chuyện nghe cứ như là bịa vậy. Rõ ràng là trong vấn đề đạo đức, phẩm chất của một bộ phận cán bộ đảng viên đang có những điều mà các tổ chức đảng, các cơ quan hữu quan cần quan tâm xem xét ❑

Digitized by Google

HỌC THUYẾT VÀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ MỸ 50 NĂM QUA (1946 - 1996)

NGUYỄN KIM LÂN *

HỌC thuyết quân sự Mỹ là một hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh do các cấp chính quyền Mỹ kế tiếp nhau xây dựng nên, trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu như : nghiên cứu phát triển chiến lược, phương hướng xây dựng quân đội, xác định các phương thức tiến hành và các biện pháp chiến lược, lựa chọn vũ khí trang bị, chuẩn bị các kế hoạch hoạt động và sử dụng lực lượng quân sự để sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh. Còn chiến lược quân sự là một trong những nội dung chủ yếu của học thuyết quân sự, phục vụ cho chính sách đối ngoại trong từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu quân sự, chính trị, ngoại giao nhất định.

Chiến lược quân sự được vạch ra trên cơ sở của học thuyết quân sự, phù hợp với tình hình và tương quan lực lượng các bên tham chiến của từng thời kỳ. Chiến lược quân sự còn là một bộ phận cấu thành của chiến lược chung (chiến lược an ninh quốc gia).

Học thuyết quân sự Mỹ chủ yếu "dựa trên sức mạnh", được biểu hiện trên các mặt : sức mạnh quân sự, sức mạnh kinh tế, sức mạnh khoa học - kỹ thuật và địa vị đứng đầu của Mỹ trong thế giới tư bản. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã đưa ra nhiều học thuyết quân sự, thể hiện bằng các chủ trương chiến lược quân sự cho phù hợp với tình hình so sánh lực lượng quân sự, tình hình quốc tế và tình hình nội bộ nước Mỹ trong từng thời kỳ. Điểm cốt lõi trong những chủ trương chiến lược quân sự của Mỹ là "răn đe", nhưng mỗi đời tổng thống chiến lược đó đều có những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể từng giai đoạn. Sự hình thành và phát triển của học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ trong 50 năm qua (1946 - 1996) có thể khái quát những nét chính qua các giai đoạn như sau :

Giai đoạn 1946 - 1952 : Học thuyết của Tơ-ru-man, thực hiện chiến lược "ngăn chặn". Chiến lược này ra đời trong bối cảnh Mỹ là một cường quốc về kinh tế và quân sự, độc quyền về nguyên tử. Còn phe xã hội chủ nghĩa mới hình thành nhưng có ưu thế về lực lượng thông thường. Nội dung chủ yếu của chiến lược này là bằng cách đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân, ngăn chặn chiến tranh lớn ở châu Âu ; đồng thời dùng các thủ đoạn kinh tế, chính trị, quân sự, trong đó rất coi trọng dùng thủ đoạn quân sự để bao vây, ngăn ngừa sự phát triển và mở rộng ảnh hưởng của Liên xô, cô lập Liên xô trong "bức màn sắt". Biện pháp cụ thể là : Tăng cường sức mạnh vũ lực và sẵn sàng sử dụng vũ lực ; tăng cường viện trợ cho các khu vực "mỏng manh" và các quốc gia xung quanh Liên xô ; cổ vũ các nước Đông Âu đứng lên "giành độc lập" ; tăng cường đoàn kết, tự tin trong nội bộ các quốc gia tư bản phương Tây, đồng thời cổ vũ lực lượng chống đối Liên xô. Trong giai đoạn này, theo kế hoạch Mác - san, Mỹ đã viện trợ hơn 13 tỉ USD cho châu Âu, đã giúp cho các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế - quân sự và củng cố nền thống trị của mình; hỗ trợ cho các lực lượng quân sự ngăn ngừa sự phát triển của phong trào cách mạng ở Tây Âu. Những việc làm đó đã tạo điều kiện mở rộng địa vị của Mỹ trong thế giới tư bản và ngăn chặn ảnh hưởng của Liên xô, đồng thời tác động tiêu cực đến xã hội Liên xô về sau này.

Giai đoạn 1953 - 1960 : Thực hiện học thuyết của Ai-xen-hao, Mỹ đề ra chiến lược quân sự "trả đũa ồ ạt". Chiến lược này ra đời

* Thượng tá, Viện lịch sử quân sự, Bộ quốc phòng

Digitized by Google

trong bối cảnh nước Mỹ đã mất độc quyền về nguyên tử và bị thất bại trong cuộc chiến tranh Triều tiên. Phe xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh. Liên xô đã có vũ khí nguyên tử. Phong trào cách mạng thế giới phát triển ngày càng cao. Nội dung chủ yếu của chiến lược này là đe dọa đánh trả bằng nguyên tử và vũ khí hạt nhân vào Liên xô, Trung quốc. Mặt khác, cùng với đồng minh bao vây phe xã hội chủ nghĩa và đàn áp phong trào cách mạng thế giới, đồng thời từng bước can thiệp vào Việt nam.

Giai đoạn 1961 - 1968 : Thực hiện học thuyết của Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Mỹ đề ra chiến lược quân sự "phản ứng linh hoạt". Chiến lược này ra đời trong bối cảnh Mỹ và đồng minh tay sai gặp nhiều khó khăn, ưu thế về nguyên tử và hạt nhân giảm. Phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh. So sánh lực lượng có lợi cho xã hội chủ nghĩa ; phong trào cách mạng thế giới phát triển rất cao. Nội dung chủ yếu của chiến lược này là sẵn sàng dùng lực lượng thông thường để phản ứng bất kỳ ở đâu, vào bất cứ lúc nào, bằng các loại vũ khí và lực lượng thích hợp. Phương châm của Ken-nơ-đi là vừa tăng cường lực lượng thông thường vừa phát triển thêm một bước lực lượng hạt nhân chiến lược. Chiến lược phản ứng linh hoạt được Mỹ áp dụng chủ yếu ở các nước trong thế giới thứ ba, trong đó nổi bật nhất là việc can thiệp bằng quân sự, phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam và cả Đông dương. Ken-nơ-đi đã coi Việt nam là nơi thí điểm của chiến lược "phản ứng linh hoạt".

Giai đoạn 1969 - 1976 : Thực hiện học thuyết của Nic-xơn [1], Mỹ đề ra chiến lược quân sự "ngăn đe thực tế" (do Kit-sin-gơ, cố vấn an ninh quốc gia đề xuất). Chiến lược này ra đời trong bối cảnh so sánh lực lượng Xô - Mỹ đã có những thay đổi bất lợi cho Mỹ và đồng minh, ưu thế về lực lượng hạt nhân chiến lược của Mỹ không còn. Chiến lược quân sự "phản ứng linh hoạt" cũng như "trả đũa ồ ạt" của các đời tổng thống trước đó đều không mang lại kết quả. Mỹ đã bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam. Phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội tiếp tục phát triển mạnh, đẩy Mỹ vào thế suy yếu toàn diện cả trong và ngoài nước. Chiến lược quân sự này chủ yếu lấy ngăn đe chiến tranh là chính, khi cần sẽ can thiệp có trọng điểm. Biện pháp cụ thể là tăng cường lực lượng vũ khí chiến lược để "đủ sức" giành lại ưu thế so với Liên xô, đồng thời tạo lá chắn ngăn chặn Liên xô, Trung quốc. Tuy vẫn tiếp tục cam kết với đồng minh nhưng giảm vai trò tham gia trực tiếp bằng bộ binh vào "các cuộc xung đột địa phương" (ở các khu vực), mặt khác thúc đẩy đồng minh "cùng chia sẻ gánh nặng với Mỹ". Ngoài ra Mỹ còn tăng cường viện trợ quân sự, kinh tế, và trong trường hợp cần thiết chỉ can thiệp chi viện bằng không quân, hải quân, hết sức hạn chế sử dụng lực lượng mặt đất ; chú trọng đối phó ở chiến trường châu Âu, còn ở Đông Nam Á rút phần lớn lực lượng về để lập tuyến ngăn chặn ở các đảo Thái bình dương.

Giai đoạn 1977 - 1984 : Thực hiện học thuyết của các tổng thống G.Pho, J.Ca-tơ và R.Ri-gân, Mỹ đề ra chiến lược quân sự "răn đe" và "phòng thủ". Chiến lược này ra đời trong bối cảnh tương quan lực lượng chiến lược Xô - Mỹ xấp xỉ cân bằng, nhưng có mặt Mỹ còn thua kém Liên xô. Chiến lược này chủ yếu lấy "răn đe" chiến tranh là chính, đồng thời phản ứng có lựa chọn, linh hoạt với những hình thức, quy mô, mức độ khác nhau, chủ yếu ở khu vực trọng điểm và so sánh lực lượng có lợi. Điểm đáng lưu ý trong học thuyết của R.Ri-gân là phải "tái vũ trang" nước Mỹ, thực hiện một đường lối chiến lược "vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo", tăng cường ngoại giao hòa hoãn và tranh thủ đồng minh. Đó cũng là bước phát triển mới của học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ trong giai đoạn này. Biện pháp chủ yếu là gấp rút tăng cường sức mạnh về quân sự, củng cố và khống chế đồng minh ; đặc biệt coi trọng các liên minh quân sự, nhất là với Nhật và Tây Âu. Về trọng điểm quân sự, ngoài Tây bán cầu, Mỹ vẫn coi trọng Tây Âu, Trung Đông và Tây - Nam Á, Đông - Bắc

(1) Học thuyết của Nic-xơn được công bố ở đảo Gu-am (1969)

Digitized by Google

Á ; đồng thời chú ý đối phó với các "điểm nóng", nhất là ở Trung Mỹ, Ca-ri-bê, vịnh Ba-tư, Nam châu Phi và Đông - Nam Á.

Giai đoạn 1985 - 1992 : Kế tục học thuyết của R.Ri-gân và một số học thuyết trước đó, Bu-sơ đã đề ra chiến lược toàn cầu "vượt trên ngăn chặn" và thực hiện chiến lược quân sự "răn đe" và "đánh thắng", kết hợp "phản ứng linh hoạt" có điều chỉnh cho phù hợp với tình hình. Chiến lược này ra đời trong bối cảnh xu thế thương lượng hòa bình, hòa dịu và hợp tác phát triển ; thời kỳ chiến tranh lạnh (1946 - 1989) đã kết thúc ; Đông Âu và Liên xô cải tổ có nhiều khó khăn, là "cơ may" cho Mỹ lợi dụng để đẩy nhanh "quá trình tan rã của khối Vác-sa-va" và Liên xô. Lúc này so sánh lực lượng chiến lược thì Mỹ có lợi thế hơn Liên xô (khối NATO mạnh hơn khối Vác-sa-va). Nội dung chủ yếu của chiến lược này là : "răn đe đa tầng" (răn đe trên đất liền, trên biển, trên không và trên vũ trụ) ; "răn đe cân bằng" (răn đe cả bằng vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường) ; "răn đe tổng hợp" (răn đe bằng sức mạnh của Mỹ lẫn sức mạnh của đồng minh, bạn bè của Mỹ ; răn đe bằng sức mạnh quân sự là chính kết hợp với kinh tế, chính trị, ngoại giao, giữa chạy đua vũ trang và kiểm soát vũ khí). Nhưng nếu "răn đe" bị thất bại thì phải nhanh chóng đánh thắng mọi loại hình chiến tranh và sẵn sàng "phản ứng linh hoạt" với những mối thách thức khác, bảo vệ thành công lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ và đồng minh. Mục tiêu chủ yếu nhằm cải thiện tương quan lực lượng và giành ưu thế chiến lược quân sự so với Liên xô, làm suy yếu, tiến tới phá vỡ Liên xô và "khối Liên xô", xóa bỏ phong trào cách mạng ở những khu vực trọng điểm chiến lược, giành quyền lãnh đạo thế giới và giữ thế giới tư bản phát triển trong quỹ đạo của Mỹ.

Biện pháp cụ thể là : Tiếp tục chạy đua vũ trang (phát triển nâng cao chất lượng cả lực lượng hạt nhân và thông thường) để tăng cường sức ép bằng quân sự. Tiếp tục củng cố, khống chế đồng minh và ép các nước này chia sẻ trách nhiệm lớn hơn đối với Mỹ. Thực hiện tổng hợp toàn diện các biện pháp : quân sự kết hợp với kinh tế, khoa học kỹ thuật, chính trị, tư tưởng, văn hóa, dân tộc... Răn đe từ bên ngoài kết hợp với thâm nhập nhằm bạo loạn lật đổ từ bên trong. Tùy thời cơ, khi có điều kiện thì trắng trợn can thiệp hoặc tiến hành chiến tranh xâm lược dưới nhiều hình thức : xâm lược vũ trang bộ phận, "chiến tranh ủy nhiệm" thông qua các nước khác, chiến tranh "xung đột cường độ thấp" (như đã thực hiện đối với các nước có phong trào đấu tranh đòi độc lập, giải phóng dân tộc và các nước thuộc thế giới thứ ba) và chiến tranh "cường độ trung bình" (như đã thực hiện đối với I-rắc...). Tranh thủ lôi kéo đồng minh vào các hoạt động "răn đe tập thể" (nhất là các nước đồng minh của Mỹ trong Liên hợp quốc) để ép Liên xô nhân nhượng, làm mất ảnh hưởng của Liên xô để giành ưu thế. Triệt để lợi dụng "cải tổ của Goóc-ba-trốp" để thực hiện hòa hoãn, cắt giảm lực lượng hạt nhân chiến lược, nhằm làm suy yếu Liên xô, "dẫn dụ" Liên xô cải tổ chệch hướng xã hội chủ nghĩa để xóa bỏ Liên xô.

Giai đoạn 1993 - 1996 : Kế thừa và phát triển chiến lược "vượt trên ngăn chặn" của Bu-sơ, Bin Clin-tơn đề ra chiến lược "khuyếch trương" (An-to-ny Lếch - cố vấn an ninh quốc gia đề xuất tháng 9-1993). Sau đó chính quyền B. Clin-tơn liên tục điều chỉnh bổ sung, và tháng 7-1994 chính thức đưa ra chiến lược an ninh quốc gia "dính líu và mở rộng" nhằm triệt để lợi dụng thất bại của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu để xóa bỏ chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn cầu. Chiến lược này ra đời trong bối cảnh sau khi Liên xô và khối Vác-sa-va sụp đổ và sau chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ tự cho mình là siêu cường số 1 có sức mạnh cả về kinh tế, quân sự và có khả năng chi phối thế giới trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự. Theo B.Clin-tơn : "Mối đe dọa bành trướng của cộng sản, sự thách thức chủ yếu đối với an ninh Hoa kỳ trong vòng 50 năm qua đã bị loại bỏ..." và hiện nay Mỹ "đang phải đối phó với một loạt mối hiểm họa rộng lớn và đa dạng hơn..." (2).

(2) "Chiến lược an ninh quốc gia của Hoa kỳ 1994" (William Clinton).

Digitized by Google

Chiến lược An ninh quốc gia của B.Clin-tơn có các mục tiêu : Duy trì vững chắc nền an ninh dựa vào lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng chiến đấu ; thúc đẩy phát triển kinh tế và mở rộng nền dân chủ ở nước ngoài. Để thực hiện được những mục tiêu trên, Mỹ phải duy trì sức mạnh quân sự vừa "hùng mạnh" vừa "linh hoạt". Clin-tơn nói trắng ra rằng, sau chiến tranh lạnh, an ninh của Hoa kỳ vẫn được quyết định bởi việc duy trì sức mạnh đủ ngăn chặn các mối đe dọa và khi cần thiết có thể đánh thắng đối phương. Mục tiêu của chiến lược quân sự không thay đổi, nhưng nội dung và biện pháp chiến lược đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn. Nội dung chủ yếu chiến lược quân sự của Mỹ lúc này vẫn là "răn đe" và "đánh thắng", nhưng nhấn mạnh thêm các hoạt động "phi quân sự" do quân đội thực hiện nhằm sử dụng và phát huy sức mạnh tổng hợp và toàn diện của lực lượng vũ trang Mỹ một cách "linh hoạt", "có chọn lọc" để thúc đẩy các lợi ích quốc gia cả trong thời bình và thời chiến.

Tóm lại, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ đã liên tục phát triển, được điều chỉnh và thay đổi theo sự thay đổi của chiến lược an ninh quốc gia, từ chiến lược quân sự - chính trị toàn cầu *"ngăn chặn", "vượt trên ngăn chặn"* đến *"dính líu và mở rộng"* (còn gọi là "bành trướng" hoặc "khuyếch trương") hiện nay. Sự thay đổi và phát triển của học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ 50 năm qua đã thể hiện rõ *"chức năng sen đầm quốc tế"* của Mỹ, điển hình là đã xâm lược Triều tiên những năm 50, xâm lược Việt nam và Đông dương những năm 60 - 70, đưa quân vào Pa-na-ma và xâm lược Grê-na-đa những năm 80, cùng đồng minh tiến hành chiến tranh chống I-rắc những năm 1990 - 1991...

Mục tiêu xuyên suốt của học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ là phải tăng cường sức mạnh quân sự, bảo đảm *Mỹ là siêu cường quân sự duy nhất trên thế giới, để không một nước hoặc một nhóm nước nào nổi lên thách thức lại với Mỹ*. Tham vọng của Mỹ trong mục tiêu chiến lược là rất lớn, các bước đi chiến lược trước đây là giành thắng lợi không cần chiến tranh vào năm 1999. Giờ đây Mỹ đang muốn thực hiện nhanh hơn nữa. Nhưng trong một thế giới đầy biến động, mâu thuẫn và phức tạp, đang hình thành các trung tâm quyền lực vừa hợp tác vừa cạnh tranh quyết liệt với Mỹ, sẵn sàng trả đũa lại Mỹ trên các lĩnh vực chính trị - kinh tế..., do vậy Mỹ không dễ gì áp đặt và thực hiện được ý muốn của mình ❑

Tìm hiểu khái niệm

MÔI TRƯỜNG . BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

● **MÔI TRƯỜNG** : là tổng hợp các điều kiện cư trú về tự nhiên và sinh thái của con người, của một hay nhiều loại động vật, thực vật hoặc vi sinh vật.

Môi trường có thể chia thành hai loại : môi trường tự nhiên và môi trường sinh thái.

Môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên, các tài nguyên thiên nhiên trong sự thống nhất với nền sản xuất xã hội. Trong môi trường tự nhiên, giữa các yếu tố tự nhiên, các hiện tượng tự nhiên, các tài nguyên thiên nhiên thường xuyên có tác động qua lại với nhau. Nếu một yếu tố nào đó thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các yếu tố khác. Tài nguyên theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng, thông tin... có trên trái đất và không gian vũ trụ có thể được sử dụng phục vụ cuộc sống của con người.

Tài nguyên thiên nhiên tồn tại rất đa dạng như : thể rắn, thể lỏng, thể khí, ở dạng động vật, thực vật, hoặc được hình thành trong tự nhiên, hoặc đã thông qua lao động của con người và chia làm hai loại : tài nguyên vô hạn và tài nguyên hữu hạn. *Tài nguyên vô hạn* bao gồm : năng lượng mặt trời, năng lượng gió, không khí, thủy triều, nhiệt năng trong lòng đất. *Tài nguyên hữu hạn* bao gồm : tài nguyên tái tạo được và tài nguyên không tái tạo được. *Tài nguyên tái tạo được* là những tài nguyên dựa vào nguồn năng lượng được cung cấp hầu như liên tục và vô tận từ vũ trụ vào trái đất, dựa vào trật tự thiên nhiên, vào nguồn thông tin vật lý và sinh học đã hình thành để tồn tại và phát triển. Chúng chỉ mất đi khi không còn nguồn năng lượng và thông tin nói trên. *Tài nguyên không tái tạo được* gồm các loại khoáng sản, nhiên liệu, nguyên liệu, năng lượng... được tồn tại một cách hữu hạn, chúng sẽ mất đi hoặc hoàn toàn biến đổi không giữ được tính chất ban đầu sau quá trình sử dụng.

Digitized by Google

Môi trường tự nhiên và sản xuất xã hội có tác động qua lại, chặt chẽ với nhau. Các nguồn tài nguyên, thiên nhiên là yếu tố quan trọng của sản xuất, cung cấp tài nguyên cho sản xuất. Ngược lại tốc độ phát triển sản xuất lại phụ thuộc rất lớn vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Sản xuất xã hội vừa có mặt sử dụng, tái tạo vừa có mặt tàn phá môi trường tự nhiên. Đến lượt nó, môi trường tự nhiên cũng vừa là nguồn tài sản thiên nhiên quý giá, vừa là mối hiểm nguy do thiên tai gây thảm họa đối với con người. Bởi vậy nếu như con người lãng phí tài nguyên, sử dụng một cách quá mức, khiến cho nó không còn khả năng phục hồi ; hoặc như nếu con người không hiểu được quy luật vận động của tự nhiên, thì sẽ bị gánh chịu hậu quả nặng nề.

Môi trường sinh thái là tổng hợp những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của con người như không khí, nước, đất đai thổ nhưỡng, khí hậu (nhiệt độ, gió, bức xạ, phong vũ biểu) và các tạp chất độc hại v.v..

Hậu quả nghiêm trọng nhất của các quá trình sản xuất, đặc biệt là việc sản xuất chạy theo lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản là làm ô nhiễm môi trường sống của trái đất. Sản xuất xã hội tiến hành với nền công nghiệp hiện đại nhưng chưa hoàn chỉnh đã gây ra sự tàn phá môi trường nghiêm trọng. Đó là khí các-bon-níc thải vào khí quyển do công nghiệp, giao thông vận tải... sử dụng các loại nhiên liệu cổ sinh học (than đá, dầu hỏa...) cùng với nạn phá rừng làm tăng nhiệt độ khí quyển, dẫn đến tăng mực nước biển, gây ngập lụt và rối loạn môi trường sinh thái. Khí các bon níc, pro-tô-xi-tin, clo-rua các-bua do công nghiệp chất dẻo và từ việc sử dụng các dàn nén khí lạnh sinh ra làm suy giảm lượng ô-dôn, tăng tia cực tím là nguyên nhân gây ung thư da và tổn hại đến sự sinh trưởng của cây cối trên mặt đất. Các hỗn hợp khí chứa lưu huỳnh từ các ngành công nghiệp thải vào khí quyển tạo thành những trận mưa a xít. Các chất phóng xạ từ các vụ nổ hạt nhân, các khí độc, cặn bã, chất thải từ các nhà máy điện nguyên tử, nhà máy lọc dầu, hóa chất, luyện kim đen và màu, các nhà máy nhiệt điện, xi măng... làm ô nhiễm nghiêm trọng đất đai, không khí và các nguồn nước. Sự bùng nổ dân số, quá trình đô thị hóa tràn lan làm cho diện tích canh tác bị thu hẹp. Chiến tranh tàn phá nghiêm trọng môi trường sống do thử nghiệm, nghiên cứu, sản xuất các loại vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng gây hậu quả lâu dài và nghiêm trọng cho cuộc sống con người. Vì vậy vấn đề môi trường sống hiện nay đã vượt ra ngoài phạm vi sinh thái học thông thường mà trở thành vấn đề kinh tế-chính trị - xã hội toàn cầu.

● **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** : là tổng hợp các biện pháp nhằm quản lý, duy trì, sử dụng hợp lý, phục hồi, nâng cao hiệu quả sử dụng môi trường tự nhiên giúp cho cuộc sống của con người và thiên nhiên có sự hài hòa, phù hợp.

a) Bảo vệ môi trường trước hết liên quan đến hoạt động của các ngành khoa học - kỹ thuật.

Để giảm bớt ô nhiễm không khí trong sản xuất cần ứng dụng các quy trình công nghệ hoàn thiện có khả năng làm giảm các chất khí độc hại, chất thải, tiếng ồn trên quy mô rộng lớn, thay đổi, thải loại các thiết bị cũ kỹ lạc hậu, đưa vào sử dụng những thiết bị hiện đại ; sử dụng các loại nhiên liệu ít chứa lưu huỳnh, nhất là các hệ thống thiết bị lọc bụi, lọc khí, xử lý nước thải, chống các loại bức xạ, phóng xạ. Cần cải thiện tính chất vật lý, hóa học của đất, nâng độ phì nhiêu đất đai nhờ tăng cường sử dụng các loại phân hữu cơ, sử dụng hợp lý các loại phân hóa học, thay đổi thành phần hóa chất dùng trong nông nghiệp. Ngoài ra còn phải tái sinh rừng, trồng và bảo vệ rừng nhằm cân bằng sinh thái.

b) Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường liên quan chặt chẽ đến hoạt động của nhà nước và các tổ chức xã hội. Nhà nước cần có các chương trình, dự án, kế hoạch về bảo vệ tự nhiên thiên nhiên và môi trường, coi đó là một bộ phận không thể thiếu trong chiến lược và chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội phải được xây dựng, xét duyệt trên cơ sở tính toán đầy đủ đến việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường. Phải phân tích và dự báo những tác động lợi, hại trước mắt và lâu dài mà việc thực hiện các đề án đó có thể gây ra cho môi trường sinh thái. Nhà nước tạo ra cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra các mặt liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, xử lý thích đáng những trường hợp vi phạm ; đầu tư thích đáng cho các chương trình khôi phục và bảo vệ môi trường.

c) Môi trường, nhất là không khí và nước không bị phân chia theo ranh giới quốc gia. Vì vậy, việc hợp tác quốc tế và khu vực trong nghiên cứu, đào tạo cán bộ, đầu tư, tổ chức thực hiện các đề án, xây dựng các công ước quốc tế về bảo vệ tự nhiên và môi trường, nhằm bảo vệ môi trường là việc làm quan trọng và cấp thiết giữ cho trái đất "ngôi nhà chung của chúng ta" ngày càng xanh tươi, sạch đẹp ❑

TIN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỀ NỀN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Vừa qua, Bộ khoa học - công nghệ và môi trường đã tổ chức cuộc trao đổi ý kiến về nền khoa học - công nghệ Việt nam. Tham gia cuộc gặp mặt này có hơn 50 nhà khoa học, quản lý khoa học ở các trung tâm khoa học quốc gia, các viện và trung tâm nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học, một số nhà doanh nghiệp cùng các cán bộ chủ chốt của Bộ khoa học - công nghệ - môi trường và Ban khoa giáo trung ương. Giáo sư Đặng Hữu, ủy viên trung ương Đảng, Trưởng Ban khoa giáo trung ương kiêm Bộ trưởng Bộ khoa học - công nghệ - môi trường chủ trì hội nghị.

Những vấn đề có tính chất cốt tử, cấp bách đối với khoa học - công nghệ nước nhà đã được các đại biểu thẳng thắn, nhiệt tình trao đổi, tranh luận và phân tích.

Digitized by Google

Đánh giá thực trạng của nền khoa học - công nghệ qua mấy năm đổi mới, đa số các ý kiến đều nhất trí khẳng định những thành tựu, đóng góp xứng đáng của khoa học - công nghệ và đội ngũ những người làm khoa học vào sự phát triển của đất nước trên mọi lĩnh vực cũng như những đổi mới trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với khoa học - công nghệ.

Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, nhiều đại biểu đã mạnh dạn vạch rõ những yếu kém, bất cập, những khuyết tật khá cơ bản của nền khoa học - công nghệ nước ta. Nền khoa học - công nghệ chưa ra khỏi khủng hoảng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quá nghèo nàn, lạc hậu, kinh phí nghiên cứu ít ỏi, mạng lưới tổ chức cồng kềnh, kém hiệu lực, đội ngũ cán bộ còn có những bất cập, lại phân bố rất không đồng đều giữa các ngành, các vùng, miền, vừa thiếu, vừa thừa giả tạo. Đội ngũ này lại đang bị lão hóa nhanh chóng và tình trạng chảy chất xám nghiêm trọng, khiến cho một số ngành (nhất là khoa học cơ bản) có nguy cơ "tan rã" trong thế kỷ tới vì thiếu lớp người kế cận. Đời sống của những người làm khoa học chân chính gặp nhiều khó khăn, vừa thiếu phương tiện, thiếu thông tin, vừa thiếu một môi trường trao đổi, tranh luận khoa học thuận lợi. Trong khi đó thì nhiều công trình nghiên cứu có giá trị bị "xếp xó", không được ứng dụng triển khai để đem lại hiệu quả trong cuộc sống. Đã xảy ra những nghịch lý, chẳng hạn như một số doanh nghiệp nhà nước sẵn sàng bỏ ra hàng triệu đô la để nhập công nghệ mà trong nước hoàn toàn có khả năng đáp ứng với giá rẻ hơn rất nhiều ; và ngược lại có cơ sở nghiên cứu lại đầu tư rất tốn kém để nghiên cứu những công nghệ mà các doanh nghiệp có thể mua của nước ngoài với giá thấp hơn và đỡ tốn thời gian.

Về nguyên nhân của thực trạng nêu trên, nhiều ý kiến nhấn mạnh đến những bất hợp lý trong cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với khoa học - công nghệ. Đó là những "khuyết tật về cấu trúc hệ thống" của nền khoa học - công nghệ : chính sách lương cào bằng, bình quân, công chức hóa đội ngũ làm khoa học, không khuyến khích người giỏi làm khoa học ; kinh phí nhà nước đầu tư cho khoa học - công nghệ đã ít ỏi lại bị cơ chế quản lý quan liêu làm cho kém hiệu quả, không thực sự phát huy vai trò động lực. Có đại biểu còn đề cập đến những bất cập trong cơ chế quản lý kinh tế - xã hội nói chung đã chi phối sự phát triển của khoa học - công nghệ : một cơ chế quản lý kinh tế không tạo nên sự gắn kết hữu cơ tất yếu giữa khoa học - công nghệ và các doanh nghiệp, không khuyến khích và bắt buộc các doanh nghiệp phát triển theo chiều sâu bằng những thành tựu của khoa học - công nghệ, vẫn còn tồn tại những dạng kinh tế "ngầm" chạy theo lợi nhuận giả tạo, "ăn xổi", tham nhũng... Những bất hợp lý và khiếm khuyết nêu trên đã khiến cho các chỉ thị nghị quyết của Đảng về khoa học - công nghệ lâu nay, dù đã nhấn mạnh, đã đánh giá rất cao vai trò của khoa học - công nghệ, đã đặt khoa học - công nghệ vào vị trí xứng đáng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhưng khi thực hiện còn rất hạn chế, chưa thực sự phát huy hiệu quả, tạo nên động lực thúc đẩy sự phát triển của khoa học - công nghệ.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số ý kiến nêu rõ rằng, cần có một sự đánh giá, nhìn nhận khách quan, công bằng. Ngoài những nguyên nhân thuộc về cơ chế, chính sách của nhà nước thì bản thân giới khoa học - công nghệ cũng nên tự phán xét mình một cách nghiêm khắc. Trước những yêu cầu rất cao của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước lòng tin và sự mong mỏi của Đảng và nhân dân, giới khoa học - công nghệ đã thực sự có những nỗ lực và cố gắng lớn lao để xứng đáng với vai trò của mình chưa? Trong khi đòi hỏi sự quan tâm đầu tư và đãi ngộ của nhà nước, khoa học - công nghệ phải thể hiện rõ tính hiệu quả, phải thể hiện được năng lực và trách nhiệm của mình. Trong giới khoa học, tiếc rằng vẫn còn không ít người chưa thực sự làm khoa học, chưa thật thiết tha gắn bó với khoa học. Bởi vậy, nguyên nhân từ phía chủ quan cũng không nhỏ.

Vậy phải tìm những giải pháp, lối ra nào cho nền khoa học - công nghệ nước nhà? Đâu là những cái "gút" cần tháo gỡ để khoa học - công nghệ có sự phát triển tăng tốc, để cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải thực sự dựa vào và bằng khoa học - công nghệ?

Các đại biểu đã nêu lên hàng loạt các kiến nghị, giải pháp. Tựu trung lại là : xây dựng một hệ cơ chế, chính sách đồng bộ đối với khoa học - công nghệ. Cơ chế chính sách phải thể hiện cho được vai trò "nền tảng", "quốc sách hàng đầu" của khoa học - công nghệ đã được các nghị quyết của Đảng khẳng định. Vai trò đó phải được thể hiện ra ở cơ cấu đầu tư (tăng tỷ lệ đầu tư ngân sách nhà nước cho khoa học - công nghệ lên 2% năm), ở chính sách tạo động lực (cả động lực vật chất và động lực tinh thần) cho đội ngũ làm khoa học : chính sách lương, cách đánh giá giá trị các công trình khoa học, tạo điều kiện và môi trường làm việc thuận lợi (tự do trao đổi, tranh luận khoa học, được thông tin đầy đủ, có điều kiện trao đổi thông tin nghề nghiệp với các đồng nghiệp quốc tế...), nâng cao vị thế của giới khoa học - công nghệ trong xã hội. Cần phải có các cơ chế, chế tài cụ thể để tạo nên sự gắn kết hữu cơ giữa khoa học - công nghệ với lãnh đạo quản lý (khoa học - công nghệ tham gia vào việc hoạch định các đường lối, chính sách, các quyết định lớn của Đảng và Nhà nước trong mọi lĩnh vực từ trung ương đến địa phương), giữa khoa học - công nghệ với sản xuất - kinh doanh, giữa nghiên cứu với triển khai, giữa nghiên cứu với đào tạo, giữa sáng tạo công nghệ và nhập công nghệ...

Một số ý kiến cũng đề nghị sớm xây dựng và ban hành *Luật khoa học công nghệ*, tiến hành sắp xếp lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu theo hướng chú trọng hiệu quả : nhà nước tập trung đầu tư cho các ngành khoa học cơ bản, các ngành công nghệ mũi nhọn, các ngành khoa học gắn với an ninh quốc phòng, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các cơ quan nghiên cứu triển khai bằng các ưu đãi về tài chính, khuyến khích các trường đại học phát triển công tác nghiên cứu gắn với đào tạo, cho phép các viện nghiên cứu, các trường phát triển các doanh nghiệp để ứng dụng các thành quả nghiên cứu, v.v..❑

VÕ ĐĂNG THIÊN *(lược thuật)*

Digitized by Google

CÔNG TY CÀ PHÊ II - LÂM ĐỒNG

- Địa chỉ : Đường Thống Nhất - Thị trấn Di Linh - Lâm Đồng
- ĐT : (063) 870345 - 870157 ★ Fax : (8463) 870686
- CN. TPHCM : 30 Phan Xích Long, Phú Nhuận ★ ĐT/Fax : (848) 440015



NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH :

✪ Sản xuất, chế biến xuất khẩu cà phê, các mặt hàng nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, rau, hoa quả...

✪ Nhập máy, vật tư, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

✪ Thị trường tiêu thụ : Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Thụy Sĩ, Xin-ga-po ...

✪ Công ty sẵn sàng hợp tác với các doanh nghiệp, thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực mua bán, trao đổi, liên doanh, liên kết.

BƯU ĐIỆN HÓC MÔN

- **Địa chỉ : 57/7 Lý Nam Đế - Thị trấn Hóc Môn.**
- **ĐT : 8910234 - 8910333 - Fax : 84-8-8910366**



✪ Một bưu điện trung tâm và 9 bưu cục khu vực.

✪ 3 trạm tổng đài NEAX 61 với dung lượng :
- Năm 1995 : 5.000 số - Năm 1996 : 10.000 số.
- Sẵn sàng phục vụ các yêu cầu về bưu chính viễn thông của Quí khách.

- Bưu phẩm trong nước và quốc tế.
- Bưu kiện trong nước.
- Thư chuyển tiền, điện chuyển tiền trong nước.
- Chuyển tiền nhanh.
- Trả tiền quốc tế MPI.
- EMS trong nước và quốc tế.
- Điện báo, điện thoại
- Facimile trong nước và quốc tế.
- Điện hoa trong nước...

✪ *Nhận lắp đặt tổng đài, Fax, điện thoại thuê bao công cộng... trên địa bàn Hóc Môn trong thời gian nhanh nhất.*

Digitized by Google

CÔNG TY LƯƠNG THỰC TP. HỒ CHÍ MINH
XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA

ĐỊA CHỈ : 220 KHA VẠN CÂN THỦ ĐỨC TP HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 8966772 - 8966835

Colusa



MÌ GÀ ĂN LIỀN :

- Là sản phẩm có hương vị độc đáo được sản xuất bằng nguyên liệu cao cấp trên một quy trình công nghệ hiện đại
- Sợi mì dai và mềm, các gói gia vị khi chế biến tạo một hương vị đặc trưng phù hợp với khẩu vị của mọi người

QUÝ KHÁCH CÓ NHU CẦU XIN LIÊN HỆ :

* Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm Colusa
* Các đại lý mì ăn liền Colusa trên toàn quốc

Digitized by Google

CÔNG TY HÓA CHẤT VẬT LIỆU ĐIỆN TP. HỒ CHÍ MINH

CHEMICAL AND ELECTRICAL MATERIALS COMPANY HO CHI MINH CITY

CEMACO HO CHI MINH CITY

SỐ 8 - LÊ DUẨN - Q. 1 TP HỒ CHÍ MINH
TEL : 8292914 - 8299594 - 8295093 - 8298630
FAX : 84 - 8 - 292916



LĨNH VỰC KINH DOANH :

* Chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các loại hóa chất, các loại vật liệu điện, dụng cụ cơ khí, thiết bị, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng và hàng nông sản hải sản các loại.
* Nhập khẩu trực tiếp : Các loại hóa chất, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí, thiết bị, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng.
* Xuất khẩu trực tiếp : Hóa chất, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí, nông sản, lâm sản chế biến, hải sản và hàng tiêu dùng.
* Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để sản xuất, gia công hoặc làm đại lý bán ký gởi các mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

1. XN Khai thác kinh doanh vật tư xuất nhập khẩu
   Số 162 Hùng Vương, Q.11 ĐT : 565695
2. XN Kinh doanh chế biến hàng xuất khẩu
   Số 452 Hưng Phú, Q.8 ĐT : 557909
3. Cửa hàng số 1 :
   Số 303 Hùng Vương, Q.6 ĐT : 559899
4. Cửa hàng số 2 :
   Số 261 Lạc Long Quân, P.6, Q.6 ĐT : 650333
5. Cửa hàng số 4 :
   Số 108 H Đường 3 - 2, P.14, Q.10 ĐT : 650759
6. Cửa hàng số 6 :
   Số 8 Nguyễn Oanh, Q. Gò Vấp ĐT : 941470
7. Cửa hàng số 7 :
   Số 1010 Nguyễn Trãi, Q.5 ĐT : 559617

Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

TRÊN thị trường có nhiều loại sữa chua uống, những sản phẩm đó sử dụng công nghệ tiệt trùng nhưng sữa chua uống của VINAMILK sử dụng công nghệ hoàn toàn khác nên còn toàn bộ các loại men sống có tác dụng tốt cho cơ thể con người.

Sữa chua uống VINAMILK là nước giải khát chứa chất dinh dưỡng cao nhiều men sống rất có lợi cho tiêu hóa, diệt được nhiều loại vi khuẩn có hại thường gây độc tố trong ruột người.

Uống sữa chua VINAMILK có nhiều vitamin, muối khoáng, giàu can-xi do những chất tinh túy được chắt lọc từ nước trái cây nguyên chất (mứt chanh), giàu đạm, đặc biệt rất ít chất béo phù hợp với những đối tượng sợ tăng cân khi dùng sản phẩm từ sữa.

Sữa chua uống VINAMILK giúp người trẻ lâu, chống lão hóa, tăng tuổi thọ đặc biệt rất tốt cho những người có bệnh tiêu hóa hoặc gây men đường ruột sau thời gian sử dụng nhiều kháng sinh.



UỐNG RẤT NGON KHI ĐỂ LẠNH

Mọi chi tiết xin liên hệ : Công ty Sữa Việt Nam VINAMILK

Địa chỉ : 36 - 38 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại : 8299377 - 8299644

Chi nhánh : 25B Phan Đình Phùng - Hà Nội. Điện thoại : 8284187 - 8284188

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

VIET NAM SOUTHERN FOOD CORPORATION

TRỤ SỞ :

- 42 Chu Mạnh Trinh, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 84 - 8 - 292342
  84 - 8 - 230243
  84 - 8 - 223607
  84 - 8 - 223639
- Telex : 811 443 CFCVT
- Fax : 84 - 8 - 292344

- Được thành lập theo Quyết định số 311/TTg ngày 24-5-1995 của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị định số 47/CP ngày 17/7/1995
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109872 ngày 26/10/1995 của Ủy ban kế hoạch nhà nước.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU

Xay xát, chế biến, bảo quản, dự trữ lưu thông lương thực, thực phẩm.

Kinh doanh lương thực, thực phẩm, phụ phẩm, phân bón, thuốc trừ sâu, bột mì, lúa mì, sắn lát, ngô, cà phê, các loại đậu, đường và các nông sản khác.

Dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê.

Vận tải nội địa và vận tải biển.

Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Xuất khẩu : gạo, sắn lát, ngô, cà phê và các loại nông sản khác.

Nhập khẩu : lúa mì, bột mì, đường, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, máy móc nông nghiệp , thiết bị xay xát, xe gắn máy, ô-tô...



Trụ sở Tổng Công ty

Digitized by Google

5/28

BƯU ĐIỆN LÂM ĐỒNG

- Địa chỉ : Số 16, Trần Phú, TP. Đà Lạt
- ĐT : (063) 822219 - 822348
- Fax : (8463) 823567



Mạng lưới Bưu chính viễn thông đã được hiện đại hóa 100% Bưu cục 2 và 80% bưu điện khu vực được lắp đặt tổng đài điện tử.

◆ Mục tiêu năm 1996 :

- Doanh thu cước tăng 1,45 lần so với năm 1995 là 56 tỉ đồng.

- Phát triển máy mới : 6.550 máy, đưa mật độ bình quân từ 1,78 máy/100 dân lên 2,47 máy/100 dân và 60% số xã trong tỉnh có máy điện thoại.

- Hoàn chỉnh, lắp đặt xong cột Antene cao 100 m đưa vào sử dụng.

Sẵn sàng phục vụ và thỏa mãn mọi nhu cầu về thông tin Bưu chính viễn thông

◆ Ngoài các dịch vụ truyền thông, hiện nay còn có nhiều dịch vụ mới :



- Faxcimile
- Điện thoại di động
- Nhắn tin
- Dịch vụ giải đáp thông tin kinh tế xã hội 108
- Dịch vụ điện hoa
- Bưu phẩm chuyển phát nhanh EMS
- Chuyển tiền nhanh
- Nhiều dịch vụ được áp dụng cho tổng đài điện tử EN

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

◀ Thông tin di động

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 20
MAIN



The Library - UC Berkeley
Received on: 11-11-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

20
10-1996

Digitized by Google

VIETNAM MOTORS

19-8-1991 — 19-8-1996

Lớn mạnh cùng nền công nghiệp xe hơi Việt Nam

Với chúng tôi, vinh dự lớn nhất là được cung cấp cho Khách Hàng các sản phẩm đa dạng nhất, chất lượng cao nhất cùng với các dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhất.

BMW — mazda — KIA

Trụ sở chính tại Hà Nội :
Km 9 đường Nguyễn Trãi, Q. Đống Đa. Tel 8543452 - 8543325 Fax : 8544682
Trung tâm bán - bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại Hà Nội :
198 B Tây Sơn, Q. Đống Đa. Tel : 8534121 - 8534122 Fax : 8534121
Trung tâm giới thiệu và bán xe BMW tại Hà Nội :
109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm. Tel : 8221168 - 8221180 Fax : 8221180
Chi nhánh - Trung tâm bán, bảo hành bảo dưỡng xe BMW tại tp Hồ Chí Minh :
134 Nguyễn Biểu, Q. 5 Tel : 8362766 - 8362759 Fax : 8362768
Trung tâm bán và bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại tp Hồ Chí Minh :
22 đường Cộng Hòa, Q. Tân Bình Tel : 8453304 - 8453305 Fax : 8453302

Và tất cả các đại lý của VMC trên toàn quốc


BMW 525 i


BMW 320 i


MAZDA E2000



MAZDA 626


MAZDA 323


KIA PRIDE GTX

NHÂN DỊP năm 5 THÀNH LẬP

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT


KIA CERES


MAZDA B2200

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, Xí nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình - Vietnam Motors Corporation (VMC) sẽ áp dụng mức **giá khuyến mại đặc biệt cho kiểu xe MAZDA 323** do Liên doanh lắp ráp. **Với mỗi xe, Quý vị sẽ được giảm 30.000.000 đồng.** Chương trình kéo dài từ ngày 19-8-1996 đến ngày 31-10-1996. Kính mời Quý Khách Hàng đến tham quan các trung tâm và các đại lý của VMC trên toàn quốc. Tại đây chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị mọi thông tin chi tiết.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 506

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	TRƯƠNG MỸ HOA - Phụ nữ Việt nam với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	3
	PHÙNG VĂN TỬU - Tiếp tục đổi mới hoạt động xây dựng pháp luật, đẩy mạnh công tác lập pháp	8
	CHU TUẤN NHẠ - Khoa học và công nghệ phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước	11
	TIẾN HẢI - Đoàn kết, thống nhất - nhân tố quyết định để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng	15
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN TRI THƯ - Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số vấn đề trong công tác vận động quần chúng	19
	HỒ VĂN THÔNG - Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta	23
	NGUYỄN PHAN THỌ - Thể hiện mẫu người thời đại, nỗi trăn trở của sân khấu Việt nam	28
	VŨ XUÂN KIỀU - Nhận diện tham nhũng và biện pháp đấu tranh	32
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TÔ XUÂN TOÀN - Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Ninh bình	36
	LÊ QUÝ ĐỐN - Huyện Gia lâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	39
	TRẦN QUANG LÊ - Về công tác hội thẩm nhân dân	43
ĐIỀU TRA	PHẠM VĂN KHÁNH - Tổ chức đảng trong các liên doanh kinh tế với nước ngoài	45
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	TRẦN VĂN THỤY - Cần nêu cao và học tập y đức của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN VŨ CẦN - "Đỡ đầu"	51
BẠN ĐỌC GÓP Ý VỚI TẠP CHÍ CỦA ĐẢNG	Hội nghị cộng tác viên và bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* các tỉnh miền núi phía Bắc	52
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	VĂN LONG - NATO đắc lợi trong cuộc chiến Bô-xni-a	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Kinh tế học vĩ mô. Kinh tế học vi mô	59
TIN VẮN	• Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 • Đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản sang thăm Trung quốc	60

Bìa 1 : *Sân bay Điện biên (Lai châu)* Ảnh : ĐINH QUANG THÀNH

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧЫОНГ МЙ ХОА - Вьетнамские женщины и задача индустриализации и модернизации страны. ФУНГ ВАН ТЫУ - Дальнейшее обновление работы по проектированию законнов и усилению законодательства. ТЬЮ ТУАН НЬЯ - Наука и технология во имя стабильного развития страны. ТИЕН ХАЙ - Солидарность и объединение сил : решающиеся факторы для успешного выполнения резолюции 8ого Съезда Партии. НГУЕН ЧИ ТХЫ - Взгляды Хо Ши Мина на некоторые проблемы работы по массам. ХО ВАН ТХОНГ - Проблема оформления социалистического правового государства в нашей стране. НГУЕН ВАН ТХО - Изображение современного человека : забота вьетнамской драматургии. ВУ СУАН КИЕУ - Обличение коррупции и меры борьбы с ней. ТО СУАН ТОАН - О индустриализации, модернизации и сельской экономике в провинции Нинь Бинь. ЛЕ КУЙ ДОН - За Лам район перестраивает экономическую структуру по ориентации индустриализации и модернизации. ФАМ ВАН ХАНЬ - Партийные организации в совместных предприятиях с зарубежными странами.

CONTENTS

TRƯƠNG MỸ HOA - Vietnamese women and the task of industrialization and modernization of the country. PHÙNG VĂN TỬU - Continuing renovation of law projecting and issuing. CHU TUẤN NHẠ - Science and technology for the sake of stable development of the country. TIẾN HẢI - Solidarity and unity - decisive factors of the successful realization of the resolution of the VIIIth Congress of the Party. NGUYỄN TRI THƯ - Ho Chi Minh's thoughts on some aspects of the task of mobilizing the masses. HỒ VĂN THÔNG - The problem of perfecting the Socialist Law - governed State in our country NGUYỄN PHAN THỌ - Portraying the image of the contemporary man - a concern of Vietnam's theatre. VŨ XUÂN KIỂU - Identification of corruption and measures of struggle against it. TÔ XUÂN TOÀN - About the industrialization and modernization and rural economy in Ninh Binh province. LÊ QUÝ ĐÔN - Gia Lam district shifts the economic structure in the direction of industrialization and modernization. PHẠM VĂN KHÁNH - Party organizations in foreign joint - ventures.

SOMMARIE

TRƯƠNG MỸ HOA - La femme vietnamienne et l'industrialisation et la modernisation. PHÙNG VĂN TỬU - Continuons de renouveler l'élaboration des lois et de renforcer la législation. CHU TUẤN NHẠ - Les sciences et la technologie au service du développement stable du pays. TIẾN HẢI - La solidarité et l'union - facteurs décisifs pour bien mettre en exécution les Résolutions du VIIIe Congrès national du Parti. NGUYỄN TRI THƯ - La pensée de Ho Chi Minh sur certains problèmes dans le travail de mobilisation auprès des masses. HỒ VĂN THÔNG - L'eádification d'un Etat socialiste de droit dans notre pays. NGUYỄN PHAN THỌ - Représenter le type d'homme contemporain - un tourment du théâtre vietnamien. VŨ XUÂN KIỂU - Repérer la corruption et les mesures de lutte à prendre. TÔ XUÂN TOÀN - Sur l'industrialisation et la modernisation de l'agriculture et l'eáconomie rurale au Ninh Binh. LÊ QUÝ ĐÔN - Le district de Gia Lam transmute sa structure économique selon l'orientation d'industrialisation et de modernisation. PHẠM VĂN KHÁNH - L'organisation du Parti dans les entreprises de joint - venture.

SOMMARIO

TRƯƠNG MỸ HOA - La Mujer vietnamita para con la industrialización y la moderlización. PHÙNG VĂN TỬU - Continuamos renovando la elaboración de las leyes y el refortalecimiento del trabajo legis tativo. CHU TUẤN NHẠ - Las ciencias y tecnologías al servicio del desarrollo estable del país TIẾN HẢI - La unidad y la unión - factores decisivos para realizar bien las Resoluciones del Octavo Congreso Nacional del Partido. NGUYỄN TRI THƯ - El pensamiento Ho Chi Minh sobre algunos problemas en el trabajo de movilización de las masas. HỒ VĂN THÔNG - Edificación de un Estado socialista de derecho en nuestro país. NGUYỄN PHAN THỌ - Representar el modelo del hombre contemporáneo - una inquietud del teatro vietnamita. VŨ XUÂN KIỂU - Reconocer el rostro de la corrupción y las medidas a lucharla. TÔ XUÂN TOÀN - Sobre la industrialización y la modernización de la argicultura y la economía rural en la provincia de Ninh Binh. LÊ QUÍ ĐÔN - El distrito de Gia Lam en la transmutación de su estructura económica a la orientación de industrialización y modernización. PHẠM VĂN KHÁNH - La organización del Partido en las empresas mixtas con el extranjero.

目錄

●張美華：越南婦女與國家工業化、現代化的任務●馮文玖：繼續革新健全法律的活動，大力推動立法工作●朱俊迸：科技爲國家事業的穩固發展服務●進海：團結統一是勝利實現黨八大決議的決定因素●阮知書：胡志明思想論發動群眾工作中的一些問題●胡文通：在我國建立社會主義法權國家的問題●阮潘壽：體現時代人物模式是越南戲劇界反复思考的問題●武春喬：認清貪污腐敗的丑惡面貌及與其進行鬥爭的方法●蘇春全：寧平省所進行的農業工業化、現代化及農村經濟●黎貴悼：嘉林縣按工業化、現代化方向轉移經濟機制●范文慶：在與外國經濟聯營中黨組織的作用

Digitized by Google

PHỤ NỮ VIỆT NAM VỚI NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

TRƯƠNG MỸ HOA *

I

ĐẤT nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nhằm **xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.**

Nhiệm vụ trọng đại này đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, trong đó có phụ nữ (chiếm quá nửa dân số) phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm, mở rộng hợp tác quốc tế, vượt qua mọi trở ngại, khắc phục khó khăn, nắm bắt thời cơ để phát triển.

Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa VII) đã xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong giai đoạn này, nhân dân ta phải ra sức phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000 : tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả kinh tế cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn này đã được Đại hội VIII xác định một cách toàn diện, trong đó đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Những nội dung và đặc điểm nêu trên của công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ có những tác động mạnh mẽ đối với phụ nữ Việt nam ; đồng thời có những đòi hỏi cao đối với chị em.

II

Phụ nữ Việt nam chiếm 51,48% dân số, 52% lực lượng lao động toàn xã hội. Với truyền thống yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo, phụ nữ Việt nam luôn luôn có vai trò to lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước, là lực lượng quần chúng hùng hậu của cách mạng.

Phát huy truyền thống yêu nước đoàn kết, với tinh thần tự lực vượt khó, bằng trí thông minh, khả năng lao động sáng tạo, với khát vọng thoát khỏi đói nghèo, vươn tới bình đẳng - phát triển, đông đảo các tầng lớp phụ nữ Việt nam luôn tin tưởng và gắn bó với sự nghiệp đổi mới đất nước của Đảng, gắn bó với

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội LHPN Việt nam

Digitized by Google

phong trào chung, chủ động tìm cách vượt qua khó khăn thử thách.

Chị em nữ trong các ngành sản xuất, dịch vụ thương mại, y tế, văn hóa và thể dục thể thao là lực lượng lao động rất lớn. Những năm qua, chị em đã phải đương đầu với bao khó khăn thách thức, giữ vững vị trí hoạt động của mình. Qua thử thách, đã hình thành đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, luôn nêu cao tinh thần chủ động sáng tạo, từng bước vươn lên thay đổi cách nghĩ, cách làm, tìm ra những phương án sản xuất kinh doanh mới nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Phụ nữ trí thức, mặc dù còn rất nhiều khó khăn trong đời sống, học tập, nghiên cứu khoa học, nhưng vẫn tìm cho mình niềm say mê khoa học, tiến hành nhiều công trình nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, vượt qua những khó khăn thử thách, khắc nghiệt của thiên tai, chị em đã tích cực lao động sản xuất, tìm hiểu, học hỏi phương thức làm ăn mới, thích nghi với cơ chế chuyển đổi trong nông nghiệp, biết phát huy tính tự chủ của đơn vị kinh tế hộ gia đình. Các chị đã cùng gia đình chủ động trong kế hoạch sản xuất, mạnh dạn áp dụng kỹ thuật mới, nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều sản phẩm có năng suất cao, góp phần nâng cao sản lượng lương thực, thực phẩm hằng năm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Chúng ta đều biết rằng, một trong những thành tựu nổi bật nhất trong công cuộc đổi mới đất nước vừa qua là thành tựu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Từ chỗ hằng năm chúng ta phải nhập 70 - 80 vạn tấn gạo, thì nay, nước ta không những đủ lương thực, có dự trữ mà hằng năm còn xuất khẩu từ 1,5 đến 2 triệu tấn gạo. Thành tựu này gắn với sự đóng góp to lớn của phụ nữ nước ta, bởi vì, phụ nữ chiếm tới gần 65% lực lượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp và lao động nông thôn.

Phong trào phụ nữ và hoạt động của các cấp hội đã có bước chuyển biến rõ nét. Phong trào phát triển mạnh trên diện rộng, nhiều nội dung hoạt động đã đi vào chiều sâu và đem lại hiệu quả thiết thực. Đã tổ chức, hướng dẫn hội viên và đông đảo phụ nữ củng cố khối đoàn kết, cùng nhau chăm lo lợi ích thiết thân của phụ nữ, góp phần trang bị cho các tầng lớp phụ nữ có thêm những kiến thức cần thiết để nâng cao trình độ, năng lực, gìn giữ phẩm chất đạo đức, truyền thống tốt đẹp. Tổ chức hội ngày càng được củng cố và phát triển, thực hiện có hiệu quả chức năng đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ. Kiện toàn bộ máy các cấp hội theo hướng tinh giảm, vững chắc từ trung ương đến địa phương. Chú trọng quy hoạch cán bộ, định rõ phương hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dưới nhiều hình thức. Phối hợp với các ngành chức năng sử dụng kinh phí đào tạo các ngành để đào tạo cán bộ cơ sở về những kiến thức chuyên sâu của ngành. Đến nay đã có 920 618 lượt cán bộ hội được đi học chính trị, chuyên môn, quản lý và văn hóa.

Điều đáng trân trọng là, trong cơ chế thị trường, tấm lòng nhân hậu vốn có của người phụ nữ Việt nam vẫn được giữ gìn và phát huy. Hàng triệu phụ nữ đã tham gia tích cực phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", các hoạt động nhân đạo từ thiện, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước thời gian qua, có đóng góp xứng đáng của các tầng lớp phụ nữ.

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm đã đạt được, phong trào phụ nữ và hoạt động của Hội phụ nữ đang còn nhiều khó khăn, đã và đang bộc lộ một số tồn tại, yếu kém sau :

- Trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về văn hóa xã hội ở một bộ phận phụ nữ còn thấp. Đặc biệt tình trạng mù chữ và tái mù chữ trong phụ nữ là một vấn đề rất đáng lo ngại (hiện nay, nước ta có 2,4 triệu người mù chữ từ lứa tuổi 15 - 25, trong đó mù chữ ở phụ nữ cao gấp 2,4 lần so với nam giới). Trình độ văn hóa thấp kém dẫn đến sự lạc hậu về tư

Digitized by Google

tưởng và hạn chế về nhận thức. Đây là khó khăn rất lớn đối với phụ nữ trong việc đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây cũng là lý do cơ bản dẫn tới khó khăn về việc làm và ảnh hưởng đến thu nhập của phụ nữ.

- Thiếu hoặc không có việc làm, thu nhập thấp, đời sống khó khăn vẫn là vấn đề bức xúc đối với phụ nữ. Thêm vào đó, do tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường làm nảy sinh những mặt tiêu cực trong đời sống xã hội. Một bộ phận nhỏ phụ nữ thoái hóa, biến chất, chạy theo đồng tiền với lối sống thực dụng, ích kỷ, vi phạm pháp luật, tham gia vào những tệ nạn xã hội như trộm cắp, mê tín, dị đoan, mại dâm mua bán phụ nữ, lạm dụng tình dục trẻ em,... gây nên nhiều phức tạp, ảnh hưởng đến lối sống đạo đức và những quan hệ lành mạnh trong xã hội.

- Hoạt động của hội tuy đã phát triển mạnh trên diện rộng, một số nội dung hoạt động đã đi vào chiều sâu nhưng chưa có sự đồng đều giữa các vùng, miền, các đối tượng. Ở những vùng cao, vùng sâu, xa xôi hẻo lánh, phong trào còn gặp nhiều khó khăn. Các cấp hội, đặc biệt là cấp hội cơ sở, đã có nhiều cố gắng, song với những khó khăn khách quan do tác động của cơ chế chính sách, của yếu tố tâm lý xã hội và những khó khăn chủ quan như trình độ cán bộ còn hạn chế, cán bộ cơ sở ít được đào tạo bồi dưỡng... cho nên, hoạt động còn lúng túng, một số mặt còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của hội. Công tác phát triển hội viên và củng cố tổ chức hội có nhược điểm, tuy số lượng đông nhưng số hội viên thực sự gắn bó với hội còn ít, còn có hiện tượng cán bộ Hội mù chữ (đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc). Công tác phối hợp với các đoàn thể bạn chưa thật sự đồng bộ còn có những vướng mắc chậm được giải quyết.

III

Công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Tình hình đó, một mặt tạo ra những điều kiện thuận lợi và cơ hội chưa từng có cho hoạt động của các cấp hội phụ nữ và phong trào phụ nữ ; mặt khác cũng đặt tổ chức hội và người phụ nữ trước những thách thức mới. Đó là : trình độ cán bộ và năng lực hoạt động của tổ chức hội chưa theo kịp yêu cầu phát triển mạnh mẽ, đa dạng của phong trào phụ nữ trong tình hình mới ; trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của phụ nữ thấp hơn so với mặt bằng chung của xã hội ; gánh nặng gia đình đối với đông đảo phụ nữ chưa giảm bớt do hệ thống phúc lợi xã hội chậm được khôi phục và đầu tư phát triển ; sự phân hóa giàu nghèo và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng có tác động tiêu cực tới phụ nữ...

Phát huy thành tích, đồng thời khắc phục những khó khăn, yếu kém để phong trào phụ nữ bước sang một giai đoạn phát triển mới, đó là nhiệm vụ của tất cả các tầng lớp phụ nữ Việt nam. Mục tiêu của phong trào phụ nữ Việt nam trong những năm tới là : "Đoàn kết rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo, tinh thần tự lập tự cường và phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt nam, nhằm tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao kiến thức mọi mặt của phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng, góp phần thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc ; xây dựng người phụ nữ Việt nam có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích của xã hội và của cộng đồng, có lòng nhân hậu ; xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc ; xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ hội ngày càng vững mạnh để phát huy đầy đủ vai trò đại diện chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của phụ nữ".

Căn cứ vào mục tiêu đó, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đã vạch ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể của mình là :

- Tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tầng lớp phụ nữ nâng cao kiến thức về mọi mặt, nêu cao tinh thần tự lập, vượt khó, tham

Digitized by Google

gia bình đẳng, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc", góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng lần thứ VIII đã đề ra.

- Đẩy mạnh hoạt động tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của phụ nữ.

- Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của hội trọng tâm là xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp hợp lý, chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, các ngành chức năng có liên quan. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ và kiện toàn bộ máy nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cấp hội. Chú trọng phát triển hội viên cả về số lượng và chất lượng. Thúc đẩy sự phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ, để cán bộ nữ thực sự là nòng cốt, phấn đấu cho sự bình đẳng của phụ nữ và sự phát triển của tổ chức hội.

- Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo, từ thiện, tích cực tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, chống tham nhũng, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhằm củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức phụ nữ, tổ chức quốc tế và cá nhân ở tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, tích cực vận động cộng đồng quốc tế ủng hộ các hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam, cùng "hành động vì mục tiêu Bình đẳng - Phát triển - Hòa bình" của phụ nữ, tham gia các hoạt động của liên đoàn phụ nữ ASEAN, từng bước khẳng định vị trí của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đối với khu vực và thế giới.

Nhằm cụ thể hóa việc thực hiện phương hướng nhiệm vụ đã nêu trên một cách có trọng điểm, trên cơ sở những vấn đề ưu tiên vừa cấp bách, vừa có tính chiến lược trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra của phụ nữ và của tổ chức hội khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đã đề ra các chương trình hoạt động của hội trong những năm tới :

1 - Trước hết, hội chú trọng chương trình *nâng cao kiến thức, trình độ và năng lực* về mọi mặt cho phụ nữ để đáp ứng được yêu cầu công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Đây là nội dung quan trọng hàng đầu trong công tác hội. Chương trình này sẽ giúp phụ nữ có những kiến thức cần thiết để nâng cao trình độ, năng lực, bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp cho phụ nữ, thực hiện bình đẳng - phát triển, góp phần nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho xã hội. Nội dung cụ thể của chương trình này là :

- Động viên phụ nữ tích cực học tập về mọi mặt (văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học...).

- Bồi dưỡng kiến thức về luật pháp, chính sách, về tiến bộ khoa học - công nghệ, môi trường, về tổ chức cuộc sống gia đình, nuôi dạy con, chăm sóc sức khỏe và phòng chống các tệ nạn xã hội.

- Phối hợp với các ngành có liên quan, xây dựng một chiến lược đào tạo và đào tạo lại cho lao động nữ, để có thể tạo được nhiều cơ hội có việc làm cho phụ nữ.

- Tác động với nhà nước để tăng tỷ lệ nữ ở các cấp học và thực hiện chương trình xóa mù chữ được nêu trong chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000.

2 - Tích cực hỗ trợ phụ nữ *tạo việc làm, tăng thu nhập*. Trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, việc làm đối với phụ nữ càng là vấn đề cấp bách. Theo dự báo, đến năm 2000 dân số nước ta sẽ vào khoảng 82 triệu người, với 45 triệu lao động. Tỷ lệ lao động nữ ở nước ta thường chiếm gần 52% lực lượng lao động, như vậy lúc đó sẽ có khoảng trên 22 triệu lao động nữ. Bài toán đặt ra về phát triển nguồn nhân lực nữ đối với chúng ta không phải dễ dàng tìm ra đáp số. Để tạo điều

Digitized by Google

kiện cho phụ nữ tham gia bình đẳng, ngày càng đông đảo hơn vào các lĩnh vực phát triển kinh tế quốc dân, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam sẽ tiếp tục chương trình hỗ trợ tạo việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ với một tầm cao mới, bằng các biện pháp như : tiếp tục cuộc vận động phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình ; mở rộng chương trình vốn tín dụng dành cho phụ nữ từ nhiều nguồn, bằng nhiều phương pháp khác nhau, tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận bình đẳng với nguồn tín dụng, tài chính, tăng cường hệ thống trao đổi thông tin, kinh nghiệm giữa phụ nữ các nước ASEAN về tín dụng tiết kiệm cho phụ nữ nghèo, về hoạt động tạo việc làm, tăng thu nhập, về vai trò phụ nữ trong phát triển kinh tế, củng cố và phát triển hệ thống trung tâm xúc tiến việc làm của các cấp hội ; quan tâm đến khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hướng dẫn chuyển giao công nghệ mới, giúp phụ nữ phát triển kinh tế hàng hóa, sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ ở nông thôn, hạn chế làn sóng di dân từ nông thôn ra thành thị.

3 - Quan tâm vấn đề *xây dựng gia đình* "no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc", *chăm sóc sức khỏe* phụ nữ, trẻ em. Các nội dung cần thực hiện như : Xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục "phụ nữ với gia đình", phối hợp với các ngành các đoàn thể có liên quan tuyên truyền rộng rãi tiêu chuẩn gia đình văn hóa, các chuẩn mực "no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc" của gia đình Việt nam, tổ chức phổ biến sâu rộng luật hôn nhân - gia đình, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về chăm sóc sức khỏe ban đầu, về dân số - kế hoạch hóa gia đình, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống HIV - AIDS, vệ sinh môi trường...

4 - *Nâng cao năng lực hoạt động của các cấp hội.* Trước hết tập trung vào việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ hội đáp ứng yêu cầu công tác của hội trong thời kỳ mới. Xây dựng quy hoạch đào tạo và đào tạo lại cán bộ hội các cấp, chú trọng cán bộ hội cơ sở ; có chính sách khuyến khích cán bộ hội học tập nâng cao trình độ về mọi mặt ; phấn đấu thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ hội các cấp theo yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hội phụ nữ các cấp cần làm tốt công tác tham mưu, tác động, đề xuất, giới thiệu cán bộ nữ, bảo đảm tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan dân cử theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ chính trị và Chỉ thị 37 của Ban bí thư (khóa VII).

5 - *Làm tốt công tác tham mưu, đề xuất* với các cơ quan đảng, nhà nước những chính sách liên quan đến quyền lợi và lợi ích của phụ nữ, đặc biệt là những vấn đề tạo điều kiện thực hiện quyền bình đẳng nam nữ, thực hiện một chính sách công bằng thông qua chính sách an ninh xã hội và hòa nhập cộng đồng.

6 - Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại với các phòng trào và tổ chức phụ nữ trên thế giới và khu vực. Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức phụ nữ, các tổ chức quốc tế và cá nhân ở tất cả các nước. Tích cực vận động cộng đồng quốc tế ủng hộ các hoạt động của phụ nữ Việt nam, tích cực hội nhập khu vực và hội nhập quốc tế cùng hành đồng vì mục tiêu Bình đẳng - Phát triển - Hòa bình.

*

* *

Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những khó khăn, tồn tại yếu kém trong thời gian qua, phụ nữ Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam sẽ tiếp tục đoàn kết đổi mới và phấn đấu vươn lên, đưa phong trào phụ nữ và hoạt động của các cấp Hội phụ nữ Việt nam bước sang một giai đoạn mới cao hơn, tiếp tục giữ một vai trò xứng đáng góp phần đáng kể của mình vào sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC LẬP PHÁP

PHÙNG VĂN TỬU*

XÂY dựng pháp luật là một chức năng quan trọng thể hiện quyền lực của nhà nước. Bằng việc ban hành các văn bản pháp luật, nhà nước tạo khung pháp lý cho các hoạt động diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hệ thống pháp luật được xây dựng phải phù hợp với đạo luật gốc - Hiến pháp của nhà nước.

Ngay từ những ngày đi tìm đường cứu nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết điều thứ 7 trong "Việt nam yêu cầu ca" là : "bảy xin Hiến pháp ban hành, trăm điều phải có thần linh pháp quyền". Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhà nước công nông ra đời, cuộc Tổng tuyển cử dân chủ đầu tiên đã bầu ra Quốc hội của toàn thể nhân dân Việt nam và Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt nam. Cùng với Hiến pháp mới, nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa đã ban hành nhiều pháp luật để thay thế pháp luật của chế độ thực dân phong kiến, xây dựng chính quyền của nhân dân và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Hiến pháp năm 1959 là cơ sở của hệ thống pháp luật phục vụ nhiệm vụ mới, bảo đảm đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, khi đường lối đổi mới được Đại hội Đảng lần thứ VI thông qua, hoạt động của cơ quan lập pháp đã có bước chuyển quan trọng. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu bước đầu đạt được, để khắc phục những quy định của Hiến pháp năm 1980 không còn phù hợp với thực tiễn đổi mới, Hiến pháp năm 1992 đã được thông qua "tạo cơ sở pháp luật cần thiết đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đưa đất nước ta vững bước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa".

Có thể nói, hoạt động lập pháp từ sau khi có đường lối đổi mới đến nay đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong nhiệm kỳ 1987-1992 Quốc hội khóa VIII đã ban hành 31 đạo luật, 42 pháp lệnh và đã thông qua Hiến pháp mới năm 1992. Từ sau Hiến pháp năm 1992 đến nay hoạt động lập pháp thật sự khẩn trương, sôi nổi. Quốc hội khóa IX đã thông qua 2 bộ luật lớn (Bộ luật dân sự, Bộ luật lao động) ; 35 luật, 38 pháp lệnh, 4 quy chế. Các văn bản được ban hành bao gồm nhiều lĩnh vực trên diện rộng, có ưu tiên lĩnh vực trọng tâm là kinh tế (17 luật, 7 pháp lệnh), tập trung vào các vấn đề : loại hình doanh nghiệp, các nguồn tài nguyên, chính sách khuyến khích đầu tư, thuế, tài chính tiền tệ, ngân sách v.v. đồng thời cũng chú ý đến các lĩnh vực quan trọng khác như quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội. Có thể nhận định rằng hoạt động lập pháp trong những năm vừa qua đã góp phần có hiệu quả vào những thành tựu quan trọng mà công cuộc đổi mới đạt được trên đất nước ta. Có được những kết quả nêu trên, trước hết là nhờ công sức của các cơ quan tham gia quá trình lập pháp, sự đóng góp ý kiến của nhân dân, các chuyên gia pháp lý, các nhà chuyên môn ; là nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội với Chính phủ dưới sự lãnh đạo của Đảng trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình xây dựng pháp luật.

Những kết quả hoạt động lập pháp trong quá trình đổi mới là đáng kể. Tuy nhiên so với yêu cầu thì hệ thống luật pháp của ta vẫn còn thiếu, chưa đồng bộ, còn không ít những chồng chéo, sơ hở, có văn bản chậm đi vào cuộc sống. Nguyên nhân khách quan là chúng ta xây dựng xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới trong điều kiện thiếu mô hình có sẵn mà phải vừa làm, vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm. Còn nguyên nhân chủ quan

* Phó chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội luật gia Việt nam

Digitized by Google

là đội ngũ cán bộ pháp lý của ta còn quá thiếu, trình độ thì nói chung còn bất cập. Để tiếp tục đổi mới hoạt động xây dựng pháp luật và tăng cường công tác lập pháp, chúng ta cần chú ý mấy vấn đề sau đây :

1- Về chương trình xây dựng pháp luật.

Chương trình dài hạn có tính chiến lược dựa trên tinh thần của Cương lĩnh phát triển kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng đã thông qua. Cụ thể hơn là chương trình xây dựng pháp luật trong 5 năm gắn với kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm và cũng là một nhiệm kỳ của khóa Quốc hội. Vì chúng ta còn thiếu nhiều pháp luật nên kiến nghị của các ngành quản lý nhà nước nói chung đều là xác đáng. Chúng ta hoan nghênh những cố gắng của các ngành xúc tiến việc chuẩn bị các dự thảo pháp luật cho ngành mình với mong muốn sớm được thông qua. Tuy nhiên, việc xác định chương trình các luật, pháp lệnh được thông qua hàng năm cần được chỉ đạo cụ thể để có tính khả thi cao. Một mặt cần xem xét quá trình chuẩn bị, chất lượng dự thảo, mặt khác cũng cần tính đến thời gian mà Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội có thể dành cho việc thảo luận và thông qua ở các kỳ họp trong năm. Trong chỉ đạo cụ thể cũng cần xem xét vấn đề hình thức văn bản luật hay pháp lệnh. Đương nhiên là có những vấn đề nhất thiết phải ban hành bằng một đạo luật. Ngoài ra, chúng ta có thể lựa chọn hình thức pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhất là đối với những vấn đề ta chưa có nhiều kinh nghiệm và thấy trước rằng rồi đây qua thực tiễn còn phải sửa đổi, bổ sung. Rút kinh nghiệm những năm vừa qua, khi chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình cần tập trung công sức để giải quyết cho bằng được những văn bản có yêu cầu bức xúc, tránh tình trạng đã có không ít trường hợp văn bản có yêu cầu bức xúc thì phải gác lại vì chuẩn bị chưa tốt.

2- Về việc tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài.

Từ nền kinh tế tập trung, bao cấp trước đây chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đội ngũ cán bộ pháp lý, cán bộ quản lý của chúng ta còn thiếu và yếu. Bởi vậy, chúng ta nên và cần học tập, tham khảo kinh nghiệm của các nước, thuộc các hệ thống pháp luật, các trình độ phát triển khác nhau. Việc đi ra nước ngoài để nghiên cứu, tham khảo và việc mời các chuyên gia nước ngoài đến giới thiệu kinh nghiệm, tổ chức hội thảo là nên làm. Chúng ta cũng hoan nghênh thiện chí của một số quốc gia và tổ chức quốc tế đã tài trợ kinh phí cho chúng ta nâng cao năng lực pháp luật, sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật nhất là trong lĩnh vực có quan hệ đến quốc tế. Tuy nhiên, thực tế những năm qua cho thấy phải tránh sao chép, rập khuôn, phải biết vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm của nước ngoài vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của nước ta, trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng. Bộ luật dân sự, Bộ luật lao động, Luật đất đai, Luật khoáng sản v.v. mà Quốc hội thông qua trong những năm vừa qua đều có tiếp thu những kinh nghiệm lập pháp của nhiều nước trên thế giới, đồng thời vẫn giữ bản sắc Việt nam.

3 - Về quá trình chuẩn bị các dự thảo luật, pháp lệnh.

Để tránh đi đường vòng, khi bắt tay chuẩn bị dự thảo cần xác định rõ hai loại vấn đề :

- Mục đích, yêu cầu, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản
- Các quan điểm chỉ đạo nội dung của văn bản.

Hai loại vấn đề trên đây nhiều khi cũng đan xen nhau và hòa hợp với nhau. Các vấn đề trên cần được thảo luận kỹ, làm rõ những ý kiến còn khác nhau. Các đồng chí phụ trách chủ chốt từng ngành, từng lĩnh vực cần cùng nhau sớm quan tâm xử lý các vấn đề trên. Trường hợp có vấn đề quan trọng thuộc về quan điểm cần sớm trình xin ý kiến lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Tránh tình trạng có dự thảo văn bản được chuẩn bị nhiều năm, nhưng vì chưa có ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền nên phải làm đi làm lại nhiều lần.

Khi dự thảo luật cần tranh thủ ý kiến của các ban, ngành, đoàn thể có liên quan để tránh những chồng chéo, sơ hở, bảo đảm tính nhất quán, đồng bộ, hài hòa trong cả hệ thống pháp luật. Nên tổ chức lấy ý kiến của một số địa phương có tính chất điển hình, vì khi luật pháp được ban hành, các địa phương có trách nhiệm thực hiện. Các đồng chí phụ trách các ban, ngành, địa phương được hỏi ý kiến cần có sự quan tâm và trực tiếp đóng góp ý kiến, không nên khoán trắng cho một số cán bộ pháp luật.

Digitized by Google

Ở nước ta, một số dự thảo bộ luật và luật quan trọng quan hệ trực tiếp đến người dân đã được tổ chức để nhân dân tham gia ý kiến một cách rộng rãi thông qua việc đăng tải toàn văn dự thảo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đây là một nét đặc thù trong sinh hoạt dân chủ của Nhà nước ta. Thông qua việc làm này khi văn bản pháp luật ban hành nó thực sự đã kết tinh được trí tuệ của nhân dân ; đồng thời đây cũng là một dịp để nâng cao dân trí về pháp luật. Những năm vừa qua do việc lấy ý kiến nhân dân chúng ta không làm một cách hình thức mà có sự chuẩn bị công phu, nêu được những vấn đề trọng tâm và tổ chức cách góp ý kiến tùy theo đối tượng khác nhau nên đã đạt hiệu quả thiết thực.

4- Về quá trình Chính phủ thảo luận, Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội thẩm tra, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua luật, pháp lệnh.

Theo Luật tổ chức Chính phủ thì các dự thảo luật, pháp lệnh được Chính phủ thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số. Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, quản lý mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, Chính phủ dành thời gian thích đáng để thảo luận tập thể, sau đó biểu quyết thì chắc chắn sẽ nâng cao được chất lượng của các dự thảo luật, pháp lệnh.

Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội có nhiệm vụ thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh. Với tinh thần phối hợp giữa các chuyên viên cơ quan soạn thảo và cơ quan thẩm tra ngay trong quá trình chuẩn bị và cũng có trường hợp các đồng chí phụ trách Hội đồng dân tộc và Ủy ban đã tham gia đóng góp ý kiến nên báo cáo thẩm tra thường thể hiện sự tán thành đối với các dự thảo. Tuy nhiên, đa số các đại biểu quốc hội vẫn mong muốn các báo cáo thẩm tra làm rõ được các vấn đề mà đại biểu quốc hội cần đi sâu nghiên cứu, tham gia ý kiến.

Về vấn đề Quốc hội thảo luận và thông qua các dự thảo luật, thời gian vừa qua các đại biểu đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tuy nhiên cũng kéo dài, mất nhiều thời giờ. Ngoài việc cải tiến hoạt động điều hành của Đoàn chủ tịch, nhiều ý kiến đề nghị các dự thảo cần gửi sớm đến các đại biểu quốc hội để có thời gian nghiên cứu kỹ. Đến các kỳ họp Quốc hội và khi thảo luận ở hội trường, nên tập trung vào những vấn đề về nội dung quan điểm, còn về bố cục, chương, điều và câu chữ nên bớt thời giờ thảo luận mà giao cho bộ phận chuyên viên chỉnh lý. Mặt khác, Quốc hội cần dành thêm thời giờ cho việc xem xét thông qua các dự thảo luật mới đáp ứng được nhiệm vụ lập pháp rất nặng nề trong những năm tới.

5- Để luật và pháp lệnh đã ban hành sớm đi vào cuộc sống.

Trong quá trình biên soạn dự thảo luật, pháp lệnh, cần chuẩn bị ngay các văn bản dưới luật quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành. Làm được việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông qua luật, pháp lệnh ; đồng thời sau khi luật và pháp lệnh được ban hành có ngay các văn bản quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành. Như vậy sẽ giúp cho luật, pháp lệnh sớm đi vào cuộc sống, khắc phục khuyết điểm thời gian vừa qua có những trường hợp luật, pháp lệnh đã ban hành nhưng hàng năm chưa triển khai thực hiện được vì chưa có văn bản quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành.

Hiện nay các luật và pháp lệnh đã thông qua chưa nhiều, nhưng các văn bản dưới luật và pháp lệnh chiếm một khối lượng rất lớn, có khi chồng chéo, trùng lắp, thậm trí có trường hợp trái luật. Bởi vậy, cần thường xuyên tiến hành công tác rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật, kịp thời phát hiện và khắc phục những thiếu sót để hệ thống luật pháp ngày càng hoàn thiện và có hiệu quả cao trong cuộc sống.

6- Vấn đề cán bộ.

Cán bộ pháp lý hiện nay quá thiếu và trình độ nói chung còn bất cập đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ chuẩn bị các dự thảo luật, pháp lệnh cũng như văn bản dưới luật. Do đó, đề nghị Chính phủ có biện pháp kiên quyết và khẩn trương bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ pháp lý. Trước mắt cần có cán bộ pháp lý làm việc ở tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Những cán bộ này vừa có kiến thức pháp lý chung vừa có kiến thức về quản lý nhà nước trong lĩnh vực mình làm việc. Đồng thời, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội cần có những cán bộ biên tập có khả năng và kinh nghiệm để chỉnh lý các dự thảo luật bảo đảm tính thống nhất và từ ngữ chuẩn xác về mặt pháp lý ❑

Digitized by Google

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC

CHU TUẤN NHẠ *

CHÚNG ta đang sống trong một thời đại có nhiều biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc. Khi đi tìm nguyên nhân tạo nên những biến đổi đó, người ta nhận thấy có một động lực rất quan trọng, đó là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Cuộc cách mạng này được thể hiện rõ nét ở các làn sóng đổi mới và phát triển công nghệ, đang tổ chức lại và làm biến đổi sâu sắc đời sống con người về mọi mặt, từ kinh tế đến văn hóa, xã hội.

Một đặc trưng nổi bật của xã hội mới trong nền văn minh trí tuệ, trong "xã hội thông tin" là quá trình phát triển của các quốc gia không còn dựa chủ yếu vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên hoặc sức lao động đơn giản, mà chủ yếu dựa vào tri thức khoa học và công nghệ, tức là dựa vào các nguồn lực có khả năng tái tạo. Khoa học và công nghệ đang trở thành yếu tố *đầu vào* của hệ thống sản xuất, kinh doanh, quản lý ; đó là công cụ để sáng tạo của cải, là chìa khóa của quyền lực và an ninh kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có đường lối, chủ trương đúng đắn về khoa học và công nghệ. Hiến pháp năm 1992 đã ghi : "Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Nghị quyết 37 của Bộ chính trị khóa IV (năm 1981) về chính sách khoa học và công nghệ, với chủ trương gắn chặt hơn nữa hoạt động khoa học với đời sống xã hội, thúc đẩy việc hình thành cơ chế quản lý mới và việc xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ, đã đánh dấu bước phát triển mới đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ nước ta. Nghị quyết tạo ra những đổi mới cơ bản trong phát triển khoa học và công nghệ, từng bước giải quyết mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết 26 của Bộ chính trị khóa VII (năm 1992) về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới khẳng định :

1 - Khoa học và công nghệ là một động lực mạnh mẽ để đưa đất nước thoát nhanh khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế, xã hội.

2 - Đảng tin cậy đội ngũ khoa học, coi đội ngũ này là lực lượng nòng cốt của công cuộc đổi mới.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 nêu rõ : khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ quản lý của nhà nước và năng lực lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một lần nữa khẳng định : "Khoa học và công nghệ là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Rõ ràng trong quan điểm và đường lối, Đảng ta luôn nhất quán và đánh giá cao vai trò của khoa học và công nghệ đồng thời rất coi trọng đội ngũ làm khoa học. Hiện nay nước ta có trên 800 nghìn người có trình độ từ đại học

* Thứ trưởng Bộ khoa học công nghệ và môi trường

Digitized by Google

trở lên, trong đó có 9 nghìn tiến sĩ và phó tiến sĩ. Đây là nguồn lực rất quan trọng của đất nước. Trong những năm qua, khoa học và công nghệ nước ta đã có những đóng góp xứng đáng trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần xây dựng các luận cứ khoa học cho các quyết định và đường lối chiến lược của Đảng, đóng góp vào sự thành công của sự nghiệp đổi mới.

Khoa học và công nghệ đã góp phần đáng kể tạo ra khả năng an toàn về lương thực quốc gia, bảo đảm hàng hóa tiêu dùng và tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo ra một lực lượng sản xuất, trước hết là con người lao động kỹ thuật, từng bước làm chủ công nghệ hiện đại, là nhân tố hấp dẫn tăng nhanh đầu tư nước ngoài trong những năm gần đây.

Khoa học nói chung cũng đã kịp thời đánh thức dư luận xã hội về nguy cơ suy thoái môi trường, tạo nên trào lưu mạnh về phát triển bền vững. Những kết quả nghiên cứu, điều tra cơ bản là cơ sở khoa học giúp Nhà nước hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ của nước ta hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu to lớn của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong khi lực lượng lao động trong các lĩnh vực hoạt động khác đang ngày một gia tăng thì lực lượng lao động trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ lại ngày một giảm dần, cả về số lượng tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng số lao động toàn quốc. Đứng trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nguồn lực quan trọng này đang bộc lộ những nhược điểm :

- Cấu trúc và phân bố đội ngũ chưa hợp lý. Số cán bộ được đào tạo về các ngành khoa học- kỹ thuật chỉ chiếm 15,4%. Số thí sinh có nguyện vọng vào các trường đại học công nghệ ngày càng giảm sút. Năm 1992, số cán bộ có trình độ trên đại học làm việc trong các cơ quan trung ương chiếm 94,4%, ở địa phương chỉ có 5,6%.

- Tuổi đời trung bình của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ quá cao, nhất là số có trình độ trên đại học. Theo thống kê, hiện nay trên 60% tiến sĩ và trên 30% phó tiến sĩ có tuổi trên 50.

- Về trình độ, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của nước ta còn thiếu hiểu biết về công nghệ hiện đại, về quản trị kinh doanh, tiếp thị và ngoại ngữ.

- Về nghề nghiệp có sự phân hóa đáng kể. Do nhu cầu của cuộc sống, nhiều cán bộ khoa học thực chất không còn làm khoa học mà dành thời gian cho các hoạt động khác kể cả lao động giản đơn để có thu nhập cao hơn.

Đây là nguyên nhân đang làm cho các cơ quan nhà nước mất chất xám một cách chính thức hoặc không chính thức. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu lý thuyết còn lại rất ít. Những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi không muốn ở lại giảng dạy đại học hoặc công tác ở các viện nghiên cứu khoa học. Trong nhiều trường hợp, người thầy giáo, người cán bộ nghiên cứu khoa học không có sức hấp dẫn bằng một nhân viên phục vụ ở các công ty liên doanh.

Nguyên nhân của tình trạng trên có thể rất nhiều, cả trong hoạch định chính sách, chủ trương đến việc quản lý, thực hiện. Chẳng hạn, ở nhiều nơi, nhiều cấp lãnh đạo đảng và chính quyền chưa có nhận thức đúng mức về vai trò của khoa học và công nghệ, chưa trực tiếp quan tâm, chỉ đạo việc gắn kết kế hoạch và chương trình khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách hiện hành ở nước ta chưa thực sự khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu để có chiến lược đổi mới công nghệ - sản phẩm ; tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khoa học quá thấp, không khuyến khích lao động sáng tạo.

Digitized by Google

Để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học và công nghệ, cần chú ý một số vấn đề sau đây :

1 - Sử dụng khoa học và công nghệ như một trong những nguồn lực chủ yếu cho phát triển kinh tế. Trong các hoạt động kinh tế, phải hình thành một cơ chế và một động lực nội tại để dựa vào khoa học và công nghệ, đồng thời cũng tạo động lực để khoa học và công nghệ hướng vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Mọi quá trình ra quyết định, từ xây dựng chiến lược phát triển quốc gia, tạo lập dự án đầu tư, đến sản xuất, kinh doanh... đều phải dựa trên luận cứ khoa học, có đầy đủ thông tin, tri thức thu nhận từ trong và ngoài nước.

Ngày nay, Việt nam tham gia cạnh tranh trên thị trường thế giới với những đối thủ có lợi thế hơn ta về nhiều mặt, nhất là về trình độ công nghệ, kinh nghiệm kinh doanh. Nếu không có tri thức - thông tin, không có sự chuẩn bị tích cực, chu đáo, không có những chính sách khôn ngoan, hiệu quả thì Việt nam dễ bị thua thiệt trong quan hệ kinh tế, không có cơ hội để rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế.

2 - Không chỉ dừng ở văn bản nghị quyết, cần thể hiện rõ trong một tập hợp chính sách, thể chế thuận lợi cho quá trình phát triển đất nước dựa trên khoa học và công nghệ. Chẳng hạn : chính sách ưu đãi miễn giảm thuế đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ, cho phép các viện nghiên cứu, trường đại học được sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết. Tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ : từ ngân sách nhà nước, từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh và từ hợp tác quốc tế. Tạo sự gắn kết hữu cơ giữa ba lực lượng : lãnh đạo - quản lý, khoa học - công nghệ, và doanh nghiệp ; trong đó nhà nước có trách nhiệm quản lý vĩ mô, chăm lo giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, xây dựng hạ tầng cơ sở, không can thiệp sâu vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3 - Việt nam ngày nay không thể đi theo con đường công nghiệp hóa của phương Tây ở đầu thế kỷ 20 - đồng nhất công nghiệp hóa với đô thị hóa. Để bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chúng ta phải hình thành một hệ thống công nghệ đa dạng với vai trò chủ đạo của các ngành công nghệ cao, bao gồm những ngành công nghệ cao cần thiết cho việc hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, các ngành công nghệ truyền thống được nâng cao. Giữa hai trình độ công nghệ đó là những công nghệ có trình độ khác nhau (thường được gọi là công nghệ thích hợp) tùy theo nhu cầu của xã hội, năng lực khoa học và công nghệ, những điều kiện kinh tế - xã hội - văn hóa của từng vùng sinh thái, thường là những công nghệ đòi hỏi ít vốn, nhiều lao động. Hệ thống công nghệ đa dạng đó vừa bảo đảm cho việc hiện đại hóa nền kinh tế, vừa tạo được việc làm cho mọi người đến tuổi lao động, một yêu cầu cực kỳ quan trọng của công bằng xã hội và phát triển bền vững.

4 - Một vấn đề cấp bách là phải tận dụng cho được đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ hiện có. Thực ra đội ngũ đó hiện nay còn chưa đủ cả về số lượng và chất lượng, nhưng vì chúng ta chưa có chính sách sử dụng hợp lý nên có hiện tượng "dư thừa" giả tạo. Nhiều cán bộ khoa học và công nghệ, kể cả cán bộ giỏi, phải chuyển sang làm những việc khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài để kiếm sống. Đó là một nghịch lý cần nhanh chóng khắc phục. Yêu cầu của nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa đang đặt ra hàng loạt vấn đề lớn về khoa học và công nghệ, về xã hội và nhân văn cần phải giải quyết.

Cần có chính sách khuyến khích để cán bộ khoa học có thể sống được chí ít bằng mức trung bình khá của xã hội do hoạt động chất xám của mình ; những cống hiến của họ được thị trường và xã hội thừa nhận cần được đền đáp một cách tương xứng. Đương nhiên, người

Digitized by Google

cán bộ khoa học và công nghệ cũng phải phấn đấu vươn lên không ngừng.

Chú trọng thu hút những tài năng trong số trên 2 triệu đồng bào ta đang sinh sống ở nước ngoài tham gia xây dựng đất nước, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực Việt nam đang thiếu những chuyên gia giỏi như : các công nghệ cao, một số lĩnh vực quản lý vĩ mô theo cơ chế thị trường, một số lĩnh vực hoạt động trong các tổ chức quốc tế.

5 - Trong tương lai, xã hội đòi hỏi rất cao đối với các hoạt động trí tuệ, chẳng những là trí tuệ của đội ngũ chuyên sâu về khoa học và công nghệ mà là tổng lực trí tuệ của toàn xã hội. Vì vậy, giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phải thực sự là quốc sách trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việt nam có những lợi thế tiềm tàng về nguồn trí tuệ ; nguồn nhân công còn tương đối rẻ ; ví trí địa lý thuận lợi. Nếu chúng ta tạo lập được một năng lực tiếp thu tốt, một môi trường thuận lợi cho đầu tư, thì vấn đề thiếu vốn, thiếu công nghệ sẽ không phải là trở ngại lớn cho phát triển. Đương nhiên, phải xây dựng được một khả năng nội sinh, một bản lĩnh vững vàng để không trở thành "con nợ vĩnh cửu", hoặc là "bãi phế thải công nghệ". Cần đầu tư nhiều hơn và có hệ thống hơn cho giáo dục, từ mẫu giáo đến đại học, vì đây là chìa khóa để mở cánh cửa tiến bước vào tương lai. Kinh tế thị trường luôn cần những công trình nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ, cũng như trình độ học vấn tốt của đông đảo quần chúng. Chính năng lực tri thức của quốc gia sẽ góp phần có hiệu quả cho quá trình "cất cánh" của đất nước.

6 - Chính sách tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường phải được quán triệt sâu rộng trong việc lựa chọn cơ cấu kinh tế, cơ cấu công nghiệp nhằm giảm thiểu chi phí năng lượng, chi phí vật liệu trên một đơn vị thu nhập quốc dân. Khuyến khích đi vào các ngành cần nhiều chất xám nhưng cần ít năng lượng, ít nguyên vật liệu.

Vận dụng những thành tựu của công nghệ hiện đại để thăm dò tài nguyên, phát hiện các nguồn dự trữ tài nguyên mới trên đất liền và trên biển, khai thác tài nguyên một cách tiết kiệm nhất, không gây suy thoái và ô nhiễm môi trường.

Thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch của nhà nước về bảo vệ môi trường. Xử lý ngay các khu vực đã bị ô nhiễm. Tất cả các dự án kinh tế - xã hội phải được xem xét và thẩm định về mặt môi trường, nâng cao chất lượng môi trường ở các điểm dân cư, tăng diện tích phủ xanh, bảo vệ đa dạng sinh học. Bên cạnh việc thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường, cần tạo lập một nền văn hóa sinh thái trong nhân dân : yêu quý thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

7 - Để thích nghi với một thế giới đang chuyển động mạnh mẽ, để tiếp tục phát triển nền kinh tế với tốc độ cao, nhiều vấn đề lý luận và chính sách cụ thể cần sớm được nghiên cứu và giải quyết. Đó là những vấn đề lý luận về định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay, những vấn đề chính sách cụ thể đối với khoa học, giáo dục, văn hóa, đối với việc nâng cao dân trí, trọng dụng nhân tài và nhiều chính sách quan trọng khác trong sự nghiệp phát triển kinh tế. Những quan điểm rất quan trọng như "giáo dục là quốc sách", "khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa và hiện đại hóa" cần được thể hiện nhất quán trong các chính sách cụ thể của nhà nước. Đây là một yêu cầu rất cao đối với năng lực lãnh đạo và quản lý của các cấp, đặc biệt là ở cấp chiến lược ❑

Digitized by Google

ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT - NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG

TIẾN HẢI

Để thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành. Riêng trong lĩnh vực xây dựng đảng, Đảng ta cũng vạch ra hàng loạt vấn đề cần tập trung làm cho tốt, trong đó có vấn đề **giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng**. Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương (khóa VII) tại Đại hội VIII, Đảng ta đã chỉ rõ : "Đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là ở cơ quan lãnh đạo, có ý nghĩa quyết định sự thành công của cách mạng"(1). Và trong những năm tới, chúng ta phải "tập trung sức giải quyết cho được tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp giải quyết phù hợp"(2).

Rõ ràng là đoàn kết thống nhất trong Đảng có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó vừa là nhiệm vụ lâu dài, vừa là nhiệm vụ cấp bách, trước mắt. Bởi vì, không giải quyết tốt vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng thì không thể thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Đảng ta ngay từ khi mới thành lập đã rất coi trọng vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết thống nhất trong Đảng. Chỉ một năm sau ngày thành lập, tháng 3 - 1931, Đảng đã có nghị quyết nêu rõ không dung túng hiện tượng chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết trong Đảng. Chính vì vậy, trong tiến trình đấu tranh cách mạng, Đảng đã quy tụ được mọi lực lượng yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, góp phần làm nên những thắng lợi rực rỡ trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ.

Sau khi nước nhà thống nhất, cả nước bước sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, thấy trước những khó khăn và những diễn biến phức tạp sẽ xảy ra, Đảng ta lại một lần nữa nhấn mạnh sự cần thiết phải củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nói chung và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng nói riêng. Tại các đại hội IV, V, VI, VII và tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (khóa VII), vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng đều được xem xét, đánh giá sâu sắc. Trong nghị quyết của các đại hội và hội nghị đó, vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng luôn được coi là một trong những nhiệm vụ hàng đầu. Chính vì thế, trong bối cảnh Liên xô và Đông Âu sụp đổ : chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào ; phong trào cách mạng thế giới gặp khó khăn nghiêm trọng ; chủ nghĩa đế quốc tích cực triển khai chiến lược "diễn biến hòa bình" đối với nước ta... nhưng chúng ta vẫn đứng vững,

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 143 - 144

(2) *Sđd*, tr 144

Digitized by Google

vẫn giữ được sự ổn định về chính trị, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, bắt đầu bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là những điều mà chúng ta có quyền tự hào. Song, Đảng ta chưa thỏa mãn và không bằng lòng với thực tại. Tại Đại hội VIII, Đảng ta đã thẳng thắn chỉ ra rằng, trong những năm qua trong đảng có "một số cán bộ và cấp ủy chưa tôn trọng và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ ; bệnh quan liêu, độc đoán, cục bộ, địa phương, kèn cựa, địa vị, cá nhân chủ nghĩa rất nặng. Không ít nơi nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng" (3).

Điều bức xúc đặt ra cần có sự giải đáp là : Tại sao một đảng anh hùng, giàu truyền thống tốt đẹp như Đảng ta mà hiện tượng mất đoàn kết nội bộ vẫn còn ; thậm chí có nơi nghiêm trọng, chậm được khắc phục, hoặc rất khó khắc phục ?

Phân tích hiện tượng mất đoàn kết ở một số nơi, chúng ta thấy nguyên nhân thường không phải do có mâu thuẫn về quan điểm chính trị mà chủ yếu là do mâu thuẫn về lợi ích cá nhân, địa vị và quyền lực, lối sống và phong cách công tác... Đáng chú ý là hiện tượng mất đoàn kết đó xảy ra dưới nhiều dạng : có khi giữa cán bộ cũ với cán bộ mới, giữa cán bộ già với cán bộ trẻ ; có khi giữa cán bộ trình độ thấp, không được đào tạo cơ bản vì phải lăn lộn trong chiến tranh với cán bộ được đào tạo cơ bản nhưng chưa được rèn luyện, thử thách qua thực tiễn ; giữa số cán bộ của tỉnh này với tỉnh kia khi tiến hành nhập tỉnh ; giữa cán bộ là người địa phương và cán bộ ở nơi khác được cử tới, v.v.. Mức độ mất đoàn kết có nơi rất gay gắt : lúc đầu chỉ là bằng mặt, không bằng lòng, tiến đến nói xấu nhau, nói sai sự thật để hạ uy tín của nhau. Nguy hiểm hơn, tuyên bố không hợp tác với nhau, tìm mọi cách loại nhau khỏi cương vị công tác, hoặc dùng quyền lực tổ chức để điều động đi nơi khác, không tạo điều kiện cho nhau làm việc. Hiện tượng mất đoàn kết đó không chỉ ở các cán bộ, đảng viên bình thường, mà thường rơi vào những cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Hậu quả của việc mất đoàn kết đó là làm phân tán sức mạnh của các tổ chức đảng, cản trở việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến khối đoàn kết chung. Nguy hiểm hơn, lợi dụng tình hình ấy, ở một số nơi, kẻ thù và bọn xấu đã lôi kéo số quần chúng chậm tiến để nói xấu Đảng, chia rẽ Đảng, chính quyền với nhân dân.

Tình trạng mất đoàn kết nêu trên thường do nhiều nguyên nhân ; có cả những nguyên nhân khách quan, có cả những nguyên nhân chủ quan. Qua thực tế, ta có thể khái quát lại thành một số nguyên nhân chủ yếu sau đây :

1 - Khi cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, đòi hỏi năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng phải ngày càng được nâng cao. Thế nhưng, Đảng ta lại chưa có nhiều kinh nghiệm ; trình độ của cán bộ, đảng viên nói chung còn nhiều điểm bất cập so với đòi hỏi của nhiệm vụ ; sức "hấp dẫn" và mặt trái của kinh tế thị trường đã làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên bị thoái hóa, biến chất. Có thể nói đây là một tác nhân khách quan gây ra những mâu thuẫn dẫn tới sự mất đoàn kết thống nhất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

2 - Tiêu chuẩn cán bộ chưa được xác định một cách thật cụ thể, rõ ràng. Mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ cách mạng có những đòi hỏi riêng về tiêu chuẩn cán bộ. Và, từng loại cán bộ, từng chức danh cán bộ lại có những đòi hỏi khác nhau về năng lực, phẩm chất chính trị và lối sống cá nhân. Vừa qua, chúng ta đã tiến hành xác định tiêu chuẩn cán bộ. Song những tiêu chuẩn đó còn mang tính trừu tượng và khá chung chung. Mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi cơ quan, đơn vị lại vận dụng

(3) *Sđd*, tr 138

Digitized by Google

những tiêu chuẩn đó một cách khác nhau, thậm chí rất tùy tiện theo ý chủ quan của một vài cá nhân có quyền lực. Vì thế, nhiều khi những người có năng lực và phẩm chất tốt không được trọng dụng ; ngược lại, có trường hợp những người bất tài, vô hạnh lại được cất nhắc.

3 - Do thiếu một quan điểm thống nhất về nhận xét, đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ. Đã thế, những vấn đề đó nhiều khi lại được tiến hành một cách tùy tiện, thiếu dân chủ, thiếu công khai, thiếu công bằng và không sòng phẳng. Phải nói là chúng ta chưa có một cơ chế đánh giá, tuyển chọn, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ một cách thật khoa học. Có thể nói đây là một nguyên nhân quan trọng tạo ra mất đoàn kết trong đội ngũ cán bộ.

4 - Chưa có chế độ, chính sách đãi ngộ cán bộ thật hợp lý, khoa học ; các chế độ chính sách đã lạc hậu, không phù hợp và bất hợp lý đối với đội ngũ cán bộ chậm được bổ sung, sửa đổi. Ví dụ như các chế độ nâng lương, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghỉ hưu, khen thưởng, chế độ về nhà ở và các quyền lợi khác như nghỉ ngơi, dưỡng bệnh, đi nước ngoài, tham quan, du lịch... Việc giải quyết các chế độ, chính sách thiếu nhất quán, thiếu công bằng giữa cán bộ đương chức với cán bộ đã về hưu ; cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể với cán bộ chính quyền và cán bộ kinh tế ; chế độ đối với cán bộ cơ sở, v.v.. Tất cả những sự xộc xệch, thiếu nhất quán, thiếu công bằng trong chế độ, chính sách đãi ngộ cán bộ cũng là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng mất đoàn kết trong đội ngũ cán bộ.

5 - Một nguyên nhân khác cũng khá quan trọng, thường gây ra mất đoàn kết trong đội ngũ cán bộ, đó là bố trí sai "kíp" cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Ở cấp tỉnh, thành phố, hoặc cấp huyện, quận, kíp cán bộ chủ chốt đó là bí thư, phó bí thư thường trực và chủ tịch ủy ban nhân dân ; ở các bộ, ngành và các ban của đảng, kíp cán bộ chủ chốt đó là bộ trưởng và các thứ trưởng, trưởng ban và các phó trưởng ban ; ở các cơ quan, đơn vị, kíp cán bộ chủ chốt đó là thủ trưởng và các phó thủ trưởng, v.v.. Biểu hiện của việc bố trí sai đó thường là : trình độ năng lực không tương xứng với cương vị, không đồng đều, hoặc không bổ sung cho nhau. Thậm chí có đồng chí năng lực yếu, không gương mẫu, tư chất kém... dẫn đến tình trạng không chịu nhau, không phục nhau. Kinh nghiệm cho thấy, kíp cán bộ chủ chốt không gương mẫu, không trung thực, công minh, không đoàn kết, hợp tác với nhau thì không thể tập hợp, đoàn kết được đội ngũ cán bộ dưới quyền, thậm chí không thể điều hành nổi công việc, làm cho nội bộ rối ren.

6 - Nguyên nhân cơ bản, bao trùm ; hay có thể gọi là "nguyên nhân của mọi nguyên nhân", đó chính là chủ nghĩa cá nhân, là "cái tôi" quá to trong mỗi cán bộ, đảng viên. Khi chủ nghĩa cá nhân thắng thế thì, tính đảng, ý thức tập thể, tính cộng đồng và tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa sẽ bị xem thường ; mọi nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng sẽ không được thực hiện ; tình trạng mâu thuẫn và mất đoàn kết nội bộ tất yếu sẽ xảy ra.

Sự nghiệp đổi mới của chúng ta hôm nay là một cuộc cách mạng đầy gian khổ, khó khăn và phức tạp. Muốn cuộc cách mạng đó thành công tốt đẹp, lúc này hơn lúc nào hết phải phát huy được đầy đủ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng. Chúng ta phải làm hết sức mình, giữ gìn và tăng cường hơn nữa khối đoàn kết thống nhất giữa Đảng và nhân dân. Chúng ta đề cao sự đoàn kết thống nhất nhưng đó không phải là sự đoàn kết thống nhất mang tính hình thức, một chiều, nể nang, không dám đấu tranh, hoặc đoàn kết theo kiểu phường hội mà là đoàn kết thống nhất có đấu tranh, có nguyên tắc. Không nên đồng nhất việc trong Đảng có những ý kiến khác nhau khi thảo luận trong tổ chức với tình trạng mất

Digitized by Google

đoàn kết. Những nguyên tắc và kinh nghiệm cơ bản làm cho chúng ta có được khối đoàn kết thống nhất trong sáng, lành mạnh là :

- Đoàn kết thống nhất phải dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối quan điểm của Đảng. Nghĩa là chúng ta phải nắm chắc bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; nắm chắc cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách của Đảng. Mọi suy nghĩ và hành động trái với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không phù hợp với đường lối, quan điểm của Đảng, phải kiên quyết đấu tranh để loại trừ. Chỉ có như thế thì đoàn kết thống nhất mới có cái nền vững chắc và cơ sở để tồn tại lâu dài.

- Đoàn kết thống nhất phải trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. Muốn phát huy trí tuệ và sức sáng tạo của cán bộ, đảng viên, phải mở rộng dân chủ trong xã hội nói chung và trong Đảng nói riêng. Nhưng dân chủ rộng rãi không thể tách rời tập trung nghiêm ngặt, bởi vì chỉ có như vậy mới đi đến hành động thống nhất. Một trong những biểu hiện cụ thể của nguyên tắc tập trung dân chủ là thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Ban chấp hành trung ương và Đại hội toàn quốc của Đảng. Những quyết định thuộc thẩm quyền của tập thể phải biểu quyết theo đa số ; mọi thành viên phải chấp hành quyết định của tập thể.

- Thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trong Đảng. Nét đặc trưng của tự phê bình và phê bình trong Đảng là trung thực, thẳng thắn và chân thành. Phê bình không phải là xỉ vả, xúc phạm danh dự của nhau, mà là để giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, giúp nhau tiến bộ và để đoàn kết tốt hơn. Phương pháp tự phê bình và phê bình là có lý có tình, cổ vũ nhau phát huy ưu điểm, chỉ cho nhau những khuyết điểm, nhược điểm cần khắc phục. Thái độ tự phê bình và phê bình là phải tôn trọng sự thật, tôn trọng lẽ phải, chống bao che hoặc thổi phồng, bóp méo sự thật. Biết phân tích ưu điểm, khuyết điểm của nhau theo quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể.

- Xây dựng cho được bộ phận lãnh đạo chủ chốt của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị có năng lực và phẩm chất tốt, bảo đảm thật sự là trung tâm đoàn kết ở cấp đó, ngành đó và đơn vị đó. Thực tế cho thấy, một khi các thành viên cơ quan lãnh đạo mà không nhất trí, quay lưng lại với nhau, không hợp tác, nói xấu nhau thì sự rời rã của tổ chức sẽ xảy ra.

- Kinh nghiệm khắc phục căn bệnh mất đoàn kết ở một số nơi trong nhiều năm qua cũng chỉ rõ, vấn đề cốt tử là phải tìm cho đúng, cho đầy đủ những nguyên nhân gây mất đoàn kết. Khi đã tìm đúng nguyên nhân thì phải xử lý kịp thời, nghiêm khắc nhưng có lý, có tình, với phương châm "trị bệnh cứu người". Phải thay đổi ngay những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu, bổ sung, đề bạt kịp thời những cán bộ tốt ; đồng thời có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng để động viên cán bộ yên tâm công tác.

Đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã được thực tế kiểm nghiệm là đúng đắn. Đó là cơ sở vững chắc nhất bảo đảm cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong toàn dân. Mặt khác, chỉ có giữ gìn được sự đoàn kết thống nhất trong Đảng thì Đảng mới có điều kiện để hoạch định được một đường lối đúng ; mới đưa được đường lối đó vào cuộc sống và biến nó thành hành động cách mạng của lực lượng quần chúng đông đảo ❑

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG

NGUYỄN TRI THƯ *

1 - Trong tổ chức và xây dựng lực lượng cách mạng vấn đề vận động quần chúng (công tác dân vận) của Đảng chiếm vị trí rất quan trọng, nếu không nói là quyết định. Sau khi giành được chính quyền, mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và quần chúng được biểu hiện trước hết thông qua chính quyền nhà nước và hệ thống pháp luật. Song quyền uy nhà nước dù quan trọng đến đâu cũng không thể coi nhẹ và thay thế công tác vận động quần chúng. Bởi vì, suy cho cùng thì sự nghiệp cách mạng của Đảng tiên phong chính là sự nghiệp của hàng triệu quần chúng được thức tỉnh và giác ngộ cách mạng. Để đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước đi vào cuộc sống một cách sáng tạo, chủ động, năng động, và có hiệu quả thì không phải chỉ bằng nguyên tắc của luật pháp mà còn bằng cả sự nhận thức sâu sắc của quần chúng về đường lối chủ trương và cả bản chất của hệ thống luật pháp đó, để cuối cùng biến thành hành động tự giác của hàng triệu con người. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm vấn đề này. Có thể nói, suốt cuộc đời hoạt động của Người là làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng để biến những tư tưởng vĩ đại của Người thành hiện thực. Sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh không phải chỉ ở chỗ đã phản ánh đúng quy luật vận động của lịch sử, phản ánh đúng khát vọng cao nhất của cả dân tộc cũng như của cá nhân mỗi người, mà còn ở chỗ cải tạo thế giới, ở chỗ hành động thực tiễn của hàng triệu quần chúng, trở thành chính trị - đạo đức - văn hóa hằng ngày của xã hội.

Ngay trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng "chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua ; 9, 10 anh quan mà được" (1). Nhưng bọn thống trị đã "lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham"... Vậy cách mệnh trước hết phải làm cho dân giác ngộ" (2). Tác phẩm *Đường cách mệnh* của Người cũng vì mục đích làm "cho dân giác ngộ" mà được viết ra một cách "vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ" rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả nhằm "chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh"(3). Có thể nói, trong tác phẩm này đã chứa đựng những *tư tưởng, phương pháp* và *nguyên tắc cơ bản* của Chủ tịch Hồ Chí Minh *về công tác vận động, tổ chức quần chúng*. Trong quá trình hoạt động cũng như trong nhiều bài viết, tác phẩm và thực tiễn cụ thể hằng ngày, Người luôn luôn đề cập, thể hiện những tư tưởng, lý luận và công tác trên một cách thiết thực sinh động.

2 - Trước hết, và suy cho cùng, cơ sở của công tác vận động quần chúng vẫn phải trở về

* PGS, PTS sử học, Trường đại học quốc gia Hà nội

(1) (2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t 2, tr 200, 187 - 188

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 181

Digitized by Google

một nguyên tắc rất cơ bản, rất đơn giản, đối với một đảng cầm quyền. Đó là : phải nhận thức được bản chất, tính lâu dài của bài học *"lấy dân làm gốc"*, cả trên bình diện lý luận và thực tế ; cả về mặt chính trị và đạo đức ; cả trên lời nói và việc làm ; và ở mọi thời điểm, thời chiến cũng như thời bình, kháng chiến cũng như kiến quốc, hy sinh cũng như hưởng thụ. Khi nói : toàn bộ sự nghiệp cách mạng là vì dân, do dân tiến hành, có nghĩa nhân dân vừa là *mục tiêu* vừa là *động lực* của cách mạng. Sự nghiệp cách mạng đó được tiến hành trên cơ sở hiện thực của đời sống chính trị - kinh tế - xã hội - văn hóa, trong đó nhân dân là chủ thể, với tất cả những ưu điểm và nhược điểm cụ thể của nó. Không phải ngẫu nhiên mà trong một bài viết rất súc tích khi bàn về công tác dân vận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt lên hàng đầu vấn đề "NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân .

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". (4)

Chỉ có trên nền tảng tư tưởng và nguyên tắc như vậy chúng ta mới có thể nói đến một phương pháp vận động quần chúng đúng với bản chất cách mạng và nhân văn của nó, mới có thể phân biệt được bản chất và hiện tượng, thật và giả, chân thành hay mị dân. Vi phạm nguyên tắc này chính là nguyên nhân đẻ ra một loạt căn bệnh tệ hại mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê phán : *"xa nhân dân"*, *"khinh nhân dân"*, *"sợ nhân dân"*, *"không tin cậy nhân dân"*, *"không hiểu biết nhân dân"*, *"không yêu thương nhân dân"*(5), thực chất là coi dân như một công cụ thuần túy. Trong những trường hợp như vậy vận động quần chúng chỉ còn là những thủ đoạn chính trị hay mị dân thuần túy. Đó cũng là môi trường sinh ra và dung dưỡng cho tệ nạn quan liêu, mệnh lệnh.

3 - Vận động quần chúng là nhằm *nâng cao* chứ không phải hạ thấp *trình độ giác ngộ và nhận thức của quần chúng*, không phải kích động những ham muốn bản năng và hành động tự phát của quần chúng. Tính tự phát thường là đặc điểm của quần chúng bị áp bức, bị đói khổ, bị đối xử bất công, phụ thuộc vào trình độ nhận thức và thực trạng xã hội, liên quan tới vận động tự nhiên của đám đông một cách vô thức, nó làm tổn hại tới lợi ích của cách mạng, và suy cho cùng, là lợi ích của chính bản thân quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và đoàn thể đã giao cho" (6). "Trước nhất là phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ rằng : Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được" (7).

4 - Mọi phương pháp tiếp cận và vận động quần chúng đều phải phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của quần chúng ; đồng thời phải xuất phát từ thực tế trình độ dân trí và văn hóa, theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, bao gồm cả phong tục, tập quán cụ thể đối với từng địa phương, từng đối tượng. Chủ nghĩa duy ý chí có nguồn gốc sâu xa về mặt nhận thức và thực tiễn : thoát ly đời sống xã hội, lấy ý muốn chủ quan thay cho quy luật khách quan, đem nguyện vọng và tình cảm chủ quan của một số người thay cho hiện thực đời sống và nguyện vọng của đông đảo quần chúng. Trong trường

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 299

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 112, 113

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 299

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 300

Digitized by Google

hợp đó, vận động quần chúng thực sự chỉ còn là áp đặt, cưỡng chế dưới nhiều hình thức, cả về mặt pháp luật và "siêu pháp luật", kể cả hình thức mạo danh là "dân chủ". Sự vi phạm nguyên tắc tự nguyện, một trong ba nguyên tắc và là nguyên tắc hàng đầu trong vận động hợp tác hóa nông nghiệp trước đây, là một ví dụ. Thay cho sự vận động, kiên trì chờ đợi người nông dân "suy nghĩ trên luống cày" của mình, một số nơi đã dùng bao nhiêu thứ "quyền uy" để buộc họ "tự nguyện" vào hợp tác xã. Thật ra, trong một điều kiện nào đó, duy ý chí cũng có thể trở thành một "phong trào", thậm chí một "cao trào" của quần chúng. Trong trường hợp như vậy thì hậu quả xấu về kinh tế, chính trị, xã hội xảy ra khó có thể lường được. Và những "phong trào" hay "cao trào" đó sớm muộn cũng sẽ bị tàn lụi ; bởi vì nó trái với quy luật, đi ngược với quyền lợi của quần chúng. Những cao trào "thay trời chuyển đất, sắp xếp lại giang san" hoặc những cuộc "đồng khởi thi đua" khác là những ví dụ điển hình về một thời ấu trĩ. Cho nên ở đây đòi hỏi người lãnh đạo "cần tẩy sạch bệnh quan liêu, mệnh lệnh" (8).

Song ý định tốt và đúng cũng mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để bảo đảm cho sự tiếp thu của quần chúng, mà còn cần có hình thức tác động vào quần chúng một cách phù hợp. Trong công tác vận động quần chúng phải đặc biệt lưu ý vấn đề này. "Công tác tuyên truyền phải *cụ thể, thiết thực*. Tuyên truyền cái gì ? Tuyên truyền cho ai ? Tuyên truyền để làm gì ? Tuyên truyền cách thế nào ?... "Tuyên truyền huấn luyện đối với đồng bào Thái khác, đồng bào Mèo khác, phải có sự thay đổi cho thích hợp. Bởi vì đời sống, trình độ đồng bào Mèo và Thái khác nhau"... tuyên truyền phải thiết thực. Không phải tuyên truyền để mà tuyên truyền, huấn luyện để mà huấn luyện"(9). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở việc này, vì đó là một căn bệnh rất phổ biến, nặng nề, thường mắc phải. Căn bệnh này có nguyên nhân sâu xa từ trình độ dân trí ở cả người nói lẫn người nghe đều thấp, và do bị ảnh hưởng bởi tác phong nông nghiệp lạc hậu thích khoe mẽ.

5 - Sức mạnh của quần chúng là vô tận. Đó là chân lý tuyệt đối xét trong quá trình vận động chung của lịch sử, đồng thời đó còn là chân lý tương đối xét trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Sức dân (nhân lực, vật lực, tài lực) là có hạn. Động viên sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân, kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc, chiến đấu phải đi đôi với sản xuất ổn định đời sống... Đó là những mối quan hệ và bài học có tính nguyên tắc. Phải tiết kiệm thời gian, tiền bạc của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nghiêm khắc phê phán việc "động viên vét đến tài sản gốc sinh kế của dân như ruộng đất, trâu bò, vốn liếng. Dùng thói quen chỉ ra mệnh lệnh, ép buộc dân chúng đóng góp" (10). Người đã từng đau lòng và "thật thà xin lỗi" (11) đồng bào về những việc làm sai trái như vậy của một số cán bộ. Sự huy động quá đáng sức dân và chính sách thu mua lương thực bất chấp quy luật giá trị trước đây, cũng là những sai lầm trong công tác vận động quần chúng. Yếu tố tinh thần tuy là vô cùng quan trọng, thậm chí được đặt lên hàng đầu trong những điều kiện lịch sử nhất định, nhưng xét về *căn bản* và *lâu dài* thì nó không thể vượt quá và đặt ra ngoài những cơ sở vật chất mà thực tế cho phép.

Thi đua là một sáng kiến vĩ đại của quần chúng và được xem như một hình thức, một động lực đặc biệt để thúc đẩy sự phát triển trong chế độ xã hội chủ nghĩa thay cho cạnh tranh trong xã hội tư bản. Trong lịch sử nước ta đã có nhiều phong trào thi đua của quần chúng đem lại kết quả và giữ vai trò rất to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như : "thi đua yêu nước" trong kháng chiến chống Pháp, "mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt", "ba sẵn sàng", "ba đảm

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 112

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 553, 554

(10), (11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 452, 393

Digitized by Google

đang" trong kháng chiến chống Mỹ v.v.. Linh hồn và động cơ thôi thúc những phong trào thi đua đó, trước hết là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chống đế quốc xâm lược, và vì vậy nó đã mang lại những hiệu quả thiết thực.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở chúng ta thi đua phải thiết thực và phê phán nghiêm khắc bệnh phô trương hình thức, lãng phí của cải và thời gian của nhân dân. Sự lạm dụng thi đua bất chấp hiệu quả kinh tế - xã hội và sự lạm phát các danh hiệu sẽ mang lại những hậu quả xấu cho xã hội. Nhiều công trình thi đua "chào mừng" đã để lại những hậu quả xấu nghiêm trọng và sự nhàm chán, làm mất đi bản chất tốt đẹp thiêng liêng vốn có của nó. Trong điều kiện nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay, vấn đề cạnh tranh và thi đua cần được xem xét một cách khoa học. Không phải cứ đơn giản khoác cho nó một cái áo chính trị là chúng ta có ngay được một phong trào thi đua lành mạnh.

6 - Quá trình vận động quần chúng là quá trình truyền đạt thông tin, nhưng là loại hình thông tin đặc biệt, vì đối tượng truyền đạt thông tin là con người, mà con người thì có tất cả tính đa dạng, phong phú, phức tạp của nó. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm quá trình đó là quá trình trọn vẹn đi từ : HIỂU (tuyên truyền giải thích cho mọi người hiểu) - LÀM (đặt kế hoạch, tổ chức thực hiện, giúp đỡ, đôn đốc khuyến khích) - HIỆU QUẢ (đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm, phê bình và khen thưởng)[12]. Tất nhiên, sự tách bạch giữa các khâu này chỉ là tương đối để nhận thức sự vật. Trong thực tế có khi chúng ta làm, thậm chí đạt hiệu quả rồi mới hiểu và cũng không hiếm trường hợp hiểu nhưng không làm. Ở đây hiểu là khâu thứ nhất, là quá trình truyền và nhận thông tin, mà người nhận là quần chúng nhân dân với trình độ nhận thức ngày càng được nâng cao. Cuộc sống đã dạy cho quần chúng nhân dân biết tự nhận thức về mình để chọn lọc, xử lý những thông tin chính xác.

Phương tiện kỹ thuật và nghệ thuật tuyên truyền có vai trò vô cùng to lớn, nhưng không phải là quyết định trong công tác vận động quần chúng. Công tác vận động quần chúng muốn thắng lợi còn phải dựa vào những yếu tố rất quan trọng khác nữa như nội dung và ý nghĩa của thông tin truyền đạt có đúng, có bênh vực chính nghĩa và tạo niềm tin cho quần chúng hay không ? Nếu chỉ nói về phương tiện kỹ thuật và nghệ thuật tuyên truyền thì khó có thể so sánh được với bộ máy chiến tranh tâm lý khổng lồ và các thủ đoạn chiến tranh tâm lý tinh vi của các thế lực thù địch đã dùng vào việc chống phá cách mạng nước ta, nhưng chúng vẫn không giành được thắng lợi.

Trong vận động quần chúng, việc tạo cho quần chúng niềm tin là quan trọng. Một khi quần chúng đã mất niềm tin thì vận động quần chúng sẽ trở nên vô nghĩa, hiệu quả rất thấp, thậm chí tác động ngược lại. Muốn có niềm tin và giữ được niềm tin phải trở lại nguyên tắc : "lấy dân làm gốc" và "bao nhiêu lợi ích đều vì dân". Cơ chế tổ chức để thực hiện vận động quần chúng có hiệu quả đều phải từ nguyên tắc đó. Đồng thời đòi hỏi ở người cán bộ (tất cả những người "phụ trách dân vận" như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói) từ cao đến thấp, từ gián tiếp đến trực tiếp phải có đủ *uy tín, tư cách đạo đức* và *tài năng*, để lôi cuốn, hấp dẫn quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi ở người cán bộ "cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ nguồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc" [13], "tự mình phải làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, để *nhân dân* noi theo" [14], "đối với nhân dân, không thể lý luận suông, chính trị suông" [15]... Đó là những vấn đề thuộc về dân vận, và có lẽ còn cao hơn cả dân vận, bởi vì nó thuộc về bản chất của chế độ và bản chất của những người cách mạng ❑

(12) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 300

(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 301

(14) (15) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 113

Digitized by Google

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

HỒ VĂN THÔNG *

NHÀ nước xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng không phải chỉ là nhà nước cho dân, mà trước tiên và cơ bản phải là nhà nước *của dân*, trên cơ sở đó mà *lo cho dân*. Điều này có liên quan sâu xa đến những giá trị tư tưởng và thể chế về một nhà nước pháp quyền mà nhân loại đã tích lũy được trong quá trình tiến hóa lịch sử cho đến ngày nay. Những giá trị này sẽ trở thành những nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Trên vấn đề này ý kiến chung là thống nhất, tuy nhiên vẫn còn có những cách hiểu khác nhau. Trong bài này tôi xin góp thêm một số ý kiến nhằm góp phần làm sáng tỏ hơn chủ đề đã nêu.

Ngày nay, ở các nước tư bản phát triển ít ai nói đến nhà nước pháp quyền. Họ coi đây như việc đương nhiên của mọi nhà nước trong "thế giới tự do". Nhưng đi sâu vào hiện thực thì có thể nói nhà nước pháp quyền chưa có ở đâu cả. Chưa một nhà nước tư sản nào thực sự được điều khiển bằng lợi ích và quyền lực của dân và được luật hóa. Ở các nước này, các phe phái, tập đoàn tư bản chi phối nhà nước ; các "tam giác sắt"(1) là quyền lực nhà nước hiện thực. Người dân ngay khi cầm lá phiếu cũng không hẳn là người chủ đi ủy quyền. Và sau khi bầu cử rồi thì quyền lực của người dân không còn nữa. Ủy quyền rồi mất quyền là chuyện "tự nhiên" phổ biến. Mọi vấn đề về quyền lực nhà nước đều nằm trong sự chi phối của giai cấp tư sản - nhất là các tập đoàn tư bản lớn. Nếu như ai đó không bị lệ thuộc vào những việc không quan trọng, những việc bắt buộc phải thực hiện để lấy lòng dân, để làm dịu mâu thuẫn xã hội, thì ở tầm chiến lược, ở ngay trong thực chất bao quát đều thấy quyền lực nhà nước là của "một giai cấp giàu có tham lam" (từ của Brê-din-xki trong tác phẩm *Ngoài vòng kiểm soát* để chỉ giai cấp tư sản Mỹ).

Quyền lực nhà nước thực sự là của thiểu số - giai cấp tư sản, thì làm gì có nhà nước pháp quyền đúng nghĩa của nó. Về mặt tư tưởng hay thể chế nhà nước tư sản có chứa đựng ít nhiều nội dung trên nhưng đều bị bóp méo theo lợi ích và quyền lực tư sản, nhất là trên quy mô chiến lược. Nhà nước tư sản bị thúc bách phải thực hiện càng nhiều, càng đúng tư tưởng và thể chế về nhà nước pháp quyền thì nó không thể là nó nữa. Đó là vấn đề không phải tư bản chủ nghĩa mà là phi tư bản chủ nghĩa, tức là vấn đề của chủ nghĩa xã hội.

Không phải nhà nước cứ cai trị xã hội bằng pháp luật thì tự nhiên đó là nhà nước pháp quyền. Nhiều nhà nước cổ đại ở phương Tây, phương Đông đã có luật để trị nước. Ở Việt nam thời Lê và thời Nguyễn cũng có bộ luật Hồng Đức, bộ luật Gia Long, nhưng đó không phải là nhà nước pháp quyền.

1 - Để có một nhà nước pháp quyền vấn đề cơ bản, đầu tiên là *quyền lực nhà nước là của ai, ai là chủ tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước.*

Vấn đề này được đặt ra ngay từ thời cổ đại cho đến thời đại cách mạng tư sản chống vương quyền chuyên chế, thời đại chống chuyên chế của giai cấp tư sản và nó đã diễn ra những cuộc tranh luận kéo dài. Tập trung lại có hai loại quan điểm :

- Quyền lực nhà nước là quyền lực siêu tự nhiên, của trời, của chúa giao cho một đấng quân vương cai trị, chăn dắt dân. Đó là quyền lực ở bên trên và bên ngoài dân.

---

* GS triết học, Viện trưởng Viện nghiên cứu khoa học chính trị, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Khái niệm thường được dùng trong các sách báo phương Tây để diễn tả quyền lực nhà nước được thể hiện và thực thi như thế nào qua sự câu kết : giới chủ tư bản bỏ tiền và đặt yêu cầu giới chính trị đề xuất chính sách theo yêu cầu đó, các quan chức chính phủ thực thi các yêu cầu trên.

Digitized by Google

- Quyền lực nhà nước nảy sinh từ đạo đức, lý trí tối thượng ; nhà nước là hiện thân của đạo đức, lý trí áp đặt cho mọi người.

Với sự phát triển của lịch sử xã hội đến thời cận đại và hiện đại, nhân loại đã vượt qua hai loại quan điểm trên khi so sánh với các nhà nước hiện thực.

Đến thời đại cách mạng tư sản, nhiều nhà tư tưởng và chính trị nhấn mạnh rằng, mỗi con người sinh ra vốn có quyền được sống và hoạt động tự do. Đó là quyền tự nhiên không ai ban cho. Nhưng mỗi con người chỉ là người khi liên hiệp lại thành xã hội và quyền tự nhiên của mỗi con người chỉ trở thành hiện thực trong đời sống xã hội đó. Do vậy, mỗi con người có quyền tất phải liên hiệp lại với nhau tạo ra quyền lực công cộng, vừa để thực hiện quyền lực của mình, vừa để điều khiển toàn bộ xã hội theo lợi ích của mình. Quyền lực nhà nước là sự thống nhất giữa tính tự nhiên và tính xã hội của con người. Quyền tự nhiên là vốn có của tôi, quyền lực nhà nước cũng là của tôi trong sự liên hiệp xã hội ! *Quyền lực nhà nước là của dân, dân là người chủ tối thượng, tuyệt đối và duy nhất của quyền lực nhà nước.*

Đây là bước tiến lớn trong tư tưởng chính trị của nhân loại. Nó kéo quyền lực nhà nước từ thiên đình xuống trần gian ; từ đạo đức, lý trí được lý tưởng hóa của các tầng lớp thượng lưu xuống thành của chính người dân. Nhưng dẫu sao đấy mới chỉ là ý tưởng. Các tuyên bố chính trị của các nhà nước tư sản đều nhân danh dân chủ, nhân quyền, quyền công dân, tự do, bình đẳng cho tất cả, nhưng quyền lực nhà nước về cơ bản vẫn là của một giai cấp dùng nó để "làm giàu trên lưng người khác và dân tộc khác". Nhà nước vẫn là bạo lực của thiểu số dùng để nô dịch và áp bức đa số con người.

Nhà nước vốn là của dân nhưng vẫn không phải là của dân ; nhà nước là của đa số nhưng trên thực tế vẫn là của thiểu số ; cai trị bằng pháp luật tức là bằng công lý, nhưng tiền của của thế giới giàu có chi phối tất cả... Nhà nước là của dân bị tha hóa thành cái đối nghịch, đứng bên trên và bên ngoài dân ! Hơn một thế kỷ trôi qua, vấn đề dần dần đã được làm sáng tỏ trong thời đại cách mạng vô sản, đặc biệt là trong kinh điển của các nhà tư tưởng mác xít.

C. Mác vì đa số nhân loại bị đau khổ, bị áp bức mà nghĩ suy tìm tòi. C. Mác đã thấm nhuần tư tưởng nhân văn - vì con người - và đã dày công nghiên cứu tìm ra con đường và giải pháp giải phóng con người và xây dựng nhà nước thật sự là của dân.

Trong xã hội cũ, con người bị phân chia thành các giai cấp theo các quan hệ kinh tế. Trong đó giai cấp nào thống trị về kinh tế thì sẽ thống trị về chính trị, nắm quyền lực nhà nước. Chính trị, xét đến cùng, là sự phản ánh của các quan hệ kinh tế. Do đó, muốn thay đổi được quyền lực nhà nước từ giai cấp tư sản sang nhân dân lao động phải có thay đổi lớn trong quan hệ kinh tế, trước hết là quan hệ sỡ hữu. Thay đổi quan hệ kinh tế phải tùy thuộc vào trình độ và yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Chỉ trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển cao, và cùng với nó là nền văn minh công nghiệp phát triển mới có được những điều kiện cần và đủ cho việc xây dựng một nhà nước thật sự là của dân. Đây là một cuộc cách mạng nhanh chóng hoặc lâu dài, phải qua nhiều bước quá độ, là tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia dân tộc.

Các quan hệ trên là lô gích khách quan của lịch sử, vấn đề là vận dụng nó chứ không phải phủ nhận nó. Xây dựng nhà nước của dân không phải chỉ là lòng tốt hướng thiện, mà hơn thế, đó là do tính tất yếu của sự vận động lịch sử theo quy luật khách quan. Trong quá trình đó, kinh tế không biến thành chính trị trực tiếp, mà giai cấp công nhân - giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất hiện đại, cũng là đại diện cho toàn bộ nhân dân lao động - phải trưởng thành, xây dựng được đảng cộng sản của mình để giành quyền lực nhà nước, tạo ra nhà nước thật sự là của dân.

Có thể nói, các điều nêu trên là những tư tưởng xuất phát của các tác giả kinh điển mác xít khi giải quyết vấn đề nhà nước của dân, và đó cũng là một cuộc cách mạng lớn trong nhận thức của nhân loại những gì về con người, về dân.

Digitized by Google

Chắc chắn các tác giả kinh điển mác xít không thể nói được tất cả mọi vấn đề về nhà nước của dân, lịch sử đương đại sẽ bổ sung. Nhưng các nguyên tắc cơ bản có tính phương pháp luận mà các ông chỉ ra đã và vẫn là những giá trị lâu dài của việc xây dựng một nhà nước thật sự là của dân.

2 - Nhà nước ở đây không phải là nhà nước chỉ biết lo cho dân từ bên trên, mà là nhà nước *của dân*, là công cụ quyền lực phục vụ hoạt động tự do, làm chủ *của mọi người dân* để phát triển đất nước và mưu cầu hạnh phúc cá nhân trong sự nghiệp chung đó. Từ thời cổ đại, nhiều nhà tư tưởng cũng đã nêu yêu cầu rằng quyền lực nhà nước phải là sức mạnh để phục vụ, nhưng trong thực tế và về thực chất, nó chỉ là công cụ trấn áp, tạo ra một trật tự xã hội "mà giai cấp này có thể chiếm đoạt thành quả lao động của giai cấp khác". Tính chất "phục vụ" thể hiện trong dựng nước, giữ nước và phát triển kinh tế xã hội, cũng nằm trong trật tự cơ bản đó.

Tính phục vụ của nhà nước không thể có được trong nhà nước của các giai cấp bóc lột. Nếu tôi phục vụ cho đa số, là phục vụ cho lực lượng tạo ra của cải cho tôi, bảo vệ tôi, chứ không phải phục vụ cho đa số với tư cách là người chủ thật sự và tối thượng của quyền lực nhà nước. Đấy là vấn đề phải qua những biến đổi cách mạng sâu sắc để tạo ra nhà nước của nhân dân lao động trong chủ nghĩa xã hội.

Trong chủ nghĩa xã hội, nhà nước là quyền lực của dân để thực hiện ý chí tự do của mình. Nhà nước là công cụ của dân, cán bộ của Đảng và Nhà nước là nô bộc của dân (lời Bác Hồ). Sự nghiệp chính trị của chúng ta chính là tạo ra một nhà nước của dân và trên cơ sở đó mà vì dân, tức phục vụ dân. Chưa có tiền lệ trong lịch sử nhưng qua những bài học thành công và cả những bài học thất bại, với sự tiến triển của lịch sử đương đại, chúng ta sẽ từng bước hoàn thiện một nhà nước có tính chất và cơ chế là nhà nước của dân để phục vụ dân.

Nhà nước pháp quyền là của ai và vì ai, là hai mặt của một vấn đề thể hiện tính chất cơ bản trước tiên của một nhà nước pháp quyền chân thật. Cũng như dân chủ, tự do, quyền con người chưa thật sự có cho đa số, của đa số thì đối với nhà nước pháp quyền cũng vậy. Đây không phải là vấn đề số lượng mà là tính chất của một chế độ chính trị nhà nước.

3 - Nhà nước pháp quyền là nhà nước của dân và vì dân, do đó nó không thể cai trị xã hội bằng ý chí cá nhân hay một phe phái ích kỷ nào, mà phải bằng lợi ích và quyền hành của toàn bộ nhân dân được luật hóa.

Luật pháp ở đây không phải là sự áp đặt từ bên trên và bên ngoài đối với người dân, mà là từ dân đưa ra và bắt buộc phải được thực hiện bằng một cơ chế có hiệu quả. Mọi người thực thi pháp luật không phải như sự cưỡng chế từ bên ngoài mà như là sự thể hiện nhu cầu bên trong của mỗi con người trong đời sống xã hội. Do đó, luật pháp, mệnh lệnh nhà nước tự nó phải chứa đựng nội dung tạo lòng tin có ý thức đối với mọi cá nhân khi thực hiện. Áp đặt luật pháp là áp đặt đạo đức, lý trí, công lý phổ quát cho mọi cá nhân để bảo vệ, phát triển cộng đồng quốc gia - dân tộc và khơi dậy động lực hoạt động của từng con người, từng đơn vị trong sự thống nhất giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Luật pháp không thể chỉ là việc "lập" ra luật mà là cả cơ chế làm cho luật thật sự được thực thi. *Luật mà không được thực thi là ngang bằng với không có luật.* Lúc đó thì ý muốn của các cá nhân, phe phái cầm quyền sẽ chi phối làm cho hoạt động của các cá nhân người dân dễ trở nên hỗn loạn, mất định hướng và mục đích chung. Luật pháp là công lý bắt buộc đối với mọi cá nhân, loại trừ mọi đặc quyền, đặc lợi. Không có bất cứ cá nhân, đơn vị nào được đứng ngoài và đứng trên pháp luật.

4 - Trong nhà nước pháp quyền, quyền lực tập trung của nhà nước phải đi đôi với việc kiểm soát chặt chẽ quyền lực nhà nước.

Tự do dân chủ không có nghĩa là ai muốn làm gì thì làm ; điều đó chỉ dẫn đến hỗn loạn, gây tai họa chung cho mọi người dân. Tự do không phải là chuyện thuần túy cá nhân mà trước hết phải là một quan hệ xã hội ; mỗi người thực hiện quyền tự do của mình trong quan hệ với người khác và với cả xã hội. Khi một nền dân chủ

Digitized by Google

chính trị bị thứ tự do không hạn chế của cá nhân, phe phái chế ngự thì sẽ bị xâu xé từ nhiều hướng, làm cho mục đích ổn định và phát triển chung không thể thực hiện được. Muốn phát triển một đất nước, tạo điều kiện chung cho từng cá nhân tự khẳng định mình thì nhất thiết phải có quyền lực nhà nước tập trung. Nhất là thời đại ngày nay, mọi sự phát triển không thể không có quyền lực tập trung của nhà nước. Cũng có thể nói, trong lịch sử chính trị, tập trung quyền lực nhà nước như một định lý của sự phát triển xã hội. Tất nhiên, không phải mọi sự tập trung quyền lực đều tạo ra sự phát triển. Nhưng một quốc gia - dân tộc muốn phát triển thì quyền lực nhà nước phải được tập trung (để định hướng, tổ chức, huy động mọi nguồn lực, nhằm vào hiệu quả trên quy mô quốc gia và quốc tế).

Quyền lực nhà nước được tập trung vào các cơ quan và cá nhân cầm quyền nhà nước. Do đó phải có cơ chế hợp lý bảo đảm phát huy quyền lực đồng thời kiểm soát chặt chẽ quyền lực, hạn chế đến mức thấp nhất những sai lầm có thể có. Dân tộc, giai cấp thì không sai lầm, nhưng những đại diện cho dân tộc, giai cấp cầm quyền có thể phạm sai lầm. Trong lịch sử chính trị đã từng xảy ra không ít trường hợp sai lầm, lộng hành cá nhân, chuyển quyền lực nhà nước thành quyền lực cá nhân để áp bức và chiếm đoạt của cải của dân. Nhà nước là do một giai cấp cầm quyền theo tính tất yếu kinh tế, nhưng nếu các cá nhân cầm quyền mà thoái hóa thì rất có thể rơi vào khủng hoảng. Nhà nước xã hội chủ nghĩa - nhà nước của dân và vì dân, nhưng nếu quyền lực tập trung vào các cá nhân thoái hóa thì quyền lực của dân cũng bị biến chất. Do đó, không thể dừng lại ở việc tiếp cận giai cấp đối với quyền lực nhà nước mà còn phải xử lý việc thoái hóa quyền lực nhà nước qua các cá nhân cầm quyền.

Vậy làm thế nào để *kiểm soát được quyền lực* ?. Làm thế nào để quyền lực nhà nước không biến thành quyền lực cá nhân ?

Trước hết, phải giới hạn các cơ quan quyền lực nhà nước bằng pháp luật. Mọi hoạt động nhà nước là thực thi quyền lực của dân đã luật hóa. Dân ủy quyền cho các cơ quan và cán bộ nhà nước chỉ trong phạm vi lập ra luật qua đại biểu được dân lựa chọn và thực thi luật. Cán bộ nhà nước chỉ được làm những gì mà luật cho phép, nếu không đủ luật thì đề xuất qua quốc hội bàn bạc, thông qua mới được thi hành. Luật pháp đặt ra không chỉ hướng vào ràng buộc mọi cá nhân bình thường theo yêu cầu phát triển chung của quốc gia mà còn là để giới hạn quyền lực nhà nước, không cho nó thoái hóa, không để các nhân vật nhà nước lộng quyền đối với dân. Những quan chức thực thi pháp luật mà vi phạm pháp luật thì bị xử tội nặng hơn người dân bình thường và phải bị đào thải. *Nhà nước pháp quyền là nhà nước bị giới hạn trong khuôn khổ pháp luật, bị kiểm soát bằng pháp luật.*

Thứ hai, xây dựng một cơ chế phân công và phối hợp giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, dùng quyền lực để kiểm soát quyền lực. Về mặt nội dung, tính chất, mục đích, quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền là thống nhất. Thống nhất bằng hiến pháp, luật pháp ; thống nhất bằng chức năng của từng quyền trong toàn bộ hệ thống quyền lực ; thống nhất trong điều hành qua nguyên thủ quốc gia, qua cơ quan quyền lực tối cao là quốc hội... Quyền lực nhà nước dưới dạng này hay dạng khác đều hướng vào tập trung quyền lực. Các cơ quan quyền lực phân tán, xé lẻ, cô lập, đối nghịch nhau thì nhà nước pháp quyền không thể tồn tại được.

Tuy nhiên, sự thống nhất ở đây là thống nhất trong phân công chức năng, không dồn cả ba quyền vào một cơ quan quyền lực. Không để cho quyền lực nhà nước tập trung vào chỉ một nơi, tự nó ra luật và cũng tự nó thực thi và xét xử đúng sai. Lịch sử chính trị đã từng vượt qua sự tập trung quyền lực theo kiểu vua chúa độc tài, và tiến tới tập trung quyền lực nhà nước theo cơ chế phân quyền, làm cho mỗi quyền này là đối tượng của quyền kia và có thể kiểm soát được quyền kia theo luật định.

Chỉ có cơ quan lập pháp mới được ra luật và giám sát việc thực thi luật, mới được đưa ra

Digitized by Google

những quyết sách có tầm quốc gia bắt buộc phải được thực hiện đối với toàn xã hội.

Cơ quan hành pháp là cơ quan thực thi quyền lực nhà nước, cưỡng bức tất cả phải thực thi pháp luật. Toàn bộ hoạt động của nó là đối tượng giám sát của quốc hội và xét xử đúng sai của các cơ quan tư pháp.

Cơ quan tư pháp là cơ quan quyền lực xét xử mọi hoạt động đúng hay sai với luật pháp đã có.

Ba quyền lực này không phải được sắp xếp theo trật tự phụ thuộc trên dưới với nhau mà là đối trọng kiểm soát từ bên ngoài đối với nhau, tạo nên ba chức năng của một cơ thể thống nhất.

Một mắt khâu khác để kiểm soát quyền lực nhà nước là sự kiểm soát của công dân dưới các hình thức như qua bầu cử để chọn và đào thải những cán bộ không đủ phẩm chất và trình độ, phê bình, đề xuất, yêu cầu các cơ quan nhà nước phải thực hiện những đòi hỏi chính đáng của dân. Các cơ quan thông tin báo chí phản ánh ý của dân và điều tra, tố cáo các hoạt động sai trái của các cơ quan và cán bộ nhà nước. Đặt tất cả các cơ quan và cán bộ nhà nước trong môi trường buộc phải luôn luôn cải tiến và đổi mới. Như vậy, kiểm soát quyền lực không phải chỉ là để chống lộng quyền mà còn có tác dụng đổi mới thường xuyên hoạt động của nhà nước.

5 - *Nhà nước pháp quyền* được đặt ra trong quan hệ không thể tách biệt với *xã hội công dân.*

Người dân ở đây không phải là thần dân của các nhà cầm quyền, là lực lượng chỉ được nghe và làm theo mệnh lệnh từ trên. Người dân là công dân, tức là người chủ tự do của đất nước mình. Công dân là người chủ tối thượng và duy nhất của quyền lực nhà nước ; quan hệ giữa công dân và nhà nước là quan hệ giữa người chủ và công cụ phục vụ mình. Bản thân các cơ quan nhà nước tự nó không có quyền mà chỉ được ủy quyền từ công dân trong một giới hạn cụ thể được xác định bằng luật. Công dân ủy quyền nhưng không mất quyền, luôn luôn là người chủ, theo dõi, giám sát, phê phán, bãi miễn các cá nhân cầm quyền.

Nhân dân là phạm trù chung về mọi người dân được xem là lực lượng cơ bản của một xã hội, còn phạm trù công dân là để chỉ người dân về mặt chính trị với tư cách là người chủ của quyền lực nhà nước. Không dừng lại ở quyền lực của nhân dân nói chung mà xem từng cá nhân người dân cũng là chủ của quyền lực nhà nước. Toàn bộ hoạt động của nhà nước, xét đến cùng là để khơi dậy động lực sáng tạo của từng cá nhân công dân, khai thác yếu tố người đến từng cá nhân. Nhà nước pháp quyền là nhà nước tạo tự do cho đa số và vì tự do của đa số.

Trong thời đại ngày nay, quan hệ giữa các giai cấp về quyền lực nhà nước là quan hệ cơ bản của chính trị, nhưng quan hệ nhà nước và công dân cũng là quan hệ cơ bản của chính trị. Tất nhiên đó không phải là hai mặt tách biệt mà lồng vào nhau thành một thể thống nhất. Đối với các hệ thống chính trị tư sản, nhà nước của giai cấp tư sản buộc phải thực hiện quyền lực và lợi ích của mọi công dân ngày càng nhiều thì càng trở nên đối nghịch, không điều hòa được với lợi ích và quyền lực đó. Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa đang đổi mới của chúng ta, thì nhà nước thực hiện quyền lực và lợi ích của mọi công dân càng nhiều bao nhiêu thì càng thể hiện bản chất giai cấp công nhân bấy nhiêu.

Người dân với tư cách là các công dân, tạo ra xã hội công dân, tức xã hội chính trị, trong đó người dân thực hiện quyền làm chủ nhà nước của mình, tham gia các hoạt động chính trị, có nghĩa vụ góp phần xây dựng, hoàn thiện nhà nước của mình.

Người dân với tư cách là một chủ thể tự do, có nhân cách, khát vọng, quan hệ riêng tư ; có khả năng, xu hướng phát triển và tìm tòi khác biệt với người khác ; có những mong muốn liên kết với những người mình ưa thích để cùng hợp tác làm việc... Tổng thể hoạt động này là xã hội dân sự. Đó là xã hội mà nhà nước cần khuyến khích và tạo điều kiện để các cá nhân và sự hợp tác giữa các cá nhân phát triển một cách đa dạng, từ đó sức sáng tạo của toàn xã hội sẽ không ngừng được nâng cao.

6 - Xây dựng nhà nước pháp quyền với các nội dung đã nêu trên đòi hỏi *tất yếu phải có sự*

Digitized by Google

lãnh đạo của đảng cộng sản - đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đại biểu trung thành cho lợi ích của cả dân tộc. Đảng phải tập trung được trí tuệ cao cho hoạt động chính trị - nhà nước và phải tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của nhân dân và dân tộc. Từ xưa, nhiều nhà tư tưởng lớn đã chỉ rõ rằng chính trị phải là sự thống trị của trí tuệ ; chính trị là cai trị bằng trí tuệ, thuyết phục được bằng lý trí, dẫn dắt con người bằng sự ưng thuận của ý chí tự do vốn có trong mỗi con người. Về sau này, các tác giả kinh điển mác xít lại nhấn mạnh rằng, không có trí tuệ hiện đại thì chủ nghĩa cộng sản cũng chỉ là ước mơ, rằng : muốn làm nhà chính trị của giai cấp công nhân thì phải biết kế thừa toàn bộ tư tưởng của nhân loại, và đối với hệ tư tưởng của giai cấp công nhân lại càng phải xây dựng bằng con đường khoa học...

Chính trị là một khoa học phức tạp về giành, giữ, xây dựng và sử dụng quyền lực nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng chính là nhằm bảo đảm tính chính trị, định hướng chính trị trong hoạt động của nhà nước. Các công chức nhà nước phải được trang bị ý thức chính trị đó và các công dân phải được giáo dục về nó.

Một cá nhân được giao quyền lực nhà nước trước hết phải có ý thức và bản lĩnh chính trị, do có tài năng, đức độ, được công dân tín nhiệm và ủy quyền. Đại diện cho dân không thể chỉ đại diện về mặt thành phần cơ cấu xã hội, mà trước hết phải là đại diện được về mặt trí tuệ và phẩm chất cho bộ phận công dân mà mình là đại biểu và tốt nhất là đại diện như thế trên quy mô toàn quốc.

Con người chính trị là sự thống nhất giữa hai mặt phẩm chất và trí tuệ, đức và tài. Mặt này là điều kiện, nguyên nhân cho mặt kia. Người cầm quyền trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của chúng ta phải là những con người biết làm nô bộc cho dân, hết lòng vì nước vì dân, và làm việc đó với trình độ trí tuệ cao ❑

THỂ HIỆN MẪU NGƯỜI THỜI ĐẠI, NỖI TRĂN TRỞ CỦA SÂN KHẤU VIỆT NAM

NGUYỄN PHAN THỌ *

SÂN khấu là cuộc đời thu nhỏ, có chọn lọc qua lăng kính của các nhà sáng tạo. Phản ánh hiện thực khách quan thông qua cuộc sống con người là đặc trưng cơ bản của sân khấu. Một nền sân khấu chân chính luôn coi nhiệm vụ chính của mình là phải khám phá, tái thể hiện những con người mang đúng chất "Người" theo hình mẫu mới của thời đại để xây dựng thành những hình tượng tiêu biểu, đại diện cho lớp người tiên phong trong xã hội.

Hơn 50 năm qua nền sân khấu cách mạng nước ta đã đạt được những thành công đáng kể trong việc xây dựng những con người mới, hiện đại mà tiêu biểu là những người cộng sản. Nhiều nghệ sĩ đã coi việc thể hiện con người mới của thời đại là mục đích lâu dài, là sứ mệnh cao cả của nền sân khấu cách mạng.

Tái tạo nhân vật người cộng sản bằng ngôn ngữ nghệ thuật là cả một quá trình trăn trở đầy khám phá, đòi hỏi bản lĩnh nghệ thuật cao cộng với tấm lòng tha thiết với những hình mẫu mới, đầy chất anh hùng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, một cuộc sống mới được thiết lập trên đất nước ta. Và cũng từ đây đánh dấu bước chuyển biến ban đầu của nền văn nghệ dân tộc, trong đó có sân khấu. Chúng ta đều hiểu rằng không phải ngày một, ngày hai có ngay một nền sân khấu cách mạng. Những yếu tố của một nền nghệ

* Nhà xã hội học nghệ thuật, Viện sân khấu

Digitized by Google

thuật mới nảy sinh và phát triển còn mang nhiều tính tự phát, tính địa phương. Nhưng quả thật mầm mống nghệ thuật mới đã được ươm giữa những mùa bão táp !

Một nền nghệ thuật mới không bao giờ chỉ bắt đầu bằng hình thức mới, mà thường từ hiện thực mới, con người mới, con người đi đầu trong cuộc sống. Đó là những người cộng sản. Nhìn lại các nhân vật tích cực được miêu tả trong những vở diễn hơn nửa thế kỷ qua, chúng ta chẳng đã thấy tất cả đều mang ít nhiều những phẩm chất cao đẹp của người cộng sản đó sao ? Đã từ lâu hình ảnh người chiến sĩ cách mạng lần lượt xuất hiện trong nhiều sáng tác, như *Tô Hiệu, Đầu quân ra trận, Vượt ngục, Những người ở lại, Giữa vòng vây, Du kích thôn đồi*... Tuy nhiên, các vở diễn lúc bấy giờ còn chưa chú ý đúng mức đến nhân vật kịch mà trung tâm là người cộng sản với thế giới nội tâm đầy phức tạp của họ.

Một giai đoạn khá dài từ sau Cách mạng Tháng Tám đến năm 1954, hình ảnh người cộng sản còn thưa thớt, chưa thật sự gắn liền với quá trình xung đột kịch. Sau ngày hòa bình, trở về tiếp quản thủ đô, cuộc đời hoạt động của những người cộng sản mới bắt đầu nở rộ trên sân khấu với các vở chèo : *Cô gái sông Lam, Cuộc đời theo Đảng, Người con gái sông Cấm, Tuổi trẻ Nguyễn Văn Cừ, Đêm Tiền hải* ; những vở tuồng : *Ba tơ khởi nghĩa, Má Tám, Tình mẹ* ; những vở cải lương : *Người con gái đất đỏ, Ngọc trai đỏ* ; và những vở kịch nói : *Bão táp, Sống mãi tuổi 17*... Những người cộng sản trong các vở trên đã thật sự là những hình tượng nghệ thuật có nội tâm, có tính cách, tạo nên sự đồng cảm và cuốn hút người xem. Từ những hình tượng này, vở diễn đặt ra nhiều vấn đề đáng suy nghĩ ; nó vừa mang tính thời sự vừa mang tính chiến đấu và được cấu trúc tương đối hoàn chỉnh. Một số vở diễn đã vươn tới trình độ nghệ thuật cao, trở thành những tác phẩm tiêu biểu trong nền sân khấu hiện đại ở nước ta. Đa phần những vở còn lại thiên về miêu tả các sự kiện, đi sâu vào tiểu sử của nhân vật, nên các nhân vật trung tâm còn mờ nhạt, rập khuôn, thiếu tính khái quát, thiếu sức thuyết phục. Một loạt các tác phẩm của Học Phi như *Chị Hòa, Một đảng viên, Ni cô Đàm Vân, Cô hàng rau, Hoàng Lan* v.v. đã từng bước tạo dần da thịt cho nhân vật qua đấu tranh thử thách để tiến dần tới lý tưởng cách mạng.

Vở kịch dài *Một đảng viên* miêu tả cuộc đấu tranh của công nhân trong những năm đầu cách mạng do Đảng lãnh đạo. Vở kịch đưa lên sân khấu hàng loạt sự kiện trong thời kỳ bí mật. *Một đảng viên* với dung lượng hiện thực khá lớn, hình thức viết mới mẻ, đã xứng đáng là một trong những tác phẩm đặt tiền đề cho nền văn học kịch cách mạng của chúng ta. Điều đáng chú ý là trong vở kịch này, Học Phi là người đầu tiên xây dựng được hình tượng người cộng sản, tuy chưa phải là một tính cách kịch hoàn chỉnh, chân thật và đầy đặn, nhưng đã phác thảo nên một chân dung đẹp và có nhiều suy nghĩ sáng tạo. Tiêu biểu cho sân khấu tuồng trong việc xây dựng hình tượng người cộng sản là các vở *Dấu chân người trước* của đoàn tuồng Bắc (Nhà hát tuồng trung ương) và *Sáng mãi niềm tin* của Nhà hát tuồng Đào Tấn (Bình định). Tích tuồng của vở *Dấu chân người trước* rút ra từ một câu chuyện trong cao trào Xô viết Nghệ tĩnh, ca ngợi đồng chí Lê (tức Lê Viết Thuật), một chiến sĩ cộng sản, đã vì giai cấp hy sinh không chút do dự, thay hình dáng để thoát khỏi nanh vuốt của kẻ thù. Sự trưởng thành của đồng chí Lê gắn liền với sự trưởng thành của Đảng, cũng là sự vươn lên từ tự phát đến tự giác của bà mẹ và người yêu của Lê, của cậu kép Bền và của cả quần chúng công nông. Một vở tuồng lấy nhân vật cộng sản làm trung tâm, lấy phong trào xô viết làm bối cảnh lịch sử, đòi hỏi nhiều công phu cả về kịch bản và dàn dựng ; nhưng ở đây, có lẽ phải kể trước hết là chất văn học, có lời thơ gợi cảm, gợi hình ảnh ; biết khai thác triệt để diễn biến tâm trạng nhân vật, không kể lể dài dòng. Vở tuồng gây xúc cảm mạnh và được

Digitized by Google

đông đảo người xem đồng tình. Hình ảnh người cộng sản trong bối cảnh hai cuộc kháng chiến và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội chiếm tỷ lệ khá cao trong kịch mục cách mạng.

Vở kịch *Nguyễn Văn Trỗi* của Nhà hát kịch trung ương là vở diễn khá thành công trong việc tạo dựng hình tượng người cộng sản. Trong một chừng mực nào đấy, hình tượng Nguyễn Văn Trỗi trên sân khấu đã làm vừa lòng người xem ở chỗ các tác giả đã khái quát được những đức tính tốt đẹp của Nguyễn Văn Trỗi, như sự dịu dàng đằm thắm với Quyên, tình thương yêu đồng đội, thương yêu giai cấp, lòng trung thành vô hạn đối với con đường mình đang đi, nhưng cái chính vẫn là tư thế của Anh tiến công kẻ thù.

Nổi gió là vở kịch dài của Đào Hồng Cẩm được đoàn kịch Tổng cục chính trị trình diễn năm 1964. Nổi gió là câu chuyện khá sinh động, kể lại cuộc đời và quá trình trưởng thành của một người phụ nữ miền Nam, gặp nhiều cảnh ngộ đau xót. Chính việc tập hợp những mâu thuẫn giữa địch và ta trong *Nổi gió* đã làm cho vở có những nét bi hùng khá gợi cảm. Tính cách nhân vật khỏe khoắn vì được luyện rèn trong đấu tranh ; nó có hơi thở thực sự của cuộc đấu tranh quyết liệt của đồng bào miền Nam ; nó có cái riêng của người phụ nữ Việt nam kiên cường, bất khuất.

Những vở được đánh giá cao trong việc thể hiện người cộng sản trong hai cuộc kháng chiến là những tác phẩm tạo được sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung tư tưởng và hình thức biểu hiện. Đó là các vở *Chị Nhàn, Nổi gió, Đại đội trưởng của tôi, Tiếng hát* của Đào Hồng Cẩm, *Quê hương Việt nam* của Xuân Trình, *Nữ ký giả* của Lưu Quang Vũ, *Lửa hậu phương* của Kính Dân, *Sông Trà khúc* của Tào Mạt, *Mười đóa phong lan* của Tất Đạt.

Gần gũi mà phức tạp hơn là những vở khắc họa hình tượng người cộng sản trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nắm vững tri thức khoa học, biết cung cách làm ăn mới, phù hợp với những đòi hỏi mới của thời đại, của đất nước, là thử thách khắc nghiệt đặt ra trước người cộng sản. Hiện thực đó cũng dần dần được phản ánh trên sân khấu. Đó là các vở *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình, *Đất chuyển* của Đăng Thanh, *Nhân danh công lý* của Võ Khắc Nghiêm, *Tôi và chúng ta* và *Nguồn sáng trong đời* của Lưu Quang Vũ...

Nguồn sáng trong đời - vở kịch nghiêng hẳn về khẳng định cái tốt đẹp, cái cao thượng trong tâm hồn con người mới hôm nay như một bản "trường ca về ánh sáng". Cấu trúc kịch thuận chiều, bình dị như đời thường, không éo le ly kỳ, không rắc rối phức tạp, không đánh đố người xem. Vẻ hài hòa giản dị của *Nguồn sáng trong đời* giống như một tiếng nói nội tâm nhỏ nhẹ, khiêm nhường và lắng sâu bên cạnh tiếng nói mạnh mẽ, nồng nhiệt của *Nhân danh công lý*. Dù ở hai trạng thái khác nhau, các nhân vật trung tâm của hai vở đều toát lên sức mạnh tinh thần và ý thức cao cả của những người cộng sản.

Người cộng sản là người lãnh đạo, là người dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn đi đầu trong mọi công việc. Một trong những hình tượng tiêu biểu nhất cho phong độ và tính cách của người cộng sản trong giai đoạn mới - đó là Hoàng Việt, người giám đốc trẻ trong *Tôi và chúng ta*. Phẩm chất người cộng sản trong thời kỳ đổi mới lại một lần được sàng lọc, được củng cố qua những thử thách mới trong môi trường đầy rẫy những biến động tốt, xấu, khi các chuẩn mực xã hội chưa được định hình. Hệ thống giá trị cũ gắn với xã hội tập trung quan liêu bao cấp có nhiều điểm trở nên lỗi thời, những hệ thống giá trị mới gắn liền với nền kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác lập. Điều đó phần nào giải thích vì sao trong những năm gần đây chúng ta còn quá ít những tác phẩm đi sâu miêu tả người cộng sản với những suy tư, trăn trở và sức chiến đấu mới.

Để bù lại cho những hụt hẫng trên, sân khấu nước ta đã có một số vở viết về người cộng sản cao đẹp nhất, vĩ đại nhất - đó là Chủ

Digitized by Google

tịch Hồ Chí Minh. Hình tượng Bác Hồ trong các vở *Người công dân số một, Giai điệu tháng năm, Đêm trắng, Lịch sử và nhân chứng, Vị khách trong mơ* là những thành công bước đầu trong việc xây dựng hình tượng lãnh tụ.

Chương trình "Hình tượng Bác Hồ" do Viện sân khấu chọn lọc và dàn dựng là đỉnh cao trong việc xây dựng hình tượng người cộng sản trên sân khấu. Đây là hình tượng tiêu biểu nhất, tập trung mọi phẩm chất cao đẹp, mọi ý tưởng trong sáng, cao cả của người cộng sản Việt nam. Lãnh tụ Hồ Chí Minh được tái thể hiện bằng nghệ thuật đã trở thành hình tượng đẹp, đầy đặn. Hình tượng Bác Hồ đã gây ấn tượng mạnh mẽ, sâu lắng trong người xem, được sự cổ vũ và hưởng ứng của hàng triệu người. Tình cảm sâu nặng đó của quần chúng không chỉ dựa vào sức mạnh của nghệ thuật, của tài năng sáng tạo của nghệ sĩ, mà trước hết là tình cảm của quần chúng đối với Bác, là tấm lòng và niềm tin yêu sâu nặng của họ đối với lãnh tụ.

Hơn chục năm lại đây sân khấu nước ta đã nảy sinh khuynh hướng đi tìm những cấn cái, gai góc trong đời thường và từ đó dẫn tới xu thế phê phán, vạch trần các mặt tiêu cực của một số đảng viên đã biến chất. Những vở diễn đề cao phẩm chất cao đẹp của người đảng viên giảm dần. Mặt khác, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị tường, đã bắt đầu lây lan khuynh hướng thương mại trong nghệ thuật. Nhiều vở diễn xa lánh cái hiện thực sôi động để rồi chạy theo những chuyện tình bi đát, éo le, những vụ án ly kỳ, giật gân hoặc quay về với những chuyện xưa tích cũ.

Hình tượng người cộng sản trong nhiều vở (cả đề tài kháng chiến trước đây cũng như trong xây dựng hiện nay) còn quá mờ nhạt, sơ lược, hoặc rập khuôn theo một hình mẫu có sẵn, không có chiều sâu nội tâm, hành động và suy nghĩ hời hợt, dễ dãi, thiếu sức thuyết phục. Ngôn từ, lời thoại thiếu chất văn học, thiếu tính triết lý. Thậm chí, có những vở chỉ mới dừng lại ở hoạt cảnh. Nhân vật Nguyễn Văn Cừ trong vở chèo cùng tên của Đoàn chèo Hà bắc còn khô cứng, lời thoại không ngọt ngào ; những nhân vật trung tâm trong *Thuở ấy mùa đông* của Đoàn chèo Hà tây không rõ nét, không ra hình tượng nghệ thuật ; những nhân vật chính trong vở *Những người cùng phố* của Đoàn chèo Hà nội thì quá sơ lược, không có tính cách, ngôn ngữ tầm thường, chẳng để lại một âm hưởng gì. Tình trạng tương tự càng thấy rõ trong kịch nói. Đó là các vở *Bão táp* của Nhà hát kịch Hà nội, *Hoa hậu xứ Mường* của Đoàn kịch Hà tây, *Giấy trắng* của Đoàn Cửu long giang, *Giai điệu vĩnh hằng* của Đoàn kịch Tổng cục chính trị...

Lịch sử dân tộc Việt nam là lịch sử của các thế hệ anh hùng. Đỉnh cao của thế hệ anh hùng Việt nam gắn liền với sự ra đời của Đảng cộng sản. Biết bao chiến sĩ cộng sản đã ngã xuống vì nền độc lập của Tổ quốc, vì quyền tự do và no ấm cho mọi người. Lẽ nào sân khấu lại né tránh một hiện thực sôi động và hào hùng như vậy ? Sứ mệnh thiêng liêng và cao cả của sân khấu là phải coi việc xây dựng các nhân vật anh hùng - những người cộng sản tiêu biểu thành những hình tượng sâu đậm với những phẩm chất và ý tưởng cao đẹp của người Việt nam.

Để có được những hình tượng đẹp về người cộng sản, không chỉ cần có nhiệt tình, ý thức trách nhiệm và tài năng của nghệ sĩ, mà rất quan trọng là sự quan tâm thường xuyên của các nhà quản lý nghệ thuật. Đồng thời, sân khấu Việt nam phải từng bước kiên trì tạo dựng một lớp khán giả mới, đông đảo, có trình độ chính trị, có nhận thức thẩm mỹ tương xứng với sự phát triển không ngừng của ngành sân khấu nước ta, với công cuộc đổi mới đầy phức tạp nhưng không kém phần vĩ đại của dân tộc ❑

Digitized by Google

NHẬN DIỆN THAM NHŨNG VÀ BIỆN PHÁP ĐẤU TRANH

VŨ XUÂN KIỂU

THAM nhũng có thể được hiểu là hành vi lợi dụng quyền lực để nhũng nhiễu, lấy tiền của của nhà nước và nhân dân phục vụ cho lợi ích cá nhân. Về mặt chính trị, tham nhũng tới một mức nào đó sẽ phá vỡ cả thể chế của một nước. Về mặt kinh tế, do đục khoét ăn bám, tham nhũng sẽ làm cho nền kinh tế ruỗng mọt, đi chệch hướng và không có khả năng thực hiện các mục tiêu dự kiến ban đầu. Về mặt xã hội, tham nhũng làm đảo lộn luân thường đạo lý, khinh nhờn luật pháp, làm biến đổi quan hệ sở hữu, biến của công thành của tư, hình thành tầng lớp tư nhân làm giàu bất chính.

Do tính chất nghiêm trọng của tệ tham nhũng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ phải : "tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở" (1).

Để thực hiện có kết quả nhiệm vụ quan trọng này, chúng ta phải đi vào các ngóc ngách của tham nhũng, nhận diện đúng các loại tham nhũng, nghiên cứu tổng kết những hình thức tham nhũng, trên cơ sở đó có những giải pháp chống tham nhũng một cách hữu hiệu.

NHỮNG HÌNH THỨC THAM NHŨNG CHỦ YẾU

1 - *Tham nhũng cá nhân và tham nhũng tập thể.*

Tham nhũng cá nhân là do một người tiến hành, từ việc thủ mưu đến việc lấy của, biến thủ công quỹ, biến của cải của nhà nước thành của cá nhân mình. Đặc trưng nổi bật của tham nhũng cá nhân là toàn bộ của cải lấy được kẻ tham nhũng độc chiếm để tiêu xài cho cá nhân và gia đình.

Khác với tham nhũng cá nhân, tham nhũng tập thể là do một số người hoặc một số đơn vị đồng mưu, thống nhất với nhau, hành động và chia phần của cải tiền bạc chiếm đoạt được. Đặc trưng nổi bật của loại tham nhũng này là phần của cải lấy được không phải do một cá nhân độc chiếm mà được tẩu tán, ăn chia theo tỷ lệ do những kẻ tham nhũng thỏa thuận với nhau (nếu ăn chia không công bằng sẽ gây lục đục dễ bị bại lộ).

Tham nhũng do một cá nhân tiến hành thường dễ phát giác hơn tham nhũng tập thể. Vì, tham nhũng tập thể được tiến hành dưới danh nghĩa tập thể, ẩn nấp dưới nhiều hình thức khác nhau và được bao lót bởi nhiều tầng lớp, bằng nhiều thủ đoạn, mánh khóe. Có khi, bên ngoài thì "giả ân giả nghĩa", vì tập thể mà phục vụ, bên trong thì mặc sức đục khoét của công. Khi bị phát giác thì dùng sức mạnh của tập thể để bao che, kháng cự, hợp thức hóa những hành vi phạm pháp. Tham nhũng tập thể gây hậu quả lớn hơn, vì cùng một lúc nó làm cho nhiều người tha hóa, rơi vào con đường phạm tội.

2 - *Tham nhũng trực tiếp và tham nhũng gián tiếp.*

Tham nhũng trực tiếp là kẻ tham nhũng tự mình thực hiện hành vi tham nhũng như : nhận hối lộ, bớt xén công quỹ, lấy của cải của nhà nước làm của riêng mình. Còn tham nhũng gián tiếp là kẻ tham nhũng không trực tiếp nhúng tay mà lợi dụng quyền lực để ban hành những quy chế có lợi cho số ít người mà đặc

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 133

Digitized by Google

biệt là cho mình, là việc thông qua bàn tay người khác như vợ, con, bạn bè... (nằm ngoài bộ máy nhà nước) thay mình thực hiện mưu đồ tham nhũng.

Tham nhũng gián tiếp thường xảy ra đối với tầng lớp quan chức có thế lực và những người thực thi mưu đồ tham nhũng sẽ dựa vào thế lực này gây sức ép với cơ quan, cá nhân như : xin đất, lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh với nước ngoài, vay vốn ngân hàng lãi suất thấp, mua vật tư thiết bị quý hiếm với giá hạ... Ở nước ta hiện nay hình thức tham nhũng gián tiếp diễn ra ngày càng nhiều với những thủ đoạn rất tinh vi. Kẻ thủ mưu "ném đá giấu tay", "đứng sau bức rèm nhung thò tay nhặt quả táo vàng". Tham nhũng gián tiếp nhiều khi được hợp thức hóa cho nên rất khó phát hiện và xác định hành vi phạm tội.

3 - *Tham nhũng có ý thức và tham nhũng không có ý thức.*

Tham nhũng có ý thức là kẻ tham nhũng có chủ ý ngay từ đầu và vạch ra mục tiêu, biện pháp tiến hành tham nhũng. Trái lại, tham nhũng không có ý thức hay còn gọi là tham nhũng "lây" thì người lấy của không ý thức được rằng của ấy ở đâu ra. Chẳng hạn như ở một cơ quan, xí nghiệp nào đó có hiện tượng khai man, hoặc bớt xén, khai khống, làm luận chứng giả, để xoay tiền của của nhà nước đem chia cho cán bộ, nhân viên dưới dạng "tiền thưởng", "tiền bồi dưỡng"... Nếu như sự việc không bị vỡ lở thì ngoài những kẻ chủ mưu, đa số cán bộ công nhân không ý thức được rằng phần mình được "hưởng" lại chính là của tham nhũng.

Tham nhũng không có ý thức thường là kết quả tiếp theo của tham nhũng có ý thức. Hay nói cách khác, nằm trong mối quan hệ này thì tham nhũng có ý thức là kẻ chủ mưu, còn tham nhũng không có ý thức là kẻ tòng phạm. Vì là tham nhũng không có ý thức cho nên mức độ tội trạng nhẹ hơn tham nhũng có ý thức. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, tham nhũng có ý thức và tham nhũng không có ý thức luôn gắn kết, đan xen, bọc lót cho nhau, lấy cái tham nhũng không có ý thức làm bình phong cho cái tham nhũng có ý thức. Tình hình này đang diễn ra hết sức phức tạp ở không ít xí nghiệp, và ngay cả ở một số cơ quan đảng và nhà nước. Nó làm lẫn lộn phải trái, trắng đen, chính tà, công tội ; nó mê hoặc mị dân, khiến cho các nhà chức trách rất khó phát hiện và truy cứu trách nhiệm.

4 - *Tham nhũng chủ động và tham nhũng bị động.*

Tham nhũng chủ động là kẻ chủ mưu tham nhũng luôn luôn nắm chắc và biết trước được khoản tiền hoặc tài sản mà nó định chiếm đoạt. Chẳng hạn như thông qua ký kết hợp đồng xây dựng, bên B phải nộp lại cho bên A phần trăm tổng giá trị công trình ; cũng tương tự, bên xin cấp đất, cấp cô-ta... phải nộp một tỷ lệ phần trăm theo thỏa thuận cho người ký quyết định... Còn tham nhũng bị động diễn ra trong điều kiện kẻ tham nhũng nhận được những khoản tiền hoặc tài sản một cách bất ngờ (nó không tính trước được hoặc có tính cũng chỉ áng chừng). Chẳng hạn như, một quan chức này lấy tiền của nhà nước mua ti vi, máy lạnh, "phong bì" để "tặng", "biếu" cho một quan chức khác. Trong trường hợp như vậy, có thể nói kẻ hối lộ được coi là tham nhũng chủ động, còn kẻ nhận hối lộ thuộc diện tham nhũng bị động.

Tham nhũng bị động thường xảy ra với những cán bộ có chức có quyền, nắm giữ vị trí kinh tế quan trọng, có nhiều người phải cầu cạnh. Những vị quan chức tham nhũng loại này thường thông qua vợ, con mà nhận của cải (dân gian thường gọi là *"lộc"*).

Tham nhũng chủ động và tham nhũng bị động thường được thực hiện trong mối quan hệ "có đi có lại", và nó được ngụy trang dưới dạng "tình cảm", "bồi dưỡng" v.v.. Hình thức này diễn ra khá phổ biến trong các cơ quan, doanh nghiệp. Nó gây tổn thất không ít cho ngân sách nhà nước.

5 - *Tham nhũng đơn và tham nhũng kép.*

Tham nhũng đơn là hành vi tham nhũng do một hoặc một nhóm người tự thực hiện.

Digitized by Google

Trái lại, tham nhũng kép là bản thân kẻ tham nhũng không những thực hiện hành vi lấy của cho mình mà còn dựa vào những kẻ tham nhũng khác để lấy của (tham nhũng của những kẻ đi tham nhũng). Giả dụ, có một tổng giám đốc công ty nào đó thông đồng với kế toán biển thủ công quỹ để tiêu xài cho cá nhân mình (có thể hiểu là tham nhũng đơn), đồng thời trên cương vị tổng giám đốc anh ta lại thông đồng với các giám đốc công ty trực thuộc thực hiện hành vi lấy của của nhà nước (đó có thể hiểu là tham nhũng kép). Tham nhũng kép được thực hiện ở mức độ nhiều hay ít, rộng hay hẹp là tùy thuộc vào vị trí quyền lực cũng như lĩnh vực hoạt động cụ thể của vị quan chức tham nhũng. Thông thường thì tham nhũng kép có thể mang lại khoản "tích lũy nguyên thủy" nhanh hơn và nhiều hơn. Do vậy trong thực tế tham nhũng kép được nhiều vị quan tham vận dụng (ăn nhiều mang). Tuy nhiên, tham nhũng kép có nguy cơ rất dễ bị phát hiện, vì nó thực hiện qua nhiều người, nhiều khâu.

6 - *Tham nhũng bột phát và tham nhũng có hệ thống.*

Ngoài những kẻ chủ mưu (có ý đồ trước) chui vào bộ máy nhà nước để kiếm bổng lộc hoặc thực hiện hành vi tham nhũng, thì có những vụ tham nhũng chỉ có tính chất bột phát. Nó xảy ra đối với một số quan chức, kể cả quan chức cấp cao, có người suốt cả quá trình cống hiến, "vào tù ra tội", không mắc sai lầm nhưng khi bị đồng tiền cám dỗ, không đấu tranh nổi và rơi vào con đường phạm tội tham nhũng.

Tham nhũng bột phát xảy ra đối với một hoặc một số quan chức trong thời điểm cụ thể do lòng tham trỗi dậy đã "chép miệng làm càn", hoặc "trót dại" một lần. Còn tham nhũng có hệ thống là kẻ tham nhũng lặp đi lặp lại nhiều lần hành vi của mình với những mưu đồ và thủ đoạn ngoan cố.

Muốn biết hậu quả của hai loại tham nhũng này, cần phải xem xét từng vụ việc cụ thể. Có trường hợp tham nhũng bột phát dù chỉ một lần nhưng lại gây hậu quả nghiêm trọng hơn tham nhũng có hệ thống. Tuy nhiên, trong điều kiện bình thường nếu cùng một vụ việc xảy ra thì tham nhũng có hệ thống bao giờ cũng gây hậu quả nghiêm trọng hơn và mang tội danh nặng hơn.

VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CẤP BÁCH

Định nghĩa tham nhũng là "lợi dụng quyền hành để nhũng nhiễu dân và lấy của" (2) đã chỉ rõ kẻ tham nhũng không ở đâu xa mà nó nằm ngay trong bộ máy quyền lực. Định nghĩa này đã trả lời một cách chung nhất câu hỏi ai là kẻ tham nhũng ? Đó là một số cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước đã thoái hóa biến chất nằm trong bộ máy của đảng và nhà nước. Vậy ai là người đấu tranh chống tham nhũng ? Đó là đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động sống trong sạch, lành mạnh. Muốn khơi dậy và tập hợp được lực lượng quần chúng đông đảo này vào công cuộc đấu tranh chống tham nhũng thì Đảng và Chính phủ cần có nghị quyết và những quyết định rất cơ bản về chống tham nhũng. Đó là những văn bản vừa tạo cơ sở pháp lý cho các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng đấu tranh chống tham nhũng, vừa khẳng định quyết tâm của Đảng và Chính phủ, củng cố lòng tin của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng và tiêu cực.

Ngày 15-5-1996, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 14 về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, trong đó đã chỉ rõ những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng tham nhũng hiện nay, và trên cơ sở đó, đề ra phương hướng và những giải pháp chống tham nhũng.

Đại hội VIII của Đảng đã quyết định "Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng", coi đó là một nội dung quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện nhà nước ta.

Các nghị quyết đó của Đảng cần được thể chế hóa thành pháp luật của nhà nước. Mong muốn sâu sắc của cán bộ và nhân dân ta là

(2) *Từ điển tiếng Việt* : Trung tâm từ điển ngôn ngữ xuất bản, Hà nội, 1992, tr 895

Digitized by Google

Quốc hội sẽ sớm ban hành Luật về chống tham nhũng.

Về mặt tổ chức, cần hình thành một tổ chức thực sự có uy tín, có quyền lực, thực sự trong sạch để thực thi nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng. Vừa qua, Ban thường trực chống tham nhũng của Chính phủ đã được thành lập và hoạt động nhưng chưa thực sự có hiệu lực, phải chăng vì chưa có một cơ chế hoạt động phù hợp với chức năng đặc thù của chính nó.

Theo chúng tôi, cần thành lập Ủy ban chống tham nhũng. Ủy ban này vừa là cơ quan tham mưu cho Đảng và Chính phủ, vừa là cơ quan có đặc quyền đề nghị xử lý kỷ luật hoặc khởi tố trước pháp luật những đơn vị, cá nhân nhũng nhiễu dân và lấy của. Một ủy ban chống tham nhũng như vậy đòi hỏi phải bao gồm những cán bộ lãnh đạo cao cấp chủ chốt, có uy tín và quyền lực, có khả năng bao quát, quyết đoán được mọi vấn đề, theo đúng luật pháp, đối với mọi cấp, mọi ngành và mọi người khi phạm tội tham nhũng. Đảng, Quốc hội và Chính phủ cần dành cho ủy ban này một cơ chế hoạt động đặc biệt với những quy định cụ thể rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm.

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của Ủy ban chống tham nhũng là xây dựng một chương trình chống tham nhũng trình lên Bộ Chính trị và Chính phủ. Chương trình này, theo chúng tôi, có thể gồm 10 điểm chủ yếu sau đây :

1 - Đánh giá đúng thực trạng tình hình tham nhũng ở nước ta hiện nay. Xác định nguyên nhân và quy mô mức độ tham nhũng đang diễn ra trong các cơ quan đảng và nhà nước.

2 - Thiết kế một giải pháp đồng bộ (cho trước mắt và lâu dài) về chống tham nhũng.

3 - Xây dựng quy chế tổ chức, quy chế hoạt động, bảo đảm thực thi nhiệm vụ chống tham nhũng có hiệu quả.

4 - Cùng với đảng ủy và ủy ban nhân dân các cấp tổ chức cho quần chúng nhân dân học tập quán triệt nghị quyết của Đảng và Nhà nước về chống tham nhũng. Phát động quần chúng nhân dân phát giác những tập thể và cá nhân cán bộ, đảng viên có hành vi tham nhũng.

5 - Kiến nghị với Đảng và Nhà nước ban hành sắc luật kê khai tài sản đối với cán bộ đảng viên đang làm việc trong bộ máy đảng và nhà nước (từ bí thư, chủ tịch huyện trở lên).

6 - Thông qua kiểm kê tài sản và sự phát giác của quần chúng tiến hành thẩm định, xác minh, phân loại, lập hồ sơ các đối tượng tham nhũng và có liên quan đến tham nhũng.

7 - Kiến nghị với Đảng và Nhà nước về mức độ xử lý hoặc thi hành kỷ luật trong nội bộ hoặc khởi tố trước pháp luật những kẻ có hành vi tham nhũng. Trước mắt, không nên giao những trọng trách quan trọng cho những cán bộ, đảng viên bị quần chúng phát giác có hành vi tham nhũng hoặc đồng lõa với bọn tham nhũng, buôn lậu.

8 - Phối hợp với các ngành chức năng thúc đẩy việc điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, với những hình phạt thích đáng (phạt tù và đền bù tài sản đã bị thất thoát) để làm gương cho những kẻ đang có mưu đồ chiếm đoạt tài sản của nhà nước, của công dân.

9 - Phối hợp với các ngành trong việc soạn thảo các văn bản cải cách về chính sách và các quy chế quản lý, thủ tục hành chính và các điều kiện cần thiết để triệt tiêu tận gốc tệ tham nhũng. (Chẳng hạn như việc xây dựng chính sách tiền lương ; nếu mức lương của những người làm công ăn lương mà quá thấp (không bảo đảm mức sống bình thường) thì khó có thể lôi kéo họ vào guồng máy đấu tranh chống tham nhũng).

10 - Có chế độ khen thưởng thích đáng và lập hàng rào bảo vệ những tập thể, và cá nhân có thành tích, kiên quyết đấu tranh phát giác những kẻ tham nhũng ❑

Digitized by Google

VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN Ở NINH BÌNH

TÔ XUÂN TOÀN *

BÀI học thành công và cả thất bại của nhiều nước đang phát triển cho thấy khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trước hết phải bắt đầu từ nông nghiệp và làm chuyển đổi kinh tế nông thôn. Đối với nước ta, điều ấy càng trở nên quan trọng và bức thiết vì nước ta về cơ bản vẫn là nước nông nghiệp lạc hậu. Một nền nông nghiệp mạnh sẽ là tiền đề cho sự phát triển kinh tế, bảo đảm mục tiêu kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đã xác định một số vấn đề cơ bản nhất về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Báo cáo chính trị Đại hội VIII đã hệ thống hóa quan điểm của Đảng ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; trong đó, một nội dung quan trọng được nêu bật là : công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm thủy sản ; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Những định hướng cơ bản đó đã mở đường cho quá trình vận dụng và thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với kinh tế - xã hội nói chung và đối với nông nghiệp và kinh tế nông thôn Ninh bình nói riêng. Thực trạng nông nghiệp, nông thôn Ninh bình và kết quả 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới đã tạo cho chúng tôi những tiền đề và kinh nghiệm bước đầu để phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Tỉnh Ninh bình nằm ở cực Nam đồng bằng Bắc bộ với diện tích đất tự nhiên gần 1 400 km^2, trong đó đất đồi núi và nửa đồi núi chiếm 70%, đất sử dụng vào nông nghiệp là 65 000 ha, đất sử dụng vào lâm nghiệp trên 16 000 ha...

Ninh bình có lợi thế về giao thông cả đường sắt, đường bộ, đường thủy, bến cảng, có tiềm năng lớn để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, với trữ lượng đá vôi hàng chục tỷ m^3, đồng thời rất giàu tiềm năng về phát triển kinh tế du lịch. Toàn tỉnh có gần 90 vạn dân, trong đó nhân khẩu nông nghiệp chiếm khoảng 83%. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP hiện nay là 53,7% (theo xu hướng giảm tỷ lệ nông nghiệp, tăng công nghiệp, dịch vụ, du lịch). Đó là những tiềm năng quan trọng, những tiền đề cần thiết để Ninh bình phát triển trong thời gian tới.

Qua 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, nhất là từ Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng đến nay, cùng với nhân dân cả nước, Đảng bộ và quân, dân Ninh bình đã nỗ lực phấn đấu đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đối với nông nghiệp và nông thôn, trên cơ sở quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII), toàn tỉnh đã hoàn thành giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài, tạo điều kiện để hộ nông dân phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh ; đồng thời yên tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là thủy lợi và thực hiện các biện pháp khuyến nông. Bộ mặt nông thôn mới đang hình thành, đời sống nông dân nhìn chung ổn định và từng bước được cải thiện ; số hộ nghèo đói giảm dần, số hộ khá, giàu ngày một tăng, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được tăng cường.

Tuy vậy, kết quả sản xuất nông nghiệp chưa ổn định vững chắc, sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn chưa phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển

* Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Ninh bình

Digitized by Google

dịch chậm, nông dân Ninh bình vẫn chưa thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu... Việc đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp cũng như các lĩnh vực khác chưa được quan tâm đúng mức, còn lúng túng, buông lỏng, ở nhiều nơi hợp tác xã chỉ tồn tại một cách hình thức. Đây vừa là thiếu sót, khuyết điểm, vừa là những vấn đề bức xúc, khó khăn phải quan tâm giải quyết để chống nguy cơ tụt hậu trên một phạm vi rộng lớn của tỉnh chúng tôi.

Đại hội các đảng bộ trực thuộc và đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đã xác định : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi cơ cấu, nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, chú trọng xây dựng quan hệ sản xuất mới, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường hệ thống chính trị, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ phương hướng trên, chúng tôi xác định đến năm 2000 phấn đấu để có cơ cấu kinh tế : nông nghiệp chiếm 30%, công nghiệp chiếm 35%, dịch vụ, du lịch chiếm 35%, xây dựng Ninh bình thành tỉnh công - nông nghiệp - du lịch, dịch vụ.

Đối với Ninh bình, một tỉnh về cơ bản vẫn là tỉnh nông nghiệp, chúng tôi càng thấy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn có ý nghĩa vô cùng to lớn, bức xúc. Chúng tôi coi đây vừa là nhiệm vụ mang tính đột phá, cấp bách, vừa là nhiệm vụ trọng tâm cơ bản, lâu dài. Đây đồng thời cũng là cuộc cách mạng sâu rộng liên quan và chi phối đến mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội của tỉnh.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn thực ra đối với chúng tôi không phải là điều quá mới mẻ. Nhưng việc đặt nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn trong bối cảnh công cuộc đổi mới toàn diện của tỉnh, cũng như trong khung cảnh chung của đất nước, thì đây vẫn là một công việc cực kỳ mới mẻ, phức tạp, khó khăn, cần phải nhìn nhận, suy nghĩ và khám phá, thậm chí có bước phải làm lại từ đầu.

Bước đầu thực hiện nhiệm vụ khó khăn này, về mặt nhận thức, chúng tôi xác định :

- Phải đồng thời thực hiện cả ba quá trình : *Một là,* thay đổi phương pháp sản xuất cũ bằng phương pháp sản xuất mới như việc áp dụng khoa học và công nghệ, sinh học, hóa học ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải tạo, quy hoạch lại nông thôn, đồng ruộng ... *Hai là,* thay dần lao động thủ công là chính bằng lao động từng bước cơ giới hóa, cơ khí hóa, tạo ra năng suất lao động cao. Việc thay đổi này tiến hành cả ở khâu sản xuất như điện, thủy lợi, cày, bừa, cấy, gieo hạt, ... khâu thu hoạch như gặt, đập, quạt thóc, phơi sấy ... đến khâu sau thu hoạch như bảo quản, xay xát ... *Ba là,* làm sao để nông nghiệp ngày càng gắn bó với công nghiệp thể hiện từ dịch vụ nông nghiệp , phát triển ngành nghề đến chế biến sản phẩm, cải tiến công cụ lao động ...

- Phải coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, từ trồng trọt sang chăn nuôi và chế biến. Đó cũng là quá trình chuyển dịch, thay đổi cả ngành nghề, cây con, thời vụ ngay trong địa bàn một xã, một huyện, đến quy mô cả tỉnh.

- Đây cũng là quá trình làm tăng hiệu quả kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới, là kết quả tổng hợp để thực hiện việc "rời ruộng không rời làng", khôi phục nghề truyền thống và phát triển ngành nghề mới, có quy mô thích hợp, có kỹ thuật ngày càng cao.

- Khâu đột phá chính của toàn bộ quá trình này là hộ gia đình. Chú ý kết hợp sức mạnh của nhà nước, của cộng đồng với sức mạnh của từng hộ nông dân, tác động vào những khâu chính yếu nhất để làm tăng hiệu quả và tạo ra phản ứng dây chuyền. Mục tiêu cuối cùng phải là thay đổi cách nghĩ, cách làm của từng người nông dân, làm tăng năng suất lao động, ngày càng làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội, thu nhập của nông dân ngày càng cao, cải thiện điều kiện sống và điều kiện làm việc của người lao động.

Để thực hiện những phương hướng nhiệm vụ theo đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng và biến những nhận thức trên thành hiện thực, chúng tôi xác định những nhiệm vụ trọng điểm trước mắt cần tập trung giải quyết ở Ninh bình như sau :

Digitized by Google

- Tập trung xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, khai thác và phát huy các tiềm năng, thế mạnh và nguồn lực hiện có, nhất là đối với vùng biển và đồi núi, với tinh thần gắn nông nghiệp với công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, cố gắng tăng sản phẩm chế biến, giảm bán nguyên liệu thô để nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội.

- Phát triển sản xuất toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, từng bước hình thành các vùng tập trung chuyên canh với cơ cấu hợp lý về cây trồng, con nuôi, tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. (Vùng giáp đô thị chuyển sang nuôi, trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao, cung cấp cho nhu cầu đô thị. Vùng đồng bằng đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, hình thành những khu vực gieo cấy lúa đặc sản. Vùng đồi núi thì chuyển những diện tích cấy lúa hiệu quả kinh tế thấp, sang nuôi trồng những cây, con có giá trị kinh tế cao, đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp với kết cấu nhiều tầng và kết hợp trồng cây công nghiệp, cây ăn quả với chăn nuôi đại gia súc. Huy động mọi nguồn vốn để mua tàu đánh bắt cá trên biển xa ...).

- Phát triển mạnh các ngành nghề thủ công, chú trọng khôi phục các nghề truyền thống như : chiếu cói, thêu ren, đồ mộc, đá mỹ nghệ, đan lát, nghề chế biến nông sản thực phẩm ; đồng thời tạo điều kiện để đưa thêm những ngành nghề mới vào nông thôn, chuyển dần lao động nông nghiệp sang sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thực hiện phương châm : "rời ruộng nhưng không rời làng".

- Đưa công nghiệp và dịch vụ vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, cơ giới hóa các khâu lao động nặng nhọc, nâng cao năng suất lao động, từng bước đưa công nghệ mới vào các khâu gieo trồng, thu hái, chế biến, bảo quản để vừa giảm hao hụt vừa tăng giá trị sản phẩm.

- Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nhất là hệ thống điện, thủy lợi, giao thông nông thôn, thông tin liên lạc, xây dựng trường học, trạm y tế, chợ nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống nhân dân...

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, xúc tiến việc đổi mới tổ chức, quản lý hợp tác xã nông nghiệp, phát hiện và áp dụng các loại hình hợp tác phù hợp với điều kiện cụ thể và yêu cầu sản xuất của nông dân, có sự quản lý, hướng dẫn của nhà nước bảo đảm nguyên tắc : tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi. Gắn quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế hợp tác. Bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là vấn đề lớn và phức tạp, có việc phạm vi một tỉnh không thể giải quyết được. Từ thực tiễn địa phương, tôi xin kiến nghị một số vấn đề thuộc phạm vi quản lý kinh tế vĩ mô như sau :

1- Đi đôi với việc đầu tư xây dựng các khu công nghiệp tập trung, nhà nước cần quan tâm đầu tư xây dựng một số cơ sở công nghiệp lớn ở các tỉnh có khó khăn về kinh tế, tạo điều kiện cho các tỉnh này chuyển dịch về cơ cấu kinh tế và bảo đảm nguồn thu cho ngân sách địa phương. Đối với các tỉnh nông nghiệp, cần đầu tư xây dựng công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, coi đây là một trong những mũi nhọn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2- Nhà nước cần tiếp tục tạo điều kiện về vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình thủy lợi đầu mối phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt cần quan tâm đầu tư cho vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng (ở những nơi này nếu không có sự đầu tư của nhà nước một cách thỏa đáng thì không thể có điều kiện phát triển).

3- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách khuyến nông, ưu tiên đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ sinh học vào lĩnh vực nông nghiệp, tạo điều kiện để các nhà khoa học và cơ quan nghiên cứu đi sâu nghiên cứu nhằm phục vụ cho nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4- Nhà nước cần có cơ chế và chính sách tạo thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm, bảo hộ sản xuất đối với nông dân.

5- Các nông trường, trạm trại của trung ương đóng trên địa bàn mà hiệu quả kinh tế hạn chế, nên chuyển giao cho địa phương quản lý, sử dụng và khai thác để phát huy hiệu quả cả về kinh tế và xã hội trên cơ sở đặc điểm tình hình và những lợi thế của địa phương ❑

Digitized by Google

Huyện Gia lâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

LÊ QUÝ ĐÔN *

LÀ một trong 5 huyện ngoại thành Hà nội, Gia lâm nằm ở cửa ngõ phía đông bắc, có diện tích tự nhiên 17 251 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm hơn 53% (48,7% đất canh tác), còn lại là đất thổ cư, xây dựng cơ bản và sử dụng cho các mục đích khác. Toàn huyện có hơn 300 ngàn dân, trong đó hơn 22% sống ở 4 thị trấn. Trên địa bàn huyện có 64 doanh nghiệp của nhà nước trung ương và thành phố, hơn 100 cơ quan nhà nước. Gia lâm là một huyện có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế, như nằm trong tam giác kinh tế Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh, là đầu mối giao thông, đất đai màu mỡ, lao động dồi dào và có trình độ kỹ thuật khá, cơ sở hạ tầng tương đối tốt, vốn nhàn rỗi trong dân còn nhiều.

Những năm qua, Gia lâm đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi trong phát triển kinh tế - xã hội. Giá trị sản lượng nông nghiệp (1991 - 1995) bình quân mỗi năm đạt 160,227 tỉ đồng (giá cố định 1994) ; thu nhập kinh tế nông thôn bình quân mỗi ha canh tác tăng từ 11,5 triệu đồng (1991) lên 30,7 triệu đồng (1995) ; giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 61,449 tỉ đồng (1991) lên 158,412 tỉ đồng (1995) ; thương mại dịch vụ phát triển rộng khắp trên địa bàn, nâng tổng mức bán lẻ bình quân hằng năm tăng 15,7%. Do sản xuất phát triển, Gia lâm đã xóa được đói, giảm được hộ nghèo từ 5,1% (1991) xuống còn 2,5% (1995) ; hộ giàu tăng lên đáng kể (chiếm gần 30%) ; đời sống nhân dân được cải thiện cả về vật chất và tinh thần.

Những thành tích đạt được đã có tác dụng to lớn trong việc tạo đà cho sự phát triển về kinh tế - xã hội của huyện trong những năm tới. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, các tiềm năng của huyện vẫn chưa được khai thác triệt để, cơ cấu kinh tế chưa thật hợp lý, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cụ thể là cho đến năm 1995 ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chỉ mới chiếm 29,36% GDP, nông nghiệp chiếm 13,06% GDP ; trong khi đó thương nghiệp - dịch vụ chiếm tới 57,58% GDP ; Thực trạng cơ cấu kinh tế của Gia lâm thể hiện qua biểu :

Biểu 1 : *Cơ cấu ngành kinh tế tính theo GDP của huyện Gia lâm*

	1990		1994		1995	
	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr. đồng)	Tỷ trọng (%)
Thương mại, dịch vụ	78,110	47,33	462 333	57,81	508 566	57,58
Công nghiệp	40,734	24,68	227 449	28,44	259 349	29,36
Nông nghiệp	46,202	27,99	109 820	13,75	115 311	13,06

Về cơ cấu lao động, Gia lâm có 66,51% số hộ ở nông thôn chuyên sản xuất nông nghiệp, còn lại là các hộ tham gia các ngành nghề công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, thương nghiệp, dịch vụ... Tổng số dân phi nông nghiệp chiếm 46,87%, số dân nông nghiệp chiếm 53,13%.

Xét từ góc độ thu nhập chung của dân cư, thì thu nhập chính của huyện vẫn là từ ngành thương mại, dịch vụ. Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên, vì Gia lâm có lợi thế hơn nhiều địa phương khác về cái gọi là "địa tô chênh lệch". Nhưng nếu theo quan điểm sản xuất, thì Gia lâm đáng ra phải là một huyện có nền công nghiệp phát triển, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, tạo ra nhiều sản phẩm cho

* Bí thư huyện ủy Gia lâm, Hà nội

Digitized by Google

xã hội. Chính vì vậy chúng tôi cho rằng, với cơ cấu kinh tế hiện có, thì nền kinh tế huyện trên thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Đứng trước tình hình đó, và để khai thác tốt hơn nữa tiềm năng sẵn có, khắc phục những tồn tại và khó khăn, từng bước đưa Gia lâm trở thành huyện giàu và đẹp của thủ đô Hà nội, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện đã xác định, không thể bằng lòng với cơ cấu hiện tại của nền kinh tế huyện nhà, và xác định rằng chỉ có thể bằng con đường chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng : công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp - thương mại dịch vụ. Nghĩa là, ngành thương mại dịch vụ vẫn tiếp tục phát triển đều, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trước xu thế đô thị hóa, tận dụng tối đa lợi thế so sánh của mình. Nhưng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp phải được ưu tiên phát triển, để tỷ trọng của các ngành sản xuất ngày càng tăng.

Định hướng cơ bản về lượng cho các ngành kinh tế của huyện Gia lâm đến năm 2000 như sau (xem biểu 2).

Biểu 2 : *Phương hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Gia lâm (lấy mức GDP năm 1995 = 100%)*

(Đơn vị đo : %)

	1996		1997		1998		1999		2000	
	GDP	Tỷ trọng	GDP	Tỷ trọng	GDP	Tỷ trọng	GDP	Tỷ trọng	GDP	Tỷ trọng
Tổng toàn bộ GDP	110,5	100	122,2	100	135,3	100	149,8	100	165,9	100
Thương mại - Dịch vụ	110,0	57,31	121,0	57,00	133,1	56,66	146,4	56,29	161,1	55,89
Công nghiệp	114,0	30,29	129,9	31,22	148,1	32,17	168,8	33,11	192,5	34,07
Nông nghiệp	105,0	12,40	110,3	11,78	115,8	11,17	121,6	10,60	127,6	10,04

Như vậy, tỷ trọng của ngành công nghiệp sẽ ngày một tăng lên, trong khi tỷ trọng của thương mại-dịch vụ giảm dần qua các năm. Nếu tính cả các ngành của trung ương và thành phố đóng trên địa bàn huyện, thì cơ cấu GDP đến năm 2000 sẽ là : công nghiệp chiếm 45,16% ; dịch vụ : 47,90% ; nông nghiệp : 6,94% ; nghĩa là ngành công nghiệp sẽ vươn lên gần ngang với thương mại - dịch vụ về tỷ trọng GDP tạo ra.

Tuy nhiên, cơ cấu về lượng giữa các ngành chưa thể nói lên hết thực chất sự phát triển kinh tế - xã hội. Theo chúng tôi, điều cốt lõi của vấn đề là *chọn cơ cấu nào cho phù hợp với điều kiện cụ thể trong việc sử dụng tối ưu và có hiệu quả các nguồn lực hiện có của huyện.* Do đó, không thể có một cơ cấu "mẫu" để rập khuôn một cách cứng nhắc. Trên quan điểm đó chúng tôi cho rằng huyện Gia lâm có đầy đủ các điều kiện để đẩy mạnh phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Với phương hướng đã định chúng tôi quyết tâm đưa tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm từ nay đến năm 2000, tính cho toàn kỳ là 16,45%. Như vậy GDP bình quân cho một đầu người sẽ đạt được hơn 700 USD vào năm 2000, và lúc đó Gia lâm cơ bản không còn hộ nghèo, số hộ giàu chiếm 35%. Cơ sở hạ tầng : giao thông, nước sạch, điện, thông tin, các công trình phúc lợi công cộng sẽ đáp ứng tốt hơn yêu cầu sản xuất ngày càng tăng và xu hướng đô thị hóa. Bảo đảm 100% học sinh trong độ tuổi đi học, nâng cấp hệ thống thông tin, trường học, công trình văn hóa, đặc biệt chú ý đến các vùng nông thôn, rút ngắn khoảng cách về đời sống vật chất, tinh thần và dân trí giữa nông thôn và các thị trấn.

Về công nghiệp, phấn đấu đến năm 2000 đạt tốc độ phát triển hằng năm là 14,0%, toàn kỳ là 19,8% và tập trung vào các ngành như công nghiệp gốm sứ, chế biến nông sản, giầy da, may mặc, vật liệu xây dựng...

Tận dụng ưu thế của một huyện ven đô, Gia lâm sẽ tiếp tục phát triển ngành dịch vụ, vươn lên

Digitized by Google

đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, đa dạng hóa sản phẩm. Muốn thực hiện được như vậy, dịch vụ cũng phải đa dạng hóa, bám sát nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội theo những mục tiêu đã đề ra.

Do đặc thù của huyện nên giá trị ngành nông nghiệp tuy có tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế, nhưng nó vẫn đang và sẽ có vị trí quan trọng đối với Gia lâm và cả TP Hà nội. Đến năm 2000 số lao động tham gia sản xuất nông nghiệp của huyện dự kiến sẽ còn khoảng 40%. Mặc dù tỷ trọng giảm dần, nhưng nông nghiệp Gia lâm sẽ phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hằng năm là 5%, trong toàn kỳ (1996 - 2000) là 5,6%, là ngành nông nghiệp thâm canh, đa dạng hóa và sản xuất hàng hóa để cung cấp kịp thời hàng hóa với chất lượng ngày càng cao cho dân cư trên địa bàn huyện cho cả nội thành và cung cấp nguyên vật liệu cho các ngành công nghiệp chế biến nông sản.

Để thực hiện thành công những định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng tôi chủ trương phải thực thi những giải pháp quan trọng sau :

1. Phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trung ương và thành phố đóng trên địa bàn huyện với các doanh nghiệp do huyện quản lý, để tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Trong mối quan hệ đó, các ngành công nghiệp địa phương cùng với hộ gia đình có thể làm vệ tinh, lấy địa bàn huyện làm nơi sơ chế và cung cấp nguyên vật liệu tại chỗ cho các ngành công nghiệp lớn. Cùng với trung ương và thành phố, huyện sẽ xây dựng khu công nghiệp chế biến nông sản gồm các nhà máy chế biến sữa, rau quả, thịt lợn ở Dương xá, Phú thị ; xây dựng khu trung tâm gốm sứ Bát tràng, công nghiệp đa dạng ở Trâu quỳ, Yên viên - Ninh hiệp. Đẩy mạnh xây dựng các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến vào các ngành công nghiệp truyền thống trên địa bàn, chú trọng bố trí một số xí nghiệp công nghiệp ở các vùng thuần nông, đất rộng, đông dân cư để khai thác tiềm năng về đất đai, nguồn nguyên liệu và lao động.

2. Giải pháp về huy động vốn. Kinh tế càng phát triển thì nhu cầu về vốn đầu tư càng cao. Theo tính toán của các chuyên gia, thì muốn tăng GDP lên 1%, vốn đầu tư phải là 2,8 - 3% GDP (trong khi đó hệ số này của nhiều nước thường ở mức 4%)(1). Như vậy, trong giai đoạn từ 1996 đến năm 2000 (trong phạm vi quản lý của mình) huyện Gia lâm phải đầu tư thêm bình quân mỗi năm là 388 tỉ đồng, trong đó chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp và dịch vụ ; riêng nông nghiệp bình quân mỗi năm đầu tư thêm từ 18 đến 20 tỉ đồng.

Ngoài vốn đầu tư cho sản xuất, huyện cần một lượng vốn lớn cho xây dựng cơ sở hạ tầng (trừ phần xây dựng cơ sở hạ tầng của trung ương và thành phố). Tổng số vốn đầu tư cho lĩnh vực này trong cả hai thời kỳ 1996 - 2000 và 2001 - 2010 là 1 204 tỉ đồng. Trong đó các ngành được phân bổ như sau : giao thông : 540 tỉ ; thủy lợi : 200 tỉ ; điện : 200 tỉ ; nước sạch : 140 tỉ đồng...

Để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, chúng tôi dự tính : Trong lĩnh vực sản xuất, vốn tự có của ngành công nghiệp chiếm 70%, vốn đi vay và liên doanh chiếm 30%. Ngành dịch vụ tỷ lệ đó là 65 và 35, ngành nông nghiệp : 85 và 15. Vốn tự có là vốn tích lũy từ sự tăng trưởng GDP và vốn nhàn rỗi trong dân cư cần khai thác. Đối với xây dựng cơ sở hạ tầng vốn tự có của huyện chiếm 70%, phần còn lại là đầu tư từ ngân sách nhà nước (vốn tự có của huyện được huy động bằng sự đóng góp của dân, ngân sách xã và huyện). Ngành thủy lợi ngân sách nhà nước cấp là 75%, của dân đóng góp là 25% ; ngành điện con số tương ứng là 67 và 33 ; các công trình về nước sạch : 60 và 40. Chúng tôi cũng sẽ dành một phần

(1) Xem : *Việt nam cải cách kinh tế theo hướng rồng bay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 159

Digitized by Google

đầu tư thích đáng cho các hoạt động văn hóa - xã hội và môi trường sinh thái.

3. Mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Đây là vấn đề khó, nhưng rất cốt yếu, vì không khảo sát kỹ thị trường đầu vào và thị trường đầu ra thì mọi dự án đầu tư cho phát triển sản xuất đều khó đem lại kết quả tốt, thậm trí có thể dẫn đến phá sản. Chúng tôi đang và sẽ xây dựng đội ngũ tư vấn, giúp việc chuyên trách về các vấn đề tiếp thị cho các dự án đầu tư và hợp tác liên doanh ; đồng thời có chính sách ưu đãi cho những công ty tư vấn đầu tư nước ngoài muốn có cơ sở làm việc tại địa bàn của huyện.

4. Phát huy vai trò của các thành phần kinh tế. Chúng tôi coi việc phát huy vai trò của các thành phần kinh tế là sự huy động sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế - xã hội. Bởi vậy, huyện đã có chủ trương cụ thể khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư và phát triển kinh doanh trên địa bàn huyện, trong đó bao gồm các nhà doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Các doanh nghiệp nhà nước cần phải được rà soát, đánh giá sát thực hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài, không có khả năng tự khôi phục có thể cho giải thể hoặc chuyển sang cổ phần hóa, hoặc sáp nhập. Các doanh nghiệp còn có khả năng chuyển hướng sản xuất thì nghiên cứu đầu tư thêm và tổ chức lại sản xuất.

Các hợp tác xã nông nghiệp sẽ sớm được chuyển sang hoạt động dịch vụ sản xuất với hình thức tổ chức và cơ chế hoạt động phù hợp. Khuyến khích hình thành các hình thức hợp tác tự nguyện giữa các cá thể, các hộ gia đình theo Luật hợp tác xã, trước mắt là trong các lĩnh vực như : chế biến nông sản, chăn nuôi bò sữa, lợn hướng nạc, chế biến thức ăn, nuôi trồng thủy sản, rau sạch, cây ăn quả. Tạo điều kiện để các hộ tư nhân vươn lên làm ăn khá, có thể thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã cổ phần. Cơ chế chính sách phải làm cho họ yên tâm đầu tư vốn vào sản xuất. Sự quản lý của nhà nước, vừa tạo điều kiện giúp đỡ họ trong những nhu cầu thiết yếu để đẩy mạnh sản xuất, vừa bảo đảm cho các doanh nghiệp làm ăn đúng hướng.

5. Kịp thời đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ của huyện và xã ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới. Tập trung xây dựng trung tâm đào tạo nghề nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước. Phát triển quỹ hỗ trợ để đào tạo lại và nâng cao trình độ cho cán bộ đang làm việc ở các cấp.

6. Đề nghị trung ương và thành phố dành phần tiền cho thuê đất, đền bù hoa lợi cho huyện và các xã có diện tích xây dựng các khu công nghiệp và các công ty nước ngoài thuê, để huyện có vốn đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở và phát triển sản xuất. Trên địa bàn huyện phải lấy quy hoạch sử dụng quỹ đất làm căn cứ để phát huy hiệu quả nguồn đất trong xu thế đô thị hóa ngày càng tăng. Có như vậy nông dân mới yên tâm làm ăn trên mảnh đất của mình khi được giao quyền sử dụng đất lâu dài.

7. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi công tác xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt của toàn đảng bộ. Là hạt nhân lãnh đạo chính trị, Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của mình, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất, thắt chặt mối liên hệ với quần chúng nhân dân. Chính quyền có nhiệm vụ cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Phải làm sao để Đảng mạnh là chính quyền mạnh, chính quyền mạnh là Đảng mạnh. Đảng bộ và các cấp ủy đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, điều hành có hiệu lực, tổ chức tốt việc thực hiện đường lối phát triển kinh tế, chăm lo các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, quản lý và điều hành thông suốt mọi công việc đúng chính sách, pháp luật. Khắc phục mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý ❑

Digitized by Google

Về công tác HỘI THẨM NHÂN DÂN

TRẦN QUANG LÊ

Ý nghĩa của việc *hội thẩm nhân dân* tham gia xét xử, và *vai trò* của hội thẩm nhân dân trong hội đồng xét xử, là những vấn đề mà người dân thường hỏi tới.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa như Pháp, Mỹ v.v. có *bồi thẩm đoàn*, hoặc *hội thẩm đoàn*. Đó là những tổ chức mà các thành viên do nhà nước lựa chọn, trưng dụng, biệt phái sang Tòa án để xét xử từng vụ trong thời gian nhất định. Xong vụ án, họ trở về đơn vị mình làm việc bình thường.

Ở Việt nam, "Việc xét xử của tòa án nhân dân có hội thẩm nhân dân, của tòa án quân sự có hội thẩm quân nhân tham gia theo quy định của pháp luật. Khi xét xử, hội thẩm ngang quyền với thẩm phán.". "Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".(1)

Vì sao có chế độ hội thẩm nhân dân ngồi xét xử bên cạnh thẩm phán ? Đó chính là sự thể hiện tính *dân chủ*, tính *nhân dân* của tòa án xã hội chủ nghĩa, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân trong việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Là đại biểu của dân, *hội thẩm nhân dân* tham gia xét xử để bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của nhân dân trước pháp luật, làm cho việc xét xử sát với thực tế của vụ án, đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của nhân dân lao động.

Hội thẩm nhân dân là đại biểu của các giới, các ngành, các dân tộc... được hội đồng nhân dân cùng cấp bầu theo sự giới thiệu của UBMT Tổ quốc cùng cấp, và do hội đồng nhân dân cùng cấp miễn nhiệm, bãi nhiệm. Ở trung ương, hội thẩm nhân dân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội cử theo sự giới thiệu của Đoàn chủ tịch UBTƯ MTTQ Việt nam, và do Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm(2). Nhiệm kỳ của hội thẩm nhân dân, tòa án địa phương theo nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân cùng cấp, ở tòa án tối cao là 5 năm

Hội thẩm nhân dân nằm trong cơ chế tổ chức của tòa án nhân dân. Hội thẩm nhân dân không phải là một tổ chức nghề nghiệp, xã hội, hay chính trị. Vì vậy hội thẩm nhân dân không thể là thành viên của Mặt trận Tổ quốc với tư cách pháp nhân riêng.

QUAN HỆ GIỮA THẨM PHÁN VÀ HỘI THẨM NHÂN DÂN.

Quan hệ giữa thẩm phán và hội thẩm nhân dân là mối quan hệ "tuy hai mà một", "dẫu một mà hai".

Thẩm phán và hội thẩm trong hội đồng xét xử đều có trách nhiệm bảo vệ công lý, bảo vệ chế độ, thực hiện sự nghiêm minh công bằng của pháp luật. Song mỗi người lại có chỗ đứng khác nhau để cắm cân nảy mực. Thẩm phán có mặt mạnh là nắm vững pháp luật, nhưng lại có mặt hạn chế là có phần chưa thật sâu sát nhân dân, hiểu được tâm lý, nguyện vọng của dân. Hội thẩm nhân dân có mặt yếu về pháp lý, nhưng gần dân, sát dân, hiểu được cuộc sống của dân, nắm chắc những chủ trương, chính sách của nhà nước về ngành mà hội thẩm nhân dân làm đại diện trong hội đồng xét xử. *Sự kết hợp*, hợp tác chặt chẽ giữa thẩm phán và hội thẩm nhân dân làm *tăng thêm sức mạnh* và *chất lượng xét xử* của phiên tòa. Vì vậy khó nói thành quả của phiên tòa thuộc về thẩm phán hay hội thẩm nhân dân *nếu* mỗi người đều làm đầy đủ trách nhiệm của mình. Đó là kết quả của công sức và trí tuệ tập thể (kể cả của kiểm sát viên và luật sư). Hiện nay trong một phiên tòa bình thường có một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân. Nếu thẩm phán, hội thẩm nhân dân không làm đầy đủ và đúng trách nhiệm của mình thì rất dễ xảy ra tình trạng phiên tòa có ba thẩm phán, hoặc tình trạng có bốn kiểm sát viên đều làm nhiệm vụ minh họa cho cáo trạng.

Thẩm phán là cán bộ chuyên nghiệp trong biên chế của tòa án, hưởng lương nhà nước để làm công việc xét xử. Nhưng dù sao thẩm phán cũng có định mức, chỉ tiêu số lượng vụ án phải xét xử mỗi tháng. Vượt định mức này, thiết nghĩ cũng nên có

(1) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam*, Nxb Pháp lý -Nxb Sự thật, Hà nội, 1992, điều 129, 130, tr 64.

(2) Xem *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Nxb Pháp lý, Hà nội, 1992, tr 27.

Digitized by Google

khoản phụ cấp. Hội thẩm nhân dân không thuộc biên chế của tòa án mà hưởng lương của cơ quan, xí nghiệp hoặc địa phương, vì vậy mỗi khi được tòa án mời tham dự xét xử từng vụ thì được hưởng *phụ cấp* khi làm nhiệm vụ xét xử. Không nên gọi đó là tiền bồi dưỡng hay thù lao, vì như vậy sẽ là sự trả giá quá rẻ đối với chất xám cho mỗi phiên tòa.

Có ý kiến nên thay đổi tỷ lệ thẩm phán và hội thẩm nhân dân trong hội đồng xét xử, ví dụ hai thẩm phán, một hội thẩm. Sự thực là chúng ta cần đề cao tính nhân dân của tòa án, cho nên cứ để như cũ (một thẩm phán, hai hội thẩm nhân dân). Cũng không ngại ảnh hưởng đến việc quyết định bản án, vì tòa án thảo luận dân chủ, xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Những ý kiến khác nhau đều được ghi lại. Người thuộc thiểu số vẫn có quyền bảo lưu ý kiến và ghi vào biên bản. Hơn nữa sau phiên tòa sơ thẩm, còn có các phiên tòa xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nếu như bản án có kháng cáo, kháng nghị.

HỘI THẨM NHÂN DÂN ĐÃ THAM GIA XÉT XỬ RA SAO ?

Căn cứ vào thực tế ở TP Hồ Chí Minh, thì trung bình hàng tháng tòa án nhân dân cấp thành phố phải thụ lý từ 250 đến 260 vụ án, chiếm hơn một phần tư số vụ án của cả nước. Những án nghiêm trọng cả về chính trị, kinh tế cũng thường tập trung ở TP Hồ Chí Minh.

Hội thẩm nhân dân cùng với thẩm phán đã góp phần đáng kể vào hiệu quả của các phiên tòa xét xử, hoàn thành trách nhiệm mà nhân dân giao phó. Tuy vậy cũng phải thấy rằng sự hoạt động của hội thẩm nhân dân còn lỏng lẻo, không đồng đều.

Trên 70 hội thẩm nhân dân được bầu của tòa án cấp thành phố, thì chỉ có hơn một nửa là hoạt động đều đặn. Số còn lại tham gia xét xử quá ít, chỉ có 1-2 vụ/tháng, thậm chí không nhận xét xử. Nguyên nhân chính do số hội thẩm là cán bộ đương chức bận với công tác cơ quan. Một số ít khác thấy phiên tòa với những lý do khác nhau phải hoãn liên tục nên cũng chán nản. Do vậy mà số lượng vụ án dồn vào một số ít hội thẩm phần lớn là cán bộ hưu trí, dẫn đến tình trạng quá tải. Có một số phải ngồi xử trên 30 vụ/tháng. Trong trường hợp như vậy chất lượng xét xử sẽ bị ảnh hưởng.

Vì vậy theo tôi nên tăng thêm số lượng hội thẩm cho phù hợp với số lượng thẩm phán đã được tăng lên 70. Nhưng điều quyết định vẫn là sự lựa chọn hội thẩm. Họ phải là người có nhiệt tình, lương tâm trong sáng và có trách nhiệm với công tác xét xử. Ngoài ra cần có sự phối hợp giữa các ngành hữu quan để tìm biện pháp bảo đảm cho các phiên tòa hoạt động bình thường.

HỘI THẨM NHÂN DÂN CẦN LÀM GÌ ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ.

Muốn thực hiện độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật, *trước hết*, hội thẩm nhân dân phải tự trang bị cho mình *kiến thức* cần thiết về *pháp lý*. Sau khi được bầu làm hội thẩm nhân dân, với trách nhiệm của dân trao cho để tham gia xét xử, thì hội thẩm nhân dân phải tham dự đều đặn các lớp bồi dưỡng về pháp lý do Sở tư pháp hoặc tòa án tổ chức. Ngoài ra, phải nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của tòa án nhân dân. Thiếu kiến thức pháp lý thì hội thẩm nhân dân đành "vui vẻ" nhận làm "bánh xe thứ 5" trong hội đồng xét xử.

Hai là, về mặt chuyên môn, hội thẩm nhân dân phải thường xuyên nắm vững *chính sách, chủ trương* của nhà nước về ngành mà hội thẩm là đại diện khi tham gia xét xử. Đây là thế mạnh của hội thẩm so với thẩm phán. Làm được việc này hội thẩm sẽ bổ sung kiến thức về mặt này cho thẩm phán. Sự hợp tác, kết hợp chặt chẽ giữa thẩm phán và hội thẩm làm tăng tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật.

Điều quan trọng *thứ ba* là hội thẩm phải *nghiên cứu kỹ hồ sơ* vụ án, từ cáo trạng, kết luận điều tra, đến các bút lục v.v.. lật ngược, lật xuôi mọi chi tiết của cáo trạng, xét kỹ tính lô-gích của nội dung vụ án. Đây là khâu quyết định chất lượng công tác xét xử, không để lọt tội phạm, cũng không để hàm oan. Tình trạng có hội thẩm ngồi xử tới trên 30 vụ/tháng là đáng hoan nghênh, nhưng không nên khuyến khích. Khẩu hiệu của hội thẩm cần để ra là "chưa nghiên cứu hồ sơ thì không tham gia xét xử".

Bốn là, hội thẩm phải nâng cao ý thức *trách nhiệm*, có dũng khí, thật sự chí công vô tư, lương tâm trong sáng, không để tình cảm cá nhân và lợi ích riêng tư ảnh hưởng đến việc xét xử ; không để cho cơ quan nào, cá nhân nào can thiệp làm cho việc xét xử của tòa án bị sai lệch ❑

Digitized by Google

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÁC LIÊN DOANH KINH TẾ VỚI NƯỚC NGOÀI

PHẠM VĂN KHÁNH *

BỨC TRANH SÁNG, TỐI

Thực hiện chính sách kinh tế mở, những năm gần đây ở nước ta đã xuất hiện một loại hình kinh tế mới. Đó là các đơn vị liên doanh kinh tế với nước ngoài (LDKTVNN). Cùng với sự ra đời của các LDKTVNN, tổ chức đảng và hoạt động công tác đảng ở đó cũng đặt ra nhiều vấn đề mới, bức xúc cần nghiên cứu, xử lý.

Cho đến nay, với khoảng gần 1 600 các LDKTVNN đang hoạt động, chỉ có khoảng 80 tổ chức cơ sở đảng được thành lập với khoảng hơn 2 600 đảng viên. Điều đáng quan tâm ở đây là, trong số 80 tổ chức cơ sở đảng được lập ra thì chỉ có khoảng 20 chi bộ, đảng bộ hoạt động tốt, có hiệu quả (tỷ lệ rất thấp); còn phần lớn các nơi tuy có thành lập tổ chức đảng (chi bộ, tổ đảng) nhưng chỉ là hình thức, hoạt động không có hiệu quả, thậm chí bị vô hiệu hóa hoặc bị phía đối tác nước ngoài "mua". Cũng có nhiều đơn vị LDKTVNN mặc dù có đảng viên, đủ điều kiện lập chi bộ đảng, nhưng không tổ chức được vì chủ đầu tư nước ngoài không chấp nhận. Đó là bức tranh toàn cảnh về tình hình tổ chức đảng và hoạt động của nó trong các đơn vị LDKTVNN.

Song, đi sâu tìm hiểu một số đơn vị, cơ sở, chúng tôi thấy nổi lên ba dạng :

- Có một số đơn vị ngay từ đầu tổ chức đảng đã được thành lập và sau đó hoạt động tương đối tốt, có hiệu quả, phù hợp với loại hình kinh tế mới mang tính đặc thù. Chẳng hạn Tổng công ty bưu chính - viễn thông có 6 đơn vị LDKTVNN thì 4 đơn vị ngay từ đầu đã thành lập được chi bộ đảng. Sau ba năm hoạt động, vị trí, vai trò lãnh đạo của các chi bộ đảng ngày càng được khẳng định ; phía đối tác nước ngoài cũng đã dần dần hiểu và có thái độ đồng tình, ủng hộ. Còn ở Công ty liên doanh Vietsov Petro, ngay từ đầu, các tổ chức đảng, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên cộng sản hai bên đã phối hợp rất tốt trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Khi Liên xô tan rã, trong bối cảnh phía bạn gặp khó khăn, đảng ủy, các chi bộ và đảng viên Việt nam trong Liên doanh lại một lần nữa phát huy tốt vai trò của mình, cùng chia sẻ với bạn, giúp phía bạn ổn định, nhất là về tư tưởng để cùng thực hiện tốt các hiệp định giữa hai nhà nước.

- Một số đơn vị khác, lúc đầu gặp khó khăn, sau đó đã chấn chỉnh lại được và dần dần đi vào hoạt động tốt. Thí dụ, Công ty thép miền Nam có Công ty POSVINA là đơn vị liên doanh giữa nhà máy VINATON với Công ty POSCO (Hàn quốc) chuyên sản xuất, kinh doanh tôn tráng kẽm. Chi bộ đảng ở POSVINA có 14 đảng viên, khi chuyển sang liên doanh, cơ chế lãnh đạo đơn vị đã thay đổi. Vì vốn đầu tư hai bên đóng góp ngang nhau nên quyết định chi phối liên doanh là Hội đồng quản trị gồm thành viên của cả hai phía và giám đốc luân phiên theo nhiệm kỳ. Tổ chức đảng trong liên doanh lúc này không thể công khai hoạt động và trực tiếp quyết định nhiệm vụ chính trị của đơn vị như trong cơ chế quốc doanh trước đây. Thời gian đầu, sự lãnh đạo của đảng ủy bị buông lỏng do đó đã để xảy ra sự lộng quyền của phía đối tác nước ngoài trong liên doanh, cán bộ chủ chốt bị chi phối, những đảng viên "không ăn cánh" với chủ đối tác nước ngoài phần lớn buộc phải thôi việc. Trước tình hình đó đảng ủy Công ty đã chấn chỉnh lại, giữ vững chế độ sinh hoạt, bố trí cán bộ, phối hợp với công đoàn, giáo dục cho công nhân thấy rõ làm việc trong liên doanh là vì lợi ích của cả hai bên, họ vì lợi nhuận, ta vì lợi ích quốc gia, lợi ích của chính người lao động. Đồng thời uốn

* PTS, báo *Nhân dân*

Digitized by Google

nắn những vi phạm của công nhân về kỷ luật lao động ; tôn trọng lợi ích của đối tác ; không dùng biện pháp "cứng", gay gắt như đình công, lãn công khi xét thấy không cần thiết... Kết quả là trong liên doanh đã xây dựng được "Bản thỏa ước lao động tập thể", trong đó quy định cụ thể các chế độ, chính sách quyền lợi của người lao động và điều kiện, thời gian hoạt động của tổ chức công đoàn và đoàn viên, thực hiện công tác xã hội, trợ cấp khó khăn đối với người lao động, thăm hỏi thương binh và gia đình liệt sĩ... Cái được trong hoạt động công tác đảng ở POSCOVINA là góp phần sản xuất kinh doanh phát triển ; quan hệ hợp tác giữa cán bộ, công nhân với đối tác nước ngoài gắn bó, thân thiện ; lợi ích hai phía đều được bảo đảm và tôn trọng ; phía đối tác nước ngoài tôn trọng và đồng tình với hoạt động của tổ chức đảng và công đoàn phía Việt nam.

- Ở những đơn vị còn lại, nói chung việc thành lập các tổ chức đảng và hoạt động công tác đảng gặp rất nhiều khó khăn. Thí dụ, Công ty may Việt thắng có ba cơ sở liên doanh với nước ngoài thì mới có hai cơ sở thành lập được chi bộ. Song vẫn chưa thể hoạt động công khai vì đối tác nước ngoài không đồng tình. Chi bộ đảng, đảng viên không phát huy được tác dụng. Nhiệm vụ lãnh đạo công đoàn bảo vệ quyền lợi người lao động cũng khó làm được vì "nhân sự của công đoàn" nhiều người do phía đối tác "lựa chọn" và tổ chức hoạt động của công đoàn thường là theo ngành dọc, độc lập không phụ thuộc vào đảng ủy và tổ chức công đoàn công ty "mẹ" phía Việt nam. Ở Công ty thép miền Nam cũng vậy, sự lãnh đạo của đảng bị hạn chế. Tổ chức công đoàn được luật pháp thừa nhận còn sự lãnh đạo của đảng do không đưa vào văn bản hợp đồng với liên doanh cho nên không có giá trị về mặt pháp lý và không có tác dụng. Do đó, đảng ủy phải chỉ đạo các hoạt động trong liên doanh thông qua tổ chức công đoàn.

NHỮNG KINH NGHIỆM BAN ĐẦU

1- *Cứ làm đi rồi thực tiễn sẽ giúp ta câu trả lời.* Đó là cách suy nghĩ của các bí thư đảng ủy, cấp ủy đảng, bí thư chi bộ ở các đơn vị liên doanh mà chúng tôi có dịp đến tìm hiểu công tác đảng. Thời gian và thực tế đã cho thấy cách suy nghĩ ấy là mạnh dạn và đúng đắn. Trong quá trình mạnh dạn "cứ làm đi" ấy, sau khi nhìn lại, sơ kết, đánh giá, có nơi còn tổng kết thành các chuyên đề (Thành ủy Hà nội, Công ty thép miền Nam, Công ty may Nhà bè, Vietsov Petro, Công ty may Việt thắng, Tổng công ty bưu chính - viễn thông) cho thấy có cả những cái được và những cái chưa được, thậm chí có cả sai lầm và vấp váp. Nhưng chính từ những vấp váp đó, nhận thức và cách làm của chúng ta ngày càng đúng đắn, sáng tạo hơn. Đồng chí *Dương Lạc*, phó bí thư đảng ủy Công ty liên doanh chế tạo biến thế ABB cho biết, sở dĩ công tác đảng ở đây đạt kết quả tốt bởi vì tư tưởng chỉ đạo của đảng ủy là phải lãnh đạo sao cho sản xuất phát triển ; bảo tồn và phát triển được vốn ; giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cán bộ, công nhân ; nộp đủ thuế cho nhà nước; công nhân ta phải học được cách điều hành, quản lý khoa học của đối tác, đồng thời phải coi trọng lợi ích của họ. Nghĩa là làm sao để cả hai bên cùng có lợi. Còn bí thư đảng ủy Tổng công ty bưu chính - viễn thông *Đỗ Trung Tá* và phó bí thư *Nguyễn Thị Cương* đều khẳng định : sự định hướng, chỉ đạo của đảng ủy công ty "mẹ" đối với chi bộ đảng, đảng viên, cán bộ chủ chốt và tổ chức công đoàn là yếu tố quyết định nhất bảo đảm sự lãnh đạo của đảng trong liên doanh.

2- *Phải lựa chọn và bố trí đúng cán bộ, đảng viên vào làm việc ở liên doanh*, nhất là cán bộ giữ vị trí quan trọng như giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, văn thư, bảo vệ. Yêu cầu đối với những cán bộ, đảng viên này là có tính đảng cao, có ý thức tổ chức kỷ luật, giỏi chuyên môn, biết ngoại ngữ, trung thành với lợi ích của đất nước, có tín nhiệm với công nhân và khôn khéo trong quan hệ với đối tác. Kinh nghiệm thực tế ở Công ty thép miền Nam cho thấy những vị trí quan trọng trong liên doanh ta phải lựa chọn và bố trí bằng được những người không chỉ là đảng viên mà còn phải là đảng ủy viên của đảng ủy công ty "mẹ", hoặc chí ít cũng phải là bí thư cấp ủy hoặc bí thư chi bộ. Nếu không như thế thì đảng ủy không thể ghi được

Digitized by Google

dấu ấn lãnh đạo của mình trong liên doanh. Nếu có bằng chứng rõ ràng khẳng định phía đối tác đã "mua" được cán bộ ta thì đảng ủy phải tìm cách điều chuyển cán bộ, nhưng không để cho liên doanh bị ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh. Đảng ủy và tổng giám đốc Công ty thép miền Nam đã kiên trì thuyết phục phía đối tác đưa một đồng chí trong đảng ủy thay giám đốc trong liên doanh POSCOVINA. Thực tế chứng minh việc làm ấy của đảng ủy là đúng. Đồng chí giám đốc mới đã phát huy tốt vai trò trong liên doanh, thực hiện tốt nghị quyết của đảng bộ được công nhân ủng hộ và phía đối tác đồng tình.

Trong liên doanh kinh tế với nước ngoài việc thay thế một cán bộ chủ chốt như ở POSCOVINA là một việc không đơn giản. Vấn đề quan trọng nhất là tập thể cấp ủy công ty "mẹ" phải mạnh, đoàn kết. Bí thư và tổng giám đốc đều phải là những người có tính đảng cao và vững vàng trong quan hệ với phía đối tác. Đó cũng là một bài học, kinh nghiệm quý về công tác cán bộ.

3- *Chủ động thành lập tổ chức đảng ngay từ khi bắt đầu tiến hành liên doanh* ; thông báo cho phía đối tác biết rõ điều đó khi thỏa thuận các điều kiện ký kết hợp đồng. Ở Công ty liên doanh chế tạo biến thế ABB còn đưa hẳn vào văn bản ký kết với phía đối tác chương trình, nguyên tắc tổ chức hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thanh niên và công đoàn. Cần giải thích cho họ biết mục đích hoạt động của tổ chức đảng trong liên doanh là góp phần làm cho liên doanh phát triển, cùng với tổ chức công đoàn, lãnh đạo công nhân thực hiện tốt, đầy đủ những điều khoản trong hợp đồng với liên doanh, tuân thủ pháp luật Việt nam và tôn trọng lợi ích, lợi nhuận của phía bạn. Còn phía ta, trong khi tiến hành liên doanh thì tổ chức công đoàn trực thuộc công đoàn ngành và theo lãnh thổ, song tổ chức công đoàn cơ sở trong liên doanh phải đặt dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng, đảng ủy và có sự phối hợp hoạt động, quan hệ chặt chẽ với tổ chức công đoàn ở công ty "mẹ". Có như thế mới bảo đảm được "tính tự giác" của công đoàn, tránh những hành động biệt phái, tự phát của công nhân và công đoàn, gây ra những khó khăn trong quan hệ, hợp tác làm ăn với bạn trong liên doanh. Các đồng chí : *Trần Đắc Nguyện*, bí thư, giám đốc Công ty may Việt tiến : *Nguyễn Đức Thịnh*, bí thư đảng ủy liên doanh ôtô Hòa bình ; *Mai Thanh Hải*, phó bí thư liên doanh VINADAESUNG ; *Lê Quốc An*, thường vụ đảng ủy, tổng giám đốc Công ty may Việt thắng ; *Phí Hữu Tâm*, đảng ủy viên, giám đốc phân xưởng quấn dây thuộc liên doanh chế tạo biến thế ABB... đều có ý kiến như vậy.

ĐÔI ĐIỀU KIẾN NGHỊ

Qua số liệu khảo sát của các cơ quan chức năng và thực tế hoạt động công tác đảng ở một số đơn vị LDKTVNN mà chúng tôi tìm hiểu thì tỷ lệ tổ chức đảng và số hoạt động có hiệu quả còn quá ít, nhìn chung còn lúng túng, bị động. Tình trạng đó có thể do những nguyên nhân sau đây :

Chúng ta nhận thức chưa đầy đủ, chưa đúng mức tầm quan trọng của tổ chức đảng trong LDKTVNN ; thiếu tích cực, chủ động xây dựng tổ chức đảng trong các liên doanh cũng như chậm trễ trong việc hướng dẫn, chỉ đạo các cấp bộ đảng trong việc thành lập tổ chức đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng trong loại hình kinh tế mới mẻ này.

Chưa xác định được cụ thể chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng trong các đơn vị LDKTVNN. Đây là loại hình kinh tế mang tính đặc thù, vì thế nhiệm vụ, nội dung và phương hướng hoạt động của tổ chức đảng ở đây không thể giống như ở các đơn vị kinh tế nhà nước.

Chưa có biện pháp và những định hướng cụ thể để tập hợp lực lượng quần chúng, công nhân lao động xung quanh tổ chức đảng và đảng viên trong các LDKTVNN nên đã để xảy ra nhiều hoạt động tự phát của công nhân lao động.

Phía đối tác nước ngoài một mặt là do chưa hiểu, nhưng mặt khác không muốn chấp nhận, tạo điều kiện để tổ chức đảng hoạt động công khai trong các LDKTVNN.

Cùng với việc chưa có chế độ chính sách phù hợp với đảng viên hoạt động trong liên doanh thì cũng có một số đảng viên làm việc trong các

Digitized by Google

LDKTVNN chưa tự giác, tích cực hoạt động trong tổ chức đảng, một số chạy theo lợi ích vật chất, dễ bị đối tác nước ngoài "nắm tóc" mua chuộc...

Xuất phát từ thực tiễn hiện nay và yêu cầu tăng cường đổi mới công tác đảng trong các LDKTVNN, chúng tôi xin kiến nghị một số điểm cần quan tâm giải quyết :

- Cần xác định và thống nhất quan điểm nhất thiết phải có tổ chức đảng và nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đảng trong các LDKTVNN. Hoạt động của tổ chức đảng phải vì những mục tiêu bảo đảm sản xuất kinh doanh phát triển, vì lợi ích của ta, đồng thời bảo đảm lợi ích chính đáng của phía đối tác nước ngoài.

- Sớm xây dựng và ban hành chế độ, chính sách phù hợp đối với cán bộ đảng viên hoạt động trong các LDKTVNN như : có chế độ đãi ngộ thỏa đáng và có quy chế bảo hộ khi họ hoạt động công tác đảng mà bị chủ đối tác nước ngoài sa thải.

- Chăm lo xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đầy đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu mang tính đặc thù của loại hình kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài.

- Xây dựng trước một bước các đoàn thể quần chúng và các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp trong các LDKTVNN và đổi mới phương thức hoạt động của nó cho phù hợp với đặc điểm của loại hình LDKTVNN ; hướng dẫn, tổ chức và tập hợp lực lượng này xung quanh tổ chức đảng và chịu sự lãnh đạo trực tiếp về chính trị của tổ chức đảng.

- Cần chú trọng giáo dục, tuyên truyền sâu rộng những quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với việc mở rộng loại hình LDKTVNN để thực hiện công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

- Cơ quan lãnh đạo và các cơ quan chức năng của Đảng cần sớm có quy định và những hướng dẫn cụ thể về hoạt động của tổ chức đảng trong các LDKTVNN. Khẳng định tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị, xã hội có quyền được thành lập và hoạt động công khai theo đúng Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam và điều lệ các đoàn thể chính trị, xã hội trong các đơn vị LDKTVNN.

- Sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư nước ngoài. Ngay trong điều khoản đầu tiên cần thiết phải khẳng định vị trí, vai trò và tổ chức, hoạt động công tác đảng trong các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài.

- Các cấp ủy đảng cần quan tâm chỉ đạo việc thành lập tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội trong các đơn vị LDKTVNN. Ở đơn vị nào có đủ điều kiện về số lượng đảng viên thì lập chi bộ đảng. Nơi chưa đủ số lượng đảng viên hoặc chưa có thì cấp ủy đảng cấp trên chỉ đạo ban chấp hành các đoàn thể, hoặc cử đảng viên tham gia ban chấp hành đoàn thể để phát hiện, bồi dưỡng người ưu tú phát triển đảng, tiến tới thành lập tổ chức đảng.

- Với những dự án chuẩn bị liên doanh với nước ngoài, phía đơn vị Việt nam tham gia liên doanh phải có trách nhiệm lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên có đủ tiêu chuẩn vào làm việc trong liên doanh. Ngay trong giai đoạn chuẩn bị dự án hợp đồng liên doanh cần phải lập ngay tổ chức đảng để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng hiện có trong các LDKTVNN. Nơi có điều kiện thì cố gắng bố trí đảng viên tham gia Hội đồng quản trị, làm giám đốc, nắm các vị trí quan trọng như giám đốc tài chính, nhân sự...

- Tăng cường tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác chỉ đạo của các cấp ủy. Đặc biệt ở các tỉnh, thành phố, khu công nghiệp lớn có nhiều đơn vị LDKTVNN thì cấp thiết phải lập một bộ phận chuyên trách theo dõi chung, giúp cấp ủy trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng và phối hợp, hướng dẫn các đoàn thể xây dựng tổ chức đoàn thể ở các LDKTVNN.

- Tuyên truyền, vận động để phía đối tác nước ngoài hiểu rõ việc thành lập tổ chức đảng trong liên doanh chỉ có lợi cho họ ; từ đó tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của họ đối với việc thành lập tổ chức đảng và hoạt động của tổ chức đảng trong liên doanh ❑

Digitized by Google

Cần nêu cao và học tập y đức của HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG LÊ HỮU TRÁC

TRẦN VĂN THỤY *

Lê Hữu Trác (1720 - 1791), hiệu Hải Thượng Lãn Ông là một danh y lớn của dân tộc Việt nam thế kỷ 18. Trong hơn 40 năm của cuộc đời làm nghề y, ông đã từng bước khẳng định được giá trị khoa học và lương tâm nghề nghiệp cao quý của mình với xã hội. Đồng thời, với ý thức "Cần trước tác sâu rộng, cắm cờ đỏ giữa y trường", ông đã để lại cho các thế hệ thầy thuốc Việt nam bộ "Hải Thượng y tông tâm lĩnh" có tính chất "toàn thư" về y học cổ truyền. Bộ sách có nhiều quan điểm giá trị cần được nghiên cứu sâu sắc và học tập nghiêm túc, trong đó có quan điểm về nghề y và đạo đức nghề y.

Sự xuất hiện y học cũng như các khoa học khác là kết quả của quá trình lao động sản xuất nhằm phục vụ con người, phục vụ sản xuất. Nghề y đòi hỏi người thầy thuốc phải có một trình độ chuyên môn vững và một lương tâm trong sáng. Không phải ngẫu nhiên mà Hi-pô-crát từ xưa ở Hy Lạp đã đặt ra lời thề danh dự cho những ai học thuốc tụng niệm ghi nhớ trước khi ra nghề. Trong lịch sử y học nước nhà, Lê Hữu Trác, sau khi từ bỏ con đường lập nghiệp bằng "khoa cử", bằng "binh nghiệp", ông đã chuyên tâm vào nghề y ; ông mang một quan niệm chân chính về nghề nghiệp mà mình đã chọn. Ông cho rằng nghề y là một nghề liên quan đến tính mệnh con người, do đó, người học y phải là người có tài năng và đạo đức. Không những thế, người làm nghề y còn phải có một tâm hồn khoáng đạt, cao cả. Ông nói : "Suy nghĩ thật sâu xa, tôi hiểu rằng người thầy thuốc là người bảo vệ tính mạng con người ; sống và chết một tay mình nắm ; họa và phúc một tay mình giữ. Thế thì đâu có thể kiến thức không đầy đủ, đức hạnh không trọn vẹn, tâm hồn không rộng lớn... mà dám liều lĩnh học đòi cái nghề cao quý đó chăng ?". (*Tiểu dẫn Y âm án*). Quan điểm về nghề như vậy thật sâu sắc. Ông cho rằng y học bao gồm hai mặt : Khoa học và lòng vị tha. Hai mặt ấy gắn bó mật thiết với nhau, không tách rời nhau, làm tiền đề phát triển cho nhau. Có đi sâu vào nghề tiếp thu hết những căn cứ khoa học của nghề thì việc chữa bệnh cho con người mới có hiệu quả. Có lương tâm nhà nghề cao, thì mới có sự thôi thúc nội tâm nâng cao tay nghề. Hai động cơ đó cùng tồn tại và gắn kết với nhau trong khoa học y học. Tư tưởng đó thật đáng trân trọng, giá trị của nó còn vượt ra khỏi ngành y, vượt qua mọi thời gian và vẫn có ý nghĩa thiết thực đối với công tác đào tạo, rèn luyện cán bộ trong ngành y hiện nay.

Từ ngày chuyên tâm vào nghề y, Lê Hữu Trác tự đặt cho mình mục tiêu phải phấn đấu thành một người thầy thuốc giỏi. Khi đã thành nghề ra chữa bệnh cho mọi người, ông luôn luôn nhắc nhở mình phải giữ lương tâm trong sạch. Qua bộ "Hải Thượng y tông tâm lĩnh", có thể thấy Lê Hữu Trác rất coi trọng đạo đức y học. Quan điểm về đạo đức y học của ông khá hệ thống và sâu sắc.

Lê Hữu Trác cho rằng với nội dung chữa bệnh cứu người, nghĩa vụ của người thầy thuốc với người bệnh là : "Chỉ lấy việc cứu sống người làm phận sự". Nguyên tắc của nghĩa vụ ấy là : "Phàm người mời đi thăm bệnh, nên tùy bệnh cần kíp hay không mà sắp đặt để đi thăm trước hay sau. Chớ vì giầu sang hay nghèo hèn mà nơi đến trước, chỗ đến sau, hoặc bốc thuốc thì lại phân biệt hơn kém "(*Y huấn cách ngôn*). Trong hàng ngàn người bệnh đã được ông cứu chữa bao gồm đầy đủ các hạng người. Lê Hữu Trác đã khẳng định chính người nghèo là người mà thầy thuốc phải chú ý trước hết, vì "những người

* PTS triết học, Q. Chủ nhiệm bộ môn Mác-Lê nin, Trường đại học y khoa Hà nội.

Digitized by Google

giầu sang không lo không có người chữa, còn những người nghèo hèn thì không thể đón được lương y" (*Y huấn cách ngôn*). Trong hạng người nghèo khổ, Lê Hữu Trác rất chú ý đến người phụ nữ, vì người phụ nữ vừa "tảo tần" với cuộc sống, nuôi con, dạy con vừa "phải gánh vác mọi nhiệm vụ" và thường bị xã hội coi thường vùi dập. Nguyên tắc phân loại bệnh nặng, nhẹ để thăm khám, để bốc thuốc và lập trường làm thuốc vì người nghèo của Lê Hữu Trác biểu hiện một tấm lòng nhân đạo sâu sắc, một tinh thần trách nhiệm cao trước vận mệnh của con người. Đồng thời, nó cũng nhằm chống lại một thái độ đối xử khá phổ biến của những người thầy thuốc đương thời là chỉ biết tới chỗ giầu sang, chỗ thân tình.

Trước sự suy đồi, thối nát của chế độ chính trị đương thời, Lê Hữu Trác đã từ chối con đường "tu, tề, trị, bình", sẵn sàng lấy cái lý tưởng đạo đức, cái y đạo làm mục tiêu cho cuộc sống của mình. Chính lý tưởng đạo đức mà ông chọn đã đặt nghĩa vụ cho ông "chỉ lấy việc cứu sống mạng người làm trọng" (*Y huấn cách ngôn*). Giữa một xã hội như vậy, những người trí thức chân chính như Lê Hữu Trác trong khi chưa tìm được lý tưởng tiến bộ hơn thì nghĩa vụ trị bệnh cứu người trước hết là người nghèo khổ, biểu hiện sự nhận thức tự giác cao cả, một tư tưởng tiên tiến phục vụ quyền lợi của quần chúng nhân dân. Trong xã hội, khi mà đồng tiền đã trở thành thế lực chi phối cuộc sống con người như ở thế kỷ 18, thì cái "nhân thuật" cao quý như y học trong tay một số người cũng dễ biến thành một phương tiện làm giầu. Họ làm thuốc là "vì tiền", "vì vàng" chứ không phải vì "cứu sống mạng người". Lê Hữu Trác đã đối lập nghề làm thuốc "vì vàng" ấy với cái y đạo "vì nghĩa" của ông. Nghĩa của ông là cứu sống mạng người, ông đưa lại cho khái niệm "nghĩa" một nội dung mới, khác với khái niệm "nghĩa" của giai cấp phong kiến. Ông rất tự hào về y đạo của mình, và cho rằng đạo làm thuốc cũng quan trọng như đạo làm tướng, sách thuốc không kém gì các thánh hiền kinh truyện. Giữa lúc các kẻ sĩ "đạp chết nhau giữa trường thi" để tìm "hư danh", thì công việc trị bệnh cứu người của Lê Hữu Trác quả là cái danh chân chính hơn cả. Quan điểm đó thực chất đã chống lại bọn người "thất đức" muốn chạy theo vinh quang về công danh phú quý, tiền bạc, biến người bệnh thành vật hy sinh cho lòng vụ lợi của họ.

Cơ sở để thực hiện nghĩa vụ và vinh dự "trị bệnh cứu người" của người thầy thuốc là "lòng nhân". Lê Hữu Trác coi "nhân" là đức tính căn bản nhất, là điều kiện tiên quyết để vào nghề y. Ông nói rõ rằng "nếu không có đức nhân thì đừng vào nghề làm thuốc". Đức "nhân" không trừu tượng, mà rất cụ thể, ấy là "lo cái lo của người", "vui cái vui của người", "không cầu lợi kể công". Tấm lòng của người thầy thuốc với người bệnh phải như tấm lòng của người mẹ với con cái thì mới có nhiệt tình và trách nhiệm. Để có đức "nhân", Lê Hữu Trác đã nêu lên tám đức cần rèn luyện hằng ngày là : *nhân, minh, đức, trí, lượng, thành, khiêm, cần*, và chống tám tội : *lười, keo, dối, dốt, tham, ác, hẹp hòi, thất đức*. Những hành vi của người thầy thuốc có lương tâm, theo Lê Hữu Trác là phải có tinh thần sẵn sàng phục vụ, luôn tự giám sát mình, tự đặt cho mình những yêu cầu về đạo đức để phấn đấu ; lúc gặp bệnh nhân khó thì phải dốc sức mà chữa, không bỏ trốn.

Như vậy, sự biểu hiện đức "nhân" có nhiều mặt khác nhau nhưng tựu trung là tình thương con người, là lòng từ ái, từ tâm, với phương châm "tất cả vì người bệnh" ở người thầy thuốc. Ông coi đó là "vật báu", là điều không thể thiếu của đức y.

Thông qua thực tiễn cuộc đời làm thuốc, Lê Hữu Trác đã để lại cho nền y học cổ truyền của dân tộc một quan điểm y học đúng đắn, một quan điểm đạo đức sâu sắc. Ngày nay, sống trong xã hội mới, tìm về dấu người xưa, thấu hiểu hơn tư tưởng của Lê Hữu Trác, chúng ta càng tự hào về các bậc tiền bối của chúng ta ❑

Digitized by Google

ĐỠ ĐẦU"

NGUYỄN VŨ CÂN

SAU khi tốt nghiệp đại học, tôi và B cùng đi tìm việc làm. Một hôm gặp nhau, B thông báo : "K (một bạn cùng lớp với chúng tôi - NVC) có việc làm rồi đấy. Nó được ông bố đỡ đầu xin cho làm ở một tổng công ty mạnh ; thu nhập cao lắm, mỗi tháng gần hai triệu đồng". Nói vậy rồi B chép miệng : "ở đời có người đỡ đầu vẫn hơn, cứ như anh em mình... mạt kiếp mới được như nó."

K thì chúng tôi biết rất rõ. Hồi còn học, K đã nổi tiếng bởi phương châm "học ít, chơi nhiều". K từng nói với chúng tôi : "Số mình có nhiều quí nhân phù trợ cho nên bất cứ việc gì dù khó đến mấy cũng thực hiện được". Chẳng hiểu điều đó có đúng không ; chỉ biết rằng khi ở trường đại học, K được ông Y, một cán bộ lãnh đạo cấp cao đỡ đầu. Vì thế, bốn năm học ở trường, những việc khó như thi hết học phần, thi chuyển giai đoạn, thi tốt nghiệp... K đều vượt qua một cách dễ dàng. Khi tốt nghiệp, chúng tôi lo cuống cuồng cho "đầu ra" thì K lại được ông Z, một nhân vật có vai vế ở bộ nọ nhận làm "con nuôi". Bằng ảnh hưởng của mình, ông Z đã sắp xếp cho K vào làm ở một tổng công ty. Công việc mà K đảm nhận lại không đúng với chuyên ngành được đào tạo, nên người ta nhận K mà không biết sử dụng như thế nào. Thế nhưng hằng tháng K vẫn nhận lương, thưởng đều đặn như những nhân viên khác trong cơ quan.

Ở đời, số người có "quý nhân phù trợ" như K chẳng hiếm. Tôi cũng có người quen được một quan chức ở tỉnh H "đỡ đầu". Anh ta thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn và được vị chức sắc này đỡ đầu từ việc làm thủ tục thành lập cho đến bảo lãnh với ngân hàng để được vay vốn với lãi suất thấp. Công ty này nhiều lần kinh doanh hàng cấm, hàng lậu, trốn thuế... cho nên thường bị cán bộ quản lý thị trường và cán bộ thuế "hỏi thăm". Nhưng lần nào cũng vậy, cứ có thư tay hay điện thoại của vị "đỡ đầu" kia là sự việc lại được êm nhẹm. Anh ta còn nợ của ngân hàng nhiều tỉ đồng không có khả năng trả nhưng đều được vị "đỡ đầu" can thiệp với ngân hàng cho treo nợ. Tất nhiên sau mỗi "phi vụ đỡ đầu" như thế thì cổ phần của vợ con vị chức sắc này lại được ghi thêm một khoản kha khá.

"Đỡ đầu" theo nghĩa đúng của nó là việc làm mang đầy tính nhân văn, là nét đẹp trong truyền thống tương thân, tương ái của dân tộc. Trong xã hội ta, "đỡ đầu" đã trở thành phong trào quần chúng, mang ý nghĩa xã hội tích cực : đỡ đầu những người có hoàn cảnh khó khăn; đỡ đầu trẻ em nghèo học giỏi ; đỡ đầu người tàn tật, mồ côi ; đỡ đầu những tài năng trẻ, v.v.. Nhiều đối tượng nhận được sự đỡ đầu đã vượt lên khó khăn, làm chủ cuộc sống, sống có ích cho xã hội. "Đỡ đầu" cũng là một hoạt động góp phần lập lại công bằng xã hội.

Tiếc thay, việc "đỡ đầu" đã bị một số người biến thành thứ hàng hóa "trao đi đổi lại". Người "đỡ đầu" trở thành nhu cầu đối với một bộ phận nhỏ trong xã hội. Cuộc săn tìm người "đỡ đầu" tuy không diễn ra ồn ào, gấp gáp như cuộc săn tìm "con lai" trước đây, nhưng cũng đã trở thành hiện tượng xã hội đáng lưu ý. Một số cơ quan, xí nghiệp khi tuyển người, ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn công khai, còn có một tiêu chuẩn (không thành văn) : đối tượng tuyển chọn có người "đỡ đầu" không ? Đó là ai ? . Nếu người "đỡ đầu" "có quyền, có thế" thì đây chính là điều kiện "đủ" để đối tượng "chiến thắng". Tôi hỏi giám đốc một doanh nghiệp : "Tại sao ông không tuyển người giỏi hơn, mà lại tuyển cậu T ?". Bỏ qua thái độ ngạc nhiên của tôi, ông trả lời : "Tôi đâu có tuyển T, tôi tuyển người "đỡ đầu" của cậu ấy chứ !".

Người "đỡ đầu" đã trở thành của quí, bùa hộ mệnh, vũ khí, ô dù của những người được đỡ đầu và hơn nữa, của những người sử dụng những người được đỡ đầu. Thậm chí để tăng sức nặng khi giới thiệu về mình, người ta thường lôi "người đỡ đầu" vào cuộc. Núp dưới bóng của "người đỡ đầu" nhiều kẻ đã làm càn, làm bậy, và lắm khi "người đỡ đầu" trở thành con bài của kẻ sử dụng người được đỡ đầu.

Nếu việc "đỡ đầu" tiếp tục phát triển theo chiều hướng tiêu cực thì đây sẽ là lực cản đáng kể trên con đường phát triển, thậm chí sẽ để lại những hậu quả khôn lường, mà người gánh chịu là toàn xã hội ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN VÀ BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CỘNG SẢN CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC



NGÀY 27-9-1996, tại thị xã Tuyên quang, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với tỉnh ủy Tuyên quang đã tổ chức hội nghị cộng tác viên và bạn đọc các tỉnh miền núi phía Bắc.

Tham dự Hội nghị, đại diện tỉnh Tuyên quang gồm có : đồng chí Ngụy Văn Thận, Phó bí thư thường trực tỉnh ủy ; Trần Trung Nhật, Phó bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh ; Nguyễn Công Mịch, Ủy viên ban thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo tỉnh ủy ; các đồng chí Giám đốc Sở bưu điện ; Giám đốc trường chính trị tỉnh ; đại diện các ban, ngành, huyện, thị và đảng ủy trực thuộc tỉnh ; các đồng chí Tổng biên tập báo, lãnh đạo Đài phát thanh và truyền hình tỉnh. Đại diện Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản có : đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập ; Nguyễn Tiến Hải, Phó tổng biên tập ; các đồng chí Vụ trưởng, Phó vụ trưởng, phóng viên, cán bộ của Tạp chí. Hội nghị còn có sự tham gia đông đảo của các đồng chí lãnh đạo Ban tuyên giáo, Trường chính trị và Sở bưu điện các tỉnh Vĩnh phú, Bắc thái, Cao bằng, Hà giang, Yên bái, Lai châu, Sơn la. Đồng chí Nguyễn Hoài Khiêm, Bí thư đảng ủy Công ty gang thép Thái nguyên (Bắc thái) cũng tham dự hội nghị. Một số đồng chí do bận công việc không trực tiếp dự được đã gửi tham luận, đến hội nghị.

Digitized by Google

Sau phát biểu mở đầu của đồng chí Ngụy Văn Thận, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã điểm lại những chặng đường trong 66 năm ra đời và phát triển của Tạp chí lý luận chính trị của Đảng, nêu lên một số nét chính trong công tác tuyên truyền thời gian qua, phương hướng, nội dung biên tập trong thời gian tới để các đại biểu góp ý, phê bình Tạp chí.

Với tinh thần chân thành, thẳng thắn và xây dựng, các đại biểu đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến phong phú, quý báu, nêu nhiều kinh nghiệm hay, kiến nghị thiết thực trong việc phát hành, đọc, tuyên truyền và sử dụng Tạp chí phù hợp với đặc điểm và đối tượng ở địa bàn miền núi. Chúng tôi xin tóm tắt những ý kiến của các đại biểu trên một số mặt chủ yếu sau đây :

Về đánh giá Tạp chí : Các đại biểu đều thống nhất và đánh giá cao vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Tạp chí lý luận, chính trị của Đảng trong suốt quá trình từ khi Đảng ta ra đời đến nay. Trong suốt 66 năm qua, cùng với sự lớn mạnh không ngừng của Đảng ta, Tạp chí luôn luôn xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng. Điều đó thể hiện khá rõ trong lịch sử và trong hiện tại. Qua từng chặng đường phát triển của cách mạng nước nhà, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Tạp chí luôn luôn giữ vị trí quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, góp phần làm sáng tỏ đường lối, quan điểm của Đảng, đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống. Đối với các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng, Tạp chí được coi là chỗ dựa tin cậy về lý luận, chính trị, là người hướng dẫn về phương pháp luận trong quá trình nghiên cứu, học tập và chỉ đạo thực tiễn, góp phần soi sáng thực tiễn cách mạng nước nhà. Trong tất cả các thời kỳ cách mạng từ khi có Đảng đến nay, Tạp chí đã đóng góp phần đáng kể vào thắng lợi chung của dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Tạp chí đã kịp thời nắm bắt những yêu cầu về lý luận, chính trị trong từng thời điểm lịch sử, nhất là những khi cách mạng chuyển giai đoạn. Trong công cuộc đổi mới đất nước 10 năm qua, Tạp chí đã đi đầu trong việc làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội VI, Đại hội VII, Đại hội VIII và các nghị quyết khác của BCH trung ương, của Bộ chính trị, Ban bí thư v.v. Từ tháng 7-1995, Tạp chí được xuất bản 2 kỳ/tháng. Đây là một sự cố gắng rất lớn của cán bộ, nhân viên Tạp chí. Bởi vì trong điều kiện người và cơ sở vật chất, phương tiện làm việc không được tăng cường bao nhiêu nhưng vẫn bảo đảm Tạp chí ra đều đặn, đến tay bạn đọc kịp thời. Chất lượng nhiều bài viết, trên một số mặt được nâng lên một bước. Điểm khá nổi bật là hơn một năm qua, Tạp chí đã tập trung vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc nghiên cứu, làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra đối với cách mạng Việt nam. Đồng thời đấu tranh, phê phán những trào lưu tư tưởng phản động, những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tạp chí đã đi hàng đầu trong việc đấu tranh bảo vệ tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, định hướng tư tưởng, củng cố, tăng cường niềm tin vào con đường mà Đảng ta đã lựa chọn.

Tạp chí Cộng sản đã sớm tuyên truyền cho việc chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng. Từ số 18 (tháng 12-1995) Tạp chí đã mở mục "Tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng". Trong mục này đã có nhiều bài viết tham gia hội thảo "Một số vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta", giúp bạn đọc hiểu rõ ràng, sâu sắc và tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhiều bài viết đã đáp ứng kịp thời, phục vụ tốt các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên trong mùa đại hội. Ngay sau khi Đại hội VIII của Đảng kết thúc thành công, từ số 13 (7-1996), Tạp chí đã mở mục "Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng". Nhiều bài viết trong mục này đã phân tích, lý giải cơ sở khoa học và thực tiễn của quan điểm, đường lối của Đảng trong Nghị quyết, giúp cán bộ, đảng viên, bạn đọc hiểu đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc hơn Nghị quyết, biến Nghị quyết thành hiện thực cuộc sống.

Digitized by Google

Đa số các đại biểu cho rằng cách bố trí các chuyên mục như hiện nay là hợp lý, thu hút được sự quan tâm chú ý của nhiều đối tượng bạn đọc. Các bài viết của các đồng chí lãnh đạo đảng, nhà nước và những bài mang tính chính luận đăng trên Tạp chí được bạn đọc thường xuyên quan tâm. Chuyên mục *Nghiên cứu - trao đổi* mang tính gợi mở, rộng đường suy nghĩ có hàm lượng khoa học và tính thuyết phục và vẫn bảo đảm tính định hướng đúng đắn. Chuyên mục này thu hút các chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học, những trí thức trong và ngoài đảng. Mục *Thực tiễn - kinh nghiệm* là diễn đàn của các cán bộ lãnh đạo, hoạt động thực tiễn của các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Nhiều đại biểu tâm đắc chuyên mục này vì nó mang tính tổng kết thực tiễn, rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Chuyên mục *Sinh hoạt tư tưởng* rất cần thiết và bổ ích bởi các bài viết ngắn gọn, đời thường nhưng tính chiến đấu và giáo dục sâu sắc, nhẹ nhàng dễ đi vào lòng người đọc. Nhiều đại biểu rất tâm đắc và hoan nghênh Tạp chí có mục *Tìm hiểu khái niệm* bởi nó đáp ứng một cách thiết thực, giúp người đọc hiểu đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc những khái niệm mới khi đất nước ta đi vào kinh tế thị trường, hội nhập với thế giới. Mục *Thế giới : vấn đề, sự kiện, Qua sách báo nước ngoài* được nhiều đại biểu và bạn đọc coi là "một cửa sổ" để nhìn ra ngoài một cách rõ ràng hơn.

Hình thức của Tạp chí cũng ngày càng cải tiến, văn phong sáng sủa, rõ ràng, bố cục chặt chẽ, trình bày đẹp, tranh ảnh phù hợp với chủ đề từng số, ít sai sót trong khâu in ấn.

Riêng về phần quảng cáo trên Tạp chí vẫn còn những ý kiến khác nhau. Một số đại biểu cho rằng quảng cáo là cần thiết và cách quảng cáo như lâu nay Tạp chí đã làm là phù hợp bảo đảm sự chừng chạc và nghiêm túc. Một số đại biểu có nhận xét : quảng cáo trên Tạp chí cũng mang tính định hướng, tuyên truyền, cổ vũ những doanh nghiệp, đơn vị làm ăn có hiệu quả ; chưa thấy trường hợp nào được quảng cáo trên Tạp chí mà sau đó bị đổ vỡ. Một số đại biểu có ý kiến rằng, đã là Tạp chí lý luận - chính trị thì không nên quảng cáo mà dùng giấy mực đó in tranh ảnh, phong cảnh đất nước, những lời hay, ý đẹp của lãnh đạo hoặc minh họa cho nội dung bài viết. Cũng không ít đại biểu khuyến khích Tạp chí quảng cáo và đã quảng cáo thì phải in đẹp, rõ ràng ; đồng thời phải chọn lọc, cân nhắc, tránh hiện tượng quảng cáo lặp đi lặp lại cho một vài doanh nghiệp.

Về đối tượng của Tạp chí Cộng sản : Cũng như ở nhiều địa bàn khác của đất nước, đối tượng chủ yếu của Tạp chí Cộng sản là cán bộ lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, những cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, tuyên giáo, một số cán bộ lãnh đạo về hưu v.v. Tuy nhiên, do nhiều khó khăn cho nên đối tượng của Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh miền núi phía Bắc có phần nào bị hạn chế, thu hẹp. Tạp chí Cộng sản hiện mới đến chủ yếu các cơ quan tỉnh, huyện, thị, một phần ở cấp ủy xã. Ở nhiều tuyến xã, nhất là các xã vùng cao hầu như Tạp chí chưa đến được bao nhiêu. Nhiều cán bộ chủ chốt các xã vùng cao chưa biết chữ hoặc chỉ biết đánh vần cho nên không thể đọc và hiểu được Tạp chí Cộng sản. Để khắc phục tình trạng này, một số cấp ủy đảng đã có sáng kiến, kinh nghiệm biên soạn lại, đơn giản hóa một số bài trên Tạp chí Cộng sản để tuyên truyền phổ biến cho những đối tượng có trình độ thấp. Tại hội nghị này, vấn đề phổ cập và nâng cao trình độ của đối tượng Tạp chí Cộng sản lại một lần nữa được đặt ra. Cái khó của Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản là không thể chỉ chạy theo "đối tượng có trình độ cao mà bỏ rơi những người trình độ thấp và cũng không để vì chiều những cán bộ, đảng viên vùng sâu vùng xa mà không quan tâm đến đối tượng lãnh đạo, bạn đọc có tri thức. Chính vì thế mà bấy lâu nay trên Tạp chí Cộng sản thường có nhiều "món" cho các đối tượng khác nhau. Nhưng dù Bộ biên tập có cải tiến nội dung đến đâu chăng nữa, các cấp ủy đảng có sáng tạo thế nào thì đối tượng của Tạp chí Cộng sản phải có trình độ nhất định.

Về công tác phát hành Tạp chí Cộng sản, nhiều đại biểu, nhất là các đồng chí lãnh đạo các sở bưu điện quan tâm. Phần lớn các đại biểu đến hội nghị đều có trong tay bảng thống kê số lượng

Digitized by Google

báo chí nói chung và Tạp chí Cộng sản nói riêng được phát hành trên địa bàn. Những năm qua nhiều cấp ủy đảng rất quan tâm chỉ đạo công tác phát hành báo chí của Đảng. Ngành bưu điện, nhất là những bưu tá không quản gian khổ, khó khăn, đường sá xa xôi, trèo đèo lội suối để đưa Tạp chí Cộng sản tới tay người đọc. Mặc dù là doanh nghiệp hạch toán kinh doanh nhưng các sở bưu điện không tính lỗ lãi trong việc phát hành báo chí của Đảng. Do vậy, số lượng Tạp chí Cộng sản trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn được duy trì, ổn định và có tăng. Ở những tỉnh vùng núi thấp thường đạt hơn 1 000 cuốn/kỳ. Ở các địa phương vùng núi cao thường là vài ba trăm cuốn/kỳ. Tuy đường sá xa xôi, phương tiện đi lại rất khó khăn, nhưng nhìn chung Tạp chí Cộng sản vẫn đến tay bạn đọc đúng hạn. Tuy nhiên, so với yêu cầu bạn đọc và số lượng cấp ủy đảng từ xã trở lên, Tạp chí Cộng sản mới chỉ phát hành đến các tổ chức đảng được 12 đến 15%. Đây là điều băn khoăn của nhiều đại biểu. Một số nơi làm tốt công tác phát hành báo chí nói chung và Tạp chí Cộng sản nói riêng đưa ra kinh nghiệm : phải có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của các cấp ủy đảng trong việc đọc và tuyên truyền, phổ biến báo chí của đảng ; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tuyên giáo và cơ quan phát hành báo chí, các cơ quan báo chí phải liên hệ, gắn bó với địa phương thường xuyên mở hội nghị khách hàng, thăm dò ý kiến bạn đọc v.v. Hầu hết các ý kiến đều nhất trí phải có sự thống nhất trong việc tạo nguồn kinh phí để mua Tạp chí Cộng sản, có cơ chế rõ ràng trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đó, tốt nhất các địa phương bàn giao nguồn kinh phí mua báo chí cho ngành bưu điện mua và phát hành tạp chí đến đúng đối tượng. Làm được như vậy sẽ tránh được tình trạng cắt xén, sử dụng sai mục đích kinh phí mua báo chí và khắc phục được tình trạng ngành bưu điện bị chiếm dụng vốn kéo dài như hiện nay.

Một số kiến nghị : Tuy những năm qua Tạp chí Cộng sản đã đạt được nhiều thành tích, xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng - lý luận của Đảng, nhưng hiện nay so với nhu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, trước những đòi hỏi của thực tiễn cách mạng và đông đảo bạn đọc thì vẫn còn khoảng cách và bất cập. Các đại biểu dự hội nghị đưa ra rất nhiều kiến nghị và đòi hỏi cao đối với Tạp chí Cộng sản trong thời gian tới. Nhiều đại biểu mong muốn Tạp chí Cộng sản có những bài "tầm cỡ hơn", "công phu hơn", "tính tổng kết cao hơn". Tạp chí Cộng sản cần tiếp tục có những bài làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đất nước đang đặt ra : kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và sự quản lý của nhà nước, nhất là ở địa phương và cơ sở ; đảng cầm quyền trong nền kinh tế thị trường ; tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước ; công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường v.v. Tạp chí nên tăng thêm bài cho mục Thực tiễn - kinh nghiệm, nhất là những bài về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đổi mới hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp hóa , hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn miền núi, vấn đề dân tộc và tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc ít người. Nếu có thể được, Tạp chí nên có mục riêng về địa phương, cơ sở miền núi. Một số đại biểu kiến nghị Tạp chí Cộng sản cần đi đầu trong việc đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, nhất là trên lĩnh vực chống tham nhũng, buôn lậu.

Một số đại biểu kiến nghị Tạp chí Cộng sản cùng các ngành, các cấp nghiên cứu để có thể cấp không Tạp chí cho một số đối tượng ở những vùng cao, vùng xa có nhiều khó khăn về kinh phí mua Tạp chí. Các đại biểu rất hoan nghênh việc Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản có sáng kiến mở hội nghị cộng tác viên và bạn đọc. Mong rằng thời gian tới có nhiều cuộc hội nghị với từng địa phương, hoặc từng đối tượng khác nhau để bạn đọc hiểu biết thêm về Tạp chí Cộng sản, gắn bó Tạp chí với bạn đọc.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng thay mặt Bộ biên tập phát biểu kết thúc hội nghị. Đồng chí chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến sâu sắc, thiết thực của các đại biểu, tiếp thu và cố gắng làm cho Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng ngày càng đáp ứng cao hơn mong mỏi của bạn đọc.

VŨ LÂN *(tổng thuật)*

Digitized by Google

NATO ĐẮC LỢI TRONG CUỘC CHIẾN BÔ-XNI-A

VĂN LONG*

NGÀY 21-11-1995, Hiệp định nhằm chấm dứt chiến tranh, mang lại hòa bình cho Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na đã được ký tắt tại căn cứ không quân Mỹ Đây-tơn và ngày 14-12-1995 được long trọng ký kết tại Pa-ri. Hiệp định đã mang lại niềm hi vọng cho nhiều người, nhưng đằng sau nó đã diễn ra một cuộc đấu tranh ngầm, không kém phần gay gắt, mô tả mối tương quan thực sự giữa các lực lượng tham gia trực tiếp cũng như gián tiếp trong cuộc chiến tranh khủng khiếp của những năm qua. Cuộc đấu tranh này không nhằm sắp xếp lại các sự kiện theo trình tự lịch sử, mà nhằm tạo ra một ý thức chính trị và rút ra những bài học từ Bô-xni-a.

Trong bài phân tích về chính sách hòa bình sau Đây-tơn, đăng trên báo *Toàn cảnh Phran-phuốc* ngày 28-8, ông Giơ-nốt Ơ-lơ (Gernot Erler), nghị sĩ Quốc hội Đảng dân chủ xã hội Đức, thành viên Ủy ban quốc phòng và Ủy ban đối ngoại Quốc hội Đức đã vạch ra con đường từ "huyền thoại của sự can thiệp quân sự nhân đạo" ở Bô-xni-a tới "liên minh phòng thủ mới của phương Tây". Ông Ơ-lơ cho rằng, những con chủ bài đã không được phân chia bình đẳng. Cách mô tả sự kiện chi phối hiện nay đã khẳng định những người chiến thắng và những kẻ thất bại, mặc dù vẫn còn sự chống đối lẻ tẻ. Sau khi sơ kết về *Hiệp định Đây-tơn*, có thể nhận thấy những thay đổi sau :

1 - Chủ trương lấy can thiệp mạnh mẽ bằng quân sự làm phương tiện chấm dứt xung đột đã mạnh lên và lấn át chủ trương cùng các biện pháp phi quân sự để giải quyết xung đột theo kiểu hoạt động của lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc.

2 - Liên hợp quốc, với tư cách một tổ chức thế giới, chủ trương giải quyết xung đột không bằng quân sự và gìn giữ hòa bình, phải chấp nhận một nhượng bộ. Ngược lại, với khả năng can thiệp mạnh mẽ bằng quân sự, thể diện và uy lực của NATO đã tăng lên mạnh.

3 - Nhận thức chính trị là châu Âu bất lực trong việc giải quyết cuộc xung đột ở Bô-xni-a và thực hiện sứ mạng IFOR khi không có sự giúp đỡ ồ ạt của Mỹ và thúc đẩy những quá trình thay đổi trong NATO, mà điều quan trọng nhất là ý đồ của Pháp mong muốn trở lại với cơ cấu quân sự NATO và cái gọi là "NATO mới", với mục tiêu là đạt được những khả năng can thiệp cao với kỹ thuật Mỹ, nhưng không nhất thiết phải có sự tham gia của Oa-sinh-tơn.

4 - Sự phát triển nêu trên cho phép người ta có thể nói về một "hệ thống chính trị quốc tế mới sau Đây-tơn". Nhưng những lực lượng chính trị đang củng cố hệ thống chính trị mới này có quyền nêu ra "Những bài học Bô-xni-a" hay không? Liệu chúng ta có thể thực sự trông chờ một nền an ninh và hòa bình gia tăng của cái "trật tự thế giới mới", mà Giốc-giơ Bu-sơ đã vội vã công bố năm 1991 hay không?

Những khẳng định cho rằng, việc sớm can thiệp bằng quân sự vào Bô-xni-a nhằm chấm dứt cuộc xung đột đẫm máu những nạn nhân vô tội trong nhiều năm đã bị cản trở vì những người theo đuổi một giải pháp hòa bình, trên thực tế chỉ là một sự bóp méo lịch sử. Thực ra, tất cả các nước phương Tây, kể cả Mỹ trong nhiều năm đã theo đuổi một giải pháp chính trị, ngoại giao. Ngay cả các chuyên gia quân sự từ Nô-man (Naumann) - tướng Đức tới Pao-oen (Powell) - tướng Mỹ đều cảnh cáo trước và kiên quyết bác bỏ một sự can thiệp vào khu vực này với những biện dẫn về kinh nghiệm lịch sử. Lập trường này đã bị đè bẹp do sự leo thang từng bước từ năm 1992 tới năm

* Phóng viên TTXVN tại Béc-lin

Digitized by Google

1995, phát triển từ những đường đi, nước bước đầy mâu thuẫn của phương Tây ở Bô-xni-a. Thật là một thảm họa, khi các nước phương Tây, sau này kể cả "Nhóm tiếp xúc" bao gồm 5 cường quốc đã không có nổi một lập trường chính trị chung. Người ta làm rùm beng về việc ban hành lệnh cấm vận đối với nước Nam tư còn lại và cấm vận vũ khí đối với các bên tham chiến ở Bô-xni-a. Trên thực tế, điều này chưa bao giờ được thực thi. Ai cũng biết rằng, cùng lúc tàu chiến NATO tuần tiễu canh gác ở biển A-đri-a-tic để kiểm tra lệnh cấm vận, thì từ năm 1994 Mỹ phát hiện và làm ngơ việc một số nước cung cấp vũ khí cho những người Hồi giáo ở Bô-xni-a, bất chấp nghị quyết cấm vận của Liên hợp quốc mà Oa-sinh-tơn cũng ủng hộ. Trong "ván bài Bô-xni-a", chính quyền Mỹ đặt cược vào sức mạnh quân sự của những người Hồi giáo. Cũng có một hình ảnh như vậy ở châu Âu : chính phủ những nước này đưa ra 4 kế hoạch hòa bình khác nhau cho Bô-xni-a, mà chẳng được các bên tham chiến coi trọng. Bởi vì, trong trường hợp cấp bách, người Crô-a-ti-a biết rằng họ được Đức ủng hộ, người Xéc-bi-a được Anh, Pháp và Nga ủng hộ, còn người Hồi giáo thì được Mỹ hậu thuẫn.

Trước bối cảnh bất lực về chính trị này, trận chiến đã leo thang tại Bô-xni-a. Lẽ ra lính mũ nồi xanh của Liên hợp quốc phải lập tức rút quân, khi họ nhận ra rằng không còn những tiền đề cần thiết cho hoạt động của họ, trước hết là việc các bên tham chiến, về nguyên tắc không sẵn sàng chấp thuận hòa bình. Nhưng họ vẫn ở lại vì những lý do nhân đạo và đã cứu sống được hàng trăm ngàn người, và cái giá của nó là trên 300 lính của UNPROFOR đã hy sinh. Lính mũ nồi xanh đã bị đưa vào các vùng chiến sự, trong khi họ không có đủ vũ khí cần thiết để tự vệ. Nhằm trừng phạt các cuộc tấn công này, từ năm 1994, NATO đã cho máy bay oanh tạc các căn cứ của người Xéc-bi-a và người Xéc-bi-a coi đó là hành động can thiệp và ủng hộ đối phương của họ bằng quân sự. Trong tình trạng trái ngược nhau giữa một bên là lính mũ nồi xanh trên bộ với sứ mạng trung lập, không thiên vị, nhưng dễ bị tổn thương và một bên là NATO hùng mạnh, tiến hành các hoạt động gọi là "trừng phạt từ trên không", thì không thể nào ngăn cản được sự xung đột leo thang với đỉnh cao là việc người Xéc-bi-a bắt giữ con tin và NATO cùng với Anh, Pháp tăng cường đánh bom và gia tăng lực lượng Can thiệp nhanh. Từ một hoạt động lẽ ra là gìn giữ hòa bình đã trở thành một sự can thiệp ồ ạt bằng quân sự, làm thay đổi rõ rệt tương quan lực lượng của các bên tham chiến. Những tiến trình đó là bằng chứng xóa bỏ "huyền thoại về sự can thiệp quân sự nhân đạo". Trên thực tế, sự bất đồng chính trị trong các nước châu Âu và Nhóm tiếp xúc, cũng như việc không thực thi triệt để các biện pháp cấm vận đã ngăn cản sự chấm dứt cuộc xung đột bằng chính trị và kéo dài cuộc chiến tranh.

Thật là một điều trái khoáy : lính mũ nồi xanh của UNPROFOR hầu như không được trang bị vũ khí thì bị đẩy vào vùng chiến sự, rồi sau đó bị chỉ trích là sứ mạng gìn giữ hòa bình của họ bất lực. Trong khi lực lượng IFOR với 60 000 binh lính được trang bị tới tận răng thì lại được nhận một nhiệm vụ gọi là "kiểm soát và giám sát" một hiệp định hòa bình được các bên tham chiến chấp thuận. Và người ta ca ngợi đó là một thành công ! Bên cạnh đó những lực lượng dân sự được trang bị kém hơn nhiều thì lại phải lo cho việc bình thường hóa đời sống chính trị và thúc đẩy việc tái thiết Bô-xni-a.

Ông Ơ-lơ khẳng định rằng : "Không, cuộc xung đột Bô-xni-a không bác bỏ sự cần thiết của một giải pháp phi quân sự cho cuộc xung đột, cũng như không chứng tỏ sự can thiệp quân sự ồ ạt là sự lựa chọn thực sự hứa hẹn thành công". Trái lại, đây chỉ là nơi diễn ra sự tranh giành những quyền lợi khác nhau của các quốc gia và những quyền lợi trái ngược nhau của một hệ thống quốc tế trước Đây-tơn, trên mạng sống của vô vàn nạn nhân. Không hề có

Digitized by Google

một "sự can thiệp quân sự nhân đạo", mà là một tình trạng ở trong ngõ cụt sau nhiều thất bại về chính trị, nên đã phải lấy sự can thiệp quân sự làm phương tiện cuối cùng để giữ thể diện của các cường quốc liên quan.

Trong trò chơi quyền lực này làm suy giảm uy tín của Liên hợp quốc thì người được lợi là NATO. Đây là một cơ hội hiếm có. Sau năm 1990, với sự kết thúc của hệ thống hai cực, nhiều nhà quan sát đã tiên đoán sự kết thúc của NATO, vì sứ mạng lịch sử của nó xem chừng đã hoàn tất. Nhưng nay, năm 1996, Liên minh phòng thủ phương Tây đã quyết tâm đi một bước lớn : Với danh nghĩa là người mang lại hòa bình cho Bô-xni-a, đồng thời nhiều nước Trung và Đông Âu ham muốn gia nhập, NATO đang chuẩn bị nhảy ra đóng vai trò người thừa kế Liên hợp quốc với tư cách là một quyền lực trật tự và hòa bình toàn cầu, sung sức và có khả năng hành động.

Sau một thời gian dài lưỡng lự, trì hoãn, NATO đã tiến hành những bước đi nhanh chóng để tạo ra những cơ sở tổ chức và kỹ thuật cho ý đồ này. Hội nghị bộ trưởng quốc phòng Hội đồng Bắc Đại tây dương ngày 3-6-1996 tại Béc-lin và Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng ngày 13-6 tại Brúc-xen đã đưa ra những cơ sở cho một *"NATO mới"*. Theo đó, ngay lập tức NATO tập trung vào những nhiệm vụ trật tự quốc tế bên ngoài nhiệm vụ phòng thủ trước đây và đề nghị coi mình là cơ quan chấp hành về quân sự, kể cả cho các sứ mạng của Liên hợp quốc, của Tổ chức an ninh và hợp tác châu Âu (OSCE) và của Liên minh Tây Âu (WEU). Cơ sở quan trọng nhất cho những nhiệm vụ này là "Lực lượng phối hợp nhiệm vụ chung"(CJTF) với những cơ cấu chỉ huy và tham mưu thường trực, năng động, có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật của Mỹ mà không nhất thiết phải có sự tham gia trực tiếp của Mỹ. Điều đáng chú ý là ý đồ của *"NATO mới"* muốn xác lập một "trật tự mới" mà vai trò của Liên hợp quốc bị lu mờ và vị trí của NATO đậm nét. "Trật tự thế giới mới" này đã bắt đầu hình thành chỉ vài tháng sau "Hiệp định hòa bình Đây-tơn", như là hệ quả trực tiếp của cuộc xung đột Bô-xni-a.

Những đặc điểm của trật tự mới này làm cho người ta phải lo ngại :

1 - Liên hiệp quốc bị đẩy ra khỏi chức năng của mình với tư cách là một tổ chức thế giới vì hòa bình, trong đó, bên cạnh quyền lợi của những nước công nghiệp, phần lớn là phương Tây thì cho tới nay các vấn đề của các nước thế giới thứ ba ít nhất cũng còn có cơ hội được lắng nghe.

2 - *"NATO mới"* đã đảm nhận vị trí "bỏ trống" của một quyền lực trật tự toàn cầu và như vậy đảm nhận một tổ chức mà trong đó chỉ có đại diện quyền lợi của các xã hội công nghiệp phương Tây.

3 - Khả năng thực sự mà NATO có được và đã chứng tỏ với sứ mạng IFOR là việc thực sự can thiệp quân sự. Việc cố tình giải thích sai lạc và đã bóp méo những kinh nghiệm ở Bô-xni-a là nhằm tạo ra một mô hình giải quyết khủng hoảng bằng quân sự mà NATO coi mình là tổ chức lý tưởng để thực hiện nhiệm vụ này và bỏ qua việc tiếp tục phát triển những biện pháp dân sự cần thiết để ngăn ngừa khủng hoảng và giải quyết khủng hoảng bằng phi quân sự.

Người ta không được quên rằng "thành công" phút chót của IFOR với "mô hình Bô-xni-a" đã để lại những hậu quả tàn phá lớn nhất về người và vật chất ở châu Âu kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Riêng điều này cho thấy không thể xây dựng một chính sách hòa bình tương lai theo những phương pháp giải quyết xung đột theo kiểu ở Bô-xni-a.

Một nền hòa bình lâu dài ở Liên bang Nam tư (cũ) phụ thuộc trước hết vào việc có thực hiện thành công phần của Hiệp định Đây-tơn đề cập tới các vấn đề dân sự hay không. Vì vậy, thay vì việc tiếp tục hoàn thiện các công cụ can thiệp toàn cầu, tất cả các lực lượng quốc tế phải tập trung giải quyết nhiệm vụ này. Một trật tự thế giới mới với xu thế can thiệp quân sự không thể đem lại những cơ hội hòa bình thực sự cho tương lai của hành tinh chúng ta ❑

Digitized by Google

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ . KINH TẾ HỌC VI MÔ

● **Kinh tế học vĩ mô** - nghiên cứu sự vận động và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một đất nước trên bình diện toàn bộ nền kinh tế. Nó nhấn mạnh đến sự tương tác trong nền kinh tế nói chung, trong khi tìm cách đơn giản hóa các khối riêng biệt trong phân tích để làm cho quá trình phân tích toàn bộ sự tương tác ấy trở nên có thể điều khiển được.

Nói cách khác, kinh tế học vĩ mô nghiên cứu sự lựa chọn của mỗi quốc gia trước những vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản như : tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, xuất nhập khẩu hàng hóa và vốn (tư bản), phân phối các nguồn lực, phân phối thu nhập giữa các thành viên trong xã hội...

Như vậy, kinh tế học vĩ mô sẽ cung cấp những kiến thức và công cụ phân tích kinh tế để một quốc gia có những lựa chọn tối ưu tùy thuộc vào các nguồn lực kinh tế, chính trị và xã hội. Những kiến thức và công cụ phân tích của kinh tế học vĩ mô đã được đúc kết từ nhiều công trình nghiên cứu và tư tưởng kinh tế của các nhà khoa học thuộc nhiều thế hệ khác nhau. Ngày nay chúng được tích lũy và hoàn thiện dần, trở thành tri thức chung của nhân loại, góp phần mô tả chính xác hơn đời sống kinh tế - xã hội với các mối liên hệ ngày một phức tạp. Điều đó cũng chứng tỏ rằng con người không còn bị lệ thuộc và bất lực trước các quy luật khách quan của thị trường, hơn thế nữa, còn tham gia can thiệp, điều tiết thị trường.

Theo cách tiếp cận hệ thống của kinh tế học vĩ mô, nền kinh tế được xem như một hệ thống được đặc trưng bởi đầu vào, đầu ra và hộp đen kinh tế vĩ mô. Các yếu tố đầu vào bao gồm : tác động từ bên ngoài (hay còn gọi là các biến số phi kinh tế) như thời tiết, dân số, chiến tranh... ; những tác động chính sách bao gồm các công cụ của nhà nước nhằm điều tiết hộp đen kinh tế vĩ mô, hướng theo các mục tiêu đã định trước.

Các yếu tố đầu ra bao gồm : sản lượng, việc làm, giá cả, xuất và nhập khẩu. Đó là các biến số do hộp đen kinh tế vĩ mô tạo ra.

Yếu tố trung tâm của hệ thống là hộp đen kinh tế vĩ mô, còn gọi là nền kinh tế vĩ mô (macroeconomy). Hoạt động của hộp đen quyết định nên chất lượng của các biến số đầu ra. Hai lực lượng quyết định sự hoạt động của hộp đen, để từ đó con người quản lý được kinh tế vĩ mô là tổng cung và tổng cầu. Đối tượng của quản lý kinh tế vĩ mô là toàn bộ nền kinh tế quốc dân, chủ thể của nó là nhà nước, thông qua các công cụ điều tiết trực tiếp như các lệnh, quyết định của nhà nước cho phép hoặc cấm hoạt động của một hoặc một số lĩnh vực nào đó, cấp cô-ta xuất nhập khẩu, quy định hành lang pháp luật... ; và điều tiết gián tiếp như : thuế, lãi suất tiền gửi và cho vay, chính sách giá cả, tiền tệ, các đòn bẩy kinh tế, các định hướng lớn và các cân đối lớn của nền kinh tế...

● **Kinh tế học vi mô** - nghiên cứu chi tiết các quyết định cá nhân về các hàng hóa cụ thể. Trong khi nghiên cứu chi tiết về một khía cạnh của hành vi kinh tế, nhưng để cho quá trình phân tích trở nên đơn giản, kinh tế học vi mô giả định bỏ qua sự tương tác của các khía cạnh này với toàn bộ nền kinh tế. Sự phân tích theo kiểu kinh tế học vi mô bỏ qua các ảnh hưởng gián tiếp được gọi là phân tích từng phần. Trong một số trường hợp, đặc biệt trong phạm vi hẹp (vi mô) các ảnh hưởng gián tiếp có thể không quan trọng, hoặc không đáng kể. Vì vậy, các nhà kinh tế tập trung nỗ lực vào phân tích chi tiết các ngành, các doanh nghiệp hoặc các hoạt động cụ thể vẫn còn có ý nghĩa. Kinh tế học vi mô đưa ra cách phân tích chi tiết các hoạt động cụ thể trong vi mô của nền kinh tế (microeconomy), như : thị trường, cung, cầu, doanh thu, giá cả, chi phí và lợi nhuận của những mặt hàng cụ thể.

Quản lý kinh tế vi mô xác định đối tượng là các hoạt động sản xuất kinh doanh trong và giữa các doanh nghiệp. Chủ thể của quản lý kinh tế vi mô là các chủ doanh nghiệp, các doanh nhân, lấy mục tiêu là hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, lao động và lợi nhuận trong phạm vi quản lý của mình.

Quản lý vĩ mô phải xác định khung pháp luật (hành lang) thật chặt chẽ, để cho quản lý vi mô năng động lựa chọn các quyết định mang lại lợi nhuận cao mà không vượt quá (vi phạm) hành lang pháp luật đã định sẵn, đạt được sự hài hòa giữa các lợi ích, cũng như định hướng chung của toàn bộ nền kinh tế ❑

Digitized by Google

GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỢT I

- Ngày 10-9-1996, **Chủ tịch nước Lê Đức Anh** đã ký Quyết định số 991 KT/CTN tặng **giải thưởng Hồ Chí Minh** đợt I cho 77 công trình, cụm công trình, cụm tác phẩm đặc biệt xuất sắc về khoa học và kỹ thuật, văn học và nghệ thuật[1]. Sau đây là các tác giả có các công trình, cụm công trình, cụm tác phẩm được giải thưởng :

I - Các tác giả có công trình, cụm công trình khoa học được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I :

1 - Các tác giả có các công trình, cụm công trình khoa học xã hội :

- Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn ; Giáo sư, viện sĩ Trần Huy Liệu ; Giáo sư Đặng Thai Mai ; Giáo sư Trần Văn Giàu ; Giáo sư Vũ Khiêu ; Giáo sư Cao Xuân Huy ; Giáo sư, Viện sĩ Hồ Tôn Trinh ; Giáo sư Đinh Gia Khánh.

2 - Các tác giả có các công trình, cụm công trình khoa học y - dược :

- Giáo sư Hồ Đắc Di ; Giáo sư Nguyễn Văn Hưởng ; Giáo sư Đặng Vũ Hỷ ; Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ; Giáo sư Tôn Thất Tùng ; Giáo sư Đỗ Xuân Hợp ; Giáo sư Đặng Văn Ngữ ; Giáo sư Trần Hữu Tước ; Giáo sư Nguyễn Xuân Nguyên ; Giáo sư Trương Công Quyền ; Giáo sư, Tiến sĩ Đỗ Tất Lợi ; Bác sĩ Hoàng Tích Mịch.

3 - Các tập thể và cá nhân có các công trình, cụm công trình khoa học tự nhiên và kỹ thuật :

- Viện kỹ thuật Quân sự (3 công trình và cụm công trình) ; Bộ tư lệnh Công binh ; Bộ tư lệnh Hải quân ; Viện kỹ thuật Bộ giao thông vận tải ; Cục đường bộ ; Cục đường sông ; Cục đường biển ; Cảng Hải phòng ; Tỵ bảo đảm Hàng hải ; Tổ GKI Đại học bách khoa Hà nội ; Bộ tư lệnh phòng không ; Đồng chí Nguyễn Trinh Tiếp, đồng chí Lê Tâm và các cộng tác viên ; Giáo sư Trần Đại Nghĩa ; Giáo sư Tạ Quang Bửu ; Giáo sư Nguyễn Xiển ; Giáo sư Lê Văn Thiêm ; Giáo sư Hoàng Tụy ; Giáo sư Đào Văn Tiến ; Giáo sư Nguyễn Văn Hiệu.

4 - Các tác giả có các công trình, cụm công trình khoa học nông nghiệp :

- Giáo sư Lương Định Của ; Giáo sư Bùi Huy Đáp.

II - Các tác giả có cụm tác phẩm văn học, nghệ thuật được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I :

1 - Ngành Văn học : Nam Cao ; Huy Cận ; Xuân Diệu ; Tố Hữu ; Nguyên Hồng ; Nguyễn Công Hoan ; Nguyễn Tuân ; Nguyễn Đình Thi ; Ngô Tất Tố ; Chế Lan Viên ; Hải Triều ; Nguyễn Huy Tưởng ; Tế Hanh ; Tô Hoài.

2 - Ngành mỹ thuật : Tô Ngọc Vân ; Nguyễn Sáng ; Nguyễn Tư Nghiêm ; Trần Văn Cẩn ; Bùi Xuân Phái ; Nguyễn Đỗ Cung ; Nguyễn Phan Chánh ; Diệp Minh Châu.

3 - Nhiếp ảnh : Lâm Hồng Long ; Vũ Năng An ; Võ An Ninh ; Nguyễn Bá Khoản.

4 - Sân khấu : Học Phi ; Trần Hữu Trang ; Tống Phước Phổ ; Đào Hồng Cẩm ; Tào Mạt.

5 - Văn học dân gian : Vũ Ngọc Phan ; Nguyễn Đổng Chi ; Cao Huy Đỉnh.

6 - Âm nhạc : Đỗ Nhuận ; Lưu Hữu Phước ; Văn Cao ; Nguyễn Xuân Khoát.

7 - Ngành múa : Nguyễn Đình Thái Ly.

8 - Điện ảnh : Đỗ Hồng Sến.

9 - Kiến trúc : Trần Hữu Tiềm ; Nguyễn Cao Luyện ; Hoàng Như Tiếp ; Huỳnh Tấn Phát.

(1) Danh sách các công trình, cụm công trình, cụm tác phẩm được giải thưởng đã đăng trên báo *Nhân dân* ngày 18-9-1996

ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ CỘNG SẢN SANG THĂM TRUNG QUỐC

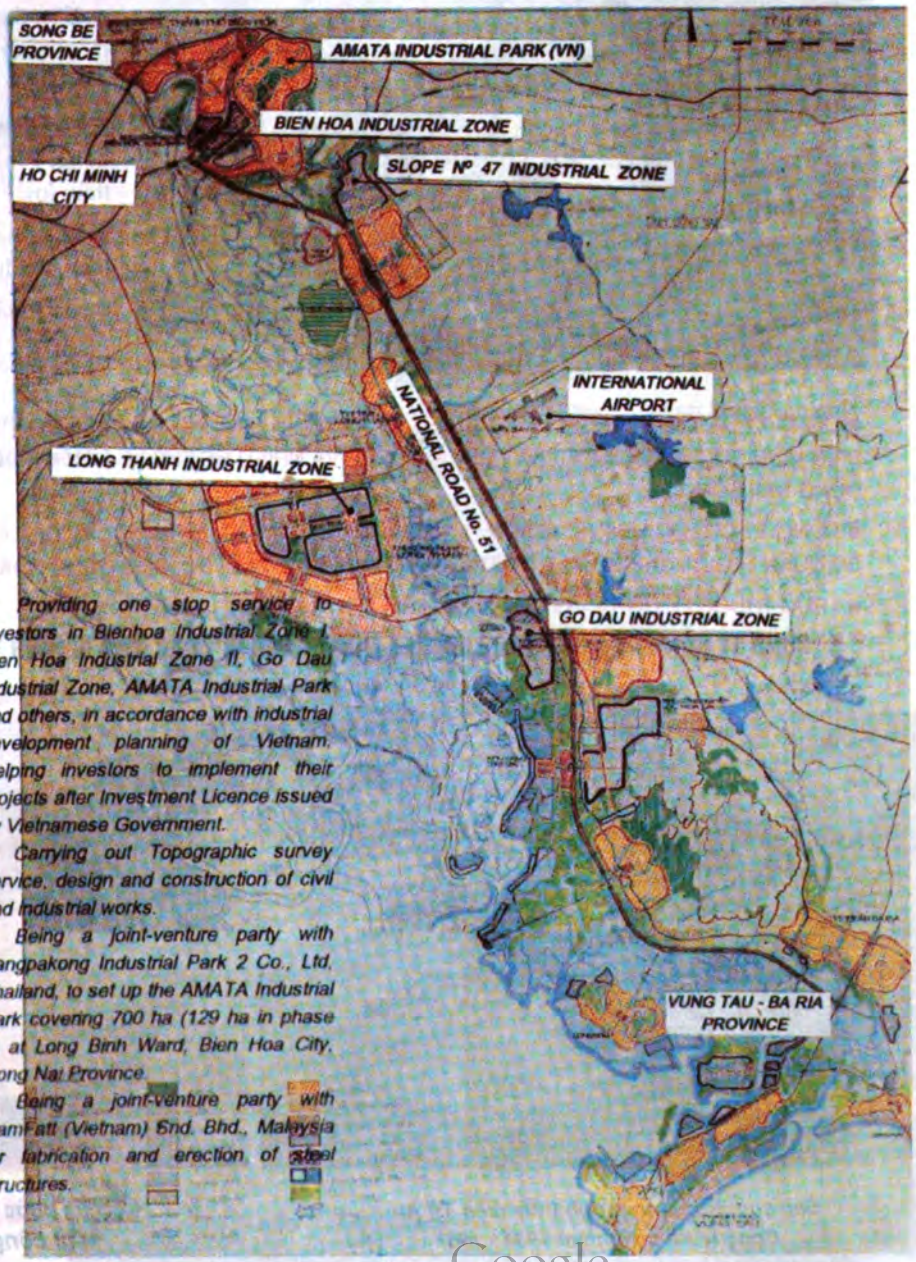
Nhận lời mời của Ban biên tập tạp chí **Cầu thị**, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng cộng sản Trung quốc, Đoàn đại biểu **Tạp chí Cộng sản** do đồng chí PGS, PTS Vũ Hiền, Phó tổng biên tập dẫn đầu, sang thăm Trung quốc từ ngày 23-9 tới ngày 3-10-1996. Trong thời gian ở thăm Trung quốc, đoàn đã được đồng chí Trịnh Tất Kiên, Ủy viên trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ tuyên truyền Trung quốc tiếp. Đoàn đã vào viếng Chủ tịch Mao Trạch Đông tại Nhà tưởng niệm. Trong cuộc hội đàm với Ban biên tập tạp chí **Cầu thị** do đồng chí Hình Bôn Tư, Tổng biên tập, dẫn đầu, hai bên đã trao đổi kinh nghiệm công tác và một số vấn đề lý luận mang tính thời sự mà hai bộ biên tập tạp chí đều quan tâm. Đoàn đã đi thăm một số di tích lịch sử, danh thắng và một số cơ sở kinh tế, văn hóa ở Bắc kinh, Thượng hải, Hàng châu và Quảng châu. Ở tất cả các nơi đến thăm, đoàn đều được ban lãnh đạo cơ quan đảng và các cơ quan tuyên truyền, báo chí liên quan tiếp đón ân cần và có sự trao đổi về những vấn đề liên quan đến công cuộc đổi mới ở Việt nam cũng như công cuộc cải cách và mở cửa ở Trung quốc, thể hiện tình hữu nghị và quan hệ ngày càng gắn bó giữa hai đảng, hai nước ❑

Digitized by Google



CÔNG TY PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA

SONADEZI BIEN HOA



MAIN LINES OF BUSINESS :

The Corporation for the Development of Bien Hoa Industrial Zone (SONADEZI BIEN HOA) is a State owned Company, established under the Decision No.1713/QD-UBT dated December 15, 1990 of the Dong Nai People's Committee and it is sorted as a 1st class staterun- enterprise under the Decision No 2961/QD-UBT dated November 30,1994 .Its functions and tasks are as follows:

1. Restoring, upgrading and developing technical infrastructures and public facilities in Bien Hoa industrial Zone I, unifying its management for effective use, preparing and putting its remainder land into use.

2. Building, managing and dealing in infrastructure facilities of Industrial Zones, calling for foreign and domestic investment into Bien Hoa Industrial Zone II covering 376 ha at Long Binh Ward, Bien Hoa City and Go Dau Industrial Zone covering 236 ha at Go Dau Hamlet, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province.

3. Providing one stop service to investors in Bienhoa Industrial Zone I, Bien Hoa Industrial Zone II, Go Dau Industrial Zone, AMATA Industrial Park and others, in accordance with industrial development planning of Vietnam. Helping investors to implement their projects after Investment Licence issued by Vietnamese Government.

4. Carrying out Topographic survey service, design and construction of civil and industrial works.

5. Being a joint-venture party with Bangpakong Industrial Park 2 Co., Ltd. Thailand, to set up the AMATA Industrial Park covering 700 ha (129 ha in phase 1) at Long Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province.

6. Being a joint-venture party with NamFatt (Vietnam) Snd. Bhd., Malaysia for fabrication and erection of steel structures.

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG Thủy lợi 42

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



- ĐỊA CHỈ : An Bình, Thuận An, Sông Bé
- ĐIỆN THOẠI : 8.966.743 - 8.960.256 • Fax : 84-8-966.743

GIÁM ĐỐC :
Kỹ sư NGÔ BÌNH ĐOÀN



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng công trình thủy lợi đê đập, hệ thống tưới tiêu công trình thủy điện nhỏ, công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn.
- Xây dựng đường giao thông công trình dân dụng, công nghiệp thuộc hệ thống công trình thủy lợi.
- Khai thác, vận tải và mua bán trao đổi vật liệu xây dựng.
- Các dịch vụ nhà nghề, nhà hàng.

- CÔNG TY ĐÃ THAM GIA THI CÔNG NHIỀU CÔNG TRÌNH LỚN : HỒ DẦU TIẾNG, THỦY ĐIỆN TRỊ AN, HỒ ĐA ÍCH, THỦY ĐIỆN VINH SƠN, THỦY ĐIỆN THÁC MƠ, AYSUNES VÀ NHIỀU HỆ THỐNG KÊNH HỒ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, ĐỒNG NAI, SÔNG BÉ.
- CÔNG TY CÓ LỰC LƯỢNG XE MÁY HÙNG HẬU, HIỆN ĐẠI HOÀN CHỈNH CÁC DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÍ GIỎI, CÁN BỘ KĨ THUẬT CÓ NHIỀU KINH NGHIỆM, ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN CÓ TAY NGHỀ CAO.
- TRỰC THUỘC CÔNG TY CÓ CÁC XÍ NGHIỆP, CÔNG TRƯỜNG, ĐỘI SẢN XUẤT.

CÔNG TY SẴN SÀNG HỢP TÁC LIÊN KẾT LIÊN DOANH VỚI CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.



Đập suối Rộp Công trình thủy điện Trị An
Công ty thi công năm 1984 - 1987



Hồ chứa nước ĐATEh' - Lâm Đồng
Thi công 1987 - 1994

Digitized by Google

VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

ĐỊA CHỈ : THỊ XÃ BÀ RỊA - ĐT : (064) 825336 - 825183 - 825552 • FAX : 84.64. 825514
ADD : BARIA TOWN - TEL : (064) 825336 - 825183 - 825552 • FAX : 84.64. 825514



■ THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ :

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt nam và ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các thành phần kinh tế.
- Thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ cầm đồ.
- Thực hiện nghiệp vụ thanh toán qua Ngân hàng bằng vi tính hiện đại
- Đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn.

CÁC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU :

1. ***THÀNH PHỐ VŨNG TÀU :***
   ĐC : 30A Nam Kỳ Khởi Nghĩa -
   ĐT : (064) 853714 - 858118
2. ***HUYỆN LONG ĐẤT :***
   ĐC : Ngã tư chợ Long điền, Long đất
   ĐT : (064) 862025 - 862027
3. ***HUYỆN XUYÊN MỘC :***
   ĐC : Xã Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc
   ĐT : (064) 874119 - 874179
4. ***HUYỆN CHÂU ĐỨC :***
   ĐC : Thị trấn Ngãi Giao
   ĐT : (064) 852023
5. ***HUYỆN TÂN THÀNH :***
   ĐC : Xã Mỹ Xuân

Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách hàng

CARRYING OUT SERVICES :

- Mobilizing capitals in short, medium and term in Vietnamese dong and foreign currencies.
- Giving short, medium and long termed loans for various economic units.
- Foreign exchange and pawn service.
- Payment services via banks by modern computer network.
- Ensuring fastly, exactly and safety.

THE BRANCHES OF BANK FOR AGRICULTURE AT BA RIA - VUNG TAU :

1. ***VUNG TAU CITY :***
   ADD : 30A Nam Ky Khoi Nghia Str.
   Tel : (064) 853714 - 858118
2. ***LONG DAT DISTRICT :***
   ADD : Long Dien Market Crossroad - Long Dat
   Tel : (064) 862025 - 862027
3. ***XUYEN MOC DISTRICT :***
   ADD : Phuoc Buu Village, Xuyen Moc District
   Tel : (064) 874119 - 874179
4. ***CHAU DUC DISTRICT :***
   ADD : Ngai Giao Village
   Tel : (064) 852023
5. ***TAN THANH DISTRICT :***
   ADD : My Xuan Village

Welcome to esteemed customers



VIET NAM BANK FOR AGRICULTURE BRANCH IN BA RIA-VUNG TAU PROVINCE

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU KONTUM

KONTUM RUBBER COMPANY



Director :·Nguyen Anh Tuan

- Tài khoản số : 7301. 0001 A tại ngân hàng đầu tư và phát triển Tỉnh KonTum.
- Tổng diện tích tự nhiên : 35.000 ha.
- Diện tích đất trồng cao su : 24.000 ha.
- Diện tích đất đã trồng cao su : 3.700 ha.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Trồng mới, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su.
- Dịch vụ khoa học kỹ thuật và cây giống cao su.
- Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết sản xuất với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Account number : 7301.0001A. Bank of nvestment and development, Kontum Province
- Total area : 35.000 ha
- Area available for planting rubber : 24.000 ha.
- Area already planted : 3.700 ha.

ACTIVITIES :

- New plantings, collection and processing of latex.
- Scientific and technical services and rubber plant seedlings.
- The company is ready to cooperate and enter into joint - ventures with domestic and overseas customers to produce latex.

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH



Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO SU EAH'LEO

- **Địa chỉ : Km 82 thị trấn Ea Khanh huyện EAH' LEO**
- **Điện thoại : (050) 877158, 877156**
- **Giám đốc : LÊ VĂN THUẬN**



- Tổng thể qui hoạch 12.000 ha. Tổng diện tích cao su hiện có 2680 ha, diện tích khai thác 1100 ha sản lượng năm 1995 đạt 650 tấn mủ khô
- Trên vùng đất đỏ bazan màu mỡ, với nguồn lao động dồi dào và đội ngũ cán bộ CNV lành nghề, công ty sẵn sàng liên doanh liên kết với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để sản xuất và chế biến mủ cao su. Mua bán các loại phân bón, hóa chất, nguyên vật liệu.

Chúng tôi hân hạnh được liên doanh, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Digitized by Google

5128

CÔNG TY THÉP MIỀN NAM

SOUTHERN STEEL CORPORATION. SSC

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG : 56 THỦ KHOA HUÂN - Q.1 - TP - HCM
ĐIỆN THOẠI : 8291539 ; FAX : (84-8) 296301

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

+ Sản xuất các loại thép cán nóng dùng cho xây dựng : (sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN - 1650 - 75, GOGT - 380 - 71 và JIS - 3112).
- Thép tròn dạng cuộn từ Φ6 đến Φ10
- Thép tròn dạng thanh từ Φ12 đến Φ20
- Thép góc đều cạnh cỡ nhỏ.

+ Sản xuất các sản phẩm khác như :
- Đinh đóng gỗ, lưới rào, dây kẽm gai, Fe - Si, đất đèn, đúc gang, đúc thép, tôn mạ, tôn mẫu và phụ tùng máy móc.

+ Mua sắt, thép phế liệu và các nguyên liệu phục vụ luyện kim như :
- Điện cực, Fe - Mn, gạch chịu lửa, than cốc.



CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC CÔNG TY

+ *Nhà máy Thép Biên Hòa (VICASA)* : Khu Công nghiệp Biên Hòa, Đồng Nai ; Điện thoại (61) 836148.
+ *Nhà máy Thép Thủ Đức (VIKIMCO)* : Xã Phước Long, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8969612.
+ *Nhà máy Thép Nhà Bè (VIỆT THÀNH)* : Xã Tân Thuận, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8729625 - 8720
+ *Nhà máy Thép Tân Bình (SONG CHÂU)* : 117 Âu Cơ, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại :8656862 - 8653
+ *Nhà máy lưới thép Bình Tây (VIĐOTHEP)* : 337 An Dương Vương, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8555316.
+ *Nhà máy Hợp Kim Sắt Nhà Bè (HOÀN THÀNH)* : Xã Tân Thuận, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại 872355 8720164.



+ *Nhà máy Cơ khí Luyện kim (SADAKIM)* : Khu Công nghiệp Biên Hò Tỉnh Đồng Nai ; Điện thoại (61) 836170.
+ *XN Xây lắp Luyện kim* : 63 - 65 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh Điện thoại : 8297414 - 8298337.
+ *Công ty POSVINA* (Liên doanh với Công ty POSCO - Nhật bản :) Phước Long, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8966517 - 896604 Fax : (84 - 8) 966040.
+ *Công ty NIPPOVINA* (Liên doanh với Công ty NOMURA - Hàn quốc FIW - Malaysia) : Xã Tân Thuận, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh ; Đ thoại : 8728492 - 8728493.
+ *Công ty Hòa Bình* (Liên doanh với Công ty Mores Hero - Đài loar 176/26 Hòa Bình, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 856595
+ *Công ty Tôn Phương Nam* (Liên doanh với Công ty NOMURA - Nhật và FIW - Malaysia) : Khu Công nghiệp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ; Đ thoại : 8226127.
+ *Công ty Mạ Công nghiệp VINGAL* (Liên doanh với Delta Group - Khu Công nghiệp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ; Điện thoại : 8220591.
+ *Công ty Thép Tây Đô* (Liên doanh với Công ty HO ASIA) : Huyệ Nóc, Thành phố Cần Thơ, Tỉnh Cần Thơ ;

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ :

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 21
MAIN

Tạp chí Cộng

The Library - UC Berkeley
Received on: 12-09-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam





21
1-1996

Digitized by Google

VIETNAM MOTORS

19-8-1991 19-8-1996

Lớn mạnh cùng nền công nghiệp xe hơi Việt Nam

Với chúng tôi, vinh dự lớn nhất là được cung cấp cho Khách Hàng các sản phẩm đa dạng nhất, chất lượng cao nhất cùng với các dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhất.

BMW mazda KIA

Trụ sở chính tại Hà Nội :
Km 9 đường Nguyễn Trãi, Q. Đống Đa. Tel 8543452 - 8543325 Fax : 8544682
Trung tâm bán - bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại Hà Nội :
198 B Tây Sơn, Q. Đống Đa. Tel : 8534121 - 8534122 Fax : 8534121
Trung tâm giới thiệu và bán xe BMW tại Hà Nội :
109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm. Tel : 8221168 - 8221180 Fax : 8221180
Chi nhánh - Trung tâm bán, bảo hành bảo dưỡng xe BMW tại t/p Hồ Chí Minh :
134 Nguyễn Biểu, Q. 5 Tel : 8362766 - 8362759 Fax : 8362768
Trung tâm bán và bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại t/p Hồ Chí Minh :
22 đường Cộng Hòa, Q. Tân Bình Tel : 8453304 - 8453305 Fax : 8453302

Và tất cả các đại lý của VMC trên toàn quốc


BMW 525 i


BMW 320 i


MAZDA E2000



MAZDA 626



MAZDA 323


KIA PRIDE GTX

NHÂN DỊP năm 5 THÀNH LẬP

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT


KIA CERES


MAZDA B2200

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, Xí nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình - Vietnam Motors Corporation (VMC) sẽ áp dụng mức giá khuyến mại đặc biệt cho kiểu xe MAZDA 323 do Liên doanh lắp ráp. Với mỗi xe, Quý vị sẽ được giảm 30.000.000 đồng. Chương trình kéo dài từ ngày 19-8-1996 đến ngày 30-9-1996. Kính mời Quý Khách Hàng đến tham quan các trung tâm và các đại lý của VMC trên toàn quốc. Tại đây chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị mọi thông tin cần thiết.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 507

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VÕ VĂN KIỆT - Những giải pháp lớn nhằm phát huy sức mạnh toàn dân thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	3
	TRẦN THỊ TÂM ĐAN - Phát huy và phát triển nguồn nhân lực trẻ của đất nước phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	9
	LÊ QUANG THƯỞNG - Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng trong thời kỳ mới	14
	NGUYỄN VĂN TÀI - Nhân tố con người trong phòng và chống "diễn biến hòa bình"	18
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 176 NGÀY SINH CỦA ĂNG-GHEN VÀ LẦN THỨ 79 CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI	VŨ LÂN - Tư tưởng Ăng-ghen, kim chỉ nam cho thắng lợi của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa	21
	VŨ XUÂN LAI - Từ chính sách kinh tế mới của Lê-nin, nhìn nhận về công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay	23
	NGUYỄN CÔNG CHIẾN - Về tính tất yếu của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay	26
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HOÀNG TỤY - Nghĩ về khoa học và công nghệ	29
	HOÀNG CÔNG - Đổi mới hệ thống chính trị : mấy vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm	35
	QUÁCH ĐỨC PHÁP - Cải cách bước II hệ thống chính sách thuế ở nước ta	39
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THỊ HẰNG - Từ thực tiễn 5 năm xóa đói giảm nghèo	43
	TRỊNH HỮU THẮNG - Hợp tác xã tín dụng ở Hà bắc sau hơn một năm phát triển	48
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	BÌNH GIANG - "Anh Hai"	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN MAI CHI - Sự hình thành các tập đoàn kinh doanh ở Hàn quốc - một số bài học kinh nghiệm	53
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	• Trung quốc tăng cường xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	• Cơ chế thị trường. Cơ chế mệnh lệnh. Cơ chế hỗn hợp	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	• Hội nghị chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo • Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản thăm và làm việc tại Lào	60

Bìa 1 : *Một số hình ảnh về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX* **Ảnh : TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО ВАН КИЕТ - Крупномасштабные мероприятия по наращению силы всего народа для индустриализации и модернизации. ЧАН ТХИ ТАМ ДАН - Утилизация и развитие молодых сил страны во имя индустриализации и модернизации. ЛЕ КУАН ТХЫОНГ - Дальнейшее совершенствование партийных организаций в новой обстановке. НГУЕН ВАН ТАЙ - Человеческий фактор в предохранении и противодействии тенденции "мирной эволюции". ВУ ЛАН - Идеи Ельгенса - Путевая звезда к победам коммунистических идеалов. ВУ СУАН ЛАЙ - Взгляд на нынешний курс обновления в нашей стране с точки зрения ленинской новой экономической политики. НГУЕН КОНГ ТЬИЕН - О неизбежности переходного периода к социализму в настоящую эпоху. ХОАНГ ТУЭ - О науке и технологии. ХОАНГ КОНГ - Обновление политической системы - некоторые теоретические проблемы и уроки. КУАН ДЫК ФАН - Вторая стадия в реформе системы налогов в нашей стране. НГУЕН ТХИ ХАНГ - Опыт пятилетней практики по уменшению и устранению бедности и продовольственного недостатка. ЧИНЬ ХЫУ ТХАНГ - Кредитный кооператив в провинции ХаБак после более одного года развития. ЧАН МАЙ ТЬИ - Формирование бизнес групп в Южной Корее - некоторые опыты.

CONTENTS

VÕ VĂN KIỆT : Great solutions for developing the power of the entire people to implement industrialization and modernization of the country. TRẦN THỊ TÂM ĐAN : Promoting and developing the young labour sources for the cause of industrialization and modernization of the country. LÊ QUANG THƯỞNG : Continuing to perfect the Party›s organization system in the new era. NGUYÊN VĂN TÀI : The human element in the prevention and protection against "peaceful evolution". VŨ LÂN : Engeles›s thoughts - the guide of the victory of the communist ideals. VŨ XUÂN LAI : Looking at the current renovation of our country from the view of Lenin›s new economic policies. NGUYỄN CÔNG CHIẾN : About the necessity of the transitional period ' socialism of our country at present. HOÀNG TỤY : Thinking of science and technology. HOÀNG CÔNG: Political system renovation : some theoretical problems and practical lessons. QUÁCH ĐỨC PHÁP : Second stage of the reformation of the tax policies in our country. NGUYỄN THỊ HẰNG : From practice of 5 years of implementing the anti - poverty program. TRỊNH HỮU THẮNG : Credit cooperatives in Ha Bac province : after more than a year of development. TRẦN MAI CHI : Formation of business corporations in South Korea : some experiences

SOMMAIRE

VÕ VĂN KIỆT - Les grandes solutions en vue de mobiliser les forces de tout le peuple pour réaliser l'industrialisation et la modernisation. TRẦN THỊ TÂM ĐAN - Faire valoir et développer la ressource humaine jeune du pays au service de l'industrialisation et de la modernisation. LÊ QUANG THƯỞNG - Continuons de parfaire le système des organisations du Parti à l'étape nouvelle. NGUYÊN VĂN TÀI - Le facteur humain dans la prévention et la lutte contre "l'évolution pacifique". VŨ LÂN - La pensée d'Angels - boussole pour la victoire de l'idéal communiste. VŨ XUÂN LAI - De la nouvelle politique économique de Lénine, jetons un regard sur l'œuvre de renouveau dans notre pays d'aujourd hui. NGUYỄN CÔNG CHIẾN- Sur la nécessité de l'étape actuelle de transition au socialisme. HOÀNG TỤY - Réflexions sur la science et la technologie. HOÀNG CÔNG - Renouveler le système politique : quelques problèmes théoriques et leçons d'expérience. QUÁCH ĐỨC PHÁP - Deuxième étape de la réforme fiscale dans notre pays. NGUYỄN THỊ HẰNG - De la faim, réduire le nombre de pauvres". TRỊNH HỮU THẮNG - La forme de coopérative de crédit au Ha Bac après un an de existence. TRẦN MAI CHI - La formation des groupes d'entreprises en Corée du Sud - quelques leçons d'expérience.

SUMARIO

VÕ VĂN KIỆT - Las grandes soluciones por desplegar la fuerza de todo el pueblo en la realización de la industrialización y modernización. TRẦN THỊ TÂM ĐAN - Desplegar y desarrollar la fuente de la joven mano de obra del país al servicio a la obra de industrialización y modernización. LÊ QUANG THƯỞNG - Continuar perfeccionando el sistema organizativo del Partido en el nuevo periodo. NGUYỄN VĂN TÀI - El factor del hombre en la prevención y lucha contra la "evolución de paz". VŨ LÂN - El pensamiento F. Engel, la brújula de la victoria del ideal comunista. VŨ XUÂN LAI -Apreciar la renovación a partir de la política de nueva economía de Lenin en Vietnam actual. NGUYỄN CÔNG CHIẾN - Sobre el actual carácter necesario de la etapa de transición al socialismo. HOÀNG TỤY - Reflexiones sobre la ciencia y la tecnología. HOÀNG CÔNG - Renovación del sistema político : Algunos problemas teóricos y lecciones de experiencia. QUÁCH ĐỨC PHÁP - Segundo paso de la renovación del sistema de políticas fiscales en Vietnam. NGUYỄN THỊ HẰNG - De la práctica de los 5 años de la abolición del hambre y disminución de la pobreza. TRỊNH HỮU THẮNG - Cooperativas de créditos en Ha Bac después de más de un año de desarrollo. TRẦN MAI CHI - La formación de las corporaciones en Sud Corea - Algunas lecciones de experiencia.

目錄

●武文杰：發揮全民力量以實現工業化、現代化的一些重大舉措●陳氏心丹：發揮和發展國家年輕人力資源，爲工業化、現代化事業服務●黎光賞：繼續健全新時期中蘇的組織系統●阮文才：在防止和抵制"和平演變"中人的因素●武麟：思格斯思想是共產主義理想勝利的指南●武春來：從列寧新的經濟政策，看我國目前的革新事業●阮功戰：當今時代向社會主義過渡的必然性●黃萃：關于科學和技術的思考●黃功：有關革新政治系統的幾個理論問題和經驗教訓●郭德法：對我國稅務政策系統進行第二步改革●陳氏姮：從進行消饑減貧五年實踐工作中得出的經驗●鄭友勝：發展了一年多的河北省信用合作社●陳梅之：從在韓國一些經營集團形成所得出的經驗和教訓

Digitized by Google

NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN NHẰM PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

VÕ VĂN KIỆT
Thường vụ BCT, Thủ tướng Chính phủ

Lời BBT : *Ngày 15-10-1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX, đồng chí Võ Văn Kiệt, Thường vụ Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã trình bày bản báo cáo quan trọng của Chính phủ :* ***"Phát huy sức mạnh toàn dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần đổi mới".*** *Báo cáo có 3 phần : I - Tình hình phát triển kinh tế, xã hội năm 1996. II - Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1996 - 2000 và nhiệm vụ năm 1997. III - Những giải pháp lớn nhằm phát huy sức mạnh toàn dân thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Tạp chí Cộng sản *trân trọng giới thiệu phần III của bản báo cáo quan trọng này.*

TÔI đã trình bày với Quốc hội những yêu cầu và nhiệm vụ lớn đặt ra cho kế hoạch 5 năm và cho kế hoạch năm 1997. Tiếp đây cho phép tôi nêu lên một số vấn đề lớn và kiến nghị, để xin ý kiến Quốc hội về những giải pháp bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch.

Một là : Ra sức phát huy mọi tiềm năng kinh tế của toàn xã hội

Chúng ta cần phải có những nguồn lực rất lớn để phát triển kinh tế và đáp ứng yêu cầu ngày một cao về công bằng và tiến bộ xã hội. Chúng ta rất thiếu vốn để phát triển kết cấu hạ tầng, mở mang những ngành nghề mới, tạo thêm công ăn việc làm, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, mở thêm thị trường mới. Trong hầu hết các công trình liên doanh với nước ngoài, tỷ lệ góp vốn của phía Việt nam cũng còn rất thấp. Trong khi đó, lực lượng lao động ở nông thôn, chiếm hơn 70% lực lượng lao động cả nước, còn tới 40% thời gian lao động chưa được sử dụng. Số người hoàn toàn không có việc làm còn chiếm tỷ lệ cao trong lực lượng lao động toàn xã hội. Đất nước còn nhiều tài nguyên và đất đai chưa được khai thác tốt ; nhân dân còn nhiều vốn nhàn rỗi, nhưng chưa mạnh dạn đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, mà chủ yếu đưa vào mua bán đất đai, nhà cửa, cất trữ. *Vấn đề nóng bỏng đặt ra là phải tìm mọi cách huy động những nguồn lực nhàn rỗi to lớn này phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.*

Trên cơ sở đường lối của Đảng đề ra, căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội đã được duyệt, Chính phủ sẽ cố gắng nâng cao năng lực quản lý vĩ mô để có thể ban hành và thực hiện được những quyết định, chủ trương khuyến khích mạnh mẽ tất cả các thành phần kinh tế tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước sẽ được phát huy tích cực trong quá trình này.

Chính phủ sẽ đề ra những biện pháp, nhằm khuyến khích người sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế :

Digitized by Google

1 - Đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh tạo ra nhiều công ăn việc làm, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế ;

2 - Tiếp cận với thị trường trong nước và bên ngoài, xuất nhập khẩu trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức, hiệp hội và các hình thức liên kết, hợp tác khác ;

3 - Trực tiếp thu hút đầu tư nước ngoài.

Trong việc thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, Chính phủ chú trọng :

1 - Phát huy vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước thông qua việc tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý, đẩy mạnh cổ phần hóa nhằm nâng cao hiệu quả ;

2 - Hướng dẫn và giúp đỡ phát triển các loại hình kinh tế hợp tác xã theo luật đã ban hành ;

3 - Tổ chức các loại hình hợp tác, liên kết liên doanh giữa các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác để tăng nhanh hiệu quả kinh tế và hình thành những đơn vị kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh.

Chính phủ sẽ thể chế hóa các hình thức phân phối, kể cả hình thức phân phối nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế chính đáng của mọi tổ chức, cá nhân đóng góp sức người, sức của vào việc phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường vai trò hỗ trợ và bảo hiểm an toàn hệ thống tài chính - ngân hàng đối với mọi hoạt động kinh tế trong xã hội.

Chính phủ sẽ cố gắng đồng bộ hóa hệ thống thể chế kinh tế, tài chính và tiếp tục hoàn thiện các yếu tố của thị trường, nhằm tạo thuận lợi và ổn định cho các nhà sản xuất kinh doanh yên tâm làm ăn lâu dài trong hành lang luật pháp rõ ràng, thông suốt ; không ngừng nâng cao hiệu quả trong quan hệ hợp tác, cạnh tranh bình đẳng.

Chính phủ tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thật sự khuyến khích mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, giảm tỷ lệ nhập siêu ; bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước đi đôi với nâng cao sức cạnh tranh của hàng nội địa cả trên thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chính phủ sẽ đặc biệt chú trọng việc xây dựng và củng cố hệ thống thương nghiệp quốc doanh phù hợp với điều kiện của các vùng nông thôn khác nhau để làm tốt việc cung ứng vật tư và dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ tốt yêu cầu tiêu thụ và xuất khẩu nông sản, giúp cho nông dân không bị ép cấp, ép giá.

Hai là : Huy động nguồn lực trong dân đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng

Nếu chỉ trông chờ vào ngân sách Nhà nước, chúng ta sẽ không thể nào phát triển nhanh được kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội. Xin lưu ý rằng ngân sách năm 1997 vẫn phải dành 70% cho chi phí thường xuyên, lại phải dành 1 phần để trả nợ đến hạn và phần lớn các tỉnh thu không đủ chi, vẫn phải dựa vào nguồn bù đắp của ngân sách trung ương. Muốn đưa vào sử dụng các nguồn vốn huy động được từ bên ngoài cho phát triển kết cấu hạ tầng, cũng phải huy động đủ các nguồn vốn đối ứng trong nước. Chúng ta phải rất chú trọng huy động sự tham gia của toàn dân ; vấn đề đặt ra là huy động như thế nào cho công bằng và hiệu quả nhất.

Nhiều cuộc họp giữa Chính phủ và các tỉnh trong năm nay đã thống nhất kiến nghị *huy động mọi nguồn vốn, bao gồm cả huy động vốn từ quyền sử dụng đất đai, nhằm đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển các hệ thống giao thông, điện, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, y tế theo tinh thần nhà nước và nhân dân cùng làm* ; xây dựng ngay dù ở mức thấp những công trình mới đã được quy hoạch ; sau này sẽ từng bước nâng cấp và mở rộng dần các công trình này theo sự phát triển kinh tế.

Thực hiện phân cấp từ trung ương tới tỉnh, huyện, xã. Ví dụ về giao thông sẽ huy động mọi nguồn vốn để hoàn thiện mạng lưới giao thông xuyên suốt từ quốc lộ đến đường nông thôn theo sự phân công như sau : Trung ương (Bộ) lo xây dựng các quốc lộ, các đường liên tỉnh ; tỉnh dùng ngân sách của địa phương có sự hỗ trợ một phần của trung ương, kết hợp với vốn huy động trong dân, lo xây dựng các tuyến đường từ tỉnh tới huyện và liên huyện ; đường từ huyện về xã, liên xã, trong xã thì huyện và xã huy động sức dân là chủ yếu.

Có các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế khai thác mọi nguồn vốn thực hiện

Digitized by Google

những dự án xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức *xây dựng, vận hành và chuyển giao* (BOT). Trách nhiệm quản lý Nhà nước là phải làm cho những công trình này được thực hiện đúng quy hoạch, bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế ; có những quy định rõ ràng và công khai về tài chính, về các chế độ thu phí và bồi hoàn.

Chính phủ kiến nghị Quốc hội ban hành những văn bản pháp luật nhằm huy động sự đóng góp nghĩa vụ công ích của công dân và mọi hình thức đóng góp tự nguyện khác, nghĩa vụ công ích có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức, ví dụ đóng góp lao động trực tiếp hoặc lao động được tính bằng tiền.

Cần thể chế hóa chính sách khuyến khích những hình thức đóng góp tự nguyện khác cho phát triển kết cấu hạ tầng và những công trình công ích xã hội (ví dụ các khoản tự nguyện đóng góp xây dựng những công trình công cộng hoặc làm những việc công ích khác như khuyến học, bảo vệ môi trường... sẽ được khấu trừ trước khi tính thuế lợi tức, thuế thu nhập...), vận động phong trào nhân dân tự nguyện xây dựng những công trình công ích bằng công sức của mình (ví dụ theo cách làm của một số địa phương thuộc các tỉnh Nam hà và Thái bình...), v.v.

Việc huy động công sức nhân dân phát triển kết cấu hạ tầng và hoạt động công ích là một chủ trương và phương thức lâu dài, cần được thực hiện có quy củ và thành nề nếp ; bảo đảm công bằng, minh bạch.

Ba là : Nhà nước và nhân dân hợp lực phát triển giáo dục và y tế

Phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong công cuộc phát triển của xã hội chúng ta. Nhưng năng lực tài chính từ nguồn ngân sách của Nhà nước ta rất hạn chế. Tuy tỷ trọng ngân sách của nước ta chi cho giáo dục và y tế không kém, có khi cao hơn một số nước có mức sống như nước ta, nhưng phần lớn kinh phí chỉ đủ trả lương ở mức thấp cho thầy giáo, thầy thuốc và nhân viên các trường học, bệnh viện. Chính sách tài trợ của Nhà nước như hiện nay là sự trợ giúp đồng đều mang tính bao cấp cho mọi người đi học, khám chữa bệnh, không phân biệt mức thu nhập.

Trong thực tế, nhân dân ta đã và đang đóng góp nhiều tiền của, công sức cho việc học tập, khám chữa bệnh, nhưng phần đông dưới dạng không chính thức, không công khai. Một sự thật là tuyệt đại đa số các gia đình có con em đi học, kể từ cấp mẫu giáo trở lên, đều phải đóng góp ở mức khá cao, dưới các hình thức khác nhau. Tình trạng bất kể trò giỏi, trò kém đều phải "học thêm" là rất trái với các phương pháp sư phạm khoa học, gây phiền hà, tốn kém cho phụ huynh học sinh, ảnh hưởng xấu đến quan hệ thầy - trò, gia đình - nhà trường. Người đi khám chữa bệnh cũng phải chi thêm nhiều khoản ngoài quy định để được chữa trị, chăm sóc tốt hơn. Tình trạng đó làm những gia đình nghèo rất chật vật lo cho con đi học, nhiều khi phải bỏ dở ; khi gặp bệnh tật thì hết sức khó khăn.

Mấy năm gần đây, ở nhiều nơi, trước hết là các thành phố, thị xã, đã phát triển nhiều cơ sở dân lập dưới nhiều hình thức, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của nhân dân.

Tôi xin đề nghị Quốc hội cho ý kiến về vấn đề quan trọng này. Rất nên làm cho mọi người dân nhìn rõ những thực trạng nói trên, để tìm ra những giải pháp thiết thực, hợp lý, được chấp nhận rộng rãi trong nhân dân.

Chính phủ kiến nghị xây dựng một quan điểm chung làm cơ sở cho mọi chính sách và giải pháp là :

Sử dụng nguồn vốn ngân sách vào những khâu thiết yếu nhất, cho những mục tiêu và đối tượng cần trợ giúp ; huy động công khai và có tổ chức, được quy định rõ ràng bằng luật pháp sự đóng góp của nhân dân vào giáo dục và y tế theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm ; phát triển các hình thức bán công, dân lập ; đồng thời bảo đảm cho người thuộc diện chính sách và người nghèo được đi học, khám chữa bệnh.

Nhà nước phải quản lý chặt chẽ và thực hiện thống nhất nội dung, chất lượng, quy trình, quy phạm... của mọi hoạt động giáo dục, y tế đúng

Digitized by Google

với luật pháp. Chương trình giảng dạy và chế độ thi cử do Nhà nước quy định.

Chính phủ đề nghị ban hành *những quy chế cho phép cạnh tranh lành mạnh để nâng cao chất lượng* giữa các trường học, giữa các cơ sở y tế. Không có sự phân biệt về bằng cấp của những trường công và bán công, trường quốc lập và dân lập.

Chúng ta phải phát triển và thiết lập trật tự trong giáo dục và y tế với chất lượng mới trên cơ sở :

- Gắn sự đóng góp của dân với quyền của dân được lựa chọn và hưởng những dịch vụ y tế và giáo dục có chất lượng xứng đáng ;

- Gắn thu nhập được điều chỉnh lại nhờ sự đóng góp của dân theo thể chế này với trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ làm nhiệm vụ giáo dục, y tế ; đãi ngộ xứng đáng thầy giáo, thầy thuốc theo năng lực và chất lượng dạy học, khám chữa bệnh.

- Thể chế hóa việc phân bổ một phần những nguồn lực huy động từ sự đóng góp của dân vào việc cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và việc trợ giúp những gia đình thuộc diện phải trợ giúp.

- Cải tiến và phát triển hệ thống bảo hiểm đúng với vai trò không thể thiếu được của nó trong việc nâng cao phúc lợi xã hội ;

- Khôi phục và nâng cao vị trí của thầy giáo, thầy thuốc trong xã hội ; nuôi dưỡng và phát huy nề nếp tôn sư trọng đạo, lương y như từ mẫu.

Thực hiện những giải pháp trên đây, chúng ta mới có điều kiện bảo đảm thu nhập thỏa đáng cho đội ngũ cán bộ giáo dục và y tế hiện đang chiếm hơn 3/4 tổng số biên chế hành chính sự nghiệp của cả nước. Đồng thời chúng ta sẽ có thêm nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và y tế nước ta sớm theo kịp đòi hỏi của đất nước và trình độ những nước đi trước.

Tôi xin nhấn mạnh rằng thực hiện thể chế mới về sự đóng góp của dân cho giáo dục và y tế hoàn toàn không có nghĩa là Nhà nước sẽ làm ngơ hay thừa nhận bất kỳ loại phụ thu tùy tiện và lạm bổ nào trái quy định. Ngược lại, Chính phủ coi những loại "tiêu cực phí" này là bất hợp pháp và sẽ xử lý nghiêm khắc. Đồng thời tôi cũng xin đề nghị phải *thực hiện triệt để tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích* những nguồn đóng góp của nhân dân cho giáo dục và y tế, phải xây dựng được những quy định pháp luật chặt chẽ trong việc sử dụng những nguồn lực này.

Bốn là : Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội

Vấn đề này là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta. Chúng ta đã làm nhiều việc, nhưng tình trạng tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội vẫn ở mức độ trầm trọng, gây nhiều hậu quả tai hại và trực tiếp cản trở, đe dọa sự phát triển của nước ta.

Để chống tham nhũng, chúng ta cần tiếp tục đấu tranh bền bỉ và triệt để hơn nữa, vận dụng mọi hình thức, kết hợp những biện pháp vận động chính trị sâu rộng trong toàn xã hội và những biện pháp trừng trị kiên quyết theo pháp luật. Chính phủ đề nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung các điều luật liên quan đến việc trừng trị các tội tham nhũng ; ban hành các quy định mới nhằm tạo cơ chế phối hợp đồng bộ, kịp thời giữa các cơ quan có trách nhiệm thi hành pháp luật từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến điều tra, truy tố, xét xử các tội tham nhũng, khắc phục cho được tình trạng xử lý chậm, không nghiêm nhiều vụ án tham nhũng lớn. Cần bổ sung các biện pháp chế tài mạnh hơn, có hiệu quả hơn, đặc biệt là biện pháp về kinh tế, đối với các tội tham nhũng, trốn thuế, buôn lậu.

Chính phủ cũng đề nghị Quốc hội xem xét, quyết định ban hành những văn bản pháp luật về nguyên tắc liên đới chịu trách nhiệm đối với những người đứng đầu cơ quan hoặc đơn vị để xảy ra các vụ vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Những biện pháp xử lý mới chỉ nhằm vào những hiện tượng đã và đang xảy ra. Chống tham nhũng còn đòi hỏi phải khắc phục những nguyên nhân xuất phát, trước hết là những sơ hở về thể chế, bất hợp lý về bộ máy, những phần tử thoái hóa biến chất trong đội ngũ công chức và trình độ cán bộ chưa cập nhật so với yêu cầu mới.

Digitized by Google

Điều đó giải thích vì sao những văn bản pháp quy dù chặt chẽ, rõ ràng vẫn không ngăn chặn được tiêu cực, tham nhũng. Một ví dụ là vẫn còn nhiều tiêu cực trong việc lựa chọn đối tác thực hiện các dự án, hợp đồng kinh tế, mặc dù Nhà nước đã có nhiều quy định kể cả các quy định về gọi thầu, xét thầu. Một biện pháp quan trọng để khắc phục là công khai hóa tài chính doanh nghiệp, tăng cường chất lượng các công tác kế toán, kiểm toán ; tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy định rõ những điều cấm và giảm bớt việc xin phép - cho phép, công khai hóa quy trình xét duyệt của các cơ quan chức năng ; đồng thời nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, trước hết là ở những khâu giải quyết công việc của dân và của các doanh nghiệp.

Chính phủ đề nghị Quốc hội cho ý kiến về những biện pháp kiên quyết và khả thi để đạt được chuyển biến thật sự trong cuộc đấu tranh này.

Về phòng chống các tệ nạn xã hội : Tuy những biện pháp đã thực hiện trong năm vừa qua có mang lại một số kết quả, nhưng nạn mãi dâm, cờ bạc, ma túy, tội phạm hình sự chưa giảm đáng kể. Chính phủ đã căn cứ vào Bộ Luật hình sự và Pháp lệnh Xử phạt hành chính để đề ra những biện pháp đẩy mạnh công tác phòng chống các tệ nạn xã hội. Những biện pháp này cần được tăng cường hơn nữa, đồng thời chú trọng hơn công tác tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh.

Tại một số địa phương đã có những hình thức hoạt động rất hiệu quả như tổ chức sự tham gia của tổ dân phố, cụm, xóm với nòng cốt là những người có uy tín và giàu tâm huyết, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chuyên trách phòng chống tệ nạn xã hội... Những điển hình tốt cần được tổng kết và nhân rộng.

Vì sức khỏe của giống nòi và tương lai của đất nước, tôi đề nghị Quốc hội kêu gọi toàn dân dập tắt ngay nạn nghiện hút ma túy trong nhà trường ; các tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường phải thực sự là lực lượng nòng cốt, đi đầu, cùng nhà trường và gia đình bài trừ tệ nạn này.

Một mặt rất yếu cần khắc phục là chúng ta còn thiếu nhiều hoạt động văn hóa, xã hội lành mạnh đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân ; còn thiếu những tác phẩm văn hóa có tính nghệ thuật cao và sức cổ vũ lớn cho những giá trị đạo đức trong cuộc sống. Việc đấu tranh ngăn chặn văn hóa độc hại còn thụ động. Chúng ta không thể đơn thuần đổ lỗi cho cơ chế thị trường để bào chữa việc còn thiếu những nỗ lực cần thiết trên mặt trận này.

Ngoài việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách về văn hóa, xã hội đã đề ra trong năm 1996, Chính phủ sẽ đặc biệt chú trọng việc thực hiện nhiệm vụ này ngay trong các trường học và ngoài xã hội ; nâng cao chất lượng các chương trình văn hóa trên các phương tiện truyền thông, chú trọng nhiều hơn nữa đến những hoạt động phúc lợi xã hội giúp đỡ những người lỗi lầm tìm lại con đường trở về với cuộc sống lương thiện.

Năm là : Nâng cao năng lực quản lý của bộ máy Nhà nước

Càng đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh toàn dân và giải phóng mọi tiềm năng trong xã hội cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta càng phải chú trọng nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của bộ máy Nhà nước, trước hết trên các phương diện :

- Nâng cao hiệu lực của hệ thống pháp luật,

- Phát huy vai trò của hệ thống tài chính tiền tệ,

- Hoàn thiện các yếu tố của kinh tế thị trường và cơ chế quản lý của Nhà nước.

Chính phủ sẽ đặc biệt chú trọng phát triển và tiếp tục hoàn thiện hệ thống tài chính, tiền tệ, coi đây là một trong những khâu công tác quan trọng nhất trực tiếp góp phần vào sự phát triển năng động, nâng cao hiệu quả và tính phát triển ổn định, bền vững của nền kinh tế nước ta. Trước hết, kiện toàn hệ thống ngân sách Nhà nước theo Luật ngân sách Nhà nước ; đổi mới các chính sách tài chính, đổi mới chính sách thuế theo

Digitized by Google

hướng đơn giản, dễ thực hiện, chú trọng phát triển và nuôi dưỡng các nguồn thu, điều tiết thu nhập dân cư, bảo đảm thu ngân sách tốt hơn ; nâng cao hiệu quả công tác kế toán, kiểm toán, thống kê, kiểm soát hoạt động tài vụ của các doanh nghiệp. Tiếp tục ban hành những chính sách duy trì ổn định tiền tệ và kiềm chế lạm phát, củng cố vai trò của đồng Việt nam, cải tiến hệ thống ngân hàng và từng bước xây dựng thị trường vốn nhằm huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực.

Chính phủ tiếp tục cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực thi hành luật pháp và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân. Trước hết đặt trọng tâm vào việc hình thành hành lang pháp lý rõ ràng tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế và cho mọi người dân phát huy một cách sáng tạo khả năng của mình trong khuôn khổ hành lang đó.

Công cuộc cải cách hành chính trong những năm vừa qua đã có được một số kết quả. Những nhu cầu phát triển mới đòi hỏi những bước đi căn bản hơn, dứt khoát hơn trong lĩnh vực này. Chính phủ sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá lại một cách nghiêm khắc những gì đã làm được và những gì chưa làm được. Những điều kiện khách quan mới như cơ chế thị trường, xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế, phương tiện kỹ thuật hiện đại... cần được vận dụng hài hòa cùng những yếu tố chủ quan như bộ máy, con người... trong cả quá trình cải cách. Điều quan trọng là phải phân tích kỹ lưỡng thực tế sinh động của cuộc sống hàng ngày để tìm ra bước đột phá, khâu trọng điểm, có giá trị thiết thực cho giai đoạn tiếp theo.

*
* *

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

NẾU như chúng ta đã khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thì cũng cần nhìn nhận ***công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân,*** *ai cũng có quyền và được luật pháp bảo hộ, được Nhà nước hướng dẫn, khuyến khích đem hết nhiệt tình, trí tuệ và của cải góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa như vậy sẽ là cuộc vận động tiết kiệm lớn nhất trong xã hội nước ta. Nhân đây tôi cũng xin nhắc lại : nước ta nghèo, nhưng tiêu xài còn rất lãng phí ; trong đó có những nguyên nhân đạo đức, phẩm chất, nhưng cũng có cả nguyên nhân còn thiếu những biện pháp bảo hộ và khuyến khích từng người dân tiết kiệm và sử dụng tiền tiết kiệm được vào sản xuất, kinh doanh, thiếu những chế định chặt chẽ để chống lãng phí của công mà thực chất là của dân.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn là một cuộc vận động chính trị sâu rộng, bao gồm yêu cầu giác ngộ sâu sắc chủ nghĩa yêu nước với nội dung mới, trước hết đó là ý thức lo cho vận mệnh tương lai của đất nước, tinh thần tự trọng dân tộc, ý chí chiến thắng cái nghèo, khắc phục tâm lý ỷ lại trông chờ vào ngân sách Nhà nước, vào viện trợ nước ngoài.

Chúng ta cần làm mọi việc để phổ cập trong nhân dân ý thức tự trau dồi kiên thức, sự ham mê hiểu biết kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật ; nâng cao tinh thần giữ gìn luật pháp và trật tự kỷ cương, bảo vệ môi trường, sự hiểu biết và ý thức tự giác tham gia sự nghiệp phát triển toàn diện đất nước. Không một quốc gia nào trên thế giới có thể tiến hành công nghiệp hóa trong tình trạng văn hóa, dân trí và tinh thần dân tộc thấp kém, kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội thiếu hiệu lực.

Đại hội VIII đề ra mục tiêu năm 2020 đưa nước ta trở thành nước công nghiệp. Để thực hiện được mục tiêu dài hạn đó, chúng ta cần xác định rõ nhiệm vụ đặt ra cho kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1996 - 2000 và kế hoạch năm 1997, và phải thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này. Những giải pháp cho những vấn đề lớn Chính phủ trình Quốc hội được xây dựng với ý chí phát huy sức mạnh toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng đất nước vì lợi ích của nhân dân.

Xin Quốc hội cho ý kiến và xin cảm ơn sự chú ý của Quốc hội ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRẺ CỦA ĐẤT NƯỚC PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TRẦN THỊ TÂM ĐAN *

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra những mục tiêu và giải pháp cơ bản cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó đặc biệt nhấn mạnh quan điểm : "Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững".

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã làm được nhiều việc để thực hiện chiến lược con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một số văn bản pháp luật quan trọng có liên quan đến con người và các chính sách xã hội đã được ban hành đang đi vào cuộc sống. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực của đất nước có những bước phát triển đáng kể.

Tuy nhiên, để đạt tới mục tiêu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đến năm 2000 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, thì điều quan trọng nhất là ngay từ bây giờ nhà nước cần có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực với một cơ cấu hợp lý về số lượng và chất lượng đủ sức đáp ứng yêu cầu cho những mục tiêu đã đặt ra. Chiến lược ấy bao gồm một sự định hướng, một hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế thích hợp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

I - Về tình hình lao động trẻ nước ta hiện nay

Nguồn nhân lực là tổng thể sức dự trữ, những tiềm năng, những lực lượng thể hiện sức mạnh và sự tác động của con người trong việc cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội. Nói nguồn nhân lực trẻ, tức là nói đến sức phát triển, chất lượng của bộ phận dân cư trong độ tuổi thanh niên và lực lượng lao động trẻ.

Hiện nay nước ta có trên 40 triệu lao động, trong đó lực lượng lao động trẻ chiếm 50,1% (khoảng hơn 20 triệu người). Lực lượng dự trữ cho nguồn lao động trẻ ở nước ta khá lớn. Nếu như ở nhiều nước phát triển, số dân thuộc nhóm 14 tuổi trở xuống chỉ chiếm 16 - 19%, thì ở nước ta, tỷ lệ này là 37% (khoảng 28 triệu người). Lực lượng này cứ mỗi năm bổ sung từ 1,5 đến 1,7 triệu người vào đội ngũ lao động. Như vậy, đến năm 2000 nước ta sẽ có thêm khoảng hơn 6 triệu lao động và đưa lực lượng lao động trẻ lên tới 26 triệu. Đây là một lực lượng xã hội to lớn và là vốn quý của đất nước để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bộ phận ưu tú của lực lượng trẻ nước ta có tiềm năng trí tuệ khá cao, có tầm nhìn rộng, năng động, sáng tạo và khá nhạy bén trong cuộc sống, có khát vọng vươn lên, không chịu đói nghèo, lạc hậu, dám nghĩ, dám làm ; đặc biệt là trong việc tiếp thu khoa học, công nghệ hiện đại và ngành nghề mới,đã đóng góp tích cực cho sự thành công của nhiều công trình lớn có yêu cầu kỹ thuật cao do ta tự thiết kế và thi công, như trong các ngành quốc phòng, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng, giao thông vận tải, nông nghiệp... Tuy vậy, việc xem xét, phân tích tình hình lao động trẻ khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho thấy còn nhiều vấn đề bất cập phải quan tâm giải quyết như phân bố lao động, cơ cấu, trình độ nghề nghiệp...

Về lao động, cho đến nay, nước ta vẫn nằm trong tình trạng phân bố theo cơ cấu của một nước nông nghiệp : 14% lao động công nghiệp, xây dựng, 15% lao động dịch vụ, 71% là lao động nông

* Chủ nhiệm Ủy ban văn hóa, giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội

Digitized by Google

nghiệp. Điều này cho thấy sức lao động trẻ còn tiềm ẩn ở nông thôn khá lớn, mặc dù năng suất lúa và cây trồng trong nhiều năm qua tăng khá, nhưng giá trị thu nhập của lao động nông nghiệp tính theo đầu người nhìn chung còn thấp. Trong những năm qua cơ cấu kinh tế ở nông thôn đang có sự thay đổi, cho nên lực lượng lao động trẻ cũng có sự chuyển dịch khá rõ. Sự chuyển dịch này diễn ra theo 3 hướng : *Hướng thứ nhất* chuyển lao động từ thuần nông sang kết hợp với ngành nghề phụ, phục hồi nghề truyền thống, phát triển tiểu thủ công nghiệp chế biến, dịch vụ sản xuất. *Hướng thứ hai* chuyển từ trồng lúa sang trồng cây ăn quả, trồng hoa, trồng cây cảnh có giá trị hàng hóa cao hơn. *Hướng thứ ba* là sự di chuyển về các thành phố lớn, khu công nghiệp để làm thuê các việc đơn giản. Phần lớn số này thoát ly nông thôn theo thời vụ, lúc nông nhàn, làm việc cực nhọc, không ổn định, gặp không ít khó khăn trong sinh hoạt, đời sống và làm nảy sinh những vấn đề phức tạp trong quản lý xã hội. Trình độ văn hóa của lực lượng lao động trẻ nông thôn phổ biến là tiểu học và phổ thông cơ sở, trình độ nghề nghiệp thấp. Trong số 88% lao động nước ta chưa qua đào tạo thì phần chủ yếu là ở nông thôn.

Đối với lực lượng công nhân kỹ thuật trẻ, theo Trung tâm thông tin nghiên cứu lý luận của Tổng liên đoàn lao động Việt nam, trên 1,7 triệu công nhân kỹ thuật, chỉ có 70 vạn được đào tạo qua trường, lớp (chiếm 40%). Số công nhân bậc cao hiện nay chỉ có khoảng 4 000 người, chiếm 2,8% và phần lớn đều ở độ tuổi trên 50. Cũng cần nói thêm rằng, chúng ta không thiếu những công nhân trẻ đạt được trình độ này, song cơ chế xét chọn, nâng bậc thợ... chưa cho phép họ nhận danh hiệu phù hợp.

Lực lượng lao động có trình độ đại học và sau đại học khoảng 700 000 người, trong đó hơn 10 000 người có trình độ sau và trên đại học, nhưng số lao động trẻ trong số này quá ít. Qua điều tra ở 17 trường đại học thì số cán bộ giảng dạy dưới 35 tuổi chỉ có 8%. Số có trình độ phó tiến sĩ, tiến sĩ chủ yếu tập trung ở các trường đại học và viện nghiên cứu. Điều đáng lưu ý là phần lớn những trí thức có trình độ trên đại học đang là những chuyên gia đầu ngành đã ở độ tuổi 55 - 60. Trong khi đó sinh viên giỏi sau khi tốt nghiệp, đa số không muốn ở lại trường. Vì vậy việc chuẩn bị đội ngũ trí thức kế cận sẽ gặp không ít khó khăn (không chỉ đối với đội ngũ trí thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn mà cả trong lĩnh vực khoa học tự nhiên). Chúng ta cũng đang thiếu những nhà khoa học đầu đàn trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản trị kinh doanh, kể cả trong lĩnh vực công nghệ. Việc xây dựng đội ngũ có trình độ cao, đảm bảo được cơ cấu các ngành nghề hợp lý cũng là vấn đề cần nghiên cứu và có những giải pháp hữu hiệu. Bởi vì, ngay từ việc lựa chọn ngành nghề của thanh niên hiện nay, khi thi vào các trường đại học đang có hiện tượng tập trung vào các ngành tin học, ngoại ngữ, kinh tế, luật và đương nhiên số học sinh giỏi sẽ được thu hút vào các ngành này. Nhiều ngành quan trọng như khoa học xã hội, khoa học nhân văn, nông, lâm nghiệp, sư phạm hầu như không có học sinh giỏi thi vào. Cứ đà này sẽ dẫn đến tình trạng khó có thầy giáo giỏi, những nhà nông, lâm nghiệp tầm cỡ, những nhà khoa học xã hội, khoa học nhân văn xuất sắc. Đây là điều đáng suy nghĩ khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sự phân bố lực lượng lao động trẻ có trình độ đại học cũng chưa hợp lý, đang diễn ra hiện tượng thừa, thiếu giả tạo. Qua điều tra ở 55 trường đại học, cao đẳng, có khoảng 14 nghìn sinh viên ra trường chưa có việc làm, trong khi nhiều vùng, miền, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa lại thiếu cán bộ khoa học kỹ thuật. Nguyên nhân chủ yếu là, một mặt do sinh viên ra trường muốn ở lại công tác tại các thành phố, khu công nghiệp, nơi kinh tế phát triển để có thu nhập cao hơn và điều kiện làm việc tốt hơn ; mặt khác, chúng ta cũng chưa có chính sách thu hút để điều chỉnh sự phân bố này. Trong khi đó, một số công ty nước ngoài, văn phòng đại diện, công ty liên doanh chỉ cần trả lương cao, tuy lao động khá vất vả nhưng đã thu hút được không ít sinh viên ra trường, kể cả những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi vào làm việc.

Một bộ phận lao động trẻ là con em các dân tộc ít người, sống ở các vùng khó khăn, trình độ văn hóa còn thấp, số đông còn mù chữ, kiến thức khoa học kỹ thuật ít, làm ăn lam lũ, đời sống khó khăn, hầu hết đều không được học nghề. Bộ phận lao

Digitized by Google

động này rất ít người tham gia vào lao động trong lĩnh vực công nghiệp. Phần lớn họ chưa có hiểu biết về sản xuất hàng hóa, mà chủ yếu sản xuất theo kiểu tự cung tự cấp. Đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi nhà nước phải có sự đầu tư đặc biệt, chính sách đặc biệt mới giải quyết được việc xây dựng nguồn nhân lực trẻ cho vùng dân tộc.

Về thể chất - sức khỏe của thanh thiếu niên Việt nam hiện nay cũng là vấn đề đáng chú ý. Kết quả điều tra của chương trình chính sách thế hệ trẻ cho thấy, trong những năm gần đây, sức khỏe của thanh niên Việt nam có tăng lên nhưng chậm hơn so với các nước trong khu vực.

II - Cần một hệ chính sách và giải pháp đồng bộ

Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngoài yếu tố vốn và công nghệ mới, yếu tố nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trẻ, là vô cùng quan trọng. Chúng ta phải đồng thời giải quyết cả hai nhiệm vụ, làm sao để phát huy nguồn nhân lực hiện có và phát huy, phát triển nguồn nhân lực trẻ kế cận mà trước hết phải tập trung vào hai khu vực lớn : nông nghiệp - nông thôn và công nghiệp, đồng thời phát triển các ngành nghề dịch vụ cả trong hai khu vực này.

Phát huy, phát triển lực lượng lao động trẻ trước hết phải tập trung chăm lo cho sự nghiệp phát triển giáo dục, đào tạo con người Việt nam có bản lĩnh, thấm đậm bản sắc dân tộc, có năng lực chuyên môn, tay nghề, vươn lên nắm công nghệ mới. Muốn vậy, trước hết phải đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục, tạo ra một mặt bằng dân trí tối thiểu của cả nước, góp phần nâng cao chất lượng con người trong sản xuất và trong đời sống, đồng thời tiến hành đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực có đạo đức và tay nghề thực hiện các mục tiêu, các chương trình phát triển đất nước. Phải làm sao kết hợp được giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp, vốn văn hóa chung với tay nghề. Phải có tay nghề mới có điều kiện nhập công nghệ và sáng tạo ra công nghệ mới, làm nên sản phẩm chất lượng cao. Giáo dục phải tập trung trang bị cho mỗi người lao động trẻ đạt yêu cầu về đạo đức cũng như trình độ nghề nghiệp.

Những năm gần đây quy mô phát triển giáo dục đều tăng. Năm học 1995 - 1996 đã thu hút gần 2,4 triệu cháu vào học trường mầm non, hơn 10 triệu cháu vào trường tiểu học, có trên 4,3 triệu học sinh phổ thông cơ sở và hơn 1 triệu học sinh phổ thông trung học. Tổng cộng có gần 18 triệu học sinh từ mầm non tới phổ thông. Ngành dạy nghề và trung học chuyên nghiệp hiện nay phát triển chậm : năm 1995 - 1996 chỉ có 80 000 học sinh học nghề, 140 000 học sinh trung học chuyên nghiệp. Cả hai ngành học này mới có 220 000 học sinh, trong khi chúng ta có tới hơn 1 triệu học sinh phổ thông trung học, hơn 400 000 sinh viên đại học và cao đẳng. Số liệu trên đây cho thấy, cơ cấu đào tạo hiện nay khá mất cân đối giữa số sinh viên đại học với cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề. Số sinh viên đại học gấp 5 lần số học sinh học nghề và gấp gần 2,8 lần số học sinh trung học chuyên nghiệp. Mặt khác, nếu nghiên cứu *tháp* lao động của nước ta hiện nay thì 88% lao động không lành nghề, 5,5% lao động lành nghề, 3,5% chuyên viên kỹ thuật, 2,7% kỹ sư, 0,3% nhà khoa học và chuyên gia. Trong khi đó *tháp* lao động của các nước công nghiệp thường là 35% lao động không lành nghề, 35% lao động lành nghề, 24,5% chuyên viên kỹ thuật, 5% kỹ sư và 0,5% nhà khoa học và chuyên gia. Từ đây có thể rút ra hai vấn đề trong phát triển quy mô giáo dục : Phải phát triển quy mô ở tất cả các ngành học vì số lao động chưa qua đào tạo còn quá lớn ; đồng thời phải bằng mọi biện pháp phát triển nhanh hơn ngành trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, tiến tới một cơ cấu hợp lý giữa lực lượng lao động có trình độ đại học với chuyên viên kỹ thuật và công nhân lành nghề, để từng bước phù hợp với yêu cầu lao động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu đưa số học sinh trung học chuyên nghiệp và trung học dạy nghề lên ngang với số lượng học sinh phổ thông trung học. Để khuyến khích học sinh phổ thông cơ sở vào trường trung học chuyên nghiệp, trung học dạy nghề, cần nghiên cứu về nội dung chương trình, chính sách tuyển sinh để tạo thuận lợi cho những học sinh này học lên đại học khi có nhu cầu và có điều kiện.

Ngành giáo dục - đào tạo cần nhanh chóng quy hoạch mạng lưới các trường trung học chuyên

Digitized by Google

nghiệp và đào tạo nghề, sớm nghiên cứu xây dựng hệ thống chương trình về đào tạo nghề, tổ chức viết sách giáo khoa, giáo trình, tăng cường công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn, tổ chức việc bồi dưỡng giáo viên, phổ biến những phương pháp dạy nghề hiện đại, tạo điều kiện cho sự phát triển của hệ thống này. Cũng cần lưu ý chỉ nên phát triển quy mô trên cơ sở đảm bảo chất lượng.

Việc tăng ngân sách cho giáo dục - đào tạo theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội là cần thiết ; đồng thời việc huy động các lực lượng xã hội tham gia đào tạo lực lượng lao động cũng như sự đóng góp của người học là rất quan trọng. Cần có chính sách tạo mặt bằng đất đai, cho vay không lãi hoặc lãi suất thấp, kể cả việc nhà nước có thể hỗ trợ một phần kinh phí ban đầu để khuyến khích các lực lượng xã hội tích cực tham gia mở các trường nghề. Mặt khác, cũng cần có giải pháp giao cho các doanh nghiệp lớn, bên cạnh việc đào tạo công nhân theo hình thức kèm cặp tại xí nghiệp, nếu có điều kiện mở các trường dạy nghề đào tạo lực lượng lao động cho mình và cho xã hội. Chi phí đào tạo được tính vào giá thành sản phẩm và qua thu học phí của người học.

Trong tổ chức chỉ đạo cũng cần có sự phối hợp giữa các chương trình kinh tế với chương trình giải quyết việc làm ngay từ đầu để tránh được sự lãng phí trong sử dụng lao động đã được đào tạo, cũng như sự bất cập trong cung ứng lao động cho những dự án kinh tế trọng điểm.

Nguồn lao động trẻ hiện nay tập trung chủ yếu ở nông thôn, vì vậy mọi giải pháp phải hướng về nông thôn. Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác hướng nghiệp của nhà trường phổ thông phục vụ cho nông thôn, thì trong việc quy hoạch xây dựng phát triển công nghiệp trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh tế, nhà nước nên ưu tiên bố trí các cơ sở sản xuất, trước hết là những ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, ngư nghiệp, và một số ngành công nghiệp có khả năng thu hút nhiều lao động ở địa bàn nông thôn. Làm như vậy sẽ khai thác được nguồn nguyên liệu cũng như sử dụng lao động tại chỗ và cũng tạo ra khả năng thu hút được lực lượng lao động đã qua đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề trở về phục vụ nông thôn. Bên cạnh việc củng cố và phát triển các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, ở địa phương nên mở những trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh nông thôn làm luôn cả chức năng phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới cho lực lượng lao động trẻ. Ngày nay khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Do vậy để công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể không tìm mọi cách đưa khoa học kỹ thuật đến với người lao động, nhất là đội ngũ lao động trẻ ở nông thôn.

Để giải quyết lực lượng lao động có trình độ đại học và chuyên viên kỹ thuật, công nhân lành nghề cho miền núi, cho dân tộc ít người, cần giải quyết tốt hơn việc đào tạo người tại chỗ theo phương thức cử tuyển như chúng ta đang thực hiện. Ở đây đang cần điều chỉnh chế độ học bổng cho học sinh và đảm bảo những điều kiện cho họ trong quá trình học tập, cũng như xác định rõ ngành nghề đào tạo mà địa phương cần, đồng thời cần quy định học sinh ra trường có trách nhiệm về phục vụ địa phương theo một thời hạn nhất định.

Hiện nay ở miền núi vùng sâu, vùng xa hệ thống trường phổ thông tương đối phát triển so với trước đây, phần lớn con em dân tộc học ở hệ thống này. Bên cạnh đó, trong những năm qua chúng ta đã phát triển được một mạng lưới trường dân tộc nội trú nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc ở vùng khó khăn. Vấn đề đặt ra là, cần phát triển các cơ sở nghề ở miền núi, để cho học sinh không học lên đại học thì vào học ở các trường chuyên nghiệp, trường dạy nghề, hoặc các trung tâm dạy nghề đào tạo giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ kỹ thuật và các nghề cần thiết. Cần có kế hoạch đưa số học sinh ở các trường dân tộc nội trú sang đào tạo nghề sau khi kết thúc việc học văn hóa. Nên nghiên cứu đưa việc dạy nghề vào trong các trường dân tộc nội trú.

Việc thanh niên tốt nghiệp các trường đại học, trung học chuyên nghiệp không chịu đi làm việc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa nguyên nhân chủ yếu vẫn là chưa có chính sách đủ mạnh và hợp lý. Vì vậy, bên cạnh việc đào tạo theo hình thức cử tuyển, thì việc có chính sách thỏa đáng để huy động được lực lượng trí thức trẻ, chuyên viên kỹ thuật, công nhân lành nghề từ miền xuôi lên công tác ở miền

Digitized by Google

núi, vùng sâu, vùng xa trong một thời hạn nhất định là một việc hết sức cần thiết. Có như vậy mới mong có đủ lực lượng lao động có chất lượng cho sự nghiệp xây dựng phát triển miền núi, vùng sâu, vùng xa trong giai đoạn nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ trở thành những nhà khoa học đầu đàn, những chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực đang là một vấn đề cấp bách. Nhưng chúng ta đang gặp một thực trạng nhiều sinh viên giỏi tốt nghiệp không ở lại làm cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu mà nguyên nhân chủ yếu vẫn là do thu nhập không đảm bảo đời sống. Do đó, cần dành một tỷ lệ ngân sách thỏa đáng đầu tư cho khoa học và công nghệ, cho các trường đại học, viện nghiên cứu để các cơ sở này có thể mở rộng quy mô nghiên cứu khoa học, tạo ra khả năng thu hút các cán bộ khoa học trẻ.

Cùng với việc đào tạo trong nước cần tăng cường giao lưu khoa học, kỹ thuật, đưa người đi đào tạo ở các nước có trình độ khoa học công nghệ phát triển, nhất là đối với những ngành mũi nhọn. Bằng mọi biện pháp, dưới nhiều hình thức, chúng ta cần nhanh chóng xây dựng một đội ngũ các nhà khoa học đầu đàn, những chuyên gia giỏi đồng bộ trong các ngành, thuộc các lĩnh vực, có đủ khả năng đảm nhận được nhiệm vụ tư vấn, cũng như thực thi các công trình trọng điểm quốc gia và vươn ra tham gia các công trình ở nước ngoài.

Để củng cố và phát triển hệ thống đào tạo nguồn nhân lực sát với yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, chính phủ chỉ đạo các ngành hữu quan, khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời dự báo nhu cầu lao động về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu để làm tiền đề cho việc phát triển các cơ sở đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu cả nước cũng như từng vùng, từng miền, từng địa phương.

Song song với việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ, vấn đề giải quyết việc làm cần được đẩy mạnh, bởi vì giải quyết việc làm chẳng những có tác dụng định hướng cho thanh niên chọn nghề phù hợp với yêu cầu xã hội, mà còn là động lực cho thanh niên rèn luyện, học tập nâng cao trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp để bước vào lao động xã hội. Bên cạnh việc có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, các lực lượng xã hội đầu tư phát triển sản xuất để giải quyết việc làm, cần quan tâm đến nhiều hình thức tổ chức cho thanh niên tham gia có hiệu quả các chương trình kinh tế, như chương trình làm giao thông miền núi, trồng rừng lấn biển, phủ xanh đất trống đồi trọc và mở rộng các khu kinh tế thanh niên. Tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên vay vốn để phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề, phát huy khả năng tự tạo, tự tìm việc làm và phát triển việc làm trong khuôn khổ pháp luật.

Nâng cao thể lực cho thanh thiếu niên cũng đang là một vấn đề phải quan tâm, mặc dù đây là một vấn đề đòi hỏi phải có thời gian để giải quyết trên cơ sở nâng cao dần mức sống của nhân dân về vật chất cũng như tinh thần. Trước mắt cần tập trung giải quyết cho được các mục tiêu của chương trình chăm sóc, bảo vệ trẻ em đến năm 2000, nhất là các mục tiêu giảm đáng kể tỷ lệ suy dinh dưỡng ; đầu tư nâng cao chất lượng của chương trình giáo dục thể chất và y tế học đường ; đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể trong thanh, thiếu niên, tạo điều kiện cho đoàn thanh niên duy trì phong trào "khỏe vì ngày mai lập nghiệp", "khỏe để bảo vệ Tổ quốc".

Việc phát huy, phát triển nguồn nhân lực trẻ, đòi hỏi những giải pháp đồng bộ về phát triển kinh tế và phát triển xã hội, trong đó yếu tố quyết định nhất vẫn là chất lượng của nguồn nhân lực trên các mặt phẩm chất đạo đức, trình độ nghề nghiệp, thể lực, cũng như ý chí vươn lên của thanh niên.

Sự nghiệp này đòi hỏi sự chỉ đạo sát sao, trên cơ sở một định hướng chiến lược lâu dài cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, chúng ta tin tưởng rằng thế hệ trẻ sẽ vươn lên mạnh mẽ, làm tròn được sứ mệnh của mình trong thời kỳ mới của đất nước - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC KIỆN TOÀN HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ MỚI

LÊ QUANG THƯỞNG *

ĐẠI hội VIII của Đảng đã quyết định nhiệm vụ của toàn đảng, toàn dân ta trong thời kỳ mới là "tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội".

Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang đó, phải triển khai tổ chức thực hiện hàng loạt chủ trương và biện pháp trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, trong đó, vấn đề "xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới" nói chung và việc kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng nói riêng là một yêu cầu tất yếu, cấp thiết, có ý nghĩa quyết định. Đây là một vấn đề khó khăn và phức tạp, vì thế Đảng ta đang tích cực chỉ đạo các cơ quan có liên quan tiếp tục các chương trình tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận một cách có căn cứ khoa học và có cơ sở thực tế, tạo ra sự thống nhất về quan điểm, chủ trương và các bước tiến hành trong việc kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Để góp phần nhỏ bé vào công việc có tầm quan trọng chiến lược đó, tôi xin mạnh dạn tham gia một số ý kiến sau đây :

1 - *Trước hết, phải tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng của cấp ủy và của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp.*

Cấp ủy các cấp, từ Ban chấp hành trung ương tới cấp ủy địa phương và cơ sở, qua mấy lần bầu cử ở các kỳ đại hội đảng gần đây đã có một bước tiến mới trong việc quán triệt các yêu cầu về tiêu chuẩn và cơ cấu do Trung ương quy định, thể hiện được tính kế thừa và sự lãnh đạo toàn diện của mỗi cấp ủy. Tuy nhiên, nếu đi sâu xem xét, đánh giá cụ thể thì không ít cấp ủy vẫn có một số mặt, một số trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới. Cụ thể là :

- Nơi nào cũng có một số người tuy được bầu vào cấp ủy nhưng chưa bảo đảm đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn (hoặc là về phẩm chất đạo đức và sự tín nhiệm của quần chúng chưa cao, hoặc là về các mặt kiến thức và năng lực lãnh đạo chưa theo kịp yêu cầu mới). Hơn 20 năm đất nước được hoàn toàn giải phóng, sự nghiệp giáo dục không ngừng phát triển, đã tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên, nhân dân học tập. Do đó khá đông cán bộ trẻ đã được đào tạo về chuyên môn. Nhiều người có tài năng, nhưng Đảng và Nhà nước chưa có chính sách sử dụng hợp lý, nên chưa tạo ra được nguồn cán bộ "vừa hồng, vừa chuyên" ở các cấp. Từ đó việc chuẩn bị cán bộ dự bị cho các cấp ủy chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Một số cấp ủy, nhất là ở cấp cơ sở và cấp huyện, vẫn còn không ít cấp ủy viên trình độ văn hóa cấp I và cấp II, tỷ lệ có trình độ đại học rất thấp. Những cán bộ am hiểu sâu sắc các lĩnh vực như : quản lý nhà nước bằng luật pháp, chỉ đạo phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều

* Phó trưởng Ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

thành phần, mở rộng quan hệ đối ngoại, v.v. hầu như nơi nào, cấp nào cũng còn thiếu.

- Quy trình giới thiệu, tuyển chọn người vào cấp ủy tuy đã qua ba bước dân chủ, từ rộng đến hẹp, từ cá nhân giới thiệu đến các tập thể có trách nhiệm nhận xét, kiến nghị, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Một số người được giới thiệu và được bầu vào cấp ủy nhưng sau đó việc bố trí, phân công công tác cho họ rất khó khăn, bởi vì khi bầu, vẫn còn nặng về cơ cấu độ tuổi, địa phương, giới hoặc ngành, chưa bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn, chưa bám sát hiệu quả công việc và hướng phân công để xem xét, đánh giá, tuyển chọn. Nguyên nhân sâu xa của tình hình nêu trên là nhiều cấp ủy chưa thực sự quan tâm và đổi mới công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ một cách cơ bản và lâu dài ở các cấp dưới ; phương pháp tuyển chọn chưa dân chủ. Để khắc phục tình trạng này, phải sớm xây dựng một chiến lược cán bộ cho giai đoạn mới, làm cơ sở để đào tạo, tuyển chọn, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp ; đồng thời chuẩn bị cán bộ dự bị các cấp ủy theo đúng tiêu chuẩn về đức tài, trên cơ sở hiệu quả công việc và khả năng phát triển của mỗi người. Từ đó chúng ta mới có thể xây dựng được đội ngũ cán bộ của các cấp ủy bảo đảm tiêu chuẩn, có trình độ ngày càng cao, đáp ứng được các yêu cầu của thời kỳ mới. Thực hiện tốt sự kết hợp giữa công tác chuẩn bị nhân sự của cấp ủy khóa trước để giới thiệu người vào cấp ủy khóa sau, với việc phát huy dân chủ trong việc giới thiệu, tuyển chọn những người có đủ tiêu chuẩn vào cấp ủy khóa mới. Thực hiện việc kiện toàn, đổi mới một số cấp ủy viên một cách thường xuyên, thông qua việc tổng kết, đánh giá tình hình hoạt động của tập thể cấp ủy và từng thành viên, không chờ đến hết nhiệm kỳ. Có cơ chế khuyến khích các cấp ủy viên đăng ký phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao và tự nguyện xin rút ra khỏi cấp ủy khi xét thấy mình không đáp ứng được yêu cầu công việc.

2 - *Tổng kết rút kinh nghiệm để nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo tập thể của các ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước, đảng đoàn trong các cơ quan dân cử và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp, bảo đảm phát huy đầy đủ chức năng nhiệm vụ của các bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan nhà nước và ban lãnh đạo các đoàn thể, theo đường lối, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước và điều lệ của các đoàn thể.*

Sau Cách mạng Tháng Tám (1945), Đảng ta đã lập tổ chức *đảng đoàn* ở tất cả các cấp. Từ sau Đại hội IV của Đảng, tổ chức *đảng đoàn* chỉ lập trong các cơ quan dân cử và đoàn thể ; còn đối với các bộ, ngành của chính quyền thì lập *ban cán sự đảng*. Sau Đại hội V bỏ hệ thống tổ chức ban cán sự đảng trong các cơ quan bộ, ngành chính quyền, thay bằng việc tổ chức *hội đồng bộ, ngành* và bổ sung các quy định về sự lãnh đạo của Bộ chính trị, Ban bí thư đối với các bộ, ngành và về vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng trong các cơ quan. Quyết định này tuy đã được cân nhắc trên nhiều mặt nhưng qua hơn 10 năm thực hiện (1982 - 1992) đã dần dần bộc lộ rõ những thiếu sót, khuyết điểm. Ở một số cơ quan, có tình trạng buông lỏng công tác đảng, không thực hiện đúng chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng bị lu mờ. Từ năm 1992 đến nay, chúng ta đã củng cố tổ chức *đảng đoàn* trong các cơ quan dân cử và đoàn thể, lập *ban cán sự đảng* Chính phủ, lập lại các *ban cán sự đảng* trong các bộ, ngành của nhà nước và một số tổng công ty lớn. Sau khi được thành lập và củng cố, nhiều ban cán sự đảng bước đầu có những hoạt động tốt, nhất

Digitized by Google

là về công tác cán bộ. Tuy nhiên, hoạt động của một số đảng đoàn và ban cán sự đảng còn có những mặt hạn chế, nhất là ở cấp tỉnh và huyện, nhưng do thời gian hoạt động còn ngắn, nên chúng ta chưa sơ kết, rút kinh nghiệm để phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt yếu kém. Một số ban cán sự đảng có số lượng và cơ cấu nhân sự chưa phù hợp. Quan hệ giữa đảng đoàn, ban cán sự với đảng ủy khối và đảng ủy cơ quan ; giữa ban cán sự đảng Chính phủ với ban cán sự đảng ở các bộ, giữa ban cán sự đảng ở bộ và ban cán sự đảng tổng công ty... cũng đang có những vấn đề cần phải xác định rõ hơn.

Theo tôi, trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu sơ kết, rút kinh nghiệm để xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và nâng cao trách nhiệm của các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể trên hai mặt chủ yếu : quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, vận dụng đề ra các chủ trương cụ thể, lãnh đạo thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong các bộ, ngành, đoàn thể ; làm công tác quy hoạch cán bộ, ra quyết định đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện các chế độ chính sách cán bộ trong ngành và đoàn thể theo quy định ; đồng thời phối hợp với các cấp ủy và tổ chức đảng có liên quan trong công tác đảng và công tác quần chúng ở các đơn vị trực thuộc. Nên thống nhất tên gọi tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp, chủ yếu là ở cấp trung ương và cấp tỉnh, thành.

3 - *Tiếp tục cải tiến về tổ chức để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng cấp trên cơ sở trong một số loại hình có tính chất đặc thù.*

Trong thời gian qua, xuất phát từ tình hình và yêu cầu cụ thể của mỗi cấp, đã có nhiều hình thức khác nhau về tổ chức, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp như : đảng ủy khối các cơ quan trung ương ; đảng ủy liên cơ quan hoặc đảng ủy dân - chính - đảng cấp tỉnh ; đảng ủy khối doanh nghiệp ; ban cán sự đảng các trường đại học trực thuộc cấp tỉnh, thành. Một số tổ chức đảng ở doanh nghiệp lớn trực thuộc Ban bí thư trung ương (các khóa trước), trực thuộc khối cơ quan kinh tế trung ương, đảng ủy cơ quan bộ, ngành ; hoặc trực thuộc tỉnh, thành ủy (riêng TP Hồ Chí Minh đã lập 40 đảng ủy khối các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trực thuộc thành ủy). Các cơ sở nhỏ nói chung trực thuộc huyện, quận, thị ủy...

Do chưa xác định thật rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó và mối quan hệ với các tổ chức có liên quan (đảng ủy cơ quan, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy địa phương...), nên nhìn chung, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng kể trên còn nhiều hạn chế.

Trong thời gian tới nên sắp xếp lại tổ chức cấp trên của các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có đầu mối tổ chức thật hợp lý, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức. Các tổ chức đó cần tập trung chỉ đạo làm tốt các mặt công tác chính trị - tư tưởng, kiểm tra, công tác đảng viên... ở các đơn vị trực thuộc ; đồng thời phối hợp với các ban cán sự đảng, đảng đoàn và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn và công tác cán bộ ở các cơ quan, đơn vị đó ; phối hợp với các cấp ủy địa phương để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đó làm tốt các mặt công tác xã hội, thực hiện pháp luật trên địa bàn.

Digitized by Google

4 - *Tiếp tục cải tiến tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban và cơ quan sự nghiệp của Đảng.*

Trước đây, Đảng đã có những chủ trương kiện toàn các tổ chức đảng theo yêu cầu chất lượng và hiệu quả, nhưng do vẫn áp dụng các chính sách và cơ chế quản lý cũ nên đã dần dần phát triển hệ thống các ban và cơ quan đảng ở các cấp khá lớn. Lúc cao nhất có tới 18 ban với chức năng được chia nhỏ để nghiên cứu, tham mưu và quản lý cán bộ của các ngành như công nghiệp, nông nghiệp, lưu thông phân phối, dân vận, dân tộc, tôn giáo, khoa giáo, văn hóa tư tưởng, nội chính... và hàng chục đơn vị sự nghiệp khác. Hệ thống các ban đảng ở các địa phương cũng mở ra nhiều đầu mối. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy đảng từ trên xuống dưới nhìn chung có nhiều mặt hạn chế.

Từ sau Đại hội VI, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 34 (năm 1986) của Bộ chính trị (khóa V), việc kiện toàn tổ chức các ban được xúc tiến mạnh hơn. Đã sắp xếp lại tổ chức các ban và cơ quan sự nghiệp của Đảng ở trung ương và các cấp tỉnh, huyện gọn hơn. Tuy nhiên, trong thời kỳ này vẫn chưa coi trọng đúng mức việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các tổ chức. Những năm gần đây, tiếp tục tiến hành việc kiện toàn tổ chức theo yêu cầu đổi mới. Ở cấp trung ương hiện nay đã sắp xếp lại còn 12 ban và 5 cơ quan sự nghiệp (giảm 17 đầu mối so với thời kỳ 1980 - 1985). Ở các địa phương, có một số nơi cũng đã giảm được nhiều đầu mối. Đã quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của các ban, sắp xếp, bổ sung cán bộ, xây dựng chương trình công tác và quy chế làm việc. Một số ban đã có nhiều cố gắng và tiến bộ trong việc thực hiện chức năng tham mưu, xây dựng hoặc thẩm định đề án, hướng dẫn và kiểm tra các mặt công tác của Đảng. Tuy nhiên, tới nay hệ thống tổ chức các ban vẫn chưa hợp lý, đầu mối còn nhiều, công việc trùng lắp, mối quan hệ với các tổ chức có liên quan vẫn chưa được xác định thật rõ ; chất lượng đội ngũ cán bộ và hiệu quả hoạt động của các ban còn thấp.

Trong việc xây dựng các ban và cơ quan làm việc của Đảng, cần phải xuất phát từ yêu cầu bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy trong mỗi thời kỳ, mỗi cấp khác nhau. Nói chung các cấp ủy cần có một số ban chức năng chuyên trách công tác chính trị - tư tưởng, tổ chức cán bộ (riêng ủy ban kiểm tra được cấp ủy lập ra theo quy định của Điều lệ Đảng), một số ban nghiên cứu, tham mưu về những vấn đề kinh tế - xã hội và một số cơ quan sự nghiệp. Cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các ban này với các ban cán sự đảng và đảng đoàn, nhất là đối với những vấn đề có liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và đoàn thể. Cấp ủy mỗi cấp trực tiếp tổ chức chỉ đạo các ban và cơ quan của cấp mình, có sự hướng dẫn về nghiệp vụ của ban cấp trên được phân công. Nói chung không tổ chức thành hệ thống chỉ đạo dọc theo từng ban, không nhất thiết cấp trên có ban nào thì cấp dưới cũng phải có ban đó.

Yếu tố quyết định để bảo đảm cho các ban và cơ quan đảng hoạt động có hiệu quả là phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó ; cấp ủy phải tăng cường chỉ đạo và sử dụng các ban vào công việc đã được xác định, chăm lo lựa chọn, bồi dưỡng và có chế độ chính sách đúng để xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực tốt ở các ban của Đảng, đồng thời tập hợp được nhiều cộng tác viên có kinh nghiệm tham gia công tác nghiên cứu trên các lĩnh vực lãnh đạo của Đảng ❑

Digitized by Google

NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG PHÒNG VÀ CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"

NGUYỄN VĂN TÀI *

Có thể nói "diễn biến hòa bình" và "chống diễn biến hòa bình" là một hình thức đấu tranh quyết liệt giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay ; đồng thời cũng là một hình thức của cuộc đấu tranh giai cấp gắn chặt với đấu tranh dân tộc gay go, phức tạp trên thế giới.

Sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới khiến chủ nghĩa đế quốc càng hung hăng bộc lộ công khai âm mưu xóa bỏ hết các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó Việt nam là một trọng điểm. Từ đó đòi hỏi chúng ta phải suy ngẫm về những bài học kinh nghiệm lịch sử đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không thể coi thường nguy cơ "diễn biến hòa bình".

Chúng ta không hề cường điệu "diễn biến hòa bình", nhưng không thể coi thường sự nguy hại của nó đối với vận mệnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lịch sử đã chứng minh, nguy cơ "diễn biến hòa bình" không chỉ xuất phát từ bên ngoài và mức độ tác hại hoàn toàn không chỉ do các lực lượng bên ngoài quyết định mà còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố bên trong của đất nước. "Diễn biến hòa bình" muốn thực hiện được, nhất thiết phải thông qua tự diễn biến ở bên trong. Vì thế, cần xem xét một cách nghiêm túc nhân tố con người, nhất là nhân tố đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phòng chống "diễn biến hòa bình".

Tính tất yếu của vấn đề phát huy vai trò nhân tố con người của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phòng và chống "diễn biến hòa bình" trước hết xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới xã hội ở nước ta đòi hỏi phải nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ ; xuất phát từ chính vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hoạt động lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội ; đồng thời xuất phát từ chính thực trạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên của chúng ta : bên cạnh bước trưởng thành, phát triển, còn bộc lộ sự bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Nhân tố con người của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phòng và chống "diễn biến hòa bình" được thể hiện trước hết ở những yêu cầu cụ thể dưới đây :

- *Phẩm chất chính trị* là yêu cầu cơ bản hàng đầu, nhân tố hiện thực hóa bản chất giai cấp công nhân của Đảng và Nhà nước ta, là yếu tố bảo đảm cho ổn định chính trị - tư tưởng theo định hướng xã hội chủ nghĩa của toàn xã hội ; bảo đảm sức chiến đấu, hiệu lực của mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp đổi mới xã hội. Chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc là tập trung mọi biện pháp, thủ đoạn hòng tước vũ khí tư tưởng - phẩm chất chính trị hàng đầu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kinh nghiệm cho thấy sự non kém mơ hồ về chính trị của cán bộ là hết sức nguy hiểm. Do đó đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải luôn luôn trung thành với đảng, với nhân dân, với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa ; trung thành với những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; có bản lĩnh chính trị vững vàng ; kiên định con đường xã hội chủ nghĩa không để kẻ thù làm lung lạc được niềm tin và ý chí cách mạng. Nếu thiếu phẩm chất chính trị, phai nhạt tính đảng tức là mất sức đề kháng, tạo lỗ hổng về tư tưởng cho các quan điểm tư tưởng tư sản thâm nhập và chiếm lĩnh trận địa.

Do vị trí, vai trò của mình mà đội ngũ cán bộ, đảng viên phải có nhận thức, tình cảm, ý chí cách mạng để làm cơ sở hoạch định đường lối, chính sách, đồng thời tổ chức hoạt động thực tiễn có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên còn phải có đủ tri thức, quan điểm, niềm tin chính trị đúng đắn để làm cơ sở giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong mọi hoạt động lãnh đạo, quản lý các mặt kinh tế - xã hội.

* Học viện chính trị quân sự

Digitized by Google

Phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên thể hiện ở tinh thần kiên quyết thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ; tận tâm với nhiệm vụ, chức trách được giao ; thể hiện bằng hiệu lực và hiệu quả hoạt động thực tiễn. Cán bộ, đảng viên phải tiền phong, gương mẫu, xứng đáng là hạt nhân chính trị giáo dục quần chúng, dẫn dắt quần chúng theo con đường xã hội chủ nghĩa. Sự yếu kém về phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên sẽ là đầu mối cho sự khủng hoảng về tư tưởng trong toàn xã hội, là một điều kiện thuận lợi để kẻ địch gây động loạn chính trị và bạo loạn lật đổ.

Phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn thể hiện ở tinh thần nhạy bén, dũng cảm đấu tranh, phê phán những luận điệu sai trái, phản động của kẻ thù ; kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích của nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân ; thể hiện ở ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành pháp luật, phục tùng nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi hoạt động, chống tự do, vô chính phủ.

- *Phẩm chất đạo đức* là nền tảng trong nhân tố con người của đội ngũ cán bộ, đảng viên. "Người cách mạng cần phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân" (1). Cốt cách đạo đức của họ nhất thiết phải là "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư".

Âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù là dùng chủ nghĩa thực dụng để "mở toang cánh cửa diễn biến hòa bình". Chúng hy vọng việc mở cửa, phát triển kinh tế thị trường sẽ làm nảy nở tư tưởng thực dụng, và chính chủ nghĩa thực dụng tự nó làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ cán bộ, đảng viên hễu bị chủ nghĩa thực dụng làm biến chất cộng sản sẽ trở thành kẻ bóc lột chính ngay nhân dân mình. Chủ nghĩa thực dụng làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên suy nghĩ và hành động vì động cơ cá nhân, từ đó làm sai lệch và cản trở việc thực thi đường lối, chính sách trong thực tiễn. Thực tế cho thấy phần lớn những người vi phạm kỷ luật, pháp luật không phải do không am hiểu đường lối, chính sách, pháp luật mà là do cố tình vi phạm, vì chủ nghĩa thực dụng và động cơ cá nhân chi phối.

Thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", các thế lực thù địch tìm mọi thủ đoạn để phân hóa nội bộ ta, hòng làm mất sức chiến đấu của đảng và hiệu lực quản lý của nhà nước. Chúng hy vọng cơ chế thị trường sẽ làm cho xã hội ta phân hóa thành giàu - nghèo ; một bộ phận cán bộ, đảng viên lợi dụng chức, quyền tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi ; thông qua các thủ đoạn của chúng mua chuộc, lôi kéo về kinh tế - vật chất, đội ngũ cán bộ, đảng viên sẽ bị phân hóa về thu nhập, lối sống, quan điểm, tư tưởng ; từ đó chia rẽ lực lượng, phá vỡ sự cố kết về tư tưởng và tổ chức ; mâu thuẫn trong nội bộ sẽ là yếu tố đẩy mâu thuẫn xã hội lên cao, gây nên sự mất ổn định chính trị - xã hội. Chúng còn âm mưu "khoét sâu nội bộ" để tạo "lực lượng đối trọng" từ bên trong. Qua hợp tác giao lưu quốc tế được mở rộng, kinh tế thị trường phát triển, khu vực kinh tế tư nhân sẽ lớn mạnh đến mức trở thành lực lượng áp đảo đối với kinh tế nhà nước ! Cùng với quá trình đó, bộ phận cán bộ có chức, có quyền bị tiêm nhiễm chủ nghĩa thực dụng, tha hóa về chính trị sẽ trở thành lực lượng lái đất nước sang quỹ đạo khác. Có thể nói đó chính là "lộ trình" mà kẻ thù mong muốn, bắt đầu từ sự vận động của kinh tế, đến chuyển hóa về lối sống, đạo đức, tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên ; kết cục là chuyển hóa về đường lối chính trị và chế độ xã hội.

Một thủ đoạn khác của "diễn biến hòa bình" là phá hoại mối quan hệ máu thịt giữa đảng với nhân dân. Trong điều kiện đảng cầm quyền, cán bộ có chức có quyền dễ bị tha hóa về đạo đức, mắc bệnh quan liêu, tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, xa hoa, trụy lạc, lãng phí công quỹ... làm nhân dân oán trách, bất bình, mất niềm tin vào đảng, vào chế độ. Họ bị biến chất, không còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân, mất thanh danh và đánh mất vai trò lãnh đạo của đảng.

Như vậy thông qua chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa đế quốc âm mưu tạo ra "lực lượng bên trong" thay mặt họ thực hiện "diễn biến hòa bình". Chủ nghĩa xã hội chỉ có thể đứng vững được, chiến thắng được nguy cơ "diễn biến hòa bình" nếu Đảng ta thật sự xứng đáng "là đạo đức, là văn minh", trong đó đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự tiêu biểu cho lương tâm, phẩm giá con người và trí tuệ của thời đại.

Phương hướng, biện pháp chủ yếu để đẩy lùi nguy cơ "diễn biến hòa bình" là đẩy mạnh công cuộc đổi mới xã hội ở nước ta, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 467

Digitized by Google

nghĩa. Sự nghiệp đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên không chỉ có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng mà còn phải có trình độ năng lực tương xứng. Trình độ, năng lực ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng là yếu tố bảo đảm trực tiếp cho tính hiệu lực và hiệu quả của mọi hoạt động thực tiễn.

Trước hết, đội ngũ cán bộ, đảng viên cần có trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý. Đó là khả năng nắm vững, quán triệt, cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để đề ra các quyết định lãnh đạo, quản lý ; khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động của tập thể và cá nhân có hiệu quả, khả năng xử lý thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác ; khả năng đoàn kết quần chúng và lắng nghe cũng như hiểu được để thỏa mãn ý nguyện chính đáng của nhân dân, quan tâm đến con người, tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện có hiệu quả chức trách, nhiệm vụ được giao. Phẩm chất chính trị, đạo đức của người cán bộ, đảng viên phải được thể hiện trong thực tiễn, thông qua năng lực lãnh đạo, quản lý.

Cán bộ, đảng viên còn phải có trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để thích ứng với một lĩnh vực hoạt động nhất định, tránh "chính trị suông", hoặc lãnh đạo chung chung. Người lãnh đạo, quản lý phải có tầm nhìn bao quát, biết công việc, hiểu chức năng, nhiệm vụ của tập thể, cá nhân mà mình phụ trách. Từ đó mới có thể kiểm tra, đánh giá, uốn nắn lệch lạc, dự kiến được thuận lợi, khó khăn và bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc.

Để thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, đảng viên cần có một năng lực trí tuệ phát triển hoàn hảo. Hoạt động lãnh đạo, quản lý đòi hỏi một khả năng sáng tạo lớn để đề ra quyết sách đúng đắn, tổ chức thực tiễn có hiệu quả. Điều đó chỉ có thể có được trên cơ sở một năng lực trí tuệ và văn hóa thích ứng. Đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ càng đặt ra yêu cầu cấp thiết là trí tuệ hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", toàn bộ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực lãnh đạo, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ đều phải đặt trên cơ sở trí tuệ. Chỉ như vậy mới có được khả năng phân biệt đúng, sai ; đứng vững trước những luận điệu hiểm độc của kẻ thù nhằm bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tán dương những giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền, văn minh, văn hóa tư sản... Chỉ trong sự kết hợp giữa tinh thần cách mạng với trí tuệ khoa học, đội ngũ cán bộ, đảng viên mới có khả năng tiến công kịp thời, sắc sảo với những luận điểm chiến tranh tâm lý - tư tưởng của kẻ thù, xứng đáng là những chiến sĩ tiền phong trên mặt trận đấu tranh tư tưởng.

Chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực, là kết quả của hoạt động thực tiễn sinh động, sáng tạo của quần chúng. Vì vậy, năng lực trí tuệ của đội ngũ cán bộ, đảng viên là điều kiện để khơi dậy, dẫn dắt, tập hợp và phát huy tiềm năng trí tuệ vô tận của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng.

Trong nhân tố con người của đội ngũ cán bộ, đảng viên thì phẩm chất chính trị, đạo đức là nền tảng quy định phương hướng tích cực hoặc tiêu cực, đẩy nhanh hoặc kìm hãm sự phát triển của năng lực và quy định phương hướng chính trị, đạo đức của hoạt động thực tiễn. Còn năng lực là phương tiện để hiện thực hóa các phẩm chất vào hoạt động thực tiễn, trực tiếp quy định hiệu lực và hiệu quả của hoạt động thực tiễn. Cán bộ có phẩm chất mà thiếu năng lực thì sẽ không thúc đẩy được sự phát triển kinh tế - xã hội, thậm chí làm trầm trọng thêm nguy cơ tụt hậu. Song, nếu có tài mà không có đức thì không những không lãnh đạo được quần chúng mà còn thiếu mất "cái gốc", sẽ làm đổ vỡ sự nghiệp cách mạng. Cán bộ, đảng viên nếu thiếu phẩm chất, năng lực có nghĩa là xuất hiện nhân tố tự hủy ngay trong lòng chế độ, không thể kháng cự và đứng vững trước những thủ đoạn nham hiểm của chiến lược "diễn biến hòa bình".

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực *ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ cách mạng* là yêu cầu bức bách của Đảng ta, cũng là một thách thức đối với trách nhiệm và khả năng của đảng cầm quyền lãnh đạo công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Những thành tựu mà Đảng ta, nhân dân ta đạt được từ khi ra đời đến nay, kể cả trong thời kỳ đổi mới, mở cửa những năm vừa qua là vô giá. Song chính vì thế mà kẻ thù lại càng hằn học và điên cuồng chống phá. Vì vậy thành quả chúng ta đạt được càng lớn bao nhiêu càng phải quyết tâm giữ vững bấy nhiêu, trong đó phải đặc biệt chống "diễn biến hòa bình" mà nhân tố con người, nhân tố của cán bộ, đảng viên là quyết định ❑

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG ĂNG-GHEN, KIM CHỈ NAM CHO THẮNG LỢI CỦA LÝ TƯỞNG CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

VŨ LÂN *

SINH ngày 28-11-1820, mất ngày 5-8-1895, *Phri-đrích Ăng-ghen* (người Phổ) là một "nhà bách khoa toàn diện" hiểu biết sâu về nhiều ngành khoa học tự nhiên, khoa học quân sự, khoa học xã hội. .. ; là người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản quốc tế, người đồng chí và bạn chiến đấu thân cận nhất của Các Mác. Cùng với Mác, ông là người thảo ra cương lĩnh của chủ nghĩa cộng sản khoa học : *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* - tác phẩm đầu tiên trình bày thế giới quan của giai cấp công nhân. Sau ngày Mác qua đời, chính Ăng-ghen đã hoàn thiện và cho xuất bản quyển II và quyển III bộ "*Tư bản*" của Mác.

Phri-đrích Ăng-ghen đã để lại cho đời nhiều công trình khoa học có giá trị.

Chưa tròn 22 tuổi, ông viết "*Sen-linh và việc chúa truyền*" chỉ trích nghiêm khắc những quan niệm thần bí phản động của Sen-linh.

Năm 1844, ông cho đăng trong tập Pháp - Đức niên giám tác phẩm "*Phê phán chính trị kinh tế học*" được Mác ca ngợi là "một cuốn đại cương tài tình về khoa chính trị kinh tế học".

Lần đầu gặp Mác ở Pa-ri, hai ông cùng viết cuốn sách "*Gia đình thần thánh*", đặt nền tảng cho chủ nghĩa xã hội duy vật cách mạng (1844).

Năm 1845, Ăng-ghen cho xuất bản "*Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*" mà Lê-nin đánh giá là "một trong những tác phẩm hay nhất của nền văn học trên thế giới.

Mùa xuân cùng năm, gặp lại nhau ở Brúc-xen (thủ đô nước Bỉ), Ăng-ghen và Mác cùng viết "*Hệ tư tưởng Đức*" phê phán những thiếu sót trong triết học của Phơ-bách, những quan điểm sai lầm của phái Hê-ghen trẻ và học thuyết phản động ở Đức - mang tên "chủ nghĩa xã hội chân chính" - chống lại đấu tranh giai cấp, tuyên truyền cho một sự hòa giải chung.

Từ năm 1845 đến 1847, ông ở Brúc-xen và Pa-ri, tiếp tục nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn trong công nhân. Ông viết "*Nguyên lý chủ nghĩa cộng sản*" - bản sơ thảo cương lĩnh của "*Đồng minh những người cộng sản*" (một tổ chức bí mật mà ông và Mác đã tiếp xúc). Trong thời gian này, cùng với Mác, ông hoàn thành một công tác được coi là vĩ đại : chuẩn bị cho Đại hội lần thứ II của "*Đồng minh...*" họp, viết xong tác phẩm nổi tiếng *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, đề ra rõ ràng, chính xác, thể hiện một cách thiên tài thế giới quan duy vật triệt để, phép biện chứng về sự phát triển, lý luận về đấu tranh giai cấp, về vai trò cách mạng trong lịch sử thế giới của giai cấp vô sản...

Năm 1850, ông cho xuất bản "*Cuộc chiến tranh của nông dân Đức*". Sau đó lại cùng với Mác viết "*Cách mạng và phản cách mạng ở Đức*". Trong sách này, Ăng-ghen chú ý đặc biệt đến vấn đề khởi nghĩa vũ trang, giáo dục công nhân cách mạng nhận thức rõ "khởi nghĩa là một nghệ thuật".

Từ năm 1850 đến 1870, ông ở Anh, viết nhiều sách về quân sự mà về sau Lê-nin đánh giá cao. Mùa thu năm 1870, Ăng-ghen tham gia Tổng ủy viên Hội của Quốc tế I. Khi Quốc tế I giải tán, vì Mác bận viết bộ "*Tư bản*", tất cả gánh nặng của cuộc đấu tranh chống lại các trào lưu tư tưởng sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác đều trút lên vai Ăng-ghen. Ông viết "*Chống Đuy-rinh*", trình bày ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác : triết học mác xít (tức là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử), chính trị kinh tế học và lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học. Trong tác phẩm hết sức bổ ích và có nội dung phong phú này, một mặt, ông bảo vệ lý luận của chủ nghĩa Mác, mặt khác, ông chống lại những lời công kích của Đuy-rinh - người có mưu đồ làm cho phong trào công nhân và đảng xã hội - dân chủ còn trẻ bị "lạc đường", rơi vào ảnh hưởng tiểu tư sản có lợi cho bọn cơ hội chủ nghĩa. (Nói cho thật chính

* Nhà xã hội học ở Cần thơ

Digitized by Google

xác thì "*Chống Đuy-rinh*" là tập hợp những bài của Ăng-ghen viết từ những năm đầu 1870 lột mặt nạ và chế nhạo Đuy-rinh - đại diện điển hình của một "khoa học gia" giả mạo, tự phụ, dốt nát, tách rời lý luận khỏi cuộc sống - được in năm 1878, mới đầu mang tên "*Ông Ơ-gien Đuy-rinh đảo lộn khoa học*").

Vào những năm từ giữa thập kỷ thứ 9 đến những năm đầu của thập kỷ thứ 10 của thế kỷ XIX, Ăng-ghen lại tiếp tục cho ra mắt người đọc tác phẩm xuất sắc : "*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*" (1884). Trước đó, từ 1873 đến 1883, suốt 10 năm lao động khoa học, ông đã viết xong "*Biện chứng của tự nhiên*" nhưng mãi đến năm 1925 - nghĩa là sau tròn 30 năm ngày Ăng-ghen "đi gặp Mác" - công trình "đầy ắp" tri thức về khoa học tự nhiên và toán học này mới ra mắt người đọc.

Năm 1888, cuốn "*Lút-vích Phoi-ơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*" được xuất bản, khẳng định rằng trước Mác không có một nhà duy vật nào, kể cả L.Phoi-ơ-bách - có thể vận dụng chủ nghĩa duy vật vào các hiện tượng xã hội. Đây là tác phẩm không thể thiếu khi ta nghiên cứu triết học Mác - Lê-nin.

Tạm kể như trên đã thấy rõ Ph. Ăng-ghen là một nhà lý luận thiên tài, đồng thời, ông cũng là người đã cống hiến cho kho tàng của chủ nghĩa Mác một khối lượng vĩ đại những tác phẩm kinh điển vô cùng có giá trị.

Viết về Ph. Ăng-ghen, tôi nhớ tới những lời phê phán của ông đối với những người tầm thường hóa chủ nghĩa Mác đã cho rằng chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ công nhận ý nghĩa quyết định của những biến đổi trong nền kinh tế mà phủ định vai trò quan trọng của kiến trúc thượng tầng. Cách nhìn nhận thiển cận đó gây ra tai hại nghiêm trọng là làm cho người ta có thái độ tiêu cực khi đánh giá quá trình lịch sử, đánh giá quá thấp vai trò của tư tưởng, của những tổ chức chính trị, của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản v.v..

Tôi liên tưởng đến sức sống mới của phong trào cộng sản và cánh tả ở Đông Âu và Liên xô (cũ) trong những năm gần đây sau ngày sụp đổ.

Mùa thu năm 1992, các cử tri Lít-va đã ủng hộ *Đảng lao động dân chủ* (đảng thừa kế của Đảng cộng sản Lít-va trước kia) giành ưu thế so với phong trào cánh hữu trong cuộc bầu cử Quốc hội tại đây.

Tháng 9-1993, hai đảng cánh tả ở Ba lan là *Liên minh các lực lượng dân chủ cánh tả* (mà nòng cốt là *Đảng dân chủ - xã hội* - Đảng thừa kế Đảng công nhân thống nhất Ba lan trước kia) và *Đảng nông dân* đã chiếm được 303/460 ghế tại Hạ nghị viện, 72/100 ghế trong Thượng nghị viện.

Tại Hung-ga-ri, những người cánh tả được bầu 209/386 ghế trong cuộc bầu cử Quốc hội tháng 5-1994. *Đảng xã hội* có quyền một mình đứng ra lập chính phủ mới ở nước này.

Ở Liên bang Nga hiện nay có 9 đảng cộng sản hoạt động. Giữa họ, còn có những "tiểu dị", song tất cả đều tuyên bố thừa nhận Đảng cộng sản Liên xô trước đây, đều thừa nhận học thuyết Mác - Lê-nin, đều mong muốn đưa nước Nga theo con đường xã hội chủ nghĩa. *Đảng cộng sản liên bang Nga* (KPRF) có khoảng 550 nghìn đảng viên, có hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương, chủ trương : chính quyền nhân dân, chế độ nhà nước và chủ nghĩa yêu nước, khôi phục Liên bang, ký kết hiệp ước liên quốc gia trong khuôn khổ SNG... là đảng lớn nhất, có tiềm năng nhiều nhất ở Nga hiện nay. *Đảng công nhân cộng sản Nga* cũng có khoảng 150 nghìn đảng viên và hoạt động mạnh ở Xanh Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Kê-rê-nô-vô...

Trên quy mô liên bang trước đây, có *Liên đoàn các đảng cộng sản - Đảng cộng sản Liên xô*. Liên đoàn có 20 đảng cộng sản thành viên (với 1 triệu 500 nghìn đảng viên) ở khắp các nước cộng hòa thuộc Liên xô (cũ). Tháng 7-1995, Liên đoàn vừa tiến hành Đại hội lần thứ 30 hướng tới mục tiêu khôi phục liên bang trước đây.

Phong trào cộng sản hiện đang đứng trước những khó khăn và thử thách gay gắt, nhưng một lần nữa nó lại tỏ rõ sức sống của mình. Đó là biểu hiện "sức sống" mãnh liệt, bất tử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà *Ph. Ăng-ghen* có công đóng góp rất to lớn, ngay từ thuở manh nha.

Chúng ta đồng tình với nhà khoa học Tê-đo Mô-nốt - nhà tự nhiên học, dân tộc học, thăm dò sa mạc và các đại dương - khi ông trả lời phỏng vấn của báo *Luy-ma-ni-tê* (Pháp) : "Về bản chất của nó, chủ nghĩa cộng sản đã và vẫn tiếp tục trở thành một niềm hy vọng lớn, bởi vì nó tượng trưng cho sự hòa giải và tình huynh đệ của con người" ❑

Digitized by Google

TỪ CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA LÊ-NIN, NHÌN NHẬN VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

VŨ XUÂN LAI *

TRƯỚC đây khi nói tới chính sách kinh tế mới của Lê-nin, người ta thường chỉ coi đó như một giải pháp tình thế để đưa nước Nga ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế sau nội chiến, chứ không thấy được ý nghĩa thực tiễn lớn lao của nó *như một cương lĩnh* về xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ. Do vậy, sau khi Lê-nin mất, chính sách kinh tế mới đã không được thực hiện nữa. Ở Liên xô (cũ), chủ nghĩa xã hội theo một mô hình cứng đã được xây dựng cho tới khi bị sụp đổ (năm 1991), và mô hình này cũng đã được áp dụng phổ biến ở các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây.

Đặc trưng nổi bật của mô hình chủ nghĩa xã hội nói trên là không thừa nhận kinh tế nhiều thành phần, không thừa nhận kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường. Trọng tâm của quá trình công nghiệp hóa là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Trong nền kinh tế chỉ có hai thành phần kinh tế : quốc doanh và tập thể. Năm 1936 ở Liên xô (cũ), kinh tế quốc doanh đã chiếm 99,97%. Nền kinh tế này hoạt động theo một kế hoạch chung thống nhất từ trung ương, vì vậy chúng không những không phát huy được tiềm năng của đất nước mà còn làm triệt tiêu các động lực kinh tế, nhất là động lực đối với người lao động. Từ đó làm cho nền kinh tế phát sinh nhiều tiêu cực như : quan liêu, cửa quyền, tham ô, móc ngoặc, hối lộ, lãng phí..., làm cho đất nước bị khủng hoảng, đời sống nhân dân khó khăn, tình hình chính trị, xã hội mất ổn định.

Khi mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào khủng hoảng, các nước đều tiến hành công cuộc cải tổ, trước hết là Liên xô (cũ), sau đó là ở các nước Đông Âu. Nhưng trong công cuộc cải tổ, các nước này lại phạm phải những sai lầm nghiêm trọng cả trong quan điểm và đường lối lẫn chỉ đạo thực tiễn. Chính điều đó cùng với những nguyên nhân khác đã đưa tới sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa tại đây. Trong khi đó, ở Trung quốc, Việt nam, do vận dụng những tư tưởng của Lê-nin trong chính sách kinh tế mới vào điều kiện cụ thể hiện nay, đã đạt được những kết quả tốt đẹp.

Vậy những tư tưởng cơ bản về mô hình ấy là gì ?

Thứ nhất : *Tư tưởng về quá độ từ nước kinh tế kém phát triển lên chủ nghĩa xã hội.*

Trước đây khi phân tích về chủ nghĩa tư bản, Mác khẳng định rằng : chủ nghĩa tư bản không phải là một xã hội tồn tại vĩnh viễn, mà tất yếu sẽ được thay thế bằng một xã hội cao hơn, tốt đẹp hơn, đó là chủ nghĩa cộng sản. Giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, tất yếu phải có một thời kỳ quá độ. Nhưng qua thực tiễn ở Nga, Lê-nin nhận thấy rằng ở đây không phải là quá độ từ nước kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển đi lên chủ nghĩa cộng sản, mà quá độ từ nước kinh tế kém phát triển, tuyệt đại là tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy, phải thực hiện một loạt bước quá độ để từng bước tạo cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Bước quá độ trung gian quan trọng đó là chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Thứ hai : *Thừa nhận sự tồn tại khách quan của các thành phần kinh tế.*

Trong chính sách cộng sản thời chiến, Lê-nin và Đảng cộng sản Liên-xô (cũ) đã tiến hành xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Nhưng sau một thời gian thử nghiệm, chính sách ấy không phù hợp với thực tế khách quan. Trong chính sách kinh tế mới, Lê-nin chủ

* Phân viện báo chí tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trương cho phát triển các thành phần kinh tế. Theo Lê-nin, sự tồn tại các thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan, nó nằm trong một cơ cấu kinh tế thống nhất. Mỗi thành phần kinh tế có vai trò, đặc điểm khác nhau, song lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, làm tiền đề, điều kiện cho nhau. Các thành phần kinh tế này bao gồm : kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong năm thành phần kinh tế này, Lê-nin đặc biệt nhấn mạnh vai trò tác dụng của thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Đó là thứ chủ nghĩa tư bản mà 3/4 là chủ nghĩa xã hội. Nó bao gồm bốn hình thức : tô nhượng, hợp tác xã, đại lý và thuê đất để xây dựng xí nghiệp.

Theo Lê-nin, nếu chủ nghĩa tư bản nhà nước được xác lập thì đó là điều kiện tiên quyết, quyết định để chiến thắng tình trạng phân tán, vô chính phủ của sản xuất nhỏ, góp phần nhanh chóng đưa nước Nga ra khỏi khủng hoảng kinh tế và làm cho chủ nghĩa xã hội trở nên vô địch. Vì lẽ đó Lê-nin coi chủ nghĩa tư bản nhà nước là chiếc cầu trung gian để đưa nước tiểu nông lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba : *Phát triển kinh tế hàng hóa, cho tự do buôn bán.*

Để có lương thực cung cấp cho quân đội và cho công nhân trong thời kỳ nội chiến, Nhà nước xô-viết đã tiến hành trưng thu lương thực thừa và cả một phần lương thực tối thiểu của nông dân. Với chính sách này, trên thực tế Nhà nước xô-viết đã thủ tiêu quan hệ hàng hóa - tiền tệ, vì lúc này không có buôn bán, trao đổi. Điều này đã làm cho nông dân thiếu phấn khởi trong sản xuất, nhiều nơi nông dân đã đứng lên biểu tình phản đối chính sách trưng thu lương thực. Trước tình hình đó, Lê-nin đã chủ trương thay trưng thu bằng thuế lương thực và cho nông dân tự do buôn bán. Với chính sách mới này, người nông dân chỉ phải đóng một khoản thuế, số lương thực còn lại họ được tự do trao đổi. Lê-nin coi việc tự do trao đổi là đòn xeo của chính sách kinh tế mới, là nền móng để xây dựng một nền tài chính và tiền tệ đúng đắn, đồng thời là cơ sở để xác lập mối quan hệ mới giữa công nhân và nông dân.

Nhưng mặt khác, tự do trao đổi đến một mức độ nào đó thì giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản được phục hồi,đó là điều có thể xảy ra và phải có những biện pháp thích hợp để phòng tránh.

Từ đó Lê-nin kết luận : Muốn thoát khỏi tình trạng khó khăn thì phải có lương thực, muốn có lương thực phải cho tự do buôn bán. Ngăn cấm việc tự do buôn bán là một điều dại dột và tự sát. Nhưng sự tự do buôn bán phải được thực hiện trong vòng kiểm kê, kiểm soát của nhà nước để chống bọn gian thương, bọn đầu cơ buôn lậu... Như vậy, chính Lê-nin đã nhận thấy một cơ chế mới trong nền kinh tế hàng hóa. Đó là cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, chứ không phải cơ chế thị trường tự do và cơ chế kế hoạch đơn thuần.

Thứ tư : *Vấn đề công nghiệp hóa và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.*

Lê-nin cho rằng, cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phải là nền đại công nghiệp cơ khí. Nhưng trong hoàn cảnh thực tế của đất nước vừa thoát ra khỏi chiến tranh, chưa thể đi ngay vào đại công nghiệp cơ khí được. Muốn thực hiện nền công nghiệp đại cơ khí phải có hai điều kiện :

- Có dự trữ nhiều lúa mì và nguyên liệu ở những trung tâm công nghiệp.
- Có nguồn vốn lớn để thay đổi kỹ thuật.

Cả hai điều kiện này đối với nước Nga lúc bấy giờ đều không thể có được. Do đó theo Lê-nin, trước mắt phải tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, tức công nghiệp vừa và nhỏ, vì nó không cần cấp vốn lớn và nguyên liệu nhiều, nhưng lại trực tiếp tác động vào nền kinh tế của nông dân và góp phần vào việc nâng cao lực lượng sản xuất của nền kinh tế ấy.

Để phát triển tiểu, thủ công nghiệp, Lê-nin nêu bốn giải pháp :

Một là, các địa phương đem hết khả năng để phát triển tiểu, thủ công nghiệp.

Hai là, cho phép các địa phương ký các hợp đồng cho thuê các xí nghiệp nằm trên địa phận của mình, mà không cần phải xin ý kiến của cấp trên để phát huy các cơ sở hiện có.

Digitized by Google

Ba là, sửa lại kế hoạch sản xuất của các xí nghiệp trung ương nhằm tập trung sản xuất hàng tiêu dùng, chứ không phải sản xuất tư liệu sản xuất.

Bốn là, vừa phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, vừa có sự hỗ trợ của nhà nước trong việc phát triển xí nghiệp vừa và nhỏ.

Đó chính là mô hình chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ mà Lê-nin tiến hành xây dựng ở Liên-xô sau nội chiến. Nhưng tiếc thay mô hình đó đã không được tiếp tục thực hiện.

Thực tiễn 10 năm đổi mới ở Việt nam đã chứng minh mô hình chủ nghĩa xã hội mà Lê-nin nêu ra trong chính sách kinh tế mới là khoa học và phù hợp với quy luật khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Việt nam đã tiến hành phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã khẳng định việc phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật, và thuộc về bản chất của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ, chứ không phải là tàn dư của xã hội trước để lại. Đảng ta còn xác định được các bước đi trong thời kỳ quá độ, thực hiện một loạt các bước quá độ trung gian như : xác định chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và những chặng đường tiếp theo đến năm 2000, 2010, 2020... để từ đó xác định nội dung công nghiệp hóa cho phù hợp. Từ chỗ lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, tiến tới phát triển ba chương trình kinh tế, đến nay đi vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó hết sức coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Quá trình đó thực sự là một cuộc cách mạng trong tư duy, là việc tiếp cận, nắm bắt và tận dụng được các yếu tố khách quan, từng bước phát triển kinh tế vững chắc, từng bước củng cố và hoàn thiện thể chế xã hội xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác để phát huy lợi thế so sánh và lợi thế của các nước đi sau, Đảng ta đã thực hiện nền kinh tế mở trên nguyên tắc : bình đẳng, hợp tác cùng có lợi, chủ trương là bạn với tất cả các nước, vì hòa bình độc lập và phát triển, mở rộng buôn bán, hợp tác trên lĩnh vực đầu tư, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ nhằm tranh thủ vốn và khoa học - công nghệ hiện đại của thế giới. Thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, đại lý... và xây dựng các khu chế xuất hay đặc khu kinh tế hiện nay chúng ta đang vận dụng tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Như vậy, với cộng cuộc đổi mới toàn diện, chuyển từ mô hình chủ nghĩa xã hội tập trung quan liêu sang mô hình chủ nghĩa xã hội theo những tư tưởng của Lê-nin trong chính sách kinh tế mới, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Mười năm đổi mới đất nước trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Từ năm 1989 nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm từ 1,0 đến 2,0 triệu tấn gạo, hàng tiêu dùng ngày càng đáp ứng được nhu cầu cho xã hội, lạm phát giảm từ 774,7% (năm 1986) xuống còn 12,7% (năm 1995)

Cơ cấu kinh tế có bước chuyển đổi, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,6% năm 1990 lên 29,1% năm 1995, tỷ trọng trong dịch vụ từ 38,6% lên 41,9%. Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy từ nội bộ. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP, năm 1995 là 27,4% (trong đó nguồn vốn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP). Đến cuối năm 1996, tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư nước ngoài khoảng hơn 20 tỉ USD.

Cùng với sự phát triển trong lĩnh vực kinh tế của đất nước, hệ thống chính trị luôn ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố, đời sống xã hội có những chuyển biến tốt, quan hệ đối ngoại được đẩy mạnh, phá được thế bao vây cô lập và tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế.

Sự đứng vững và đi lên của chúng ta qua công cuộc đổi mới là một minh chứng rõ rệt về sức sống mãnh liệt của những tư duy khoa học của Lê-nin ❑

Digitized by Google

VỀ TÍNH TẤT YẾU CỦA THỜI ĐẠI QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN NAY

NGUYỄN CÔNG CHIẾN *

TRONG tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp như hiện nay, Đảng ta, nhân dân ta không dao động trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của mình. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khẳng định : "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại, loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội" (1).

Một số người, trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu vội cho rằng chủ nghĩa xã hội đã hết thời, rằng chỉ còn có phát triển, làm giàu, chứ không còn khái niệm chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội... Lẽ đương nhiên, theo họ, sẽ chỉ còn chủ nghĩa tư bản mà không còn chủ nghĩa xã hội, không còn thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội nữa. Nếu nghĩ như vậy, quả là một sự ngây thơ đáng ngạc nhiên, vì dù thay đổi thế nào chăng nữa, thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn là một thực tế khách quan.

Trước hết, từ góc độ *tư tưởng*, chúng ta thấy : trong lịch sử con người luôn có khát vọng vươn đến một xã hội tốt đẹp hơn. Tư tưởng đó phát triển dần dần, từ mơ hồ, trừu tượng, đến khoa học, cụ thể. Và cũng từng bước, từng bước người ta nhận ra rằng : tiến đến một xã hội tốt đẹp hơn, là quy luật tất yếu của lịch sử. Hê-ghen (1770 - 1831), nhà triết học cổ điển Đức vĩ đại, sau khi nghiên cứu lịch sử nhân loại cũng như lịch sử tư tưởng nhân loại, đã rút ra kết luận bất hủ : *lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển của khái niệm tự do*. Sau này Mác, kế tiếp Hê-ghen, nghiên cứu lịch sử nhân loại và nhiều lĩnh vực khác (kinh tế, tư tưởng...), đã lật lại chân lý duy tâm đó thành chân lý duy vật : *lịch sử xã hội loài người là lịch sử vươn đến tự do*. Và ông quan niệm, chính chủ nghĩa cộng sản là "vương quốc tự do" của nhân loại. Hơn thế, ông còn tạo ra một học thuyết khoa học cách mạng chứng minh đầy sức thuyết phục : *chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ bị chủ nghĩa cộng sản thay thế và điều đó là một tất yếu của lịch sử*.

Nếu nhìn từ góc độ *lịch sử nhân loại*, chúng ta cũng thấy : xã hội loài người lúc đầu là một xã hội bình đẳng, *bác ái, tự do, không giai cấp, không nhà nước*..., tuy thô sơ nhưng vô cùng tốt đẹp, như Ăng-ghen nói. Sau này, cùng với sự phát triển của sản xuất, xã hội loài người bắt đầu có sự phân chia giai cấp như một tất yếu khách quan. Và khi xã hội đã có giai cấp thì cuộc đấu tranh giai cấp cũng luôn luôn diễn ra như một tất yếu.

Chúng ta biết, xã hội có giai cấp đầu tiên là *xã hội nô lệ*. Cùng với các cuộc khởi nghĩa của nô lệ chống chủ nô xảy ra liên tiếp, chế độ nô lệ cuối cùng đã bị tan rã. Thay thế nó, chế độ phong kiến phát triển đến một giai đoạn nhất định lại bộc lộ tính cách lỗi thời.

Đầu thế kỷ XVI, cách mạng tư sản đã nổ ra ở Hà lan, tuy thất bại nhưng nó báo hiệu một thời đại quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản bắt đầu. Bấy giờ, giai cấp phong kiến và các sử gia mang ý thức hệ phong kiến cứ tưởng như chế độ phong kiến là bất biến, vĩnh cửu, trong khi giai cấp tư sản với phương thức sản xuất tiến bộ của nó vẫn không ngừng lớn lên trong lòng xã hội phong kiến. Sang thế kỷ XVII, cách mạng tư sản lại nổ ra ở Anh năm 1642 - 1649. Cuộc cách mạng này không triệt để, không thu được thắng lợi hoàn toàn, nhưng

* Giảng viên Trường đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 76

Digitized by Google

sang thế kỷ XVIII, cách mạng tư sản Pháp nổ ra năm 1789 đã thành công, làm cho chế độ phong kiến ở châu Âu lung lay tận gốc. Chế độ tư bản được củng cố vững chắc, và bước vào thời kỳ phát triển cực thịnh trong suốt thế kỷ XIX.

Giữa thế kỷ hoàng kim của chủ nghĩa tư bản, Mác - Ăng-ghen đã nghiên cứu quy luật vận động của nó và chỉ rõ mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là tính chất xã hội hóa cao độ của sản xuất với chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và thành quả lao động, bóc lột giá trị thặng dư của người lao động. Mâu thuẫn này là đối kháng, không thể điều hòa, sớm muộn sẽ dẫn tới cách mạng vô sản. Lịch sử những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã chứng minh sự tiên đoán của Mác - Ăng-ghen hoàn toàn đúng. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử loài người. Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Liên xô ra đời và tiếp theo là hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa từ tây sang đông bao gồm nhiều vùng lãnh thổ rộng lớn với gần một tỉ rưỡi người. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một thực thể xã hội đã chứng tỏ phương thức sản xuất tiên tiến và sức mạnh vĩ đại hơn nửa thế kỷ vừa qua. Sự trì trệ, chậm đổi mới về kinh tế và khoa học công nghệ ở Liên xô, Đông Âu, cùng những sai lầm về chính trị của một số người lãnh đạo chóp bu đã làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở đây sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, *nhưng không phải vì thế mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành ưu việt và chủ nghĩa xã hội trở nên lỗi thời.*

Sau sự kiện Liên xô và Đông Âu, nước ta và một số nước khác vẫn kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự tiếp tục tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực làm cho các thế lực phản động vô cùng căm tức và càng ra sức chống phá, công kích dữ dội. Ở các nước chế độ xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ, chỉ một số rất ít người giàu lên nhanh chóng, còn đại đa số nhân dân lao động ngày càng lâm vào tình cảnh nghèo khổ. Chính trong tình hình đó, những thành tựu nhân văn của chủ nghĩa xã hội lại sống dậy trong tâm khảm đông đảo quần chúng, tạo điều kiện cho các trào lưu xã hội chủ nghĩa mới phát triển nhanh chóng và thực tế đã trở lại nắm quyền ở một số nước.

Tuy vẫn còn giữ được những ưu thế về kinh tế, khoa học, công nghệ..., chủ nghĩa tư bản ngày càng bị chính ngay các học giả tư sản lên án, coi đó là một xã hội "không thể chấp nhận". Lịch sử cần một xã hội có *bản chất con người* chứ không phải chỉ "mang bộ mặt người". Chủ nghĩa tư bản nhất định phải được thay thế bằng một xã hội "hợp nhân tính" hơn, theo cách nói của C. Mác. Cũng như trước đây, chủ nghĩa tư bản đứng trước nhiều vấn đề không giải quyết nổi. Trong chủ nghĩa tư bản, quy luật phát triển không đều tiếp tục phát huy tác dụng. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển, điển hình là giữa các nước thuộc nhóm G7, không kém phần gay gắt, tuy họ phải gắn bó với nhau để ôm mộng kiểm soát, chi phối thế giới. Nước nào cũng cố gắng giành ưu thế về kinh tế - xã hội trên trường quốc tế. Đặc biệt, các nước đều không muốn Mỹ giữ vai trò sen đầm như trước. Họ muốn có tiếng nói độc lập với Mỹ, nhưng vẫn sợ Mỹ, cần có Mỹ giữ vai trò cầm trịch, lá chắn để lợi dụng. Việc giải quyết mâu thuẫn này không đơn giản chỉ bằng thương lượng hay đàm phán tay đôi tay ba là xong, vì có những vấn đề thuộc về nguyên tắc sống còn của chủ nghĩa tư bản, hy sinh nó có nghĩa là từ bỏ tính chất xã hội, từ bỏ con đường đã đi của chủ nghĩa tư bản.

Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và đang phát triển, cũng ngày càng sâu sắc. Cái thời mà các nước lớn bị vướng bận trong "chiến tranh lạnh" với sự đối đầu, chạy đua vũ trang vô cùng tốn kém, với việc tranh thủ lôi kéo các nước thế giới thứ ba và trong điều kiện ấy một số nước đã có thể tranh thủ vượt lên... đã qua rồi. Bây giờ là thời kỳ tính sổ với nhau không thương tiếc, theo quy luật "thị trường tự do". Cái thời mà các nước tư bản phát triển cố gắng đổ tiền, đổ của vào một nước kém phát triển để làm lá chắn chống cộng cũng đã lùi

Digitized by Google

vào quá khứ. Giờ đây các nước tư bản phát triển trong nhóm G7 không muốn có thêm "bạn mới" nữa. Họ chẳng muốn có thêm nước nào đuổi kịp và vượt họ.

Quan hệ giữa các nước tư bản phát triển và các nước kém phát triển còn tồi tệ hơn. Đừng nghĩ các nước kém phát triển lựa chọn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa thì sẽ được các nước tư bản phát triển "nhẹ tay", nâng đỡ. Lịch sử mấy trăm năm phát triển của chủ nghĩa tư bản là lịch sử xâm lăng, cướp bóc ; bên cạnh một số chính quốc thống trị cực kỳ giàu có là các thuộc địa nghèo đói, tài nguyên ngày càng kiệt quệ, môi trường bị hủy hoại, văn hóa tinh thần bị biến dạng, suy đồi. Dưới hình thức thực dân kiểu mới, bằng lũng đoạn thông tin, kinh tế và văn hóa, các chính quốc cũ vẫn tiếp tục khống chế các thuộc địa cũ và bòn rút lợi nhuận như thời xa xưa.

Việc trao đổi buôn bán giữa nước nghèo và nước giàu chưa xóa được cảnh bất bình đẳng. Để tồn tại, các nước kém phát triển vẫn buộc phải xuất đi hàng nông phẩm và nguyên liệu thô với giá rẻ mạt để nhập về thiết bị kỹ thuật công nghệ cao với giá cắt cổ. Chưa kể một số nước còn bị những nước giàu lợi dụng biến thành nơi chứa đồ phế thải, thành bãi rác công nghiệp...

Một tai họa khủng khiếp nữa đối với các nước nghèo là nạn rò rỉ chất xám. Chất xám, vốn quý nhất của nước nghèo trong thời đại ngày nay, đang bị các nước giàu bòn rút nốt. Để đổi lại, các nước nghèo luôn luôn và lúc nào cũng có thể nhận được từ một số nước giàu đủ loại vũ khí giết người.

Sau chiến tranh lạnh, một số nước chuyên làm giàu bằng sản xuất và cung cấp vũ khí vẫn không từ bỏ âm mưu muôn thuở kích động các mâu thuẫn phe phái, tôn giáo, sắc tộc luôn luôn tồn tại ở một số nước để thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh vũ trang hòng qua đó kiếm chác. Chính vì lẽ đó như ta thấy, các cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn những năm gần đây liên tiếp xảy ra.

Hiện nay cũng như trước đây, những mặt trái của chủ nghĩa tư bản là không sao khắc phục được. Có người cho rằng trong xã hội tư bản hiện nay, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động không còn nữa. Họ đã nhầm, thực ra điều đó vẫn còn, chỉ có điều nó thể hiện dưới hình thức khác. Đúng là ở một số nước tư bản phát triển hiện nay, của cải vật chất như núi, cơ sở kỹ thuật - công nghệ đạt đến mức tuyệt hảo. Đó là kết quả mồ hôi, xương máu của bao thế hệ. Nhưng nay con cháu họ lại không có việc làm, bị tách khỏi mọi thành quả của cha ông họ. Đội quân thất nghiệp ngày một tăng, họ đã và đang phải đấu tranh rất dữ với các ông chủ tư bản để có được việc làm đủ sống và nuôi gia đình. Cộng vào đó, số người từ các nước nghèo nhập cư vào các nước giàu để kiếm sống ngày càng tăng. Có thể coi họ như một đội quân đi đòi cái mà người ta đã cướp của họ trong quá khứ. Hai đội quân này ở các nước tư bản phát triển sẽ là lực lượng cách mạng khổng lồ trong tương lai đập tan cái nghịch cảnh trớ trêu đã và đang tồn tại ở ngay các nước gọi là giàu có nhất thế giới : bên cạnh các tòa nhà chọc trời là những khu nhà ổ chuột ; bên cạnh vẻ hào nhoáng nhung lụa của các ông chủ là cảnh đói rách lầm than của những người lao động thất nghiệp ; bên cạnh lực lượng quân đội, cảnh sát hùng hậu với vũ khí và phương tiện kỹ thuật tinh vi, hiện đại, là bọn ma-phi-a không từ một thủ đoạn giết người khủng khiếp...

Chúng ta đã trải qua mấy ngàn năm lịch sử kiên cường bất khuất, chống các thế lực phong kiến nước ngoài xâm lược cùng với chủ nghĩa thực dân cũ và mới, sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Đặc biệt là từ khi có Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, nhân dân ta đã làm nên bao kỳ tích : giành độc lập dân tộc, cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Thành tựu 10 năm đổi mới vừa qua càng cho thấy : con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, là duy nhất đúng ❑

Digitized by Google

NGHĨ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HOÀNG TỤY *

MẶC dù đã có những thành tựu nhất định nhưng khoa học của chúng ta còn quá yếu kém so với khả năng và yêu cầu phát triển của đất nước. Vậy những khó khăn gì làm cho khoa học không phát huy hết khả năng và những nguyên nhân nào khiến khoa học và giáo dục, tuy thường được nêu lên là quốc sách hàng đầu mà đến nay vẫn trì trệ ? Sau đây tôi xin góp một số ý kiến xung quanh các vấn đề đó.

1. Trước hết, cần nhận rõ thực trạng khoa học và giáo dục. Còn nhớ đầu năm 1988, khi danh từ *khủng hoảng* lần đầu tiên được nêu lên để chỉ thực trạng kinh tế-xã hội của đất nước lúc bấy giờ, không ít người e ngại vì nghĩ rằng chủ nghĩa xã hội không thể có khủng hoảng. Nhưng cuộc sống đã cho thấy rằng chính nhờ nhìn thẳng vào sự thật mà chúng ta mới có quyết tâm đổi mới và ngày nay đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Tuy nhiên, sự lựa chọn khắc nghiệt mà lịch sử đặt ra cho dân tộc ta giờ đây vẫn còn nguyên : hoặc là tiếp tục nắm thời cơ, vươn lên đuổi kịp các nước khác trong vòng mấy thập kỷ, hoặc là ngập ngừng, rồi tụt lại, chưa biết đến bao giờ mới thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Chính lúc này, một lần nữa chúng ta lại cần tỉnh táo nhìn nhận : *khoa học và giáo dục của ta còn nhiều mặt trì trệ, có thể nói vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng.* Ở đây đang nảy sinh những mầm mống mà nếu để kéo dài sẽ ảnh hưởng đến toàn cục, có nguy cơ dẫn đến một tình huống rất có thể giống như một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội mới. Những biến cố xảy ra ở Liên xô và các nước Đông Âu trước đây chẳng phải đã có nguồn gốc sâu xa từ sự lạc hậu kéo dài về khoa học và giáo dục đó sao ? Cho nên vấn đề không phải là chúng ta có tiến hay không, mà là ở chỗ có *rút ngắn* được hay không khoảng cách với thế giới. Trong khi khoa học và công nghệ ở các nước tiến theo tốc độ hàm mũ mà chúng ta cứ lững thững từng bước thì vài thập kỷ nữa Việt nam sẽ là gì trong thế giới này ?

2. Trên thực tế, sự trì trệ đáng lo ngại của khoa học nước ta biểu hiện ở nhiều mặt. Sau đây chỉ xin nêu lên những mặt nổi rõ nhất.

- *Từ nhiều năm, một số ngành khoa học quan trọng đã chững lại*, có những ngành khoa học cơ bản đang *trên bờ vực xơ cứng và suy thoái.* Điều này thấy rõ trước hết ở tuổi trung bình các nhà khoa học ngày càng cao, mà trong nhiều năm tới sẽ không có lực lượng trẻ để bổ sung và thay thế. Toán học là ngành ít đòi hỏi thiết bị, xưa nay đã có ít nhiều truyền thống, và thực tế đã len được đến một địa vị quốc tế mà nhiều nước trong vùng thèm muốn nhưng chưa có , thì nay cũng đang lo không biết còn giữ được địa vị ấy đến bao lâu nữa. Trong khi đó thì cuộc cách mạng thông tin đang làm cho vai trò của toán học trong khoa học và công nghệ tăng lên không ngừng. Tuy không cần thuyết lý dài dòng vai trò của khoa học cơ bản nói chung và toán học nói riêng, nhưng thiết tưởng cũng nên nhắc lại rằng ngày nay hầu như không có một ngành khoa học, kỹ thuật then chốt nào mà không dùng đến toán học. Ngay trong việc đào tạo các nhà quản lý cao cấp thì một xu hướng gần đây ở nhiều nước cũng là tăng cường kết hợp quản lý, tổ chức với công nghệ và toán học (MIT và Stanford ở Mỹ, Cranfield ở Anh, IMD ở Thụy sĩ). Viễn thông, dầu khí, công nghiệp điện tử, ngay cả y học cũng có biết bao nhiêu vấn đề toán học. Thế nhưng cứ đà này thì như có người đã hỏi, liệu đến năm 2020 Việt nam sẽ còn được mấy nhà toán học đáng kể nữa ?

Tôi nghĩ rằng coi nhẹ đến gần như bỏ rơi các ngành khoa học cơ bản là một chính sách thiển cận mà hậu quả tiêu cực của nó chỉ sau ít năm sẽ thấm dần vào tất cả các ngành khoa học, kỹ thuật và kinh tế. Khoa học là một hệ thống, cũng giống

* Nhà toán học

Digitized by Google

như một nền kinh tế không có cơ sở hạ tầng tốt thì không phát triển mạnh được. Trong khoa học nếu chỉ coi trọng những ngành ứng dụng vì có lãi nhanh, mà lơ là các ngành cơ bản là cái gốc để bảo đảm cho ứng dụng phát triển tốt thì rốt cục toàn bộ khoa học sẽ đi đến bế tắc. Quản lý khoa học và giáo dục mà để cho tất cả lực lượng trẻ ưu tú nhất của xã hội đổ xô vào học các ngành ứng dụng để cốt đi làm thuê cho các công ty ngoại quốc, các doanh nghiệp tư nhân, hay làm việc trong các đơn vị nhà nước có nhiều "bổng lộc", trong khi đó các ngành cơ bản thoi thóp, thì trên thực tế có khác gì giết chết nền khoa học của đất nước ? Không nên đổ lỗi cho cơ chế thị trường vì ta vẫn nói thị trường có quản lý, có định hướng, chứ đâu phải thị trường mù quáng.

- *Đào tạo nhân tài chưa tốt, vốn nhân tài không phát triển được, có nguy cơ hao mòn dần.* Với phương pháp giáo dục thiên về nhồi nhét, học lệch, học tủ, học gạo đến mụ người như hiện nay, nhà trường của chúng ta đang có xu hướng đào tạo ra những người làm theo, nói theo và thừa hành, nhưng rất ít những nhân tài chân chính mà đất nước đang cần hơn bao giờ hết và hơn mọi thứ tài nguyên khác. Thật đáng lo ngại khi cái lối học khoa cử, từ chương mà Nguyễn Trường Tộ đã từng lên án hơn một trăm năm trước, giờ đây đang có chiều hướng phát triển trong xã hội ta. Chính do cái lối học từ chương ấy mà người Việt nam ta thường học xuất sắc ở các lớp dưới, nhưng càng lên cao, khi đòi hỏi sáng kiến và tưởng tượng nhiều, thì càng có vẻ mệt mỏi, đuối sức. Thêm vào đó lại thiếu kiên trì nên khi ra đời, gặp môi trường xã hội trong đó tài năng chân chính không được đánh giá và sử dụng đúng thì dễ bỏ khoa học chạy theo những giá trị khác, có khi chỉ là giả tạo. Cho nên rất hiếm những nhà khoa học Việt nam duy trì được khả năng chuyên môn xuất sắc khi đã ngoài 50-60 tuổi. Về lâu dài nhược điểm đó nếu không khắc phục sẽ trở thành một yếu tố *kìm hãm* đáng lo ngại cho tương lai của dân tộc ta.

Muốn có nhân tài về một lĩnh vực nào thì phải đào tạo rất nhiều người trong lĩnh vực ấy, vì trong số hàng trăm sinh viên ra trường mới có được vài người trở thành những tài năng xuất sắc mà sự nghiệp của họ sẽ làm nên diện mạo nền khoa học của đất nước. Vả lại những nhân tài đó, đến lượt họ, muốn phát triển thì cần có hàng trăm hàng nghìn chuyên gia bình thường khác. Vì vậy mà nhiều nước tuy dân số kém hơn ta nhiều nhưng hằng năm vẫn đào tạo hàng nghìn, hàng vạn sinh viên các ngành cơ bản. Còn ta hiện nay, cả nước mỗi năm đào tạo không quá mươi sinh viên toán, mà không chắc là những người giỏi, thì lấy đâu ra nhân tài. Thật hết sức đau lòng nhìn thấy sự bỏ rơi của cả xã hội đối với một số ngành khoa học mà chúng ta đã tốn bao công sức để xây dựng qua nhiều thế hệ.

- *Cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học quan liêu và kém hiệu quả.* Một trong những vấn đề quan trọng là lựa chọn các đề tài nghiên cứu khoa học và phân bổ kinh phí cho các chương trình và đề tài. Nhưng các khâu đăng ký và xét duyệt đề tài đều có xu hướng vừa dễ dãi, vừa thiếu dân chủ và đôi khi mang nặng tính chất phong kiến. Việc đánh giá tầm quan trọng của một đề tài và quyết định kinh phí dành cho nó thường chỉ dựa theo cảm tính, nhìn vào đầu đề và mục tiêu do tác giả hứa hẹn, chứ không dựa trên sự phân tích chặt chẽ theo chế độ "peer review" (tạm dịch là "nhận xét ngang") thường làm ở các nước ; khi nghiệm thu lại có sự nể nang, dễ dãi, cho nên khó biết hiệu quả thật sự của từng đề tài so với kinh phí được cấp. Có những chương trình và đề tài tiêu tiền rất thoải mái, có những đề tài nghe tên đã thấy vớ vẩn mà vẫn có kinh phí (đánh số nhà trong thành phố cũng thành đề tài nghiên cứu khoa học !) trong khi đó nhiều đề tài nghiêm túc, thực sự có ý nghĩa, thì thiếu kinh phí để thực hiện đến nơi, đến chốn. Nói chung, quản lý các đề tài khá tùy tiện.

Trong quản lý khoa học có việc đánh giá và ghi nhận các công trình khoa học, các cá nhân nhà khoa học, bao gồm cả việc trao tặng các giải thưởng khoa học. Làm việc này tốt thì có tác dụng khuyến khích, thúc đẩy, làm không tốt thì có tác dụng kìm hãm. Nhưng hiện nay ở đây đang diễn ra cảnh tượng khá lộn xộn. Về văn bằng, học vị, học hàm, đã có nhiều chuyện tiêu cực mà dư

Digitized by Google

luận xã hội vẫn tiếp tục thắc mắc. Trong đánh giá đặt ra nhiều tiêu chuẩn định lượng không phù hợp, nói chung quá thấp về khoa học nhưng chặt chẽ những mặt không cơ bản, khi vận dụng lại máy móc, chỉ căn cứ mặt định lượng mà ít cân nhắc thực chất. Cứ theo tiêu chuẩn và cách xét duyệt GS của ta thì có lẽ một số nhà bác học lớn ở các nước cũng sẽ rớt vì không có đủ số lượng công trình quy định (Na-sơ (Nash), giải Nô-ben kinh tế năm 1995, chỉ có vẻn vẹn mấy công trình). Ngược lại nếu theo tiêu chuẩn thông thường ở các nước thì có lẽ không ít TS, GS, PGS của ta phải thi lại vì chưa đủ thực chất trình độ. Cái hại là khi coi thường các chuẩn mực quốc tế thì chất lượng giáo dục và trình độ khoa học chẳng còn căn cứ nào để so sánh với thế giới. Chính vì thế mới có chuyện báo chí ta đã phấn khởi đăng tin về các viện sĩ hàn lâm Niu Yoóc,các "danh nhân" thế giới (những người có tên trong các cuốn "Who's who"), và bao nhiêu cái danh khác mà chỉ ở các nước chậm phát triển mới được coi là "vinh dự quốc gia". Những cách đánh giá xô bồ vội vã như vậy chỉ có tác dụng gây tâm lý chủ quan cho chính ta, và làm cho những người có hiểu biết ở nước ngoài đánh giá thấp trình độ khoa học và dân trí của ta.

- *Điều kiện làm việc quá thiếu thốn mà chậm được quan tâm cải thiện.* Thư viện, sách báo rất nghèo nàn, thư tín điện tử mãi gần đây mới có chút ít mà rất hạn chế, mạng thông tin kém phát triển. Trong khi đó nhiều tạp chí khoa học quốc tế đã chuyển sang hình thức điện tử, nhiều thông tin khoa học ở các nước được công bố và phổ biến dưới dạng hypertext-clickable (tạm dịch là "siêu văn bản - bấm được") và xu thế đó là tất yếu trong những năm tới. Đến lúc ấy nếu các nhà khoa học Việt nam không có phương tiện truy đạt các thông tin trên các kênh này thì cũng có nghĩa là chúng ta tự cắt đứt một mảng lớn thông tin khoa học với bên ngoài, trong một thời đại mà thiếu thông tin cũng tệ hại chẳng kém gì thiếu lương thực. Đã đành đất nước còn nghèo, các nhà khoa học của ta không thể đòi hỏi những phương tiện tốn kém như các bạn đồng nghiệp ở các nước, nhưng kỳ lạ là ngay cả những phương tiện không tốn kém gì cũng bị hạn chế. Chẳng hạn, việc một nhà khoa học được mời đích danh đọc báo cáo ở các hội nghị quốc tế, hoặc tham gia ban tổ chức, ban chương trình các hội thảo quốc tế, thỉnh giảng ở các đại học nước ngoài, v.v..., đó là những hoạt động mà ở các nước chẳng những bao giờ cũng được khuyến khích mà còn được ghi nhận như là vinh dự không chỉ riêng cho cá nhân mà cho cả tập thể hay cơ quan nơi cá nhân đó làm việc, cho nên thường nhận được sự tài trợ cần thiết để thực hiện. Còn ở ta, ngay khi các tổ chức quốc tế chịu mọi chi phí, vẫn bị coi là việc riêng của cá nhân, thậm chí thời gian cán bộ đi làm những việc đó phải trừ vào thời gian công tác khi xét nâng bậc (!). Đâu có phải vì nước ta còn nghèo mà phải làm như vậy (có tốn gì cho công quĩ đâu), chẳng qua vì nhận thức hẹp hòi và cách nhìn thiển cận đối với công tác khoa học.

- *Cách sử dụng và đãi ngộ dễ làm kiệt sức đội ngũ.* Đồng lương quá thấp ai cũng thấy, khiến cho nhiều người phải làm thêm những việc tay trái để kiếm sống hoặc chuyển sang những nghề khác có thu nhập cao hơn. Song điều quan trọng hơn nữa, về mặt tinh thần, là vị trí xã hội của lao động khoa học. Bất cứ đâu trên thế giới, kể cả ở Việt nam trước đây 30 - 40 năm, một chuyên gia giỏi, đã phục vụ khoảng 20-25 năm trong nghề, bao giờ cũng được xếp vào bậc trên cùng của thang lương nghề nghiệp. Nhưng ở nước ta các vị trí cao nhất trong thang nghề nghiệp hầu như chỉ dành cho những vị có chức vụ hành chính cao, còn nhà khoa học dù tầm cỡ gì và cống hiến bao nhiêu năm cũng mặc, nếu không có chức vụ hành chính cao thì rất khó được công nhận. Do đó, mới có bi kịch : muốn được đãi ngộ xứng đáng thì phải tìm cách leo lên các chức vụ hành chính, đến khi có chức vụ hành chính thì chia tay với khoa học để trở thành quan chức thực thụ. Biết bao tài năng lẽ ra đã có thể làm rạng rỡ cho nền khoa học và văn hóa của nước nhà, nhưng đã vì chính sách sử dụng ấy mà nửa chừng mai một hoặc khô héo dần.

Vì sao thanh niên học giỏi, có tài, có năng khiếu, ít ai muốn đi vào khoa học ? Vì sao khoa học là cái nghề trước đây đã từng hấp dẫn bao

Digitized by Google

nhiêu thế hệ cha anh, bây giờ bị con em ta xa lánh ? Một lần nữa xin hãy đừng đổ tội cho cơ chế thị trường : một con dao sắc làm đứt tay ta, ấy là do ta không biết sử dụng nó, chứ nó có tội tình gì. Dù chúng ta có nói lý thuyết đẹp đẽ gì thì trên thực tế, cách sử dụng và đãi ngộ cán bộ khoa học vẫn là bức thông điệp rõ ràng nhất nhắn với thanh niên. Trong khi người trẻ không chịu đi vào khoa học, thì cái chút vốn cũ còn sót lại, gồm những con người trung kiên với khoa học, lại bị bỏ quên, hay ít ra là không được khai thác, tận dụng. Ở nhiều nước phát triển, các nhà khoa học giỏi có thể lãnh đạo các tập thể khoa học chừng nào họ còn chứng tỏ được khả năng, nhưng ở ta không có sự phân biệt giữa lãnh đạo một tập thể khoa học với quản lý một cơ quan hành chính.

- *Chảy chất xám nghiêm trọng.* Nhiều người đã nói quá đầy đủ về việc này, chỉ xin nói thêm rằng cần phân biệt hai việc bề ngoài có vẻ giống nhau. Việc những sinh viên giỏi nhất tốt nghiệp ở các đại học đổ xô làm thuê cho các công ty tư bản, tuy với đồng lương cao hơn gấp nhiều lần lương của nhà nước, nhưng so với thế giới vẫn là rẻ mạt, thì đúng là một cách chảy chất xám cần phải tìm cách khắc phục. Đào tạo cán bộ chỉ cốt để làm thuê kiểu đó thì trước mắt có thể thu lợi nhỏ nhưng lâu dài là tổn thất lớn. Trái lại, việc các nhà khoa học của ta đi thỉnh giảng hay hợp tác nghiên cứu từng thời gian ở nước ngoài hoàn toàn không thể coi là chảy chất xám, mà là việc cần thiết để tăng cường chất xám có lợi cho sự phát triển khoa học. Giả dụ không có nước nào mời (và đài thọ) thì nhà nước vẫn cần bỏ tiền cho cán bộ khoa học đi ra nước ngoài từng thời gian để tránh khỏi bị lạc hậu và giữ cho chất xám khỏi bị xuống cấp và hao mòn vô hình. Chính cách nhìn không đúng của một số cơ quan nhà nước đối với việc này là một trong các trở ngại cho sự phát triển hợp tác quốc tế trong khoa học.

- *Không khí khoa học thiếu hồ hởi và phấn chấn.* Lao động khoa học, cũng như mọi thứ lao động khác (và có lẽ còn hơn) đòi hỏi không khí hăng say và môi trường lành mạnh. Nhưng thật là nghịch lý, vì thời kỳ trước, điều kiện kinh tế khó khăn hơn nhiều, nhưng các nhà khoa học có nhiều thì giờ, tâm trí và tinh lực dành cho khoa học. Còn bây giờ tuy điều kiện sinh hoạt vật chất về tuyệt đối có tốt hơn trước (theo tình hình chung của đất nước), nhưng mức sống tương đối của cán bộ khoa học trong xã hội lại xuống thấp dần, và cái giá phải trả để duy trì mức sống đó là lo âu cho cuộc sống tăng lên gấp bội, đầu óc bận suy nghĩ kiếm tiền, còn đâu nhiều thì giờ lo cho khoa học. Cái đau đớn là có người phải hy sinh cả những giá trị tinh thần cao quý để tồn tại. Cái hăng hái, nhiệt tình khoa học giảm dần theo thời gian, theo tuổi tác, và thay vào đó là tâm trạng lo lắng, nếu không nói là bi quan, trước viễn ảnh chưa được sáng sủa của tương lai khoa học và giáo dục nước nhà.

Cũng như mọi hệ thống phức tạp, khoa học không thể quản lý bằng cách ra lệnh cho từng đơn vị, cá nhân phải làm việc này, không làm việc kia. Chỉ có thể quản lý thực sự có hiệu quả bằng các chính sách, chế độ, tức là phát ra các tín hiệu, các thông tin mà các đơn vị, các cá nhân cứ theo đó mà làm sao cho tối ưu đối với từng người, thì toàn hệ thống sẽ tiến đến tối ưu. Tiếc thay, thời gian qua, hầu như các tín hiệu, các thông tin phát ra sai lệch quá nhiều. Vì vậy, chấn chỉnh khoa học và giáo dục trước hết phải sửa đổi cơ chế, chính sách và cả bộ máy quản lý nữa.

3. Khoa học liên quan chặt chẽ với công nghệ, nhưng hai vấn đề lại không đồng nhất. Đặc điểm công nghệ là nó không tách rời thị trường, mà công nghệ và thị trường phát triển song song, cái nọ thúc đẩy cái kia. Nếu thị trường phát triển trong mối quan hệ quốc tế rộng rãi, thì cạnh tranh và hợp tác sẽ khiến thị trường là con đường hữu hiệu và tự nhiên nhất để thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển công nghệ đúng hướng trong từng lĩnh vực cụ thể. Còn nhà nước thì tập trung lo tạo ra môi trường thuận lợi và xây dựng các cơ sở hạ tầng về năng lượng, thông tin, viễn thông, tài chính, ngân hàng, v.v... cần thiết cho công nghệ hiện đại. Cho nên, *vấn đề công nghệ trước hết là vấn đề quản lý kinh tế.* Nổi nên rất quan trọng, đối với từng doanh nghiệp cũng như đối với cả quốc gia, là vấn đề quản lý chiến lược công nghệ (trên thế giới đã có những kinh nghiệm điển

Digitized by Google

hình : ngay đến một hãng khổng lồ như IBM cũng đã từng phạm sai lầm đánh giá thấp máy sao chụp và cũng đã từng lao đao vì không dự đoán được kịp thời hướng vi tính trong sự phát triển của công nghệ máy tính ; một nền công nghiệp hùng hậu như Nhật mà cũng không ngăn được họ phạm sai lầm chiến lược khi quyết định phát triển truyền hình độ phân giải cao thay vì đi vào kỹ thuật số hóa). Cho nên một nước nghèo và đi sau như Việt nam càng phải chú ý, nếu không biết lựa chọn công nghệ thích hợp thì có khi nhập những công nghệ tưởng rằng tiên tiến, thực ra chỉ ít năm sau đã thấy bị đào thải trong cạnh tranh quốc tế. Thật đáng buồn là theo tin tức báo chí, có thể đến 50-70% thiết bị máy móc, công nghệ ta nhập được qua liên doanh với nước ngoài mấy năm qua là những thứ đã cũ hoặc lạc hậu đối với thế giới hàng chục năm. Mối lo ngại nước ta trở thành bãi thải công nghệ không phải không có cơ sở. Vô luận thế nào, để tạo điều kiện cho công nghệ và thị trường phát triển, việc xây dựng cơ sở hạ tầng là hết sức quan trọng. Các nước xung quanh ta, mặc dù cơ sở hạ tầng của họ đã tốt hơn ta nhiều lần nhưng để đáp ứng yêu cầu sắp tới họ cũng đang dự kiến bỏ ra hàng trăm tỉ USD để đổi mới và phát triển cơ sở hạ tầng. Đây cũng là vấn đề tính toán dự báo các mũi chiến lược của công nghệ, một vấn đề thật không đơn giản chút nào, nhất là trong giai đoạn khoa học và công nghệ trên thế giới biến động cực nhanh như hiện nay.

Một điểm nữa là quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa không chỉ đơn giản là nhập máy móc thiết bị hiện đại, xây dựng các nhà máy lớn, công nghệ tối tân, mà một phần quan trọng, nếu không nói là chủ yếu lúc ban đầu, là *dựa vào hàng vạn, hàng triệu sáng kiến cải tiến nhỏ trong mọi lĩnh vực và đơn vị sản xuất* ở nông thôn, thành thị, tích hợp lại đưa đến chất lượng và năng suất cao khả dĩ theo kịp và cạnh tranh với các nước. (Ví dụ, hàng hóa Nhật bản đã nổi tiếng về chất lượng là nhờ phong trào có tính chất quần chúng áp dụng thống kê vào kiểm tra chất lượng sản phẩm từ những năm 50). Việc này gắn liền chặt chẽ với trình độ dân trí nhưng cho đến nay chưa được chú ý nhiều khi bàn đến công nghệ.

4. Từ những điều trình bày ở trên, có thể thấy rõ vì sao các chỉ thị nghị quyết trước đây về khoa học công nghệ đều đúng mà chưa được thực hiện đầy đủ. Nguyên nhân sâu xa là vì tuy trên lý luận mọi người đều thừa nhận vai trò quan trọng của khoa học và giáo dục, nhưng trên thực tế, từ trên xuống dưới, chưa mấy ai thực sự thông suốt. Vì vậy, muốn cải biến tình hình trước hết cần nhận thức lại vấn đề, đánh giá đúng thực trạng, trên cơ sở đó mới có đầy đủ quyết tâm cải tổ cơ chế và tổ chức quản lý khoa học.

Khi một hệ thống bị trục trặc thì phải xem nguyên nhân do khuyết điểm vận hành hay khuyết tật cấu trúc. Nếu là khuyết điểm vận hành thì những sự điều chỉnh dựa trên cơ chế phản hồi có thể khắc phục được, nhưng nếu là khuyết tật cấu trúc thì phải xử lý cách khác. Khó khăn của khoa học và giáo dục hiện nay là những khó khăn mang tính chất khuyết tật cấu trúc, không thể giải quyết theo cách cải tiến, sửa đổi bình thường, mà phải thay đổi hẳn quan niệm, cơ chế, tổ chức. Cũng giống như khủng hoảng kinh tế trước đây chỉ vượt qua được nhờ chính sách đổi mới.

Vì vậy kiến nghị đầu tiên của tôi là tổ chức một đợt *hội thảo qui mô quốc gia* để đánh giá thẳng thắn thực trạng khoa học, công nghệ, và huy động trí tuệ của mọi người tìm ra các giải pháp thích hợp thoát ra khỏi tình hình khó khăn đang từng ngày xói mòn năng lực khoa học công nghệ của chúng ta vào một giai đoạn mà chỉ có khoa học và công nghệ mới có thể đưa chúng ta đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Tiếp theo, cần tổ chức bên cạnh Chính phủ một Ủy ban khoa học và giáo dục nhà nước, theo kiểu gần giống Ủy ban khoa học kỹ thuật nhà nước hồi mới thành lập (1959), để tư vấn cho Chính phủ về các chủ trương lớn về khoa học và giáo dục. Các thành viên, kể cả chủ tịch ủy ban này, được chọn trong số những nhà khoa học có tầm cỡ. không kiêm giữ các chức vụ hành chính quan trọng, và hoạt động độc lập với Bộ khoa học và Bộ giáo dục. Sự nghiệp giáo dục và khoa học rất phức tạp, nhiều quyết định trong lĩnh vực này phải có thời gian (mươi, mười lăm năm) mới thấy

Digitized by Google

rõ hiệu quả hay tác hại, nhiều vấn đề phải có bề dày kinh nghiệm và tri thức mới có thể có nhận định đúng đắn. Trong tình hình của ta hiện nay, một ủy ban tư vấn như vậy vừa có thể bổ sung và làm phản biện cho cơ quan quản lý, vừa là hình thức huy động sự đóng góp tích cực của nhân tài mà không cần cất nhắc họ lên các chức vụ hành chính theo quan niệm phong kiến lâu nay.

Trước mắt, các nghị quyết sắp tới về khoa học và giáo dục nên tập trung vào *những biện pháp chính về cơ chế và tổ chức* để tạo được thực sự những chuyển biến mạnh, gây tin tưởng và phấn khởi trong đội ngũ cán bộ khoa học và giáo dục. Muốn thế những biện pháp đề ra cần phải thực sự *khả thi* và phải có cơ chế và tổ chức có hiệu lực để đưa được nghị quyết vào cuộc sống. Không cần nhiều lý luận, mà cần hơn là các biện pháp tháo gỡ các mắc mứu. Và trên hết xin nhấn mạnh thêm rằng dù có biện pháp gì thì cũng chỉ có thể mang lại hiệu quả trên cơ sở một chế độ sử dụng và đãi ngộ hợp lý, công bằng, mà việc này thì không thể giải quyết tách rời với các chế độ chung trong toàn xã hội. Vì vậy, cái nút cuối cùng của vấn đề là phải cải cách *chế độ trả công cho người lao động*, nơi thể hiện tất cả các chính sách đối với con người. Hiện nay đây là chỗ nghẽn, phá hoại mọi ý đồ tốt của từng người, vì chính chế độ trả công này kết hợp với cơ chế thị trường mù quáng là nguyên nhân trực tiếp đưa đến sự xuống cấp của giáo dục, khoa học, y tế, đạo đức xã hội và cũng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tham nhũng tràn lan và ngày càng khó chống.

Dù thế nào, cũng xin nhắc lại kinh nghiệm của các nước đã làm được những biến đổi kinh tế phi thường đưa họ từ địa vị lạc hậu lên địa vị tiên tiến là : trong các yếu tố dẫn đến thành công, không thể thiếu thời cơ, lòng yêu nước và nhiệt tình, cộng với lao động cật lực và hy sinh nhẫn nại của quần chúng vì sự nghiệp lớn của dân tộc. Thời cơ đã có, lòng yêu nước không thiếu, những yếu tố khác đang chờ sự khơi dậy của lãnh đạo ❑

ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ : MẤY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

HOÀNG CÔNG

Hệ thống chính trị là một tổng thể các quan hệ và các tổ chức hợp pháp mang chức năng thực hiện quyền lực chính trị, tức là thực hiện lãnh đạo, quản lý xã hội và tham gia vào các quyết định quan trọng của đất nước. Các nước trên thế giới hiện nay tuy có những dạng hệ thống chính trị khác nhau, nhưng đều bao gồm các thành phần cơ bản là : nhà nước, các đảng chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội có tính quần chúng. Sự khác nhau của các hệ thống chính trị thể hiện ở bản chất chế độ xã hội và ở cơ cấu của nó, thể hiện ở số lượng các thành viên của hệ thống chính trị, ở cơ chế liên hệ và vai trò của chúng đối với nhà nước và đối với nhau. Kết cấu và nội dung hoạt động của hệ thống chính trị tùy thuộc vào chế độ xã hội, vào sự phát triển lâu dài của kinh tế, xã hội ở mỗi nước, và tùy thuộc trực tiếp vào tương quan chính trị giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Ở nước ta, hệ thống chính trị bao gồm Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... Trong hệ thống chính trị, Đảng vừa là một thành viên, vừa là người lãnh đạo

Hệ thống chính trị và chính trị nói chung là kết quả của sự biến đổi, phát triển của cơ sở hạ tầng xã hội, của đời sống kinh tế, xã hội. Nhưng

Digitized by Google

ngược lại nó có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy hay kìm hãm sự biến đổi và phát triển đó. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội VI, năm 1986, khi chỉ ra những khuyết điểm chủ quan dẫn đến sự trì trệ những năm 70 - 80, Đảng ta đã nghiêm khắc phân tích những thiếu sót, khuyết điểm của Đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng trong việc lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội và trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Về mặt tư tưởng có lúc Đảng mắc bệnh chủ quan duy ý chí, không nhận thức đầy đủ quy luật khách quan, không sát thực tế. Về tổ chức thì công tác cán bộ chậm đổi mới. Về phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc còn mang nặng chủ nghĩa quan liêu, không thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong quan hệ với chính quyền và các đoàn thể thì bao biện, làm thay.

Khuyết điểm nổi bật của Nhà nước là chưa thực hiện được đúng đắn chức năng cơ bản của mình là quản lý nhà nước về mọi mặt. Quốc hội mặt nào đó còn chưa thể hiện thật rõ vai trò cơ quan quyền lực cao nhất, chưa làm tốt chức năng lập pháp và giám sát tối cao. Hệ thống cơ quan hành chính làm việc còn nặng tập trung quan liêu, chưa bảo đảm được sự chỉ đạo thống nhất từ trung ương xuống địa phương và chưa phát huy được quyền chủ động của địa phương.

Hoạt động của các đoàn thể nhân dân cũng bị hành chính hóa, quan liêu hóa, thiếu sự gắn bó với nhân dân và có phần thụ động.

Nhìn tổng quát, Đảng ta nhận định cơ chế phối hợp giữa Đảng, Nhà nước và các bộ phận khác của hệ thống chính trị chưa được cụ thể hóa thành thể chế. Bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể quá lớn, lại chồng chéo và phân tán.

Từ yêu cầu của việc đổi mới kinh tế, đổi mới đời sống xã hội nói chung, Đảng ta khẳng định phải đổi mới mối quan hệ giữa đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng, và đồng thời phải đổi mới chính mỗi tổ chức đó. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng đã bước đầu nêu lên phương hướng, nội dung của việc đổi mới này. Ví dụ trong việc đổi mới tổ chức và hoạt động của nhà nước phải đề cao vai trò, vị trí của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, phải sắp xếp lại hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước (các bộ, các ủy ban của Chính phủ). Các cơ quan nhà nước phải tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các đoàn thể nhân dân. v.v. và v.v.

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, lý luận về đổi mới hệ thống chính trị chưa thật đầy đủ và sáng tỏ. Còn nhiều vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu làm sâu sắc thêm.

Tới Đại hội VII (tháng 6 năm 1991), với thực tiễn 5 năm đổi mới, trải qua những khó khăn chồng chất, đồng thời rút kinh nghiệm quá trình cải tổ ở Liên xô và Đông Âu, Đảng ta đã đưa ra lý luận đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đầy đủ, sáng tỏ hơn. Trong các văn kiện của Đại hội VII (và các hội nghị Trung ương sau đó) khái niệm "Hệ thống chính trị" đã được sử dụng chính thức. Các vấn đề về *mục tiêu, yêu cầu, phương châm, phương hướng và thực chất* của đổi mới hệ thống chính trị được nêu ra rõ ràng.

Báo cáo chính trị tại Đại hội VII của Đảng đã nêu lên nhận thức về tính tất yếu của đổi mới hệ thống chính trị, tầm quan trọng của nó đối với công cuộc đổi mới toàn diện đất nước như sau : "Vì chính trị đụng chạm đến các mối quan hệ đặc biệt phức tạp và nhạy cảm trong xã hội, nên việc đổi mới trong hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị, dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì vậy mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện dân chủ". (1)

Như vậy yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc đổi mới hệ thống chính trị là : giữ được ổn định chính trị ; phát triển kinh tế, xã hội tốt ; phát huy được dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Về phương châm tiến hành (cũng có thể coi là phương pháp luận của quá trình đổi mới), Báo

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 54

Digitized by Google

cáo chính trị viết : "*Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị*, phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị". (2)

Đảng ta xác định thực chất của đổi mới hệ thống chính trị là vấn đề dân chủ : "Thực hiện *dân chủ xã hội chủ nghĩa* là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới" (3). Nhưng để có dân chủ, nước ta có nhất thiết phải thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập không ? Không nhất thiết và chúng ta không làm như vậy bởi vì : *Thứ nhất*, về lý luận, dân chủ không đồng nghĩa với cơ chế đa nguyên, đa đảng, và thực hiện đa nguyên, đa đảng không có nghĩa là sẽ có dân chủ. *Thứ hai*, ở nước ta hiện nay không có tiền đề kinh tế - xã hội cho đa nguyên, đa đảng. Có người cho rằng một khi thực hiện kinh tế thị trường, thì đồng thời phải thực hiện đa nguyên, đa đảng. Điều này là sai, vì không phải cứ xuất hiện nhiều thành phần kinh tế - xã hội thì đồng thời phải có các đảng chính trị đại diện cho các thành phần đó. Hơn nữa ở Việt nam cơ chế thị trường mới đang hình thành, các thành phần kinh tế - xã hội xuất hiện và vận động trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước xã hội chủ nghĩa, thừa nhận hệ thống chính trị hiện có. Mọi lợi ích của các thành phần kinh tế - xã hội đều được đảng cộng sản quan tâm, nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo hộ. *Thứ ba*, ở nước ta không có tiền đề chính trị và nguyện vọng rộng rãi cho đa nguyên, đa đảng. Hệ thống chính trị ở bất cứ đâu đều là kết quả của đấu tranh chính trị và phản ánh tương quan chính trị giữa các giai cấp, tầng lớp trong giai đoạn lịch sử hiện thời. Ở nước ta hiện nay cũng như vậy. Do đó thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập tức là từ bỏ vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản đã được dân tộc thừa nhận từ bao lâu nay ; là phản lại niềm tin của toàn thể nhân dân lao động, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch trong và ngoài nước phá hoại thành quả cách mạng mà dân tộc ta đã đổ bao xương máu mới giành được. Với những lý do đó Đảng cộng sản Việt nam và nhân dân Việt nam kiên quyết bác bỏ đòi hỏi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Vấn đề còn lại là ở chỗ làm sao bảo đảm đầy đủ dân chủ trong điều kiện một đảng cộng sản lãnh đạo. Về điều này Đảng ta xác định : "*Vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng với nhà nước và các đoàn thể nhân dân*". (4)

Các văn kiện của Đại hội Đảng (cũng như Hiến pháp năm 1992) đều khẳng định : trong hệ thống chính trị, Đảng cộng sản Việt nam vừa là một bộ phận, vừa là người lãnh đạo. Đảng lãnh đạo xã hội và nhà nước, nhưng mọi tổ chức đảng phải hoạt động trong khuôn khổ của hiến pháp và pháp luật.

Đối với Nhà nước, Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và những chủ trương công tác đã được thể chế hóa thành hiến pháp, pháp luật. Trên cơ sở đó nhà nước quản lý, điều hành mọi mặt đời sống xã hội. Đảng kiểm tra và giám sát việc thực hiện đường lối, nghị quyết của đảng thông qua hoạt động của các đảng viên, và tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và dựa vào ý kiến của nhân dân. Đảng chăm lo công tác cán bộ, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ, đưa cán bộ ra ứng cử vào các cơ quan dân cử hoặc giới thiệu với nhà nước để đề bạt, bổ nhiệm vào các cương vị chủ chốt ở các ngành, các cấp. Đảng tôn trọng cơ chế của nhà nước về bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, không gò ép, áp đặt. Đảng lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, phân công phân nhiệm rõ ràng. Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không bao biện, làm thay công việc của Nhà

(2) *Sđd*, tr 54
(3) *Sđd*, tr 90
(4) *Sđd*, tr 42

Digitized by Google

nước. Đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước phải chấp hành nghị quyết của Đảng, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân theo pháp luật, không được lợi dụng chức vụ làm điều sai trái, đặc quyền, đặc lợi.

Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, Đảng tôn trọng tính tự chủ về tổ chức và hoạt động của các tổ chức đó ; trân trọng và lắng nghe ý kiến đóng góp của họ đối với sự lãnh đạo của đảng và các đảng viên, đối với việc xây dựng đường lối, chủ trương của đảng, pháp luật của nhà nước.

Có thể nói, tới Đại hội VII, những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo việc đổi mới hệ thống chính trị đã được Đảng ta xác định có căn cứ khoa học.

Được thực tiễn và lý luận soi đường, từ sau Đại hội VII, chúng ta đã đẩy mạnh hơn việc đổi mới hệ thống chính trị. Năng lực lãnh đạo và uy tín của Đảng đối với xã hội được nâng lên một bước đáng kể. Bộ máy của Đảng ở các cấp, các ngành, các khối cơ quan, đặc biệt trong quân đội, công an, các cơ quan bảo vệ pháp luật được kiện toàn phù hợp với phương thức lãnh đạo mới. Trong các doanh nghiệp hiện nay hoạt động theo cơ chế thị trường, tổ chức đảng vẫn được duy trì và có vai trò không thể phủ nhận được. Phẩm chất và trình độ của đội ngũ cán bộ đảng ở mọi cấp đã được nâng lên một bước.

Phù hợp với hiến pháp và các luật tổ chức nhà nước năm 1992, bộ máy nhà nước cũng được tổ chức và sắp xếp lại theo nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức danh chủ tịch nước được khôi phục. Quốc hội có chủ tịch và Ủy ban thường vụ, và một số ủy ban chuyên môn cần thiết. Thời gian các kỳ họp Quốc hội được tăng thêm. Trong Quốc hội có nhiều đại biểu chuyên trách hơn, sự chuẩn bị cho mỗi kỳ họp kỹ hơn, sinh hoạt có chất lượng và dân chủ hơn. Quốc hội quan tâm nhiều hơn việc giải quyết những vấn đề bức xúc của đời sống xã hội. Đặc biệt chức năng lập pháp của Quốc hội được nâng lên rõ rệt.

Chính phủ, các bộ, các ủy ban đã được tổ chức lại theo hướng tinh giản, gọn, nâng cao được trách nhiệm cá nhân, bớt đầu mối, bớt trung gian và chồng chéo, đáp ứng tốt hơn chức năng quản lý nhà nước. Các cơ quan quản lý nhà nước đã bớt đi rất nhiều sự can thiệp trực tiếp vào quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, bằng các công cụ của kinh tế thị trường (như tài chính, tiền tệ, giá cả...) khéo léo hơn. Các cơ quan chuyên chính đã làm tốt hơn việc giữ gìn an ninh chính trị, tăng cường đáng kể việc giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống cơ quan tư pháp cũng được kiện toàn. Để phù hợp với các quan hệ dân sự và hành chính trong nền kinh tế thị trường, đã có thêm tòa án kinh tế và tòa hành chính.

Các tổ chức chính trị - xã hội đã có sự đổi mới rõ rệt về phương thức, nội dung hoạt động. Một mặt đã chủ động đi sâu, đáp ứng lợi ích, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, tổ chức được các phong trào có tác dụng thiết thực. Mặt khác liên hệ chặt chẽ với đảng, chính quyền, đóng góp tích cực vào sự hình thành đường lối, chính sách của đảng, nhà nước và tham gia giám sát việc thực hiện đường lối, chính sách ấy.

Có thể nói, mười năm qua, nhất là từ sau Đại hội VII, hệ thống chính trị ở nước ta đã có sự đổi mới đáng kể.

Sự đổi mới của chúng ta không phá bỏ cơ chế chính trị đã có, không làm thay đổi chức năng của từng bộ phận cấu thành, cũng không làm thay đổi cơ cấu bên trong của hệ thống. Sự đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là sự hoàn thiện cơ chế chính trị đã có, bằng cách phân định rõ hơn chức năng và đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của mỗi bộ phận của hệ thống đó.

Tổng kết mười năm đổi mới, Đại hội VIII đánh giá rằng Đảng ra đã *"thực hiện có kết quả*

Digitized by Google

một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị" (5), coi đó là một trong 5 thành tựu lớn của đổi mới. Cụ thể là : "Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã từng bước cụ thể hóa đường lối đổi mới trên các lĩnh vực, củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội ; đã ban hành Hiến pháp mới năm 1992, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới nhiều văn bản pháp luật quan trọng, tiến hành cải cách một bước nền hành chính nhà nước, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì đại nghĩa ấy" (6). Tuy nhiên, Đảng ta cũng nhận định rằng "hệ thống chính trị vẫn còn nhiều nhược điểm". Đó là : "Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị, xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, tinh giản và nâng cao chất lượng ; còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ hóa cán bộ, chuẩn bị cán bộ kế cận còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ..." (7)

Từ thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị những năm vừa qua, Đại hội VIII đã phát triển thêm một bước hệ thống quan điểm chỉ đạo và một lần nữa khẳng định bài học rất quý báu rút ra được là phải *"kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị"*. (8)

Nội dung bài học này bao gồm :

Một là : Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Hai là : Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm và nếu vội vã để xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Ba là : Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

Với lý luận và những bài học rút ra được, chắc chắn việc tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị của chúng ta sẽ giành được những thắng lợi ngày càng xứng đáng với sự nghiệp đổi mới nói chung ❑

---

(5) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 61

(6) *Sđd*, tr 61 - 62

(7) *Sđd*, tr 66 - 67

(8) *Sđd*, tr 71

Digitized by Google

CẢI CÁCH BƯỚC II HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ Ở NƯỚC TA

QUÁCH ĐỨC PHÁP *

THUẾ không những là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, mà còn là một trong những công cụ kinh tế quan trọng có hiệu lực để nhà nước quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Nội dung chính sách thuế phải luôn phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội và hướng phát triển kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn cách mạng.

Những thành tựu đạt được trong 10 năm đổi mới là tiền đề đưa kinh tế nước ta bước sang một giai đoạn mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn mới đặt ra yêu cầu phải cải cách một cách căn bản hệ thống chính sách thuế hiện hành. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ : "Đổi mới chính sách thuế theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp ; bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước ; đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển" (1)

Cải cách bước 2 hệ thống chính sách thuế nhằm khắc phục những nhược điểm của hệ thống thuế hiện nay, bảo đảm sự thích ứng của nó trong cơ chế thị trường, tạo điều kiện hạn chế thất thu, tăng thu cho ngân sách nhà nước, đạt yêu cầu động viên trong những năm tới khoảng 20 - 22% GDP vào ngân sách nhà nước. Hướng cải cách bước 2 hệ thống chính sách thuế là : trên cơ sở duy trì cơ bản cơ cấu hệ thống chính sách thuế hiện nay, đổi mới nội dung từng sắc thuế, cụ thể là :

- Ban hành Luật thuế trị giá gia tăng thay cho Luật thuế doanh thu.

- Ban hành Luật thuế thu nhập công ty thay cho Luật thuế lợi tức.

- Ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân thay cho Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

- Cải cách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt cho phù hợp và đồng bộ với việc ban hành thuế VAT. Thuế xuất khẩu chỉ thu đối với một số ít sản phẩm thật cần thiết và có khả năng thu được trong điều kiện giá cả thị trường quốc tế. Bỏ phần lớn thuế xuất khẩu để khuyến khích tối đa hoạt động xuất khẩu. Hạ thấp thuế nhập khẩu cho phù hợp với tiến trình hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Mở rộng diện đánh thuế tiêu thụ đặc biệt để hỗ trợ thuế VAT và thuế nhập khẩu, góp phần bảo vệ sản xuất trong nước và hướng dẫn sản xuất tiêu dùng.

- Cải cách thuế tài nguyên theo hướng đơn giản hóa thuế suất đi đôi với mở rộng diện đánh thuế đối với cả tài nguyên nước. Gắn việc thu thuế với quản lý tài nguyên theo địa bàn và vùng lãnh thổ.

- Cải cách các loại thuế về sử dụng đất đai theo hướng : ban hành một luật thuế đối với sử dụng các loại đất. Áp dụng thuế tính theo tỷ lệ trên giá đất cho phù hợp với cơ chế thị trường. Thuế chuyển quyền sử dụng đất gộp chung vào thuế thu nhập.

- Ban hành thuế tài sản theo hướng : chuyển lệ phí trước bạ hiện hành thành Luật

* Phó vụ trưởng, Vụ chính sách tài chính, Bộ tài chính

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 102

Digitized by Google

thuế tài sản ; có thể mở rộng thêm đối tượng đánh thuế để phát huy tác dụng của loại thuế này trong việc thu cho ngân sách nhà nước và kiểm soát các khoản thu nhập đã chuyển thành tài sản, bảo đảm công bằng xã hội.

- Thể chế hóa bằng pháp luật các khoản thu về lệ phí cho ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thu đúng, thu đủ, hạn chế tiêu cực.

Chương trình cải cách hệ thống chính sách thuế theo hướng trên, dự kiến được thực hiện từ nay đến năm 2000. Nội dung và bước tiến hành của chương trình này đã được Nghị quyết của Quốc hội, kỳ họp thứ 6 chỉ rõ : "Tiếp tục nghiên cứu cải cách hệ thống thuế trên cơ sở sơ kết thí điểm áp dụng thuế trị giá gia tăng ở một số sản phẩm ; hoàn thiện và thu hẹp dần thuế suất, thuế doanh thu để nghiên cứu xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng. Hoàn chỉnh các luật thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập...". Nghị quyết Quốc hội kỳ họp thứ 8 một lần nữa khẳng định : "Tiến hành một bước cải cách hệ thống chính sách thuế. Năm 1996 khẩn trương xây dựng và trình Quốc hội Luật thuế trị giá gia tăng thay cho Luật thuế doanh thu ; Luật thuế thu nhập công ty thay cho Luật thuế lợi tức ; Luật thuế thu nhập cá nhân thay cho Pháp lệnh thuế thu nhập đối với những người có thu nhập cao... Điều chỉnh kịp thời thuế suất, thuế nhập khẩu đối với một số nhóm mặt hàng phù hợp với chính sách xuất nhập khẩu...".

Việc cải cách toàn diện, đồng bộ các Luật thuế trong hệ thống chính sách thuế hiện hành là cần thiết, nhưng không thể thực hiện đồng thời ngay một lúc, mà phải làm dần với những bước đi phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế cả về ban hành luật và tổ chức thi hành luật. Bước đầu trong cải cách bước 2, cần tập trung xây dựng Luật thuế trị giá gia tăng, Luật thuế thu nhập công ty và Luật thuế thu nhập cá nhân với lý do :

+ Ba luật thuế này đã được ghi rõ trong chương trình xây dựng Pháp luật năm 1996 của Quốc hội.

+ Đó là ba loại thuế chủ yếu trong hệ thống chính sách thuế có phạm vi điều chỉnh rộng, có liên quan nhiều đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các tầng lớp dân cư, đồng thời có số thu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số thu về thuế của ngân sách nhà nước.

+ Ngoài mục tiêu riêng của từng sắc thuế, ba loại thuế này có mối liên quan chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau trong việc thực hiện những mục tiêu cơ bản của hệ thống chính sách thuế là bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, công bằng xã hội và thúc đẩy sản xuất phát triển.

+ Thuế doanh thu đang có những nhược điểm cần được cải cách sớm. Thuế thu nhập cá nhân có mối quan hệ khăng khít với thuế thu nhập công ty để trực tiếp điều chỉnh thu nhập của các tổ chức và cá nhân và cũng cần phải cải cách sớm cho phù hợp với yêu cầu tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài.

1 - *Về thuế trị giá gia tăng (VAT).*

Việc ban hành Luật thuế trị giá gia tăng thay cho Luật thuế doanh thu là cần thiết, vì : VAT là một loại thuế gián thu đánh trên tiêu dùng hàng hóa , dịch vụ. VAT có tính chất như thuế doanh thu nhưng khắc phục được những nhược điểm thu trùng lắp của thuế doanh thu và thích ứng với cơ chế thị trường. VAT có những ưu điểm : thuế đánh trên doanh thu nhưng thực chất chỉ thu trên giá trị tăng thêm nên nó khắc phục được tính trùng lặp của thuế doanh thu (sản phẩm từ khâu sản xuất đến tay người tiêu dùng cuối cùng dù luân chuyển qua nhiều khâu trung gian hay ít khâu cũng phải chịu một số VAT như nhau). Nó khuyến khích sản xuất kinh doanh, khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu vì sản phẩm xuất khẩu được thoái trả toàn bộ

Digitized by Google

thuế VAT đã nộp ở khâu trước, tạo thuận lợi cho quản lý thuế ở trong nước. Nó thu cả vào hàng nhập khẩu, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện hạ thấp thuế suất thuế nhập khẩu. Với cơ chế tự kiểm tra, nó hạn chế được tình trạng trốn lậu thuế và tạo ra sự kiểm soát lẫn nhau về thuế, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng sổ sách kế toán và sử dụng hóa đơn chứng từ.

Đương nhiên, để áp dụng VAT, đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định. Đó là : hóa đơn giữ vai trò quan trọng trong thanh toán thuế VAT, là điều kiện để đối tượng nộp thuế được khấu trừ thuế đầu vào đã nộp ở khâu trước. Vì vậy, việc áp dụng VAT sẽ tạo điều kiện vừa khuyến khích vừa bắt buộc sử dụng các chứng từ hóa đơn trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng như trong mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Các doanh nghiệp và các đối tượng kinh doanh tổ chức hạch toán được các hoạt động kinh doanh của mình thông qua các hình thức kế toán quy định, tạo điều kiện thực hiện đúng thuế VAT. Về điều kiện và phương pháp quản lý thuế cũng phải thay đổi. Mặt khác, trình độ quản lý của cơ quan thuế và cán bộ thuế bảo đảm được việc tính toán và kiểm tra thuế VAT. Ý thức chấp hành pháp luật của đối tượng nộp thuế cũng như của người dân phải được nâng dần lên cho đáp ứng với yêu cầu.

Thực tế ở nước ta hiện nay cho thấy, việc áp dụng VAT là cần thiết và có thể thực hiện được, vì : Việc chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đã làm cho hệ thống chính sách thuế hiện hành, nhất là thuế doanh thu bộc lộ những nhược điểm đòi hỏi phải sớm được áp dụng thuế VAT nhằm đáp ứng với cơ chế mới. Những thành tựu đạt được sau 10 năm đổi mới đã tạo ra những tiền đề cho việc áp dụng VAT. Nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; trình độ dân trí được nâng lên ; việc thực hiện sổ sách kế toán, sử dụng hóa đơn, chứng từ đã được nhà nước đặt ra là hết sức cần thiết trong đổi mới quản lý kinh tế của đất nước. Tuy việc thực hiện các yêu cầu trên chưa thành nền nếp (thiếu những biện pháp thích hợp), song cũng rút ra được những bài học bổ ích để có thể triển khai thực hiện đồng bộ trong thời gian tới cùng với việc áp dụng VAT. Bằng những biện pháp tích cực trong nghiên cứu và chuẩn bị về mọi mặt trang bị cơ sở vật chất, về nhân sự, về các phương tiện thông tin, tuyên truyền, giáo dục cho các đối tượng nộp thuế, ta có thể đạt được những điều kiện để áp dụng thành công VAT trong những năm cuối của thế kỷ này.

2 - *Về thuế thu nhập công ty.*

Việc ban hành Luật thuế thu nhập công ty thay cho Luật thuế lợi tức hiện hành là cần thiết. Thuế thu nhập công ty được ban hành sẽ khắc phục những nhược điểm của thuế lợi tức hiện hành trong cơ chế thị trường về các mặt :

Một là, về tên gọi, khái niệm "thu nhập" rộng và bao quát hơn khái niệm "lợi tức" và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khái niệm "lợi tức" thường chỉ được hiểu là lợi tức kinh doanh. Trong kinh tế thị trường, các khoản thu của doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú. Có lợi tức kinh doanh chính, kinh doanh phụ ; lợi tức kinh doanh cơ bản, ngoài cơ bản. Các hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, chuyển giao công nghệ, bản quyền cũng có thu nhập. Trong Luật thuế lợi tức hiện hành tuy đã có quy định lợi tức chịu thuế gồm : lợi tức kinh doanh cộng các khoản lợi tức khác, nhưng trong thực tế, việc giải thích về các khoản "lợi tức khác" chưa có tính thuyết phục cao, nhất là đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài.

Hai là, phạm vi điều chỉnh thuế thu nhập công ty bao quát hơn thuế lợi tức. Thực tế cho thấy về đối tượng nộp thuế dự kiến ban hành Luật thuế thu nhập công ty áp dụng

Digitized by Google

chung cho các pháp nhân, gồm các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đó sẽ bãi bỏ phần quy định về thuế lợi tức và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài ghi trong Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam.

Về thuế suất, điểm khác với thể nhân là các pháp nhân thuộc sở hữu của nhiều người, thu nhập tạo ra có khoản không phân chia, có khoản phân phối qua nhiều khâu, nhiều lần, cho nên cần thiết kế một mức thuế suất áp dụng chung cho các doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề thuộc các thành phần kinh tế. Mức thuế suất dự kiến khoảng 1/3 thu nhập chịu thuế, bảo đảm mức động viên như các nước đang phát triển ; đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tự tích lũy vốn để đầu tư. Đương nhiên, Luật thuế thu nhập công ty có những quy định về giảm thuế, miễn thuế, để khuyến khích đầu tư, tái đầu tư vào các vùng, các ngành nghề, các lĩnh vực cần ưu tiên phát triển phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn.

3 - *Về thuế thu nhập cá nhân.*

Trong cải cách hệ thống chính sách thuế lần này cần phân biệt thuế thu nhập công ty áp dụng cho các pháp nhân (như trình bày ở trên) với thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho các thể nhân. Việc ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân thay cho Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao hiện hành là do :

- Nó phù hợp với việc cải cách thuế lợi tức và thuế doanh thu, bảo đảm sự thích ứng đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính sách thuế trong cơ chế thị trường trong thời gian tới.

- Khắc phục được những hạn chế của Pháp lệnh thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao hiện hành được thể hiện trên các điểm như : về phạm vi điều chỉnh bao quát hơn ; về đối tượng chịu thuế, mở rộng hơn về diện thu nhập chịu thuế, thu nhập từ tín phiếu, thu nhập từ tài sản và chuyển nhượng tài sản, thu nhập phát sinh từ nước ngoài của các đối tượng cư trú tại Việt nam. Để bảo đảm yêu cầu công bằng, hợp lý trong phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, cần áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần. Trước mắt, giữ nguyên khởi điểm chịu thuế, hạ thấp các mức thuế suất trong từng bậc thuế, song có mở rộng diện xác định thu nhập chịu thuế để cho phép mở rộng diện đánh thuế, tăng khả năng điều tiết các nguồn thu cho ngân sách, đồng thời tạo điều kiện để nhà nước kiểm soát quản lý được thu nhập của từng cá nhân.

- Nó phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc đưa ra các khái niệm xác định đối tượng chịu thuế, thu nhập chịu thuế, phương pháp tính thuế và thu nộp thuế, góp phần vào việc xây dựng một hệ thống thuế hoàn chỉnh, phù hợp với hệ thống thuế của các nước trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt là trong cơ chế thị trường, áp dụng thuế thu nhập cá nhân tạo điều kiện cho việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với các nước.

Cải cách thuế là một công việc rất khó khăn và không ít trở ngại, vì nó liên quan trực tiếp đến quyền lợi vật chất của tất cả các ngành, các cấp, các tầng lớp dân cư. Nó luôn phải giải quyết mâu thuẫn giữa tích tụ và tập trung trong quan hệ phân phối thu nhập giữa nhà nước, tập thể và người lao động. Nó luôn gặp phải những trở ngại của thói quen cũ khi cần thiết phải chuyển sang một cách làm mới, một sự thay đổi có tính cách mạng cả trong nhận thức và hành động. Đối với những nước có nền kinh tế chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường, thì những khó khăn trên càng trở nên gay gắt và quyết liệt hơn. Do vậy, chúng ta cần thực hiện phương châm cải cách thuế từng bước, phù hợp thực tế, nhằm mục tiêu hiệu quả kinh tế. Chương trình cải cách bước 2 hệ thống chính sách thuế ở nước ta có thể hoàn tất vào năm cuối thế kỷ này ❑

Digitized by Google

TỪ THỰC TIỄN 5 NĂM XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NGUYỄN THỊ HẰNG *

I- VÀI NÉT VỀ BỨC TRANH NGHÈO ĐÓI Ở VIỆT NAM

Đói nghèo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử và phổ biến ở mọi quốc gia, dân tộc. Tính đến những năm cuối thế kỷ XX này, trên hành tinh chúng ta vẫn còn 1,5 tỉ người sống trong tình trạng đói nghèo. Đó là một trong những trở ngại trầm trọng nhất, một thách thức gay gắt nhất đối với quá trình phát triển của thế giới hiện đại.

Khái niệm nghèo đói là một khái niệm có tính tương đối, nó gắn với từng thời điểm lịch sử, từng quốc gia, khu vực. Vì thế, có khá nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về nghèo đói. Hội nghị bàn về giảm nghèo đói ở khu vực châu Á - Thái bình dương do ESCAP tổ chức tại Băng cốc tháng 9 - 1993 đưa ra một định nghĩa về nghèo đói như sau : "Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của các địa phương".

Có thể xem đây là định nghĩa chung nhất, khái quát nhất về nghèo đói. Từ đây, ta có thể định ra các tiêu chí cụ thể về người nghèo, hộ nghèo, khu vực dân cư nghèo.

Theo bảng xếp hạng chung, Việt nam ta hiện là một trong những nước nghèo nhất thế giới với thu nhập đầu người khoảng 200 USD/năm. Là một nước nghèo, tất nhiên vấn đề nghèo đói đối với chúng ta càng nặng nề và gay gắt. Trải qua mấy năm đất nước bước vào cơ chế thị trường, trong khi đa số nhân dân được hưởng những thành quả của đổi mới, mức sống được nâng cao và một bộ phận giàu lên trông thấy thì ở góc nhìn khác, sự phân hóa giàu nghèo (vốn là mặt trái, là sản phẩm của cơ chế thị trường) giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng, miền trong cả nước cũng diễn ra nhanh không kém, khiến cho bức tranh nghèo đói càng thêm rõ nét.

Trong mức sống chung của toàn xã hội hiện nay, đối tượng nghèo đói ở ta có thể được quan niệm một cách cụ thể như sau : *hộ đói là hộ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, con cái thất học, ốm đau không có tiền chữa trị, nhà ở rách nát...* Nếu theo thu nhập thì các hộ này có thu nhập quy đổi ra gạo bình quân đầu người dưới 13 kg/tháng. Còn *hộ nghèo là hộ thiếu ăn nhưng không đứt bữa, mặc không lành và không đủ ấm, không có khả năng phát triển sản xuất...* Thu nhập bình quân đầu người của loại hộ này quy ra gạo dưới 25 kg/tháng ở thành thị, 20 kg/tháng ở nông thôn đồng bằng và 15 kg/tháng ở nông thôn miền núi. *Xã nghèo là xã có trên 40% tổng số hộ nghèo đói, không có hoặc rất thiếu những cơ sở hạ tầng thiết yếu, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ cao.* Còn *vùng (vệt) nghèo là chỉ những địa bàn tương đối rộng, nằm ở những khu vực khó khăn, hiểm trở, giao thông không thuận lợi, có tỷ trọng xã nghèo, hộ nghèo cao.*

Theo những chuẩn mực trên, đến nay nước ta còn khoảng 2 945 000 hộ đói nghèo, chiếm 20,3% tổng số hộ trong cả nước, trong đó , số hộ đói kinh niên là 598 746 hộ, chiếm 4,1% tổng số hộ. Cả nước cũng còn khoảng 1 960 xã mà tỷ lệ hộ nghèo đói chiếm trên 40% ; 1 309 xã rất thiếu hoặc chưa có các công trình hạ tầng thiết yếu. Phần lớn các vùng nghèo rơi vào các huyện miền núi phía Bắc, miền núi Bắc Trung bộ, duyên hải miền Trung, Tây nguyên và đồng bằng sông Cửu long.

Đi sâu hơn vào thực trạng nghèo đói ở ta qua các số liệu nêu trên, có thể thấy một số điểm đáng chú ý. *Thứ nhất*, đại bộ phận dân cư nghèo đói

* Ủy viên Trung ương Đảng, thứ trưởng thường trực Bộ lao động - thương binh và xã hội.

Digitized by Google

sống ở nông thôn và thường rơi vào nhóm hộ thuần nông, độc canh cây lúa. *Thứ hai*, nghèo đói ở nông thôn nước ta có quan hệ và là hậu quả trực tiếp của thiên tai, mất mùa, của điều kiện tự nhiên bất lợi và điều kiện lịch sử phát triển không đồng đều, của hậu quả chiến tranh nặng nề. Như vậy, trọng điểm nghèo đói ở nước ta là các vùng nông thôn sâu và xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, vùng biên giới, hải đảo. *Thứ ba*, mặc dù số hộ nghèo đói rất lớn nhưng về cơ bản vẫn có tư liệu sản xuất (trước hết là đất sản xuất), không phải là người nông dân bị bần cùng hóa, bị tước đoạt tư liệu sản xuất, bị bóc lột thậm tệ như dưới chế độ cũ. Do đó, người nghèo và hộ nghèo vẫn có cơ hội thoát nghèo bằng lao động của mình. Cuối cùng, như trên đã nói, hiện tượng nghèo đói có tính lịch sử và nó đang có sự biến đổi, dịch chuyển trong sự vận động chung của đất nước.

Có thể thấy rằng nguyên nhân nổi bật của tình trạng đói nghèo ở nước ta là : nền kinh tế còn kém phát triển, thu nhập bình quân đầu người quá thấp cùng những di sản nặng nề của mấy chục năm chiến tranh liên miên tàn phá đất nước. Tuy nhiên, đi sâu hơn vào các tầng lớp, các nhóm dân cư, các địa phương, các vùng, miền khác nhau, ta có thể nhận diện một cách cụ thể hơn các nguyên nhân của nghèo đói. Ở đây có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, các yếu tố lịch sử và yếu tố ngẫu nhiên, tức thời...

Về nguyên nhân chủ quan, có những yếu tố thuộc về bản thân người lao động : không có kinh nghiệm làm ăn, không biết cách sản xuất kinh doanh ; thiếu hoặc không có vốn ; đông con, thiếu lao động ; rủi ro, đau ốm, ăn tiêu lãng phí lại lười biếng ..., cũng có những yếu tố thuộc về sự quan tâm của xã hội và sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp chưa đạt hiệu quả mong muốn. Bên cạnh đó, không kém phần quan trọng là các nguyên nhân khách quan : điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, không thuận lợi cho sản xuất, đất canh tác ít lại cằn cỗi, địa bàn xa xôi hẻo lánh, không có đường giao thông, ít giao lưu hàng hóa ; thiên tai nặng : bão lụt, hạn hán, sâu bệnh ...

Trên đây là một số nguyên nhân cụ thể nhưng thường thì hiện tượng nghèo đói ở nước ta nhìn một cách tổng quát là *hệ quả của sự kết hợp nhiều nguyên nhân* khiến cho tình trạng nghèo đói ở các vùng càng thêm gay gắt, các hộ nghèo đói khó có thể vượt qua được nếu không có những giải pháp cơ bản, đồng bộ từ trung ương đến địa phương tác động trực tiếp đến từng vùng nghèo, hộ nghèo.

II- NĂM NĂM - MỘT PHONG TRÀO

Như trên đã nói, nghèo đói là một trong những thách thức trên con đường phát triển, là gánh nặng lớn nhất mà chúng ta phải giải quyết để tiến tới "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Sự phân hóa giàu nghèo phản ánh những bất công xã hội trái với mục tiêu và lý tưởng của chúng ta. Nghèo đói là một trong những nguồn gốc chính phát sinh tệ nạn xã hội và chính sự lan tràn tệ nạn xã hội lại làm trầm trọng thêm vấn đề nghèo đói. Nghèo đói ngăn cản người dân được hưởng thụ giáo dục và văn hóa, là nguyên nhân cơ bản của tình trạng trẻ em mù chữ, bỏ học, lưu ban, suy dinh dưỡng, cản trở sự phát triển con người, nguồn lực cơ bản của sự phát triển.

Xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là xóa đói giảm nghèo về kinh tế đối với các hộ nông dân, các vùng và vệt nghèo ở nông thôn là tiền đề kinh tế tối cần thiết để giữ vững ổn định chính trị, ổn định xã hội, bảo đảm cho công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển sâu rộng trong phạm vi cả nước. Xóa đói giảm nghèo nhìn từ chiến lược phát triển, không chỉ có nội dung kinh tế, cần được thực thi bằng các giải pháp kinh tế, mà còn chứa đựng các nội dung xã hội và nhân văn sâu sắc. Ở đây cần thể hiện rõ bản chất của thể chế chính trị, của đường lối giai cấp của Đảng và Nhà nước ta.

Thực hiện đường lối Đại hội VII của Đảng, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương đã đề ra chủ chương xóa đói, giảm nghèo. Sau đó, Quốc hội và Chính phủ đã cụ thể hóa chủ trương đó thành kế hoạch, chương trình và các giải pháp thực hiện. Là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc phối kết hợp phong trào này, Bộ lao động - thương binh và xã hội đã giúp các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương tổ chức và chỉ đạo thực hiện theo hai loại giải pháp :

Digitized by Google

- Góp phần hỗ trợ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Giúp đỡ trực tiếp người nghèo, xã nghèo.

Có thể nói, xóa đói giảm nghèo là mục tiêu chung của mọi chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Một khi kinh tế phát triển, thu nhập đầu người tăng thì tình trạng đói nghèo cũng sẽ dần dần bị thu hẹp. Vì vậy, để chống nghèo đói, giải pháp cơ bản vẫn là các chương trình tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương và cả nước, thúc đẩy sản xuất, phát triển giao lưu hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ... Tuy nhiên từ một góc nhìn khác, dựa trên kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển và ngay ở nước ta, có thể khẳng định rằng, trong một nền kinh tế thị trường mà sự phân hóa giàu nghèo đã trở thành một tất yếu khách quan cộng với hàng loạt những khó khăn rủi ro khác thì không thể để người nghèo chỉ ngồi chờ "nước lên thuyền lên". Cần có các biện pháp tác động trực tiếp đến họ, hỗ trợ cho họ trước hết là về tư liệu sản xuất (đất sản xuất và các công cụ khác), vốn, kiến thức làm ăn, tiếp thị, công nghệ phù hợp ... cùng các cơ sở hạ tầng thiết yếu khác, qua đó phát huy tính tự lực, tự chủ, tự vươn lên để vượt qua nghèo đói của chính bản thân người nghèo, hộ nghèo. Quan điểm cơ bản khi thực hiện các chương trình này là không "cấp phát", "cho không" theo kiểu "cứu tế" mà là tạo ra các điều kiện và tiền đề cần thiết, hay nói một cách nôm na là tạo nên những cú "huých" để người nghèo, hộ nghèo tự bật lên.

Từ năm 1992 đến nay, qua gần 5 năm thực hiện, phong trào xóa đói giảm nghèo đã phát triển sâu rộng ở khắp 53 tỉnh thành trong cả nước, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, sự tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là vai trò của các tổ chức quần chúng và đoàn thể xã hội : đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội nông dân ... và các nhà doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế. Đến nay, quỹ xóa đói giảm nghèo các tỉnh đã lên đến 500 tỉ đồng, gồm phần trích từ ngân sách địa phương, sự đóng góp của nhân dân, các nhà doanh nghiệp và viện trợ quốc tế, chưa kể vốn lồng ghép từ 14 chương trình quốc gia khác có nội dung liên quan đến xóa đói giảm nghèo. Cả nước cũng đã có 532 quận huyện (chiếm 95% tổng số quận, huyện) và 9 196 xã (chiếm 91,6%) thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo. Kết quả là, tỷ lệ nghèo đói của ta đã giảm từ 28,8% năm 1992 xuống còn 22,87% năm 1994 và 20,3% năm 1995. Trung bình mỗi năm chúng ta giảm được 2%, một kết quả tương đối cao trên thế giới (bình quân các nước đang phát triển chỉ giảm được 0,5%/năm).

Thời gian qua, đã nổi lên những điển hình từ các địa phương, cơ sở tích cực, chủ động sáng tạo trong việc phát động và tổ chức phong trào xóa đói giảm nghèo, huy động sự tham gia của cả cộng đồng, khai thác tối đa năng lực tự thân của địa phương mình để tạo nguồn lực, thu hút vốn, chuyển giao công nghệ ... Nhiều tổ chức và đoàn thể quần chúng ở cơ sở đã có những chủ trương và biện pháp sáng tạo trong xóa đói giảm nghèo như đứng ra thành lập và quản lý các quỹ xóa đói giảm nghèo (trên cơ sở đóng góp tự nguyện của nhân dân), đứng ra làm tín chấp cho người nghèo vay vốn, phát động các phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, hỗ trợ người nghèo về vốn, giống, kinh nghiệm làm ăn ... Thành phố Hồ Chí Minh, địa phương đầu tiên trong cả nước thực hiện phong trào xóa đói giảm nghèo đến nay đã có trên 90% số hộ đói nghèo đủ ăn và quỹ xóa đói giảm nghèo đạt 44,381 tỉ đồng. Một số tỉnh, thành khác như : Hải phòng, Đồng nai, Trà vinh, Sông bé... cũng đạt được những thành tích tốt, về cơ bản không còn người đói và giảm được 15 - 20% số hộ nghèo.

Kết quả là đáng khích lệ, tuy nhiên tồn tại cũng không nhỏ. Đến hết năm 1995 tỷ lệ hộ nghèo đói ở nước ta vẫn còn trên 20%. Phần lớn những hộ này vẫn chưa có tiền để vượt qua nghèo đói. Vẫn còn nhiều lúng túng trong cơ chế và chính sách, cách làm. Việc kiểm tra, kiểm soát để bảo đảm hiệu quả của chương trình, việc cấp vốn, công nghệ đến tận tay người nghèo vẫn còn nhiều hạn chế. Cơ sở pháp lý cho công tác xóa đói giảm nghèo chưa được thiết lập đồng bộ ; vẫn còn thiếu nhiều văn bản pháp quy về quản lý nhà nước để tạo hành lang thuận lợi cho công tác quản lý trong lĩnh vực quan trọng này.

Digitized by Google

Năm năm qua, với tất cả những gì đã làm được và chưa làm được, với tất cả những thành tựu và thiếu sót, phong trào xóa đói giảm nghèo đã đưa lại một số bài học kinh nghiệm.

Trước hết, phải tạo chuyển biến về nhận thức từ trong đảng tới quần chúng, từ trung ương đến địa phương và cơ sở về tính đúng đắn và cấp bách, về tầm quan trọng và ý nghĩa kinh tế - xã hội của chủ trương xóa đói giảm nghèo. Từ chủ trương đúng, phải có giải pháp thích hợp, tạo nên phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân, trong các cấp các ngành, huy động mọi nguồn lực, xây dựng cơ chế chính sách đồng bộ cho công tác xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các bộ, ngành, các đoàn thể từ trung ương đến địa phương, trong đó chú ý phát huy trách nhiệm tham mưu cho Đảng và Nhà nước của ngành lao động - thương binh và xã hội, từ nghiên cứu, đề xuất, phối kết hợp với các ngành, các cấp, đến tư vấn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và hợp tác quốc tế.

III- ĐỂ ĐẤT NƯỚC KHÔNG CÒN NGƯỜI ĐÓI

Đại hội VIII của Đảng một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của công tác xóa đói giảm nghèo. Đại hội đã xác định chương trình "xóa đói giảm nghèo" là một trong mười một chương trình trọng điểm của kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2000 với mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo đói trong tổng số hộ của cả nước xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ một năm. Trong 2-3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xóa cơ bản nạn đói kinh niên.

Trên cơ sở các mục tiêu chung có tính quốc gia, các địa phương cần nắm vững thực trạng, tính toán khả năng, đề ra các mục tiêu sát hợp với địa phương mình. Hiện nay, hàng loạt tỉnh đặt mức phấn đấu giảm nghèo từ nay đến năm 2000. Có tỉnh (như Hà tây) đã đặt ra mục tiêu giải quyết đói nghèo sớm hơn cho các đối tượng chính sách và người có công. Cần phát huy tổng hợp các nguồn lực để xóa đói giảm nghèo : khai thác chính ngay khả năng tiềm tàng của con người, của xã hội hỗ trợ các đối tượng nghèo hòa nhập vào cộng đồng cùng phát triển, qua đó thúc đẩy sự phát triển của cả cộng đồng ; tạo vốn, tăng cường công tác đào tạo, chuyển giao công nghệ, bổ sung kiến thức và khả năng sản xuất cho người nghèo.

Việc thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo cũng cần có những ưu tiên xã hội cần thiết cho các vùng có khó khăn đặc biệt và đối tượng đặc biệt. Đó là các vùng căn cứ cách mạng, vùng kháng chiến cũ, vùng dân tộc ít người, biên giới, hải đảo, vùng nông thôn sâu và xa và các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng ...

Phong trào xóa đói giảm nghèo mấy năm qua, tuy đã có sự chỉ đạo từ trung ương nhưng về nguồn lực vẫn phải dựa vào sự chủ động của từng địa phương và sự trợ giúp quốc tế cùng sự lồng ghép với các chương trình quốc gia khác. Bởi vậy nguồn lực đã ít lại bị phân tán, chưa đủ để mang lại những hiệu quả mang tính cơ bản ; cần có một hệ giải pháp mang tính tổng thể trên phạm vi toàn quốc cùng sự chuyển biến mạnh mẽ của tất cả các cấp các ngành. Nếu không công tác xóa đói giảm nghèo sẽ tiến triển chậm chạp, sự phân hóa xã hội sẽ ngày càng lớn. Hiện nay Chính phủ đã giao cho Bộ lao động - thương binh và xã hội phối hợp cùng các ngành chức năng (Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ y tế) xây dựng *Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo* để trình Chính phủ quyết định. Tuy hiện nay chúng ta đã có 14 chương trình và dự án quốc gia có nội dung gắn với xóa đói giảm nghèo nhưng do tầm vóc, quy mô, tính đặc thù của đối tượng mà việc xây dựng một chương trình riêng cho xóa đói giảm nghèo với mục tiêu và đối tượng cụ thể, được thực hiện bằng các chính sách trực tiếp và gián tiếp là hết sức cần thiết. Tất nhiên một yêu cầu hết sức quan trọng trong việc thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo là lồng ghép với các chương trình và dự án có liên quan khác để thu hút nguồn lực, tạo hiệu quả tối đa.

Với nhiệm vụ và mục tiêu đã được xác định, hoạt động của *Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo* sẽ được tập trung vào mấy nội dung cơ bản :

1- *Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng* cho các xã còn thiếu, chủ yếu ở vùng cao, biên giới, hải

Digitized by Google

đảo, vùng sâu, vùng xa ... Đây là điều kiện tiên quyết cho xóa đói giảm nghèo ở các xã. Trước hết cần tập trung đầu tư cho 1309 xã yếu kém nhất với 6 loại công trình : đường ô tô, điện, trường cấp I, II, bệnh xá, chợ. Để thực hiện nhiệm vụ này cần huy động một nguồn vốn tối thiểu 4250 tỉ đồng ; cơ chế tạo vốn có thể là : nhà nước và hợp tác quốc tế : 50%, nhân dân đóng góp 25% (chủ yếu là công lao động) và vốn lồng ghép từ các chương trình quốc gia khác : 25%.

2- *Chính sách đất đai và tư liệu sản xuất* đối với các hộ đói nghèo. Đại đa số nông dân ta hiện nay đã được giao ruộng đất sử dụng lâu dài nhưng trên thực tế vẫn còn tới 5-6% (cá biệt có nơi đến 10-15%) số hộ nông dân, chủ yếu là ở đồng bằng sông Cửu long, vì nhiều lý do, không có đất sản xuất ; 61% số hộ nghèo thiếu hoặc không có công cụ sản xuất. Vì vậy cần có sự điều chỉnh ruộng đất theo hướng thu hồi những diện tích đã cấp không đúng đối tượng hoặc bị sử dụng sai mục đích, mở rộng quỹ đất bằng khai hoang, lấn biển, tăng vụ ... Trên cơ sở đó, bảo đảm cho các hộ nghèo có nhu cầu và có khả năng sản xuất được giao đủ đất đai sản xuất. Có chính sách mở rộng ngành nghề, hỗ trợ công cụ, tư liệu sản xuất.

3- *Chính sách cho người nghèo vay vốn.* Vốn là một nguồn lực rất quan trọng đối với nông dân nói chung và người nghèo nói riêng. Đầu tư bằng chính sách tín dụng cho người nghèo là phương pháp có hiệu quả nhất, hơn nữa, vốn trong dân dồi dào, nếu ta có chủ trương, cơ chế thích hợp sẽ huy động được nguồn vốn cho hộ nghèo vay sản xuất. Cần mở rộng các quỹ tín dụng cho hộ nông dân nghèo vay vốn sản xuất với lãi suất ưu đãi. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng cũng đã ghi rõ : "Thông qua Ngân hàng phục vụ người nghèo và các quỹ hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể, bảo đảm 90-95% số hộ nghèo được vay vốn sản xuất". Muốn thực hiện được điều đó, từ nay đến năm 2000 phải huy động được 5000 tỉ đồng.

4- *Chính sách đào tạo và chuyển giao công nghệ.* Bằng nhiều hình thức và biện pháp linh hoạt, tổ chức rộng rãi việc dạy nghề cho thanh thiếu niên trong độ tuổi lao động trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, quy trình mới về thâm canh cây, con, về khuyến nông - lâm - ngư ; kết hợp dạy nghề với chuyển giao công nghệ, phấn đấu đến năm 2000 bảo đảm cho 50% hộ đói nghèo được tiếp nhận kỹ thuật mới trong sản xuất.

5- *Chính sách về y tế và giáo dục.* Hiện nay nhà nước đã có chính sách giảm viện phí, cấp sổ bảo hiểm y tế cho người nghèo và các gia đình chính sách. Cần phát triển thêm các hình thức chữa bệnh nhân đạo cho người nghèo ; tiếp tục hoàn thiện các chính sách về học phí, học bổng, sách giáo khoa, giấy vở học tập ... cho con em các hộ nghèo (nhất là các em học giỏi).

6- Một yếu tố cực kỳ quan trọng để bảo đảm cho các dự án nêu trên được thực hiện thành công là *nguồn vốn.* Theo tính toán bước đầu, tổng nhu cầu vốn cho chương trình từ nay đến năm 2000 là 12 000 tỉ đồng, trong đó cao nhất là vốn cho người nghèo vay : 5000 tỉ và vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng : 4250 tỉ. Cơ chế tạo nguồn vốn chủ yếu vẫn là huy động trong dân cư, các tổ chức xã hội và cộng đồng. Có thể hình thành các nguồn vốn như sau : ngân sách nhà nước (25,8%), quỹ xóa đói giảm nghèo huy động trong dân và các tổ chức xã hội (16,7%), vốn huy động của Ngân hàng phục vụ người nghèo (41,7%), huy động lao động công ích (2,5%), lồng ghép với các chương trình khác (5%) và nguồn vốn từ hợp tác quốc tế (8,3%).

Ngoài những nội dung cơ bản nêu trên, cũng cần chú trọng một số giải pháp kinh tế - xã hội khác như : giảm miễn thuế nông nghiệp và dịch vụ hằng năm, giảm miễn đóng góp có thời hạn về các loại phí ở các địa phương, cơ sở cho các đối tượng nghèo đói ; bao tiêu sản phẩm, bán vật tư bằng giá ưu đãi ; thực hiện dân số, kế hoạch hóa gia đình, bài trừ tệ nạn xã hội, xây dựng gia đình văn hóa ở các vùng nông thôn v.v..

Điều cuối cùng mà tôi muốn nhấn mạnh ở đây là : phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị bao gồm : Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy và chính quyền các cấp và hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhằm thực hiện thành công *Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo* ❑

Digitized by Google

HỢP TÁC XÃ TÍN DỤNG Ở HÀ BẮC SAU HƠN MỘT NĂM PHÁT TRIỂN

TRỊNH HỮU THẮNG*

HỢP tác xã tín dụng hay Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) là mô hình tín dụng đã tồn tại và phát triển mạnh trong nền kinh tế thị trường ở nhiều nước trên thế giới. Đây là loại hình tín dụng hợp tác xã mà thành viên của nó vừa là chủ sở hữu vừa là khách hàng. Với nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, dân chủ, bình đẳng, hợp tác xã tín dụng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế tư nhân, kinh tế hộ ở nơi có kinh tế hàng hóa phát triển trên phạm vi một xã hoặc liên xã với mục đích tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng. QTDND ngày càng trở nên quan trọng hơn khi sản xuất hàng hóa phát triển thúc đẩy nhu cầu cấp thiết về vốn cho sản xuất kinh doanh dịch vụ và nhu cầu của hàng triệu hộ nông dân có những món tiền nhỏ cần gửi tiết kiệm sinh lời.

Từ những lợi thế của mình, QTDND sẽ phát huy khả năng huy động mọi nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trong mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức xã hội, mọi cá nhân để tập trung vốn cho phát triển sản xuất. Bằng những hình thức thích hợp QTDND sẽ làm cho nguồn vốn của nông dân trở nên sống động hơn, từ đó thúc đẩy kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn phát triển mạnh mẽ tạo đà cho đất nước cất cánh vào thế kỷ XXI.

Nhận thức đầy đủ vai trò và tầm quan trọng của QTDND, Chính phủ đã ra Quyết định 390/TTg ngày 27-7-1993, triển khai đề án thí điểm thành lập QTDND. Sau một năm thực hiện thí điểm xây dựng QTDND ở 14 tỉnh (trong đó có Hà bắc) giai đoạn I đã đạt được kết quả tương đối khả quan. Qua một năm làm thí điểm QTDND, tính đến ngày 30-6-1996, Ngân hàng nhà nước tỉnh Hà bắc đã cấp giấy phép cho 16 QTDND thuộc 9 huyện, thị xã, trong đó có 12 quỹ tín dụng đã đi vào hoạt động (4 quỹ tín dụng mới cấp giấy phép) và thu được một số kết quả đáng khích lệ :

- *Về nguồn vốn* : + Vốn điều lệ của quỹ tín dụng bao gồm cổ phần xác lập và cổ phần thường xuyên. Hiện nay cổ phần xác lập (cổ phần công nhận là thành viên của quỹ tín dụng) quy định 50 000 đ cho một cổ phần. Cổ phần thường xuyên có mệnh giá quy định tùy điều kiện kinh tế từng địa phương. Tổng số vốn điều lệ của 12 quỹ tín dụng đã đi vào hoạt động là 1 454 triệu đồng của 3 142 thành viên, trong đó cổ phần xác lập : 93 triệu đồng, cổ phần thường xuyên : 1 361 triệu đồng ; bình quân mỗi quỹ tín dụng đạt 121 triệu đồng.

+ Vốn huy động tiền gửi đến 31-5-1996 đạt 6 708 triệu đồng, gấp 5 lần vốn điều lệ. Bình quân mỗi quỹ tín dụng huy động được 560 triệu đồng.

+ Vốn vay : 9 trong số 12 quỹ tín dụng đợt đầu vay của quỹ tín dụng trung ương là 920 triệu đồng.

- *Sử dụng vốn* : 5 tháng đầu năm 1996, 12 QTDND đã cho 3 772 lượt thành viên vay vốn với doanh số 15 949 triệu đồng. Tổng dư nợ cho vay đạt 9 328 triệu đồng, bình quân 1 quỹ tín dụng có dư nợ 770 triệu đồng. Hiện tại không phát sinh nợ quá hạn.

- *Lãi suất cho vay* : Thực hiện đúng khung lãi suất do Ngân hàng nhà nước ban hành.

- *Kết quả kinh doanh* : Sau 5 tháng hoạt động của năm 1995, 7 quỹ tín dụng là : Tương giang, Đình bảng, Tân lãng, An hà, Tân hưng,

* Ngân hàng nhà nước tỉnh Hà bắc

Digitized by Google

Đại phúc, Tân dĩnh có chênh lệch thu - chi đạt 157 triệu đồng. Đơn vị có kết quả cao nhất là Tương giang lãi 70 triệu đồng. Kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 1996 của 12 quỹ tín dụng có chênh lệch thu - chi đạt 456 triệu đồng, trong đó quỹ tín dụng Đình bảng có lãi cao nhất là 138 triệu đồng, tiếp đến là Tương giang 81 triệu đồng. Việc phân phối lợi nhuận của các quỹ tín dụng đều được thông qua đại hội xã viên và theo đúng các quy định của Ngân hàng nhà nước.

Một số nhận xét về tình hình hoạt động của QTDND trên địa bàn Hà bắc

- Những kết quả bước đầu đạt được của các QTDND đã chứng tỏ tiềm năng huy động và cung ứng vốn tại chỗ là thực tế và có triển vọng.

Thứ nhất : mức tăng nguồn vốn bình quân của 12 QTDND từ 520 triệu đồng (năm 1995) lên 770 triệu đồng (đến ngày 31-5-1996). Qua việc cho vay hàng nghìn lượt thành viên, QTDND đã góp phần tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động, đồng thời đầu tư cho một số ngành nghề thủ công truyền thống phát triển.

Thứ hai : công tác quản lý tài chính của quỹ tín dụng đã được chú trọng. Qua theo dõi kiểm tra, Ngân hàng nhà nước đánh giá các quỹ tín dụng đã làm tốt công tác quản lý tài chính, việc chi tiêu khá chặt chẽ, tiết kiệm. Cho đến nay, việc chi lương, phụ cấp cho cán bộ điều hành, hội đồng quản trị hết sức hạn chế trên nguyên tắc có thu mới có chi. Công tác quyết toán năm 1995 của 8 quỹ tín dụng đã xác định không quỹ tín dụng nào bị lỗ. Việc phân phối lợi nhuận được thông qua đại hội xã viên bảo đảm đúng điều lệ quy định và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước. Đặc biệt các quỹ tín dụng rất tôn trọng mục đích tương hỗ, tương trợ giữa các thành viên trong quá trình hoạt động và phân phối lợi nhuận.

Thứ ba : từ kết quả hoạt động của 12 quỹ tín dụng đại diện cho các khu vực miền núi, trung du, đồng bằng của Hà bắc, bước đầu chứng tỏ chủ trương xây dựng QTDND là đúng, phù hợp với yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, phù hợp với tâm lý, nguyện vọng của nông dân, được cấp ủy đảng, chính quyền các đoàn thể xã hội đồng tình ủng hộ. So với hợp tác xã tín dụng cũ, QTDND cơ bản đã khắc phục được những nhược điểm và có chỗ đứng vững chắc trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn Hà bắc.

- Những vấn đề nảy sinh cần giải quyết để hoàn thiện và mở rộng hệ thống QTDND ở Hà bắc.

+ Vấn đề bố trí đào tạo cán bộ điều hành đã được chú ý ngay từ đầu, nhưng nhìn chung là khâu yếu, còn bất cập trước sự phát triển của QTDND.

+ Công tác quản lý, thanh tra, giám sát quỹ tín dụng đã được tăng cường hơn nhưng vẫn là một khó khăn lớn đối với chi nhánh ngân hàng nhà nước. Do địa bàn hoạt động rộng ở khắp 16 huyện, thị nhưng biên chế phòng quản lý tín dụng lại cố định nên công tác thanh tra, giám sát gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác công tác tự kiểm soát của các QTDND còn nhiều yếu kém.

+ Các QTDND mới ra đời, vốn điều lệ phổ biến ở mức trên dưới 100 triệu đồng. Nhưng một số nơi kinh tế hàng hóa phát triển, sức ép nhu cầu vay vốn lớn nên một số quỹ tín dụng đã "phá rào" cho vay vượt quy chế an toàn vốn.

+ Do chưa có quỹ tín dụng khu vực nên việc điều hòa vốn giữa các quỹ tín dụng trong hệ thống chưa thực hiện được, gây nhiều khó khăn trong hoạt động, tính liên kết còn lỏng lẻo.

+ Các QTDND trang thiết bị còn nghèo nàn vì không được bao cấp. Mọi chí phí mua sắm ban đầu đều trông vào vốn điều lệ của thành viên đóng góp. Nếu đầu tư lớn cho mua

Digitized by Google

sắm tài sản sẽ ảnh hưởng đến vốn kinh doanh và quyền lợi của thành viên.

+ Việc cho vay vốn của Quỹ tín dụng trung ương đối với quỹ tín dụng cơ sở theo cơ chế 1 : 1 (mức cho vay = vốn tự có) rất gò bó, nhiều khi vào thời vụ, nhu cầu cho vay của quỹ tín dụng cơ sở với thành viên lớn nhưng lại bị hạn chế, trong khi đó Quỹ tín dụng trung ương thừa vốn đi gửi các ngân hàng thương mại.

- Một số kiến nghị cụ thể :

Để hoàn thiện và mở rộng QTDND ở Hà bắc trong thời gian tới, theo chúng tôi cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau :

1 - Hiện nay vấn đề tạo ra mối liên kết giữa ba cấp trong hệ thống QTDND (quỹ tín dụng cơ sở - quỹ tín dụng khu vực - Quỹ tín dụng trung ương) đang gặp ách tắc. Việc điều hòa vốn giữa các quỹ tín dụng cơ sở gặp nhiều khó khăn ; các nghiệp vụ trợ giúp, tư vấn, cung cấp dịch vụ, kiểm tra kiểm soát, đào tạo, phát triển hệ thống... chưa làm được. Để khắc phục khâu này, chúng tôi kiến nghị ban chỉ đạo quỹ tín dụng trung ương cho thành lập chi nhánh các quỹ tín dụng khu vực theo cụm huyện, liên huyện tạo khoảng cách ngắn nhất giữa các quỹ tín dụng cơ sở trong công tác điều hòa vốn. Hệ thống quỹ tín dụng về thực chất là mô hình kinh tế hợp tác, do đó cần sớm vận dụng luật hợp tác xã, hình thành cơ quan liên minh các QTDND.

2 - Để khắc phục hiện tượng quỹ tín dụng vi phạm quy chế an toàn vốn, Ngân hàng trung ương cần quy định lại mức vốn điều lệ cho quỹ tín dụng hoạt động, nhất là ở những vùng kinh tế hàng hóa phát triển hoặc nơi có làng nghề thủ công. Quỹ tín dụng trung ương cần có những thay đổi mô hình tổ chức để việc điều hòa vốn linh hoạt hơn.

3 - Muốn khắc phục hiện tượng thiếu vốn của quỹ tín dụng cơ sở vào đầu vụ sản xuất, một mặt, giải quyết việc điều hòa vốn giữa các quỹ tín dụng, các vùng trong cả nước ; mặt khác Quỹ tín dụng trung ương cần điều chỉnh mức cho vay tối đa, ngoài mức cho vay bằng vốn tự có, có thể cho vay bổ sung (mức cho vay bổ sung bằng 50% tổng dư nợ lành mạnh) với điều kiện quỹ tín dụng cơ sở vay phải có thế chấp bảo đảm an toàn vốn.

4 - Khuyến khích QTDND phát triển phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương. Ở những nơi đủ điều kiện để QTDND ra đời, nhưng chưa có trụ sở làm việc đề nghị đảng ủy, ủy ban nhân dân địa phương có thể cho mượn dài hạn, hoặc cấp đất cho quỹ tín dụng xây dựng nơi làm việc ổn định lâu dài và ủng hộ một số chi phí ban đầu (để tuyên truyền vận động, khai trương hoạt động). Nơi nào đã có QTDND đề nghị đảng ủy, chính quyền, các hội, đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh...) nên gửi toàn bộ các quỹ vào QTDND để tạo nguồn vốn hoạt động cho quỹ tín dụng.

5 - Nhà nước nên có chính sách khuyến khích phát triển QTDND, trước hết là chính sách bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chủ chốt, cán bộ chuyên môn cơ sở để đáp ứng với tình hình nhiệm vụ ngày càng phát triển ; Chính sách miễn hoặc giảm thuế lợi tức (vì thu 45% sau khi quyết toán năm tài chính là quá cao) mà nên dành một phần thuế lợi tức đầu tư vào các quỹ như quỹ dự trữ chung, quỹ phát triển nghiệp vụ cho QTDND cơ sở.

Quỹ tín dụng nhân dân là mô hình tín dụng hợp tác xã mới được thí điểm, trên con đường phát triển của nó không tránh khỏi những vấp váp. Theo chúng tôi nếu thực hiện được một số kiến nghị trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho QTDND phát triển. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Chỉ thị số 68 CT/TU về kinh tế hợp tác, hợp tác xã tín dụng nếu được làm tốt, phát huy mọi khả năng của mình, sẽ là một nhân tố quan trọng, khai thác triệt để những tiềm năng còn ẩn chứa trong nông nghiệp, nông thôn cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ❑

Digitized by Google

"Anh Hai"

BÌNH GIANG

NÓI tới chuyện xài sang, ăn tiêu lãng phí, trước đây người ta thường nghĩ ngay tới các "anh hai" Nam bộ. Nhưng trong thời buổi kinh tế thi trường này, không ít những "anh hai xứ Bắc" đã bứt lên, rồi vượt xa kỷ lục của các "anh hai xứ Nam". Xin dẫn ra đây hai mẩu chuyện nhỏ.

- Vừa rồi, tôi được công đoàn cơ quan cho đi nghỉ mát bốn ngày ở một bãi biển miền Trung. Qua báo chí, tôi đã được biết ở cái mảnh đất lộng gió biển này có đủ các loại dịch vụ tươi mát. Mới chỉ nghe qua tên gọi của các dịch vụ đó đã gợi lên cho người ta cái cảm giác kỳ thú, hấp dẫn biết nhường nào. Và, hàm cấp của các dịch vụ đó cũng đủ loại : cấp bình dân có, cấp tỉnh có, cấp quốc gia có và có cả cấp quốc tế nữa. Miễn là chịu chơi, dám chơi và có nhiều tiền thì muốn thứ chi người ta cũng có thể đáp ứng trong chốc lát. Chính vì sự phong phú và hấp dẫn đó mà các "anh hai" trăm miền vào dịp hè thường đổ xô về đây nghỉ mát và hưởng lạc.

Bạn thân của tôi là công an ở cái thị xã sầm uất đó tâm sự rằng anh đã từng được nghe nói tới cung cách ăn chơi của các ông giám đốc doanh nghiệp như : tiêu một (mỗi ngày tiêu một tờ - 100 USD) ; ngủ hai (ngủ với gái) ; uống ba (uống bia lon 333) ; đi bốn (đi xe ô tô bốn bánh loại sang) ; hút năm (hút thuốc lá 555) v.v.. Nhưng, có một giám đốc doanh nghiệp nhà nước rất trẻ còn trên tài gấp chục lần các "sếp" đã được khái quát trong câu ca nói trên. "Sếp" trẻ này thuê phòng nghỉ sang nhất ở một khách sạn sang nhất. Mỗi ngày "sếp" tắm biển hai lần : sáng và chiều. Mỗi lần tắm như thế đều có một "nữ thư ký" trẻ, đẹp tắm cùng. (Ở cái thị xã này người ta gọi đó là dịch vụ "thư ký tắm biển" do các gái làng chơi cấp cao đảm nhiệm). Các bữa ăn : sáng, trưa, chiều, tối "sếp" đều gọi những món ăn và đồ uống đắt tiền nhất ; tất nhiên có cả các em xinh đẹp cùng ăn và phục vụ "sếp" khi cần. Buổi tối "sếp" gọi các dịch vụ mát-xa. Và, tất nhiên, việc đó cũng phải do các em thật xinh đẹp đảm nhận. Đêm ngủ, tất nhiên "sếp" không ngủ một mình mà "ngủ hai", điều đó thì quá rõ. "Sếp" còn nổi tiếng về sự hào phóng. Các em phục vụ "sếp" mà được "sếp" cưng thì cái chuyện "boa" mỗi lần một tờ xanh (100 USD) chẳng khó khăn gì. Theo nguồn tin khá chính xác thì chỉ trong ba ngày nghỉ ở cái bãi biển miền Trung này, "sếp" trẻ nêu trên - "anh hai xứ Bắc" chính hiệu - đã tiêu tốn 15 tờ xanh.

- Còn mẩu chuyện thứ hai tôi tạm đặt cho nó một cái tít là "Mừng vợ sếp được cắt Q". Chuyện xảy ra như thế này : Biết tin vợ "sếp" vừa được "cắt Q" và có quyết định chính thức giữ chức trưởng phòng của một cơ quan đầy quyền lực, thế là các đệ tử thân tín dưới quyền "sếp" bèn đánh một chiếc xe TOYOTA 12 chỗ ngồi đến nhà "sếp" để chia vui. Đã chia vui với "sếp" và vợ "sếp" chả lẽ lại không có gì. Đi như thế xem ra có vẻ "thiếu văn hóa" quá. Vì vậy đoàn đệ tử quyết định mua một lẵng hoa tặng vợ "sếp" và kèm theo là một chiếc phong bì nho nhỏ, xinh xinh (theo một đệ tử tiết lộ thì trong chiếc phong bì đó có 2 tờ 100 USD).

Thấy cơ quan chồng sống với nhau chân tình đến thế vợ "sếp" cảm động lắm. Sau ít phút chúc tụng nhau, vị chánh văn phòng nói với vợ "sếp" : Cơ quan em có cái "lệ" là bất cứ ai được đề bạt, lên lương, được đi nước ngoài, mua được xe máy mới, hay xây được nhà mới... đều phải làm một cái "lễ rửa". Chẳng hạn : "Lễ rửa xe máy", "lễ rửa nhà" ... Chị là vợ của "sếp" chúng em. Người đời có câu : "của vợ công chồng", chị được "cất

Digitized by Google

Q" và tiến bộ như thế cũng có phần công lao của anh. Vì thế tuy là con dâu nhưng chị cũng phải tuân theo luật lệ của cơ quan chồng. Đề nghị chị cũng phải làm một cái "lễ rửa" nhân việc chị được "cắt Q" (cả hội được một trận cười vui thoải mái).

Trước ý kiến đó "sếp" bèn đỡ lời vợ : Chẳng mấy khi có dịp vui như thế này, vì thế vợ chồng mình xin tuân theo luật của cơ quan làm cái "lễ rửa" nho nhỏ mời các bạn chia vui. Thế là họ kéo nhau lên xe tới một nhà hàng đặc sản vào loại sang trọng nhất thành phố. Tại đó, trong một phòng riêng có máy lạnh ở gác 2 đã diễn ra một bữa tiệc hết sức thịnh soạn gồm toàn những món ăn đặc sản và rượu ngoại, bia lon. Hoá ra bữa tiệc này đã được các đệ tử của "sếp" đặt nhà hàng từ trước.

Những kiểu chơi ngông, xài sang như trên nếu là tiền túi của họ thì đã không nên rồi. Đằng này phần lớn lại là "của chùa". Chàng giám đốc trẻ trong ba ngày tiêu tốn 1 500 USD cho những trò du hý có phải là tiền túi của anh ta hay không thì tôi chưa rõ. Còn số tiền mà đám đệ tử của vị "sếp" nọ bày đặt ra để mừng vợ "sếp" được "cắt Q" thì đích thực là "của chùa" 100%. Bởi vì, số tiền đó đã được ghi vào tiết chi : "Lãnh đạo cơ quan tiếp khách".

Không phải là trong thời buổi kinh tế thị trường này, mặt tích cực và tiêu cực, mặt phải và mặt trái, mặt trắng và mặt đen cứ lộn nhèo lên tất cả như một số người vẫn thường nghĩ. Song, vấn đề đặt ra là phải giữ vững kỷ cương, luật pháp, phải có cơ chế quản lý tài chính và quản lý cán bộ sao cho thật chặt chẽ, nếu không thì tiền nhà nước sẽ trở thành "của chùa", để cho một số kẻ lợi dụng đục khoét và đội ngũ cán bộ sẽ tha hóa biến chất trước sự mơn trớn vuốt ve của cơ chế thị trường ❑

TRUNG QUỐC ...

(Tiếp theo trang 58)

Hội nghị cũng nêu rõ : phải tích cực phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội chủ nghĩa, thỏa mãn yêu cầu về văn minh tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Sự nghiệp văn hóa phải kế thừa truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và văn hóa cách mạng, đồng thời tích cực tiếp thu thành quả tốt đẹp của nền văn hóa thế giới. Văn học nghệ thuật phải kiên trì phương hướng phục vụ nhân dân, phục vụ CNXH, quán triệt phương châm trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng, đa dạng hóa. Báo chí tuyên truyền phải kiên trì nguyên tắc của Đảng, phải thực sự cầu thị. Triết học, chủ nghĩa xã hội khoa học phải lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc làm chỉ đạo...

Hội nghị xác định : văn minh tinh thần là sự nghiệp mang tính quần chúng. Phải lấy việc nâng cao tố chất thị dân và trình độ văn minh thành phố làm mục tiêu triển khai hoạt động xây dựng thành phố văn minh, lấy việc nâng cao tố chất nông dân phấn đấu nâng lên khá giả và xây dựng nông thôn mới XHCN làm mục tiêu triển khai xây dựng làng xóm văn minh, lấy tinh thần phục nhân dân cống hiến cho xã hội làm mục tiêu xây dựng văn minh nghề nghiệp. Không bao giờ được hy sinh văn minh tinh thần để đổi lấy sự phát triển kinh tế nhất thời. Phải tăng cường đầu tư cho văn minh tinh thần khắc phục hiện tượng đầu tư ít cho tuyên truyền văn hóa. Để tạo nên sự hiệp đồng tốt, Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban chỉ đạo xây dựng văn minh tinh thần toàn quốc. Ở các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc sẽ thành lập các cơ cấu tương ứng.

Hội nghị đã kêu gọi toàn đảng, toàn dân đoàn kết chặt chẽ xung quanh Trung ương Đảng mà nòng cốt là đồng chí Giang Trạch Dân, giương cao ngọn cờ xây dựng CNXH mang đặc sắc Trung quốc, phấn đấu công tác tốt lấy thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 15 của Đảng ❑

Digitized by Google

SỰ HÌNH THÀNH CÁC TẬP ĐOÀN KINH DOANH Ở HÀN QUỐC - MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

TRẦN MAI CHI *

NĂM 1996, Hàn quốc bước vào năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm lần thứ 7 (1992 - 1996). Mục tiêu cao nhất của Hàn quốc trong kế hoạch này là phấn đấu trở thành thành viên thứ 26 của Tổ chức các nước công nghiệp phát triển (OECD) với giá trị tổng sản phẩm xã hội là 450 tỉ USD, đứng thứ 11 trên thế giới. Trong sự phát triển nhanh chóng và đầy ấn tượng của Hàn quốc có sự đóng góp to lớn của các tập đoàn kinh doanh, được coi là những con chim đầu đàn có nhiệm vụ khai phá những đường bay mới, tạo điều kiện cho đất nước này vươn lên chiếm lĩnh các lĩnh vực công nghệ cao và các thị trường đầy tiềm năng trên thế giới.

I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TẬP ĐOÀN KINH DOANH Ở HÀN QUỐC

Đặc điểm của nền kinh tế Hàn quốc là sự phát triển theo kiểu Nhật, với sự song hành của 2 loại doanh nghiệp : một bên là các tập đoàn kinh doanh lớn tầm cỡ quốc tế, một bên là số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong khi xác định ưu thế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khả năng thu hút nguồn lao động và sự năng động trong kinh doanh, ngay ở thời kỳ đầu công nghiệp hóa, Hàn quốc đã rất coi trọng việc đầu tư, hỗ trợ để hình thành nên các tập đoàn kinh doanh lớn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và trên thế giới - gọi là các chaebol. Sự hình thành nên các chaebol như vậy đã trở thành một chính sách quan trọng trong chiến lược công nghiệp hóa ở Hàn quốc. Chính phủ đã khuyến khích và tạo điều kiện mọi mặt để tăng dần số lượng các tập đoàn, củng cố và mở rộng cơ sở công nghiệp - tài chính của chúng. Nếu như năm 1953 ở Hàn quốc mới chỉ có 5 chaebol thì năm 1965 đã tăng lên 10, và năm 1975 là 20. Sự ra đời của các chaebol ở Hàn quốc còn diễn ra mạnh mẽ hơn vào thập kỷ 80. Năm 1985 Hàn quốc có 70 chaebol, năm 1990 : 100 chaebol. Những biện pháp cụ thể mà chính phủ Hàn quốc thực thi nhằm khuyến khích và hỗ trợ cho các tập đoàn kinh doanh bao gồm :

- Khuyến khích đầu tư lớn thông qua chính sách thuế và tín dụng cùng với sự hỗ trợ đắc lực trong việc đào tạo đội ngũ quản lý giỏi đủ khả năng bao quát, vạch chiến lược cho tập đoàn.

- Trực tiếp đứng ra thành lập các doanh nghiệp cỡ lớn, tiên phong khai phá những lĩnh vực mới đòi hỏi vốn lớn và thu hồi vốn chậm, những ngành nghề có công nghệ tiên tiến, đồng thời khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào những ngành này với những ưu đãi đặc biệt. Sự ra đời của công ty sắt thép Po-hang gọi tắt là POSCO là một ví dụ điển hình. Nó làm cho Hàn quốc từ một đất nước không có mỏ sắt và than trở thành nước sản xuất thép đứng thứ 2 thế giới với sản lượng 32 triệu tấn/năm.

- Thực hiện cơ chế thị trường và không ngừng hoàn thiện môi trường pháp lý cho các hoạt động của các tập đoàn kinh doanh và tạo

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

điều kiện cho sự phát triển tự do, lành mạnh của quá trình liên kết và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, đồng thời có sự phối hợp hoạt động giữa chính phủ và doanh nghiệp nhằm thực hiện các định hướng ưu tiên của nhà nước. Các hướng ưu tiên này được đặt ra trong kế hoạch (đến nay Hàn quốc đã có 7 kế hoạch 5 năm). Các hãng lớn ở Hàn quốc đều hoạch định kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn riêng của mình trên cơ sở chiến lược chung của toàn quốc. Kế hoạch chính là con đường để chính phủ hướng các tập đoàn đi vào quỹ đạo chung của chính sách kinh tế - xã hội của đất nước.

- Khuyến khích sự liên kết giữa các tập đoàn kinh doanh lớn với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hình thành mô hình kinh tế nhị nguyên. Mô hình này tỏ ra có hiệu quả để khắc phục các cuộc khủng hoảng, vì các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tác dụng như các đệm giảm xóc trong các thời kỳ sản xuất và tiêu thụ gặp khó khăn.

Những hãng lớn nhất của Hàn quốc đang có vị trí then chốt trong 9 ngành kinh tế chủ yếu của Hàn quốc, đóng góp tích cực cho công nghiệp hóa hướng ra xuất khẩu với độ tăng trưởng của xuất khẩu trong 30 năm tăng 1000 lần (từ 100 triệu USD lên 100 tỉ USD năm 1995). Khoảng 30 chaebol lớn nhất của Hàn quốc đã nắm giữ 10% GNP, 50% giá trị xuất khẩu và 25% giá trị nhập khẩu của nước này ; trong đó 7 chaebol lớn nhất chiếm 38% giá trị xuất khẩu. Các tập đoàn kinh doanh trở thành những chiếc cầu nối kinh tế Hàn quốc với kinh tế thế giới, góp phần củng cố và tăng cường vai trò, vị thế của Hàn quốc trong cuộc đại cạnh tranh toàn cầu hiện nay.

Sự phát triển của các tập đoàn kinh doanh ở Hàn quốc là một quá trình lâu dài và đến nay dù phương thức quản lý và kinh doanh của các tập đoàn có nhiều điểm khác biệt, song có thể nêu lên những đặc trưng như sau :

1. *Có qui mô lớn về vốn, doanh thu và lao động*

Công ty sắt thép POSCO có tổng tài sản là 640 triệu USD, 22 000 lao động, doanh thu bình quân hằng năm là 8,564 tỉ USD và lợi nhuận bình quân là 364 triệu USD. Hãng Sam Sung có doanh thu năm 1993 là 51,330 tỉ USD, số nhân viên mà nó thu nạp lên tới 200 000 người, khối lượng sản phẩm bán ra riêng trong năm 1994 là 6 tỉ USD.

2. *Là các tổ chức kinh tế có số lượng lớn các thành viên, hoạt động kinh doanh chuyên ngành hoặc đa ngành* (thường là đa ngành nhưng vẫn tập trung vào một số lĩnh vực then chốt nhất định). Sam Sung có 23 công ty thành viên, kinh doanh trong các lĩnh vực rất đa dạng. Trong đó điện tử là lĩnh vực có uy tín hơn cả. Năm 1996 hãng phấn đấu chiếm 15% thị trường hàng điện tử thế giới.

Sản phẩm của tập đoàn Hun-đai (Hyundai) cũng rất đa dạng, bao gồm từ cái kim, sợi chỉ đến tàu biển và công nghiệp vũ trụ. Tuy nhiên Hun-đai vẫn nổi tiếng hơn cả với tư cách hãng sản xuất ô tô hàng đầu của Hàn quốc và đang phấn đấu trở thành nhà sản xuất lớn thứ 2 thế giới về ổ đĩa cứng máy vi tính với doanh số bán ra hằng năm đạt 5 tỉ USD vào năm 2000. Cũng như vậy, nói đến Lắc-ki Gôn-sta (Lucky Gold Star) là nói đến các sản phẩm điện tử, nói đến Đai-u (Daewoo) là nói đến ngành đóng tàu đầy tiềm năng của Hàn quốc.

3. *Chiếm lĩnh các thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, khu vực và toàn cầu.*

Với sản lượng 21 triệu tấn thép/năm, Công ty POSCO là người cung cấp chủ yếu các mặt hàng thép chất lượng cao cho các ngành công nghiệp trong nước, đặc biệt là công nghiệp ô tô và đóng tàu. Việc áp dụng phương pháp sản xuất tiên tiến nhất hiện nay, phương pháp cô rếch đã làm cho sản phẩm của POSCO được đánh giá cao và nhận được những đơn đặt hàng khổng lồ cả ở trong nước lẫn nước ngoài.

Digitized by Google

Hun-đai với sức cạnh tranh đáng kinh ngạc cũng đã chiếm lĩnh hầu hết thị trường ô tô trong nước, đồng thời cung cấp số lượng lớn ô tô xuất khẩu của Hàn quốc. Hun-đai đang thực hiện tăng gấp rưỡi lượng ô tô của mình được tiêu thụ ở châu Âu với con số khổng lồ là 180 000 chiếc/năm vào cuối thập kỷ này.

Đai-u với hàng trăm xí nghiệp công ty thành viên là hãng nổi tiếng hơn cả với các sản phẩm đóng tàu và là đối thủ cạnh tranh đáng gờm của Nhật trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, sản xuất ô tô cũng là một lĩnh vực mà Đai-u có thế mạnh đặc biệt, đứng thứ 3 ở Hàn quốc. Từ năm 1996, tập đoàn dự kiến sẽ cung cấp cho thị trường châu Âu mỗi năm 100 000 xe.

4. *Có sự tập trung điều hành về nguồn vốn, đào tạo nhân lực, có chiến lược kinh doanh năng động với đội ngũ kỹ thuật tài ba.*

Có thể nói rất nhiều các tập đoàn kinh doanh ở Hàn quốc mang tính chất gia đình truyền thống và người đứng đầu tập đoàn thường được kế thừa kiểu cha truyền con nối. Tuy nhiên đây là những người quản lý tài ba, được đào tạo bài bản ở những trường đại học danh tiếng nhất trên thế giới. Việc này cũng hoàn toàn không cản trở tập đoàn thu hút nguồn vốn và chất xám từ bên ngoài và các công ty tài chính là người thực hiện sự quản lý và điều hành tập trung nguồn vốn đó của tập đoàn.

Ngoài ra các tập đoàn của Hàn quốc đều có các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ riêng của mình. Vấn đề con người cũng được chú ý đặc biệt. Khẩu hiệu của Đai-u : "Mọi tài nguyên đều có hạn chỉ có sức sáng tạo là vô hạn". Chủ trương của Sam Sung về quản lý chất lượng theo phương châm kết hợp cây gậy và củ cà rốt như một biện pháp điều chỉnh, nhưng sẽ chỉ dùng gậy một lần khi đã dùng cà rốt 9 lần. Phương châm này đang trở thành xu thế chung trong đổi mới quản lý sản xuất kinh doanh ở Hàn quốc.

II. VÀI SUY NGHĨ VỀ SỰ HÌNH THÀNH CÁC TẬP ĐOÀN KINH DOANH Ở VIỆT NAM

Kinh nghiệm của thế giới và các nước trong khu vực, đặc biệt là của Hàn quốc chỉ rõ rằng muốn phát triển kinh tế, muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần phải hình thành cho được các doanh nghiệp đủ mạnh.

Ở Sài gòn, giai đoạn trước 1975, đã có một số tập đoàn kinh doanh hoạt động như tập đoàn Lý Long Thân, tập đoàn Nguyễn Cao Thăng, tập đoàn Lâm Như Tòng, Châu Đạo Sanh và Vương Ngọc Anh. Song, sinh ra trong một nền kinh tế mang nặng tính thực dân, các tập đoàn này nhìn chung nhỏ bé và hoạt động trong một số lĩnh vực rất hạn chế.

Ở nước ta hiện nay, với bước chuyển sang nền kinh tế thị trường cũng đã bắt đầu hình thành những nhóm doanh nghiệp tổ chức kinh doanh dưới hình thức tổng công ty hay liên hiệp xí nghiệp. Tuy nhiên các tổ chức này tỏ ra chưa đủ mạnh, đặc biệt khi đặt chúng trong quan hệ với những tập đoàn lớn của nước ngoài.

Tất nhiên, trong điều kiện cơ sở hạ tầng còn thấp kém thì việc tổ chức sản xuất theo qui mô vừa và nhỏ là thích hợp hơn cả. Nhưng nếu xét toàn cục và chuẩn bị cho yêu cầu phát triển trong tương lai thì loại doanh nghiệp này quá nhỏ bé để tích tụ và tập trung vốn cho đổi mới công nghệ, lại tốn nhiều chi phí cho quản lý giao dịch và nắm bắt thông tin. Hình thành nên các tổ chức kinh doanh có qui mô lớn, trong đó các doanh nghiệp thành viên có quan hệ vốn và hiệp tác kinh doanh theo chế độ hạch toán nhiều cấp, đủ sức mạnh về vốn, công nghệ và thông tin trong cạnh tranh thị trường là một yêu cầu khách quan để phát triển kinh tế. Thế nhưng, trong điều kiện qui mô nền kinh tế còn nhỏ bé lại thiếu kinh nghiệm quản lý thì việc thí điểm thành lập một số tổng công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh doanh là một

Digitized by Google

bước đi hợp lý. Để đi đến hình thành các tập đoàn kinh doanh, theo kinh nghiệm của khu vực và xét điều kiện cụ thể của Việt nam, sơ bộ có thể nêu một vài điểm cần lưu ý :

1. Phải cân nhắc tính toán kỹ lưỡng trong lựa chọn mô hình và qui mô thích hợp cho tập đoàn để đạt tới hiệu quả kinh tế hay hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Số doanh nghiệp thành viên và vốn của tập đoàn không nhất thiết phải là 7 doanh nghiệp và 1000 tỉ đồng như đã qui định. Qui mô tối thiểu có hiệu quả là bao nhiêu, điều đó còn tùy thuộc vào trình độ quản lý và phương tiện kỹ thuật. Qui mô này ở các nước khác nhau, các ngành khác nhau, trong từng giai đoạn khác nhau đều khác nhau. Kết quả khảo sát một số nơi ở TP Hồ Chí Minh cho thấy trong ngành may, hiệu quả kinh tế tỷ lệ thuận với qui mô vốn của doanh nghiệp cho tới khoảng 3 tỉ đồng Việt nam và giảm dần ở những doanh nghiệp có quy mô trên 5 tỉ đồng. Như vậy sẽ là phi kinh tế nếu tăng qui mô vốn doanh nghiệp lên trên mức 5 tỉ. Hiện các tổng công ty của ta mới chỉ là sự tập hợp theo ngành dọc các đơn vị nhỏ hơn. Tuy nhiên để tổng công ty không chỉ là con số cộng đơn giản của các đơn vị, cần phải có cơ chế vận hành đủ tập trung theo một chiến lược thống nhất, đồng thời đủ tự do để các đơn vị có thể phát huy khả năng sáng tạo của mình.

2. Tập đoàn kinh doanh có thể hình thành từ các doanh nghiệp quốc doanh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp đa sở hữu, kể cả doanh nghiệp có liên doanh với nước ngoài. Nhà nước nhất thiết phải khống chế một số lĩnh vực then chốt với những tập đoàn sản xuất mạnh, đồng thời cũng nên tạo điều kiện để các tập đoàn kinh doanh được hình thành một cách tự do trong khuôn khổ pháp luật, để tạo động lực và sự năng động cho yêu cầu cạnh tranh và phát triển. Tuy nhiên cần phải chú ý đến số lượng cần thiết của tập đoàn kinh doanh sao cho nó phù hợp với qui mô và thế mạnh của nền kinh tế đất nước. Việc thành lập các tập đoàn một cách ồ ạt, không gắn với yêu cầu khách quan sẽ không đem lại hiệu quả mong muốn vì nhu cầu về vốn, công nghiệp và quản lý điều hành ở tầm tập đoàn sẽ không được đáp ứng. Trong thập kỷ đầu công nghiệp hóa Hàn quốc chỉ có 5 - 10 tập đoàn hoạt động.

3. Cần thiết phải xây dựng khung pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý nhà nước và việc phối hợp sản xuất kinh doanh giữa các tập đoàn, đồng thời ngăn chặn các hình thức tiêu cực, đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, làm khó khăn cho đời sống nhân dân.

4. Nhà nước cần có sự hỗ trợ về vốn, tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng được yêu cầu quản lý phức tạp của qui mô tập đoàn. Chú ý đầu tư hơn nữa cho việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước, nhất là của các nước trong khu vực để rút ra những bài học cần thiết cho sự hình thành tập đoàn kinh doanh ở Việt nam.

5. Chú ý đúng mức tới sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kết hợp các loại hình qui mô doanh nghiệp trong một cơ cấu hợp lý. Việc tập trung chú ý quá mức đến doanh nghiệp lớn mà bỏ rơi, coi thường vai trò các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ gây ra những hậu quả tai hại cho nền kinh tế. Kinh nghiệm của Hàn quốc cho thấy, tuy vai trò của các tập đoàn kinh doanh trong quá trình công nghiệp hóa và liên kết kinh tế thế giới là rất to lớn, song những năm gần đây, các chaebol của Hàn quốc bắt đầu có biểu hiện làm kìm hãm sự năng động của nền kinh tế.

Như vậy, để giúp cho nền kinh tế phát triển và hoạt động có hiệu quả cần phải chú ý phát triển cả hai cách : một bên là các tập đoàn kinh doanh và bên kia là số lượng hợp lý của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự kết hợp đúng đắn hai lực lượng kinh tế này sẽ là yếu tố quyết định giành thắng lợi trong cuộc đại cạnh tranh kinh tế hiện nay ❑

Digitized by Google

TRUNG QUỐC TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG VĂN MINH TINH THẦN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Hội nghị toàn thể lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa 14 của Đảng cộng sản Trung quốc đã họp tại Bắc kinh từ ngày 7 đến ngày 10 tháng 10 năm 1996. Chúng tôi xin giới thiệu một số nét của hội nghị này thông qua tổng hợp tin báo chí Trung quốc của Thông tấn xã Việt nam.

THAM dự Hội nghị toàn thể lần thứ 6, khóa 14 có 181 Ủy viên Trung ương Đảng, 124 Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, các Ủy viên Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương và các đồng chí phụ trách các bộ phận hữu quan. Hội nghị do Thường vụ Bộ chính trị chủ trì. Tổng bí thư Ủy ban Trung ương Đảng Giang Trạch Dân đã đọc một bài phát biểu quan trọng.

Hội nghị đã căn cứ vào yêu cầu thực hiện toàn diện kế hoạch 5 năm lần thứ 9 về phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu dài hạn đến năm 2010 để phân tích tình hình xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, tổng kết kinh nghiệm và đúc rút các bài học. Hội nghị lần này thảo luận sâu về vấn đề xây dựng đạo đức tư tưởng và văn hóa, xem xét và thông qua *"Nghị quyết của Trung ương Đảng về những vấn đề quan trọng tăng cường xây dựng văn minh tinh thần XHCN"*. Nghị quyết gồm 7 phần : 1) Tăng cường xây dựng văn minh tinh thần XHCN là một nhiệm vụ chiến lược to lớn ; 2) Tư tưởng chỉ đạo và mục tiêu phấn đấu của xây dựng văn minh tinh thần XHCN ; 3) Ra sức nâng cao tố chất đạo đức tư tưởng của toàn dân tộc ; 4) Tích cực phát triển sự nghiệp văn hóa XHCN ; 5) Triển khai sâu sắc và lâu dài các hoạt động xây dựng sáng tạo văn minh tinh thần quần chúng ; 6) Thiết thực tăng thêm đầu vào cho xây dựng văn minh tinh thần ; 7)Tăng cường và cải thiện sự lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng văn minh tinh thần.

Hội nghị cho rằng, 18 năm kể từ Hội nghị Trung ương 3 khóa 11 của Đảng, Trung quốc đã trải qua sự chuyển biến lịch sử to lớn và phát triển mạnh mẽ. Thành tựu mang tính lịch sử này của Trung quốc là do có đường lối tư tưởng thực sự cầu thị, giải phóng tư tưởng, sự nhận thức lại bản chất của chủ nghĩa xã hội, đồng thời phát huy được tinh thần tự lập dân tộc và sự sáng tạo của quần chúng. Tóm lại, Hội nghị đánh giá thành tựu Trung quốc đạt được trong thời gian qua không tách khỏi lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc của đồng chí Đặng Tiểu Bình và sự hình thành, phát triển đường lối cơ bản trong giai đoạn đầu chủ nghĩa xã hội của Đảng. Sau Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ 4, khóa 13, Trung ương Đảng do đồng chí Giang Trạch Dân làm Tổng bí thư đã giữ vững lý luận và đường lối cơ bản của Đảng, tăng cường xây dựng văn minh tinh thần trên nhiều mặt, nên đã có những bước tiến tích cực và hiệu quả rõ rệt, có tác dụng quan trọng thúc đẩy cải cách phát triển và ổn định. Đánh giá tình hình xây dựng văn minh tinh thần cần phải nhận thức đầy đủ được điểm chính này, đồng thời phải tỉnh táo nhận thấy rằng trong công tác lãnh đạo của một số địa phương và một số ngành, vấn đề coi nhẹ giáo dục tư tưởng, coi nhẹ văn minh tinh thần, "một tay tương đối cứng, một tay tương đối mềm" còn chưa được giải quyết. Vẫn tồn tại không ít vấn đề trong đời sống tinh thần xã hội, trong đó có vấn đề tương đối nghiêm trọng. Cần phải tăng cường hơn nữa nhận thức về tính cấp bách và tầm quan trọng đối với việc tăng cường xây dựng văn minh tinh thần cho toàn

Digitized by Google

đảng. Đồng thời với việc nắm chắc nhiệm vụ trung tâm là xây dựng kinh tế, làm tốt hơn nữa xây dựng văn minh vật chất, phải thiết thực đưa xây dựng văn minh tinh thần lên vị trí nổi bật hơn, mở ra cục diện mới cho việc xây dựng văn minh tinh thần trong tình hình mới.

Hội nghị nêu rõ, xã hội chủ nghĩa là xã hội phát triển toàn diện, tiến bộ. Sự nghiệp hiện đại hóa XHCN là sự nghiệp phát triển hài hòa văn minh vật chất và văn minh tinh thần. Công cuộc xây dựng văn minh tinh thần mà Trung quốc tiến hành là xây dựng văn minh tinh thần lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản và kiên trì cải cách mở cửa, là kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu đầy đủ tinh hoa của thời đại, đứng chân trên đất nước mình và hướng ra thế giới. Xây dựng văn minh tinh thần XHCN trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường XHCN và cải cách mở cửa là một nhiệm vụ lịch sử to lớn, gian khổ của Đảng cộng sản và nhân dân Trung quốc. Nó liên quan tới sự thịnh vượng, phát đạt của sự nghiệp XHCN.

Hội nghị chỉ rõ rằng : tư tưởng chỉ đạo xây dựng văn minh tinh thần XHCN là lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc của Đặng Tiểu Bình làm chỉ đạo, kiên trì đường lối cơ bản và phương châm cơ bản của Đảng, tăng cường xây dựng đạo đức tư tưởng phát triển văn hóa-giáo dục-khoa học, lấy lý luận khoa học vũ trang cho con người, dẫn dắt con người bằng dư luận đúng đắn, vun đắp xây dựng con người bằng tinh thần cao thượng, cổ vũ con người bằng tác phẩm ưu tú, giáo dục công dân XHCN có lý tưởng, đạo đức, có văn hóa và kỷ luật, nâng cao tố chất đạo đức tư tưởng và tố chất văn hóa-khoa học cho toàn dân tộc, đoàn kết và động viên nhân dân các dân tộc xây dựng Trung quốc thành nước XHCN hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh. Mục tiêu chủ yếu 15 năm tới là : xây dựng một cách vững chắc lý tưởng chung về xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc trong toàn dân tộc, kiên trì đường lối cơ bản của Đảng, nâng cao rõ rệt tố chất của công dân với nội dung chủ yếu là tu dưỡng đạo đức ; nâng cao rõ rệt chất lượng đời sống văn hóa theo những yêu cầu chủ yếu : tích cực lành mạnh, phong phú đa dạng, phục vụ nhân dân ; nâng cao rõ rệt trình độ văn minh của thành thị và nông thôn theo tiêu chuẩn chủ yếu là phong thái xã hội, trật tự công cộng, môi trường sinh hoạt. Hình thành cục diện tốt phát triển hài hòa xây dựng văn minh vật chất và văn minh tinh thần trong phạm vi toàn quốc.

Hội nghị nhấn mạnh : tư tưởng đạo đức tập trung thể hiện ở tính chất và phương hướng xây dựng văn minh tinh thần. Hiện nay chúng ta đang xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc, mục đích cuối cùng là thực hiện chủ nghĩa cộng sản, vì vậy phải nêu cao tư tưởng đạo đức XHCN và CSCN trong toàn xã hội. Đồng thời phải kết hợp giữa yêu cầu mang tính chất tiên tiến xã hội với yêu cầu mang tính chất rộng khắp ; phải cổ vũ và ủng hộ tất cả những tư tưởng đạo đức có lợi cho thống nhất đất nước, đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Tăng cường xây dựng tư tưởng là phải vũ trang cho toàn đảng và giáo dục cho toàn thể cán bộ, nhân dân bằng chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và đặc biệt là lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc của đồng chí Đặng Tiểu Bình ; xây dựng lý tưởng cao thượng và thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan đúng đắn. Phải triển khai một cách sâu rộng, lâu dài việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước, phát huy lòng tự tôn, tự tin, tự cường dân tộc. Phải triển khai sâu rộng việc giáo dục đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức gia đình mà hạt nhân là tinh thần vì nhân dân phục vụ, lấy chủ nghĩa tập thể làm nguyên tắc, lấy lòng yêu nước, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu CNXH làm yêu cầu cơ bản. Hình thành trên toàn xã hội mới một quan hệ giữa người với người mang tính đoàn kết tương trợ, bình đẳng hữu ái, cùng tiến lên. Phải tăng cường giáo dục đạo đức cho thanh, thiếu niên, giúp họ xây dựng lý tưởng cao đẹp. Tăng cường giáo dục pháp chế, hình thành ý thức xã hội ủng hộ cái thiện, phản đối cái ác.

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG • CƠ CHẾ MỆNH LỆNH • CƠ CHẾ HỖN HỢP

• **Cơ chế thị trường** là cơ chế trong đó các đơn vị kinh tế cá biệt được tự do tác động lẫn nhau trên thị trường xoay quanh ba vấn đề cơ bản : sản xuất ra cái gì, sản xuất cho ai và sản xuất như thế nào. Tùy theo trình độ phát triển mà trong một thị trường các giao dịch có thể tiến hành thông qua trao đổi bằng hiện vật hay trao đổi bằng tiền. Trong nền kinh tế trao đổi bằng hiện vật, các sản phẩm cụ thể được trao đổi với nhau. Việc tiền tệ ra đời làm vật trung gian cho sự trao đổi đã làm thuận lợi rất nhiều cho những cuộc giao dịch. Ngày nay trong nền kinh tế thị trường, người ta mua hoặc bán các sản phẩm và dịch vụ thông qua tiền tệ. Ngay bản thân tiền tệ đến lượt nó cũng có các nấc thang tiến hóa từ thấp đến cao (tiền vàng, tiền giấy, tiền điện tử...).

Trong cơ chế thị trường, giá cả hướng dẫn hành vi của người mua và người bán. Xã hội phân bố các nguồn lực thông qua hệ thống giá cả. Quá trình điều chỉnh giá cả sẽ khuyến khích xã hội phân bố lại các nguồn lực, và qua đó phản ánh được sự khan hiếm hay dồi dào của một loạt hàng hóa nào đó.

Thị trường mà nhà nước không can thiệp gọi là thị trường tự do, trong đó các cá nhân ra sức theo đuổi lợi ích của mình tùy theo khả năng cho phép, mà không có sự trợ giúp hoặc can thiệp của nhà nước.

• **Cơ chế mệnh lệnh** là cơ chế trong đó chính phủ đề ra mọi quyết định về sản xuất và tiêu thụ. Cơ quan kế hoạch của chính phủ quyết định sẽ sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và cho ai. Sau đó các hướng dẫn cụ thể sẽ được phổ biến tới các doanh nghiệp, gia đình và từng công dân.

Quá trình kế hoạch hóa như vậy là một nhiệm vụ rất phức tạp, đòi hỏi phải nắm bắt chi ly và chính xác từng nhu cầu, dù là rất nhỏ, của xã hội. Bởi vậy, phải có đủ các điều kiện như : trình độ nắm bắt các quy luật kinh tế khách quan, các cơ sở về vật chất kỹ thuật (thông tin, giao thông vận tải...). Việc xây dựng kế hoạch không chỉ xác định các thông số chính xác của từng loại sản phẩm, mà còn ấn định cả chi phí lao động xã hội cho từng loại sản phẩm, theo đó các sản phẩm này được cung cấp cho người tiêu dùng và đánh giá đóng góp của các thành viên vào từng lao động chung của xã hội.

• **Cơ chế hỗn hợp** là cơ chế trong đó khu vực nhà nước và khu vực tư nhân tương tác với nhau trong việc quyết định các vấn đề kinh tế. Cơ chế hỗn hợp ra đời xuất phát từ chỗ, thị trường tự do, bên cạnh mặt tích cực, cũng chứa đựng nhiều khuyết tật, làm cho nền kinh tế có lúc rơi vào tình trạng lãng phí ghê gớm bởi những cơn khủng hoảng chu kỳ, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo mạnh, do chạy theo lợi nhuận, cạnh tranh thôn tính lẫn nhau, mà việc sử dụng và phân bổ các nguồn lực nhiều lúc kém hiệu quả. Cơ chế hỗn hợp tuy vẫn dựa trên hệ thống giá cả về cách thức tổ chức nền kinh tế, song lại sử dụng nhiều biện pháp can thiệp của nhà nước để đối phó với những trục trặc trong các vấn đề vĩ mô nền kinh tế, với những khuyết tật vốn có của thị trường. Như vậy, cơ chế hỗn hợp là sự kết hợp giữa cơ chế thị trường và cơ chế mệnh lệnh (thông qua sự can thiệp, điều tiết của nhà nước). Sở dĩ làm được điều đó một cách hợp quy luật là vì trình độ nhận thức của con người, sự phát triển của các khoa học kinh tế - xã hội, cũng như phương tiện kỹ thuật, cho phép điều khiển được nền kinh tế theo chủ đích của mình, hạn chế đến mức tối đa tình trạng chủ quan duy ý chí.

Trong nền kinh tế hỗn hợp, chính phủ cũng là một chủ thể kinh tế, là người sản xuất các hàng hóa thông qua hệ thống các doanh nghiệp nhà nước. Ngày nay hầu hết các quốc gia đều lựa chọn cơ chế hỗn hợp để vận hành nền kinh tế, mức độ can thiệp của nhà nước ít hay nhiều là tùy theo điều kiện cụ thể để đạt được hiệu quả tăng trưởng và phát triển cao nhất. Giữa các mô hình kinh tế hỗn hợp cũng phân biệt rõ nét về chủ đích của các quốc gia phụ thuộc vào chế độ chính trị của chúng.

Đảng ta đã khẳng định việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái...

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Trong hai ngày 8-9 tháng 10, tại Hà nội, *Bộ lao động thương binh và xã hội* phối hợp với *Chương trình hợp tác Việt-Đức về xóa đói giảm nghèo* đã tổ chức hội nghị về **Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo**. Tham gia hội nghị có đông đảo các chuyên gia, các nhà khoa học và quản lý của các bộ, ngành có liên quan, một số địa phương trong cả nước và chuyên gia quốc tế. Đồng chí Nguyễn Thị Hằng , ủy viên trung ương Đảng, thứ trưởng thường trực Bộ lao động thương binh và xã hội, chủ trì hội nghị.

Đói nghèo hiện đang là một vấn đề nổi cộm, một thách thức gay gắt mang tính toàn cầu. Theo thống kê của Liên hợp quốc, trên thế giới hiện có 1,5 tỉ người, chủ yếu tập trung ở các nước châu Phi, châu Á và Mỹ la tinh đang phải sống trong nghèo đói. Ở nước ta, do hậu quả chiến tranh kéo dài, kinh tế kém phát triển, thu nhập bình quân đầu người quá thấp, thêm vào đó là sự phân tầng xã hội và tình trạng phát triển không đồng đều diễn ra nhanh chóng sau mấy năm đất nước bước vào cơ chế thị trường, vấn đề nghèo đói đang trở nên cấp bách và nhức nhối hơn bao giờ hết.

Nếu coi ngưỡng nghèo đói là thu nhập bình quân đầu người quy ra gạo dưới 25 kg/tháng đối với thành thị, 20 kg/tháng đối với nông thôn (đồng bằng, trung du) và 15 kg/tháng đối với nông thôn miền núi, thì ở nước ta hiện có 2 945 900 hộ đói nghèo, chiếm 20,3% tổng số hộ trong cả nước ; trong đó, 598 746 hộ đói kinh niên (chiếm 4,1%). Cả nước cũng còn 1 960 xã nghèo, không có hoặc rất thiếu các cơ sở hạ tầng : đường, điện, trường học, trạm y tế, chợ... Đói nghèo là nguồn gốc trực tiếp sinh ra tình trạng trẻ em mù chữ, thất học, lang thang, các loại tội phạm và tệ nạn xã hội... Đói nghèo đang là một trở ngại lớn của chúng ta trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi vậy, chống đói nghèo trở thành một nhiệm vụ quan trọng của toàn đảng, toàn dân. Tại đại hội VIII của Đảng, xóa đói giảm nghèo đã chính thức được đặt thành một trong 11 chương trình mục tiêu cho kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế-xã hội.

Trong tinh thần đó các đại biểu tham dự hội nghị đã tập trung trao đổi ý kiến, thảo luận trên hàng loạt vấn đề : các quan điểm cơ bản, phương pháp đánh giá, cách tiếp cận vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo, thực trạng và các đối tượng nghèo đói ở Việt nam ; những điều cần thiết để thực hiện chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo cùng các luận chứng kinh tế - kỹ thuật của nó. Hội nghị cũng đi sâu vào một số vấn đề cụ thể : sự tham gia của các đoàn thể, tổ chức quần chúng đối với chương trình xóa đói giảm nghèo, việc huy động nguồn lực và các cơ chế tạo vốn cho chương trình ; tín dụng ưu đãi, đất đai và tư liệu sản xuất cho hộ nghèo ; hỗ trợ xây dựng 6 công trình hạ tầng cơ sở cho xã nghèo ; chính sách y tế giáo dục cho người nghèo ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dạy nghề và chuyển giao công nghệ, hướng dẫn cách làm ăn, tạo thị trường tiêu thụ sản phẩm, lồng ghép với các chương trình quốc gia khác có nội dung liên quan đến xóa đói giảm nghèo, hợp tác quốc tế...

Với mục tiêu đến năm 2000 giảm số hộ nghèo trong cả nước xuống còn 10% và cơ bản không còn hộ đói như Đại hội VIII của Đảng đề ra, hội nghị này là một bước chuẩn bị quan trọng nhằm hoàn thiện **Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo** để trình Chính phủ xem xét trước khi đưa ra Quốc hội thảo luận và thông qua trong thời gian tới.

Võ Đăng Thiên *(lược thuật)*

ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ CỘNG SẢN THĂM LÀO

Nhận lời mời của Ban biên tập **Tạp chí A-lun-may**, cơ quan lý luận và thực tiễn của Đảng nhân dân cách mạng Lào, Đoàn đại biểu **Tạp chí Cộng sản**, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam do đồng chí Nguyễn Tiến Hải, Phó tổng biên tập, dẫn đầu, đã sang thăm và làm việc tại Lào từ ngày 8 đến 15-10-1996.

Đoàn đã có cuộc hội đàm với Ban biên tập **Tạp chí A-lun-may** do đồng chí Viêng-xay Sô-va-lít, Tổng biên tập, dẫn đầu. Hai bên đã thông báo cho nhau về kết quả Đại hội VI của Đảng nhân dân cách mạng Lào và Đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt nam ; trao đổi kinh nghiệm công tác và xây dựng tạp chí, nhất là việc quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết của Đại hội Đảng.

Đoàn còn đến thăm và làm việc với Thành ủy Viêng-chăn, Tỉnh ủy Viêng-chăn, Tỉnh ủy Luông-phạ-bang, Ban tuyên huấn Trung ương Đảng, Báo Pa-sa-xôn, Bảo tàng Cai-xỏn Phôm-vi-hản, một số doanh nghiệp, cơ sở văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Lào.

Chiều 14-10-1996, đồng chi Ô-sa-kăn Thăm-mạ-thô-va, Ủy viên Bộ chính trị Đảng nhân dân cách mạng Lào, thân mật tiếp Đoàn.

Trong thời gian ở thăm Lào, mọi hoạt động của Đoàn đều được các phương tiện thông tin đại chúng của Lào đưa tin kịp thời ; đi đến đâu Đoàn cũng được các đồng chí lãnh đạo các địa phương, các ngành, đón tiếp ân cần, chu đáo, thể hiện sâu sắc tình hữu nghị đặc biệt Lào - Việt.

ĐÍNH CHÍNH *Mục Tin vắn Tạp chí Cộng sản số 20 (10-1996) ở trang 60 dòng 28 (trên xuống) in sót tên tác giả HOÀNG VIỆT. Thành thật xin lỗi bạn đọc.*

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY NƯỚC GIẢI KHÁT

CHƯƠNG DƯƠNG

379 Bến Chương Dương,
Q1, Tp Hồ Chí Minh
ĐT : 8330518 - 8322347



Sản phẩm

- Soda water, cam, Chanh, Xá xị, Cream soda
- Siro cam, dâu, vải
- Rượu nhẹ có gaz hương camus
- Nút khoén lót PVC

Digitized by Google

Đem lại vui tươi cho mọi người

CÔNG TY CAO SU

DẦU TIẾNG

THỊ TRẤN DẦU TIẾNG, HUYỆN BẾN CÁT - TỈNH SÔNG BÉ
ĐIỆN THOẠI : (065) 861487 - FAX : (065) 861488



Văn phòng Công ty



Giám đốc Công ty ▶

NHIỆM VỤ CHỨC NĂNG

Hoạt động : Trồng - Khai thác - Chế biến và xuất khẩu cao su

Nhà máy :

- ❑ Nhà máy chế biến cao su Dầu Tiếng có công suất 14.000 tấn/năm với thiết bị Malaysia và quy trình công nghệ chế biến của Pháp.
- ❑ Nhà máy chế biến cao su Long Hòa có công suất 12.000 tấn/năm với thiết bị và quy trình công nghệ chế biến của Malaysia.
- ❑ Nhà máy chế biến cao su Bến Súc sẽ được xây dựng năm 1995 công suất 15.000 tấn/năm với thiết bị và quy trình công nghệ chế biến Malaysia.

Sản phẩm :

- ❑ Cao su khối : CSVL, CSV5L, CSV5, CSV10, CSV20
- ❑ Cao su độ nhớt ổn định : CSV, CV50 và CSV, CV60
- ❑ Cao su tờ : ICR1, ICR2, ICR3, ICR4
- ❑ Các sản phẩm trên với chất lượng cao đã có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước nhiều năm

Thị trường :

- ❑ Sản phẩm được xuất khẩu sang Tây Âu, Bắc Âu, Trung Quốc, Nam Triều Tiên, Nhật, Sigapore, Đài Loan, Nam Mỹ, Malaysia,...

Công ty mong muốn phục vụ cho quý khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao và sẵn lòng liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước để sản xuất những sản phẩm công nghệ và các mặt hàng tiêu dùng từ cao su.

Digitized by Google

CÔNG TY
THƯƠNG MẠI BÌNH TÂY

Địa chỉ : 94 - 96 Tháp Mười, Phường 2 - Quận 6 - TP. HCM

Điện thoại : 8554576 - 556083 ● | Fax : 84 - 5 - 556379



CÔNG TY
CHUYÊN DOANH CÁC MẶT HÀNG

■ *THU MUA CUNG ỨNG HÀNG NÔNG SẢN XUẤT KHẨU : CÀ PHÊ, ĐẬU PHỘNG, TIÊU ĐEN, HẠT ĐIỀU...*

■ *MUA BÁN LÀM ĐẠI LÝ CÁC MẶT HÀNG : BỘT NGỌT, SỮA HỘP, DẦU ĂN, THỰC PHẨM CÔNG NGHỆ, VẢI CÁC LOẠI, NHỰA - GIA DỤNG...*

HÂN HẠNH
ĐÓN TIẾP QUÍ KHÁCH

KHU DU LỊCH SUỐI TIÊN

Kính chào quý khách

VĂN PHÒNG :
149B đường Nguyễn Duy Dương - P.3, Q.10 TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8350420 Fax : 8350420
Tân Nhơn - Tân Phú, huyện Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh (cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh 19 Km, trên xa lộ Hà Nội).

◆ **CHƯƠNG TRÌNH BIỂU DIỄN** văn nghệ tổng hợp với nhiều ngôi sao ca nhạc của TP. Hồ Chí Minh và cả nước, phục vụ 2 buổi diễn : suất sáng, chiều tại sân khấu Ếch Thần - Suối Tiên. Múa rối nước phục vụ các em thiếu nhi.

◆ **THAM QUAN CÔNG TRÌNH** Thích Ca Phật Đài gồm tượng Thích Ca và cội Bồ Đề cao 18 mét trang nghiêm và uy nghi, tham quan Rồng dài 400 mét, Thủy cung ngầm dưới lòng đất, đảo Thiên (Thần Kim Quy dâng kiếm), đảo Long Hoa, hồ Nhật Nguyệt, rừng nguyên sinh, tháp nước Giếng Tiên, Nam Hải Phật đài, hang Tiền sử, vườn thú quý hiếm (với các loài thú mới lạ như Trĩ đuôi dài, Gà Trạng nguyên, Công xám v.v...) vườn thú bò sát, trại nuôi cá sấu, vườn cây ăn trái, du ngoạn bằng xe lửa vòng quanh Suối Tiên v.v...

◆ **CÁC TRÒ CHƠI** : Sân patin, Golfmini, xe đạp, xe đua thiếu nhi, nhà banh, ngựa quay, phi cơ đảo, xe đua tốc độ Inkidrat, cắm trại ngoài trời.

● Đặc biệt khai trương 2 trò chơi mới lạ, hấp dẫn ngoạn mục, an toàn, thử lòng dũng cảm của du khách.

- **XE ĐẠP TRÊN KHÔNG** - Độ cao 5 - 6 mét đi trên hồ sấu.
- **MÁY BAY BOEING** - nâng hạ bằng Benz thủy lực quay vòng trên độ cao 8 - 9 mét.



DU LỊCH SUỐI TIÊN ● DU LỊCH SUỐI TIÊN

Digitized by Google

CÔNG TY VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
VISSAN IMPORT EXPORT CORPORATION

ADD : 420 NO TRANG LONG ST, - BINH THANH DIST - HCM CITY
TEL : 8432370 - 8433905 - 8433655. FAX : 84.8. 4323372 - TELEX : 812699 VISSAN - VT.







- Kinh doanh thịt heo, trâu, bò, gia cầm và các sản phẩm chế biến từ thịt, thủy hải sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thức ăn gia súc.
- VISSAN mong muốn hợp tác, đầu tư, liên doanh với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước để sản xuất và xuất nhập khẩu thịt gia súc, gia cầm, thực phẩm chế biến, hải sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thức ăn gia súc, da bò thuộc và sản phẩm từ da.
- Sẵn sàng hợp tác, liên doanh từng phần hay toàn phần về việc kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước để sản xuất, xuất nhập khẩu các mặt hàng : thịt gia súc, thức ăn gia súc, thuốc thú y và điều kiện chăm sóc chuồng trại, tồn trữ và giết mổ gia súc, các sản phẩm về thịt chế biến, thực phẩm ăn nhanh và hệ thống phân phối thực phẩm.
- Trade in pork, buffalo, cow, poultry meats & by - products, sea foods, materials for animal feeds & animal feeds.
- Vissan is willing to co-operate, invest, joint-venture with all domestic & foreign individuals, units to produce, export-import lives tock, poultry meat, processed foodstuffs, sea products, materials for animal feeds, animal feeds, ox leather & leather products.

Digitized by Google

Tổng Công Ty Cao Su Việt Nam

CAO SU CHƯ PRÔNG



Head office :
Chu Prong District,
Gia Lai province.

Tel :
(059) 843189
823462 - 822971

CHUYÊN :

- **Chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su xuất khẩu.**
- **Khai hoang, trồng mới cây cao su.**

Công ty cao su Chư Prông
sẵn sàng liên doanh liên kết với các thành phần
kinh tế trong và ngoài nước về lĩnh vực phát triển
cây Cao su trên vùng Cao Nguyên.

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH





Digitized by Google

5/28

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG 4

Trụ sở : 79/5 Xô viết Nghệ tĩnh - Phường 26 - Quận Bình thạnh Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8993850 - 8990877

Fax : 84 - 8 - 8993851

Tên giao dịch Quốc tế : GENERAL CONSTRUCTION COMPANY N.4

Viết tắt : G.C.C.4



Thành lập theo Quyết định số 01-TTg ngày 04/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng công ty gồm : 16 Công ty - Xí nghiệp thành viên và 1 Trường đào tạo công nhân kĩ thuật

- Nhiệm vụ của Tổng công ty : Xây dựng các công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu ; x dựng công trình thủy công, công trình thủy điện ; xây dựng đường giao thông, bến cảng, công trình d dụng, công trình công nghiệp ; sản xuất, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu v tư, thiết bị phục vụ xây dựng ; thiết kế, chế tạo lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng và s chữa xe máy.

Được hoạt động trong và ngoài ngành về kiểm tra kĩ thuật chất lượng sản phẩm, công trình xây dự

Tổng công ty xây dựng 4 đã thi công các công trình thủy lợi, thủy điện lớn ở trong nước và n ngoài có chất lượng, kĩ thuật và mỹ thuật cao như : Thủy lợi Dầu tiếng (Tây ninh), Thủy điện Tr (Đồng nai), Thủy điện Thác mơ(Sôngbé), Thủy điện Vĩnh sơn (Quảng ngãi), Thủy điện Ô Chum (Ca pu-chia), Thủy lợi Đa tẻ (Lâm đồng), Sông Quao (Ninh thuận), AZun (Gia lai Kontum), Thạch nh (Quảng ngãi) và nhiều công trình ở Đồng bằng sông Cửu long đem lại hiệu quả kinh tế cao.





• *Máy cạp tự hành có dung tích 16 m^3 thi công công trình thủy lợi sông Quao (Bình thuận)*

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ .

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 22
MAIN

Tạp chí Cộng

The Library - UC Berkeley
Received on: 12-09-96
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam





22
11-1996

Digitized by Google

VIETNAM MOTORS

19-8-1991 — 19-8-1996

Lớn mạnh cùng nền công nghiệp xe hơi Việt Nam

Với chúng tôi, vinh dự lớn nhất là được cung cấp cho Khách Hàng các sản phẩm đa dạng nhất, chất lượng cao nhất cùng với các dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhất.

BMW mazda KIA

Trụ sở chính tại Hà Nội :
Km 9 đường Nguyễn Trãi, Q. Đống Đa. Tel 8543452 - 8543325 Fax : 8544682
Trung tâm bán - bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại Hà Nội :
198 B Tây Sơn, Q. Đống Đa. Tel : 8534121 - 8534122 Fax : 8534121
Trung tâm giới thiệu và bán xe BMW tại Hà Nội :
109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm. Tel : 8221168 - 8221180 Fax : 8221180
Chi nhánh - Trung tâm bán, bảo hành bảo dưỡng xe BMW tại t/p Hồ Chí Minh :
134 Nguyễn Biểu, Q. 5 Tel : 8362766 - 8362759 Fax : 8362768
Trung tâm bán và bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại t/p Hồ Chí Minh :
22 đường Cộng Hòa, Q. Tân Bình Tel : 8453304 - 8453305 Fax : 8453302

Và tất cả các đại lý của VMC trên toàn quốc


BMW 525


BMW 32


MAZDA E20



MAZDA 62



MAZDA 32


KIA PRIDE GT


MAZDA B220

NHÂN DỊP năm 5 THÀNH LẬP

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT


KIA CERES

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, Xí nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình - Vietnam Motors Corporation (VMC) sẽ áp dụng mức **giá khuyến mại đặc biệt cho kiểu xe MAZDA 323** do Liên doanh lắp ráp. **Với mỗi xe, Quý vị sẽ được giảm 30.000.000 đồng.** Chương trình kéo dài từ ngày 19-8-1996 đến ngày 31-10-1996. Kính mời Quý Khách Hàng đến tham quan các trung tâm và các đại lý của VMC trên toàn quốc. Tại đây chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị mọi thông tin chi tiết.

VIETNAM MOTORS - LIÊN DOANH SẢN XUẤT ÔTÔ HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 508

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	LÊ MINH HƯƠNG - Công an nhân dân với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	3
	NGUYỄN THẾ TRỊ - Quân khu III xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân	6
	NGÔ HỮU THẢO - Đổi mới chỉnh đốn đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới	10
	VŨ NGỌC HẢI - Đào tạo sau đại học - nguồn nhân lực chất lượng cao	15
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	THANH HỒNG - Xây dựng và củng cố quyền làm chủ về chính trị giữa các dân tộc ở nước ta hiện nay	19
	NGUYỄN VĂN NAM - NGUYỄN THƯỢNG HIỀN - Bảo vệ văn hóa truyền thống Tây nguyên	24
	NGUYỄN THANH BẠCH - Góp phần bàn về chiến lược bảo hộ nông phẩm ở nước ta	28
	ĐOÀN PHÚC THANH - Áp dụng mô hình hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HOÀNG VĂN HOA - Kinh tế xã hội ở tỉnh Hòa bình - tiềm năng và định hướng phát triển	35
	TRẦN ĐỨC - Về một vài nhân tố mới trong nông nghiệp và nông thôn	39
	BÙI NGỌC THANH - Để phụ nữ làm tốt công tác quản lý trong cơ chế mới	43
ĐIỀU TRA	NGUYỄN SINH CÚC - Phân hóa giàu nghèo ở các tỉnh miền Trung	47
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	NGUYỄN QUANG DU - Cán bộ đảng viên có tích cực học tập mới nâng cao được trình độ trí tuệ của Đảng	51
NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM CỦA CHA ÔNG	LÊ ĐÌNH SỸ - Thời Lê Sơ chỉnh đốn quan lại	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN VĂN LỘC - "Cái ghế"	56
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	HOÀNG XUÂN LONG - Bảo vệ môi trường - cuộc đấu tranh toàn cầu	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Dự án. Chu trình dự án	60

Bìa 1 : *Một số hình ảnh về hoạt động của giáo dục và đào tạo*
Ảnh : Trần Thanh Hà - Tuệ Minh

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ МИНЬ ХУОНГ - Народная милиция и дело индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ТХЕ ЧИ - Третья военная зона развертывает всенародную оборону. НГО ХЫУ ТХАО - Партийное обновление и упорядочивание на уровне требований новой эпохи. ВУ НГОК ХАЙ - Послевузовское образование : источник высшеквалифицированных кадров. ТХАНЬ ХОНГ - Укрепление политического права национальностей нашей страны. НГУЕН ВАН НАМ и НГУЕН ТХЫОНГ ХИЕН - Защита традиционных культур Тай Нгуена. НГУЕН ТХАНЬ БАТЬ - Некоторые мнения о стратегии защиты селькохозяйственных продуктов в нашей стране. ДОАН ФУК ТХАНЬ - Применение модели "управленческого совета" в государственных предприятях в нашей стране. ХОАН ВАН ХОН - Социально-экономические проблемы провинции Хоа Бинь - потенциал и пути развития. ЧАН ДЫК - О некоторых новых факторах в сельком хозяйстве и в деревне. БУЙ НГОК ТХАНЬ - За лучшее исполнение женщинами управленческой работы в новом маханизме. НГУЕН ШИН КУК - Диффренцияция богатых и бедных в провинциях средней части страны. ХОАНГ СУАН ЛОНГ - Зашита окружающей среды - глобальная борьба.

CONTENTS

LÊ MINH HƯƠNG - People›s police and the task of the country›s industrialization and modernization. NGUYỄN THẾ TRỊ - Military Zone III carrying out national defense deployment. NGÔ HỮU THẢO - Party renovation and reorganization for the sake of meeting new era›s demands. VŨ NGỌC HẢI - Post - graduate trainning - a source of high - qualification manpower. THANH HỒNG - Consolidating the political rights of nationalities in Vietnam. NGUYỄN VĂN NAM - NGUYỄN THƯỢNG HIỀN - Protection of traditional culture in Tay Nguyen. NGUYỄN THANH BẠCH - Some opinions on the strategy of agricultural product protection in our country. ĐOÀN PHÚC THANH - Application of the model of Management Board in State - owned enterprises in our country. HOÀNG VĂN HON - Socio - economic conditions of Hoa Binh province - potentials and development directions. TRẦN ĐỨC - About some new factors in agriculture and rural areas. BÙI NGỌC THANH - For a better implementation of the management work by women in the new mechanism. NGUYỄN SINH CÚC - Differentiation of the rich and the poor in provinces of Central Vietnam. HOÀNG XUÂN LONG - Environmental protection - a global struggle

SOMMAIRE

LÊ MINH HƯƠNG - La police populaire et l' œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. NGUYỄN THẾ TRỊ - La IIIe zone militaire et la mise sur pied d'un dispositif de défense de tout le peuple. NGÔ HỮU THẢO - Renouveler et réorganiser le Parti à la hauteur des demandes de la nouvelle étape. VŨ NGỌC HẢI - La formation post-universitaire - une ressource humaine de haute qualité. THANH HỒNG - Etablir et renforcer le droit de maitre dans le domaine politique entre les ethnies de notre pays d'aujourd'hui. NGUYỄN VĂN NAM, NGUYỄN THƯỢNG HIỀN - Protéger la culture traditionnelle du Tay Nguyen. NGUYỄN THANH BẠCH - Contributions à la discussion sur le protectionnisme en faveur des produits agricoles dans notre pays. ĐOÀN PHÚC THANH - Sur l'application du modèle Conseil d'administration dans les entreprises d'Etat dans notre pays. HOÀNG VĂN HON - La situation socio-économique du Hoa Binh - potentialités et orientation du développement. TRẦN ĐỨC - Sur quelques nouveaux facteurs dans l'agriculture et à la campagne. BÙI NGỌC THANH - Pour un meilleur travail de gestion des femmes dans le nouveau mécanisme. NGUYỄN SINH CÚC - La différenciation des riches et des pauvres dans les provinces du Centre. HOÀNG XUÂN LONG - La protection de l'environnement - une lutte de portée mondiale.

SUMARIO

LÊ MINH HƯƠNG - La policía popular con la obra de industrialzación y modernización del país. NGUYỄN THẾ TRỊ - El dispositivo de defensa nacional de todo el pueblo en la Interzona Militar III. NGÔ HỮU THẢO - Reorganización del Partido a la altura de la exigencia de la nueva etapa. VŨ NGỌC HẢI - Formación de posgraduados - un recurso humano de alta calidad. THANH HỒNG - Edificación y consolidación del derecho de dueño en lo político entre las nacionalidades en Vietnam en la actualidad. NGUYỄN VĂN NAM - NGUYỄN THƯỢNG HIỀN - Conservar la cultura tradicional de Tây Nguyên. NGUYỄN THANH BẠCH - Contribución de opiniones sobre la estrategia de protección de los productos agrícolas en Vietnam. ĐOÀN PHÚC THANH - Aplicación del modelo del Consejo de administración en las empresas estatales vietnamitas. HOÀNG VĂN HON - La socio-economía en Hoa Binh - potencialidades y orientación de desarrollo. TRẦN ĐỨC - Acerca de algunos nuevos factores en la agricultura y el campo. BÙI NGỌC THANH - Por un mejor trabajo de gestión realizado por las mujeres en el nuevo mecanismo. NGUYỄN SINH CÚC - Diferencialización de la riqueza y la pobreza en las provincias del Centro. HOÀNG XUÂN LONG - Protección del medio - una lucha global.

目錄：

•黎明鄉：人民公安與國家工業化、現代化事業•阮世治：第三軍區建立全民國防陣勢•吳友草：革新和整頓黨，使其與新時期的要求相適應•武玉海：高質量的人力資源取之于大學後的培訓•清紅：建立和鞏固我國目前各民族政治上的作主權•阮文南和阮尚賢：保護西原文化傳統•阮青白：論有關保護我國農產品的戰略•段福清：在我國國有企業中采用董事會的模式•黃文HON：和平省的經濟社會潛力和發展定向•陳德：農業和農村中的一些新的因素•裴玉青：使婦女在新機制中也能做好管理工作•阮生菊：中部各省的貧富分化•黃春龍：環境保護——一場全球的鬥爭

Digitized by Google

CÔNG AN NHÂN DÂN VỚI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

LÊ MINH HƯƠNG *

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa - nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ mới - đang đặt ra cho lực lượng Công an nhân dân những trọng trách to lớn, mới mẻ và phức tạp. Nhiệm vụ đó lại phải tiến hành trong quá trình kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc. Hơn lúc nào hết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng Công an nhân dân phải đem hết tâm trí và sức lực cùng toàn đảng, toàn dân "giữ vững sự ổn định chính trị, củng cố môi trường hòa bình, trực tiếp phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa ; đánh bại mọi âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" gây rối, gây mất ổn định, phá hoại của các thế lực thù địch.

Cuộc đấu tranh để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này không chỉ là cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh trong lĩnh vực công nghiệp hoặc bảo vệ an ninh kinh tế trong mấy năm trước mắt mà thực chất là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, đấu tranh giữa hai con đường trong tình hình mới. Đây cũng là cuộc đấu tranh của dân tộc ta bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lực lượng Công an nhân dân quán triệt *vấn đề có tính nguyên tắc là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa*. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cần được xem xét trong mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tương ứng, không để diễn ra tình trạng lực lượng sản xuất phát triển, thành lập được nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ, nhiều xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, khu công nghiệp kỹ thuật cao, trong khi vai trò làm chủ của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động lại bị hạ thấp, quan hệ sản xuất "tư bản chủ nghĩa", quan hệ chủ - thợ phát triển quá giới hạn, tình trạng người làm công, nhân dân lao động bị bóc lột vượt khỏi tầm tay kiểm soát, quản lý của nhà nước ta.

Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa còn được xem xét trên mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Lực lượng Công an nhân dân phải sắc nhạy vì kinh tế thị trường phát triển cũng đồng thời làm cho phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân, giữa thành thị với nông thôn, miền núi tăng lên làm nảy sinh những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân mà kẻ địch lợi dụng để kích động chia rẽ nhân dân với Đảng, chia rẽ khối liên minh công nông và trí thức, gây ra tình trạng mất ổn định an ninh xã hội.

Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa đặt trong bối cảnh Đảng và Nhà nước chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Lực lượng Công an nhân dân cần nắm vững chủ trương : kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo cùng với kinh

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ nội vụ

Digitized by Google

tế hợp tác trở thành nền tảng, tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Phải hết sức nhạy bén phát hiện ý đồ của một số lực lượng thù địch lợi dụng chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của ta để hỗ trợ, khuyến khích những khuynh hướng kinh tế không theo định hướng xã hội chủ nghĩa và tìm cách thao túng nền kinh tế của ta theo ý đồ chính trị của họ.

Để góp phần thực hiện được yêu cầu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với các ngành, các cấp hữu quan và theo chức năng được Đảng, Nhà nước giao phó, lực lượng Công an nhân dân cần làm tốt công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện các âm mưu và thủ đoạn chống phá ; đề xuất với Đảng và Nhà nước các biện pháp chấn chỉnh những biểu hiện có thể dẫn đến chệch hướng, bảo đảm cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như các chương trình lớn về kinh tế - xã hội được thực hiện một cách tốt đẹp. Kiên quyết chống tham nhũng, chống buôn lậu, nhất là hành vi buôn bán những mặt hàng làm cản trở đến sự phát triển của các ngành công nghiệp non trẻ mới phát triển hoặc tác động xấu đến nền kinh tế quốc dân.

Lực lượng Công an nhân dân phải góp phần phục vụ việc đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một mặt cung cấp những thông tin có được về khoa học - công nghệ, những thông tin cần thiết cho việc hoạch định chính sách, luật pháp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như cho việc gọi đầu tư, đàm phán ký kết các dự án kinh tế ; mặt khác, phát hiện, kiến nghị xử lý mọi hành vi cố ý làm sai các chủ trương, chính sách, kế hoạch kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Con người là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đội ngũ cán bộ ở các cấp, các ngành, ở mọi lĩnh vực và trên mọi địa bàn, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trước hết cần có nhận thức đúng và sau nữa là biết cách tổ chức thực tiễn có hiệu quả. Phải tăng cường công tác giáo dục trong nội bộ để chúng ta đủ sức "tự đề kháng", coi việc chủ động phòng ngừa và bảo đảm giữ vững bên trong là mặt chủ yếu và cơ bản.

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, đa phương về đối tác, đa dạng về hình thức để tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng và phát triển kinh tế là một nhiệm vụ quan trọng cả trước mắt và lâu dài.

Vấn đề có tính nguyên tắc trong suốt quá trình mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại là phải *bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền, an ninh quốc gia và chủ nghĩa xã hội.* Tuyệt đối không vì lợi ích cục bộ, địa phương mà vi phạm lợi ích quốc gia, dân tộc. Chiến lược phát triển kinh tế phải gắn với chiến lược an ninh quốc gia, phòng thủ đất nước. Các dự án hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết với nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực mũi nhọn, các khu công nghiệp phát triển cao phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản, đồng thời phải bảo đảm độc lập chủ quyền quốc gia và an ninh Tổ quốc ; thể hiện rõ nét quan điểm tiến hành công nghiệp hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược ; gắn bó chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với an ninh, quốc phòng.

Trên tầm vĩ mô, cần có định hướng phát triển theo từng vùng, từng lĩnh vực để lựa chọn đối tác phù hợp với chiến lược, sách lược mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, không để rơi vào thế lúng túng, bị động, bị chèn ép, phụ thuộc theo ý đồ của đối tác.

Cần tiếp tục cải tiến công tác xuất nhập cảnh và quản lý người nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác đầu tư, liên doanh với nước ngoài, lưu ý các công ty liên doanh với nước ngoài, các văn phòng đại diện thực hiện theo đúng quy chế. Phát động sâu rộng phong trào bảo vệ cơ quan, bảo vệ nội bộ, nâng cao ý thức cảnh giác, thực hiện tốt nội quy, quy chế giữ gìn bí mật quốc gia, bí mật kinh tế, bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế quan trọng, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan cảnh sát quốc

Digitized by Google

tế và khu vực (Interpol, Aseanapol), nâng cao chất lượng và hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng, lừa đảo quốc tế, tẩy, rửa đồng tiền ; phát hiện và kịp thời đấu tranh với mọi thủ đoạn lợi dụng các cơ sở liên doanh, văn phòng đại diện để hoạt động gián điệp ; lôi kéo, mua chuộc, cài cắm nội gián, hoặc tác động tư tưởng gây chia rẽ nội bộ, kích động tạo dựng các nhân tố chống đối chế độ.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra những yêu cầu to lớn, nặng nề trong việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh toàn diện đáp ứng được yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", gây rối, gây bạo loạn của các thế lực thù địch, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân về chính trị có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, quyết định bản chất cách mạng, bản chất giai cấp của Công an nhân dân, bảo đảm cho Công an nhân dân vững mạnh về chính trị, là lực lượng tin cậy của Đảng, là công cụ sắc bén của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, gắn bó máu thịt với nhân dân, toàn tâm toàn ý thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao cho.

Lực lượng Công an nhân dân cần thường xuyên nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống lành mạnh nhất là trong cơ chế thị trường ; thường xuyên kiên trì giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc bản chất giai cấp, nâng cao cảnh giác cách mạng ; kết hợp giáo dục truyền thống với đẩy mạnh phong trào thi đua học tập và làm theo 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân mà hiệu quả cuối cùng là hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

Yêu cầu phấn đấu nâng cao năng lực trí tuệ, năng lực lãnh đạo chỉ huy, năng lực hành động thực tiễn, nhất là nâng cao công tác vận động quần chúng, đổi mới tư duy và biện pháp nghiệp vụ, trình độ luật pháp, bao gồm luật về kinh tế, kinh tế đối ngoại... ; xây dựng tác phong công nghiệp, chính quy bảo đảm xây dựng lực lượng Công an nhân dân ngang tầm với sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ quan trọng của Công an nhân dân trong tình hình mới.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân về mặt chính trị và tổ chức nhằm bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, mọi mặt của Đảng đối với Công an nhân dân, tăng cường sự quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực an ninh, trật tự ; quán triệt Nghị quyết 08 của Trung ương về cải cách nền hành chính quốc gia ; nghiên cứu kiện toàn tổ chức bộ máy Công an nhân dân thành lực lượng vũ trang mạnh, tiến công sắc bén, đủ sức làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng và Nhà nước ; tổ chức hợp lý và khoa học trong việc chủ động nắm tình hình, điều tra, phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh trật tự.

Một vấn đề cấp bách là tiếp tục đổi mới công tác cán bộ phù hợp tiến trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với cải cách nền hành chính quốc gia và mở rộng giao lưu quốc tế. Cần tập trung bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân bảo đảm cho sĩ quan, hạ sĩ quan ở các lực lượng chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo một cách cơ bản, có hệ thống ; coi trọng việc đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn... trước hết đối với lãnh đạo công an các cấp những kiến thức về tình hình và nghiệp vụ trong tình hình mới để phục vụ có hiệu quả thiết thực đối với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, kiên quyết loại bỏ những cán bộ tha hóa, biến chất làm ảnh hưởng đến hiệu lực và uy tín lực lượng Công an nhân dân.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp hiệp đồng của Quân đội nhân dân, của các ngành, các cấp và sự tham gia giúp đỡ, giám sát của toàn dân.❑

Digitized by Google

QUÂN KHU III XÂY DỰNG THẾ TRẬN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

NGUYỄN THẾ TRỊ *

QUÂN khu III là địa bàn chiến lược quan trọng bao gồm 8 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng Bắc bộ, với diện tích 22702 km^2 và bờ biển dài trên 400 km, cùng hơn 3 000 hòn đảo lớn nhỏ và nhiều tuyến đường giao thông lớn nối với cả nước, nước ngoài. Đây là vùng đất sản xuất lương thực chủ yếu ở phía bắc và có nhiều trung tâm kinh tế - văn hóa quan trọng.

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, nơi đây đã từng diễn ra cuộc đọ sức quyết liệt giữa dân tộc ta với các thế lực xâm lược nước ngoài. Những trận đánh nổi tiếng như Bạch đằng, Hàm tử, Chương dương... đã minh chứng cho sức mạnh lòng yêu nước, thương nòi của người dân vùng đồng bằng sông Hồng - cái nôi tiêu biểu của văn hóa Việt nam, biểu hiện cho sức mạnh trường tồn của dân tộc.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, vùng đất Quân khu III đã đóng góp nhiều sức người, sức của, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc.

Mười năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, quân và dân Quân khu III cùng cả nước đã vượt qua nhiều thử thách gay go, phức tạp, phấn đấu giành được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh. Ở đây đã hình thành những khu vực kinh tế phát triển, năng động như Quảng ninh, Hải phòng. Trong quá trình giao lưu và hợp tác với nước ngoài cũng đã thu hút được sự đầu tư để hình thành những khu công nghiệp lớn mới. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện đường lối quân sự của Đảng, những năm qua lực lượng vũ trang Quân khu III đã cùng đảng bộ và nhân dân các địa phương xây dựng các tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội phát triển. Sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân từng bước được củng cố vững chắc ; kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với quốc phòng - an ninh và đối ngoại ; an ninh chính trị được giữ vững tạo thuận lợi cho sự phát triển tiếp theo ở khu vực này.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, để đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới, những vấn đề bức thiết đặt ra cho quân khu hiện nay là :

1 - Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân

Quân khu tập trung làm quán triệt sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang về tình hình nhiệm vụ cách mạng, công cuộc đổi mới đất nước, nhất là nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong giai đoạn hiện nay. Nhiệm vụ giáo dục quốc phòng những năm vừa qua đã được cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể đặc biệt quan tâm. Đã tiến hành tuyên truyền giáo dục cho thanh niên, học sinh trong các nhà trường về tinh thần cảnh giác cách mạng, lòng tự hào dân tộc, truyền thống của quân đội, các chính sách của Đảng, pháp

* PTS, Ủy viên trung ương Đảng, thiếu tướng Tư lệnh Quân khu III

Digitized by Google

luật của Nhà nước. Bước đầu, các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đã phối hợp chặt chẽ với báo chí trung ương tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, khơi dậy truyền thống yêu nước, đoàn kết xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Thực tiễn cho thấy rằng, công tác tuyên truyền phải đi đôi với những việc làm và chính sách xã hội phù hợp với cuộc sống. Một số chính sách và biện pháp về xóa đói giảm nghèo được áp dụng có hiệu quả đối với vùng sâu, vùng xa, vùng xung yếu như ở các tỉnh Hòa bình, Ninh bình, Quảng ninh ; chính sách đãi ngộ với những người có công ; Pháp lệnh phong tặng, truy tặng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt nam anh hùng" của Đảng, Nhà nước, đã góp phần tạo nên công bằng xã hội... Đây là những việc làm thiết thực, có sức thuyết phục đối với các tầng lớp xã hội.

Để đạt được hiệu quả cao, công tác giáo dục được gắn chặt với công tác vận động quần chúng. Chúng tôi coi xây dựng cơ sở chính trị - tư tưởng vững chắc cũng là một nhiệm vụ quan trọng nhằm xây dựng thế trận lòng dân, vừa là bài học kinh nghiệm, vừa là mục tiêu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn quân khu. Những năm qua, ở một số vùng xung yếu của tỉnh Ninh bình, Hòa bình, ban chỉ huy quân sự tỉnh đã cử nhiều đoàn cán bộ xuống kết hợp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương vận động giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, giúp địa phương củng cố, xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ; đồng thời qua đó giáo dục nhân dân về tăng cường nền quốc phòng toàn dân. Các đơn vị như đoàn B95, B50, N13, đơn vị N68 hằng năm tổ chức hành quân dã ngoại đến các vùng xung yếu, vùng có đông đồng bào Thiên chúa giáo để giúp đỡ nhân dân sản xuất, giúp địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông, bệnh xá, trường học, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kết hợp với địa phương giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Đó là cách làm tốt nhất để giáo dục cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và có hiệu quả nhất trong việc giáo dục nhân dân trên địa bàn. Đáng chú ý là các trường quân sự tỉnh Quảng ninh, Hòa bình đã tổ chức một số khóa đào tạo cán bộ cơ sở cho con em các dân tộc góp phần nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền, đoàn thể ở các vùng xung yếu. Ở một số đảo thuộc tuyến đảo Đông bắc điều kiện giao thông khó khăn, đời sống nhân dân không ổn định, dân trí thấp, bộ đội đã giúp đỡ các cháu học tập. Đến nay nhân dân ở vùng biên giới, hải đảo đã yên tâm xây dựng cuộc sống, góp phần tạo thế và lực xây dựng thế trận quốc phòng và thế trận an ninh nhân dân, giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia. Với phương châm này thành quả thu được rất đáng lạc quan.

Quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc hội nhập mở cửa, bên cạnh những thắng lợi chắc chắn sẽ đạt được, tất yếu sẽ phát sinh những vấn đề xã hội phức tạp. Một vấn đề đặt ra cần phải xem xét để có những phương cách ứng xử phù hợp, đó là : hiện nay vùng xung yếu đối với công tác quốc phòng an ninh được quan niệm không chỉ là vùng sâu, vùng xa mà cả những trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch mới phát triển. Ở khu vực này tình hình an ninh - trật tự đã diễn ra khá phức tạp cần được thường xuyên quan tâm và có biện pháp chủ động, cụ thể để phối hợp kịp thời với các lực lượng giải quyết có hiệu quả.

2 - Gắn kết nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân

Quân khu III đang tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh. Kết quả xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang ba thứ quân ở quân khu những năm qua đã khẳng định tính khoa học của những quan điểm về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới. Để hoàn thành những nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó trong những năm tới, lực lượng vũ trang quân khu tiếp tục được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh

Digitized by Google

nhuệ, từng bước hiện đại. Trong đó, việc nâng cao chất lượng chính trị được coi là nhiệm vụ hàng đầu. Muốn đạt được mục tiêu đó, trước hết cần đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, gắn xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ. Đổi mới cả nội dung và phương pháp giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Nhiệm vụ huấn luyện cho lực lượng vũ trang quân khu ngày càng có hiệu quả theo phương châm "cơ bản, thiết thực, vững chắc", phù hợp với thực tế, sở trường, cách đánh và trang thiết bị hiện có, hoàn chỉnh các phương án tác chiến trong khu vực phòng thủ. Chỉ đạo các ngành, các địa phương tổ chức diễn tập quốc phòng an ninh, điều chỉnh và bổ sung các phương án tác chiến.

Để tăng cường củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn, quân khu đã tiến hành xây dựng các công trình chiến đấu lâu bền như : các khu vực phòng thủ then chốt, hệ thống kho tàng, cơ sở hậu cần nhân dân, hậu cần địa phương... Đặc biệt, đã rà phá trên 5 vạn quả mìn và thu 18,5 vạn cây chông, giải phóng 996 ha đất, bảo đảm an toàn tuyệt đối, đưa được 300 hộ với hơn một ngàn khẩu ra định cư phát triển kinh tế, góp phần củng cố an ninh - quốc phòng ở những địa điểm trọng yếu.

Chúng tôi cũng chú ý công tác làm kế hoạch tác chiến và tổ chức hiệp đồng với các quân binh chủng, các ngành, các cấp, các địa phương. Kế hoạch bảo vệ đường dây 500 KV ; kế hoạch bảo vệ các công trình quốc phòng, hệ thống kho tàng, vũ khí, xăng dầu, các kế hoạch phòng chống bão lụt ; kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng ; kế hoạch hậu cần nhân dân, hậu cần địa phương... từng bước được hoàn thiện và triển khai đạt kết quả tốt.

Điều quan trọng để gắn nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân là nâng cao hơn nữa sức mạnh tổng hợp của ba thứ quân. Trên địa bàn Quân khu III tổ chức ba thứ quân được chấn chỉnh lại theo hướng giảm số lượng, tăng cường chất lượng, phù hợp với yêu cầu của thời bình và khả năng trang bị, cách đánh của ta, sẵn sàng đối phó thắng lợi với các tình huống. Đã ưu tiên quân số cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, thu gọn và giải thể một số cơ quan, đơn vị, nhất là khối kinh tế.

Chúng tôi đã nhanh chóng làm tốt việc tiếp nhận sư đoàn 327, thành lập ban chỉ huy quân sự 2 tỉnh mới chia tách (Ninh bình, Hòa bình), bàn giao các doanh nghiệp về Tổng công ty than Đông bắc thuộc Bộ quốc phòng, củng cố các đơn vị đặc nhiệm cơ động nhanh ở các tỉnh, thành, sư đoàn... Đến nay, các đơn vị cả chủ lực và địa phương đều được kiện toàn theo đúng biên chế của Bộ. Lực lượng dự bị động viên được tổ chức và quản lý theo phương thức hợp lý. Công tác động viên quân đội đi dần vào nền nếp. Công tác huấn luyện, nhất là huấn luyện cán bộ và nhân viên chuyên môn ngày một khá hơn. Đặc biệt kinh nghiệm huấn luyện theo phương thức "tròn khâu" của huyện Hải hậu (Nam hà) đã được tổng kết và đang được các địa phương vận dụng tốt. Lực lượng dân quân tự vệ được tiếp tục chấn chỉnh theo hướng giảm số lượng từ 3% (năm 1990) xuống 1,7% (năm 1995), thu gọn quy mô tổ chức cho phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội nhưng tập trung củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả, bảo đảm tin cậy về mặt chính trị. Công tác tuyển quân được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, chất lượng ngày càng được nâng cao, hằng năm bảo đảm 100% chỉ tiêu kế hoạch giao.

Đặc biệt Quân khu chú ý xây dựng củng cố các khu vực phòng thủ tỉnh, thành, huyện (quận, thị xã), xã, phường. Nền tảng của nền quốc phòng và thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được triển khai xây dựng đi dần vào chiều sâu. Các cuộc diễn tập gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng ở các địa phương được tiến hành một cách tích cực. Hai tỉnh mới chia tách (Ninh bình, Hòa bình) đã nhanh chóng hoàn thành diễn tập theo phương án phòng thủ ; Hải phòng, Nam hà đã tiến hành diễn tập theo phương án, đạt 63/90 quận huyện, thị xã (70%), 1 080 xã, phường (51,40%) và một số ban, ngành cấp tỉnh cũng đã hoàn thành diễn tập theo phương án kết hợp với phương án phòng thủ. Cuộc diễn tập của

Digitized by Google

quân khu và cuộc diễn tập của Hải phòng với quy mô lớn, nhiều lực lượng quân binh chủng tham gia đạt kết quả tốt, an toàn tuyệt đối, rút được nhiều kinh nghiệm, thiết thực trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện phương án phòng thủ thời kỳ đầu chiến tranh, kết hợp với bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, góp phần ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các tình huống phức tạp xảy ra trên các địa bàn trọng yếu của quân khu. Có thể nói, việc gắn kết hài hòa giữa nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân có hiệu quả trên địa bàn Quân khu III đã góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong nền kinh tế mở vừa qua ; góp phần làm ổn định chính trị - xã hội để phát triển kinh tế theo đường lối của Đảng.

3 - Tăng cường phòng chống âm mưu "diễn biến hòa bình"

Công cuộc phát triển kinh tế trên địa bàn quân khu thời kỳ mở cửa có thể nói là rất sôi động. Vấn đề đặt ra là phải làm sao ngăn chặn và đập tan âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ địch. Chúng tôi coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của mình. Các hội nghị quốc phòng từ quân khu đến các địa phương ; các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề về chống âm mưu "diễn biến hòa bình" ; về xây dựng lực lượng tự vệ ven biển, xây dựng lực lượng dân quân, lực lượng dự bị động viên ; xây dựng điểm tựa, cụm điểm tựa tuyến đảo ; cách đánh của sư đoàn bộ binh địa hình rừng núi, địa hình đồng bằng ven biển trong khu vực phòng thủ... có giá trị thực tiễn phong phú, góp phần nâng cao ý thức quốc phòng cho toàn đảng, toàn quân, toàn dân trong quân khu. Đến nay, tuy mức độ có khác nhau, nhưng tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ trì các ngành, các cấp, các địa phương đã nhận thức được rằng trong lĩnh vực quốc phòng an ninh, phòng chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng và phải được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với các tình huống khác. Ở các địa phương, cơ chế cấp ủy đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu được thực hiện có kết quả và dần đi vào nền nếp.

Từ lãnh đạo các cấp đến cán bộ chiến sĩ trong quân khu được quán triệt cụ thể về chống mọi thủ đoạn, âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Chúng tôi đã làm cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân hiểu rằng trong các cuộc chiến tranh, kẻ thù đã dùng tổng lực vật chất và mọi phương tiện chiến tranh cũng không thể đè bẹp được ý chí của dân tộc ta. Nhưng với vũ khí "diễn biến hòa bình", chúng hy vọng sẽ thâm nhập vào mọi mặt của đời sống xã hội, hòng phá hoại về tư tưởng - văn hóa, làm mất ổn định về an ninh - chính trị, tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Quá trình biến đổi về kinh tế - xã hội ở địa bàn Quân khu III vừa qua, cũng đã bộc lộ rõ một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng đã bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, tham nhũng, tôn sùng văn hóa phương tây, mà nguyên nhân là do sự thờ ơ của xã hội và do sự buông lỏng quản lý kinh tế, văn hóa của các cơ quan chức năng. Chúng tôi đã làm cho quân và dân trong địa bàn quân khu hiểu rõ để chống âm mưu "diễn biến hòa bình", trước hết là phải có những điều kiện và biện pháp hữu hiệu, đồng thời chống các nguy cơ tụt hậu về kinh tế, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ quan liêu tham nhũng. Cả bốn nguy cơ tồn tại đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, do đó chống "diễn biến hòa bình" cũng chính là chống các nguy cơ khác.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh, thành thuộc Quân khu III những năm cuối thế kỷ XX phải kế thừa và phát huy những nguồn lực bên trong kết hợp với bên ngoài, phải đối phó với những thách thức, nguy cơ tiềm ẩn. Kế thừa và phát huy những bài học kinh nghiệm trong lịch sử, với quyết tâm cao, chủ động, sáng tạo, quân và dân Quân khu III tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế - xã hội, tạo thế và lực, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đập tan mọi thủ đoạn, âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, chủ quyền quốc gia trong mọi tình huống.❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG NGANG TẦM ĐÒI HỎI CỦA THỜI KỲ MỚI

NGÔ HỮU THẢO *

CÁC nhà chính trị học khi nghiên cứu về đảng chính trị đều cho rằng, đảng là một nhân tố không thể thiếu của hệ thống quyền lực chính trị và là thiết chế tổ chức của chủ thể chính trị trong hoạt động nhằm đạt mục đích của mình. Ngày nay, một chính đảng được xem là hoàn thiện và tiến bộ, phải vừa là một thiết chế chính trị mang tính chỉnh thể hệ thống với đầy đủ các yếu tố cần thiết, vừa phải là một phân hệ của hệ thống lớn hơn - hệ thống xã hội và hoạt động nhằm thúc đẩy cho sự phát triển không ngừng của hệ thống xã hội.

Nhiệm vụ hàng đầu của đảng chính trị đối với đời sống xã hội là : tổ chức, lãnh đạo, chính quyền nhà nước ; tổ chức giai cấp và các lực lượng chính trị đấu tranh chính trị. Tính chất, hình thức của nhà nước trực tiếp phụ thuộc vào tính chất của đảng nắm và chi phối nó.

Vai trò của đảng cầm quyền trở nên đặc biệt rõ nét trong những giai đoạn thử thách, chuyển mình của quốc gia. Ở giai đoạn này, đảng nào vững vàng sẽ tồn tại ; đảng nào không đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của xã hội sẽ lâm vào khủng hoảng, dẫn đến mất quyền lực, thậm chí bị sụp đổ hoặc phân hóa.

Đối với các đảng chính trị, cuộc sống thực tiễn không chỉ là môi trường kiểm nghiệm tính đúng đắn của đường lối chính trị, mà còn là môi trường sát hạch khắt khe đối với khả năng, trình độ hoạt động của đảng.

Đảng cộng sản Việt nam trong suốt 66 năm đấu tranh và phát triển đã luôn khẳng định được vai trò lãnh đạo của mình. Có được vai trò ấy không phải do Đảng áp đặt ý muốn chủ quan của mình buộc nhân dân phải tuân theo mà chính là do nhân dân thừa nhận. Hiện nay, mặc dù tình hình thế giới vẫn đang có những biến động phức tạp, bất lợi cho chủ nghĩa xã hội, nhưng với đường lối đổi mới đúng đắn và với những thành tựu đã đạt được, một lần nữa vai trò, uy tín của Đảng ta và địa vị quốc tế của nước ta lại được nâng lên rõ rệt. Điều đó chứng tỏ sự vững vàng của Đảng ta trước mọi thử thách và cũng là sự khẳng định mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước, đối với xã hội.

Tuy nhiên, Đảng ta không bao giờ tự mãn mà luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Đó là hành động vượt lên chính bản thân mình. Hành động ấy là hoàn toàn phù hợp với truyền thống cách mạng của Đảng, phù hợp với xu hướng phát triển của lịch sử.

Xây dựng Đảng vững mạnh được Đảng ta coi là nhiệm vụ then chốt bảo đảm cho quá trình đổi mới đi đúng hướng và đạt thành tựu cao hơn. Điều ấy thể hiện thái độ đầy trách nhiệm của Đảng trước vận mệnh của đất nước. Thực tế cho thấy, chỉ khi nào nhân tố lãnh đạo chính trị của Đảng vươn lên kịp trình độ phát triển chung của thời đại thì mới có khả năng đưa đất nước phát triển tới đỉnh cao của văn minh.

Thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ của khoa học và công nghệ. Trong nền kinh tế sản xuất, hệ thống tự động hóa - kỹ thuật tin học đã thay thế hệ thống cơ khí - kỹ thuật, tạo ra sự nhảy vọt về năng suất lao động. Xét trên

* PTS Viện khoa học chính trị, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

một quá trình lâu dài thì biến đổi về công nghệ và kinh tế - kỹ thuật là động lực chủ yếu tạo ra sự biến đổi và phát triển xã hội. Thời đại đang đặt ra thời cơ và thách thức đối với mỗi quốc gia chậm phát triển và đang phát triển : hoặc sẽ vươn lên trở thành "con rồng", "con hổ", hoặc sẽ tiếp tục bị đẩy lùi, thậm chí bị xóa mình trong bức tranh của thế giới đương đại.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải được đặt trong bối cảnh chung, trong *tính phổ biến* đó mới thấy hết sự hệ trọng sống còn của vai trò chủ thể lãnh đạo chính trị - người cầm lái, người kiến trúc sư phát triển xã hội.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, ngoài việc nắm vững tính phổ biến, còn phải hiểu rõ tính *đặc thù* gắn với bản chất của Đảng, tức là gắn với việc phát triển, nâng cao hơn nữa tính cách mạng, tính khoa học và nghệ thuật lãnh đạo.

Thực tiễn cho thấy, tính cách mạng, tính khoa học và nghệ thuật lãnh đạo không phải là thuộc tính tự nhiên của bất kỳ một đảng chính trị nào, không phải là cái xuyên suốt, là người bạn đồng hành đến cùng, ngay cả đối với chính đảng của giai cấp công nhân, nếu như đảng đó không có khả năng tự hoàn thiện bản thân mình.

Xuất phát từ tính phổ biến và đặc thù nêu trên, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng ; đồng thời kế thừa những kết quả và kinh nghiệm sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa VII) về đổi mới chỉnh đốn Đảng, chúng ta cần tiếp tục chú trọng một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - Nội dung đổi mới và chỉnh đốn Đảng ở tất cả các cấp phải trên cơ sở xác định đầy đủ và chính xác thực trạng chất lượng của Đảng.

Chất lượng của Đảng là tổng hợp các thuộc tính căn bản vốn có của nó. Cho nên khi xem xét mặt chất lượng của Đảng, cần xác định rõ hệ thống các thuộc tính căn bản và các thuộc tính ấy phải là khách quan, hình thành từ bên trong Đảng chứ không phải là ý muốn chủ quan áp đặt từ bên ngoài. Cụ thể là xem xét các vấn đề :

- Sự ủng hộ của nhân dân lao động đối với Đảng ra sao ?

- Bộ máy của Đảng và đảng viên chấp hành hiến pháp và pháp luật như thế nào ?

- Chất lượng và số lượng đảng viên nắm giữ các chức vụ trọng yếu trong các cơ quan nhà nước ?

- Đường lối, nghị quyết của Đảng thâm nhập vào đời sống xã hội ?

- Với tính cách là một tổ chức chính trị độc lập, Đảng hoạt động ra sao ?

- Mô hình bộ máy của Đảng được thiết kế khoa học hay không ?

- Đoàn kết nội bộ của Đảng như thế nào ?

Để đánh giá đúng đắn các vấn đề nêu trên, cần có sự hỗ trợ tích cực của các ngành khoa học như : xã hội học, điều tra dư luận... Thực chất, đây là sự quán triệt phương pháp nhìn thẳng vào sự thật - một phương pháp mà Lê-nin đã từng nói, là "tốt nhất và duy nhất đúng đắn về chính trị". Bằng phương pháp này, Đảng có thể thấy rõ được bức tranh toàn cảnh về mình, từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm và tự điều chỉnh khi cần thiết.

2 - Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta. Trong điều kiện hiện nay, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng là phải :

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

- Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

- Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách,

Digitized by Google

thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân ; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

- Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Trong toàn bộ tiến trình cách mạng, lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc. Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, đồng thời đại biểu cho lợi ích toàn dân tộc. Sức mạnh của Đảng là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và điều này thể hiện sáng ngời ở tư tưởng Hồ Chí Minh.

3 - Bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng.

Hệ tư tưởng là cái quy định những nguyên tắc chủ đạo của đường lối, chiến lược ; quy định việc xây dựng về mặt tổ chức cũng như hoạt động thực tiễn của Đảng.

Sự đoàn kết, thống nhất tạo ra sức mạnh của Đảng, và điều đó chỉ có được trên cơ sở mọi đảng viên của Đảng phải có tri thức sâu sắc về hệ tư tưởng của đảng mình.

Trong vấn đề này, hiện nay Đảng ta cần giải quyết một số mâu thuẫn : *Thứ nhất* là mâu thuẫn giữa nhu cầu thống nhất về tư tưởng với thực tế của Đảng là một tổ chức tập hợp đa dạng các đảng viên. Sự đa dạng đó thể hiện ở nguồn gốc xã hội, mặt bằng học vấn, kinh nghiệm thực tiễn, dân tộc và phạm vi, tính chất hoạt động chính trị - xã hội - nghề nghiệp của đảng viên. *Thứ hai*, là mâu thuẫn giữa nhu cầu thống nhất về tư tưởng với hiện trạng còn khá đông đảng viên chưa có tri thức thỏa đáng về chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Kết quả điều tra đảng viên của một số đảng bộ tỉnh như Lai châu, Tuyên quang, Bình định, Kiên giang... trong mấy năm gần đây cho thấy chỉ có khoảng 40% số đảng viên được học lý luận chính trị chương trình từ sơ cấp đến cao cấp.

Để giải quyết các mâu thuẫn đó, cần ưu tiên tập trung vào các công việc :

- Mở rộng và tăng cường công tác giáo dục lý luận chính trị cho đảng viên với một chất lượng mới. Việc này phải trở thành cơ chế và chế độ cụ thể đối với từng loại đảng viên. Để làm được công việc này, hệ thống các trường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có nhiệm vụ rất to lớn, quan trọng. Vì thế, lúc này cần phải tăng cường số lượng và chất lượng các trường, lớp bồi dưỡng, đào tạo của Đảng và của Nhà nước.

- Nâng cao khả năng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh đổi mới ở nước ta hiện nay cho cán bộ đảng viên.

Ngày nay, trong tình hình chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, một số người đã và đang cố gắng bằng mọi cách hòng phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng họ sẽ không thể làm được điều đó. Đông đảo mọi người vẫn nhận thấy, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là đỉnh cao văn hóa nhân loại. Giắc-cơ Đờ-ri-đa (Jacques Drida), một triết gia hiện đại phương Tây, đã viết : cần phải trở về với Mác ; không có tương lai nếu không có Mác. Song, không vì thế mà bằng lòng, dẫn đến sự vận dụng nó một cách kinh viện, giáo điều và sáo rỗng. Về việc này, Lê-nin đã chỉ dẫn : không nên coi lý luận của Mác như một cái gì đã hoàn thiện không thể điều chỉnh, sửa đổi. Lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống.

Muốn vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trên một trình độ cao

Digitized by Google

đòi hỏi phải có sự hiểu biết sâu sắc về nó. Trong Đảng đòi hỏi ấy trước hết và trực tiếp là đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ lý luận ở cấp chiến lược.

4 - Củng cố, đổi mới Đảng về tổ chức ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta đã có sự chuyển biến căn bản. Và đấy là cơ sở khách quan quyết định toàn bộ việc củng cố, đổi mới tổ chức của Đảng. Mặt khác, không thể xem nhẹ việc "khoa học hóa" tổ chức để loại trừ tối đa căn bệnh chủ quan duy ý chí. Do đó, một loạt vấn đề đặt ra cần giải quyết ; trong đó, chú ý trước hết một số vấn đề :

- Trong thiết kế bộ máy, cần giảm bớt tính "hành chính", cồng kềnh, tăng cường những cán bộ giỏi cho các cơ quan nghiên cứu, hoạch định đường lối chính sách.

- Trong sinh hoạt cần khắc phục tính hình thức đơn điệu và lỏng lẻo ; hoàn thiện nhanh cơ chế dân chủ, nhằm phát huy tính tích cực của mọi đảng viên, đồng thời thực hiện nghiêm minh kỷ cương của Đảng. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành chỉ thị nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ, bè phái trong Đảng đều phải bị xử lý nghiêm minh.

- Trong công tác phát triển Đảng cần chấm dứt tình trạng chạy theo số lượng, không chú ý tới chất lượng.

- Đảng viên nắm các chức vụ đảng và nhà nước cần được xem là những người làm nghề đặc biệt - *nghề thực thi quyền lực của nhân dân.* Do đó, cần có một *cơ chế riêng* trong việc bồi dưỡng ; phát hiện nhân tài chính trị ; bổ nhiệm, sử dụng cũng như bãi miễn họ.

5 - Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ.

Tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ ; đặc biệt phải hết sức chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ nòng cốt đủ bản lĩnh về các mặt.

Đảng phải lo cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên hệ thống chính trị trong công tác cán bộ. Bảo đảm nguyên tắc tập thể dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đồng thời kết hợp tốt các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính phát triển trong đội ngũ cán bộ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn. Chăm lo tạo nguồn cán bộ trong phong trào thực tiễn và ngay từ trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề. Coi trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ. Đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ với một quy trình chặt chẽ ; đồng thời phải có chính sách sử dụng đúng đắn, chính sách tiền lương và đãi ngộ hợp lý đối với các loại cán bộ.

6 - Thường xuyên củng cố, hoàn thiện các nhân tố bảo đảm quyền lực của Đảng và sự ổn định chính trị của xã hội.

Việc củng cố và hoàn thiện điều kiện cơ sở khách quan và chủ quan để đảm bảo quyền lực của Đảng và sự ổn định chính trị của xã hội là mối quan tâm thường xuyên của chủ thể cầm quyền. Ở nước ta hiện nay, lực lượng căn bản đảm bảo cho việc củng cố và hoàn thiện cơ sở này là giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Sức mạnh vô địch của lực lượng này đã được thử thách và chứng minh qua nhiều thập kỷ của cách mạng nước ta. Nhưng sức mạnh đó không phải bao giờ cũng được phát huy nếu như không có nguồn tiếp sức. Vì vậy, vấn đề "bồi đắp sức dân" làm cho dân yêu, dân phục, dân tin chính là nền tảng lớn nhất và duy nhất cho sự hưng thịnh của chế độ chính trị do Đảng ta lãnh đạo. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô (cũ) và các nước Đông Âu đã cho ta một bài học về vấn đề này.

Digitized by Google

Vì thế, phải làm thế nào để nhân dân lao động cảm nhận một cách thực tế rằng, chỉ có đi theo chế độ chính trị do Đảng lãnh đạo, họ mới có tương lai, hạnh phúc. "Có dân là có tất cả" - chân lý giản đơn ấy ngày nay, hơn lúc nào hết, cần được nhắc lại với ý nghĩa đầy hệ trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo chính trị của đảng.

7 - Xây dựng Đảng gắn liền với bảo vệ Đảng.

Việc bảo vệ Đảng đòi hỏi phải đồng thời chống lại các thế lực chống đối từ bên ngoài và từ bên trong. Để chống lại Đảng ta, kẻ thù thường hướng mũi tấn công chủ yếu vào vai trò lãnh đạo của Đảng ; hạ thấp đi đến phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong Đảng, cần bảo vệ sự trong sạch của Đảng với việc khắc phục và hạn chế các nhân tố tự hủy xuất hiện trong Đảng như : vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ địa phương, đồng thời với việc bảo vệ quan điểm đường lối, bí mật nội bộ quốc gia. Hiện nay, tham nhũng là tệ nạn nghiêm trọng cần được kiên quyết khắc phục nếu không sẽ chuyển thành vấn đề chính trị. Bởi vì "Bằng cách lạm dụng quyền lực, bọn tham nhũng đang đục khoét tài sản quốc gia, cướp đoạt của nhân dân, làm mọt ruỗng bộ máy Đảng và Nhà nước, bôi nhọ thanh danh của Đảng, tiếp tay cho các thế lực thù địch phá hoại chế độ ta" (1).

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới của nước ta đi đến thắng lợi. Nhân dân lao động nước ta tự nguyện thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, song cũng luôn đòi hỏi Đảng phải tự nâng mình lên ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới. ❑

(1) Bài nói của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ 6 BCH TU Đảng (khóa VII), ngày 24 - 11 - 1993, *Tạp chí Cộng sản*, số 1 - 1994, tr 11

Thời Lê Sơ chỉnh đốn...

(Tiếp theo trang 55)

2- Ở các nha môn trong và ngoài những ai mỏi mệt, già nua, hèn kém, cùng kẻ đê tiện, bất tài, không đảm đương nổi việc thì hoặc đổi đi chỗ ít việc hoặc bắt nghỉ việc. Chọn người từng có công đánh dẹp, người có khí độ, có kiến thức khoa bảng và làm được việc để bổ dùng.

3- Việc lựa thải, tuyển chọn phải công minh, vì công việc chứ không vì yêu ghét, bè đảng riêng tư mà xếp đặt. Ai làm trái thì Ngự sử đài và Hiến ti kiểm tra xét tội (11).

Sau những đợt khảo khóa, sát hạch, những quan viên giỏi mà thanh liêm, cần mẫn thì được thăng hàm nâng bậc ; có người mãn hạn vẫn được lưu dùng để khích lệ. Những kẻ lười biếng, tham nhũng, bất tài, xu nịnh thì bãi chức đuổi về ; lỗi nặng thì suốt đời không được bổ dụng nữa. Sử gia Phan Huy Chú đánh giá biện pháp đó như sau : Muốn cho dân yên thì không gì bằng chỉnh đốn quan lại, mà cách chỉnh đốn quan lại thì ắt phải khảo khóa công việc, xét rõ thượng hạ, làm mực cho thăng giáng, mới phân biệt được người có liêm sỉ ; chính trị vì thế mới được vẹn toàn. Điểm quan trọng của các bậc đế vương muốn làm nên cuộc thịnh trị đều không vượt qua lối ấy.

Hệ thống quan lại cùng với bộ máy chính quyền các cấp thời bấy giờ luôn được chỉnh đốn, cải tổ để phù hợp với xu thế phát triển xã hội. Triều đình đứng đầu là vua quản lý nhà nước thông qua pháp luật và hệ thống quan lại của mình. Nước ta thời Lê Sơ là giai đoạn phát triển thịnh trị của chế độ phong kiến. Kết quả đó một phần do chính quyền Lê Sơ xây dựng được một hệ thống quan chế tiến bộ và hợp lý.❑

(11) Xem *Đại việt sử ký toàn thư*: *Sđd*, t 3, tr 262 - 263

Digitized by Google

ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC - NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

VŨ NGỌC HẢI *

NGAY từ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), Đảng và Chính phủ ta đã quan tâm tới việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao cho đất nước bằng cách cử một số cán bộ sang học tập và nghiên cứu ở các nước bạn : Liên xô (cũ), Trung quốc. Dù số lượng còn ít ỏi do hoàn cảnh chiến tranh, nhưng việc làm đó cũng đã là những cố gắng lớn hướng tới tương lai của nền khoa học và giáo dục nước nhà.

Sau ngày hòa bình lập lại (1954), cùng với việc mở rộng quan hệ với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa lúc đó, công tác đào tạo cán bộ có trình độ sau đại học (SĐH) của ta cũng phát triển khá nhanh cả về quy mô và chất lượng nhờ vào sự giúp đỡ của các nước anh em. Trong những năm 60 và đặc biệt là giai đoạn 1970 - 1990 trung bình mỗi năm chúng ta cử từ 3 000 đến 5 000 học sinh, cán bộ sang học tập, nghiên cứu ở các nước Đông Âu và Liên xô (cũ), trong đó có hàng trăm thực tập sinh và nghiên cứu sinh (NCS). Trong giai đoạn này công tác đào tạo SĐH chủ yếu vẫn dựa vào việc cử cán bộ sang học tập, nghiên cứu ở nước ngoài. Đến nay, trong số hơn 10 000 người có trình độ SĐH, thì có đến gần 7 000 được đào tạo ở Đông Âu, Liên xô (cũ) và các nước khác.

Từ sau năm 1990, do những biến động chính trị ở Đông Âu và Liên xô (cũ), các nguồn viện trợ từ các nước này cho Việt nam, trong đó có viện trợ cho giáo dục và đào tạo, bị giảm hẳn. Từ đó đến nay, chúng ta đã có nhiều cố gắng tìm kiếm các nguồn viện trợ về đào tạo từ các nước khác như Ôt-xtrây-lia, Pháp, Nhật, Hà lan, Ấn độ, Đức và giữ quan hệ đã có với Nga và các nước Đông Âu để tiếp tục cử cán bộ và sinh viên ta sang học tập, nghiên cứu. Hằng năm, đã có trên 300 cán bộ nhận được học bổng để ra nước ngoài nghiên cứu theo nhiều chương trình khác nhau. Ngoài các mối quan hệ chính thức trên đây còn có chương trình hợp tác trực tiếp về đào tạo giữa các ngành, các cơ quan nghiên cứu Việt nam với các đối tác nước ngoài và đối tượng đi học tự túc.

Tuy nhiên, so với trước đây và so với yêu cầu về nhân lực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH - HĐH) đất nước, khi mà giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ đã được coi là quốc sách hàng đầu thì nguồn đào tạo cán bộ SĐH từ hợp tác quốc tế quả là còn quá ít ỏi. Hy vọng trong thời gian tới, quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng, nguồn viện trợ học bổng tăng lên, đồng thời nhà nước cũng có kế hoạch chủ động đầu tư ngân sách để cấp học bổng cho cán bộ ra đào tạo nước ngoài, nhưng chúng ta không thể coi đây là chỗ dựa chính. Phương hướng cơ bản vẫn phải là : dựa vào sức mình, khẩn trương xây dựng ngành đào tạo SĐH của ta trở thành nguồn cung cấp chủ yếu đội ngũ cán bộ, trí thức có chất lượng cao cho đất nước.

Ý thức được điều này, ngay từ năm 1976, khi đất nước vừa hòa bình, thống nhất, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 224/TTG cho phép đào tạo nghiên cứu sinh trong nước. Quyết định nêu rõ : "Trước tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng trong cả nước, với hệ thống hiện có của các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học và đội ngũ cán bộ khoa học gồm hàng nghìn người tốt nghiệp tiến sĩ, phó tiến sĩ có phẩm chất chính trị tốt và trình độ chuyên môn vững vàng, chúng ta có điều kiện để tổ chức việc đào tạo trên đại học ở trong nước". Có thể coi đó là quyết định đã khai sinh ra ngành đào tạo SĐH của chúng ta. Tính đến nay, đào tạo SĐH với tư cách là bậc học cao nhất của hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta đã ra đời được tròn 20 năm. Chặng đường 20 năm qua của đào tạo SĐH có thể

* GS, TS, Thứ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo

Digitized by Google

chia làm 2 giai đoạn : Giai đoạn thứ nhất : từ 1976 đến 1990, chúng ta bắt đầu đào tạo NCS (phó tiến sĩ) trong nước. Đây cũng là giai đoạn đỉnh cao của việc gửi cán bộ, sinh viên đi đào tạo ở Liên xô và Đông Âu nên số lượng đào tạo NCS trong nước chưa nhiều, quy mô còn hạn chế. Giai đoạn thứ hai : từ 1991 đến nay, chúng ta mở thêm bậc đào tạo cao học theo Quyết định số 55-HĐBT ngày 9-3-1991 của Chủ tịch HĐBT và đến ngày 29-11-1993, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định 90/CP về "Cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục đào tạo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam" quy định đào tạo sau đại học gồm 2 cấp là đào tạo thạc sĩ (cao học) và đào tạo tiến sĩ. Những bước phát triển trên đây là tất yếu nhằm thực hiện yêu cầu đã được ghi rõ trong Nghị quyết hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) về giáo dục và đào tạo : "Dần dần đưa việc đào tạo trong nước trở thành chủ yếu, tiến tới hình thành hệ thống đào tạo sau đại học tương đối hoàn chỉnh, có thể đảm nhiệm được đào tạo cán bộ sau đại học theo kế hoạch chủ động về ngành nghề, đảm bảo chất lượng".

Nhờ những quyết định đúng đắn trên đây, cùng những nỗ lực của ngành giáo dục và đào tạo mà đào tạo SĐH mấy năm qua đã phát triển khá nhanh, trước hết là về quy mô, số lượng. Nếu năm 1992, chúng ta tuyển được 601 NCS thì đến năm 1995, con số này là 1 355 NCS.

Cũng năm 1992, chúng ta tuyển 1 474 học viên cao học thì năm 1995 là 3 458 người. Tính đến hết tháng 8-1996 chúng ta đã tuyển được 3 291 NCS và 8 442 học viên cao học, trong đó, số NCS đã bảo vệ thành công luận án và được cấp bằng là 2 800 người. Công tác đào tạo SĐH của ta hiện cũng đã phủ kín được 6 nhóm ngành đào tạo chính gồm khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học y dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội và nhân văn và khoa học quân sự cùng với khoảng 2/3 số chuyên ngành có đào tạo đại học. Chúng ta cũng đã hình thành được 95 cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh gồm 40 cơ sở thuộc khối các trường đại học và 55 cơ sở thuộc khối các viện nghiên cứu ; đào tạo cao học có 78 cơ sở, trong đó khối trường đại học là 59 và khối viện nghiên cứu khoa học là 19.

Như vậy, sự gia tăng về số lượng người học và các cơ sở đào tạo SĐH cũng như sự mở rộng quy mô các ngành đào tạo thời gian qua là tương đối nhanh, đáp ứng phần nào nhu cầu của người học và xã hội. Tuy vậy mặt thứ hai của sự phát triển này cần được nhấn mạnh chính là *chất lượng*.

Cũng cần khẳng định ngay rằng, đa số NCS trong nước đã bảo vệ thành công luận án thời gian qua là đạt yêu cầu chất lượng, đặc biệt là khối khoa học cơ bản và kỹ thuật. Nhiều luận án có giá trị khoa học và thực tiễn, phục vụ thiết thực công cuộc CNH - HĐH đất nước. Một số NCS bảo vệ luận án phó tiến sĩ trong nước, sau đó đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ở nước ngoài, một số được giải thưởng quốc gia và quốc tế. Còn đào tạo cao học thời gian qua được tập trung chủ yếu vào đối tượng giảng viên các trường đại học. Qua học tập, kiến thức của họ được nâng cao một cách hệ thống, phục vụ đắc lực cho công tác giảng dạy.

Đánh giá về chất lượng của đào tạo SĐH cũng cần đặt nó trong bối cảnh chung của đất nước và ngành giáo dục mới có thể thấy hết được giá trị thực của nó. Đào tạo SĐH thời gian qua không đứng ngoài mà phải chịu chung những khó khăn thiếu thốn của ngành giáo dục và đào tạo. Kinh phí đầu tư quá thấp, cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm... quá thiếu thốn, cũ kỹ ; thư viện, thông tin nghèo nàn..., đội ngũ cán bộ giảng dạy chưa nhiều kinh nghiệm trong đào tạo SĐH... Vì vậy, những kết quả đạt được nêu trên là đáng ghi nhận.

Tuy vậy, đào tạo SĐH là bậc học cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, là bậc đào tạo các chuyên gia, các nhà khoa học, đào tạo nhân tài, đào tạo những người sẽ làm nên diện mạo của nền khoa học và giáo dục nước nhà. Bởi vậy, hơn bất cứ một ngành học nào khác, đào tạo SĐH cần chú trọng mặt chất lượng, cần đặt chất lượng lên hàng đầu. Vì vậy phải thẳng thắn mà thừa nhận, trong đào tạo SĐH thời gian qua, mặt chất lượng vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập, chưa theo kịp sự phát triển về quy mô và số lượng.

Ở bậc đào tạo NCS, những hạn chế và yếu kém thể hiện ở chỗ kiến thức cơ bản và cơ sở còn yếu, nặng tính hàn lâm, chưa gắn bó hữu cơ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy,

Digitized by Google

không ít luận án được bảo vệ xong bị lãng quên trong ngăn kéo, ít và không có giá trị thực tiễn, không thể triển khai và ứng dụng. Người làm luận án quá nặng việc chăm sóc luận án mà không chú trọng tăng cường các kiến thức bề rộng, liên ngành. Nhìn chung các NCS về tự nhiên và công nghệ thì thiếu kiến thức về khoa học xã hội, nhân văn và ngược lại. Tính tự lập của NCS trong nghiên cứu chưa cao, còn quá ỷ lại vào thầy hướng dẫn, chưa bảo đảm đúng quy định làm luận án là thầy chỉ đóng vai trò gợi ý, nhận xét, hướng dẫn còn NCS phải thật sự độc lập nghiên cứu. Một điểm yếu khá rõ của NCS ta là trình độ ngoại ngữ. Đây là một hạn chế quan trọng đối với một người làm nghiên cứu để có thể mở cánh cửa thông tin với thế giới bên ngoài. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của công tác nghiên cứu.

Về đào tạo cao học, đây là một bậc học hoàn toàn mới ở Việt nam, nên trong tổ chức biên soạn chương trình, cơ chế kiểm tra đánh giá... còn nhiều lúng túng, nhược điểm. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa xây dựng được một hệ thống chương trình độc lập quy chuẩn cho đào tạo cao học mà chủ yếu vẫn phải vay mượn, tham khảo của nước ngoài. Các cơ sở đào tạo ở khối các viện nghiên cứu còn thiếu bộ máy quản lý chuyên trách, làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

Một trong những vấn đề của đào tạo SĐH gần đây khiến dư luận quan tâm và có ý kiến là hình thức NCS ngắn hạn. Đây là một hình thức đào tạo NCS theo Quyết định 224/TTG cho phép : "Đối với những cán bộ khoa học đã có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị phục vụ sản xuất, đời sống, quốc phòng... thì không phải làm luận án mà được hội đồng chấm thi xem xét và công nhận". Sự ra đời của quyết định này có ý nghĩa tình thế của nó. Thực sự ở nước ta đang có một đội ngũ các nhà khoa học (chủ yếu là khoa học xã hội) có bề dầy nghiên cứu, có nhiều công trình đã được công nhận về mặt khoa học, có uy tín trong giới... nhưng vì nhiều nguyên nhân khách quan, lịch sử mà chưa có điều kiện bảo vệ luận án PTS. Bởi vậy, quyết định về chế độ NCS ngắn hạn là một giải pháp tình thế đúng đắn để giúp số đối tượng nêu trên có điều kiện chuẩn hóa về văn bằng học vị mà không cần trải qua những khâu không cần thiết. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng, Bộ giáo dục và đào tạo cũng đã có Quyết định 02/SĐH-QĐ, quy định tiêu chuẩn NCS ngắn hạn như : phải có ngoại ngữ bằng B, phải học xong các chương trình bổ túc các môn cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, phải có một số lượng nhất định các kết quả nghiên cứu đã được công bố, phải viết luận án và bảo vệ luận án trước một hội đồng khoa học cấp nhà nước. Rõ ràng, không phải tất cả các luận án NCS ngắn hạn đều kém chất lượng, nhất là ở đối tượng các cán bộ khoa học lâu năm. Tuy nhiên, việc quy định về bằng cấp chứng chỉ ngoại ngữ, về số lượng các công trình nghiên cứu, về các môn học chuyển đổi mới chỉ thuần túy định lượng mà chưa có kiểm tra thực chất... Đồng thời việc thực hiện chế độ NCS ngắn hạn cũng đã bị kéo dài quá mức cần thiết. Vì vậy, nó đã tạo điều kiện cho rất nhiều đối tượng khác nhau (không chỉ các nhà khoa học) cùng đổ xô vào làm NCS ngắn hạn. Điều đó, cộng với sự lỏng lẻo, dễ dãi (và không loại trừ cả tiêu cực) ở một số cơ sở đào tạo, một số hội đồng chấm luận án đã khiến cho việc đào tạo NCS ngắn hạn có thể đã lọt lưới những luận án kém chất lượng, chịu sự nghi ngờ chính đáng của dư luận.

Trước tình hình đó, giữa năm 1996 Bộ giáo dục và đào tạo đã kịp thời chấm dứt chế độ NCS ngắn hạn.

Hiện nay, ngành giáo dục và đào tạo đang đứng trước sức ép nặng nề của nhu cầu về dân trí, nhân lực, nhân tài cho sự nghiệp CNH - HĐH đất nước. Đối với đào tạo SĐH đó là sức ép của nhu cầu về đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, đội ngũ nhân tài. Ngoài nhu cầu tất yếu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội, hiện chúng ta còn đang vấp phải một nguy cơ nghiêm trọng : sự hẫng hụt về thế hệ trong đội ngũ các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành.

Tuổi bình quân của các nhà khoa học, các cán bộ giảng dạy đại học, các chuyên gia giỏi tất cả các ngành khoa học - công nghệ đều đã quá cao mà lớp người kế cận lại chưa đủ. Ở một số ngành khoa học cơ bản, người ta đã nói đến nguy cơ "tuyệt tự" đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong thế kỷ tới nếu không có ngay những giải pháp bổ sung kịp thời.

Digitized by Google

Như vậy, số lượng hơn 10 000 người có trình độ SĐH hiện nay của chúng ta là quá ít ỏi so với các nước trong khu vực (Hàn quốc có 81 000 người) và càng ít ỏi hơn nếu so với nhu cầu hiện tại và tương lai gần của đất nước. Việc đáp ứng nhu cầu này là trách nhiệm nặng nề của đào tạo SĐH.

Những đòi hỏi về số lượng đi liền với đòi hỏi về chất lượng. Việc mở rộng quy mô về đào tạo SĐH phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng của đội ngũ NCS và học viên cao học theo hướng vừa cơ bản vừa chuyên sâu, khắc phục những mặt hạn chế và yếu kém hiện nay cho phù hợp với tình hình mới.

Trên tinh thần đó, thời gian gần đây Bộ giáo dục và đào tạo đã có một số điều chỉnh, sửa đổi trong nội dung, chương trình nhằm đưa đào tạo SĐH đi vào nền nếp : ban hành quy chế mới về đào tạo SĐH (2-1996), tăng cường các môn cơ bản, chuẩn hóa thống nhất trình độ ngoại ngữ, tin học... Tuy nhiên, trước mắt ngành đào tạo SĐH còn rất nhiều việc phải làm, nhiều nhiệm vụ phải giải quyết.

Phương hướng chung là xây dựng một hệ chương trình đào tạo sao cho tất cả mọi công dân Việt nam dù ở bất cứ môi trường, hoàn cảnh nào, nếu có nhu cầu đào tạo SĐH đều được đáp ứng với nhiều hình thức linh hoạt. Tiếp tục cải tiến nội dung chương trình, theo hướng quy chuẩn hóa, hòa nhập, liên thông với quốc tế, đặc biệt là khẩn trương hoàn thiện chương trình đào tạo cao học với tư cách là một bậc học trên đại học. Để bảo đảm chất lượng đào tạo, trình độ người học tương xứng với văn bằng, cần đổi mới phương pháp đào tạo, kích thích tính tự lập, tính chủ động, sáng tạo trong nghiên cứu của người học, đổi mới phương pháp đánh giá : khách quan, toàn diện, tăng cường công tác quản lý chất lượng một cách chặt chẽ, chú trọng thực chất. Trước mắt cần rà soát lại toàn bộ các cơ sở đào tạo, chấn chỉnh hoặc loại bỏ những cơ sở yếu kém, không bảo đảm yêu cầu đào tạo, chấn chỉnh thành phần các hội đồng chấm luận án một cách gọn nhẹ, bảo đảm tính khách quan, hiệu quả, kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực, dễ dãi, thương mại hóa, chạy theo số lượng đơn thuần trong đào tạo SĐH. Để làm được điều này ngoài trách nhiệm của cơ quan quản lý, cũng cần nhấn mạnh trách nhiệm của các trường, các cơ sở đào tạo trong việc giữ uy tín chất lượng sản phẩm của mình, trách nhiệm của các hội đồng chấm luận án cũng như mỗi thành viên hội đồng khi đánh giá, cho điểm luận án. Đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy của ta hiện đủ sức gánh vác trách nhiệm đào tạo SĐH, nhưng ngay từ bây giờ cũng cần có phương án bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật trình độ quốc tế và tích cực chuẩn bị đội ngũ kế cận.

Về phía người học, với phẩm chất thông minh, cần cù việc tiếp thu các kiến thức khoa học công nghệ hiện đại, nâng cao trình đô ngoại ngữ v.v. để theo kịp trình độ khu vực và quốc tế, là hoàn toàn trong tầm tay. Nhưng như trên đã nói, SĐH là bậc học tạo ra nhân tài của đội ngũ trí thức, của các nhà quản lý tương lai của đất nước. Do vậy, cần đặc biệt coi trọng việc giáo dục lòng yêu nước, định hướng xã hội chủ nghĩa, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt nam.

Cuối cùng là chính sách của nhà nước đối với đào tạo SĐH. Là bậc học cao nhất, đào tạo SĐH có thể và cần được xã hội hóa trong trào lưu chung của giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, với vai trò và tầm quan trọng của nó, đào tạo SĐH xứng đáng nhận được sự đầu tư thích đáng và cơ bản của nhà nước thay vì chính sách đầu tư nhỏ giọt bấy lâu nay. Bởi vì hơn bất cứ một bậc học nào khác, để bảo đảm chất lượng, đào tạo SĐH cần có một nền tảng vật chất bao gồm : các phòng thí nghiệm, trang thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, thư viện, tài liệu, thông tin... hiện đại, ngang tầm quốc tế.

Hiện nay, ở một số ngành đào tạo SĐH, nhất là khoa học cơ bản, trước mắt và tương lai rất cần cho sự phát triển đất nước, nhưng lại rất ít hoặc hầu như không có người theo học do những điều chỉnh tự phát của cơ chế thị trường trong xã hội. Bởi vậy, ở đây cần sự điều chỉnh của chính sách nhà nước, đầu tư, đãi ngộ hợp lý để tạo nên sự cân bằng trong hệ thống đào tạo SĐH, vì sự phát triển trước mắt và lâu dài của đất nước ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ SỰ BÌNH ĐẲNG CHÍNH TRỊ GIỮA CÁC DÂN TỘC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

THANH HỒNG *

MỘT thực trạng rất đáng quan tâm ở nước ta hiện nay là sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, đào tạo... giữa các dân tộc, đặc biệt là giữa các dân tộc thiểu số (DTTS) và dân tộc đa số (Kinh), giữa miền núi (nơi phần lớn đồng bào DTTS cư trú) và miền xuôi (nơi phần lớn đồng bào Kinh sinh sống). Về mặt chính trị, trên thực tế cũng có sự không đồng đều. Chỉ khi nào khắc phục được sự chênh lệch về mọi mặt, trong đó có chính trị, mới đem lại sự bình đẳng thực tế và sự làm chủ đầy đủ cho các dân tộc ở nước ta. Do đó, xây dựng và củng cố sự bình đẳng nói chung, và sự bình đẳng chính trị nói riêng là nhiệm vụ quan trọng của công tác dân tộc và chính sách dân tộc hiện nay ở nước ta.

1 - Sự phát triển không đồng đều về mặt chính trị giữa các dân tộc thể hiện ở các mặt sau đây :

a) *Ý thức chính trị* : Ý thức về một đất nước Việt nam thống nhất, tổ quốc của một "dân tộc Việt nam" thống nhất là tinh thần chính trị nổi bật của các dân tộc Việt nam. Điều này được hình thành một cách khách quan do nhiều dân tộc ở Việt nam có cùng nguồn gốc lịch sử ; do đặc điểm cư trú xen kẽ nhau và phân tán của nhiều dân tộc ; do sự cố kết truyền thống chống thiên tai, địch họa để tồn tại và phát triển ; và đến hôm nay, đặc biệt là do đường lối dân tộc đúng đắn của Đảng và những thắng lợi của các quá trình cách mạng Việt nam đem lại...

Do vậy, ở Việt nam, khẩu hiệu của Bác Hồ : "Không có gì quý hơn độc lập tự do" là mục đích cao nhất của quyền tự quyết dân tộc. Ý thức chính trị bao trùm trong quan hệ dân tộc là đoàn kết đấu tranh giành và giữ độc lập của tổ quốc, giữ vững an ninh biên giới và chủ quyền lãnh thổ quốc gia, cùng nhau xây dựng đất nước Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Ý thức trên đã trở thành phổ biến trong các dân tộc Việt nam. Nhưng không phải không có những người, những bộ phận của cả DTTS lẫn dân tộc đa số, ở chỗ này hay chỗ khác, lúc này hay lúc khác đã không tự nhận thức một cách đầy đủ và sâu sắc về vấn đề này. Vẫn có những người rời bỏ quê hương đến với "tổ quốc khác". Vẫn có một số người bị kẻ xấu lừa bịp kích động thù hằn dân tộc hoặc bị chúng lợi dụng những vấn đề thuộc về lịch sử xa xưa (không có lợi cho đoàn kết và ý thức cộng đồng dân tộc thống nhất) để lôi kéo họ thực hiện chia rẽ đất nước, với mưu đồ về một vùng đất nào đó tách rời, độc lập với Tổ quốc Việt nam... Vẫn có một số đồng bào DTTS chưa hiểu hết ý nghĩa thiêng liêng và trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn biên cương, bảo vệ từng tấc đất của tổ quốc. Ngược lại không ít bà con miền xuôi lên định cư, phát triển kinh tế ở miền núi chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của địa bàn miền núi và vấn đề dân tộc về mặt chính trị.

b) *Văn hóa chính trị* : Nhân dân các dân tộc nước ta, trong mọi giai đoạn cách mạng đều đặt niềm tin vào Đảng, vào con đường đi lên chủ

* PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nghĩa xã hội của đất nước. Những năm trước đổi mới, trong tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã có những biểu hiện về sự giảm sút niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước. Nhưng nhân dân các dân tộc mong muốn Đảng và Nhà nước sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm để đưa đất nước đi lên chứ không đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và càng không có ý định phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng. Đó là điều rất đáng quý.

Tuy nhiên điều đáng nói là ở sự nắm vững và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở vùng đồng bào các dân tộc. Nói chung các văn bản của Đảng và Nhà nước đến với khu vực các DTTS thường chậm. Việc tiếp nhận những nội dung của đường lối, chính sách theo hai hướng : rất dễ dàng tiếp thu hoặc không tiếp thu. Rất dễ dàng tiếp thu, cũng do xuất phát từ niềm tin của đồng bào DTTS, bản chất thuần phác của người dân miền núi. Hướng tiếp nhận này thường là không trên cơ sở phân tích nắm vững. quán triệt và do vậy đồng bào không hiểu hết nội dung, tinh thần của đường lối chính sách. Ngược lại việc đơn giản không tiếp nhận các chủ trương chính sách của đồng bào DTTS cũng do nhiều nguyên nhân : chủ trương, chính sách đó có thể chưa thật phù hợp, do sự truyền đạt kém của cán bộ hoặc do sự xuyên tạc và lợi dụng của kẻ xấu. Vì thế, việc thực hiện các văn bản lãnh đạo và quản lý của các cấp bộ đảng và chính quyền các cấp ở vùng DTTS còn nhiều hạn chế.

Thêm vào đó tình trạng biệt lập và thiếu thông tin, không có đường giao thông thuận lợi... đã đưa đến thái độ lãnh đạm chính trị, không biết đến, không quan tâm đến tình hình chính trị và mọi mặt nói chung của quốc tế, quốc gia, của tỉnh, của cộng đồng địa phương huyện, xã.

Văn hóa chính trị còn được thể hiện tập trung ở văn hóa pháp luật - hiểu biết pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật. Ở đồng bào Kinh, ngay cả với cán bộ, mấy năm gần đây việc tìm hiểu, học tập pháp luật mới được phát triển. Ở các vùng DTTS, kể cả trong đồng bào và cán bộ, việc làm này còn rất hạn chế. Trong khi đó, sức mạnh của thần quyền kết hợp với tộc quyền, ý thức của dòng họ, của già làng, già bản... có phần mạnh mẽ có lúc có nơi làm át đi hiệu lực của pháp luật.

Ở miền xuôi, khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đến với nhân dân sớm và sâu rộng hơn. Những sinh hoạt chính trị để đóng góp xây dựng đảng, xây dựng đường lối của đảng và luật pháp của nhà nước được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia (trực tiếp hoặc qua đài báo và văn bản...). Còn ở miền núi vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, điều này chưa trở thành hành vi chính trị, hơn nữa là nhu cầu chính trị của đồng bào. Hoặc nếu có, cũng chưa thật đáng kể.

c) *Trực tiếp tham gia hoạt động của hệ thống chính trị* từ cấp trung ương đến địa phương.

Hệ thống chính trị của chúng ta về bản chất là *của dân, do dân* và *vì dân*. Do vậy, không có sự phân biệt DTTS hay đa số, các dân tộc đều có quyền tham gia trực tiếp vào bộ máy và các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, và tổ chức quần chúng. Qua đó, thể hiện rõ nhất sự bình đẳng về chính trị.

Cũng như dân tộc Kinh, ở các DTTS, đội ngũ cán bộ quản lý, bao gồm cả dân cử và được bổ nhiệm không ngừng lớn mạnh. Trong quốc hội cũng như trong hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu người DTTS chiếm tỷ lệ thích đáng. Trong quốc hội không chỉ có đại biểu của các DTTS có số người tương đối đông mà có cả đại biểu của các dân tộc ít người hơn. Quốc hội khóa VII có 3 Phó chủ tịch là người Thái, Êđê, và Gié-triêng và khóa IX, Chủ tịch Quốc hội hiện nay là đồng chí dân tộc Tày. Ở miền núi, trong hội đồng nhân dân các cấp, nhất là cấp xã, các đại biểu người DTTS chiếm tỷ lệ lớn hơn, và thường có khá đầy đủ đại biểu các DTTS tại địa phương. Trong chính phủ có một số đại biểu người DTTS giữ chức bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban của nhà nước và nhiều người khác là thứ trưởng, phó chủ nhiệm ủy ban. Hội đồng Chính

Digitized by Google

phủ khóa IX đã có hai thành viên là người DTTS. Ở chính quyền các cấp của địa phương miền núi có không ít người là DTTS. Riêng ở vùng núi phía Bắc có ít nhất 50% cán bộ cấp tỉnh, 60% cán bộ cấp huyện và tỷ lệ đáng kể ở cấp xã, là người DTTS. Nhiều tỉnh, huyện, xã miền núi, người lãnh đạo chủ chốt là DTTS. Trong hệ thống tổ chức đảng, có ủy viên Bộ chính trị người dân tộc Tày, nhiều ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng là người Tày, Nùng, Thái, Mường, Hmông, Ê-đê, Gia-rai, Giê-triêng. Trong các tỉnh ủy, huyện ủy, nhất là đảng ủy xã miền núi, tỷ lệ người DTTS khá đông. Ví dụ điển hình là tỉnh ủy Lạng sơn khóa VIII có 85,4% là người DTTS, khóa IX có 91,2%, khóa X và XI có 86,5%. Ở một số dân tộc, tỷ lệ cán bộ đảng trội hơn tỷ lệ dân số của họ ở địa phương. Hiện nay đã có 12 bí thư tỉnh ủy là người DTTS.

Tất nhiên vấn đề số lượng là quan trọng, do đó ở trung ương cũng như ở các cấp địa phương số lượng cán bộ lãnh đạo người DTTS vẫn cần được tăng cường để có tỷ lệ cần thiết. Nhưng điều cần thiết là ở chất lượng. Do nhiều lý do, không ít cán bộ người DTTS chưa đáp ứng được đầy đủ những đòi hỏi của vị trí lãnh đạo được giao. Còn đối với cán bộ chuyên môn, viên chức người DTTS ở các cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức quần chúng thì còn ít, chất lượng cũng có mặt hạn chế.

Số lượng và chất lượng đảng viên của các dân tộc cũng có ý nghĩa lớn và trực tiếp về mặt chính trị. Hiện nay vấn đề này vẫn còn hạn chế ở các DTTS. Tính đến 30-11-1995 số đảng viên DTTS là 182 842 (chỉ bằng 8,59% tổng số đảng viên cả nước).

2 - Những chênh lệch về chính trị nêu trên là do *nhiều nguyên nhân* như :

a) *Sự chênh lệch trong phát triển kinh tế.* Trong những năm đổi mới, nền kinh tế miền núi có nhiều biến chuyển tốt. Nhưng đó mới chỉ là "những chuyển biến bước đầu, những tồn tại, khó khăn, trở ngại còn rất lớn, có mặt khá nặng nề". Hiện nay, nhìn chung trình độ phát triển kinh tế miền núi vẫn còn rất thấp. Kinh tế hàng hóa chậm phát triển, kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên còn chiếm tỷ trọng không nhỏ. Tình trạng du canh du cư vẫn chưa được khắc phục một cách căn bản. Nghèo đói vẫn còn trên diện rộng... Đặc biệt, địa hình miền núi phức tạp, bị chia cắt, trong khi đó hạ tầng cơ sở như đường giao thông còn kém phát triển, chưa trở thành hệ thống thông suốt giữa các vùng, từ đó kìm hãm việc giao lưu ở miền núi cũng như giữa miền núi và miền xuôi.

Ở nước ta còn đến 343 xã và trung tâm cụm xã (trong đó chủ yếu ở miền núi) chưa có đường ô tô. Sự biệt lập, khép kín ở các vùng DTTS dễ tạo ra tính cục bộ và sự thờ ơ chính trị. Nhưng đồng thời, sự pha trộn giữa tình trạng thấp kém và lạc hậu về kinh tế đó với tình trạng xâm nhập do mở cửa kinh tế dọc đường biên giới lại dễ tạo sự pha tạp về chính trị không thể xem thường.

b) *Mặt bằng dân trí, văn hóa, thông tin thấp.* Ở miền núi, vùng DTTS sinh hoạt văn hóa còn rất thiếu thốn. Đồng bào, không chỉ thiếu ăn mà còn thiếu cả thông tin, tỷ lệ người thất học và mù chữ còn lớn. Trong khi đó chất lượng giáo dục giảm sút. Số học sinh phổ thông các cấp, nhất là các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học có chiều hướng giảm...

Mặt bằng dân trí ở miền núi còn thấp và đỉnh cao dân trí cũng hạn chế nhiều. Đội ngũ trí thức người DTTS (học vấn từ cao đẳng trở lên) mới chiếm khoảng 3% trí thức cả nước. Có đến 10 dân tộc chưa có người đạt trình độ cao đẳng, đại học. Sự giác ngộ chính trị của lực lượng cán bộ nói chung chỉ có thể có được thông qua giáo dục chính trị bằng nhiều hình thức, nhất là được qua các lớp lý luận. Trong 10 năm (1983 - 1993), phân viện Hà nội và phân viện Đà nẵng (Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) có mở những lớp lý luận đặc biệt cho những cán bộ DTTS, nhưng chỉ có hơn 900 người được học. (Có nhiều dân tộc không có cán bộ đi học).

c) Nhiều *tập tục lạc hậu* còn tồn tại tác động tiêu cực đến ý thức chính trị của nhân dân. Bọn phản động và các thế lực thù địch lợi dụng địa bàn hiểm trở của miền núi, sự thuần phác của

Digitized by Google



Trong ngày hội của dân tộc *Ảnh : TTXVN.*

đồng bào, và những tập tục lạc hậu trong các DTTS để thực hiện âm mưu chống phá cách mạng nước ta về mọi mặt. Sự phát triển tôn giáo (công giáo, tin lành) một cách không bình thường ở vùng DTTS (nhất là trong đồng bào H'mông vùng núi phía Bắc), việc xuất hiện những "đạo mới", ở đồng bào Tày, Nùng, Dao gây nên nhiều tác hại và mất ổn định xã hội, là những ví dụ dễ nhận thấy về vấn đề này trong những năm gần đây.

d) Những yếu kém, và đặc biệt là những sai lầm và khuyết điểm trong *lãnh đạo và quản lý của cán bộ đảng và chính quyền* đã hạn chế đến quyền làm chủ về chính trị của nhân dân nói chung trong đó có đồng bào các DTTS.

Cán bộ ở miền núi bao gồm người DTTS và người miền xuôi được điều động hoặc tự nguyện lên công tác. Chính sách đối với lực lượng cán bộ này, cũng như kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tại chỗ chưa được nghiên cứu đầy đủ, thực hiện lại thiếu nhất quán, không khuyến khích được cán bộ yên tâm gắn bó với miền núi. "Cho đến nay, các địa phương miền núi chưa hình thành được đội ngũ cán bộ có năng lực phù hợp, am hiểu miền núi và có tâm huyết đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển miền núi".

Nạn quan liêu và tham nhũng của cán bộ ở vùng đồng bào DTTS không phải là hiện tượng cá biệt. Ngân sách của nhà nước bao cấp cho vùng DTTS, tiền của cho các dự án phát triển miền núi, có nơi, có lúc bị xà xẻo một cách quá đáng... Có những chi nhánh ngân hàng phát triển nông nghiệp ở vùng DTTS không cho bà con vay tiền mà lại lén lút chia nhau đi đánh đề hàng tỉ đồng. Miền núi có vị trí chiến lược rất quan trọng nhưng chưa được quan tâm đúng mức, sự chỉ đạo của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở có phần còn thiếu trách nhiệm, quan liêu, khoán trắng.

3 - Từ tình hình và nguyên nhân trên việc tiếp tục xây dựng và củng cố quyền làm chủ về chính trị của các dân tộc, khắc phục những

Digitized by Google

chênh lệch về chính trị để thực hiện sự bình đẳng dân tộc trên thực tế và ngày càng đầy đủ là một trách nhiệm lớn của công tác dân tộc hiện nay ở nước ta. Để đạt được điều này theo tôi cần tập trung vào mấy hướng sau đây :

a) Tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ *phát triển kinh tế miền núi và vùng DTTS*. Đây là cơ sở quyết định dẫn đến biến đổi tích cực mọi mặt của đời sống xã hội, kể cả phương diện chính trị. Theo tinh thần của Chỉ thị 525 của Thủ tướng Chính phủ, việc tiếp tục đẩy nhanh nhịp độ đổi mới phát triển kinh tế miền núi và vùng DTTS phải chú ý đến 3 khâu then chốt là : chuyển dịch cơ cấu kinh tế miền núi, bảo vệ rừng gắn với định canh định cư, xây dựng cơ sở hạ tầng.

b) *Đổi mới và kiện toàn để nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các địa phương miền núi và vùng DTTS*. Đây là một phương hướng quan trọng, trực tiếp tác động đến các hoạt động và nhận thức chính trị của đồng bào dân tộc.

Phải thường xuyên chăm lo đến công tác xây dựng đảng để các tổ chức đảng ở miền núi trong sạch và nâng lên một bước về chất lượng lãnh đạo. Ủy ban nhân dân các địa phương phải tăng cường cán bộ đủ trình độ, đủ trách nhiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Các tỉnh cần phải có kế hoạch cụ thể về sử dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân tộc và miền núi. Phải phối hợp lực lượng của các cấp từ trung ương đến địa phương và các ngành, các đơn vị tạo sức mạnh tập thể để làm tốt nhiệm vụ phát triển miền núi.

Cần có quy định vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ phù hợp trong hội đồng nhân dân ở địa phương có nhiều dân tộc khác nhau để hội đồng nhân dân thực sự là cơ quan quyền lực của dân, đồng thời bảo đảm đoàn kết dân tộc. Củng cố chính quyền cấp xã gắn với việc xác định đúng đắn nhiệm vụ của các buôn, làng, bản, chú ý đến vai trò của các trưởng bản, già làng trong nhiệm vụ quản lý xã hội và an ninh quốc phòng. Đổi mới hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng cho phù hợp với thực tế miền núi nhằm động viên mạnh mẽ phong trào quần chúng thực hiện thắng lợi chủ trương và chính sách của Đảng.

c) *Nâng cao dân trí và thực hiện tốt những vấn đề xã hội để tạo điều kiện nâng cao văn hóa chính trị cho đồng bào các DTTS*. Đây là một phương hướng vừa cấp bách vừa lâu dài, đòi hỏi sự kiên trì và những biện pháp thích hợp.

Để phát triển giáo dục miền núi, cần nghiên cứu lại nội dung chương trình và phương thức dạy và học, quy mô trường lớp cho phù hợp với đặc điểm từng vùng dân tộc. Mở rộng các hình thức trường lớp phù hợp (lớp ghép, trường bán trú, trường dân tộc nội trú...). Động viên các lực lượng (bộ đội biên phòng, các cơ quan đoàn thể), góp phần làm nhiệm vụ giáo dục. Phát triển những trung tâm đại học (tại Đà lạt, Buôn ma thuột, Thái nguyên) để có thêm thuận lợi đào tạo nhanh trí thức người DTTS. Nghiên cứu chính sách mới, đầy đủ đối với cán bộ, giáo viên miền núi, khuyến khích giáo viên miền xuôi lên công tác ở miền núi, thu hút con em các dân tộc sau khi tốt nghiệp ở các trường hăng hái trở về xây dựng quê hương.

Phát triển phát thanh và truyền hình ở miền núi và vùng DTTS, nhất là các buổi phát thanh bằng tiếng dân tộc. Phát triển các đội thông tin lưu động với các chương trình tuyên truyền phù hợp. Tài trợ cho những loại sách báo có tác dụng thiết thực đối với miền núi vùng DTTS. Từng bước nâng cao hoạt động văn hóa quần chúng, bảo tồn văn hóa dân tộc, khôi phục và nâng cao các lễ hội truyền thống lành mạnh. Làm tốt cuộc vận động đồng bào không trồng cây thuốc phiện và tổ chức cai nghiện có hiệu quả. Củng cố các tổ chức y tế miền núi vùng DTTS và thực hiện các chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ sức khỏe cho đồng bào các dân tộc ❑

Digitized by Google

BẢO VỆ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TÂY NGUYÊN

*NGUYỄN VĂN NAM * - NGUYỄN THƯỢNG HIỀN ***

SỐNG trên một vùng cao nguyên rộng lớn hùng vĩ, nhiều rừng, nhiều núi, nhiều nắng, nhiều mưa, các dân tộc Tây nguyên từ ngàn xưa đã biết đấu tranh để thích nghi và tồn tại. Trên cơ sở nền kinh tế nương rẫy, các dân tộc Ba na, Gia rai, M'nông, Ê đê, Sê đăng... đã sáng tạo nên một nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc mình. Ở đây cũng cần đề cập đến một yếu tố mới của Tây nguyên, đó là tình trạng cư trú xen kẽ ngày càng tăng giữa các dân tộc (gồm 40 dân tộc). Sự đan xen và hòa nhập này đã tạo nên một bức tranh đa dạng, với một khối lượng khá đồ sộ cac giá trị văn hóa. Nói đến Tây nguyên mọi người nghĩ ngay đến cồng, chiêng, đến âm nhạc, hát múa, lễ hội đâm trâu, lễ hội Pơ thi, đến nhà mồ, tượng mồ, nhà rông, nhà dài, rượu cần. Nói đến giá trị văn hóa Tây nguyên cũng không thể không nhắc đến những khan (sử thi), Đăm san, Xinh nhã, những tác phẩm nổi tiếng nhất trong vốn cổ văn học các dân tộc thiểu số ở nước ta... Sắc thái văn hóa các dân tộc Tây nguyên cùng với văn hóa các dân tộc khác đã làm cho nền văn hóa Việt nam trở nên đa dạng và độc đáo.

Trong đời sống một con người, một gia đình, một làng buôn thường có những thời điểm có ý nghĩa quan trọng đáng ghi nhớ : ngày sinh, ngày trưởng thành, ngày cưới, ngày lên nhà mới, tuổi già, ngày qua đời và tang lễ... Để đón mừng hoặc ghi nhận những vui, buồn đó, đồng bào các dân tộc Tây nguyên thường tổ chức các lễ hội. Lễ hội diễn ra theo chu kỳ vòng đời con người, hoặc theo chu kỳ vòng đời của cây trồng. Phần lớn các lễ hội đó gồm hai phần : phần đầu là nghi thức tín ngưỡng, phần sau là vui chơi liên hoan. Ở một số buôn làng phần vui chơi liên hoan có khi nhiều hơn phần nghi lễ, và điều này cũng dễ cắt nghĩa, bởi lẽ xen giữa các thời kỳ lao động là hoạt động vui chơi, giải trí (có thể nhân lễ hội), để rồi lại tiếp tục lao động được tốt hơn.

Giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây nguyên không chỉ có lễ hội, nhạc cụ, dù rằng đây là những mặt độc đáo có một không hai, đã hấp dẫn nhiều du khách, nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, âm nhạc đến với Việt nam và Tây nguyên ; giá trị văn hóa còn được kết tinh ở dòng văn học dân gian, tạo thành phẩm cách đặc biệt, mang tính bền vững đặc trưng cho Tây nguyên, phân biệt với văn hóa các vùng dân tộc khác, nhưng vẫn không tách rời cội nguồn văn hóa Việt nam.

Các dân tộc Tây nguyên còn có những sắc thái văn hóa và nếp sống phong tục phong phú đến không ngờ. Chỉ nhìn ngôi nhà mồ với các nét hoa văn trang trí cùng hệ thống tượng mồ đầy chất phóng túng và suy tư, và nếu như ta lại được dự thêm một buổi lễ đâm trâu trong ngày bỏ mả, tiếp theo là cuộc vui của cả buôn làng, với các điệu xoang cùng dàn nhạc gõ chiêng cồng, cũng đủ thấy kho tàng văn hóa dân gian còn được lưu giữ trong dân như một bảo tàng sống động và giàu có biết dường nào.

Truyền thống văn hóa từ nhiều đời nay tồn tại ở Tây nguyên do đã thâm nhập vào nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng trong chính đời sống của mình. Bởi vậy, những giá trị văn hóa là một sức mạnh tinh thần, sự lưu giữ về tình cảm, tập tục, tư tưởng, lối sống kinh nghiệm tiếp xúc với những cái hay cái đẹp, cái sáng tạo, giúp cho đồng bào các dân tộc giữ được bản sắc của mình.

Văn hóa đến với con người bằng con đường tình cảm, cảm xúc, nó mang lại những rung cảm

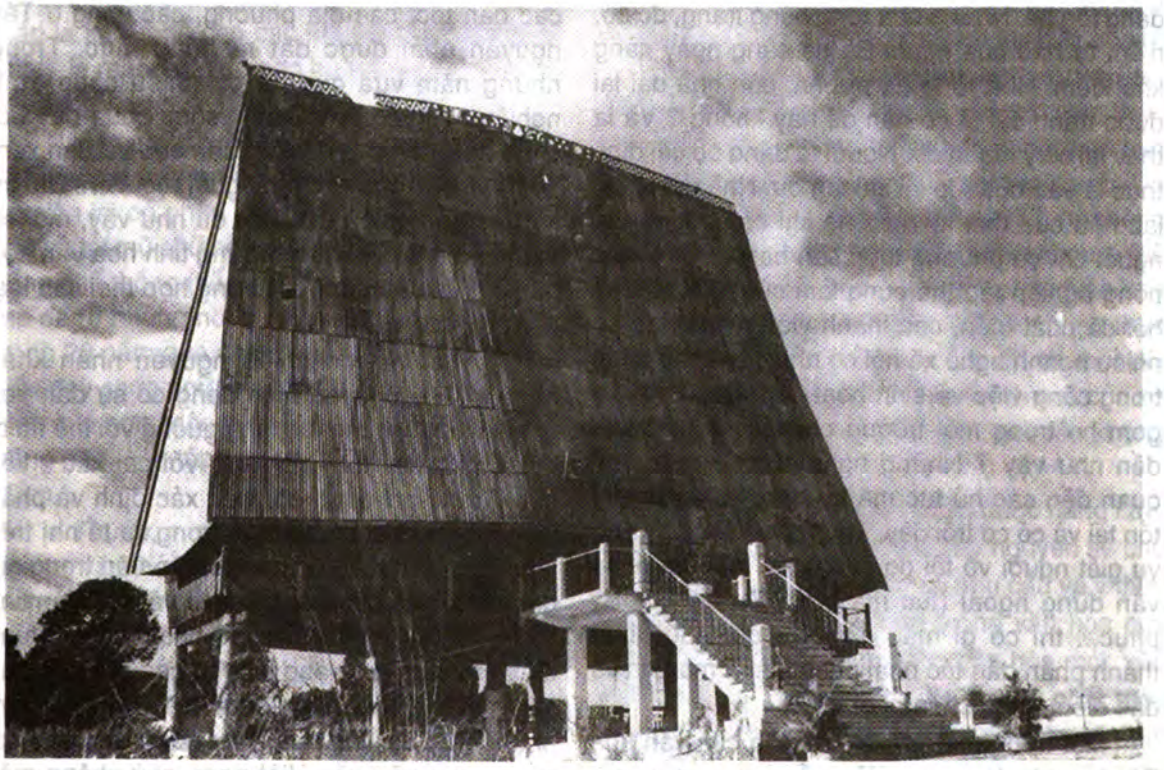
* PTS, Phân viện Đà nẵng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

sâu xa trong lòng người trước những vẻ đẹp của con người, của quê hương đất nước, làm cho người ta yêu hơn mảnh đất mà mình đang sống. Các lễ hội của đồng bào các dân tộc Tây nguyên đã tác động vào tư tưởng, tình cảm của con người không chỉ trong những ngày lễ hội, mà cả từ những ngày chuẩn bị lễ hội và cả những ngày sau đó nữa, tạo nên sự rạo rực, náo nức ở mỗi con người. Ngày lễ hội không chỉ thu hút cá nhân trong một buôn làng, mà còn thu hút cả cộng đồng và các cộng đồng lân cận. Mọi người đều tự nguyện tham gia hết mình, vì mỗi người đều cảm thấy ngày hội gắn bó chặt chẽ với cá nhân, với gia đình, dòng họ, với cả cộng đồng của mình. Họ tìm thấy trong ngày hội những giải đáp nhiều mặt cho đời sống của họ. Họ gửi gắm vào các nghi lễ của ngày hội những ước mơ về một cuộc sống ấm no hạnh phúc mà họ tin là sẽ đến.

Những giá trị văn hóa mở rộng tầm hiểu biết của con người ra ngoài giới hạn không gian và thời gian mà họ đang sống. Nhận thức mà do những giá trị văn hóa đem lại không chỉ có chiều rộng còn đi vào chiều sâu của thế giới tâm hồn con người, giúp con người đối chiếu, liên tưởng, nghiền ngẫm về cuộc đời, về chính bản thân mình. Trong sinh hoạt hằng ngày, người Tây nguyên vẫn thường tụ tập quanh bếp lửa ở nhà rông để nghe kể "khan", có cả tiếng chiêng, tiếng trống đệm theo. Nghe trường ca Đăm san (hay Xinh nhã, Đăm đi...) người đến Tây nguyên như sống lại thuở hào hùng với những chiến công vang dội của con người có thể có một lần thất bại (Đăm san), nhưng không đầu hàng. Ba hệ thống hành động của nhân vật anh hùng Đăm san : xây dựng gia đình và xã hội, chiến đấu và sản xuất, đã và đang đặt ra ba mối quan hệ : giữa các thành viên trong công xã, giữa các công xã (ngày nay là giữa các cộng đồng), giữa người và thiên nhiên... và cuối cùng đưa Đăm san đến vị trí của một tù trưởng giàu mạnh, uy danh lẫy lừng, và công xã giàu có. Đó cũng chính là ước mơ và khát vọng từ nhiều đời nay của đồng bào các dân tộc Tây nguyên. Cuộc đời ngang tàng đầy chiến công oanh liệt của Đăm san phù hợp với tâm hồn phóng khoáng của



Nhà rông văn hóa ở Sa Thày (Kontum) ***Ảnh :*** *Đinh Quang Thành*

Digitized by Google

đồng bào Tây nguyên và đã đem đến nhiều hứng khởi thẩm mỹ, mặc dù đời sống hiện nay chưa hết khó khăn, vất vả.

Còn có thể nói nhiều, rất nhiều về cái hay, cái đẹp, về sự phong phú, giàu có của kho tàng văn hóa Tây nguyên và tác dụng của nó đối với cuộc sống và con người hôm nay. Nhưng điều cần nói và đáng nói hơn là kho tàng văn hóa đó hiện đang bị mai một, bị xói mòn, bị đánh mất với tốc độ đáng sợ vì nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, cả vô tình và hữu ý. Cũng đã muộn để gióng lên tiếng chuông cảnh báo. Nhưng muộn còn hơn không. Đã đến lúc phải có ngay những giải pháp, biện pháp đồng bộ, cấp bách và mạnh mẽ để bảo tồn, để cứu lấy những giá trị văn hóa truyền thống Tây nguyên. Nếu không, một thời gian không xa nữa, các dân tộc Tây nguyên sẽ rơi vào tình trạng "chân không" về văn hóa truyền thống, đánh mất những bản sắc riêng có của chính mình.

Thực tế đời sống văn hóa ở Tây nguyên hiện đang tồn tại những điều trái ngược : cái cần lưu giữ thì đang mất đi, cái đáng phải mất đi lại đang tồn tại. Những nhà rông hùng tráng, đồ sộ, niềm tự hào của người Ba na càng ngày càng khó kiếm. Nhà rông đã bị phá, còn nhà dài lại được tranh cãi là có nên để hay không ? Và lạ thay lại có ý muốn để. Người ta đang bỏ cái đích thực là văn hóa, để lại cái tàn dư. Nhà dài là cái lạc hậu của thời kỳ mẫu hệ khi cộng đồng tộc người chỉ có phương thức săn bắn và canh tác nông nghiệp tập thể cùng làm cùng ăn. Khi xã hội đã phát triển, các thành viên tham gia vào nhiều ngành nghề xã hội có nhu cầu khác nhau trong công việc và sinh hoạt cá thể, tại sao lại gom họ trong môi trường chung chạ, bất tiện đến như vậy ? Những nghi thức cúng tế liên quan đến các hủ tục mê tín dị đoan vẫn đang tồn tại và có cơ trỗi dậy. Thậm chí, đã có một số vụ giết người vô tội do cuồng tín mà luật pháp vẫn đứng ngoài (tục ma lai). Còn ăn mặc, y phục... thì có gì mặc nấy. Do đó muốn biết thành phần dân tộc phải phân biệt ở màu da và đặc điểm nhân chủng học.

Một trong những niềm tự hào của văn hóa Tây nguyên là những dàn cồng chiêng đồ sộ, nhưng nhiều chủng loại hiện đang bị bán đi như những đồ đồng nát, phế thải. Rồi các loại đàn, những tấm thổ cẩm, những vũ điệu dân gian, lời ru, điệu hát... đã bị quên, có nguy cơ mai một.

Trước nhu cầu đổi mới và phát triển của đất nước nói chung, Tây nguyên nói riêng, vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, không để "đánh mất mình" trong thời đại bùng nổ thông tin và giao lưu văn hóa, theo chúng tôi, càng phải được đặt ra nghiêm túc và cấp bách.

Từ thực trạng và những yêu cầu cấp bách nêu trên, chúng tôi có một số kiến nghị như sau :

+ *Thứ nhất*, Tây nguyên ngày nay đã khác trước, các tộc người không sống biệt lập như những "ốc đảo", mà có sự xen kẽ quan hệ qua lại tiếp xúc nhiều chiều. Đây là quá trình vừa hòa nhập vừa hấp thụ lẫn nhau. Như vậy, ở Tây nguyên không chỉ có những giá trị văn hóa của các tộc người vốn sinh sống lâu đời ở đây như : Ba na, Gia rai, Ê đê, M'nông, Sê đăng... mà còn có những giá trị văn hóa của các thành phần khác mới "nhập cư" trong những năm gần đây : Tày, Nùng, Thái.... Do vậy, việc nghiên cứu, đánh giá một cách cơ bản thực trạng văn hóa các dân tộc, các địa phương, các vùng ở Tây nguyên phải được đặt ra đúng mức. Trong những năm vừa qua đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này, song chưa đầy đủ, chưa đều - nhất là việc nghiên cứu sự đan xen, sự hòa nhập của các tộc người mới đến. Chỉ có trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ như vậy, mới có thể nhận thức hết được những tinh hoa văn hóa để kế thừa và những gì không hợp thời cần loại bỏ.

+ *Thứ hai*, do nhiều nguyên nhân khác nhau, ở Tây nguyên hiện đang có sự đan xen giữa lễ nghi, phong tục, tín ngưỡng với mê tín dị đoan, giữa cái tốt - tích cực với cái xấu - tiêu cực. Trong bối cảnh đó, việc xác định và phân loại đòi hỏi phải có sự thận trọng và tế nhị trên tinh thần "di phong dịch tục". Cần trân trọng giữ gìn, đồng thời tạo điều kiện (cả vật chất lẫn tinh thần) để đồng bào tổ chức các lễ hội. Chính điều này cũng sẽ nâng lòng tự hào của các dân tộc, giúp họ cảm nhận được điều tốt đẹp, cảm nhận được sự hòa nhập, sự đóng góp vào cái chung của văn hóa Việt nam, chứ không mặc cảm là bị "đồng hóa". Đồng thời phải kiên quyết

Digitized by Google

loại bỏ những hủ tục, mê tín dị đoan đang ảnh hưởng đến đời sống xã hội ở Tây nguyên (tảo hôn, ma lai...).

Một trong những vấn đề nổi cộm trong đời sống tinh thần của người dân tộc Tây nguyên hiện nay là sự lan truyền của đạo Tin lành. Đây là vấn đề vừa phức tạp vừa tế nhị, cần có những giải pháp đồng bộ và thận trọng. Phải làm thế nào để vừa bảo đảm tự do tín ngưỡng của đồng bào, vừa làm cho đồng bào hiểu rõ cái hại của sự du nhập thứ tôn giáo ngoại lai này làm mất đi những giá trị tinh thần, phong tục tập quán và bản sắc văn hóa dân tộc, một điều không thể chấp nhận.

Phải tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, tạo điều kiện để đồng bào sinh hoạt văn hóa lành mạnh, đồng thời cần xử lý nghiêm khắc những hành vi lợi dụng tôn giáo để gây tổn hại cho văn hóa và ổn định chính trị - xã hội.

+ *Thứ ba,* để nâng cao nhận thức, tuyên truyền giáo dục và thuyết phục đồng bào các dân tộc ở Tây nguyên có hiệu quả, vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng (nếu không muốn nói là quyết định) là nâng cao dân trí. Trình độ dân trí thấp là kẽ hở để cho các thế lực phản động lợi dụng, là mảnh đất để các hủ tục lạc hậu tồn tại dai dẳng.

Nâng cao dân trí là công việc vừa cấp bách, vừa lâu dài mang tính chiến lược. Song ở Tây nguyên lại có phần khó khăn bởi tình trạng mù chữ và tái mù chữ còn nhiều. Đi liền với việc dạy tiếng phổ thông (tiếng Việt), cần chú ý đến tiếng mẹ đẻ (ở những nơi có điều kiện). Kinh nghiệm trong 20 năm qua cho thấy ở đâu kết hợp được việc dạy song ngữ thì ở đó đồng bào tiếp thu có hiệu quả hơn, việc tái mù ít diễn ra, dân trí được nâng cao, các tập tục lạc hậu cũng ngày càng giảm.

+ *Thứ tư,* muốn giữ gìn và phát triển những giá trị văn hóa của các dân tộc Tây nguyên trong thời kỳ đổi mới phải tìm ra những giải pháp, bước đi, hình thức và những nội dung phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng dân tộc ; tìm ra những mô hình thích hợp, mang sắc thái địa phương và tộc người là những yếu tố chuyển tải sự phát triển văn hóa.

Cuối cùng, một mâu thuẫn không thể không nói tới ở Tây nguyên hiện nay là truyền thống văn hóa rất phong phú, đa dạng với những lễ hội quy mô lớn, tốn kém nhưng đời sống vật chất của đồng bào lại đang rất thấp kém, đến mức khó "kham" nổi việc duy trì và bảo tồn sinh hoạt văn hóa truyền thống. Đây đang là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng đồng bào một số nơi bán cồng chiêng, bỏ lễ hội, gia nhập đạo Tin lành (vì tính chất giản đơn, tiết kiệm của nó) mà chúng ta cần có biện pháp giải quyết kịp thời.

Theo chúng tôi, vấn đề cốt tử trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống ở Tây nguyên (và không chỉ đối với văn hóa) là *xóa đói giảm nghèo*, nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào bằng *các chương trình kinh tế - xã hội* đồng bộ, có tính chất ưu tiên do tính đến những đặc điểm và vị thế của Tây nguyên trong chiến lược phát triển chung của đất nước. Các chương trình nêu trên cần được thực hiện một cách khoa học, cơ bản, tránh làm chiếu lệ hoặc nặng về kiểu cấp phát, cứu tế, trái lại phải từng bước biến mọi sự hỗ trợ, giúp đỡ thành năng lực "nội sinh" của đồng bào các dân tộc, xóa bỏ tính thụ động, ỷ lại, từng bước vươn lên bằng sức mình là chính.

Công cuộc xóa đói giảm nghèo, tiến tới giàu có ở Tây nguyên cần đi liền với việc thực hiện công bằng xã hội, xóa bỏ dần sự tách biệt giữa các địa bàn dân cư, giữa các tộc người. Do những đặc điểm về địa lý, lịch sử mà sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các khu vực (đô thị, gần trục lộ với vùng sâu, vùng xa) hiện nay ở Tây nguyên còn khá lớn. Bởi vậy, việc thực hiện công bằng xã hội, làm cho tất cả mọi đối tượng dân cư đều được hưởng thành quả của sự phát triển kinh tế - xã hội là một yêu cầu không thể thiếu.

Kinh tế phát triển, đời sống được nâng cao, dân trí mở mang, người dân Tây nguyên sẽ chủ động được cái ăn cái mặc, có nhu cầu và ý thức lo giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa của mình, xây dựng một đời sống văn hóa mới, văn minh hiện đại. Tin rằng, cùng với sự phát triển chung của cả nước, rồi đây Tây nguyên sẽ phát triển phồn vinh trên cái nền bản sắc văn hóa riêng của mình ❑

Digitized by Google

Góp phần bàn về chiến lược bảo hộ nông phẩm ở nước ta

NGUYỄN THANH BẠCH *

SẢN xuất nông phẩm giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong phát triển kinh tế của Việt nam. Nó cung cấp phần chủ yếu lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng của dân cư, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất của ngành công nghiệp nhẹ và hàng xuất khẩu.

Ở nước ta với gần 80% số dân sống bằng nghề nông, sản xuất nông nghiệp trong nhiều năm, đặc biệt trong giai đoạn 5 năm (1991 - 1995), tăng bình quân hằng năm 4,5%. Sản lượng lương thực 5 năm qua tăng 26% so với 5 năm trước đó, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Giá trị tuyệt đối của nông phẩm hằng năm đều tăng, xuất khẩu mỗi năm được 2 triệu tấn gạo và đóng góp gần 30% giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cả nước.

Đối với hệ thống giá nông sản, những năm qua do đã phá bỏ cơ chế bao cấp thực hiện cơ chế thị trường giá cả biến động theo qui luật của sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, do thả nổi cho thị trường tự điều tiết, nên đã nảy sinh một số mặt tiêu cực, tác động xấu đến sản xuất, kinh doanh lương thực. Đã có tình trạng khi giá lúa trên thị trường không có lợi cho người sản xuất thì diện tích trồng lúa trong vụ sau có nguy cơ giảm, ảnh hưởng xấu tới sản xuất lương thực nói chung, tới an toàn lương thực quốc gia. Theo dự đoán và khẳng định của một số nhà kinh tế và hoạch định chính sách lương thực nước ta thì thị trường tiêu thụ gạo là rất lớn, trong tương lai, một vài nước xung quanh ta sẽ phải nhập lương thực với số lượng lớn. Việt nam chúng ta khi số dân lên tới 100 triệu thì con số 3 triệu tấn gạo xuất khẩu chưa thể vững chắc. Do vậy, phải phát triển trồng lúa. Tương tự như cây lúa, năm nay nông dân trồng mía bị thiệt hại do sản lượng tăng mạnh, trong khi khả năng chế biến có hạn. Dự báo sang năm sẽ đến lượt các nhà máy đường bị thiệt do nông dân bị thua lỗ phải bỏ cây mía... Và tình trạng đó cứ tiếp diễn, lặp đi lặp lại ở nhiều cây, con khác và các chu kỳ sản xuất khác, sẽ gây lo lắng, chán nản và thiệt hại không nhỏ cho người nông dân.

Để hỗ trợ nông nghiệp phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách đổi mới quản lý sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn như : chính sách "khoán 10" ; chính sách tự do hóa giá cả, quỹ bình ổn giá ; hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp kinh doanh lương thực, mía đường của dân và những biện pháp tình thế khác.

Nỗi lo của nông dân là chính đáng vì với họ, vấn đề chính yếu là làm sao tiêu thụ được hết nông phẩm. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa với cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, việc nghiên cứu và hoạch định những vấn đề về cơ chế và chính sách nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, trong đó cơ chế và chính sách giá bảo hộ có ý nghĩa quan trọng. Thực tiễn cho thấy bất kỳ mô hình kinh tế nào đều phải giải quyết vấn đề kinh tế cơ bản : sản xuất hàng hóa gì, với số lượng bao nhiêu ? Hàng hóa cần được sản xuất như thế nào, với chi phí bao nhiêu ? Hàng hóa đó được sản xuất cho ai ? v.v.. Trong kinh doanh nông phẩm, ngoài việc phải xử lý tốt các vấn đề kinh tế cơ bản nêu trên, người sản xuất còn phải đối phó với những vấn đề rủi ro của thiên tai và những vấn đề khác. Những vấn đề này đều bắt nguồn từ đặc điểm của khu vực sản xuất nông nghiệp và thị trường nông sản phẩm.

Đặc điểm của sản xuất nông phẩm là do hàng triệu hộ gia đình nông dân thực hiện, là một trong những nghề có tính truyền thống và tập quán của dân tộc. Sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ rõ rệt, đất đai nông nghiệp có hạn, việc tăng sản

* Ban kinh tế tỉnh ủy Đồng tháp

Digitized by Google

lượng bằng cách mở rộng diện tích rất khó khăn ; trong điều kiện thời tiết, khí hậu bình thường thì sản lượng lương thực để cung ứng ra thị trường là tương đối ổn định.

Về đặc điểm "cung - cầu" ta nhận thấy, việc cung nông phẩm ra thị trường mang tính mùa vụ và tùy thuộc từng vùng, trong khi nhu cầu tiêu dùng nông phẩm lại rải đều suốt năm và ở tất cả các vùng trong cả nước, gây ra tình trạng khối lượng nông phẩm cung ứng ra thị trường không cân bằng với khối lượng mà xã hội yêu cầu, cả về thời gian và không gian tiêu dùng. Ngay sau vụ thu hoạch, do nhu cầu tiêu dùng (nhu cầu cá nhân và nhu cầu để phục vụ chu kỳ sản xuất tiếp theo) buộc người sản xuất phải bán nhiều nông phẩm ra thị trường cho dù giá cao hay thấp. Cùng một thời điểm, tất cả các nhà sản xuất cùng đưa nông phẩm ra bán trên thị trường đã làm cho cung vượt quá cầu của xã hội tại thời điểm đó. Cung lớn hơn cầu làm cho giá cả giảm, thậm chí có lúc giảm thấp hơn cả chi phí sản xuất, người sản xuất có thể bị lỗ vốn nhưng nói chung họ không thể giữ sản phẩm của mình lại để chờ đến khi nào giá trên thị trường tăng lên mới đưa sản phẩm ra bán. Vì nếu làm như vậy sẽ không có vốn để tiếp tục thực hiện chu kỳ sản xuất mới. Mặt khác, tính chất tươi sống của nhiều loại nông phẩm cũng không cho phép họ làm như vậy. Ngược lại, vào lúc giáp hạt, người sản xuất bán ra ít (cung nhỏ hơn cầu) dẫn đến giá nông phẩm trên thị trường tăng cao (cao hơn điểm hòa vốn sản xuất). Nhưng cũng không vì vậy mà người sản xuất có thể tăng cung ngay để thu nhiều lợi nhuận vì đất trồng trọt có những giới hạn nhất định. Vả lại việc gieo trồng cũng cần có thời gian sinh trưởng.

Từ sự phân tích trên có thể rút ra kết luận : cung nông phẩm trong một mùa vụ là đại lượng tương đối ổn định. Vì vậy, về tổng thể cung nông phẩm kém co giãn đối với sự biến động của giá cả. Về đặc điểm cầu, đối với người tiêu dùng nông phẩm, cho dù giá nông phẩm trên thị trường cao hay thấp người ta cũng chỉ tiêu dùng một khối lượng nông phẩm nhất định (không vì rẻ mà tiêu dùng nhiều hơn, ngược lại cũng không vì giá đắt mà người ta không ăn, mua ít đi đến mức không đủ duy trì sự sống). Từ đặc điểm trên ta thấy cầu cũng kém co giãn đối với sự biến động của giá cả.

Về đặc điểm thị trường giá cả, cơ bản thị trường nông phẩm là một thị trường cạnh tranh mà ở đó, mỗi người sản xuất chỉ cung ứng ra thị trường phần nông phẩm rất nhỏ so với tổng lượng cung của xã hội. Mỗi người sản xuất không thể độc quyền được về lượng cung nên họ cũng không độc quyền được về giá cả. Họ tham gia thị trường hay rút khỏi cũng không ảnh hưởng lớn đến mức giá đã hình thành trên thị trường. Hơn nữa người mua tự lựa chọn người bán.

Như vậy, *người sản xuất nông phẩm không thể độc quyền quyết định giá cả mà phải chấp nhận mức giá hình thành khách quan trên thị trường và đó là giá cả thị trường.* Chính sự vận động đó đã tạo ra tính hai mặt trực tiếp tác động đến sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tác động đến thu nhập của người sản xuất và nhu cầu của người tiêu dùng nông phẩm. Một mặt, nó tác động tích cực đến việc mở rộng diện tích, đầu tư thâm canh, áp dụng những phương pháp canh tác mới để tăng năng suất cây trồng, tăng cung, xã hội có nhiều nông phẩm tiêu dùng, nhưng lại gây thiệt hại cho người sản xuất (nếu cung tăng đến mức lớn hơn cầu). Mặt khác, tác động tiêu cực làm cho diện tích trồng trọt thu hẹp, dẫn đến cung nhỏ hơn cầu, giá tăng có lợi cho người sản xuất nhưng lại không có lợi cho người tiêu dùng nông phẩm. Người sản xuất cũng nhận biết được tính hai mặt của quy luật tự điều chỉnh đó, nhưng bản thân họ dù có cố gắng mấy cũng không thể xử lý nổi mặt tiêu cực của quy luật tự điều chỉnh mà đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước. *Một trong những phương thức can thiệp của nhà nước là hình thành cơ chế chính sách giá bảo hộ nông phẩm.* Như vậy mục tiêu của giá bảo hộ nông phẩm là gì ? Xuất phát từ tính khách quan của sản xuất, kinh doanh nông phẩm trong cơ chế thị trường, hầu hết các nước trên thế giới đều có những biện pháp can thiệp vào thị trường nông phẩm, sử dụng giá bảo hộ nông phẩm như là một trong những công cụ vĩ mô hữu hiệu nhằm :

- Bảo hộ cho người kinh doanh nông phẩm khi giá quân bình cung cầu xuống thấp hơn chi phí sản xuất để người sản xuất khỏi bị lỗ vốn.

Digitized by Google

- Bảo hộ thu nhập của người kinh doanh nông phẩm để ổn định diện tích sản xuất nhằm thiết lập sự an toàn trong việc cung ứng nông phẩm cho nhu cầu xã hội.

- Phân phối lại thu nhập thực tế của các tầng lớp dân cư, chống lại xu hướng giảm sút thu nhập của người làm nông nghiệp so với các ngành nghề khác.

Hầu hết các nước nông nghiệp trên thế giới đều rất chú trọng đến việc bảo hộ giá nông phẩm. Nhưng tùy theo điều kiện, khả năng, hoàn cảnh mà mỗi nước áp dụng cơ chế chính sách và mô hình bảo hộ nông phẩm khác nhau. Khái quát lại trên thế giới có hai mô hình bảo hộ :

Một là, mô hình theo cơ chế "trực tiếp cứng", tức là mô hình của nhà nước trực tiếp can thiệp vào thị trường giá cả. Mô hình này thường được các nước công nghiệp phát triển có tiềm lực tài chính dồi dào như Mỹ, Nhật, cộng đồng châu Âu... áp dụng. Tại các nước nêu trên, nhà nước trực tiếp quy định giá mua và giá bán nông phẩm, đồng thời buộc các tổ chức mua và bán (kể cả các tổ chức nhà nước và tư nhân) phải mua và bán theo mức giá này. Trong quá trình mua bán, nếu phát sinh lỗ, nhà nước dùng ngân sách bù lỗ, trang trải trực tiếp cho các tổ chức mua và bán nông phẩm. Đặc trưng của các nước này là bảo hộ toàn diện sản xuất nông nghiệp, là những biện pháp kinh tế hướng nội. Trong khoảng thời gian từ năm 1984 đến 1986, các nước OECD (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế) đã chi ra khoảng 185 tỉ USD để bảo hộ nông phẩm, chiếm 40% thu nhập của nông dân.

Hai là, mô hình theo cơ chế "gián tiếp". Mô hình này nhà nước không trực tiếp can thiệp vào sự hình thành và vận động của giá cả nông phẩm trên thị trường mà gián tiếp tác động đến giá cả thông qua việc tác động tới quan hệ cung cầu. Mô hình này được nhiều nước đang phát triển áp dụng. Bằng công tác dự đoán, dự báo và đề xuất của các hiệp hội, khi phát hiện giá thị trường nông phẩm có xu hướng xuống thấp, nhà nước quy định giá tối thiểu để làm tín hiệu điều hành, đồng thời yêu cầu các tổ chức thu mua tung tiền ra mua khối lượng lớn nông phẩm theo giá thị trường để kích giá thị trường lên ngang mức giá tối thiểu mà nhà nước hướng dẫn.. Khi giá thị trường lên ngang mức giá này, các tổ chức thu mua ngừng lại không mua để giá thị trường bình ổn xoay quanh mức giá tối thiểu hướng dẫn. Ở thời điểm thị trường đột biến, giá cả tăng có dấu hiệu làm thiệt hại đến lợi ích của người tiêu dùng, nhà nước hướng dẫn giá tối đa và yêu cầu các tổ chức kinh doanh nông phẩm đưa lực lượng lớn ra bán để giá trị thị trường ổn định xoay quanh mức giá hướng dẫn. Để có thể điều hành được thị trường, nhà nước giúp đỡ vốn cho sản xuất, kinh doanh nông phẩm, thực hiện việc cho vay vốn với lãi suất tín dụng ưu đãi để khi giá thị trường xuống thấp thì tung tiền ra mua tuyệt đại bộ phận nông sản phẩm lưu thông trên thị trường nhằm kích giá tăng lên hoặc dùng các biện pháp "cầm cố" nông phẩm giúp nông dân. Để điều hành theo phương thức này, các nước thường tổ chức tốt công tác thông tin, dự đoán, dự báo, tổ chức những cơ quan chuyên mua lương thực dự trữ, thành lập hệ thống kho đệm (trung chuyển) tại các trung tâm thị trường chính.

Trong Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng ghi rõ : "tổ chức chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Thực hiện chính sách bảo hiểm và khuyến khích về giá đối với nông sản, đặc biệt là lúa và cây công nghiệp xuất khẩu" (1). Với kết quả nghiên cứu của mình và thực tế diễn biến của thị trường giá cả nông phẩm như hiện nay ở nước ta, chúng tôi kiến nghị với Đảng và Nhà nước nên áp dụng mô hình bảo hộ "gián tiếp". Mục tiêu định hướng đặt ra là phải ổn định giá cả hàng công nghiệp bán cho nông dân và có chính sách toàn diện hơn, hoàn chỉnh hơn (chứ không chỉ là những biện pháp tình thế) về thị trường nông phẩm, nhằm giúp nông dân tiêu thụ hết nông phẩm với giá cả tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng. Tiêu thụ hết nông sản là bồi dưỡng sức dân, là thực hiện công bằng cho nông dân sản xuất nông phẩm hàng hóa, là một nội dung trong quá trình thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ❑

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 178

Digitized by Google

ÁP DỤNG MÔ HÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

ĐOÀN PHÚC THANH *

Bộ máy quản lý doanh nghiệp giữ vai trò hết sức quan trọng đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh, và do đó quyết định sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp ấy. Việc lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của nó có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế.

Theo Luật doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đối với các tổng công ty nhà nước và các DNNN độc lập quy mô lớn thì cơ cấu tổ chức quản lý là Hội đồng quản trị (HĐQT). Tuy vậy, hiện nay vẫn còn có ý kiến cho rằng, mô hình đó chỉ thích hợp với doanh nghiệp tư nhân, còn đối với DNNN nên áp dụng mô hình Hội đồng giám đốc. Theo tôi : trừ các DNNN hoạt động trong lĩnh vực công ích, còn đại bộ phận DNNN nên áp dụng mô hình HĐQT.

Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, bộ phận DNNN hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận phải là những chủ thể kinh doanh năng động, chấp nhận cạnh tranh và thực hiện nguyên tắc "lời ăn lỗ chịu". Vì thế, bộ máy quản lý doanh nghiệp cần được tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt, vừa bảo đảm tính tự chủ kinh doanh trong môi trường kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng và kiểm tra kiểm soát của nhà nước. Cũng trong nền kinh tế ấy, các nhà quản lý khôn ngoan không bao giờ chịu "bỏ tiền vào một ống", mà thường "thả" vốn vào nhiều doanh nghiệp khác nhau ; đồng thời họ không dại gì lại đi nhận vốn với số lượng lớn của một chủ, để có thể bị chi phối khống chế, mà thường nhận vốn của nhiều chủ khác nhau. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay, để tăng thu lợi nhuận, nâng cao năng lực cạnh tranh và phòng ngừa rủi ro, mỗi doanh nghiệp cần tiến hành nhiều loại hình hoạt động kinh doanh, trong đó có 3 loại hoạt động cơ bản nhất :

1 - Các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký.

2 - Các hoạt động đầu tư vốn, bao gồm mua cổ phiếu của các doanh nghiệp khác, mua trái phiếu và cho vay vốn.

3 - Các hoạt động thu hút vốn để sản xuất kinh doanh, bao gồm phát hành cổ phiếu, trái phiếu và cho vay vốn.

Các hoạt động trên đây thường diễn ra đồng thời khiến xu hướng đa dạng hóa các hình thức sở hữu và sự đan xen của các chủ đầu tư đã trở thành phổ biến của các doanh nghiệp ở nhiều nước trên thế giới, bất luận chúng thuộc hình thức sở hữu nào.

Nhằm thích ứng với các hoạt động và xu hướng đan xen, về sở hữu nói trên, cần có một mô hình tổ chức bộ máy quản lý sao cho có thể đại diện được lợi ích của các chủ sở hữu, tập hợp được nhân tài quản lý, gắn chặt quyền lợi và trách nhiệm của người quản lý với kết quả cuối cùng, cũng như phát huy vai trò điều tiết vĩ mô của chủ sở hữu. Thực tế cho thấy mô hình HĐQT có khả năng thỏa mãn cao nhất các yêu cầu cơ bản đó.

Cách đây trên 100 năm C. Mác đã từng khái quát rằng, bản thân sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa làm cho quyền sở hữu tư bản tách khỏi lao động chỉ huy một cách phổ biến. Vì vậy, lao động chỉ huy không nhất thiết phải do nhà tư bản đảm nhiệm, hệt như người sở hữu nhạc cụ của một dàn nhạc không nhất thiết phải là người chỉ huy dàn

* Giảng viên, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhạc ấy [1]. Hiện tượng mà C. Mác vừa mô tả lại càng phổ biến hơn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Tuy nhiên, đi liền với nó phải có một bộ máy quản lý thay mặt chủ sở hữu thực hiện chức năng định hướng và kiểm tra kiểm soát đối với giám đốc điều hành, nhưng không can thiệp vào công việc quản lý kinh doanh hằng ngày của giám đốc. Bộ máy đó chính là HĐQT.

Ngoài ra, vấn đề người lao động mua cổ phiếu trong các công ty cổ phần đang được nhiều nước khuyến khích.

Theo Sử Mỹ lan (Trung quốc) chế độ công nhân nắm cổ phần đã được áp dụng ở 56 nước trên thế giới. Hiện nay, công nhân Trung quốc nắm 47% cổ phiếu trong 11 500 công ty cổ phần. Ở Mỹ có khoảng 15 triệu công nhân tham gia mua cổ phiếu, chiếm 13% tổng số công nhân Mỹ, với số vốn cổ phần là 120 tỉ USD [2]. Từ đó, buộc phải có một loại hình cơ cấu tổ chức quản lý, qua đó người lao động ở trong và ngoài doanh nghiệp có thể tham gia vào hoạt động quản lý nhằm trước hết bảo vệ lợi ích của bản thân họ với tư cách là chủ sở hữu trong phạm vi phần vốn đã đóng góp vào doanh nghiệp cổ phần. Cơ cấu tổ chức đó không có gì khác ngoài HĐQT.

Khi nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức bộ máy quản lý DNNN của một số nước cho thấy rằng : HĐQT là một mô hình phổ biến. Ở Hàn quốc, các DNNN đều có HĐQT, nhưng nó không can thiệp vào công việc kinh doanh mà chỉ đưa ra các quyết định quản lý mang tính chất định hướng. Bộ chủ quản cử ra HĐQT, chủ tịch HĐQT cử ra giám đốc điều hành [3]. Ở Pháp hầu hết DNNN đều là những công ty cổ phần, trong đó nhà nước nắm toàn bộ hoặc đa số cổ phần ; nó được quản lý giống như những doanh nghiệp tư nhân. Cấu thành HĐQT của DNNN bao gồm 18 người, trong đó 6 người là viên chức, đại diện cho chủ sở hữu và do bộ chủ quản, Bộ tài chính chỉ định ; 6 người khác không phải là viên chức chính phủ, nhưng được chính phủ lựa chọn vào HĐQT, căn cứ vào năng lực quản lý của họ ; 6 người còn lại do cán bộ công nhân trong doanh nghiệp bầu chọn dưới hình thức tín nhiệm bằng phiếu kín [4].

Ở nước ta, căn cứ vào điều kiện cụ thể của nền kinh tế, việc áp dụng mô hình HĐQT còn nhằm tiếp tục phân định chức năng quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh đối với các DNNN. HĐQT là người thay mặt nhà nước trực tiếp đưa ra các quyết định về chiến lược kinh doanh, đồng thời thực hiện việc kiểm tra giám sát công việc điều hành của giám đốc doanh nghiệp. Điều quan trọng là bằng cơ chế hoạt động đặc biệt của mình, HĐQT có khả năng tạo ra một hành lang thuận lợi, qua đó giám đốc có toàn quyền đối với việc sử dụng vốn liếng tài sản để phát triển sản xuất và không ngừng làm tăng giá trị tài sản đó.

Trong cơ cấu của HĐQT bao gồm đại diện của nhà nước, của cán bộ công nhân trong và ngoài doanh nghiệp, từ đó sẽ có điều kiện để chế định lẫn nhau, hạn chế sự áp đặt hoặc các hành động mang tính chất lộng quyền của một hoặc một vài thành viên trong HĐQT. Đây còn là biện pháp quan trọng để khắc phục những hạn chế của mô hình Hội đồng xí nghiệp hoặc Hội đồng giám đốc trước đây. Ngoài ta, khi các hoạt động mang tính tác nghiệp của DNNN không còn bị can thiệp quá sâu bởi các cơ quan quản lý vĩ mô, nghĩa là cơ chế chủ quản

---

(1) Xem C. Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà nội 1978, q 3, t 2, tr 98

(2) Xem Sử Mỹ lan : *Chế độ công nhân nắm cổ phần*, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Trung quốc, 1994, số 6, tr 67, 69 (tài liệu dịch)

(3) Xem *Kinh nghiệm cải cách doanh nghiệp nhà nước của Đài loan, Ma-lai-xi-a, và Nam Triều tiên*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà nội, 1994, tr 121

(4) Xem *Quản lý xí nghiệp quốc doanh ở Pháp và Ấn độ, cơ cấu tổ chức quản lý công ty và vai trò của hội đồng các giám đốc*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Hà nội, 1990, tr 11

Digitized by Google

được xóa bỏ thì HĐQT sẽ là chủ đại diện đích thực của nhà nước, trực tiếp quản lý toàn diện các hoạt động cơ bản của DNNN.

Tóm lại, nếu tổ chức bộ máy quản lý DNNN bằng mô hình HĐQT thì đó là cơ sở để các doanh nghiệp thực hiện tính tự chủ kinh doanh theo cơ chế thị trường, đồng thời bảo đảm vai trò quản lý vĩ mô của nhà nước. Vấn đề còn lại là ở cơ cấu HĐQT và phương thức hoạt động của nó.

Theo luật DNNN, chủ tịch HĐQT là thành viên chuyên trách, tổng giám đốc (hoặc giám đốc) là thành viên đương nhiên của HĐQT, tất cả đều do nhà nước bổ nhiệm. Nhiều người rất băn khoăn về tính tự chủ của DNNN sẽ không được bảo đảm, do sự can thiệp của các quan chức chính phủ vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cho dù các thành viên của HĐQT không đồng thời đảm nhận các chức vụ trong bộ máy nhà nước theo luật định, nhưng một bộ phận lớn trong số họ vốn là cán bộ quản lý vĩ mô, ít am hiểu công việc kinh doanh. Hơn nữa họ cũng chỉ là người làm công ăn lương. Vì thế, sự gắn bó của họ với doanh nghiệp chưa có gì bảo đảm chắc chắn. Nói cách khác, hiện tại các thành viên HĐQT trong các DNNN có tổ chức bộ máy theo mô hình HĐQT ở nước ta chưa phải là chủ sở hữu đích thực mà chỉ là chủ sở hữu đại diện một cách hình thức. Ngay cả đối với các doanh nghiệp cổ phần của nhà nước, nếu các thành viên HĐQT không phải là những cổ đông thực sự, mà chỉ là cổ đông đại diện do nhà nước cử ra thì những thiệt hại (nếu có) của doanh nghiệp trong kinh doanh sẽ không được bù đắp.

Những băn khoăn trên đây đều là chính đáng. Vì thế, chúng ta cần tiếp tục có sự nghiên cứu để hoàn thiện mô hình HĐQT. Về mô hình này, tôi đề xuất một số vấn đề như sau :

Thứ nhất : Để phân định rạch ròi chức năng chủ sở hữu và chức năng quản lý kinh doanh trong các DNNN, HĐQT nên coi trọng hơn chức năng chủ sở hữu. Với chức năng này, HĐQT chỉ giới hạn ở những nhiệm vụ chủ yếu như : quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch dài hạn của doanh nghiệp do giám đốc (tổng giám đốc) đệ trình, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện nghị quyết do HĐQT quyết định. Với chức năng quản lý kinh doanh trực tiếp, giám đốc (tổng giám đốc) có toàn quyền trong việc tổ chức quản lý nhằm phát triển sản xuất, làm tăng giá trị tài sản doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh dài hạn để thông qua đại hội công nhân viên chức và HĐQT.

Ở Pháp, kinh nghiệm giải quyết quan hệ về chức năng, quyền hạn của HĐQT và giám đốc điều hành trong DNNN là : Giám đốc doanh nghiệp chuẩn bị chiến lược phát triển của doanh nghiệp mình, sau đó HĐQT xem xét và kiến nghị chính phủ quyết định. Chiến lược phát triển của doanh nghiệp rất mềm dẻo, linh hoạt và chỉ mang tính định hướng. Tính định hướng được thể hiện thông qua một số chỉ tiêu cơ bản như lợi tức/doanh số ; doanh số hàng hóa bán ra/tổng số tư bản đầu tư ; lợi tức/số công nhân viên chức... Căn cứ vào sự thay đổi của các chỉ tiêu đó qua các năm, có thể đánh giá được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Giám đốc được phép điều hành doanh nghiệp như một công ty tư nhân. (5)

Sự phân định chức năng quản lý như đã nêu ở trên, một mặt phát huy vai trò định hướng của chủ sở hữu nhà nước, mặt khác không quá tập trung quyền quản lý vào HĐQT. Quyền quản lý chủ yếu thuộc về giám đốc và cán bộ công nhân trong DNNN ; từ đó tính tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp được bảo đảm, các lợi ích kinh tế vì thế cũng được kết hợp một cách chặt chẽ.

(5) Xem : *Quản lý xí nghiệp quốc doanh ở Pháp và Ấn độ, Sđd*, tr 11

Digitized by Google

Thứ hai : Nhằm góp phần tách biệt hơn nữa quyền sở hữu và quyền kinh doanh, giám đốc (hoặc tổng giám đốc) DNNN phải nằm ngoài HĐQT và do HĐQT lựa chọn hoặc áp dụng chế độ thuê giám đốc. Theo cách đó, sẽ khắc phục sự áp đặt "chức" giám đốc từ phía nhà nước, hạn chế được tình trạng "hành nghề mà không có nghề" của nhiều giám đốc DNNN.

Tại sao một vấn đề phát sinh của doanh nghiệp mà tổng giám đốc phải xin ý kiến HĐQT, HĐQT trình bộ chủ quản, bộ chủ quản trình Bộ tài chính, Bộ tài chính trình Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến chỗ mất hết cơ hội kinh doanh ? Hiện nay vẫn còn rất "bùng nhùng" trong mối quan hệ giữa HĐQT và tổng giám đốc, nhất là về mặt tài chính và chế độ lương bổng trong các tổng công ty nhà nước. Nguyên nhân là ở chỗ tính hình thức của bộ máy quản lý còn rất lớn. Trên thực tế, chủ sở hữu đích thực - tức cán bộ, chủ sở hữu đại diện - tức HĐQT và người quản lý doanh nghiệp (tuy là ba mà chỉ là một) đều là đại diện của nhà nước. Vì thế khó có thể tạo ra được cơ chế bảo đảm cho tổng giám đốc có gần đủ quyền của người quản lý, trong đó bao gồm quyền được nhận và sử dụng vốn vào mục đích kinh doanh, trên cơ sở của kế hoạch và sự giám sát của HĐQT. Vì lẽ đó, tôi cho rằng cần để cho HĐQT được quyền lựa chọn tổng giám đốc có đủ phẩm chất và năng lực điều hành một doanh nghiệp lớn trong cơ chế thị trường. Đồng thời, có thể để cho các tổng giám đốc trực tiếp nhận vốn từ Bộ tài chính mà không phải nhận qua HĐQT, hoặc HĐQT và tổng giám đốc cùng ký nhận vốn như Luật DNNN quy định.

Thứ ba : Cố gắng tạo ra trong cơ cấu HĐQT của DNNN mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với nhà nước và các doanh nghiệp khác. Như vậy, trong cấu thành của mình, HĐQT, DNNN sẽ bao gồm không những đại diện của nhà nước, đại diện cán bộ công nhân trong và ngoài doanh nghiệp mà còn có cả một số giám đốc của các doanh nghiệp khác. Theo cách đó, HĐQT sẽ hoạt động với tư cách như những cổ đông, vì thế họ là những người chủ đích thực tương đối, đại diện cho một nguồn ngân sách nhất định và có trách nhiệm cao hơn đối với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mà họ góp vốn.

Từ sự cần thiết phải tạo ra và kết hợp các loại liên kết dọc lẫn liên kết ngang trong cơ cấu HĐQT, đòi hỏi chúng ta phải có tư duy mới về sở hữu đối với các doanh nghiệp lớn của nhà nước. Theo tôi, chừng nào trên 20 tổng công ty của nhà nước hiện nay còn là những tổ chức kinh tế đơn sở hữu, chừng đó khó có thể trở thành các tập đoàn kinh doanh mạnh mà chính phủ muốn xây dựng. Vì thế, phải để cho các tổng công ty nhà nước được đồng thời tiến hành các hoạt động huy động vốn và đầu tư vốn dưới hình thức cổ phiếu nhằm tăng quy mô sản xuất, góp phần giải quyết khó khăn về tài chính cho nhà nước. Theo đó, sẽ thu hút một số lượng nhất định giám đốc của các doanh nghiệp khác tham gia vào HĐQT của các tổng công ty. Kinh nghiệm của các nước kinh tế phát triển qua hàng chục năm vận hành doanh nghiệp đã chỉ ra rằng : "những thành viên có giá trị nhất trong HĐQT là các giám đốc điều hành ở các doanh nghiệp khác" (6)

Với cơ cấu HĐQT bao gồm một số thành viên có trình độ và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, hơn nữa lại gắn với một chế độ trách nhiệm và quyền lợi rõ ràng, chắc chắn sẽ tạo ra cho các tổng công ty nhà nước những "tính trội" hợp lý - theo lý thuyết hệ thống. Sự lo ngại của nhiều người về tính chất "bình mới rượu cũ" sẽ dần dần được giải tỏa dựa trên sức sống mới của các tập đoàn kinh doanh của nhà nước ❑

(6) Xem : *Quản lý xí nghiệp quốc doanh ở Pháp và Ấn độ, Sđd*, tr 45

Digitized by Google

KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH HÒA BÌNH - TIỀM NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

HOÀNG VĂN HON *

HÒA bình là tỉnh miền núi cửa ngõ Tây bắc của thủ đô Hà nội (thị xã Hòa bình cách Hà nội 76 km) và các tỉnh đồng bằng sông Hồng ; có điều kiện giao thông bộ, thủy rất thuận lợi, có đường liên tỉnh, liên vùng nối liên với các tỉnh : Vĩnh phú, Sơn la, Thanh hóa, Ninh bình, Nam hà, Hà tây.

Hòa bình có diện tích tự nhiên 4 749 km^2 (trong đó đất sản xuất nông nghiệp 72 437 ha và đất lâm nghiệp 303 680 ha), số dân 72,9 vạn người, mật độ số dân 158 người/km^2 (vùng cao 50 - 60 người/km^2, vùng thấp 200 người/km^2). Hòa bình có nhiều dân tộc chung sống trên cùng địa bàn, trong đó dân tộc Mường chiếm 60%, Kinh 31%, Thái 3,9%, Tày 2,5%, Dao 1,6%, còn lại là những dân tộc khác. Tỉnh có 10 huyện, thị (có một thị xã Hòa bình) và 212 xã, phường ; có địa hình phức tạp và trải dài trên 200 km. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, nhưng do có nhiều núi cao nên trong tỉnh có nhiều tiểu vùng khí hậu mang tính chất á nhiệt đới và có vùng bị ảnh hưởng của gió Lào từ tháng 3 đến tháng 5 hằng năm. Hòa bình có sông Đà chảy qua với chiều dài 151 km, có Nhà máy thủy điện Hòa bình công suất phát điện 1 920 MV, hồ nước rộng 8 892 ha, có dung tích 9,5 tỉ khối nước. Ngoài việc cung cấp điện cho cả nước, hồ sông Đà còn là công trình trị thủy, điều tiết nước giữa các mùa của vùng đồng bằng sông Hồng (vựa lúa lớn thứ 2 của cả nước) và thủ đô Hà nội. Thực tế trong đợt mưa lũ tháng 8-1996 vừa qua, thủy điện Hòa bình đã góp phần tích cực vào việc phân lũ nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất đối với các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Về tài nguyên rừng, Hòa bình có hệ thực động vật phong phú, với nhiều loại cây, con quý hiếm, có độ che phủ rừng là 30% (đứng đầu trong các tỉnh miền núi phía Bắc). Hiện nay, tỉnh vẫn còn một số khu rừng nguyên sinh. Do đất rừng tốt nên việc tái sinh rừng ở đây cũng rất nhanh, việc trồng cây nông nghiệp và cây công nghiệp cũng rất thích hợp.

Hòa bình có nhiều khoáng sản quý như quặng sắt, ăng ti mon, bô xít, a miăng, đá granít, đá đoa, than đá, mỏ nước khoáng... ; có đá vôi, đất sét, với trữ lượng lớn và chất lượng cao thích hợp cho sản xuất xi măng và làm vật liệu xây dựng.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội (giai đoạn 1991 - 1995) nhờ sự chỉ đạo của tỉnh ủy và sự vận dụng sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương, cơ sở nên nhiều lĩnh vực đã đạt được các mục tiêu mà đại hội lần thứ XI của đảng bộ tỉnh đề ra. Sau đây, xin nêu một số thành tựu nổi bật :

1 - Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi.

Sau khi tách tỉnh, Hòa bình đã xác định cho mình một hướng đi đúng đắn. Muốn chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa cần phải phá thế độc canh. Nghị quyết 02 của đảng bộ tỉnh Hòa bình đã chỉ rõ : Nếu nơi nào đủ nước thì tiếp tục thâm canh, nơi nào sản xuất lương thực bấp bênh thì chuyển sang cây ăn quả, như mơ, mai, mận hậu, nhãn, vải thiều, cam, quýt, chanh, na, hồng, cây công nghiệp ngắn ngày như đậu tương, lạc, mía, cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê... Nhờ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nên trên địa bàn tỉnh đã hình thành các vùng chuyên canh như : đậu tương 70 000 ha, mía 60 000 ha... Thực tế cho thấy mía hàng hóa ở Hòa bình đã chiếm lĩnh thị trường Hà nội, và các tỉnh miền Bắc. Mía tím là đặc sản của Kỳ sơn nói riêng và của Hòa bình nói chung được khách hàng xa gần mến mộ. Ở các huyện Kỳ sơn, Kim bôi, Tân lạc và thị xã Hòa bình... nhiều hộ trồng mía đã trở thành "triệu phú". Còn ở huyện Lạc thủy vốn là "rốn nước" của tỉnh thường bị ngập úng, nhờ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn huyện như trồng đậu tương, lạc, dưa

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Hòa bình

Digitized by Google

hấu, nhãn, vải thiều... nên đời sống của nhân dân giàu lên nhanh. Ở những vùng lúa, đất màu mỡ mà nhân dân địa phương từng ca ngợi như : "Nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động" (1) có vùng vẫn giữ được truyền thống đó. Thực tế có nghịch lý là ở vùng đất tốt, nếu không chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý thì hiệu quả kinh tế đạt được sẽ kém, đời sống nhân dân chậm cải thiện hơn so với vùng đất xấu mà biết chuyển đổi cây trồng, phá thế độc canh.

Việc đổi mới cơ cấu cây trồng và nhất là sử dụng giống mới (lúa, ngô, lạc, đậu, mía...) ở Hòa bình đã làm cho kinh tế - xã hội phát triển, sản xuất hàng hóa ở nhiều vùng khởi sắc, bộ mặt các vùng thị xã, thị trấn, thị tứ, thôn bản có sự đổi mới. Đáng chú ý là tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 7,6%/năm, thu nhập GDP bình quân đầu người năm 1995 đạt 1,7 triệu đồng, tăng 2,9 lần so với năm 1990. Sản xuất nông nghiệp liên tục phát triển, tổng sản lượng lương thực quy thóc từ 133 406 tấn năm 1990 đã tăng lên 195 401 tấn năm 1995. Về diện tích lúa nước tăng khoảng 1 500 ha. Năng suất lúa từ 20,97 tạ/ha/vụ lên 32 tạ/ha/vụ. Tình trạng phá rừng làm nương giảm mạnh từ 15 000 ha/năm xuống còn 3 000 ha/năm ; diện tích rừng trồng mới là 30 000 ha, các khu rừng tự nhiên vẫn duy trì bảo vệ tốt.

Về chăn nuôi, năm 1995 đàn trâu có 10,9 vạn con, tăng 36%, đàn bò có 4,13 vạn con, tăng 61,2%, đàn lợn có 24,5 vạn con, tăng 16,9% so với năm 1990. Nguồn lợi thu được từ nuôi cá ao, hồ, đánh bắt cá ở hồ sông Đà tăng nhanh.

Nhìn chung cơ cấu kinh tế ở Hòa bình đã có sự chuyển dịch theo hướng tỷ trọng nông lâm nghiệp giảm dần, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, xuất nhập khẩu tăng dần. Cơ cấu cây trồng vật nuôi có sự chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành được một số vùng sản xuất tập trung như mía, chè, đậu tương, cây ăn quả tạo tiền đề cho công nghiệp chế biến.

2 - Xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh đã tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng như đường, điện, nước, trường, trạm, đầu tư trồng rừng ; tập trung đầu tư nâng cấp, làm mới các tuyến đường liên huyện, liên xã được 294 km, rải nhựa 433 km (thêm 8 xã vùng cao, vùng sâu có ô tô đến trung tâm xã). Toàn tỉnh có 2 478 km đường, trong đó có 556 km là quốc lộ và tỉnh lộ, còn lại là đường dân sinh kinh tế địa phương. Dẫu rằng chất lượng đường còn xấu, nhưng với mạng lưới đường giao thông rộng lớn này, cùng với phương tiện vận tải của các thành phần kinh tế đã góp phần quan trọng vào quá trình lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn tỉnh. Về đường thủy, phương tiện vận tải thủy trọng tải 100 tấn từ Hòa bình đi Hà nội và Hải phòng rất thuận tiện. Về thủy lợi, tỉnh đã đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, thay thế 43 trạm thủy lợi, làm thêm nhiều đập vừa và nhỏ, nâng cấp các tuyến đê. Nhờ vậy, toàn tỉnh đã có thêm 1910 ha được tưới tiêu nước bảo đảm tưới nước chủ động cho 34 500 ha, chiếm 81% diện tích lúa và tiêu úng cho 1 450 ha (tăng 58,6% so với năm 1990) lúa và màu. Các công trình nước sạch đang được triển khai ở một số xã trong tỉnh và xây dựng mới 107 bể chứa nước sinh hoạt với dung tích 1070 m^3 cho đồng bào Mông ở huyện Mai châu. Về điện, năm 1990 toàn tỉnh chỉ có 26 xã, phường có điện. Đến hết năm 1995 đã có 94/212 xã, phường có điện, tăng 261%. Số hộ có điện là 66 916 hộ, chiếm 49%. Hiện nay điện lưới quốc gia đã về 10/10 huyện, thị trong tỉnh. Về cơ sở vật chất trường học, y tế, ... đã có bước phát triển đáng kể : số phòng học tăng 58% so với năm 1990 (có 70% trường học được xây dựng kiên cố vững chắc), đã thanh toán được học 3 ca ; 90% xã có trạm y tế, các khu vực đông dân đều có phòng khám đa khoa.

3 - Sự nghiệp văn hóa - xã hội từng bước phát triển vững chắc.

Mấy năm qua, sự nghiệp giáo dục ở Hòa bình có nhiều tiến bộ. Số học sinh ở các cấp năm học sau tăng hơn năm học trước. Năm học 1995 - 1996 toàn tỉnh có gần 24 vạn người đi học, bình quân cứ 3 người dân có 1 người đi học. Đặc biệt là số học sinh phổ thông các cấp đạt giải quốc gia ngày càng tăng. Số học sinh đỗ vào các trường đại học năm 1995 tăng 6 lần so với năm 1990. Vừa qua, tỉnh được công nhận là tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học và chống nạn mù chữ. Đây là thành quả lớn lao của ngành giáo dục nói riêng và tỉnh Hòa bình nói chung trong sự nghiệp "trồng người" của một tỉnh miền núi vốn có bề dày truyền thống văn hóa dân tộc. Năm học 1995 - 1996 tỉnh Hòa bình được Bộ giáo dục đào tạo xếp thứ nhất khu vực miền núi và là một trong 4 tỉnh xếp thứ nhì trong 53 tỉnh, thành cả nước.

(1) Vùng lúa ở Tân lạc, Lạc sơn, Kỳ sơn, Kim bôi

Digitized by Google

Về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được tỉnh thường xuyên quan tâm nên tỷ lệ giảm sinh hàng năm đạt kết quả khá (bình quân mỗi năm giảm tỷ lệ sinh được 0,091%). Về văn hóa thông tin, các huyện đều có đài truyền thanh, có trạm thu phát truyền hình, 75% số hộ có đài nghe tin tức, 4 vạn máy thu hình phần lớn tập trung ở thị xã, thị trấn và nông thôn vùng núi thấp. Nhờ có thông tin nên nhận thức của người dân về chính trị - kinh tế - xã hội ngày càng sâu rộng hơn, họ thực sự tin vào sự nghiệp đổi mới của Đảng.

4 - Công tác an ninh - quốc phòng được giữ vững, tình hình chính trị được ổn định, nhân dân các dân tộc đoàn kết chung sức xây dựng quê hương giàu đẹp.

5 - Công tác xây dựng đảng, mặt trận đoàn thể được tăng cường. Đảng bộ tỉnh có hơn 90% đảng viên đủ tư cách, có nhiều đảng bộ cơ sở thực sự trong sạch, vững mạnh. Nhìn chung, các tổ chức đảng đã giữ vững vị trí, vai trò lãnh đạo của mình trong hệ thống chính trị.

Cùng với những mặt làm được, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Hòa bình còn nhiều mặt hạn chế. Điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, GDP/người năm 1995 đạt 160 USD, thấp hơn mức trung bình của cả nước. Về cơ cấu kinh tế chuyển đổi chậm, tỷ trọng nông - lâm nghiệp trong GDP còn chiếm 52%, tỷ trọng trong công nghiệp và dịch vụ mới chiếm 48%. Tỷ lệ huy động GDP vào đầu tư còn thấp, chiếm khoảng 3 - 4%, ngân sách thu không đủ chi (mới đảm đương được từ 40 - 45% nhu cầu chi, số còn lại do ngân sách trung ương cấp). Về mặt xã hội, đời sống của một bộ phận dân cư của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Theo số liệu điều tra năm 1995, số hộ nghèo và đói trên phạm vi toàn tỉnh chiếm 20%. Sinh đẻ có kế hoạch đã được tuyên truyền sâu rộng, nhưng tỷ lệ sinh còn ở mức cao (năm 1995 là 2,12%). Hằng năm trong tỉnh có gần 1 vạn lao động thất nghiệp và nửa thất nghiệp (chưa kể số người thiếu việc làm từ các tỉnh đồng bằng sông Hồng lên kiếm việc làm tại Hòa bình). Đây đang là vấn đề bức xúc về đời sống xã hội cần giải quyết trong thời gian tới. Điều đáng lo ngại là trong tỉnh vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân dân nặng tư tưởng bảo thủ, quen tập quán canh tác giản đơn, ngại làm những công việc phức tạp như ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến ; sản xuất còn mang nặng tính tự cung tự cấp, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn còn dáng dấp kinh tế tự nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng còn yếu kém (còn 11 xã ở vùng lòng hồ, vùng cao chưa có đường ô tô tới trung tâm xã) ; ở một số nơi vẫn còn tình trạng lười lao động và nghiện hút. Tình hình đó đã và đang là trở ngại lớn cho sự nghiệp đổi mới .

Để kinh tế - xã hội ở Hòa bình từng bước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tập trung vào những định hướng sau :

Một là, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đây là việc làm thiết thực góp phần đưa nông nghiệp tiến nhanh và vững chắc, tạo tiền để để phát triển công nghiệp chế biến. Áp dụng công nghệ sinh học và đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chế biến... Cần có quy hoạch tổng thể và quy hoạch đất đai trên địa bàn tỉnh để xác định từng vùng trồng cây gì, nuôi con gì cho thích hợp. Xác định các vùng chuyên canh, vùng kinh tế và có hướng tiêu thụ sản phẩm. Có chủ trương, chính sách và biện pháp thích hợp đối với vùng cao, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện để các vùng đó phát triển.

Hai là, xây dựng các mô hình kinh tế hộ cho phù hợp với cơ chế mới, khuyến khích kinh tế hộ phát triển theo mô hình V.A.C, mô hình trang trại nông - lâm kết hợp. Đổi mới các hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng : "Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, triển khai thực hiện Luật hợp tác xã" (2). Mục tiêu chủ yếu của các hợp tác xã ở giai đoạn đầu là làm dịch vụ cho kinh tế hộ phát triển như cây, con giống, hướng dẫn sản xuất, giải quyết đầu ra. Sự phát triển của kinh tế hộ thu quy hoạch sẽ tạo cơ sở hình thành các vùng nguyên liệu lớn, tập trung phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực tế cho thấy, nếu thiếu người hướng dẫn sản xuất (hợp tác xã) thì kinh tế hộ dễ phát triển theo hướng phân tán, manh mún, tự cấp, tự túc.

Ba là, phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu, xây dựng các xí nghiệp quy mô nhỏ và vừa nhằm khai thác tiềm năng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của các vùng kinh tế mà xây dựng các loại hình xí nghiệp cho phù hợp với thực tế của địa phương. Muốn cạnh tranh được trên thị trường thì công nghệ phải tiên tiến, mẫu mã bao bì phải đẹp, hấp dẫn được người tiêu

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 169

Digitized by Google

dùng. Cho nên, việc mở rộng các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh phải tính toán kỹ cả hiệu quả kinh tế và xã hội. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng hình thành các vùng kinh tế là tiền đề cho việc xây dựng các nhà máy chế biến sản phẩm, đáp ứng từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Trước mắt, cần đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cấp, hoàn thiện, đưa nhanh vào sản xuất nhà máy mía đường (700 tấn/ngày), nhà máy xi măng (8,8 vạn tấn/năm), nhà máy gạch tuy-nen, nhà máy ván tre ép. Mặt khác, chuẩn bị xây dựng xí nghiệp sản xuất đá ốp lát xuất khẩu, xí nghiệp gỗ ván ép, xí nghiệp chế biến nước khoáng Kim bôi...

Về tiểu thủ công nghiệp, cần đẩy mạnh việc phát triển ngành nghề để khai thác nguyên liệu sẵn có trên địa bàn. Từng bước xây dựng các làng nghề truyền thống làm các mặt hàng đồ gỗ phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, dệt thổ cẩm, chế biến nông - lâm sản. Để có được làng nghề, cần có thời gian và chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao tay nghề, có chính sách kinh tế thực sự khuyến khích người lao động. Coi trọng sử dụng các nghệ nhân "bàn tay vàng" tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị thẩm mỹ cao, có giá trị xuất khẩu lớn.

Bốn là, mở rộng dịch vụ du lịch trên địa bàn, tạo nguồn thu cho ngân sách. Hòa bình có nhiều danh lam thắng cảnh, có tiềm năng du lịch lớn, nhưng chưa được đầu tư thích đáng. Du khách đến Hà nội thường lên thăm Nhà máy thủy điện Hòa bình, xem văn hóa Mường, Thái và các dân tộc khác. Hằng năm, khách đến đông nhưng dừng chân nghỉ lại Hòa bình còn ít, vì cơ sở hạ tầng yếu kém. Những khách sạn ở thị xã Hòa bình chưa hấp dẫn với du khách, vì trang thiết bị và các dịch vụ chưa đồng bộ. Muốn đáp ứng được yêu cầu của du khách trong điều kiện hiện nay, các khách sạn của tỉnh cần được nâng cấp để từ đó tạo được nguồn thu ngoại tệ và nội tệ. Mặt khác, việc xây dựng làng du lịch nhà sàn, làng văn hóa, du lịch sinh thái cũng cần được phát triển đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách trong nước và nước ngoài. Vấn đề quan trọng trước mắt là, cần sớm hoàn thiện quy hoạch tổng thể các khu du lịch trên địa bàn tỉnh để gọi vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

Năm là, tăng cường công tác xây dựng đảng và đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Muốn thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội do đại hội lần thứ XII đảng bộ tỉnh đề ra, cần thực hiện nhiệm vụ then chốt là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ở địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ nắm được khoa học công nghệ đủ sức giải quyết được những vấn đề thực tiễn đặt ra trên địa bàn tỉnh. Khắc phục tình trạng đội ngũ cán bộ cấp xã, thôn bản còn yếu và thiếu, chưa đủ năng lực triển khai các chương trình kinh tế - xã hội, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thực tiễn cuộc sống. Đào tạo các trí thức người dân tộc phục vụ ngay trên các địa bàn là hiệu quả nhất, có tính bền vững nhất. Muốn vậy, tỉnh cần mở thêm các trường dân tộc nội trú để đào tạo con em các dân tộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Đây chính là nguồn bổ sung cán bộ trực tiếp cho các vùng này. Phương châm cần quán triệt là : "Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển xã hội - văn hóa, bảo vệ an ninh - quốc phòng, phấn đấu giảm bớt khoảng cách giữa các vùng về mặt tiến bộ xã hội" (3)

Sáu là, coi trọng công tác giao đất, giao rừng, khoán rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh. Làm tốt công tác quy hoạch, trồng mới, bảo vệ và tu bổ ba loại rừng : rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và có chính sách, biện pháp quản lý, sử dụng hợp lý. Xây dựng mô hình hộ kinh tế gia đình theo hướng nông - lâm kết hợp, hình thành các chủ trang trại lớn làm giàu cho gia đình và xã hội bằng chính nghề rừng.

Bảy là, coi trọng việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phấn đấu 100% xã có đường ô tô đến xã, xây dựng lưới điện, nước sạch, trường, trạm, chợ, các "cụm xã", các trung tâm kinh tế. Mặt khác, coi trọng bố trí gọn các khu dân cư quá phân tán để quy hoạch vùng kinh tế, sử dụng cơ sở hạ tầng nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đòi hỏi đảng bộ và nhân dân Hòa bình phải phấn đấu vươn lên thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Nghị quyết đại hội lần thứ XII của đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, từng bước đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh vững bước đi lên theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ❑

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 215

Digitized by Google

I

MỘT trong những trăn trở của các cấp, các ngành khi nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VIII là hiểu thế nào cho đúng về nội dung công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp. Việc làm đầu tiên phải chăng là tìm cách tiếp cận với đồng ruộng và thôn xóm từ những ngày đổi mới ?

VỀ MỘT VÀI NHÂN TỐ MỚI TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

TRẦN ĐỨC

Ba năm gần đây, Thanh hóa là một trong những tỉnh có phong trào xây lại kênh mương bằng vật liệu cứng. Huyện Đông sơn đã đầu tư trên 7 tỉ đồng tiền nguyên, vật liệu và công lao động để xây cất 70 con mương dài hơn 40 km. Phong trào đang tiếp tục được mở rộng và đem lại lợi ích thiết thực : tăng thêm diện tích đất canh tác, rút ngắn được gần một nửa thời gian tưới nước (trước đây, mỗi đợt bơm tưới nước ít nhất cũng mất 7 ngày, nay chỉ cần 3 - 3,5 ngày), nước không bị ngấm qua lớp đất ở bờ mương, tiền điện cho bơm tưới cũng giảm gần một nửa. Việc sửa chữa, nạo vét kênh mương cũng đỡ tốn công, do đó toàn huyện đã tiết kiệm được gần 1 vạn ngày công. Hiện nay vật liệu cứng gồm xi măng, gạch đá, nhưng từ sau năm 2000, khi công nghiệp hóa dầu của nước ta phát triển thì Thanh hóa cũng như nhiều tỉnh khác sẽ có điều kiện dùng pôlime giá rẻ để hiện đại hóa kênh mương lên một trình độ cao hơn, ở nhiều khu vực, mương máng có khả năng đi ngầm dưới mặt đất.

Tác dụng to lớn của công nghệ sinh học đã tạo nên nhiều giống gà vịt siêu trọng, siêu trứng, năng suất lúa ngô cũng có những bước nhảy vọt. Ở miền Bắc và đặc biệt là ở miền Nam, năng suất lúa lai đạt mức 10 - 11 tấn/ha, ngô lai 7 - 8 tấn/ha trên diện rộng. Nếu nói rằng khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì công nghệ sinh học đang trở thành một bậc thang mới trong cuộc cách mạng xanh ở nước ta. Nhiều tỉnh như Hà tĩnh đang lấy giống làm khâu trung tâm trên mặt trận thâm canh tăng năng suất lúa. Đó là đòi hỏi không chỉ của cây lương thực mà còn của các cây thực phẩm, cây ăn trái, cây công nghiệp, của gia súc và gia cầm. Chưa bao giờ phong trào trồng cam, quít, vải, nhãn, mận Tam hoa v.v. phát triển như lúc này. Nhưng cũng chưa bao giờ khi sản xuất được mở rộng trên diện đại trà thì những nhược điểm trong khâu giống lại bộc lộ rõ như hiện nay. Không ai có thể bằng lòng với những quả cam, quít nhiều hạt, nhãn vải hạt to, cùi mỏng. Cấp trung ương và một số tỉnh đã bắt đầu quan tâm đến những giống cây ăn trái. Tôi có dịp về xã Minh hương (huyện Bình long, tỉnh Sông bé) thăm trại giống cây ăn trái của chị Hai Tân. Trại của chị có nhiều giống mới nhập từ Thái lan như sầu riêng năm thứ ba đã có quả bói, vải trái tròn loại I, xoài, xa bô chi ê, chôm chôm v.v. Nếu có bàn tay của cán bộ kỹ thuật trong việc di thực, bồi dưỡng và lai tạo giống thì hiệu quả sẽ nâng lên rõ rệt.

Cây nhãn là "anh chàng khổng lồ" của miền Tây Nam bộ. Ở các tỉnh Tiền giang, Vĩnh long, Đồng tháp, sau một thời gian, nhờ phá bỏ cây nhãn long thay vào đó bằng cây nhãn da bò nhiều cơm hơn ; ghép mắt nhãn da bò vào gốc nhãn long nên rút ngắn được thời gian sinh trưởng, tạo nên những cây nhãn có giá trị kinh tế cao. Vấn đề mới được đặt ra là làm thế nào để mở rộng thị trường. Mấy năm gần đây, nội địa không tiêu thụ hết nhãn tươi nên phải sấy và nhãn được chuyển lên các tỉnh biên giới để bán sang Trung quốc. Các lò sấy chạy hết công suất, hàng năm Trung quốc tiêu thụ hàng ngàn tấn nhãn khô. Sau một thời gian bị dìm giá, các thương gia của ta đã biết đoàn kết lại để giữ giá. Song muốn nhãn tiêu thụ mạnh hơn nữa, phải có kế hoạch sản xuất nhãn đóng hộp bằng các nhà máy hiện đại.

Công nghệ sau thu hoạch cũng là một yếu tố nâng cao chất lượng sản phẩm, làm tăng giá trị trên thị trường xuất khẩu. Trong vụ thu hoạch lúa

Digitized by Google

hè thu 1996, nông dân tỉnh Tiền giang rất ưa chuộng hai cách phơi lúa là lều che và máy sấy. Lều che ni lông, vừa che mưa vừa tiếp nhận ánh sáng mặt trời làm cho nhiệt độ trong lều luôn cao hơn nhiệt độ bên ngoài từ 3°C đến 10°C dù trời mưa hay nắng. Mặt khác nhờ lúa được cào đảo thường xuyên với nhiệt độ cao và sức gió tự nhiên nên lúa không bị nảy mầm khi trời mưa bão nhiều ngày. Sau khi che lều, lúa chỉ cần phơi 2 - 3 nắng là khô, nhanh hơn so với khi phơi bình thường.

Máy sấy lúa hiệu SRR - 1 dạng bồ cót do Trường đại học nông lâm chế tạo hiện đang được nhiều nông dân sử dụng. Một mẻ máy sấy được 50 giạ lúa. Máy dùng quạt chạy bằng điện đưa hơi nóng vào ngay tâm giữa của bồ cót, sau đó hơi nóng lan đều vào trong lúa xuyên ra phía ngoài bồ trong nhiều ngày. Khi che lều xong chỉ cần phơi 2 - 3 nắng là lúa chóng khô. Sau khi sấy 24 giờ, mặc dầu chưa khô, nhưng hạt lúa bóng sáng không mất màu.

Để mở rộng phong trào dùng lều che và máy sấy, tỉnh đang tiếp tục cải tiến cách sử dụng để đạt hiệu quả cao. Muốn có một lều che từ 80 - 100 m^2, phải tốn từ 200 đến 300 ngàn đồng. Đối với những hộ ít đất sản xuất thì giá như trên còn cao. Vì vậy, nhiều hộ thấy cần hợp tác với nhau để cùng dùng chung một lều che thì sẽ thích hợp hơn. Máy sấy giá bán cũng còn quá cao (600 000 đ). Để sử dụng được, nhiều nông dân cần góp vốn mua chung và máy chỉ có hiệu quả ở những vùng có điện và điện phải mạnh.

Cả nước hiện nay có 5309 xã (chiếm 60,4% tổng số xã) và khoảng 6 triệu hộ dân (chiếm 53,2%) có điện. Nhưng giá điện quá đắt nên phổ biến nông dân chỉ dùng điện để thắp sáng. Cái mới là ở nhiều vùng có làng nghề như dệt, cơ khí, khai thác đá v.v. điện được dùng để phục vụ sản xuất. Về dệt, có những xã như Hòa xá, Nhị khê (Hà tây), Tương giang (Hà bắc), Phương la (Thái bình)... mỗi xã có hàng nghìn máy dệt chạy bằng động cơ điện. Về cơ khí, điện được sử dụng trên diện rộng hơn như các xã Xuân tiến, Vân tràng (Nam hà), Đa hội (Hà bắc) v.v. để sản xuất các đồ dùng kim loại, để khoan đá, cưa đá... Hy vọng trong một tương lai không xa, nông thôn ở nước ta sẽ được cơ khí hóa, điện khí hóa theo hướng tổng hợp.

Trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, các hình thức hợp tác được phát triển. Người nhận thầu thường là chủ kinh doanh một cơ sở. Đối tượng nhận thầu có thể là ao cá, vườn cây, một cơ sở sản xuất thủ công, có khi là một mạng lưới thủy nông, một công trình đưa điện hạ thế về nông thôn hoặc nhận thầu khâu vận tải. Nhìn chung, những người nhận thầu đều có vốn, thuê mướn nhiều nhân công, có tài khoản giao dịch riêng và có trình độ quản lý kinh doanh. Điển hình như tỉnh Đồng tháp những năm gần đây có ông Nguyễn Văn Sắc mua 3 máy bơm nước và làm mới hai đường dẫn nước, hợp đồng đảm nhiệm toàn bộ khâu thủy lợi cho 200 ha lúa của tập đoàn 5 ; ở tỉnh An giang, anh Nguyễn Công Minh xây dựng một vườn ươm giống 10 triệu cây bạch đàn để cung cấp cho toàn tỉnh. Một hình thức hợp tác nữa là sau khi nhận thầu của hợp tác xã, do không đủ vốn để tự mình kinh doanh nên chủ thầu đứng ra tập hợp một số nông hộ, cùng nhau góp lao động và vốn dưới hình thức cổ phần, phân phối vừa theo lao động, vừa theo cổ phần. Đó là trường hợp của anh Phạm Trung Sinh (Nam hà) đầu những năm 90 đã đóng góp hàng chục triệu đồng vốn để kinh doanh tổng hợp. Ngoài hoạt động vận tải anh còn nhận thầu chăm sóc, thu hoạch 20 ha cói và nuôi tôm xuất khẩu trên diện tích 60 ha.

Cái lợi của các hình thức hợp tác đa dạng trên đây đã góp phần huy động công sức, tiền của của nông dân và các thành phần kinh tế khác vào xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất trong khi đầu tư vốn của nhà nước còn hạn hẹp. Tuy nhiên, hợp tác xã là một hình thức tương trợ hợp tác, nhưng trong nền kinh tế thị trường không thể không kinh doanh ; mà đã kinh doanh là phải có lãi, có thị trường hàng hóa và dịch vụ. Không thể nhấn mạnh tính chất tương trợ hợp tác mà coi nhẹ yếu tố kinh doanh. Ngược lại, nếu chỉ nói đến kinh doanh, lợi nhuận mà không dựa trên cơ sở tương trợ hợp tác, thì hợp tác xã không có lý do để tồn tại. Mục tiêu của hợp tác xã không phải là chạy theo lợi nhuận mà là tăng thu nhập cho xã viên

Digitized by Google

bằng con đường giảm chi phí dịch vụ chứ không phải nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.

Khi nói đến thu nhập của nông dân, cần nhận rõ nông dân bao gồm vừa tiểu nông, vừa trang trại là cơ sở có sản xuất hàng hóa. Hiện nay trên cả nước đã hình thành khu vực kinh tế trang trại, nhất là ở miền núi, trung du có nhiều đất đai chưa khai thác. Ngay cả ở đồng bằng cũng như ở các vùng ven biển, trên những diện tích ít ỏi, người nông dân đã biết sử dụng phương thức kinh doanh có hiệu quả như chăn nuôi gia cầm, bò sữa, các loại đặc sản, các giống cây con. Ở những nơi trang trại đã hình thành, nhất là từ sau khi có Luật đất đai (năm 1993) giao quyền sử dụng đất lâu dài và ổn định cho nông dân, có những nhân tố mới xuất hiện mà chúng ta không nên bỏ qua. Ở huyện Yên bình, tỉnh Yên bái, trên cơ sở đất gò đồi có điều kiện để tích tụ tập trung nhanh, các trang trại đang hình thành và phát triển. Có 60% trại trưởng là cán bộ công nhân viên chức, trong đó một nửa đương chức, một nửa đã về hưu. Nông thôn Yên bình không chỉ gồm những người thuần nông mà cơ cấu gia đình đã bắt đầu có sự biến đổi. Tầng lớp công nhân viên chức, bộ đội xuất ngũ tham gia phong trào lập trang trại, tiếp sức về vốn, lao động, kỹ thuật, tri thức v. v. làm cho nông thôn miền núi nhanh chóng được khởi sắc.

Trong việc chinh phục thiên nhiên, việc cải tạo Đồng tháp mười đã có kết quả rõ rệt. Do sự hợp tác giữa nông dân với các nhà khoa học trong nước, chúng ta đã giải mã được bài toán hóc búa là làm thế nào biến một vùng đất bị nhiễm phèn mặn thành một vùng có khả năng canh tác. Dưới thời Pháp thuộc, có những con kênh mang tên Pháp như Lơ-grăng, Cát Bít được đào nhằm tiêu phèn cho các cánh đồng trũng để tháo ra sông Vàm cỏ. Tiếc thay, đó là một đáp số sai vì càng hạ thấp mức nước trong đồng bao nhiêu, càng biến phèn không độc hại thành phèn hoạt tính độc hại do bị ô xy hóa. Về sau, người Mỹ, cả người Hà lan là nước có diện tích phèn lớn nhất thế giới, tiếp đến người Nhật, rồi chuyên gia Liên xô (cũ) đã tổ chức nghiên cứu khá công phu về Đồng tháp mười, nhưng đều không đi đến kết luận. Đến lượt các nhà khoa học Việt nam đã phát hiện được phương pháp "dẫn ngọt ém phèn" của nông dân, bí quyết của nó là luôn giữ một lớp nước trên mặt ruộng để phèn tiềm tàng không vọt lên thành phèn độc hại. Trên cơ sở kinh nghiệm vừa nêu, tỉnh Long an đã kiến nghị và được trung ương chấp nhận, từ năm 1982, có quyết định táo bạo là đào một con kênh lớn từ Hồng ngự nối sông Tiền với sông Vàm cỏ tây dài trên 40 km dẫn nước ngọt từ sông Tiền về vùng Đồng tháp mười. Vì vậy, nông dân Đồng tháp mười gọi con kênh đó là kênh trung ương, và tên gọi đó còn đến bây giờ. Đi đôi với đào kênh, giống mới ngắn ngày được đưa về đồng ruộng, mùa vụ được cơ cấu lại nhằm né lũ hằng năm.

Từ khi có kênh đào trên, đất đai Đồng tháp mười thức giấc, nước ngọt về đến đâu thì lúa hai vụ năng suất cao, rồi mía, chuối, khóm, khoai mỡ, bạch đàn... lan đến đấy. Nạn cỏ dại đồng hoang dần dần được thanh toán. Gần 70 vạn ha xưa kia người Pháp gọi là "đồng cỏ lác" nay đã thay da đổi thịt không phải từng tháng mà từng ngày. Năm huyện, với hàng chục xã mới thuộc ba tỉnh Long an, Đồng tháp và Tiền giang nằm trong khu vực Đồng tháp mười được hình thành. Cơ sở hạ tầng ở đây như đường sá, cầu cống, trường học, bệnh xá, thị tứ, thị trấn mọc lên như trong truyện thần thoại. Năm 1990, sản lượng lúa vọt lên 1 triệu tấn và từ đó đến nay, hằng năm sản lượng tăng thêm vài trăm ngàn tấn. Đồng tháp mười trở thành nơi cung cấp lúa lớn nhất trong vùng, là một trong những chân hàng vững chắc của lực lượng xuất khẩu lúa gạo từ năm 1989.

Nhưng từ trong thành công lại nổi lên những khó khăn mới. Vốn là vùng hoang hóa, vài mùa nước nổi, Đồng tháp mười trước đây không có dân định cư nên lũ không làm chết ai, mà còn đem lại tôm cá, lúa trời và phù sa làm đất thêm màu mỡ. Ngày nay do phong trào khai phá đất hoang, dân định cư ngày một đông, nhà cửa xây dựng ngày một nhiều nên lũ trở nên dữ. Quyết định 99/TTg của Chính phủ, với ba chương trình lớn được đầu tư 2000 tỉ đồng từ nay đến năm 2000 nhằm chống lũ, bảo vệ dân cư và phát triển sản xuất ở vùng ngập lũ, trong đó chủ yếu cho vùng Đồng tháp mười, đã và đang tiếp tục được triển khai có hiệu quả.

Digitized by Google

II

Trên đây là những nét chấm phá của một bức tranh hoành tráng về nông nghiệp nước ta trong quá trình đổi mới theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Cuộc sống đang tiếp diễn, những gì ghi lại được mới chỉ phản ảnh phần nào tầm vóc và sự đa dạng hóa trong nhiều lĩnh vực của vùng nông thôn đang từng ngày từng giờ được tiếp một nguồn sinh lực mới.

Báo chí đã viết nhiều về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, nhưng để công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, cái khó là bắt đầu từ đâu ? Phải chăng là những gì cao siêu, những gì tân kỳ hay xuất phát từ những cái thông thường như hạt gạo, quả nhãn, dòng nước v.v. để từ đó đi lên những vấn đề hệ trọng liên quan đến quốc kế, dân sinh như lương thực, công nghệ chế biến, xuất khẩu, thị trường, v.v. Chuyện kể về kiên cố hóa mương máng mới nghe tưởng như không có gì gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng kể tiếp về tiến trình của cuộc cách mạng xanh lam [1], về vai trò của các vật liệu rắn, về tác dụng của pôlime trong tương lai thì chúng ta lại thấy chúng rất gần gũi với nội dung công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Ai cũng biết thị trường là vấn đề khá phức tạp. Để có đáp số thỏa đáng, không thể nhảy bổ ngay vào mê hồn trận, mà phải có chiến lược, chiến thuật, có bài bản hẳn hoi và bắt đầu từ sản xuất. Qua câu chuyện của anh chàng khổng lồ miền Tây, chúng ta thấy rằng để ổn định và mở rộng thị trường nhãn, phải sớm đi vào những vấn đề của hiện đại hóa như công nghệ sinh học và nhất thiết phải nắm vững công nghệ chế biến từ sơ chế trong gia đình đến tinh chế trong các nhà máy hiện đại.

Phạm trù hiện đại hóa gắn bó mật thiết với phạm trù công nghiệp hóa và muốn chiếm lĩnh vị trí trên thị trường thế giới, khó có một sản phẩm nào tách khỏi hai phạm trù trên. Song bản thân mỗi phạm trù là cả một quá trình sinh ra và lớn lên chứ không phải bất thần từ dưới đất mọc lên hay từ trên trời rơi xuống. Cái lều che và cái máy sấy giản đơn là chặng đường đầu của tiến trình công nghệ sau thu hoạch mà thiếu khâu này thì hạt gạo giảm giá và bị loại ra khỏi thương trường. Để có một ngành sấy hiện đại hóa, chúng ta bắt đầu từ lều che và máy sấy, nhưng chúng ta sẽ không dừng lâu ở lều che và máy sấy.

Qua việc phân tích, tổng kết, chúng ta sẽ rút ra một chân lý : đổi mới là cả một quá trình, con kênh trung ương do nông dân đặt tên được xây dựng từ năm 1982, và sự thành công của việc cải tạo Đồng tháp mười không phải xuất hiện từ những năm 90 mà nhen nhóm từ đầu thập kỷ 80. Cũng qua việc tổng kết mà chúng ta sẽ nhận chân được giá trị của những kinh nghiệm sản xuất truyền thống. Nếu biết tận dụng, biết rọi ánh sáng của khoa học tiên tiến vào và tập trung đầu tư thì sẽ đạt hiệu quả thiết thực. Rõ ràng hiện đại không đối lập với truyền thống mà cần kết hợp nhuần nhuyễn với truyền thống mới phát huy được hiệu quả.

Trang trại cũng vậy, nó tiêu biểu cho một lực lượng sản xuất mới. Đó là cơ sở sản xuất với một tỷ suất hàng hóa cao, nó không xâm nhập vào cơ thể kinh tế nước ta như một vật phẩm lạ. Đó là sự tổng hòa của một loạt chính sách từ đầu tư đến ruộng đất và giao quyền tự chủ cho kinh tế hộ nông dân. Vì vậy, nó có tiền đồ lớn và triển vọng phát triển trong tương lai. Chúng ta cần trân trọng, nâng niu nó nhất là đối với những nhân tố mới đang hình thành. Sự tham gia phong trào xây dựng trang trại của tầng lớp cán bộ công nhân viên đánh dấu một bước ngoặt mới của nông thôn tỉnh Yên bái. Điều này làm cho cơ cấu giai cấp không chỉ có thuần nông, và sự phân tầng xã hội trong những năm sắp tới sẽ có những biến đổi không lường, ảnh hưởng không nhỏ đến sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của nông thôn miền núi.

Những nhân tố mới chúng tôi đã nêu ở trên chắc chắn không đầy đủ nhưng dù sao chúng cũng cấp được một số cứ liệu gợi mở cho những nhà làm chính sách hoạch định bước đường tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và nông nghiệp ❑

(1) Tức là cuộc cách mạng về thủy lợi, khác với cuộc cách mạng xanh lá cây về giống

Digitized by Google

ĐỂ PHỤ NỮ LÀM TỐT CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG CƠ CHẾ MỚI

BÙI NGỌC THANH *

TRONG lĩnh vực quản lý cũng như trong nhiều lĩnh vực khác, phụ nữ đã và đang thể hiện rõ tài năng, bản lĩnh của mình và đã có những đóng góp xứng đáng trong công cuộc đổi mới. Song quản lý, ngoài ý nghĩa là một khoa học, còn là một nghệ thuật. Trong quản lý, ngoài thế mạnh, ở phụ nữ có những đặc điểm và khó khăn nhất định liên quan đến vấn đề giới tính. Nắm vững những yêu cầu của quản lý, biết phát huy thế mạnh và khắc phục những khó khăn riêng, phụ nữ chắc chắn sẽ đạt được những thành tựu lớn hơn nữa trong quản lý.

Cơ chế thị trường hiện nay có những đặc điểm khác với cơ chế quản lý của nền kinh tế kế hoạch hóa trước đây. Cơ chế thị trường là cơ chế tự điều tiết khách quan của nền kinh tế hàng hóa thông qua sự tác động của các quy luật kinh tế vốn có của nó : quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh... Cơ chế thị trường có những ưu điểm : tính năng động cao trong sản xuất, luôn luôn đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm ; tính hiệu quả trong từng doanh nghiệp là rõ rệt ; người lao động nào cũng buộc phải tự nâng cao trình độ và làm việc có kỷ luật để khỏi bị đào thải, vì vậy tính nghiêm túc trong lao động và chất lượng lao động được nâng cao ; do tính mềm dẻo và điều chỉnh cao, nên dễ thích nghi khi có biến động... Nhưng cơ chế thị trường cũng có những khuyết tật là : do chú ý quá đáng đến lợi nhuận cá nhân mà trong nhiều trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích chung ; nhiều việc xã hội cần nhưng người ta không chịu làm vì lợi nhuận thấp ; tính tự phát cao trong cạnh tranh, tự bản thân nó không bảo đảm tính hợp lý về cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản phẩm ; nhiều mục tiêu xã hội không giải quyết được bằng cơ chế thị trường...

Để quản lý có hiệu quả trong cơ chế thị trường, đương nhiên phải biết sử dụng những ưu thế và khắc phục những khuyết tật nói trên của cơ chế thị trường. Không riêng phụ nữ, mà bất cứ ai đã là người quản lý, đều phải có trình độ và phải luôn luôn nâng cao trình độ.

Đặc điểm tổng quát, nổi bật của hoạt động quản lý là mang tính trí tuệ. Đó là lao động phức tạp, lao động bằng chất xám, lao động sáng tạo. Người quản lý làm việc với cường độ, tốc độ và tính cơ động cao. Ở họ, việc tiếp nhận thông tin, suy nghĩ và xử lý thông tin phải hết sức mau lẹ. Người làm công tác khoa học có thể hằng tháng, hằng quý, thậm chí hằng năm chưa phải thay đổi suy nghĩ về đề tài nghiên cứu, nhưng người quản lý thì không thể như vậy. Hằng ngày họ phải chuyển suy nghĩ qua nhiều công việc để ra các quyết định, mà quyết định ở loại việc nào cũng đòi hỏi phải có độ chính xác cao. Bởi vậy, bề rộng và chiều sâu của sự hiểu biết là yêu cầu rất quan trọng của trí tuệ quản lý. Tính linh hoạt và tính độc lập trong suy nghĩ là hết sức cần thiết trong điều kiện chuyển động của cơ chế thị trường. Người ta đã chọn ra 10 phẩm chất cần có của người làm quản lý hiện nay. Để có được những phẩm chất đó, ngay người quản lý là nam giới đã phải phấn đấu tự bồi dưỡng rèn luyện rất gian khổ. Còn ở nữ, họ phải vượt nhiều trở ngại hơn, bởi vì, họ có những đặc điểm riêng về giới tính, *trước hết* là về *cấu trúc cơ thể.*

* PTS kinh tế, ủy viên Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ

Digitized by Google

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu y học thì nam, nữ tuy cùng độ tuổi nhưng lại khác về chiều cao, cân nặng và nhiều tiêu thức khác về sức khỏe, nếu nam giới là 1 thì nữ giới thường chỉ bằng 0,9 đến 0,94. Ở độ tuổi có khả năng sinh sản, phụ nữ khác nam giới là hằng tháng đều bị "mất máu" ; còn ở thời kỳ "tiền mãn kinh" (từ 3 đến 5 năm) phụ nữ thường dễ mắc bệnh và hay ốm đau. Ở thời kỳ này, nói chung, sức khỏe phụ nữ giảm sút so với các thời kỳ trước. Thời gian sinh đẻ và nuôi con của phụ nữ, cho dù là có kế hoạch, thì cũng mất trên dưới mười năm. Thời gian này lại trùng với thời gian những năm đầu của "một đời làm việc". Vì vậy, trong thời gian đó, khả năng làm việc của phụ nữ thường ít nhiều bị hạn chế. Từ đó cho thấy, nam, nữ có thể có công việc giống nhau, nhưng phụ nữ có cái khó khách quan, cái "thiệt thòi" riêng mà "tạo hóa" đã định, khó cưỡng lại được.

Thứ hai, do "hậu quả" hay do "truyền thống" (cả trên thế giới và trong nước) về phân công lao động, công việc gia đình trút lên vai người phụ nữ. Phụ nữ đang đảm nhiệm một hệ số công việc gia đình rất cao so với nam giới. Theo một tài liệu của Bộ lao động, thương binh và xã hội (qua hội thảo khoa học về nguồn lao động và việc làm), thì phụ nữ Hà nội, ngoài thời gian công tác, còn phải làm việc ở gia đình ngày thường mất khoảng 3 giờ 15 phút, còn chủ nhật mất tới 6 giờ (trong khi ở nam giới ngày thường chỉ mất khoảng 1 giờ 50 phút, chủ nhật mất khoảng 3 giờ). Nghĩa là, thời gian phụ nữ phải làm việc ở gia đình nhiều hơn so với nam giới là 1,8 lần. Ở nhiều nước khác, hệ số này còn cao hơn. Ví dụ ở Liên xô (cũ), trong *một tuần* thời gian sinh hoạt ngoài giờ làm việc của phụ nữ và nam giới như sau * :

Tiêu thức	Chưa lập gia đình		Lập gia đình chưa có con		Gia đình có con nhỏ	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam
● Làm việc ở nhà	17h40	5h40	24h25	12h10	32h40	12h10
● Quan hệ tiếp xúc ngoài gia đình	6h55	12h00	5h35	7h10	2h40	5h25
● Sinh hoạt văn hóa	21h05	23h35	11h40	21h35	7h50	18h40
● Đọc sách, báo, xem ti vi	7h35	14h15	7h40	16h40	7h45	17h45
● Học tập	9h05	10h05	3h30	7h30	1h00	3h20

Số liệu trên cho chúng ta thấy : nữ giới khi chưa lập gia đình, chỉ phải làm việc ở nhà 17 giờ 40 phút một tuần ; khi mới lập gia đình thời gian đó đã lên 24 giờ 25 phút, và khi có con lên tới 32 giờ 40 phút. Khi chưa lấy chồng, sinh hoạt văn hóa tới 21 giờ 05 phút một tuần, nhưng khi có con mọn, chỉ còn 7 giờ 50 phút một tuần. Đặc biệt là việc học tập, khi chưa có chồng, tới 9 giờ 05 phút, nhưng khi có con mọn, chỉ còn 1 giờ một tuần (mỗi ngày chưa được 10 phút). Quả thực đây là một khó khăn rất lớn đối với phụ nữ mà cả xã hội phải nỗ lực vượt bậc mới khắc phục được.

Thứ ba là, do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân "trọng nam hơn nữ" từ xa xưa. Kết quả là số phụ nữ có học hàm, học vị và tham gia công tác quản lý rất thấp, chưa tương xứng với tiềm năng. Xin nêu vài con số. Ở ta phụ nữ được cấp bằng sáng tạo năm 1991 là 11,1%, năm 1992 là 11,2% và năm 1993 là 9,3% so với tổng số người được cấp . Phụ nữ giữ các cương vị điều hành, quản lý ở trung ương năm 1992 : bộ trưởng và tương đương 9,5% ; thứ trưởng và tương đương 7,0% ; vụ trưởng và tương đương 13,3% ; vụ phó và tương đương 9,0% ; tổng giám đốc 2,7% ; phó tổng giám đốc 4,3%... Phụ nữ có học hàm, học vị tính đến năm 1994 : giáo sư 3,9%, phó giáo sư 4,64%, tiến sĩ 4,94%, phó tiến sĩ 12,33%. Phụ nữ được tặng huy chương vì sự nghiệp

* Xem *Sử dụng có hiệu quả nguồn lao động thanh niên* (tiếng Nga), Nxb *Kinh tế*, Mát-xcơ-va, 1974, tr 147

Digitized by Google

khoa học công nghệ tính đến tháng 6-1995 là 8,95%... (1)

Những phân tích trên đây cho thấy : khi "bơi chung trong biển cả cơ chế thị trường", nữ giới thường có "điểm xuất phát" thấp hơn nam giới, mà nguyên nhân *cơ bản* là do những yếu tố khách quan (*cấu trúc giới tính, chức năng thiên bẩm*...). Vì vậy, các chính sách xã hội ban hành phải nhằm góp phần "san bằng" khoảng cách đó. Ở góc độ *tổ chức lao động xã hội*, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách và giải pháp chung cho toàn bộ lao động nữ. Ở đây, chỉ xin nêu thêm *một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý của phụ nữ* :

Cần *gấp rút xây dựng chính sách "xã hội hóa việc tái sản xuất các thế hệ tương lai"*. Chúng ta đều biết, hiện nay việc sinh đẻ, nuôi dạy con cái hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào hoàn cảnh mỗi gia đình, mà ở khá nhiều gia đình hiện nay, phụ nữ thường có thu nhập thấp. Chúng ta cũng đã biết, ngoài sự bất bình đẳng ở nơi làm việc, tại nhà phụ nữ có thời gian làm việc gấp từ 1,5 cho đến 3 lần so với nam giới. Đây đúng là việc diễn ra trong mỗi gia đình, nhưng thực chất lại là "việc nước", vì mỗi gia đình là một tế bào của xã hội. Vấn đề được đặt ra là, phải phấn đấu giảm nhẹ tối đa việc nhà cho phụ nữ, trong đó có phụ nữ làm quản lý. Bởi vì lao động quản lý - lao động chất xám, lao động trí tuệ - sẽ giảm hiệu quả khi đầu óc còn rối tinh rối mù, bộn bề cả đống việc gia đình. Giải phóng phụ nữ ra khỏi gánh nặng gia đình bao gồm một tập hợp các công việc có tính đồng bộ. Trên giác độ điều hành hoạt động của một xã hội, các ngành thương nghiệp, dịch vụ phải tổ chức chế biến, cung cấp lương thực, thực phẩm và các đồ gia dụng một cách thuận tiện nhất, trong đó đặc biệt lưu ý đến thức ăn, đồ dùng phục vụ trẻ sơ sinh dưới 6 tuổi, nhằm giúp tiết kiệm ở mức cao nhất thời gian phải làm việc nhà. Trong phạm vi kế hoạch hóa gia đình, khi sinh con, nếu gia đình có nhiều khó khăn, mức sống thấp, thì cộng đồng, tập thể hoặc nhà nước có sự giúp đỡ vật chất cần thiết cho đứa trẻ. Ở góc độ "tế bào xã hội", mỗi thành viên gia đình phải được phân công lao động một cách bình đẳng, hợp lý ; trong nhà cũng phải "sống, làm việc theo pháp luật", và càng phải sống có nhân cách, đạo đức. Bản thân nam giới "sức dài, vai rộng" là "trụ cột gia đình", thì phải ý thức được việc chia sẻ gánh nặng, thậm chí phải đảm đương những phần việc nặng nề, vất vả nhất. Để làm được việc này thì cả gia đình và xã hội phải thấm nhuần sâu sắc các vấn đề về giới và giới tính. Các vấn đề này phải được thể chế thành luật pháp và các chính sách kinh tế, xã hội cụ thể. Ví dụ, *về giới tính*, sức khỏe của phụ nữ chỉ bằng 90 - 95% so với nam giới cùng độ tuổi, thì chính sách y tế là phải chăm lo, bảo vệ, giữ gìn sức khỏe phụ nữ một cách tốt nhất. Về *giới* (quan hệ xã hội giữa nam và nữ), luật pháp, chính sách phải khắc phục cho được những bất bình đẳng còn tồn tại ở các dạng với mức độ khác nhau.

Trong chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000 có mục tiêu đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ nữ. Theo tôi, bước đầu là đến năm 2000, còn sau đó là cả một công việc lâu dài và thường xuyên, đặc biệt là việc xây dựng *đội ngũ cán bộ quản lý là nữ*. Như đã trình bày ở trên, cán bộ quản lý là loại cán bộ đặc biệt, vừa phải có tri thức khoa học và am hiểu thực tế, vừa phải tư duy chín chắn, mau lẹ để ra quyết định, điều hành hoạt động sao cho có hiệu quả, vì thế cần có chế độ bồi dưỡng, đào tạo đặc biệt, nhất là đối với nữ. Quy trình của công việc này là : tạo điều kiện, phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, giao việc theo cấp độ quản lý (bao gồm mọi cấp quản lý các ngành, các lĩnh vực, các cơ quan, các doanh nghiệp). Mọi đánh giá phải xoay quanh tiêu thức đầu tiên là kết quả công việc được giao ; tránh mọi định kiến hẹp hòi, khắt khe, cảm tính, và luôn

(1) *Số liệu về phụ nữ Việt nam 1985 - 1994*, Nxb Thống kê, 1995, chương 6

Digitized by Google

nhớ đặc điểm giới tính, những thiệt thòi riêng mà phụ nữ phải chịu.

Trong số các trường lớp, cần có trường lớp dạy "nghề quản lý". Đây đang là một khiếm khuyết của chúng ta. Trong cơ chế thị trường, quản lý trở thành vấn đề sống còn, thành bại, nhưng hiện nay chưa có trường lớp chuyên đào tạo nghề này, nói chi đến lớp dành riêng cho phụ nữ. Thực tế cho thấy, rất cần thiết phải có những trường lớp như vậy, nhất là những trường lớp dành riêng cho phụ nữ, phù hợp với đặc điểm của phụ nữ.

Trong việc cất nhắc, đề bạt thì không châm chước về năng lực, trình độ, phẩm chất, nhưng nên châm chước về thứ tự (trường hợp cả nam và nữ cùng đạt tiêu chuẩn, thì trước hết nên ưu tiên cho nữ). Người làm công tác tổ chức - cán bộ, không nên chờ đợi theo kiểu "ai nổi lên" thì đề bạt người đó, mà cần tạo điều kiện, phát hiện và bồi dưỡng, nghĩa là phải chủ động tạo nguồn, phải có quy hoạch dài hạn. Cũng không nhất thiết đề bạt tuần tự từ thấp lên cao, mà có thể vượt cấp, vượt bậc, vấn đề là nhìn cho ra, đánh giá cho đúng con người.

Trong việc sử dụng cán bộ quản lý là nữ, ngoài yêu cầu như đối với nam giới, không thể không có những hiểu biết cần thiết để có những giải pháp xử lý thỏa đáng đối với những hoàn cảnh riêng có của phụ nữ : thời gian sinh nở, nuôi con, thời gian mà phụ nữ có thể trạng sức khỏe không bình thường. Đôi khi chỉ một lời nói sơ suất, một cử chỉ thô thiển, cũng có thể "giết chết" một tâm hồn, làm thui chột một tài năng. Bởi vậy, các nhà khoa học đã rút ra một kết luận đáng lưu ý là : không có gì khó bằng làm việc với con người, quản lý con người ; nhưng lại cũng không có gì thú vị bằng chính công việc đó.

Nếu những vấn đề nói trên là những tác nhân khách quan cần thiết, thì đến lượt mình, chính *sự nỗ lực chủ quan của phụ nữ* lại là cái quyết định. Phụ nữ nói chung và phụ nữ làm quản lý nói riêng, muốn trụ vững và phát triển được trong thử thách của cơ chế thị trường, thì không có cách nào khác là phải khẳng định thực lực của mình. Để có được điều đó, nhất thiết phải nâng cao được chất lượng lao động của mình bằng cách học hành nghiêm túc, trang bị lý luận, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn, đấu trí rèn luyện trong các tình huống, tập dượt giải quyết các vấn đề gay cấn, phức tạp. Nghị lực đối với bất cứ ai đều là cần thiết, nhưng riêng với phụ nữ làm quản lý, lại là nhân tố đầu tiên của chiến thắng ❑



Ảnh : TTXVN

Digitized by Google

PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO Ở CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

NGUYỄN SINH CÚC *

DẢI đất miền Trung kéo dài từ Thanh hóa đến Bình thuận gồm các tỉnh thuộc khu Bốn cũ và duyên hải miền Trung, với diện tích tự nhiên 9,7 triệu ha, số dân 18 triệu người, chiếm gần 1/4 dân số cả nước. Đây là một vùng đất rộng, người đông, có rừng, có biển, có đồng bằng và có nhiều dân tộc cùng chung sống. Tuy nằm trong 2 vùng sinh thái khác nhau, nhưng miền Trung có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên cũng như con người.

I- Thực trạng phân hóa giàu nghèo

Trong những năm đổi mới, miền Trung có nhiều khởi sắc về kinh tế, song nhìn tổng thể đây vẫn là một vùng nghèo, điểm xuất phát thấp và tăng trưởng chậm so với cả nước. Tốc độ tăng GDP bình quân 5 năm (1991 - 1995) của vùng này từ 7,6 đến 7,9%, trong khi đó của cả nước là 8,2% và của Đông nam bộ là 11%. Thu nhập của dân cư vùng này so với mức trung bình của cả nước cũng chỉ bằng khoảng 82%, mức chi tiêu bằng 85% và tỷ lệ hộ dùng điện bằng 61% ; tỷ lệ tích lũy trong dân rất thấp. Tuy vậy, trong dân cư đã xuất hiện xu hướng phân hóa giàu - nghèo.

Theo số liệu điều tra của Tổng cục thống kê công bố tháng 6 năm 1996, thu nhập bình quân người/tháng của vùng khu Bốn cũ là 135,02 nghìn đồng, vùng duyên hải miền Trung là 154,96 nghìn đồng, của cả nước là 176,47 nghìn đồng. Qua điều tra, nếu phân số hộ thành 5 nhóm thu nhập (với số hộ bằng nhau) thì mức chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 5 (giàu) với nhóm 1 (nghèo) của khu Bốn cũ là 5,23 lần, duyên hải miền Trung là 5,46 lần, của cả nước là 6,78 lần. Như vậy, cho đến nay ở miền Trung mức độ phân hóa giàu nghèo trong dân cư còn ở mức thấp so với các vùng khác : Tây nguyên 9,27 lần; Đông nam bộ 7,91 lần, đồng bằng sông Cửu long 7,11 lần, đồng bằng sông Hồng 5,56 lần...

Khoảng cách về thu nhập giữa thành thị và nông thôn trong vùng tuy có xu hướng giảm dần, nhưng vẫn còn cao (khu Bốn cũ : 1,88 lần, duyên hải miền Trung 1,65 lần, cả nước 1,83 lần). Điều đáng lưu ý là mức độ phân hóa thu nhập thành thị so với nông thôn ở miền Trung diễn ra nhanh hơn các vùng khác ở miền Nam : Ví dụ Tây nguyên 1,49 lần, Đông nam bộ 1,50 lần, đồng bằng sông Cửu long 1,67 lần. Tuy vậy mức thu nhập ở thành thị miền Trung cũng chỉ bằng 80% mức trung bình của các thành thị trong cả nước ; còn ở nông thôn bằng 87,7%. Điều này chứng tỏ dân cư thành thị và nông thôn miền Trung đều có thu nhập thấp hơn mức trung bình của cả nước. (Nếu phân loại giàu, nghèo theo tiêu chuẩn của Việt nam thì ở khu Bốn cũ hiện có 8,8% hộ giàu và 23,31% hộ nghèo ; duyên hải miền Trung có 12,2% hộ giàu và 16,37% hộ nghèo. Còn bình quân trong cả nước hiện nay có 17,5% hộ giàu và 17,81% hộ nghèo).

Số hộ giàu ở các tỉnh miền Trung tập trung nhiều và chiếm tỷ trọng lớn ở thành phố, thị xã và ngư dân ven biển. Đó là những hộ nghèo hoặc trung bình trước đây, mới giàu lên trong những năm đổi mới. Họ có vốn, có lao động, có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, lại được cơ chế và các chính sách kinh tế mới của Đảng và Nhà nước khuyến khích làm giàu chính đáng, nên đã đầu tư phát triển ngành nghề, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống. Những năm gần đây, ở miền Trung đã xuất hiện nhiều mô hình làm giàu trong cơ chế mới ở các địa phương. Xin nêu một vài ví dụ.

Ông Trần Quang Dốc, xã Thạch tâm (Thạch thành, Thanh hóa) làm giàu bằng sản xuất gạch,

* PGS, PTS, Vụ trưởng, Tổng cục thống kê

Digitized by Google

ngói với số vốn đầu tư ban đầu 20 triệu đồng để mua máy nổ, máy đùn gạch, máy dập ngói, xe bò bánh lốp và thuê 25 lao động. Nhờ biết làm ăn, được cấp ủy và chính quyền địa phương khuyến khích, nên xưởng gạch của ông ngày càng mở rộng quy mô sản xuất, doanh thu hàng trăm triệu đồng/ năm, lãi trên 22 triệu đồng. Sản xuất có lãi, gia đình ông Dốc từ hộ nghèo của vùng quê Thanh hóa đã "phất lên" trở thành hộ giàu nhờ cơ chế mới. Còn anh Lê Hữu Lộc, ở huyện Cam ranh (Khánh hòa), lại làm giàu bằng đầu tư công nghệ nuôi tôm giống. Với 7 lao động, anh Lộc tập trung vốn xây 9 bể nuôi tôm đẻ, 4 hồ ươm tôm giống và 1 ha mặt nước nuôi tôm thịt, năm đầu thu hoạch 104 triệu đồng, lãi 64 triệu đồng. Có vốn lớn anh tập trung đầu tư tiếp, thuê kỹ sư thủy sản nghiên cứu cho tôm đẻ theo ý muốn. Nhờ vậy, giống tôm của anh nổi tiếng khắp vùng và hiện nay đã thu hút khách mua hàng từ các huyện lân cận đến cả các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu long. Từ một ngư dân bình thường, anh Lộc trở thành kiện tướng nuôi tôm và là hộ giàu có của huyện Cam ranh.

Đáng chú ý là hộ giàu ở miền Trung đều xuất thân từ hộ nghèo trước đây. Họ làm giàu bằng lao động trí óc và chân tay của bản thân và gia đình, nên hoàn toàn chính đáng. Các nghề làm giàu nhanh phần lớn tập trung vào các ngành nghề phi nông nghiệp. Rất tiếc là số hộ giàu ở miền Trung còn ít, tỷ lệ hộ giàu còn thấp, so với các vùng khác. Hộ giàu từ nông nghiệp lại càng ít về số lượng và mức độ giàu. Ở tỉnh Bình thuận năm 1995 chỉ có 4,3% số hộ giàu ở nông thôn (thành thị là 7%).

Ở miền Trung số hộ nghèo còn chiếm tỷ lệ cao so với cả nước. Số hộ nghèo chủ yếu ở nông thôn, nhất là hộ thuần nông. Điều này cũng dễ hiểu, vì miền Trung đất đai xấu, mùa hè nắng, nóng và thiếu nước nghiêm trọng ; mùa mưa thường có lũ lớn vì sông ngắn, độ dốc cao, rừng đầu nguồn bị chặt phá nên tốc độ bạc màu, xói mòn đất rất lớn. Hơn nữa mỗi năm miền Trung có từ 4 đến 9 cơn bão tàn phá mùa màng. Do vậy, sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng trọt không ổn định, năng suất thấp. Năng suất lúa của miền Trung thấp hơn mức trung bình của cả nước từ 4 đến 6 tạ/ha (ví dụ năm 1995 : cả nước 36,9 tạ/ha ; khu Bốn cũ 31,4 tạ/ha ; duyên hải miền Trung 33,8 tạ/ha). Trong 5 năm (1991 - 1995), tốc độ tăng trưởng sản lượng lúa của cả nước đạt 5,4%/năm (đồng bằng sông Cửu long 6,3%/ năm, đồng bằng sông Hồng 5%/năm) còn miền Trung chỉ đạt 3,6%/năm. Năm 1995, lương thực bình quân đầu người cả nước đạt 372 kg/năm thì miền Trung vẫn chỉ xoay quanh 250 kg/năm. Chăn nuôi vẫn trong tình trạng tự cấp tự túc, tận dụng sản phẩm trồng trọt là phổ biến, hiệu quả thấp, phát triển chậm.

Hộ nghèo của miền Trung không những nghèo về vật chất mà còn nghèo về dân trí và đời sống tinh thần. Tỷ lệ hộ nông thôn miền Trung có máy thu hình, máy thu thanh, máy nghe nhạc... đều thấp hơn mức trung bình của cả nước. Tỷ lệ số hộ có máy thu hình ở khu Bốn cũ là 11%, duyên hải miền Trung là 14% (cả nước là 21,2%). Tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi lao động ở miền Trung gấp 3 lần ở Bắc bộ và 1,5 lần ở Nam bộ. Số lao động đã qua đào tạo chỉ có 8,8% thấp xa so với Bắc bộ (25,2%) và Nam bộ (12,9%).

Nguyên nhân nền kinh tế ở các tỉnh miền Trung chậm phát triển là do thiên nhiên khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng thấp kém, hậu quả của chiến tranh để lại còn nặng nề. Mặt khác, do những hạn chế và yếu kém trong tổ chức, chỉ đạo và điều hành của các ngành, các cấp. Việc đổi mới các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở đây còn chậm chạp và lúng túng. Ở một số địa phương, sự tồn tại nhiều hợp tác xã kiểu cũ, với cung cách quản lý cũ đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện chính sách đổi mới kinh tế nông thôn, hạn chế vai trò tự chủ của kinh tế hộ.

Một nguyên nhân khác đáng quan tâm là cán bộ còn thiếu và yếu, nhất là ở cơ sở. Do trình độ, năng lực cán bộ còn hạn chế, nên việc tiếp thu và triển khai nghị quyết của trung ương ở các cấp trên địa bàn tỉnh có nhiều khó khăn. Có địa phương, cán bộ chưa quán triệt đầy đủ chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước dẫn đến không khuyến khích cho kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân phát triển. Việc giao đất và cấp giấy quyền sử dụng ruộng đất chậm so với cả nước.

Digitized by Google

Ở miền Trung, nhân dân vốn cần cù lao động, tiết kiệm chi tiêu, chịu đựng gian khổ, nhưng có nhược điểm là quen sống và làm việc theo cơ chế kinh tế tập trung, bao cấp ; thêm vào đó, miền Trung là vùng đất nghèo nên việc phát triển sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Sự hỗ trợ của nhà nước, hợp tác xã đối với kinh tế hộ chưa tích cực và hiệu quả. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Qua điều tra xã hội học ở tỉnh Bình thuận cho thấy trong số các hộ nghèo thì : 51,0% do thiếu vốn sản xuất ; 12,9% do thiếu lao động ; 15,8% do ốm đau bệnh tật, 9,6% do thiếu kinh nghiệm sản xuất ; 12,5% do thiếu đất nông nghiệp.

Từ thực trạng giàu nghèo của miền Trung trong những năm qua, có thể rút ra mấy nhận xét như sau : Mức độ phân hóa giàu - nghèo ở miền Trung thấp hơn các vùng khác. Đa số dân ở miền Trung có thu nhập ở mức trung bình ; số hộ giàu chiếm tỷ lệ thấp (tập trung ở thành thị) ; số hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao (chủ yếu ở vùng nông thôn) ; tốc độ giảm hộ nghèo còn chậm (tốc độ giảm nghèo của khu Bốn cũ là 1,5%/ năm, duyên hải miền Trung là 1,3%/năm, của cả nước là 2%/năm). Thực tế cho thấy sự phân hóa giàu, nghèo ở miền Trung mới dừng lại ở phân cực thu nhập giữa nông thôn, thành thị và trong nội bộ từng khu vực, chưa đến mức lo ngại.

II- Quan điểm và giải pháp

+ Để xử lý vấn đề giàu, nghèo của cả nước cũng như miền Trung hiện nay, theo tôi cần dựa trên những *quan điểm* chủ yếu sau đây :

Một là, lấy phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế làm gốc. Để miền Trung trở thành vùng giàu có, cần khuyến khích mạnh mẽ mọi người, mọi nhà làm giàu chính đáng bằng phát triển sản xuất kinh doanh tổng hợp, nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, làm cho kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định, thu nhập và đời sống cộng đồng được nâng cao. Không nên có tư tưởng đố kỵ với người làm giàu mà bằng các chính sách kinh tế khuyến khích các mô hình kinh tế làm ăn giỏi, các "bàn tay vàng" làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa có thu nhập cao, như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm" (1).

Hai là, sự phân định hộ giàu, hộ nghèo cần được xem xét toàn diện : thu nhập đời sống vật chất và tinh thần. Chuẩn mực giàu nghèo và sự phân cực thu nhập ở miền Trung phải xét trong mối tương quan với cả nước, thống nhất theo tiêu chuẩn của cả nước. Chú ý hộ nghèo vùng cao, vùng thường có thiên tai, căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa, vùng có dân tộc ít người.

Ba là, sự phân hóa giàu nghèo là xu hướng tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Sự phân hóa thu nhập ở mức hợp lý là động lực của sự phát triển xã hội, vì nó xóa bỏ chủ nghĩa bình quân, khuyến khích lao động giỏi, người có tài, tận tâm với công việc. Hộ giàu và mức giàu tăng lên là điều kiện để giảm hộ nghèo và mức nghèo của cộng đồng. Miền Trung còn nghèo, hộ giàu rất ít, phân hóa giàu, nghèo còn ở mức thấp, nên vấn đề đặt ra chưa phải là rút ngắn khoảng cách giàu - nghèo, mà là tập trung tìm các *giải pháp* để giảm bớt hộ nghèo và khuyến khích làm giàu chính đáng. Những giải pháp đó là :

1- Tập trung sức phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ổn định, kết hợp với công nghiệp chế biến và dịch vụ. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở miền Trung là trên cơ sở khai thác hợp lý tiềm năng và thế mạnh về rừng, biển, đường giao thông, cảng biển và các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, nhằm biến miền Trung nghèo thành một vùng đất giàu có. Đó là điều kiện cơ bản và lâu dài để xóa đói giảm nghèo, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của dân cư. Trong thời gian tới, cần coi trọng phát triển cơ sở hạ tầng, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và liên kết giữa các vùng để tạo điều kiện cho nền kinh tế miền Trung vững bước đi lên. Muốn vậy, cần kết hợp phương châm "*nhà nước và nhân dân cùng làm*", nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đề ra là : "Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn có hiệu quả" (2).

(1) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 287

(2) Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 175

Digitized by Google

2- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của các ngành ở địa phương, nhất là cấp huyện, xã. Mục tiêu là để họ đủ sức tiếp thu, vận dụng và cụ thể hóa đường đối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới vào phục vụ sản xuất ; mặt khác, khắc phục dần tính bảo thủ, bao cấp, định kiến với hộ giàu, bằng lòng với chủ nghĩa bình quân, kỹ thuật canh tác lạc hậu.

3- Cần thực hiện các giải pháp đồng bộ để xóa đói, giảm nghèo. Ở miền Trung có trên 80% dân cư sinh sống ở nông thôn và là một trong số vùng nghèo nhất của cả nước hiện nay. Các giải pháp chủ yếu cần làm nhằm xóa đói, giảm nghèo ở vùng này là : đổi mới các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp kiểu cũ một cách cơ bản để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất và phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ ; giảm đội ngũ cán bộ hợp tác xã để giảm chi phí quản lý và các khoản đóng góp của nông dân ; giúp các hợp tác xã thực hiện kinh doanh dịch vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) ; phát triển ngành nghề dịch vụ ở nông thôn ; đa dạng hóa cây trồng vật nuôi và chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến ; phát triển mạnh kinh tế trang trại ở trung du và miền núi với quy mô đất đai không hạn chế (vì đất hoang còn nhiều) ; thực hiện giao đất, khoán rừng đến tận hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ; tổng kết, nhân rộng các mô hình và kinh nghiệm làm giàu ở các vùng kinh tế, mở rộng khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, cho vay vốn đến hộ nông dân.

4- Cùng với việc đề cao tinh thần tự lực tự cường, cần gia tăng sự hỗ trợ của trung ương về vốn, khoa học công nghệ và về các chính sách xã hội. Miền Trung là vùng đất nghèo, cơ sở hạ tầng yếu kém, ngân sách địa phương thu không đủ chi, nên không có vốn tích lũy. Vì vậy, sự hỗ trợ của trung ương về vốn thông qua các chương trình, dự án bằng nguồn vốn ngân sách và tạo hành lang luật pháp mở cửa thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài vào miền Trung là rất quan trọng. Không chỉ nghèo vốn, miền Trung còn rất nghèo về khoa học và công nghệ, nghèo về kinh nghiệm quản lý kinh tế trong cơ chế thị trường. Để miền Trung khỏi nguy cơ tụt hậu và từng bước phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần sự hỗ trợ của trung ương về miễn giảm thuế và phí ; cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất, dịch vụ ; ưu tiên việc làm, đào tạo nghề nghiệp, thực hiện nhanh việc giao quyền sử dụng ruộng đất, đầu tư giáo dục, đào tạo cán bộ... Các chính sách xã hội đối với miền Trung cũng cần được bổ sung cho hoàn chỉnh. Bởi vì, đây là vùng bị chiến tranh tàn phá ác liệt nhất, số hộ nghèo do chiến tranh để lại ; số hộ chính sách, neo đơn, cô quả cũng chiếm nhiều hơn so với các vùng khác trong cả nước.

5- Sớm hoàn chỉnh quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Xây dựng hệ thống kinh tế mở, thiết lập tuyến hành lang thương mại quốc tế, biến miền Trung thành đầu mối giao thông và trung tâm công nghiệp chế biến, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Coi trọng xây dựng các khu chế xuất, các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhằm tạo việc làm mới và tăng thu nhập cho dân cư, nhất là dân nghèo nông thôn. Thực hiện mục tiêu của Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng là : "Kết hợp sự phát triển có trọng điểm với sự phát triển toàn diện các vùng lãnh thổ, giảm bớt chênh lệch về nhịp độ phát triển giữa các vùng" (3).

Xử lý tốt vấn đề giàu nghèo ở miền Trung là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa không chỉ đối với các tỉnh trong vùng mà còn với cả nước. Đây là khâu đột phá có tính chiến lược nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở một vùng đất rộng lớn, giàu tiềm năng và truyền thống cách mạng, nhưng hiện vẫn còn nghèo. Vì vậy, để làm tốt, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh trong vùng với các bộ, ngành ở trung ương, nhất là các cơ quan nghiên cứu hoạch định chính sách kinh tế, xã hội của Chính phủ. Mục tiêu của sự phối hợp đó là tạo ra động lực mới thúc đẩy kinh tế miền Trung tăng trưởng nhanh hơn, toàn diện hơn, nâng cao đời sống dân cư trong vùng trên cơ sở, tăng nhanh hộ giàu, giảm nhanh hộ nghèo ❑

(3) Xem *Văn kiện đã dẫn*, tr 209

Digitized by Google

Cán bộ, đảng viên có tích cực học tập mới nâng cao được trình độ trí tuệ của Đảng

NGUYỄN QUANG DU *

XÉT về thực chất, nhiệm vụ hàng đầu của một đảng vô sản cách mạng là làm sao kết hợp được phong trào công nhân với lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học. Sự kết hợp đó tạo nên sức mạnh, tính tiên phong, trình độ trí tuệ của Đảng. Trước đây, Lê-nin đã từng viết : "Chúng ta tin tưởng ở Đảng, chúng ta nhìn thấy ở đó trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại chúng ta" (1). Thiếu lý luận, thiếu trí tuệ, Đảng sẽ không tránh khỏi vấp váp, sai lầm, không thể làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong.

Như vậy, từ trong bản chất của mình, Đảng đã luôn luôn là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động. Lẽ đương nhiên, muốn làm trọn chức năng là đội tiên phong và bộ tham mưu sáng suốt nhất, Đảng phải luôn đứng ở tầm cao trí tuệ xã hội, dân tộc và thời đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm, cách mạng trước hết phải có Đảng, nhưng Đảng là từ nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân nên "Đảng cũng ở trong xã hội" và khi xã hội phát triển tiến lên, Đảng cũng phải phát triển tiến lên.

Đất nước ta đang tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh thời cơ và thuận lợi, chúng ta cũng đang đứng trước nhiều nguy cơ, thử thách, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Các thế lực thù địch, chống chủ nghĩa xã hội đủ loại màu sắc không ngừng tập trung đánh vào nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; xuyên tạc cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng ; gây mất ổn định chính trị, phá rối an ninh quốc gia... Thực chất là chúng muốn hạ thấp uy tín của Đảng, tiến tới làm tan rã Đảng.

Hơn lúc nào hết, để giữ vững ổn định chính trị, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu về kinh tế, thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu ; từng bước cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng Đảng ta càng phải có tri thức, trí tuệ, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Chỉ có như vậy, Đảng mới thực sự giữ vững được vị trí và vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp đổi mới mà không một thế lực chính trị nào có thể thay thế được.

Cần thẳng thắn và nghiêm túc nhận ra những mặt còn thiếu hụt, bất cập về tri thức, trí tuệ của Đảng. Sự thiếu hụt, bất cập đó được biểu hiện cụ thể ở trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt còn chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được làm sáng tỏ ; nhiều câu hỏi từ cuộc sống đặt ra chưa được trả lời một cách rành mạch. Trình độ lý luận, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn hạn chế. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu kém, không đủ trình độ và năng lực để lãnh đạo. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên do thiếu tu dưỡng, học tập và rèn luyện đã phai nhạt lý tưởng, thoái hóa về chính trị, phẩm chất đạo đức, chạy theo lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, không còn vai trò tiên phong, gương mẫu.

---

* PTS triết học, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 34, tr 122

Digitized by Google

Có nhiều cách lý giải khác nhau về tình trạng nói trên. Song, một trong những điều đáng quan tâm là do Đảng ta ra đời trong một nước nông nghiệp lạc hậu, đa số cán bộ, đảng viên của Đảng xuất thân từ nông dân nên cơ sở, nền tảng học vấn và tri thức của cán bộ đảng viên còn thấp. Đất nước lại phải trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt... Trước đây, có lúc, có nơi coi trọng giáo dục lý tưởng, lòng trung thành, phẩm chất đạo đức cách mạng nhưng chưa chú trọng đúng mức đến tổ chức giáo dục, học tập cho cán bộ, đảng viên. Đặc biệt phải kể đến việc thiếu bồi dưỡng và nâng cao trình độ lý luận chính trị, thiếu coi trọng rèn luyện phương pháp tư duy khoa học, một dấu hiệu quan trọng bậc nhất của sự có học thức, tri thức.

Cũng không ít cán bộ, đảng viên, được học lý luận, nhưng chỉ học "lý luận vì lý luận" chứ không nhằm vận dụng, học đi đôi với hành, lý luận đi đôi với thực tiễn, nên thường không tránh khỏi chủ quan duy ý chí, mò mẫm, bất chấp hoàn cảnh thực tế và quy luật khách quan ; thường đem cái của người biến thành cái của mình, thiếu hẳn khả năng sáng tạo. Về thực chất, đó chính là chủ nghĩa kinh nghiệm, giáo điều (ngay cả kinh nghiệm cũng tản mạn, thiếu hệ thống).

Rõ ràng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là một yêu cầu rất cơ bản và cấp bách hiện nay. Bên cạnh việc giáo dục lý tưởng, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chúng ta phải đẩy mạnh việc bồi dưỡng nâng cao trình độ hiểu biết về các mặt cho cán bộ, đảng viên, coi đây là một yếu tố rất cơ bản giúp cho cán bộ, đảng viên hoàn thành mọi nhiệm vụ, là thước đo chủ yếu để đánh giá cán bộ, đảng viên. Mọi cán bộ, đảng viên của Đảng phải không ngừng vươn lên biết tự làm giàu tri thức, trí tuệ của mình bằng tất cả kho tàng tri thức của nhân loại, của thời đại. Trong điều kiện hiện nay, đổi mới là cần thiết, và đổi mới phải trên cơ sở có học vấn, tri thức, có lý luận khoa học dẫn đường. Để tiến tới lý luận khoa học phải chú ý vừa tìm tòi thử nghiệm, vừa sáng tạo lý luận. Cần coi trọng hơn nữa công tác tổng kết kinh nghiệm từ cơ sở. Tổng kết, đúc rút kinh nghiệm ngay trong quá trình vận dụng lý luận vào thực tiễn, trong quá trình sự vật đang vận động để có định hướng, uốn nắn, điều chỉnh lại kịp thời. Chỉ có như vậy, trong cuộc đấu tranh phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế như hiện nay, trước những yêu cầu của thời đại mới, chúng ta mới có thể bảo vệ được một cách trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; mới có thể lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đi đến thành công, thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để tránh những vấp váp, sai lầm do sự thiếu hụt về học vấn và tri thức, giải pháp tốt nhất như Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường nhắc là : phải tổ chức học tập trong toàn Đảng. Người xem đây là "công việc gốc" và đặt lên hàng đầu sự cần thiết của Đảng phải tổ chức giáo dục, học tập cho cán bộ, đảng viên. Nhiệm vụ của người cán bộ, đảng viên là phải học tập. Thiết thực nhất là, cán bộ, đảng viên ai làm nghề gì phải học nghề nấy, học lý luận Mác - Lê-nin, học văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, học ngoại ngữ... Nếu cán bộ, đảng viên không chịu thường xuyên học tập, trau dồi kiến thức, thì không thể tìm ra được câu trả lời cho các vấn đề của cuộc sống. Cán bộ, đảng viên lười học tập, lười suy nghĩ cũng có nghĩa là thoái bộ, tụt hậu và như thế không thể nâng cao được trí tuệ chung của toàn Đảng, không thể làm cho Đảng vững mạnh đủ sức lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. ❑

Digitized by Google

THỜI LÊ SƠ CHỈNH ĐỐN QUAN LẠI

LÊ ĐÌNH SỸ *

Ở nước ta, thời Lê Sơ (1428 - 1527) sau khi đánh thắng ngoại xâm, có nhiều đại thần và tướng lĩnh giữ những trọng trách trong triều chính, tiếp tục phát huy vai trò của mình trong quá trình xây dựng chính quyền trung ương tập quyền, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy vậy, cũng không ít những công thần cả văn lẫn võ, vội thỏa mãn với chiến công, lơ là việc nước, lo đòi hưởng thụ xa hoa, xa rời dân chúng. Một số quan lại lợi dụng chốn quan trường để tham ô đục khoét, "dĩ công vi tư", gây nên bao nỗi ta oán trong dân gian. Vì thế, nhà nước phong kiến Lê Sơ trong thời kỳ tiến bộ đã lo chỉnh đốn hệ thống quan chức, chú ý đến việc tuyển chọn, đào tạo và sử dụng đội ngũ quan lại ; thường xuyên có những biện pháp tích cực để chống bọn tham quan ô lại, giữ nghiêm "phép vua, phép nước".

Lê Thái Tổ vừa đánh thắng giặc đã để ý ngay đến việc gây dựng nhân tài. Ngay từ năm mở đầu triều đại (1428), vua đã ban chiếu dụ : "Ta chẳng có tài cán gì, vậy mà phải gánh vác trách nhiệm nặng nề, e không kham nổi. Cho nên ta sẵn sàng cầu hiền để cùng lo toan việc lớn cứu vớt muôn dân" ; "nay sức cho các lộ, phủ tiến cử người hiền lương, chân chính, trí dũng và hào kiệt, vời đến xét hỏi để cất nhắc bổ dùng" ; "ai tiến cử được người xứng đáng thì cho thăng chức và ban thưởng ; nếu vì chuyện tây vị chạy vạy, tiến cử người dở, sẽ bị khép tội theo luật lệ" (1). Năm Hồng Đức thứ 5 (1484), Lê Thánh Tông ra lệnh cho các nha môn trong và ngoài, nếu có chức nào khuyết thì có thể tìm người tài cán, học thức, thanh liêm, làm việc giỏi đề nghị bổ vào chức đó. Vua nói : "Trong triều đình, nếu quân tử được tiến dụng, là gốc rễ tiến lên đời thịnh trị ; nếu tiểu nhân được tiến dụng, là đường ngõ bước vào đời loạn lạc. Trẫm cùng các khanh phải khuyến miễn lẫn nhau, dùng người quân tử, bỏ bọn tiểu nhân,... để mong đưa nước nhà đến đời thịnh trị" (2). Lệ tiến cử giúp cho một số tài năng vì lý do nào đó không ứng thí được, có thể ra thi thố ở đời. Bấy giờ, việc ấy làm thận trọng, trừng phạt lại rất nghiêm, cho nên không ai dám thiên tư, các chức đều xứng đáng, chọn được nhiều người hiền tài cho nước. Nhiều tài năng được phát hiện và được mời ra làm quan, không câu nệ đường xuất thân, miễn là tài đức. Một mặt triều đình mở cửa vời đón nhân tài bằng đường tiến cử, nhưng mặt chủ yếu vẫn là khoa cử, vì thời Lê Sơ khoa trường là điển lệ trọng đại của quan chế. Chiếu vua nói rằng : "Muốn có nhân tài, trước hết phải chọn người có học, phép chọn người có học thì thi cử là đầu" (3).

Vua Lê Thái Tổ còn tiến hành khảo sát quan lại, thải bớt những người thiếu năng lực, bổ sung lớp người trẻ, tài năng, học thức. Vua truyền lệnh cho các quan ôn luyện để thi minh kinh. Quan văn thi kinh sử ; quan võ thi võ kinh, pháp lệnh và kỳ thư. Nhà Lê coi trọng trí thức, đề cao nho sĩ, lập Quốc tử giám, chọn những người thông minh, tuấn tú cho làm giám sinh ; ngoài các lộ thì lập trường học, lựa chọn con em nhà lương thiện làm lộ hiệu sinh, cử những nhà nho xứng đáng cho làm thầy đứng ra dạy dỗ. Cứ ba năm một lần triều đình tổ chức kỳ thi Hội. Sĩ tử khắp nơi đua nhau đến trường thi, nhân tài chen vai, thích cánh. Kỳ thi Hội năm 1463 có 1 400 người, năm 1475 có 3 000 người tham dự. Vì vậy, lúc đó "Trong nước không để sót nhân tài, triều đình không dùng lầm người kém" (4), có nhiều quan viên tài đức vẹn toàn, thanh liêm, mẫn cán, biết "dĩ dân vi bản", thương yêu dân lành. Khi

* PTS, Thượng tá, Viện lịch sử quân sự Bộ quốc phòng

(1) Xem *Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch), Nxb Văn sử địa, Hà nội, 1959, t 9, tr 12

(2) *Sđd*, t 10, tr 71

(3) Phan Huy Chú : *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học, Hà nội, 1961, t 3, tr 10

(4) Phan Huy Chú : *Sđd*, t 3, tr 12

Digitized by Google

nhà nước phong kiến đang giữ vai trò tích cực thì hình luật nghiêm, chính sách hợp với lòng người, vì thế đội ngũ quan văn, quan võ giữ nghiêm phép tắc, trên dưới đồng tâm, tướng sĩ một lòng, ai cũng gắng sức. Nhưng đến cuối thời Lê Sơ, việc quản lý đội ngũ quan lại có chiều hướng lơi lỏng, chú tâm nhiều đến phát triển số lượng để lương cấp không đủ, hoặc thiếu công bằng, dẫn đến việc chi phí quan trường quá tốn kém, ảnh hưởng nhiều đến công quỹ và đời sống dân sinh. Cũng đã có lúc "quan thì túng, dân thì nghèo, số quan viên và vệ sĩ tăng quá nhiều , lương không đủ cấp", giống như tình trạng cuối thời Trần, vua phải kêu lên : "Nước nhỏ như bàn tay sao mà lắm quan đến thế !". Vì vậy, năm 1448, triều đình ra lệnh : "Giảm bớt quan viên các sở, giảm bớt số tướng hiệu ở các vệ quân. Các đời vua Lê đều coi trọng hình luật, coi pháp luật là công cụ để giúp vua trị nước.

Theo pháp luật nhà Lê, quan lại cấp trên phải chịu trách nhiệm cai quản quan lại cấp dưới. Quan lại có nhân viên thuộc quyền vi phạm pháp luật thì phải chịu tội liên đới, thường là giáng một bậc. Sáu bộ là cơ quan cao nhất trong chính quyền nhưng phải chịu kiểm soát của Đài ngự sử và Hiến ti. Lực lượng giám sát và đối tượng giám sát được nhà nước quy định rõ ràng. Hệ thống quản lý dựa trên nguyên tắc phân quyền, liên đới trách nhiệm và "móc xích" với nhau nhằm giảm bớt sự độc quyền của quan lại. Có khi nhà Lê còn cấm các quan lấy vợ ở bản hạt thuộc phạm vi cai quản và không được lập trang trại ở nơi mình trấn trị, cốt để quan viên ấy không ỷ quyền thế ức hiếp dân, bao che, dung túng những bọn đồng đảng gian ác và càn quấy.

Trước những hành vi vi phạm pháp luật và tình trạng tham nhũng, chiếm dụng công quỹ, vua Lê Thái Tổ đã ban *ba điều răn* các quan : "Chớ vô tình, chớ lừa dối ; chớ gian tham" (5). Lê Thái Tông xuống chiếu khuyên các đại thần văn võ : "*Nên liêm khiết, không được ăn của đút*". Năm 1447, nhà vua ra chỉ dụ cho bách quan trong triều và ngoài các đạo rằng : "Nhà nước đã có bổng thường để khuyến khích liêm khiết, lại có phép thường để theo thế mà làm. Nay bọn các ngươi không chịu giữ phép, làm việc công thì mượn tiếng việc công để làm việc tư, xét kiện tụng thì lấy của đút mà sai pháp luật, những người đi đường ai cũng oán than, xét tệ bệnh ấy không phải là việc nhỏ. Nay nên gột rửa sạch lòng, giữ mình liêm khiết, gắng sức việc công, yêu thương quân dân, nếu còn mê muội không chừa, bị người tố cáo, hoặc xét được thực trạng thì trị tội nặng hơn luật thường 2 bậc" (6).

Năm 1456, nhà vua có lệnh : "Người làm quan phải lo phận sự, hết chức vụ. Đối với võ quan, quản quân các vệ sĩ phải yêu thương quân lính, lo luyện tập võ nghệ, cấm bắt lính, làm việc riêng, cấm thu góp nhiễu hại và bớt xén quân nhu để làm ơn riêng. Quan đại thần phải hết lòng giúp vua, tiến người tài đức, đuổi các quan tham xu nịnh. Quan hành khiển năm đạo phải biết việc lợi hại hay dở, sổ sách kiện tụng phải rõ ràng minh bạch, không được theo ý riêng mà bỏ lẽ công. Quan nội mật viện phải tuân thủ phép điển để không được ỷ thế làm bậy. Quan xét hình phải tra xét minh bạch, tỏ rõ oan uổng, không được nhận lời gửi gắm và lấy của đút để đến nỗi chậm trễ oan uổng. Quan các lộ, phủ phải chăm sóc nhân dân trong hạt, liêm khiết công bằng ; không được lấy tiền của để xu mị quan trên hòng mong thăng tiến. Quan điện tiền, điện hậu không được bỏ công mưu tư, xén xẻo đục khoét. Học quan thì phải kính giữ học quy, lo dạy bảo học trò thành tài, không được buông trôi, bỏ bê nghề học. Còn quan ở trong các cục, sảnh, viện cũng phải chăm lo việc công, không được lười biếng, cầu may. Phàm trăm quan các ngươi đều phải kính theo và làm đúng lệnh này" (7).

Bấy giờ có những trung thần tận tâm vì nước vì dân, dám nói thẳng những điều sai trái. Năm 1435, Phan Thiên Tước đã dâng sớ nói *6 điều không nên* của nhà vua, đề nghị vua nên sửa đổi, và thẳng tay trừng trị bọn xu nịnh, tham nhũng. Nhà vua thấy những đề nghị đó là đúng nên đã ban sắc dụ răn bảo các quan văn võ trong kinh và ngoài các lộ rằng : "Gần nay ít kẻ biết giữ phép công, tuân theo pháp luật :

(5) *Đại việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1968, t 3, tr 37

(6) Xem *Đại việt sử ký toàn thư* : *Sđd*, t 3, tr 141 - 142

(7) Xem *Đại việt sử ký toàn thư* : *Sđd*, tr 165 - 166

Digitized by Google

Người giữ tiền bạc, để bê trễ đọng lại, cố ý làm khó khăn ; kẻ coi quân đội, không thương xót binh lính. Còn cai trị dân, thì không lo chăn dắt nuôi dạy, chỉ buông tha cho bọn giàu có, riêng trút sai dịch vào hạng bần cùng ; xử kiện thì không giữ công bằng, chỉ nghĩ đến bè đảng và ăn hối lộ; làm việc thì không cần mẫn, chỉ chè chén và tiệc tùng. Những kẻ canh giữ quan ải, không nghĩ đến việc kiểm tra xét hỏi, chỉ mưu tính buôn bán để làm giàu.

Các ngươi cùng hưởng lộc trời, chăn dân của trời, thế mà làm việc như vậy há chẳng trái nghịch với trời sao ? Từ nay các người nếu biết sửa đổi lỗi trước, noi theo đường thiện, hết lòng trung ái, thương yêu quân và dân, hòa thuận giữa bạn đồng liêu, công bằng xét xử việc hình ngục và kiện tụng, khuyến khích canh nông và tằm tang, dẹp yên trộm cướp, trau dồi đức tính thanh liêm trong sạch, thì thân mình và nhà mình sẽ được hiển vinh, con cháu sẽ được hưởng phúc. Nếu không thế thì nhà nước đã có pháp luật đây !" [8]. Nhà vua đã bí mật điều tra thực trạng thanh liêm hay tham nhũng của các quan ở trong kinh và ngoài các lộ. Vua ban thưởng cho những người làm việc lâu năm, chịu khó và trong sạch. Những kẻ tham nhũng, làm trái phép nước đều bắt đến giao cho Pháp ti xét hỏi [9]. Điển hình là Tổng quản tiền quân Lê Thụ phạm các tội :

1- Cưới vợ lẽ khi có quốc tang ;

2- Bắt lính làm việc riêng và xây cất nhà cửa lớn bằng tiền công ;

3- Thông đồng buôn bán hàng cấm với người nước ngoài.

Tuy Thụ rất thân cận vua, nhưng vua Lê Thái Tông đã cương quyết theo luật ra lệnh cho Pháp ti xét hỏi, trị tội.

Thời đó, có quan nội mật viện là Nguyễn Thúc Huệ bất tài, nhưng khéo xu nịnh nên được vua và Tể tướng Lê Sát tin dùng. Huệ đã chuyên quyền đục khoét của dân, lợi dụng tham nhũng quá đáng. Hành khiển Nguyễn Trãi nói thẳng với Tể tướng. Nhà vua và Tể tướng Lê Sát phải xem xét lời nói thẳng của Nguyễn Trãi.

Tháng 1-1440, nhà vua xuống chiếu cho quần thần rằng : "Đại thần và bách quan văn võ ăn lộc của vua, nên lo điều lo của vua. Phàm những chính sự và mệnh lệnh nếu có hại cho quân và dân, những việc làm của trẫm lỡ có điều gì không được thích đáng, thì ai nấy đều nên tranh luận cho rõ ràng, can ngăn cho vỡ vạc, giúp đỡ cho những điều trẫm không nghĩ tới. Như thế thì, từ trước đến sau, vua và tôi mới giữ toàn vẹn được công danh sự nghiệp, cùng nhau chung hưởng hiển vinh. Há chẳng tốt lắm sao ?" [10].

Dựa vào hình luật, nhà nước Lê Sơ thẳng tay trừng trị những kẻ tham quan ô lại, ức hiếp dân chúng, bọn gian thương trốn tránh quản lý, mua rẻ bán đắt bất chính. Vua Lê Thái Tông ra lệnh : "Hễ kẻ nào nhận một quan tiền hối lộ thì chém không tha". Vì thế, tháng 11 - 1435, Tể tướng Lê Sát ra lệnh chém Nguyễn Liêm kẻ đã nhận lễ hai tấm lụa của người khác.

Năm 1500, vua Lê Hiến Tông xuống chiếu rằng : Quan lại nào tham ô nhũng nhiễu, lười biếng, hối lộ có tang chứng, thì giao cho bộ Lại khám xét và trị tội như Luật ; các quan Thừa ti, Hiến ti vì có ân oán hay ăn hối lộ mà khai tâu không công bằng, đến nỗi kẻ thiện, kẻ ác lẫn lộn, công tội không thực, thì các Khoa, Đài phải xét rõ và làm tờ khai lên để trị tội. Quan Ngự sử đài cũng phải xét rõ công, tội của các quan Thừa, Hiến các xứ đến cuối năm định rõ trên, dưới để tâu công trạng, lỗi lầm của các quan phủ, huyện, châu, .v.v..

Chính quyền Lê Sơ định kỳ kiểm tra và "khảo khóa" khả năng, tri thức và học vấn của quan lại, vừa để làm cơ sở thăng giáng, vừa để tuyển chọn nhân viên cho hệ thống hành chính các cấp. Thời Lê Thái Tổ sát hạch các viên thuộc trong Kinh và ngoài các Lộ, phân thành ba bậc : bậc nhất là những người có tài cả văn lẫn võ ; bậc nhì là những người có kiến thức, minh mẫn ; bậc ba là những người tinh thông phép viết và phép tính toán.

Năm 1478, Lê Thánh Tông định lệnh lựa chọn, loại thải quan viên theo ba điều :

1- Những người hèn kém, dần độn, bỉ ổi, không đảm đương nổi việc thì cho nghỉ ; chọn người có khí độ, kiến thức, thạo việc mà bổ dụng.

(Xem tiếp trang 14)

(8), (9) *Việt sử thông giám cương mục* : *Sđd*, t 9, tr 54, 55

(10) *Việt sử thông giám cương mục* : *Sđd*, t 9, tr 76

Digitized by Google

"Cái ghế"

NGUYỄN VĂN LỘC

NHIỀU người đã biết câu danh ngôn : "Mất tiền bạc là mất nhiều, mất bạn bè là mất nhiều hơn, mất lòng tin là mất tất cả". Gần đây, trong một lần vui chuyện, một anh bạn tôi đã nói đùa rằng, nên sửa lại về cuối của câu danh ngôn thành "mất ghế là mất tất cả", bởi vì thời nay "cái ghế" là cái rất quan trọng. Rồi anh kể : Có ông chủ tịch quận ở một thành phố, do "hay phải ký" các quyết định liên quan đến nhà, đất, nên bà vợ của ông đã được nhiều nơi gợi ý cho mượn tiền, và chỉ trong một thời gian ngắn bà đã vay mượn được hàng trăm nghìn USD một cách rất suôn sẻ. Nhưng sau đó, khi "phu quân" vừa rời khỏi "cái ghế" chủ tịch, bà đến hỏi vay số tiền tuy nhỏ hơn nhiều, nhưng ai cũng từ chối một cách rất lịch sự ! Lại có những người chỉ cần một cú "phôn", hoặc một lá thư tay cũng giải quyết được không ít vấn đề đại sự. Thật đúng là "cái ghế" có lợi thế rất quan trọng.

Nói đúng ra thì thời nào "cái ghế" cũng quan trọng. Nói đến "cái ghế" là có ý nói đến cái chức, cái quyền của người nào đó, và trong nhiều trường hợp đi theo "cái ghế" thường là có tiền tài, lợi lộc. Bởi vậy có những người cố tìm cách để có được "cái ghế"! Tuy ở ta không có chuyện mua quan bán tước, chuyện vận động tranh cử để giành cho được chức này chức nọ như ở các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng ở nơi này nơi khác cũng có những cuộc "vận động ngầm". Cứ vào dịp sắp bầu cử (hội đồng nhân dân, quốc hội, cấp ủy) hoặc khi có đợt lựa chọn để bạt cán bộ, những ai tinh ý lại thấy rộ lên một số hoạt động có vẻ khác thường. Một số người trong diện được lựa chọn thường tìm cách tranh thủ cảm tình của những người khác có khi đến lộ liễu. Từ việc phát biểu ý kiến, phê bình, tự phê bình trong các cuộc họp đến việc giải quyết công việc thường ngày, họ luôn luôn "ý tứ", lúc nào cũng "một vừa hai phải", mà thực chất là né tránh để không va chạm với ai, không mất lòng ai. Một số người khác thì lại thường gợi chuyện về ông A bà B để bàn tán, dèm pha về khuyết điểm này, khuyết điểm nọ của họ và đề cao mình, vì xem ra họ có thể là đối tượng tranh ghế với mình. Những cuộc "vận động ngầm" này rất tinh vi, quyết liệt gây nên không ít thông tin nhiễu về việc nhận xét, đánh giá phẩm chất và năng lực của một số người, ảnh hưởng không tốt tới việc bố trí, sắp xếp cán bộ.

Những cán bộ có bản lĩnh và phẩm chất tốt khi được giữ vị trí lãnh đạo, nói nôm na là có "ghế", đều đem hết tài năng, trí tuệ và nhiệt tình của mình để phấn đấu giành cho được những kết quả tốt trong công tác. Họ chăm lo củng cố, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong cơ quan, trong tổ chức đảng, chăm lo đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giáo dục thực hiện nghiêm chỉnh mọi chính sách, pháp luật của nhà nước, giữ vững mối liên hệ tốt đẹp với nhân dân. Họ cũng quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, năng lực và phẩm chất của mình để ngang tầm với nhiệm vụ được giao. Không ít người khi "cờ đến tay" đã đưa đơn vị, cơ quan mình từ chỗ khó khăn, yếu kém vươn lên thành đơn vị vững mạnh. Bằng những việc làm thực tế của mình, họ được lòng tin yêu của tập thể. Cũng có những người khi thấy tuổi đã cao, năng lực đã hạn chế, khó đảm đương được nhiệm vụ hoặc do yêu cầu đổi mới tổ chức, sắp xếp lại cán bộ, đã sẵn sàng nhường "ghế" của mình cho đồng chí khác một cách thoải mái, nhẹ nhàng.

Nhưng lại cũng có những người rất quan tâm đến việc giữ "ghế" của mình. Mẹo của họ là tìm cách tranh thủ tình cảm, lấy lòng cấp trên, làm chỗ dựa, ô dù cho mình. Một số người rất "chịu chơi", sẵn sàng tung tiền của của cơ quan, đơn vị để "kết thân" với những người, những cơ quan có uy tín nhằm phát huy thanh thế của mình. Một số người thì lo "liên minh" với người này, người khác để củng cố địa vị cá nhân, dèm pha chê bai, hạ uy tín những người không ăn ý với mình. Điều khá phổ biến hiện nay là, nhiều người rất khôn khéo trong nghệ thuật báo cáo, nếu cấp trên không sâu sát, khách quan thì dễ bị nhầm lẫn, không nhìn thấy thực chất của tình hình, nhất là những chuyện tiêu cực của họ. Vì vậy, một số người dù đức tài hạn hẹp, không ít tai tiếng xấu vẫn cứ yên vị trên "ghế" cũ, có khi còn được ngồi "ghế" cao hơn. Cũng cần phải nói thêm, do nể nang, do "chiều" nhau, ở nơi này nơi khác đã có hiện tượng người ta sắp xếp, "chia ghế", "giữ ghế" cho nhau, không kể gì đến những lời dị nghị của tập thể, của nhân dân.

Xung quanh "cái ghế" luôn luôn có những chuyện khen, chê. Điều cần lên án là những kẻ do mang nặng tư tưởng cá nhân, chỉ lo toan đến việc giữ "ghế" cho mình, luôn đặt "cái ghế" của mình lên trên hết, trước hết. ❑

Digitized by Google

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - CUỘC ĐẤU TRANH TOÀN CẦU

HOÀNG XUÂN LONG *

MỘT điều không thể nghi ngờ gì nữa là vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên cấp thiết và mang tính toàn cầu. Mọi người sống trên hành tinh đều có nghĩa vụ giữ gìn môi trường sống chung. Muốn vậy, loài người cần đoàn kết và thống nhất với nhau. Giả sử 99% dân số trên hành tinh phấn đấu hết mình vì sự nghiệp bảo vệ môi trường và chỉ 1% còn lại tự đặt mình ra ngoài, thì mục tiêu to lớn đó vẫn khó có thể thực hiện được. Làm thế nào để thu hút các dân tộc, các tầng lớp dân cư sát cánh bên nhau trên cùng trận tuyến bảo vệ môi trường? Chắc chắn, nếu chỉ tuyên truyền không thôi thì mọi vấn đề cũng chỉ dừng lại trên lời nói. Muốn giải quyết một cách căn bản cần phải có quan niệm đúng và có những giải pháp thích hợp trong đó chú trọng đến lợi ích kinh tế.

Người giàu tiêu dùng nhiều mà phá hoại môi trường cũng lắm

Những người có mức sống cao luôn có nhu cầu tiêu dùng ở mức độ cao. Nhu cầu này thậm chí vượt quá giới hạn sinh lý và quan hệ xã hội lành mạnh của con người, đôi khi lại chuyển thành nhu cầu phi lý phục vụ cho tham vọng thống trị lẫn nhau cũng như các ý đồ ngông cuồng khác. Các nhà khoa học đã chỉ ra giới hạn tự nhiên của nhu cầu ăn uống : trường hợp tiêu thụ quá nhiều prô-tê-in, cơ thể cũng chỉ giữ lại một lượng nhỏ - trung bình 1 gam prô-tê-in cho 1 kg trọng lượng cơ thể, phần thừa ra gây nên tai hại như stress cho thận, tăng huyết áp, ảnh hưởng tiêu cực đến buồng trứng ở phụ nữ, giảm B6 và ma-giê. Ngày nay, ở Mỹ có khoảng 100 triệu thanh niên bị phát phì, quá nặng cân và 48 triệu phải theo chế độ ăn kiêng. Căn bệnh những người này mắc phải là do ăn uống vượt quá mức cân bằng. Nếu người Mỹ tỏ ra "chơi trội" về khoản tiêu dùng ăn uống, thì người Cô-oét lại "chịu chơi" về khoản tiêu dùng ô tô. Là quốc gia nhỏ bé với 18 nghìn km^2 và tổng chiều dài toàn bộ các con đường là 3 073 km, nhưng hiện trung bình mỗi gia đình Cô - oét có tới 3,7 xe ô tô các loại... Có thể kéo dài vô tận danh mục các khoản tiêu dùng lãng phí trong tầng lớp giàu có. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là, mức tiêu dùng cao tỷ lệ thuận với mức tàn phá môi trường. Một tính toán cho thấy, một đứa trẻ ở Mỹ trung bình tiêu dùng gấp 35 lần một đứa trẻ ở Ấn độ và gấp 280 lần ở Ha-i-ti. Nhiều tác giả, trong đó có nhà nông học Pháp Rơ-nê Đuy-mông (René Dumont), nhấn mạnh rằng, nếu toàn bộ hành tinh chúng ta tiêu thụ năng lượng như nhịp độ của dân Mỹ thì phải đồng thời tăng lượng dầu mỏ lên gấp 3 lần, sản lượng hơi đốt tự nhiên lên gấp 7 lần, sản lượng than đá lên gấp 10 lần và số nhà máy điện hạt nhân lên gấp 60 lần, cứ như thế chẳng mấy mà nguồn nhiên liệu sẽ cạn kiệt và thực sự đe dọa đến môi trường. Ngoài ra nhu cầu xa xỉ còn thúc đẩy việc săn trộm và buôn lậu động vật quý hiếm trên thế giới. Tờ "Time" (Mỹ) ngày 19-7-1993 dẫn ý kiến các chuyên gia dự đoán giá trị thực của thị trường đen buôn bán động vật quý hiếm có thể lên tới 10 tỉ USD hằng năm. Thêm vào đó là việc tiêu dùng giấy viết ngày càng lớn. Với mức độ quảng cáo tăng gấp bội và 3/4 thông tin lặp đi lặp lại như hiện nay thì trọng lượng các tờ báo tăng gấp bội so với trước đây và nguyên liệu để làm ra giấy là cây rừng cũng bị mất đi tương ứng. Sự tiêu phí này góp phần đáng kể vào việc nâng mức phá hoại rừng vượt hơn gấp đôi mức trồng rừng mới.

Từ lâu, một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng đã từng nói "Trái đất cung cấp đủ để thỏa mãn nhu cầu của mọi người, nhưng không đủ cho sự tham lam của mọi người". Ngày nay, hơn thế, chúng ta thấy rõ nguồn lực trên trái đất không đủ cho lòng tham của nhóm nhỏ người, bởi lòng tham đó gắn liền với mưu đồ đứng trên và khống chế đồng loại, đồng thời dựa trên những thành tựu mới của khoa học, công nghệ.

Cạnh tranh phát triển kinh tế và ganh đua phá hoại môi trường

Do sự cách biệt trình độ kinh tế và những mâu thuẫn vì lợi ích kinh tế, các nước trên thế giới đang cạnh tranh quyết liệt trên con đường phát triển. Nước nghèo ra sức tăng trưởng để đuổi kịp nước giàu ; nước giàu cố gắng tiếp tục tăng trưởng để củng cố vị trí của mình và không muốn nước đi sau vượt qua. Trong bối

* Bộ khoa học công nghệ và môi trường

Digitized by Google

cảnh đó, mục tiêu kinh tế thường được đặt lên hàng đầu lấn át các mục tiêu khác. Đáng lẽ phải xem xét một cách sâu sắc những phương thức, giải pháp kinh tế, xem xét lại những cơ chế kinh tế đã ăn sâu bám rễ trong các nước công nghiệp, thì cả nước phát triển lẫn các nước đang phát triển lại không cho phép mình chậm trễ, cố gắng chớp lấy thời gian hoạt động theo con đường dễ nhất, ngắn nhất - tức là con đường truyền thống : tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào bóc lột môi trường tự nhiên. Đây là cơ sở xác đáng giải thích tại sao những phương thức kinh tế bị lên án lỗi thời nhưng vẫn được ráo riết sử dụng. Xin nêu vài dẫn chứng :

- Khu vực châu Á - Thái bình dương tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ nhất, đồng thời đứng đầu thế giới về sản xuất khí độc. Theo tính toán, từ năm 1990 đến 2025, lượng khí ô-xít lưu huỳnh thải vào không khí tăng 4 lần, lượng khí đi-ô-xít các-bon tăng gấp đôi. Theo dự báo của tổ chức môi trường Nhật bản, vào năm 2025, châu Á - Thái bình dương sẽ tiêu thụ nhiên liệu gấp 3 lần số nhiên liệu của năm 1990 và là nơi sản xuất khí đi-ô-xít các-bon đứng hàng đầu thế giới. Diện tích rừng nhiệt đới ở đây sẽ giảm 40% từ những năm 1990 đến 2100.

- Thành tích kinh tế của "con rồng" Hàn quốc phải trả giá bằng cuộc khủng hoảng môi trường trầm trọng. Tại thủ đô Xơ-un, nồng độ sun-phua đi-ô-xít khá cao và nước máy chứa nhiều chất mê-tan. Các chuyên gia y tế thế giới, qua thí nghiệm, đã đưa ra kết luận : 87% lượng khí độc là do các khu công nghiệp thải ra. Ngoài khí độc, nước này còn bị ô nhiễm nặng bởi chất thải từ các nhà máy dùng năng lượng nguyên tử (từ năm 1978 đến nay đã xảy ra 193 vụ tai nạn do rò rỉ chất phóng xạ).

- Ở Thái lan, GNP trên đầu người tăng gần 8 lần từ năm 1970 đến 1990, nhưng môi trường lại xuống cấp nghiêm trọng. Tỷ lệ che phủ rừng ở Thái lan giảm xuống dưới 30% đã gây nên nhiều thiên tai như hạn hán, lụt lội, xói mòn đất cũng như giảm năng suất nông nghiệp về lâu dài. Từ năm 1975 đến năm 1988, mức ô nhiễm đã tăng gấp 10 lần. Việc tập trung phát triển công nghiệp ở thành phố Băng cốc đã tạo ra nhiều vấn đề về chất lượng không khí, nước và chất thải, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Rõ ràng, bài học cần rút ra ở đây là : cạnh tranh kinh tế đã lôi kéo các nước vào cuộc chạy đua quyết liệt mà chưa có một cơ chế nào kìm hãm được ; chỉ có sự xích lại gần nhau, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển, tìm kiếm lợi ích chung, loài người mới tránh được hiểm họa do chính mình gây ra.

Người nghèo tìm nguồn sống bằng mọi giá

Khi nói đến sự cần thiết bảo vệ môi trường sinh thái, chúng ta thường biện giải về lợi ích lâu dài và lợi ích chung toàn cầu. Cách lập luận như vậy là đúng. Tuy nhiên, đối với những cộng đồng người và những nền kinh tế ở thang bậc quá thấp nếu không có sự hỗ trợ quốc tế, nếu các nước phát triển không nhận thức được trách nhiệm phải giúp đỡ các nước và cộng đồng người này thì họ rất khó vươn tới mức độ trung bình để có thể hòa vào công cuộc bảo vệ môi trường, bởi lẽ :

+ Việc duy trì sự tồn tại của họ là rất khó khăn, và sự lựa chọn trước hết của họ là kiếm sống.

+ Trong khi cuộc sống trước mắt, ngày một ngày hai còn bị đe dọa thì làm sao có thể để tâm tới cuộc sống lâu dài.

+ Trong khi chưa an tâm về sinh mạng của chính bản thân và gia đình thì làm sao có thể lo nghĩ đến số phận chung của toàn nhân loại.

Liệu có nhà khoa học và học thuyết khoa học nào dám chứng minh về sự cần thiết hy sinh con người vì môi trường ?

Hiện tại, các hành vi phá hoại môi trường như săn bắt thú hiếm ở châu Phi, Ấn độ : khai thác đất đến mức làm suy thoái đất và hoang mạc hóa ở vùng cận Xa-ha-ra, khai thác gỗ bừa bãi ở Thái lan... một phần bắt nguồn từ tình trạng nghèo đói, cùng kiệt. Thực tế này buộc chúng ta phải ghi nhớ ý kiến của nhà sử học Buốc-ki-na Pha-xô Dô-dép Ki doóc - bô : "phát triển hợp sinh thái ư ? Được. Với điều kiện làm sao thấy được con người ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối... và làm sao không để cho cây cối che khuất cánh rừng nhân sinh bao la".

Tương trợ giữa nước giàu và nước nghèo - tiếp cận theo quan điểm sinh thái

Các phân tích trên đều hướng tới sự cần thiết phải giảm bỏ sự cách biệt sâu sắc về trình độ kinh tế và mức sống giữa các tầng lớp và các nước trên thế giới. Nói cách khác, người giàu và nước giàu phải giúp đỡ người nghèo và nước nghèo nhằm tạo tình đoàn kết trong công cuộc bảo vệ môi trường. Sự "tương trợ" này còn là việc phân phối lại những gì đã thu nhận từ khai thác tài nguyên môi trường chung của toàn cầu.

Trong lịch sử, công nghiệp hóa luôn mang tính chất quốc tế, mặc dù nó diễn ra ở các quốc gia cụ thể. Cách mạng công nghiệp thu hút nguồn nguyên liệu khổng lồ, đa dạng, các vật tư hỗ trợ... Ví dụ, danh hiệu "công xưởng thế giới" của nước Anh vào đầu thế kỷ XIX, không chỉ hàm ý nền kinh tế dẫn đầu thế giới, mà

Digitized by Google

còn rất đúng với ý nghĩa nước Anh là trung tâm thu hút, tập hợp tiềm lực kinh tế của thế giới. Những vùng mỏ, những cánh rừng ở châu Á, châu Phi, Mỹ la tinh bị cạn kiệt chính là cái giá mà những nơi này phải trả cho sự phát triển của châu Âu. Tương xứng với "đầu vào" của đại công nghiệp ở châu Âu là bóc lột tài nguyên cả thế giới, "đầu ra" của nó là sự ô nhiễm môi trường toàn cầu. Chính ông Tổng giám đốc UNESCO Phê-đê-ri-cô Mây-ôn (Federico Mayon) cho rằng, các nước công nghiệp chịu trách nhiệm 70% đến 85% sự ô nhiễm toàn cầu [1]. Các nhà kinh tế học tư sản từng đưa ra "lý thuyết về các quyền sở hữu" mà một khía cạnh quan trọng quy định quyền sở hữu trong việc hưởng môi trường không khí, nguồn nước... trong lành. Nếu ai làm đảo lộn môi trường đó, tức đụng chạm vào quyền sở hữu cá nhân, thì đều phải trả tiền. Xem vậy, các nước công nghiệp giàu có đã vay nợ các nước đang phát triển khá nhiều.

Rõ ràng tính chất hợp tác để bảo vệ môi trường đang bàn đến không đơn thuần thuộc về lòng cao thượng (cư xử cho đẹp đẽ và đổi lấy sự tôn vinh, biết ơn...), mà còn là hành vi đầu tư có điều kiện (đổi lấy cam kết thực hiện bảo vệ môi trường vì lợi ích chính họ) và hơn nữa, là hành vi mang tính pháp lý (bồi hoàn những gì vay mượn không chính thức từ trước).

Đoàn kết trên toàn thế giới nhằm bảo vệ môi trường toàn cầu

Khẩu hiệu "chúng ta tức là một trái đất, một gia đình" đang trở thành một câu thời thượng. Quả thật khó có gì gợi nên tình đoàn kết, thống nhất, gắn bó bằng khái niệm gia đình. Nếu thế giới là một gia đình thì chắc chắn loài người sẽ chẳng khó khăn gì vượt qua mọi khó khăn, thách thức, kể cả tình trạng rối loạn chức năng do chính chúng ta gây ra. Đáng tiếc rằng, khẩu hiệu trên còn xa mới trở thành hiện thực.

Hiện tại vẫn còn có những cản trở khá căn bản đối với sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc trên thế giới.

- Sự cách biệt giàu nghèo tạo nên nghịch lý trong đời sống kinh tế thế giới. Khoảng 500 triệu người trên hành tinh bị đói kinh niên (tiêu thụ không đến 1500 calo mỗi ngày), mỗi năm trên thế giới có từ 13 đến 18 triệu người chết đói. Trong khi đó, nhằm tránh giá cả lương thực sụt xuống, riêng năm 1988, nước Mỹ đã trợ cấp cho nông dân để họ bỏ hoang 20 triệu héc ta đất. Dĩ nhiên khoản lương thực cần bổ sung, Mỹ dễ dàng mua trên thị trường thế giới.

- Tương trợ giữa nước giàu và nước nghèo mới chỉ mang tính hình thức. Khoản tương trợ đó còn quá ít ỏi : Quỹ môi trường thế giới do Ngân hàng thế giới, chương trình môi trường của Liên hợp quốc lập ra, có số vốn chỉ là 1,5 tỉ USD. Khoản ODA về môi trường mà các nước phát triển giúp cho các nước đang phát triển khá khiêm tốn. Nhật bản thuộc vào số nước hào phóng nhất, nhưng trong giai đoạn 5 năm 1992 - 1997 cũng chỉ dành ra 7,7 triệu USD. Đồng thời, nội dung của sự tương trợ lại nhằm vào những chi tiêu mang tính "ăn xổi" và chi tiêu hành chính. Chẳng hạn, tập trung hỗ trợ các chương trình tái chế các nguồn năng lượng, hạn chế phá rừng, hạn chế sự lan tỏa các khí mê tan do sản xuất nông nghiệp gây ra, xây dựng hệ thống công viên cây cảnh và vườn thú, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, củng cố chính sách điều chỉnh - bảo vệ và các thể chế bảo vệ môi trường nhằm giúp các nước hạn chế tối đa các tổn hại tới môi trường... Với biết bao nội dung cần giải quyết nhưng các chi phí vừa qua cũng chỉ mang tính tượng trưng theo đầu việc, giải quyết được về mặt thủ tục giấy tờ. Cả số lượng và chất lượng quan hệ tương trợ đều chưa tương xứng với đòi hỏi hiện nay của việc bảo vệ môi trường. Đó là chưa nói tới hiện tượng lợi dụng danh nghĩa bảo vệ môi trường gây khó dễ trong hợp tác quốc tế và tăng thêm mâu thuẫn nước giàu và nước nghèo.

Chính vì vậy, sau Hội nghị thế giới lần thứ nhất về môi trường (họp tại Xtốc -khôm 1972), cộng đồng quốc tế vẫn đứng trước những thách thức ngày càng lớn : sự ô nhiễm không khí, nước, thoái hóa ồ ạt các tài nguyên đất ; phá hủy các cảnh quan ; thay đổi khí hậu do việc lãng phí năng lượng gây ra ; sự mất đi nhanh chóng những loài động vật và thực vật ; và sự suy giảm tầng ô dôn...

Cách đây hàng ngàn năm, trong tư duy triết học cổ đại Trung quốc, quan niệm Thiên Nhân hợp nhất đã được nêu lên. Quan niệm này coi con người là "tiểu thiên địa", tức là hình ảnh thu nhỏ của trời, đất (vũ trụ), và nhờ vậy mà con người thiết lập quan hệ cân bằng và hòa hợp với thiên nhiên (hòa hợp giữa "nội môi" và "ngoại môi"). Xã hội loài người ở vào vị trí trung gian giữa các cá thể và thiên nhiên, giữa "tiểu thiên địa" và "đại thiên địa". Bản thân xã hội đó cũng phải được tổ chức như một "trung thiên địa" - một sự hòa hợp nội tại phỏng theo vũ trụ, thì mới hy vọng hòa hợp với thiên nhiên. ❑

1. Người đưa tin UNESCO - số 4 năm 1994, tr 37

Digitized by Google

DỰ ÁN. CHU TRÌNH DỰ ÁN

● **DỰ ÁN** : Hiện nay có hai cách hiểu về khái niệm dự án. *Thứ nhất* (tĩnh) dự án là hình tượng về một tình huống (hay một trạng thái) mà ta muốn đạt tới. *Thứ hai*, (động) dự án là một hoạt động đặc thù tạo nên (một cách có phương pháp và định tiến, với các phương tiện - gọi là nguồn lực đã cho) một thực tế mới. Như vậy, dự án không phải là một ý định hay phác thảo nào đó, mà nó có tính cụ thể và có mục tiêu được xác định rõ ràng, nhằm đáp ứng một hoặc một số nhu cầu chuyên biệt. Dự án không phải là một nghiên cứu trừu tượng hay ứng dụng, mà phải cấu trúc nên một thực tế mới, một thực tế mà trước đó chưa tồn tại một nguyên bản tương đương. Trong mỗi dự án đều có một phần nhất định về nghiên cứu và phát triển, nhưng dự án lại khác với phát minh (phát hiện ra một thực tế mà trước đó chưa ai biết đến). Ngoài ra, mỗi dự án phải có tính sáng tạo riêng, cho nên việc sản xuất hàng loạt sản phẩm theo mẫu có sẵn đã từng sản xuất trước đó không được xem là một dự án.

Dự án khác với dự báo (báo trước về tình hình có nhiều khả năng xảy ra dựa trên cơ sở phân tích những số liệu đã có) ở chỗ một bên người làm dự báo không có ý định can thiệp vào các sự cố, còn dự án đòi hỏi sự tác động tích cực của các bên tham gia. Bởi vậy, con người là yếu tố quyết định sự thành bại, thậm chí ngay từ giai đoạn hình thành dự án. Mỗi dự án đều mang đến một kết quả thực tế trong tương lai, nên bất kỳ dự án nào cũng có một độ bất định và chứa đựng tính rủi ro.

Dự án là một loại hoạt động đặc thù, có bắt đầu và kết thúc, nhưng bị giới hạn bởi những nguồn lực (phương tiện) cho trước. Đặc trưng chung của một dự án gồm : mục tiêu dự án ; thời gian (với các giai đoạn khác nhau) ; đặc thù của dự án (tính độc nhất vô nhị) ; môi trường xung quanh dự án (nhất là phần tiết giao giữa dự án với môi trường xung quanh).

Dự án trong thực tế có nhiều dạng và nếu chọn tiêu chuẩn để phân loại, ta có các dạng sau :

+ Xét theo người khởi xướng, có dự án cá nhân, tập thể, quốc gia hay liên quốc gia (quốc tế) ;

+ Xét theo phân ngành kinh tế - xã hội, có các dự án sản xuất, thương mại, xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội...

+ Xét theo địa chỉ khách hàng, có dự án xuất khẩu, tiêu thụ địa phương (thậm chí nội bộ) hoặc trong nước ;

+ Xét theo thời gian ấn định, có dự án ngắn hạn, trung hạn và dài hạn ;

+ Xét theo quy mô, có dự án lớn (đặc trưng bởi tổng kinh phí huy động lớn, các bên tham gia đông và sử dụng nhiều công nghệ khác nhau, thời gian trải ra dầu, ảnh hưởng lớn đến môi trường kinh tế và sản xuất) ; dự án nhỏ (ngoài những đặc tính ngược lại với dự án lớn, các dự án nhỏ thường nằm trong một bối cảnh sẵn có, hoặc ít được ưu tiên, các nguồn lực huy động eo hẹp và thường không có ngay, mục tiêu và trách nhiệm đôi khi không rõ ràng, những người tham gia thường không có kinh nghiệm trong hoạt động dự án, chủ nhiệm dự án thường kiêm luôn cả việc quản lý dự án lẫn việc liên hệ với các chuyên gia bên ngoài.

● **CHU TRÌNH DỰ ÁN** : Dự án được xây dựng và phát triển theo chu trình : xác định dự án, phân tích và lập dự án, thông qua, triển khai thực hiện, nghiệm thu tổng kết và giải thể (xem sơ đồ).

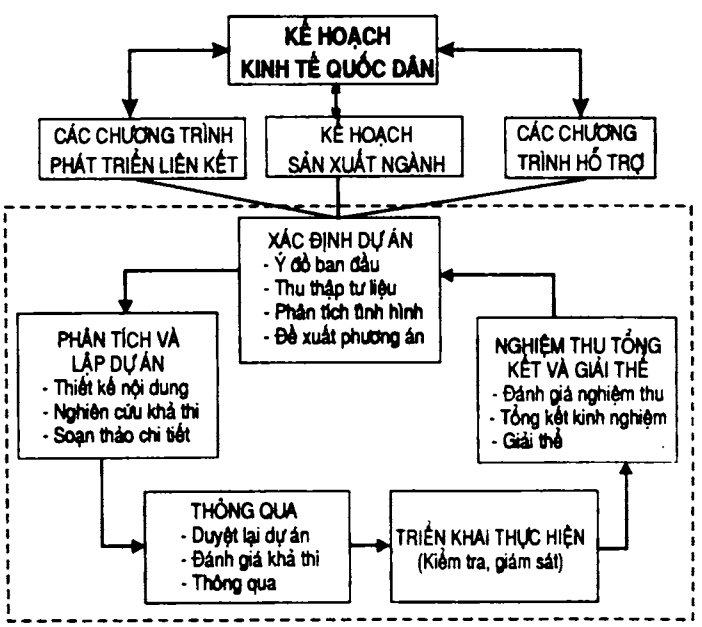
- Việc *xác định dự án* có nhiệm vụ phát hiện những lĩnh vực có tiềm năng để đầu tư phát triển, xuất phát từ các nguồn như chiến lược phát triển ngành hay toàn bộ nền kinh tế quốc dân ; các nguồn tài nguyên, nhân lực, vật liệu chưa được khai thác và sử dụng có hiệu quả ; hay để đáp ứng những nhu cầu sản xuất, tiêu dùng ở thị trường chưa được thỏa mãn ; yêu cầu khắc phục những khó khăn và trở ngại đối với sự phát triển kinh tế - xã hội do thiếu điều kiện vật chất cần thiết. Cho dù việc thực hiện và chuẩn bị dự án tốt đến mấy, dự án có thể thất bại hay không đạt được kết quả mong muốn, nếu như ý đồ ban đầu đã hàm chứa những sai lầm cơ bản.

- *Phân tích và lập dự án* là giai đoạn nghiên cứu chi tiết ý đồ đầu tư đã được đề xuất trên tất cả mọi phương diện : kỹ thuật, tổ chức - quản lý, thể chế - xã hội, thương mại, tài chính, kinh tế. Để thực hiện nhiệm vụ này phải có đủ lượng thông tin cần thiết về thị trường, môi trường tự nhiên, các nguồn nguyên vật liệu tại chỗ, quy định và chính sách có liên quan của chính phủ, các đặc điểm kinh tế - văn hóa - xã hội của dân cư trong vùng. Nội dung chủ yếu của giai đoạn này là nghiên cứu toàn diện *tính khả thi* của dự án. *Nghiên cứu tiền khả thi* là tất cả mọi phương diện chuẩn bị và phân tích dự án đều được đề cập tới, song chỉ ở mức độ chi tiết vừa đủ để chứng minh một cách khái quát rằng, ý đồ dự án được đề xuất là đúng đắn và việc tiếp tục phát triển ý đồ này là có tiềm năng. *Nghiên cứu tiền khả thi* giúp loại bỏ bớt một số vấn đề không thật sự cần thiết, xác định một số vấn đề cần ưu tiên để tiết kiệm chi phí chuẩn bị đầu tư. *Nghiên cứu khả thi* (hay là lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật) là bước nghiên cứu dự án đầy đủ và toàn diện nhất, có nhiệm vụ tạo cơ sở để chấp thuận hay bác bỏ dự án, cũng như để xác định một phương án tốt nhất trong số các phương án còn lại. *Nghiên cứu khả thi* là chứng minh khả năng thực hiện của dự án về tất cả mọi phương diện có liên quan. Chuẩn bị tốt và phân tích kỹ lưỡng sẽ làm giảm những khó khăn trong giai đoạn thực hiện, cho phép đánh giá đúng tính hiệu quả và khả năng thành công của dự án.

- *Duyệt dự án* là giai đoạn các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính và các thành phần khác tham gia dự án xác minh lại toàn bộ những kết luận đã được đưa ra trong quá trình chuẩn bị và phân tích dự án, trên cơ sở đó chấp nhận hay bác bỏ dự án. Dự án sẽ được thông qua và đưa vào thực hiện nếu nó được xác nhận là có hiệu quả và khả thi.

- *Triển khai thực hiện* là giai đoạn dự án bắt đầu được đầu tư kinh phí. Trong giai đoạn này cũng được chia thành từng thời kỳ nhỏ: xây dựng cơ bản, phát triển (trong thời kỳ này dự án bắt đầu sinh lợi và trả dần những khoản nợ trong thời kỳ đầu), thời kỳ phát triển toàn bộ (các công trình đều tư ban đầu đã được sử dụng hết công suất và thời kỳ này kéo dài cho đến khi chấm dứt hoạt động).

- *Nghiệm thu tổng kết và giải thể* là giai đoạn được tiến hành sau khi thực hiện dự án. Đánh giá nghiệm thu có nhiệm vụ làm rõ những thành công và thất bại trong toàn bộ quá trình xác định, phân tích và lập dự án, cũng như trong khi thực hiện để rút ra những kinh nghiệm và bài học cho quản lý các dự án khác trong tương lai.❑



Sơ đồ chu trình dự án

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG CÀFÊ

DAKUY I

DAKUY I STATE RUN COFFEE FARM



Director : Hoang Trung Quy



- ❖ Thành lập theo Quyết định số : 276/NN TCCB/ QĐ ngày 7/5/1993 của Bộ Nông Nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.
- ❖ Vốn kinh doanh : 10.300.000.000 đồng
- ❖ Diện tích vườn cafe : 681ha. Diện tích vườn cao su : 250ha.
- ❖ Năng suất bình quân : 2,5 đến 3 tấn nhân/ha
- ❖ Tổng sản lượng : 1000 - 1200 tấn nhân/năm.
- ❖ Established as per decision No 276/NN TCCB/ QĐ dated May 7 - 1993 by the Ministry of agriculture and food stuff industry.
- ❖ Business capital : 10,300,000,000 VND.
- ❖ Coffee : 681 ha.
- ❖ Rubber : 250 ha.
- ❖ Average capacity : 2,5 to 3 kernel tonnes/ ha.
- ❖ Total production : 1000 to 1200 kernel tonnes/ ha.

ADDRESS :

HA MON TOWN, DAKHA DISTRICT, KOMTUM PROVICE.

TEL :

(84 - 60) 822181 - 822104

FAX :

(84 - 60) 822159.

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU
KRONG BUK



ĐỊA CHỈ :
HUYỆN KRÔNG NĂNG
ĐẮC LẮC

ĐIỆN THOẠI :
0.50.875151 - 875138

Được thành lập ngày 9 - 2 - 1984. Đến nay CTCS Krông Buk đã có gần 2.000 ha cao su KTCB và CS kinh doanh. Cơ sở hạ tầng ngày một phát triển và đời sống CBCNV dần được nâng cao.

Từ nay đến năm 2000 mỗi năm trồng mới từ 500 đến 1.000 ha ; tiến tới định hình 7.000 ha vườn cây.



HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG CÀFÊ DAKUY 4

ADDRESS : **DAKHA TOWN - DAKHA DISTRICT - KONTUM PROVINCE.**
TEL : **(84.60) 822135**

DAKUY 4 STATE RUN COFFEE FARM



DIRECTOR : **Mr. CAO TRONG TUAN**

- ***Ngành nghề kinh doanh :***
  - ❖ Trồng, chế biến và kinh doanh Cafe.
- ***Nông trường sẵn sàng liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực :***
  - ❖ Sản xuất và chế biến Cafe.
  - ❖ Đầu tư mở rộng diện tích Cafe.
  - ❖ Đầu tư các loại máy móc thiết bị, vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ cho cây Cafe.



Rất hân hạnh phục vụ Quý khách.

- ***Main Business Lines :***
  - ❖ Plating, processing and Trading Coffee.
- ***We are willing to Cooperate with local and foreign economic organization in :***
  - ❖ Producing and processing Coffee.
  - ❖ Invest to expand Coffee planting Area.
  - ❖ Investing in machinery, equipments, materials, fertilizer, insecticicle serving for Coffee tree.

It's Our favour to Serve You.

Digitized by Google

LIÊN HIỆP CÁC XÍ NGHIỆP CAFÉ VIỆT NAM

NÔNG TRƯỜNG IASAO 1



Giám đốc nông trường :
Kỹ sư NGUYỄN VĂN CỰU

NÔNG TRƯỜNG CAFÉ IASAO 1

- Thuộc liên hiệp các xí nghiệp café Việt nam
- Doanh nghiệp nhà nước, theo quyết định số 240/QĐ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.
- Số đăng ký kinh doanh 106315, ngày 22/6/1993 của Trọng tài kinh tế tỉnh Gia Lai.
- Diện tích cà phê kinh doanh : 400 ha. Diện tích cà phê xây dựng cơ bản 56 ha.
- Năng suất bình quân năm 1993 : 2450 kg nhân/ha
- Chuyên trồng trọt, chế biến xuất khẩu cà phê.
- Liên doanh, liên kết trồng cà phê với các đơn vị trong và ngoài quốc doanh.
- Là đơn vị dẫn đầu, toàn diện của liên hiệp các xí nghiệp café Việt nam.
- Địa chỉ : Xã IASAO - Chư Pak - Gia Lai
- Điện thoại : 823545



● Trong những năm qua nông trường đã vinh dự đón nhận :

- Huân chương lao động hạng ba.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- 5 cờ thi đua xuất sắc Tổng liên đoàn lao động Việt - Nam.
- 5 cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Gia Lai.
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp.
- Cờ Đảng bộ trong sạch vững mạnh 1991 - 1992.
- 200 bằng khen cho tập thể và cho cá nhân.

CÔNG TY BÒ SỮA TP. HỒ CHÍ MINH

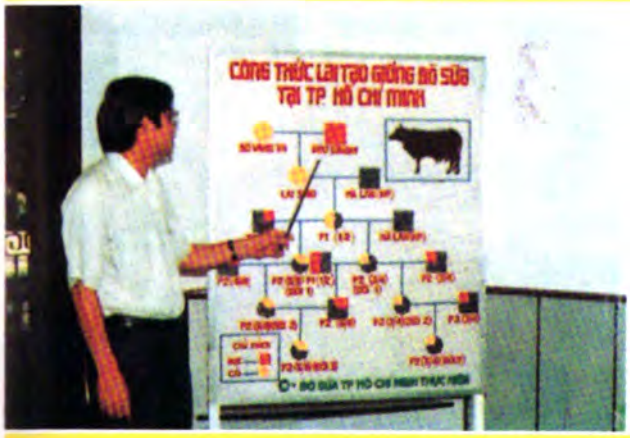
ĐỊA CHỈ : XÃ AN PHÚ - HUYỆN CỦ CHI - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 8926117 - 8252756 ❖ GIÁM ĐỐC : PHẠM ĐỨC NHOAI



Tại buổi lễ trao huân chương lao động hạng ba cho công ty



Những bà mẹ Việt nam anh hùng trong ngày công ty đón nhận huân chương





Công nhân cạo mủ



Đang lai tạo bò HL cao sản



Bò đực giống Sind

Digitized by Google

5/20

CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEW PORT

★ Địa chỉ : Phường 22 - Quận Bình Thạnh (Kế bên cầu Sài Gòn) - TP. HCM
★ ĐT : 8.990.706 • Fax : 84 - 8 - 8.994.388



★ Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, nhờ đưa dàn cẩu khung bánh lốp vào hoạt động và quy hoạch bãi hợp lý. TÂN CẢNG có khả năng tiếp nhận 600.000 TEU/năm container qua Cảng.



CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3

Digitized by Google

HX
9
V5
H63
v. 1996
no. 23
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 01-06-97
Tap chi cong san : C quan ly luan va chinh tri ca dang cong san Viet-Nam

23
12-1996

Digitized by Google

LIÊN DOANH S.X ÔTÔ HÒA BÌNH / VMC - 5 NĂM XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN

VIETNAM MOTORS

19-8-1991 — 19-8-1996

Lớn mạnh cùng nền công nghiệp xe hơi Việt Nam

Với chúng tôi, vinh dự lớn nhất là được cung cấp cho Khách Hàng các sản phẩm đa dạng nhất, chất lượng cao nhất cùng với các dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhất.

BMW mazda KIA

Trụ sở chính tại Hà Nội :
Km 9 đường Nguyễn Trãi, Q. Đống Đa. Tel 8543452 - 8543325 Fax : 8544682
Trung tâm bán - bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại Hà Nội :
198 B Tây Sơn, Q. Đống Đa. Tel : 8534121 - 8534122 Fax : 8534121
Trung tâm giới thiệu và bán xe BMW tại Hà Nội :
109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm. Tel : 8221168 - 8221180 Fax : 8221180
Chi nhánh - Trung tâm bán, bảo hành bảo dưỡng xe BMW tại t/p Hồ Chí Minh :
134 Nguyễn Biểu, Q. 5 Tel : 8362766 - 8362759 Fax : 8362768
Trung tâm bán và bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại t/p Hồ Chí Minh :
22 đường Cộng Hòa, Q. Tân Bình Tel : 8453304 - 8453305 Fax : 8453302

Và tất cả các đại lý của VMC trên toàn quốc


BMW 525 i


BMW 320 i


MAZDA [illegible]



MAZDA 626



MAZDA 323


KIA PRIDE GTX


MAZDA B2200

NHÂN DỊP năm 5 THÀNH LẬP

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT


KIA CERES

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, Xí nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình - Vietnam Motors Corporation (VMC) sẽ áp dụng mức **giá khuyến mại đặc biệt cho kiểu xe MAZDA 323** do Liên doanh lắp ráp. **Với mỗi xe, Quý vị sẽ được giảm 30.000.000 đồng.** Chương trình kéo dài từ ngày 19-8-1996 đến ngày 31-10-1996. Kính mời Quý Khách Hàng đến tham quan các trung tâm và các đại lý của VMC trên toàn quốc. Tại đây chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị mọi thông tin chi tiết.

VIETNAM MOTORS - LIÊN DOANH SẢN XUẤT ÔTÔ HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 509

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VÕ NGUYÊN GIÁP - Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh	3
	VŨ OANH - Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	10
	VŨ HIỂN - Đường lối đối ngoại của Đảng ta	14
KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (19.12.1946 - 19.12.1996)	VĂN TIẾN DŨNG - Tiếng súng bảo vệ phẩm giá dân tộc và chủ quyền đất nước	18
	VŨ NHƯ KHÔI - Cả dân tộc đứng lên vì độc lập tự do	20
	TRẦN TRUNG TÍN - "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc" - đường lối sáng tạo của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	23
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHẠM PHÚ HỔ - Tất yếu chủ nghĩa xã hội xét từ bản chất và tiền đồ của chủ nghĩa tư bản	26
	PHẠM NGỌC PHONG - Luật pháp hóa hoạt động ngân hàng	30
	NHẬT TÂN - Về việc điều chỉnh địa giới, chia tách một số tỉnh	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	MAI TẾT - Thị trường hóa kinh tế nông thôn các tỉnh Nam bộ - thực trạng và giải pháp	37
	PHẠM THẮNG - Mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Hải hưng	41
	DƯƠNG VŨ - Bệnh viện 7 (Quân khu III) quyết giữ trọn chữ "tín", chữ "tâm" trong nghề nghiệp	45
ĐIỀU TRA	VÕ ĐĂNG THIÊN - Giáo dục Việt nam - những cách biệt chưa dễ lấp đầy	48
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	VI THÁI LANG - Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - Thôi đừng khen nữa	55
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VIẾT THẢO - Mô hình chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ la tinh trước thách thức của mục tiêu phát triển	56
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị : Rút kinh nghiệm về đại học mở	60

Bìa 1 : *Giáp trận (sơn mài)* *Tranh : **Dương Hướng Minh***

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО НГУЕН ЗАП - Источник идей Хо Ши Мина. ВУ ОАНЬ - Наращение тотальной силы экономических секторов во имя индустриализации и модернизации страны. ВУ ХИЕН - Дипломатический курс нашей партии. ВАН ТЬИЕН ЗУНГ - Выстрел в защиту достойнств нации и суверенитета страны. ВУ НЬЫ ХОЙ - Всенародная борьба за независимость и свободу. ЧАН ЧУНГ ТИН - "Строя страну ведём войну сопротивления" - творческие линии нашей партии в войне против французских колонизаторов. ФАМ ФУ ХО - Рассмотрение сущности и перспектив капитализма и проблема неизбежности перехода к социализму. ФАМ НГОК ФОНГ - Легализация деятельности банков. НЬЯТ ТАН - О перестановке провициальных границ и разделении провинций. МАЙ ТЭТ - Введение рыночной экономики в деревне южных провинций - реальности и меры решения. ВО ДАНГ ТЬИЕН - Трудносокращаемые различия в области образования Вьетнама. НГУЕН ВЬЕТ ТХАО - Модель нового либерализма в латинской америке перед вызовом развития.

CONTENTS

VÕ NGUYÊN GIÁP - The origin of Ho Chi Minh's Thoughts. VŨ OANH - Bringing into full play the general strength of all economic sectors to implement the country's industrialization and modernization. VŨ HIỀN - Diplomatic policies of the Party. VĂN TIẾN DŨNG - The shot for protection of national dignity and country's sovereignty. VŨ NHƯ KHÔI- The entire nation standing up to protect independence and freedom. TRẦN TRUNG TÍN - "Leading the resistance war together with building up the country" - the Party's creative lines during the resistance against the French colonialists. PHẠM PHÚ HỒ - The necessity of socialism as seen from a view of the essence and perspectives of capitalism. PHẠM NGỌC PHONG - Legalization of banking operations. NHẬT TÂN - About the resetting of provincial boundaries and division of provinces. MAI TẾT - The introduction of market economy into the Southern rural provinces - realities and solutions. VÕ ĐĂNG THIÊN - Vietnam's education, some differences that are difficult for being surpassed. NGUYỄN VIẾT THẢO - A model of Neo-Liberalism in Latin America facing challenges of the development targets

SOMMAIRE

VÕ NGUYÊN GIÁP - L'origine de la pensée de Ho Chi Minh. VŨ OANH - Faisons valoir les forces conjuguées des composantes économiques pour réaliser l'industrialisation et la modernisation du pays. VŨ HIỀN - La ligne politique extérieure de notre Parti. VĂN TIẾN DŨNG - Le coup de feu pour défendre la dignité nationale et la souveraineté. VŨ NHƯ KHÔI - Le soulèvement de tout le peuple pour l'indépendance et la liberté. TRẦN TRUNG TÍN - "Faisons la résistance tout en édifiant le pays" - la politique créative de notre Parti pendant la résistance aux colonialistes français. PHẠM PHÚ HỒ - La nécessité du socialisme vue de la nature et de l'avenir du capitalisme. PHẠM NGỌC PHONG - La légalisation des activités bancaires. NHẬT TÂN - Sur la délimitation des frontières entre les régions et la division de quelques provinces. MAI TẾT - La commercialisation de l'économie rurale des provinces du Sud - état réel et solutions. VÕ ĐĂNG THIÊN - L'éducation du Vietnam - des écarts qui ne sont pas encore comblés. NGUYỄN VIẾT THẢO - Le modèle du néo-libéralisme en Amérique latine face aux défis du but de développement.

SUMARIO

VÕ NGUYÊN GIÁP - El origen del pensamiento Ho Chi Minh.VŨ OANH - A desplegar la fuerza global de los componentes económicos en la realización de la industrialización y modernización del país.VŨ HIỀN - La línea de relaciones exteriores de nuestro Partido.VĂN TIẾN DŨNG - El disparo de defensa de la dignidad de la nación y la soberanía del país. VŨ NHƯ KHÔI - Toda la nación se levanta por la independencia y la libertad. TRẦN TRUNG TÍN - "Resistencia y construcción nacional" - la línea creadora de nuestro Partido en la resistencia contra los franceses. PHẠM PHÚ HỒ - La necesidad del socialismo examinada desde el punto de vista de la naturaleza y el porvenir del capitalismo. PHẠM NGỌC PHONG - Legalizalación de las actividades bancarias. NHẬT TÂN - Sobre la delimitación de las fronteras y división de nuevas provincias. MAI TẾT - Mercatilizar la economía rural en las provincias de Nam Bo - la realidad y soluciones. VÕ ĐĂNG THIÊN - La educación vietnarnita - distancias difícilmente superadas. NGUYỄN VIẾT THẢO - El modelo del neoliberalismo en América Latina ante los desafíos del objetivo de desarrollo.

目錄

● 武元甲：胡志明思想根源 ● 武鴛：發揮各種經濟成份綜合力量，實現國家工業化、現代化 ● 武賢：越共對外路線 ● 文進勇：捍衛民族品德與國家主權的槍聲 ● 武如魁：全民族爲獨立自由而崛起 ●陳忠信："一邊抗戰，一邊建國"—越共在抗擊法國殖民主義戰爭中的具有創造性的路線 ● 范富胡：從資本主義的本質及其前途看社會主義的必然性 ● 范玉風：法律化銀行的活動●日新：關于調整地界與分割一些省份 ● 梅節：南部各省農村經濟市場化的現狀及措施 ● 武登天：越南教育——不易填滿的鴻溝 ● 阮曰草：在發展目標挑戰前的拉丁美洲新自由主義模式

Google

NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

VIỆC xác định các nguồn gốc góp phần hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có ý nghĩa quan trọng để hiểu bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh, mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và các học thuyết chính trị - xã hội khác.

Về nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Có ý kiến cho tư tưởng Hồ Chí Minh cơ bản là tư tưởng của dân tộc Việt nam, của cách mạng Việt nam, đã được thăng hoa nhờ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Lại có ý kiến cho rằng Hồ Chí Minh đi từ tư tưởng Nho giáo đến chủ nghĩa cộng sản, v.v...

Qua quá trình thảo luận, đến nay, nói chung đã có sự nhất trí về *ba nguồn gốc chủ yếu* của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là *chủ nghĩa yêu nước và truyền thống văn hóa, nhân ái Việt nam ; tinh hoa văn hóa phương Đông - phương Tây ; chủ nghĩa Mác - Lê-nin*. Tuy còn có ý kiến khác nhau về vai trò và vị trí của mỗi yếu tố, nhưng phần lớn đều nhất trí chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nguồn gốc chủ yếu nhất.

Cũng có ý kiến ngoài những nguồn gốc về tư tưởng - lý luận, cần chú ý đến cả cơ sở hoạt động, đến thực tiễn, đến phẩm chất, nhân cách cá nhân của Hồ Chí Minh.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã chỉ rõ : mọi học thuyết tư tưởng đều có nguồn gốc khách quan và chủ quan. Một mặt là sự kế thừa những tư tưởng, học thuyết trước đó, mặt khác là kết quả hoạt động nhận thức, sáng tạo của một con người gắn với phẩm chất, nhân cách cá nhân, đồng thời là sự phản ánh ý chí, nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc trong một thời đại nhất định.

Theo chúng tôi, nên nghiên cứu nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh một cách toàn diện : ngoài nguồn gốc về lý luận - tư tưởng, nên chú trọng đến nguồn gốc thực tiễn, đến nhân cách của Hồ Chí Minh.

Về nguồn gốc lý luận - tư tưởng :

Trước hết, phải nói đến *chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa, nhân ái Việt nam* đã được hun đúc qua hàng ngàn năm đấu tranh kiên cường, bất khuất, tự lực, tự cường, thông minh, sáng tạo, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập của dân tộc và bảo tồn nền văn hiến của đất nước, chống mọi âm mưu đồng hóa của ngoại bang.

Việt nam là một quốc gia được hình thành từ rất sớm. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, đất nước Việt nam đã trở thành Tổ quốc thiêng liêng của mỗi người dân Việt nam. Tinh thần yêu nước đã trở thành đạo lý sống, niềm tự hào và là một nhân tố đứng đầu trong bảng giá trị tinh thần của con người Việt nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước... Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu cho một dân tộc anh hùng" (1).

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 6, tr 171 - 172

Digitized by Google

Truyền thống yêu nước đó không chỉ là một tình cảm, một phẩm chất tinh thần, mà đã phát triển thành một chủ nghĩa - *chủ nghĩa yêu nước*, chủ nghĩa dân tộc chân chính, thành *dòng chủ lưu của tư tưởng Việt nam*, xuyên suốt lịch sử của dân tộc.

Chính sức mạnh của truyền thống yêu nước ấy đã thúc đẩy Nguyễn Sinh Cung, sau này là Nguyễn Tất Thành, đi tìm đường cứu nước. Đó cũng là động lực tư tưởng, tình cảm chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Người trong suốt cả cuộc đời mình. Người đặt cho mình cái tên Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn yêu nước, để luôn nhắc nhở, cổ vũ bản thân và cổ vũ quốc dân đồng bào. Đó cũng chính là cơ sở tư tưởng đã dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tiếp thu lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bắt đầu từ lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Vì vậy, có thể nói *chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa, nhân ái Việt nam là một trong những nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh*. Đúng như Người đã nêu : "Lúc đầu chính là chủ nghĩa yêu nước chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba".

Thứ hai là *tinh hoa triết học và văn hóa phương Đông và phương Tây*.

Ngoài truyền thống tư tưởng - văn hóa dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Đông (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo), đã tiếp thu và kế thừa có phê phán tư tưởng dân chủ, nhân văn của văn hóa Phục hưng, của thế kỷ Ánh sáng, của cách mạng tư sản phương Tây và của cách mạng Trung quốc.

Trên con đường học hỏi, Hồ Chí Minh đã biết làm giàu vốn trí tuệ của mình bằng những di sản quý báu của văn hóa nhân loại. *Người biết kế thừa các học thuyết đó một cách có phê phán, chọn lọc, không bao giờ sao chép máy móc cũng không bao giờ phủ định một cách giản đơn, mà có sự phân tích sâu sắc để tìm ra những yếu tố tích cực, làm giàu thêm vốn kiến thức và hành trang tư tưởng của mình.*

Nói về thái độ của mình đối với một số học thuyết và tôn giáo, Người viết :

"Học thuyết Khổng tử có ưu điểm là sự *tu dưỡng đạo đức cá nhân.*

Tôn giáo Giê-xu có ưu điểm là *lòng nhân ái cao cả.*

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là *phương pháp làm việc biện chứng.*

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là *chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta.*

Khổng tử, Giê-xu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những điểm chung đó sao ? Họ đều muốn "*mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội*". Nếu hôm nay, họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ *như những người bạn thân thiết.*

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy" (2).

Lời nói trên đây chứng minh Hồ Chí Minh đã vượt lên trên cách nhìn thiển cận, hẹp hòi, biết kế thừa có phê phán, chọn lọc mọi tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho tư tưởng của mình.

Vậy Hồ Chí Minh đã đến với các dòng tư tưởng lớn của nhân loại như thế nào, đã tiếp thu có chọn lọc và vận dụng sáng tạo ra sao ?

1) Về ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo : Ngay từ thuở ấu thơ, cái tuổi của sự hình thành nhân cách, Hồ Chí Minh đã được học chữ Hán với những nhà nho yêu nước, đã tiếp thu triết lý và đạo đức Khổng - Mạnh qua những sách kinh điển của Nho giáo, đã được sống trong nền nếp gia phong của gia đình nội ngoại, của vùng quê Nghệ - Tĩnh, nghèo nhưng hiếu học và yêu nước, nổi tiếng là quê hương của nhiều anh hùng dân tộc, văn nhân, hào kiệt trong lịch sử, Người cũng đã từng sống ở kinh thành Huế, nơi ngự trị của vua chúa phong kiến nhà Nguyễn vốn sùng bái Nho giáo.

Những kiến thức Hán học Người tiếp thu được từ nhỏ đã ăn sâu vào trí nhớ, để lại những dấu ấn sâu sắc về tư tưởng, tình cảm đến mức mãi sau này Người vẫn có thể làm thơ bằng chữ Hán, tiêu biểu là tập thơ nổi tiếng "Nhật ký trong tù".

(2) Dẫn theo "*Hồ Chí Minh truyện*", bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức, Bát nguyệt xuất bản xã, Thượng hải, 6 - 1949

Digitized by Google

Vì vậy, không có gì lạ, trong nhiều bài nói và viết của mình, Người đã từng sử dụng có cải biên các khái niệm, các mệnh đề tích cực của Nho giáo để diễn đạt tư tưởng của mình.

Điều cần nói rõ là Nho giáo khi vào nước ta, thì đã bắt gặp chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu cơ bản của tư tưởng Việt nam, như trên đã nói, do đó đã hình thành nên một trào lưu Nho giáo yêu nước, một thứ Nho giáo đã Việt nam hóa. Đi sâu phân tích tư tưởng của các sĩ phu yêu nước thì thực chất đó là một chủ nghĩa yêu nước Việt nam thấm đượm ở trình độ nào đó tinh thần và nội dung của Nho giáo.

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành được học tập chữ Hán với các thầy vốn là những nhà nho yêu nước. Đạo đức Nho giáo thấm vào tư tưởng tình cảm của Anh không phải là những giáo điều "tam cương", "ngũ thường" nhằm bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến mà là tinh thần "nhân nghĩa" đạo "tu thân", sự ham học hỏi, đức tính khiêm tốn, "ôn hòa", cách xử thế "có tình có lý" mà chúng ta đã thấy ở Chu Văn An, Nguyễn Trãi v.v...

Ngoài những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động, Nho giáo cũng có những yếu tố tích cực. Nó đề cao những mệnh đề "trung hiếu", "nhân nghĩa" "tứ hải giai huynh đệ", "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh", nêu phương châm "khắc kỷ phục lễ," v.v...

Chúng ta đều biết Khổng giáo là sản phẩm tư tưởng của thời Xuân thu chiến quốc ; do đó, bên cạnh những nội dung tích cực nhất định, đạo Khổng tất nhiên phản ánh tình trạng xã hội phong kiến, phân chia "quân tử với tiểu nhân", coi thường lao động chân tay, đặc biệt coi khinh phụ nữ, v.v... những luận điểm hoàn toàn xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh đấu tranh cho một xã hội bình đẳng, dân chủ, tôn trọng lao động, cả lao động trí óc và lao động chân tay, hết sức tôn trọng phụ nữ, chủ trương nam nữ bình quyền...

Trong khi tiếp thu, sử dụng những yếu tố tích cực của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã phê phán, *loại bỏ những yếu tố thủ cựu, tiêu cực của học thuyết này*. Người đã chỉ rõ : "Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều", "đạo đức cũ như người đầu lộn xuống đất, chân chổng lên trời". Và chính Người đã đảo lại thế đứng đó, như Mác - Ăng-ghen đã tiếp thu phép biện chứng duy tâm của Hê-ghen, và đặt lại phép biện chứng đó trên cái nền duy vật.

Ngoài Nho giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tiếp thu triết lý của Phật giáo, Lão giáo đến chừng nào, những yếu tố này chiếm vị trí như thế nào đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh thì còn là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

2) Về ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây. Trước khi đến với chủ nghĩa Lê-nin, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu, nghiên cứu tư tưởng dân chủ tư sản Pháp, Anh, Mỹ,...

Ngay từ lúc còn đang học ở trường tiểu học Pháp - Việt và trường Quốc học (Huế), Anh đã từng biết đến khẩu hiệu "*Tự do - Bình đẳng - Bác ái*" của Đại cách mạng tư sản Pháp, được tiếp xúc với những tờ báo tiếng Pháp có xu hướng tự do qua những người lính lê dương tiến bộ *. Văn minh phương Tây với những thành tựu của khoa học - kỹ thuật đã khêu gợi tư duy của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, khiến Anh muốn đi sang các nước phương Tây để tìm hiểu những gì ẩn dấu đằng sau khẩu hiệu ấy.

Trong gần 10 năm bôn ba, khảo sát ở các nước tư bản lớn như Mỹ, Anh, Pháp và các thuộc địa của họ, Anh đã tìm hiểu qua sách báo, tài liệu, qua tiếp xúc với các nhà chính trị - xã hội có tiếng,... và cả qua xem xét thực tế cuộc sống của dân chúng, trực tiếp hoạt động trong các tổ chức chính trị - xã hội ở các nước đó, rút ra những nhận xét, đánh giá, để tìm ra những gì là "*tinh hoa*" tốt đẹp cần tiếp thu và những gì còn hạn chế cần khắc phục.

Thời gian dừng chân ở Mỹ khoảng cuối năm 1912 đến cuối năm 1913, Anh đã ở Bruc-lin, đến thăm khu da đen Hác-lem, đã chiêm ngưỡng tượng thần Tự do,... Xứ sở mới mẻ này đã gây cho Anh bao ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc. Anh đã đọc bản "Tuyên ngôn độc lập" 1776 của nước Mỹ, trong đó đề cập đến "quyền bình đẳng", "quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc" của con người, quyền của nhân dân kiểm soát chính phủ, "hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng,

* Xem đoạn Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn nhà báo I-ta-li-a đăng trên báo U-ni-ta ngày 15-3-1924

Digitized by Google

thì dân chúng phải đập đổ chính phủ ấy đi, và gây lên chính phủ khác" (3). Anh khâm phục ý chí giành độc lập tự do của nhân dân Mỹ, khâm phục những tư tưởng vĩ đại của Oa-sinh-tơn, Jep-phec-sơn, Lin-côn, nhưng đồng thời Anh cũng phát hiện những nghịch lý : đằng sau những lời lẽ hoa mỹ về tự do, bình đẳng là sự bất bình đẳng và nghèo đói của hàng triệu người lao động, là điều kiện sống khủng khiếp của người da đen, là nạn phân biệt chủng tộc ghê gớm mà Anh đã mô tả trong bài : "Đảng 3K" v.v...

Ở Pháp, Pari hoa lệ, nơi Anh sống dài ngày nhất, đã để lại cho Anh nhiều ấn tượng và bài học sâu sắc trên hành trình tìm đường cứu nước. Chủ nghĩa nhân văn, tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái trong tác phẩm của thời kỳ Phục hưng, của thế kỷ Ánh sáng, của các nhà văn hào nổi tiếng như Vôn-te, Đi-đơ-rô, Mông-te-xki-ơ, J.J.Rut-xô ; rồi những tư tưởng mới mẻ của cách mạng tư sản Pháp 1789, đặc biệt là những tư tưởng của bản "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền" đã được Nguyễn Tất Thành đi sâu nghiên cứu và phân tích.

Khẳng định những giá trị chân chính, những nhân tố tích cực, tiến bộ của cách mạng dân chủ tư sản - nhất là tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái, tư tưởng nhân văn, giải phóng con người khỏi thần quyền và sự thống trị của những quan hệ phong kiến, đồng thời Nguyễn Ái Quốc cũng đánh giá đúng những hạn chế của nó. Trong *Đường cách mệnh*, Người viết về cách mạng Mỹ : "tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi". Về cách mệnh Pháp, Người cũng đánh giá : "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục * công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa". Người kết luận : "Cách mệnh Việt nam nên nhớ những điều ấy". Chính vì không thỏa mãn với con đường cách mạng tư sản, Người đã tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn : Lúc thiếu thời, Nguyễn Tất Thành cũng đã từng được nghe những từ "dân sinh", "dân quyền", "dân quốc" do các nhà nho yêu nước nói đến trong khi đàm luận với cụ Nguyễn Sinh Sắc... Nhưng có lẽ, phải sau khi về tới Quảng châu, trung tâm của Cách mạng Trung quốc lúc bấy giờ (1924), Nguyễn Ái Quốc mới có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Lúc này, là thời kỳ Tôn Trung Sơn cải tổ Quốc dân đảng Trung quốc, thực hiện chính sách : "Thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông". Người đã có đánh giá đúng đắn về Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân. Người đã viết trong bài "*Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung quốc*" : "Tôn Dật Tiên, "người cha của cách mạng Trung quốc", người đứng đầu chính phủ Quảng châu, thì luôn luôn trung thành với những nguyên lý của mình, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Cương lĩnh của đảng ông - *Quốc dân đảng* - là một cương lĩnh cải cách. Cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt. Đảng đó lớn tiếng tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa và với giai cấp vô sản quốc tế. Đảng đó đồng tình với cách mạng Nga" (4). Chắc rằng Người cũng đã tiếp thu sự *đánh giá của Quốc tế cộng sản về Tôn Trung Sơn* trong lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, nhân dân lao động Trung quốc ngày Tôn Trung Sơn qua đời (14-3-1925) : "Tên tuổi của Tôn Dật Tiên, người đã một đời đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thế giới để giải phóng quần chúng nhân dân Trung quốc, thật vô cùng cao quý đối với giai cấp vô sản thế giới, đối với các dân tộc bị áp bức ở phương Đông đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thế giới".

Sau khi Tôn Trung Sơn mất, Nguyễn Ái Quốc đã dự Đại hội II Quốc dân đảng Trung hoa và cũng đã từng chịu hậu quả của những phần tử phản bội lại lý tưởng Tôn Trung Sơn sau vụ chính biến của Tưởng Giới Thạch tháng 4 - 1927.

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 2, tr 270

* Tước đoạt

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 319

Digitized by Google

Nguyễn Ái Quốc đã thấy ở chủ nghĩa Tam dân và chính sách "thân Nga, liên Cộng, phù trợ công nông" của Tôn Trung Sơn có những tư tưởng tiến bộ, tích cực và có thể vận dụng vào cách mạng Việt nam. Người đã nhận xét : Chủ nghĩa ấy thích hợp với điều kiện nước ta.

Tuy nhiên, *Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, cơ bản vẫn là tư tưởng dân chủ tư sản, nằm trong hệ tư tưởng tư sản nên có nhiều hạn chế.* Người đã thấy rõ những hạn chế ấy, cho nên, khi cụ Phan Bội Châu định chuyển *Việt nam Quang phục hội* thành *Việt nam Quốc dân đảng*, theo cương lĩnh của Tôn Trung Sơn thì Nguyễn Ái Quốc đã có những lời khuyên bảo chân tình là không thể dừng lại ở những chủ trương của Quốc dân đảng. Mặt nữa, khi vận dụng "chính sách" mà Người cho là thích hợp với Việt nam như khẩu hiệu "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" rút ra từ chủ nghĩa Tam dân và tư tưởng "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của cách mạng tư sản Pháp, thành tiêu ngữ của nước Việt nam - Dân chủ - Cộng hòa, *thì Người đã phát triển khái niệm "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" lên một trình độ mới, mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng triệt để* của một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng.

Nói tóm lại, trong quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện tư tưởng của mình về con đường của cách mạng Việt nam, Hồ Chí Minh đã kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây, cổ điển và hiện đại, nâng nó lên một trình độ mới, một chất lượng mới trên cơ sở phương pháp luận Mác - Lê-nin.

Thứ ba, nguồn gốc lý luận quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh là *chủ nghĩa Mác - Lê-nin.* Như đã trình bày, trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước, truyền thống nhân ái Việt nam, Người tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây và cuối cùng đến với chủ nghĩa Lê-nin. *Đây là bước ngoặt cơ bản trong quá trình tìm đường cứu nước và quá trình phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh* : Chủ nghĩa yêu nước đã gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; giác ngộ dân tộc đã phát triển và kết hợp với giác ngộ giai cấp ; cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. *Bước ngoặt đó đánh dấu sự định hình và khẳng định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh là thuộc hệ tư tưởng của giai cấp vô sản - chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mang bản chất cách mạng và khoa học triệt để.*

Thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lê-nin đã giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết các học thuyết tư tưởng đương thời cũng như kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình để tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

Người đã coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin không những là cái "*cẩm nang*" thần kỳ, là kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Trong "Đường cách mệnh", khi phân tích các chủ nghĩa, học thuyết, Người viết : "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin".

Tổng kết kinh nghiệm thắng lợi của cách mạng Việt nam, Người chỉ rõ : "*Chúng tôi giành được thắng lợi là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng... chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lê-nin*" (5).

Điều đó chứng minh vai trò và ý nghĩa quyết định của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đối sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc tiếp thu, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin của Hồ Chí Minh là cả một quá trình gắn với hoạt động thực tiễn, trên cơ sở yêu cầu của thực tiễn, kết hợp lý luận với thực tiễn, vừa nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vừa hoạt động thực tiễn.

Như trên đã khẳng định, về bản chất, tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển lý luận Mác - Lê-nin một cách sáng tạo, rất xa lạ với những gì là giáo điều, kinh viện. Trong những bài nói và bài viết của Hồ Chí Minh,

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 700 - 702

Digitized by Google

chúng ta thấy Người ít khi trích dẫn nguyên văn Mác - Lê-nin. Những vấn đề phức tạp, sâu sắc của lý luận và thực tiễn cách mạng thường được Người đề cập một cách rất giản dị dễ hiểu, *gắn nguyên lý với hành động, lý luận với thực tiễn, gắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với tinh hoa văn hóa Việt nam và văn hóa phương Đông*. Người coi việc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trước hết phải nắm vững cái cốt lõi, "linh hồn sống" của nó là phương pháp biện chứng, "phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta" (6).

Người nhắc nhở chúng ta phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. "Đọc tài liệu thì phải đào sâu, hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách..." (7). Theo Người, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là để phụng sự cho cách mạng, cho Tổ quốc và nhân dân. "Hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc ; bất kỳ việc to việc nhỏ cũng nhằm mục đích ấy ; đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nếu không hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, tự kiêu, tự đại, tự tư, tự lợi, như thế là trái với chủ nghĩa Mác - Lê-nin"(8). Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là lý trí mà cũng còn là tình cảm nữa. "Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin được" (9).

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước, truyền thống văn hóa, nhân ái Việt nam và tinh hoa văn hóa phương Đông, phương Tây với chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng lý luận, phương pháp luận. Do đó, có thể khẳng định : *Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lê-nin và chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nguồn gốc chủ yếu nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Ngoài nguồn gốc lý luận, còn phải đề cập đến **cơ sở thực tiễn, tác động của thực tiễn** đến sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vì chính từ trong hoạt động thực tiễn mà từng bước Hồ Chí Minh đã tìm ra quy luật, khái quát nhận thức của mình thành lý luận. Lý luận ấy lại được Hồ Chí Minh vận dụng và kiểm nghiệm trong thực tiễn, do đó mà thực tiễn của thời đại đã được phân tích ở trên. Ở đây chỉ nói đến thực tiễn đời sống và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Như chúng ta đã biết, trong các nhà hoạt động cách mạng, thật hiếm người có cuộc sống và hoạt động thực tiễn đa dạng phong phú, gắn liền với một thời kỳ lịch sử sôi động trên nửa thế kỷ của dân tộc và của thời đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Người đã đi đến nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc ở khắp các châu lục : Âu - Á - Mỹ - Phi để nghiên cứu, xem xét đời sống, nguyện vọng, hoạt động đấu tranh của nhân dân các dân tộc ; Người đã sống và lao động thực sự như một người công nhân ở nhiều nước tư bản phát triển để xem xét đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của các tầng lớp nhân dân, để nghiên cứu cách thức tổ chức xã hội và quản lý nhà nước ở đó.

Người cũng đã sống và chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới với những tổn thất nặng nề, những hy sinh to lớn và những hậu quả thật lâu dài về mọi mặt của nó.

Đặc biệt, Người đã có một số năm sống, lao động, học tập, nghiên cứu trên đất nước Liên xô - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Những ưu việt của chế độ xã hội xô viết đã được Người mô tả một cách khá cụ thể, toàn diện trong "*Nhật ký chìm tàu*" và đã đưa ra những nhận xét sâu sắc khi so sánh nó với xã hội tư sản ở Mỹ, Anh, Pháp. Đó chính là vào thời kỳ thắng lợi của chính sách kinh tế mới của Lê-nin khi Người đến Liên xô lần thứ nhất.

Người trở lại Liên xô lần thứ hai vào thời kỳ Liên xô đạt được những thành tựu lớn về tập thể hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng là thời kỳ diễn ra những vụ "*cưỡng bức*", "*trấn áp*" độc đoán, không phải chỉ trong nội bộ Liên xô, mà cả đối với các lãnh tụ của phong trào Cộng sản quốc tế.

---

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 788

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 792

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 402

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 662

Digitized by Google

Đi nhiều nơi, làm nhiều công việc, phụ trách nhiều cương vị trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau đã đem lại cho Người một vốn sống, vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết phong phú về nhiều mặt. Thực tiễn ấy là cơ sở làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển ngày càng phong phú, toàn diện. Nó là kết quả của sự tác động biện chứng giữa nhận thức và hành động, lý luận và thực tiễn, vì vậy mà ngày càng tiếp cận với chân lý của cuộc sống.

Như vậy, thực tiễn phong phú của thời đại và của bản thân cuộc sống mà Hồ Chí Minh đã từng trải là một nguồn gốc, một cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện của tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho tư tưởng ấy ngày càng nâng cao tính chất vừa cách mạng, vừa khoa học.

Nhân cách và phẩm chất của Hồ Chí Minh : Tư tưởng bao giờ cũng là sản phẩm của con người, là mặt hoạt động tinh thần, ý thức của con người, do con người sáng tạo trên cơ sở những nhân tố khách quan. Do đó, tư tưởng còn phụ thuộc vào các yếu tố của nhân cách, phẩm chất tinh thần con người đã sản sinh ra nó, như tư chất, tính cách, bản lĩnh, phẩm chất tư duy,...

Về nhân cách, phẩm chất Hồ Chí Minh, nhiều tác giả trong nước và nhiều chính khách, nhiều nhà hoạt động văn hóa - xã hội nước ngoài đã nói đến và đã có những ý kiến khá sâu sắc. Nhưng chúng ta vẫn chưa có một công trình nghiên cứu đầy đủ về "con người Hồ Chí Minh", không chỉ trên bình diện nhà chính trị, mà còn trên bình diện nhân cách của một con người. Hy vọng sẽ có nhiều nhà nghiên cứu và viết về vấn đề này.

Trong phạm vi đề tài, chúng tôi chỉ đề cập đến những điều về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh có tác động đến sự hình thành, phát triển tư tưởng của Người.

Có thể nói Hồ Chí Minh là một con người có một phẩm chất cá nhân hết sức tiêu biểu :

Hồ Chí Minh là một con người *sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước thương dân sâu sắc*, nhất là đối với những người cùng khổ bị áp bức bóc lột, có *bản lĩnh kiên định*, có khí tiết kiên cường trong đấu tranh thực hiện mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn.

Người là một con người đặc biệt *thông minh*, sắc sảo, nhạy bén với cái mới, ham học hỏi ; có tư duy độc lập sáng tạo ; có trí tuệ uyên bác, kiến thức sâu rộng ; biết nhiều ngoại ngữ, do đó có điều kiện tiếp xúc với văn hóa của nhiều dân tộc.

Người là một con người có *lòng tin mãnh liệt ở nhân dân*, có ý chí nghị lực phi thường, *có đầu óc thực tiễn*, thiết thực cụ thể, lý luận gắn liền với thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Người là một con người mẫu mực về đạo đức cách mạng, tác phong *bình dị, chân tình*, khiêm tốn, gần gũi, hòa mình với quần chúng, có sức cảm hóa lớn đối với mọi người.

Người là một bậc *đại nhân, đại trí, đại dũng*.

Những tư chất và phẩm chất ấy được phát huy trong suốt cuộc đời hoạt động của Người. Nhờ vậy, giữa vô vàn lý thuyết, học thuyết khác nhau, đối lập nhau, đúng và sai, thật và giả đan xen lẫn lộn trong khi nhiều chí sĩ cách mạng từ Phan Bội Châu đến Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Văn Trường v.v... không phát hiện được ở đâu là quy luật, là chân lý, thì chính Hồ Chí Minh đã tìm ra được mục tiêu, lý tưởng cách mạng đúng đắn và con đường để đi tới mục tiêu ấy, thực hiện lý tưởng ấy. Giữa thực tiễn vô cùng sinh động, phức tạp, với bao tình huống khó khăn, bao sóng gió thử thách, có khi đe dọa cả cuộc sống và sinh mệnh chính trị của mình, Người vẫn đứng vững, vượt lên, vẫn kiên trì chân lý, có những quyết định đúng đắn và sáng suốt, những hoạt động sáng tạo để biến tư tưởng thành hiện thực.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần là sự kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà đã có *bước phát triển mới, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lê-nin*, trên một loạt vấn đề cơ bản và cấp bách của dân tộc và thời đại nhằm *đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng*, cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chính trên ý nghĩa đó, Đại hội VII của Đảng cộng sản Việt nam đã khẳng định lấy "*Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của toàn đảng*". ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

VŨ OANH

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu lên mục tiêu chung của toàn đảng, toàn dân ta từ nay đến năm 2020 là ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) từ nay đến năm 2000, đặc biệt coi trọng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn.

Để phấn đấu đạt các mục tiêu nói trên, cần quán triệt quan điểm của Đại hội nêu ra : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó đòi hỏi phải thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho CNH, HĐH, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và các hình thức tổ chức kinh doanh.

1 - Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo : làm đòn bẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội ; mở đường, hướng dẫn, liên kết hỗ trợ các thành phần khác cùng tồn tại và phát triển ; làm lực lượng vật chất để nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô ; tạo nền tảng cho chế độ xã hội mới.

Trong 3 năm sắp xếp theo Nghị định 388/HĐBT (tháng 11/1991), số doanh nghiệp nhà nước đã giảm từ 12 296 xuống còn 6 300, tức là giảm 45%. Sau khi sắp xếp lại, nhìn chung các doanh nghiệp nhà nước có số vốn lớn hơn, khả năng cạnh tranh được cải thiện. Bình quân mỗi doanh nghiệp có khoảng 8 tỉ đồng vốn. Tỷ trọng doanh nghiệp nhà nước trong GDP từ 32,4% năm 1990 tăng lên 36,7% năm 1994. Phần đóng góp của các doanh nghiệp nhà nước vào ngân sách nhà nước năm 1995 là 49%. Các doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ lệ áp đảo về xuất nhập khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Hiệu quả sử dụng vốn khá hơn trước : lãi tăng, lỗ giảm. Tỷ suất lợi nhuận so với doanh thu tăng từ 3,6% năm 1990 lên 5% năm 1994.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhà nước còn bộc lộ nhiều yếu kém : lớn về số lượng, nhỏ về quy mô, yếu về sức cạnh tranh ; tình trạng thiếu vốn là phổ biến và nghiêm trọng ; công nghệ còn lạc hậu ; năng suất lao động quá thấp, còn một bộ phận tiếp tục làm ăn thua lỗ. Việc quản lý vốn còn cứng nhắc và phân tán ; sử dụng vốn khấu hao cơ bản không ổn định ; chế độ phân phối lợi nhuận, lập và sử dụng các quỹ không có tác dụng khuyến khích tái đầu tư, làm tăng nhanh vốn sản xuất mà ngược lại, tạo điều kiện tăng phần mềm của thu nhập, gây sự chênh lệch quá đáng giữa các doanh nghiệp, giữa một số ngành. Vai trò đầu tầu, tiên phong về công nghệ mới ở các doanh nghiệp nhà nước cũng không hình thành rõ nét.

Hiện nay, cơ cấu sở hữu vốn trong các doanh nghiệp ở ta như sau : sở hữu nhà nước 68,4% ; sở hữu tư bản nước ngoài : 25,3% ; sở hữu các công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần : 6,3%. Cần dự báo sự phát triển của các thành phần kinh tế để có chiến lược trung hạn, dài hạn về vốn cho sở hữu nhà nước phát triển đúng hướng.

Digitized by Google

Thời gian tới, tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng, một số doanh nghiệp thực hiện những nhiệm vụ có quan hệ đến quốc phòng, an ninh. Doanh nghiệp nhà nước nói chung có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiến bộ, kinh doanh có hiệu quả, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Đặc biệt quan tâm đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để các sản phẩm làm ra đạt chất lượng cao, có sức cạnh tranh, trụ vững trên thị trường.

Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hóa. Trong hơn 3 năm qua, mới triển khai làm thử việc cổ phần hóa ở 8 doanh nghiệp nhà nước, trong đó mới có 5 doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo luật công ty cổ phần. Chỉ sau vài năm hoạt động, các công ty cổ phần này đã tỏ ra hơn hẳn thời kỳ còn là doanh nghiệp nhà nước cả về chỉ tiêu phát triển và hiệu quả kinh tế, đóng thuế cho nhà nước.

Tổ chức hợp lý các tổng công ty, bảo đảm vừa tránh phân tán lực lượng, vừa chống độc quyền hoặc trở thành cấp hành chính trung gian. Hiện mới có 18 tổng công ty nhà nước theo quyết định 91, với số vốn tối thiểu 1 000 tỉ đồng/công ty và 50 tổng công ty theo quyết định 90, với số vốn tối thiểu 500 tỉ đồng/công ty. Tuy mới thành lập, các tổng công ty này đã tỏ ra có lợi thế và triển vọng, có sức hợp tác và cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

2 - Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Trong 10 năm qua, kinh tế hợp tác có biến đổi lớn, số lượng hợp tác xã giảm dần. Tuy vậy, đang có sự đổi mới của các hợp tác và xuất hiện nhiều hình thức kinh tế hợp tác đa dạng, phong phú trong các lĩnh vực kinh tế.

Sự suy giảm và chậm đổi mới các hợp tác xã vừa qua có nguyên nhân do bản thân quá trình hình thành và phát triển ; nhưng đồng thời cũng còn do những nguyên nhân chủ quan, kể cả về nhận thức trong chỉ đạo đổi mới đối với thành phần kinh tế này.

Nay cần phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ nhóm, tổ hợp tác đến hợp tác xã ; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung.

Cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có chính sách khuyến khích ưu đãi, giúp đỡ kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả. Thực hiện tốt Luật hợp tác xã.

3 - Kinh tế tư bản nhà nước bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài ; tô nhượng mà thực chất là hình thức có 100% vốn nước ngoài được hình thành trong các khu chế xuất ; cho thuê thông qua đấu thầu một số cơ sở vật chất của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước ; gia công đặt hàng ; đại lý... Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên, thu hút vốn, ứng dụng công nghệ tiên tiến, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Đến cuối năm 1995, các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) đạt trên 19 tỉ USD vốn đăng ký. Tỷ trọng đầu tư vào công nghiệp chiếm 40% tổng số vốn theo dự án (nếu kể cả dầu khí thì chiếm trên 60%), trong đó hơn 60% là đầu tư chiều sâu. Địa bàn đầu tư phân bổ rộng hơn trên các vùng lãnh thổ. Hình thức đầu tư chủ yếu là xí nghiệp liên doanh, chiếm trên 65% tổng số vốn ; xí nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm gần 18% ; hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm gần 17%. Nhà nước đã bổ sung, hoàn thiện từng bước khuôn khổ pháp lý cho đầu tư nước ngoài. Song, trong các doanh nghiệp liên doanh, vốn của ta góp còn ít, phần lớn chiếm khoảng 30%. Do đó,

Digitized by Google

cần áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài.

Khuyến khích các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính và các doanh nghiệp nhà nước hùn vốn và huy động các thành phần kinh tế khác cùng góp vốn thực hiện các dự án, hoặc để tăng tỷ lệ góp vốn của phía Việt nam trong các công trình hợp tác, liên doanh với bên ngoài.

Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực quản lý để thu hút có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, thúc đẩy các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động đúng hợp đồng đã ký kết, đúng pháp luật của Việt nam. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong các xí nghiệp hợp tác, liên doanh.

4 - Kinh tế hộ gia đình, kinh tế cá thể, tiểu chủ có vị trí quan trọng lâu dài, cần được giúp đỡ để có khả năng tiếp thu những thiết bị và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, có khả năng mở rộng quy mô kinh tế, làm ra sản phẩm có chất lượng cao, tạo thêm nhiều việc làm. Kinh tế hộ gia đình, hộ xã viên là chủ thể ở các làng nghề, số đông vừa làm nghề nông, vừa làm các nghề khác, một số chuyên nghề, là lực lượng góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế trong nông thôn. Nét mới ở các làng nghề là đã xuất hiện nhiều hình thức đan xen giữa các thành phần kinh tế, tạo ra những mô hình hợp tác mới như tổ hợp sản xuất, tổ liên gia, liên hội nghề nghiệp, hợp tác cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn...

Kinh tế hộ gia đình ở nhiều nơi đã làm thành thạo VAC, VACR,... tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội, nhất là đặc sản có giá trị kinh tế cao.

Cần giúp đỡ kinh tế hộ gia đình nhất là ở nông thôn, kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ, vì lợi ích thiết thân và nhu cầu phát triển của sản xuất, từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã.

5 - Kinh tế tư bản tư nhân có khả năng góp phần xây dựng đất nước. Đến cuối năm 1994, đã có hơn 22 000 doanh nghiệp được thành lập theo Luật công ty. So với doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp loại này mới bằng 14,2% về vốn, 17,2% về lao động, 20% về doanh thu và 6,7% về tổng mức nộp ngân sách, có vai trò tích cực trong giải quyết việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, cũng có những hiện tượng tiêu cực cần được chấn chỉnh như trốn thuế, làm hàng giả, không chấp hành đúng kỷ luật thống kê, kế toán, đăng ký kinh doanh... Ngay một số doanh nghiệp đang phát đạt thì mức đóng góp cho ngân sách cũng chưa bằng 50% mức đóng góp của những doanh nghiệp nhà nước cùng điều kiện tương tự.

Cần khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài ; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp dành cổ phần ưu đãi để bán cho người lao động tại doanh nghiệp. Xây dựng quan hệ hợp tác giữa chủ và thợ trên cơ sở Luật lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

*

Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của các thành phần kinh tế là một trong những vấn đề quyết định sự thành bại của công cuộc CNH, HĐH đất nước. Hiện nay đang có xu thế hợp tác, liên kết, liên doanh giữa các thành phần kinh tế cùng đầu tư phát triển. Khuyến khích mở rộng tổ chức các hiệp hội ngành nghề bao gồm các nhà doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, các hiệp hội công thương tạo điều kiện để các nhà doanh nghiệp tham gia xây dựng đất nước, hỗ trợ, bổ sung cho nhau mở rộng sản xuất, kinh doanh, vươn ra thị trường thế giới, giúp nhau chấp hành pháp luật, làm nghĩa vụ với nhà nước.

Trong thực tiễn, cũng đã có nhiều mô hình hợp tác đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế có hiệu quả. Xin nêu ở đây *2 mô hình* :

- *Công ty trách nhiệm hữu hạn Kim long* hoạt động trên vùng đất đồi Tam đảo (tỉnh Vĩnh phú). Với số vốn 1 420 triệu đồng huy động được, công ty đã hợp tác với hàng nghìn hộ nông

Digitized by Google

dân để khai thác có hiệu quả 300 ha đất đồi trồng thuốc lá, cây thanh hao, mía theo phương thức : đầu tư giống, phân bón, thuốc trừ sâu và bao tiêu sản phẩm. Công ty còn kinh doanh đa dạng như trồng rừng, đào ao thả cá, chăn nuôi dê, bò, chưa kể quản lý hàng trăm ha rừng trồng và rừng cấm ở dãy núi Tam đảo, tạo cho hàng nghìn lao động trong vùng có công việc làm trong các xí nghiệp chế biến.

- Loại hình kinh tế hợp tác được đẩy lên một nấc cao hơn với sự hình thành *Hiệp hội mía đường Lam sơn*. Nông dân 4 huyện vùng trung du tỉnh Thanh hóa đã tự nguyện hợp tác với nhau chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên cơ sở chuyển đổi ruộng đất, hình thành hàng trăm tổ hợp tác và nhóm liên kết, hợp đồng với nhà máy ở đầu vào từ tiếp nhận nguồn vốn vật tư, kỹ thuật đến quy trình thâm canh và ở đầu ra dưới hình thức tiêu thụ sản phẩm. Nông dân vùng này phần lớn là hộ nghèo, họ không đủ sức để tự thân chuyển sang sản xuất hàng hóa. Vì vậy, kinh tế hộ được phát triển song song với đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, hình thành chế độ hợp tác đa thành phần (nhà máy, ngân hàng, trạm trại kỹ thuật, nông trường và hộ nông dân, nông trường viên), gắn công nghiệp với nông nghiệp, sản xuất với lưu thông phân phối, trong đó nòng cốt là công nghiệp, đưa tới làm sống động cả một vùng trước đây là đất trống đồi trọc ở vùng trung du. Đó là sự phát triển chế độ hợp tác mới trong nông thôn trên cơ sở những tất yếu khách quan của nền kinh tế đa thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, hướng vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Nhiều nơi, nhất là ở các tỉnh Tây nguyên đã có nhiều mô hình giữa doanh nghiệp nhà nước với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, các hộ xã viên, nông trường viên hợp tác đầu tư phát triển các cây công nghiệp : cà phê, cao su... thiết thực xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp, đóng góp vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Cần tổng kết và nhân những mô hình trên nhằm phát huy vai trò trung tâm kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hóa - xã hội của doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp, nhất là ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người. ❑

BỆNH VIỆN 7...

(Tiếp theo trang 47)

Từ chiếc máy khoan trục đứng được trang bị, cán bộ của Viện đã cải tiến thành máy siết dập nút chai đưa đến bước tiến mới cho quy trình sản xuất thanh huyết, tăng thời gian sử dụng an toàn từ 30 ngày lên 90 ngày, có thể vận chuyển đi xa. Đề tài về phân loại máu trong huyết học và nghiên cứu truyền máu tự thân của Viện được đánh giá cao và đã được ứng dụng trong thực tiễn, góp phần nâng cao thêm uy tín cho bệnh viện trong quan hệ với đồng nghiệp xa gần (kể cả bè bạn quốc tế). Từ đề tài này đồng chí Nguyễn Trung Chính, bác sĩ trưởng khoa huyết học đã bảo vệ thành công luận án phó tiến sĩ.

Các ca chữa trị hết lòng vì người bệnh những tháng gần đây lại khẳng định thêm uy tín và tay nghề vững vàng của đội ngũ thầy thuốc Viện quân y 7 : Đại úy Phạm Văn Dụ, 36 tuổi, viêm não vi rút đã trong tình trạng hôn mê sâu 24 ngày đêm ; di chứng liệt cả chân tay, mất ngôn ngữ ; vậy mà bằng các biện pháp y học dân tộc, Viện đã quyết tâm cứu anh ra khỏi cơn bệnh hiểm nghèo. Chị Hồ Thị Thơm, 36 tuổi (vợ một thương binh 1/4) bị vướng bom bi còn sót lại sau chiến tranh, tổn thương đầu, mặt, vỡ nhãn cầu, thấu bụng, dập nát tay phải, gẫy hở 1/3 xương đùi, được các bác sĩ của Viện tập trung sức cứu chữa, chị đã thoát choáng, hồi phục dần và ra viện.

Chỉ tính riêng đợt công tác của 14 y bác sĩ của Viện, trong 30 ngày (9 - 1994) tại 12 đơn vị từ các đảo xa đến biên giới các huyện Móng cái, Bình liêu (tỉnh Quảng ninh) đã khám cho 12 613 lượt cán bộ chiến sĩ, điều trị 5 011 lượt người, làm phẫu thuật chuyên khoa cho 1 027 bệnh nhân đã tiết kiệm trên 100 triệu đồng cho ngân sách. Với trách nhiệm, tình cảm và khả năng của mình, đoàn của Viện đến đâu cũng được chiến sĩ và cán bộ các đơn vị cũng như nhân dân yêu mến, tin tưởng.

Mười năm qua, bằng những thành tựu đã đạt được, Viện quân y 7 lại một lần nữa được Nhà nước ta trao tặng danh hiệu vẻ vang : Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang.❑

Digitized by Google

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG TA

VŨ HIỀN *

TRONG suốt chiều dài lịch sử Việt nam chưa bao giờ vị trí của dân tộc lại được khẳng định mạnh mẽ như bây giờ, và cũng chưa bao giờ chúng ta lại mở rộng quan hệ với chiều sâu và tầm cao với hầu hết các nước trên khắp năm châu bốn biển như hiện nay. Một trong những yếu tố quan trọng có tính quyết định sự thành công đó là việc thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng ta.

Đánh giá hoạt động đối ngoại 10 năm qua, Báo cáo chính trị của Đại hội VIII khẳng định : "Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện và nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" (1).

Đổi mới và mở rộng quan hệ đối ngoại

Những thành tựu của chặng đường 10 năm đổi mới đất nước cũng là những thành tựu của quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập với thế giới. Đảng ta - người phát động và lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập bên ngoài, đã tỏ rõ bản lĩnh và trí tuệ trong việc đón bắt cả ba yếu tố thiên thời - địa lợi - nhân hòa để đưa đất nước ta vươn lên tầm cao mới.

Đổi mới như một sức sống mạnh mẽ ngày càng lan tỏa, ngày càng đi vào bề rộng và chiều sâu của đời sống xã hội. Nó làm mới mẻ và rõ ràng mạch lạc hơn cách nhìn nhận, đổi mới cách nghĩ, cách làm để biết mình, biết người hơn ; khắc phục những nhận thức lệch lạc, từng bước hình thành và xác lập quan điểm mới về mục tiêu, bước đi và cách thức phát triển đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Nó thay thế cơ chế tập trung,quan liêu,bao cấp trước đây bằng cơ chế mới năng động, tạo động lực cho xã hội, động viên, thu hút mọi nguồn lực và trí lực của mọi người vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đổi mới cũng là quá trình giải quyết kịp thời, đúng đắn những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống, bảo đảm sự phát triển hài hòa, cân đối giữa kinh tế, xã hội và chính trị, dân chủ và pháp luật, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập với thế giới chính là sự vươn xa, tiếp thụ và chắt lọc cái hay, cái đẹp của nhân loại để làm đẹp cho mình, biến cái khó thành cái dễ, biến cái chưa thể thành cái có thể, nhân lên sức mạnh đang có, tiếp thu thêm nguồn lực mới phong phú từ bên ngoài trên cơ sở biết người, biết ta. Mở rộng quan hệ đối ngoại cũng là sự giao lưu, hợp tác, theo xu thế phát triển của thế giới, của thời đại. Đi đôi với việc phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, mở rộng quan hệ đối ngoại để khai thác những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ với các nước, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Như vậy đổi mới và mở rộng quan hệ đối ngoại là nhằm thực hiện mục tiêu chung phát triển đất nước, là hai vấn đề có mối quan hệ mật thiết, thúc đẩy nhau và làm tiền đề cho nhau, là hai yếu tố cộng hưởng tạo ra động lực cho đất nước ta vươn tầm.

---

* PGS, PTS khoa học kinh tế

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 63

Digitized by Google

Căn cứ để hoạch định đường lối đối ngoại

Đảng ta hoạch định đường lối đối ngoại xuất phát trước hết từ phương hướng xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ; xuất phát từ những bài học kinh nghiệm lịch sử của ông cha ta để lại, đặc biệt là kinh nghiệm của Đảng ta trong việc kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại, coi đây là động lực chính của cách mạng Việt nam từ trước tới nay và từ nay về sau.

Căn cứ quan trọng và mang tính trực tiếp để hình thành đường lối đối ngoại là việc " trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu", là biết người, biết mình trên cơ sở nhận định một cách khách quan và khoa học tình hình thế giới.

Đại hội VIII của Đảng nhận định : Tình hình thế giới đang diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường. Tuy nhiên, tình hình thế giới có những đặc điểm nổi bật : loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, các mâu thuẫn cơ bản của thế giới vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển với những biểu hiện mới ; nguy cơ chiến tranh thế giới đã bị đẩy lùi nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc và tôn giáo vẫn tiếp diễn ở nhiều nơi ; cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa đời sống kinh tế - xã hội ; cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết được ; khu vực châu Á - Thái bình dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao, đồng thời khu vực này cũng tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định.

Đại hội VIII còn chỉ rõ : Từ những đặc điểm nêu trên, trong quan hệ quốc tế đang nổi lên những xu thế chủ yếu : *Một là,* hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới ; *Hai là,* các quốc gia lớn nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế, đồng thời cũng cạnh tranh gay gắt trên nhiều lĩnh vực ; *Ba là,* các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hóa dân tộc ; *Bốn là,* các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ trên thế giới kiên trì đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ; *Năm là,* các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình.

Các đặc điểm và xu thế nêu trên đã làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế, và trong chính sách của các nước.

Nội dung chính yếu

Với nhãn quan chính trị nhạy bén, khách quan và khoa học, nhìn nhận bối cảnh thế giới và trong nước với cả những vận hội và nguy cơ đan xen, Đảng ta đã định ra đường lối đối ngoại bảo đảm mục tiêu phát triển của đất nước và phù hợp với những biến đổi của thế giới. Qua nhiều đại hội Đảng, nhất là từ Đại hội VI, Đại hội VII và Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng, đường lối đối ngoại của Đảng ta ngày càng được hoàn thiện và đến Đại hội VIII lần này, đường lối đó được nâng lên tầm cao mới.

Trong **Báo cáo chính trị** của Đại hội VIII, khi trình bày về đường lối đối ngoại, có đoạn viết :

"Nhiệm vụ đối ngoại trong giai đoạn tới là củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn

Digitized by Google

trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, thông qua thương lượng để tìm những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp, bảo đảm hòa bình, ổn định, an ninh, hợp tác và phát triển" (2).

Quan điểm của Đảng ta về nhiệm vụ công tác đối ngoại rất mạch lạc, rõ ràng. Tư tưởng chỉ đạo của đường lối đối ngoại của Đảng là : Bảo đảm giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội nhưng phải rất sáng suốt, năng động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của nước ta, những diễn biến đầy mâu thuẫn của thế giới, đặc điểm và đối tượng mà ta quan hệ ; biết tận dụng những yếu tố của thời đại và khu vực ; chủ động và tích cực tham gia quá trình hợp tác, phân công lao động quốc tế ; biết phát huy lợi thế có sẵn và lợi thế so sánh ; nắm bắt thời cơ và tự tạo thời cơ để phát triển. Thời cơ có thể tự đến và tự đi, nên phải chủ động tìm gặp và "chớp" được nó ; hơn thế nữa, phải biết tạo ra nó ; biết rõ thách thức và tìm cách đương đầu, vượt qua thách thức : có thách thức từ bên ngoài và cũng có thách thức từ bên trong, có thách thức nghiêm trọng trở thành nguy cơ phải tìm giải pháp để vượt qua.

Tìm hiểu đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở của Đảng ta, có thể thấy rõ một số nội dung chính yếu :

- Phương hướng bao quát nhất của đường lối đối ngoại của Đảng là thực hiện độc lập, tự chủ, rộng mở, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

- Nguyên tắc và phương châm cơ bản của đường lối đối ngoại là : 1) Bảo vệ lợi ích dân tộc kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. 2) Bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển. 3) Rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế tối đa mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. 4) Ưu tiên hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và ngoại giao nhân dân. 5) Hội nhập nhưng không hòa tan, mở cửa nhưng không đánh mất mình, độc lập nhưng không đóng cửa biệt lập, đa dạng, đa phương nhưng không vô nguyên tắc. 6) Nắm vững và thực hiện hai mặt : vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong quan hệ quốc tế, tránh hợp tác một chiều hoặc đấu tranh một chiều, cuối cùng đấu tranh là để hợp tác.

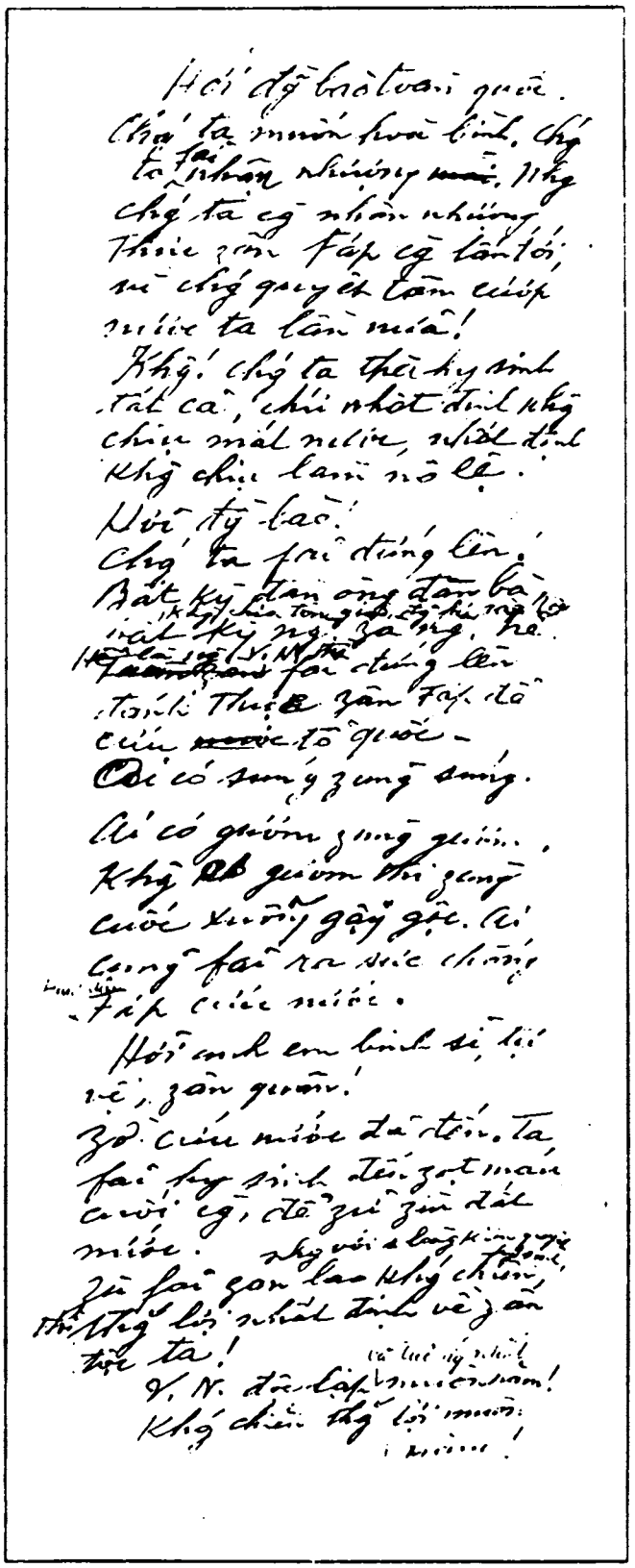
- Bài học rút ra từ hoạt động đối ngoại là : mở rộng quan hệ quốc tế phải trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ , bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Những phương hướng, nguyên tắc, phương châm cơ bản của đường lối đối ngoại của Đảng ta là sự kế thừa, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc ta qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, là sự phát triển và hoàn thiện nền ngoại giao Việt nam dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn và sáng tạo đó, Việt nam đã không ngừng mở rộng quan hệ bè bạn, hội nhập với thế giới trên cơ sở tầm vóc mới và thế đứng mới. Kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở, nhất định chúng ta sẽ thu được nhiều thành tựu rực rỡ hơn nữa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục phát triển, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.❑

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 41

Digitized by Google



Bút tích *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh tháng 12 năm 1946

Digitized by Google

TIẾNG SÚNG BẢO VỆ PHẨM GIÁ DÂN TỘC VÀ CHỦ QUYỀN ĐẤT NƯỚC

Đại tướng VĂN TIẾN DŨNG

HƠN nửa thế kỷ trước, trên đất nước ta đã diễn ra một sự kiện lịch sử mà tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó đối với vận mệnh của dân tộc Việt nam và phong trào cách mạng thế giới cho đến nay vẫn chưa thể lượng định hết. Mùa thu năm 1945, dưới ngọn cờ độc lập và chủ nghĩa xã hội của Đảng cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đã nhất tề vùng lên tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa, lật đổ chế độ thống trị của đế quốc và phong kiến, thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước của dân, do dân, vì dân, một chế độ mới đáp ứng nguyện vọng ngàn đời của người Việt nam yêu nước.

Vừa được thành lập chưa đầy một tháng thì ngày 23-9-1945, được sự giúp đỡ của quân Anh và quân Nhật, quân Pháp đã nổ súng gây hấn ở Sài gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Đông dương lần thứ hai. Cuộc kháng chiến cục bộ chống Pháp ở Nam bộ bắt đầu.

Mưu đồ trở lại xâm lược Đông dương của thực dân Pháp đã ấp ủ từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng, lúc này mới có thời cơ thực hiện. Ở thời điểm này, trên đất nước ta có mặt gần 30 vạn quân Anh, Pháp, Nhật, Tưởng cùng đủ loại đảng phái phản động tay sai rắp tâm lật đổ Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa, tiêu diệt cách mạng Việt nam, thủ tiêu những thành quả mà nhân dân ta đã đổ biết bao xương máu mới giành được.

Để giữ vững nền độc lập vừa giành được, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã áp dụng những biện pháp chiến lược và sách lược hết sức khôn khéo, xử lý sắc bén và chính xác những tình huống hiểm nghèo, lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tập trung mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu trước mắt, hòa hoãn với những kẻ thù có thể hòa hoãn, triệt để tranh thủ khả năng hòa bình, xây dựng và củng cố một bước chính quyền cách mạng và chế độ mới, chuẩn bị thực lực mọi mặt, sẵn sàng đối phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước. Tìm mọi cách đẩy lùi chiến tranh, chúng ta đã đi đến tận cùng của sự nhân nhượng có nguyên tắc. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Chúng đòi nhân dân ta phải đầu hàng. Dân tộc Việt nam đang bị đặt trước hai đường : một là khoanh tay cúi đầu trở lại nô lệ ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập.

Thực dân Pháp đã cố tình gây chiến, không thể nhân nhượng được nữa, nhân dân Việt nam buộc phải cầm vũ khí đứng lên. Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu ngày 19-12-1946.

Lịch sử cách mạng Việt nam ghi lại những chữ vàng sách lược mẫu mực mà Đảng và Bác Hồ đã vận dụng trong thời gian từ kháng chiến cục bộ đến kháng chiến toàn quốc, một sách lược nhân nhượng hết mức nhưng kiên trì giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, quyền làm chủ của nhân dân, chủ quyền của đất nước.

Lịch sử dân tộc Việt nam cũng mãi mãi khẳng định như một bài học kinh nghiệm thành công lớn của Đảng ta trong việc phát huy tinh thần cách mạng triệt để, phát huy cao độ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đoàn kết toàn dân quyết chiến quyết thắng vì mục tiêu độc lập, tự do, dân chủ, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Qua 16 tháng bị bao vây bốn mặt bởi hàng chục vạn quân xâm lược kéo vào chiếm đóng đất nước, ta vẫn giữ vững chính quyền, chuẩn bị kháng chiến, cách mạng nước ta đứng vững và lớn lên về mọi mặt. Chính quyền nhân dân được củng cố về số lượng và chất lượng. Cả dân tộc đoàn kết, quyết tâm bảo vệ đến cùng chế độ mới.

Digitized by Google

Đảng đã tổ chức được lực lượng lãnh đạo của mình trên cả nước, trong các ngành, các giới, được nhân dân tin tưởng.

Tiếng súng kháng chiến toàn quốc hồi 20 giờ ngày 19-12-1946 là tiếng thét quyết tâm của 25 triệu người Việt nam " Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh !". Kể từ ngày 23-9-1945 kháng chiến bùng nổ ở Nam bộ cho đến ngày ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 20-7-1954 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của dân tộc ta đã diễn ra không ngừng trên ba nghìn ngày. Đây là cuộc chiến tranh chống xâm lược dài ngày, ác liệt, là cuộc chiến tranh đầu tiên do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo khi đất nước ta vừa giành được độc lập, phải chiến đấu trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, từ khởi nghĩa thành công chuyển thành chiến tranh cách mạng.

Tiếng súng kháng chiến toàn quốc đã nổ ra đúng lúc. Sớm hơn hoặc muộn hơn đều có thể mang lại những nguy hiểm khôn lường. Mở đầu đúng lúc là nhờ Đảng đã dày công tạo thế và lực, nắm vững thời cơ, kiên quyết hành động.

Đó là tiếng súng của "Tuyên ngôn độc lập" trong hành động, tiếng súng mở đầu thiên anh hùng ca chiến tranh nhân dân Việt nam.

Đó cũng là tiếng súng báo hiệu sự ra đời của một học thuyết chiến tranh mới, học thuyết chiến tranh nhân dân Việt nam, chỉ đạo thực hành một kiểu chiến tranh toàn dân, động viên, tổ chức, vũ trang toàn dân, huy động toàn dân đánh địch toàn diện, lấy đấu tranh vũ trang làm hình thức đấu tranh chủ yếu, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và binh địch vận, đánh địch cả về chính trị, quân sự, văn hóa, tư tưởng ..., kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, đưa chiến tranh du kích từng bước phát triển lên chiến tranh chính quy. Ba thứ quân kết hợp chặt chẽ với nhau, hai hình thức chiến tranh hỗ trợ nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển, kết hợp với các mặt đấu tranh khác, phát huy cao độ sức mạnh to lớn của chiến tranh toàn dân, chủ động tiến công quân địch từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ.

Đó là kiểu chiến tranh chính nghĩa lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, khai thác tối đa sức mạnh và khả năng vô tận của cộng đồng dân tộc và từng con người Việt nam, phù hợp với điều kiện mọi mặt của đất nước Việt nam.

Ngày 19 - 12 - 1946 đã chứng tỏ bọn đế quốc thực dân phản động "chết mà nết không chừa". Đế quốc Pháp tuy bị bại trận nhưng vẫn không chịu từ bỏ cái "thiên đường đã mất" là hệ thống thuộc địa cũ. Chính danh thủ phạm gây chiến tranh xâm lược là bọn chúng. Chúng hung hăng tưởng có thể nuốt sống ta. Nhưng chúng đã chọn lầm đối tượng. Dân tộc Việt nam từ thuở xa xưa đã viết lên lá cờ của Tổ quốc dòng chữ hiên ngang : Đất này là có chủ, kẻ nào đến xâm phạm sẽ bị đánh tơi bời. Khi giành được địa vị làm chủ đất nước bằng Cách mạng Tháng Tám, tinh thần và hào khí đó đã có sự bùng nổ mới.

Tiếng súng kháng chiến toàn quốc nửa thế kỷ trước chứng minh một sự thực mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra : Đảng cộng sản Việt nam là hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc.

Đảng đã sớm nhận diện kẻ thù chủ yếu, sớm hoạch định đường lối kháng chiến và kiến quốc đúng đắn, định hướng cho toàn dân và toàn quân nhằm mục tiêu đã định xốc tới. Mặc dù khi bước vào kháng chiến, lực lượng so sánh giữa ta và địch "so le" nhiều, Đảng vẫn kiên quyết động viên, tổ chức và lãnh đạo toàn dân kháng chiến đến cùng, khẳng định và xây dựng niềm tin tất thắng. Bởi vì "ta có chính nghĩa, vì quân ta dũng cảm, dân ta đoàn kết và quật cường, vì ta được nhân dân Pháp và phe dân chủ thế giới ủng hộ. Mà cũng chính vì chiến lược ta đúng".

Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã khơi nguồn sức mạnh và sức sáng tạo vô tận của nhân dân, đó là bài học kinh nghiệm chủ yếu nhất rút ra từ những ngày tháng hào hùng đó, một bài học kinh nghiệm có ý nghĩa thời đại cho cả hiện nay và mai sau.❑

Digitized by Google

CẢ DÂN TỘC ĐỨNG LÊN VÌ ĐỘC LẬP TỰ DO

VŨ NHƯ KHÔI *

"CHÚNG ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (1).

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ hoàn cảnh bắt buộc và quyết tâm đứng lên chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập tự do của cả dân tộc ta.

Sự kiện toàn quốc kháng chiến nổ ra đêm 19 tháng 12 năm 1946 cách đây đúng 50 năm. Sự thật về nguyên nhân sự kiện này cũng như nguyên nhân cuộc chiến tranh Pháp - Việt (1946 - 1954) đã được các nhà sử học, cả các vị tướng thực dân Pháp và cả những chính khách nước Pháp thừa nhận : "Dù rất mong muốn đàm phán để hướng tới độc lập, ông Hồ Chí Minh đã bị đẩy vào cuộc chiến tranh" và cuộc chiến tranh đó "là một sai lầm của nước Pháp" (2).

Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác từ phía Việt nam, cuộc chiến tranh bùng nổ là *thể hiện ý chí "không có gì quí hơn độc lập tự do" của cả dân tộc ta.*

Nhìn tổng quát tình hình nước Việt nam dân chủ cộng hòa từ sau Cách mạng Tháng Tám đến cuối năm 1946, thật là khó khăn chồng chất khó khăn. Bất kể cuộc cách mạng nào mới thành công cũng đều gặp phải những khó khăn to lớn. Nhưng những khó khăn của cách mạng nước ta thời kỳ này là những khó khăn thử thách đặc biệt nghiêm trọng. Sự mất còn của cách mạng, của nền độc lập thống nhất quốc gia đặt ra một cách trực tiếp. Tình thế đó buộc cách mạng nước ta phải đi những bước quanh co lựa chiều, phải hòa hoãn và nhân nhượng với kẻ thù, kể cả kẻ thù chính, mới vượt qua được thác ghềnh để vững bước tiến lên. Chủ trương hòa hoãn của ta là tránh cuộc xung đột quân sự, thay bằng cuộc đấu tranh chính trị, ngoại giao là chủ yếu ; nhưng lại phải tích cực chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, trong đó đặc biệt là lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu khi kẻ thù cố tình gây ra cuộc chiến tranh.

Trong số các kẻ thù xâm lược nước ta lúc này, kẻ thù nguy hiểm nhất, kẻ thù chính là thực dân Pháp xâm lược. Đông dương mà chủ yếu là Việt nam vốn là thuộc địa có vị trí quan trọng bậc nhất, "một bông hoa đẹp nhất trong vườn hoa thuộc địa" của đế quốc Pháp. Vì thế lập trường thực dân của giới tư bản độc quyền là tìm mọi cách giành lại Đông dương và duy trì ách thống trị cổ truyền của chúng. 0 giờ ngày 23 tháng 9 năm 1945, được quân Anh và quân Nhật hỗ trợ, quân Pháp gây hấn ở Nam bộ, mở đầu cuộc xâm lược trở lại đất nước ta. Chúng ta chưa có thời gian chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh. Cuộc chiến đấu không cân sức. Quân Pháp đánh rộng ra các tỉnh Nam bộ và nam Trung bộ.

Đầu năm 1946, sau khi mặc cả quyền lợi với Mỹ, Anh, Tưởng Giới Thạch, được chúng thỏa thuận, Pháp chuẩn bị đưa quân ra miền Bắc. Và cũng chính lúc đó, trong nhân dân ta, phong trào Nam tiến, luyện tập quân sự, chuẩn bị đánh Pháp sôi sục từ thành thị đến thôn quê, mọi tầng lớp nhân dân đều hăm hở, sẵn sàng đánh trả quân Pháp xâm lược. Nhưng với trọng trách trước vận mệnh đất nước, trước sự sống còn của cách mạng, Đảng phải sáng suốt, cân nhắc lợi hại để chủ trương cho đúng. Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị : "Vấn đề lúc này không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lợi hại trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng" (3). Đảng và

---

* Đại tá, PTS, Học viện chính trị quân sự

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Sự thật Hà nội, 1984, t 4, tr 202

(2) Trả lời phỏng vấn các nhà báo của cố Tổng thống Pháp Ph. Mít-tơ-răng, tháng 2 - 1993

(3) *Văn kiện Đảng 1945 - 1954*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1978, t 1, tr 39

Digitized by Google



Ngôi nhà ở làng Vạn phúc (Hà đông) nơi Bác Hồ và Thường vụ TƯ Đảng họp hội nghị quyết định cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.
Ảnh : **Ngọc Nhưng**

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đối với Pháp ta cố tranh thủ khả năng giải quyết bằng con đường hòa bình, nếu cuộc chiến đấu phải nổ ra thì ta cũng giành được thời gian để chuẩn bị thêm lực lượng.

Đảng ta vạch ra *nguyên tắc căn bản cho việc đàm phán giữa ta với Pháp là độc lập và hợp tác với Pháp trên cơ sở bình đẳng.*

Trong quá trình đấu tranh ngoại giao với Pháp, không bao giờ ta xa rời mục tiêu độc lập, thống nhất. Nhưng trong tình thế bất lợi và để đạt được hòa hoãn, ta phải nhân nhượng mềm dẻo. Hiệp định Sơ bộ Pháp - Việt được ký kết tại Hà nội vào 16 giờ 30 ngày 6 tháng 3 năm 1946. Hiệp định Sơ bộ đánh dấu sự nhân nhượng của hai bên. Chính phủ Pháp phải công nhận nước Việt nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, tài chính riêng là một "phần tử trong liên bang Đông dương và trong khối liên hiệp Pháp", việc thống nhất ba kỳ của nước Việt nam sẽ thông qua kết quả một cuộc trưng cầu ý dân quyết định. Chính phủ Việt nam tuyên bố sẵn sàng thân thiện tiếp đón quân đội Pháp vào thay thế quân Tưởng ở miền Bắc.

Như vậy ký Hiệp định Sơ bộ, *ta phải chấp nhận một nền độc lập bị hạn chế, một nền thống nhất có điều kiện.* Một số người do lòng yêu nước bồng bột mà không bằng lòng. Họ đòi phải đánh Pháp ngay, không cho Pháp quay trở lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hàng chục vạn đồng bào trong cuộc mít tinh ở thủ đô ngày 7 tháng 3 đã giải thích chủ trương của ta và nội dung Hiệp định Sơ bộ để mọi người hiểu và thực hiện. Người kết thúc bằng những lời cảm động : "Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước" [4]. Hiệp định Sơ bộ là một bước nhân nhượng của ta để giữ hòa bình.

Cuộc đấu tranh ngoại giao Việt - Pháp kéo dài nhưng ngày càng bế tắc. Lập trường đúng đắn đấu tranh cho độc lập thống nhất của ta bị giới chính trị đại biểu quyền lợi tư bản phản động Pháp coi là một "thảm họa" đối với chúng và chúng "sẽ làm mọi việc để tránh cho được thảm họa đó". *Hội nghị đàm phán chính thức Phông-ten-blô* tan vỡ.

Để cứu vãn nền hòa bình, dù là mỏng manh và tạm thời, tranh thủ thêm một thời gian nữa để chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến tranh sắp tới, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với đại diện chính phủ Pháp bản *Tạm ước 14 tháng 9. Bản Tạm ước* ghi nhận cuộc thương thuyết vẫn còn tiếp tục và hiện trạng chưa bị phá vỡ hoàn toàn, đình chỉ mọi hành động xung đột vũ trang giữa hai bên... *Tạm ước 14 tháng 9 lại là bước nhân nhượng nữa của phía ta.*

Tuy đã ký Tạm ước với ta nhưng thực dân Pháp vẫn ráo riết tấn công quân sự hòng bắt ta

(4) Võ Nguyên Giáp : *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1994, tr 373

Digitized by Google

nhượng bộ hơn nữa, hòng đặt lại quyền thống trị của chúng trên khắp nước ta. Tướng Moóc-lie - tư lệnh quân đội Pháp và Ủy viên Cộng hòa Pháp ở miền Bắc Đông dương - thừa nhận rằng "nước Pháp đã chọn con đường dùng vũ lực". Quân đội Pháp liên tiếp vi phạm các điều khoản đã ký kết, tiến công quân ta và khủng bố nhân dân ta rất dã man. Chúng nổ súng đánh chiếm thành phố Hải phòng, giết hại hàng nghìn đồng bào ta, đánh chiếm nhiều công sở và tàn sát đồng bào ta ở Lạng sơn. Chính phủ Việt nam cố gắng dàn xếp để chấm dứt xung đột, như Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích : "Chúng ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhận nhượng để giữ hòa bình" (5). Nhưng thực dân Pháp càng lấn tới. Chúng quyết tâm dùng vũ lực cướp nước ta một lần nữa, bắt nhân dân ta trở lại kiếp nô lệ.

Ngày 18 tháng 12, phía Pháp chuyển cho ta hai bức tối hậu thư đòi ta phá bỏ những vật chướng ngại trên đường phố để quân Pháp tự do đi lại ; trao cho chúng quyền giữ trật tự trị an ở Hà nội ; để quân Pháp đến chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thành phố... và buộc ta phải *thực thi chậm nhất là vào sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946.* Phía ta vẫn tự kiềm chế, cử đại diện đến gặp đại diện Pháp để dàn xếp. Nhưng phía Pháp khước từ mọi cuộc tiếp xúc.

Trong thời điểm hết sức căng thẳng này, Đảng ta khẳng định : "Sự thật đã chứng minh rằng, thực dân Pháp ngang nhiên khiêu hấn. Chúng định dùng vũ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng không khi nào ta chịu. Tạm ước 14 tháng 9 là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng của dân tộc" (6). Ngày 18 tháng 12 năm 1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Vạn phúc (nay thuộc thị xã Hà đông) dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định khả năng hòa hoãn đã hết và quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. Cả dân tộc ta bất kỳ người già, người trẻ, bất kỳ đàn ông, đàn bà, các tôn giáo, các đảng phái, các dân tộc nhất định phải đứng lên đánh thực dân Pháp bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc. "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

9 giờ tối ngày 19 tháng 12 năm 1946, *bản mệnh lệnh Toàn quốc kháng chiến* được phát trên Đài phát thanh Tiếng nói Việt nam, *cuộc Kháng chiến toàn quốc bắt đầu.*

Lịch sử đã trôi qua tròn nửa thế kỷ, cuộc chiến tranh Pháp - Việt cũng đã kết thúc hơn 40 năm, vết thương chiến tranh trên đất nước Việt nam đã được hàn gắn. Những tổn thất to lớn mà nước Pháp và nhân dân Pháp phải gánh chịu, kể cả hai viên Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp ở Đông dương Lơ-cléc và Đờ-lát Đờ-Tát-xi-nhi, mỗi người đều có một con trai tử trận ở Việt nam, cũng đã lùi vào dĩ vãng. Nhưng ý nghĩa lớn lao của sự kiện Toàn quốc kháng chiến không bao giờ phai mờ.

Hiện nay, xu thế chính trong quan hệ quốc tế là vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong điều kiện cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau. Tuy nhiên, các thế lực thù địch vẫn mưu toan thực hiện "diễn biến hòa bình" kết hợp với gây bạo loạn và can thiệp bằng quân sự nhằm làm thay đổi chế độ chính trị, xâm phạm chủ quyền độc lập thống nhất của nước ta.

Đảng ta và nhân dân ta "thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Nhưng bao giờ chúng ta cũng xác định nguyên tắc trong quan hệ quốc tế là "tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng" (7).

Để có thể củng cố môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, chúng ta phải luôn luôn nâng cao cảnh giác cách mạng, ra sức xây dựng tiềm lực mọi mặt cho đất nước, trong đó có tiềm lực quốc phòng và an ninh. Chỉ có một ý chí, một tinh thần của cả dân tộc như vậy mới bảo vệ hòa bình, không phải tiến hành chiến tranh chống ngoại xâm mà vẫn giữ vững độc lập tự do, giữ vững chủ nghĩa xã hội.❑

---

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 22

(6) Báo *Sự thật*, ngày 29-11-1946

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 120, 121

Digitized by Google

"VỪA KHÁNG CHIẾN VỪA KIẾN QUỐC" - ĐƯỜNG LỐI SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG TA TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

TRẦN TRUNG TÍN *

CÁCH mạng Tháng Tám thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời. Chưa đầy một tháng sau, thực dân Pháp đã quay lại đánh chiếm miền Nam, gây chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Nền độc lập và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta lúc này như "nghìn cân treo sợi tóc" : Nạn đói khủng khiếp do đế quốc Pháp và phát xít Nhật gây ra (làm chết hơn 2 triệu người) để lại hậu quả hết sức nặng nề ; chính quyền cách mạng còn rất non trẻ ; quân đội mới được tổ chức, vũ khí trang bị còn rất thô sơ, thiếu thốn ; nền kinh tế do thực dân để lại hết sức nghèo nàn lạc hậu ; hơn 90% dân số mù chữ, cách mạng nước ta bốn bề bị đế quốc bao vây. Trong lúc đó kẻ địch có tiềm lực kinh tế, quân sự lớn mạnh hơn ta hàng trăm lần. Quân đội của chúng được trang bị những vũ khí, phương tiện hiện đại. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật giữa ta và địch là rất lớn.

Với ý chí quyết giành và giữ độc lập tự do, với bản lĩnh chính trị vững vàng, nhận thức rõ bước phát triển của xã hội nước ta và xu hướng tất yếu của thời đại, với lòng tin tưởng sắt đá vào truyền thống yêu nước của toàn dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối "*Vừa kháng chiến vừa kiến quốc*". Đường lối này thể hiện rõ quyết tâm của Đảng ta là : Kiên quyết chủ trương kháng chiến, vừa ra sức lãnh đạo đánh giặc, vừa ra sức bồi dưỡng lực lượng nhân dân. Đường lối đó đã được Đảng ta, nhân dân ta quán xuyến trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngay sau khi thực dân Pháp gây chiến ở Sài gòn, ngày 25-11-1945, Ban chấp hành trung ương đã ra chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc". Thực chất nội dung của chỉ thị là chỉ đạo sự kết hợp quốc phòng với kinh tế. Chỉ thị vạch rõ nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta là phải củng cố chính quyền cách mạng vừa mới giành được, cải thiện đời sống nhân dân, chống thực dân Pháp ở phía Nam, hòa hoãn với quân Tưởng ở phía Bắc, kiên quyết bảo vệ chính quyền nhân dân và chủ quyền dân tộc. Tiếp đó, chỉ thị "Hòa để tiến" của Ban thường vụ trung ương ngày 9-3-1946 đã vạch rõ sự "chuyển hướng về chiến thuật" : Cuộc đấu tranh về quân sự phải chuyển thành cuộc đấu tranh về chính trị, kinh tế và văn hóa. Ở đây, ta lại thấy một *sự năng động uyển chuyển về sách lược của Đảng mà trọng tâm chiến thuật được vạch ra một cách cụ thể, gắn chặt giữa quân sự, chính trị và kinh tế*. Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Với chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" (ngày 22-12-1946) thể hiện tư tưởng quân sự và kinh tế của Đảng đã được cụ thể hóa và gắn chặt chẽ với nhau ở một mức cao hơn, thể hiện ở nội dung chủ yếu là :

Về quân sự : "triệt để dùng du kích vận động chiến", vừa đánh vừa vũ trang thêm ; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ ; mỗi phố là một mặt trận ; mỗi làng là một pháo đài ; mỗi viên đạn là một quân thù ; cướp súng giặc để bắn giặc.

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Về kinh tế : Phải tự cấp tự túc về mọi mặt, tăng gia sản xuất để kháng chiến ; giữ gạo nuôi quân ; vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Kết hợp đúng đắn giữa quân sự và kinh tế, chính trị và tổ chức, nhằm động viên nhân lực, vật lực, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành một loạt chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội.

Một là : động viên sự đóng góp của nhân dân cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc bằng nhiều hình thức như : mở các cuộc lạc quyên, các cuộc vận động xây dựng quỹ độc lập, quỹ kháng chiến ; thu các loại thuế (thuế điền thổ, thuế nông nghiệp) ; phát hành công trái quốc gia, công phiếu kháng chiến để bảo đảm cho ngân sách của Nhà nước, trong đó chi cho quốc phòng từ 40% đến 70%.

Ngoài ra, nhân dân còn tự nguyện đóng góp cho kháng chiến thông qua các tổ chức quần chúng, các phong trào quần chúng như "hũ gạo nuôi quân", "may áo gửi người chiến sĩ", chăm sóc và nuôi dưỡng thương binh... Đó là nguồn hậu cần tại chỗ cho các lực lượng vũ trang ở cả vùng tự do và vùng tạm bị địch chiếm.

Hai là, phát động phong trào lấy súng giặc đánh giặc, tìm nguồn cung cấp ở tiền tuyến. Đây là một nguồn cung cấp vũ khí đạn dược chủ yếu cho các lực lượng vũ trang và nhân dân ta đánh địch, kể cả với bộ đội chủ lực. Phong trào này nhanh chóng trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi với rất nhiều cách đánh mưu trí, sáng tạo.

Ba là, phát động phong trào toàn dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Thành tựu nổi bật của phong trào này là trong chín năm kháng chiến, nhân dân ta ở vùng tự do không những tránh được nạn đói mà đời sống còn có phần được cải thiện. Quân đội ta có đủ lương thực, quần áo để đánh giặc và ngày càng phát triển lớn mạnh.

Bốn là, xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp kháng chiến với nòng cốt là đội ngũ công nhân và cán bộ kỹ thuật đi kháng chiến, cùng một số ít máy móc, thiết bị di chuyển từ các thành phố ra vùng tự do. Để xây dựng và phát triển công nghiệp kháng chiến, công nhân ta vừa sản xuất để tự túc lương thực, thực phẩm, vừa xây dựng cơ sở sản xuất, tìm tòi và chế tạo công cụ, kể cả công cụ bằng các phương tiện tại chỗ.

Năm là, vừa đẩy mạnh kháng chiến, vừa tiến hành cải cách dân chủ, từng bước xóa bỏ tàn tích lạc hậu của chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng nền kinh tế kháng chiến mang tính chất dân tộc dân chủ nhân dân, theo phương hướng tiến lên xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện những đường lối, chính sách ấy của Đảng và Nhà nước, ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, quân và dân ta không chỉ chiến đấu anh dũng, bảo toàn và phát triển lực lượng, mà còn tiến hành những cuộc di chuyển có tính chất chiến lược như tại mặt trận Hà nội. Tính đến cuối năm 1947, chúng ta đã chuyển được 2/3 số thiết bị máy móc ở phía Bắc lên Việt bắc. Ở Khu IV, chuyển được 2 triệu tấn máy móc và nguyên liệu vào căn cứ. Liên khu V và Nam bộ cũng làm được những việc tương tự. Tới cuối năm 1949, hầu hết các khu căn cứ chúng ta đã sản xuất được một số loại vũ khí như mìn, lựu đạn, súng cối, súng ba-zô-ca, sản xuất quân nhu, quân trang phục vụ cho nhu cầu kháng chiến. Ở khu căn cứ địa Việt bắc hình thành một hệ thống công nghiệp quốc phòng, sản xuất mỗi năm được trên 6000 tấn vũ khí, đạn dược và bảo đảm quần áo, thuốc men cho bộ đội. Các xí nghiệp kháng chiến cũng được phát triển để hỗ trợ cho kháng chiến như cơ khí Trần Hưng Đạo, cơ khí Việt bắc... sản xuất máy tiện, máy in, máy đúc chữ. Việc khai thác than cũng được đẩy mạnh (ở Việt bắc, Nghệ an...) để bảo đảm yêu cầu công nghiệp lúc bấy giờ. Ngành giấy cũng được đặc biệt phát triển. Ở Việt bắc có xưởng giấy lớn Ngòi lửa, Hoàng Văn Thụ, ở Liên khu IV có 49 cơ sở làm giấy nhỏ, v.v.. Ngoài ra, các ngành nghề thủ công khác cũng được phát triển như sản xuất thuốc lá, sành sứ, thủy tinh, may mặc, chế biến gỗ, chế biến thuốc men.

Về nông nghiệp, để đẩy mạnh cuộc cách mạng dân chủ, giải phóng sức lao động trong nông nghiệp, ngày 14-7-1949, Chính phủ đã ra sắc lệnh giảm tô và thực hiện tạm cấp ruộng đất

Digitized by Google

của bọn việt gian, bọn thực dân Pháp cho dân cày nghèo. Các mặt như văn hóa, xã hội, giáo dục cũng được củng cố và phát triển. Nói chung nền kinh tế dân tộc, dân chủ, kháng chiến được ổn định, dần dần phục vụ cho nhu cầu của cuộc chiến tranh và đời sống của nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ II (họp ngày 5, 6 tháng 4 năm 1947) trong phần nhiệm vụ quân sự đã vạch ra rằng : để duy trì chiến lược kháng chiến lâu dài phải tổ chức "căn cứ địa một cách vững chắc", "chú trọng chế tạo vũ khí chống xe tăng, chống ca nô và vũ khí thô sơ", thực hiện "bộ đội tham gia sản xuất, tích trữ lúa gạo, muối, ký ninh". Hội nghị lần thứ nhất của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa II (đầu năm 1951) đã quyết định sự chuyển hướng về kinh tế và tài chính : Muốn trường kỳ kháng chiến phải luôn luôn bồi dưỡng kinh tế - tài chính, phải coi nhiệm vụ kinh tế - tài chính là nhiệm vụ quan trọng. Trung ương và các cấp phải tăng cường việc lãnh đạo kinh tế - tài chính là tăng thu và giảm chi.

Căn cứ vào Nghị quyết này của trung ương Đảng, Chính phủ quyết định bốn vấn đề lớn : nhấn mạnh công tác kinh tế - tài chính, lấy tăng gia sản xuất làm cơ bản ; tăng cường công tác tài chính, quy định thu chi thống nhất, ban hành chính sách thuế nông nghiệp mới ; thành lập ngân hàng quốc gia và phát hành giấy bạc mới (một đồng ngân hàng ăn 10 đồng tài chính) ; phát triển mậu dịch quốc doanh. Từ đây bắt đầu thành lập Ngân hàng quốc gia Việt nam và tổ chức lại Bộ tài chính và Bộ công thương. Căn cứ vào chính sách chuyển hướng kinh tế - tài chính như trên, Chính phủ ấn định lại chính sách thu thuế nông nghiệp bằng thóc theo lũy tiến thay bằng tiền, đồng thời bỏ các loại thuế lặt vặt khác, tập trung vào các loại thuế chính, thu theo lũy tiến như : thuế công thương nghiệp, thuế trước bạ, thuế tem... Ngoài ra còn tiến hành giảm biên chế nhà nước và giảm biên chế trung gian trong sản xuất.

Đường lối và chính sách trên đây của Đảng và Nhà nước ta đã tạo nên một bước chuyển rất cơ bản trong công tác quản lý kinh tế kháng chiến, thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển mạnh mẽ. Công nghiệp quốc phòng lúc này đã sản xuất được một số loại vũ khí phức tạp như : ba-zô-ca, súng ĐKZ, súng cối 60, 81 ly ; các loại nguyên liệu cơ bản như diêm.tiêu, phốt phát, than, a-xít xun-fua-rích... Nếu so sánh với năm 1946, đến giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các ngành kinh tế đều tăng nhanh : lương thực từ Khu IV trở ra đã đạt trên 3 triệu tấn (tăng gần 1 triệu tấn) ; sản xuất vải đạt 35 triệu mét (tăng gần gấp 2 lần) bảo đảm về cơ bản yêu cầu về ăn, mặc cho bộ đội và nhân dân vùng tự do.

Ngành mậu dịch quốc doanh được thành lập từ năm 1951, đến năm 1954 cũng phát triển, cung cấp, phục vụ cho công nghiệp (trong đó có công nghiệp quốc phòng) từ 180 triệu lên 3000 triệu đồng (tăng 23 lần). Thu mua hàng thủ công từ 962 triệu lên 9704 triệu đồng (tăng hơn 10 lần), bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho tiền tuyến và hậu phương như : muối, giấy, thuốc chữa bệnh, quần áo, một số phụ tùng thay thế, công cụ sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp. Tới đầu năm 1954, tất cả những mặt hàng chủ yếu ở hậu phương đều được ổn định về giá cả.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nền kinh tế hậu phương đã được động viên mỗi năm một tăng cho yêu cầu tiền tuyến. Cuối cuộc kháng chiến, yêu cầu chiến tranh tăng 20 lần so với thời kỳ đầu. Tuy thời gian từ 1951 đến kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, biên giới phía Bắc được khai thông, ta bắt đầu nhận được viện trợ của Trung quốc, chủ yếu là vũ khí, đạn dược và một số xe cộ, đồ hộp, lương khô, nhưng khối lượng hàng viện trợ không nhiều, chiếm khoảng 16% trong ngân sách quốc phòng. Do quán triệt và thực hiện tốt đường lối "*vừa kháng chiến vừa kiến quốc*", quân và dân ta đã thực hiện đồng thời và xử lý đúng đắn quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng. Chiến thắng vĩ đại của chiến dịch lịch sử Điện biên phủ đã kết thúc 9 năm kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta và càng đánh dấu một bước phát triển mới trong tư duy sáng tạo của Đảng ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.❑

Digitized by Google

TẤT YẾU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÉT TỪ BẢN CHẤT VÀ TIỀN ĐỒ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

PHẠM PHÚ HỒ *

KHI cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội dẫn tới sự đổ vỡ ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thì không ít người đã lớn tiếng rằng, "chủ nghĩa xã hội chính là bước quá độ tiến tới chủ nghĩa tư bản", "những ước mơ của chủ nghĩa xã hội thì chính chủ nghĩa tư bản đã thực hiện rồi" ; rằng, người ta có thể dễ dàng tìm thấy ở chủ nghĩa tư bản những lời giải đáp đầy đủ cho mọi vấn đề được đặt ra của cuộc sống loài người", v.v. Tóm lại người ta muốn nói "những người mác xít bàn về chủ nghĩa xã hội chẳng khác nào bàn về sự hư vô".

Từ những ý kiến đó, không thể không bàn tới hai luận đề : Bản chất của chủ nghĩa tư bản là gì ? Tiền đồ của nó ra sao ? Liệu chủ nghĩa tư bản có phải tồn tại mãi và là tương lai của nhân loại không ?

I - "Sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời của bản thân chế độ tư sản"

Không phải ai khác, mà chính là C.Mác đã viết như vậy trong bức thư gửi cho I-ô-xép Vai-đơ-mai-ơ (Joseph Weydemeyer), đề ngày 25 - 3 - 1852, tại Niu-óóc. Người viết cụ thể : "Những kẻ ngu ngốc dốt nát như Hai - nơ - txen (Hein zen)... (nhà chính luận cấp tiến, nhà dân chủ tiểu tư sản, chống lại C.Mác và Ph. Ăng-ghen-P.P.H)... càng ít hiểu biết sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời của bản thân chế độ tư sản bao nhiêu thì thái độ ấy lại càng ghê tởm hơn bấy nhiêu" (1). Cũng từ quan điểm ấy, 20 năm sau, C.Mác lại chỉ ra rằng : "...chúng ta đau khổ không những vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ" (2). Và sau này V.I.Lê-nin thêm một lần nữa khẳng định rằng C.Mác "đã phân tích một cách khoa học *một* xã hội và *một* sự tiến bộ nhất định, tức là : xã hội tư bản chủ nghĩa và sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa" (3).

Thực tiễn lịch sử đã xác minh nhận định của C.Mác về tính tất yếu nhất thời của chủ nghĩa tư bản. Trong mấy thập kỷ qua, mặc dù có những chu kỳ khủng hoảng, chủ nghĩa tư bản, nhất là ở các nước tư bản phát triển vẫn cho thấy một *nền kinh tế* có tốc độ tăng trưởng khá. Chính điều này đã gây không ít ảo tưởng cho một số người về cái gọi là sức sống trường cửu của chủ nghĩa tư bản, và làm nhòa đi thực chất của vấn đề. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã tìm mọi cách thích nghi và nhanh chóng tận dụng những thành tựu khoa học và công nghệ để phát triển. Nó cũng không ngừng tìm cách thực hiện sự điều tiết kinh tế vĩ mô trong nội bộ mỗi nước và cả trên bình diện quốc tế. Mặt khác, sự bóc lột của các nước tư bản chủ nghĩa đối với thế giới thứ ba, đối với khu vực chậm phát triển trên hành tinh vẫn tiếp tục với một tốc độ thu lợi nhuận ngày càng tăng. Ví dụ, trong thời kỳ 1970 - 1983, số thu nhập mà tư bản nước ngoài kiếm được từ các khoản đầu tư trực tiếp để đưa ra khỏi Thái lan là 30,4 tỉ bạt, tương đương với 80% tổng giá trị các khoản đầu tư này vào Thái lan. Trái với những nhận định thông thường về chủ nghĩa tư bản, nhà nước tư bản đã đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế và điều chỉnh sự vận động của nền sản xuất xã hội mà nhiều khi với sự nỗ lực tới mức quyết liệt của nó, các nước tư bản chủ nghĩa đã vượt qua được nhiều cuộc khủng hoảng dữ dội.

Nhưng vấn đề đặt ra là, liệu với tất cả sự tăng trưởng và vận động trên đây có trở thành chiều hướng phát triển vững bền và có khả năng giải quyết những vấn đề cơ bản của chính chủ nghĩa tư bản hay không ?

Với mục đích bất di bất dịch là chạy theo lợi nhuận, quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản mà

* Khoa chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t II, tr 662

(2) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 3, tr 200

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t I, tr 170.

Digitized by Google

C.Mác đã phát hiện - quy luật sản xuất ra giá trị thặng dư - vẫn đang chi phối toàn bộ cơ chế vận hành của nó, chủ nghĩa tư bản, không bao giờ tạo được sự ổn định lâu dài cho nền kinh tế. Ngay cả khi có một bề ngoài phồn vinh thì nguy cơ khủng hoảng vẫn tiềm tàng và sẵn sàng bùng lên ngay trong lòng nó. Đây là cuộc khủng hoảng của cả hệ thống chứ không phải chỉ một vài nước trong hệ thống. Dù có vai trò khống chế về kinh tế, song các nước tư bản vẫn luôn bị lệ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, thường xuyên vấp phải sự phản kháng quyết liệt của vùng "ngoại vi". Điển hình là những cú sốc dầu lửa sau cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Liệu chủ nghĩa tư bản có thể tự do, mặc sức làm mưa làm gió và liệu còn làm chuyện này được bao lâu nữa trên các địa bàn hải ngoại ? Người ta còn thấy sự cạnh tranh tàn khốc theo quy luật khắc nghiệt của một nền kinh tế thị trường tự do và chạy theo lợi nhuận, hết sức rối ren và phức tạp. Ngày càng nổi lên trong chủ nghĩa tư bản những đối sách nhằm loại trừ nhau, và do đó, nó tiềm tàng một tình thế rất không ổn định. Chẳng hạn, ngay những năm 1994 và 1995, chúng ta chứng kiến sự giành giật vị trí hàng đầu trong quan hệ tiền tệ quốc tế giữa đồng yên (Nhật) và đồng đô la (Mỹ). Đặc biệt, sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa khi ngấm ngầm, lúc công khai, đã đẩy cuộc cạnh tranh vào sự khốc liệt mới.

Dù không phủ nhận cái vẻ bề ngoài phồn vinh của sự phát triển kinh tế cùng những món lợi nhuận khổng lồ của chủ nghĩa tư bản nhưng không ai không thấy một cuộc khủng hoảng *văn hóa* sâu sắc, không lối thoát trong xã hội tư bản hiện đại. Nổi bật nên ở dây cái lôgic sinh lợi tài chính lấn át cả phúc lợi con người. Bản thân con người không còn là đối tượng phục vụ của sản xuất mà dường như bị quy về một bộ phận của lực lượng sản xuất và chỉ như vậy. Từ đó văn hóa bị thương mại lấn át. Công việc đào tạo giáo dục con người trở nên què quặt, vụ lợi như kiểu chế tạo những người máy chứ không phải nhằm mục đích hình thành những con người với tất cả sự phát triển phong phú của nó. Ngay cả những hoạt động cao cấp của con người (sáng tạo nghệ thuật, văn hóa) cũng bị chi phối tới mức đồng nhất với công nghệ, với thương mại, đi tới hủy diệt cá tính con người. Cũng vì cái lôgic sinh lợi của chủ nghĩa tư bản mà môi trường sinh thái bị xâm hại tàn tệ, và ở các vùng "ngoại vi" môi trường cũng bị tước đoạt và bị bóc lột tới mức khó tưởng tượng nổi.

Mặt khác, chủ nghĩa tư bản vẫn không giải quyết được các tệ nạn cố hữu của nó, nhất là nạn thất nghiệp. Và nếu tệ phân biệt chủng tộc vốn là một ung nhọt của xã hội hiện đại, chủ nghĩa tư bản đã không tìm cách tiêu diệt nó, mà trái lại, trong nhiều lúc, ở nhiều nơi, vẫn dùng nó để phục vụ cho quyền lợi vị kỷ của giai cấp tư sản. Ngay cả quyền bình đẳng của phụ nữ vẫn đang lâm vào tình trạng tồi tệ nhất, đặc biệt là ở các lĩnh vực tiền công, việc làm, các quan hệ xã hội và các điều kiện sinh hoạt. Một tình trạng nữa là sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, nhất là các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại vốn là sản phẩm của văn minh - văn hóa thì không hiếm nơi đã được sử dụng chống lại văn hóa - văn minh vì mục đích thương mại. Người ta cũng lầm tưởng về lòng từ thiện của các chính quyền tư sản và giới chủ khi thấy đây đó ở họ có những hoạt động cải cách về mặt phúc lợi, nhưng kỳ thực đó là kết quả của những cuộc đấu tranh ngày càng có ý thức của giai cấp công nhân,thường là do các đảng cộng sản làm nòng cốt ; và nữa, đó chính là điều mà giai cấp tư sản bắt buộc phải làm để bảo vệ lợi ích lâu dài của họ.

Nếu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chủ nghĩa tư bản hiện đại luôn tìm đủ cách để điều chỉnh và thích nghi với những điều kiện mới nhằm vượt qua những cuộc khủng hoảng, tìm con đường phát triển, thì trong lĩnh vực chính trị cũng vậy. Bài học lịch sử từng cho thấy, vấn đề lớn nhất đối với các nhà nước tư sản là ngăn chặn được các cơn bão táp cách mạng thường phát sinh do sự bất mãn cao độ của giai cấp công nhân, hoặc tiếp theo những thời kỳ hỗn loạn của xã hội, mà trong đó giai cấp tư sản xâu xé lẫn nhau để bòn rút xương tủy của nhân dân lao động. Giai cấp tư sản đã và đang cố gắng xoa dịu mâu thuẫn cơ bản này bằng mọi thủ đoạn. Một khi quyền lợi vị kỷ của giai cấp tư sản bị đụng chạm thì kể cả chủ nghĩa tư bản nhà nước hay các mặt trận liên minh dưới các tên gọi khác nhau, cuối cùng, đều tan vỡ. Rõ ràng vấn đề không thể được giải quyết nếu như mâu thuẫn cơ bản ấy không được giải quyết.

Trong tình hình đó, chủ nghĩa tư bản cải lương lại xuất đầu lộ diện. Nhiều chính trị gia, học giả tư sản thường nêu ra chiêu bài xã hội sẽ biến đổi về cơ bản không phải bằng đấu tranh cách mạng mà bằng sự chuyển biến dần nhận thức và lòng trắc ẩn

Digitized by Google

của giai cấp tư sản ; số khác thì rêu rao về cái khả năng giải quyết những mâu thuẫn giữa tư bản và lao động nằm ngay trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ sản xuất. Nghĩa là, theo họ cần phải tiến hành "cuộc cải cách trí tuệ và đạo đức" ngay trước khi giành được chính quyền từ tay giai cấp tư sản. Tất cả chỉ là mỵ dân bởi trong tình hình hiện nay cái mà giai cấp tư sản đang làm là ra sức củng cố lực lượng, và sẵn sàng tiêu diệt bất cứ một sự phản kháng nào hay một ý đồ nào đụng tới sự tồn vong của chính quyền tư sản.

Người ta cũng đang cổ suý chế độ tam quyền phân lập và coi đây là một điều kiện để bảo đảm cho nền dân chủ chính trị, thậm chí để bảo đảm cho việc chính quyền tư sản biến dần thành chính quyền nhân dân trên cơ sở những yếu tố công lý của pháp luật và những yếu tố tự do dân chủ của nghị trường. Người ta cũng đang khuyếch trương về chế độ tam quyền phân lập gắn với chế độ đa đảng - vốn là sản phẩm của giai cấp tư sản - có tác dụng ngăn ngừa nó trở thành phát xít, độc tài. Nhưng thật là vô lý nếu chính quyền tư sản và chế độ đa đảng mà nó cho phép tồn tại lại đi ngược quyền lợi của giai cấp tư sản. Thực ra, như Phi-đen Ca-xtơ-rô nói, cái đa cực và cái phân cực mà họ cổ suý, khuyếch trương trên kia, cuối cùng cũng chỉ quy về cái đơn cực và cái độc tôn là quyền lợi của giai cấp tư sản mà thôi. Mỹ là một thí dụ điển hình.

Gần đây, người ta cũng bàn luận nhiều về một yếu tố trong nền chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển là chế độ xã hội dân chủ ở một số nước từng được coi là kiểu mẫu chính trị cho các nước tư bản. Đúng là không ai phủ nhận được một số thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội mà các nước này đạt được và một thời tạo ra cái ảo tưởng về một lối thoát cho chủ nghĩa tư bản là có thể thay đổi được hoàn toàn thực trạng mà không thay đổi thực chất. Nhưng hiện nay, tình hình đã không như người ta mong muốn. Những vấn đề cố hữu của chủ nghĩa tư bản một thời được khỏa lấp thì nay lại nổi lên. Thụy điển đang gặp vô vàn khó khăn và bế tắc do chính những ưu điểm từng được ngợi ca đó. Thụy sĩ cũng tương tự.

Cuối cùng, nếu quan sát một cách khách quan trên bình diện các mối *quan hệ quốc tế*, người ta không thể không thấy rõ số phận của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nói riêng và vận mệnh của chủ nghĩa tư bản nói chung. Chủ nghĩa tư bản không thể sử dụng mãi những biện pháp đàn áp, khai thác hay lợi dụng như trước đây đối với các nước thuộc thế giới thứ ba. Vị trí và quyền lợi của họ ở các nước thế giới thứ ba luôn bị thách thức và đe dọa. Những món nợ cũ liệu có mãi mãi là xích xiềng đối với các nước thế giới thứ ba, khi ngày càng có nhiều nước đòi xóa nợ, giảm nợ hoặc hoãn trả nợ vô thời hạn ? Và các nước thế giới thứ ba liệu có cam chịu mãi những cuộc trao đổi bất bình đẳng với các nước tư bản, trong khi họ không thiếu cơ hội có lợi trong trao đổi với các nước khác và giữa họ với nhau ? Điều này đã trực tiếp làm lung lay địa vị và chi phối số phận của chủ nghĩa tư bản.

Thậm chí, ngay sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu, liệu sự ổn định của chủ nghĩa tư bản có đủ sức chứng tỏ chủ nghĩa tư bản là con đường phát triển tối ưu của nhân loại không ? Không. Bởi vì, chủ nghĩa tư bản vẫn không thoát khỏi những khủng hoảng sâu sắc, và xét trên toàn cục, nó vẫn không thoát khỏi những căn bệnh "thâm căn cố đế" của nó, dù "mối đe dọa cộng sản" tưởng như đã nhẹ đi. Chủ nghĩa tư bản vẫn không nguôi khát vọng xâm phạm nền độc lập của các quốc gia, chà đạp quyền tự do của các dân tộc bằng đủ hình thức can thiệp vũ trang thô bạo hay âm mưu "diễn biến hòa bình" với những cuộc "chiến tranh nhung lụa", kích động và xô đẩy các nước vào cuộc chém giết đẫm máu ở khắp các châu lục. Và người ta cũng đang chứng thực khối mâu thuẫn ngày càng lớn và căng thẳng giữa các nước tư bản phát triển trong cuộc xâu xé, tranh giành vị trí hàng đầu trong "trật tự thế giới" hiện nay, mâu thuẫn đó đang trở thành một nguy cơ đe dọa không những chính số phận của họ, mà còn cả nhân loại. Đó là bằng chứng không gì chối bỏ được.

II - Logic tất yếu "sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời của bản thân chế độ tư sản" đến chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng, chủ nghĩa tư bản không phải đợi đến ngày nay, mà cách đây đúng 148 năm, "trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại" [4], như C. Mác viết trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, và "giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử"[5]. Ngày nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng đã đạt

(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t I, tr 547
(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t1, tr 543

Digitized by Google

được những thành tựu lớn về tin học, tự động hóa, công nghệ sinh học, vật liệu mới... Cùng với sự phát triển của khoa học quản lý, có thể nói những thành tựu ấy đã làm thay đổi lớn năng lực hoạt động sáng tạo của con người, đem lại năng suất lao động và thu nhập quốc dân rất cao ở các nước tư bản phát triển và các nước công nghiệp mới.

Nói như C. Mác, "sự vĩ đại" đó là một sự thật. Chúng ta ghi nhận một cách khách quan, tất cả những bước phát triển mới của nó với tư cách là những thành tựu của nền văn minh nhân loại đồng thời như là những điều kiện quốc tế đối với hoạt động của chúng ta.

Nhưng cũng không vì thế, mà chúng ta lại rơi vào ảo vọng như một số người đang ra sức cổ suý đến mức "tô son trát phấn" cho chủ nghĩa tư bản. Mặc dù, chủ nghĩa tư bản có không ít ưu điểm đặt trong tiến trình phát triển của xã hội loài người nhưng nó quyết không phải là chế độ cuối cùng tốt đẹp nhất mà loài người, hằng mơ ước. Dù cho có sự điều chỉnh, thay hình đổi dạng chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn không hề thay đổi bản chất, không thể giải quyết được mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất ngày càng cao với việc chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, vẫn không giải quyết được mâu thuẫn giữa tư bản và lao động. Chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục tìm mọi thủ đoạn bóc lột người lao động làm thuê và kiếm lợi nhuận bằng cách bòn rút giá trị thặng dư ngày càng khủng khiếp : từ 211% (năm 1950) tăng vọt lên 300% (năm 1990). Thế tương đối ổn định của nó hiện nay vẫn không đủ sức che lấp và xóa đi nguy cơ bị thay thế về vận mệnh lịch sử của nó ; cho dù, nó còn có tiềm năng phát triển song đó không phải là biện pháp đúng đắn cho sự phát triển của lịch sử loài người. Và cho dù, như ai đó nói rằng, đặc điểm của chủ nghĩa tư bản là sống bằng những thách thức của chính mình và bản chất của nó là thích nghi và chuyển hóa để không ngừng phát triển, thì những luận điểm ấy vẫn không đủ làm thay đổi thực tế là, chủ nghĩa tư bản không bao giờ và chưa bao giờ giải quyết được tận gốc những mâu thuẫn và những cuộc khủng hoảng của chính nó.

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ "lịch sử ngắn lại". Người ta đang nói nhiều đến việc học tập chủ nghĩa tư bản, thậm chí sau những kinh nghiệm phải trả giá đắt của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, người ta lại có lúc tin rằng có thể tìm thấy ở chủ nghĩa tư bản những lời giải đáp đầy đủ cho mọi vấn đề. Chẳng hạn mô hình xã hội Thụy điển, phương pháp quản lý Nhật bản, nền dân chủ Mỹ... thường được coi như những kiểu mẫu. Kinh nghiệm lịch sử đã sớm chỉ ra sai lầm của nhận thức lệch lạc một chiều đó. Đúng là cách quản lý kinh tế cũng như việc quản lý xã hội của chủ nghĩa tư bản có những điều đáng để học tập, nhưng trong quá trình học tập đó, không được quên những dữ kiện căn bản là, mục tiêu mà mỗi chế độ xã hội đặt ra ; cơ sở vật chất và tinh thần, những điều kiện về cơ cấu truyền thống của từng xã hội ; điều kiện mọi mặt được xác định trong từng giai đoạn lịch sử. Bàn về vấn đề này, nhà kinh tế học Nhật bản Nô-ru-si-ma đã viết trong tác phẩm nổi tiếng "Vì sao Nhật bản thành công" rằng : "Thành công của Nhật bản đem sang Anh sẽ không đạt được thành công như vậy. Ngược lại, thành công của Anh đem sang Nhật bản sẽ không đạt được thành công, vì một lý do đơn giản, người Nhật khác người Anh". Hẳn là, không hiểu được điều đơn giản ấy mà gần đây có người những toan bàn tới cái gọi là "khả năng tiến tới chủ nghĩa xã hội của bản thân chủ nghĩa tư bản" hay "những ước mơ của chủ nghĩa xã hội thì chính chủ nghĩa tư bản sẽ thực hiện" (!). Họ cần lưu ý rằng, những nguy cơ đối với chủ nghĩa tư bản không những vẫn đang còn đó, mà ngày một tiềm tàng và nặng nề hơn, nằm "ngoài vòng kiểm soát" của chính nó, trực tiếp phương hại đến đời sống nhân loại. Nói như cố Tổng thống Pháp, ông Ph. Mít-tơ-răng : "chủ nghĩa tư bản thuần nhất giống như một cánh rừng rậm. Hệ thống xã hội này luôn làm nảy sinh những bất bình đẳng mới. Tất cả điều đó sẽ dẫn đến cái gì ? (6).

Cuối cùng điều đó sẽ dẫn tới một câu hỏi : Với bản chất và tiền đồ của chủ nghĩa tư bản như vậy thì chính nó sẽ đi về đâu ? Câu trả lời không thể khác được là, chủ nghĩa xã hội. Điều ấy cũng tất yếu như là "sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời của bản thân chế độ tư sản" nằm trong dòng vận động của xã hội loài người, như C. Mác đã nói. Mà C. Mác lại không có ý định "nghĩ ra" điều đó. Vì, "trong tài liệu của C. Mác, người ta không thấy mảy

(6) Dẫn theo *Tạp chí Cộng sản* số 1 - 1994, tr 28

Digitized by Google

may một ý định nào nhằm đưa những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được. Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó" (7).

Chủ nghĩa tư bản hiện đại, trên thực tế, đã đạt được "sự vĩ đại" nhất định nào đó những nó lại không đủ sức vượt qua được những mâu thuẫn cơ bản trong quá trình phát triển, lại bị giới hạn bởi những ngưỡng không tránh được của sự khủng hoảng, nên tất yếu nó phải bị thay thế vì thuộc "tính tất yếu nhất thời" của chính nó. Dù thế nào chăng nữa, xét dưới góc độ văn hóa văn minh, nghĩa là góc độ của của nghĩa nhân đạo chân chính, chủ nghĩa tư bản, ngay trong sự phồn vinh về kinh tế của nó, đang đặt loài người trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc ; ngay trong sự điều chỉnh về chính trị, xã hội, nó đang đi ngược lại đòi hỏi của thời đại chúng ta - đó là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, đó là tạo ra các điều kiện cho sự phát triển toàn diện con người chứ không phải là tái sản xuất ra tư bản - điều mà chủ nghĩa tư bản đang cố sức làm. Nói gọn lại, những vấn đề toàn cầu ngày nay càng nhiều hơn, đang làm đau khổ loài người hơn, đòi hỏi tất yếu phải có một giải pháp tổng hợp có lợi cho toàn thể loài người, mà chủ nghĩa tư bản đang bất lực, thì rõ ràng, chủ nghĩa xã hội là tất yếu, bất kể con đường dù quanh co, khúc khuỷu như thế nào và đó là con đường dẫn tới một lịch sử công bằng.

Vì vậy, vận mệnh lịch sử của chủ nghĩa tư bản kết thúc sẽ phải tới hồi được định đoạt với sự mở ra một kỷ nguyên lịch sử mới của loài người - đó là chủ nghĩa xã hội - xét theo lôgic tất yếu trên cơ sở bản chất và tiền đồ của chính chủ nghĩa tư bản hiện nay. ❑

(7) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t33, tr 104

LUẬT PHÁP HÓA HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

PHẠM NGỌC PHONG *

Từ tháng 5 - 1990, Nhà nước ta đã ban hành hai pháp lệnh về ngân hàng nhằm đáp ứng đòi hỏi bức bách của sự nghiệp đổi mới nền kinh tế. Đây là hai văn bản đầu tiên ở nước ta "mang tính luật" khá toàn diện và tiến bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế, bao quát được những vấn đề cốt lõi về tổ chức và hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế thị trường mới được khơi dậy và phát triển ở nước ta. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới nền kinh tế, Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : "Sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh ngân hàng và nâng lên thành luật" (1).

Nhìn một cách tổng quát, thời gian qua chúng ta đạt được thành tựu bước đầu về thực hiện luật pháp hóa hoạt động ngân hàng, tập trung ở những điểm sau :

Một là, đã tạo lập được một hành lang pháp lý giúp cho việc chuyển đổi một cách vững chắc, có hệ thống từ hệ thống ngân hàng một cấp sang hệ thống ngân hàng hai cấp, với nhiều loại mô hình, nhiều thành phần sở hữu và kinh doanh đa dạng... theo kịp yêu cầu chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Hai là, đã xác định đúng vị thế của Ngân hàng nhà nước tức Ngân hàng trung ương - là một cơ cấu tương đối độc lập và chịu sự chỉ đạo của Chính phủ. Thống đốc Ngân hàng nhà nước là thành viên của Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ về kết quả hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt nam. Ngân hàng nhà nước đóng vai trò của một ngân hàng trung ương, làm nhiệm vụ hoạch định, tổ chức thực thi chính sách tiền tệ và quản lý vĩ mô trong toàn hệ thống ngân hàng, là ngân hàng của nhà nước và là ngân hàng của các ngân hàng.

* PGS, PTS kinh tế, Viện trưởng Viện khoa học ngân hàng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 238

Digitized by Google

Ba là, đã xác định rõ các ngân hàng thương mại là các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ. Các ngân hàng thương mại quốc doanh vừa phải hoạt động với tư cách là các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ của nhà nước, vừa bình đẳng với các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ khác, và phải thể hiện rõ định hướng xã hội chủ nghĩa trong hoạt động, giữ vị trí chủ đạo trong toàn hệ thống. Mặt khác, nó phải là chỗ dựa và là công cụ có hiệu lực trong tay nhà nước để thực thi các mục tiêu kinh tế của nhà nước như kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và góp phần thực hiện các chính sách xã hội như xóa đói giảm nghèo.

Bốn là, đã đổi mới một cách sâu sắc tư duy lý luận và thực hiện một bước luật pháp hóa hoạt động ngân hàng :

- Về mô hình tổ chức đã quy chế hóa chức năng, nhiệm vụ và vị trí của Ngân hàng nhà nước với các ngân hàng thương mại. Mối quan hệ giữa Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại được xử lý thông qua các cơ chế điều chỉnh theo nội dung của hai pháp lệnh ngân hàng.

- Phương thức quản lý của Ngân hàng nhà nước đối với các ngân hàng thương mại, từ chỗ Ngân hàng nhà nước can thiệp quá sâu vào các mặt hoạt động cụ thể của các ngân hàng thương mại, đã được thay thế bằng sự tác động qua cơ chế chính sách và các công cụ quản lý vĩ mô, theo những ràng buộc pháp lý trong hai pháp lệnh ngân hàng.

- Chính sách tiền tệ và các công cụ thực thi chính sách tiền tệ đã được thay đổi hoàn toàn cả về nhận thức và phương pháp điều hành không còn như cơ chế cũ. Nếu trước đây quản lý tiền mặt và kế hoạch hóa tiền mặt được coi là nhiệm vụ thường xuyên hàng đầu của Ngân hàng nhà nước, thì giờ đây, khái niệm quản lý tiền mặt không còn là "điểm nóng" của nền kinh tế. Tiền mặt chỉ là một trong những phương tiện thanh toán, xã hội cần nhiều hay ít. Thống đốc Ngân hàng nhà nước có thể xử lý thông qua các cơ chế nghiệp vụ và trong khuôn khổ của khối lượng tiền (cả tiền mặt và tiền chuyển khoản) được phép cung ứng. Có thể nói, bằng cơ chế điều hành khoa học và hợp lý, chúng ta đã xóa bỏ tình trạng khan hiếm tiền mặt làm ách tắc sản xuất - lưu thông mà một thời dường như vô phương cứu chữa.

- Hình thành và luật pháp hóa việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ như lãi suất, tỷ giá, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở...,

Năm là, trong cơ chế mới, muốn kinh doanh tiền tệ, các ngân hàng thương mại phải "đi vay để cho vay". Nguồn tiền phát hành không còn là nguồn vốn tín dụng như trước mà buộc các ngân hàng thương mại phải hướng ra thị trường để khai thác tối đa các nguồn vốn và mở rộng quy mô tín dụng. Ngân hàng nhà nước chỉ là người cho vay cuối cùng ; chấm dứt hiện tượng lạm phát qua tín dụng.

Sáu là, cùng với việc thiết kế và thực thi chính sách tiền tệ theo cơ chế thị trường, chúng ta đã chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp thiếu hụt của ngân sách nhà nước. Đây là một trong hai nguyên nhân dẫn đến nền kinh tế nước ta có lạm phát kéo dài trong nhiều thập kỷ qua, mà không được ràng buộc về mặt pháp lý.

Bảy là, việc thanh tra và kiểm soát của ngân hàng nhà nước đã được quy định rõ trong chính sách tiền tệ. Nó góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô và kiểm soát các ngân hàng thương mại, nhằm giúp các ngân hàng này hoạt động một cách lành mạnh đúng pháp luật, an toàn và có hiệu quả.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển hiện nay, về mặt luật pháp hóa hoạt động ngân hàng trong khuôn khổ của hai pháp lệnh ngân hàng, vẫn còn những mặt hạn chế, trong đó đáng lưu ý :

1 - Hai pháp lệnh ngân hàng chỉ mới thể hiện bước đầu việc luật pháp hóa về tổ chức và hoạt động của hệ thống ngân hàng, đáp ứng đòi hỏi trong giai đoạn mở đầu của công cuộc đổi mới nền kinh tế và ngân hàng nước ta. Những nội dung luật pháp hóa trong hai pháp lệnh chưa có hiệu lực pháp luật cao, chưa đủ tầm để điều chỉnh có hiệu quả một hệ thống ngân hàng đang phát triển theo hướng hiện đại.

2 - Hai pháp lệnh ngân hàng ra đời cách đây đã 5 năm, trong điều kiện "mặt bằng pháp lý" ở nước ta chưa đồng bộ, thiếu nhiều bộ luật quan trọng. Việc mở rộng quan hệ hợp tác và trao đổi kinh tế với bên ngoài với những nội dung được luật hóa trong hai pháp lệnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình mới do đó, hiệu lực của nó còn bị hạn chế.

3 - Thực tiễn đổi mới của nền kinh tế và đổi mới hoạt động ngân hàng trong những năm qua đã

Digitized by Google

có những bước đi xa hơn dự kiến, môi trường pháp lý được cải thiện nhiều (có một số bộ luật cơ bản đã được ban hành và đi vào cuộc sống). Do đó, một số quy định được luật pháp hóa trong hai pháp lệnh ngân hàng có nhiều nội dung cần bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với thực tế hoạt động tiền tệ - tín dụng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

4 - Tính không đồng bộ của những nội dung đã được luật pháp hóa trong hoạt động ngân hàng với những văn bản luật có liên quan khác ngày càng bộc lộ rõ, yêu cầu phải có sự điều chỉnh cần thiết.

Để khắc phục những mặt nhược điểm như đã nói ở trên, cần hoàn thiện việc luật pháp hóa hoạt động của hệ thống ngân hàng ở nước ta. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển đổi, có nhiều yếu tố không ổn định cho nên rất cần một hệ thống luật đồng bộ. Đây còn là đòi hỏi khách quan của một ngành có tính đặc thù, vì hoạt động ngân hàng có tính quốc tế cao và đang cần hội nhập nhanh với các chủ thể trong cộng đồng tài chính tiền tệ quốc tế. Việc hoàn thiện luật pháp về hoạt động ngân hàng ở nước ta theo tôi cần tập trung giải quyết một số nội dung sau :

Thứ nhất : Trong những năm tới, sự phát triển nền kinh tế nói chung và của hệ thống ngân hàng nói riêng sẽ mang nhiều nét đặc thù mới, khác biệt với những năm đầu của thập kỷ 90. Do vậy, luật pháp hóa hoạt động ngân hàng cần theo hướng hoàn thiện những nội dung đã được thực tiễn xác nhận là đúng. Tiếp tục nâng tầm pháp lý và hiệu lực pháp lý của nó bao gồm những nội dung đầy đủ hơn để thành Luật ngân hàng. Đương nhiên việc bổ sung những nội dung mới phải phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm tới, với mục tiêu là : *"Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia"*(2).

Thứ hai : Tiếp tục khẳng định và hoàn thiện những nội dung đã được luật pháp hóa, bảo đảm cho Ngân hàng trung ương có đầy đủ cơ sở pháp lý, hiệu lực điều hành trong hoạch định và tổ chức thực thi chính sách tiền tệ. Tạo mọi cơ sở và điều kiện pháp lý để Ngân hàng trung ương thực hiện tốt các chức năng cơ bản của mình trong điều hành chính sách tiền tệ theo tín hiệu của thị trường, kiềm chế lạm phát, ổn định giá trị đối nội và đối ngoại của đồng tiền, góp phần phục vụ tăng trưởng kinh tế. Thực hiện vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ - tín dụng và ngân hàng có hiệu lực cao. Thực hiện vai trò quản lý Ngân hàng nhà nước đối với các ngân hàng.

Thứ ba : Tiếp tục xây dựng hành lang pháp lý, xác định và luật pháp hóa những "khu vực cấm và không cấm" trong hoạt động của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, bảo đảm cho các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tín dụng này được quyền độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm tối đa trong hoạt động của mình trong khuôn khổ luật pháp và sự điều chỉnh của chính sách tiền tệ trong chính sách tài chính quốc gia. Thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra : "Cho phép các định chế tài chính kinh doanh đa dạng, phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo đúng pháp luật và các quy định quản lý của Ngân hàng nhà nước" (3).

Thứ tư : Việc hoàn thiện luật pháp về hoạt động ngân hàng trong giai đoạn này cần được thực hiện đồng thời với việc luật pháp hóa các lĩnh vực hoạt động khác trong nền kinh tế. Do vậy, chúng ta có điều kiện xem xét và kết hợp xử lý đồng bộ giữa một số nội dung Luật ngân hàng với những nội dung luật của các lĩnh vực khác ; trước hết là trong các lĩnh vực : ngân sách nhà nước, thuế, thương mại, hoạt động của các công ty, các doanh nghiệp, đầu tư nước ngoài tại Việt nam, tố tụng hình sự... Tính đồng bộ đó sẽ bảo đảm cho hoạt động ngân hàng thời gian tới được thực hiện một cách thuận lợi hơn.

Thứ năm : Chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần quán triệt quan điểm của Đảng là : "Tạo môi trường và điều kiện cho *sự cạnh tranh hợp pháp* và *sự hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng* giữa các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và với nước ngoài" (4). Luật ngân hàng ra đời sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các hình thức sở hữu khác nhau phát triển kinh doanh tiền tệ, bình đẳng trước pháp luật và cạnh tranh lành mạnh. Đồng thời, nó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ của nhà nước phát huy được vai trò chủ đạo trên thương trường, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 1996 - 2000 ở nước ta. ❑

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 172
(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 238
(4) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 24

Digitized by Google

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI, CHIA TÁCH MỘT SỐ TỈNH

NHẬT TÂN

TẠI kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX đã thông qua Nghị quyết về việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách 8 đơn vị hành chính cấp tỉnh thành 16 đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó có 1 thành phố trực thuộc trung ương. Đây không phải là lần đầu tiên chúng ta điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh, mà trước đó đã làm nhiều lần.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, cả nước ta có 72 đơn vị hành chính cấp tỉnh. Sau đó, Quốc hội khóa V đã nhiều đợt ra nghị quyết để sáp nhập tỉnh và đến năm 1978, các tỉnh của nước ta đã sáp nhập lại thành 38 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Nhưng, từ kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa V (12-1978) đến kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX (11-1996) vừa qua, Quốc hội đã có 6 lần thông qua nghị quyết điều chỉnh địa giới hành chính chia tách tỉnh. Cụ thể như sau :

Tháng 12 năm 1978, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa V đã thông qua Nghị quyết chia tỉnh Cao lạng thành hai tỉnh Lạng sơn và Cao bằng.

Tháng 5 năm 1979, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa V đã thông qua Nghị quyết thành lập Đặc khu Vũng tàu - Côn đảo.

Tháng 6 năm 1989, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VIII đã ra nghị quyết chia tỉnh Nghĩa bình thành hai tỉnh Quảng ngãi và Bình định ; chia tỉnh Bình trị thiên thành ba tỉnh Thừa thiên - Huế, Quảng trị và Quảng bình ; chia tỉnh Phú khánh thành hai tỉnh Phú yên và Khánh hòa. Số đơn vị hành chính cấp tỉnh trong toàn quốc năm 1989 là 44 tỉnh, thành, phố, đặc khu.

Đến kỳ họp thứ 9 (tháng 8 năm 1991), Quốc hội khóa VIII đã thông qua Nghị quyết chia tỉnh Nghệ Tĩnh thành hai tỉnh Nghệ an, Hà tĩnh ; chia tỉnh Hoàng liên sơn thành hai tỉnh Lào cai, Yên bái ; chia tỉnh Hà tuyên thành hai tỉnh Hà giang, Tuyên quang ; chia tỉnh Gia lai - Kon tum thành hai tỉnh Gia lai, Kon tum ; chia tỉnh Hà sơn bình thành hai tỉnh Hà tây, Hòa bình ; thành lập thêm tỉnh Bà rịa - Vũng tàu trên cơ sở sáp nhập 3 huyện của tỉnh Đồng nai với Đặc khu Vũng tàu - Côn đảo ; chuyển một số huyện ngoại thành Hà nội về các tỉnh Vĩnh phú, Hà tây (huyện Mê linh về tỉnh Vĩnh phú, các huyện Hoài đức, Đan phượng, Ba vì, Thạch thất, thị xã Sơn tây về tỉnh Hà tây).

Tháng 12 năm 1991, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII đã quyết nghị chia tỉnh Thuận hải thành hai tỉnh Ninh thuận, Bình thuận ; chia tỉnh Hậu giang thành hai tỉnh Cần thơ, Sóc trăng ; chia tỉnh Cửu long thành hai tỉnh Trà vinh, Vĩnh long ; chia tỉnh Hà nam ninh thành hai tỉnh Nam hà, Ninh bình.

Như vậy đến tháng 12 năm 1991, cả nước có 53 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Với lần điều chỉnh thứ sáu này, cả nước ta có 61 đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó có 4 thành phố trực thuộc trung ương.

Vậy nên hiểu vấn đề sáp nhập và chia tách tỉnh ra sao ?

Qua nghiên cứu và trao đổi ý kiến với một số chuyên gia và cơ quan chức năng của Chính phủ, chúng tôi thấy nổi lên mấy vấn đề như sau :

1- Việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh phải xuất phát từ yêu cầu khách quan và tùy thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể.

Ở bất cứ quốc gia nào cũng đều phải có sự phân định các đơn vị hành chính thành các cấp, trong đó có cấp tỉnh để điều hành, quản lý nhà nước. Việc quản lý nhà nước không chỉ nhằm điều hành thông suốt các mệnh lệnh hành chính từ trung ương đến cơ sở, mà còn nhằm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, toàn vẹn lãnh thổ, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và ổn định. Do đó, quy mô và số lượng cấp tỉnh của mỗi quốc gia sẽ khác nhau tùy

Digitized by Google

thuộc vào yêu cầu của mỗi chế độ kinh tế - xã hội. Ngay trong một quốc gia, ở mỗi một thời kỳ lịch sử cũng sẽ có những quy mô và số lượng cấp tỉnh tương ứng khác nhau, phù hợp với yêu cầu điều hành, quản lý của nhà nước. Trên thực tế, việc thay đổi quy mô, số lượng các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở nước ta đều do những yêu cầu khách quan bức xúc của tình hình. Chẳng hạn như việc lập ra các khu trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là do tình hình chiến sự đòi hỏi. Việc sáp nhập 72 đơn vị hành chính cấp tỉnh thành 38 đơn vị hành chính cấp tỉnh sau năm 1975 là nhằm giảm bớt một số đầu mối, phục vụ cho chủ trương lúc đó là xây dựng những đơn vị tỉnh lớn, đủ mạnh theo mô hình tỉnh công - nông nghiệp, bảo đảm vừa phát triển kinh tế - xã hội một cách mạnh mẽ, vừa quản lý hành chính có hiệu lực và làm tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Việc chia tách tỉnh các lần sau này, từ cuối những năm 80 đến nay là để giảm bớt quy mô của tỉnh nhằm đáp ứng một số yêu cầu mới bức thiết đặt ra vì mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp không còn phù hợp. Hơn nữa, việc sáp nhập thành các tỉnh quá lớn về quy mô trước đây đã bộc lộ rõ những khuyết điểm và nhược điểm, không phù hợp với yêu cầu khách quan và khả năng quản lý của ta.

2- Những luận cứ của việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh.

Điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh là một công việc mang tính xã hội hết sức phức tạp. Nó không chỉ liên quan đến lĩnh vực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương, hiệu quả quản lý của chính quyền, bảo vệ quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội... mà còn liên quan đến các yếu tố văn hóa, truyền thống lịch sử, tâm lý, phong tục tập quán sinh hoạt của nhân dân ở từng địa phương, từng cộng đồng dân cư, thậm chí ảnh hưởng đến cả từng gia đình, từng con người cụ thể. Vì vậy, khi điều chỉnh địa giới hành chính chia tách tỉnh, các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn đã đưa ra rất nhiều ý kiến làm cơ sở cân nhắc, xem xét. Phần lớn những ý kiến đều tập trung vào các căn cứ sau đây :

Thứ nhất, căn cứ vào điều kiện tự nhiên của đất nước, của địa phương, trong đó quan trọng hơn cả là điều kiện địa lý (bao gồm cả địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa, địa hành chính, địa quân sự...). Nếu trong một đơn vị địa giới hành chính cấp tỉnh mà có sự khác biệt nhau quá xa giữa các vùng về điều kiện địa lý thì không tránh khỏi những khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển chung của kinh tế, xã hội.

Thứ hai, căn cứ vào các điều kiện dân sinh kinh tế của đất nước và của địa phương. Việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh sẽ thuận lợi hơn và có kết quả hơn khi các đơn vị hành chính gắn với các đơn vị xây dựng và phát triển kinh tế. Trên thực tế, các đơn vị địa lý kinh tế thường xuyên biến động, thậm chí có biến động lớn, cho nên cần tránh trường hợp thiết kế một đơn vị địa lý hành chính lại bao gồm nhiều đơn vị địa lý kinh tế.

Thứ ba, căn cứ vào các yêu cầu về an ninh - quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội của đất nước, cũng như của mỗi địa bàn. Đối với nước ta, yêu cầu này có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc phân vạch địa giới hành chính, chia tách tỉnh của ta phải làm sao kết hợp được điều kiện tự nhiên với đặc điểm của vùng dân cư, tạo nên sức mạnh để có thể ứng phó nhanh nhạy được với thiên tai, địch họa trên địa bàn của mình, góp phần tốt nhất vào việc giữ gìn sự ổn định và an ninh cho Tổ quốc.

Thứ tư, căn cứ vào trình độ, tiến bộ khoa học - công nghệ của đất nước, của địa phương, đặc biệt là các lĩnh vực có liên quan chặt chẽ tới quản lý hành chính, quản lý nhà nước như giao thông, thông tin v.v..

Thứ năm, căn cứ vào truyền thống văn hóa, đặc điểm kinh tế - xã hội và tâm lý của nhân dân địa phương. Một đơn vị địa giới hành chính thuận lợi nếu trong đó có sự thuần nhất hoặc không khác biệt nhau lắm về truyền thống văn hóa, về kinh tế và tâm lý. Nên tránh thiết kế một mô hình địa giới hành chính nói chung, mô hình cấp tỉnh nói riêng bao gồm những vùng quá khác biệt nhau về truyền thống văn hóa, đặc điểm kinh tế, xã hội và tâm lý...

Digitized by Google

Khi tiến hành điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách tỉnh, cần vận dụng tốt cả 5 căn cứ nêu trên thì mới có thể bảo đảm được tính đúng đắn của nó. Muốn vậy, trong quá trình nghiên cứu lập dự án và hoàn thiện dự án cần phải có đầy đủ những tri thức nhiều mặt cả về lý luận và thực tế ở từng địa phương. Điều này đòi hỏi phải có sự đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều người, nhiều ngành. Giải quyết vấn đề này, hiến pháp và pháp luật của nước ta đã quy định: mọi đề xuất về phân định, điều chỉnh địa giới địa lý hành chính ở địa phương nào, đều phải được nhân dân ở địa phương ấy trao đổi, bàn bạc, được hội đồng nhân dân cấp đó thông qua bằng nghị quyết và có sự phê duyệt của hội đồng nhân dân cấp cao hơn. Đối với việc phân định, điều chỉnh địa giới cấp tỉnh thì các tổ chức chuyên môn càng phải điều tra, xem xét tỷ mỷ, làm sáng tỏ những căn cứ lý luận và thực tiễn của nó. Sau đó, phải được Quốc hội bàn bạc, phê duyệt, ra nghị quyết.

3- Thực tiễn chia tách tỉnh vừa qua và những điều cần lưu ý trong việc chia tách tỉnh lần này.

Thực tế cho thấy những lần chia tách tỉnh từ cuối những năm 80 trở lại đây đều được xem xét theo các luận cứ nêu trên, đã mang lại những kết quả tốt cho quá trình quản lý, điều hành của nhà nước và tạo điều kiện cho các tỉnh phát triển. Cụ thể là :

- Quy mô của từng tỉnh vừa phải, phù hợp với địa giới vốn có của nó, đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế, xã hội khá hơn, tạo được bầu không khí phấn khởi, đoàn kết, có nhiều nhân tố mới được nảy sinh trên mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội ở địa phương, cũng như trong công tác quản lý hành chính nhà nước.

- Mỗi tỉnh đã thể hiện được tính thuần nhất tương đối về tự nhiên, xã hội, tâm lý, truyền thống và lịch sử, do đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định phương hướng phát triển kinh tế, xã hội. Tiềm năng của mỗi địa phương được khai thác có hiệu quả hơn. Truyền thống tốt đẹp của địa phương được nhân lên rộng rãi hơn, góp phần vào việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, ổn định chính trị, giữ vững an ninh - quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội.

- Quy mô các tỉnh được chia vừa phải, phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ lãnh đạo tỉnh sát cơ sở, chỉ đạo công việc kịp thời ; hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

- Tỉnh lỵ của các tỉnh mới từng bước được xây dựng và trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật ; động viên được cán bộ và nhân dân trong tỉnh phấn khởi thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, những tỉnh mới chia tách không thể tránh được những khó khăn trong thời gian đầu do việc di chuyển địa điểm, ổn định trụ sở làm việc cho các cơ quan và ổn định nhà ở, việc làm cho gia đình cán bộ... Điều đó đòi hỏi phải có hỗ trợ của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và sự đóng góp của các ngành, của cán bộ và nhân dân địa phương. Mặt khác, trong tổ chức chỉ đạo thực hiện, còn có những nhược điểm về cách làm và bước đi, nhất là chưa chuẩn bị tốt công tác tư tưởng cho cán bộ và nhân dân. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy cán bộ có nơi làm chưa tốt, thậm chí có tình trạng cục bộ, mất đoàn kết.

Những vấn đề nêu trên cũng chính là những bài học rút ra để chỉ đạo việc chia tách tỉnh lần này.

Ngày 12-11-1996, Bộ chính trị đã ra chỉ thị về việc lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Quốc hội phân vạch địa giới một số tỉnh. Bộ chính trị yêu cầu cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các ban, ngành, đoàn thể liên quan triển khai gấp và làm tốt những việc sau đây :

Một là, Tập trung chỉ đạo tốt việc chia tách các đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được kỳ họp Quốc hội quyết định, bảo đảm tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước và các nguyên tắc của Đảng ; thực hiện gọn, không kéo dài. Phải làm tốt công tác tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ, kiên quyết chống mọi biểu hiện lệch lạc, cục bộ địa phương. Bảo đảm mọi hoạt động

Digitized by Google

bình thường của các địa phương trước, trong và sau chia tách tỉnh, nhất là các mặt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Bảo đảm cho các địa phương sau khi chia tách tỉnh có các điều kiện cơ bản để nhanh chóng ổn định hoạt động, phát huy thuận lợi mới, khắc phục khó khăn, vươn lên vững chắc với tốc độ cao hơn, góp phần cùng cả nước thực hiện tốt nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm tiết kiệm, sử dụng có hiệu quả tài sản và các nguồn kinh phí, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

Hai là, thực hiện việc phân vạch địa giới hành chính các tỉnh theo đúng Nghị quyết của kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX và các quy định của Chính phủ.

Về tổ chức bộ máy và cán bộ, việc phân chia và sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và bố trí cán bộ trong quá trình chia, tách tỉnh phải bảo đảm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định tập thể, theo đúng quy chế làm việc của cấp ủy và các quy định hiện hành về phân cấp quản lý cán bộ.

Phải làm tốt việc chuẩn bị để chỉ định cấp ủy và UBND lâm thời, làm cơ sở cho đại hội đại biểu tỉnh bầu ban chấp hành chính thức. Cần coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng... Việc chỉ định các cấp ủy cũng như các cán bộ chủ chốt của cấp ủy, ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân cần được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, tập thể, theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng luật pháp và Điều lệ Đảng.

Các cấp ủy phải lãnh đạo chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, nhằm ngăn ngừa lạm dụng điều động, đề bạt, bổ nhiệm, thuyên chuyển, nâng lương cho cán bộ trong thời gian sắp xếp tổ chức mới.

Ngày 15-11, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ra chỉ thị cho các bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc chính phủ và chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan làm tốt một loạt công việc có liên quan đến chia, tách tỉnh lần này.

Riêng về việc phân chia tài sản, chỉ thị của Thủ tướng nêu rõ :

Việc phân chia tài sản phải bảo đảm :

- Các tài sản phân chia đều được sử dụng và quản lý tốt, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh được phân chia.

- Phương án phân chia tài sản và ngân sách phải được bàn bạc tập thể, dân chủ, công khai.

- Phải chống tư tưởng đòi hỏi công bằng, hợp lý một cách máy móc chỉ vì lợi ích trước mắt và cục bộ dẫn đến việc sử dụng tài sản kém hiệu quả và lãng phí.

- Đề cao tinh thần nhường nhịn tương trợ, giúp đỡ những tỉnh có nhiều khó khăn, tạo điều kiện để tỉnh nào cũng có cơ hội phát triển.

Tài sản ở tỉnh cũ là tài sản của Nhà nước ở địa phương, do vậy việc phân chia tài sản phải bảo đảm theo đúng chính sách của Nhà nước, không được lợi dụng lúc phân chia để làm thất thoát tài sản ; chia cho cá nhân và có những tiêu cực làm ảnh hưởng đến sự đoàn kết, phấn khởi của nhân dân.

- Bộ trưởng tài chính có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể cho các tỉnh được chia làm tốt công tác phân chia tài sản và ngân sách.

Về kế hoạch và ngân sách năm 1997, Thủ tướng chỉ thị :

Các tỉnh được chia tách cần khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách của tỉnh mới và làm việc thống nhất với Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12-1996.

Thực hiện tốt Nghị quyết của Quốc hội lần này, chúng ta sẽ tiến thêm một bước ổn định dần địa giới hành chính cấp tỉnh nhằm mục đích quản lý tốt hơn các vùng lãnh thổ, dân cư để tất cả các tỉnh đều có điều kiện thuận lợi phát triển phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị hiện nay. ❑

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG HÓA KINH TẾ NÔNG THÔN CÁC TỈNH NAM BỘ - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

MAI TẾT *

I

PHÁT triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là phương hướng cơ bản xây dựng nền kinh tế ở nước ta theo quan điểm đổi mới của Đảng, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong xu hướng chung của sự phát triển, nền nông nghiệp nước ta cũng đang được tổ chức lại và phát triển trong một quá trình kép: vừa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ; vừa thị trường hóa kinh tế nông thôn.

Là một bộ phận hữu cơ của nền nông nghiệp cả nước, kinh tế nông nghiệp nông thôn các tỉnh Nam bộ cũng tuân theo những tính quy luật chung của sự phát triển từ kinh tế tự nhiên tự cấp, tự túc sang kinh tế hàng hóa ; từ sản xuất nhỏ lên sản xuất hàng hóa lớn và hiện đại, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Tuy nhiên nông nghiệp, nông thôn Nam bộ có những đặc điểm riêng về tự nhiên, lịch sử, xã hội và nhân văn, về điểm xuất phát khi cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Vì vậy, trong quá trình thị trường hóa kinh tế nông thôn, nó cũng mang theo những sắc thái riêng.

1 - Nông nghiệp Nam bộ bao gồm hai vùng kinh tế chiến lược : miền Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu long. Với tiềm năng lớn và đa dạng, nông nghiệp ở đây về cơ bản là một nền nông nghiệp thương phẩm. Sản phẩm làm ra không những bảo đảm vượt nhu cầu tiêu dùng của người sản xuất trong vùng mà còn đáp ứng cho nhu cầu cả nước ; và ở mức độ nhất định, phục vụ cả nhu cầu của thị trường khu vực và quốc tế. Tính chất xã hội hóa của sản phẩm đã thể hiện từ khá lâu. Trong thời kỳ bao cấp mặc dù có hạn chế mức độ phát triển của xã hội hóa sản phẩm và thực hiện theo những quan hệ cung ứng, giao nộp, nhưng Nam bộ vẫn là vùng sản xuất trọng điểm đáp ứng nhu cầu của cả nước và cho xuất khẩu. Ngay trong điều kiện đó, nông nghiệp Nam bộ cũng không phải là kinh tế tự cấp, tự túc hoàn toàn.

2 - Đây là vùng kinh tế mà trước đây sản xuất và lưu thông hàng hóa đã có mức độ phát triển nhất định : Trình độ cơ giới hóa khá hơn nhiều vùng khác, một số vùng chuyên canh đã hình thành, đã có mối liên hệ kinh tế rộng rãi với các trung tâm thành thị lớn, với thị trường cả nước và trên một số mặt đã có mối liên hệ kinh tế quốc tế từ trước lúc giải phóng. Sau giải phóng và khi ta xây dựng mô hình kinh tế theo cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, thì ở Nam bộ chưa bao giờ xóa bỏ hoặc hạn chế đến mức tối thiểu các quan hệ hàng hóa, tiền tệ. Cho đến lúc thực hiện đường lối đổi mới, khi cơ chế kinh tế cũ thay đổi và dần dần xóa bỏ thì ở nông thôn Nam bộ đã có kinh tế hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường. Vấn đề đặt ra là cần mở rộng, phát triển, đa dạng hóa các quan hệ thị trường và thực hiện sự định hướng

* PGS, Phân viện Chính trị quốc gia TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa cho nền kinh tế thị trường đó. Điều đó giải thích vì sao nông nghiệp, nông thôn Nam bộ chuyển khá nhanh sang kinh tế thị trường khi bắt đầu công cuộc đổi mới.

3 - Thời gian cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp chưa lâu, và cơ chế đó cũng chưa lấn át được cơ chế thị trường ; việc thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp theo mô hình cũ cũng mới diễn ra trong một thời gian không dài ; cơ chế đó tuy có gây ra những sự đảo lộn nhưng chưa tạo dấu ấn sâu sắc trong tâm lý và nếp sống của người nông dân Nam bộ. Vì vậy, khi chuyển sang cơ chế mới, người nông dân tiếp nhận một cách nhẹ nhàng. So với các vùng khác, nông nghiệp và nông thôn Nam bộ chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần diễn ra khá nhanh, vì thật ra nó là sự trở lại một hình thái cũ đã tồn tại nhưng với qui mô lớn hơn, với các quan hệ hàng hóa phong phú và đa dạng hơn, và với một định hướng mới : định hướng xã hội chủ nghĩa.

II

Cùng với việc phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, một loạt các nhân tố tăng trưởng và phát triển đã được tạo ra như giải quyết các quan hệ sở hữu, tổ chức lại các chủ thể kinh doanh lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đổi mới các chính sách kinh tế đối với nông nghiệp và nông thôn, nhất là chính sách thị trường, giá cả, tín dụng, đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng. Điều đó đã tạo nên một tổng hợp lực thúc đẩy sự phát triển tương đối nhanh và liên tục, mà những kết quả nổi bật là :

- Kinh tế nông nghiệp, nông thôn Nam bộ có sự tăng trưởng nhanh, liên tục và ổn định ; nhịp độ tăng trưởng của cả hai vùng đều cao hơn mức độ tăng trưởng của cả nước, bước đầu cải thiện đời sống nông dân và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cả nước.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đang chuyển đổi theo hướng từ nền nông nghiệp thuần nông, độc canh sang nền nông nghiệp đa canh, đa ngành, khai thác ưu thế hệ sinh thái từng vùng để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và nâng cao hiệu quả, gắn việc bảo đảm nhu cầu trong nước với việc nâng cao tỷ trọng xuất khẩu nông phẩm theo thế mạnh của từng vùng, tham gia ngày càng nhiều vào thị trường khu vực và thị trường thế giới.

- Các chủ thể sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đã được tổ chức lại theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Kinh tế hộ được khẳng định và ngày càng phát huy năng lực của nó. Kinh tế hợp tác về cơ bản đã chuyển từ mô hình cũ sang mô hình mới, nhiều hình thức hợp tác mới ra đời phong phú và đa dạng, đang phát triển phổ biến trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Kinh tế nhà nước đang được tổ chức lại, bắt đầu phát huy tác dụng ở nông thôn, nhất là khâu chế biến, chuyển giao công nghệ sinh học, tiêu thụ những sản phẩm chủ yếu.

- Thị trường nông thôn ngày càng phát triển, tuy chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, nhưng những quan hệ lớn về kinh tế đã được thực hiện theo cơ chế thị trường.

- Các cơ sở hạ tầng cho sản xuất và đời sống đang được xây dựng với nhịp độ nhanh hơn trước, nhất là giao thông vận tải, thủy lợi, truyền thông.

- Trên bình diện xã hội của nông thôn tuy còn nhiều mặt yếu kém nhưng cũng đã có nhiều thay đổi mà điểm mấu chốt là đời sống nông dân được cải thiện, một số phúc lợi xã hội khá hơn trước, cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo được triển khai có hiệu quả, một số tiêu cực xã hội được hạn chế.

Có thể nói rằng, sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn Nam bộ trong những năm qua là chưa từng có ; quan điểm sản xuất hàng hóa đã trở thành quan điểm chủ đạo của các chủ thể tham gia sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

Tuy nhiên, sự phát triển nông nghiệp trong thời kỳ mới của đất nước là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì nông nghiệp

Digitized by Google

các tỉnh hiện nay tuy đã thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc, đã có một số nhân tố của nền sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại, nhưng trình độ phổ biến vẫn đang là sản xuất hàng hóa nhỏ.

Tính chất sản xuất hàng hóa nhỏ thể hiện trên mấy mặt chủ yếu sau đây :

1 - Cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp chưa thoát khỏi tình trạng thuần nông, công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng còn nhỏ. Theo báo cáo của tỉnh ủy Tiền giang, cơ cấu hiện nay là :

	Năm 1994	*Năm 1995*
Khu vực I	65,07	63,29
Khu vực II	12,95	13,82
Khu vực III	21,18	22,89

Tỷ trọng khu vực I giảm 2,58% ; khu vực II tăng 0,87% ; khu vực III tăng 1,71. Đáng chú ý ở đây không chỉ khu vực I còn chiếm ưu thế lớn, mà mức độ chuyển dịch của cơ cấu diễn ra chậm, nhất là các tỉnh đồng bằng sông Cửu long.

2 - Quy mô tổ chức sản xuất còn nhỏ. Hiện nay chủ thể sản xuất trong nông nghiệp chủ yếu là hộ nông dân nhưng do kết quả của việc điều chỉnh ruộng đất trước đây theo lối bình quân, nên bình quân ruộng đất rất ít. Qua điều tra xã hội học ở ba xã thuộc huyện Cai lậy và hai xã thuộc huyện Gò công đông, mức sử dụng ruộng đất như sau :

	Cai lậy	*Gò công đông*
- Bình quân 1 hộ	0,52 ha	0,47 ha
- Dưới 0,5 ha/hộ	40,7% số hộ	57,89% số hộ
- Từ 0,5 ha/1 hộ	50,2% số hộ	27,82% số hộ
- Trên 1 ha/1 hộ	9,1% số hộ	14,29% số hộ

Như vậy, tuyệt đại bộ phận nông dân có mức ruộng đất sử dụng dưới 1 ha.

Hiện nay, sự biến động ruộng đất đang diễn ra theo hai xu hướng khác nhau :

- Tiếp tục phân tán ruộng đất, do áp lực dân số tăng lên và quá trình tách hộ do con cái lập gia đình.

- Tập trung hóa ruộng đất dưới tác động của cơ chế thị trường, xu hướng này diễn ra không mạnh do phân công lao động mới chưa mạnh mẽ nên người nông dân vẫn phải bám lấy miếng đất nhỏ bé của mình để mưu cầu cuộc sống và do sự giới hạn về mức hạn điền của luật ruộng đất.

Do đó nếu không có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn mạnh mẽ tạo ra địa bàn mới để sử dụng lao động, thì xu hướng phân tán ruộng đất sử dụng sẽ dẫn đến nguy cơ giảm tỷ suất hàng hóa trong các đơn vị kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp.

3 - Việc gắn nông - lâm - ngư nghiệp với công nghiệp chế biến còn ở mức độ thấp, một mặt do công nghiệp chế biến phát triển chậm, mặt khác do tính chất phân tán và tự phát của sản xuất nông nghiệp.

4 - Trình độ kỹ thuật chủ yếu còn là thủ công, tuy từng bước có cơ giới hóa một phần.

5 - Thị trường nông thôn tuy đã hình thành nhưng chưa đồng bộ và hoàn chỉnh. Những điều kiện vật chất - kỹ thuật cho sự vận động của thị trường còn hạn chế nhất là giao thông vận tải. Kinh tế nhà nước, nhất là doanh nghiệp thương mại đã buông lỏng thị trường nông thôn, chưa phát huy tác dụng trong việc gắn kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn.

Đó là chưa nói đến sự phát triển chậm về xã hội và văn hóa - hệ quả của một nông thôn trì trệ với nền sản xuất hàng hóa nhỏ là chủ yếu.

III

Hiện nay, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã nhấn mạnh trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

Vì vậy, việc phát triển kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp phải được đặt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có thể nói rằng, hiện nay và trong những năm tới, trong nông nghiệp và nông thôn nước ta đang và sẽ diễn ra hai quá trình đan xen vào nhau : quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và quá trình thị trường hóa kinh tế nông thôn.

Digitized by Google

Cho nên, nền sản xuất hàng hóa mà chúng ta đang xây dựng trong nông nghiệp phải là nền sản xuất hàng hóa lớn, hiện đại phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, để thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, theo tôi cần tập trung vào mấy giải pháp lớn sau đây :

1 - Đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển từ ưu tiên phát triển khu vực I sang phát triển một nền nông nghiệp tổng hợp, đưa tỷ trọng công nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ phát triển ngày càng lớn và chiếm tỷ trọng quan trọng trong GDP trong nông nghiệp.

2 - Xây dựng và phát triển các chủ thể sản xuất hàng hóa ở nông thôn, có tỷ suất hàng hóa, hiệu quả kinh tế cao. Về vấn đề này cần chú ý ba điều :

+ Thúc đẩy quá trình tập trung hóa ruộng đất trong một mức độ và giới hạn hợp lý gắn liền với phân công lao động mới ở nông thôn, giảm dần tỷ lệ lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp ; hình thành kinh tế trang trại với quy mô hợp lý, nhằm tạo ra các đơn vị sản xuất hàng hóa có tỷ suất hàng hóa cao.

+ Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác phong phú và đa dạng đối với kinh tế hộ nông dân, nhằm tạo ra sức sản xuất mới, sức sản xuất của lao động tập thể để nâng cao sản lượng, tỷ suất hàng hóa và hiệu quả kinh tế.

+ Tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, gắn doanh nghiệp nhà nước với kinh tế hộ, với các trang trại và kinh tế hợp tác để tạo ra những hệ thống sản xuất hiện đại.

3 - Đưa nhanh những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa VII) và Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ đã đề ra.

4 - Mở rộng quy mô xây dựng các cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hóa. Xây dựng các thị tứ thành những trung tâm thành thị nhỏ gắn với một vùng nông thôn, thông qua đó mà xây dựng mối liên kết giữa công nghiệp - nông nghiệp - thương mại dịch vụ ; gắn thành thị với nông thôn, nhất là đưa văn hóa về với nông thôn. Đây có thể là một mô hình của quá trình đô thị hóa ở một nước nông nghiệp.

5 - Xây dựng thị trường đồng bộ và hoàn chỉnh ở nông thôn, đặc biệt chú ý thị trường mua bán vật tư, tiêu thụ nông phẩm, thị trường vốn và hàng tiêu dùng cho nông dân. Cần phát triển các chủ thể tham gia thị trường nông thôn theo quan điểm kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ phải vươn lên làm chủ thị trường nông thôn, khắc phục tình trạng buông lỏng thị trường nông thôn như thời gian qua.

6 - Có những biện pháp tích cực để nâng cao trình độ dân trí của dân cư nông thôn bằng nhiều hình thức ; mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là vùng sâu, vùng căn cứ, giải quyết tích cực những vấn đề xã hội, khắc phục tình trạng chậm phát triển về mặt xã hội của nông thôn Nam bộ so với các vùng khác.

Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và thị trường hóa kinh tế nông thôn, mấu chốt là phải giải quyết bốn vấn đề lớn đang có sự cản trở phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Đó là :

- Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Vấn đề tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định với giá cả hợp lý và được Nhà nước bảo trợ đối với những sản phẩm chủ yếu.

- Vấn đề tiến bộ về khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và trên thế giới.

- Vấn đề nâng cao trình độ dân trí tương ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. ❑

Digitized by Google

MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở HẢI HƯNG

PHẠM THẮNG

Từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, nhất là sau khi giao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ xã viên, một số HTX chuyển nhanh sang hoạt động dịch vụ thì phát huy hiệu quả tốt, còn đa số HTX vẫn duy trì hoạt động theo kiểu cũ nên không phát huy được tác dụng đối với kinh tế hộ. Vào giữa năm 1994, theo thống kê của Ban quản lý HTX tỉnh Hải hưng, trong tổng số 505 HTX chỉ có khoảng 17% số HTX tổ chức dịch vụ được một hoặc một số khâu như giống, cung ứng vật tư, thủy nông, điện cho hộ xã viên ; số HTX còn lại hoạt động cầm chừng mang nặng tính chất hình thức, tình trạng nợ đọng rất lớn (bình quân nợ 91 triệu đồng/HTX, 52% HTX không còn vốn lưu động)... Trước tình hình đó, tỉnh ủy Hải hưng đã kịp thời ra Nghị quyết 21/TU (ngày 4-8-1994) về đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, đưa nông thôn từng bước tiến lên. Sau hai năm triển khai thực hiện đã thu được một số kết quả đáng khích lệ.

Một là, các HTX mới ra đời với nhiều hình thức, quy mô đa dạng, bảo đảm được các nguyên tắc cơ bản, chức năng nhiệm vụ được xác định rõ, các phương án kinh doanh dịch vụ được xây dựng cụ thể, sát thực tế. Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được 351 HTX nông nghiệp kiểu mới (dịch vụ tổng hợp và chuyên khâu) ; trong đó có 246 HTX quy mô xã, 106 HTX quy mô thôn và liên thôn. Xét về mức độ dịch vụ thì có 19 HTX chuyên 1 khâu, 91 HTX làm 2 khâu, 89 HTX làm 3 khâu, 70 HTX làm 4 khâu, 32 HTX làm 5 khâu và 40 HTX làm 6 khâu ; trong đó chủ yếu là khâu dịch vụ điện và dịch vụ thủy nông.

Hai là, các HTX mới đã hoạt động có hiệu quả rõ nét, tổ chức phân công lao động mới hợp lý, điều hành thực hiện phương án kinh doanh sát thực tế, tiết kiệm chi phí. Nhiều HTX hoạt động bảo toàn được vốn, tài sản ; công lao động của xã viên làm dịch vụ được trả thỏa đáng ; vốn góp cổ phần được sử dụng đúng mục đích, được bảo toàn và giá trị tăng lên.

Ba là, bộ máy quản lý các HTX nông nghiệp kiểu mới rất gọn nhẹ, phát huy được năng lực quản lý và tính tự chủ của tổ chức kinh tế HTX ; nâng cao trách nhiệm của cán bộ trong việc sử dụng vốn và điều hành các hoạt động dịch vụ có hiệu quả. Trong tổng số 341 HTX thì 34 HTX có 4 - 5 thành viên ban quản lý, số còn lại chỉ có từ 2 -3 thành viên. Lương của cán bộ quản lý HTX bình quân 200 ngàn đồng/tháng. HTX Thành công (Châu giang), Đại đồng (Mỹ văn), Toàn thắng (Gia lộc) đạt 300 ngàn đồng/tháng.

Bốn là, tài sản, vốn quỹ của các HTX mới được xử lý, giải quyết bảo đảm lợi ích của các hộ nông dân - xã viên ; có sự giám sát chặt chẽ của chính quyền. Nhiều HTX như Toàn thắng (Gia lộc), Ngọc liên (Cẩm bình), Tân tiến (Châu giang), An lưu (Kim môn)... đã tiến hành tu bổ, sửa chữa hệ thống thủy lợi, máy móc thiết bị và đầu tư mới hàng chục triệu đồng để hoàn chỉnh hệ thống kênh mương. Do vậy, nông dân và xã viên yên tâm, tin tưởng và tự nguyện tham gia vào HTX ngày càng nhiều. HTX dịch vụ thủy nông Đại đồng (Mỹ văn) lúc mới thành lập chỉ có 31 xã viên góp 72 cổ phần (mỗi cổ phần là 600 ngàn đồng), giá trị 43,2 triệu đồng ; sau một năm hoạt động, lãi cho mỗi cổ phần là 200 ngàn đồng đạt tỷ lệ lãi suất 2,8%/tháng. Do đó, đến nay HTX đã có thêm 17 xã viên mới với 42 cổ phần giá trị 47,8 triệu đồng, nâng tổng số tiền vốn của HTX lên 91 triệu đồng.

Như vậy, chỉ sau 2 năm thực hiện đổi mới, Hải hưng đã có 351 HTX đi vào hoạt động (70% số HTX toàn tỉnh) theo hai mô hình cơ bản : chuyên khâu và dịch vụ tổng hợp. Sau 4

Digitized by Google

vụ sản xuất, các HTX kiểu mới đã tỏ rõ ưu thế hơn hẳn so với các HTX trước đây. Đi sâu nghiên cứu quá trình này, chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới khác với HTX nông nghiệp kiểu cũ ở chỗ nào ?

- Quy mô HTX không căn cứ vào nhiều hay ít hộ tham gia, mà là do yêu cầu của sản xuất ngành nghề, khâu dịch vụ mà HTX đảm nhận. Do đó, xã viên HTX không nhất thiết phải là toàn dân như trước đây, mà chỉ cần số lượng vừa đủ theo yêu cầu của sản xuất, dịch vụ nhưng đối tượng phục vụ nhất thiết phải là toàn bộ số hộ nông dân trên địa bàn. Ở 10 HTX chuyên khâu có 13 753 hộ trên địa bàn, nhưng số xã viên chỉ có 3 078 người ; ở 173 HTX dịch vụ tổng hợp có 202 214 hộ trên địa bàn, nhưng chỉ có khoảng 35 861 hộ tham gia HTX.

- Các HTX kiểu mới ở Hải hưng có hai dạng : dịch vụ chuyên khâu và dịch vụ tổng hợp. Nhưng dù dạng nào thì hoạt động của các HTX đều hướng vào các khâu dịch vụ thủy nông và điện (338 HTX và 257 HTX) - Đây là những khâu thiết yếu của sản xuất và đời sống hộ nông dân ; mặt khác các hoạt động này đòi hỏi phải có vốn lớn, gắn liền với hệ thống công trình thủy nông và cơ sở vật chất chung ở địa phương, nếu tách riêng mỗi hộ nông dân không thể tự làm được. Việc lựa chọn mô hình HTX chuyên khâu hay dịch vụ tổng hợp là do yêu cầu thực tiễn sản xuất và năng lực cán bộ quyết định chứ không thể do ý muốn chủ quan áp đặt.

- Bộ máy quản lý HTX được tổ chức theo cơ cấu hội đồng quản trị hoặc ban quản lý điều hành. Bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ, những HTX nhỏ không nhất thiết phải có hội đồng quản trị. Điều tra ở 341 HTX mới thì có 1 031 cán bộ quản lý (bình quân 3 người/HTX) và chiếm 0,5% tổng số xã viên tham gia HTX. Có thể khẳng định bộ máy quản lý các HTX mới có cơ cấu hợp lý, cơ chế bầu cử dân chủ hơn, đã tuyển chọn được những cán bộ trưởng thành từ thực tế, có năng lực tổ chức điều hành và có góp vốn cổ phần. Chẳng hạn, chủ nhiệm HTX Đại đồng (Mỹ văn) có số vốn góp là 30 cổ phần (bằng 18 triệu đồng). Do có góp vốn nên chất lượng, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ được nâng cao hơn và xã viên yên tâm, tin tưởng hơn.

- Vốn của HTX mới được hình thành từ nguồn : vốn của HTX cũ chuyển sang (được UBND giao khoán để bảo toàn vốn) ; vốn trong quan hệ thanh toán và vốn góp cổ phần của xã viên. Việc huy động vốn góp bao nhiêu là do yêu cầu phát triển ngành nghề dịch vụ của mỗi HTX (theo quy định của nhiều HTX thì mức góp vốn của mỗi xã viên không quá 30% vốn điều lệ). Qua điều tra có 110 HTX có mức cổ phần là 50 ngàn đồng, 49 HTX có mức 100 ngàn đồng, 24 HTX có mức 200 ngàn đồng, 33 HTX có mức 300 ngàn đồng, 34 HTX có mức 500 ngàn đồng và 7 HTX có mức 600 ngàn đồng. Lãi do kết quả kinh doanh, dịch vụ của HTX được trích lập ba quỹ : tích lũy ; phúc lợi, khen thưởng ; dự phòng sản xuất và dành một tỷ lệ thích đáng để trả lợi tức cổ phần cho xã viên theo tỷ lệ vốn góp. Mức lợi tức này thường cao hơn lãi suất ngân hàng (chẳng hạn như HTX dịch vụ tổng hợp Toàn thắng (Gia lộc) trả lãi vốn góp là 2,5%/tháng).

- Xã viên của HTX mới là những công dân từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự, có sức lao động, thừa nhận điều lệ HTX và đặc biệt phải tự nguyện tham gia, góp cổ phần. Một xã viên có thể tham gia nhiều HTX, có quyền gia nhập hoặc xin ra HTX (nhưng phải được đại hội xã viên quyết định). Xã viên có thể tham gia các hoạt động dịch vụ mà HTX đảm nhận và được trả công theo mức độ công việc như các lao động không phải là xã viên. Như vậy, HTX mới sẽ căn cứ vào nhu cầu của các hoạt động dịch vụ để sử dụng lao động (ưu tiên xã viên) cho phù hợp chứ không nhất thiết phải sử dụng toàn bộ lao động xã viên. Chẳng hạn ở 10 HTX chuyên khâu có 3 078 xã viên, nhưng chỉ có 209 xã viên tham gia vào các hoạt động dịch vụ của HTX.

2 - Tập trung xử lý, giải quyết vốn - tài sản-nợ nần của các HTX nông nghiệp cũ.

Một trong những vấn đề tác động lớn đến quá trình chuyển HTX kiểu cũ sang HTX kiểu mới nhanh hay chậm là do việc xử lý, giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng như vốn, tài sản, những nợ nần của các HTX trước

Digitized by Google

đây để lại. Đây là vấn đề nan giải có nhiều khúc mắc ảnh hưởng đến tâm tư, nguyện vọng của xã viên, đến sự hình thành và hoạt động của các HTX mới. Tuy nhiên, xác định rõ và xử lý tốt vấn đề này thật không đơn giản và không phải nơi nào cũng làm được. Có thể nói, Hải hưng đã nhận thức đúng, tập trung sức giải quyết có kết quả những vấn đề này :

- Đối với tài sản cố định, tỉnh chủ trương tiến hành kiểm kê, đánh giá lại theo đúng tiêu chuẩn quy định (những tài sản có giá trị 500 000 đ và thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên). Sau khi tiến hành kiểm kê, phân loại và xác định nguồn gốc toàn bộ tài sản cố định theo mục đích sử dụng của các HTX là việc xử lý thỏa đáng dứt điểm theo hướng : những tài sản cố định không cần dùng, hư hỏng chờ thanh lý sẽ được thanh lý, nhượng bán theo phương thức đấu thầu) để thu hồi vốn, trang trải nợ nần ; những tài sản thực tế đang dùng cho sản xuất chung ở địa phương như trạm bơm, trạm điện, biến thế, mương máng... thì sau khi xác định giá trị còn lại và số năm còn sử dụng, chuyển giao cho UBND xã xử lý. Trong đó số tài sản sử dụng cho sản xuất kinh doanh thì UBND xã sẽ giao khoán cho HTX mới ; tài sản cố định dùng cho phúc lợi xã hội chung như trường học, nhà trẻ, mẫu giáo ... thì UBND xã trực tiếp quản lý và sử dụng cho mục đích dân sinh.

- Về vốn lưu động của HTX được tiến hành kiểm kê, đối chiếu cả về số lượng, chất lượng, giá trị từng loại, ở từng khâu : vật tư, hàng hóa, tiền mặt,... để làm cơ sở cho cân đối trả nợ chung của HTX.

- Tiến hành kiểm kê và giải quyết các khoản nợ trong thanh toán. Với các khoản phải thu thì tiến hành phân loại các đối tượng, xác định khả năng thu hồi để làm căn cứ cho cân đối chung và làm văn bản đề nghị cho khoanh nợ, treo nợ hoặc khẩn trương thu hồi bằng nhiều biện pháp, kể cả việc giữ lại một phần ruộng đất được giao theo quy định. Với các khoản phải trả thì căn cứ vào các hợp đồng kinh tế, khế ước nợ và kết quả thanh toán, tiến hành đối chiếu, xác nhận từng chủ nợ, thông qua hội nghị các chủ nợ để thực hiện ký kết thời hạn thanh toán với từng chủ nợ. Mặt khác, tích cực khai thác các nguồn thu để trả nợ. Số tiền không có khả năng thanh toán thì lập biên bản đề nghị khoanh nợ để chờ xử lý của cấp trên. Qua điều tra ở 341 HTX cho thấy, tổng giá trị tài sản cố định là 162 tỉ 855 triệu đồng, tài sản dùng cho phúc lợi xã hội bàn giao cho UBND xã là 12 tỉ 267 triệu đồng, bàn giao cho HTX mới là 120 tỉ 585 triệu đồng. Vốn lưu động của các HTX còn 7 tỉ 670 triệu đồng, nhưng do phải tiếp tục trả nợ và chi phí cho quá trình chuyển đổi nên thực chất 177 HTX không còn vốn lưu động để bàn giao. Tính chung các khoản nợ phải thu trong các hộ này vào thời điểm cuối năm 1994 đầu năm 1995 là 55 tỉ 784 triệu đồng. Đây là khoản xã viên nợ, tồn đọng từ nhiều năm, phần lớn ở các HTX trung bình và yếu kém. Việc đối chiếu, làm rõ nguyên nhân gặp nhiều khó khăn do sổ sách thất lạc, cán bộ thay đổi... Tỷ lệ thu nợ chỉ đạt 10 - 15% so với tổng số nợ phải thu. Tuy nhiên ở các HTX làm tốt công tác bảo quản sổ sách thống kê, qua đối chiếu xác nhận nợ, nông dân đã tự nguyện đăng ký trả nợ cho HTX (dứt điểm trong vòng 2 - 3 năm). Tổng hợp (theo biên bản khoanh nợ của ban chỉ đạo các xã) số nợ được khoanh, treo tức là nợ không có khả năng thanh toán là 20 tỉ 780 triệu đồng (chiếm 37,2% tổng số nợ). Tổng số nợ phải trả của tập thể các HTX là 21 tỉ 625 triệu đồng, trong đó nợ phải trả cho các đơn vị kinh tế nhà nước là 16 tỉ 95 triệu. Đây là khoản nợ rất ít có khả năng thanh toán vì có nhiều trường hợp rất khó xác định ai là người đứng ra khất nợ, thanh toán nợ nên phần lớn là lập biên bản cho khoanh lại.

Có thể thấy cùng với việc triển khai đồng bộ, có kế hoạch cụ thể, thực hiện từng bước vững chắc từ điểm đến diện, việc xác định rõ những nội dung cơ bản của HTX kiểu mới và giải quyết dứt điểm tình trạng nợ nần dây dưa kéo dài ở các HTX trước đây là những nguyên nhân cơ bản làm cho việc đổi mới tổ chức quản lý HTX nông nghiệp ở Hải hưng được tiến hành nhanh chóng và có hiệu quả.

Từ thực tế ở Hải hưng, để tiếp tục đẩy nhanh quá trình đổi mới HTX nông nghiệp trong thời gian tới, theo tôi cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau :

Digitized by Google

1 - Nhà nước cần sớm có chủ trương và biện pháp giải quyết dứt điểm các khoản nợ còn tồn đọng trong HTX nông nghiệp. Thực tế cho thấy các khoản nợ của HTX trước đây còn nhiều và chủ yếu là nợ các cơ quan kinh tế nhà nước. Hiện nay hầu hết các HTX là con nợ đã giải thể hoặc chấm dứt hoạt động, do đó các khoản nợ này không có chủ và cũng không thể chuyển giao cho tổ chức nào ở xã đứng ra gánh chịu. Nhà nước nên coi các khoản nợ của các HTX nông nghiệp cũng như các khoản nợ của các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, phải phá sản. Xuất phát từ đó, chúng tôi đề nghị nhà nước nên miễn giảm hoặc xóa nợ cho các HTX nông nghiệp, và coi đó như là chính sách hỗ trợ nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Đương nhiên, phải làm tốt việc kiểm kê, quyết toán đầy đủ các khoản phải thu, phải trả của hợp tác xã và chỉ nên xóa nợ với các khoản nợ (sau khi cân đối) không có khả năng thanh toán.

Với các khoản nợ còn tồn đọng trong của xã viên, thường rơi vào những hộ nông dân nghèo, làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất ngày càng tăng, nên càng khó có khả năng trả nợ. Thực tế ở nhiều HTX việc kiểm kê, phân loại, xác định rõ ràng các khoản nợ, chủ nợ đã là khó, nhưng việc thu hồi lại càng khó hơn. Bởi vậy, nhà nước cần có chính sách xóa nợ, giảm nợ cho các đối tượng hoàn toàn không có khả năng trả nợ, đặc biệt là các đối tượng chính sách ; số còn lại cần có biện pháp khuyến khích trả nợ và thu hồi dần vào ngân sách xã để xây dựng cơ sở phúc lợi xã hội. Có thể nghiên cứu cách xử lý nợ của xã Đại đồng (Mỹ văn) như sau : Xóa nợ cho các gia đình thương binh liệt sĩ, hộ nghèo không có khả năng trả nợ, hộ chuyển đi vùng kinh tế mới và người đã chết ; giảm 20% cho đối tượng là hộ nghèo. Định mức thu chia ba giai đoạn : nợ bằng thóc từ 1989 trở về trước thu 500 đ/kg ; từ 1989 đến 1993 thu 1000 đ/kg và từ 1994 thu theo giá nhà nước. Định mức nhóm nợ : từ 1 đến 300 kg thóc thu trong năm 1995, từ 301 đến 500 kg thu trong hai năm 1995 - 1996 và trên 500 kg thu trong 3 năm 1995 - 1997. Các khoản nợ thu được dành cho thôn 40%, người đi thu 10% và nộp cho xã (thu để thanh toán nợ nần) 50%.

2 - Nhà nước cần đổi mới và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn để tạo điều kiện cho hộ nông dân phát triển sản xuất, từ đó hỗ trợ sự hoạt động của các HTX dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Bởi lẽ, nếu không được hỗ trợ thì mọi chi phí các dịch vụ sẽ tăng cao (sẽ phân bổ theo đầu sào) người nông dân phải gánh chịu. Chẳng hạn như để khuyến khích nông dân làm vụ đông thì phải giảm giá nước tưới cho vụ đông ; giảm giá nước đầu nguồn, giá nước tiêu úng ; trợ cấp thiệt hại cho các HTX dịch vụ thủy nông khi thiên tai, bão lụt xảy ra. Về cung cấp điện cho nông nghiệp cũng cần có sự bóc tách rành mạch giữa giá điện dùng cho sản xuất và giá điện dùng cho tiêu dùng, có chính sách trợ giá cho các HTX (vì các HTX đều phải ứng trước tiền vật tư, chi phí phục vụ cho các hộ từ đầu vụ, đến cuối vụ mới thu hồi vốn, trong khi đó tiền điện lại phải trả theo tháng).

3 - Sự phát triển của các HTX kiểu mới ngày càng đa dạng và phong phú trong nông thôn, vai trò của chính quyền các cấp ngày càng quan trọng. Trước đây, một xã chỉ có 1 HTX nông nghiệp và vai trò quản lý của chính quyền xã với HTX nông nghiệp không rõ ; chẳng những thế HTX còn là nguồn bao cấp cho các hoạt động ở xã. Ngày nay, một xã sẽ có nhiều HTX, thậm chí có HTX không nằm trong phạm vi ranh giới của một xã ; HTX hoạt động theo cơ chế mới không còn là nguồn bao cấp nữa, và chính quyền xã phải quản lý nhiều tài sản, cơ sở vật chất hơn. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường sự quản lý của nhà nước về kinh tế trên địa bàn xã. Sự quản lý này bao gồm hai mặt : một là, hỗ trợ tạo điều kiện như giảm thuế, cấp đăng ký kinh doanh... và hai là, kiểm tra giám sát để các HTX hoạt động đúng định hướng, không gây khó khăn, chèn ép hộ nông dân. Rõ ràng, đây là một vấn đề lớn bao gồm cả đổi mới chức năng, nhiệm vụ, cơ chế cũng như con người, cần sớm được nghiên cứu và hoàn thiện. ❑

Digitized by Google

Bệnh viện 7 (Quân khu III) quyết giữ trọn chữ "tín", chữ "tâm" trong nghề nghiệp

DƯƠNG VŨ

GẦN nửa thế kỷ tồn tại, thử thách gay gắt nhất đối với Viện quân y 7 lại chính là thời kỳ 10 năm đổi mới của đất nước. Chiến tranh kết thúc, Viện quân y 7 nhận lệnh trên chuyển về thị xã Hải dương (tỉnh Hải hưng). Ở đây cơ sở điều trị bệnh nhân đã cũ nát ; toàn bộ trang bị y cụ được thu gom lại sau chiến tranh nay xuống cấp không còn bảo đảm các thông số kỹ thuật ; cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ chuyên môn vừa thiếu lại vừa yếu : Toàn bộ Viện chỉ có 35 bác sĩ (trong đó vẻn vẹn 40% có trình độ chuyên khoa cấp 1) ; một mảng trống khó bù đắp là lực lượng bác sĩ chuyên khoa có năng lực về gây mê hồi sức, tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt, ngoại chung, ngoại chấn thương và nhất là không có một bác sĩ khoa nội đầu đàn.

Vậy là kỹ thuật điều trị theo chức năng bệnh viện tuyến B bị thu hẹp lại. Về ngoại khoa chỉ còn khả năng khâu lỗ thủng dạ dày, cắt ruột thừa, bó bột gẫy xương đơn giản ; trong điều trị nội khoa chỉ nhờ vào kinh nghiệm chứ không có những xét nghiệm chẩn đoán chuyên khoa, xét nghiệm đặc hiệu. Bệnh viện không có người đủ khả năng mổ tăng nhãn áp, đục nhân mắt, tai xương chũm ; những ca xử lý răng số 8 mọc lệch, nhiều bác sĩ tỏ ra ngại ngần.

Trước tình hình trên, có người bi quan cho rằng con đường phát triển sắp tới của Viện 7 thật mờ mịt. Bên cạnh số đông cán bộ vẫn kiên trì bám trụ, thì có người vì lẽ này lẽ khác đã kiếm cớ ra đi, chuyển ngành hoặc chuyển vùng ; một số người giữ thái độ im lặng, chờ đợi ; cũng có người làm việc cầm chừng, lòng say mê khoa học, nhiệt tình đối với người bệnh phần nào bị chìm đi trong ưu tư và lo toan cá nhân.

Làm gì để thoát ra khỏi tình trạng này ? Nỗi trăn trở dằn vặt nhất vẫn là lực lượng lãnh đạo, đảng ủy và chỉ huy bệnh viện. Đã đành trước đây Viện 7 có bề dày truyền thống oanh liệt, đã cống hiến xứng đáng qua những năm tháng chiến tranh. Một khoa của bệnh viện đã vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang (năm 1973). Song giờ đây trước bối cảnh mới của tình hình, trước nhiệm vụ hết sức nặng nề của thời bình, bệnh viện tựa như một thực thể quá ốm yếu, đang cần thầy thuốc thật giỏi với bài thuốc thật hay. "Đơn thuốc" đầu tiên được mạnh dạn đưa ra là một bản luận chứng kinh tế - kỹ thuật cải tạo và xây dựng nâng cấp bệnh viện cho phù hợp với đòi hỏi mới, được trình lên Bộ tư lệnh Quân khu III và Bộ quốc phòng. Luận chứng đã được cấp trên ủng hộ và phê duyệt ngày 1 - 7 - 1989.

Bộ quốc phòng xác định : Viện quân y 7 là bệnh viện tuyến cuối của Quân khu III được xây dựng tại thị xã Hải dương (Hải hưng), bảo đảm đủ năng lực tiếp nhận và điều trị một lúc với 250 giường bệnh.

Như được tiếp thêm sức mạnh, lãnh đạo và cán bộ của Viện rất phấn khởi. Song thực ra đó mới chỉ là tiền đề vật chất còn nằm trên giấy, nỗi gian nan phức tạp vẫn đang phía trước. Sự hẫng hụt về chuyên môn và kỹ thuật của bệnh viện vẫn là bài toán chưa có lời giải. Để tương xứng với nhiệm vụ là một bệnh viện tuyến cuối của quân khu, lại có trách nhiệm điều trị thêm nhân dân trong vùng, đương nhiên phải có một đội ngũ cán bộ quản lý, một lực lượng chuyên môn đủ mạnh, cơ cấu hợp lý và đồng bộ ; các lớp kế tiếp nhau nhưng phải có mũi nhọn ; đội ngũ vừa đủ bảo đảm nhiệm vụ trước mắt vừa có nguồn dự trữ lâu dài. Cái cần nhất vẫn là năng lực chuyên môn và tay nghề vững. Công việc này phải có thời gian và một quy trình đào tạo, bồi dưỡng thật kiên trì và nghiêm ngặt. Phương án xây dựng cơ bản, nâng cao trang thiết bị phải đi liền với phương án củng cố và đào tạo đội ngũ.

Digitized by Google

Giờ đây, nhìn lại mấy chục năm đã qua, bài học củng cố và xây dựng đội ngũ vẫn là bài học quý giá nhất trong quá trình vươn lên của Viện quân y 7.

Điều đầu tiên là lãnh đạo phải tập trung tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho mọi cán bộ nhân viên bệnh viện, xác định rõ nhiệm vụ trung tâm, phương hướng cơ bản xây dựng bệnh viện. Trên cơ sở đó mỗi người thấy được vai trò, chức năng của bản thân trong toàn bộ guồng máy, tự đặt kế hoạch cho mình vươn lên tu dưỡng, học tập, phát triển tài năng.

Bệnh viện chủ động tạo nguồn cán bộ theo ba hướng cơ bản : 1) Ưu tiên sử dụng hết lực lượng hiện có, nhất là các đồng chí đã được tôi luyện, thử thách trong thực tế, đào tạo bồi dưỡng họ để đáp ứng kịp nhiệm vụ trước mắt ; chú ý sử dụng mặt mạnh của từng cán bộ, tạo điều kiện để họ phát triển hết khả năng của mình. 2) Đề xuất với cấp trên bổ sung thêm cán bộ đã được qua đào tạo chính quy ; 3) Sẵn sàng tiếp nhận những cán bộ có nguyện vọng chuyển vùng, có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu của Viện.

Công tác đào tạo cán bộ được tiến hành theo hai phương châm (khoa học và thực tiễn), hai hình thức (bổ túc và chính quy). Đặc biệt, Viện đã đề ra ba biện pháp, ba bước đi để xây dựng đội ngũ cán bộ.

Bước 1 : Tập huấn nâng cao, hội thao, hội thảo, tổng kết rút kinh nghiệm để bồi đắp năng lực, đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ (học để làm, làm để học, cần gì học nấy, thiết thực và hiệu quả).

Bước 2 : Bổ túc ngắn hạn, học phần, học chuyên khoa sơ bộ, học chuyên đề, học từng phần kỹ thuật.

Bước 3: Nâng cao, đào tạo cơ bản, chính quy tại các cơ sở khoa học (học viện, nhà trường) với nội dung toàn diện. Bước này, cán bộ tiếp cận với đề tài khoa học, trực tiếp tham gia các công trình nghiên cứu cấp bộ, cấp quốc gia (nhiều đồng chí đã làm khóa luận chuyên khoa hoặc luận án phó tiến sĩ).

Kinh phí học tập được huy động từ ba nguồn : ngân sách nhà nước, quỹ của Viện và một phần đóng góp của bản thân cán bộ. Phương thức này tạo thế chân kiềng vững chắc thúc đẩy sự tự giác của mỗi cá nhân, đồng thời thể hiện sự quan tâm chăm sóc của cấp trên và của Viện.

Trong học tập, nghiên cứu phong trào diễn ra vừa thầm lặng, vừa sôi động đáp ứng yêu cầu mới của nhiệm vụ và đã đem lại kết quả đáng khích lệ. Thấm thoắt mới 5 năm, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Viện đã dần dần đi vào nền nếp và ngày càng phát triển : 73% (trong tổng số 120 người) gồm bác sĩ, kỹ sư, dược sĩ đã có trình độ chuyên khoa từ sơ bộ, chuyên khoa sau đại học và trên đại học. Hiện tại đang có thêm 4 bác sĩ học cao học ; 15 bác sĩ học chuyên khoa cấp 1 ; 5 bác sĩ làm luận án phó tiến sĩ ; 3 bác sĩ chuẩn bị bổ túc chuyên khoa cấp 2 ; 2 bác sĩ học đại học ngoại ngữ ; 2 sĩ quan học đại học tài chính và pháp lý (hệ tại chức)...

Một loạt chuyên khoa như : tai mũi họng, răng, mặt, gây mê hồi sức, tâm thần kinh, dược có 100% cán bộ đã phổ cập chuyên khoa cấp 1.

Theo kế hoạch, hết năm 1996, trên 90% bác sĩ điều trị của Viện có trình độ chuyên khoa cấp 1 ; bổ sung 6 phó tiến sĩ, 5 thạc sĩ, 8 bác sĩ chuyên khoa cấp 2.

Tất cả y sĩ hành chính, y tá trưởng các khoa đều được đào tạo lại thành các điều dưỡng trưởng của bệnh viện, điều dưỡng trưởng các khoa theo chương trình SIDA Thụy điển.

Do thực hiện tốt các khâu đào tạo cán bộ, xây dựng cơ bản, phát triển kỹ thuật, qua 5 năm phấn đấu Viện quân y 7 đã đẩy nhanh nhịp độ hoạt động chuyên môn, tăng cường độ và nâng cao một bước chất lượng điều trị. Viện đã khám 158 714 bệnh nhân (gấp 1,7 lần thời kỳ 1985 - 1989) ; nhận và điều trị 45 279 ca (gấp 1,2 lần thời kỳ 1985 - 1989), cấp cứu 7 907 ca, phẫu thuật 31 031 trường hợp, trong đó có 4 469 ca mổ lớn.

Bệnh viện liên tục đạt tỷ lệ sử dụng giường bệnh trên 110%.

Viện quân y 7 luôn làm tốt chức năng công tác tuyến : đều đặn hằng năm tổ công tác đã tới các đơn vị và địa phương vùng xa, vùng sâu, biên giới, hải đảo khám và chữa bệnh chuyên khoa cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ; duy trì hoạt động của tổ quân y (40 bác sĩ) thay phiên

Digitized by Google

nhau trực các đảo Đông bắc, Trường sa, kết hợp tốt công tác tuyến với chương trình y tế quốc gia số 12.

Một mảng lớn không thể bỏ qua là Viện đảm nhiệm làm dịch vụ y tế cho nhân dân trong vùng, thu một phần viện phí. Nguyên tắc của Viện là làm dịch vụ cho dân nhưng không ảnh hưởng đến công tác trung tâm, phục vụ cán bộ chiến sĩ và các đối tượng chính sách. Trong cơ chế thị trường, Viện quân y 7 quyết tâm giữ chọn chữ "tín" và chữ "tâm", nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Mọi người xác định việc chữa bệnh đòi hỏi tính tập thể cao. Ở đây không có đặc quyền, đặc lợi. Toàn bộ nguồn thu của Viện được tập trung về một mối. Hội đồng quân nhân thông qua phương án phân phối, chi tiêu, Giám đốc bệnh viện còn là người chịu trách nhiệm quyết định cả việc thu chi một cách dân chủ, công khai và nghiêm túc.

Những năm qua, do làm tốt khâu này nên bệnh viện đã giữ vững mối đoàn kết, bảo đảm chế độ bệnh viện, không xảy ra sự cố đáng tiếc trong điều trị. Viện giữ đúng phương châm xử lý : người bệnh chỉ nộp tiền một cửa ; nghiêm cấm việc mách bảo, gây sức ép mua bán thuốc trong khoa lâm sàng ; bệnh hiểm nghèo cấp cứu ngay không đòi thanh toán... Phương châm đó đã tạo ra nền nếp quản lý và góp phần nâng cao y đức của người thầy thuốc đối với nhân dân.

Dịch vụ y tế đã tạo khả năng chi trả trên nhiều lĩnh vực, nhiều mặt hoạt động của Viện : Bốn năm làm dịch vụ, bệnh viện đã chi thêm 332 triệu đồng mua thuốc, mua phim X quang phục vụ nhiều đối tượng chính sách ; trợ thêm 77 triệu đồng để sửa chữa doanh trại ; 21 triệu đồng cho huấn luyện chuyên môn ; 11 triệu đồng ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt thiên tai ; cấp sổ tình nghĩa khám bệnh không mất tiền cho 23 chiến sĩ tù Côn đảo trở về, cho 20 thương binh và thân nhân liệt sĩ có hoàn cảnh đặc biệt.

Hằng năm, Viện đã chữa bệnh miễn phí cho hàng chục trường hợp không có khả năng thanh toán.

Dịch vụ y tế nâng cao tay nghề rõ rệt cho đội ngũ cán bộ của Viện. Chính việc chữa chạy cho bệnh nhân bên ngoài với đủ mọi lứa tuổi, mọi thành phần, mọi giới, bệnh tật đa dạng, nhiều cấp độ đã giúp thêm cho Viện ngày càng phát triển kỹ thuật điều trị mới như chữa u xơ tiền liệt tuyến, u xơ tử cung, chửa ngoài tử cung, u xơ vòm họng, phẫu thuật nụ cười v.v..

Điều quan trọng hơn, dịch vụ y tế đã thắt chặt thêm tình quân dân. Uy tín và ảnh hưởng của bệnh viện được nhân dân ghi nhận và sự đóng góp đó đã được bù đắp xứng đáng. Năm 1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải hưng nhất trí cao, chấp thuận đề nghị của Bộ quốc phòng cho Viện quân y 7 được chuyển đổi mục đích sử dụng 235 suất đất cho cán bộ nhân viên làm nhà ở. Đến nay 4 khu nhà tập thể lụp xụp, chật chội trước đây đã thành những dãy nhà khang trang, cải thiện một cách đáng kể đời sống các gia đình cán bộ và nhân viên của Viện, đồng thời góp thêm vẻ đẹp cho gương mặt thị xã Hải dương.

Mười năm đổi mới đất nước cũng là 10 năm vật lộn để trưởng thành của Viện quân y 7. Bài học thiết thân và sâu sắc nhất đối với Viện là đã khéo kết hợp nhiều mục tiêu : Tăng cường đầu tư cho xây dựng cơ bản ; thay thế, cải tiến, nâng cao từng bước các phương tiện kỹ thuật hiện đại. Bệnh viện đã bố trí đủ nhà điều trị các khoa ngoại chấn thương, ngoại chung, nội tiêu hóa, nội tim mạch, nội cán bộ, nội y học dân tộc, y học phục hồi. Giường bệnh các khoa đã được nâng cấp một bước. Trang bị kỹ thuật và y cụ được tăng cường đáng kể : máy siêu âm, máy nội soi xợi mềm, các máy xét nghiệm sinh hóa, khí máu, xét nghiệm yếu tố đông máu nửa tự động và tự động ; máy hô hấp nhân tạo, máy theo dõi nhịp tim, máy điện tim 3 cần ; một trung tâm huyết học truyền máu có khả năng đáp ứng các yêu cầu về máu và thành phần của máu cho cả vùng. Song mục tiêu cơ bản nhất, đạt hiệu quả cao nhất vẫn là quá trình tập trung đầu tư cho con người, không ngừng bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ (kể cả cán bộ lãnh đạo), duy trì và phát triển công tác nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực, từ nhiều cấp độ nhằm mục đích nâng cao chất lượng điều trị, giữ chọn chữ "tín" và chữ "tâm" trong sáng với người bệnh.

(Xem tiếp trang 13)

Digitized by Google

GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHỮNG CÁCH BIỆT CHƯA DỄ LẤP ĐẦY

VÕ ĐĂNG THIÊN

TRONG những thành tựu to lớn của đất nước sau 10 năm đổi mới có sự đóng góp không nhỏ của giáo dục trên mọi lĩnh vực. Ngày nay, khi giáo dục đã được xác định là "quốc sách hàng đầu", là "chìa khóa mở cửa tiến vào tương lai" thì mỗi bước đi, mỗi thành bại của giáo dục có ảnh hưởng vừa trực tiếp, vừa sâu xa đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, sự phát triển của giáo dục cũng gắn liền với những đổi mới kinh tế - xã hội, chịu sự chi phối của những đổi mới đó.

Mười năm qua, cùng với những đổi thay lớn lao đang diễn ra trong xã hội, công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục cũng đã thu được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, quá trình phát triển giáo dục cũng đang bộc lộ những vấn đề nan giải, cần có sự quan tâm giải quyết từ cấp vĩ mô. Nổi bật trong số những vấn đề đó là *sự cách biệt, hay nói cách khác là sự phân hóa, tạo nên những bất bình đẳng sâu sắc trong giáo dục.*

1 - Sự cách biệt theo vùng lãnh thổ

Những thành tựu rất đáng ghi nhận của giáo dục tiếc thay lại không thể chia đều cho mọi người dân ở các địa bàn cư trú khác nhau. Theo số liệu của Tổng cục thống kê trong cuộc điều tra nhân khẩu học giữa kỳ 1994, khi so sánh 7 vùng địa lý gồm miền núi trung du Bắc bộ (MNTD), đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), khu Bốn cũ, duyên hải miền Trung, Tây nguyên, Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL), thì các khu vực : MNTD Bắc bộ, Tây nguyên và ĐBSCL luôn đứng ở vị trí "đội sổ" về các chỉ tiêu giáo dục. Trong khi đó, ĐBSH với thủ đô Hà nội là trung tâm luôn đứng ở vị trí đầu bảng. Xin xem biểu 1 :

Biểu 1 : *Tỷ lệ trẻ em 10 - 14 tuổi đang đi học và chưa bao giờ đi học, chia theo vùng cư trú.*

Vùng	Đang đi học (%)	Chưa bao giờ đi học (%)
MNTD Bắc bộ	77	11,3
ĐB sông Hồng	87	0,5
Khu Bốn cũ	83	4,2
DH miền Trung	84	2,3
Tây nguyên	76	15,8
Đông Nam bộ	84	1,8
ĐBSCL	76	5,7
Tổng số	81	5

Ở một số chỉ tiêu khác như tỷ lệ đã tốt nghiệp tiểu học ở độ tuổi từ 15 - 24, tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) tuổi từ 16 - 24 và tỷ lệ đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) tuổi từ 19 - 23, ta cũng thấy sự chênh lệch giữa các vùng ; trong đó, MNTD Bắc bộ, Tây nguyên và ĐBSCL tiếp tục đứng ở những vị trí thấp nhất. Ở ĐBSCL hiện có hơn nửa triệu người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 35, chiếm 1/3 tổng số người mù chữ trong cả nước.

Từ một góc nhìn khác, phân tích hai địa bàn cư trú : nông thôn và thành thị, ta thấy những cách biệt về giáo dục đang ngày càng trở nên sâu sắc.

Biểu 2 : *Các chỉ tiêu chọn lọc về giáo dục của trẻ em chia theo nơi cư trú.*

Nơi cư trú	% đang đi học (chia theo độ tuổi)			% tốt nghiệp tiểu học	% tốt nghiệp THCS	% tốt nghiệp THPT
	10 - 14	15 - 19	20 - 24	15-24	16-24	19-24
Thành thị	92	42	8	92	86	46
Nông thôn	79	22	2	76	65	15

Digitized by Google

Sự cách biệt về giáo dục giữa nông thôn và thành thị hiện rõ qua biểu trên. Một điều đáng nói là sự cách biệt đó tăng lên theo cấp học. Nếu tỷ lệ trẻ em thành thị tốt nghiệp tiểu học chỉ cao hơn 20%.so với tỷ lệ tương ứng của trẻ em nông thôn, thì tỷ lệ trẻ em thành thị đã tốt nghiệp THPT cao gấp hơn 3 lần so với tỷ lệ trẻ em nông thôn tốt nghiệp cùng cấp. Cũng như vậy, nếu tỷ lệ trẻ em 10 - 14 tuổi ở thành thị chưa bao giờ đến trường ở tất cả các khu vực đều không vượt quá con số vài phần trăm thì tỷ lệ này ở nông thôn MNTD Bắc bộ là 14,2% ; Tây nguyên : 20,1% ; ĐBSCL : 6,4%. Theo một số tài liệu khác của Ban khoa giáo trung ương và Ủy ban quốc gia chống mù chữ thì ở ĐBSCL năm học 1994 - 1995 có đến trên 450 nghìn trẻ em trong độ tuổi 6 - 14 thất học (chiếm hơn 20% tổng số trẻ em trong độ tuổi). Có một số tỉnh, tỷ lệ trên còn cao đến mức "cấp báo" như An giang 43% (129 000 em), Kiên giang 29% (75 700 em). Ở một vài chỉ tiêu khác như độ tuổi đến trường, tỷ lệ lưu ban, bỏ học, các số liệu điều tra ở nông thôn đều cao gấp nhiều lần so với thành thị. Chẳng hạn, lấy huyện Hồng ngự (tỉnh Đồng tháp) làm ví dụ : trong số 5 281 trẻ em sinh năm 1981, đến năm 1995 (14 tuổi) mới chỉ có 1 412 em tốt nghiệp tiểu học (chiếm 26,73%).

Những bất bình đẳng về giáo dục trên đây không đơn giản chỉ là những cách biệt về địa lý, mà ẩn chứa đằng sau chúng là những vấn đề kinh tế - xã hội phức tạp.

2 - Những cách biệt về kinh tế - xã hội (KT - XH)

Sự khác biệt đáng kể về trình độ học vấn giữa các nhóm dân số có những đặc điểm KT - XH khác nhau là tình trạng phổ biến ở hầu khắp các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên tùy tình hình của mỗi nước mà sự khác biệt đó có trở thành hố sâu ngăn cách hay không. Ở Việt nam, cùng với việc áp dụng một nền kinh tế thị trường là những đổi thay, phân hóa sâu sắc trong xã hội, trong đó có giáo dục.

Một trong những nhân tố KT - XH có tác động sâu sắc đến giáo dục là thu nhập của các hộ gia đình. Sự chênh lệch giàu nghèo kéo theo sự chênh lệch về giáo dục. Nếu phân chia chỉ số giàu nghèo dựa trên tài sản hiện có và thu nhập của các hộ gia đình từ 0 đến 12 (nghèo nhất đến giàu nhất) ta có các chỉ số tương ứng về giáo dục như sau :

Biểu 3 : *Các chỉ tiêu chọn lọc về giáo dục trẻ em chia theo mức độ giàu có của hộ gia đình.*

Chỉ số giàu nghèo	% đang đi học (chia theo độ tuổi)			% tốt nghiệp tiểu học	% tốt nghiệp THCS	% tốt nghiệp THPT
	10 - 14	15 - 19	20 - 24	15-24	16-24	19-24
0 - 2	66	12	0	48	35	3
3 - 5	82	24	2	82	72	17
6 - 8	92	35	4	94	88	35
9 - 12	96	54	13	97	93	58

Có thể thấy rằng, các chỉ số giàu nghèo của hộ gia đình liên quan trực tiếp đến sự khác biệt về tất cả các chỉ tiêu giáo dục trẻ em, và cấp giáo dục càng cao thì sự khác biệt này càng lớn. Nếu tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đối với những trẻ em thuộc các hộ gia đình có chỉ số cao nhất (9 - 12) chỉ cao gấp 2 lần so với trẻ em thuộc hộ gia đình có chỉ số thấp nhất (0 - 2), thì ở THPT, sự chênh lệch này là 19 lần (58% so với 3%). Như vậy hiện tượng trẻ em bỏ học sớm chủ yếu chỉ xảy ra ở các gia đình nghèo khó và chỉ có các gia đình hạng trung lưu trở lên (chỉ số giàu nghèo trên 6) thì mới có điều kiện cho con em học lên đến cao đẳng, đại học.

Một nhân tố xã hội khác cũng tác động không nhỏ đến các chỉ tiêu học tập của trẻ em là nghề nghiệp và học vấn của bố mẹ. Dễ nhận thấy, trẻ em sinh ra trong các gia đình có bố mẹ là cán bộ viên chức nhà nước, học vấn cao sẽ có các chỉ tiêu giáo dục cao nhất, còn các chỉ tiêu thấp nhất thuộc về con em các gia đình nông dân có bố mẹ làm nghề nông. Chẳng hạn, nếu tỷ lệ học sinh đang đi học tuổi từ 20 đến 24 có mẹ là viên chức là 26%, thì tỷ lệ tương ứng của đối tượng có mẹ làm nghề nông là 1%. Ở đối tượng đã tốt nghiệp THPT tuổi từ 19 đến 24 tương quan so sánh hai nhóm nêu trên là 74% trên 13%.

Digitized by Google

Ngoài ra, các nhà nghiên cứu cũng quan tâm đến một nhân tố có khả năng chi phối các chỉ tiêu học tập của trẻ em là quy mô hộ gia đình. Các kết quả điều tra cũng khẳng định một quan điểm lâu nay vẫn được tuyên truyền trong các chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình : trẻ em trong các gia đình ít con có điều kiện thuận lợi để học cao hơn các gia đình đông con.

3 - Có hay không, bất công trong giáo dục ?

Câu hỏi này hiện đang nổi lên nhức nhối, không chỉ trong giáo dục mà trong mọi sinh hoạt xã hội. Sử dụng cơ chế thị trường trong phát triển KT - XH, bên cạnh những mặt tích cực cơ bản của nó, ta cần thấy rõ những mặt trái khó tránh khỏi : đó là sự cách biệt về thu nhập giữa các nhóm dân cư (phân hóa giàu nghèo), là tình trạng phát triển không đều giữa các vùng, miền trong cả nước. Tuy nhiên, không phải mọi sự cách biệt đều là bất công xã hội.

Ngày nay, khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, vai trò, vị trí của giáo dục cũng đang được quan niệm đầy đủ hơn thì cũng cần có cách nhìn, cách hiểu mới đối với giáo dục cũng như công bằng xã hội trong giáo dục. Nếu trước đây, giáo dục có khi được quan niệm như một thứ phúc lợi xã hội và nhà nước có trách nhiệm bao cấp hoàn toàn từ bậc thấp đến bậc cao nhất để bảo đảm một sự bình đẳng tương đối thì trong cơ chế mới, giáo dục bộc lộ ba thuộc tính. *Thứ nhất*, giáo dục là một trong những nhu cầu cơ bản của con người (ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh...). Nó như một yếu tố gắn liền với quyền con người mà cả nhà nước và toàn xã hội đều có trách nhiệm bảo đảm. *Thứ hai*, giáo dục là một nhân tố quan trọng góp phần trực tiếp, phát triển KT - XH, vì vậy nhà nước phải quan tâm đầu tư mang tính cơ bản và chiến lược, coi đó là đầu tư phát triển như đầu tư cho các cơ sở hạ tầng khác : năng lượng, giao thông, thông tin. *Thứ ba*, trong cơ chế thị trường, dù muốn hay không, giáo dục cũng có mối quan hệ hai chiều như mối quan hệ dịch vụ trong xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực. Đây là một thứ dịch vụ đặc biệt mà "người bán" là các cơ sở đào tạo, "người mua" là người học và "hàng hóa" là kiến thức, tri thức, kỹ năng, tay nghề. Thuộc tính này gắn việc đi học với trách nhiệm của người học, gia đình và các cơ sở sử dụng lao động đã qua đào tạo.

Ba thuộc tính nêu trên cùng tồn tại khách quan trong một hệ thống giáo dục, đòi hỏi phải có cách đối xử phù hợp nhằm khai thác những mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của chúng. Tùy vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà có những chính sách thích hợp. Ở đây, công bằng giáo dục có thể hiểu gồm hai khía cạnh : thứ nhất : mọi người dân đều có quyền được tiếp cận hệ thống giáo dục cơ sở ; thứ hai : nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cho tất cả những học sinh có năng lực, hoặc đã bộc lộ năng khiếu, tài năng phải được tiếp tục đào tạo lên cao mà không phải bỏ dở giữa chừng vì hoàn cảnh kinh tế.

Ở nước ta những năm qua, song song với việc xóa bỏ chế độ bao cấp hoàn toàn cho giáo dục, nhà nước đã kịp thời ban hành Luật phổ cập giáo dục tiểu học, quy định một nền giáo dục phổ cập bắt buộc và miễn phí, đồng thời đẩy mạnh công tác xóa và chống mù chữ nhằm bảo đảm quyền lợi học tập tối thiểu cho toàn thể nhân dân. Bên cạnh đó, ngành giáo dục cũng tiến hành những đổi mới nhằm xã hội hóa, dân chủ hóa giáo dục, đa dạng hóa, mềm hóa các loại hình trường lớp và nội dung, chương trình đào tạo nhằm tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân. Như vậy, bằng luật pháp và chính sách, nhà nước đã bảo đảm ở mức độ tối thiểu sự bình đẳng và công bằng, đồng thời cũng chấp nhận ở một mức độ nhất định sự cách biệt trong giáo dục, cũng như đã chấp nhận sự phân hóa về mức sống và thu nhập trong xã hội.

Tuy nhiên giữa luật pháp, chính sách và mong muốn với thực tế đang diễn ra khoảng cách khá lớn. Những phân hóa trong giáo dục đã vượt ra khỏi quy định của luật pháp và mong muốn của chúng ta. Tình trạng "kẻ ăn không hết, người lần không ra" không chỉ diễn ta ở mức sống ngoài xã hội mà cả mức hưởng thụ trong giáo dục. Trong khi theo điều tra của Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, cả nước hiện có

Digitized by Google

gần 6 triệu trẻ em, thanh thiếu niên con em các gia đình nghèo đói trong độ tuổi đến trường (6 - 24 tuổi), đại bộ phận là ở nông thôn, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, không được đi học, phải bỏ học sớm (dù học phí các bậc phổ thông chỉ 5 - 10 nghìn đồng/tháng), hoặc đang phải học tập trong những điều kiện cực kỳ khó khăn, thì không ít gia đình ở thành thị lại có thể gửi con em sang du học tự túc tại các trường đại học danh tiếng ở các nước phát triển với chi phí lên đến 10 000 USD/năm.

Tất nhiên, sự cách biệt giàu nghèo không chỉ diễn ra giữa thành thị và nông thôn mà ngay trong mỗi khu vực, sự cách biệt này cũng không kém phần sâu sắc. Ở thành thị cũng có một bộ phận dân nghèo, cũng có trẻ em thất học, bỏ học... Nhưng nhìn một cách tổng quát, qua kết quả điều tra, có thể thấy rằng dù dưới góc độ nào và theo tiêu chí nào thì các chỉ tiêu thấp nhất về giáo dục cùng đều tụ về một điểm : *nông thôn và nông dân*. Và chịu thua thiệt nhiều nhất là người nông dân sống ở các vùng sâu và vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, những khu vực mà theo các điều tra xã hội học cho thấy có số hộ gia đình nghèo đói cao nhất : miền núi phía Bắc, khu Bốn cũ, Tây nguyên và ĐBSCL. Khó khăn ở đây đan chéo nhau, do nhiều nguyên nhân chưa dễ khắc phục. Ngay cả khi người dân có đủ khả năng kinh tế hoặc cố chắt bóp, dành dụm để cho con em đến trường (nhất là ở các vùng có truyền thống hiếu học) thì con em họ cũng khó có được cơ hội học tập tốt vì tình trạng thiếu giáo viên và giáo viên trình độ thấp vẫn đang diễn ra tràn lan (theo số liệu mới nhất, năm học 1996 - 1997 cả nước thiếu khoảng 120 000 giáo viên, chủ yếu là giáo viên tiểu học và THCS, tập trung ở các địa bàn có chỉ tiêu giáo dục thấp nhất) ; vẫn tồn tại hiện tượng thiếu trường lớp (phải học 3 - 4 ca) hoặc trường lớp rách nát, tạm bợ (30% số phòng học ở ĐBSCL là cây lá tạm bợ) và những khó khăn khác về địa hình, giao thông... Điều đó dẫn tới một vòng luẩn quẩn : nghèo đói - thất học, dốt nát - nghèo đói. Từ những điều vừa nêu, có thể lý giải tại sao năm học 1994 - 1995 chỉ có 20% sinh viên các trường đại học và cao đẳng xuất thân từ nông thôn ; và theo phát biểu của giáo sư, tiến sĩ Trần Phước Đường, hiệu trưởng Trường đại học Cần thơ trong cuộc gặp giữa Tổng bí thư Đỗ Mười và hiệu trưởng các trường đại học ở phía Nam vừa qua, thì 60% sinh viên của đại học Cần thơ xuất thân từ gia đình giàu có * Càng đáng lo hơn là tuyệt đại đa số sinh viên trong cái tỷ lệ 20% ít ỏi nêu trên sau khi tốt nghiệp đại học lại không quay trở về nông thôn mà tìm mọi cách có được một chỗ đứng ở thành thị. Điều đó đã làm cho "cái vòng" luẩn quẩn về giáo dục ở nông thôn ngày càng rối thêm. Cũng cần nói thêm rằng, tình trạng quá ít con em nông dân trong các trường đại học, cao đẳng ngoài lý do kinh tế còn là sự hẫng hụt kiến thức ngay từ những cấp học phổ thông đầu tiên do cơ hội và điều kiện học tập quá kém cỏi khiến cho các em dù có cố theo học đến cùng thì càng lên cao càng đuối. Đến khi thi vào đại học, cao đẳng, họ không thể cạnh tranh được với học sinh thành thị dù các trường đều có điểm ưu tiên theo khu vực. Những ưu tiên nhỏ nhoi đó oái oăm thay, không những không xóa đi được mà còn làm nổi rõ hơn sự cách biệt quá lớn giữa hai khu vực.

Như vậy đã xuất hiện cái mà có nhà nghiên cứu đã gọi là các "lộ trình học vấn" dành riêng cho đối tượng con em các gia đình khá giả và con em dân nghèo mà sự cách biệt của chúng đã được xác định ngay từ bậc học đầu tiên và càng lên cao thì càng rẽ về hai hướng khác nhau. Đó chính là *một bất công điển hình trong giáo dục hiện nay*. Nông dân là lực lượng đóng góp không nhỏ cho thắng lợi của cách mạng, ngày nay lại chiếm đại đa số trong lực lượng lao động, nhưng hơn 90% trong số con em họ đang phải chấp nhận rời ghế phổ thông để bước vào đời mà không có lấy một nghề để kiếm sống, chưa nói đến chuyện "vinh thân". Một điều nữa không thể bỏ qua là chính những khu vực mà tỷ lệ trẻ em thất học, mù chữ, bỏ học nhiều nhất lại là nơi mà người dân đã từng có những hy sinh, đóng góp lớn lao cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc và hiện vẫn là những địa bàn chiến lược xung yếu

* Dẫn theo báo *Tuổi trẻ TP. Hồ Chí Minh*, số 112 - 1996

Digitized by Google

trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vậy thì có công bằng không khi con em họ không có được những điều kiện tối thiểu để vào đời ? Thực trạng này là hoàn toàn trái với bản chất của nền giáo dục chúng ta, trái với cả đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc.

Trước thực trạng nêu trên, sẽ là cứng nhắc và không thực tế, nếu yêu cầu nhà nước trở lại chính sách bao cấp hoàn toàn cho giáo dục. Giả sử nhà nước có đủ điều kiện để thực hiện được yêu cầu trên thì cách làm như trước đây cũng không còn phù hợp với cơ chế và hoàn cảnh mới. Hiện nay cũng chưa có một công trình điều tra nghiên cứu nào cho phép kết luận những đổi mới KT - XH và giáo dục vừa qua chỉ có tác động tiêu cực đến giáo dục như một số người vẫn khẳng định. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng những bất công và cách biệt trong giáo dục hiện nay bắt nguồn từ chính sách xóa bao cấp cho giáo dục cùng những phân hóa trong xã hội. Những cách biệt này lại chưa có hy vọng giảm bớt trong thời gian tới, nếu không muốn nói là sẽ còn tăng lên, nếu cứ để chúng phát triển tự nhiên. Bởi vậy cần có ngay những điều chỉnh mạnh mẽ từ cấp vĩ mô trong chiến lược phát triển giáo dục.

Đẩy mạnh "xóa đói giảm nghèo", phát triển các công trình cơ sở hạ tầng gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, nâng cao thu nhập của người dân nhằm san lấp dần hố sâu cách biệt về KT - XH giữa nông thôn và thành thị là những giải pháp cơ bản để giảm dần những cách biệt về giáo dục. Bên cạnh đó, một điểm hết sức quan trọng và cấp bách đối với chương trình và kế hoạch phát triển giáo dục là cần phải tập trung đầu tư một cách thích đáng vào các khu vực nông thôn để bảo đảm cho trẻ em ở đây không phải chịu những điều kiện và cơ hội học tập quá thua thiệt so với thành thị, một yêu cầu cơ bản cho việc thực hiện mục tiêu phát triển đồng đều trong giáo dục.

Việc điều chỉnh cơ cấu giáo dục nhằm thay đổi sự mất cân đối theo kiểu hình tháp ngược trong hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp hiện nay (tỷ lệ sinh viên đại học cao đẳng cao hơn so với tỷ lệ học sinh trung học chuyên nghiệp và dạy nghề) theo hướng mở rộng hệ thống dạy nghề và trung học chuyên nghiệp khắp các vùng miền để bảo đảm thu hút phần lớn học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp các cấp học không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc : giảm bớt bất công trong giáo dục, tạo cơ hội học nghề cho con em nông dân trước khi tham gia vào thị trường lao động.

Một điều nữa cần lưu ý là tình trạng trẻ em nông thôn thất học, hoặc bỏ học sớm một phần cũng bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết, hoặc hiểu biết chưa đầy đủ của các bậc phụ huynh và cả cộng đồng về vai trò của giáo dục, kiểu như "không cần học cũng đủ ăn", "làm ruộng không cần học nhiều", "học không ra tiền" v.v.. Điều này có thể thấy rõ qua sự so sánh giữa khu vực khu Bốn cũ và các khu vực khác. Theo điều tra của Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, khu Bốn cũ có tỷ lệ hộ nghèo đói cao nhất nước (74 803 hộ, chiếm 35,22%), số xã nghèo, số phòng học còn thiếu cũng vào loại cao nhất, nhưng các chỉ tiêu giáo dục ở đây lại không phải là kém nhất mà ngược lại, còn cao hơn một số khu vực khác (chẳng hạn ĐBSCL). Tình hình này chỉ có thể lý giải bằng truyền thống hiếu học, sự giác ngộ của cư dân trong khu vực về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc cho con em đến trường. Bởi vậy, việc đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm làm chuyển biến và thay đổi nhận thức nêu trên cũng là một biện pháp không kém phần quan trọng để cải thiện tình hình giáo dục ở nông thôn *. ❑

---

* Các số liệu trong bài được lấy từ các nguồn :

- Tổng cục thống kê (*Giáo dục tại Việt nam, xu hướng phát triển và những sự khác biệt*, Nxb Thống kê, Hà nội, 5 - 1996)

- Ban khoa giáo Trung ương, Bộ giáo dục và đào tạo, Ủy ban quốc gia chống mù chữ và phổ cập tiểu học

- Bộ lao động - thương binh và xã hội, Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo

Digitized by Google

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi

VI THÁI LANG *

MIỀN núi nước ta chiếm một diện tích lớn, căn cứ địa của hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, lại là nơi địa hình hiểm trở, khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Vì vậy, miền núi đang là khu vực phát triển thấp về mọi mặt so với các vùng khác trong cả nước. Miền núi là nơi dân số ít, số người mù chữ chiếm tỉ lệ cao (kể cả số bị tái mù chữ). Điều đó gây khó khăn cho việc phổ biến và thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đưa các kiến thức khoa học - kỹ thuật cần thiết phục vụ cho cuộc sống và sản xuất. Đội ngũ cán bộ miền núi cả về số lượng và chất lượng đều chưa đáp ứng được yêu cầu. Có một số sau khi được đào tạo, đã ở lại các thành thị và các trung tâm khoa học - kỹ thuật, không trở về công tác ở các bản làng.

Trong sự chuyển mình của đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Tổ quốc giầu mạnh thì yếu tố con người trở nên đặc biệt quan trọng. Việc chăm lo đào tạo những con người ở miền núi nói chung và cán bộ người dân tộc nói riêng là một công việc trọng yếu, nhưng gặp không ít khó khăn, đòi hỏi sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước, sự tương trợ của các tỉnh có điều kiện thuận lợi hơn, và sự nỗ lực của bản thân các tỉnh miền núi.

Hệ thống các trường dân tộc nội trú vốn đã có và phát huy tác dụng tốt từ trước, nay cần được chấn chỉnh, nâng cấp cả về tổ chức và đào tạo. Đây là nơi đào tạo cung cấp nguồn cán bộ cấp cơ sở cho các tỉnh miền núi. Đội ngũ cán bộ được đào tạo ở các trường nội trú có thế mạnh là thời gian đào tạo không dài, số lượng đào tạo lớn, trình độ phù hợp với nhận thức chung của đồng bào nên phát huy tác dụng tốt. Hình thức đào tạo cũng phù hợp với phong tục tập quán và cách suy nghĩ của đồng bào vốn mang tính cộng đồng cao, nên hiệu quả rõ rệt.

Tuy nhiên từ nay trở đi, việc tổ chức các trường dân tộc nội trú cần được nâng cao về mọi mặt, các kiến thức giảng dạy trong trường cần theo kịp với sự phát triển của xã hội. Học sinh cần được trang bị các kỹ năng cần thiết cho công tác vận động, tổ chức quần chúng. Công tác tổ chức trong các trường dân tộc nội trú cũng cần nâng cao, nhằm mục tiêu đào tạo nên đội ngũ cán bộ bảo đảm cả về năng lực và phẩm chất, bắt kịp yêu cầu và nhiệm vụ của đất nước.

Đối với đội ngũ cán bộ cơ sở được đào tạo từ các trường nội trú khi trở về công tác tại địa phương, một yêu cầu quan trọng là phải luôn được đào tạo lại dưới mọi hình thức, để có thể nắm bắt kịp các chủ trương chính sách, các kiến thức mới. Có như vậy mới phát huy được hiệu quả công tác đào tạo và hướng dẫn quần chúng của họ.

Cùng với việc đào tạo cán bộ cơ sở ở các trường nội trú, chúng tôi thấy nên tổ chức các trường trung cấp, cao đẳng mang tính khu vực dành cho đồng bào dân tộc và miền núi. Đối tượng được đào tạo ở đây là những người đã qua các trường nội trú dân tộc, có khả năng học và lĩnh hội kiến thức cao hơn, sau khi ra trường sẽ đưa về phục vụ quê hương. Hình thức đào tạo này linh động hơn đào tạo ở các trường đại học của trung ương, vì nó phù hợp với đối tượng về thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức. Điều đó mang lại hiệu quả thiết thực và tiết kiệm ngân sách cho nhà nước. Vấn đề cần quan tâm là nâng cao trình độ nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trong các trường dân tộc và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho sinh hoạt, học tập. Để giải quyết vấn đề này có thể thực hiện theo hướng nhà nước và nhân dân cùng làm.

Cùng với đội ngũ cán bộ được đào tạo chính quy theo trường lớp, lực lượng các già

* Giảng viên Trường đại học sư phạm Xuân hòa

Digitized by Google

làng, trưởng bản, cũng cần được chú ý để họ phát huy tốt tác dụng của mình. Trước đây việc kết hợp giữa cán bộ cơ sở và trưởng bản đã có kết quả thiết thực. Trong thời gian tới cần thực hiện công tác này tốt hơn nữa. Các già làng là những người có uy tín lớn, có sức thuyết phục cao đối với đồng bào trong cuộc sống và sinh hoạt. Cần kết hợp uy tín và sức thuyết phục của họ với sự nhanh nhạy, những kiến thức khoa học của các cán bộ cơ sở trong công tác lãnh đạo quần chúng. Làm tốt việc này thì các hoạt động ở cơ sở sẽ đạt kết quả tốt.

Việc bố trí và đề bạt sao cho thích hợp về mọi mặt cũng là một công việc gặp không ít khó khăn. Nếu làm tốt việc bố trí, đề bạt cán bộ thì công việc sẽ có nhiều thuận lợi. Hướng sắp xếp có kết quả hơn, theo chúng tôi là từ đội ngũ cán bộ cấp dưới trưởng thành lên. Bởi vì họ là người quen việc, quen đất, quen người, cùng dân tộc. Đó là những lợi thế không nhỏ giúp cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tuy nhiên cũng cần làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, nêu cao trách nhiệm đảng viên để họ thấy rõ nhiệm vụ của cá nhân trước tổ chức, chấp hành sự phân công.

Việc bố trí cán bộ phù hợp với chuyên môn cũng là yếu tố làm cho công việc đạt kết quả tốt. Trong các ngành cần tránh bố trí người được đào tạo chuyên môn này vào làm ở công việc khác trái với nghề được đào tạo. Điều này gây ra sự lãng phí về nhân lực mà hiệu quả công tác lại không cao.

Một phần không kém quan trọng trong công tác cán bộ là chính sách đãi ngộ. Với đặc thù của miền núi, việc đi lại khó khăn nên mặc dù có đầu tư của nhà nước về giao thông và thông tin liên lạc, nhưng công tác chỉ đạo thực tiễn của cán bộ miền núi vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn. Do đó làm tốt việc hỗ trợ chế độ sẽ có tác động thúc đẩy họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, và cũng góp phần hạn chế tệ tham nhũng, làm cho họ có điều kiện và an tâm công tác lâu dài.

Bên cạnh việc sử dụng cán bộ tại địa phương, muốn nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ miền núi, cần có chính sách thích hợp để thu hút cán bộ và lực lượng khoa học - kỹ thuật từ nơi khác đến. Đây là phần bổ sung cán bộ quan trọng và nhanh chóng cho miền núi, đồng thời cũng góp phần thắt chặt tình đoàn kết giữa các dân tộc trên đất nước Việt nam.

Với đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật là con em người dân tộc thoát ly đi học và đã trưởng thành thì cần có sự quan tâm và động viên họ đem kiến thức đã được trang bị về phục vụ dân tộc, phục vụ quê hương. Vấn đề cần giải quyết ở đây là có các chế độ phù hợp, các điều kiện làm việc để họ có thể toàn tâm, toàn ý phục vụ.

Đội ngũ trí thức trẻ là người miền xuôi cũng là đối tượng cần động viên, thu hút, phát huy lòng nhiệt tình của họ và có chính sách cụ thể, thỏa đáng cả về vật chất và tinh thần, vừa trước mắt, vừa lâu dài để họ tình nguyện, phấn khởi phục vụ miền núi. Thực tiễn cho thấy, nếu có sự quan tâm và có chính sách hợp lý (cả về đãi ngộ, thời gian công tác, điều kiện công tác) thì không phải không có những thanh niên miền xuôi muốn lên miền núi công tác.

Một việc nữa đã làm có kết quả, nay cần tiếp tục phát huy hơn nữa, đó là phong trào đồng bào miền xuôi lên miền núi xây dựng quê hương mới, việc này vừa có tác dụng điều tiết mật độ dân số vừa góp phần đẩy nhanh kinh tế - xã hội phát triển, lấp dần khoảng cách giữa các vùng trong cả nước, và cũng là một trong những nhiệm vụ mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII vừa qua nêu lên.

Trên đây là những suy nghĩ của tôi - một trí thức người dân tộc thiểu số, được Đảng và Nhà nước cho ăn học, nay lại mang kiến thức ra phục vụ đồng bào mình. Những suy nghĩ đó xuất phát từ tri thức được thầy cô truyền thụ, được học tập đường lối, chính sách của Đảng và xuất phát từ tình cảm của một người con muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình, để báo đáp lại sự nuôi nấng của quê hương, của nhà nước.

Tôi rất mong muốn và tin tưởng những điều đó được thực hiện góp phần để miền núi có thể từng bước tiến kịp miền xuôi ; đồng bào miền núi có thể nắm tay đồng bào miền xuôi bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc : kỷ nguyên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. ❑

Digitized by Google

Thôi, đừng khen nữa

VŨ PHÒNG

ĐẦU năm ngoái, nhiều cơ quan tỉnh X đua nhau sửa sang trụ sở ; mua sắm trang thiết bị hiện đại, đặc biệt là phương tiện liên lạc. Từ trưởng, phó phòng sở, ngành trở lên, ngoài máy điện thoại ở phòng làm việc, còn mắc máy điện thoại ở gia đình. Có người còn trang bị cả điện thoại nối dài, thậm chí mua sẵn cả điện thoại di động và máy nhắn tin, chờ khi phủ sóng tới vùng trời của tỉnh là có thể sử dụng ngay. Nhiều sở ngành đã sắm thêm máy Fax và telex...

Cuối năm ngoái các cơ quan tỉnh X đã hoàn thành việc thải ra các xe ô tô cũ, thay vào đó là các ô tô Nhật đời mới có máy lạnh, sang trọng. Một số đồng chí lãnh đạo tỉnh còn được trang bị hai xe, một loại "xuyên lục địa" để đi địa phương, một loại "xịn" để đi quan hệ đối ngoại...

Cũng năm ngoái, nhiều cơ quan ở tỉnh X, kể cả vài huyện, thị đồng loạt trang bị máy tính. Có cơ quan lập hẳn phòng máy tính.

Mọi người đến tỉnh X công tác đều thán phục, tấm tắc khen : Mấy năm nay tỉnh X hiện đại quá, hiện đại rất nhanh...

Thấy khách khen tỉnh mình, các đồng chí lãnh đạo tỉnh X chỉ gượng cười, còn trong lòng ai cũng day dứt, xót xa. Họ thầm mong đừng ai khen nữa. Vì sao vậy ? Đồng chí chủ tịch tỉnh tâm sự :

Tỉnh X còn nghèo, đầu tư trang thiết bị như thế là mạnh tay, nhưng rất tiếc lại thiếu tính toán, cứ ào ào, mạnh cơ quan nào, cơ quan ấy sắm, thành thử vừa tốn tiền, lãng phí, lại vừa do kém hiểu biết, có khi bị lừa. Lấy ví dụ như việc trang bị máy tính. Lẽ ra phải nhờ chuyên gia tính toán nhu cầu và khối lượng công việc quản lý chỉ đạo của tỉnh để đề ra một kế hoạch trang bị dài hơi, từng bước, có lựa chọn, cơ quan nào trang bị trước, cơ quan nào trang bị sau v.v.. Đằng này chỉ nghĩ đơn giản xin tiền, chi hết, mua được máy, còn hiện đại hay không, mới hay cũ, chẳng ai tỏ tường. Nhiều cơ quan mua máy tính về chỉ để đấy cho oai, thậm chí không có chỗ để tử tế, mấy tháng sau đem ra thì máy không dùng được.

Phương tiện hiện đại, nhưng con người sử dụng chưa thành thạo, kém hiểu biết, thành thử xe ô tô, máy tính hiện đại mà luôn luôn bị trục trặc, công việc không chính xác, không kịp thời hơn trước. Nhiều cơ quan có máy tính rồi mà in ấn, lưu trữ văn bản, sử dụng số liệu vẫn phải lục tung cặp nọ, cặp kia cả ngày mới thấy. Sắm máy tính rồi, nhiều cơ quan mới ngã ngửa ra rằng, cơ quan mình chỉ có một vài người bập bõm biết dùng, còn hầu hết chưa biết. Ngay cả trong số được giao chuyên sử dụng máy tính cũng rất ít người thành thạo.

Chi ra hàng tỉ đồng để được tiếng hiện đại mà rốt cuộc hiệu quả công việc không hơn gì trước, điều đó thật lãng phí. Đó là chưa kể tới một số cán bộ đã lợi dụng việc mua sắm chấm mút chút đỉnh, vừa bị các cơ quan kỷ luật...

"Thôi, đừng khen chuyện này nữa, bọn mình thấm lắm rồi", đó là lời tâm sự sau cùng của đồng chí chủ tịch. ❑

Digitized by Google

MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI Ở MỸ LA TINH TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VIẾT THẢO *

BƯỚC ra khỏi thập kỷ 80 "đầy mất mát", các nước Mỹ la tinh sôi động tìm kiếm mô hình phát triển mới nhằm vừa khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, vừa khôi phục nhịp điệu tăng trưởng ngoạn mục của những năm 60, 70. Mô hình được áp dụng rộng rãi nhất ở Mỹ la tinh hơn nửa thập kỷ qua là mô hình chủ nghĩa tự do mới (Neoliberalist Model). Chính phủ nhiều nước Mỹ la tinh, được điều hành bởi đội ngũ những nhà kỹ trị theo trường phái kinh tế chính trị học Mỹ, đặt nhiều hy vọng vào chủ nghĩa tự do mới, coi đó như con đường đưa khu vực này thoát khỏi vực thẳm của nợ nần, suy thoái để vươn tới sự phát triển thần kỳ.

Trên lĩnh vực kinh tế, việc áp dụng và thực hiện mô hình chủ nghĩa tự do mới ở các nước Mỹ la tinh đã đưa đến một số thành tựu. *Một là,* tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng liên tục ở mức tương đối cao, trung bình toàn khu vực là 3,6%/năm, từ năm 1991 đến năm 1994. Mặc dù bị ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Mê-hi-cô, nhưng GDP của phần lớn các quốc gia Mỹ la tinh năm 1995 vẫn tăng trung bình từ 2% đến 5%. Riêng 4 nước Chi-lê, Cô-lôm-bi-a, Xan-va-đo và Pê-ru đạt trên 5%. Theo dự đoán của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), mức tăng trưởng năm 1996 của toàn bộ khu vực là 3,1% và năm 1997 sẽ là 4,8% (1). Như vậy Mỹ la tinh không những khắc phục thời kỳ suy thoái một cách thành công (mức tăng trưởng năm 1986 là 3,9%, năm 1987 : 2,7%, năm 1988 : 0,3%, năm 1989 : - 0,5% và năm 1990 : - 1,2%), mà còn tạo được sự khởi sắc quan trọng.

Hai là, lạm phát đã được kiềm chế từ ba con số ở mức cao cuối thập kỷ 80 giảm xuống còn ở mức hai con số (25% năm 1995) - mức thấp nhất trong 25 năm qua. Năm 1989, lạm phát ở Ác-hen-ti-na đạt mức kỷ lục 4 con số, đến năm 1995 giảm xuống chỉ còn dưới 10% ; ba nước là Chi-lê, Goa-tê-ma-la và Pa-na-ma cũng đạt được thành công tương tự. Ngoài ra, có 7 nước khác kiềm chế được lạm phát ở mức trên 10% ; 5 nước khác từ 20% đến 30% và chỉ ba nước là Mê-hi-cô, U-ru-goay và Vê-nê-xu-ê-la lạm phát trên 30%, năm 1995.

Ba là, đã khơi dòng tư bản nước ngoài đầu tư vào Mỹ la tinh và khối lượng đầu tư vào đây đã đứng nhất nhì thế giới : 48 tỉ đô la năm 1992, 65 tỉ đô la năm 1993, 57 tỉ đô la năm 1994 và 22,4 tỉ đô la năm 1995 (không kể 50 tỉ đô la đột xuất dành cho Mê-hi-cô).

Bốn là, đã tăng cường khả năng xuất khẩu của khu vực. Từ năm 1992 đến năm 1994, tổng kim ngạch xuất khẩu Mỹ la tinh tăng 8%/năm, ngang ngửa với các "con rồng" Đông Á ; riêng năm 1995, đột ngột vọt lên 23% như kết quả tích tụ của nửa thập kỷ phát triển kinh tế. Điểm tích cực là các mặt hàng công nghiệp chế tạo đã ngày càng gia tăng tỷ trọng trong kim ngạch xuất khẩu Mỹ la tinh ; đồng thời khuynh hướng buôn bán trong nội bộ khu vực được mở rộng, thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế, tạo lập thị trường chung.

Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình chủ nghĩa tự do mới đã tạo ngay trong lòng các nước Mỹ la tinh một nghịch lý : Kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng đời sống xã hội ngày càng có nguy cơ xuống cấp trầm trọng. Bức tranh kinh tế - xã hội

* Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Tổng quan kinh tế Mỹ la tinh và Ca-ri-bê, 1995. Báo cáo của Ủy ban kinh tế Mỹ la tinh của Liên hợp quốc.

Digitized by Google

ở Mỹ la tinh mấy năm qua bên cạnh 4 thành tựu kinh tế nổi bật vừa nêu, còn chứa đựng nhiều mảng tối tác động tiêu cực đến sự ổn định và an ninh của khu vực. Có thể nêu lên 4 vấn đề sau :

Nổi lên trên hết là *sự bất bình đẳng xã hội, sự nghèo khổ và phân cực*. Trong quá trình thực hiện mô hình chủ nghĩa tự do mới, phần lớn các chính phủ Mỹ la tinh cắt giảm ngân sách phúc lợi xã hội, y tế và giáo dục, đẩy mức sống của đông đảo tầng lớp dân cư xuống giới hạn của sự nghèo khổ. Theo số liệu thống kê của Ủy ban kinh tế Mỹ la tinh của Liên hợp quốc, hiện có 196 triệu người Mỹ la tinh sống nghèo khổ, chiếm gần 46% dân số toàn khu vực. Quá trình bần cùng hóa diễn ra nhanh và rộng những năm 90 vừa qua, với tốc độ từ 2% đến 3,6%/năm. Cuộc sống ở nông thôn sa sút nghiêm trọng : 60% dân cư đang nằm trong tình trạng nghèo khổ. Cùng cực nhất là cuộc sống của 40 triệu thổ dân Anh điêng sống rải rác trên nhiều quốc gia [2].

Đối lập với sự nghèo khổ của đông đảo tầng lớp nhân dân là tình trạng của cải ngày càng tập trung vào một nhóm nhỏ người ở Mỹ la tinh. Trong khi số người nghèo khổ nhất chiếm 20% số dân khu vực chỉ được hưởng 4% tổng thu nhập xã hội, thì cũng chừng ấy số người giàu lại được hưởng tới 50% tổng thu nhập. Bra-xin là trường hợp điển hình : 10% người giàu thâu tóm 53,2% tổng thu nhập xã hội. Mê-hi-cô cũng là một trong những nước bị phân cực nhanh chóng trong vòng 10 năm qua. Các gia đình giàu có nhất (20% tổng số gia đình cả nước) chiếm 49,5% GDP (1984) và 57,5% (1994), trong khi đó các gia đình nghèo chỉ hưởng 4,84% và 3,25% [3]. Cơ chế phân phối hết sức bất bình đẳng này đã tạo ra nhiều vấn đề nhức nhối trong đời sống xã hội : bất bình, mâu thuẫn, xung đột, mất ổn định... Cuộc nổi dậy của nông dân miền Chi-a-pát chống chính phủ Mê-hi-cô bắt nguồn vừa sâu xa, vừa trực tiếp từ những đối kháng gay gắt về lợi ích kinh tế và địa vị xã hội giữa các cộng đồng dân cư.

Vấn đề thứ hai là nạn thất nghiệp gia tăng như hậu quả tất yếu của quá trình giảm nhẹ bộ máy hành chính và tư nhân hóa các cơ sở sản xuất của nhà nước. Việc cơ cấu lại bộ máy hành chính và cắt giảm biên chế ở hầu hết các nước Mỹ la tinh đã đẩy một loạt nhân viên, công chức vào đội ngũ những người thất nghiệp. Đồng thời, đội quân này được bổ sung bằng các lực lượng lao động khác dôi dư từ khi nhiều cơ sở kinh tế nhà nước bị tư nhân hóa một cách ồ ạt. Mặt khác, do không cạnh tranh nổi với luồng hàng hóa nhập khẩu, không ít công ty vừa và nhỏ ở Mỹ la tinh bị phá sản, người lao động chỉ còn biết trông chờ sự trợ cấp của chính phủ. Tốc độ "tăng trưởng" của đội quân thất nghiệp năm 1994 là 6,2% (so với năm 1993), năm 1995 là 7,3% (so với năm 1994) và hiện nay chiếm gần 20% lực lượng lao động toàn khu vực.

Vấn đề thứ ba là nạn tham nhũng đã trở thành một ác bệnh của một số chính phủ Mỹ la tinh. Nạn tham nhũng lan tràn mọi cấp, mọi ngành trong bộ máy quyền lực nhà nước. Lợi dụng làn sóng tư nhân hóa, mà ở vài nơi có thể được coi như những vụ đánh cắp tài sản xã hội, nhiều chính khách, viên chức cao cấp... bỏ túi những món tiền kếch xù. Ông Các-lốt An-đơ-rết Pê-rét (Carlos Andres Perez) người Vê-nê-xu-ê-la là vị Tổng thống Mỹ la tinh đầu tiên phải ra hầu tòa và bị tống giam với tội danh chiếm dụng quỹ an ninh quốc gia và biển thủ 17 triệu đô la. Vừa qua, một số nguyên thủ Mỹ la tinh khác bị tố cáo đã nhận hối lộ trong các đợt tranh cử. Theo số liệu chưa đầy đủ, hằng năm nền kinh tế Mỹ la tinh bị thất thoát 21 tỉ đô la. Nhiều nhà phân tích cho rằng tham nhũng là một yếu tố gây mất ổn định và căng thẳng xã hội hiện nay ở khu vực.

Vấn đề thứ tư là tình trạng buôn bán ma túy, bạo lực và khủng bố có xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Mỹ la tinh là một trong ba khu vực sản xuất cô-ca-in, hê-rô-in và bạch phiến lớn nhất thế giới. Theo số liệu của Văn phòng xuất bản của Nhà trắng (Mỹ), sản lượng chất độc hại này ở Mỹ la tinh tăng từ 290 900 tấn năm 1994 lên 309 400 tấn năm 1995 [4]. Pê-ru là nước sản xuất nhiều ma túy nhất, sau đó là Bô-li-vi-a và Cô-lôm-bi-a. Mấy năm gần đây, nhiều nhóm dân cư lao vào sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, tiêu

(2) Báo cáo Mỹ la tinh, 20-5-1993

(3) Báo *Nhà tài chính* (Mê-hi-cô), 3-10-1995

(4) Báo *Nhà tài chính* (Mê-hi-cô), 30-4-1996

Digitized by Google

thụ... ma túy. Những băng buôn lậu ma túy đồng thời cũng là những nhóm khủng bố. Tệ nạn này đã gây nhiều rối loạn và bất ổn định trong đời sống kinh tế - xã hội khu vực.

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội pha trộn những gam màu sáng, tối này, ngày càng vang lên nhiều lời kêu gọi điều chỉnh mô hình phát triển ở Mỹ la tinh. Tháng 5 năm 1995, hơn 120 tổ chức phi chính phủ của khu vực ra lời thỉnh cầu chung, đề nghị chính quyền các nước thực hiện công bằng xã hội và thay đổi mô hình kinh tế. Cùng thời gian đó, Hội nghị các giáo chủ Thiên chúa Mỹ la tinh tố cáo chính sách kinh tế hiện hành là nguyên nhân của bất công xã hội, làm cho người giàu càng giàu hơn, người nghèo càng nghèo đi. Khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Mê-hi-cô bùng nổ, hơn 100 chính khách thuộc đảng cầm quyền (Đảng cách mạng Thể chế) đệ trình chính phủ một bản khuyến cáo điều chỉnh mô hình kinh tế. Tháng 7 năm 1996 vừa qua, 115 đảng phái, tổ chức thành viên Diễn đàn Sao Pao-lô họp Hội nghị lần thứ VI tại thủ đô Xan Xan-va-đo (En Xan-va-đo) bàn về những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của Mỹ la tinh và thế giới. Trọng tâm của Diễn đàn Sao Pao-lô VI xoay quanh cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ la tinh. Diễn đàn vạch rõ chủ nghĩa tự do mới về kinh tế là mô hình do chủ nghĩa tư bản Mỹ áp đặt ở khu vực nhằm phục vụ lợi ích của các tập đoàn tư bản độc quyền đang củng cố địa vị thống trị thông qua việc lợi dụng xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa. Với hai nội dung ưu tiên là tư nhân hóa và giảm vai trò can thiệp của nhà nước, mô hình chủ nghĩa tự do mới tuy tạo ra sự ổn định tương đối về kinh tế vĩ mô, nhưng lại làm nảy sinh và trầm trọng hàng loạt vấn đề xã hội, môi sinh, dân số... Căn cứ vào thực tế đó, Diễn đàn Sao Pao-lô VI kết luận chủ nghĩa tự do mới không thể dung hòa với các mục tiêu phát triển, dân chủ và công bằng xã hội ở Mỹ la tinh và trên thế giới.

Sự phê phán của đông đảo quần chúng lao động Mỹ la tinh đối với mô hình chủ nghĩa tự do mới cũng trở nên gay gắt. Ngày 1 tháng 5 vừa qua, đông đảo tầng lớp công nhân, nông dân, công chức, sinh viên, trí thức... ở nhiều nước rầm rộ xuống đường : 30 000 người ở thủ đô Ki-tô (Ê-qua-đo), 100 000 người ở thủ đô Ca-ra-cát (Vê-nê-xu-ê-la), hàng trăm ngàn người ở Bra-xin, Pê-ru, Bô-li-vi-a, Mê-hi-cô... giương cao biểu ngữ đòi chính phủ thay đổi chính sách kinh tế - xã hội và điều chỉnh mô hình chủ nghĩa tự do mới. Vấn đề bị quần chúng phê phán gay gắt nhất là chính sách tư nhân hóa, nó bị tố cáo là một chính sách phá hoại đời sống nhân dân.

Thực tế đầy mâu thuẫn của đời sống kinh tế - xã hội và sự phản ứng rộng khắp của quần chúng lao động Mỹ la tinh đã làm cho chính phủ các nước trong khu vực xem xét lại các chính sách, chiến lược phát triển và điều chỉnh bản thân mô hình chủ nghĩa tự do mới. Trước hết, phải kể đến những nỗ lực cải thiện môi trường xã hội, giảm bớt sự bất công và bất bình đẳng. Trên bình diện quan điểm vĩ mô, chính phủ của phần lớn các nước Mỹ la tinh xác định sự tăng trưởng kinh tế vững chắc đạt được mấy năm qua có thể và chỉ được giữ vững trên cơ sở ổn định xã hội. Theo hướng đó, hàng loạt biện pháp được áp dụng nhằm giải quyết hai vấn đề nhức nhối nhất hiện nay là tình trạng nghèo đói và phân phối thu nhập xã hội bất bình đẳng. Hiện nay, chính phủ Chi-lê, Bra-xin, Ác-hen-ti-na đang áp dụng nhiều chính sách đặc biệt nhằm chống nghèo đói và tạo việc làm. Ủy ban quốc gia chống nghèo đói của Chi-lê vạch mục tiêu đến năm 2000 xóa xong tình trạng đói nghèo trầm trọng. Trước mắt, các nước Mỹ la tinh áp dụng các biện pháp tình thế, trợ cứu các hộ đói nghèo nhất. Kế hoạch trung hạn bao gồm các nội dung tăng ngân sách phúc lợi xã hội, tăng quỹ lương hưu, phát triển các công ty vừa và nhỏ, tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng, dịch vụ, tạo thêm việc làm... Kế hoạch dài hạn nhằm vào các mục tiêu ổn định việc làm của người nghèo, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho mọi tầng lớp lao động và cải thiện đời sống xã hội.

Xác định con đường chắc chắn nhất giải quyết các vấn về xã hội là phát triển sản xuất và tăng cường phúc lợi, chính phủ Chi-lê đã đề cao khẩu hiệu "tăng trưởng là tiền đề khắc phục nghèo đói". Trên thực tế, các chính phủ Mỹ la tinh đều dành nỗ lực lớn nhất nhằm phát triển lực lượng sản xuất và đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

Digitized by Google

Ủy ban kinh tế Mỹ la tinh của Liên hợp quốc khuyến cáo biện pháp hữu hiệu nhất để kết hợp tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là phát triển lực lượng sản xuất.

Phát triển giáo dục, kỹ thuật và công nghệ được các chính phủ Mỹ la tinh coi là quốc sách nhằm tăng cường trí lực cho lực lượng lao động. Hiện nay, người lao động Mỹ la tinh tính trung bình chỉ học hết lớp 5, lớp 6 (mức trung bình của người lao động châu Âu là lớp 10). Vấn đề sống còn đặt ra cho Mỹ la tinh là phát triển giáo dục, bao gồm giáo dục cơ bản và đào tạo kỹ thuật - công nghệ. Hội nghị lần thứ 7 các Bộ trưởng giáo dục Mỹ la tinh và Ca-ri-bê vừa qua kêu gọi thành lập khẩn cấp Quỹ cải cách giáo dục, đồng thời đề nghị chính phủ các nước nâng ngân sách giáo dục từ 4,4% GDP hiện nay lên mức 6,5%.

Khuyến khích tiết kiệm trong nước và giảm sự phụ thuộc vào tư bản nước ngoài là một chủ trương mang tính cải cách ở Mỹ la tinh hiện nay. Nếu mức tiết kiệm trong nước đạt 30% GDP ở các nước Đông Á, thì ở Mỹ la tinh chỉ đạt 17%, riêng Mê-hi-cô đạt 14,3%. Trên con đường khắc phục tình trạng này, Chi-lê là nước đi tiên phong, nâng được mức tiết kiệm trong nước lên 27% (5). Theo gương Chi-lê, nhiều quốc gia khác đang tiến hành mạnh mẽ cuộc cải cách nền tài chính, giảm thiểu các nguồn đầu tư ngắn hạn mang tính đầu cơ của tư bản nước ngoài.

Sau nhiều thăng trầm của quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô, hiện nay tái xuất hiện ở Mỹ la tinh khuynh hướng khôi phục và tăng cường vai trò của nhà nước. Nhà nước được xác định lại là chủ thể hữu hiệu nhất trong cạnh tranh kinh tế quốc tế và trong phối hợp giữa tăng trưởng và công bằng. Đến nay, đã hình thành một nhận thức chung ở khu vực rằng tăng trưởng kinh tế tự nó không tạo ra công bằng xã hội, không giải quyết nổi các vấn đề xã hội. Giám đốc Ngân hàng Phát triển liên Mỹ En-ri-kê I-glê-xi-át (Enrique Iglesias) nhấn mạnh các nhà nước Mỹ la tinh cần phải kiểm soát quá trình tư nhân hóa nhằm phòng ngừa khả năng chi phối của các tập đoàn độc quyền tư bản tư nhân. Ông cũng nhiều lần cảnh báo tư nhân hóa không phải là mục đích, mà chỉ là một biện pháp ; biện pháp ấy chỉ có tác động tích cực nếu được đặt vào bàn tay kiểm soát của nhà nước.

Trong quá trình điều chỉnh mô hình phát triển, chính phủ các nước ở Mỹ la tinh đang phải đối mặt với 3 trở ngại lớn là : nợ nước ngoài, nông nghiệp sa sút và ma túy. Tuy xu hướng nợ có giảm, nhưng tổng nợ nước ngoài hiện nay của Mỹ la tinh vẫn ở mức rất lớn : 574 tỉ đô la. Hai con nợ lớn nhất là Mê-hi-cô và Bra-xin. Mê-hi-cô nợ 173 tỉ đô la, riêng trong năm 1995 đã trả lãi suất nợ 13,3 tỉ đô la - bằng tổng kim ngạch xuất khẩu dầu lửa và doanh thu du lịch. Nông nghiệp là lĩnh vực tồi tệ nhất trong nền kinh tế Mỹ la tinh. Mặc dù dân số nông thôn là 123 triệu người, nhưng sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm 12% GDP toàn khu vực. Với con số thường trực hàng chục triệu nông dân thất nghiệp, luồng di cư đến các thành phố ngày một đông, gây ra nhiều rối loạn đô thị, an ninh và môi trường. Trong cuộc đấu tranh chống tệ nạn ma túy, các nước Mỹ la tinh nhiều lần yêu cầu chính quyền Mỹ tẩy trừ thị trường tiêu thụ rộng lớn tồn tại ngay trên đất Mỹ, được tạo thành bởi trên 12 triệu con nghiện. Ba trở ngại nêu trên chắc chắn không thể được giải quyết ngay, bởi vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến quá trình điều chỉnh mô hình phát triển Mỹ la tinh.

Thực trạng kinh tế - xã hội ở Mỹ la tinh hơn nửa thập kỷ qua gợi mở nhiều vấn đề lý luận quan trọng. Trên hết là mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Chúng phải được xem xét như hai yếu tố hữu cơ khăng khít trong một chiến lược, mô hình phát triển. Sự hy sinh bất kỳ một trong hai yếu tố đó, dù chỉ là tạm thời, sẽ gây ra những biến dạng khó lường của mô hình kinh tế - xã hội. Chưa bao giờ tính hệ thống của sự phát triển đặt ra như một nhu cầu bức thiết và một thách thức như bây giờ. Rõ ràng mô hình chủ nghĩa tự do mới - mà thực chất vẫn là chủ nghĩa tư bản - ở Mỹ la tinh không vượt qua được thách thức này. Sự trả giá của Mỹ la tinh để lại bài học kinh nghiệm, không chỉ đối với các nước trong khu vực, mà còn đối với nhiều quốc gia đang phát triển khác. ❑

(5) Báo *Tầm nhìn* (Mê-hi-cô), 15-12-1995

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ : RÚT KINH NGHIỆM VỀ ĐẠI HỌC MỞ

NGÀY 14 - 11- 1996, tại Hà nội, Bộ giáo dục và đào tạo đã tổ chức **Hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm về mô hình đại học mở** (ĐHM) ở Việt nam. Tham dự hội nghị có lãnh đạo bộ, các vụ chức năng và các chuyên viên của Bộ giáo dục và đào tạo, lãnh đạo của viện ĐHM Hà nội và ĐHM bán công TP Hồ Chí Minh, đại diện Ban khoa giáo trung ương, Văn phòng chính phủ, Bộ tài chính... cùng nhiều giáo sư và lãnh đạo của một số trường đại học trong cả nước. Đồng chí Trần Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, bộ trưởng và đồng chí Trần Xuân Nhĩ, thứ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo chủ trì hội nghị.

Mô hình đại học mở (open university) xuất hiện trong đào tạo đại học ở nhiều nước trên thế giới từ đầu những năm 70. Sự xuất hiện của mô hình này nhằm đáp ứng một thực tế tại các nước đó : nền kinh tế bắt đầu cất cánh, nhu cầu đào tạo nhân lực và nâng cao dân trí gia tăng đột biến, tạo nên áp lực lớn đối với hệ thống đào tạo đại học mà các trường chính quy không đảm đương nổi. Tình hình đó gây nên những bất bình đẳng, bất công về cơ hội giáo dục, làm xuất hiện yêu cầu về dân chủ hóa, xã hội hóa hệ thống giáo dục, tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp, mọi đối tượng trong xã hội. Và hệ thống "giáo dục mở" đã ra đời trên cơ sở thành lập các ĐHM như : ĐHM hoàng gia Anh (United Kingdom Open University), ĐHM In-đô-nê-xi-a (Kniversitas Teuka Open Univesity) ; ĐHM Ramkhamheang và ĐHM Soukhothai Thammathirat của Thái lan, ĐHM quốc gia In-đi-ra Gan-đi của Ấn độ v.v... Tóm lại ở phần lớn các nước châu Á và các khu vực khác, đặc biệt là ở các nước công nghiệp hóa thành công, đều đã thành lập các trường ĐHM có quy mô quốc gia.

Về tính chất, các trường ĐHM khác với các trường chính quy, tập trung ở thuật ngữ "mở" (open) gồm :

- *Mở về đối tượng*, tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp, mọi đối tượng, đặc biệt là những đối tượng không đủ điều kiện theo học các trường tập trung, chính quy.
- *Mở về phương thức tuyển sinh*, chấp nhận đầu vào rộng rãi.
- *Mở về mục tiêu, nội dung, chương trình*, áp dụng đào tạo theo tín chỉ với một nội dung chương trình đa dạng, linh hoạt, trong đó đào tạo đại học, cao đẳng chỉ chiếm khoảng 20 - 30%.
- *Mở về phương thức dạy và học*, đây là thuộc tính cơ bản của ĐHM. Trong điều kiện không có đội ngũ giáo viên đông đảo và cơ sở vật chất đồ sộ như các trường chính quy, các ĐHM lấy đào tạo từ xa làm phương thức đào tạo chủ yếu, với các phương tiện : tài liệu, giáo trình, băng tiếng, băng hình, điện thoại, phát thanh, truyền hình... để tổ chức đào tạo tại chỗ (chỗ ở, chỗ làm việc).
- *Mở về cơ chế đầu tư, quản lý tài chính* và có công nghệ kiểm tra, đánh giá khách quan, chính xác để kiểm soát đầu ra, bảo đảm chất lượng và độ tin cậy của văn bằng, chứng chỉ, sản phẩm đào tạo ra được xã hội chấp nhận.

Việc thành lập các ĐHM với các thuộc tính như trên đã góp phần quan trọng đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao dân trí, tăng nhanh tỷ lệ sinh viên và lao động được đào tạo tính theo đầu người ở nhiều quốc gia. Chẳng hạn, trường ĐHM In-đô-nê-xi-a hằng năm thu nhận hơn 600 000 người học. Trong số 1,2 triệu sinh viên Thái lan hiện nay thì gần một nửa là sinh viên của hai ĐHM...

Ở nước ta, mô hình ĐHM được thử nghiệm từ năm 1990 với việc thành lập hai viện đào tạo mở rộng ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh. Đến năm 1993, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Viện đào tạo mở rộng 1 ở Hà nội được nâng lên thành Viện ĐHM Hà nội và Viện đào tạo mở rộng 2 được nâng lên thành ĐHM bán công TP Hồ Chí Minh.

Sau 6 năm hoạt động theo một mô hình đào tạo hoàn toàn mới, trong điều kiện kinh phí đầu tư của nhà nước không đáng kể, mọi thứ đều phải bắt đầu từ đầu, đến nay hai ĐHM đã thực sự định hình thành những trung tâm đào tạo có quy mô với những thành tựu rất đáng ghi nhận.

Hiện nay, Viện ĐHM Hà nội có 31 253 sinh viên theo học ở 6 chuyên ngành, ĐHM bán công TP Hồ Chí Minh có 42 161 sinh viên với 8 chuyên ngành, theo các phương thức đào tạo tập trung, tại chức, từ xa. Cả hai trường đều đã hình thành ổn định bộ máy tổ chức, quản lý ở trường, các khoa, các trung tâm, hệ thống vệ tinh ở các địa phương lân cận và quan hệ hợp tác quốc tế cùng đội ngũ giáo viên và cộng tác viên có uy tín. Cơ sở vật chất ở cả hai trường đều đã được hiện đại hóa một bước bằng vốn tự có. Hoạt động đào tạo của hai ĐHM đã góp phần đáng kể vào việc đáp ứng nhu cầu học tập, đào tạo của nhân dân, đặc biệt là ở những chuyên ngành mà xã hội có nhu cầu cao như : kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, tin học...

Tuy nhiên thời gian qua hoạt động của hai ĐHM cũng đã bộc lộ một số khuyết điểm, lệch lạc cần được chấn chỉnh và nghiêm khắc rút kinh nghiệm. Đó là xu hướng tập trung hóa, lấy đào tạo tập trung làm phương thức chính, trái với mục đích và chức năng của việc thành lập ĐHM, mở một số ngành học mới, tuyển sinh ồ ạt, chạy theo số lượng khi chưa đủ điều kiện và chưa được phép của cơ quan quản lý nhà nước v.v. (nhất là ở ĐHM bán công TP Hồ Chí Minh) ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo và gây phản ứng trong dư luận v.v..

Về phía các cơ quan chức năng của Bộ giáo dục và đào tạo, còn nhiều yếu kém, quan liêu trong quản lý, chưa thực sự đóng vai trò tham mưu, hướng dẫn, giám sát mà thường phải chạy theo giải quyết các công việc sự vụ.

Sau một ngày nghiêm túc thảo luận, trao đổi, góp ý, các đại biểu tham dự hội nghị đã khẳng định những kết quả, đóng góp cũng như sự cần thiết phải hoàn thiện và phát triển mô hình ĐHM, đồng thời cũng vạch rõ những sai sót, bất cập từ cả hai phía : các ĐHM và các cơ quan chức năng ; kiến nghị với nhà nước những giải pháp cơ bản để xây dựng hai ĐHM thành những trung tâm đào tạo mạnh.

Một vấn đề được hội nghị quan tâm thảo luận là phát triển phương thức đào tạo từ xa ở hai ĐHM, một phương thức tuy mới được thử nghiệm có vài năm nhưng đã nhanh chóng chứng tỏ tính hiệu quả và có ích của nó cả về phương tiện đào tạo lẫn phương diện kinh tế, đem cơ hội giáo dục đến cho mọi người.

Để hai ĐHM thực sự trở thành *hai trung tâm quốc gia về đào tạo từ xa*, một yêu cầu cơ bản được nêu lên là : Bộ giáo dục và đào tạo cần có một quy chế ổn định về mô hình ĐHM và sự đầu tư của nhà nước. Đào tạo từ xa không cần đầu tư nhiều và liên tục như những loại hình đào tạo khác (đào tạo từ xa sẽ nuôi đào tạo từ xa) nhưng một sự đầu tư cơ bản, ban đầu có tính chất tạo đà là nhất thiết phải có. ❑

VÕ ĐĂNG THIÊN *(lược thuật)*

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ DAKUY II

+ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu :

* Trồng, chế biến và kinh doanh cà phê. Với tổng diện tích tự nhiên 727 ha, trong đó có : 400 ha cà phê.
* Nông trường sẵn sàng liên kết, liên doanh với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực :
* Sản xuất chế biến cà phê.
* Đầu tư mở rộng diện tích cà phê.
* Đầu tư các loại vật tư, máy móc, phân bón thuốc bảo vệ thực vật ... phục vụ cây cà phê.
* Xin ủy thác cho các thành phần kinh tế có điều kiện xuất khẩu cà phê.



DIRECTOR : LE PHUOC Y

DAKUY II STATE - RUN COFFEE FARM



+ We specialize in :

Planting, processing and trading in coffee on a total area of 727/ha which includes 400 ha of coffee trees.

We are ready to cooperate and enter into joint-ventures with domestic and overseas cusiomers in :

* The production and processing of coffee
* Enlarging the area planted to coffee
* Supply of equipment, fertilizer and insecticides for coffee plantations.
* Finding export agents.

DIRECTOR : LE PHUOC Y

Trading office : DaKha Twon, DaKha District, Kontum Province.
Telephone : (84 - 60) 822122.

Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách
We are greatly honoured to welcome customers

Digitized by Google

CÔNG TY CÀ PHÊ GIA LAI
GIA LAI COFFEE COMPANY

OFFICE : 97 LE LOI St, PLEIKU TOWN.
TEL : (059) 824054
DIRECTOR : Economy Eng. NGUYEN VIET SE



NHIỆM VỤ

1. Trồng và chế biến cà phê xuất khẩu trên địa bàn toàn tỉnh.
2. Trồng và chế biến cao su.
3. Chăn nuôi bò, ong.
4. Dịch vụ vật tư nông nghiệp.
5. Mua và chế biến cà phê xuất khẩu.

Công ty Cà phê Gia Lai sẵn sàng liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện các chức năng trên.

FUNCTIONS :

1. Planting and processing of coffee for export.
2. Planting and processing of rubber.
3. Cow and bee husbandry.
4. Agricultural material services.
5. Trading and processing of coffee for export.
We are willing to cooperate with all local and overseas economic organizations.



Digitized by Google

SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT
của Công ty Dệt VIỆT THẮNG



ÁO SƠ MI
CỔ THƠM

VẢI TACTRON



Digitized by Google

Công Ty Gạch Men
thanh thanh

THE ARCH OF EUROPE
GOLD STAR AWARD
FOR QUALITY



Sản phẩm đạt

HUY CHƯƠNG NGÔI SAO VÀNG CHÂU ÂU

về chất lượng
đem lại
sự an tâm
cho khách hàng
của Công ty
gạch men
Thanh Thanh

ĐỊA CHỈ : **KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA I**
ĐIỆN THOẠI : **061 - 836066 - 836550 - 836549 - 836041**
FAX : **84 - 061 - 836305**

Rất hân hạnh phục vụ Qui khách

Digitized by Google

CÔNG TY HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

Công ty hóa chất cơ bản miền Nam là một thành viên của Tổng công ty hóa chất Việt nam, là một Doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân đầy đủ trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Văn phòng Công ty : Lầu 5 nhà 22 đường Lý Tự Trọng, Quận I, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 8) 8296620, 8225373, 8223484 - Fax : (84 - 8) 8243166.

Giám đốc Công ty : kỹ sư Trần Đức Trần.

Các sản phẩm của Công ty bao gồm các hóa chất vô cơ cơ bản và các chất liên quan, được cung cấp rộng rãi cho các tỉnh thành phía Nam và xuất khẩu.

Công ty chúng tôi mong muốn và kêu gọi liên doanh, hợp tác đầu tư với các Công ty trong, ngoài nước nhằm đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh các sản phẩm truyền thống hoặc các sản phẩm mới khác.

Dưới đây, sơ lược giới thiệu Công ty chúng tôi :

CÁC SẢN PHẨM DO CÔNG TY SẢN XUẤT :

1. Các hóa chất vô cơ cơ bản :

- Sút côstic 30% NaOH
- Clo lỏng 99,5% Cl_2
- Axit clohydric 30% HCl
- Axit sunfuric 97% H_2SO4

2. Các hóa chất chất lượng cao dùng trong phân tích :

- Muối natri clorua tinh 99% NaCl
- Axit clohydric tinh 31% HCl
- Axit sunfuric tinh 95,0 - 98,0% H_2SO_4

3. Các hóa chất xử lý nước :

- Clo lỏng 99,5% Cl_2
- Nhôm sunfat loại 15% Al_2O_3 và loại 17% Al_2O_3
- Nhôm kali/amôn sunfat 10,3% Al_2O_3

4. Các hóa chất dùng tẩy trắng :

- Bột tẩy 30% clo hữu hiệu
- Nước javen 80 g/l clo hữu hiệu
- Dịch tẩy canxi hypoclorit 35 g/l clo hữu hiệu

5. Các muối clorua :

- Muối xay 95% NaCl
- Muối bọt 99% NaCl
- Canxi clorua 95% $CaCl_2.2H_2O$
- Magiê clorua $MgCl_2.6H_2O$
- Sắt III clorua 42 - 45% $FeCl_3$

6. Các muối sunfat :

- Kẽm II sunfat 98% $ZnSO_4.7H_2O$
- Magiê sunfat $MgSO_47H_2O$
- Mangan sunfat 98% $MnSO_45H_2O$
- Sắt II sunfat 98% $FeSO_47H_2O$

7. Các muối phốt phát :

- Kali dihydro phốt phát 98% KH_2PO_4
- Natri phốt phát 98% Na_3PO_4 $12H_2O$
- Natri hydro phốt phát 98% Na_2HPO_4 $12H_2O$
- Mono amôn phốt phát 98% NH_4HPO_4

8. Các muối sunfua và poly sunfua :

- Natri sunfit 92% Na_2SO_3 $7H_2O$
- Natri bisunfit chứa 22,5% SO_2
- Natri pyrosunfin 93% $Na_2S_2O_5$
- Natri thiosunfat 98 - 99% $Na_2S_2O_3$

9. Các chất khác :

- Quặng bôxit tuyển 47 - 49% Al_2O_3
- Nhôm hydroxit 62% Al_2O_3
- Natri silicat dạng lỏng có mô đun (tỉ lệ) silic 2,3 - 2,5
- Nước amôniac 18 - 22 độ Bômê
- Can nhựa 23 lít

Digitized by Google

5728

CÔNG TY Lam son



*** SẢN XUẤT - XUẤT KHẨU :**

CHUYÊN SẢN XUẤT CHẾ BIẾN VÀ BÁN TẠI CHỖ CÁC MẶT HÀNG :
SƠN MÀI, GỐM, GỖ CHẠM, MÂY - TRE - LÁ VÀ CÁC MẶT HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ.
DA - GIẢ DA





*** DỊCH VỤ :**

+ DU LỊCH - ĐỊA ỐC - TRANG TRÍ NỘI THẤT.
+ NHẬN XUẤT NHẬP KHẨU ỦY THÁC.

*** NHẬP KHẨU :**

+ NGUYÊN VẬT LIỆU PHỤC VỤ SẢN XUẤT.
+ HÀNG TIÊU DÙNG.

*** CÁC CỬA HÀNG :**

1 - 106 NGUYỄN VĂN TRỖI - P8 - PHÚ NHUẬN
(CÓ GALLERY VỚI BỘ SƯU TẬP TRANH NHIỀU TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG TÁC GIẢ TÊN TUỔI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC)
ĐT : 8442304 - 8454966.

2 - 571 NGUYỄN KIỆM - P9 -
QUẬN PHÚ NHUẬN.
ĐT : 8421269

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH : 106 NGUYỄN VĂN TRỖI P.8
QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM

TEL : 8441361 - 8446700 - 8443445 - 8444235 - 8442304
FAX : 84 - 8 - 440043 LAMSON LACQUER

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3

1996
. 24
IN

Tạp chí Cộng sản



e Library - UC Berkeley
ceived on: 01-16-97
p chi cong san : C quan ly
an va chinh tri ca dang
ng san Viet-Nam

Digitized by Google

VIETNAM MOTORS

19-8-1991 — 19-8-1996

Lớn mạnh cùng nền công nghiệp xe hơi Việt Nam

Với chúng tôi, vinh dự lớn nhất là được cung cấp cho Khách Hàng các sản phẩm đa dạng nhất, chất lượng cao nhất cùng với các dịch vụ sau bán hàng hoàn hảo nhất.

BMW mazda KIA

Trụ sở chính tại Hà Nội :
Km 9 đường Nguyễn Trãi, Q. Đống Đa. Tel 8543452 - 8543325 Fax : 8544682
Trung tâm bán - bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại Hà Nội :
198 B Tây Sơn, Q. Đống Đa. Tel : 8534121 - 8534122 Fax : 8534121
Trung tâm giới thiệu và bán xe BMW tại Hà Nội :
109 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm. Tel : 8221168 - 8221180 Fax : 8221180
Chi nhánh - Trung tâm bán, bảo hành bảo dưỡng xe BMW tại t/p Hồ Chí Minh :
134 Nguyễn Biểu, Q. 5 Tel : 8362766 - 8362759 Fax : 8362768
Trung tâm bán và bảo hành bảo dưỡng xe MAZDA và KIA tại t/p Hồ Chí Minh :
22 đường Cộng Hòa, Q. Tân Bình Tel : 8453304 - 8453305 Fax : 8453302

Và tất cả các đại lý của VMC trên toàn quốc


BMW 525 i


BMW 320 i


MAZDA E2000



MAZDA 626



MAZDA 323


KIA PRIDE GTX


MAZDA B2200

NHÂN DỊP năm 5 THÀNH LẬP

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT


KIA CERES

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập, Xí nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình - Vietnam Motors Corporation (VMC) sẽ áp dụng mức **giá khuyến mại đặc biệt cho kiểu xe MAZDA 323** do Liên doanh lắp ráp. **Với mỗi xe, Quý vị sẽ được giảm 30.000.000 đồng.** Chương trình kéo dài từ ngày 19-8-1996 đến ngày 31-10-1996. Kính mời Quý Khách Hàng đến tham quan các trung tâm và các đại lý của VMC trên toàn quốc. Tại đây chúng tôi sẽ cung cấp cho Quý vị mọi thông tin chi tiết.



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 510

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	TRẦN VĂN QUANG - Cựu chiến binh với nhiệm vu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
	ĐOÀN SINH HƯỞNG - Xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và năng lực tốt	6
	VŨ NGỌC LÂN - Nguyên tắc tập trung dân chủ - một biểu hiện sức sống của Đảng	9
	NHỊ LÊ - Chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh	13
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HUY CẬN - Giải thưởng Hồ Chí Minh, một sự kiện lớn trong đời sống văn hóa của xã hội ta	17
	NGUYỄN VĂN THỤY -Xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ ở miền núi, vùng sâu, vùng xa	20
	ĐẶNG CẢNH KHANH - Nghĩ về cách nhìn thế hệ trẻ trong sự nghiệp đổi mới hiện nay	23
	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG - Đầu tư cho giáo dục qua kinh nghiệm một số nước trên thế giới	27
	PHẠM THANH HẢI - Sự bình đẳng trong kinh doanh và vai trò điều tiết của nhà nước đối với doanh nghiệp	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VÕ HOÀNG XINH - Cần thơ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	33
	LÊ HỒNG LIÊM - Sử dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh	36
	NGUYỄN HỮU TIẾN - NGUYỄN ĐÌNH LONG - Vai trò của kinh tế hộ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn	41
	NGỌC ANH - HỒNG SƠN - Về xây dựng đội ngũ cán bộ nữ các dân tộc miền núi hiện nay	45
ĐIỀU TRA	LÊ TRỌNG - Ruộng đất của người nghèo : thực trạng và kiến nghị	49
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	MAI NINH - Nghi thức tiếp nhận lệnh	52
	VŨ HUY ANH - Ý nghĩ nhỏ về một công việc lớn	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	TIẾN HẢI - Tít còn bỏ ngỏ	55
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	*** - Nước Mỹ với cuộc bầu cử năm 1996	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Hội nhập quốc tế. Việt nam hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế	59
	- Ngoại hối. Cán cân thanh toán ngoại hối	60

Bìa 1 : *Ra đảo* Ảnh : *MINH NHẬT*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ВАН КУАНГ - Ветераны и задачи строительства и защиты родины. ДОАН ШИН ХЫОНГ - Формирование контингента способных, достойных и политически закалённых военных кадров. ВУ НГОК ЛАН - Принцип демократического централизма - воплошение жизненности партии. НЬИ ЛЕ - Социализм в представлениях Хо Ши Мина. ТХУ КУАНГ - "Хо Ши Мин" премия - большое событие в культурной жизни нашего обшества. НГУЕН ВАН ТХУ - Дело социализации науки и технологии в горных, далёких и дальних районах. ДАНГ КАНЬ ХАНЬ - Мнения об оценке молодых поколений в настоящем курсе обновления. НГУЕН ДИНЬ ЧУНГ - Инвестиция для области образования через опыт некоторых стран мира. ФАМ ТХАНЬ ХАЙ - Равноправие в бизнесе и роль регулирования государством предприятий. ВО ХОАНГ ШИНЬ - "Кан Тхо" провинция в процессе индустриализации и модернизации. ЛЕ ХОНГ ЛИЕМ - Примснение форм государственного капитализма в пятом районе города Хо Ши Мина. ЛЕ ЧОНГ - Земля бедных : реальность и предложения.

CONTENTS

TRẦN VĂN QUANG : Veterans and the task of building and defending the country. ĐOÀN SINH HƯỞNG : Building up a contingent of army officers with stable political attitude, good personality and abilities. VŨ NGỌC LÂN : Principle of democratic centralism - a symbol of the Party's vitality. NHỊ LÊ : Ho Chi Minh's thoughts on socialism. HUY CẬN : Ho Chi Minh Prize presentation - a great event of the country's cultural life. NGUYỄN VĂN THỤY : Socialization of scientific and technological activities in mountainous and remote areas. ĐẶNG CẢNH KHANH : About the way of looking over the young generations in the course of renovation at present. NGUYỄN ĐÌNH TRUNG : Experiences of investment in education in some countries. PHẠM THANH HẢI : Equality in trade and State's regulation role towards enterprises. VŨ HOÀNG XINH : Cần Thơ province in the course of industrialization and modernization. LÊ HỒNG LIÊM : Application of the forms of state capitalist economy in district 5, Ho Chi Minh City. LÊ TRỌNG : Land for the poor people : realities and solutions.

SOMMAIRE

TRẦN VĂN QUANG - Les vétérans et la tâche d'édification et de défense de la Patrie. ĐOÀN SINH HƯỞNG - Edifier un contingent de cadre militaire ayant un caractère politique ferme, une qualité et une capacité bonnes. VŨ NGỌC LÂN - Le principe de centralisme démocratique - une expression de la vitalité du Parti. NHỊ LÊ - Le socialisme dans la pensée de Ho Chi Minh. HUY CẬN - Le Prix Ho Chi Minh - un grand événement dans la vie culturelle de notre société. NGUYỄN VĂN THỤY - Sur la socialisation des activités scientifiques et technologiques dans les régions montagneus et éloignées. ĐẶNG CẢNH KHANH - Réflexions sur l'appréciation sur les jeunes dans l'oeuvre de renouveau d'aujourd'hui. NGUYỄN ĐÌNH TRUNG - Investir à l'éducation - expériences de certains pays. PHẠM THANH HẢI - L'égalité dans le commerce et le rôle de régulateur de l'Etat à l'égard des entreprises. VÕ HOÀNG XINH - La province de Can Tho dans son processus d'industrialisation et de modernisation. LÊ HỒNG LIÊM - L'application des formes économiques de capitalisme d'Etat au 5e district de Ho Chi Minh-ville. LÊ TRỌNG - Les terres des pauvres paysans : état réel et propositions.

SUMARIO

TRẦN VĂN QUANG - Los veteranos para con la tarea de edificación y defensa de la Patria. ĐOÀN SINH HƯỞNG - Edificar el contingente de cuadros del ejército dispuestos de firme temperamento político y buena virtud y capacidad. VŨ NGỌC LÂN - El principio de centralismo democrático - una manifestación de la vitalidad del Partido. NHỊ LÊ - El socialismo en el pensamiento Ho Chi Minh. HUY CẬN - El Premio Ho Chi Minh, un gran acontecimiento en la vida cultural de nuestra sociedad. NGUYỄN VĂN THỤY - Socialización de las actividades científicas y technológicas en las regiones montañosas, remotas y apartadas. ĐẶNG CẢNH KHANH - Reflexiones sobre la evaluación de la joven generación en la obra de renovación actual. NGUYỄN ĐÌNH TRUNG - Inversión para la educación através de las experiencias de algunos paises en el mundo. PHẠM THANH HẢI - La igualdad en la comercialización y el papel regulador del Estado para con las empresas. VÕ HOÀNG XINH - La provincia de Can Tho en el proceso de la industrialización y modernización. LÊ HỒNG LIÊM - Aplicación de las formas de la economía capitalista de Estado en el Distrito V de Ciudad Ho Chi Minh. LÊ TRỌNG - La tierra de los pobres : Estado real y propuesta.

目錄

•陳文光：退伍軍人與建設、保衛祖國的任務•段生霽：建設一支具有堅定不移的政治本領有優秀的品質和能力的軍隊幹部隊伍•武玉麟：民主、集中原則——黨的生命力的一種表現•二黎：胡志明思想中的社會主義•輝近：胡志明獎是我國社會文化生活中的重大事件•阮文瑞：在偏遠地區、山區展開科技活動社會化•鄧景輝：對目前革新事業中的青年一代的看法•阮庭中：通過借鑒世界上一些國家的經驗對我國教育事業進行投資•范青海：經營中的平等及國家對企業的調控作用•武黃欣：工業化、現代化進程中的芹苴省•黎紅廉：采用資本主義模式于胡志明市第五郡：現狀和建議•黎仲：窮人的土地：現狀和建議

Digitized by Google

CỰU CHIẾN BINH VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

TRẦN VĂN QUANG *

TRẢI qua hai cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc kéo dài gần 40 năm, nước ta có một đội ngũ cựu chiến binh đông gần 4 triệu người. Xuất thân từ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp yêu nước, con em của hầu hết 54 dân tộc trong cả nước, các cựu chiến binh đã không ngại gian khổ không sợ hy sinh, đã chiến đấu trên khắp chiến trường, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

Được Đảng và Bác Hồ giáo dục, được quân đội rèn luyện, được thử thách trong cuộc đấu tranh đầy gian nguy, khi trở về với đời thường, cựu chiến binh có mặt ở khắp phường, xã, nông trường, công trường, cơ quan, xí nghiệp, luôn mang trong mình truyền thống vẻ vang của bộ đội Cụ Hồ : "Trung với đảng, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội ; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Đa số cựu chiến binh còn sức lao động, có kinh nghiệm đấu tranh, được nhân dân ở địa phương yêu mến, tin cậy. Cựu chiến binh rất tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vui mừng trước những thắng lợi của đất nước và sự thành công của Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng mong được đóng góp công sức của mình cùng toàn dân đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, góp phần xây dựng đất nước, thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

Để góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng phù hợp với hoàn cảnh và khả năng của mình, cựu chiến binh tập trung quán triệt và thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu sau đây :

1 - *Nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*

Đây là nhiệm vụ cách mạng của cả một giai đoạn lịch sử, kế tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà Đảng và nhân dân ta đã giành được thắng lợi sau 50 năm chiến đấu hy sinh.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa liên quan chặt chẽ với nhau. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ trung tâm hiện nay, vì có xây dựng được chủ nghĩa xã hội thành công thì mới bảo vệ được vững chắc Tổ quốc ; mặt khác, có bảo vệ vững chắc Tổ quốc thì mới có điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

Chúng ta biết rằng, trong tình hình hiện nay, tuy chiến tranh lớn ít có khả năng xảy ra, nhưng xung đột cục bộ và âm mưu phá hoại của kẻ thù vẫn còn. Bọn phản động quốc tế và trong nước ra sức câu kết với nhau nhằm phủ định thành quả cách mạng, xuyên tạc đường lối của Đảng, chia rẽ các tôn giáo, các dân tộc, phá hoại an ninh chính trị và an toàn xã hội, thậm chí có thể gây ra những cuộc xung đột vũ trang cục bộ. Chúng thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, nhằm làm tha hóa một bộ phận cán bộ, làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng, mong lái nước ta đi chệch con đường độc lập và chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, trong khi lấy xây dựng đất nước và phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, Đảng và nhân dân ta hết sức tăng cường nền quốc

* Thượng tướng, Chủ tịch Hội cựu chiến binh Việt nam

Digitized by Google

phòng và an ninh, xem nhiệm vụ bảo vệ đất nước là một trong hai nhiệm vụ chiến lược.

Những người cựu chiến binh với kinh nghiệm và kiến thức của mình, trước hết luôn luôn giữ vững lập trường, cùng toàn dân nâng cao cảnh giác, vạch trần mọi âm mưu, thủ đoạn của bọn phản động trong và ngoài nước, ra sức bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền nhân dân, cùng toàn dân làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch.

Trong khi tích cực đấu tranh chống những âm mưu, thủ đoạn của bọn phản động, cựu chiến binh tham gia đấu tranh khắc phục những nguy cơ khác mà Đảng đã chỉ ra : nguy cơ tụt hậu về kinh tế, nguy cơ tham nhũng, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Tụt hậu về kinh tế và văn hóa thì dân không thể giàu, nước không thể mạnh, so sánh lực lượng giữa ta và các nước sẽ không có lợi cho ta, ảnh hưởng đến tiềm lực quốc phòng và vị thế quốc tế. Tham nhũng và tệ nạn xã hội không những làm thất thoát tài sản và phá hoại kinh tế, mà còn làm thoái hóa, biến chất một số người có chức, có quyền, làm suy đồi đạo đức, xã hội mất an ninh, lòng dân mất tin tưởng ; như vậy, tham nhũng và các tệ nạn có thể trở thành đồng minh khách quan của kẻ thù và có thể dẫn nước ta đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, cựu chiến binh đã tích cực tham gia chống âm mưu "diễn biến hòa bình", liên kết với Bộ quốc phòng, Bộ nội vụ và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ, kế hoạch bảo vệ an ninh ở cơ sở, củng cố hậu phương quân đội, truyền thụ truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, cựu chiến binh sẽ tiếp tục phát huy những thành tích và kinh nghiệm đó, kiên định lập trường, nâng cao hiểu biết về đường lối đổi mới của Đảng, hợp tác với các cơ quan và đoàn thể hữu quan, góp phần quan trọng hơn nữa vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc, cùng toàn đảng, toàn dân giữ vững ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Nắm vững nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn cách mạng hiện nay là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. "Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phát triển sức sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với đổi mới công nghệ, phát triển mạnh các ngành nghề, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo, tăng trưởng kinh tế ngày càng cao và bền vững.

Những năm gần đây, nhiều cựu chiến binh đã tích cực tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình. Ở nhiều địa phương, cựu chiến binh tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thành lập các trang trại. Một số cựu chiến binh đã tổ chức một số cơ sở hợp tác nông nghiệp kiểu mới, hợp tác xã dịch vụ cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, v.v... Tuy mới chỉ là bước đi ban đầu, nhưng đó là những bước đi đúng hướng, đưa lại hiệu quả kinh tế cho gia đình và góp phần vào phát triển kinh tế địa phương.

Ngày nay, khi toàn dân triển khai thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là những người chủ gia đình, phần lớn còn sức lao động, lại sống ở hầu hết khu dân cư và trong một số xí nghiệp, nông trường, công trường, cơ quan,... anh chị em cựu chiến binh có thể động viên gia đình mình cùng toàn dân làm được những việc sau đây :

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành, nghề và sản xuất hàng hóa phù hợp với điều kiện địa phương và khả năng của mình.

- Tích cực đưa khoa học - công nghệ vào sản xuất và kinh doanh.

- Tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng ở địa phương.

- Cùng nhau hình thành các hình thức hợp tác xã kiểu mới phù hợp với từng địa phương.

- Cùng toàn dân tích cực thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của chính phủ, nhất là chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi, chương trình xóa đói giảm nghèo và các chương trình kinh tế - xã hội khác như : xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, chống các tệ nạn xã hội, kế hoạch hóa gia đình, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư và những chương trình cụ thể của địa phương. Đối với

Digitized by Google

những cựu chiến binh là trí thức thì dù ở cơ quan hay sống ở gia đình cũng có thể phát huy tài năng của mình vào việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có như vậy, chúng ta mới hòa nhập vào đội ngũ toàn dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và chương trình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng 5 năm (1996 - 2000), *cựu chiến binh có một thuận lợi là đã có Hội cựu chiến binh*, tổ chức tập hợp những anh chị em cựu chiến binh có tâm huyết nhất đối với sự nghiệp cách mạng. Tuy mới ra đời được 7 năm, Hội cựu chiến binh đã có cơ sở ở hầu hết các khu dân cư, hoạt động đúng hướng, có một số thành tích và kinh nghiệm thực tiễn, được nhân dân tin yêu, được Đảng và chính quyền tin cậy. Hội lại đang chuẩn bị mở Đại hội ở cấp tỉnh, thành và toàn quốc. Trước mắt, đây là một dịp để đại hội cựu chiến binh các cấp quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và các chương trình mục tiêu của từng địa phương, cụ thể hóa thành nội dung nhiệm vụ và kế hoạch công tác từ nay cho đến năm 2001 của Hội.

Chúng ta phải thảo luận và quyết định nhiệm vụ củng cố và phát triển tổ chức, kết nạp thêm nhiều hội viên mới, phát triển nhiều tổ chức cơ sở ở các công trường, nông trường, cơ quan, trường học, củng cố các chi hội, phân hội, liên hệ với các câu lạc bộ và ban liên lạc truyền thống cựu chiến binh, làm cho Hội thực sự là nơi đoàn kết đa số cựu chiến binh và là người đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của cựu chiến binh. Đi đôi với phát triển tổ chức, phải hết sức chăm lo giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao kiến thức về đường lối, về chủ trương chính sách, về thời sự và khoa học - kỹ thuật, để theo kịp yêu cầu nhiệm vụ. Từ kinh nghiệm vừa qua, chúng ta tăng cường quan hệ hợp tác và liên kết với các cơ quan và đoàn thể, nhất là với Bộ lao động thương binh và xã hội, Bộ quốc phòng, Bộ nội vụ, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, với Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam v.v. để cụ thể hóa các nhiệm vụ đã ghi trong Điều lệ của Hội thành chương trình hành động.

Đối với những cựu chiến binh hiện đang giữ các chức danh trong bộ máy đảng và chính quyền ở cơ sở, Hội cần giúp đỡ và giám sát để các đồng chí đó luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, chí công vô tư, chấp hành đúng Điều lệ của Đảng và pháp luật của nhà nước, xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Với tình đồng chí, đồng đội, chúng ta khai thác mọi khả năng giúp nhau xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình và tập thể, bảo vệ quyền lợi chính đáng của cựu chiến binh, đưa đời sống vật chất và tinh thần của cựu chiến binh lên ít nhất ngang với mức sống trung bình của nhân dân ở khu dân cư.

Chúng ta phải luôn luôn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của chính quyền, đoàn kết phối hợp với các đoàn thể và cơ quan bạn, tránh cô độc, hẹp hòi, hoặc công thần, địa vị.

Thực hiện có kết quả những nhiệm vụ trên là tích cực tham gia thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kết hợp lợi ích gia đình và lợi ích tập thể, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống.

Chỗ mạnh của những người cựu chiến binh là mang trong mình nhiệt huyết của người chiến sĩ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng vinh quang, một truyền thống quý báu của "Anh bộ đội cụ Hồ". Đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Trung ương Đảng đã nói : Truyền thống là một kho báu... không chỉ giới hạn trong thời kỳ chiến tranh mà có ý nghĩa to lớn trong cả giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Tự hào về truyền thống lịch sử... kế thừa và phát huy truyền thống đó, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo ra nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ mới đặt ra trước nhân dân ta. Quán triệt lời dạy đó trong tư tưởng, trong nhiệm vụ và kế hoạch công tác, với quyết tâm cao, cựu chiến binh Việt nam nhất định sẽ góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng thành công, tiếp tục cống hiến cho Tổ quốc, luôn luôn xứng đáng là một lực lượng lao động và chiến đấu, chỗ dựa vững chắc của Đảng và chính quyền, đáp ứng sự thương yêu và cổ vũ của đồng bào.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUÂN ĐỘI CÓ BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ VỮNG VÀNG, CÓ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC TỐT

ĐOÀN SINH HƯỞNG *

TRONG sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, mọi sự biến đổi, mọi sự thành công đều phụ thuộc vào yếu tố con người. Con người là chủ thể, là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Kẻ thù luôn tìm mọi cách chống phá hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, và mũi tiến công đầu tiên của chúng là nhằm vào tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Chúng cố sức làm cho cán bộ, đảng viên ta giảm niềm tin và ý chí cách mạng. Chính vì thế xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, năng lực tốt là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, cực kỳ quan trọng.

Trong đội ngũ cán bộ hùng hậu mà Đảng ta xây dựng, rèn luyện, cán bộ quân đội là một trong những lực lượng nòng cốt bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, cán bộ và chiến sĩ quân đội, trong khi thực hiện trọng trách của mình, còn phải đối mặt với những thách thức không kém phần gay go, phức tạp :

- Sự vận động của cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện tốt cho việc rèn luyện và xây dựng đội ngũ cán bộ ; đồng thời cũng đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có những kiến thức, năng lực, lối sống, phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng. Tuy nhiên, cơ chế thị trường đang có mặt trái là gây ra sự phân hóa giàu nghèo, sự khác biệt lối sống, tình cảm của các tầng lớp dân cư, sự kích thích chủ nghĩa thực dụng, hưởng thụ, chạy theo đồng tiền và tiện nghi vật chất, ít quan tâm đến lợi ích của tập thể và của người khác, dẫn tới bàng quan về chính trị trong một số cán bộ nói chung và cán bộ quân đội nói riêng. Tình trạng thờ ơ, thiếu ý thức trách nhiệm với nhiệm vụ bảo vệ chế độ, với sự nghiệp an ninh - quốc phòng đang xuất hiện trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm ảnh hưởng đến truyền thống và sức chiến đấu của quân đội ta.

- Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ cùng với những biến động sâu sắc trên thế giới... là những đặc điểm chi phối mạnh mẽ đến suy nghĩ của mỗi cán bộ, đảng viên. Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, thì những kẻ cơ hội, xét lại, những phần tử bất mãn đã được dịp la lối, công kích chế độ xã hội chủ nghĩa, và tuyên truyền cho chủ nghĩa tư bản. Một số cán bộ đảng viên tỏ ra băn khoăn lo lắng, thậm chí có người dao động và sa ngã.

- Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục chống phá chủ nghĩa xã hội bằng "diễn biến hòa bình", mưu toan lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa bằng cách tiến công từ bên trong trên tất cả các yếu tố cấu thành chế độ, tạo ra sự tự diễn biến và sự tự hủy hoại trong lòng chế độ. Chúng ráo riết thực hiện âm mưu phi hệ tư tưởng hóa, phi chính trị hóa quân đội.

Chính vì thế, để xây dựng quân đội vững mạnh, chính quy, từng bước hiện đại, chúng ta càng phải coi trọng xây dựng nền tảng chính trị trong quân đội. Đội ngũ cán bộ, sĩ quan - những đảng viên trung thành của Đảng - không những cần vững vàng về chính trị mà

* PTS, đại tá, Tư lệnh bộ đội xe tăng, thiết giáp

Digitized by Google

còn cần phải đạt đến trình độ tinh nhuệ về kỹ, chiến thuật, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại hoặc lật đổ của kẻ thù. Muốn vậy cần phải giải quyết những vấn đề sau :

Trước hết, xây dựng bản lĩnh chính trị của người cán bộ quân đội là làm cho cán bộ, đảng viên luôn luôn giác ngộ cao, có ý chí cách mạng kiên cường, kiên định với sự nghiệp của Đảng.

Bài học truyền thống đầu tiên của quân đội nhân dân Việt nam là lòng trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, chấp hành triệt để nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, luật pháp của Nhà nước. Bản lĩnh đó được cụ thể hóa thành những nội dung sát thực với đơn vị mình, cơ quan mình sao cho quân đội nhân dân Việt nam mà nòng cốt là những cán bộ, đảng viên luôn luôn là lực lượng "thép" bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

Hai là, xây dựng bản lĩnh chính trị cần đi sâu vào những nội dung trọng yếu : kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà nhân dân, Đảng và Bác Hồ đã chọn, nắm vững và thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, đường lối quốc phòng - an ninh của Đảng ta, xây dựng đơn vị vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, luôn luôn xứng đáng là lực lượng tin cậy trung thành tuyệt đối của Đảng, của nhân dân.

Ba là, xây dựng bản lĩnh chính trị của người cán bộ trong quân đội còn phải thể hiện ở ý chí chiến đấu cao, gương mẫu về mọi mặt, có quan hệ mật thiết với quần chúng, là hạt nhân đoàn kết trong nội bộ và quần chúng nhân dân.

Cán bộ phải đi tiên phong trong cuộc chiến đấu chống những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, chống sự tha hóa biến chất - những tệ nạn mà nếu không khắc phục được sẽ làm giảm niềm tin yêu của nhân dân vào Đảng và chế độ. Bản lĩnh chính trị của người cán bộ trong quân đội còn thể hiện dù bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững bản chất giai cấp công nhân ; phải luôn nhớ quân đội là con em của nhân dân, đại diện cho nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ, đấu tranh kiên quyết với mọi âm mưu đả kích Đảng, nói xấu chế độ, chia rẽ Đảng với nhân dân, với quân đội. Và điều quan trọng nữa là người cán bộ cần có đầy đủ năng lực để giải quyết những vấn đề có thể nảy sinh.

Bốn là, cùng với xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức cách mạng, người cán bộ, đảng viên trong quân đội cần phải có năng lực tốt, tinh thông kỹ thuật, nghiệp vụ.

Hơn nửa thế kỷ chiến đấu của quân đội ta đã chỉ rõ : trong nhiều bài học tạo nên chiến thắng, chúng ta đánh giá cao bài học về phát huy trí tuệ, sáng tạo, lòng quả cảm, ý chí kiên cường trước mọi thử thách với tinh thần quyết chiến quyết thắng của cán bộ, chiến sĩ. Năng lực của người cán bộ trong giai đoạn cách mạng hiện nay thể hiện ở năng lực quán triệt đường lối của Đảng, năng lực phân tích thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả mọi nhiệm vụ được giao. Đó còn là năng lực giải quyết tốt mối liên hệ giữa lãnh đạo và chỉ huy, giữa cơ quan với đơn vị, giữa tuân thủ triệt để tính nguyên tắc với vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tiễn của cơ quan, đơn vị. Đó còn là năng lực biết nhìn thấy và tận dụng được những thuận lợi, dự báo trước những khó khăn và mâu thuẫn sẽ phát sinh để chủ động đề ra phương án giải quyết. Năng lực ấy chỉ có được nhờ sự tự giác rèn luyện, chịu khó học hỏi, nâng cao trí tuệ và đúc rút những kinh nghiệm trong công tác, đồng thời thành tâm tiếp nhận sự giúp đỡ của các thế hệ đàn anh, đồng chí, đồng đội, và sự quản lý của tổ chức, của cấp lãnh đạo.

Thực tế công tác, chiến đấu cho chúng ta thấy : người cán bộ kém đạo đức thì dù có năng lực tốt cũng không phát huy được, song ngược lại người cán bộ kém năng lực - trí tuệ thì dù đạo đức có tốt bao nhiêu, hiệu quả công

Digitized by Google

tác chiến đấu cũng rất thấp. Vì thế, thiếu một trong hai mặt đó, người cán bộ không thể hiện đầy đủ được bản lĩnh chính trị - bản chất cách mạng của quân đội trong giai đoạn mới. Cả đức và tài của cán bộ đều cần, đều quan trọng. Muốn đạt được điều đó, cần phải có sự giáo dục, rèn luyện của Đảng, của quân đội và sự tự giác vươn lên của từng cá nhân. Nếu cán bộ không chịu rèn luyện thường xuyên, tự buông lỏng mình sẽ dẫn tới thoái hóa, biến chất, vi phạm đạo đức cách mạng. Mỗi cán bộ chúng ta ở mọi nơi, mọi lúc, mọi cương vị phải tự đấu tranh với chính mình, đấu tranh để giữ vững phẩm chất đạo đức, chống lối sống thực dụng, ham tiền, ham vật chất.

Đi đôi với việc tự rèn luyện, tự xây dựng, đội ngũ cán bộ của Đảng, của quân đội phải đứng đầu trên trận tuyến tư tưởng để đập lại những luận điệu thù địch và quan điểm sai trái. Đó là những luận điệu xuyên tạc, bóp méo lịch sử, phủ nhận những giá trị cao đẹp của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta, phủ nhận công lao to lớn và vai trò lãnh đạo của Đảng,... Đó là những quan điểm sai trái của một số người ngày càng xa rời và coi nhẹ nền văn hóa dân tộc, sùng bái văn hóa ngoại lai, coi nhẹ giá trị tinh thần, chạy theo vật chất tầm thường. Chúng ta cần tạo nên một dư luận rộng rãi đập tan những luận điệu phản động về chính trị, chống lại những hoạt động văn hóa thiếu lành mạnh, kích động bản năng thấp hèn, dâm ô, đồi trụy, gây tác hại xấu cho đất nước và nhân dân.

Trong thời kỳ mới để theo kịp tình hình phát triển của cách mạng, công tác cán bộ cũng có những đòi hỏi mới. Công tác cán bộ phải làm sáng tỏ quan niệm về "tài" và "đức". Bác Hồ nói : có "đức" mà không có "tài" thì làm việc gì cũng khó, có "tài" mà không có "đức" là người vô dụng. Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, chúng ta càng thấm thía câu nói của Bác Hồ và thấy rằng việc phát hiện, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ là một khoa học, phải được làm chu đáo. Đào tạo được một cán bộ có năng lực không phải là việc dễ, song giáo dục rèn luyện người cán bộ có đạo đức tốt lại càng không dễ.

Cơ chế thị trường đem lại những lợi ích to lớn, song phía sau nó, là không ít điều tiêu cực. Sự cám dỗ vật chất là một thứ kẻ thù tuy vô hình nhưng không kém phần nguy hiểm đối với công tác cán bộ. Cần đấu tranh với quan điểm thần thánh hóa lợi ích vật chất, coi đồng tiền là trên hết dẫn đến sự thoái hóa biến chất, vì lợi ích cá nhân mà hy sinh lợi ích tập thể, lợi ích chung của đất nước.

Cơ chế thị trường còn là môi trường thuận lợi cho những kẻ cơ hội, tham nhũng. Tham nhũng đã trở thành quốc nạn. Việc chống tham nhũng phải làm tận gốc, kể cả trong số cán bộ có chức, có quyền, cán bộ trong quân đội. Là lực lượng trụ cột bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc, quân đội phải thật sự trong sạch.

Chúng ta đang tiến đến thế kỷ XXI, thế kỷ của những biến đổi to lớn và sâu sắc. Người cán bộ quân đội tương lai phải là người có tri thức. Đón trước chủ trương "đại học hóa sĩ quan đến năm 2000", những năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã có những tiến bộ mới. Một bộ phận cán bộ được đào tạo lại, cùng với lớp sĩ quan mới ra trường, có kiến thức, sức khỏe, đạo đức tốt, là vốn quý của quân đội ta. Để làm chủ trang bị khoa học - kỹ thuật, làm chủ bản thân, có nhân sinh quan khoa học, trong sáng, cơ sở đầu tiên chính là tri thức. Để có đội ngũ cán bộ được trí thức hóa trong quân đội, cần có nhiều biện pháp tích cực, mạnh mẽ. Cần chống lại những khuynh hướng không đúng đắn như "học giả", "học được chăng hay chớ", "học lấy lệ", học để kiếm lấy tấm bằng vì danh vọng và lợi lộc trước mắt.

Xây dựng một đội ngũ cán bộ quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao là trách nhiệm không chỉ của quân đội mà của cả Đảng và Nhà nước ta. ❑

Digitized by Google

NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ - MỘT BIỂU HIỆN SỨC SỐNG CỦA ĐẢNG

VŨ NGỌC LÂN

LÂU nay các thế lực thù địch luôn luôn tập trung sức tấn công nhằm phủ nhận, phê phán, xuyên tạc nguyên tắc tập trung dân chủ, một nguyên tắc rất cơ bản của các đảng cộng sản. Bọn chúng thường cho rằng : nguyên tắc tập trung dân chủ đến nay đã lỗi thời ; cái gọi là "dân chủ" chỉ là "hình thức và lý thuyết", còn thực chất là "độc đoán", "chuyên quyền" của một trung tâm ; trong nguyên tắc này, không thể có sự tồn tại, "chung sống" giữa tập trung với dân chủ, "nhốt" chung vào một "rọ" chúng sẽ "giết chết" lẫn nhau, mà cụ thể là cái tập trung sẽ "giết chết" cái dân chủ, v.v. Có thật như vậy không ?

Tình hình thực tế của nhiều đảng cộng sản, trong đó đáng chú ý nhất là sự đổ vỡ của đảng cộng sản ở các nước Đông Âu và Liên xô, cho thấy, một trong những nguyên nhân quan trọng không phải là do việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ mà do vi phạm rất nghiêm trọng nguyên tắc đó.

Tập trung dân chủ không chỉ là một nguyên tắc cơ bản của các đảng cộng sản, nó còn là một nguyên tắc mang tính khoa học của việc quản lý nhà nước, tổ chức cộng đồng, chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội một cách có văn hóa. Xét dưới góc độ triết học, bản thân các hoạt động chính trị cũng mang tính biện chứng. Đó là sự vận động, giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình hoàn thiện và phát triển. Đảng cộng sản là một tổ chức chính trị rộng lớn bao gồm nhiều cá thể đảng viên, đa dạng về nguồn gốc, thành phần, trình độ, nghề nghiệp, học vấn, kinh nghiệm hoạt động, phương pháp cách mạng... Sức mạnh của đảng là ở chỗ thống nhất được ý chí, hành động của những cá thể, đa dạng đó vào mục đích chung là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Như thế có nghĩa là đảng phải tạo ra được cơ chế, thể chế và phương pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên của mình phát huy được mặt mạnh, huy động được trí tuệ của mọi đảng viên. Sự đa dạng, phong phú của các cá thể đảng viên phải tìm được sự thống nhất và cố kết để đi đến hành động. Từ trong bản chất, nguyên tắc tập trung dân chủ loại bỏ hoàn toàn khuynh hướng độc đoán từ một trung tâm ; đồng thời, cũng loại bỏ khuynh hướng vô chính phủ của các bộ phận phá hoại sự thống nhất của toàn thể. Thực hiện nghiêm túc, đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ thực chất là thu góp sức mạnh của dân chủ, đưa nó lên đỉnh cao để phát huy hết sức mạnh của nó. Hiểu theo nghĩa "động", tập trung hoàn toàn không phải là biểu hiện ngẫu nhiên cứng nhắc, đơn độc ; nó là cả quá trình, là kết quả của sự huy động trí tuệ, gạn lọc để dân chủ trở thành một cái gì đó cụ thể , có tác dụng thật sự trong thực tế. Chỉ có kết hợp chặt chẽ giữa dân chủ cao độ với tập trung cao độ thì mới có thể làm cho tính chất tiên phong của đảng mác xít được thể hiện một cách đúng đắn, đầy đủ. Nếu phá vỡ nguyên tắc tập trung dân chủ thì coi như tính chất của đảng cộng sản bị tổn hại và đảng có nguy cơ tan rã hoặc không còn là đảng tiên phong của giai cấp công nhân nữa.

Nguyên tắc tập trung dân chủ bao gồm nhiều nội dung, nhưng tựu trung có thể quy vào những *cặp yếu tố* có mối quan hệ biện chứng với nhau : tập trung và dân chủ ; cá nhân và tập thể ; tự do và kỷ luật ; cấp dưới và cấp trên ; quyền lực và giám sát quyền lực.

Digitized by Google

Tùy góc độ và hoàn cảnh lịch sử cụ thể, người ta có thể nhấn mạnh, đi sâu vào một số khâu, một số điểm, nhưng phải khẳng định dứt khoát rằng nếu coi nhẹ hoặc tuyệt đối hóa bất cứ yếu tố nào trong các cặp yếu tố trên đây thì nhất định không tránh khỏi dẫn đến chỗ phá vỡ nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho đảng phân rã, thiếu thống nhất.

Nguyên tắc tập trung dân chủ biểu hiện dưới nhiều hình thức và ở nhiều khâu, có thể ở *những khâu chủ yếu* sau đây :

1 - Đại hội đảng. Có thể nói đại hội đảng là một khâu đặc biệt quan trọng, gần như quyết định việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Đại hội đảng là cơ quan quyền lực cao nhất của đảng, tập trung trí tuệ của toàn đảng để thảo luận và quyết định những vấn đề trọng yếu của đảng. Để đại hội đảng đạt kết quả cao, trước hết phải đặc biệt coi trọng việc bầu đại biểu đi dự đại hội. Các đại biểu được bầu phải thật sự đại diện cho tính chất đa dạng của đảng viên ở cơ sở. Tránh tình trạng "đơn điệu hóa" các đại biểu, nghĩa là tránh khuynh hướng tìm mọi cách làm cho các đại biểu của một cơ sở chỉ phản ánh một chiều lập trường, quan điểm, tiếng nói nào đó. Phải làm sao cho những người đi dự đại hội đảng toàn quốc phản ánh những ý kiến đa dạng, những vấn đề nảy sinh trong đời sống đảng ở địa phương, cơ sở. Những văn kiện, những vấn đề thảo luận ở đại hội đảng toàn quốc phải được chuẩn bị kỹ càng phổ biến đầy đủ đến từng đảng viên ở các đại hội từ cơ sở. Mỗi đảng viên phải được tự do tư tưởng, phát biểu hết những ý kiến mà mình muốn phát biểu. Tất cả ý kiến của họ cần được tập hợp đầy đủ, phản ánh lên cấp trên.

Nhiều người cho rằng đại hội đảng là sự kiện vừa mang tính đối nội vừa mang tính đối ngoại. Muốn hay không muốn thì đại hội đảng với mọi diễn biến và những văn kiện mà nó thông qua, công bố, cũng là dịp để đông đảo quần chúng, kể cả những người ở phía đối lập, nhìn vào đảng, đánh giá đảng. Điều này dễ gây ra trong đảng tâm lý vì "sợ mất uy tín" của đảng, "sợ bị lợi dụng để bôi xấu đảng" nên ngại không dám đưa ra phân tích kỹ và phê phán những khuyết điểm nào đó (chưa nói là rất có thể một số người có trách nhiệm vin vào đó để che giấu khuyết điểm của mình). Về vấn đề này, thiết nghĩ chúng ta đều nhớ kết luận mà từ lâu các đảng cộng sản chân chính đã rút ra : uy tín cao nhất của đảng là ở chỗ đảng luôn luôn trung thực, nhìn thẳng vào khuyết điểm và quyết tâm tìm mọi biện pháp để khắc phục khuyết điểm. Thật ra, muốn che giấu khuyết điểm cũng không được. Trước sau quần chúng cũng sẽ thấy. Và khi đó, khuyết điểm chắc đã ở mức trầm trọng, quần chúng mất niềm tin, đảng không còn được nhân dân ủng hộ thì sự đổ vỡ là điều không tránh khỏi.

Việc thực hiện các cuộc bầu cử trong đại hội đảng cũng là một biểu hiện sinh động của nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi phải bảo đảm thật sự quyền ứng cử và đề cử cho mọi đảng viên. Phải làm sao cho số người ứng cử và được đề cử nhiều hơn số người quy định được bầu cử ở mức vừa đủ bảo đảm cho người bầu không bị gò bó trong việc lựa chọn, vừa không quá đông làm phân tán phiếu bầu. Phải làm thế nào để người bầu nắm được lý lịch, đặc điểm, thành tích và tính chất tiêu biểu của người ứng cử và người được đề cử. Trong nội bộ đảng có thể không cấm việc vận động cho một người nào đó, nhưng việc vận động phải mang tính trung thực, không bè phái, cục bộ, không sử dụng những biện pháp thiếu văn hóa, gây hỗn loạn trong bầu cử. Cũng cần tổ chức những cuộc gặp để ứng cử viên có thể trao đổi, trả lời những câu hỏi và yêu cầu của người bầu. Những cuộc gặp này phải có nội dung thật sự, tránh hình thức. Người bầu phải thật sự có quyền tự do lựa chọn ứng cử viên mà mình tín nhiệm. Tuyệt đối tránh tình trạng tất cả đã được bố trí trước, người bầu chỉ còn làm mỗi việc ghi tên ứng cử viên nào cũng được.

2 - Thảo luận và tranh luận trong đảng. Trong sinh hoạt đảng, đây là hình thức qua đó có thể thấy nguyên tắc tập trung dân chủ được thực hiện tới mức nào. Trước hết, người tham gia thảo luận, tranh luận phải được tự do bày tỏ ý kiến của mình cho dù ý kiến đó hợp hay

Digitized by Google

không hợp với bất cứ ai. Trong tranh luận mọi đảng viên đều bình đẳng, mọi ý kiến đều được chú ý xem xét. Tuyệt đối tránh tình trạng thảo luận, tranh luận chỉ còn là hình thức, vì kết luận đã được định sẵn từ trước. Càng tuyệt đối chống sử dụng biện pháp công khai hay kín đáo để "bịt miệng" những người có ý kiến ngược lại.

Chúng ta đều biết tranh luận trong đảng là tranh luận giữa những người cùng lý tưởng, cùng mục tiêu chung. Nó không nhằm mục đích nào khác là tập hợp trí tuệ của mọi đảng viên để khắc phục khó khăn, tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhất trên con đường phấn đấu cho lý tưởng và mục tiêu chung. Trong tranh luận, khó tránh khỏi có những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Thực tế đã cho thấy, sự nhất trí quá dễ dàng, không qua thảo luận, tranh luận, không phải lúc nào cũng chứng tỏ sức mạnh của tập thể.

Tìm ra chân lý là một quá trình. Vì vậy, tranh luận không chỉ yêu cầu tính nghiêm khắc cao mà còn đòi hỏi tính mềm dẻo cao. Khi đánh giá các ý kiến khác nhau, cần so sánh, kiểm tra, tìm ra những mâu thuẫn... Ở đây, chú ý không lẫn lộn giữa biện chứng và chiết trung. Cần tránh cách làm thường gặp là dung hòa những ý kiến khác nhau, chấp nhận mỗi ý kiến một tí, tạo ra một thứ ý kiến "hỗn hợp" có vẻ như một "chân lý tương đối" trong đó mỗi ý kiến đều có phần đúng.

Nhưng dù tranh luận như thế nào thì cuối cùng cũng phải kết thúc hoặc tạm kết thúc, dù trên thực tế vẫn còn những bất đồng. Trong điều kiện như vậy, đương nhiên đảng phải quyết định trên cơ sở ý kiến của đa số. Lúc này, nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi thiểu số phải phục tùng đa số. Đảng sẽ không còn là đảng cách mạng nếu sau khi quyết định được thông qua theo đa số, số người không tán thành vẫn còn đứng ra tổ chức thành nhóm, thành phe để hành động theo ý kiến của riêng mình và cho rằng như thế mới là "dân chủ triệt để" (!). Thật ra như thế là phá hoại dân chủ. Đương nhiên, sau khi đã có quyết định tập thể, thiểu số không tán thành vẫn có quyền bảo lưu ý kiến, và đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho những ý kiến của thiểu số được xem xét khi có cơ hội (nhưng họ vẫn phải nói và làm theo nghị quyết).

3 - Mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới. Đây cũng là một khâu quan trọng dễ có những biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Một tình trạng khá phổ biến những năm trước đây trong một số đảng cộng sản là quan hệ phục tùng một chiều : cấp trên chỉ thị cho cấp dưới ; cấp dưới phục tùng cấp trên mà không có điều kiện để đề đạt ý kiến của mình một cách có hiệu quả. Có một số trường hợp cấp trên để cấp dưới đề đạt ý kiến hoặc lấy ý kiến cấp dưới, nhưng đó chỉ là hình thức vì mọi chủ trương đã được quyết định từ trước rồi. Không ít trường hợp cấp dưới đã quyết định một vấn đề nhưng cấp trên có ý kiến khác đi, cho dù ý kiến đó chưa được nghiên cứu kỹ, cấp dưới cũng đành thay đổi theo, không dám có ý kiến lại. Một biểu hiện nữa thường thấy là khi đại biểu cấp trên về dự sinh hoạt hay thăm cấp dưới thì can thiệp quá sâu vào những công việc lẽ ra phải để cấp dưới tự quyết định. Trái với quan hệ phục tùng một chiều là quan hệ không phục tùng cấp trên. Do tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa, coi thường lợi ích chung mà ở nơi này, lúc này lúc khác đã xảy ra tình trạng cấp dưới không phục tùng cấp trên. Ở một số nơi, lãnh đạo cấp dưới có biểu hiện vi phạm Điều lệ đảng, làm trái pháp luật của nhà nước, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân và cấp trên đã có ý kiến bằng văn bản, nhưng cấp dưới vẫn không chịu thi hành... Để khắc phục những biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ nói trên, làm cho đảng thật sự là một khối cố kết vững mạnh trước mọi khó khăn thử thách, không có cách nào khác là thực hiện nghiêm minh nguyên tắc tập trung dân chủ. Không thể vin vào lý do nào đó để xảy ra tình trạng cùng một sai phạm như nhau, nhưng với cấp dưới và những người không có chức có quyền thì xử nặng, thi hành kỷ luật thẳng tay, còn với cấp trên và những

Digitized by Google

người có chức có quyền thì góp ý qua loa, xử lý nội bộ, hoặc tìm cách ngăn cản việc thi hành kỷ luật. Kỷ luật của đảng, pháp luật của nhà nước cần được thể chế hóa đến mức cao nhất, có cơ chế để nhân dân, đảng viên có thể kiểm tra, giám sát mọi biểu hiện vi phạm.

4 - Công khai trong đảng. Trong đời sống chính trị của đảng, đây không phải là điều gì mới mẻ. Thế nhưng, trong một thời gian khá dài, có nhiều điều trong đảng đã bị một số lãnh đạo đảng cấp này, cấp khác lợi dụng quyền lực giữ bí mật một cách vô căn cứ. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy việc gì cũng giữ bí mật không phải là điều có lợi cho đảng. Nó làm cho những khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm của một số cấp lãnh đạo, không được khắc phục kịp thời, tạo điều kiện cho chủ nghĩa quan liêu có cơ phát triển và làm cho đảng mất dần uy tín trước nhân dân. Vì vậy, xây dựng chế độ công khai trong đảng là điều cần thiết. Chẳng hạn, nên có thể chế rõ ràng về việc cấp ủy đảng báo cáo trước đảng viên về hoạt động, về nội dung phạm vi công tác thường kỳ trước đảng viên, về những thắc mắc của họ với cấp trên; nên có các thể chế về báo cáo của cấp ủy đảng cấp dưới với cấp trên, thể chế về tài chính, tài sản của đảng, thu nhập của đảng viên có chức có quyền, v.v. Đương nhiên, trong các thể chế đó, cũng cần quy định rõ trường hợp cụ thể nào, với những nội dung gì, thì các cấp ủy đảng có thể tạm thời, hoặc không cần báo cáo thật công khai tỉ mỉ. Trong tình hình phức tạp như hiện nay, khi các thế lực chống cộng không từ thủ đoạn nào để chống phá các đảng cộng sản cầm quyền thì yêu cầu bảo vệ Đảng ta đặt ra cấp thiết hơn lúc nào hết. Nếu điều gì cũng đòi phải công khai theo kiểu dân chủ cực đoan thì chắc chỉ có lợi cho các thế lực thù địch, gây chia rẽ, phá vỡ đảng từ bên trong. Do đó, điều quan trọng là ở chỗ các cấp ủy đảng biết công khai và giữ bí mật tới mức nào là vừa trong từng trường hợp và giai đoạn lịch sử cụ thể.

5 - Công tác kiểm tra. Không thể bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ mà lại thiếu công tác kiểm tra. Kiểm tra trước hết phải được coi như một công tác bảo đảm cho hoạt động của đảng có hiệu quả. Tránh tình trạng chỉ khi có những sự việc đột xuất hay có yêu cầu gắt gao của quần chúng, của một cấp ủy hay cá nhân nào đó thì mới tiến hành kiểm tra. Bất cứ một cấp ủy, một cá nhân đảng viên nào, cũng phải chịu sự kiểm tra của đảng. Đối với công tác kiểm tra, tuyệt đối không có "vùng cấm". Qua sự đổ vỡ của một số đảng cộng sản cầm quyền ở Liên xô và Đông Âu càng cho thấy tình trạng lộng hành, quan liêu, độc đoán, gia trưởng, kể cả thoái hóa, biến chất của một số cá nhân hay bộ phận nào đó trong đảng hầu như đều bắt nguồn từ chỗ họ thoát khỏi sự kiểm tra của đảng, hay nói một cách khác : các ủy ban kiểm tra của đảng vì lý do nào đó đã "không với tay", "không để mắt" được tới họ. Việc lựa chọn những đảng viên đảm nhận công tác kiểm tra cũng rất quan trọng. Đó phải là những người được bầu ra ở các cấp. Những người đó, như Lê-nin thường nói, phải bám sát cơ sở, nắm được nguyện vọng của quần chúng, không có chút địa vị hay đặc quyền nào để sợ phải mất. Ngay trong thành phần của ủy ban kiểm tra của trung ương cũng phải lưu ý mặt này. Hoạt động của các ủy ban kiểm tra phải dựa chắc vào Cương lĩnh, Điều lệ đảng, các nguyên tắc và lợi ích của đảng, các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Trung ương và cấp ủy đảng. Ủy ban kiểm tra cũng phải có điều kiện và quyền hạn để công bố kết quả kiểm tra trước đảng viên ở bất kỳ một cấp nào có yêu cầu.

Nói tóm lại, nguyên tắc tập trung dân chủ không phải là sự "giết chết lẫn nhau" giữa cái tập trung và cái dân chủ như có ai đó nói, mà đó chính là biểu hiện sức sống của đảng cộng sản.❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NHỊ LÊ

CÀNG tiếp tục đẩy tới công cuộc đổi mới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa hiện nay, chúng ta càng thấy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được xác định rõ hơn, càng như gặp gỡ, hội tụ về với cội nguồn tư tưởng Hồ Chí Minh ở một quy mô mới, tầm cao mới và với một chiều sâu mới. Nói như đồng chí Ha-ri-san Xing Xơ-dít, Trưởng đoàn đại biểu Đảng cộng sản Ấn độ (mác xít) : "Đảng cộng sản Việt nam vẫn tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam thông qua cải cách... Thành tựu của nhân dân Việt nam có được là do các đồng chí đã nghiêm túc nỗ lực áp dụng học thuyết khoa học mác xít - lê nin nít vào điều kiện cụ thể của Việt nam dưới tên gọi tư tưởng Hồ Chí Minh [1].

1 - Sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh

Cho đến bây giờ, đã đến lúc những người bị mê muội, bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ cho rằng, "sự lựa chọn, quan niệm về chủ nghĩa xã hội ở Hồ Chí Minh là ngẫu hứng, nhất thời", buộc phải tỉnh ngộ lại. Và nhất là những ai từng nghĩ rằng "tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là chủ nghĩa xã hội", "không phải là sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa"... càng cần phải tỉnh ngộ lại. Vì lẽ giản dị là, tất cả những gì mà Việt nam giành được trong công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa những năm vừa qua đều thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là điều rõ ràng. Mọi người đều biết, trong các bài nói, bài viết của mình, Hồ Chí Minh đã nhiều lần sử dụng thuật ngữ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Theo một số liệu thống kê (dĩ nhiên là chưa đầy đủ), trong toàn bộ di sản lý luận của Người, Hồ Chí Minh đã dùng hai thuật ngữ trên tới 1 105 lần, trong đó thuật ngữ chủ nghĩa xã hội là 993 lần. Đọc Hồ Chí Minh, chỉ cần chú tâm một chút, ta có thể thấy, ngay từ "Lời phát biểu tại Đại hội Tua" (tháng 12-1920), Người đã sử dụng thuật ngữ chủ nghĩa xã hội, và tới bài trả lời phỏng vấn Sác-lơ Phuốc-nê-ô, trước lúc qua đời chưa đầy hai tháng (tháng 7-1969), Người vẫn dùng thuật ngữ này. Vậy là, trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, trước sau như một, Người sử dụng thuật ngữ chủ nghĩa xã hội một cách nhất quán, bền bỉ chứ đâu phải Người lựa chọn chủ nghĩa xã hội một cách "ngẫu hứng, nhất thời" ! Chịu khó nghiền ngẫm chút nữa ta lại thấy, trên diễn đàn Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua năm 1920, Người lên tiếng yêu cầu đảng này : Phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong các thuộc địa. Bốn chín năm sau đó, tại Hà nội, Người lại khẳng định mục tiêu của cách mạng Việt nam là : Tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn, lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, *xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội*, "Nhân dân Việt nam, về phần mình, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác - Lê-nin" [2]. Nghĩa là, chủ nghĩa xã hội trong quan niệm của Người không phải là cái gì trừu tượng, chung chung, chỉ có nói suông, luận thuyết suông mà là phải gắn chặt giữa *nói* - "tuyên truyền" với *làm* - "xây dựng", "tiến lên" một cách kiên định, thiết thực và phù hợp. Thật hiếm có một lãnh tụ coi trọng và nêu gương về sự kết hợp giữa nói và

(1) Báo *Nhân dân*, số ra ngày 2-7-1996, tr 5

(2), Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 10, tr 806

Digitized by Google

làm, giữa nhận thức và hành động một cách chặt chẽ và thống nhất đến thế. Vậy mới thấy thật nực cười khi còn có kẻ nói bừa rằng : Hồ Chí Minh không nói về sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, nếu quan sát một cách tổng thể các giai đoạn hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh thì tần số xuất hiện các thuật ngữ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở các giai đoạn theo hướng ngày càng tăng, có giai đoạn tăng rất nhanh, hợp thành một chỉnh thể thống nhất và không ngừng phát triển trong dòng quan niệm của Người về chủ nghĩa xã hội. Điều này trở thành tư tưởng chỉ đạo và hoàn toàn phù hợp với những bước tiến trong thực tiễn của cách mạng Việt nam. Nếu ở thời kỳ 1920 - 1954, Hồ Chí Minh sử dụng các thuật ngữ này 31 lần thì tới thời kỳ 1965 - 1969, tần số xuất hiện của các thuật ngữ gấp tới gần ba lần (91/31). Đặc biệt ở thời kỳ 1958 - 1960, nghĩa là chỉ ba năm, Người đã dùng thuật ngữ chủ nghĩa xã hội tới 425 lần. Có một điều dễ hiểu là, chính thời kỳ này, chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã thành một thực tế và trên phạm vi quốc tế, chủ nghĩa xã hội ngày càng giành được những thành tựu to lớn. Và sự thật, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã giành được những thắng lợi quan trọng ngay trong lúc Người còn sống. Điều đặc biệt nhấn mạnh là, trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội được hiện diện thông qua tần số xuất hiện các thuật ngữ đó ở mỗi thời kỳ, không phải là gì khác ngoài sự nắm bắt tinh tế các quy luật khách quan mà cách mạng Việt nam tất yếu phải vươn tới, và chính Hồ Chí Minh là người phát kiến, lựa chọn và lãnh đạo dân tộc đi theo. Ngay từ năm 1921, Người nhận định : Ở nước ta sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi ; chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới. Và chín năm sau đó, Người lại nêu trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng : làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.* Điều đó cũng chính là sự tiếp tục của dòng chảy tư tưởng từ 1921. Rồi sau nữa, Người lại khẳng định : Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Và cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn,... Như vậy, đâu phải chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn "ngẫu hứng", "nhất thời", "một giải pháp tình thế" của Hồ Chí Minh, như có người lầm tưởng.

Rõ ràng, sự lựa chọn chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh là sự lựa chọn có ý thức, hợp quy luật, có căn cứ khoa học phù hợp với tình hình quốc tế và nước ta lúc đó : một sự lựa chọn do lịch sử quy định và đã được kiểm nghiệm bằng thực tiễn của cách mạng Việt nam suốt dọc thế kỷ này.

2 - Diện mạo và bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Như đã trình bày ở trên, những suy tư về chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh đồng thời xuất hiện với những trăn trở về con đường giải phóng dân tộc ở thời kỳ đầu (1920 - 1954). Lúc ấy, chủ nghĩa xã hội chưa trở thành hiện thực trực tiếp của cách mạng Việt nam, do vậy Người chưa có điều kiện để khai phá toàn diện. Và sau này, suốt 15 năm (từ 1954 - 1969), Người sử dụng tới 1 074 lần thuật ngữ chủ nghĩa xã hội để luận giải những nội dung chủ yếu của vấn đề mặc dù cách mạng nước ta lúc đó đồng thời làm hai nhiệm vụ chiến lược.

Khái niệm chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú và đa dạng, nhưng theo tôi tập trung vào mấy nội dung chủ yếu và nổi bật :

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội là lý tưởng tốt đẹp mà nhân loại tất đạt tới ;

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội là một phong trào lịch sử hiện thực mang tính chính trị - xã hội ;

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ;

Thứ tư, chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội khác với chế độ tư bản chủ nghĩa ;

Thứ năm, chủ nghĩa xã hội chính là hệ ý thức của giai cấp công nhân, là chủ nghĩa Mác- Lê-nin.

Digitized by Google

a) Hồ Chí Minh hiểu một cách tổng quát chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội hoàn chỉnh, là con đường tất yếu giải phóng một cách triệt để nhân loại cần lao, bị áp bức. Người cho rằng : chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ ; chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người trên trái đất không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no, việc làm, cả niềm vui, hòa bình, hạnh phúc. Và, chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới. Đây là cách hiểu thường được Người thể hiện và sử dụng trước năm 1954, khi chủ nghĩa xã hội đóng vị thế là xu thế tất yếu mà cách mạng nước ta phải vươn tới.

b) Cùng với việc khám phá, khái quát chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cũng hết sức coi trọng việc xem xét chủ nghĩa xã hội bằng cách *xác lập mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể* của chủ nghĩa xã hội. Người nói : "Chủ nghĩa xã hội là một xã hội không có người bóc lột người, mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do. Chủ nghĩa xã hội là no ấm, đoàn kết, vui khỏe. Mục đích của chủ nghĩa xã hội, nói một cách giản đơn và dễ hiểu là : *không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động* ; Người còn nói : Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và hạnh phúc.

Điều cần nhấn mạnh là, tiếp cận chủ nghĩa xã hội bằng cách xác lập mục tiêu chung, bao trùm và cơ bản của nó, Hồ Chí Minh khẳng định bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với tất thảy các chế độ xã hội đã tồn tại trong lịch sử nhân loại, với chức năng cơ bản là giải phóng con người một cách toàn diện và ở nhiều cấp độ : giai cấp, dân tộc, quốc gia, cá nhân. Chính cách tiếp cận mục tiêu chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh đã nâng tầm tư tưởng của Người về chủ nghĩa xã hội lên một tầm cao mới : đó là tư tưởng giải phóng con người, mưu cầu hạnh phúc cho tất thảy nhân loại cần lao.

Để cụ thể hóa mục tiêu chung, bao trùm, khái quát, Hồ Chí Minh khám phá chủ nghĩa xã hội bằng cách xác lập hệ mục tiêu cụ thể trên các bình diện tạo nên diện mạo cơ bản của chủ nghĩa xã hội : về chính trị, về kinh tế, về văn hóa, v.v..

Chẳng hạn, về mặt chính trị, Người xác định, xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội mà nhân dân lao động là chủ và làm chủ, trong xã hội đó :

Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*

Quyền hành và lực lượng đều ở *nơi dân.*

Người nói rõ hơn : Tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân.

Trên phương diện kinh tế, Người chỉ rõ : Một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến và trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xóa bỏ dần, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ngày càng được cải thiện, Người đặc biệt nhấn mạnh hai yếu tố : chế độ sở hữu và quan hệ phân phối.

c) Trong quá trình khám phá chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh tìm tòi và tiếp cận thông qua việc *xác lập động lực và hệ động lực* xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, làm cho chủ nghĩa xã hội vận động trong tư tưởng của Người vô cùng phong phú và sống động. Người chỉ rõ : Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất... Chủ nghĩa xã hội là do quần chúng nhân dân tự mình xây dựng nên và chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì cao xa mà cụ thể là ý thức lao động tập thể, ý thức kỷ luật,

Digitized by Google

tinh thần thi đua yêu nước, tăng sản xuất cho hợp tác xã, tăng thu nhập cho xã viên, tinh thần đoàn kết tương trợ, tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, không sợ khó, ý thức cần kiệm. Và chính nhân dân là chủ thể, là động lực của sự nghiệp vĩ đại đó. Người nói : Ai xây dựng chủ nghĩa xã hội ? Nói chung là những người lao động trong xã hội gồm công nhân, nông dân, trí thức cách mạng, v.v. Chủ nghĩa xã hội, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, rõ ràng là sự nghiệp vĩ đại của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

3 - Tính đa dạng của chủ nghĩa xã hội và sự phong phú của những con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đây quả là vấn đề còn được ít người bàn tới khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo tư tưởng của Người.

Song kỳ thực, đây lại là vấn đề hoàn toàn không xa lạ đối với Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1921, Hồ Chí Minh đã thấy rõ sức mạnh của lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong cuộc gieo mầm cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhưng con đường sau cuộc giải phóng là gì ? Chế độ cộng sản chủ nghĩa có bén rễ được ở châu Á nói chung và ở Đông dương nói riêng không ? Sau khi phân tích các điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội, địa lý, lịch sử,... Hồ Chí Minh đã hình dung thấy rõ sự khác nhau giữa các quốc gia, châu lục trong việc tiếp nhận chủ nghĩa xã hội và đi tới khẳng định : "Chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu" (3).

Trên cơ sở ấy, vào những năm 60, sau các chuyến đi thăm Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Hồ Chí Minh càng có thêm cơ sở thực tiễn và lý luận để thâu tóm kinh nghiệm, bài học nhằm chính xác hóa và phát triển nhận thức của mình về chủ nghĩa xã hội. Người đã kiếm tìm và nỗ lực xác nhận một mô hình chủ nghĩa xã hội riêng phù hợp với Việt nam, không rập khuôn, giáo điều và xuất phát từ tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của ta. Người nói : "Ta không thể giống Liên xô, vì Liên xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội" (4). Trong tình hình mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên xô, vào thời điểm bấy giờ, được tuyệt đối hóa, được nhiều nước mô phỏng thì nhận thức ấy của Hồ Chí Minh quả thật hết sức mạnh dạn, độc lập và mới mẻ.

Toàn bộ những tìm tòi, phát kiến ấy của Người đã trở thành nền tảng tư tưởng và phương châm chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời với nhiệm vụ đấu tranh giải phóng miền Nam. Đây chính là một nét độc đáo, đầy sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, làm thay đổi nhận thức từ lâu nay của nhiều người vẫn cho rằng : Chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hòa bình. Ở Việt nam, thì trái lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn chặt với nhau, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chiến đấu chống giặc Mỹ, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về phương châm chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người luôn nhắc nhở : Ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ hai bàn tay trắng đi lên thì khó khăn còn nhiều và lâu dài nên tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm, một chiều. Vì thế, phải thiết thực đi từng bước, phải tiến vững chắc... chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế, và phải tạo mọi điều kiện để tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình... Tinh thần cơ bản của một luận đề mác xít được nhắc lại với một quy mô lớn hơn : Chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của toàn dân, vì nhân dân và cho nhân dân. Ý tưởng cao đẹp của Hồ Chí Minh nhằm làm tất cả mọi việc vì lợi ích của con người chính là giá trị vĩ đại của chủ nghĩa xã hội trong quan niệm của Người, đang trở thành hiện thực ở Việt nam hôm nay.

Từ toàn bộ và do toàn bộ các giá trị đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội đang làm nền tảng lý luận cho việc xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt nam. ❑

(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 1, tr 35

(4) *Sđd*, t 7, tr 499

Digitized by Google

GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH, MỘT SỰ KIỆN LỚN TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA XÃ HỘI TA

HUY CẬN *

GIẢI thưởng Hồ Chí Minh về khoa học, kỹ thuật và văn học, nghệ thuật làm nức lòng giới trí thức cách mạng cả nước. Đây là vinh dự lớn, niềm vui lớn của giới khoa học và giới văn nghệ, mà cũng là niềm vui lớn của đồng bào ta, của Đảng và Nhà nước ta.

Giải thưởng Hồ Chí Minh là hình thức khen thưởng cao nhất của Đảng và Nhà nước về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật thể hiện sự trân trọng và quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta đối với đội ngũ các nhà khoa học, kỹ thuật và văn nghệ sĩ.

Thi hành Pháp lệnh quy định giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước của Hội đồng Nhà nước (ngày 4 - 6 - 1985), Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật để xét chọn những công trình, tác phẩm về khoa học và công nghệ, về văn học và nghệ thuật. Theo quy định trong Pháp lệnh, giải thưởng Hồ Chí Minh tặng những công trình thuộc lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và những tác phẩm văn học, nghệ thuật đặc biệt xuất sắc đã được công bố hoặc sử dụng kể từ ngày thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, có giá trị rất cao về khoa học, văn học nghệ thuật, về nội dung tư tưởng, có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, nền khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật nước nhà. Các Hội đồng đã xác định việc xét chọn công trình, tác phẩm là việc làm hết sức khó, phải rất công phu, chính xác, bảo đảm chọn công trình, tác phẩm một cách khách quan, khoa học.

Hội đồng khoa học và công nghệ đã thành lập các hội đồng chuyên ngành : khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và kỹ thuật, khoa học nông nghiệp, khoa học y dược. Hội đồng văn học và nghệ thuật đã thành lập các hội đồng chuyên ngành : văn học, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, kiến trúc, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, văn nghệ dân gian.

Các hội đồng chuyên ngành làm việc theo quy chế quy định của Hội đồng giải thưởng cấp trên, thống nhất phương pháp xét duyệt : tổ chức họp thảo luận, đánh giá từng công trình, tác phẩm cụ thể, kết luận theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, và phải được ít nhất ba phần tư số phiếu tán thành mới được đưa lên Hội đồng giải thưởng cấp trên xem xét.

Qua một thời gian dài làm việc, hai Hội đồng giải thưởng đã chọn được 77 công trình, cụm công trình, cụm tác phẩm đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng xét. Thường trực Chính phủ (Thủ tướng và các Phó thủ tướng) đã xét từng trường hợp cụ thể, sau đó đã trình Chủ tịch nước. Ngày 10 - 9 - 1996 Chủ tịch nước Lê Đức Anh, sau khi xem xét đã ký Quyết

* Nhà thơ, Phó chủ tịch Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt nam, Phó chủ tịch Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật.

Digitized by Google

định số 991/KT-CTN tặng **giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1** cho 33 công trình, cụm công trình, khoa học bao gồm : 8 về khoa học xã hội, 12 về khoa học y dược, 11 về khoa học tự nhiên và kỹ thuật, 2 về khoa học nông nghiệp ; và 44 cụm tác phẩm văn học, nghệ thuật bao gồm : 14 về văn học, 8 về mỹ thuật, 5 về âm nhạc, 5 về sân khấu, 3 về kiến trúc, 1 về điện ảnh, 4 về nhiếp ảnh, 1 về múa, 3 về văn nghệ dân gian. (Đanh sách 77 giải thưởng Hồ Chí Minh đã đăng báo *Nhân dân* ngày 18-9-1996, báo *Quân đội nhân dân* ngày 17-9-1996 và nhiều báo khác).

Giải thưởng Hồ Chí Minh là sự đánh giá rất cao của Đảng và Nhà nước về thành tựu khoa học và văn nghệ nửa thế kỷ qua.

Để đánh thắng giặc ngoại xâm, không thể thiếu khoa học, kỹ thuật và văn học, nghệ thuật. Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta, giới khoa học, kỹ thuật đã góp phần rất hiệu lực vào kỹ thuật quân sự và nghệ thuật quân sự, vào sự tiếp viện cho tiền phương và củng cố hậu phương. Còn giới văn học, nghệ thuật thì bằng những sáng tác tâm huyết của mình đã động viên, cổ vũ chủ nghĩa anh hùng cách mạng của chiến sĩ và toàn dân. Trong công cuộc xây dựng đất nước đã bắt đầu ngay từ những năm tháng khói lửa của kháng chiến cho đến ngày nay bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khoa học kỹ thuật và văn học, nghệ thuật càng có vai trò quan trọng, góp phần cùng các ngành khác, thúc đẩy kinh tế quốc dân phát triển, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, tất cả vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Qua các thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, đội ngũ trí thức của nước ta (mà các nhà khoa học, và các văn nghệ sĩ là một bộ phận nòng cốt) đã luôn luôn là một thành phần quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân, là chiến sĩ trên mặt trận khoa học, kỹ thuật, tư tưởng, văn hóa, đã và đang góp phần làm nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta giành những thắng lợi hết sức vẻ vang. Từ những ngày Cách mạng Tháng Tám, và trong khói lửa của hai cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, đội ngũ trí thức một lòng đi với Đảng, hòa mình vào nhân dân, phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dũng cảm vượt qua bao khó khăn, thử thách, lăn lộn với cuộc sống chiến đấu của đồng bào. Đã có nhiều nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ hy sinh trên chiến trường, trong bưng biền, hoặc trong vùng địch hậu.

Đội ngũ trí thức Việt nam ngày nay đã tiếp thụ sâu sắc truyền thống ưu dân, ái quốc của cha ông từ Nguyễn Trãi đến Nguyễn Đình Chiểu, từ Tuệ Tĩnh đến Hải Thượng Lãn Ông, từ Lê Văn Hưu, Lê Quý Đôn đến La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, đến các bậc sĩ phu Bắc, Trung, Nam trong những thập kỷ đầu chống thực dân, đế quốc. Và rõ ràng trí thức của thời đại Hồ Chí Minh, trí thức - công dân, trí thức-chiến sĩ đã kế thừa xứng đáng tinh thần dân tộc sắt son, tư tưởng nhân nghĩa sáng ngời của các thế hệ tiền bối. Thật là : "Cha ông ấy, con cháu này", bảo đảm cho Tổ quốc thân yêu vạn thuở trường tồn trên giang sơn gấm vóc.

Vinh dự lớn đặt ra trách nhiệm lớn. Chắc rằng các nhà khoa học, kỹ thuật, các văn nghệ sĩ sẽ đem hết tâm lực tiếp tục hào hứng sáng tác, tiếp tục hăng say nghiên cứu sáng chế, phát minh, đặng cùng tất cả các ngành khác góp phần vào sự nghiệp chung, đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, tiến lên phía trước, sánh vai cùng bè bạn năm châu bốn biển, bước vào thế kỷ XXI, với cái vốn mấy nghìn năm văn hiến của nước nhà, với tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường thời đại.

Còn đợt 2 giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước. Đợt 1 và đợt 2 này có tính chất tổng kết thành tựu khoa học, kỹ thuật và văn học, nghệ thuật 50 năm qua. Sau này thì cứ 5 năm một lần xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và 2 năm một lần xét tặng giải thưởng Nhà nước.

Digitized by Google

Có được những thành tựu ưu việt xứng đáng với giải thưởng Hồ Chí Minh là do lòng yêu nước nồng nàn của giới trí thức tài năng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Phần sau đây tôi chỉ xin nói đến sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Đó là một sự lãnh đạo đầy tính sáng tạo của Đảng, chí tình và nhất quán. Trước hết Đảng giúp văn nghệ sĩ "nhận đường", chỉ ra xu thế phát triển của thời đại, của dân tộc. Việc định hướng này là rất quyết định. Bước vào kháng chiến chống thực dân Pháp, tại Đại hội văn hóa lần thứ II họp ở Đào giả (Phú thọ, đất Vua Hùng) đồng chí Trường Chinh Tổng bí thư của Đảng đã vạch rõ phương hướng phát triển của văn hóa, văn nghệ nước ta trong bản báo cáo lịch sử "*Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt nam*". Chủ tịch Hồ Chí Minh lại nêu rõ vai trò chiến sĩ của văn nghệ sĩ trong bức thư Bác gửi cho triển lãm mỹ thuật kháng chiến tại Chiêm hóa (Tuyên quang) năm 1951 : "Văn hóa, văn nghệ cũng là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Thật ra, chỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng ta mới hình thành khái niệm nghệ sĩ - chiến sĩ. Sự ra đời của người nghệ sĩ - công dân, của người nghệ sĩ - dấn thân là dấu ấn của thời đại ta. Trách nhiệm của người nghệ sĩ là thực hiện được trách nhiệm của người công dân bằng nghệ thuật xuất sắc của mình. Và sự dấn thân như vậy có hạn chế sự tự do sáng tác không ? Không hề có sự hạn chế, thu hẹp. Chỗ đứng của người nghệ sĩ vào vị trí của người công dân chỉ làm cho sâu thêm sự cảm thụ của người nghệ sĩ trước cuộc đời, trước thân phận của mỗi con người, là điều cốt lõi để làm nên văn học, nghệ thuật hay, văn học, nghệ thuật nhân bản. Làm nghệ thuật đương nhiên là dấn thân, dấn thân cho lý tưởng mình đeo đuổi. Ở đây là vấn đề dấn thân vì hoài bão gì, vì sự nghiệp gì ? Rõ ràng là dấn thân vào công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Dấn thân là mẫu số chung của các nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ tiến bộ ở thế kỷ XX này. Chính ý thức nghệ sĩ - công dân, nghệ sĩ - dấn thân là một yếu tố chủ yếu của khái niệm hiện đại trong văn học, nghệ thuật. Nhưng hiện đại là gì ? Thường người ta chỉ nghĩ đến hiện đại trong cách biểu hiện. Cũng phải nhắc : hiện đại phải gắn với dân tộc, hiện đại trên cơ sở phát huy bản sắc dân tộc. Hiện đại phải theo yêu cầu tư tưởng, tình cảm của con người thời đại của dân tộc, chứ không phải bắt chước theo cách biểu hiện gọi là "mô đéc" của nước ngoài.

Về vấn đề dân tộc trong văn nghệ, Đảng ta đã xử lý một cách độc lập, tự chủ, sáng tạo. Lúc đầu phương châm của Liên xô "Xây dựng nền văn hóa, văn nghệ nội dung xã hội chủ nghĩa, *hình thức* dân tộc" có ít nhiều ảnh hưởng không hay đến ta, nhưng Đảng ta kịp thời vạch rõ phương châm "xây dựng nền văn hóa văn nghệ xã hội chủ nghĩa với *tính chất* dân tộc". Và đến Đại hội VI, Đảng lại nêu nhiệm vụ "xây dựng nền văn hóa, văn nghệ tiên tiến đậm đà *bản sắc dân tộc*". Rõ ràng là độc lập, tự chủ. Nhưng Đảng không chỉ nêu hướng đi của văn nghệ, Đảng còn chỉ ra một biện pháp cụ thể để chúng ta tắm mình vào thời đại, vào dòng lịch sử : đó là đi vào thực tế của cuộc sống nhân dân, điều mà ta quen gọi là "đi thực tế". Nghe ra thì đơn giản, thì đương nhiên ; nhưng đâu có dễ dàng vậy ! Bỏ cuộc sống hằng ngày, rời tổ ấm hằng ngày để đi ra chiến trường, đi vào nhà máy, đi về đồng ruộng, - đó là cả một cuộc đổi đời, cả một cuộc cách mạng tư tưởng và tình cảm của mỗi chúng ta "ba lô lên đường !" thật là hào hứng, thật là dũng cảm. Đảng nói, nhân dân kêu gọi, chờ đón, văn nghệ sĩ đã nghe, đã đi và đã gặt được mùa văn học, nghệ thuật nhân bản mà Đảng đã đánh giá là "đứng vào hàng đầu của các nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc, thực dân trong thời đại ngày nay". Giải thưởng Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định điều đó.❑

Digitized by Google

XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở MIỀN NÚI, VÙNG SÂU, VÙNG XA

NGUYỄN VĂN THỤY *

TRÌNH độ khoa học kỹ thuật của người lao động, đặc biệt trình độ bậc cao đẳng và đại học, là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi. Hiện nay, sự phân bố cán bộ khoa học công nghệ theo vùng có tình trạng mất cân đối nghiêm trọng. Hơn 90% cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng tập trung ở các cơ quan trung ương và hai thành phố lớn là TP Hà nội, TP Hồ Chí Minh. Tính chung trong lĩnh vực nông nghiệp ở nông thôn chỉ có 1,5 triệu lao động có trình độ phổ thông trung học (chiếm 5%) trên tổng số gần 30 triệu. Trong tổng số 35 000 cán bộ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp của cả nước, thì hầu hết đã không làm nông nghiệp mà hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ và quản lý. Có khoảng 6 000 cán bộ và nhân viên khoa học nông nghiệp hoạt động trong các cơ quan nghiên cứu triển khai nhưng các cơ sở đều đóng ở các thành phố. Đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa tỷ lệ trên còn thấp hơn nhiều. Trên địa bàn miền núi Bắc bộ, lực lượng lao động có trình độ cao đẳng, đại học chỉ chiếm 1,2%, trong khi trung bình cả nước tỷ lệ đó là 2,1%. Tỷ lệ lao động kỹ thuật chỉ chiếm 7% trong khi trung bình cả nước là 12%. Đó là nguyên nhân làm cho nhiều dự án kinh tế - xã hội đã thành công trong việc đưa kỹ thuật tiến bộ vào phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhưng không tiếp quản và duy trì được. Nhiều chương trình được đầu tư lớn như chương trình định canh, định cư, chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chương trình kinh tế xóa bỏ cây thuốc phiện... cũng vì thế mà vào cuộc sống rất khó khăn. Kết quả là miền núi Bắc bộ diện tích 93 530 km^2 với 8 triệu dân, tài nguyên khá phong phú nhưng sau bao nhiêu năm, đến nay vẫn là một khu vực phát triển chậm nhất nước.

Để thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, không có cách nào khác là thực hiện các biện pháp khoa học và công nghệ, trong khi đó miền núi, vùng sâu, vùng xa lại đang thiếu nghiêm trọng nhân lực làm khoa học và công nghệ.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa có được một lực lượng lao động kỹ thuật cần thiết cho phát triển? Đó là bài toán đã được đặt ra từ lâu, nhưng đến nay vẫn chưa có lời giải thích đáng.

Thuyết trình trước Quốc hội, ông I Ngông Niê Kđăm, Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội đã nêu 3 giải pháp về công tác cán bộ cho các dân tộc miền núi như sau : phải đầu tư và hoàn thiện hệ thống trường dân tộc nội trú ; bằng mọi cách phải tăng số lượng, nâng cao chất lượng cán bộ miền núi ; phải có chính sách khuyến khích để thu hút cán bộ lên miền núi.

Để tăng cường cán bộ khoa học và công nghệ cho miền núi, nhiều ý kiến đề nghị nâng cao chế độ đãi ngộ vật chất đủ hấp dẫn để thu hút lực lượng cán bộ khoa học - công nghệ lên miền núi ; có ý kiến đề ra giải pháp hành chính, bắt buộc mọi cán bộ phải có nghĩa vụ phục vụ ở địa bàn miền núi từ 3 - 5 năm...

Rõ ràng, những ý tưởng đó không còn mới mẻ, đã được nêu nhiều lần, nhưng cho đến nay vẫn rất khó thực hiện. Bởi vì, bản chất của vấn đề không phải ở chỗ chỉ bằng đãi ngộ vật chất, hoặc dùng các biện pháp hành chính mà thu hút được lực lượng khoa học - công nghệ lên miền núi. Vấn đề là ở chỗ, phải xây dựng một đội ngũ cán bộ thích hợp với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không chỉ có trình độ chuyên môn, không chỉ biết làm giàu trí tuệ, làm giàu của cải cho mình, mà còn phải có trách

* PTS, Phó vụ trưởng Vụ khoa học tự nhiên - công nghệ và môi trường, Ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

nhiệm cao với xã hội, biết hy sinh vì sự nghiệp khoa học, vì mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Chiến lược con người như vậy chắc không phải một sớm một chiều có thể thực hiện được.

Các tỉnh nông thôn và miền núi không thể thụ động chờ đợi để ngày càng tụt hậu. Vì vậy, bên cạnh những giải pháp thực hiện định hướng chiến lược lớn của Đảng về khoa học và công nghệ, cần có những định hướng phát triển riêng, đặc thù, không nằm ngoài định hướng chung, nhưng phải phù hợp với đặc điểm riêng đối với miền núi và các vùng nông thôn.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định quan điểm và kinh nghiệm rút ra từ quá trình cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới : "Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước và nhân dân cùng làm, mọi việc đều phải dựa vào dân...". Đảng chủ trương : "Giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa". Khoa học và công nghệ cũng vậy, chỉ có thể phát triển được, giữ vai trò và vị trí của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khi nào nó thực sự trở thành hoạt động của toàn dân, do nhân dân làm, vì nhân dân. Hoạt động khoa học và công nghệ cần phải được xã hội hóa.

Xã hội hóa là khái niệm còn chưa được hiểu một cách thống nhất. Vì thế, trước hết xin nêu một cách tiếp cận khái niệm này riêng đối với hoạt động khoa học và công nghệ để từ đó làm cơ sở trình bày những giải pháp khả thi.

Xuất phát từ những quan điểm và chủ trương nêu trên của Đảng, xã hội hóa là nhằm biến sự nghiệp cách mạng thành trách nhiệm chung của toàn xã hội, được toàn xã hội hiểu và thực hiện một cách tự giác, tạo thành một phong trào cách mạng rộng lớn, có sức mạnh lớn gấp nhiều lần sự cộng cơ học sức mạnh của các cá thể.

Xã hội hóa đối với các hoạt động khoa học và công nghệ tức là phải thành lập được mặt trận rộng rãi bằng cách phát triển đồng thời ba lực lượng : chủ lực, địa phương và "dân quân du kích".

Quân chủ lực trên mặt trận khoa học và công nghệ ở đây chính là muốn nói đến lực lượng khoa học - công nghệ của quốc gia, được tổ chức thành những cơ quan nghiên cứu triển khai của nhà nước. Đó là những đơn vị được chuẩn hóa có trình độ cao, hoạt động trên một số lĩnh vực trọng điểm của nền kinh tế, xã hội, được đầu tư tập trung, trang bị hiện đại. Cán bộ làm việc ở những đơn vị này cũng được chuẩn hóa về chuyên môn, về đạo đức, có hoài bão, ước mơ cống hiến cho sự nghiệp khoa học, cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, được hưởng mức ưu đãi vật chất xứng đáng, được tạo mọi điều kiện tốt để làm việc. Nhiệm vụ chính của đội quân quốc gia này là giải quyết những vấn đề lớn về khoa học xã hội, về khoa học tự nhiên và kỹ thuật tầm quốc gia, bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng mọi yêu cầu của nền kinh tế để cạnh tranh thắng lợi trên thị trường.

Lực lượng khoa học và công nghệ thứ hai, đó là lực lượng của các địa phương. Mỗi ngành, mỗi địa phương (mỗi tỉnh, mỗi huyện, mỗi xã) tổ chức lực lượng nghiên cứu ứng dụng, triển khai khoa học và công nghệ trên địa bàn của mình.

Trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi, lực lượng khoa học - công nghệ quốc gia có nhiệm vụ nghiên cứu đưa ra những kết quả của mình, lựa chọn, giới thiệu các thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội Việt nam. Địa phương nông thôn và miền núi là địa bàn triển khai các kết quả. Thực hiện việc triển khai đó chính là nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng khoa học - công nghệ địa phương (của tỉnh, huyện, xã). Để làm được việc này, mỗi tỉnh, huyện, xã cần có lực lượng khoa học và công nghệ của mình với hình thức tổ chức phù hợp, bảo đảm quản lý, triển khai hoạt động khoa học-công nghệ có hiệu quả trong phạm vi địa bàn. Chỉ những nhiệm vụ khó khăn, vượt quá khả năng mới cần chi viện của các lực lượng trung ương. Cán bộ khoa học - công nghệ địa phương cũng sẽ được đào tạo theo một hình thức thích hợp, cốt thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý, triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ mà thực tế địa phương yêu cầu. Chắc chắn họ không cần được đào tạo quá chuyên sâu, đào tạo cơ bản như cán bộ trong các cơ quan khoa học - công nghệ quốc gia, mà chỉ cần biết sâu một mặt, có khả năng lĩnh hội nhiều mặt. Nếu quan niệm như

Digitized by Google

thế, nguồn cán bộ cho khoa học và công nghệ địa phương sẽ không phải tìm đâu xa, mà là ngay trong địa bàn. Đó sẽ là những cán bộ ngoài năng lực quản lý, triển khai khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, còn có hiểu biết sâu sắc về các đặc điểm dân trí, nhu cầu đời sống, phong tục tập quán, nếp sống của cư dân, có tâm huyết, gắn bó mật thiết và có thể phục vụ lâu dài trên địa bàn. Những ưu thế ấy có tầm quan trọng lớn đối với việc quản lý, triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ trên các địa bàn mà trình độ dân trí còn chưa cao, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng đội ngũ khoa học và công nghệ cho địa phương cần làm theo hướng :

- Tập hợp, bổ túc thêm về chuyên môn cho những cán bộ khoa học kỹ thuật đã được đào tạo trước đây nhưng do cơ chế mới đang bị phân tán, phải làm không đúng nghề, hoặc đang không có việc làm ;

- Gửi đi đào tạo mới những học sinh có trình độ phổ thông cơ sở đến phổ thông trung học theo các hình thức đa dạng : tại chức, bổ túc, chuyên tu, kể cả hệ chính quy dài hạn theo chế độ tuyển, cử, để trở về phục vụ lâu dài tại địa bàn. Trình độ đào tạo cũng cần đa dạng theo nhu cầu thực tế : công nhân, trung cấp kỹ thuật, cao đẳng, đại học.

Lực lượng khoa học và công nghệ địa phương có tổ chức sẽ chính là cầu nối giữa các thành tựu khoa học - công nghệ với nông thôn và miền núi. Vai trò cầu nối đó, trước đây đã được thực hiện rất có hiệu quả, nhưng từ khi mô hình hợp tác xã kiểu cũ không còn nữa, trong khi hợp tác xã kiểu mới chưa hình thành, đã bị gián đoạn về cơ bản.

Hiện nay nhà nước đang xem xét chủ trương xây dựng các trung tâm khoa học - công nghệ vùng, đưa khoa học - công nghệ phát triển phù hợp với đặc thù mỗi vùng kinh tế - xã hội. Những trung tâm như vậy, nếu được thành lập sẽ có vai trò như các "đại bản doanh", các "bộ tham mưu" trực tiếp chỉ huy, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng khoa học và công nghệ địa phương nêu trên. Tuy nhiên, "quân khu" chỉ mạnh khi có các đơn vị mạnh của mình đóng chốt ở các tỉnh, huyện, xã và có lực lượng "dân quân du kích" đủ mạnh, được tổ chức, phối hợp hoạt động tốt.

Trong lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm việc tập hợp lực lượng thành mặt trận rộng rãi. Đó là một yếu tố quan trọng dẫn đến thành công. Hoạt động khoa học và công nghệ ở nông thôn và miền núi, nơi tập trung 80% dân số, 75% lực lượng lao động cả nước lại càng cần phải được tổ chức như vậy. Nghĩa là, cần xây dựng một đội quân thứ ba, đội quân toàn dân có kiến thức khoa học, công nghệ, biết làm khoa học, công nghệ. Nói khác đi, ở nông thôn và miền núi việc huy động toàn dân làm khoa học và công nghệ là yếu tố chủ yếu để thực hiện xã hội hóa. Đó là cách thức tốt nhất để chuyển giao các kiến thức khoa học - công nghệ rất đa dạng, kể cả trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên và kỹ thuật, làm cho người dân hiểu khoa học, công nghệ, biết làm khoa học, công nghệ. Đó cũng là cách dễ dàng nhất để người dân tự giác tham gia những tổ chức có cơ chế mềm, linh hoạt, phù hợp với tâm lý, tập quán, giới tính, độ tuổi, trong hoạt động khoa học, công nghệ ; là hình thức hấp dẫn mọi tầng lớp lao động của nông thôn và miền núi trong việc làm giàu cho bản thân, cho xã hội, đồng thời xây dựng một môi trường xã hội hoạt động khoa học - công nghệ lành mạnh, mang định hướng xã hội chủ nghĩa sâu sắc...

Xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ ở đây thể hiện rõ như là phương thức hoạt động khoa học và công nghệ của nhân dân, do nhân dân tự làm, vì lợi ích của nhân dân.

Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt nam có hệ thống tổ chức trên 40 hội chuyên ngành, 13 liên hiệp hội địa phương, trên 5 000 phân chi hội với khoảng 300 000 cán bộ khoa học và kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ. Ngoài chức năng nghiên cứu khoa học, tư vấn, phản biện và giám định xã hội các vấn đề khoa học, công nghệ và các vấn đề kinh tế - xã hội, các hội khoa học còn có chức năng đưa nhanh khoa học, công nghệ vào đời sống xã hội, thực hiện phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật vào quần chúng. Thời gian tới, khi mỗi địa phương thành lập được các liên hiệp hội khoa học - kỹ thuật của mình, quá trình xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ ở các địa

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

NGHĨ VỀ CÁCH NHÌN THẾ HỆ TRẺ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

ĐẶNG CẢNH KHANH *

Sự vững mạnh của một đảng chính trị không chỉ dựa trên nền tảng những định hướng chiến lược đúng đắn mà còn cả ở sự thống nhất trong cơ chế và tổ chức hoạt động. Một trong những biểu hiện quan trọng của sự thống nhất này là giải quyết tốt mối quan hệ giữa các thế hệ kế tiếp nhau trong đảng.

Thông qua những tài liệu nghiên cứu và điều tra xã hội học được tiến hành gần đây tại Viện nghiên cứu thanh niên thuộc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tôi xin bước đầu nêu một số vấn đề về thế hệ trẻ với tư cách vừa là thế hệ kế cận - thế hệ sẽ tiếp tục những nhiệm vụ cách mạng, vừa là nhân tố quan trọng cho sự thống nhất thế hệ trong Đảng cộng sản Việt nam.

1- "Mâu thuẫn thế hệ" - vấn đề của mọi thời đại.

"Mâu thuẫn thế hệ" là một trong những vấn đề được đặt ra khá thường xuyên trong các chủ đề nghiên cứu xã hội học những năm gần đây tại nhiều nước. Thực tế lịch sử đã chứng minh vấn đề này hoàn toàn không phải là sự bịa đặt của những nhà xã hội học ưa lý thuyết và "hay quan trọng hóa vấn đề", mà là một sự thực khách quan tồn tại trong mọi thời đại. Chính những sự khác biệt về y học, sinh học, về tính năng động và kinh nghiệm sống đã khiến cho thế hệ cao tuổi và thế hệ thanh, thiếu niên có những sự khác biệt trên nhiều vấn đề của cuộc sống. Những khác biệt này diễn ra trên nhiều mức độ khác nhau, thậm chí trong nhiều trường hợp còn khá quyết liệt.

Ở một phương diện nào đó, có thể coi "mâu thuẫn thế hệ" cũng là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển. Nó phản ánh một khía cạnh nhất định trong sự vận động biện chứng của xã hội, hướng tới mục tiêu tiến bộ và nhân đạo. Bởi vậy, vấn đề xử lý một cách đúng đắn và khoa học mối quan hệ giữa các thế hệ cũng là vấn đề của mọi thời đại. Một trong những biểu hiện của mâu thuẫn thế hệ là ở chỗ, nhiều điểm trong suy nghĩ của người lớn tuổi và người trẻ tuổi, của lớp ông bà, cha mẹ và lớp cháu con thường có sự khác biệt, thậm chí có thể đối lập nhau. Những người lớn tuổi thường có thói quen nhìn thanh niên hiện đại qua lăng kính và những kinh nghiệm của bản thân, những kinh nghiệm gắn liền với tuổi thanh xuân đã qua của chính mình và vì vậy sự nhìn nhận này không phải lúc nào cũng là chính xác và khách quan. Thực tế các công trình nghiên cứu xã hội học và tâm lý học cho thấy, mặc dù mỗi người chúng ta đều có một đoạn đời quan trọng là thanh niên, nhưng thông thường sự hiểu biết về đoạn đời đó thường bị bào mòn qua thời gian, thậm chí dễ bị rơi vào tình trạng như nhà sư phạm nổi tiếng của Liên xô (cũ) Ma-ca-ren-cô nhận xét : mới hết tuổi thanh niên chưa lâu, nhưng có thể chẳng hiểu gì về thanh niên nữa.

Trên thực tế, trong xã hội bao giờ cũng có những người lớn tuổi rất ít khi tin tưởng vào suy nghĩ và hành động của lớp người trẻ được coi là "miệng còn hơi sữa" hay "vắt mũi chưa sạch". Cũng có những người lớn tuổi lại quá yêu thương con cháu mình, thậm chí tới mức chẳng muốn nhìn nhận chúng như là những người lớn thực thụ trong khi phần lớn thanh niên thì lại chẳng thích thú gì với sự yêu thương thái quá đó.

Trong những điều kiện như vậy, thanh niên bao giờ cũng mong muốn và tìm mọi cách để tự khẳng định mình. Có lẽ sự tự khẳng định cũng là

* PGS, PTS, Viện trưởng Viện nghiên cứu thanh niên

Digitized by Google

đặc tính chung của thanh niên ở bất kỳ thời đại nào, quốc gia nào. Nếu xã hội không chú ý đến, hoặc không tôn trọng vị trí của họ, họ sẵn sàng làm mọi thứ, bằng cách này hoặc cách khác để buộc xã hội phải đánh giá họ đúng đắn hơn. Ở phương Tây, để khẳng định mình, có một bộ phận thanh niên thường phản ứng xã hội bằng cách quay lưng lại với tất cả, giễu cợt các giá trị của người lớn mà họ cho là giả dối, gây sự chú ý đến họ bằng cách cổ vũ cho những lối sống kiểu híp-pi, với đầu tóc rối bù, quần áo lòe loẹt, với đủ các loại nhạc inh tai nhức óc, đủ loại hoạt động tình dục và ma túy. Những điều tra xã hội học ở các nước phương Tây đã cho thấy, một trong những nguyên nhân chủ yếu của các tệ nạn xã hội (chẳng hạn nghiện hút ma túy) trong thanh niên lại là do sự chống đối của chính thanh niên đối với các chuẩn mực và giá trị của xã hội đương thời.

Gần đây, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội đã viết nhiều về một hiện tượng mà họ gọi là "sự xuất hiện của một dòng văn hóa kỳ lạ - dòng văn hóa thanh niên" với những đặc tính riêng về sự cảm xúc, sự đa dạng, tính dễ biến động và sai lệch của nó, những đặc tính luôn làm cho các thế hệ người lớn "hoặc vui sướng hoặc âu lo nhưng luôn luôn là khó hiểu và thậm chí khó chấp nhận".

Một trong những nhà nghiên cứu nổi tiếng về xã hội học thanh niên, giáo sư Ây-den-stat (Eisenstardt) cho rằng đặc trưng riêng của "nền văn hóa thanh niên" - vốn tạo nên tính cách và hành vi ứng xử tương ứng của thanh niên - là ở chỗ nó luôn luôn bị kích động bởi những gì được coi là mới mẻ cả về tích cực lẫn tiêu cực. Nó khiến thanh niên "dễ trở thành những kẻ hip-pi nhu mì, yêu hoa lá và âm nhạc, nhưng rồi bỗng bất ngờ lại biến thành những hô-li-gân (hooligan) bóng đá đầu trọc, nghiện ngập, dễ tự tử cũng như dễ giết người".

Một trong những thiếu sót, thậm chí trở thành sai lầm không thể sửa chữa nổi của nhiều đảng trong thế kỷ qua là đã không quan tâm đúng mức tới việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa các thế hệ, không duy trì được sự thống nhất thế hệ những đảng viên kỳ cựu với lớp đảng viên trẻ, giữa đảng với đoàn thanh niên, giữa lớp "tre đã già" và lớp "măng mới mọc". Những bài học ở các nước Đông Âu và Liên xô (cũ) đã cho thấy, một khi sự vững vàng về chính trị không còn nữa, những sự quan tâm tới thế hệ trẻ bị coi nhẹ, thì sự thống nhất giữa các thế hệ cũng bị phá vỡ từng mảng. Điều làm cho nhiều nhà chính trị "lão luyện" tại các nước này ngạc nhiên vì được chứng kiến kẻ chống đối lại họ không phải ai xa lạ mà là rất đông con cháu của chính họ. Và rồi gần đây, do không có những hiểu biết về thế hệ trẻ, chính họ lại chuyển sang một sự ngạc nhiên khác, ngạc nhiên vì cũng chính lớp con cháu "cứng cổ" và "ương bướng" ấy lại là những người hoạt động năng nổ và tích cực nhất trong việc phục hưng những tư tưởng của cánh tả và tư tưởng nhân đạo của chủ nghĩa xã hội.

Theo chúng tôi, thước đo tính đúng đắn và chân lý thuộc về thế hệ trẻ hay thế hệ già chính là ở bản chất khoa học trong tư duy được biểu hiện cụ thể ở hiệu quả thực tế của tư duy đối với sự phát triển, chứ không phải chỉ ở vị trí xã hội và sinh học của người già hay người trẻ. Bởi vậy, có thể coi tính khoa học và tính thực tiễn trong tư duy và hành động cách mạng là yếu tố quan trọng, là hạt nhân cần thiết để duy trì sự thống nhất giữa các thế hệ trong đảng.

2 - Những vấn đề đang được đặt ra

Ở nước ta, giống như các thế hệ đi trước, thanh niên ngày nay cũng mong muốn được tự khẳng định mình. Sự nghiệp đổi mới đã tạo điều kiện và cơ hội để họ có thể thực hiện được điều đó.

Chính những thành công trong công cuộc đổi mới đã tạo ra niềm tin và sức mạnh mới cho tuổi trẻ. Những chỉ báo xã hội học đã cho thấy số lượng thanh niên phấn đấu gia nhập Đoàn và Đảng những năm gần đây đã tăng lên nhanh chóng và còn có xu hướng tăng mạnh trong những năm tới. Điều này đã nói lên niềm tin lý tưởng và sự hội nhập của thế hệ trẻ vào công cuộc đổi mới hiện nay.

Digitized by Google

Không còn nghi ngờ gì nữa, với những đặc trưng riêng, có thể nói thanh niên ngày nay đang đứng ở trung tâm những sự biến đổi và phát triển của đất nước, trong đó có những biến đổi về giá trị bao gồm cả những mặt tích cực lẫn những mặt tiêu cực. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã tạo ra thế hệ thanh niên không còn là một khối đồng nhất gượng ép và cứng nhắc như trong thời bao cấp, mà là những nhóm đa dạng và năng động ngày càng trở nên phức tạp và khó nhận biết.

Chính trong những biến động của cuộc sống đang đổi thay từng ngày, nhiều thanh niên đã nhanh chóng nhập cuộc, tìm thấy chỗ đứng của mình ở những hoạt động học tập, lao động, sáng tạo, phát huy tốt khả năng và sức lực của mình vì sự phát triển của đất nước. Có nhiều người đã vượt qua những khó khăn, thử thách khắc nghiệt của cuộc sống và trở thành những người có học vấn cao, những trí thức, nhà quản lý đầy tài năng, những chủ doanh nghiệp lớn làm ăn phát đạt, có uy tín và nhân cách. Chúng ta đều có thể nhận ra rằng thanh niên ngày nay nhạy bén, sắc sảo và năng nổ hơn các thế hệ trước rất nhiều trong tư duy kinh tế cũng như trong chính những hoạt động lao động làm giàu cho bản thân và xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình vận động của xã hội hiện nay, cũng có khá nhiều thanh niên, hoặc không hội nhập được với những quy tắc khắt khe và nhiều lúc còn "tàn bạo" của kinh tế thị trường, hoặc chỉ hội nhập được ở những mặt tiêu cực và sai lệch của nó mà đã trở nên lạc lõng và mất phương hướng. Một số người đã bi quan, chán nản khi không đủ sức để vươn lên, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của thực tế cuộc sống. Một số khác, trước những đổi thay phức tạp ở môi trường sống xung quanh, đã không đủ sức mạnh để vượt qua chính mình và trở lên sa ngã, tha hóa.

Thực tế ngày càng chỉ rõ rằng, sự phát triển của kinh tế thị trường đã tạo ra một nghịch lý đáng buồn là nếu không được nghiên cứu và điều chỉnh kịp thời thì sự tăng trưởng kinh tế nhanh có thể kéo theo những sự suy thoái tương ứng về văn hóa, đạo đức và xã hội. Chính trong bối cảnh đó, nếu không có được một nhận thức đúng đắn và sáng suốt, một ý thức tự giác và tự chủ cao độ, thế hệ trẻ ngày nay sẽ dễ bị lầm lạc hơn trước. Trước mắt họ là cả một khối lượng ngày càng lớn những thông tin cần phải được xem xét và xử lý đúng đắn, những chiều tốt, xấu, sáng, tối khác nhau tác động tới họ một cách khách quan, buộc họ phải suy nghĩ và hành động. Bởi vậy, do nhận thức và định hướng chưa đúng đắn mà rất nhiều thanh thiếu niên khi lầm lỡ và sa ngã đã hoàn toàn không ý thức được tính nghiêm trọng trong hành vi của mình. Nhiều tội phạm ở tuổi vị thành niên đã không nhận thức được lỗi lầm, không hề hiểu rằng mình phạm tội, thậm chí trong nhiều trường hợp còn tự coi mình như những "người hùng", "không sợ bị trừng phạt, không sợ chết, biết vượt lên trên những suy nghĩ tầm thường" của cuộc sống. Một số thanh niên bị bắt vì ma túy, cờ bạc và đĩ điếm đã không ngần ngại trả lời những người phỏng vấn rằng họ làm như vậy chẳng qua chỉ vì muốn sống "khác đời", muốn trốn tránh cuộc sống "tẻ nhạt và giả tạo". Nhiều thanh niên đi cướp giật không phải vì sự nghèo túng của gia đình, mà chỉ muốn "thử thách tính can đảm" của mình.

Nhiều nhà nghiên cứu khi gặp những thanh niên bị bắt vì đua xe máy, đã tỏ ra ngạc nhiên khi thấy có không ít người trong đám thanh niên hư đốn ấy nói rằng họ muốn đi tìm những cảm giác mạnh, "muốn vượt qua những khuôn phép bình thường", muốn được chiến thắng mà trước hết là chiến thắng nỗi sợ hãi của chính mình.

Và cũng chính từ những điều cần phải trách cứ và xử lý đối với những thanh niên trên đã buộc chúng ta phải nghiên cứu và suy nghĩ. Những nhà quản lý, những nhà giáo dục, những bậc cha mẹ, ông bà, phải chăng đã không hiểu và trong nhiều trường hợp còn không muốn hiểu được thấu đáo và trọn vẹn hết họ, những người vừa thật gần gũi nhưng lại vừa khác biệt về thế hệ với chúng ta.

3- Hãy đặt niềm tin vào thế hệ trẻ

Việc duy trì sự thống nhất thế hệ trong Đảng đòi hỏi sự quan tâm thường xuyên và không mệt mỏi tới việc chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục cả về

Digitized by Google

thể chất và tinh thần cho thế hệ trẻ. Ở đây, bên cạnh mối quan hệ tình cảm yêu thương gắn bó, thì sự tin cậy lẫn nhau giữa các thế hệ là yếu tố hết sức quan trọng. Đây là điều tưởng như giản đơn và dễ hiểu nhưng trên thực tế lại rất phức tạp và do những nhân tố khách quan, chủ quan nhất định mà thường được thực hiện một cách không mấy thông suốt.

Chẳng hạn, nhiều người lớn tuổi thường nghĩ rằng thanh niên ngày nay ít quan tâm tới các vấn đề chính trị, lý tưởng. Do đó, theo họ cần phải tăng cường các hình thức sinh hoạt, vui chơi, giải trí, thi thời trang, hoa hậu..., coi đó là phương thức tốt nhất để tập hợp, đoàn kết thanh niên. Nhiều cuộc điều tra xã hội học gần đây đã cho thấy rằng những nhận định trên là chủ quan và phiến diện. Những số liệu khảo sát và thu nhận được từ thực tiễn đã cho chúng ta thấy rằng, hiện nay, cũng giống như tất cả các thế hệ cách mạng trước đây, mối quan tâm hàng đầu của thanh niên ở bất kỳ nhóm xã hội nào, vẫn là các vấn đề về chính trị tư tưởng, về lý tưởng cuộc sống, về con đường phát triển, về tương lai và tiền đồ của đất nước.

Các cuộc nghiên cứu xã hội học được Viện nghiên cứu thanh niên tiến hành trong những năm gần đây trên rất đông đối tượng thanh, thiếu niên, trải rộng theo các vùng từ Bắc vào Nam, luôn luôn có tới từ 80% đến 95% số thanh niên cho rằng mối quan tâm hàng đầu của họ là về tương lai và tiền đồ của sự phát triển đất nước. Tỷ lệ những thanh niên nói rằng họ có quan tâm tới những vấn đề hoa hậu và thời trang ở khu vực nào cũng không vượt quá con số 12%. Những buổi gặp mặt "những người con hiếu thảo" do báo Đại đoàn kết và một số cơ quan hữu quan tổ chức đã có sức cuốn hút thanh thiếu niên khá mạnh mẽ. Tính chất sâu lắng và chứa chan tình người trong các buổi gặp mặt này, với những nét đẹp bình dị, mộc mạc và không một chút phô trương của những tấm gương về lòng nhân hậu giữa con người với con người của cuộc sống đời thường đã làm cho rất nhiều thanh niên phải rơi nước mắt, điều mà không một cuộc thi hoa hậu nào có được.

Tất cả những điều nói trên đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn đổi mới từ cách nhìn nhận, đánh giá đến việc hoạch định các chính sách đúng đắn và khoa học về thanh niên cho phù hợp với những đặc điểm cả về sinh học lẫn xã hội học của họ.

Cũng chính từ những nghiên cứu thực tiễn nói trên, chúng ta có thể nhận biết rằng, một trong vô vàn những suy nghĩ, chờ đợi và mong muốn hàng đầu của thanh niên hiện nay đối với thế hệ những người đi trước là hãy hiểu biết về họ chính xác hơn, để từ đó không mất niềm tin vào họ. Thế hệ trẻ ở thời đại nào cũng có trách nhiệm lịch sử của mình với thời đại đó. Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng, thanh niên ta hiện nay cũng vậy. Họ hoàn toàn có đủ khả năng và sức mạnh để làm tròn trách nhiệm của mình trước lịch sử.

Chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới đã được mười năm. Mười năm không phải là một khoảng thời gian dài đối với việc thực hiện một chiến lược phát triển, nhưng cũng đủ những điều kiện vật chất và tinh thần để có thể tự nhìn nhận và đánh giá về mình. Nếu những thành công trong sự nghiệp đổi mới đã đem đến niềm tin và sức mạnh mới cho thế hệ trẻ thì chính nó cũng đang đặt ra nhiều vấn đề mới, những thách thức mới. Chính vì vậy, thanh niên ngày nay đang đặt nhiều tin tưởng ở những kết quả của Đại hội VIII của Đảng, đặc biệt là sự tổng kết những gì đã đạt được trong mười năm qua, đúc rút những vấn đề có tính lý luận và khoa học làm cơ sở cho sự phát triển của đất nước nói chung và một chiến lược bồi dưỡng đào tạo đối với thế hệ trẻ nói riêng. ❑

Digitized by Google

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC QUA KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

NGUYỄN ĐÌNH TRUNG *

NGÀY nay, mặc dù nhiều quốc gia đã quan tâm hơn đến vấn đề đầu tư vào yếu tố con người trong đó có giáo dục, song nhìn chung những nỗ lực hoàn thiện hệ thống giáo dục vẫn chưa thực sự mang đến những kết quả mong muốn. Từ một số kinh nghiệm cụ thể của các quốc gia trên thế giới, bài viết này kiến nghị những biện pháp mà Chính phủ có thể thực hiện, đồng thời phối hợp với các lực lượng khác trong xã hội, để phân bổ vốn đầu tư cho giáo dục một cách ổn định, hợp lý và hiệu quả.

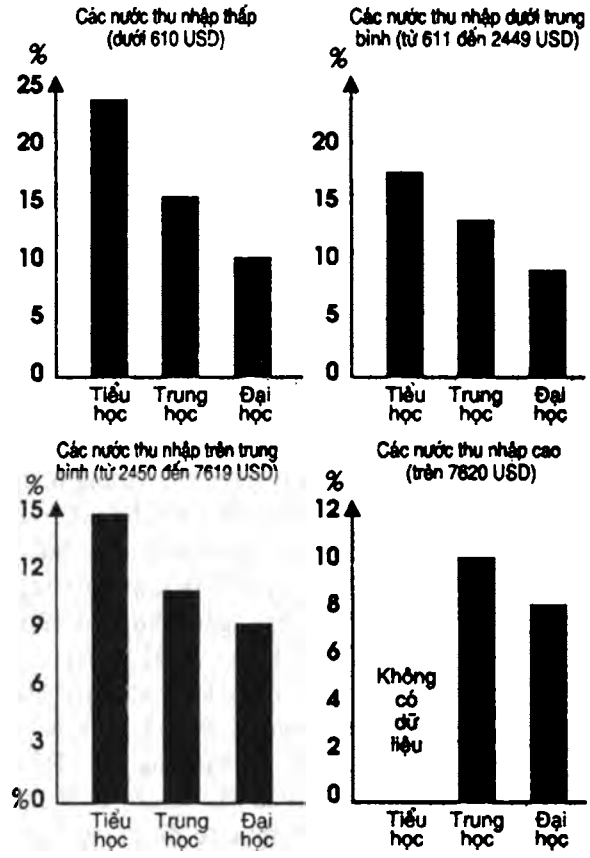
Trong nhiều năm lại đây, tốc độ thay đổi công nghệ, cải cách kinh tế, và nâng cao trình độ tri thức của con người đã làm cho cuộc sống của mỗi cá nhân trong xã hội ngày càng thay đổi nhiều hơn. Điều này đã tạo nên hai ưu tiên cho giáo dục : *Một là, nó cần phải đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế về lao động đã qua đào tạo với những kỹ năng mới, và hai là, nó phải liên tục bảo đảm mở mang tri thức cho con người.*

Giáo dục là quá trình đầu tư cho con người trong tương lai. Đối với cá nhân, gia đình, giáo dục làm tăng thu nhập, trau dồi sức khỏe, cải thiện đời sống. Đối với xã hội, đầu tư vào giáo dục làm tăng GDP bình quân đầu người, giảm đói nghèo và nâng cao kiến thức cho toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo...

Nhiều công trình nghiên cứu đã cho thấy lãi suất thu hồi vốn đầu tư vào giáo dục thường ở mức trên 10%. Và qua khảo sát ở một số nước có các mức thu nhập khác nhau, chúng ta thấy lãi suất thu hồi vốn đầu tư cho giáo dục ở bậc tiểu học đạt tỷ lệ cao nhất :

Xem biểu đồ sau :

Suất thu hồi vốn đầu tư vào giáo dục (*)



(*) Nguồn : George Psacharopoulos : "Returns to investment in Education", *World development*, 1994

Đầu tư trực tiếp cho giáo dục hỗ trợ cho đầu tư vào lực lượng sản xuất, trong đó con người là yếu tố có vai trò quan trọng nhất, và lợi ích kinh tế - xã hội thu được từ cả hai lĩnh vực đầu tư đó sẽ cao nhất khi chính sách kinh tế vĩ mô, bao gồm chính sách tiền tệ, chính sách tài chính, chính sách thu nhập... được thực hiện đồng bộ và nhất quán. Đầu tư cho giáo dục góp phần xóa đói giảm nghèo, bởi lẽ các cá nhân có trình độ học thức sẽ có nhiều khả năng giáo dục con cái của mình hơn. Đầu tư mạnh vào cả hai bậc giáo dục tiểu học và trung học, kết hợp với mô hình tăng trưởng được sử dụng hiệu quả của

* PTS, Viện khoa học ngân hàng

Digitized by Google

yếu tố lao động, đã thực sự mang lại sự phát triển "diệu kỳ" của khu vực Đông Á. Các nước khác, bao gồm Ấn độ và Mê-hi-cô, hiện cũng đã bắt đầu mở rộng, cải tổ căn bản và toàn diện hệ thống giáo dục.

1 - Thành tựu và thách thức.

Những thành tựu của giáo dục, thể hiện ở số lượng người đi học ngày càng tăng và trình độ văn hóa trung bình của người dân ngày càng nâng lên, đã góp phần tích cực vào sự tăng trưởng của nền kinh tế và giảm đói nghèo trong các nước đang phát triển. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi được đi học ở các nước này đã tăng từ 48% vào năm 1960 đến 69% trong năm 1980 và 76% của năm 1990. Hiện nay, lần đầu tiên trong lịch sử, hầu hết trẻ em các nước đang phát triển đều được đến trường. Vào năm 1990, ở các nước này, một trẻ em trung bình 6 tuổi sẽ đi học trong 8,5 năm ở các trường học, so với 7,6 năm trong năm 1980. Ở châu Âu và Trung Á, tiêu chuẩn được thừa nhận là 9 hoặc 10 năm. Ở Đông Á, châu Mỹ la tinh và vùng Ca-ri-bê, giáo dục tiểu học gần như phổ cập. Các nước Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi cũng đang có những bước tiến đáng kể trong việc gia tăng số lượng trẻ em hoàn thiện bậc tiểu học, mặc dù Nam Á vẫn còn tụt hậu khá lớn. Trên thế giới có lẽ chỉ còn châu Phi là nơi tỷ lệ trẻ em đến trường tiểu học thực tế đã giảm. Vào năm 1980, 50% trẻ em từ 6 đến 11 tuổi ở đây không được đến trường.

Các nền kinh tế chuyển đổi của Đông và Trung Âu có một tỷ lệ trẻ em đến trường tiểu học và trung học cao hơn, nhưng họ cũng còn cần phải điều chỉnh toàn bộ các hệ thống giáo dục nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Điều đặc biệt quan trọng đối với những quốc gia này là phải bảo đảm mức đầu tư thỏa đáng cho giáo dục cơ sở và trên trung học ; chuyển dần từ đào tạo theo chuyên ngành hẹp sang mô hình đào tạo đa năng, tổng hợp ở các trường đại học kỹ thuật và chuyên ngành ; cải tiến phương pháp quản lý, tài trợ cho giáo dục đại học.

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận về giáo dục mà thế giới đã đạt được trong thời gian qua, vẫn còn nhiều thách thức lớn. Hệ thống giáo dục cần được mở rộng ở một số nước, tạo điều kiện để mọi người dân được học hành, bảo đảm tính công bằng, nâng cao chất lượng và đẩy mạnh cải tổ kinh tế - xã hội ở những khu vực cần thiết.

2 - Tài chính và quản lý

Sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực giáo dục có thể giảm sự bất bình đẳng, tạo cơ hội cho người nghèo và những đối tượng thiệt thòi tiếp cận được với giáo dục ; sự can thiệp đó còn khắc phục những khuyết tật của thị trường trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhưng chi phí cho đào tạo và giáo dục thường hạn chế, không hiệu quả và thiếu công bằng. Chi phí không hiệu quả vì không được phân bổ theo những phương án sử dụng tốt nhất ; thiếu công bằng vì các sinh viên có năng lực không có khả năng vào các trường đại học do không có điều kiện, hoặc không có khả năng thanh toán học phí. Các hệ thống tài trợ và quản lý giáo dục hiện nay, nhìn chung, vẫn chưa có khả năng đối phó với những thách thức này. Mặt khác, nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cho mục tiêu giáo dục ngày càng trở nên eo hẹp vì nhu cầu về giáo dục đang gia tăng không ngừng.

Phần lớn các quốc gia đã phân bổ một tỷ lệ lớn nhất trong ngân sách về giáo dục cho các trường tiểu học. Nguồn ngân sách cho giáo dục tiểu học, về nguyên tắc, thường ưu tiên cho người nghèo, nhưng trong thực tế, xét về tổng thể, nguồn đó lại thường dành phần nhiều cho kẻ giàu. Bởi vì nguồn trợ cấp cho đào tạo trên trung học và đại học khá nặng nề, trong lúc tỷ trọng của sinh viên thuộc các gia đình nghèo ở các cấp đào tạo nói trên là tương đối nhỏ.

3 - Tìm kiếm các nguồn tài chính bổ sung.

Tính kém hiệu quả và thiếu công bằng như đã nói ở trên, cùng với việc gia tăng số lượng học sinh các trường công lập ở các cấp giáo dục đã buộc nhiều chính phủ phải tăng tỷ lệ đầu tư trên GDP cho ngân sách giáo dục. Kết quả là đã làm tăng áp lực đối với ngân sách vào thời điểm khi nhiều quốc gia, đặc biệt ở Đông Âu và châu Phi, đang gặp phải những khó khăn về tài chính. Do số lượng sinh viên ngày càng tăng

Digitized by Google

nên ngân sách đào tạo dành cho mỗi sinh viên sẽ giảm xuống. Chất lượng giáo dục càng giảm nữa nếu như nguồn ngân sách đó lại được phân bổ kém hiệu quả. Giả sử đã tìm kiếm đủ giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn đó rồi, song trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, *một số nước đã phân phối lại các nguồn chi tiêu cho giáo dục từ các hoạt động kinh tế - xã hội khác, ví dụ các doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả có thể chuyển nhượng sang khu vực tư nhân thông qua chính sách tư nhân hóa hoặc cổ phần hóa. Một phần số tiền thu được có thể dành cho ngành giáo dục.* Một số nước khác thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô để gia tăng thu nhập, từ đó có điều kiện để tăng chi tiêu cho giáo dục. Chẳng hạn, tiểu bang In-di-a-na (Mỹ) đã tăng chi tiêu cho giáo dục từ 2,5% tổng sản phẩm quốc nội của tiểu bang vào giữa những năm 70 lên hơn 4% vào năm 1994. Mặt khác, một số nước đã kết hợp giữa vốn ngân sách nhà nước và vốn của tư nhân để đầu tư cho giáo dục. Ở châu Á, chi phí cho giáo dục ngoài nguồn vốn từ ngân sách còn được hỗ trợ bằng học phí của sinh viên.

Tài trợ tư nhân cũng có thể được khuyến khích để thành lập các trường tư hoặc hỗ trợ cho các trường công lập. Mặc dù các trường đại học tư có xu hướng thu hút các sinh viên từ những tầng lớp có điều kiện kinh tế - xã hội trội hơn, họ vẫn đẩy mạnh việc đa dạng hóa loại hình đào tạo và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh với các trường công lập (đặc biệt ở bậc đại học).

4 - Những vấn đề ưu tiên trong cải cách giáo dục.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm công bằng xã hội, kinh nghiệm nhiều nước cho thấy có 6 vấn đề cốt lõi trong tài trợ và quản lý hệ thống giáo dục với mức độ ưu tiên khác nhau phụ thuộc vào tình hình cụ thể của mỗi nước.

- Tập trung ưu tiên cao hơn cho giáo dục.

Do vai trò quan trọng của nó trong quá trình phát triển kinh tế và giảm đói nghèo, cần tập trung nhiều ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục trong các chương trình hành động của chính phủ. Đây là vấn đề đã được thừa nhận ở Đông Á và ngày càng mang tính toàn cầu, đặc biệt ở châu Mỹ la tinh. Tuy nhiên giáo dục tự nó sẽ không giảm được đói nghèo ; song song với cải cách và nâng cao tầm quan trọng của giáo dục, những chính sách kinh tế vĩ mô thận trọng và đầu tư thỏa đáng cũng rất cần thiết.

- Chú trọng nhiều hơn đến kết quả.

Những ưu tiên về giáo dục cần phải được lựa chọn : *một là, kết quả mà chúng có thể mang lại cho cộng đồng xã hội ; hai là, sử dụng phân tích kinh tế để lựa chọn phương án tối ưu ; ba là, xây dựng các tiêu chí và thước đo kết quả rõ ràng để có thể đánh giá chính xác kiến thức của học sinh, sinh viên.* Chính phủ cần xem xét toàn bộ hệ thống giáo dục trước khi xây dựng các mức ưu tiên. Những quốc gia đã đạt được trình độ giáo dục cơ sở phổ thông đều quan tâm đến tất cả các cấp đào tạo ; sử dụng công cụ phân tích kinh tế để ra những quyết định đầu tư cho giáo dục đạt hiệu quả cao nhất. Việc tập trung vào kết quả học tập cuối cùng đòi hỏi xây dựng các tiêu chí về đánh giá kết quả học tập của học sinh (đặc biệt đối với các bậc tiểu học và trung học) ; hoàn thiện, phát triển hệ thống đánh giá học tập của sinh viên ; gắn liền các tiêu chí, chương trình học tập và luôn giám sát để khuyến khích sinh viên bằng vật chất và tinh thần thỏa đáng.

- Tập trung đầu tư cho giáo dục cơ sở.

Phân bổ vốn đầu tư cho giáo dục hiệu quả, công bằng và ổn định sẽ góp phần vượt qua nhiều thách thức mà hệ thống giáo dục phải đương đầu hiện nay. *Hiệu quả đạt được là nhờ đầu tư vào những nơi có thể thu được lợi ích cao nhất - thông thường đó là giáo dục cơ sở.*

- Nâng cao tính công bằng.

Tính công bằng trong giáo dục có hai khía cạnh cơ bản : 1) Mọi người dân đều có quyền tiếp cận với giáo dục cơ sở - đó là những nhu cầu tối thiểu về kiến thức cơ bản và những kỹ năng cần thiết để hoạt động có hiệu quả cho xã hội ; 2) Trách nhiệm của chính phủ là phải bảo đảm cho những sinh viên có năng lực phải được tiếp tục đào tạo, bất kể hoàn cảnh kinh tế, xuất thân, giới tính của họ, bất kể họ thuộc những nhóm thiểu số (bao gồm cả ngôn ngữ) thiệt thòi hay các khu vực vùng sâu, vùng xa, hoặc có

Digitized by Google

những nhu cầu giáo dục đặc biệt. Ngoài ra, công bằng còn có nghĩa là phải có những biện pháp hữu hiệu để xác định những chuyên ngành cho các sinh viên trong tương lai. Để đạt được tính công bằng trong giáo dục cần phải có những biện pháp tài chính và mệnh lệnh hành chính. Các biện pháp tài chính, như tài trợ, có vai trò quan trọng đối với tất cả các cấp giáo dục nhằm tạo khả năng cho người nghèo được tiếp cận với giáo dục. Những giải pháp hành chính có thể gia tăng số người theo học là dân nghèo, phụ nữ, các dân tộc thiểu số và sinh viên có những nhu cầu giáo dục đặc biệt. Các chương trình khuyến học, tuyên truyền có thể làm tăng nhu cầu học tập của người nghèo. Đối với các nhóm thiểu số về ngôn ngữ, các chương trình song ngữ và các trường học cung cấp một sự lựa chọn ngôn ngữ trong học tập có vai trò lớn trong hệ thống giáo dục, đặc biệt trong giáo dục tiểu học.

- Tăng cường sự tham gia của hộ gia đình trong quản lý giáo dục

Hiện nay trên khắp thế giới, các bậc phụ huynh và cộng đồng đã tham gia nhiều hơn vào việc quản lý các trường học của con em mình. Hệ thống giáo dục phải tạo điều kiện để học sinh có nhiều phương án lựa chọn. Để cho sự lựa chọn có hiệu quả, sinh viên cần có khả năng chọn từ 2 trường học hoặc nhiều hơn. Giữa các trường đó cần phải có những đặc điểm khác nhau - ví dụ, về những khía cạnh mà chương trình học tập cần đặt trọng tâm vào ; các loại hình dạy học được sử dụng ; và ở những bậc cao hơn, những khóa học nào sẽ được cung cấp. Cuối cùng, giáo viên cần được trao cho một sự độc lập tương đối về dạy cái gì và dạy như thế nào, trong khuôn khổ chương trình giáo dục quốc gia yêu cầu.

- Nâng cao tính độc lập của các trường học.

Chất lượng của giáo dục có thể mang đến lợi ích khi các trường học có tính độc lập trong việc sử dụng các đầu vào theo các điều kiện của từng địa phương và các cộng đồng, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước các phụ huynh và cộng đồng. Ngành giáo dục hoàn toàn có thẩm quyền phân bổ các nguồn lực của mình và có thể tạo môi trường giáo dục có khả năng thích nghi với các điều kiện từng địa phương, bên trong và bên ngoài trường học. Dưới đây là một số giải pháp tài chính nhằm nâng cao tính độc lập và trách nhiệm của các trường học :

+ Áp dụng các ưu đãi về thuế cho các cá nhân hoặc tổ chức thực hiện đầu tư vào lĩnh vực giáo dục ;

+ Đóng góp và hỗ trợ của cộng đồng tại địa phương ;

+ Phân bổ trợ cấp cho cộng đồng và các trường ;

+ Chế độ đóng học phí ở bậc đại học ;

+ Khuyến khích tăng các nguồn thu hợp pháp ;

+ Sử dụng các cơ chế tài chính để tài trợ cho sinh viên như : học bổng, tem phiếu và tín dụng cho sinh viên ;

+ Cung cấp vốn cho các trường phổ thông và đại học trên cơ sở chất lượng đầu ra.

5 - Triển khai công cuộc đổi mới giáo dục

Giáo dục mang tính chính trị rất lớn ; nó ảnh hưởng đến các tầng lớp công dân, các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và chiếm một tỷ lệ lớn trong ngân sách quốc gia ở các nước đang phát triển.

Các cuộc cải cách tài chính và quản lý cần được thực hiện cùng với việc mở rộng các cơ hội của giáo dục. Đôi khi các cuộc cải cách tự thân sẽ tạo nên các cơ hội cho giáo dục. Ví dụ, khi các quy định nghiêm cấm khu vực giáo dục tư nhân đã được hủy bỏ. Việc tăng chi phí cho giáo dục đại học mang tính khả thi nhất về mặt chính trị khi nó gắn với việc mở rộng các cơ hội cho giáo dục đại học. *Tăng cường sự hỗ trợ và tham gia của phụ huynh và các cộng đồng, nâng cao tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo có thể dung hòa các lợi ích đối kháng* ; đây *cũng chính là vấn đề quyết định trong mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.* Hoạch định thận trọng các chính sách cải cách là điều cần thiết để tránh phá vỡ các mối quan hệ thiết yếu trong các hệ thống giáo dục. *Bước cơ bản, mặc dù thường hay bị bỏ qua, là bảo đảm nguồn lực và cơ chế thích hợp để có thể thích nghi với những thay đổi của chính sách.* ❑

Nguồn : *Finance & Development* / IMF and WB/ December 1995.

Digitized by Google

SỰ BÌNH ĐẲNG TRONG KINH DOANH VÀ VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

PHẠM THANH HẢI *

DOANH nghiệp nhà nước (DNNN) không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa xã hội, bởi lẽ bất kỳ nhà nước nào cũng có các cơ sở kinh tế được coi là nền tảng của một quốc gia. Tuy hoạt động bình đẳng theo luật pháp, nhưng các DNNN chịu sự chi phối rất chặt chẽ của nhà nước từ chi tiêu đến đề bạt người lãnh đạo. Bình đẳng trong cạnh tranh trên thương trường, nhưng DNNN phải được sự bảo trợ của nhà nước khi xảy ra những đột biến.

Ở nước ta, hệ thống doanh nghiệp trong cơ chế bao cấp được coi như đồng nghĩa với cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. Nó hoạt động theo sự chỉ đạo mang tính mệnh lệnh của kế hoạch bên trên, ít quan tâm đến biến đổi của thị trường diễn ra ngay "sau lưng" người sản xuất. Giữa sản xuất và tiêu dùng, thông qua thị trường "cứng" (phân phối theo kế hoạch). Những doanh nghiệp làm ăn tốt, sản xuất đến đâu, tiêu thụ đến đó cũng không hơn gì doanh nghiệp sản xuất ra hàng hóa ế thừa không tiêu thụ được. Nền sản xuất theo kế hoạch tập trung đã đưa đến sự trì trệ, có lúc làm nảy sinh tình trạng người nông dân bỏ đồng ruộng ra thành thị kiếm sống, người công nhân lấy nhà máy làm nơi hưởng chế độ, đi buôn, mở cửa hàng tư nhân. Có sống những năm tháng thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu hàng tiêu dùng... ở một đất nước giàu tài nguyên, có sức sáng tạo, mới thấy được ý nghĩa và giá trị của sự đổi mới ngày nay do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay là xu thế tất yếu, một đòi hỏi của cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của người sản xuất "tự cứu" mình, nhưng không làm mất đi bản chất của nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ một nền kinh tế gần như chỉ có thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, đến nay chúng ta chấp nhận sự có mặt của nhiều thành phần kinh tế, cũng có nghĩa là chấp nhận sự cạnh tranh, và thông qua cạnh tranh củng cố thế đứng của hệ thống doanh nghiệp nhà nước.

Sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế cần được hiểu là sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mỗi doanh nghiệp và cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế ; là sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ hành lang pháp lý. Song thực tế hiện nay mặc dù nhà nước đã ban hành nhiều luật, nhưng việc cụ thể hóa các luật này vẫn còn chậm, nên hoạt động của không ít các tổ chức kinh tế vẫn mang nặng tính chất mạnh ai nấy làm, chưa hoàn toàn thoát khỏi hình thức quản lý kiểu bao cấp trước đây. Kinh tế nhà nước có lúc mất dần chỗ đứng trên thương trường, tiêu biểu là hệ thống thương nghiệp quốc doanh. Các doanh nghiệp sản xuất, nơi nào có nhiều lợi nhuận và thu hồi vốn nhanh là các nhà đầu tư nước ngoài bằng mọi cách tham gia liên doanh. Hầu hết các ngành kinh tế có nhiều lợi thế như dầu khí, hàng không, bưu điện, du lịch... (vẫn mang tính độc quyền nhà nước) đều có sự tham gia của chủ đầu tư nước ngoài. Sự gọi vốn nước ngoài là cần thiết, nhưng nếu những ngành sản xuất và sản phẩm trong nước hoàn toàn có thể làm được thì việc gọi vốn nước ngoài, trên thực tế là "bóp chết" nền sản xuất trong nước. Nền kinh tế nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã bao hàm sự khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, nhà nước phải nắm các ngành kinh tế quan trọng và các khâu then chốt có nguồn thu lớn. Buông lỏng vấn đề này cũng có nghĩa là buông lỏng định hướng xã hội chủ nghĩa, làm yếu khả năng tích lũy vốn từ kinh tế nhà nước (hiện nay tổng vốn đầu tư là 86% nhưng chỉ làm ra 43% GDP).

* PTS khoa học kinh tế

Digitized by Google

Bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng có những loại hình sản xuất kinh doanh ở vào thế có lợi và bất lợi mà Mác gọi là "địa tô chênh lệch". Phần "địa tô" này phải thuộc về nhà nước. Trong cơ chế bao cấp trước đây, phần này được tập trung dưới công cụ của kế hoạch hóa và được phân phối lại cho các doanh nghiệp ở vào vị trí sản xuất kinh doanh bất lợi. Nhưng trong nền kinh tế thị trường, dường như công cụ này bị mờ nhạt. Có những doanh nghiệp (phải tồn tại như một tất yếu của nền kinh tế) như sản xuất than, muối, sản xuất công cụ cho nông thôn, ... có nơi lương không đủ sống, trong khi ở các ngành như du lịch, hàng không, bưu điện, ngân hàng... tiền lương vài triệu đồng/người/tháng là thường, trường hợp làm trong các công ty, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài thì tiền lương còn cao hơn. Phải chăng sự buông lỏng công cụ điều tiết của nhà nước, trước hết là chính sách tiền lương, là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự phân hóa trong người lao động. Mặc dù trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhà nước, nhất là đối với các doanh nghiệp có chức năng sản xuất hoàn toàn phục vụ phúc lợi xã hội, quốc phòng, an ninh... nhưng nguồn vốn của ngân sách trợ giúp cho các doanh nghiệp thuộc loại này chỉ có thể được bảo đảm tới mức độ nào đó. Nói cách khác chúng ta phải đoạn tuyệt với chế độ phân phối bình quân chủ nghĩa, nhưng đồng thời cũng không thể chấp nhận cách phân phối bất bình đẳng như hiện nay giữa một bên là các doanh nghiệp nhà nước, có ưu thế và thuận lợi (mà chủ yếu do đất nước tạo ra) được hưởng thụ quá cao với một bên là các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn (nhưng vẫn phải tồn tại do yêu cầu phát triển toàn diện của kinh tế - xã hội đất nước) thì người lao động có cùng trình độ với những người thuộc doanh nghiệp loại trên nhưng thu nhập quá thấp.

Hiện nay có không ít người hiểu sự bình đẳng trong kinh doanh, là khi có giấy phép thì có thể kinh doanh bất kỳ mặt hàng nào miễn là có lợi nhuận cao. Họ tìm mọi cách trốn lậu thuế và coi đó là "thành tích". Họ quyết định chế độ lương, thưởng một cách tùy tiện, có nơi tiền thưởng gấp cả chục lần tiền lương. Họ đầu tư xây dựng trụ sở thật to, trang bị toàn những thứ đắt tiền và tìm cách thường xuyên đi nước ngoài. Sự "bình đẳng" kiểu này đã vượt qua hành lang pháp lý, nếu không muốn nói là họ đang "mở kho bạc nhà nước" để phung phí. Đối với các doanh nghiệp tư nhân, càng cần thiết phải có sự quản lý chặt chẽ, nhất là không để kinh doanh không theo đúng giấy phép và buôn lậu trốn thuế, làm hàng giả...

Những cải tiến, đổi mới cơ chế quản lý, sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước cũng không ngoài mục tiêu làm cho thành phần kinh tế nhà nước mạnh lên, giữ vai trò chủ đạo, lôi kéo dẫn dắt các thành phần kinh tế khác phát triển đúng hướng. Có những vấn đề mới, bộ máy mới ra đời đã thực sự phát huy tác dụng, nhưng cũng có trường hợp không tránh khỏi sự chồng chéo. Chẳng hạn : mối quan hệ giữa tổng cục quản lý vốn tại doanh nghiệp và các bộ chủ quản với chức năng quản lý vốn đối với doanh nghiệp ; hay mối quan hệ giữa hội đồng quản trị với tổng giám đốc các công ty quốc gia. Hiện nay, tổng cục quản lý vốn tại doanh nghiệp về thực chất hoạt động như một tổng cục quản lý doanh nghiệp. Do vậy việc thể chế hóa, luật pháp hóa chức năng quản lý vốn giữa tổng cục với bộ chủ quản đối với doanh nghiệp đang là đòi hỏi bức xúc của nhiều doanh nghiệp. Chúng ta đã có Luật doanh nghiệp nhà nước nhưng việc áp dụng luật này như thế nào, quá trình thi hành có gì cần bổ sung, nói chung ta chưa có sự tổng kết thỏa đáng. Có những trường hợp người trực tiếp thực thi pháp luật nhưng cũng chưa đọc hết luật. Bởi vậy mặc dù đã có luật, nhiều người vẫn làm theo "lệ" và "lách" qua luật.

Sự quản lý của nhà nước ở tầm vĩ mô đang còn có mặt bất cập. Chúng ta không chỉ thiếu chính sách đón tầm mà còn có sự buông lỏng trong quản lý và bố trí đội ngũ cán bộ điều hành ở cấp vĩ mô. Trong thực tế, ai cũng khẳng định đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đề ra là đúng, nhưng trong thực hiện, lại có nhiều khuyết điểm, thậm chí có cả sai lầm. Điều đó có nguyên nhân về trình độ và khả năng điều hành, về thái độ thiếu kiên quyết của đảng bộ và chính quyền các cấp.

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

CẦN THƠ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

VÕ HOÀNG XINH *

MƯỜI năm đổi mới vừa qua, cùng với sự vươn lên của cả nước, tỉnh Cần thơ có những bước tiến quan trọng tạo được thế và lực để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 5 năm từ 1991 đến 1995, tăng trưởng GDP bình quân hằng năm của tỉnh là 10,91% ; lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực ; an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững ; hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường. Tuy nhiên công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình phức tạp, còn rất mới mẻ đối với một tỉnh mà điểm xuất phát của nền kinh tế ở mức thấp như Cần thơ. Trước mắt, Cần thơ phải đối mặt với những khó khăn lớn :

- Cơ sở hạ tầng của tỉnh hiện đang trong tình trạng thấp kém, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế ở mức độ cao, con đường huyết mạch - quốc lộ 1 nối với TP Hồ Chí Minh bị ngăn trở bởi hai bến phà Mỹ thuận và sông Hậu, làm hạn chế sự giao lưu hàng hóa của tỉnh với các vùng khác và với nước ngoài. Cảng hàng không và càng hàng hải chỉ sử dụng với công suất thấp và cũng thiếu sự đầu tư thỏa đáng.

- Là tỉnh nông nghiệp, Cần thơ cùng với các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu long có nhiệm vụ giữ an toàn lương thực của quốc gia, nhưng cơ sở công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến nói riêng còn quá yếu kém. Phần lớn nông sản thu hoạch đều phải để ở dạng sản phẩm thô, hoặc chỉ qua chế biến thủ công, khó bảo quản.

- Thị trường nông sản nhìn chung thiếu ổn định, đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất của tỉnh. Ngành lương thực không đủ lực để thu mua hết lúa của nông dân, tình trạng ngoài đồng được mùa mà trong nhà vẫn nghèo đói chưa khắc phục được. Bên cạnh đó giá vật tư phục vụ nông nghiệp còn cao, giá lương thực lại thấp gây không ít khó khăn cho nông dân.

- Trình độ dân trí chưa đủ đáp ứng nhu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều kiện sống của nhân dân đã được cải thiện một bước, song nhìn chung vẫn còn ở mức thấp.

Trên cơ sở phân tích kỹ thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh, đánh giá hết các khó khăn, thuận lợi trong quá trình đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh đảng bộ đã đặt ra mục tiêu cho giai đoạn 1996 - 2000 là :

- Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở kỹ thuật và hệ thống đô thị. Trước mắt tỉnh tập trung xây dựng các thị xã, thị trấn và các cụm kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng TP Cần thơ thành trung tâm kinh tế - văn hóa - khoa học kỹ thuật của tỉnh và của khu vực. Nâng cấp thị trấn Vị thanh thành thị xã Vị thanh. Hình thành thêm huyện Cờ đỏ.

- Về kinh tế, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao, ổn định và bền vững, GDP tăng bình quân 12%/năm, phấn đấu đạt thu nhập bình quân đầu người 550 - 600 USD (tính theo giá năm 1994), từng bước nâng tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế. Mở rộng các hoạt động kinh tế đối ngoại, có chính sách khuyến khích ưu đãi về giá cho thuê đất và cải cách thủ tục hành chính để thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài vào các dự án khu công nghiệp và khu chế xuất. Hình thành vùng nguyên liệu để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển ngành nghề để tạo thêm việc làm ; tăng kim ngạch xuất nhập khẩu.

Để có thể thực hiện được những mục tiêu đã đặt ra, tỉnh cần tập trung giải quyết các vấn đề chính như sau :

* Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần thơ

Digitized by Google

1 - Tập trung bảo đảm nguồn lực của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ cơ sở, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu. Quan tâm đúng mức tới công tác giáo dục - đào tạo để nâng cao trình độ dân trí.

Nguồn lực và chất lượng nguồn lực phụ thuộc cơ bản vào hai yếu tố : trình độ học vấn, tay nghề và sức khỏe. Như vậy muốn nâng cao chất lượng nguồn lực, bảo đảm đáp ứng cho công cuộc phát triển kinh tế, tỉnh phải quan tâm hơn nữa tới công tác giáo dục - đào tạo, làm tốt công tác y tế, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân và thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình. Nghị quyết lần thứ 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đã chỉ rõ : "Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đã được Đại hội VII xem là quốc sách hàng đầu. Đó là một động lực thúc đẩy và là một điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội" (1). Đầu tư cho giáo dục - đào tạo là một dạng đầu tư cho phát triển, nhưng kết quả khó thấy ngay. Bởi vậy, nó đòi hỏi sự kiên trì, chắc chắn và phải có định hướng đúng. Trong thời gian tới, để phát triển giáo dục, y tế, một mặt đảng và chính quyền phải đầu tư thêm sức người, sức của ; mặt khác phải tính toán xây dựng cơ sở trường học và trạm y tế, bệnh viện để lũ lụt không làm ảnh hưởng, hoặc ảnh hưởng ít nhất tới các hoạt động của những cơ sở đó.

2 - Xây dựng cơ sở hạ tầng theo tinh thần QĐ 99/TTg của Thủ tướng chính phủ, trọng tâm là hệ thống thủy lợi, đường giao thông, mạng lưới điện, nhà ở, trường học... ở nông thôn. Cùng với trung ương từng bước xây dựng, nâng cấp và mở rộng cảng Cần thơ, sân bay Trà-nóc, đối với nhân dân và đảng bộ tỉnh, việc xây dựng cầu qua sông Hậu là một nguyện vọng tha thiết ; tỉnh khẩn trương quy hoạch và đầu tư xây dựng khu công nghiệp Trà nóc - nam Hưng phú, khu công nghiệp Vị thanh, các thị trấn, cụm kinh tế - xã hội và các chợ nông thôn.

Vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, ở cả lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Giải quyết tốt việc xây dựng hệ thống điện, đường, trường, trạm y tế tức là tạo được cơ sở vật chất ban đầu để phát triển và công nghiệp hóa nông thôn.

Trong vài năm gần đây, lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu long đã trở nên một vấn đề bức xúc, cần có sự quan tâm đặc biệt để giải quyết. Một câu hỏi lớn đặt ra : nếu không thể chống được thì làm thế nào để thích nghi với lũ lụt, "chung sống" với nó và xa hơn nữa - làm thế nào để có thể "kinh doanh" ngay trong cơn lũ lụt. Lũ lụt cũng đặt ra nhiều vấn đề cần tính đến khi xây dựng cơ sở hạ tầng tại vùng đồng bằng sông Cửu long.

3 - Khai thác tiềm năng, huy động các nguồn vốn đầu tư trong tỉnh, kết hợp thu hút công nghệ tiên tiến và các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài. Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, đặc biệt quan tâm tới công nghiệp chế biến xuất khẩu, mở mang thị trường, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí, điện tử và sản xuất vật liệu xây dựng...

Công nghệ tiên tiến, hiện đại là động lực và có ý nghĩa quyết định sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghệ mà tỉnh Cần thơ hiện có hầu hết đã lạc hậu không thể đáp ứng được yêu cầu về chất lượng trong một thị trường cạnh tranh quyết liệt như hiện nay. Tỉnh sẽ tập trung đầu tư vào lĩnh vực này theo hướng ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, với phương châm tạo nhiều việc làm, thu hồi vốn nhanh.

Các ngành công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông sản là những ngành quan trọng hàng đầu đối với một tỉnh nông nghiệp, nó đánh giá trình độ phát triển và mức độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nếu công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng phát triển sẽ thúc đẩy sự phát triển sản xuất của toàn tỉnh. Bởi vậy, Cần thơ rất chú trọng lĩnh vực này, khuyến

(1) *Một số văn kiện của TU Đảng và Chính phủ về công tác khoa giáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 60

Digitized by Google

khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước lựa chọn và xây dựng những ngành nghề chế biến thích hợp với điều kiện của tỉnh.

Mở mang thị trường trong và ngoài tỉnh đồng thời từng bước tìm kiếm thị trường ngoài nước là vấn đề hết sức quan trọng. Sức mua của nhân dân và cả của các doanh nghiệp trong tỉnh còn yếu nên việc mở thị trường ra ngoài tỉnh là tất yếu, nó cho phép tỉnh thu được vốn nhanh cả bằng nội tệ và ngoại tệ. Thông qua thị trường bên ngoài kết hợp với nội lực của tỉnh, quá trình thu hút công nghệ hiện đại sẽ được thúc đẩy, các cơ quan doanh nghiệp sẽ chủ động quyết định được loại hàng cần xuất khẩu, quy mô công nghệ thích hợp, tránh được lãng phí và lạc hậu về công nghệ. Quá trình giao lưu này cũng tạo ra khả năng gọi vốn đầu tư từ bên ngoài.

Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nằm trong tiến trình phát triển chung của cả nước. Bởi vậy, nhà nước có một vai trò hết sức quan trọng đối với tỉnh. Điều đó thể hiện trước hết ở các chính sách mà nhà nước đang và sẽ đề ra. Các chính sách cơ cấu kinh tế, bảo đảm định hướng kinh tế mở và hướng về xuất khẩu ; chính sách thị trường bảo đảm cho các quan hệ thị trường phát huy tác dụng và khi cần thiết nhà nước nên can thiệp để hỗ trợ giá nông sản, giữ ổn định thị trường nông sản, tạo thế cho bà con nông dân hăng hái sản xuất ; chính sách tài chính tiền tệ bảo đảm sự ổn định đồng tiền và huy động vốn, phân bổ vốn hợp lý và có hiệu quả. Trong chính sách này, rất mong nhà nước chú ý trợ vốn cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, nhất là tăng vốn trung hạn và dài hạn để đầu tư vào công nghiệp hóa nông thôn...

Để phấn đấu đạt được những mục tiêu đã đề ra, tỉnh đảng bộ Cần thơ phải tạo ra sự nhất trí trong cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn tỉnh, phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí, tinh thần sáng tạo của quần chúng, phát huy ý thức tự lực tự cường, huy động sức dân, cần kiệm xây dựng quê hương theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, tạo ra sức mạnh tổng hợp đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh trên quê hương Cần thơ.❑

SỰ BÌNH ĐẲNG...

(Tiếp theo trang 32)

Hệ thống doanh nghiệp nhà nước vốn là sức mạnh của nhà nước xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình chuyển đổi, nếu quản lý bất cập thì sẽ làm cho nó yếu dần và làm mất đi nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Một số doanh nghiệp làm ăn sút kém do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan là lãnh đạo yếu kém, tham nhũng, gây hậu quả nghiêm trọng (trước hết người lao động phải gánh chịu, kế đến nhà nước mất dần tài sản, vốn liếng). Một số doanh nghiệp còn mang tính "độc quyền" đã không phát huy được tác dụng lại còn gây khó khăn cho nhà nước. Do vậy, việc tổ chức, quản lý, giám sát chặt chẽ các xí nghiệp này (nhất là các xí nghiệp độc quyền liên doanh với nước ngoài) là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước. Các xí nghiệp phải triệt để tuân thủ pháp luật từ khâu sản xuất đến lưu thông, đồng thời phải tạo ra nguồn thu lớn cho ngân sách và góp phần tích lũy đáng kể để tái sản xuất mở rộng nền kinh tế.

Sự bình đẳng trong kinh doanh không có nghĩa là nhà nước bỏ đi tất cả cái gì lợi thế của mình. Vai trò "độc quyền nhà nước" hay là độc quyền trong quản lý vĩ mô cho phép chúng ta có chính sách điều tiết để tích tụ và tập trung vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều đó cũng có nghĩa là vai trò quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô sớm có những giải pháp, không chỉ bảo đảm cho nền kinh tế phát triển, mà còn là công cụ điều phối lợi ích giữa các ngành và các thành phần kinh tế, đặt lợi ích của đất nước lên trên, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.❑

Digitized by Google

Sử dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh

LÊ HỒNG LIÊM *

QUẬN 5 là một quận đông dân và có mật độ dân số cao (trên 60 000 người/km^2), là một trung tâm thương mại - dịch vụ lớn của thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây ngày cũng như đêm trên đường phố, trong các cửa hiệu, nhà hàng luôn đông người mua bán đủ loại hàng hóa trong và ngoài nước. Một khối lượng lớn hàng hóa từ Quận 5 được bán gần như khắp nước. Quận 5 cũng là một nơi sản xuất tiểu, thủ công nghiệp với nhiều loại sản phẩm : nhựa, cơ khí và hàng tiêu dùng; đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm, may mặc...

Trong những năm gần đây, Quận 5 có nhiều chuyển biến lớn, đường phố được sửa chữa và mở rộng, đẹp hơn, thoáng đãng hơn, nhà cửa được xây mới nhiều hơn, khang trang hơn trước. Quận 5 cũng có thêm nhiều công viên, địa điểm sinh hoạt văn hóa, các cơ sở công cộng... Công cuộc cải cách hành chính theo cơ chế "một cửa, một dấu" đạt kết quả bước đầu có sức thuyết phục, lòng tin của nhân dân đang ngày càng được củng cố. Quận 5 hôm nay đang từng ngày đổi thay, đi lên với một kế hoạch phát triển hướng đến năm 2000 - 2010 và xa hơn.

I - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ TƯ BẢN NHÀ NƯỚC Ở QUẬN 5

Quận 5 là một địa bàn giàu tiềm lực về kinh tế. Trong nhân dân có nhiều khả năng về vốn và tay nghề, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, dễ thích ứng với kinh tế hàng hóa, có mối quan hệ rộng rãi với các nước bên ngoài. Nơi đây có gần 40% người Hoa - chiếm 60% tổng số lao động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có nhiều điều kiện và khả năng huy động sức mạnh kinh tế.

Từ năm 1975 đến nay, Quận 5 đã trải qua một chặng đường phát triển kinh tế mà tập trung là sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp - dịch vụ và đã đạt nhiều thành quả khả quan. Đó là một minh chứng sinh động của việc thực hiện đường lối, chủ trương phát triển kinh tế của Đảng, đặc biệt là chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ngày một được vận dụng tốt hơn.

A- Các hình thức vận dụng đối với trong nước

1- Hình thức công tư hợp doanh

Trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, ở Quận 5 có khoảng 300 hộ tư bản công thương nghiệp và hàng ngàn cơ sở tiểu thủ công nghiệp đã được cải tạo. Ngoài việc hình thành các xí nghiệp quốc doanh, trên địa bàn của quận, còn có các hình thức sản xuất mới là xí nghiệp công tư hợp doanh, công tư hợp doanh chia lãi đối với tư sản nhỏ và hình thức xí nghiệp hợp tác, cửa hàng hợp tác kinh doanh sử dụng tay nghề giữa nhà nước với tiểu chủ trong một số ngành...

Từ năm 1982 đến 1986 là thời kỳ tháo gỡ những ràng buộc đối với sản xuất trong cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp. Trong các đơn vị sản xuất công tư hợp doanh đã áp dụng phương thức chia lãi với người tư sản, vận động hộ tư thương loại A, B góp vốn cổ đông tổ chức thành những cửa hàng hợp tác kinh doanh, cửa hàng đại lý, ký gửi giữa nhà nước với giới trung thương, tiểu chủ trong các hoạt động thương nghiệp, ăn uống và dịch vụ, bảo đảm cho những người hợp tác kinh doanh được hưởng lãi thích hợp.

* PTS, Thành ủy viên, Bí thư quận ủy Quận 5 TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Cũng trong quá trình này Quận 5 có Công ty xuất nhập khẩu Cholimex với sự góp vốn của một số người Hoa, đẩy mạnh việc xuất nhập khẩu trực dụng nhằm giảm bớt những thiếu hụt về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu.

Tuy nhiên nội dung các hình thức công tư hợp doanh, xí nghiệp hợp tác... nói trên chưa định hình và có nhiều nhược điểm như : năm 1988 giá trị sản lượng của cả xí nghiệp hợp doanh và quốc doanh tính gộp lại cũng chỉ mới chiếm 16,85% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của quận ; phương thức sản xuất - kinh doanh cũng chưa phù hợp với mô hình quá độ, cơ chế quản lý còn nhiều sơ hở.

2- Các công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân và các hình thức kinh tế tư bản nhà nước như : liên doanh, khoán thuê, cổ phần.

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, các thành phần kinh tế trong quận có điều kiện phát triển, thực tế đã khơi dậy những tiềm năng đã bị mai một.

Biểu : *Số cơ sở lao động của Quận 5 đến tháng 11- 1989*

Thành phần kinh tế	Cơ sở sản xuất	Lao động	So sánh tăng - giảm 88/89	
XN quốc doanh quận	10	1 842		
XN hợp doanh quận	3	466	- 1	
XN hợp doanh phường	11	310	- 6	
Hợp tác xã	74	2 526	- 11	- 1272
Tổ sản xuất	283	4 440	- 90	- 1722
Cá thể	1 699	6 052	+ 407	+ 895
Công ty, XN tư nhân	16	267	+ 16	+ 267
Tổng cộng :	2 096	15 603		

Nguồn : *Báo cáo tổng kết của Phòng công nghiệp Quận 5, năm 1989*

Đến cuối 1990, tổng số vốn khu vực kinh tế ngoài quốc doanh gần 40 tỉ đồng, trong đó vốn cố định khoảng 25 tỉ đồng, với gần 10 000 máy móc thiết bị, thu hút gần 13 000 lao động, chiếm 86,6% tổng số lao động và 81,87% giá trị tổng sản lượng toàn ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của quận. Một nét mới là sự xuất hiện ngày càng nhiều công ty, xí nghiệp tư nhân. Năm 1990 đã có 23 đơn vị trong các lĩnh vực công - thương nghiệp, tập trung gần 1230 lao động.

Từ sau Đại hội VII của Đảng, do nhà nước có những chủ trương rõ ràng và định chế thích hợp, kinh tế tư nhân có điều kiện phát triển mạnh. Năm 1993, khi Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân được ban hành thì thành phần công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân tăng nhanh về số lượng và chất lượng hoạt động.

Năm 1991 mới có 20 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân, năm 1992 đã có 31 (tăng 50%) và năm 1993 là 86 (tăng 2,7 lần so với năm 1992).

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năm 1995 đã có 130 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân với 5000 lao động, 110 tỉ đồng vốn. Nếu so với năm 1991 thì số vốn đã tăng gấp 19 lần và chiếm tỉ trọng 65% tổng số vốn toàn ngành công nghiệp.

Trên lĩnh vực thương mại dịch vụ có 837 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân.

Các thành phần kinh tế tư nhân ngày càng phát triển với nhiều nguồn vốn, mối quan hệ làm ăn rộng rãi hơn và trình độ quản lý sản xuất kinh doanh có tiến bộ. Đạt được điều đó vì thành phần kinh tế này có quy mô gọn nhẹ, vừa và nhỏ dễ đổi mới công nghệ, nhanh chóng thích ứng với cơ chế thị trường. Cũng phải tính đến những yếu tố khác, như hệ thống luật ngày càng hoàn thiện, triển vọng hợp tác kinh tế giữa Việt nam và thế giới ngày càng lớn. Đó là động lực chính thức thúc đẩy các nhà kinh doanh mạnh dạn đầu tư cho sản xuất và đăng ký hoạt động ở hình thức công ty, doanh nghiệp tư nhân. Chỉ riêng khối công ty - doanh nghiệp tư nhân đã nhập mới một số lượng máy móc thiết bị trên 1500 danh mục, tổng trị giá 4 110 200 USD và 16 317 triệu đồng, chiếm tỉ trọng 97,8% giá trị nhập mới của toàn quận năm 1994.

Trong hoạt động kinh tế của các công ty trách nhiệm hữu hạn - doanh nghiệp tư nhân, cũng đã nẩy sinh các hiện tượng tiêu cực như trốn thuế, làm hàng giả, lập công ty chui v.v.. Nhà nước cần ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực đó, đồng thời có những biện pháp nâng cao

Digitized by Google

kiến thức pháp luật cho các nhà kinh doanh, thực hiện công bằng trong đối xử với các thành phần kinh tế, tăng cường chức năng quản lý, kiểm kê kiểm soát để tạo điều kiện huy động tối đa những tiềm năng kinh tế đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc ra đời nhiều công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, trong đó có một số doanh nghiệp có vốn lớn, tạo điều kiện cho việc phát triển các hình thức liên doanh giữa nhà nước với các thành phần kinh tế khác theo dạng liên doanh, khoán thuê, công ty cổ phần...

- Hình thức liên doanh có hai dạng : liên doanh trong khuôn khổ một hình thức đã có sẵn, phổ biến ở các doanh nghiệp thương mại như công ty thương mại tổng hợp, công ty Cholimex, Cholifac v. v.. hoặc thành lập một đơn vị liên doanh mới thường là ở các doanh nghiệp ngành xây dựng cơ bản như liên doanh An đông 1, liên doanh An đông 2, v.v..

- Hình thức công ty cổ phần có các dạng : từ các hợp tác xã tín dụng hình thành ngân hàng thương mại cổ phần có góp vốn của nhà nước trên 20% như Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Hoa ; tổ chức các công ty cổ phần từ doanh nghiệp nhà nước (quận đang thí điểm 3 đơn vị).

Ngoài ra còn dạng cổ phần giữa các doanh nghiệp tư nhân với nhau như từ các hợp tác xã bậc cao, chuyển sang dạng công ty cổ phần (Dũng tiến, Công ty Cotico, Nghĩa an) ; các doanh nghiệp tư nhân góp vốn hình thành công ty cổ phần (Công ty cổ phần thương mại công thương Quận 5).

- Hình thức khoán thuê có hợp đồng, có thời hạn giữa các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân khá phổ biến trong dịch vụ nhà hàng, khách sạn và cả trong lĩnh vực sản xuất đông nam dược.

Các hình thức kể trên góp phần thu hút vốn nhanh hơn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khôi phục những ngành sản xuất kinh doanh truyền thống, trong điều kiện vốn lưu động tự có của các doanh nghiệp nhà nước ở quận rất thấp, bình quân từ 10 đến 15% tổng nhu cầu vốn. Hầu hết các liên doanh đã làm ăn có hiệu quả.

Song mặt hạn chế là công tác quản lý nhà nước còn có sơ hở nên đã nảy sinh tình trạng tư thương núp bóng, trốn thuế ; hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và nhà nước góp vốn vào các doanh nghiệp tư nhân còn là hình thức mới mẻ, đang làm thử nghiệm và còn những lúng túng ; việc hướng dẫn thực hiện luật, khuyến khích đầu tư trong nước, nhất là đầu tư vốn cổ phần nhà nước vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có quy mô lớn chưa làm tốt ; còn thiếu những chính sách cần thiết về vốn, cán bộ... cho việc liên doanh.

B - Các hình thức vận dụng với nước ngoài.

Trên địa bàn của quận có 16 liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có 8 liên doanh thuộc trung ương và thành phố. Các liên doanh của quận có hai dạng :

- Các công ty quốc doanh của quận liên doanh với nước ngoài (hiện có 3 liên doanh dạng này).

Quận chủ trương chỉ liên doanh ở những ngành có công nghệ hiện đại, đòi hỏi vốn lớn, còn những ngành có khả năng huy động vốn trong nước và dễ sinh lợi, như nhà hàng, khách sạn và các công trình văn hóa - xã hội thì dành ưu tiên cho đầu tư trong nước (trong đó có vốn thân nhân nước ngoài, nhất là trong bà con người Hoa). Do đó, quận chỉ có 3 liên doanh với nước ngoài với tổng vốn đầu tư mỗi công trình bình quân trên 100 triệu USD chủ yếu là liên doanh xây dựng Trung tâm thương mại, cao ốc, văn phòng... (bên nước ngoài góp bằng tiền mặt, thiết bị, nguyên vật liệu và chuyên gia kỹ thuật, phía Việt nam góp vốn bằng nhà, xưởng, chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng, vốn Việt nam ít nhất bằng 30% vốn pháp định).

- Các doanh nghiệp tư nhân của quận liên doanh với nước ngoài trên lĩnh vực chế biến thực phẩm, nhà hàng, khách sạn, thuê bao thiết bị, may mặc. Dạng này có 5 doanh nghiệp (chưa kể nhiều doanh nghiệp, tư nhân có vốn thân nhân nước ngoài chưa thống kê được).

Các bên liên doanh nước ngoài là Ô-xtơ-rây-li-a, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, các nước

Digitized by Google

thuộc Liên xô cũ, Đài loan , Hồng công, Hàn quốc, Thái lan...

Thực tiễn cho thấy lĩnh vực liên doanh hoạt động khá tốt, thúc đẩy nhanh tiến bộ xây dựng và sản xuất, chú ý đến hiệu quả. Song vấn đề lựa chọn đối tác, lựa chọn cán bộ tham gia quản lý liên doanh, vấn đề xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt như tổ chức đảng, công đoàn, công tác quản lý nhà nước... cần được quan tâm hơn nữa.

II- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1- Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế trong đó có sự ra đời các loại hình kinh tế tư bản nhà nước ở Quận 5 vừa qua đã tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu xã hội - giai cấp và cơ cấu xã hội - nhân khẩu trên địa bàn quận, trong đó cơ cấu xã hội - giai cấp được đặc biệt chú ý.

Cùng với sự phát triển các thành phần kinh tế, đã có một nhóm người kinh doanh mới xuất hiện, đó là nhóm kinh doanh tư nhân. Họ vừa là người kinh doanh, vừa là người chủ sở hữu cơ sở kinh doanh của mình. Những người kinh doanh tư nhân này gồm những người là chủ các công ty, xí nghiệp tư doanh, những người buôn bán kinh doanh và dịch vụ trên thị trường, những người tiểu sản xuất dịch vụ công nghiệp, thợ thủ công kinh doanh cá thể.

Nhóm kinh doanh tư nhân này ra đời từ nhiều nguồn khác nhau. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, một số là cán bộ, đảng viên đã đầu tư mở mang các cơ sở kinh doanh tư nhân (ở Quận 5 hiện có 31 đảng viên hoạt động trong các công ty tư nhân, trong đó có gần 2/3 là ở ngoài quận). Số đông tham gia nhóm kinh doanh tư nhân này là những người có vốn từ trước, nhưng có lúc bị cấm đoán nên chưa hoạt động, hoặc hoạt động ngấm ngầm, nay được khuyến khích nên bỏ vốn ra kinh doanh ; một số là những nhà tư sản đã cải tạo hoặc xuất thân từ gia đình tư sản ; một số gắn với thân nhân ở nước ngoài (ở Quận 5 có khoảng 17 000 hộ có quan hệ thân nhân nước ngoài), hoặc gắn với tư bản nước ngoài.

Số lao động được thu hút vào loại hình kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước ngày càng nhiều.

Xét một cách tổng thể, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Quận 5 từ Đại hội VI đến nay đã có sự biến động rất phức tạp và phân hóa rõ rệt trên nhiều phương diện. Chính cơ cấu xã hội - giai cấp này phản ánh bức tranh sinh động của nền kinh tế Quận 5 trong quá trình chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chưa có điều kiện trình bày sự biến đổi của giai cấp công nhân, nhóm thợ thủ công, tiểu thương... Điều muốn nói ở đây là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu xã hội - giai cấp nêu trên còn có nguyên nhân quan trọng là sự gắn bó khá chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với chính sách xã hội. Đây là một động lực quan trọng của quá trình phát triển ở địa phương. Vì vậy, mục tiêu phấn đấu của Quận 5 trong thời kỳ 1996 - 2000 là xây dựng quận thành một trong những trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội quan trọng của TP Hồ Chí Minh.

2 - Do đặc điểm địa lý và lịch sử, ở TP Hồ Chí Minh nói chung và Quận 5 nói riêng, các loại hình kinh tế tư bản nhà nước ra đời khá sớm. Cùng với kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và các thành phần kinh tế khác, kinh tế tư bản nhà nước ở Quận 5 đã dần dần định hình và có vai trò tích cực trong xây dựng và phát triển kinh tế địa phương cũng như trong việc tham gia đầu tư ở các nơi khác.

Tuy nhiên, tư tưởng của Lê-nin về tư bản nhà nước - phòng chờ của chủ nghĩa xã hội - chưa được nhận thức đúng đắn và đầy đủ cho nên chúng ta chưa thật sự chủ động, tự giác thúc đẩy loại hình kinh tế tư bản nhà nước ra đời đúng quy luật, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cũng chưa thấy rõ rằng phát triển kinh tế tư bản nhà nước là cần nhưng phải bảo đảm độc lập, tự chủ, không để hình thành giai cấp tư sản mại bản, chống mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" trên trận địa kinh tế với việc tác động vào kinh tế tư nhân, nhằm tạo nên thị trường tự do và giai cấp tư sản làm cơ sở chính trị - xã hội cho các thế lực bên ngoài.

Digitized by Google

Nhìn nhận từ khía cạnh đó, có thể thấy rõ là vừa qua chúng ta mới chỉ chú ý phát triển tư bản nhà nước theo nhu cầu kinh tế, đặc biệt do nhu cầu về vốn... Còn việc coi kinh tế tư bản nhà nước là một động lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh (bên cạnh việc chăm lo củng cố và tăng cường kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, cùng các thành phần kinh tế khác) để từ đó có tác động thúc đẩy, cũng như tăng cường kiểm kê kiểm soát có hiệu quả thì rất hạn chế. Những hạn chế đó là :

- Hiện nay Quận 5 có khoảng 90% công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân có tổ chức liên đoàn lao động, nhưng thực chất mới chỉ có khoảng 30 - 40% số tổ chức này có hoạt động.

- Công tác cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có nhiều người tham gia thực sự có hiệu quả vào các liên doanh, hội đồng quản trị, hoặc có tham gia nhưng chỉ là bóng mờ của chủ tư nhân.

- Do cơ chế quản lý vốn hiện nay, việc đầu tư vốn nhà nước vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phần liên doanh... rất khó thực hiện.

Do vậy, để các loại hình kinh tế tư bản nhà nước trong thời gian tới phát triển tích cực và đúng hướng, phát triển mạnh hơn nữa các tiềm năng của cơ sở, chúng tôi xin kiến nghị :

1- Nhà nước sớm ban hành các bộ luật quan trọng và các định chế cần thiết cho đầu tư phát triển như Luật thương mại (hay Luật kinh doanh), Luật bảo hiểm, bổ sung, sửa đổi một số luật thuế cũng như những văn bản dưới luật khuyến khích đầu tư, cổ phần hóa ; tổ chức phòng thương mại và công nghiệp thành phố, các tổ chức thông tin - tiếp thị nhanh nhạy, chính xác kịp thời ; xây dựng khu công nghiệp tập trung theo chế độ "một cửa"...

2- Đơn giản tối đa thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư như giảm đến mức thấp nhất các thủ tục hành chính, bỏ các thủ tục rườm rà, phức tạp.

3- Thiết lập một số định chế tiền tệ, tài chính, dịch vụ bảo hiểm và hệ thống tài phán nhà nước như : một hệ thống ngân hàng có khả năng thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế hàng hóa, mở thị trường tiền tệ, giúp giải quyết nhanh các khó khăn về vốn lưu động của các đơn vị kinh tế, huy động tiền tiết kiệm, thu hút khả năng đầu tư trong và ngoài nước... Cần có chính sách kiều hối phù hợp để huy động nguồn vốn đầu tư vì đây là khả năng lớn của Quận 5 với khoảng 17 000 hộ có thân nhân ở nước ngoài... Thành phố vừa được Chính phủ cho phép hình thành quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển ; cần có phân công, phân cấp địa phương để huy động nguồn nhân lực lớn trong các thành phần kinh tế.

4- Việc phát triển các loại hình kinh tế tư bản nhà nước nhằm huy động vốn, kỹ thuật và chất xám, do đó cần có những định hướng rõ ràng như :

- Quy định những ngành, những khu vực ưu tiên khuyến khích đầu tư trong nước (những ngành ta có điều kiện về cán bộ, thiết bị công nghệ, vốn, thị trường thì ta cố gắng tự làm, không nhất thiết ngành gì cũng hợp tác nước ngoài) ; những ngành cần gọi vốn đầu tư nước ngoài phù hợp quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố thì có biện pháp kích thích thỏa đáng.

- Tăng cường công tác kiểm kê kiểm soát trong phát triển các loại hình kinh tế tư bản nhà nước bằng những công cụ kinh tế và pháp luật. Riêng trong chính sách bán nhà, xưởng cần bảo đảm khuyến khích đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế và môi sinh, môi trường, xây dựng thành phố theo quy hoạch tổng thể được duyệt, không để sơ hở cho những cá nhân, đơn vị lợi dụng chính sách đầu tư, phát triển sản xuất để mua nhà xưởng và sang nhượng, kinh doanh địa ốc hưởng chênh lệch lớn.

5- Tổ chức nhiều cuộc hội thảo, các buổi học tập chính trị, sinh hoạt tư tưởng trong cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị về kinh tế thị trường, kinh tế tư bản nhà nước, về vai trò đảng viên trong kinh tế thị trường... để có định hướng tư tưởng, hành động đúng, ngăn chặn những sai lệch phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế tư bản nhà nước, giữ vững độc lập tự chủ, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.❑

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA KINH TẾ HỘ TRONG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

NGUYỄN HỮU TIẾN - NGUYỄN ĐÌNH LONG *

VIỆT yên là một huyện trung du bán sơn địa của tỉnh Hà bắc, bình quân đất canh tác một khẩu nông nghiệp là 625 m^2. Điều kiện sản xuất của huyện không mấy thuận lợi. Trong tổng số 9 426 ha đất canh tác, có tới 43,8% đất chân trũng, 26,1% đất chiêm dầm, 10% đất gò bãi và vần cao... Thách thức to lớn đối với Việt yên là làm sao với điều kiện hiện có mà vẫn thúc đẩy được nền kinh tế của huyện phát triển nhanh, có tích lũy và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân trong huyện ; nếu không sẽ bị tụt hậu xa hơn so với các huyện trong tỉnh cũng như trong vùng và trong cả nước.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, lại được những tư tưởng lớn của Đại hội Đảng lần thứ VII, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) soi sáng, ban lãnh đạo huyện Việt yên đã sớm có chủ trương và biện pháp tích cực chỉ đạo, hướng dẫn các xã, hợp tác xã và các hộ nông dân mạnh dạn thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với hoàn cảnh cụ thể và điều kiện tự nhiên của mỗi vùng, mỗi xã, hộ gia đình và bước đầu thu được một số kết quả như sau :

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng cây công nghiệp ngắn ngày và cây thực phẩm có hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở hình thành các mô hình phát triển đa dạng theo vùng sinh thái phù hợp với lợi thế và điều kiện tự nhiên của từng vùng. Cụ thể là :

Đối với vùng đất chủ động được nước, các hộ nông dân đã thực hiện thâm canh lúa với các giống có năng suất cao như ỷ mai hương, bắc thơm số 7, tám xoan... ; đẩy mạnh trồng màu lương thực như ngô, khoai lang để làm thức ăn cho chăn nuôi ; mở rộng diện tích các loại rau, quả, củ cao cấp, như cải bắp, súp lơ, su hào, khoai tây, dưa chuột ; tăng cường trồng cây công nghiệp ngắn ngày, như lạc, đậu tương ; bỏ hẳn trồng cây thuốc lá. Nét nổi bật ở vùng này là nâng từ 2 vụ lên thành 3 - 4 vụ/năm nhờ chọn đúng cơ cấu cây trồng.

Đối với vùng đất trũng, trên cơ sở bảo đảm an toàn lương thực, huyện chỉ đạo các hộ đầu tư cải tạo đồng ruộng để chuyển 350 ha trước đây chỉ cấy 1 vụ lúa chiêm không ăn chắc sang làm 1 vụ lúa và 1 vụ cá, hoặc chuyên nuôi cá. Nhờ đó ở các xã Nghĩa trung, Trung sơn, Minh đức, Tiên sơn, Hương mai và Quảng minh đã có 40 hộ thực hiện tốt mô hình canh tác này và thu được kết quả kinh tế cao : hạch toán kinh tế nuôi cá trên 1 ha ruộng trũng ở các hộ vừa qua cho thấy với cơ cấu giống cá trắm 10%, trôi 20%, mè 40% và các loại cá khác 30%, mật độ 2 500 con/ha, trọng lượng cá giống ban đầu là 0,15 kg/con cho sản lượng đến kỳ thu hoạch là 800 đến 1 000 kg/ha. Như vậy, chỉ tính riêng 1 vụ cá đã cho thu hoạch gấp bội so với trồng 1 vụ lúa trên chân ruộng trũng.

Đối với vùng đất đồi, huyện đã có dự án phát triển vùng cây ăn quả gắn với kế hoạch cải tạo vườn tạp thành các loại cây có giá trị kinh tế cao, như vải thiều, nhãn, na dai... Toàn huyện có 1 000 ha đất gò đồi dốc 15 - 20 độ, đến năm 1995 đã hình thành nhiều nhóm hộ nhận đất để cải tạo vườn đồi. Có 5 nhóm hộ ở Việt tiến, Nghĩa trung, Bích sơn, Minh đức, Mai hương đã nhận cải tạo hơn 60 ha, trong đó một số gia đình bắt đầu đã có thu hoạch khá. Kết quả điều tra 50 hộ trong số 500 hộ có vườn

* PTS kinh tế, Viện kinh tế nông nghiệp

Digitized by Google

cây ăn quả trong toàn huyện cho thấy 1 ha vườn cây ăn quả cho thu nhập từ 37 triệu đến 40 triệu đồng/năm.

- Trong ngành chăn nuôi, cơ cấu kinh tế có xu hướng phát triển chăn nuôi hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là chăn nuôi gà, vịt. Bình quân đàn vịt của huyện 4 năm qua tăng 11%/năm, đàn gà tăng 5%/năm. Đặc biệt nghề nuôi những loại con đặc sản phát triển mạnh, làm thay đổi cơ cấu chăn nuôi của các hộ. Năm 1994 toàn huyện có 80 hộ nuôi ba ba, đến cuối năm 1995 tăng lên 250 hộ và đã tổ chức thành các hội tự nguyện để giúp đỡ lẫn nhau trong các khâu kỹ thuật, vốn và tiêu thụ sản phẩm. Riêng xã Nghĩa trung hiện có 120 hộ nuôi ba ba. Điển hình như chi hội nuôi ba ba ở Vân trung gồm 6 hộ, năm 1994 thu được 1 500 kg ba ba (doanh thu tương đương 450 triệu đồng).

- Mở rộng và phát triển thêm ngành nghề và dịch vụ mới. Đây là xu hướng đang tạo ra nhiều mô hình kinh tế hộ rất năng động có hiệu quả kinh tế cao. Do điều kiện địa lý mà sự phát triển ngành nghề dịch vụ ở Việt yên khá phong phú và đa dạng. Bình quân mỗi xã có từ 10 đến 15 hộ làm nghề xay xát ; 15 - 25 hộ làm nghề chế biến thực phẩm (đậu phụ, bánh bún, thức ăn gia súc...) ; 25 - 30 hộ chuyên làm nghề mộc ; 30 - 35 hộ chuyên làm nghề may mặc ; 20 - 43 hộ sản xuất gạch ngói ; 1 - 2 hộ dịch vụ làm đất nông nghiệp ; 5 - 6 hộ dịch vụ vật tư nông nghiệp ; 20 - 70 hộ chuyên buôn bán và dịch vụ ăn uống. Thu nhập của các hộ có ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ khá cao. Kết quả điều tra của Viện kinh tế nông nghiệp ở 200 hộ theo các mô hình trên đây cho thấy : thu nhập bình quân của 91 hộ nông nghiệp có làm thêm ngành nghề dịch vụ đạt trên 50 triệu đồng/hộ/năm, còn 6 hộ chuyên về ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đạt mức khá cao là 150 triệu đồng/hộ/năm. Trong khi đó bình quân thu nhập của 93 hộ chuyên nông nghiệp chỉ đạt mức 20 triệu đồng/hộ/năm.

Rõ ràng là duy trì, mở rộng nghề truyền thống, phát triển ngành nghề và dịch vụ mới ở nông thôn có ý nghĩa quyết định trong việc tăng nguồn thu nhập của các hộ, làm thay đổi cơ cấu thu nhập trong nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của toàn huyện :

Biểu 1 : Cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp
(Theo giá cố định năm 1989)

(Đơn vị : %)

	1991	1992	1993	1994	1995
Giá trị sản lượng	100	100	100	100	100
Trong đó :					
- Trồng trọt	82,1	82,6	81,4	74,3	69,5
- Chăn nuôi	17,9	17,4	18,6	25,7	30,5

Phân tích số liệu trên cho thấy kết quả của ngành trồng trọt, nhất là sản xuất lương thực, mỗi khi đã được nâng lên rõ rệt, thì ngành chăn nuôi phát triển mạnh, làm cho tỷ trọng của chăn nuôi trong giá trị sản lượng nâng lên với nhịp độ khá nhanh. Sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp mỗi khi đã đi đúng theo hướng tích cực, thì bản thân nó tạo ra những tiền đề ban đầu về kinh tế cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đặc biệt là cơ cấu ngành kinh tế. Thực tế ở huyện Việt yên đã chứng minh phần nào xu thế có tính quy luật đó :

Biểu 2 : Cơ cấu ngành kinh tế
(Theo giá cố định năm 1989)

(Đơn vị : %)

	1991	1992	1993	1994	1995
Giá trị tổng sản phẩm (GDP)	100	100	100	100	100
1. Nông, lâm nghiệp	64,6	65,0	62,6	61,4	60,7
2. Công nghiệp, xây dựng	15,0	15,1	16,6	17,2	18,0
3. Dịch vụ	20,4	19,9	20,8	21,5	21,3

Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Việt yên tuy mới bước đầu, nhưng đã góp phần nâng thu nhập của nhân dân trong huyện : GDP bình quân đầu người tăng từ 1 560 000 đồng (năm 1991) lên 2 110 000 (năm 1995) ; xuất hiện nhiều hộ nông dân sản xuất giỏi, trong đó có một số hộ trở thành chủ trang trại, đồng thời giảm được số hộ nghèo. Nhờ đó bộ mặt xã hội nông thôn

Digitized by Google

đã có nhiều khởi sắc. Nếu năm 1991 tỷ lệ hộ giàu chiếm 8%, thì năm 1995 tăng lên hơn 20% ; số hộ nghèo đói, thiếu ăn giảm từ 27% (1991) xuống còn 19% (1995) ; 80% số hộ có nhà ở kiên cố và bán kiên cố ; 7% số hộ có xe gắn máy ; 34% số hộ có tivi ; 41% số hộ có cát sét ; 100% số xã có trường tiểu học và trung học cơ sở, bệnh xá khang trang. Nhìn chung đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đang từng bước được cải thiện. Thực tế ở Việt yên cho thấy khi dân giàu lên thì huyện cũng mạnh. Trong 3 năm qua với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, toàn huyện đã đầu tư 3 404 triệu đồng cho xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn ; xây dựng mới 27 trạm bơm cục bộ, sửa chữa nâng cấp nhiều trạm bơm, kênh mương với tổng số vốn đầu tư 4 516 triệu đồng...

Để tiếp tục phát triển hơn nữa, trước mắt cũng như lâu dài huyện cần phải tập trung tháo gỡ một số khó khăn, trở ngại, tiếp tục quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực như :

Một là, vấn đề thủy lợi, nhiều năm nay các kênh chính thủy nông thiếu vốn để tu sửa, kênh mương xuống cấp nghiêm trọng. Trạm bơm đầu nguồn lại do 2 huyện quản lý, nên việc điều phối nước gặp rất nhiều khó khăn và kém hiệu quả. Việt yên lại chưa có hồ chứa nước lớn, việc chủ động tiêu nước mùa mưa chủ yếu thực hiện bằng bơm điện, phụ thuộc vào nguồn điện, nên lúc mưa lớn tiêu úng không kịp.

Hai là, phần đông nông dân Việt yên còn nghèo, tiềm lực về vốn, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhỏ bé, do đó việc chuyển sang phát triển sản xuất hàng hóa lớn còn gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó nguồn vốn vay từ ngân hàng còn rất hạn chế. Bình quân trên địa bàn huyện mỗi hộ nông dân mới được vay từ 200 ngàn đến 300 ngàn đồng/năm.

Ba là, ruộng đất canh tác tuy giao cho nông dân sử dụng lâu dài, nhưng còn manh mún và phân tán (bình quân mỗi hộ có từ 15 đến 20 mảnh). Tâm lý giữ đất của nông dân còn lớn, chưa dám chuyển nhượng, chuyển đổi, sang làm ngành nghề phi nông nghiệp, cho nên việc hình thành các vùng nguyên liệu, hoặc hàng hóa nông, lâm sản lớn đang là vấn đề khá nan giải.

Bốn là, trình độ văn hóa, quản lý kinh tế, khả năng tiếp thị của nông dân còn yếu kém. Trong khi đó các tổ chức, doanh nghiệp, dịch vụ của nhà nước, hợp tác xã còn lúng túng, kém năng động trong việc bồi dưỡng, hướng dẫn nông dân mạnh dạn tìm hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

Để thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn Việt yên theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong thời gian tới cần tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ. Với tư cách là đơn vị kinh tế tự chủ, các chủ hộ cần có sự cố gắng tự tiếp thị, nắm bắt thông tin về nhu cầu thị trường, thị hiếu các mặt hàng sản phẩm, từ đó lựa chọn phương án tối ưu cho sản xuất. Về phía chính quyền huyện, tỉnh và các cơ quan chức năng, cần nghiên cứu đổi mới và tổ chức lại hệ thống thị trường trên địa bàn, phát triển các thị tứ, thị trấn, chợ nông thôn hình thành quy hoạch tổng thể trên toàn huyện, tỉnh. Tổ chức cung cấp cho các hộ nông dân những thông tin cần thiết về tình hình thị trường, tạo điều kiện cho các hộ sản xuất hàng hóa lớn tiếp cận với thị trường ngoại tỉnh, vươn ra cả nước ngoài.

2 - Khai thác tốt hơn nữa lợi thế của huyện về vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế - xã hội với các thị trường lớn ở lân cận, như thị xã Bắc ninh, Bắc giang, khu công nghiệp Thái nguyên, đặc biệt là với các trung tâm của tam giác kinh tế Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh. Việt yên hoàn toàn có cơ sở để trở thành vành đai thực phẩm, rau sạch và hoa quả cho thị trường Hà nội. Muốn vậy, ngoài việc phát huy sự nỗ lực mang tính tự phát của các hộ, cần có sự liên kết kinh tế toàn huyện và giữa huyện

Digitized by Google

với các trung tâm kinh tế lớn để tạo ra một thị trường tương đối ổn định cả cung lẫn cầu ; từ đó hướng dẫn cho kinh tế hộ một cách thiết thực hơn trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng và tổ chức phát triển dần thành vùng nguyên liệu.

3 - Phát triển hệ thống tín dụng nông thôn. Mở rộng quỹ tín dụng nhân dân và các hình thức tín dụng tự nguyện khác, nhằm huy động tối đa vốn nhàn rỗi trong dân cư, tự đáp ứng nhu cầu vốn cho các hộ phát triển sản xuất. Nhà nước nên thực hiện chính sách đầu tư trực tiếp cho các hộ nông dân sản xuất hàng hóa thông qua các dự án phát triển kinh tế do các chủ hộ làm chủ dự án, nhà nước bao tiêu sản phẩm.

4 - Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, thủy lợi, giao thông, điện, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nhằm thúc đẩy kinh tế nông hộ phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô ngày càng lớn. Trong năm 1996 và 1997 cần tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống kênh mương tưới, tổ chức lại hệ thống các trạm bơm. Nhà nước nên để lại phần thủy lợi phí cho các xã để dùng cho việc nạo vét, tu sửa kênh mương, bảo đảm tưới nước có hiệu quả, không lãng phí.

Phát triển công nghiệp nông thôn cần tập trung vào những ngành nghề sử dụng nguyên liệu tại chỗ, thu hút nhiều lao động ; khôi phục và đưa các công nghệ mới vào các ngành nghề truyền thống (như mây tre đan, bánh đa nem...) ; chú trọng đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp thuộc da...

5 - Khẩn trương, dứt điểm việc cấp giấy phép chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân. Hướng dẫn và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để các hộ nông dân chuyển đổi, chuyển nhượng ruộng đất, tập trung ruộng đất (như giúp đo đạc, xác định hạng đất, hướng dẫn giá cả...)

6 - Tiếp tục đổi mới các hợp tác xã kiểu cũ, căn cứ vào Luật hợp tác xã, phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác tự nguyện ở nông thôn. Các hợp tác xã cũ đã chuyển sang làm dịch vụ cho hộ nông dân cần tiếp tục tìm phương hướng củng cố tổ chức, lựa chọn những cán bộ có năng lực, trình độ quản lý, để bảo đảm các hoạt động dịch vụ có hiệu quả, đặc biệt là có tác dụng tích cực đối với kinh tế hộ, thúc đẩy phát triển kinh tế hộ.

Những hợp tác xã không có khả năng tự đổi mới, đề nghị các cấp có liên quan cần tập trung chỉ đạo giải quyết nợ nần tồn đọng, giải tán hợp tác xã, đồng thời kịp thời hướng dẫn cho nông dân để họ tự lựa chọn hình thức sản xuất phù hợp. Từng thôn xã có hướng dẫn nông dân tổ chức các hình thức kinh tế hợp tác tự nguyện giản đơn, như hợp tác dịch vụ tưới tiêu, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm, tiếp cận thị trường... Trên cơ sở hội nuôi những loại con đặc sản đã có, tiến tới có thể thành lập hiệp hội nuôi những loại con đặc sản trên địa bàn huyện, hoặc liên xã. Các hợp tác xã đã đi vào phát triển ổn định và phát huy tác dụng tốt cần nghiên cứu hướng hình thành liên hiệp các hợp tác xã trên địa bàn để tạo thế cạnh tranh về tiêu thụ sản phẩm, giúp các hợp tác xã hoạt động có hiệu quả dịch vụ đầu vào, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nâng cao dân trí, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển.

7 - Nâng cao năng lực và trình độ làm chủ trong sản xuất kinh doanh của các hộ bằng nhiều cách khác nhau, như tổ chức phổ biến đến tận từng hộ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; hoặc tổ chức các lớp học ngắn ngày, thiết thực để phổ biến kỹ thuật mới, giới thiệu giống mới năng suất cao, kỹ thuật sử dụng các loại nông dược... Tiếp tục đổi mới và tổ chức tốt hơn hệ thống khuyến nông, hệ thống dịch vụ, có chương trình chuyển giao công nghệ và các tiến bộ trong kỹ thuật quản lý kinh tế cho các nông hộ. ❑

Digitized by Google

VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NỮ CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI HIỆN NAY

NGỌC ANH * - HỒNG SƠN **

I - Do đặc điểm cấu trúc địa hình nước ta, miền núi có tầm quan trọng chiến lược trên nhiều phương diện. Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc sử dụng và đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số và xem đây là lực lượng chủ yếu tại địa phương để thúc đẩy sự phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của miền núi và các dân tộc. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến cán bộ nữ và công tác cán bộ nữ. Với nhiều nghị quyết, chỉ thị như : Nghị quyết 153 ngày 10-1-1967 của Ban bí thư, Nghị quyết 176a của Hội đồng bộ trưởng ngày 24-12-1984, Quyết định 163 của Hội đồng bộ trưởng ngày 19-10-1988, Chỉ thị 44 của Ban bí thư ngày 7-6-1984 và Nghị quyết 04 của Bộ chính trị ngày 12-7-1993, Chỉ thị 37 của Ban bí thư ngày 16-5-1994 về công tác cán bộ nữ, việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ người dân tộc đã có những bước chuyển biến tích cực. Nhiều tỉnh miền núi đã có các chị cán bộ người dân tộc thiểu số giữ những cương vị chủ chốt như phó chủ tịch tỉnh, trưởng các ban ngành đoàn thể, có những chị là ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, bí thư tỉnh ủy. Qua thực tiễn công tác, vượt qua nhiều khó khăn về ngôn ngữ, trình độ văn hóa, lý luận, chuyên môn, các chị cơ bản đảm nhiệm được công việc mà Đảng và nhân dân giáo phó. Một điều đáng mừng là trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, đội ngũ cán bộ nữ dân tộc thiểu số đã thể hiện bản lĩnh vững vàng, có chí tiến thủ, có tinh thần trách nhiệm và tận tụy trong công tác.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường và mở rộng quan hệ đối ngoại, đội ngũ cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số đã bộc lộ một số nhược điểm, đặc biệt là về năng lực, còn có một khoảng cách so với nhiệm vụ được giao. Nhiều nơi sử dụng cán bộ nữ chỉ tập trung vào việc khai thác khả năng đóng góp của các chị mà chưa coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại để các chị có điều kiện nâng cao kiến thức, trình độ cho bản thân. Ở cơ sở do điều kiện đi lại khó khăn nên các cán bộ nữ dân tộc ít được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trình độ của chị em vốn đã thấp lại càng thấp (phổ biến là cấp I, thậm chí có chị không biết chữ hoặc tái mù chữ).

Tỷ lệ cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số không tương xứng với số lượng nữ trong dân cư và phân phối không đều ở các tỉnh và ban ngành. Thiếu sót này nằm trong tình trạng chung của công tác cán bộ nữ cả nước. Ví dụ, tổng số nữ là đại biểu quốc hội khóa IX (nhiệm kỳ 1992 - 1997) là 73 chị (chiếm 18,48% tổng số đại biểu quốc hội) trong đó có 2 chị là chủ nhiệm các ủy ban của quốc hội (25%), 1 chị là thành viên chính phủ (2,94%). Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 1994 - 1999 đại biểu nữ chiếm tỷ lệ như sau : TP Hà nội : 29,76% ; TP Hồ Chí Minh : 15,29% ; Lạng sơn : 21,82% ; Lai châu : 22,2% ; Tuyên quang : 34% ; Nam hà : 16,47% ; Quảng trị : 13,3% ; Ninh thuận : 15,5% ; Kon tum : 13,3% ; Đắc lắc : 10,6% ; Lâm đồng : 18,6%...

Theo số liệu thống kế của tỉnh ủy các tỉnh Hà giang, Yên bái, Đắc lắc gửi Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đầu năm 1994 về cán bộ nữ đang tham gia công tác quản lý tại các địa phương này và một số nguồn tư liệu qua các đợt khảo sát ở một số tỉnh,

(*, **) Cán bộ trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

huyện miền núi khác, chúng tôi thấy : Tỷ lệ cán bộ nữ dân tộc thiểu số so với cán bộ nữ nói chung tham gia công tác quản lý trong các cơ quan, đoàn thể... được xếp trình tự như sau :

Thứ nhất, cán bộ nữ người dân tộc thiểu số thường chiếm tỷ lệ cao trong công tác quản lý nhà nước (ở Yên bái có 44,5% cán bộ nữ dân tộc trên tổng số cán bộ nữ).

Thứ hai, trong các tổ chức đoàn thể, cán bộ nữ dân tộc cũng thường chiếm tỷ lệ cao (song so với tỷ lệ cán bộ nữ nói chung và tỷ lệ cán bộ nữ dân tộc trong quản lý nhà nước vẫn còn thấp. Ví dụ cán bộ nữ trong quản lý nhà nước ở Hà giang là 43% ; cán bộ dân tộc nữ tham gia lãnh đạo các đoàn thể là 27,96%).

Thứ ba, trong công tác đảng, đảng viên nữ dân tộc tham gia cấp ủy so với tổng số cán bộ nữ nói chung còn thấp : ở Hà giang 29%, Yên bái 24,1%, Đắc lắc 23,7%.

Thứ tư, cán bộ nữ dân tộc tham gia Hội đồng nhân dân chiếm ít nhất trên tổng số cán bộ nữ : ở Đắc lắc 29% , Hà giang 15% , Yên bái 10,4%.

Thứ năm, so sánh với những nhiệm kỳ trước, cán bộ nữ dân tộc tham gia lãnh đạo và quản lý một số ngành và cơ quan có chiều hướng giảm dần. Chẳng hạn, ở Đắc lắc nhiệm kỳ 1990 - 1992 có 54% cán bộ nữ dân tộc trên tổng số cán bộ dân tộc tham gia lãnh đạo thì đến nhiệm kỳ 1992 - 1995 chỉ còn 45,26% ; tham gia Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1990 - 1992 có 10,58% cán bộ nữ trên tổng số cán bộ dân tộc, đến nhiệm kỳ 1992 - 1995 còn 7,5%. Tại Yên bái nhiệm kỳ 1985 - 1989 có 18,6% cán bộ nữ dân tộc trên tổng số cán bộ dân tộc tham gia quản lý nhà nước đến nhiệm kỳ 1989-1994 còn 8,29%. Tham gia Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1985 - 1989 có 13,8% đến nhiệm kỳ 1989 - 1994 còn 1,46%.

Thực trạng trên cho thấy đội ngũ cán bộ nữ dân tộc ở các tỉnh miền núi phát triển không đồng đều, một số tỉnh có chiều hướng giảm. Các chị chỉ tham gia và phát huy có hiệu quả ở một số lĩnh vực như : các tổ chức đoàn thể quần chúng, công tác quản lý nhà nước, công tác y tế, giáo dục. Khi chúng ta chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường thì cán bộ nữ dân tộc không chỉ giảm mạnh về số lượng ở cơ quan lãnh đạo các cấp mà còn bộc lộ những hạn chế về trình độ năng lực lãnh đạo (đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế).

Thực trạng yếu kém của công tác cán bộ nữ dân tộc trên đây bắt nguồn từ những nguyên nhân sau :

Một là, mặc dù miền núi có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt nhưng đây vẫn là nơi lạc hậu và phát triển chậm nhất của đất nước. Trong số 53 dân tộc thiểu số sống ở nước ta thì tuyệt đại bộ phận các dân tộc này (trừ người Chăm, người Khơ me, người Hoa sống ở đồng bằng và thành phố) đều cư trú ở miền núi và cao nguyên, đời sống dựa vào kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc là chính. Nền kinh tế hàng hóa chậm phát triển, cơ sở hạ tầng như giao thông, điện nước rất kém đã ảnh hưởng tới việc đi lại, sinh hoạt của nhân dân. Đồng bào dân tộc ở rẻo cao, du cư vẫn còn phổ biến. Sự nghiệp đổi mới toàn diện của Đảng đã có những tác động tích cực đến các tỉnh miền núi. Với việc lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế độc lập, phát triển kinh tế thị trường, bộ mặt các bản làng miền núi đã có những biến đổi đáng kể nhưng so với đời sống ở đồng bằng và thành thị thì còn khoảng cách khá xa. Đồng bào các dân tộc ở đây vẫn bị đói ăn từ 1 đến 3 tháng, có nơi tới 6 tháng trong năm. Cùng với nạn đói, dịch bệnh phát triển, những bệnh như sốt rét, bướu cổ... chưa khắc phục được.

Hiện nay có nơi ở miền núi 80-90% dân số mù chữ, nếu tính riêng phụ nữ thì tỷ lệ còn cao hơn. Ngay cả các cháu ở độ tuổi đi học (từ 6 - 14 tuổi) số lượng huy động ra lớp nhiều nơi cũng rất thấp. Ở huyện Trà my (Quảng nam) trong 17 xã có xã chỉ huy động được 17,05% (Trà giáp), có xã 31,78% (Trà lui) hoặc 37,06% (Trà vân)... Do dân trí thấp, ít hiểu biết về khoa học - kỹ thuật, không được tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng, lại thêm những phong tục tập quán lạc hậu đã tác động không tốt đến đời sống tinh thần của nhân dân. Tình trạng tảo hôn, kết hôn sớm, đẻ nhiều đang

Digitized by Google

phục hồi và phổ biến. Số con trung bình của một phụ nữ dân tộc ít người ở độ tuổi từ 15 đến 49 còn rất cao. Ví dụ như : phụ nữ dân tộc Xin mun 8,4 con ; dân tộc H'mông 8,8 con. Tình trạng bất bình đẳng nam nữ còn sâu đậm trong xã hội và trong gia đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều tệ nạn xã hội đang có chiều hướng phát triển mà phụ nữ là nạn nhân chính.

Hai là, tàn dư của tư tưởng phong kiến "trọng nam khinh nữ" còn tồn tại ở một số cán bộ lãnh đạo, dẫn tới có những nhận thức hẹp hòi khắt khe khi bố trí, sắp xếp cán bộ nữ. Chính sách đối với cán bộ nữ còn nhiều thiếu sót. Một số tỉnh miền núi chỉ nặng về khai thác sự đóng góp của phụ nữ mà chưa coi trọng đúng mức việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ dân tộc. Cách bố trí cán bộ nữ dân tộc nặng về tính chất mặt trận, tùy tiện và hình thức. Một số cấp ủy, đặc biệt cấp ủy cơ sở thiếu sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ, chưa thấy hết khả năng, vai trò của phụ nữ các dân tộc trong sự nghiệp phát triển miền núi.

Ba là, Đảng và Chính phủ chưa có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ dân tộc nói chung, cán bộ nữ nói riêng. Các cấp hội phụ nữ ở một số địa phương chưa nhận thức và làm tròn trách nhiệm của mình nhằm tham mưu cho cấp ủy đảng và phối hợp với chính quyền, các ban ngành, đoàn thể khác để hoàn thành nhiệm vụ. Về phần mình, hội phụ nữ các cấp chưa có cơ sở và điều kiện cụ thể nhằm giúp cán bộ nữ làm tốt công tác được giao.

Bốn là, trước những khó khăn, tiêu cực như đã nêu trên, bên cạnh nhiều chị em cán bộ dân tộc đã không ngừng nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, trở ngại để vươn lên, còn không ít người đã không vượt qua được tâm lý giới tính, tự ti, mặc cảm, cam chịu trước những khó khăn đời thường cũng như những hạn chế về năng lực của bản thân. Trước những phản ứng hẹp hòi và ích kỷ của người thân trong gia đình (chủ yếu từ người chồng) chị em thường lùi bước quay về với thân phận làm vợ, làm mẹ, bỏ việc ở cơ quan nhà nước.

II - Để góp phần khắc phục những tồn tại và thực hiện tốt công tác cán bộ nữ dân tộc, xin nêu một số kiến nghị :

Thứ nhất, trong tình trạng chung của thế giới và khu vực, sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn, đặc biệt là với miền núi, ngày càng lớn. Do đó, để thực hiện tốt công tác cán bộ nữ dân tộc, vấn đề cơ bản, quan trọng đầu tiên là phải tập trung phát triển một cách toàn diện cho miền núi. Cùng với các chương trình phát triển về kinh tế để thực hiện xóa đói, giảm nghèo phải có chính sách đầu tư cho văn hóa, y tế, giáo dục để nâng cao dân trí, trình độ văn hóa, sức khỏe, xóa bỏ dần dần các tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, bất bình đẳng nam nữ.

Thứ hai, cần nhận thức rõ sự nghiệp giải phóng phụ nữ miền núi và công tác cán bộ nữ dân tộc là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến địa phương và toàn xã hội, tránh tình trạng khoán trắng cho hội phụ nữ các cấp.

Thứ ba, rà soát lại đội ngũ cán bộ dân tộc đương chức để có kế hoạch cụ thể đối với từng đối tượng. Nên chia ra làm 3 loại để có chính sách sử dụng thích hợp. Loại thứ nhất, là những cán bộ trẻ (từ 30 - 40 tuổi) có triển vọng, nên tiến hành tuyển chọn, đào tạo cơ bản chuẩn bị cho giai đoạn tới. Loại thứ hai (40 - 50 tuổi) đã qua những lớp học cơ bản, trưởng thành trong công tác, đang giữ vai trò quan trọng trong các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan kinh tế... cần bổ sung một số kiến thức mới nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo trong nền kinh tế thị trường. Loại thứ ba (từ 50 tuổi trở lên) là số cán bộ đã có công đóng góp trong các giai đoạn trước đây nay cần có chính sách hợp lý, thỏa đáng tạo điều kiện cho các chị giảm bớt khó khăn trong cuộc sống để thanh thản khi nghỉ hưu.

Thứ tư, do đặc thù của miền núi và dân tộc là trình độ văn hóa thấp, dân trí kém cùng với nhiều tập tục lạc hậu nên việc đào tạo đội ngũ cán bộ nữ dân tộc phục vụ cho sau này là vấn đề rất cấp bách và gặp nhiều khó khăn. Trong

Digitized by Google

khi đó, không thể đưa nhiều người Kinh lên mà phải đào tạo cán bộ là người dân tộc để họ có thể tự đảm đương lấy công việc lãnh đạo địa phương. Muốn thực hiện có kết quả công tác đào tạo cán bộ nữ dân tộc, cần phải tuyển chọn từ khi còn học phổ thông và gửi đi các trường nội trú của trung ương, tỉnh, huyện. Sau khi tốt nghiệp văn hóa, cần có quy hoạch cụ thể và gửi đi đào tạo nghiệp vụ chuyên môn các ngành nghề cần thiết cho địa phương. Tránh đào tạo tràn lan, đại trà như kiểu các thành phố, thị xã sẽ lãng phí vì nhiều ngành nghề chưa thể phục vụ ở những vùng miền núi.

Thứ năm, Đảng và Nhà nước cần có những chính sách ưu tiên với cán bộ là người dân tộc nói chung, cán bộ nữ dân tộc nói riêng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cho cán bộ nữ dân tộc được đi học, tham gia công tác. Cần mở rộng các loại trường dưới nhiều hình thức và các địa bàn khác nhau ; có chế độ trợ cấp khó khăn cho cán bộ dân tộc khi đi học, ưu tiên bố trí các phương tiện và điều kiện làm việc thuận lợi, bố trí nhà ở, hợp lý hóa gia đình để vợ chồng công tác gần nhau, giúp đỡ nhau trong công việc ở cơ quan và gia đình.

Thứ sáu, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam cần đổi mới hình thức tập hợp hội viên bằng cách đa dạng hóa hình thức tổ chức và làm phong phú các nội dung hoạt động gắn với lứa tuổi, ngành nghề, vùng miền để chị em tham gia. Hội phụ nữ phải là người tham mưu tích cực nhất, đúng nhất, chịu trách nhiệm chính về công tác cán bộ nữ ở các cấp mà mình hoạt động, để vừa bảo đảm quyền lợi cho chị em vừa được chị em tin tưởng.

Thứ bảy, về phía các chị là cán bộ dân tộc cần tránh tư tưởng tự ti, níu kéo nhau, nên bố trí thời gian hợp lý cho công việc gia đình để học tập, công tác tốt, đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ nữ dân tộc trong sự nghiệp đổi mới. ❑



Hướng dẫn cán bộ nữ trong công tác y tế Ảnh : ***Đinh Quang Thành***

Digitized by Google

RUỘNG ĐẤT CỦA NGƯỜI NGHÈO : THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

LÊ TRỌNG

NÔNG dân là người lao động sống bằng nghề nông. Họ cần có ruộng đất để sản xuất nông phẩm bảo đảm cho sự sinh tồn của gia đình họ và từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường. Nhưng trong mấy năm gần đây, đặc biệt từ khi có chủ trương giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, phát huy quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ, ở nhiều nơi (nhất là đồng bằng Bắc bộ, khu IV, duyên hải miền Trung), có tình trạng hợp tác xã hoặc chính quyền các địa phương rút bớt ruộng đất của chủ hộ nông dân nghèo, do họ bị mắc nợ sản phẩm cũ trước đây của hợp tác xã mà không có khả năng trả hoặc không chịu trả. Số ruộng bị rút đi chiếm khoảng 27 đến 44% số ruộng được nhận (ở đồng bằng sông Hồng khoảng 40%). Theo số liệu điều tra chọn điểm, trong cả nước bình quân ruộng đất/nhân khẩu, nếu ở nông hộ giàu là 1 844 m^2, thì ở nông hộ nghèo chỉ có 477 m^2 (do bị rút bớt ruộng đất) bằng 26,4% so với hộ giàu. Riêng vùng đồng bằng sông Hồng, ở hộ giàu là 1 682 m^2/khẩu thì ở hộ nghèo là 412 m^2/khẩu, bằng 24,5% so với hộ giàu. Sự chênh lệch đó có nhiều nguyên nhân, ở đây, tôi chỉ nói về phần ruộng đất mà các địa phương có chủ trương rút bớt của nông dân nghèo bị nợ sản phẩm.

Mới đây chúng tôi đã tiến hành khảo sát 3 xã (K, L và D) thuộc 2 huyện ở đồng bằng sông Hồng và kết quả cụ thể như sau :

Biểu : *Thực trạng về nợ sản phẩm và ruộng bị rút theo số nợ sản phẩm của một số chủ nông hộ nghèo đói ở các điểm điều tra (8/1996)*

a) Các khoản nợ	Đ.vị tính	Bình quân một hộ nghèo đói có nợ sản phẩm bị rút bớt ruộng			
		Bình quân chung	Của chủ hộ là nữ	Của chủ hộ là nam	So sánh hai nhóm hộ, nữ/nam (%)
1 - Nợ sản phẩm hợp tác xã (1)	kg thóc	1 211	905	1 520	59,5
2 - Nợ tiền ngân hàng	đồng	170 000	73 000	266 000	27,4
3 - Nợ tiền các tổ chức khác	đồng	34 000	70 000		
4 - Nợ dân (2)	đồng	1 584 000	1 500 000	1 660 000	90,3
b) Số ruộng bị rút bớt do nợ sản phẩm so với quyền được sử dụng	%	36,9	30	43,1	58,1

Từ số liệu trên cho thấy :

Một là, bình quân một hộ nghèo đói nợ sản phẩm kể cả gốc và lãi là 1 211 kg thóc. Nhưng nếu như ở xã D chỉ thu 60% của 1 211 kg thì số thóc còn phải trả là 726 kg/hộ. Biết rằng, trong số những người mắc nợ nếu tính gốc và lãi thì có hộ nợ đến 7 tấn thóc, nhưng cũng có hộ chỉ trên dưới 200 kg. Ở đây lại cho thấy số chị em phụ nữ là chủ hộ gia đình nghèo đói, có số nợ sản phẩm của hợp tác xã ít hơn chủ hộ là nam - chỉ bằng 59,5%. Do đó, số ruộng chủ hộ nữ bị rút bớt cũng chỉ bằng 58,1% so với chủ hộ nghèo đói là nam.

Hai là, Trong nợ ngân hàng và các tổ chức xóa đói giảm nghèo khác, hộ nghèo đói chỉ nợ trên dưới 200 000 đ/hộ. Trong đó hộ nữ làm chủ hộ cũng nợ ít hơn hộ nam làm chủ hộ.

Ba là, Số nợ của bà con, dân làng là tương đối nhiều. Bình quân có đến hơn 1,5 triệu đồng/hộ. Nhưng hộ nữ cũng ít hơn, chỉ bằng 90% hộ nam.

Việc *rút bớt ruộng đất của hộ nghèo có nợ là một biện pháp cần thiết đối với những hộ chây ì nhưng nói chung, không phải là một biện pháp tích cực, thấu tình đạt lý, do đó nó không được đa số người nghèo đồng tình ủng hộ.*

Bên cạnh đó, việc kinh doanh ruộng đất bị rút ra từ các hộ nghèo, được tiến hành bằng nhiều cách, trong đó có nhiều trường hợp ủy ban nhân dân xã hoặc hợp tác xã nông nghiệp (gọi chung là xã) cho những người có chức, có quyền hoặc thần thế giàu có (gọi là có điều kiện kinh doanh ruộng đất) thuê, và hàng vụ phải

(1) Kể cả nợ gốc và lãi cộng dồn lại - thành gấp đôi, gấp ba. Do đó, nay có nơi ủy ban nhân dân xã xét cho trả 60%

(2) Nợ dân gồm vay thóc và tiền, tính quy ra tiền

Digitized by Google

nộp sản phẩm cho xã gấp đôi so với số sản phẩm hộ nông dân được quyền nhận ruộng sử dụng. Chẳng hạn, một sào ruộng hộ nông dân được giao sử dụng, mỗi vụ phải nộp cho xã là 20 kg thóc (gồm thuế đất, thủy lợi phí, quỹ an ninh, phúc lợi xã hội) thì số ruộng rút ra cho người khác thuê kinh doanh phải nộp cho xã là 40 kg/sào. Hơn thế nữa, sau khi được thuê số ruộng này, một số người lại đem "phát canh thu tô" bằng cách cho người khác thuê lại. Chính ngay một số người nghèo đói có nợ sản phẩm bị rút ruộng do không kiếm ra kế sinh nhai, cũng phải thuê lại với giá cắt cổ, để có thêm ruộng cấy cày và hàng vụ phải nộp "tô" từ 50 kg/sào trở lên.

Như vậy, *trên một sào ruộng (360 m^2) bị rút ra, người nghèo đói đã thiệt đi 30 kg thóc/vụ, 60 kg/năm.* Nếu cứ như ở những điểm chúng tôi điều tra, thì tỷ lệ bình quân số ruộng mỗi hộ bị rút là 36,9%, tương đương với 808 m^2 (hay bằng 2 sào 6 thước Bắc bộ). Như vậy, tính ra *trên số ruộng bị rút của một hộ nghèo đói nếu hộ đó đi thuê lại thì mỗi năm mất thêm 147 kg*, so với việc không bị rút ruộng.

Việc rút ruộng có ảnh hưởng lớn đến người nghèo đói còn ở chỗ làm mất đi điều kiện quan trọng nhất để lao động sản xuất, bảo đảm sinh tồn cho gia đình họ. Đặc biệt là ở đồng bằng sông Hồng (bình quân ruộng đất chỉ có trên dưới 500m^2/khẩu). Với số ruộng ít ỏi đó, những nông hộ nghèo đói thường không có điều kiện chuồng trại, vốn để chăn nuôi và làm nghề phụ. Trong khi đó thời gian nông nhàn ở hộ nghèo đói lại nhiều. Hơn thế nữa ở nông thôn đang thừa nhiều lao động thì mấy ai thuê người nghèo đói, ốm yếu. Do đó, việc *rút bớt ruộng của người nghèo đói vô tình đã làm giảm việc làm, giảm thu nhập, dẫn đến làm tăng thêm tình cảnh nghèo đói của họ.* Thực tế cho thấy, những giải pháp xóa đói giảm nghèo trong nhiều năm nay, nhìn chung đã có những tác dụng đáng kể. Song ở những nơi hộ nông dân nghèo có nợ bị rút bớt ruộng thì tình trạng nghèo đói vẫn còn trầm trọng. Vì vậy, chúng tôi cho rằng nếu chọn giải pháp nào đó vừa không rút bớt ruộng, vừa giảm bớt khó khăn cho người nghèo, thì chắc chắn là hiệu quả của chính sách xóa đói giảm nghèo sẽ còn lớn hơn nhiều. Theo sự tính toán của chúng tôi, nếu hộ nghèo có nợ sản phẩm cũ đã không thể trả được (nếu xóa, hoặc khoanh lại) mà không bị rút bớt ruộng, thì bình quân mỗi hộ sẽ có thêm 2 sào 6 thước (làm 2 vụ trong năm, sau khi trừ các khoản phải chi phí và các khoản nộp có thể thu nhập thêm từ 600 - 800 kg thóc/hộ).

Ấy vậy mà hiện nay còn có không ít người lấy cớ rằng, "người nghèo đói không có khả năng và thiếu hiểu biết về làm ruộng nên năng suất lúa thấp xa so với năng suất bình quân" (! ?). Đúng là họ nghèo đói nên thiếu khả năng tiếp cận với kỹ thuật mới, "cái khó bó cái khôn", nhưng vì cái ăn cái mặc lại là vấn đề "sống còn" của họ, nên nhiều hộ đã dồn hết sức mình (bao gồm cả vay mượn) để chăm sóc mấy sào ruộng còn lại hòng mong nuôi sống cả gia đình. Do đó ở hầu hết các hộ nghèo đói (chúng tôi đến điều tra vụ vừa qua) đạt năng suất lúa trên dưới 250 kg/sào. Như vậy, đâu phải là họ thiếu hiểu biết về làm ruộng, năng suất lúa của họ đâu có thấp mà thường bằng hoặc xấp xỉ so với mức bình quân chung. Trong khi đó, ta còn có hệ thống tổ chức khuyến nông, hệ thống tổ chức xóa đói giảm nghèo hoàn toàn có khả năng giúp người nghèo đói làm tốt mấy sào ruộng để họ tự xóa đói giảm nghèo cho chính gia đình họ.

Từ những kết quả nghiên cứu bước đầu được trình bày ở trên, có thể rút ra mấy kết luận sau :

1 - Trong nông nghiệp, từ khi hợp tác xã giao ruộng khoán cho xã viên đã xuất hiện sự khê đọng (nợ) sản phẩm hoặc ít, hoặc nhiều trong nhiều loại nông hộ, nhất là ở loại nông hộ nghèo đói (bởi nhiều nguyên nhân) ; đồng thời cùng với sự phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng mạnh. Đến nay, những chủ nông hộ là nữ (hoặc nam) nghèo đói nợ sản phẩm hợp tác xã từ những năm 1990 trở về trước, thực sự không thể trả được là một thực tế.

2 - Việc chủ trương (hay giải pháp) rút bớt ruộng đất (chủ yếu là ruộng tốt) của những nông hộ nợ sản phẩm trước và trong khi tiến hành giao ruộng ổn định và lâu dài cho xã viên (hộ nông dân) sử dụng theo luật định, thực tế đã có tác dụng đối với loại nông hộ có khả năng trả nhưng chây ì (nay buộc họ phải trả) ; còn đối với các hộ nghèo đói không có khả năng trả nợ thì không những không thu được nợ mà còn làm cho họ khó khăn thêm. Do đó, số ruộng bị rút hiện nay chủ yếu là của hộ nghèo đói rơi vào

Digitized by Google

tình trạng bất khả kháng, thực sự không có thể trả nợ sản phẩm cũ cho hợp tác xã.

3 - Việc rút bớt ruộng của chủ nông hộ nghèo đói để cho kinh doanh, bao gồm cả "phát canh thu tô" - thực chất là vừa tước mất một phần tư liệu sản xuất duy nhất của người nông dân, vừa bóc lột lại chính họ (chính người nghèo nợ sản phẩm, có ruộng bị rút phải thuê lại ruộng cấy và chấp thuận mức nộp tô cao hơn thuế sử dụng đất nông nghiệp) ; trong khi đó số nợ sản phẩm cũ chẳng những không được xã trừ bớt mà còn tiếp tục tính lãi làm tăng thêm nợ cũ.

4 - Rút bớt ruộng của chủ nông hộ nghèo đói có nợ sản phẩm cũ không thể trả được, vô tình chúng ta đã đánh mạnh vào một bộ phận người nghèo đói, vào chính các bà mẹ, trẻ em đang thiếu ăn, suy dinh dưỡng, bệnh tật, thất học v.v. Đó là điều trái với đạo lý. Cần sớm được giải quyết !

Xuất phát từ quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng, Luật đất đai của Quốc hội, căn cứ vào thực trạng về tình cảnh nghèo đói của một bộ phận nông dân mà chủ yếu là chủ hộ có nợ sản phẩm cũ, bị xã rút bớt ruộng, tôi đề nghị :

Một là, *trả lại phần ruộng đất của hộ nông dân nghèo đói nợ sản phẩm cũ đã bị xã rút bớt ruộng để họ có điều kiện canh tác tự bảo đảm cuộc sống của gia đình.* Nên tạo điều kiện để họ đủ ăn và gia hạn thêm để họ cố gắng trả nợ.

Để giải quyết kịp thời, nghiêm minh vấn đề này nhà nước nên có văn bản cho ủy ban nhân dân các xã không được rút bớt ruộng của những chủ nông hộ nghèo đói có nợ sản phẩm cũ, thực sự không thể trả được, chứ không phải "người sử dụng đất cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước" (như điểm 4, điều 26 của Luật đất đai). Vậy, *nếu nơi nào đã rút thì phải trả lại cho họ đúng số lượng và chất lượng.* Văn bản này nếu có thì cần được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi nông dân đều biết.

Hai là, *đề nghị hợp tác xã và các cấp chính quyền xác định đúng số nợ cũ khó có thể trả được của số nông hộ nghèo đói bị nợ sản phẩm của hợp tác xã, của ngân hàng và có giải pháp xóa một phần hoặc trường hợp đặc biệt thì xóa cả số nợ sản phẩm và khoanh số nợ ngân hàng cũ lại cho các chủ nông hộ đang trong hoàn cảnh nghèo đói.*

Thực tế cho thấy làm việc này chỉ có lợi chứ không có hại gì cho nền kinh tế quốc dân. Bởi lẽ số nông dân nghèo đói đó đang không có ăn, nhà nước đang phải cứu trợ, nếu để họ đeo đẳng mãi số nợ này dễ dẫn đến tình cảnh vốn đã rất khó khăn lại càng khó khăn thêm.

Theo ước tính bước đầu của chúng tôi, số nông hộ nghèo đói hiện nay trong cả nước chừng 20% - khoảng 2 triệu nông hộ, trong đó số hộ quá đói bị nợ có chừng 1 triệu và bình quân mỗi nông hộ nợ sản phẩm cũ của hợp tác xã chừng 6 - 7 tạ thóc (tương đương 1 200 000 đồng). Như vậy tổng số tiền nợ của loại nông hộ này trong cả nước ước chừng 1 200 đến 1 500 tỉ đồng. Trong số này, tùy từng trường hợp mà hợp tác xã giải quyết và nhà nước có thể tìm cách hỗ trợ để xóa nợ cho họ. Chúng tôi cũng hoàn toàn nhất trí với kiến nghị tại Hội thảo khoa học (tháng 4 năm 1995 tại TP Thanh hóa), rằng nhà nước cần xem xét, có quyết định xóa nợ tồn đọng (từ hợp tác xã cũ) cho nông dân (cả nước còn tồn đọng khoảng 298 tỉ đồng) (3)

Từ những luận chứng nêu trên, đề nghị nhà nước sớm có giải pháp hữu hiệu để thực hiện xóa nợ sản phẩm cũ của hợp tác xã và khoanh nợ cũ của ngân hàng (nếu có thì không tiếp tục tính lãi) cho các chủ nông hộ nghèo đói có nợ ; đồng thời trả lại phần ruộng đất của họ đã bị rút (kể cả số lượng và chất lượng) để họ sử dụng "chiếc cần câu đó" thoát cảnh nghèo đói.

Thiết nghĩ, nếu chúng ta có những giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn "quốc nạn tham nhũng" và các khoản trốn, lậu thuế hoặc có cách hạn chế được sự tiêu xài xa hoa, lãng phí, lạm dụng tiền "chùa" của "những kẻ ném tiền qua cửa sổ" (như nhiều bài báo đã nêu trong thời gian gần đây), thì tiền nợ đọng của những hộ nông dân nghèo kia chắc sẽ có thêm điều kiện để giải quyết.❑

(3) Xem : *Tạp chí Cộng sản*, số 6/1995, tr 35

Digitized by Google

Nghi thức tiếp nhận lệnh

MAI NINH*

NHỮNG năm gần đây, số đơn vị và cá nhân được thưởng huân chương ngày càng nhiều. Số huân chương bậc cao ngày càng lớn. Từ đó, những buổi lễ đón nhận huân chương cũng được tổ chức ngày càng linh đình. Ở đây, tôi xin không nói về sự linh đình ấy. Nếu tôi nhớ không lầm thì vào dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Tám và ngày thành lập nước, Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) đã có chỉ thị, nội dung là tổ chức đón nhận huân chương phải gọn nhẹ, đơn giản, tiết kiệm, không được phô trương hình thức.

Trong thư gửi các đồng chí lần này, tôi xin đề cập tới một vấn đề khác : **Nghi thức tiếp nhận lệnh**. Tôi có đi dự một số cuộc đón huân chương và qua truyền hình, thấy nhiều cuộc như vậy. Có những cuộc là để đón huân chương bậc cao như Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh. Có những cuộc là để đón huân chương bậc thấp hơn như Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động... Có điều là nghi thức tiếp nhận Lệnh của Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương thì mỗi nơi làm một khác. Thông thường, người đọc lệnh - thường là chánh hoặc phó văn phòng của đơn vị được thưởng - trịnh trọng mời mọi người dự lễ, kể cả những người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước có mặt, đều đứng dậy chỉnh tề rồi mới tuyên đọc lệnh - thực sự đây là quyết định khen thưởng. Thế nhưng ở một số cuộc, lại là để đón nhận huân chương bậc cao nhất, được tổ chức ở hội trường Ba đình hay hội trường Cung văn hóa hữu nghị, tôi thấy nghi thức có khác. Cử tọa được ngồi nghe đọc lệnh. Thì ra ngồi hay đứng là do người đọc quyết định. Ở đây có một cái gì bất ổn. Tôi đem thắc mắc này hỏi một số đồng chí lãnh đạo cấp cao. Một đồng chí trả lời : "Sao lại phải đứng ?". Đồng chí khác nói : "Lệnh là để thi hành. Khen thưởng thì vỗ tay hoan nghênh chứ sao lại đứng dậy". Tôi mừng vì được giải đáp một cách thoải mái. Tiếc thay, chỉ cách đây không lâu, một cơ quan khá lớn tổ chức đón nhận huân chương, người đọc lệnh lại mời cử tọa đứng dậy. Rồi ở một cuộc khác, để thêm sức nặng, người đọc lệnh tuyên bố : Theo quy định chung, xin mời tất cả đứng dậy...

Vậy cái quy định chung ấy là ở đâu ? Luật thì không phải rồi. Chắc là nó được nêu ra ở một văn bản pháp quy nào đó ?.

Bỗng nhiên, tôi liên tưởng đến nghi thức phong kiến qua mấy cuốn phim được xem về thời xưa : mỗi khi nhận sắc chỉ vua ban, dù là đại thần hay thường dân ai cũng phải quỳ lạy, dẫu là mình được khen thưởng, cất nhắc quan tước, phẩm hàm hay bị đày ải, thậm chí bị xử tử hình...

Có điều là người quỳ lạy tuyệt nhiên không phải bất cứ ai có mặt mà chỉ những đối tượng nhận lệnh.

Ta dân chủ, tất phải khác. Khi nói tới Chủ tịch nước, không nên nghĩ là đồng chí A hay đồng chí B giữ chức vụ đó. Chủ tịch nước là một chức danh biểu tượng cho quyền lực nhà nước. Vì vậy, khi nhận lệnh của Chủ tịch nước, người tiếp nhận lệnh đứng dậy là để tỏ sự cung kính, tôn trọng quyền lực nhà nước, tôn trọng kỷ cương phép nước. Nhưng trong các buổi lễ tổ chức trọng thể, ai là người tiếp nhận lệnh ? Phải chăng là tập thể được khen thưởng ấy, mà người đại diện là ban lãnh đạo. Nếu vậy, thưởng huân chương cho một ngành hoặc một tỉnh thì các đồng chí lãnh đạo bộ hay lãnh đạo tỉnh là người đứng lên tiếp nhận. Nếu là thưởng cho một đơn vị nhỏ - một cục, một nhà hát, một đội nghệ thuật,... thì ban giám đốc là người đứng lên tiếp nhận. Chỗ đứng hiển nhiên là ở bên trên hội trường. Còn đối với các cử tọa, các vị khách dự buổi lễ, việc công bố lệnh được coi như thông báo về một tin vui, người ta có thể ngồi và vỗ tay hoan nghênh.

Nói là nói vậy nhưng tôi vẫn cứ băn khoăn. Thiển nghĩ : Đã là nghi thức có tính luật pháp thì phải thống nhất thi hành trong cả nước, không phải ai muốn làm thế nào cũng được. Và ai là người quy định ra nghi thức ấy, xin giải thích rõ để mọi người cùng thực hiện.❑

* Ba đình, Hà nội

Digitized by Google

Ý NGHĨ NHỎ VỀ MỘT CÔNG VIỆC LỚN

VŨ HUY ANH *

Vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh - mục tiêu mà Đại hội VIII của Đảng đề ra đã định hướng cho mỗi văn nghệ sĩ trong nỗ lực cùng nhau đổi mới nền văn nghệ nước nhà.

Công việc lớn lao này đã được nhiều người đi tiên phong trong ít năm trở lại đây với những sự tìm tòi đáng ghi nhận và cả những gì chưa thành công, thậm chí lệch lạc. Mọi thử thách đều khắc nghiệt. Điều đáng mừng là sau bao nhiêu những hô hào phủ nhận giá trị lịch sử một thời mới qua của văn hóa văn nghệ nước nhà, những giá trị đích thực rồi lại vẫn được mọi người thừa nhận. Đời thường hóa văn nghệ, tránh nói cái cao cả để đi sâu vào cái nhỏ bé, cái riêng tư - xu hướng ấy đã có lúc, có nơi tưởng như là một sự cách tân ghê gớm, độc tôn. Thế rồi tỉnh trí lại, người ta trở nên lịch duyệt, thấu đáo hơn trong sự nhớ lại một chân lý muôn thuở : cuộc đời luôn luôn bao gồm cả cái lớn lao lẫn cái nhỏ bé, cái chung và cái riêng, cực đoan về một phía nào cũng đều là phiến diện, là không đạt đến cái đạo, cái chân của nghệ thuật. Một tác phẩm, thậm chí một tác giả có thể chỉ nói riêng về một phía, nhưng một nền văn nghệ thì không. Trong khi tôn trọng cái riêng của mỗi người, nó không thể quên đi việc phản ánh chân thực cái hiện thực tổng thể của đất nước, không thể quên đi những vấn đề lớn lao, liên quan đến sự hưng vong của cả cộng đồng dân tộc.

Vượt lên khỏi sự thô thiển, non kém trong việc thể hiện ý thức phục vụ, nền văn nghệ nước nhà cũng như cá nhân mỗi văn nghệ sĩ rốt cục lại vẫn là làm nghệ thuật để phục vụ con người, phục vụ dân tộc, đất nước mình và rộng ra là nhân loại. Dĩ nhiên không ai phủ nhận là đã có không ít tác phẩm văn nghệ lấy mục đích phục vụ mà sơ lược, non kém. Song cũng có nhiều tác phẩm lấy sự phục vụ những nhiệm vụ chính trị lớn lao của dân tộc, đất nước làm mục đích sáng tác mà đạt đến giá trị nghệ thuật cao. Lại có tình hình là trong mấy năm trở lại đây, giữa cơ chế thị trường có không ít sản phẩm văn nghệ không dính líu mảy may đến những nhiệm vụ chính trị của đất nước, nhưng vẫn chỉ là thứ hàng tầm tầm mà càng ngày người tiêu thụ càng dửng dưng.

Khán giả màn ảnh nhỏ từng chăm chú theo dõi bộ phim truyền hình nhiều tập "Tình Châu giang" của Trung quốc. Mặc dù đó là bộ phim được làm theo đơn đặt hàng để tuyên truyền cho công cuộc cải cách mở cửa ở một tỉnh của Trung quốc, nhưng người xem thấy thích thú vì được chứng kiến phần nào những vấn đề về con người, về xã hội hôm nay của một đất nước có nhiều điểm gần gũi với Việt nam. Bộ phim tuyệt nhiên không có bất cứ một cảnh câu khách rẻ tiền nào như tắm táp cởi bỏ bằng hết, đua ô tô, mô tô hay đấu súng, đấu võ thường thấy nhan nhản trong các phim "hàng chợ", "mì ăn liền" ở ta hiện nay. Xem thế thì vấn đề mấu chốt là ở cái tình đối với con người, đối với xã hội và cộng đồng, ở cái tài, cái nghệ trong sáng tác, trong thể hiện của người văn nghệ sĩ, chứ không phải là do tuyên truyền hay không tuyên truyền, càng không phải do xảo thuật thấp của một bộ phận người đọc, người xem nào đó.

Từ kinh nghiệm của người, có thể rút ra những điều ít nhiều bổ ích cho mình. Nếu như anh có cái tình, cái tài thì hòa mình vào cuộc sống hôm nay anh sẽ có thể có được những tác phẩm vừa đạt tới giá trị nghệ thuật cao, vừa đóng góp tích cực cho lợi ích, sự nghiệp của dân tộc anh, đất nước anh. Về phía Đảng và Nhà nước, thông qua các cơ quan hướng dẫn, quản lý trực tiếp cũng nên có một sự đổi mới trong việc đầu tư cho văn nghệ. Trong tình hình ngân sách hạn hẹp mà Nhà nước ta mấy năm nay dành ra nhiều tỉ đồng đầu tư cho văn nghệ như đã làm, phải nói là một cố gắng lớn. Có điều là sự đầu tư này

* Hà nội

Digitized by Google

chưa mấy hiệu quả do phương thức đầu tư chưa hợp lý. Đã từng mất dăm, ba tỉ đồng cho một bộ phim mà sau buổi công chiếu thì đành xếp vào kho vì không có người xem, trong khi lại thiếu tiền cho những nhà làm phim có tài để xây dựng những bộ phim hay. Nói như nhà văn Nguyễn Khải trên một tờ báo gần đây : chỉ cần độ mấy tỉ đồng là đủ hỗ trợ rất tốt cho mấy trăm hội viên Hội nhà văn Việt nam sống mà sáng tác từ nay cho đến qua cả năm 2000.

Muốn có một nền văn nghệ phục vụ tốt dân tộc và đất nước, thiết nghĩ Đảng và Nhà nước không thể không đầu tư cho văn nghệ, dẫu là trên cái nền chung xóa bỏ bao cấp. Càng là cơ chế thị trường thì nhà nước càng phải đầu tư cho việc hình thành các sản phẩm tư tưởng nói chung, văn hóa văn nghệ nói riêng, để dễ bề định hướng, để khỏi bị thị trường hóa. Nên chăng là nhà nước có một chính sách hỗ trợ nhất định cho các văn nghệ sĩ để bảo đảm đời sống thường nhật, đồng thời dành một tỷ lệ thích đáng đầu tư cho những tác phẩm văn nghệ giá trị. Tổ chức đấu thầu chọn kịch bản, chọn đoàn làm phim như cách nước bạn từng làm không phải là không đáng để tham khảo. Hay như đối với các tác phẩm văn học, cách đầu tư tốt nhất là đối với những tác phẩm tốt, nhà nước nên giao tiền cho một nhà xuất bản in với số lượng lớn và phát về cho các thư viện. Tình hình xuất bản, tình hình tổ chức thư viện hiện nay đáng để các cơ quan chủ quản của nhà nước phải quan tâm, có ngay cách thay đổi. Vì thiếu vốn, vì mục đích kinh doanh, phần nhiều các nhà xuất bản đều liên doanh với tư thương, thực chất là bán giấy phép cho đầu nậu. Bởi thế chỉ có sách câu khách, phục vụ thị hiếu tầm tầm là dễ được in, không ít trường hợp nhà văn phải sửa chữa cuốn sách đứng đắn của mình cho sướt mướt, nhảm nhí để vừa lòng đầu nậu. Có lần tôi đến chơi nhà một nhà văn đàn anh, từng có những tác phẩm giá trị, thấy anh đang đọc một lô những sách phụ trương, phụ bản loại câu khách rẻ tiền. Tôi ngạc nhiên thì anh nửa đùa, nửa thật bảo : đọc để học lại nghề đó ông. Vẫn biết đây là trò nhảm nhí, nhưng không làm như vậy thì bản thảo của mình biết bán cho ai khi mà người chủ thực sự của việc xuất bản hiện nay là đầu nậu ! Một bậc đàn anh khác nói với tôi : cuốn tiểu thuyết của mình đề ngoài bìa là in 1 000 cuốn, dĩ nhiên nhuận bút cũng tính tỷ lệ theo con số này, nhưng sau mình mới biết, đầu nậu họ in lần đầu là 3 000 cuốn. Cứ để tình hình xuất bản như hiện nay thì người đổ mồ hôi làm ra tác phẩm là các nhà văn sẽ chỉ nhận được những đồng tiền nhuận bút bèo bọt do đầu nậu bố thí, còn đám lái sách thì phất to. Tác hại lớn hơn là không có sách hay, không có tác phẩm phản ánh chân thực hiện thực đổi mới của đất nước hiện nay, không đẩy lùi được tệ nạn thị trường hóa, nhảm nhí hóa các sản phẩm tư tưởng và văn hóa văn nghệ. Vì mục đích lời lãi tối đa, thông qua các nhà xuất bản của nhà nước, đám lái sách có thể cho ra đời những cuốn sách xa lạ với nếp nghĩ, nếp cảm của dân tộc ta hiện nay, thậm chí cả sách độc hại như đã xảy ra trong mấy năm nay và cả thời gian gần đây. Cách hỗ trợ đắc lực cho việc định hướng văn nghệ là ở "đầu ra" của tác phẩm văn nghệ là sự mua, sự đặt hàng. Như với sách in, tốt nhất là bỏ tiền mua lấy sách hay cho các thư viện. Một thư viện lớn như Thư viện quốc gia ở Hà nội mà rút ô phích của các nhà văn Việt nam ra chỉ thấy mấy cuốn được in từ thời còn bao cấp, những sáng tác sau này phần nhiều là không có vì, nói như cô thủ thư "thư viện không có tiền". Thế nhưng chỉ cần suy nghĩ một chút thì sẽ thấy rằng việc chọn sách, mua sách cho thư viện lại là cách hiệu quả nhất để định hướng để khuyến khích có mục đích cho sáng tác văn học, để cung cấp món ăn bổ ích cho người đọc, tránh cho họ khỏi bị ăn tạp, ăn lầm phải những thứ không nên ăn. Có nhiều sách hay để đọc, nhất là lại chỉ phải đến thư viện, không phải bỏ tiền ra mua thì người ta sẽ tránh được việc đọc sách xấu, sách nhảm.

Đổi mới nền văn nghệ nước nhà theo với công cuộc đổi mới chung của cả đất nước mà Đảng và Nhà nước đang tiến hành là một công việc lớn lao đòi hỏi sự nỗ lực tự thân của mỗi văn nghệ sĩ, đồng thời cũng rất cần sự đầu tư hiệu quả của Đảng và Nhà nước. ❑

Digitized by Google

Tít còn bỏ ngỏ

TIẾN HẢI

TÊN anh ấy là Q. Những ý kiến nhận xét, đánh giá về Q rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau tới 180 độ. Người thì bảo Q thức thời, biết thích nghi với từng hoàn cảnh cụ thể. Người thì ca ngợi Q có khả năng nắm vững quy luật khách quan đang vận động trong hiện tại và dự báo một cách chính xác sự vận động của nó trong tương lai cho nên luôn luôn đứng vững và phát triển. Người khác lại phê phán anh là sống không có bản lĩnh, thiếu chính kiến, "quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật", thủ trưởng bảo sao nghe vậy, cam phận nô bộc, tôi đòi. Có người còn gay gắt bảo Q là một "con điếm chính trị" v.v. và v.v... Chẳng biết ý kiến nào đúng, ý kiến nào sai và mức độ chính xác của mỗi ý kiến đến đâu. Riêng tôi rất quen biết Q nhưng thú thật là cũng đành chịu, không thể rút ra được một nhận xét nào khả dĩ nói đúng được bản chất của con người anh. Vì thế, khi viết bài này tôi mới chọn đầu đề : "Tít còn bỏ ngỏ" với mong muốn mỗi bạn đọc sau khi xem xong tự đặt cho nó một cái tít thích hợp.

Có lẽ phải bắt đầu câu chuyện từ một chiều thu nắng đẹp cách đây 15 năm. Hôm ấy thủ trưởng gọi Q lên phòng làm việc của mình và bảo : "tôi muốn chọn cậu làm thư ký cho tôi". Nghe xong, Q đứng nghiêm theo kiểu quân nhân, mồm nói dõng dạc : "xin tuân lệnh". Thủ trưởng vốn là một đại tá quân đội chuyển ngành vì thế cái chất quân nhân trong ông còn đậm đặc lắm. Ông thích những người có tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có thái độ phục tùng tuyệt đối. Còn về cách sống, ông thích sự giản dị nhưng phải hết sức gọn gàng, ngăn nắp. Vì thế, bước đầu ông đã tìm thấy ở Q những tư chất cần thiết của một người giúp việc. Ông mừng lắm, cho rằng mình chọn người như thế là chính xác rồi. Còn về phía Q, chẳng biết có phải như câu ngạn ngữ : "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" hay không mà mới mấy tháng cắp cặp theo thủ trưởng, anh đã trở thành bản sao rất sắc nét của ông. Thí dụ, thủ trưởng rất thích mặc bộ đồ quân nhân, lập tức Q cũng có vài bộ như thế (chỉ hơi khác một chút, quần áo của Q là quần áo lính). Thấy thế, mọi người trong cơ quan bàn tán : đúng là "thầy nào tớ ấy". Vì là bản sao của thủ trưởng cho nên mới ba năm Q đã được nâng hai bậc lương.

Đến đời thủ trưởng thứ hai, Q cũng được chọn làm thư ký. Phải mở ngoặc nói thêm là trước khi bàn giao cho ông thủ trưởng mới, thủ trưởng cũ đã ký quyết định cho Q lên thêm một bậc lương nữa. Như thế là trong 5 năm, Q được lên ba bậc lương. Bạn bè cùng lứa với Q cứ gọi là nằm mơ cũng chả thấy. Khác hẳn thủ trưởng cũ, ông thủ trưởng mới tính rất xuề xòa, dân giã. Ông thường gọi các cán bộ dưới quyền là cậu xưng tớ. Ông thích ăn mặc giản dị. Thí dụ, ông thích đi dép, rất ít khi đi giầy ; áo không bao giờ cho vào trong quần ; com-lê cơ-ra-vát đối với ông là những thứ xa xỉ phẩm. Ông thường bảo : "tớ ghét nhất cái bọn tạch tạch sè (tức tiểu tư sản - T.H), bởi vì ông chẳng ra ông, thằng chẳng ra thằng, dở dơi, dở chuột". Còn trong công việc, ông điều hành theo kiểu gia đình : thích việc gì làm việc ấy ; cần ai sai người ấy ; chẳng có kế hoạch, bài bản chi cả. Ông chỉ coi trọng kinh nghiệm và quá trình công tác, chúa ghét bằng cấp cũng như học hàm, học vị. Ông bảo đó chỉ là những thứ phù du, không cần thiết cho cuộc sống. Rõ ràng, vị thủ trưởng mới này có nhiều điểm rất khác vị thủ trưởng cũ. Ấy thế mà Q cũng "rất thích" ông và cũng nhanh chóng trở thành bản sao của ông. Từ cách đi đứng, nói năng và nếp sống hằng ngày Q đều lấy thủ trưởng làm mẫu để noi theo. Anh cũng thích đi dép, bỏ hẳn thói quen đi giầy ; tóc rất ít khi chải ; quần áo không bao giờ là ; ăn nói hoàn toàn theo kiểu "bình dân". Anh cũng bài xích những người đề cao bằng cấp, học hàm học vị và gọi họ là "những kẻ chuyên môn thuần túy", v.v... Trước kia Q hết lòng vì thủ trưởng cũ thì bây giờ anh lại hết lòng "phò" thủ trưởng mới. Anh coi thủ trưởng như bậc cha chú. Còn thủ trưởng đối với anh ra sao ? Khỏi phải nói, ai lại có thể phủ định bản sao của chính mình ? ! Vì thế, ông tìm mọi cách nâng đỡ, cất nhắc Q. Ông quyết định đưa Q lên hàng trợ lý, ngang cấp vụ phó. Mà đã như vậy thì lương bổng và các khoản phụ cấp khác cũng phải đi kèm. Anh chị em trong cơ quan cứ gọi đùa Q là "vụ phó vụ không vụ" hoặc "vụ

Digitized by Google

phó không quân". Ấy thế mà hầu như tất cả các cán bộ cấp vụ khác đều vị nể Q. Lý do tại sao thì chắc mọi người đã rõ.

Và, đến bây giờ là đời thủ trưởng thứ ba, Q vẫn được chọn là trợ lý. Ông thủ trưởng "đời mới nhất" này khác hẳn hai thủ trưởng trước đây cả về trình độ học vấn, lối sống và phong cách công tác. Ông được đào tạo rất cơ bản, là giáo sư, tiến sĩ, sử dụng thành thạo ba ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga). Và có lẽ ông là một trong số ít cán bộ cao cấp biết sử dụng máy vi tính trong nghiên cứu khoa học và quản lý cán bộ. Tới công sở bao giờ ông cũng đi giầy ; mùa đông thì com-lê cơ-ra-vát ; mùa hè thì sơ mi cơ-ra-vát ; tóc lúc nào cũng chải gọn ghẽ. Ông đi làm rất đúng giờ. Các cuộc hội nghị, họp hành không bao giờ ông đến muộn, dù chỉ vài ba phút. Phòng làm việc của ông đầy ắp các tài liệu, nhưng khi cần thứ gì chỉ trong nửa phút ông tìm được ngay. Đối với cấp dưới ông đòi hỏi cao cả về phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn. Làm việc với một thủ trưởng như thế chắc là rất khó. Song, rất lạ, ngay từ đầu Q đã chiếm được cảm tình của thủ trưởng. Công bằng mà nói thì Q rất cố gắng. Biết thủ trưởng đòi hỏi cao về kiến thức, Q lập tức theo học lớp tiếng Anh ban đêm, phấn đấu trong vòng một năm có thể giao dịch thông thường được, chứ không phải chỉ biết bập bẹ vài từ : No (không) ; Yes (có),... Anh còn theo học cả lớp vi tính. Về lối sống và phong cách cá nhân, Q cũng có sự thay đổi đột ngột. Giống thủ trưởng, anh cũng ăn mặc rất lịch sự, phòng làm việc gọn gàng ngăn nắp, nói năng thận trọng. Đặc biệt, bao giờ Q cũng đến công sở trước thủ trưởng từ 5 đến 10 phút để khi cần thiết thủ trưởng có thể gặp được ngay không phải đợi. Thấy Q như vậy thủ trưởng ưng lắm. Đã lọt mắt xanh thủ trưởng thì tất nhiên là được trọng dụng. Thế rồi cũng vào một chiều thu, thủ trưởng gọi Q lên phòng làm việc. Ông bảo : "Anh làm việc rất tốt nhưng sử dụng anh làm trợ lý cho tôi thì hơi phí, vì vậy tôi dự định đề bạt anh làm viện trưởng viện KT". Ông đã nói là ông làm. Thế là chỉ ít ngày sau Q giã từ công việc của người trợ lý để làm công việc của người quản lý.

Con người Q là như thế đấy. Đánh giá anh như thế nào cho thật chính xác kể ra cũng khó. Song khó hơn cả đối với tôi là không thể nào học theo anh được, bởi một lẽ rất giản đơn : tôi không bao giờ tự đánh mất mình.❑

XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 22)

phương sẽ được bổ sung thêm một lực lượng đáng kể.

Một lực lượng khác hoạt động xã hội hóa khoa học và công nghệ rất gần gũi với người lao động nông thôn, miền núi cần được tổ chức tốt là các hội, các đoàn thể quần chúng của địa phương. Thực tế kinh nghiệm các xã phường đã thành công trong phát triển kinh tế - xã hội bằng khoa học và công nghệ chứng tỏ rằng mỗi một đoàn thể, một hội quần chúng đều có những thế mạnh riêng trong việc xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ. Nếu biết tập hợp, khai thác và phát huy các thế mạnh đó của các đoàn thể, hội quần chúng đa dạng này, mặt bằng khoa học và công nghệ nông thôn và miền núi sẽ có cơ hội nhanh chóng được nâng cao.

Những năm vừa qua đã xuất hiện nhiều hình thức khác nhau thực hiện có hiệu quả việc xã hội hóa khoa học và công nghệ. Một số trong đó là: hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ; các hội khoa học kỹ thuật ; lực lượng sinh viên và học sinh ; viện nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ ; các trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật cấp huyện ; các hình thức dịch vụ khoa học kỹ thuật tự phát ; các chương trình, dự án kinh tế xã hội và khoa học, công nghệ ; các hội và đoàn thể quần chúng ; các đơn vị quân đội đồn trú trong địa bàn...

Nghiên cứu, khảo sát khả năng xã hội hóa việc chuyển giao khoa học công nghệ của các hình thức trên vào địa bàn nông thôn và miền núi đang được Ban khoa giáo trung ương quan tâm tìm kiếm các điển hình tốt. Đây là công việc có ý nghĩa lớn, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ với cấp ủy địa phương và cơ sở. Chúng ta hy vọng những kết quả thu được sẽ có đóng góp thiết thực vào tăng trưởng tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.❑

Digitized by Google

NƯỚC MỸ VỚI CUỘC BẦU CỬ NĂM 1996

MÙA giáng sinh năm nay ở Mỹ, có lẽ tổng thống Bin Clin-tơn là người vui vẻ nhất, ông vừa chiến thắng một cách ngoạn mục trong trận đấu, tranh ghế tổng thống với ứng cử viên đảng Cộng hòa B. Đôn và ứng cử viên đảng cải cách (mới thành lập) R. Pê-rốt. Việc số người tham gia bầu cử chỉ có 89 triệu, đạt 49% tổng số cử tri Mỹ, thấp nhất trong lịch sử Mỹ, và việc đảng Cộng hòa vẫn tiếp tục giành thắng lợi trong cuộc bầu cử vào hai viện và các bang cũng chẳng làm đương kim tổng thống kém vui đi bao nhiêu, ông đã đạt được mục tiêu quan trọng nhất ở thế thượng phong.

Thắng lợi của tổng thống Bin Clin-tơn được quyết định trước hết do những thành tích về đối nội và đối ngoại mà chính phủ của ông đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua.

Trong lịch sử bầu cử ở Mỹ, hiếm thấy một tổng thống đương nhiệm bị thất cử khi mà tình hình kinh tế đang phát triển tốt. Nếu như năm 1992, tổng thống G. Bu-sơ thất cử trong tình trạng kinh tế suy thoái, thì từ đó tới nay, dưới thời Bin Clin-tơn, các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản của Mỹ đều được cải thiện khá rõ rệt. GDP tăng liên tục : năm 1993 tăng 2,2%, năm 1994 tăng 3,5%, năm 1995 tăng 1,4% và dự tính năm 1996 sẽ tăng khoảng 2,4% ; tỉ lệ người thất nghiệp giảm từ 7% năm 1992 xuống còn 5,4% vào thời điểm hiện nay, chính quyền của ông Clin-tơn đã tạo được hơn 10 triệu việc làm mới trong 4 năm qua ; tỉ lệ lạm phát của Mỹ hiện ở mức rất thấp : 3%/năm ; thâm hụt ngân sách giảm mạnh ; tiền lương bắt đầu được cải thiện : năm 1994 lương tăng 0,8% (đây là lần tăng đầu tiên kể từ năm 1986). Trong năm 1994 và 1995 Mỹ được đánh giá là nước có nền kinh tế với sức cạnh tranh mạnh nhất thế giới.

Chính sách kinh tế của chính quyền Bin Clin-tơn trong nhiệm kỳ qua cũng như những cam kết của ông trong vận động tranh cử đều khẳng định sự quan tâm đặc biệt tới kinh tế (ông ví sự tập trung vào kinh tế như một tia la de). Bin Clin-tơn sớm đưa ra một số chương trình kích thích kinh tế, trong đó đặc biệt thúc đẩy xuất khẩu và kinh tế đối ngoại ; đề ra chương trình giảm dần thâm hụt ngân sách, tránh gây ảnh hưởng nặng đến các chương trình xã hội và các chương trình kinh tế. Nhìn chung các chương trình kinh tế do ông Bin Clin-tơn đưa ra đều mang tính thực tế và được xem là khả thi. Trong khi đó, đối thủ chính của tổng thống là cựu thượng nghị sĩ B. Đôn lại đưa ra những chương trình kinh tế thiếu sức thuyết phục, phi thực tiễn, và đòi hỏi chi phí quốc phòng cao hơn mức mà B. Clin-tơn đề ra. (Một thăm dò ý kiến của 60 nhà kinh tế ở 15 trường đại học nổi tiếng của Mỹ vào tháng 9 năm 1996 cho thấy 71% số các nhà kinh tế cho rằng B. Clin-tơn trúng cử sẽ có lợi cho nền kinh tế Mỹ, con số đó với B. Đôn là 24%)

Trên lĩnh vực đối ngoại, tình hình diễn ra khá êm đẹp cho ông B. Clin-tơn. Mỹ đã đạt được những bước tiến lớn trong tự do hóa thương mại quốc tế với Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và với Hiệp định buôn bán tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Tổ chức hợp tác kinh tế Thái bình dương (APEC). Các vấn đề quốc tế phức tạp và rất nhạy cảm như vấn đề Ha-i-ti, Bô-xni-a, Trung Đông, bán đảo Triều tiên đã được chính quyền Mỹ giải quyết khá suôn sẻ, có lúc, có nơi đạt được những tiến bộ đáng kể, đồng thời cũng kịp thời điều chỉnh những sai lầm trong đối ngoại (như vấn đề nhân quyền đối với Trung quốc và châu Á) để tránh dẫn tới những ảnh hưởng xấu trong quan hệ quốc tế. Một số trường hợp Mỹ đã tỏ rõ thái độ cương quyết như vấn đề thương mại với Nhật bản.

Nguyên nhân thứ hai dẫn tới thắng lợi của tổng thống B. Clin-tơn là xu hướng kinh tế, chính trị, xã hội Mỹ tiếp tục chuyển dịch theo hướng bảo thủ ôn hòa, hợp với quan điểm của liên minh Clin-tơn - Go. Bên cạnh đó, cử tri Mỹ nói chung rất lo ngại xu hướng bảo thủ cực đoan thân hữu của một bộ phận lớn đảng Cộng hòa. Sau thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội tháng 11 năm 1994, nhờ đưa ra một chương trình đối nội ("Khế ước với nước Mỹ") với những hứa hẹn có nhiều thay đổi, đảng Cộng hòa đã thúc đẩy các chính sách đối nội, đối ngoại mang tính cực đoan làm cho dư luận rất quan ngại. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt về vấn đề ngân sách giữa Quốc hội (do đảng Cộng hòa nắm giữ) với chính quyền Clin-tơn, thái độ cực hữu của đa số nghị sĩ đảng Cộng hòa vô hình trung đã tạo ra điều kiện đưa uy tín của tổng thống Clin-tơn lên cao. Trong khi đó mặc dù B. Đôn cũng là người ôn hòa nhưng phải dựa vào phái hữu trong Đảng, nên bị giảm uy tín nhiều.

Nguyên nhân thứ ba đưa đến thắng lợi của B. Clin-tơn là cả hai ứng cử viên nặng ký là tổng thống đương nhiệm và B. Đôn đều phải có lập trường tranh cử phù hợp với tâm lý, nguyện vọng của cử tri Mỹ - đó là sự đòi hỏi chính quyền mới phải thận trọng, ôn hòa trong các chính sách đối nội và đối ngoại. Muốn tranh thủ cử tri, cả hai ứng cử viên đã không thể đưa ra các chính sách tương phản nhau một cách rõ rệt như những đợt bầu cử trước đây. Trong bối cảnh như vậy, B. Đôn khó có điều kiện bứt

Digitized by Google

phá lên phía trước để tỏ rõ sự ưu việt của mình so với tổng thống đương nhiệm. Không đưa ra được một thông điệp tranh cử rõ ràng và có tính thuyết phục, ông B. Đôn trở nên mờ nhạt bên cạnh một vị đương kim tổng thống mà phẩm chất đã được kiểm nghiệm qua 4 năm cầm quyền, một vị tổng thống trẻ, có tài hùng biện, vừa biết tôn trọng quá khứ lại vừa tỏ rõ quyết tâm và nghị lực tiến vào tương lai, dám đối mặt với các thách thức và giải quyết chúng. B. Đôn khó có điều kiện để công kích, bài bác Clin-tơn : nếu công kích lập trường của Clin-tơn thì cũng chính là công kích bản thân mình, B. Đôn đã xoay ra công kích những điểm yếu trong hoạt động của chính quyền Clin-tơn, nhưng lại không đưa ra nổi sáng kiến nào có thể khắc phục điểm yếu đó...

Tỉ lệ phiếu trong các khối cử tri cũng phản ánh một phần nào đặc điểm, tính chất cử tri Mỹ qua cuộc bầu cử :

- B. Clin-tơn thắng cử được 45 triệu phiếu phổ thông (49,9%) và 378 phiếu đại cử tri (số phiếu cần có để thắng là 270) ở 32 bang kể cả thủ đô Oa-sinh-tơn. Đa số cử tri trong các khối phụ nữ (54%), người da đen (83%), người gốc Tây ban nha (72%) người có thu nhập thấp (56%) và người có tư tưởng tự do.(78%) đã ủng hộ B. Clin-tơn.

- B. Đôn được 37 triệu phiếu phổ thông (41,4%) với 159 phiếu đại cử tri ở 19 bang. Ủng hộ B. Đôn gồm đa số những người trong khối đàn ông da trắng (52%), người giàu (50%) và người có tư tưởng bảo thủ (71%).

- R. Pê-rốt được 7 triệu phiếu và không có phiếu đại cử tri nào.

Xu hướng thận trọng và ôn hòa của cử tri Mỹ cũng ảnh hưởng quan trọng tới kết quả bầu cử hai viện và bầu cử thống đốc bang. Để bảo đảm một đường lối đối nội và đối ngoại ôn hòa, cử tri Mỹ muốn có một sự cân bằng quyền lực giữa hai đảng, và kết quả bầu cử cho thấy đảng Cộng hòa vẫn chiếm đa số tại quốc hội : Tại thượng nghị viện đảng Cộng hòa chiếm 55 ghế (thêm 2 ghế so với trước bầu cử), đảng Dân chủ chiếm 45 ghế (mất 2 ghế) ; tại hạ nghị viện đảng Cộng hòa chiếm 226 ghế (mất 10 ghế), đảng Dân chủ chiếm 207 ghế (thêm 9 ghế), các nghị sĩ độc lập chiếm 2 ghế (tăng thêm 1 ghế)

Cuộc bầu cử vừa qua tại Mỹ có thể xem là cuộc bầu cử duy trì sự ổn định bằng cách giữ nguyên hiện trạng, nó khẳng định dòng chảy chính của xu hướng chính trị, xã hội hiện nay ở Mỹ là bảo thủ ôn hòa. So sánh với tình hình Nhật và Tây Âu, tuy Mỹ còn có nhiều vấn đề gay cấn, nhưng nói chung tình hình chính trị Mỹ tương đối ổn định hơn.

Thắng lợi của B. Clin-tơn trong bầu cử đã giúp củng cố đôi chút uy tín của đảng Dân chủ sau thất bại năm 1994. Trong nhiệm kỳ này B. Clin-tơn sẽ có lợi thế hơn so với nhiệm kỳ trước, không phải lo tranh cử nhiệm kỳ sau, ông sẽ rảnh tay và tự tin hơn để tập trung công sức lo thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại. Theo đánh giá của các chuyên gia thì tổng thống sẽ cố gắng tạo sự nhất trí ở Mỹ bằng cách thực hiện một số chính sách trung dung và có thể đưa người của đảng Cộng hòa vào giữ một số vị trí trong nội các, nơi hai đảng có sự nhất trí cao như các cơ quan quốc phòng và ngoại giao.

Sau bầu cử, về đối nội, chiến lược được ưu tiên của Mỹ là tiếp tục củng cố lại nước Mỹ từ bên trong, thông qua phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội lớn. Trong chiến lược này, nhiệm vụ thúc đẩy kinh tế là then chốt, bên cạnh đó Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện có chọn lọc các cam kết toàn cầu. Để phát triển kinh tế, Mỹ sẽ tiếp tục đổi mới cơ cấu, đẩy mạnh khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh, tăng cường đầu tư vào giáo dục và đào tạo, tăng tỉ trọng đầu tư, giải quyết thâm hụt ngân sách và mở rộng kinh tế đối ngoại. Mỹ sẽ đi theo hướng không tăng thuế mạnh, cắt giảm chi tiêu để tiến tới cân bằng ngân sách vào năm 2002. Đây là những điểm cơ bản đã đạt được sự thống nhất giữa hai đảng, được thể hiện rõ qua cương lĩnh của mỗi đảng. Từ chiến lược đối nội, Mỹ sẽ phát triển sang lĩnh vực đối ngoại với mục tiêu duy trì và củng cố địa vị quốc tế số một - địa vị "lãnh đạo" toàn cầu của Mỹ và một hệ thống kinh tế quốc tế mở. Mỹ sẽ không để bất cứ quốc gia nào nổi lên tranh giành vị trí, thách thức Mỹ trên phạm vi toàn cầu hoặc ở những khu vực mà Mỹ có lợi ích sống còn, trong đó nổi lên là khu vực châu Á - Thái bình dương. Mỹ sẽ tiếp tục chiều hướng tăng cường đối thoại với các nước lớn để duy trì ổn định. Kinh tế đối ngoại của Mỹ mà trọng tâm là thúc đẩy mậu dịch sẽ quyết định hướng quan hệ đối ngoại trong tương lai.

Trong nhiệm kỳ tới, chính quyền mới của tổng thống Bin Clin-tơn sẽ gặp phải không ít thách thức : trước hết là vấn đề nội bộ, Quốc hội Mỹ sẽ tiếp tục bị đảng Cộng hòa khống chế, các nghị sĩ Cộng hòa tiếp tục gây sức ép mạnh với chính quyền trong vấn đề ngân sách, chương trình xã hội và các chính sách đối ngoại ; tình trạng thâm hụt ngân sách, thâm hụt thương mại luôn là khó khăn thường trực, hạn chế khả năng thực hiện các chương trình kích thích kinh tế và chương trình xã hội của Mỹ ; về mặt đối ngoại, các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu, Nhật bản và Trung quốc đều có những nỗ lực bứt phá vượt lên, gây cho Mỹ nhiều khó khăn trong việc chiếm giữ vị trí siêu cường số 1 và ngay cả những nước nhỏ cũng tranh thủ mọi thời cơ để tạo cho mình một chỗ đứng, một tiếng nói có trọng lượng trong những thập kỷ tới. Thế giới không ngừng thay đổi, Mỹ có lợi thế so sánh tương đối so với các nước khác, song "tương đối" vẫn chỉ là tương đối, tương lai với đầy thách thức đang ở phía trước.❑

Digitized by Google

HỘI NHẬP QUỐC TẾ • VIỆT NAM HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ

• **HỘI NHẬP QUỐC TẾ** là quá trình tham gia của một nước hay một tổ chức vào hệ thống có quy mô lớn hơn (quy mô khu vực, vùng hay quy mô toàn cầu). Quá trình này diễn ra trên nhiều lĩnh vực : ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh... thông thường nó được khởi đầu từ lĩnh vực ngoại giao rồi sang các lĩnh vực khác, và diễn ra sôi nổi trên lĩnh vực kinh tế. Khái niệm *Hội nhập quốc tế* đã có từ nhiều thập kỷ nay, tiếng Anh là Integration và tiếng Nga là интеграция (liên kết, hợp nhất, ...). Trước đây, trong Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), hội nhập về mặt kinh tế được thể hiện bằng một chương trình kinh tế chung cho các nước thành viên.

Hội nhập quốc tế là một quá trình khách quan, nẩy sinh do sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, và sự đòi hỏi giao lưu quốc tế giữa các quốc gia, các dân tộc. *Hội nhập quốc tế* được đặt ra một cách cấp thiết khi sự phát triển của quy mô các doanh nghiệp trong nước đạt tới mức cao, phá vỡ quan hệ tương hợp với những chế định của thị trường nội địa (đặc biệt là trong các nước nhỏ). Sự phát triển đó đòi hỏi phải có một thị trường sâu rộng hơn, một nguồn vốn đầu tư mạnh hơn và công nghệ hiện đại hơn... Tính lợi thế của sự phân công lao động quốc tế cũng là một yếu tố quan trọng tác động tới quá trình *Hội nhập quốc tế*. Có thể nói rằng sự phát triển của lực lượng sản xuất quy định mức độ và tầm cỡ của quá trình *Hội nhập quốc tế*. *Hội nhập quốc tế* góp phần đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia và đánh giá vai trò lãnh đạo của bộ máy nhà nước của quốc gia đó.

Quá trình *Hội nhập quốc tế* diễn ra trong một môi trường phức tạp. Môi trường này dựa trên cơ sở tác động của quy luật về sự không tương đẳng giữa các nền kinh tế, không đồng nhất giữa các chế độ chính trị. Một trong những tác động của quy luật trên thể hiện ở chỗ các nước mạnh, có lợi thế lớn với nền kinh tế hùng hậu, thị trường quy mô lớn, hệ thống thông tin hiện đại, có xu hướng lấn át các nước yếu, các nước đang phát triển. Đây là mặt trái của *Hội nhập quốc tế* và là thách thức thường xuyên đối với nhiều nước khi đang tham gia quá trình này.

Nhiều nhà chính trị kinh tế học tư sản thường luận giải đặc tính khách quan của *Hội nhập quốc tế* như là một trong các yếu tố của sự xích lại gần nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Luận giải này không có căn cứ khoa học. Trên thực tế, quá trình *Hội nhập quốc tế* diễn ra trong mối quan hệ các nước (không phân biệt chế độ chính trị) theo một nguyên tắc cơ bản, phổ biến, được nhiều nước công nhận là : tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

• **VIỆT NAM HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ.**

Từ năm 1986, Việt nam bắt đầu tiến hành chương trình đổi mới kinh tế toàn diện. Hội nhập với nền kinh tế thế giới được coi là một thành tố cơ bản của đổi mới kinh tế ở Việt nam. Hội nhập kinh tế càng trở nên quan trọng trong bối cảnh nền kinh tế thế giới thay đổi nhanh chóng và khu vực châu Á phát triển rất năng động.

Trong 2 năm gần đây, nhiều quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước nhằm đưa nền kinh tế Việt nam hội nhập với kinh tế thế giới đã được đề ra : Tháng 1 năm 1995 nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ; tháng 7 năm 1995 Việt nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN, đồng thời cam kết tham gia các chương trình của Hiệp định CEPT để thành lập Khu vực mậu dịch tự do AFTA ; tháng 6 năm 1996, Việt nam nộp đơn xin gia nhập Diễn đàn Hợp tác châu Á - Thái bình dương (APEC).

Quá trình hội nhập quốc tế của Việt nam dựa trên cơ sở phân tích những đặc điểm cơ bản của tình hình thế giới, các xu thế lớn của thời đại và căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu cách mạng của nước ta trong giai đoạn tới. Chúng ta *Hội nhập quốc tế* dựa trên những nguyên tắc sau :

- Bảo đảm độc lập, tự chủ, giữ vững định hướng phát triển của mình.
- Tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp trên mọi lĩnh vực. Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Để thực hiện quá trình *Hội nhập quốc tế* về kinh tế, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đề ra chương trình kinh tế đối ngoại (chương trình thứ 6), với các giải pháp chủ yếu cần thực hiện là : Mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, thực hiện nhất quán chính sách khuyến khích xuất khẩu ; về nhập khẩu, ưu tiên nhập máy móc hiện đại và nguyên vật liệu. Tranh thủ thu hút nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODA) đa phương và song phương và có phương án sử dụng hiệu quả. Có chính sách hữu hiệu thu hút nguồn FDI vào những vùng có tiềm năng.❑

Digitized by Google

NGOẠI HỐI. CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

● **NGOẠI HỐI** là các phương tiện có giá trị được dùng để tiến hành thanh toán giữa các quốc gia. Tùy theo luật quản lý ngoại hối của mỗi nước, mà cách gọi hoặc phân loại ngoại hối có thể không giống nhau. Theo Luật quản lý ngoại hối của Việt nam có 5 loại ngoại hối cơ bản : 1 - Ngoại tệ là tiền của nước khác lưu thông ở nước ta, dưới hai dạng : tiền mặt và tín dụng. 2 - Các phương tiện thanh toán quốc tế ghi bằng ngoại tệ (hối phiếu, kỳ phiếu, séc, thư chuyển tiền, điện chuyển tiền, các tín dụng, thư tín dụng ngân hàng). 3 - Các chứng khoán có giá ghi bằng ngoại tệ (cổ phiếu, trái phiếu công ty, công trái quốc gia, trái phiếu kho bạc). 4 - Vàng, bạc, kim cương, ngọc trai, đá quý v.v. được dùng làm tiền tệ. 5 - Tiền của Việt nam dưới các hình thức : a - tiền của Việt nam ở nước ngoài dưới mọi hình thức khi quay lại Việt nam; b - tiền Việt nam là lợi nhuận của người đầu tư nước ngoài ở Việt nam ; c - tiền Việt nam có nguồn gốc ngoại tệ khác. Tất cả các ngoại hối trên được quản lý theo Luật quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện hành.

● **CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ** là bảng đối chiếu giữa những khoản tiền mà nước ngoài trả cho một nước và những khoản tiền mà nước đó trả cho nước ngoài trong một thời kỳ, hoặc thời điểm nhất định. Nghĩa là cán cân thanh toán chỉ bao gồm việc so sánh những khoản phải trả và phải thu ngay bằng tiền của nước này với nước khác. Do đó, những khoản tiền chưa đến hạn chi ra hoặc thu về trong thời kỳ đó không được phản ánh vào trong cán cân thanh toán quốc tế. Có 2 loại cán cân thanh toán quốc tế : trong một thời kỳ nhất định và tại một thời điểm nhất định. *Cán cân thanh toán trong một thời kỳ nhất định* là bảng đối chiếu giữa những khoản tiền mà nước ngoài thực tế đã trả và những khoản tiền mà một nước thực tế đã trả cho nước ngoài trong một thời kỳ nào đó (tháng, năm...). Nó phản ánh những khoản tiền thực thu, thực chi của một nước với nước ngoài trong thời hạn đã qua. *Cán cân thanh toán quốc tế tại một thời điểm nhất định* là bảng đối chiếu giữa những khoản tiền sẽ thu và chi vào mỗi thời điểm nào đó. Như vậy, tất cả những khoản nợ nước ngoài và những khoản nước ngoài nợ, mà thời hạn trả tiền rơi đúng vào ngày đó của cán cân, thì đều được phản ánh vào cán cân thanh toán tại một thời điểm nhất định. Cán cân thanh toán loại này phản ánh tình hình chi trả sắp xảy ra của một nước này đối với nước khác, là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế ảnh hưởng quyết định đến sự biến động của tỷ giá hối đoái, đến tình trạng ngoại hối của các nước và đến toàn bộ nền kinh tế của một nước, trước hết là ngoại thương. Thu vượt chi gọi là *dư thừa*, chi vượt thu gọi là *thiếu hụt* của cán cân thanh toán quốc tế. Trường hợp thiếu hụt, thanh toán cuối cùng khoản thiếu hụt đó thường được thực hiện bằng xuất vàng (trường hợp này vàng đóng vai trò là tiền tệ thế giới - thực hiện thanh toán chung trên thế giới). Còn trường hợp trong một năm, thì các khoản thiếu hụt của cán cân thanh toán quốc tế được trang trải bằng tín dụng. Chừng nào vàng là phương tiện cuối cùng cân bằng cán cân thanh toán quốc tế, thì xuất siêu vàng trong một giai đoạn nào đó được coi là một mặt biểu hiện của tình trạng thiếu hụt của cán cân thanh toán quốc tế. Ngược lại nhập siêu vàng - là tình trạng dư thừa của cán cân thanh toán quốc tế. Nhưng điều này chỉ đúng khi nào vàng được xuất, nhập với tư cách là phương tiện thanh toán.

Cán cân thanh toán quốc tế gồm hai hạng mục lớn : hạng mục thường xuyên và hạng mục vốn. *Hạng mục thường xuyên* (còn được gọi là cán cân thanh toán vãng lai) ghi những khoản giao dịch về hàng hóa, dịch vụ và các khoản chuyển dịch thanh toán giữa hai nước. Hạng mục thường xuyên gồm : cán cân thương mại (hay còn gọi là xuất nhập khẩu hàng hóa) ; du lịch ; giao thông vận tải và viễn thông bưu điện ; lợi tức, cổ tức, trái tức và các khoản thu nhập khác phát sinh từ hoạt động đầu tư ; quà tặng, quà biếu ; các dịch vụ khác ; các chi tiêu của chính phủ ở nước ngoài (quân sự, ngoại giao, xã hội) ; các khoản tài trợ, viện trợ tài chính của chính phủ... *Hạng mục vốn* (còn gọi là cán cân di chuyển vốn và tín dụng) ghi những di động tiền tệ trong đầu tư và tín dụng giữa hai nước. Hạng mục vốn gồm 2 giao dịch chính: đầu tư trực tiếp ; tín dụng ngắn và dài hạn (đầu tư gián tiếp). Nếu vốn thu về lớn hơn chi ra gọi là cán cân vốn dư thừa. Trường hợp ngược lại gọi là cán cân vốn thiếu hụt (tức là vốn chảy ra nước ngoài nhiều hơn vốn thu về của một nước).

Ngoài các hạng mục chủ yếu trên, trong cán cân thanh toán quốc tế còn có hạng thứ ba, đó là hạng mục chênh lệch, phát sinh do thống kê sai sót, nhầm lẫn.

Khi cán cân thanh toán quốc tế bị thiếu hụt các quốc gia thường áp dụng các giải pháp sau : *1 - Thay đổi tỷ giá để điều chỉnh cán cân thanh toán.* Thông qua chính sách phá giá, hay giảm giá tiền tệ để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, khuyến khích đầu tư của nước ngoài vào trong nước để tăng thu ngoại hối và hạn chế nhập khẩu hàng hóa, đầu tư ra nước ngoài nhằm giảm nhu cầu ngoại hối, điều chỉnh sự thiếu hụt của cán cân thanh toán. *2 - Áp dụng các chính sách và biện pháp tài chính.* Cán cân thanh toán quốc tế thiếu hụt làm cho khả năng cung cấp ngoại hối của một nước giảm xuống, đến mức độ nào đó có thể không đáp ứng được nhu cầu ngoại hối của nước đó. Để tăng lượng cung cấp ngoại hối, nhà nước thường dùng các biện pháp : vay nợ, nâng cao tỷ suất chiết khấu, thu hồi vốn đầu tư ở nước ngoài về, bán rẻ những chứng khoán ngoại quốc v.v.. Sau nữa Ngân hàng trung ương có thể áp dụng các chính sách tiền tệ và tín dụng để thu hút vốn ngắn hạn ngoại quốc chạy vào trong nước, nhằm tăng thêm số thu nhập ngoại tệ của cán cân thanh toán, giảm bớt mức thiếu hụt của cán cân này. Để thu hút số vốn ngắn hạn chạy từ nước này sang nước khác tìm kiếm lãi suất cao, Ngân hàng trung ương có thể nâng lãi suất tái chiết khấu, khiến cho lãi suất cho vay trên thị trường tăng lên.❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH TP. HCM

NHÀ MÁY NƯỚC NGẦM HÓC MÔN

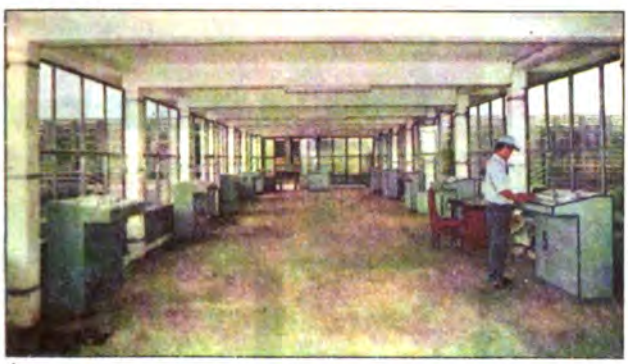
ĐỊA CHỈ : 28/9 CÁCH MẠNG THÁNG 8, P. 15, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH

ĐIỆN THOẠI : 8 640760 - 8 425251





Các bể lọc nước



Nhà điều hành hệ thống xử lý nước

GIÁM ĐỐC : TS. NGUYỄN VINH SANG

ĐÂY LÀ NHÀ MÁY NƯỚC NGẦM CHIẾN LƯỢC CỦA TP. HỒ CHÍ MINH VỚI HỆ THỐNG GIẾNG NƯỚC NGẦM & KHU XỬ LÝ GỒM :

21 giếng - 12 bể lọc - 4 bể lắng - 2 bể chứa

HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC 24/24. NƯỚC SẠCH ĐƯA VỀ CUNG CẤP CHO THÀNH PHỐ THÔNG QUA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TY CẤP NƯỚC THÀNH PHỐ

- Ngày chính thức thành lập doanh nghiệp Nhà nước : 2/6/1994

- Sản lượng cung cấp năm 1994 : 7.640.130 m^3 nước sạch

- Đến cuối năm 1995 :

Sản lượng đạt : 17.108.000 m^3 nước sạch

Công suất đạt 47.000 m^3 nước/ngày & đêm

Tháng 8/1996 đạt công suất thiết kế 50.000 m^3/ngày

- Kế hoạch năm 1997 - 2015

Đạt công suất 100.000 m^3/ngày & đêm.

Digitized by Google

CÔNG TY PIN ẮC QUY MIỀN NAM

PINACO

DRY CELL & STORAGE BATTERY CO.

752 HẬU GIANG - Q.6 - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 8750190 - 8753156 - 8752230

Công ty Pin Ắc quy miền Nam (PINACO) là một DNNN chuyên sản xuất - cung cấp các loại sản phẩm Pin Ắc quy lớn nhất trên thị trường hiện nay với gần 100 đại lý tiêu thụ khắp toàn quốc.

■ **Các sản phẩm pin mới** : được sản xuất theo công nghệ và dây chuyền nhập từ nước ngoài như :

Pin tiểu vỏ đỏ **(R6.P)**
nhãn hiệu Con Ó

Pin đại VST **(R20P)**
nhãn hiệu Con Ó

Và loại pin đại màu vàng vỏ giấy nhãn hiệu Con Ó đang được tiêu thụ rất mạnh trên thị trường Việt Nam

■ **Các sản phẩm Ắc quy dùng cho xe hơi, gắn máy và các nhu cầu sinh hoạt :**

Loại nắp liền : sản xuất theo dây chuyền ép vỏ nắp bằng nhiệt ngoại nhập : dung lượng từ 35 Ah cho đến 200 Ah

Loại vỏ trắng nắp rời PP, loại đen Ebonit : có dung lượng từ 20 Ah cho đến 250 Ah

Ngoài ra còn sản xuất các loại Ắc quy dùng cho xe gắn máy như : Honda 50 Cub 86, Dream, Astrea 100, Citi, DH88 với các mã số :

Công ty Pin Ắc quy miền Nam xin chân thành cám ơn sự ủng hộ nhiệt tình của quý khách hàng trong thời gian qua.



ẮC QUY GẮN MÁY VỎ NHỰA



SẢN PHẨM SẢN XUẤT THEO CÔNG NGHỆ MỚI



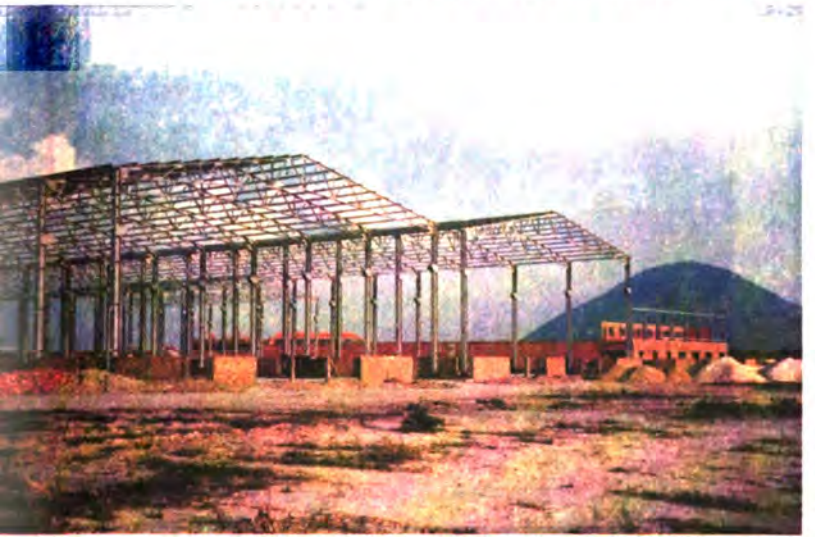
ẮC QUY NẮP LIỀN VỎ NHỰA (CÔNG NGHỆ MỚI)

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY LẮP TÂY NINH

ĐỊA CHỈ : 17 NGUYỄN CHÍ THANH - THỊ XÃ TÂY NINH
TEL : (066) 822483 - 8822618 - 827920 - 827936
FAX : (066) 821862

ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

Đảm nhận xây dựng các công trình dân dụng - công nghiệp về nhà ở có đội ngũ CBKT và công nhân có tay nghề cao.

Công ty luôn giữ vững phương châm : Uy tín - Chất lượng - Mỹ thuật - Giá thành hạ.

Một góc công trình của nhà máy đường Bourbon Tây ninh đang được công ty xây lắp Tây ninh thi công xây dựng

CÔNG TY BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

DIEN QUANG LAMP COMPANY

❑ **TRỤ SỞ CHÍNH :**
125 Hàm Nghi - Quận I -
TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 84.8 8.290135 - 8.251103
Fax : 84.8 8.251518

❑ **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA BẮC :**
25A Phan Đình Phùng - Hà nội
ĐT : (84.4) 8.283046 - 8.521493
Fax : (84.4) 8.521493

❑ **CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN :**

● **Xí nghiệp Bóng đèn tròn**
12 Tôn Đản - Q.4 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84.8) 8.721392 - 8.724563

● **Xí nghiệp đèn ống**
Khu Công nghiệp Biên Hòa -
Đồng Nai
ĐT : (84.61) 8.36105 - 8.36124

● **Xí nghiệp thủy tinh**
Khu công nghiệp Biên Hòa -
Đồng Nai
ĐT : (84.61) 8.36098



● **Xí nghiệp liên doanh VIET SURE STAR**
Viện KHVN - Nghĩa đô - Từ liêm - Hà nội
ĐT : (84.4) 8.361592 - Fax : (84.4) 8.361193

Digitized by Google

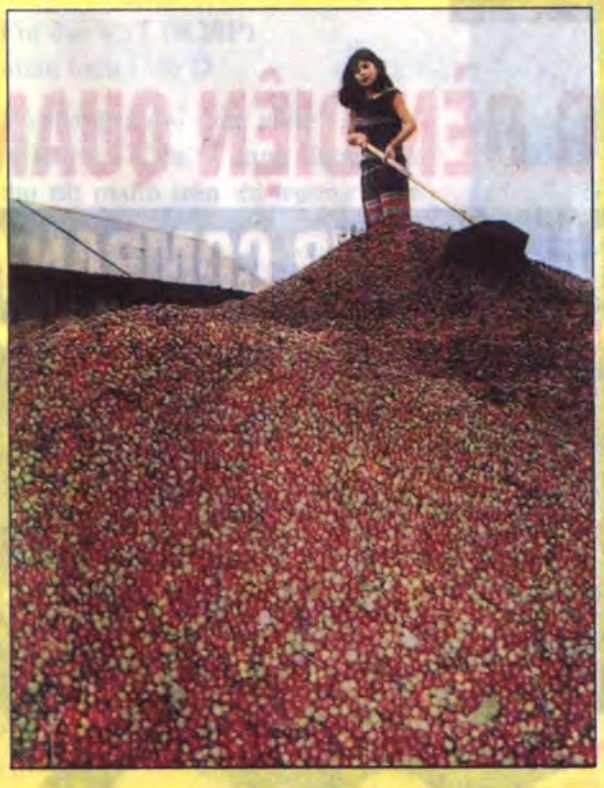
NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ EAPOK

EAPOK cách thị xã Buôn ma thuột 14 km, có diện tích tự nhiên 2105h - Diện tích cà phê 1.000h (trong đó có 403,6h đang kinh doanh).

Năm 1995 sản lượng thu hoạch quốc doanh của nông trường 800T bình quân 2T nhân/h.

EAPOK có hệ thống hạ tầng điện, nước tương đối hoàn chỉnh, diện tích bình quân mở rộng đưa vào sản xuất hàng năm. 1996 nông trường trợ vốn hơn 1 tỉ đồng phục vụ cho nhân dân, sản xuất theo "chương trình xóa đói giảm nghèo". Quỹ đất sản xuất nông trường còn rất lớn cần đầu tư công nghệ, thâm canh, chế biến và sản xuất hợp tác kinh doanh với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.





EAPOK is 14 Km far away from Buon ma thuot Town with the natural surface of 2105 acre. At the moment, we produce over 1,000 acre from which 403,6 acre among are under plantation.

Our harvest capacity in 1995 : 800 tons, on the average : 2 tons of coffee - nut/acre.

EAPOK has an infrastructure system of electricity and water that are relative perfected. Annually, 20 - 25 acre of average surface expanded to wide production. In 1996,

EAPOK helps capital over VND 1 billion for people's production as the Hunger Eradication and Poverty Alleviation Programmed Our fund of ground for production is still large which is in need of investment the industry, cultivation, processing.

We are willing to cooperate and do business with local and internationl investors.

EAPOK COFFEE STATE FARM

ADDRESS : EAPOK TOWN - CU MGAR DISTRICT - DAKLAK PROVINCE * TEL : 834181
BRANCH OFFICE IN HCMC : 50 LE QUANG DINH - BINH THANH DISTRICT * TEL : 8430681
Director : Engineer CAO VAN TU

Digitized by Google

SAI GON TOURIST

XÍ NGHIỆP Ô TÔ
CAR RENT COMPANY

201 Đồng Khởi - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh ● 25 Pasteur St. - Dist.1 HCMC
Tel : 8295925 - 8222206 ● Fax : 84.8.8228577 ● Tel : 8212031 - 01. 908.4605





Chuyên phục vụ khách du lịch và quốc tế, nội địa
Cho thuê các loại xe mới, đẹp, tiện nghi (từ 4 đến 60 chỗ ngồi).
Lái xe cẩn thận, an toàn, phục vụ tận tình lịch sự (biết ngoại ngữ)
Giá xe phù hợp, thanh toán bằng tiền mặt
Chuyển khoản Visa card

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

169 TRẦN QUỐC THẢO - Q.3 - TP. HỒ CHÍ MINH ●TEL : 8441753 ●FAX : 84.8.8444958


ĐẬP TRÀN XẢ LŨ HỒ DẦU TIẾNG - TÂY NINH


VINH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi - thủy điện.
2. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý)
3. Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng, phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình.
4. Thiết kế : Bao gồm thiết kế quy hoạch thủy lợi - thủy điện, thiết kế công trình thủy lợi - thủy điện, lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng.
5. Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán.
6. Quản lý dự án, nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo quy định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.
7. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phụt xử lý nền và thân công trình.
8. Khoan giếng và xây dựng các công trình khai thác nước ngầm.
9. Công ty được phép mở rộng các hoạt động tư vấn khác về xây dựng.

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH
GIA LAI
POST OFFICE OF THE PROVINCE OF GIA LAI

Địa chỉ : 59 Hùng Vương - Thị xã Pleiku - Tỉnh Gia Lai
Điện thoại : 059. 824129 - 824000
Fax : 059. 823506
Address : 59 Hung Vuong Street - Town of Pleiku
Province of Gia Lai
Tel : 059. 824129 - 824000
Fax : 059. 823056









Đảm nhận :

Dịch vụ lắp đặt thiết bị vô tuyến, viễn thông và phục vụ khai thác các dịch vụ.

Có các dịch vụ :

Điện thoại, điện báo, bưu chính, chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, phát hành báo chí, điện hoa và dịch vụ 108 di động, nhắn tin.

Sẵn sàng đáp ứng mọi thắc mắc của quý khách hàng.
Rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ quý khách

Responsible for installing radio, telecommunications equiment and serving the exploitation of these services.

Now available the following services : Telephone, telegram, postal fast delivery, fast money delivery, newspaper and magazine delivery, flower by phone delivery, paging, 108 mobile phone services.

Ready to reply to all of customers queries
Very honored to welcome and serve you

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3

Digitized by Google

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1996

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I - Những vấn đề chung		
- Mãi mãi xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng và lý luận của Đảng	Đào Duy Tùng	1
- Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội "xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước" ở Việt nam	Tô Huy Rứa	1
- Hành trang của dân tộc ta bước vào năm 1996	Xã luận	2
- Đảng ta	Xã luận	3
- Di sản vô giá của một học thuyết đầy sức sống	***	3
- Phát triển nhanh để đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Thị Bình	3
- Nguyễn Ái Quốc về nước	Trần Bạch Đằng	4
- Phát huy đà tiến bộ mới, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 1996 theo nghị quyết của Quốc hội	Phan Văn Khải	6
- Làm tốt công tác tư tưởng, chuẩn bị hành trang bước vào thời kỳ phát triển mới	***	6
- Mãi mãi trân trọng mối quan hệ chí cốt có ý nghĩa chiến lược Việt - Lào	Đỗ Mười	7
- Tổ chức tốt việc góp ý kiến các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng	Xã luận	8
- Dân vận - một nhiệm vụ quan trọng của chính quyền	Nguyễn Khánh	8
- Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công	***	8
- Di chúc chính trị của Lê-nin	Phạm Văn Khánh	8
- Sự phát triển của Lê-nin về lý luận "cải biến cách mạng" trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Phạm Văn Chúc	8

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Giá trị bền vững của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội	Phan Đăng Phú	9
- Điều cốt lõi của một học thuyết cách mạng và khoa học (Nhân đọc cuốn sách *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại ngày nay*)	Vũ Hiền	9
- Phấn đấu vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ công tác tư tưởng trong thời kỳ mới	Nguyễn Đức Bình	10
- Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước kiểu mới	Nguyễn Duy Gia	10
- Tiếp tục đổi mới và mở cửa vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Dy Niên	12
- Nỗ lực phấn đấu đưa Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống	Xã luận	13
- Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với công cuộc củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân	Đoàn Khuê	13
- Mác - Con người bất chấp thời đại !	Phạm Thành	13
- Hồ Chí Minh với văn hóa truyền thống và tiếp xúc văn hóa Đông Tây	Phan Văn Các	13
- Về bốn nguy cơ và các giải pháp phòng tránh	Lê Xuân Tùng	15
- Những bài học của 10 năm đổi mới	Nguyễn Phú Trọng	16
- Tổng khởi nghĩa toàn dân - hình thái khởi nghĩa điển hình của Cách mạng Tháng Tám 1945	Nguyễn Thanh Tâm	16
- Những quyết định sáng suốt của Hồ Chí Minh dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám	Lê Văn Yên	16
- Đại đoàn kết dân tộc là sức mạnh để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Vũ Oanh	17
- Quan điểm thực tiễn trong phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ	17
- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Những luận điểm sáng tạo lớn	Võ Nguyên Giáp	19

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thống nhất ý chí và hành động theo định hướng tư tưởng chính trị của Đại hội VIII	Trần Xuân Trường	19
- Cương lĩnh của Lê-nin về quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước riêng biệt với nền kinh tế tiểu nông	Phạm Văn Chúc	19
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số vấn đề trong công tác vận động quần chúng	Nguyễn Tri Thư	20
- Những giải pháp lớn nhằm phát huy sức mạnh toàn dân thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Võ Văn Kiệt	21
- Tư tưởng Ăng-ghen, kim chỉ nam cho thắng lợi của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa	Vũ Lân	21
- Từ chính sách kinh tế mới của Lê-nin, nhìn nhận về công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay	Vũ Xuân Lai	21
- Nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh	Võ Nguyên Giáp	23
- Đường lối đối ngoại của Đảng ta	Vũ Hiền	23
- Chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Nhị Lê	24
II - Kinh tế		
- Phương hướng cơ bản giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay	Trần Đình Hoan	1
- Tiếp tục sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Phan Văn Tiệm	1
- Hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Chơn Trung	1
- Một số vấn đề về doanh nghiệp công nghiệp nhà nước ở Thanh hóa	Lưu Ngọc Phải	1
- Chiến lược vốn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Cao Sỹ Kiêm	2
- Buôn lậu - Thực trạng và một số giải pháp phòng chống	Lê Văn Tới	2
- Tài chính nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Võ Đình Hảo	2
- Góp thêm ý kiến chung quanh vấn đề thị trường và kế hoạch	Nguyễn Thị Lệ Hoa và Lê Hùng	2

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Hòa nhập thị trường thế giới : Vận hội và những thách thức đối với doanh nghiệp Việt nam	Trần Đình Bút	2
- Ngành hàng không dân dụng Việt nam : 40 năm xây dựng và trưởng thành	Đào Mạnh Nhương	2
- Tổng quan nền kinh tế Việt nam qua 10 năm đổi mới	Lê Văn Toàn	3
- Tây ninh : 5 năm khởi sắc	Nguyễn Thị Minh	3
- Các loại hình kinh tế hợp tác xã trong nông thôn	Trần Đức	3
- Kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa có đối lập nhau không ?	Nguyễn Khắc Hiền	4
- Chính sách tài chính quốc gia giai đoạn 1996 - 2000	Hồ Tế	4
- Tổng công ty dầu mỏ và khí đốt Việt nam trong cơ chế thị trường	Nguyễn Trí Liễn	4
- Phát triển nhanh, bền vững và lành mạnh du lịch Việt nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Đỗ Quang Trung	4
- Diễn biến giá cả thị trường năm 1995 và những bài học đáng nhớ	Vũ Xuân Kiều	5
- Một cách tiếp cận kinh nghiệm đổi mới kinh tế 10 năm qua	Nguyễn Ngọc Tuân	5
- Bước chuẩn bị hình thành thị trường chứng khoán ở Việt nam	Trần Quốc Tuấn	5
- Đổi mới, hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý thương mại, dịch vụ	Hoàng Đạt	5
- Một số mô hình quản lý kinh tế	Đinh Sơn Hùng	6
- Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài để công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trịnh Dân	6
- Tiến hành một bước công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn ở tỉnh Yên bái	Vũ Ngọc Kỳ	6
- Tổng công ty mạnh : lợi thế và triển vọng	Phan Văn Tiệm	7
- Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Minh Khải	7

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thế nào là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ?	Đặng Biên	7
- Doanh nghiệp nhà nước ở Quảng nam - Đà nẵng : thực trạng và giải pháp	Phạm Hảo	7
- Hợp tác xã nông nghiệp Phước sơn II sau 1 năm đổi mới	Lê Văn Khá và Hoàng Văn Tuyển	7
- Hợp tác xã là gì ?	Đào Thế Tuấn	8
- Chính sách tiền tệ quốc gia giai đoạn 1996 - 2000	Cao Sỹ Kiêm	9
- Một số vấn đề về kinh tế hợp tác	Nguyễn Văn Đặng	9
- Công nghiệp chế biến nông - thủy sản ở đồng bằng sông Cửu long	Nguyễn Thị Lệ Hoa và Lê Hùng	9
- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Hoàng Đạt	10
- Bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp và vùng mỏ	Lê Như Hùng	10
- Thực trạng lao động Việt nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đỗ Minh Nghĩa và Vũ Ngọc Lân	10
- Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế	Nguyễn Khắc Hiền	11
- Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội	Dương Bá Phượng và Nguyễn Đình Long	11
- Công cuộc đổi mới ở Trà vinh - thành tựu và hướng phát triển	Bùi Quang Huy	11
- Thị trường nông sản ở Bắc bộ	Doãn Công Khánh và Nguyễn Đức Thăng	11
- Một số suy nghĩ bước đầu về vận dụng đường lối đổi mới của Đảng ở Tuyên quang	Hà Thị Khiết	12
- Tham nhũng và chống tham nhũng ở nước ta	Vũ Xuân Kiều	12
- Chính sách tài chính tiền tệ trong giai đoạn mới	Tào Hữu Phùng	13

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Vì sao nói nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội ?	Phan Thanh Phố	13
- Cao bằng phấn đấu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nông Hồng Thái	14
- Lâm đồng từng bước đi tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng đảng bộ cơ sở vững mạnh	Nguyễn Ánh Minh	14
- Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang đi vào cuộc sống ở vùng kinh tế Lam sơn	Lê Tú Dinh	14
- Vai trò nhà nước quản lý ngoại thương trong cơ chế thị trường	Nguyễn Thế Uẩn	14
- Để kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo	Trần Chí Danh	14
- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phan Thanh	15
- Tỉnh Gia lai tiếp tục đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Văn Sỹ	15
- Cảng Sài gòn từng bước vươn lên trong cơ chế thị trường	Trịnh Gia Ban và Nguyễn Kim Đỉnh	15
- Vai trò của nhà doanh nghiệp và sự hình thành những nhà doanh nghiệp ở nước ta	Đoàn Phúc Thanh	15
- Chủ nghĩa tư bản nhà nước : quan niệm và các hình thức vận dụng ở nước ta	Thành Phương	16
- Đôi điều rút ra từ Công ty sứ kỹ thuật Hoàng liên sơn	Vũ Sửu	16
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân giai đoạn 1996 - 2000	Nguyễn Sinh Cúc	17
- Mấy suy nghĩ về hợp tác xã nông nghiệp và công tác định canh định cư ở Lào cai	Nguyễn Đức Thăng	17
- Từ thực tiễn phát triển sản xuất lương thực ở An giang	Thế Gia	17
- Tiềm năng Tiên sơn và hướng đi đã chọn	Nguyễn Sỹ	17
- Vấn đề bảo hộ sản xuất nội địa trong chiến lược kinh tế mở	Hồ Tấn Phong	17
- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Vũ Hiền	18

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần	Vũ Văn Phúc	18
- Sự biến động giá cả thị trường và hiện tượng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại	Xuân Hoành	18
- Nhìn lại đợt mưa, lũ, bão vừa qua ở miền Bắc	Nguyễn Cảnh Dinh	18
- Tuyên quang chủ động và tích cực phòng chống lũ lụt	Hà Thị Khiết	18
- Đảng bộ và nhân dân Ninh bình qua thử thách của bão, lũ	Nguyễn Thanh Túc	18
- Thiên tai ở Nam hà và việc khắc phục hậu quả bão, lũ	Trần Trọng Hiên	18
- Huyện Mê linh trong chặng đường đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trần Dũng	18
- Chính sách hối đoái ở nước ta	Nguyễn Võ Ngoạn	19
- Tìm hiểu "thị trường lách" và vai trò của nó đối với nền kinh tế	Cao Duy Hạ	19
- Từ thực tiễn quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước ở Tây nguyên	Nguyễn Thế Tràm	19
- Một số kinh nghiệm của Thanh hóa trong việc chỉ đạo phòng, chống bão lụt, khắc phục hậu quả thiên tai	Đỗ Hữu Thích	19
- Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lai châu khắc phục hậu quả lũ lụt	Lỳ Khai Phà	19
- Hội nông dân Việt nam với việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Nguyễn Đức Triều	19
- Nhận diện tham nhũng và biện pháp đấu tranh	Vũ Xuân Kiều	20
- Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Ninh bình	Tô Xuân Toàn	20
- Huyện Gia lâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Lê Quý Đôn	20
- Cải cách bước II hệ thống chính sách thuế ở nước ta	Quách Đức Pháp	21
- Hợp tác xã tín dụng ở Hà bắc sau hơn một năm phát triển	Trịnh Hữu Thắng	21

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Góp phần bàn về chiến lược bảo hộ nông phẩm ở nước ta	Nguyễn Thanh Bạch	22
- Áp dụng mô hình hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước	Đoàn Phúc Thanh	22
- Kinh tế - xã hội ở tỉnh Hòa bình - tiềm năng và định hướng phát triển	Hoàng Văn Hon	22
- Về một vài nhân tố mới trong nông nghiệp và nông thôn	Trần Đức	22
- Phân hóa giàu nghèo ở các tỉnh miền Trung	Nguyễn Sinh Cúc	22
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Vũ Oanh	23
- Luật pháp hóa hoạt động ngân hàng	Phạm Ngọc Phong	23
- Thị trường hóa kinh tế nông thôn các tỉnh Nam bộ - Thực trạng và giải pháp	Mai Tết	23
- Mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Hải hưng	Phạm Thắng	23
- Sự bình đẳng trong kinh doanh và vai trò điều tiết của nhà nước đối với doanh nghiệp	Phạm Thanh Hải	24
- Cần thơ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Võ Hoàng Xinh	24
- Sử dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh	Lê Hồng Liêm	24
- Vai trò của kinh tế hộ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Đình Long	24
- Ruộng đất của người nghèo : thực trạng và kiến nghị	Lê Trọng	24
III - Chính trị - triết học		
- Từ tư tưởng độc lập tự do đến sự ra đời Quốc hội đầu tiên của nước Việt nam mới	Vũ Mão	1
- Bộ luật dân sự đáp ứng yêu cầu cuộc sống và nguyện vọng của nhân dân	Hải Anh	1
- Nhân quyền Việt nam	Phạm Văn Khánh	1
- Nhìn lại 5 năm đấu tranh chống tham nhũng	Nguyễn Văn Lâm	2

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thực hiện tốt hơn nữa chính sách dân tộc của Đảng	Y Ngông Niê Kđăm	3
- Vững bước đi con đường xã hội chủ nghĩa	Đặng Xuân Kỳ	4
- Không có sự lựa chọn nào khác	Bùi Ngọc Thanh	4
- Về khái niệm "định hướng xã hội chủ nghĩa"	Nguyễn Văn Oánh	4
- Cục diện mới và định hướng đi lên của đất nước	Vũ Hiền	4
- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Duy Quý	5
- Định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Nguyễn Phú Trọng	5
- Định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta : đúng hay chệch?	Khổng Doãn Hợi	5
- Vai trò của chính trị trong việc bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa	Lê Hữu Nghĩa	5
- Công tác biên phòng trong tình hình mới	Phạm Hữu Bồng	5
- Con đường và điều kiện bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Tô Huy Rứa	6
- Chủ nghĩa xã hội dân chủ là gì ? Vì sao nó không phù hợp với chúng ta ?	Đào Duy Quát	6
- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh với định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Nhật Tân	6
- Định hướng xã hội chủ nghĩa - một khái niệm khoa học	Hà Xuân Trường	7
- Về mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa	Trần Xuân Trường	7
- Về trò bịp "phi ý thức hệ"	Lưu Hà Vĩ	7-8
- Nhận thức thực chất con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Nguyễn Ngọc Long	8
- Khía cạnh phản văn hóa của những kẻ phản bội	Lê Quang	8
- Về những quan điểm sai trái đối với định hướng xã hội chủ nghĩa	Bùi Minh Thắng	9
- Về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới	Lê Xuân Lựu	10

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam - sự lựa chọn tất yếu	Phan Thanh Phố và An Như Hải	10
- Mấy vấn đề về xây dựng lý tưởng cho thanh niên hiện nay	Vũ Oanh	11
- Đôi điều rút ra từ thực tiễn lãnh đạo chính sách cách mạng của Đảng	Văn Tiến Dũng	11
- Có thể giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa trong cơ chế thị trường không ?	Hoàng Công	11
- Họ muốn gì khi đồng nhất vấn đề sở hữu với dân chủ và nhân quyền	Nghiêm Hưng	11
- Đừng để sự "đổi vốn" thay cho sự "đổi nhân"	Trần Tô Tử	11
- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp	Phùng Văn Tửu	13
- Tiếp tục cải cách một bước nền hành chính nhà nước	Nguyễn Duy Gia	14
- Cho rằng "phương pháp luận mác xít sai lầm" chỉ càng bộc lộ dụng ý xấu và sự non kém về khoa học	Hoàng Công	14
- Lý luận mác xít về mối quan hệ giai cấp, dân tộc và thời đại	Trần Phúc Thăng	15
- Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới đất nước	Trần Văn Đăng	16
- Mấy vấn đề về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh thế giới ngày nay	Bùi Phan Kỳ	16
- Tỉnh táo trước sự đổi màu của trào lưu xã hội - dân chủ	Hồ Kiếm Việt	16
- Công tác trật tự trị an trong vùng công giáo ở Xuân thủy	Đoàn Nam Đàn	16
- "Hòa hợp, hòa giải dân tộc" phải chăng là "giải pháp chính trị mở lối ra cho Việt nam" ?	Vũ Khôi	16
- Bản chất của nhà nước ta : của dân, do dân, vì dân	Nguyễn Văn Thảo	17
- Đổi mới quản lý nhà nước đối với kinh tế	Phạm Ngọc Quang	17
- Công bằng xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Bùi Đình Thanh	18

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa - nhìn từ khía cạnh giai cấp	Lưu Hà Vĩ	18
- Cơ sở khoa học và văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp quyền	Thành Duy	18
- Vì sao chúng ta chủ trương bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ?	Trương Hữu Hoàn	19
- Tiếp tục đổi mới hoạt động xây dựng pháp luật, đẩy mạnh công tác lập pháp	Phùng Văn Tửu	20
- Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Hồ Văn Thông	20
- Về công tác hội thẩm nhân dân	Trần Quang Lê	20
- Nhân tố con người trong phòng và chống "diễn biến hòa bình"	Nguyễn Văn Tài	21
- Về tính yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay	Nguyễn Công Chiến	21
- Đổi mới hệ thống chính trị : mấy vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm	Hoàng Công	21
- Công an nhân dân với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Lê Minh Hương	22
- Quân khu III xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân	Nguyễn Thế Trị	22
- Xây dựng và củng cố quyền làm chủ về chính trị giữa các dân tộc ở nước ta hiện nay	Thanh Hồng	22
- Thời Lê Sơ chỉnh đốn quan lại	Lê Đình Sỹ	22
- Tiếng súng bảo vệ phẩm giá dân tộc và chủ quyền đất nước	Văn Tiến Dũng	23
- Cả dân tộc đứng lên vì độc lập tự do	Vũ Như Khôi	23
- "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc" - đường lối sáng tạo của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	Trần Trung Tín	23
- Tất yếu chủ nghĩa xã hội xét từ bản chất và tiền đồ của chủ nghĩa tư bản	Phạm [illegible] Hồ	23

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Về việc điều chỉnh địa giới, chia tách một số tỉnh	Nhật Tân	23
- Cựu chiến binh với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Trần Văn Quang	24
- Về xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất và năng lực tốt	Đoàn Sinh Hưởng	24
- Nghi thức tiếp nhận lệnh	Mai Ninh	24
IV - Văn hóa - xã hội		
- Phát triển thể dục thể thao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Lê Bửu	1
- Phát huy truyền thống và bản lĩnh dân tộc trong giao lưu văn hóa với nước ngoài	Hà Đăng	2
- Thiết lập trật tự, kỷ cương trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội	***	2
- Xây dựng một nền y tế công bằng và nhân đạo	Lê Ngọc Trọng	2
- Tệ nạn xã hội - nỗi lo không của riêng ai	Nguyễn Thị Hằng	3
- Báo chí Việt nam trong dòng chảy xã hội	Đỗ Phượng	3
- Nhìn lại và suy ngẫm về hoạt động văn hóa, văn nghệ hiện nay	Từ Sơn	3
- Hệ thống công nghệ mới và xu thế thời đại	Vũ Đình Cự	4
- Yếu tố mới đang sống động trong đời sống văn hóa ở cơ sở	Đỗ Kim Thịnh	4
- Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam	Võ Thị Thắng	5
- Phụ nữ nghèo ở đô thị hiện nay	Ngô Thị Ngọc Anh	5
- Nhận thức đầy đủ hơn về gia đình - tế bào của xã hội	Phan Thanh Khôi	5
- Nghĩ về mỹ thuật Việt nam từ Triển lãm toàn quốc 1995	Ngô Quang Nam	5
- Chung quanh tình hình lý luận phê bình văn học năm 1995 (phỏng vấn GS, TS Phương Lựu)	* * *	6
- Chính sách đa dạng công nghệ với sự phát triển bền vững của nền kinh tế	Hoàng Đình Phú	7

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Để có lớp người cho thế kỷ 21	Lê Minh Hà	7
- Nghĩ về văn học và con người Việt nam trước chặng đường mới	Nguyễn Khoa Điềm	8
- Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc - một vấn đề của toàn xã hội	Nguyễn Khắc Khánh	8
- Thực trạng người nghỉ hưu ở nước ta	Mạc Văn Tiến và Lê Xuân Đình	8
- Giao lưu văn hóa : kinh nghiệm lịch sử và cách nhìn đương đại	Phạm Xuân Nam	9
- Về việc giảng dạy các khoa học kinh tế trong hệ thống các trường ở nước ta	Chu Văn Cấp	10
- Đòn bẩy cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở đồng bằng sông Cửu long	Vũ Lân	10
- Một phương thức tích cực bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người	Lương Kim Chung	10
- Một sự nghiệp văn học lớn, phong phú, đa dạng (Nhân đọc *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*)	Nguyễn Đăng Mạnh	10
- Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc bảo vệ môi trường sinh thái	Nguyễn Am	10
- Thơ kháng chiến - tài sản thơ dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng	Vũ Duy Thông	11
- Hà bắc với phong trào soạn thảo và thực hiện "Quy ước làng văn hóa"	Nguyễn Huy Tính	11
- Trí thức và công tác trí thức của Đảng	Nguyễn Đình Tứ và Phạm Tất Dong	12
- Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Phạm Minh Hạc	13
- Văn hóa thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Khoa Điềm	14
- Mấy suy nghĩ về độc lập tự chủ trong phát triển khoa học và công nghệ	Nguyễn Sĩ Lộc	14

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Bước phát triển mới trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta	Mai Kỷ	15
- Truyền thống dân tộc và tính hiện đại của truyền thống	Trần Đình Sử	15
- Cần có một cách nhìn đúng đắn hơn về sức khoẻ cộng đồng và y học dự phòng	Lê Thế Thự	15
- Cơ sở khoa học của các quan điểm hoạch định chính sách xã hội của Đảng	Bùi Ngọc Thanh	16
- Suy nghĩ về việc xây dựng đội ngũ lý luận phê bình văn học trong vận hội mới	Phương Lựu	16
- Bảo vệ môi trường sinh thái - vấn đề có tính thời đại	Bùi Xuân Hiếu	17
- Sự lựa chọn ngành nghề của tuổi trẻ	Trần Lan Hương	17
- Truyền thống và hiện đại : vài suy nghĩ và đề xuất	Phan Huy Lê	18
- Xây dựng nền khoa học công nghệ tiên tiến trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Đặng Hữu	18
- Về công bằng xã hội	Lê Hữu Tầng	19
- Điều cốt lõi của bản sắc văn hóa Việt nam	Trà Hải	19
- Khoa học và công nghệ phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước	Chu Tuấn Nhạ	20
- Thể hiện mẫu người thời đại, nỗi trăn trở của sân khấu Việt nam	Nguyễn Phan Thọ	20
- Cần nêu cao và học tập y đức của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	Trần Văn Thụy	20
- Phát huy và phát triển nguồn nhân lực trẻ của đất nước phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trần Thị Tâm Đan	21
- Nghĩ về khoa học và công nghệ	Hoàng Tụy	21
- Từ thực tiễn 5 năm xóa đói giảm nghèo	Nguyễn Thị Hằng	21
- Để phụ nữ làm tốt công tác quản lý trong cơ chế mới	Bùi Ngọc Thanh	22
- Đào tạo sau đại học - nguồn nhân lực chất lượng cao	Vũ Ngọc Hải	22
- Bảo vệ văn hóa truyền thống Tây nguyên	Nguyễn Văn Nam và Nguyễn Thượng Hiền	22

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Bệnh viện 7 (Quân khu III) quyết giữ trọn chữ "tín", chữ "tâm" trong nghề nghiệp	Dương Vũ	23
- Giáo dục Việt nam - những cách biệt chưa thể lấp đầy	Võ Đăng Thiên	23
- Giải thưởng Hồ Chí Minh, một sự kiện lớn trong đời sống văn hóa của xã hội ta	Huy Cận	24
- Xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ ở miền núi, vùng sâu, vùng xa	Nguyễn Văn Thụy	24
- Nghĩ về cách nhìn thế hệ trẻ trong sự nghiệp đổi mới hiện nay	Đặng Cảnh Khanh	24
- Đầu tư cho giáo dục qua kinh nghiệm một số nước trên thế giới	Nguyễn Đình Trung	24
- Ý nghĩ nhỏ về một công việc lớn	Vũ Huy Anh	24
V - Xây dựng Đảng		
- Công tác xây dựng Đảng : nên đánh giá thế nào cho đúng ?	Nguyễn Phú Trọng	2
- Hiểu thế nào về bản chất của Đảng ta ?	Nguyễn Phú Trọng	3
- Tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng	Nguyễn Quang Du	3
- Mối quan hệ giữa đổi mới, chỉnh đốn và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng	Xuân Hải	3
- Bức thư ngỏ đầu xuân	Nguyễn Đức	3
- Bước tiến mới của đảng bộ huyện Thanh oai	Nguyễn Ngọc Khoa	4
- Tuổi trẻ Việt nam nguyện mãi mãi xứng đáng với niềm tin của Đảng	Hồ Đức Việt	6
- Đội ngũ cán bộ cơ sở các tỉnh, thành phố phía Nam sau 10 năm đổi mới	Nguyễn Văn Tuất	6
- Đổi mới và chỉnh đốn đảng ở cảng vụ Quảng ninh	Nguyễn Văn Hậu	6
- Hai vấn đề được thảo luận sôi nổi tại đại hội cấp cơ sở và trên cơ sở ở Hà nội	Xuân Hải	7

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Giai cấp công nhân và công đoàn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Văn Tư	9
- Mấy vấn đề về xây dựng Đảng trong quân đội	Lê Khả Phiêu	9
- Công tác xây dựng Đảng ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài	Lê Quang Thưởng	9
- Mấy vấn đề rút ra từ đại hội các tổ chức cơ sở đảng	Nguyễn Đức Hà	9
- Nói thêm về vấn đề cách mạng và đảng cộng sản trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh Bật	10
- Xây dựng Đảng phải gắn liền với bảo vệ Đảng	Nguyễn Văn Lộc	10
- Đảng bộ TP Nam định trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 (phỏng vấn đồng chí Nguyễn Phú Hậu, Bí thư thành ủy Nam định)	***	11
- Một số bài học về xây dựng Đảng trong những năm đổi mới	Phan Đăng Phú	12
- Đảng cộng sản Việt nam - Vì sao thắng lợi ?	Lê Thế Lạng	12
- Đảng cộng sản Việt nam - hiện thân của tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	Lê Văn Yên	12
- Tổng hợp ý kiến đóng góp vào *Dự thảo báo cáo chính trị* trình Đại hội VIII của Đảng (gửi qua Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản)	***	12
- Hồi âm vang vọng của một văn kiện dự thảo	Bùi Ngọc Trình	12
- Mấy cảm nhận về đại hội các cấp vừa qua của Đảng	Xuân Hải	12
- Suy nghĩ trước thềm đại hội	Nhật Tân	12
- Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt	Tiến Hải	14
- Một số vấn đề về công tác đảng viên trong tình hình hiện nay	Lê Quang Thưởng	14
- Mấy giải pháp nâng cao chất lượng công tác cán bộ	Lê Văn Lý	15
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng	Lê Quang	15

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Đảng bộ thị xã Hưng yên với mục tiêu phục hưng phố Hiến theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trần Hiệp	15
- Một số vấn đề rút ra từ thực tiễn công tác cán bộ trong những năm đổi mới	Nguyễn Phú Trọng	17
- Vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu	Thanh Lê	17
- Dấu ấn lãnh đạo của đảng bộ công ty may Đức giang	Trần Xuân Cẩn	18
- Tẩy sạch bệnh quan liêu để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công	Phương Hạnh	18
- Một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng	Lê Huy Ngọ	19
- Phụ nữ Việt nam với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Trương Mỹ Hoa	20
- Đoàn kết, thống nhất - nhân tố quyết định để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng	Tiến Hải	20
- Tổ chức đảng trong các liên doanh kinh tế với nước ngoài	Phạm Văn Khánh	20
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng trong thời kỳ mới	Lê Quang Thưởng	21
- Đổi mới chỉnh đốn Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới	Ngô Hữu Thảo	22
- Cán bộ đảng viên có tích cực học tập mới nâng cao được trình độ trí tuệ của Đảng	Nguyễn Quang Du	22
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi	Vi Thái Lang	23
- Nguyên tắc tập trung dân chủ - một biểu hiện sức sống của Đảng	Vũ Ngọc Lân	24
- Về xây dựng đội ngũ cán bộ nữ các dân tộc miền núi hiện nay	Ngọc Anh và Hồng Sơn	24
VI - Sinh hoạt tư tưởng		
- Xã trưởng "chơi ngông"	Vũ Lân	1
- Chuyện của một chủ tịch thị xã	Vũ Phòng	2

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Bài học cho "mùa đại hội"	Hoàng Tiến	4
- Con sâu làm rầu nồi canh	Như Đàm	5
- Nghìn lẻ một cách hiểu về "trẻ hóa"	Nguyễn Huệ Mỹ	6
- Thói tùy tiện	Nguyễn Văn Lộc	7
- Phương tiện xa dân !	Vũ Bình Minh	8
- Trách ai ? !	Thái Sơn	9
- Từ chủ biến thành khách	Vũ Phòng	10
- "Vô thỉnh hữu đáo"	Nguyễn Trung Thực	11
- Cái khó của sự trong sạch	Vũ Lân	12
- Nhân vật "hiếm"	Thái Sơn	13
- "Xuất ngoại"	Vũ Phòng	14
- "Điểm tựa"	Vũ Phòng	15
- Điểm dừng	Nguyễn Đình Bảng	16
- Của quý !	Tăng Đô	17
- Chức nào oai hơn ? !	Tiến Hải	18
- "Làm lớn"	Nguyễn Văn Lộc	19
- "Đỡ đầu"	Nguyễn Vũ Cân	20
- "Anh Hai"	Bình Giang	21
- "Cái ghế"	Nguyễn Văn Lộc	22
- Thôi đừng khen nữa	Vũ Phòng	23
- Tít còn bỏ ngỏ	Tiến Hải	24
VII - Những vấn đề quốc tế		
- Bức tranh thế giới năm 1995	Võ Thủ Phương	1
- Hợp tác và đấu tranh trong bối cảnh mới	Đinh Nho Liêm	2
- Qua những lá phiếu tín nhiệm của nhân dân	Võ Thủ Phương	2
- Về mục tiêu của Trung quốc tới năm 2000 và 2010	Lê Tịnh	3

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Nền hòa bình nóng thời hậu chiến tranh lạnh	Trần Trọng	4
- Nhật bản : sự thần kỳ hai mặt	Hoàng Xuân Long	5
- Châu Á - Thái bình dương trước thềm thế kỷ 21	Trần Bá Khoa	6
- Một chính sách thù địch lỗi thời	Võ Thủ Phương	7
- Xung đột vũ trang và chiến tranh cục bộ sau "chiến tranh lạnh"	Trần Trọng	8
- *Đại hội Mác quốc tế ở Pa-ri* : Chủ nghĩa Mác vẫn giữ nguyên giá trị trong thế giới hiện đại	Bùi Đình Thanh	9
- Kinh nghiệm quản lý kinh tế vĩ mô ở các nước ASEAN	Nguyễn Duy Hùng	10
- Sức sống của một phong trào	Nguyễn Xuân Sơn	11
- Kể chuyện Mê-hi-cô : người giàu cũng khóc	Phan Huyền Trân	11
- Nhận thức về thời đại hiện nay	Vũ Hiền	14
- Những tiếng nói bạn bè chào mừng Đại hội VIII	Hồng Hoa	14
- Một vài suy nghĩ về vấn đề "toàn cầu hóa"	Phan Doãn Nam	15
- Mỹ và kế hoạch xây dựng cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương	Hoàng Xuân Long	15
- Việt nam - ASEAN sau một năm hội nhập	Trịnh Gia Ban	16
- Nước Nga sau bầu cử tổng thống	Nguyễn Thị Hoa	16
- Những biểu hiện mới trong quan hệ giữa các nước ở Đông - Nam Á	Nguyễn Hữu Cát	17
- Về chiến lược quân sự quốc gia mới của Mỹ	Trần Bá Khoa	17
- Thế giới thứ ba trong cục diện chính trị thế giới	Nguyễn Viết Thảo và Hà Thanh	18
- Học thuyết và chiến lược quân sự Mỹ 50 năm qua (1946 - 1996)	Nguyễn Kim Lân	19
- Sự hình thành các tập đoàn kinh doanh ở Hàn quốc - một số bài học kinh nghiệm	Trần Mai Chi	21
- Bảo vệ môi trường - cuộc đấu tranh toàn cầu	Hoàng Xuân Long	22

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Mô hình chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ la tinh trước thách thức của mục tiêu phát triển	Nguyễn Viết Thảo	23
- Nước Mỹ với cuộc bầu cử năm 1996	***	24
VIII - Qua sách báo nước ngoài		
- Tính hiệu lực của chủ nghĩa Mác trong thời đại hiện nay	Xéc-gi-ô Ra-mi-rét	1
- Về quá khứ và tương lai nước Nga	***	2
- Có một phương thức châu Á không ?	***	4
- Các con rồng trong tình thế hiểm nguy. Những nền kinh tế kỳ diệu của châu Á đi vào khủng hoảng	Oan-đơn Be-lô và Xtê-pha-ni Rô-den-phen	5
- Tính nhất nguyên và tính đa dạng của chủ nghĩa Mác	Nghiêm Cao Hồng	7
- Cộng đồng các quốc gia độc lập đang đi dần đến "nhất thể hóa"	Câu Mạnh Quân	8
- Vị trí và vai trò của doanh nghiệp nhỏ trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa	L.T. (tổng thuật)	9
- Mỹ la tinh : Tương lai trắc trở	Trịnh Cường (tổng thuật)	12
- Một số mô hình kinh tế thị trường	Lê Tịnh (tổng thuật)	12
- "Giá trị châu Á"	Trịnh Cường (tổng thuật)	16
- NATO đắc lợi trong cuộc chiến Bô-xni-a	Văn Long	20
- Trung quốc tăng cường xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa	***	21
IX - Tìm hiểu khái niệm		
- Cá nhân. Pháp nhân. Quyền nhân thân		1
- Quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền chuyển giao công nghệ		2
- Quy chế tối huệ quốc. Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập		3

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Tín ngưỡng. Tôn giáo. Mê tín dị đoan		4
- Quyền con người, quyền công dân		5
- Tổ chức phi chính phủ. Phong trào		6
- Thống kê, kế toán, kiểm toán		7
- Tăng trưởng, phát triển. Các chỉ số phát triển con người		8
- Cương lĩnh, chiến lược, sách lược		9
- Viện trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)		11
- Thời đại, thời đại ngày nay		12
- Văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc. Văn hiến		13
- Các hình thức đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Việt nam		14
- Chính sách bảo hộ mậu dịch. Hệ thống kinh tế mở		15
- Chính sách mậu dịch tự do. Bảo hộ mậu dịch		16
- Thuế quan. Phi thuế quan		17
- Dân số và phát triển. Chiến lược dân số		18
- Môi trường. Bảo vệ môi trường		19
- Kinh tế học vĩ mô. Kinh tế học vi mô		20
- Cơ chế thị trường. Cơ chế mệnh lệnh. Cơ chế hỗn hợp		21
- Dự án. Chu trình dự án		22
- Hội nhập quốc tế. Việt nam hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế		24
- Ngoại hối. Cán cân thanh toán ngoại hối		24
X.- Tin hoạt động lý luận - Thực tiễn		
- Hội thảo khoa học : "Đổi mới để phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước"		1

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Hội nghị tổng kết hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 1991 - 1995		4
- Liên hoan phim truyền hình toàn quốc năm 1996		4
- Hội thảo : "Quan niệm học thuật về tình dục và bạo lực trong văn hóa nghệ thuật"		5
- Nam hà tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chỉnh đốn đảng		6
- Hội thảo về tổng kết hai pháp lệnh ngân hàng và xây dựng luật ngân hàng		7
- Nghiệm thu đề tài "Các điều kiện bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong công cuộc đổi mới đất nước"		8
- Hội nghị bàn về sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ở các tỉnh Nam bộ		11
- Hội thảo khoa học : "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong sự nghiệp đổi mới hiện nay"		12
- Hội thảo khoa học : "Hình tượng người cộng sản Việt nam trên sân khấu"		12
- Trao đổi ý kiến về nền khoa học công nghệ Việt nam		19
- Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I		20
- Đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản thăm Trung quốc		20
- Hội nghị chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo		21
- Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản thăm và làm việc tại Lào		21
- Hội nghị : Rút kinh nghiệm về đại học mở		23
XI - Văn kiện - Tư liệu		
- Lời chúc của Tổng bí thư Đỗ Mười		1
- Thiếp mừng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp		1

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Lễ kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận của Đảng ra số đầu và 40 năm Tạp chí Cộng sản ra đều kỳ		1
- Bài phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại cuộc họp mặt nhân kỷ niệm 65 năm ngày Tạp chí lý luận của Đảng ra số đầu		2
- Họp mặt các đại biểu và cộng tác viên các tỉnh phía Nam nhân dịp kỷ niệm 65 năm xuất bản Tạp chí lý luận-chính trị của Đảng		2
- Chủ tịch Lê Đức Anh đến chúc Tết Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản		5
- Trường quân chính Bắc sơn	* * *	7
- Dự thảo Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng khóa VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng (trích)		8
- Thông báo Hội nghị lần thứ mười BCH TƯ Đảng (khóa VII)		9
- Bác Hồ nói về Đảng ta		12
- Các đại hội của Đảng		12
- Các tổng bí thư của Đảng nói về xây dựng Đảng		12
- Hội nghị cộng tác viện và bạn đọc Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh Bắc Trung bộ		12
• Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng		
- Tiểu sử đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam		13
- Danh sách Bộ chính trị, Thường vụ Bộ chính trị, Cố vấn Ban chấp hành trung ương, Ủy ban kiểm tra trung ương, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam		13
- Diễn văn khai mạc (do đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đọc)		13

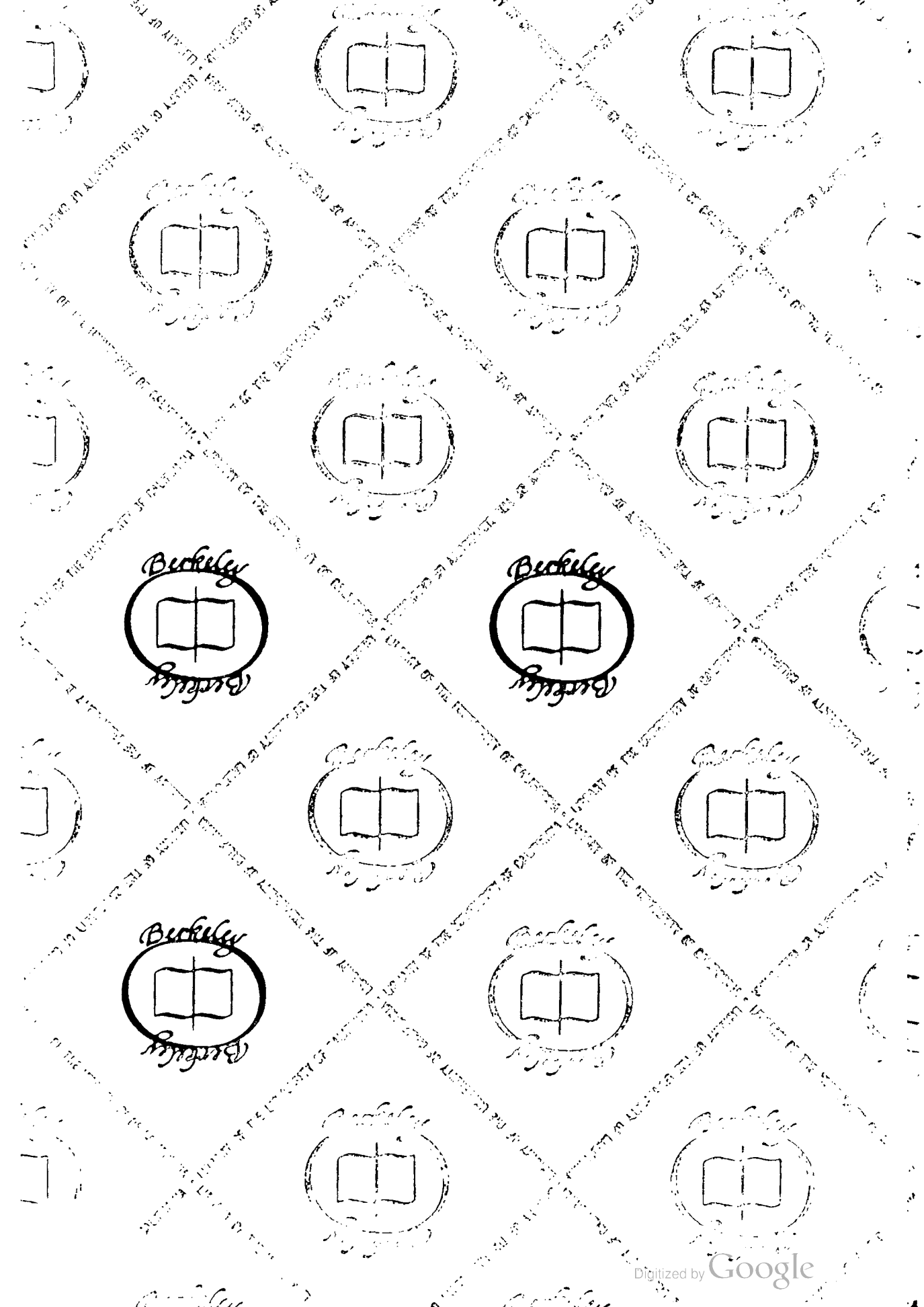
Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội (Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII do đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trình bày)		13
- Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam		13
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng cộng sản Việt nam		13
- Diễn văn bế mạc (do đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII đọc)		13
- Bài báo của Bác Hồ viết về giữ bí mật của nhà nước	Song Hà (sưu tầm)	17
- Hội nghị cộng tác viên và bạn đọc Tạp chí Cộng sản các tỉnh miền núi phía Bắc		20

114298

Digitized by Google

Digitized by Google



Digitized by Google

U. C. BERKELEY LIBRARIES
C058745470

Digitized by Google

Digitized by Google